

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI TÌM KIẾM KHÁC

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	24
1 Theo sát - Kinh NGHÈO KHỔ – Tăng III, 117	29
2 Thi sĩ - 4 hạng thi sĩ - Kinh CÁC THI SĨ – Tăng II, 258.....	36
3 Thi sĩ - Thích thi văn do thi sĩ làm ra - Kinh PHẨM HỘI CHÚNG – Tăng I, 133.....	37
4 Thiên chấp - Không thiên chấp tất cả pháp - Kinh NGŨ NGỤC – Tăng III, 396.....	51
5 Thiên nhân - Kinh NGHE VỚI TAI – Tăng II, 172.....	60
6 Thiên nữ - 8 pháp được sanh làm Thiên nữ - Kinh TÔN GIẢ ANURUDDHA – Tăng III, 638	65
7 Thiên nữ - Kinh Con Gái Của Pajjunna – Tương I, 68	71
8 Thiên nữ - Đòi trước là vợ của Tôn giả Anuruddha - Kinh Anuruddha – Tương I, 439	73

- 9 Thiên sắc, thiên âm - Kinh MAHALI – 6 Trường I, 265 75
- 10 Thiên sứ - 3 Thiên sứ và các Hình phạt ở địa ngục - Kinh DIÊM VƯƠNG – Tăng I, 247 ...89
- 11 Thiên sứ - 5 Thiên sứ và Các loại địa ngục - Kinh THIÊN SỨ – 130 Trung III, 425 98
- 12 Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn - Kinh HY HỮU VỊ TĂNG HỮU PHÁP – 123 Trung III, 317 116
- 13 Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn - Kinh ĐẠI BỒN – 14 Trường I, 431 129
- 14 Thiên thần - Chỗ nào Thiên thần bậc trung tu hợp, các vị này khiến tâm... - Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN – 16 Trường I, 539 209
- 15 Thiên tử - Kinh Tương Ứng Thiên Tử – Tương I, 105 363
- 16 Thiên tử - Nguyệt Thiên tử bị vua Atula bắt - Kinh Candima Nguyệt Thiên Tử – Tương I, 115 425
- 17 Thiên tử - Nhật Thiên tử bị vua Atula bắt - Kinh Suriya Nhật Thiên tử – Tương I, 117 427

- 18 Thiên tử Cấp Cô Độc - Kinh Anàthapindika Cấp
Cô Độc – Tương I, 128.....430
- 19 Thiên tử Kakudha - Kinh KAKUDHA – Tăng
II, 507.....434
- 20 Thiên tử Rohitassa - Kinh ROHITASSA 1 –
Tăng I, 641 441
- 21 Thiên tử Ugga - Kinh CHO CÁC VẬT KHẢ Ý
– Tăng II, 382 448
- 22 Thiên tử hỏi - Làm sao vượt bậc lưu - Kinh
Candana Chiên Đàn – Tương I, 122.....453
- 23 Thiên tử hỏi - Làm sao đạt đến tận cùng của thế
giới - Kinh Rohita – Tương I, 143.....455
- 24 Thiên tử hỏi - Làm sao để không sợ hãi khi tâm
này thường sợ hãi - Kinh Subrahma – Tương I,
124.....459
- 25 Thiên tử hỏi - Ngài có hoạn hỷ không -Kinh
Kakudha – Tương I, 124.....461
- 26 Thiên tử hỏi - Sát vật gì được lạc -Kinh Màgha
– Tương I, 107 465

- 27 Thiên tử hỏi - Thế nào gọi là người trì giới, trí tuệ, vượt sâu khổ, chư Thiên lay -Kinh Nandana – Tương I, 121 467
- 28 Thiên tử hỏi - Vật gì chiếu sáng đời - Kinh Māgadha – Tương I, 108 469
- 29 Thiên tử ở các cõi chư Thiên Sắc giới - Kinh PHƯỚC SỰ NGHIỆP – Tăng III, 614 470
- 30 Thiên vị - TIỂU Kinh ĐOẠN TẬN ÁI – 37 Trung I, 549 476
- 31 Thiếu ý vị - Kinh VERANJÀ – Tăng III, 518 486
- 32 Thiên quang giới tam muội - Kinh BA LÊ – 24 Trường II, 269.....498
- 33 Thiểu Quang Thiên - Tín, giới, văn, thí, tuệ đầy đủ sẽ tái sinh theo ý muốn - Kinh HÀNH SANH – 120 Trung III, 283 546
- 34 Thiểu QuangThiên - Cách tu tập - Kinh ANALUẬT – 127 Trung III, 365 554
- 35 Thiểu Tịnh Thiên - Tín, giới, văn, thí, tuệ đầy đủ sẽ tái sinh theo ý muốn - Kinh HÀNH SANH – 120 Trung III, 283.....568

36	Thiểu dục tri túc - Kinh TÔN GIẢ ANURUNDHA – Tăng III, 594	576
37	Thiện Hạnh - Kinh ĐẠI TUỔNG SÌHA – Tăng II, 362	589
38	Thiện Thệ - Thế nào là Thiện Thệ - Kinh LUẬT CỦA BẬC THIỆN THỆ – Tăng II, 94.....	594
39	Thiện nhân - Kinh Khomadusa – Tương I, 404	599
40	Thiện tri thức - 5 lợi ích của gđ có thiện nam tử - Kinh CÂY SÀLA LỚN – Tăng II, 372.....	602
41	Thiện tri thức - Kinh BẬC CHÂN NHÂN – Tăng II, 377.....	604
42	Thiện tri thức - Kinh SỰ LỢI ÍCH LÒNG TIN – Tăng II, 369	606
43	Thoả mãn - Kinh HY VỌNG – Tăng I, 160.	609
44	Thoả mãn - Kinh HÌNH THỨC BÊN NGOÀI – Tăng I, 686	613
45	Thoả mãn - Kinh KHÔNG THỎA MÃN – Tăng I, 473	615

- 46 Thoả mãn - Tướng vô thường để trị Thoả mãn
kiến - Kinh THỎA MÃN – Tăng III, 266 616
- 47 Thuận nhất lạc, thuận nhất khổ - Kinh VỚI CHI
TIẾT – Tăng II, 259.....617
- 48 Thuận dòng, nghịch dòng, đứng lại, đến bờ kia
- Kinh THUẬN DÒNG – Tăng I, 557.....621
- 49 Thuận ứng và Nghịch ứng với bát phong - Kinh
TÙY CHUYỂN THỂ GIỚI 1 – Tăng III, 496
.....625
- 50 Thuốc trị bá bệnh - Kinh PHẨM NIỆM XÚ –
Tăng IV, 225 632
- 51 Thuốc xỏ các bậc Thánh - Kinh Y THUẬT –
Tăng IV, 537 642
- 52 Thành tựu 6 chi phần là gì - Kinh THÁNH CƯ
1 – Tăng IV, 275 645
- 53 Thành tựu trong mọi phương diện - Kinh
NGƯỜI CÓ LÒNG TIN – Tăng IV, 246 651
- 54 Tháp - 4 hạng người xứng đáng xây tháp - Kinh
XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC DỰNG THÁP – Tăng II,
283.....657

- 55 Thâu nhiếp mọi suy tư, Không tham dính vật gì,
Không chỉ trích một ai - Kinh Khó Làm – Trương
I, 23 658
- 56 Thâu nhiếp nhân tâm - Kinh HATTHAKA
NGƯỜI ÀLAVÌ 1 – Tăng III, 579 659
- 57 Thâu phục ngoại đạo - Kinh VAPPA – Tăng II,
196.....666
- 58 Thâu phục ngoại đạo - Kinh VERANJÀ – Tăng
III, 518 674
- 59 Thêm bớt - Không thể thêm bớt điều gì trong
Chánh pháp - Kinh THANH TỊNH – 29 Trường
II, 441 686
- 60 Thích Ca - Nguồn gốc dòng họ Thích Ca - Kinh
AMBATTHA – 3 Trường I, 159 725
- 61 Thích Tử - Ta là con chánh tông của Thế Tôn -
Kinh BÁT ĐOẠN – 111 Trung III, 153.....763
- 62 Thích Tử - Ta là con chánh tông của Thế Tôn -
Kinh KHỞI THỂ NHÂN BỒN – 27 Trường II,
387.....771
- 63 Thích thơ văn do thi sĩ làm ra - Kinh PHẨM
HỘI CHÚNG – Tăng I, 133 799

- 64 Thích tử - Kinh BA LÊ – 24 Trường II, 269813
- 65 Thù diệu - 7 sự thù diệu - Kinh SỰ THÙ DIỆU – Tăng III, 295 861
- 66 Thù diệu - 7 thù diệu sự - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567.....863
- 67 Thù nghịch đối với bậc Đạo sư - Kinh ĐẠI KHÔNG – 122 Trung III, 301 865
- 68 Thúc đẩy - Kinh NGHÈO KHỔ – Tăng III, 117 881
- 69 Thơ văn - Thích thơ văn do thi sĩ làm ra - Kinh PHẨM HỘI CHÚNG – Tăng I, 133.....888
- 70 Thương ai bằng thương mình - Kinh Không Ai Bằng Con – Tương I, 21 902
- 71 Thường kiến, đoạn kiến - Kinh Lõa Thê – Tương II, 39.....903
- 72 Thường kiến, đoạn kiến - Kinh Pàrileyya – Tương III, 174.....910
- 73 Thường thường quán sát - Kinh DEVADATTA – Tăng III, 502 919

- 74 Thường thường quán sát - Kinh TÔN GIẢ
UTTARA – Tăng III, 504.....923
- 75 Thường trú luận - Kinh TỰ HOAN HỖ – 28
Trường II, 415.....930
- 76 Thượng lưu Bát Niết bàn - Kinh SANH THỨ
CỦA LOÀI NGƯỜI – Tăng III, 371.....959
- 77 Thượng lưu thú A-ca-ni-sa - Kinh PHÚNG
TỤNG – 33 Trường II, 567 969
- 78 Thượng nhân - 7 thượng nhân pháp - Kinh
PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567 971
- 79 Thảo luận - Giới, văn, luận nghị, chỉ và quán -
Kinh NHIẾP THỌ – Tăng II, 334 972
- 80 Thập sanh - Noãn sanh, thấp sanh, thai sanh, hoá
sanh - Định nghĩa - ĐẠI Kinh SỰ TỬ HỒNG –
12 Trung I, 161 973
- 81 Thất niệm khi mạng chung - Kinh NGHE VỚI
TAI – Tăng II, 172.....1005
- 82 Thất vọng không sanh khởi cho người hiền trí -
Kinh ĐA GIỚI – 115 Trung III, 217 1010

- 83 Thấy Phật có được không - Kinh AGGIVACCHAGOTTA - 72 Trung II, 313 1026
- 84 Thấy Phật có được không - Kinh Thế Giới – Tương IV, 93 1039
- 85 Thấy là rớt - Kinh KHÔNG CÓ THỂ KHAM NHÃN – Tăng II, 565.....1041
- 86 Thấy mà không thấy - Kinh THANH TỊNH – 29 Trường II, 441.....1051
- 87 Thấy nghe vô thượng - Kinh TRÊN TẤT CẢ – Tăng III, 74 1090
- 88 Thấy pháp là thấy Ta - Kinh PHÁP LƯỢC THUYẾT – Tăng III, 683.....1097
- 89 Thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp - Kinh AMBATTHA – 3 Trường I, 159 1103
- 90 Thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp - Kinh BRAHMA YU – 91 Trung II, 643 1141
- 91 Thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp - Kinh TRƯỜNG TRẢO – 74 Trung II, 345.....1164

- 92 Thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp - Kinh UÙ BA LY – 56 Trung II, 79.1173
- 93 Thấy, nghe, cảm giác tối thượng là gì - Kinh BHADDAJI – Tăng II, 635 1209
- 94 Thấy, nghe, cảm giác, thức tri - Câu hỏi với người tuyên bố chánh trí - Kinh SÁU THANH TỊNH – 112 Trung III, 161 1212
- 95 Thấy, nghe, cảm giác, thức tri - Không y chỉ vào cái ấy - Kinh SANDHA – Tăng IV, 655 1225
- 96 Thấy, nghe, cảm giác, thức tri - Kinh CÁCH THỨC NÓI 1 – Tăng II, 284 1232
- 97 Thấy, nghe, cảm giác, thức tri - Kinh THỂ GIỚI – Tăng I, 592 1235
- 98 Thấy, nghe, cảm giác, thức tri - Như Lai không có dựng đứng lên - Kinh KÀLAKA – Tăng I, 594.....1238
- 99 Thấy, nghe, cảm giác, thức tri - Nói hay không nên nói - Kinh ĐIỀU ĐƯỢC NGHE – Tăng II, 145.....1241
- 100 Thấy, nghe, cảm giác, thức tri - Tôi sẽ không có thức y cứ vào... - Kinh GIÁO GIỚI CẤP CÔ ĐỘC – 143 Trung III, 581 1244

- 101 Thấy, nghe, cảm giác, thức tri - Vị ấy không có
tưởng đến - Kinh TUỞNG HAY TÁC Ý 1 –
Tăng IV, 649 1255
- 102 Thầy - 5 hạng thầy - Kinh KAKUDHA – Tăng
II, 507 1262
- 103 Thầy chó làm cho tự ngã trở thành thối nát -
Kinh THỐI NÁT – Tăng I, 510 1269
- 104 Thầy thuốc - Thuốc xỏ của bậc Thánh - Kinh Y
THUẬT – Tăng IV, 537 1272
- 105 Thầy trò - 5 cách thầy trò cư xử với nhau - Kinh
GIÁO THỌ THI-CÁ-LA-VIỆT – 31 Trường
II, 529 1276
- 106 Thầy tu - Người tu trong tương lai - Kinh Cái
Chốt Trống – Tương II, 466 1302
- 107 Thầy tu - Người tu trong tương lai - Kinh Cỏ
Rom – Tương II, 467 1304
- 108 Thầy tu - Người tu trong tương lai - Kinh Jantu
– Tương I, 142 1306
- 109 Thầy tu - Người tu trong tương lai - Kinh Không
Chế Ngự Căn Hay Nhiều Tỷ Kheo – Tương I,
448 1308

- 110 Thầy tu - Người tu trong tương lai - Kinh SỞ
HẢI TRONG TƯƠNG LAI 1 – Tăng II, 470
.....1310
- 111 Thầy tu - Vì lòng thương tưởng chúng sanh
trong tương lai - Kinh SỞ HẢI VÀ KHIẾP
ĐẢM – 4 Trung I, 41.....1327
- 112 Thật khó khăn sống không cung kính - Kinh TẠI
URUVELÀ 1 – Tăng I, 585 1344
- 113 Thật không xứng đáng nếu có thiên vị - TIỂU
Kinh ĐOẠN TẬN ÁI - 37 Trung I, 549.....1349
- 114 Thật là lạ lùng, Ngày nay ai cũng có thể thành bậc
Dự lưu - Kinh Sarakàni hay Saranàni 1 – Tương
V, 548.....1359
- 115 Thật tốt hơn nếu nhãn căn bị hủy hoại.. - Kinh
Vói Lửa Cháy – Tương IV, 276 1367
- 116 Thật vi diệu thay - Kinh POTALIYA - 54 Trung
II, 51 1372
- 117 Thật vi diệu thay - Kinh VÍ DỤ TẮM VẢI - 7
Trung I, 87 1392
- 118 Thật và giả mạo Chánh pháp - Kinh PHÁP TÓM
TẮT – Tăng III, 660 1401

119	Thật và giả mạo Chánh pháp - Kinh THÔNG ĐIỆP – Tăng III, 479	1403
120	Thật và giả mạo Chánh pháp - Kinh Tượng Pháp – Tương II, 384	1405
121	Thế nào là một pháp - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567.....	1409
122	Thế pháp - Kinh Bông Hoa - Tương III, 249	1530
123	Thế tục - Các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ - Kinh THÂN HÀNH NIỆM – 119 Trung III, 265.....	1534
124	Thế nhập pháp, ngũ pháp, chứng pháp - Kinh AMBATTHA – 3 Trường I, 159	1553
125	Thế nhập pháp, ngũ pháp, chứng pháp - Kinh BRAHMAYU – 91 Trung II, 643	1591
126	Thế nhập pháp, ngũ pháp, chứng pháp - Kinh TRƯỜNG TRÁO – 74 Trung II, 345.....	1614
127	Thế nhập pháp, ngũ pháp, chứng pháp - Kinh UÙ BA LY – 56 Trung II, 79.....	1623
128	Thế nhập vào bất tử - Kinh NIỆM CHẾT 2 – Tăng III, 49	1659

- 129 Thở nhập vào bất tử - Kinh Thắng Trí – Tương V, 86.....1663
- 130 Thở nhập vào bất tử - Kinh TUỞNG 1 – Tăng III, 342 1665
- 131 Thở nhập vào bất động - Kinh BẤT ĐỘNG – Tăng II, 503.....1666
- 132 Thở nhập vào bất động - Kinh NGHE PHÁP – Tăng II, 503.....1667
- 133 Thị giả - 5 pháp đáng nhận làm thị giả - Kinh SA MÔN TÙY TÙNG – Tăng II, 530.....1671
- 134 Thịt - 3 trường hợp không được ăn - Kinh JIVAKA – 55 Trung II, 71 1673
- 135 Thịt - Hãy tìm cho thịt tươi - Kinh TUỞNG QUÂN SỈHA – Tăng III, 529 1680
- 136 Thịt - Kinh Thịt Đứa Con – Tương II, 175 1695
- 137 Thời chúng sanh suy giảm - Kinh Tượng Pháp – Tương II, 384 1701
- 138 Thời gian - Không có thần lực nào.. - Kinh CẤP THIẾT – Tăng I, 435 1705

- 139 Thời gian búng ngón tay - Kinh THẬT SỰ LÀ VẬY – Tăng I, 81 1708
- 140 Thời gian lặn trôi qua - Kinh Thời Gian Trôi Qua – Tương I, 12.....1715
- 141 Thời giải thoát - 5 pháp thối đoạ - Kinh THỜI GIẢI THOÁT 1 – Tăng II, 592 1716
- 142 Thời kỳ kiếp giảm - Kinh ĐẠI BỒN – 14 Trường I, 431 1719
- 143 Thời nào phù hợp để đi gặp các vị... - Kinh CÁC THỜI GIAN 1 – Tăng III, 64 1799
- 144 Thợ sắt Cunda - Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN – 16 Trường I, 539 1802
- 145 Thụ động - Kinh KẼ LỘC VÀNG – Tăng I, 459 1956
- 146 Thụt lùi - 10 pháp thụt lùi sự tu tập - Kinh TẠI NALAKAPÀNA 1 – Tăng IV, 402.....1965
- 147 Thụt lùi - Người bản tánh thụt lùi - Kinh TỒN GIẢM – Tăng IV, 375 1972
- 148 Thủ-đà - Sự hình thành giai cấp - Kinh KHỞI THỂ NHÂN BỒN – 27 Trường II, 387 1978

- 149 Thứ tự tu tập - Kinh GANAKA
MOGGALLANA – 107 Trung III, 107.....2006
- 150 Thứ tự tu tập - Kinh UPÀLI – Tăng IV, 515
.....2018
- 151 Thứ tự tu tập - Kinh ĐIỀU NGỰ ĐỊA – 125
Trung III, 337.....2030
- 152 Thức ăn - Ai ăn thức thực - Kinh Moliya
Phagguna – Tương II, 30 2047
- 153 Thức ăn - Cần được quán thế nào - Kinh Thít
Đứa Con – Tương II, 175 2051
- 154 Thức ăn - Do ái sanh - Kinh Các Loại Đồ Ăn –
Tương II, 27 2057
- 155 Thức ăn - Khi mặt trời mọc, ánh sáng ngang qua
cửa sổ chiếu vào chỗ nào - Kinh Có Tham –
Tương II, 180 2061
- 156 Thức ăn - Kinh CHÁNH TRI KIẾN – 9 Trung
I, 111 2068
- 157 Thức ăn - Thân này do đồ ăn, ái, kiêu mạn, dâm
dục tác thành - Kinh TỶ KHEO NI – Tăng II, 90
.....2091

- 158 Thức ăn - Thế nào là một pháp - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567 2096
- 159 Thức ăn - ĐẠI Kinh ĐOẠN TẬN ÁI – 38 Trung I, 559 2217
- 160 Thức ăn của Tài sản, nhan sắc.. - Kinh KHẢ LẠC – Tăng IV, 418.....2252
- 161 Tinh cần - 4 tinh cần - Kinh CÁC VỊ SÀPÙGIYÀ – Tăng II, 193 2255
- 162 Tinh cần - 4 tinh cần - chế ngự, đoạn tận, tu tập và hộ trì - Kinh CHẾ NGỰ – Tăng I, 577..2259
- 163 Tinh cần - Tinh cần quá độ - Kinh TÙY PHIỀN NÃO – 128 Trung III, 379.....2262
- 164 Tinh cần chi phần - 5 pháp - Kinh CÁC CHI PHẦN – Tăng II, 410 2281
- 165 Tinh cần chi phần - 5 pháp - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567 2283
- 166 Tinh tấn - 4 sự tinh tấn - Kinh CÁC VỊ SÀPÙGIYÀ – Tăng II, 193 2285
- 167 Tinh tấn - 8 chỗ siêng năng - Kinh TÁM CĂN CỨ ĐỂ BIẾN NHÁC VÀ TINH TẤN – Tăng IV, 37 2289

- 168 Tinh tấn - Gương tinh tấn - Kinh GAVESÌ
NGƯỜI TÂM CẦU – Tăng II, 657 2295
- 169 Tinh tấn - Tinh tấn cắt dòng nước - Kinh Tàyana
– Tương I, 112 2302
- 170 Tinh tấn - Tinh tấn hạ liệt và Tinh tấn siêng năng
- Kinh CHẾ NGỰ – Tăng I, 574 2306
- 171 Tiên - Có phải Ngài sẽ là vị tiên - Kinh TÙY
THUỘC THẾ GIỚI – Tăng I, 620 2309
- 172 Tiến bộ - 10 pháp đưa đến tiến bộ - Kinh
ÀNANDA – Tăng IV, 444 2313
- 173 Tiến bộ - Pháp đưa đến không thể tiến bộ - Kinh
NÓI LÊN CHÁNH TRÍ – Tăng IV, 447 2315
- 174 Tiến bộ trong tu tập - Kinh NGÀY VÀ ĐÊM –
Tăng III, 247 2319
- 175 Tiến trình hoàn thành trí tuệ - Kinh KITAGIRI –
70 Trung II, 291 2321
- 176 Tiến trình sanh khởi 7 Giác chi - Kinh Ananda
– Tương V, 491 2341
- 177 Tiến trình sanh khởi 7 Giác chi - Kinh Giới –
Tương V, 106 2348

- 178 Tiến trình sanh khởi 7 Giác chi - Kinh NHẬP
TỨC XUẤT TỨC NIỆM – 118 Trung III, 249
.....2355
- 179 Tiến trình sanh khởi 7 Giác chi - Kinh Vị Tỷ
Kheo – Tương V, 113 2375
- 180 Tiếng rống con sư tử - Kinh CHƯA ĐƯỢC
NGHE – Tăng II, 317 2377
- 181 Tiếng rống con sư tử - Kinh CON SƯ TỬ –
Tăng I, 611 2378
- 182 Tiếng rống con sư tử - Kinh KASSAPA – 8
Trường I, 281 2381
- 183 Tiếng rống con sư tử - Kinh NHỮNG TUYÊN
BỐ VỀ PHÁP – Tăng IV, 285.....2408
- 184 Tiếng rống con sư tử - Kinh SARABHA – Tăng
I, 331 2412
- 185 Tiếng rống con sư tử - Kinh TIẾNG RỐNG
CON SƯ TỬ – Tăng III, 221.....2418
- 186 Tiểu thiên thế giới - Kinh ABHIBHÙ – Tăng I,
410.....2424
- 187 Tử mĩ - Kinh PANKADHÀ – Tăng I, 429..2428

- 188 Tịch tịnh - Kinh Kakudha – Tương I, 124..2434
- 189 Tịch tịnh - Kinh Uttara – Tương I, 127 2438
- 190 Tịch tịnh - Thế nào là tịch tịnh - Kinh Vô Thường – Tương III, 88.....2440
- 191 Tịch tịnh - Tâm hướng cầu tịch tịnh - Kinh Đưa Đến Đoạn Tận – Tương I, 11.....2444
- 192 Tịch tịnh - Vô thượng tịch tịnh, tối thắng đạo là... - Kinh NĂM BA – 102 Trung III, 37 ..2446
- 193 Tịch tịnh trú - Kinh ĐOẠN GIẢM – 8 Trung I, 97.....2466
- 194 Tịnh giới - Lấy tướng thiền chứng được chứng đắc - Kinh Bảy Pháp Này – Tương II, 261.2484
- 195 Tịnh hạnh - 10 Tịnh hạnh - Kinh CUNDA NGƯỜI THỢ RÈN – Tăng IV, 585 2487
- 196 Tịnh hạnh trong Luật của bậc Thánh - Kinh CUNDA NGƯỜI THỢ RÈN – Tăng IV, 585 2499
- 197 Tịnh mặc - 3 tịnh mặc - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567.....2511

- 198 Tịnh độ - Xem kỹ - Họ nghĩ Ta là người họ cần phải đi theo - Kinh PHÁP LƯỢC THUYẾT – Tăng III, 683 2512
- 199 Tịnh độ - Xem kỹ - Không có thần lực nào để ra lệnh.. - Kinh CẤP THIẾT – Tăng I, 435....2518
- 200 Tịnh độ - Xem kỹ - Không phải do cầu xin mà được - Kinh KHẢ LẠC – Tăng II, 379 2521
- 201 Tịnh độ - Xem kỹ - Không phải do cầu xin mà được - Kinh TEVIJJA – 13 Trường I, 401 .2525
- 202 Tịnh độ - Xem kỹ - Kinh BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ – 85 Trung II, 565.....2553
- 203 Tịnh độ - Xem kỹ - Người có thân vàng, hào quang chói sáng là ai - Kinh XÀ-NI-SA – 18 Trường II, 53.....2565
- 204 Tịnh độ - Xem kỹ - Như Lai chỉ là Người chỉ đường - Kinh GANAKA MOGGALLANA – 107 Trung III, 107.....2595
- 205 Tịnh độ - Xem kỹ - Thế giới cực lạc, hay cực khổ - Kinh CHẤT CHỨA – Tăng I, 217....2607
- 206 Tịnh độ - Xem kỹ - Thế giới cực lạc, hay cực khổ - Kinh VỚI CHI TIẾT – Tăng II, 259 .2610

- 207 Tịnh độ - Xem kỹ - Độ được cả thế giới không
- Kinh UTTIYA – Tăng IV, 502 2614
- 208 Tịnh độ -- Tu đúng cách mới có kết quả - Kinh
Cán Búa – Tương III, 272.....2619
- 209 Tịnh độ -- Tu đúng cách mới có kết quả - Kinh
PHÙ–DI – 126 Trung III, 353 2625
- 210 Tịnh độ -- Tu đúng cách mới có kết quả - Kinh
SỰ TU TẬP – Tăng III, 454.....2637

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cầm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sanh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Theo sát - Kinh NGHÈO KHỔ – Tăng III, 117

NGHÈO KHỔ –Tăng III, 117

1.-Sự nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Khi một người nghèo khổ không có sở hữu, sống túng thiếu, phải mắc nợ. Mắc nợ ấy, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Khi một người nghèo khổ không có sở hữu, sống túng thiếu phải, sau khi mắc nợ, phải chấp nhận tiền lời. Tiền lời, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

- Khi một người nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, phải chấp nhận tiền lời, và khi thời hạn đến, không trả được tiền lời, người ta hối thúc, đốc thúc người ấy. Sự hối thúc, đốc thúc, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.
- Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, bị hối thúc, không trả được, người ta theo sát gót truy tìm người ấy. **Bị theo sát gót**, bị truy tìm, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.
- Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, bị theo sát gót, bị truy tìm, không trả nợ được, người ta bắt trói người ấy. **Sự bắt trói**, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.
- Này các Tỷ-kheo, như vậy:
 - **Nghèo khổ** là một sự **đau khổ** cho người **có tham dục ở đời**;
 - **Mắc nợ** cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời;
 - **Tiền lời** cũng là sự đau khổ cho người có tham dục ở đời;
 - **Bị hối thúc**, đốc thúc cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời;
 - **Bị theo sát gót**, bị truy tìm cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời;

- **Bị bắt trói** cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo:

- Ai **không có lòng tin** trong các thiện pháp, không có **lòng hổ thẹn** trong các thiện pháp, không có **lòng sợ hãi** trong các thiện pháp, không có **tinh tấn** trong các thiện pháp, không có **trí tuệ** trong các thiện pháp; người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là **người nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu trong Luật của bậc Thánh.**
- Nay chính người ấy, này các Tỷ-kheo, nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, không có lòng tin trong thiện pháp, không có lòng hổ thẹn trong các thiện pháp, không có lòng sợ hãi trong các thiện pháp, không có tinh tấn trong các thiện pháp, không có trí tuệ trong các thiện pháp, **làm ác hạnh về thân, làm ác hạnh về lời, làm ác hạnh về ý nghĩ.** Ta gọi người ấy là người mắc nợ.
- Người ấy do nhân **che giấu thân ác hạnh, khởi lên ác dục, muốn rằng:** "Mong rằng không ai biết ta làm", suy nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", nói rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", cố gắng với tác động về thân, nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm". Người ấy, do nhân **che giấu ác hạnh về lời... ác hạnh về ý,** khởi lên ác dục, muốn rằng: "Mong rằng không ai biết ta

làm", suy nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", nói rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", cố gắng với tác động về thân, nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm". Đây Ta gọi rằng: "Tiền lời gia tăng".

- Và *các đồng Phạm hạnh thuần thành nói về người ấy* như sau: "Tôn giả này có làm như vậy, có sở hành như vậy". Đây Ta nói rằng, người ấy bị hối thúc, đốc thúc.
- Rồi người ấy *đi đến rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, các ác bất thiện tâm, câu hữu với hối lỗi hiện hành.* Đây Ta gọi là bị theo sát gót, bị truy tìm.
- Nay chính người ấy, này các Tỷ-kheo, nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, sau khi làm ác hạnh về thân, sau khi làm ác hạnh về lời, sau khi làm ác hạnh về ý, khi thân hoại mạng chung, bị trôi buộc trong trôi buộc của Địa ngục, bị trôi buộc trong trôi buộc của loài bàng sanh. Và này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một trôi buộc nào khác lại khắc nghiệt như vậy, lại ác liệt như vậy, lại làm chướng ngại như vậy cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, này các Tỷ-kheo, giống như sự trôi buộc Địa ngục hay sự trôi buộc các loài bàng sanh.

Ngèo khổ và mắc nợ,

*Được gọi khổ ở đời!
Kẻ bần cùng mắc nợ,
Thọ dụng, bị tổn hại,
Rồi bị người truy lùng,
Cho đến bị trói buộc.
Trói buộc vậy là khổ,
Cho người cầu được dục.*

*Như vậy trong Luật Thánh,
Ai sống không lòng tin,
Không xấu hổ, sợ hãi,
Quyết định chọn ác nghiệp.
Sau khi làm ác hạnh,
Về thân, lời và ý.
Lại mong muốn được rằng:
"Chớ ai biết ta làm".
Người ấy khéo che giấu,
Vớ thân, lời và ý,
Làm tăng trưởng ác nghiệp,
Tại đây, đó, làm nữa.
Người ác tuệ, ác nghiệp,
Biết việc ác mình làm,
Như kẻ nghèo mắc nợ,
Thọ dụng, bị tổn hại.
*Những tư tưởng khổ đau
Sanh ra từ hối hận
Vẫn truy tìm người ấy,**

*Ở làng hoặc ở rừng.
Người ác nghiệp, ác tuệ,
Biết việc ác mình làm,
Hoặc rơi vào bàng sanh,
Hoặc bị trói Địa ngục.
Trói buộc này là khổ.
- Ai tâm tịnh bố thí,
Với vật dụng đúng pháp,
Gieo cầu may hai đường,
Tín tại gia tìm cầu,
Hiện tại được hạnh phúc,
Đời sau được an lạc.
Như vậy tại gia thí,
Tăng trưởng các công đức.*

*Như vậy trong Luật Thánh
Tín tâm được an trú.
Có xấu hổ, sợ hãi,
Có trí, bảo hộ giới,
Bậc ấy, trong Luật Thánh,
Được gọi: "Sống an lạc".
Được lạc không vật chất,
An trú trên tánh xả.
Từ bỏ năm triền cái,
Thường siêng năng, tinh cần,
Chứng Thiên định, nhứt tâm,
Thận trọng, giữ chánh niệm.*

*Biết như thật là vậy,
Đoạn diệt mọi kiết sử,
Hoàn toàn không chấp thủ,
Chơn chánh, tâm giải thoát,
Với chánh giải thoát ấy,
Nếu trí như vậy khởi:
"Bất động ta giải thoát,
Đoạn diệt hữu kiết sử".
Trí này, trí tối thượng,
Lạc này, lạc vô thượng,
Không sầu, không trần cấu,
Được an ổn, (giải thoát),
Trạng thái không nợ này,
Được xem là tối thượng.*

2 **Thi sĩ - 4 hạng thi sĩ - Kinh CÁC THI SĨ – Tăng II, 258**

CÁC THI SĨ – *Tăng II, 258*

Này các Tỷ kheo, có bốn hạng thi sĩ này. Thế nào là bốn?

- Thi nhân có tượng,
- Thi nhân theo truyền thống,
- Thi nhân có lý luận,
- Thi nhân có biện tài.

Này các Tỷ kheo, có bốn hạng thi sĩ này.

3 Thi sĩ - Thích thi văn do thi sĩ làm ra - Kinh PHẨM HỘI CHÚNG – Tăng I, 133

PHẨM HỘI CHÚNG – Tăng I, 133

1-10.

1.- Nay các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai?

- Hội chúng nông nổi
- Và hội chúng thâm sâu.

➔ Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng nông nổi?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào có các Tỷ-kheo tháo động, kiêu căng, dao động, lắm mồm lắm miệng, lắm lời, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng nông nổi.

➔ Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thâm sâu?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào có các Tỷ-kheo, không tháo động, không kiêu căng, không dao động, không lắm mồm lắm miệng, không lắm lời, không thất niệm, tỉnh

giác, có định tĩnh, nhất tâm, các căn được bảo vệ. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng thâm sâu.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thượng giữa hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng thâm sâu.

2. Có hai loại hội chúng này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai?

- **Hội chúng bất hòa**
- **Và hội chúng hòa hợp.**

➔ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng bất hòa?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng bất hòa.

➔ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng hòa hợp?*

- ➔ Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo hòa hợp, hòa kính, không có đấu tranh, hòa hợp như sữa với nước, sống nhìn nhau với cặp mắt từ ái, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng hòa hợp.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thượng giữa hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng hòa hợp.

3. Có hai loại hội chúng này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai?

- **Hội chúng không thù thắng**
- **Và hội chúng thù thắng.**

➔ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không thù thắng?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các trưởng lão Tỷ-kheo sống trong sự đầy đủ, biếng nhác, dần dần về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không có gia sức tinh tấn để đạt những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Còn lớp hậu nhân, tùy thuận sở kiến của họ, sống trong sự đầy đủ, lười biếng, dần dần về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không có gia sức tinh tấn để đạt những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không thù thắng.

➔ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thù thắng?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các trưởng lão Tỷ-kheo không sống trong đầy đủ, không biếng nhác, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu trong đời sống viễn ly, có gia sức tinh tấn để đạt những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Còn lớp hậu nhân, tùy thuận sở kiến của họ, không sống trong sự đầy đủ, không biếng nhác, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu trong đời sống viễn ly, có gia sức tinh tấn để đạt những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tôi thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng thù thắng.

4. Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng không phải Thánh**
- **Và hội chúng bậc Thánh.**

☞ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không phải Thánh?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo không như thật rõ biết: "Đây là khổ";

không như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; không như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; không như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không phải Thánh.

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng bậc Thánh?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Đây là khổ"; như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng bậc Thánh.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng bậc Thánh.

5. Nay các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng cận bã**
- **Và hội chúng tinh ba.**

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng cận bã?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo đi đến con đường dục, đi đến con đường sân, đi đến con đường si, đi đến con

đường sợ hãi, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng cận bã.

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tinh ba?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo không đi đến con đường dục, không đi đến con đường sân, không đi đến con đường si, không đi đến con đường sợ hãi, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tinh ba.

Này các Tỷ-kheo, đây là hai hội chúng. Hội chúng tôi thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng tinh ba.

6. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn.**
- **Và hội chúng không được huấn luyện trong khoa trương, được huấn luyện trong chất vấn.**

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo đối với các kinh điển do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa siêu kín, siêu thế, liên hệ đến không, khi các kinh điển ấy

được thuyết giảng, họ không khéo nghe, không lắng tai, không an trú tâm để hiểu biết chúng, không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng. Nhưng đối với các kinh điển thi văn do thi sĩ làm ra, với các nguyên âm hoa mỹ, với các phụ âm hoa mỹ, các kinh thuộc ngoại giáo, được các đệ tử ngoại giáo nói lên, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ khéo nghe, lắng tai, họ an trú tâm để hiểu biết chúng. Họ nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng.

- Và sau khi học thuộc lòng các pháp ấy, họ không hỏi đi hỏi lại cùng nhau, không có mở rộng ra để thảo luận với những câu hỏi như: "Cái này là gì? Thế nào là ý nghĩa của cái này?" Họ không mở rộng ra những gì được che kín, họ không phơi bày ra những gì không được phơi bày, họ không giải nghi về những điểm nghi vấn trong Chánh pháp. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn.

➡ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo đối với các kinh điển thi văn do thi sĩ làm ra, với các nguyên âm hoa mỹ, với các phụ âm hoa mỹ, các kinh thuộc ngoại giáo, được các đệ tử ngoại giáo nói lên, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ không khéo nghe, họ không lắng tai, họ không an trú tâm để hiểu biết chúng, họ không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng. *Nhưng đối với các kinh điển do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế, liên hệ đến không, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ khéo nghe, họ lắng tai, họ an trú tâm để hiểu biết chúng, họ nghĩ rằng các pháp ấy cần phải được lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng.*
- Và sau khi học thuộc lòng các pháp ấy, họ hỏi đi hỏi lại cùng nhau, họ mở rộng ra để thảo luận với những câu hỏi như: "Cái này là gì? Thế nào là ý nghĩa của cái này?" Họ mở rộng ra những gì được che kín, họ phơi bày ra những gì không được phơi bày, họ giải nghi về những điểm nghi vấn trong Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng được huấn luyện trong chất vắn, không được huấn luyện trong khoa trương.

7. Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai?

- Hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng diệu pháp,
- Hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật.

➡ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng diệu pháp?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo trước mặt các gia chủ bận áo trắng, **tự tán thán lẫn nhau như sau**: "Tỷ-kheo này là bậc Giải thoát cả hai phần, Tỷ-kheo này là bậc Tuệ giải thoát, Tỷ-kheo này là bậc Thân chứng, Tỷ-kheo này là bậc Kiến chí, Tỷ-kheo này là bậc Tín giải thoát, Tỷ-kheo này là bậc Tùy pháp hành, Tỷ-kheo này là bậc Tùy tín hành, Tỷ-kheo này là bậc có Giới hạnh, theo Thiện pháp, Tỷ-kheo này là kẻ Ác giới, theo Ác pháp". Do vậy, họ được các lợi dưỡng.

- Sau khi được các lợi dưỡng, họ thọ hưởng, bị trói buộc, bị say mê, đắm trước, không thấy các sự nguy hại, không hiểu rõ sự giải thoát khỏi các lợi dưỡng ấy. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng diệu pháp.

➡ *Và đây các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật?*

- Ở đây, đây các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo trước mặt các gia chủ bận áo trắng, **không** tự tán thán lẫn nhau như sau: "Tỷ-kheo này là bậc Giải thoát cả hai phần, Tỷ-kheo này là bậc Tuệ giải thoát, Tỷ-kheo này là bậc Thân chứng, Tỷ-kheo này là bậc Kiến chí, Tỷ-kheo này là bậc Tín giải thoát, Tỷ-kheo này là bậc Tùy pháp hành, Tỷ-kheo này là bậc Tùy tín hành, Tỷ-kheo này là bậc có giới hạnh, theo thiện pháp, Tỷ-kheo này là kẻ Ác giới, theo Ác pháp". Do vậy, họ được các lợi dưỡng.
- Họ thọ hưởng các lợi dưỡng ấy, không bị trói buộc, không bị say mê, không đắm trước, thấy các sự nguy hại, hiểu rõ sự giải thoát khỏi các lợi dưỡng ấy. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Hội chúng tôi thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng tôn trọng điều pháp, không tôn trọng tài vật.

8. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng không đồng đẳng**
- **Và hội chúng đồng đẳng.**

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không đồng đẳng?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, **nghiệp phi pháp được thi hành**, nghiệp đúng pháp không được thi hành, nghiệp phi luật được thi hành, nghiệp đúng luật không được thi hành, nghiệp phi pháp được phát huy, nghiệp đúng pháp không được phát huy, nghiệp phi luật được phát huy, nghiệp đúng luật không được phát huy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không đồng đẳng.

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng đồng đẳng?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, nghiệp đúng pháp được thi hành, nghiệp phi pháp không được thi hành, nghiệp đúng luật

được thi hành, nghiệp phi luật không được thi hành, nghiệp đúng pháp được phát huy, nghiệp phi pháp không được phát huy, nghiệp đúng luật được phát huy, nghiệp phi luật không được phát huy. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng đồng đẳng.

Nay các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, tức là hội chúng đồng đẳng.

9. Nay các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng phi pháp**
- **Và hội chúng đúng pháp.**

Nay các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Hội chúng tối thượng trong hai hội chúng này, tức là hội chúng đúng pháp.

10. Nay các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng thuyết phi pháp**
- **Và hội chúng thuyết đúng pháp.**

➡ *Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thuyết phi pháp?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo khởi lên sự tránh tụng hợp pháp hay phi pháp. Sau khi khởi lên sự tránh tụng ấy, họ không tin cho nhau biết và không tìm cách tin cho nhau biết, họ không hòa giải cùng nhau và không tìm cách đi đến hòa giải. Họ cương quyết không tin cho nhau biết và cương quyết không hòa giải với nhau, họ không từ bỏ tránh tụng ấy, họ kiên trì tránh tụng ấy, chấp thủ, thiên chấp và tuyên bố: "Chỉ có đây mới là sự thật, ngoài ra là hư ngụy". Này các Tỷ-kheo, đây là hội chúng thuyết phi pháp.

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thuyết đúng pháp?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo khởi lên sự tránh tụng hợp pháp hay phi pháp. Sau khi khởi lên sự tránh tụng ấy, họ tin cho nhau biết và tìm cách tin cho nhau biết. Họ hòa giải với nhau và tìm cách đi đến hòa giải. Họ cương quyết tin cho nhau biết và cương quyết hòa giải với nhau, họ từ bỏ tránh tụng ấy, họ không kiên trì tránh tụng ấy, không chấp thủ, không thiên chấp và không tuyên bố: "Chỉ có đây mới là sự thật, ngoài ra là hư ngụy". Này các Tỷ-kheo, đây là hội chúng thuyết đúng pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, tức là hội chúng thuyết đúng pháp.

4 Thiên chấp - Không thiên chấp tất cả pháp - Kinh NGŨ NGỤC – Tăng III, 396

NGŨ NGỤC – *Tăng III, 396*

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Bhagga, tại núi Sumsumàra, tại vườn Nai.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahàmoggallàna đang ngồi ngủ gục, trong làng Kallavàlamutta, giữa dân chúng Magadha.

Thế Tôn với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy Tôn giả Mahàmoggallàna đang ngồi ngủ gục, trong làng Kallavàlamutta, giữa dân chúng Magadha. Thấy vậy, như nhà lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra; cũng vậy, Thế Tôn biến mất giữa dân chúng Bhagga, tại núi Sumsumàra, rừng Bhesakalà, ở vườn Nai, rồi hiện ra trước mặt Tôn giả Mahàmoggallàna, tại làng Kallavàlamutta, giữa dân chúng Magadha. Thế Tôn ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Mahàmoggallàna.

- Nay Moggallàna, có phải Thầy ngủ gục? Nay Moggallàna, có phải Thầy ngủ gục?

- Thưa phải, bạch Thế Tôn.

2. - Do vậy, nay Moggallàna, khi nào Thầy trú **có tướng và thùy miên** xâm nhập Thầy, *chớ có tác ý đến nó, chớ có tưởng nhiều đến nó*. Sự kiện này có xảy ra, do Thầy trú như vậy, thùy miên ấy được đoạn diệt.

3. Nếu Thầy trú như vậy, và thùy miên ấy không được đoạn diệt, thời nay Moggallàna, với tâm của Thầy, *hãy tùy tâm, tùy tứ, với ý hãy tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng*. Sự kiện này có xảy ra, do Thầy trú như vậy, thùy miên ấy được đoạn diệt.

4. Nếu Thầy trú như vậy, và thùy miên ấy không được đoạn diệt, thời nay Moggallàna Thầy *hãy đọc tụng pháp một cách rộng rãi, như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng*. Sự kiện này có xảy ra, do Thầy trú như vậy, thùy miên ấy được đoạn diệt.

5. Nếu Thầy trú như vậy, và thùy miên ấy không được đoạn diệt, thời nay Moggallàna Thầy *hãy kéo hai lỗ tai của Thầy, và lấy tay xoa bóp tay chân*. Sự

kiện này có xảy ra, do Thầy trú như vậy, thụy miên ấy được đoạn diệt.

6. Nếu Thầy trú như vậy, và thụy miên ấy không được đoạn diệt, thời này Moggallàna Thầy *hãy từ chỗ ngồi, đứng dậy lấy nước chùi mắt, nhìn về phía chân trời và nhìn lên các sao lấp lánh*. Sự kiện này có xảy ra, do Thầy trú như vậy, thụy miên ấy được đoạn diệt.

7. Nếu Thầy trú như vậy, và thụy miên ấy không được đoạn diệt, thời này Moggallàna Thầy *hãy tác ý đến quang tướng và an trú vào tướng ban ngày. Như ban ngày, ban đêm cũng vậy. Như ban đêm, ban ngày cũng vậy. Như vậy, với tâm rộng mở, không có hạn chế*. Sự kiện này có xảy ra, do Thầy trú như vậy, thụy miên ấy được đoạn diệt.

8. Nếu Thầy trú như vậy, và thụy miên ấy không được đoạn diệt, thời này Moggallàna Thầy *hãy trú tâm trên chỗ kinh hành, với tướng trước mặt và sau lưng, với căn hướng nội, với ý không hướng ngoại*. Sự kiện này có xảy ra, do Thầy trú như vậy, thụy miên ấy được đoạn diệt.

9. Nếu Thầy trú như vậy, và thụy miên ấy không được đoạn diệt, thời này Moggallàna Thầy *hãy nằm như dáng nằm con sư tử, về phía hông bên phải, hai*

chân gác lên nhau, chánh niệm tỉnh giác, tác ý với tưởng thức dậy. Và khi thức dậy, này Moggallàna, Thầy hãy thức dậy thật mau, nghĩ rằng: "Ta sẽ trú, không có chú tâm đến lạc nằm ngủ, lạc nằm xuống một bên, lạc thụy miên". Như vậy, này Moggallàna, Thầy cần phải học tập.

10. Do vậy, này Moggallàna, hãy học tập như sau: *"Không say sưa trong cao mạn, ta sẽ đi đến thăm các gia đình"*. Này Moggallàna, như vậy các Thầy sẽ học tập.

- Này Moggallàna, nếu Tỷ-kheo say sưa trong cao mạn đi đến thăm các gia đình. Trong các gia đình, này Moggallàna, người ta có nhiều công việc phải làm. Do vậy, người ta không có tác ý đến Tỷ-kheo đã đi đến. Ở đây, Tỷ-kheo ấy có thể suy nghĩ: "Nay, ai đã chia rẽ ta với gia đình này. Các người này không ưa thích gì ta".
- Như vậy, do không được gì, vị ấy nản chí, vị ấy giao động. Do giao động, vị ấy không phòng hộ, do không phòng hộ, tâm rời xa Thiên định.

❖ Do vậy, này Moggallàna, hãy học tập như sau: *"Ta sẽ không nói lời khiêu khích"*. Như vậy, này Moggallàna, Thầy cần phải học tập.

- Khi nào có lời khiêu khích, này Moggallàna, thời chờ đợi là nhiều lời qua tiếng lại.
- Khi nào có nhiều lời qua tiếng lại, thời có dao động.
- Với người có dao động, thời không có phòng hộ.
- Với người không có phòng hộ, tâm rời xa Thiền định.

- ❖ Này Moggallàna, Ta không tán thán tất cả sự liên hệ, nhưng không phải Ta không tán thán tất cả sự liên hệ. Thật vậy, này Moggallàna, *Ta không tán thán các vị xuất gia có sự liên hệ, với các gia chủ.*
- ❖ Nhưng với các trú xứ ít tiếng ồn, ít tiếng động, thoát khỏi hơi thở của nhiều người, những chỗ ở cô độc xa vắng loài Người, thích hợp cho đời sống Thiền tịnh, *Ta tán thán sự liên hệ với những trú xứ như vậy.*

11. Được nghe nói như vậy, Tôn giả Mahàmoggallàna bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, *cho đến như thế nào, tóm tắt lại, một Tỷ-kheo được giải thoát nhờ sự đoạn diệt khát ái, đạt đến cứu cánh mục đích, đạt đến cứu cánh an ổn khỏi ách nạn, đạt đến cứu cánh Phạm hạnh, đạt đến cứu*

cánh của cứu cánh, trở thành tối thượng giữa chư Thiên và loài Người?

- Nay Moggallàna, ở đây, Tỷ-kheo được nghe như sau: "**Không nên thiên chấp tất cả pháp**". Nay Moggallàna, vị Tỷ-kheo được nghe như sau: "Không nên thiên chấp tất cả pháp". Vị ấy thắng tri tất cả pháp; do thắng tri tất cả pháp, vị ấy liễu tri tất cả pháp.

- Do liễu tri tất cả pháp, phàm có **cảm thọ** gì được cảm giác, lạc, khổ hay không khổ, không lạc, vị ấy trú tùy quán vô thường đối với các cảm thọ ấy. Vị ấy trú tùy quán ly tham. Vị ấy trú tùy quán đoạn diệt. Vị ấy trú tùy quán từ bỏ.
- Do vị ấy trú tùy quán vô thường trong các cảm thọ, do vị ấy trú tùy quán ly tham, do vị ấy trú tùy quán đoạn diệt, do vị ấy trú tùy quán từ bỏ, nên không chấp thủ một cái gì ở đời.
- Do không chấp thủ nên không lo âu.
- Do không tham đắm nên tư mình nhập Niết-bàn. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trong trạng thái này nữa".

Nay Moggallàna, cho đến như vậy, tóm tắt lại, một Tỷ-kheo được giải thoát nhờ sự đoạn diệt khát ái, đạt đến mục đích cứu cánh, đạt đến cứu cánh an ổn khỏi

các ách nạn, đạt đến cứu cánh Phạm hạnh, đạt đến cứu cánh của cứu cánh, trở thành tối thượng giữa chư Thiên và loài Người.

❖ **Này các Tỷ-kheo, *chớ có sợ hãi các công đức.***

Này các Tỷ-kheo, *đồng nghĩa với an lạc chính là các công đức.* Ta thắng tri rằng, này các Tỷ-kheo, các công đức được làm lâu ngày có quả dị thực, có sự hình thành khả ái, khả hỷ, khả ý lâu ngày. Trong bảy năm Ta tu tập từ tâm, sau khi tu tập từ tâm bảy năm, trong bảy thành kiếp hoại kiếp, Ta không trở lui lại thế giới này.

- Khi thế giới ở trong thành kiếp, này các Tỷ-kheo, Ta đi đến thế giới Quang Âm Thiên.
- Khi thế giới ở trong kiếp hoại, Ta sanh ra trong Phạm cung trống không. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta là Phạm thiên, là Đại phạm thiên, vị Chiến thắng, vị Vô năng thắng, vị Biến tri, vị Tự tại.
- Ba mươi sáu lần, này các Tỷ-kheo, Ta là Thiên chủ Sakka.
- Nhiều lần bảy lần, Ta là vị Chuyển luân vương theo Chánh pháp, là vị Pháp vương, bậc Chiến thắng bốn phương, đạt được sự thanh bình cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Này các Tỷ-

kheo, Ta có bảy loại châu báu này, như là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, gia chủ báu và cư sĩ báu là thứ bảy. Ta có hơn một ngàn người con trai, này các Tỷ-kheo, là những bậc anh hùng, dũng mãnh, đánh tan địch quân. Và khi ta chiến thắng quả đất này, xa cho đến bờ biển, Ta trị vì quả đất này không dùng trượng, không dùng đao, đứng với Chánh pháp.

*Hãy xem quả dị thực,
Của các việc công đức,
Của các việc hiền thiện,
Với kẻ tìm an lạc.
Này Tỷ-kheo, Ta tu,
Từ tâm trong bảy năm,
Trong bảy thành hoại kiếp,
Không trở lại thành kiếp,
Ta đạt Quang Âm thiên,
Khi thế giới hoại kiếp
Sanh Phạm cung trống rỗng.
Bảy lần, Ta đóng vai,
Đại Phạm thiên, Tự tại,
Trong ba mươi sáu lần,
Làm Thiên chủ Thiên giới.
Ta làm vua Chuyển luân,
Chủ tể cõi Diêm-phù.
Bạc Sát-ly quán đánh,*

Bậc chủ tể loài Người,
Ta chiến thắng đất này,
Không với trượng, với kiếm,
Không bạo lực, đúng pháp,
Đối mọi người bình đẳng,
Ta trị vì đúng pháp,
Trên cõi đất tròn này.
Ta khiến các gia đình,
Giàu lớn, tài sản lớn,
Họ hưởng mọi dục lạc,
Ta đầy đủ bảy báu,
Chư Phật thương tưởng đời,
Khéo dạy điều như vậy.
Đấy là nhân đại sự,
Được gọi là Địa vương.
Ta là vua, huy hoàng,
Bảo vệ nhiều tài sản,
Có thần lực, danh xưng,
Vương chủ rừng Diêm-phù,
Ai nghe, không tịnh tín?
Trừ các loại ác sanh,
Do vậy muốn lợi ích,
Cầu vọng sự lớn mạnh,
Hãy kính trọng diệu pháp,
Hãy nhớ lời Phật dạy.

5 Thiên nhân - Kinh NGHE VỚI TAI – Tăng II, 172

NGHE VỚI TAI – *Tăng II, 172*

1.- Này các Tỷ-kheo, các **pháp** do được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập, có bốn lợi ích được chờ đợi. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, như kinh: Ứng tụng ... Phương quảng. Các pháp ấy, vị ấy được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập. Vị ấy **khi mạng chung bị thất niệm, được sanh công trú với một loại Thiên nhân. Tại đây, các vị sống an lạc đọc các pháp cú cho vị ấy.** Này các Tỷ-kheo, chậm chạp niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe các pháp bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập; đây là lợi ích thứ nhất được chờ đợi.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, như kinh: Ứng tụng ... Phương quảng. Các pháp ấy, vị ấy được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng

lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập. Vị ấy khi mạng chung bị thất niệm, được sanh cộng trú với một loại Thiên nhân. Tại đây, các vị sống an lạc không đọc các pháp cú cho vị ấy. Nhưng có Tỷ-kheo có thân thông, đã đạt được tâm tự tại, thuyết pháp cho hội chúng chư Thiên. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Đây chính là Pháp và Luật mà trước đây ta đã sống Phạm hạnh". Này các Tỷ-kheo, chậm chạp niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thiện xảo về tiếng trống. Người ấy trong khi đi giữa đường có thể nghe được tiếng trống. Người ấy không có nghi ngờ, không có do dự, đó là tiếng trống hay không phải là tiếng trống. Người ấy đi đến kết luận: "Đây là tiếng trống". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, như kinh: Ưng tụng ... Phương quảng. Các pháp ấy, vị ấy được nghe bằng tai ... chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe các pháp bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập, đây là lợi ích thứ hai được chờ đợi.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, như kinh: Ưng tụng ... Phương quảng. Các pháp ấy, vị ấy được nghe bằng tai, được tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập ...

nhưng không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại thuyết pháp cho hội chúng chư Thiên; và một Thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Đây chính là Pháp và Luật mà trước đây ta đã sống Phạm hạnh". Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thiện xảo về tiếng tù và. Người ấy, trong khi đi giữa đường có thể nghe được tiếng tù và. Người ấy không có nghi ngờ, không có do dự, đó là tiếng tù và hay không phải là tiếng tù và. Người ấy đi đến kết luận: "Đây là tiếng tù và". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, như kinh: Ứng tụng ... Phương quảng. Các pháp ấy, vị ấy được nghe bằng tai, được tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập ... nhưng không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại thuyết pháp cho hội chúng chư Thiên. Và một Thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Đây chính là Pháp và Luật mà trước đây ta đã sống Phạm hạnh". Này các Tỷ-kheo, chậm chạp niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập; đây là lợi ích thứ ba được chờ đợi.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, như kinh: Ứng tụng ... Phương quảng. Các pháp ấy, được nghe bằng tai, được tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập ... nhưng không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại thuyết pháp cho hội chúng chư Thiên; và không có Thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Nhưng có thể có người được hóa sanh: "Này bạn, bạn có nhớ không? Này bạn, bạn có nhớ không, tại chỗ ấy chúng ta đã sống Phạm hạnh?". Vì ấy trả lời: "Này bạn, tôi nhớ! Này bạn, tôi nhớ". Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Ví như, này các Tỷ-kheo, hai người bạn cùng chơi trò chơi đất bùn, hai người vào một thời nào, một chỗ nào được gặp nhau. Người bạn này có thể nói với người bạn kia: "Này bạn, bạn có nhớ cái này không? Này bạn, bạn có nhớ cái này không?". Người ấy có thể trả lời: "Này bạn, tôi có nhớ! Này bạn, tôi có nhớ!". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, như kinh: Ứng tụng ... Phương quảng. Các pháp ấy, được nghe bằng tai, được tụng

đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập ... nhưng không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại thuyết pháp cho hội chúng chư Thiên; và không có Thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Nhưng có thể có người được hóa sanh: "Này bạn, bạn có nhớ không? Này bạn, bạn có nhớ không, tại chỗ ấy chúng ta đã sống Phạm hạnh?". Vị ấy trả lời: "Này bạn, tôi nhớ! Này bạn, tôi nhớ". Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập; đây là lợi ích thứ tư được chờ đợi.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập; có bốn lợi ích này được chờ đợi.

6 Thiên nữ - 8 pháp được sanh làm Thiên nữ - Kinh TÔN GIẢ ANURUDDHA – Tăng III, 638

TÔN GIẢ ANURUDDHA – *Tăng III, 638*

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ Tôn giả Anuruddha, đang đi nghỉ ban ngày, ngồi Thiền tịnh.

Rồi rất nhiều Thiên nữ với thân khả ái đi đến Tôn giả Anuruddha, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Anuruddha rồi đứng một bên. Đứng một bên, các Thiên nữ ấy thưa với Tôn giả:

- Chúng tôi là những thiên nữ với thân khả ái. Trên ba địa hạt, chúng tôi có quyền lực và có tự tại!

- Thưa Tôn giả, chúng tôi muốn có *hình sắc* như thế nào, chúng tôi liền được hình sắc ấy ngay lập tức.
- Chúng tôi muốn được *tiếng* như thế nào, chúng tôi liền được tiếng ấy ngay lập tức.
- Chúng tôi muốn được *lạc thọ* như thế nào, chúng tôi liền được lạc thọ ấy ngay lập tức.

Thưa Tôn giả, chúng tôi là những thiên nữ với thân khả ái. Trên ba địa hạt, chúng tôi có quyền lực và có tự tại.

2. Rồi Tôn giả Anuruddha suy nghĩ: "Mong rằng các Thiên nữ này tất cả trở thành xanh, dung sắc xanh, y áo xanh, trang điểm xanh". Rồi các Thiên nữ ấy, biết được tâm của Tôn giả Anuruddha, tất cả đều trở thành xanh, dung sắc xanh, y áo xanh, trang điểm xanh.

Anuruddha suy nghĩ như sau: " Mong rằng các Thiên nữ này tất cả trở thành vàng ... tất cả trở thành đỏ ... tất cả trở thành trắng, dung sắc trắng, y áo trắng, trang sức trắng. Rồi các Thiên nữ ấy, biết được tâm của Tôn giả Anuruddha, tất cả đều trở thành vàng ... đỏ ... trắng, dung sắc trắng, y áo trắng, trang sức trắng.

Rồi các Thiên nữ ấy, một người hát, một người múa, một người vỗ tay. Ví như năm loại nhạc khí, khéo hòa điệu, khéo chơi, khéo đánh bởi người thiện xảo, thời tiếng phát ra được đáng ưa, khả lạc, khả dục, khả ái, mê ly. Cũng vậy, là nhạc của các Thiên nữ khéo trang điểm ấy, tiếng phát ra được đáng ưa, khả lạc, khả dục, khả ái, mê ly. **Nhưng Tôn giả Anuruddha giữ các căn nhiếp phục.** Các Thiên nữ ấy nghĩ rằng:

"Tôn giả Anuruddha không có thương thức", liền biến mất tại chỗ.

3. Rồi Tôn giả Anuruddha, vào buổi chiều, từ Thiên đình đứng dậy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuruddha bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ở đây, con đang đi nghỉ ban ngày, ngồi Thiên tịnh. Rồi rất nhiều Thiên nữ với thân khả ái đi đến con, sau khi đến, đánh lễ con rồi đứng một bên. Đứng một bên, các Thiên nữ ấy thưa với Tôn giả:

- Chúng tôi là những thiên nữ với thân khả ái. Trên ba địa hạt, chúng tôi có quyền lực và có tự tại! ...

2. Rồi con suy nghĩ: " Mong rằng các Thiên nữ này tất cả trở thành xanh, dung sắc xanh, y áo xanh, trang điểm xanh". Rồi các Thiên nữ ấy, biết được tâm của con, tất cả đều trở thành xanh, dung sắc xanh, y áo xanh, trang điểm xanh. Rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: " Mong rằng các Thiên nữ này tất cả trở thành vàng ... tất cả trở thành đỏ ... tất cả trở thành trắng, dung sắc trắng, y áo trắng, trang sức trắng. Rồi bạch Thế Tôn, các Thiên nữ ấy, biết được tâm của con, tất cả đều trở thành trắng, dung sắc trắng, y áo trắng, trang sức trắng.

Rồi bạch Thế Tôn, các Thiên nữ ấy, một người hát, một người múa, một người vỗ tay. Ví như năm loại nhạc khí, khéo hòa điệu, khéo chơi, khéo đánh bởi người thiện xảo, thời tiếng phát ra được đáng ưa, khả lạc, khả dục, khả ái, mê ly. Cũng vậy, là nhạc của các Thiên nữ khéo trang điểm ấy, tiếng phát ra được đáng ưa, khả lạc, khả dục, khả ái, mê ly. Nhưng bạch Thế Tôn, con giữ các căn nhiếp phục. Các Thiên nữ ấy nghĩ rằng: "Con không có thưởng thức", liền biến mất tại chỗ.

- Bạch Thế Tôn, thành tựu bao nhiêu pháp, nữ nhân sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Thiên nữ ấy với thân khả ái?

4. - **Này, Anuruddha, đầy đủ tám pháp, nữ nhân sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Thiên nữ ấy với thân khả ái. Thế nào là tám?**

5. Ở đây, này Anuruddha:

- 1. Nữ nhân đối với người chồng nào mẹ cha gả cho, vì muốn lợi ích, vì tìm hạnh phúc, vì lòng thương tưởng, vì lòng từ mẫn khởi lên đối với người ấy, nữ nhân dậy trước, đi ngủ sau cùng, vui lòng nhận mọi công việc, xử sự đẹp lòng, lời nói dễ thương.*

2. Những ai có người chồng kính trọng Sa-môn, Bà-la-môn như cha mẹ, nữ nhân ấy cung kính tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, và khi họ đến, sẽ dâng hiến chỗ ngồi và nước.
3. Phàm có những việc trong nhà, thuộc về len hay vải bông, ở đây, nữ nhân ấy thông thạo, không biếng nhác, tự tìm phương pháp làm, vừa đủ để tự mình làm, vừa đủ để sắp đặt người làm.
4. Trong nhà người chồng, phàm có nô tỳ nào, hay người đưa tin, hay người công thợ, nữ nhân biết công việc của họ với công việc đã làm, biết sự thiếu sót của họ với công việc không làm, biết sức mạnh hay sức không mạnh của những người đau bệnh, biết chia các đồ ăn, loại cứng và loại mềm, mỗi người tùy theo từng phần của mình.
5. Phàm có tiền bạc, lúa gạo, bạc và vàng người chồng đem về, nữ nhân ấy bảo vệ, phòng hộ chúng, giữ gìn để khỏi ăn trộm, ăn cắp, kẻ uống rượu, kẻ phá hoại.
6. Nữ cư sĩ quy y Phật, quy y Pháp, Quy y Tăng.
7. Nữ cư sĩ giữ giới, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu.
8. Nữ cư sĩ bố thí, sống ở gia đình với tâm tư từ bỏ uest của xan tham, bố thí rộng rãi, với bàn tay

cởi mở, vui thích từ bỏ, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu, vui thích chia sẻ các vật dụng bố thí.

Thành tựu tám pháp này, nữ nhân sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Thiên nữ ấy với thân khả ái.

*Hãy thường yêu thương chồng
Luôn nỗ lực cố gắng
Người đem lại lạc thú
Chớ khinh thường người chồng
Chớ làm chồng không vui
Chớ làm chồng tức tối
Với những người ganh tị
Chồng cung kính những ai
Hãy đánh lễ tất cả
Vì nàng người có trí
Hoạt động thật nhanh nhẹn
Giữa các người làm việc
Xử sự thật khả ái
Biết giữ tài sản chồng
Sẽ được sanh tại chỗ
Các chư Thiên khả ái.*

7 Thiên nữ - Kinh Con Gái Của Pajjunna – Tương I, 68

Con Gái Của Pajjunna – *Tương I, 68*

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Vesàli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

2) Rồi Kokanadà, con gái của Pajjunna, sau khi đêm vừa mãn, với dung sắc thù thắng chiếu sáng toàn vùng Đại Lâm, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

3) Đứng một bên, **Thiên nữ Kokanadà, con gái của Pajjunna**, nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,
Thượng thủ các chúng sanh,
Nay an trú Đại Lâm,
Tại thành Vesàli,
Hãy để con đánh lễ,
Con gái Pajjunna,
Tên Kokanadà.
Từ trước con chỉ nghe,
Bậc chứng ngộ Chánh Giác.*

*Bậc vô thượng Pháp Nhãn,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.
Ngày nay con có thể,
Biết được Chánh pháp ấy,
Do Thiện Thệ thuyết giảng,
Bậc Mâu-ni Chánh Giác.*

*Những ai kém trí tuệ,
Khinh bác chống Thánh pháp,
Sẽ rơi vào địa ngục,
Mệnh danh Roruva,
Trải thời gian lâu dài,
Thọ lãnh nhiều thống khổ.*

*Những ai đối Thánh pháp,
Kham nhẫn, tâm tịch tịnh,
Từ bỏ thân làm người,
Viên mãn thân chư Thiên.*

8 Thiên nữ - Đời trước là vợ của Tôn giả Anuruddha - Kinh Anuruddha – Tương I, 439

Anuruddha – Tương I, 439

- 1) Một thời Tôn giả Anuruddha trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.
- 2) Rồi một Thiên nữ ở chúng Tàvatimsa, tên là Jàlinii, đời trước là vợ của Tôn giả Anuruddha, đi đến Tôn giả Anuruddha.
- 3) Sau khi đến, vị ấy nói lên bài kệ với Tôn giả Anuruddha:

*Hãy hướng tâm tư Ông,
Vào đời trước của Ông,
Giữa Tam thập tam thiên,
Mọi ái dục thành tựu,
Và Ông được chói sáng,
Giữa Thiên nữ đoanh vây.*

(Anuruddha):

- 4) Bất hạnh thay Thiên nữ,
Họ kiên trú **thân kiến**,
Cũng bất hạnh, họ sanh,

Bị Thiên nữ chinh phục.

(Jàlinii):

*5) Họ chưa biết hạnh phúc,
Chưa thấy Dandana,
Trú xứ các Thiên nhơn,
Danh xưng giới Tam thập.
(Anuruddha):*

*6) Kẻ ngu, Bà không biết,
Lời nói bậc La-hán,
Mọi hành là vô thường,
Phải chịu luật sanh diệt,
Chúng sanh rồi chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

*Hiện nay đối với ta,
Không còn chỗ trú xứ,
Trên cảnh giới chư Thiên,
Ôi này Jàlini!
Đường sanh tử đứt đoạn,
Nay tái sanh không còn.*

9 Thiên sắc, thiên âm - Kinh MAHALI – 6 Trường I, 265

KINH MAHALI – Bài kinh số 6 – Trường I, 25

1. Như vậy tôi nghe. Một thời đức Thế Tôn trú tại Vesali (Tỳ-xá-ly) ở giảng đường Trùng Các, rừng Đại Lâm. Lúc bấy giờ, một số đông sứ giả Bà-la-môn nước Kosala (Câu-tát-la) và nước Magadha (Ma-kiệt-đà), đang ở tại Vesali vì một vài công việc. Những vị sứ giả ấy được nghe như sau: "Này các Tôn giả, Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca hiện nay đang trú tại Vesali, ở giảng đường Trùng Các, rừng Đại Lâm. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài đã tự chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, tự chứng ngộ rồi hiển thị cho mọi loài được biết. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa có văn, trình bày phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh". Nếu được

yết kiến một vị A-la-hán như vậy thì rất quý".

2. Những vị sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và ở Magadha ấy đi đến giảng đường tại rừng Đại Lâm. Lúc bấy giờ, đại đức Nàgita là thị giả đức Thế Tôn. Những vị sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và ở Magadha ấy đi đến chỗ đại đức Nàgita ở và thưa:

- Tôn giả Nàgita, hiện nay Tôn giả Gotama ở tại đâu, chúng tôi muốn yết kiến Tôn giả Gotama.

- Các Hiền giả, nay không phải thời yết kiến đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đang chỉ tịnh. Những sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và Magadha liền ngồi xuống tại một bên và nói: "Sau khi được yết kiến Tôn giả Gotama, chúng tôi mới đi".

3. Otthadda (môi thỏ) người Licchavi cùng với một số đông dân chúng Licchavi cũng đi đến Trùng Các giảng đường, rừng Đại Lâm gặp đại đức Nàgita, đánh lễ vị này rồi đứng một bên. Otthadda người Licchavi thưa với đại đức Nàgita:

- Hiện nay đức Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở tại đâu, chúng con muốn yết kiến đức Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

- Mahàli, nay không phải thời yết kiến đức Thế Tôn,

Đức Thế Tôn đang chỉ tịnh.

Otthadda người Licchavi liền ngồi xuống một bên tại chỗ ấy và nói:

- Sau khi được yết kiến đức Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đăng Giác con mới đi.

4. Khi ấy Sa-di Sìha đến đại đức Nàgita, đánh lễ đại đức và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Sa-di Sìha nói với đại đức Nàgita:

- Bạch Đại đức Nàgita một số đông sứ giả Bà-La-môn ở Kosala và Magadha đã đến đây để yết kiến đức Thế Tôn; Otthadda người Licchavi cũng đến đây với số đông dân chúng Licchavi để yết kiến đức Thế Tôn. Đại đức Nàgita, lành thay, nếu những vị này được yết kiến đức Thế Tôn.

- Vậy Sìha hãy thưa với đức Thế Tôn.

- Thưa vâng, bạch Đại đức!

Sa-di Sìha vâng theo lời dạy của đại đức Nàgita, đến tại chỗ đức Thế Tôn, đánh lễ Ngài rồi đứng một bên. Sa-di Sìha sau khi đứng một bên liền bạch đức Thế Tôn:

- Bạch đức Thế Tôn, một số đông sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và Magadha đến đây để yết kiến đức Thế Tôn. Otthadda, người Licchavi cùng một số đông dân chúng Licchavi đã đến đây để yết kiến đức Thế Tôn. Lành thay nếu những vị này được yết kiến đức Thế Tôn!

- Nay Sìha, hãy dọn chỗ ngồi trong bóng mát, trước mặt ngôi tịnh xá.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Sa-di Sìha vâng theo lời dạy đức Thế Tôn, sắp đặt một chỗ ngồi trong bóng mát trước mặt ngôi tịnh xá, và đức Thế Tôn đi ra khỏi tịnh xá và ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn trong bóng mát, trước mặt ngôi tịnh xá.

5. Rồi các sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và Magadha đến tại chỗ đức Phật, nói lên những lời chúc tụng thân hữu và xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Otthadda người Licchavi cùng với một số lớn dân Licchavi cũng đến tại chỗ đức Phật, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Otthadda người Licchavi thưa với Thế Tôn:

- Bạch Đại đức, hai ba ngày về trước, Sunakkhatta, dòng họ Licchavi đến chỗ con ở và nói với con: "Này

Mahàli, từ khi tôi sống gần đức Phật, không lâu quá ba năm, tôi được thấy những thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không được nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi". *Bạch Thế Tôn, những thiên âm mà Sunakkhatta dòng họ Licchavi không nghe, những thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, không hiểu những thiên âm ấy có thật hay không có thật?*

- Nay Mahàli những thiên âm mà Sunakkhatta dòng họ Licchavi không nghe, những thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, **những thiên âm ấy có thật**, không phải không có.

6. - Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, những thiên âm mà Sunakkhatta, dòng họ Licchavi không nghe, những thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, những thiên âm ấy có thật, không phải là không có.

- Nay Mahàli, có Tỷ-kheo **tu định nhất hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu**, thích thú, phấn khởi, nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhất hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nên vị này thấy

được về phía Đông các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phần khởi, nhưng không nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phần khởi. Vì sao vậy? Này Mahàli vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhứt hướng, hướng về phía Đông, chỉ với mục đích thấy các thiên sắc, mỹ diệu, thích thú, phần khởi nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phần khởi.

7. Lại nữa, này Mahàli, có vị Tỷ-kheo tu định nhứt hướng, hướng về phía Nam... về phía Tây... về phía Bắc... phía Trên, Dưới, Ngang, với mục đích thấy các thiên sắc, mỹ diệu, thích thú, phần khởi, nhưng không với mục đích nghe các thiên âm, mỹ diệu, thích thú, phần khởi. Vị này tu định nhứt hướng, hướng về phía Trên, Dưới, Ngang, với mục đích thấy các thiên sắc, mỹ diệu, thích thú, phần khởi, nhưng không với mục đích nghe các thiên âm, mỹ diệu, thích thú, phần khởi, nên vị này thấy được về phía Trên, Dưới, Ngang, các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phần khởi, nhưng không nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phần khởi. Vì sao vậy? Này Mahàli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhứt hướng, hướng về phía Trên, Dưới, Ngang, chỉ với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phần khởi nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phần khởi.

8. Nay Mahàli, có vị Tỷ-kheo tu định nhất hướng, hướng về phía Đông với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhất hướng, hướng về phía Đông với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nên vị này nghe được về phía Đông các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Nay Mahàli, vì vị Tỷ-kheo này trong khi tu định nhất hướng, hướng về phía Đông, chỉ với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

9. Lại nữa, nay Mahàli, có Tỷ-kheo tu định nhất hướng, hướng về phía Nam... hướng về phía Tây... hướng về phía Bắc... phía Trên, Dưới, Ngang với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú phấn khởi. Vì vị này tu định nhất hướng, hướng về phía Trên, Dưới, Ngang với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nên vị này nghe được, phía Trên, Dưới, Ngang, các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, nhưng không thấy được các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Nay Mahàli, vì Tỷ-kheo này

trong khi tu định nhứt hướng, hướng về phía Trên, Dưới, Ngang chỉ với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

10. Nay Mahàli, có Tỷ-kheo tu định nhĩ hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị tu định nhĩ hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nên vị này hướng về phía Đông thấy được các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và nghe được các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Nay Mahàli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhĩ hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm, mỹ diệu, thích thú, phấn khởi.

11. Nay Mahàli, có vị Tỷ-kheo tu định nhĩ hướng, hướng về phía Nam... hướng Tây... hướng về phía Bắc... về phía Trên, Dưới, Ngang, với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhĩ hướng, hướng về phía

Trên, Dưới, Ngang với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nên vị này hướng về phía Trên, Dưới, Ngang, thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì có sao? Đây Mahàli vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhị hướng, hướng về phía Trên, Dưới, Ngang với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Đây Mahàli, do nhân này, do duyên này, những thiên âm ấy có thật, không phải là không có.

12. - Bạch Thế Tôn, như vậy có phải muốn chứng được các pháp thiền định ấy mà các Tỷ-kheo sống đời phạm hạnh, dưới (sự chỉ dạy của) Thế Tôn?

- Đây Mahàli, **không phải** muốn chứng được các pháp thiền định ấy mà các Tỷ-kheo sống đời phạm hạnh, dưới (sự chỉ dạy của) Ta. Đây Mahàli, có những pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn. Vì muốn chứng được những pháp ấy, các vị Tỷ-kheo sống đời phạm hạnh, dưới (sự chỉ dạy của) Ta.

13. Bạch Thế Tôn, những pháp ấy, cao thượng hơn, thù thắng hơn là gì mà các vị Tỷ-kheo vì muốn chứng được những pháp ấy sống đời phạm hạnh, dưới sự

(chỉ dạy của) Thế Tôn?

- Nay Mahàli, ở đây Tỷ-kheo đoạn dứt ba kiết sử, thành bậc Dự lưu, không đọa ác thú, chắc chắn đạt quả Bồ-đề. Nay Mahàli, pháp này cao thượng và thù thắng hơn, vì muốn chứng được pháp này, các Tỷ-kheo sống phạm hạnh dưới (sự chỉ dạy của) Ta.

Lại nữa, nay Mahàli, Tỷ-kheo đoạn dứt ba kiết sử làm nhẹ bớt tham, sân, si, thành bậc Nhứt lai, còn phải sanh lại trong đời này một lần nữa trước khi diệt hẳn khổ đau. Nay Mahàli, pháp này cao thượng hơn và thù thắng hơn. Vì muốn chứng được pháp này, các Tỷ-kheo sống phạm hạnh, dưới (sự chỉ dẫn của) Ta.

Lại nữa, nay Mahàli, vị Tỷ-kheo đã đoạn dứt năm hạ phần kiết sử, thành vị hóa sanh, nhập Niết-bàn tại đây, không còn phải trở lại thế giới này nữa. Nay Mahàli, pháp này cao thượng và thù thắng hơn. Vì muốn chứng được pháp này, các Tỷ-kheo sống phạm hạnh dưới (sự chỉ dẫn của) Ta.

Nay Mahàli, những pháp cao thượng và thù thắng này, vì muốn chứng được pháp ấy, các Tỷ-kheo sống phạm hạnh dưới (sự chỉ dẫn của) Ta.

14. - Bạch Thế Tôn, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến sự chứng ngộ những pháp ấy?

- Nay Mahàli, có con đường, có đạo lộ đưa đến sự chứng ngộ những pháp ấy.

- *Bạch Thế Tôn, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến sự chứng ngộ những pháp ấy?*

- **Đó là con đường Thánh có tám ngành:** Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay Mahàli, con đường này, đạo lộ này đưa đến sự chứng ngộ những pháp ấy.

15. Nay Mahàli, một thời Ta ở Kosambi vườn Ghositàrama. Lúc bấy giờ có hai người xuất gia, Mandissa một vị du sĩ và jaliya đệ tử của Dàrupattika, đến tại chỗ Ta ở, nói lên những lời chúc tụng thân hữu và xã giao với Ta rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, hai vị xuất gia nói với Ta như sau:

- *Này Hiền giả, mạng căn và thân thể là một hay là khác?*

- Này Hiền giả, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Vâng, Hiền giả!

Hai vị xuất gia trả lời Ta như thế và Ta nói như sau:

16. - Nay Hiền giả, ở đây Như Lai sanh ra đời, vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ... (như kinh Sa-môn Quả)... Nay Hiền giả, như vậy vị Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh... chứng và an trú Sơ thiền. *Nay Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay khác không?"*

– Nay Hiền giả, Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

– Nay Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, nhưng Ta không nói: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

17. Chứng và an trú đệ nhị thiền... đệ tam thiền... đệ tứ thiền. Nay Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay khác không?"

– Nay Hiền giả, Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

– Nay Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy, nhưng Ta không nói "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

18... . Vị ấy hướng tâm, dẫn tâm đến tri kiến. Này Hiền giả, khi vị Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác không?"

– Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

– Này Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy, nhưng Ta không nói "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

19. Vị ấy biết: "Sau đời này sẽ không có đời khác nữa". Này Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay là khác không?"

– Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo biết như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

– Này Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy, nhưng Ta không nói "Mạng căn và thân thể là một hay là khác".

Đức Thế Tôn thuyết như vậy. Otthadda người Licchavi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

7. KINH JALIYA

Kinh này giống kinh Mahàli số VI từ số 15 đến số 19
vừa nói đến trước.

10 Thiên sứ - 3 Thiên sứ và các Hình phạt ở địa ngục - Kinh DIÊM VƯƠNG – Tầng I, 247

DIÊM VƯƠNG – Tầng I, 247

1-6

1. Có ba Thiên sứ này, này các Tỷ-kheo, Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Sau khi thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Rồi này các Tỷ-kheo, những người lính địa ngục, với hai cánh tay bắt người ấy dẫn đến Vua Yama (Diêm vương) và thưa:

- "Thưa Đại vương, người này không kính mẹ, không kính cha, không kính Sa-môn, không kính Bà-la-môn, không tôn kính các bậc lớn tuổi trong gia đình, Đại vương hãy hình phạt nó"

Rồi vua Yama chất vấn người ấy, cật vấn, nạn vấn người ấy về Thiên sứ thứ nhất:

- "Này người kia, Người có thấy vị Thiên sứ thứ nhất hiện ra giữa loài Người không?"

Người ấy trả lời:

- "Con không thấy, thưa Ngài"

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy:

- "Này người kia, người có bao giờ thấy giữa loài Người, một người đàn bà hay đàn ông 80 tuổi, hay 90 tuổi, hay 100 tuổi, **già yếu**, cong như nóc nhà, lưng còm, chóng gậy, vừa đi vừa run rẩy, bệnh hoạn, tuổi trẻ đã tận, răng rụng tóc bạc, hư rụng, sỏi đầu, da nhăn, đầu rung, tay chân da mồi, khô nứt?"

Người ấy nói như sau:

- "Thưa Ngài, con có thấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy như sau:

- "*Này Người kia, với Người là người có trí, và lớn tuổi, Người có nghĩ rằng: "Ta rồi cũng bị già, ta không vượt qua tuổi già. Vậy ta hãy làm điều lành, về thân, về lời nói, về ý?"*

Người ấy nói như sau:

- "Không, thưa Ngài, con không có làm. Thưa Ngài, con **phóng dật**"

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy:

- "Này Người kia, **chính vì do phóng dật, Người đã không làm các điều lành về thân, về lời nói, về ý. Thật vậy, này Người kia, chúng ta sẽ làm cho Người, đúng theo sự phóng dật của Người. Ác nghiệp ấy của Người, không phải mẹ làm, không phải cha làm, không phải anh làm, không phải chị làm, không phải**

bạn bè thân hữu làm, không phải bà con huyết thống làm, không phải chư Thiên làm, không phải Sa-môn làm, Bà la môn làm. Ác nghiệp ấy, chính do Người làm và Người sẽ thọ lãnh quả dị thực của ác nghiệp ấy".

2. Rồi vua Yama, nài các Tỷ-kheo, sau khi chất ván, cật ván, nạn ván người ấy về vị Thiên sứ thứ nhất, liền chất ván, cật ván, nạn ván người ấy về vị Thiên sứ thứ hai:

- "*Này Người kia, Người có thấy vị Thiên sứ thứ hai hiện ra giữa loài Người không?*"

Người ấy trả lời:

- "Con không thấy, thưa Ngài"

Rồi nài các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy:

- "Này người kia, người có bao giờ thấy giữa loài Người, một người đàn bà hay đàn ông, **bệnh hoạn**, khổ não nguy kịch, rơi nằm trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần người khác nâng dậy, cần người khác dìu nằm xuống?"

Người ấy nói như sau:

- "Thưa Ngài, con có thấy".

Rồi nài các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy như sau:

- "Này Người kia, với Người là người có trí, và lớn tuổi, Người có nghĩ rằng: "Ta rồi cũng bị bệnh, ta không vượt qua bệnh hoạn. Vậy ta hãy làm điều lành, về thân, về lời nói, về ý?"

Người ấy nói như sau:

- "Không, thưa Ngài, con không có làm. Thưa Ngài, **con phóng dật**"

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy:

- "Này Người kia, chính vì do phóng dật, Người đã không làm các điều lành về thân, về lời nói, về ý. Thật vậy, này người kia ... người sẽ thọ lãnh quả dị thực của các nghiệp ấy."

3. Rồi vua Yama, này các Tỷ-kheo, sau khi chất vắn, cật vắn, nạn vắn người ấy về vị Thiên sứ thứ hai, liền chất vắn, cật vắn, nạn vắn người ấy về vị Thiên sứ thứ ba:

- "Này Người kia, Người có thấy vị **Thiên sứ thứ ba** hiện ra giữa loài Người không?"

Người ấy trả lời:

- "Con không thấy, thưa Ngài"

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy:

- "Này Người kia, Người có bao giờ thấy giữa loài Người, một người đàn bà hay một người đàn ông,

chết đã được một ngày, hay chết được hai ngày, hay chết được ba ngày, sung phù lên, xanh xám lại và nát rữa ra?"

Người ấy nói như sau:

- "Thưa Ngài, con có thấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy như sau:

- "*Này Người kia, với Người là người có trí, và lớn tuổi, Người có nghĩ rằng: "Ta rồi cũng bị chết, ta không vượt qua sự chết. Vậy ta hãy làm điều lành, về thân, về lời nói, về ý?"*

Người ấy nói như sau:

- "Không, thưa Ngài, con không có làm. Thưa Ngài, con phóng dật"

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy:

- "Này người kia, chính vì do phóng dật, người đã không làm các điều lành về thân, về lời nói, về ý. Thật vậy, này người kia ...**người sẽ thọ lãnh quả dị thực của các nghiệp ấy.**"

4. Rồi vua Yama, này các Tỷ-kheo, sau khi chất vắn, cật vắn, nạn vắn người ấy về vị Thiên sứ thứ ba, rồi giữ im lặng.

- Rồi này các Tỷ-kheo, những người lính địa ngục, **bắt người ấy chịu hình phạt gọi là năm cọc**. Họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn tay, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn tay thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn chân, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân thứ hai, Họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào giữa ngực. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ, khốc liệt. *Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.*
- Này các Tỷ-kheo, rồi các người lính địa ngục **bắt người ấy nằm xuống và lấy cái rìu chặt người ấy**. Người ấy ở đây thọ lãnh ... chưa được tiêu trừ.
- Này các Tỷ-kheo, rồi các người lính địa ngục **dựng ngược người ấy chân trên, đầu dưới và lấy dao sắc chặt người ấy**. Người ấy ở đây thọ lãnh ... chưa được tiêu trừ.
- Này các Tỷ-kheo, các người lính địa ngục, **cột người ấy vào một chiếc xe, kéo người ấy chạy tới, kéo người ấy chạy lui, trên đất được đốt cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực**. Người ấy ở đây thọ lãnh ... chưa được tiêu trừ.
- Rồi này các Tỷ-kheo, các người lính địa ngục **đẩy người ấy lên, kéo người ấy xuống trên một**

sườn núi đầy than hồng, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực, Người ấy ở đây thọ lãnh ... chưa được tiêu trừ.

- Rồi này các Tỷ-kheo, các người lính địa ngục nắm ngược người ấy, chân phía trên, đầu phía dưới và quăng người ấy vào một vạc dầu bằng đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực, Người ấy ở đây, bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, khi thì trôi nổi lên trên, khi thì chìm xuống đáy, khi thì trôi dạt ngang. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ, khóc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy được tiêu trừ.
- Rồi này các Tỷ-kheo, những người lính địa ngục quăng người ấy vào Đại địa ngục. Này các Tỷ-kheo, Đại địa ngục ấy:
*Có bốn góc, bốn cửa,
Chia thành phần bằng nhau,
Xung quanh có tường sắt,
Mái sắt lợp lên trên.
Nền địa ngục bằng sắt,
Nung đỏ cháy, đỏ rực,
Đứng thẳng luôn có mặt,
Rộng một trăm do tuần.*

5. Một thời xưa lắm, này các Tỷ-kheo, vua Yama suy nghĩ như sau: "Những ai làm ác nghiệp ở đời, phải

thọ lãnh những hình phạt sai khác như vậy. Mong rằng ta được làm người, và Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, ta có thể hầu hạ Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp cho ta, và ta có thể thông hiểu pháp do Thế Tôn thuyết giảng".

Này các Tỷ-kheo, điều Ta đang nói, không phải Ta nghe từ một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào khác; những điều ta đang nói chỉ được Ta biết mà thôi, chỉ được Ta thấy mà thôi, chỉ được Ta hiểu mà thôi.

6. Dầu Thiên sứ báo động,
Thanh niên vẫn phóng dật,
Họ ưu buồn lâu dài,
Sanh làm người hạ liệt.

Ở đây, bậc Chân nhân,
Được Thiên sứ báo động,
Không bao giờ phóng dật
Trong diệu pháp bậc Thánh
Thấy sợ trong chấp thủ,
Trong hiện hữu sanh tử,
Được giải thoát, không thủ,
Sanh tử được đoạn trừ,
Được yên ổn, không lạc,
Ngay hiện tại tịch tịnh.
Mọi oán hận, sợ hãi,
Các vị ấy vượt qua,
Mọi đau đớn, khổ sầu

Thấy đều được siêu thoát.

11 Thiên sứ - 5 Thiên sứ và Các loại địa ngục - Kinh THIÊN SỨ – 130 Trung III, 425

KINH THIÊN SỨ (Devaduta sutta)

– Bài kinh số 130 – Trung III, 425

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– *Ví như, này các Tỷ-kheo, có hai nhà có cửa; ở đây, một người có mắt đứng chính giữa có thể thấy những người đi vào nhà, đi ra khỏi nhà, đi qua, đi lại.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **Ta với thiên nhân thanh tịnh, siêu nhân, thấy các chúng hữu tình chết đi sanh lại, hạ liệt, cao sang, đẹp trai, xấu hình, thiện**

thú, ác thú, tùy theo hạnh nghiệp của họ:

- "Các bậc hữu tình này do thành tựu thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, không công kích các bậc Thánh, có chánh kiến, thọ trì nghiệp phù hợp chánh kiến, các vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sinh vào thiên thú, Thiên giới, ở đời này.
- Hay các vị hữu tình này, do thành tựu thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, không công kích các bậc Thánh, có chánh kiến, thọ trì nghiệp phù hợp với chánh kiến, các vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sinh ra giữa loài Người.
- Còn các hữu tình, do thành tựu thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, công kích các bậc Thánh, có tà kiến, thọ trì nghiệp phù hợp với tà kiến, các vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, bị sinh vào cõi nga quỷ (pettivisaya).
- Hay các hữu tình này, do thành tựu thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, công kích các bậc Thánh, có tà kiến, thọ trì nghiệp phù hợp tà kiến, các hữu tình sau khi thân hoại mạng chung, bị sinh vào các loại bàng sanh.
- Hay các hữu tình này, do thành tựu thân ác hành... (như trên)... Sau khi thân hoại mạng

chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đoạ xứ, Địa ngục".

Này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục, sau khi bắt giữ người ấy với nhiều cánh tay, dẫn người ấy đến trước vua Yama (và thưa):

"- Tâu Đại vương, người này không có từ tâm, không xứng là Sa-môn, không xứng là Bà-la-môn, không kính trọng các vị lớn tuổi trong gia đình. Đại vương hãy trừng phạt nó!

➔ Này các Tỷ-kheo, vua Yama, chất vấn người ấy, cật vấn, thẩm vấn người ấy về **Thiên sứ thứ nhất**: "Này người kia, Ngươi có thấy Thiên sứ thứ nhất đã hiện ra giữa loài Người không?"

- Người ấy nói: "Thưa Ngài, không thấy".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người có đứa con nít nhỏ, yếu ớt, nằm ngửa, nằm rơi vào giữa phân và nước tiểu của nó hay không?"
- Người ấy đáp: "Thưa Ngài, có thấy".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: **"Này người kia, tuy Ngươi là người có ý**

thức và lớn tuổi, nhưng Người không có nghĩ: "Ta bị sanh chi phối, ta không thoát khỏi sanh; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý"

– Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật".

– Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này người kia, nếu vì phóng dật nên Người không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Người, này Người kia, tùy theo sự phóng dật ấy của Người. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Người làm, chính Người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".

➔ Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn và thẩm vấn người kia về Thiên sứ thứ nhất, vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thẩm vấn về **Thiên sứ thứ hai**: "Này người kia, Người có thấy giữa loài Người, Thiên sứ thứ hai hiện ra không?"

– Người ấy đáp: "Thưa Ngài, không thấy".

- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người kia: "Này Người kia, Người có thấy người đàn bà hay người đàn ông tám mươi tuổi, hay chín mươi tuổi, hay một trăm tuổi, **già yếu**, cong như nóc nhà, lưng còm, chống gậy, vừa đi vừa run, bệnh hoạn, tuổi trẻ đã qua mất, răng rụng, tóc sới, da nhăn, run rẩy, với tay chân bạc màu?"
- Người ấy đáp: "Thưa Ngài, có thấy".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, tuy Người là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Người không có nghĩ: "Ta bị già chi phối, ta không thoát khỏi già; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý"
- Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Người không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Người, này Người kia, tùy theo sự phóng dật của Người. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-

la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Người làm, chính Người phải cảm thọ quả báo sự làm ấy".

- ➔ Nay các Tỷ-kheo, sau khi chất vắn, cật vắn, thăm vắn người kia về Thiên sứ thứ hai, vua Yama mới chất vắn, cật vắn, thăm vắn về **Thiên sứ thứ ba**: "Này Người kia, Người có thấy giữa loài Người, Thiên sứ thứ ba hiện ra không?"
- Người ấy đáp: "Thưa Ngài không thấy".
 - Rồi nay các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người kia: "Này Người kia, Người có thấy người đàn bà hay người đàn ông **bị bệnh** hoạn, khổ não, bị bệnh trầm trọng rơi nằm vào trong nước tiểu và phân của mình, cần người khác nâng dậy, cần người khác dìu nằm xuống?"
 - Người ấy đáp: "Thưa Ngài, có thấy".
 - Rồi nay các Tỷ-kheo, vua Yama nói với nó: "Này Người kia, tuy Người là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Người không có nghĩ: "Ta bị bệnh chi phối, ta không thoát khỏi bệnh; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý". "
 - Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài".

- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Ngươi không làm điều thiện, về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Ngươi, này Người kia, tùy theo sự phóng dật của Ngươi. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Ngươi, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Ngươi làm, chính Ngươi phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".
- ➔ Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn thăm vấn người kia về Thiên giới thứ ba, vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thăm vấn về **Thiên sứ thứ tư**: "Này người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người Thiên sứ thứ tư hiện ra không?"
- Người ấy đáp: "Thưa Ngài, không thấy".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người kia: "Này người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người, các vua chúa sau khi bắt được tên trộm cướp có phạm tội, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy... (như trên)... họ lấy gươm chặt đầu".

- Người ấy nói: "Thưa Ngài, có thấy".
 - Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, tuy Người là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Người không có nghĩ: "Thật sự những ai làm các ác nghiệp, họ phải chịu những hình phạt sai khác, ngay trong hiện tại như vậy, huống nữa là về đời sau! Ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu, ý".
 - Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài".
 - Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với nó: "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Người không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn họ sẽ làm cho Người, này người kia, tùy theo sự phóng dật của Người. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Người làm, chính Người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".
- ➔ Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn, thăm vấn người kia về Thiên giới thứ tư, vua Yama mới

chất vấn, cật vấn, thăm vấn về **Thiên sứ thứ năm**:
"Này Người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người
Thiên sứ thứ năm hiện ra không?"

- "Người ấy đáp: "Thưa Ngài, không thấy".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người, người đàn bà hay người đàn ông chết đã được một ngày, hai ngày hay ba ngày, sung phồng lên, xanh xám lại, rữa nát ra?"
- Người ấy nói: "Thưa Ngài, có thấy".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, tuy Ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Ngươi không có nghĩ: "Ta bị chết chi phôi, ta không thoát khỏi chết; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý".
- Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Ngươi không làm điều thiện, về thân, khẩu ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Ngươi, này Người kia, tùy theo phóng dật của Ngươi. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Ngươi, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh

làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính là Người làm, chính Người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".

❖ Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi chắt vắn, cật vắn, thăm vắn, người ấy về Thiên sứ thứ năm, vua Yama giữ im lặng.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục bắt người ấy chịu hình phạt gọi là năm cọc (Pancavidhabandhanam), họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn tay, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn tay thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào giữa ngực, Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. **Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.**

Này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục bắt người ấy nằm xuống và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh

chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây cảm thọ.. chưa tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, các người giữ Địa ngục cột người ấy vào một chiếc xe, kéo người ấy chạy tới chạy lui trên đất được đốt cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo các người giữ Địa ngục đẩy người ấy lên, kéo người ấy xuống một sườn núi đầy than hồng, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và quăng người ấy vào một vạc dầu bằng đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, ở đây bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, khi thì trôi nổi lên trên, khi thì chìm xuống đáy, khi thì trôi dạt ngang. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đơn, thông khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung

cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, những người giữ Địa ngục quăng vào Đại địa ngục. Này các Tỷ-kheo, Đại địa ngục ấy có bốn góc, bốn cửa, chia thành phần bằng nhau, xung quanh có tường sắt mái sắt lợp lên trên. Nền Địa ngục bằng sắt nung đỏ, chảy đỏ rực, đứng thẳng, luôn có mặt, rộng một trăm do tuần.

Này các Tỷ-kheo, từ tường phía Đông của Đại địa ngục ấy, những ngọn lửa bùng cháy lên được thổi tạt đến tường phía Tây. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ tường phía Tây được thổi tạt đến tường phía Đông. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ tường phía Bắc được thổi tạt đến tường phía Nam. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ tường phía Nam được thổi tạt đến tường phía Bắc. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ phía Dưới, được thổi tạt lên phía Trên. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ phía Trên, được thổi tạt xuống phía Dưới. Người ấy ở đây cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, **rồi có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Đông của Đại địa ngục được mở ra.** Người

ấy chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ. Khi người ấy chạy rất nhanh và mau lẹ, da ngoài bị cháy, da trong bị cháy, thịt bị cháy, dây gân bị cháy, xương bị khói xông đen. Sự trốn thoát của người ấy là như vậy. Nay các Tỷ-kheo, dù cho người ấy có cố gắng rất nhiều, cửa vẫn đóng chống lại người ấy. Tại đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Tây được mở... (như trên)... cửa phía Bắc được mở... (như trên)... cửa phía Nam được mở. Người ấy liền chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ. Khi người ấy chạy rất nhanh và mau lẹ, da ngoài bị cháy, da trong bị cháy, thịt bị cháy, dây gân bị cháy, xương bị khói xông đen. Sự trốn thoát của người ấy là như vậy. Nay các Tỷ-kheo, dầu cho người ấy có cố gắng rất nhiều, cửa vẫn đóng chống lại người ấy. Tại đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi các ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo, có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Đông được mở ra, người ấy liền chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ... (như trên)... sự trốn thoát của người ấy là như vậy.

Người ấy đi ra khỏi cửa Địa ngục ấy.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cân sát Đại địa ngục là Đại Phấn ni Địa ngục (Guthaniraya). Người ấy rơi vào Địa ngục này. Này các Tỷ-kheo, tại Phấn ni Địa ngục ấy, các chúng sanh với miệng như mũi kim cắt đứt da ngoài; sau khi cắt đứt da ngoài, chúng cắt đứt da trong; sau khi cắt đứt da trong, chúng cắt đứt thịt; sau khi cắt đứt thịt, chúng cắt đứt dây gân; sau khi cắt đứt dây gân, chúng cắt đứt xương; sau khi cắt đứt xương, chúng cắt đứt xương tủy. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc lệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cân sát Đại địa ngục Phấn ni ấy là Đại địa ngục Nhiệt khô (Than hùṅg-Kukkulaniraya). Người ấy rơi vào ở đây. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc lệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cân sát Đại địa ngục Nhiệt khô là Đại Châm thọ lâm (Sambalivanam) cao một do tuần, với những gai nhọn dài mười sáu ngón tay, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Họ

bắt người ấy leo lên, leo xuống. Ở đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cân sát Châm thọ lâm là Đại Kiểm điệp lâm (Rùng lá gươm-Asipattavanta). Người ấy vào trong ấy. Ở đây, các lá cây, do gió lay động, cắt đứt tay của người ấy, cắt đứt chân, cắt đứt tay chân, cắt đứt tai, cắt đứt mũi, cắt đứt tai mũi. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc liệt. Nhưng người ấy không có thể mạng chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cân sát Kiểm điệp lâm là Đại Khôi hà (Sông vôi-Kharodakanadi). Người ấy rơi vào trong ấy. Tại đây người ấy bị trôi thuận theo dòng nước, người ấy bị trôi ngược lại dòng nước người ấy trôi thuận theo, ngược lại dòng nước. Tại đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung, cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, những người coi giữ Địa ngục, **câu người ấy lên với móc câu**, đặt người ấy

trên đất và nói với người ấy: "Này Người kia, Người muốn gì?" Người ấy nói: "Thưa các Ngài, **tôi đói bụng**". Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục lấy **cục sắt nung đỏ** cạy miệng người ấy và nhét vào miệng người ấy những cục đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Môi người ấy bị cháy, miệng bị cháy, cổ họng bị cháy, ngực bị cháy. Và kéo theo một ruột lớn, ruột nhỏ, các cục đồng ấy rơi ra ngoài từ phía dưới. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc lệt. Nhưng người ấy không có thể mạng chung, cho đến khi ác nghiệp của nó chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục nói với người ấy: "Này Người kia, Người muốn gì?" Người ấy nói: "Thưa các Ngài, **tôi khát nước**". Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục lấy **cục sắt nung đỏ** cạy miệng người ấy ra, và đổ vào miệng người ấy nước đồng nấu sôi, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Môi người ấy bị cháy, miệng bị cháy, cổ họng bị cháy, ngực bị cháy. Và kéo theo ruột lớn, ruột nhỏ (nước đồng sôi ấy) chảy ra ngoài từ phía dưới. Người ấy ở đây cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc lệt. Nhưng người ấy không có thể mạng chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục lại quăng người ấy vào Đại địa ngục.

Một thời xưa lắm, này các Tỷ-kheo, vua Yama suy nghĩ như sau: "*Những ai làm ác nghiệp ở đời, phải thọ lãnh những hình phạt sai khác như vậy. Mong rằng ta được làm người, và Như lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, và ta có thể hầu hạ Thế Tôn, và Thế Tôn thuyết pháp cho ta, và ta có thể thông hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng*".

Này các Tỷ-kheo, điều Ta đang nói không phải Ta nghe từ một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác; nhưng điều Ta đang nói chỉ được Ta biết mà thôi, chỉ được Ta thấy mà thôi, chỉ được Ta hiểu mà thôi.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện thế nói như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm như sau:

*Dầu Thiên sứ báo động,
Thanh niên vẫn phóng dật,
Họ ưu buồn lâu dài,
Sanh làm người hạ liệt.
Ở đây bậc Chân nhân,
Được Thiên sứ báo động,
Không bao giờ phóng dật,
Trong diệu pháp bậc Thánh.*

*Thấy sợ trong chấp thủ,
Trong hiện hữu sanh tử.
Được giải thoát chấp thủ,
Sanh tử được đoạn trừ,
Được yên ổn an lạc,
Ngay hiện tại tịch tịnh,
Mọi oán hận sợ hãi,
Các vị ấy vượt qua;
Mọi đau đớn sâu khổ,
Họ đều được siêu thoát.*

12 Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn - Kinh HY HỮU VỊ TĂNG HỮU PHÁP – 123 Trung III, 317

KINH HY HỮU VỊ TĂNG HỮU PHÁP (**Acchariyabbhutadhamma sutam**)

– Bài kinh số 123 – Trung III, 317

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi một số rất đông Tỷ-kheo, sau buổi ăn, sau khi đi khát thực về, đang ngồi tụ họp trong thị giả đường (upatthanasala), **câu chuyện này được khởi lên giữa chúng Tăng:**

– "Thật hy hữu thay chư Hiền! Thật vị tăng hữu thay chư Hiền, là đại thần thông lực, đại uy lực của Như Lai! Vì Ngài biết được chư Phật quá khứ, đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các hý luận, đã đoạn các chương đạo, đã chấm dứt luân hồi, đã thoát ly mọi khổ: "Chư Thế Tôn ấy sanh tánh như vậy, danh tánh như vậy, tộc tánh như vậy... giới hạnh như vậy... pháp hạnh như vậy... tuệ hạnh như vậy.. trú hạnh như

vậy... chư Thế Tôn ấy giải thoát như vậy".

Khi được nghe nói như vậy, Tôn giả Ananda nói với các Tỷ-kheo ấy: "Thật hy hữu thay chư Hiền, Như Lai được đầy đủ các pháp hy hữu! Thật vị tăng hữu thay chư Hiền, Như Lai được đầy đủ các pháp vị tăng hữu!"

Và câu chuyện giữa các Tỷ-kheo ấy bị gián đoạn. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến thị giả đường, sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, nay các Ông ngồi nói chuyện gì? Câu chuyện gì giữa các Ông bị gián đoạn?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sau buổi ăn, sau khi đi khát thực trở về, chúng con ngồi tụ họp tại thị giả đường, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Hy hữu thay, chư Hiền... (như trên)... chư Thế Tôn ấy được giải thoát như vậy". Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, Tôn giả Ananda nói với chúng con như sau: "Thật hy hữu thay... Như Lai được đầy đủ các pháp hy hữu! Thật vị tăng hữu thay... Như Lai được đầy đủ các pháp vị tăng hữu!" Câu chuyện này giữa chúng con, bạch Thế Tôn, bị gián đoạn. Rồi Thế

Tôn đến.

Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

– Do vậy, này Ananda, hãy nói lên nhiều nữa, những đặc tánh hy hữu, vị tăng hữu của Như Lai.

1. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Chánh niệm tỉnh giác, này Ananda, Bồ-tát sanh trong Thiên chúng (Kaya) "Tusita"". Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác Bồ-tát sanh trong Thiên chúng Tusita, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.
2. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Chánh niệm tỉnh giác, này Ananda, Bồ-tát an trú trong Thiên chúng Tusita"". Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát an trú trong Thiên chúng Tusita, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.
3. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Chánh niệm tỉnh giác, này Ananda, Bồ-tát an trú tại Thiên chúng Tusita cho đến trọn thọ mạng"". Vì rằng, bạch

Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát an trú tại Thiên chúng Tusita cho đến trọn thọ mạng, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

4. Bạch Thế Tôn, con tận mắt nghe, con tận mắt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Chánh niệm, tỉnh giác này Ananda, Bồ-tát sau khi từ Thiên chúng Tusita mạng chung, nhập vào mẫu thai". Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát sau khi từ Thiên chúng Tusita mạng chung, nhập vào mẫu thai, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.
5. Bạch Thế Tôn, con tận mắt nghe, con tận mắt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập vào mẫu thai, này Ananda, khi ấy **một hào quang vô lượng**, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới ở trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Cho đến các thế giới ở giữa các thế giới, tối tăm, u ám không có nền tảng, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, với đại oai lực như vậy cũng không thể

chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới này chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn".

6. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "**Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, bốn vị Thiên tử đến canh gác bốn phương trời và nói: "Không cho một ai, người hay không phải loài người được phiền nhiễu Bồ-tát, hay mẹ vị Bồ-tát"**". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn".
7. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "**Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, mẹ Bồ-tát giữ giới một cách hồn nhiên, không sát sanh, không trộm**".

cấp, không tà dâm, không nói láo, không uống các thứ rượu nấu, rượu lên chất men".

Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu. là một vị tăng hữu của Thế Tôn.

8. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, mẹ Bồ-tát không khởi dục tâm đối với một nam nhân nào, và mẹ Bồ-tát không bị xâm phạm bởi bất kỳ người đàn ông nào có nhiễm tâm". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.
9. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, mẹ vị Bồ-tát tận hưởng năm dục công đức đầy đủ, tận hưởng trọn năm dục công đức". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.
10. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, mẹ vị Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ,

với tâm khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay.

Này Ananda, ví như viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo dũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Rồi một sợi dây được xuyên qua viên ngọc ấy, dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt. Nếu có người có mắt để viên ngọc trên bàn tay của mình, người ấy sẽ thấy rõ ràng: "Đây là viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo dũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Đây là sợi dây xuyên qua, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt". Cũng vậy, này Ananda, khi Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ bộ phận và chân tay". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

11. Bạch Thế Tôn con tận mắt nghe, con tận mắt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Sau khi sanh Bồ-tát bảy ngày, này Ananda, mẹ Bồ-tát**

mệnh chung và sanh lên cõi trời Đâu suất".

Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

12. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Trong khi các người đàn bà khác, này Ananda, mang bào thai trong bụng chín tháng hay mười tháng rồi mới sanh, mẹ vị Bồ-tát sanh Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát mang Bồ-tát trong bụng mười tháng rồi mới sanh"**. Vì rằng, bạch Thế Tôn.. con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

13. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Trong khi các người đàn bà khác, này Ananda, hoặc ngồi hoặc nằm mà sanh con, mẹ vị Bồ-tát sanh Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát đứng mà sanh Bồ-tát"**. Vì rằng bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

14. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Khi Bồ-tát từ**

bụng mẹ sanh ra, này Ananda, chư Thiên đỡ lấy Ngài trước, sau mới đến loài người". Vì rằng, bạch Thế Tôn ... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn là một hy hữu, một vi tăng hữu của Thế Tôn.

15. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, Bồ-tát không đứng đến đất. Có bốn Thiên tử đỡ lấy Ngài, đặt Ngài trước bà mẹ và thưa: "Hoàng hậu hãy hoan hỷ! Hoàng Hậu sanh một bậc vĩ nhân".** Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vi tăng hữu của Thế Tôn.

16. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch.** *Này Ananda, ví như một viên ngọc ma-ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba-la-nại. Viên ngọc không làm nhiễm ô tấm vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nại cũng không*

làm nhiễm ô hòn ngọc. Vì sao vậy? Vì cả hai đều thanh tịnh. Cũng vậy, này Ananda, khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhót nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ sự vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

17. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, hai dòng nước từ hư không hiện ra, một dòng lạnh, một dòng nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho Bồ-tát và cho bà mẹ"**. Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

18. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Bồ-tát khi sanh ra, này Ananda, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một long trắng được che lên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương lên"**.

tiếng như con ngư vương, thốt ra lời như sau: "Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta là bậc tối tôn ở trên đời! Ta là bậc cao nhất ở trên đời! Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sinh ở đời này nữa". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

19. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, khi ấy một hào quang vô lượng thần diệu, thắp xa oai lực của chư Thiên, hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên, và thế giới ở dưới gồm các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Cho đến các cảnh giới giữa các thế giới, tối tăm, u ám, không có nền tảng, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy một hào quang vô lượng, thắp xa oai lực chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại các chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau mà nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới này**

chuyển động, rung động, chuyển động mạnh.
Và hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa
oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Vì
rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này,
bạch Thế Tôn là một hy hữu, một vị tăng hữu
của Thế Tôn.

– Do vậy, này Ananda, hãy thọ trì sự việc này là
một hy hữu, một vị tăng hữu của Như Lai. Ở đây,
này Ananda, **các cảm thọ** khởi lên nơi Thế Tôn được
biết đến; được biết đến, chúng an trú; được biết đến,
chúng đi đến biến hoại; **các tướng** được biết đến; **các**
tâm khởi lên được biết đến; được biết đến, chúng an
trú; được biết đến, chúng đi đến biến hoại. **Này**
Ananda, hãy thọ trì việc này là một hy hữu, một
vị tăng hữu của Như Lai.

– Vì rằng, bạch Thế Tôn, các cảm thọ khởi lên
nơi Thế Tôn được biết đến; được biết đến, chúng an
trú; được biết đến, chúng đi đến biến hoại; các tướng
được biết đến; các tâm khởi lên được biết đến; được
biết đến, chúng an trú; được biết đến, chúng đi đến
biến hoại. Bạch Thế Tôn, con thọ trì sự việc này là
một hy hữu, một vị tăng hữu của Như Lai.

Tôn giả Ananda, nói như vậy. Bậc Đạo Sư chấp
nhận. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả

Ananda nói.

13 Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn - Kinh ĐẠI BỒN – 14 Trường I, 431

KINH ĐẠI BỒN (MAHA PADANA SUTTA) – Bài kinh số 14 – Trường I, 431 I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở tại nước Sāvattthi (Xá-vệ) rừng Jeta (Kỳ-đà), vườn ông Anāthapindika (Cấp Cô Độc), trong am thất cây Kareri (Hoa Lâm). Lúc bảy giờ, số đông các Tỷ-kheo đi khát thực về, sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp lại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại thuộc về tiền thân được khởi lên: "Đây là tiền thân, đây là tiền thân".

2. Thế Tôn, với thiên nhĩ thanh tịnh vượt quá loài người nghe được câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo. Rồi Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Hoa Lâm viên đường. Khi đến xong, Ngài ngồi trên ghế đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn hỏi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, câu chuyện gì, các người đang ngồi bàn? Câu chuyện gì đã bị gián đoạn giữa các

người?

Khi được nói vậy, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng con đi khát thực về, sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp tại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại về tiền thân được khởi lên: "Đây là tiền thân, đây là tiền thân". Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang được bàn đến giữa chúng con thời Thế Tôn đến.

3. - Nay các Tỷ-kheo, các người có muốn nghe pháp thoại thuộc về tiền thân không?

- Bạch Thế Tôn, thật là đúng thời; bạch Thiện Thệ, thật là đúng thời để Thế Tôn giảng pháp thoại thuộc về tiền thân. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Vậy nay các Tỷ-kheo, các người hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Dạ vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo này đáp lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

4. - Nay các Tỷ-kheo, **chín mươi một kiếp** về trước,

Thế Tôn Vipassī (Tỳ-bà-thi), bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

- Nay các Tỷ-kheo, **ba mươi một kiếp** về trước, Thế Tôn Sikhī (Thi-khí) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo, **cũng trong ba mươi một kiếp ấy**, Thế Tôn Vessabhū (Tỳ-xá-bà) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo **cũng trong hiện kiếp ấy**, Thế Tôn Kakusandha (Câu-lâu-tôn) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo, **cũng trong hiện kiếp ấy**, Thế Tôn Konāgamana (Câu-na-hàm) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo, **cũng trong hiện kiếp ấy**, Thế Tôn Kassapa (Ca-diếp) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo, **cũng trong hiện kiếp ấy**, nay Ta, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

5. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sanh thuộc **chủng tánh Sát-đế-ly**, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly.

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhũ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sanh trong giai cấp Bà-la-môn .
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sanh trong giai cấp Bà-la-môn.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sanh trong giai cấp Bà-la-môn .
- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly.

6. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna (Câu-ly-nhã).

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán,

Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna.

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konagamara, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.
- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc danh tánh Gotama (Cù-đàm).

7. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là tám vạn năm.

- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là bảy vạn năm.

- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **sáu vạn năm**.
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **bốn vạn năm**.
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **ba vạn năm**.
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ của loài người là **hai vạn năm**.
- Nay các Tỷ-kheo, nay tuổi thọ của Ta không bao nhiêu, ít ỏi, tuổi thọ loài người khoảng **một trăm năm hay hơn một chút**.

8. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **giác ngộ dưới gốc cây pāṭali** (bà-bà-la).

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **giác ngộ dưới gốc cây pundarika** (phân-đà-ly).
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-

la-hán, Chánh Đăng Giác, giác ngộ dưới gốc cây sirīsa (thi-lợi-sa).

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konākgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, giác ngộ dưới gốc cây udumbara (ô-tam-bà-la).
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, giác ngộ dưới gốc cây nigrodha (ni-câu-luật-đà).
- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác giác ngộ dưới gốc cây assattha (bát-đa-la).

9. Nay các Tỷ-kheo, **hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử** của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, tên là Khanda (Kiển-trà) và Tissa (Đề-xá).

- Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, tên là Abhibhū (A-tỳ-phù) và Sambhava (Tam-bà-bà).
- Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, tên là Sona (Phù-du) và Uttara (Uất-đa-la).

- Đây các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Vidhūra (Tỳ-lâu) và Sanjīva (Tát-ni).
- Đây các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bhiyyosa (Thư-bà-na) và Uttara (Uất-đa-la).
- Đây các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Tissa (Đề-xá) và Bhāradvāja (Bà-la-bà).
- Đây các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Ta là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallāna (Mục-kiền-liên).

10. Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có **ba Tăng hội**: một Tăng hội **sáu mươi tám triệu** Tỷ-kheo, một Tăng hội **mười vạn** Tỷ-kheo, một Tăng hội **tám vạn** Tỷ-kheo. Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, **tất cả đều là bậc Lâu tân.**

- Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī,

bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội bảy vạn Tỷ-kheo. Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ.

- Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhũ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội bảy vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội sáu vạn Tỷ-kheo. Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhũ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ.
- Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội bốn vạn Tỷ-kheo. Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ.
- Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội ba vạn Tỷ-kheo. Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như

vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ.

- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội hai vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc A-la-hán .
- Nay các Tỷ kheo, nay trong thời của Ta có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo, tất cả đều là bậc Lưu tậ.

11. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất.

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Khemankara (Nhẫn Hành), vị này là vị thị giả đệ nhất.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Upasannaka (Tịch Diệt) vị này là vị thị giả đệ nhất.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc

A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Buddhija (Thiện Giác), vị này là thị giả đệ nhất.

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Sotthija (An Hòa), vị này là vị thị giả đệ nhất.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Sabbamitta (Thiện Hữu), vị này là vị thị giả đệ nhất.
- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Ānanda (A-nan), vị này là vị thị giả đệ nhất.

12. Nay các Tỷ-kheo, phụ vương của Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bandhumā (Bàn-đầu); mẫu hậu tên là Bandhumati (Bàn-đầu-bà-đề). Kinh thành của vua Bandhumā tên là Bandhumatī.

- Nay các Tỷ-kheo, phụ vương Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Aruna (Minh Tướng); mẫu hậu tên là Pabhāvatī

(Quang Huy); kinh thành của vua Aruna tên là Pabhāvatī.

- Nay các Tỷ-kheo, phụ vương Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Suppatīta (Thiện Đẳng), mẫu hậu tên là Yasavati (Xứng Giới); Kinh thành của vua Suppatita tên là Anopama (Vô Dụ).
- Nay các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Aggidatta (Tự Đắc); mẫu thân Bà-la-môn tên là Visākhā (Thiện Chi). Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ vua trị vì tên là Khema (An Hòa); kinh thành vua Khema tên là Khemavatī (An Hòa).
- Nay các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Yannadatta (Đạt Đức) mẫu thân Bà-la-môn tên là Uttarā (Thiện Thắng; Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, vua trị vì tên là Sobha (Thanh Tịnh); kinh thành của vua Sobha tên là Sobhavatī (Thanh Tịnh).
- Nay các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Brahmadatta (Phạm Thi) mẫu thân Bà-

la-môn tên là Dhanavati (Tài Chủ). Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ vua trị vì tên là Kikī (Hấp Tỷ); kinh thành vua Kikī là Baranaśī (Ba-la-nại).

- Nay các Tỷ-kheo, nay **phụ vương của Ta tên là Suddhodana (Tịnh Phạn); mẫu hậu của Ta tên là Māyā (Ma-da); kinh thành tên là Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Giảng xong Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh xá.

13. Thế Tôn đi ra chẳng bao lâu cuộc đàm thoại sau đây khởi lên giữa những Tỷ-kheo ấy:

- Nay các Hiền giả, thật hy hữu thay! **Này các liên giả, thật kỳ diệu thay, đại thần lực, đại oai lực của Như Lai!** Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chương ngại, đã đoạn các chương đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là

như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? ***Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết Bàn***, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy?
Hay là chư Thiên mách bảo Như Lai và nhờ sự mách bảo này, Như Lai nhớ được các đức Phật quá khứ, các vị này đã nhập Niết bàn đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát như thế này?"

Như vậy là cuộc đàm thoại đang khởi lên giữa những Tỷ-kheo ấy.

14. Bảy giờ Thế Tôn, vào buổi chiều tối, sau khi xuất định, liền đến Hoa Lâm viên đường, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xong, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay các Người ngồi luận bàn vấn đề gì? Đề tài gì đã được luận bàn giữa các Người?

Khi được hỏi vậy, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đi ra chẳng bao lâu, cuộc đàm thoại sau đây đã khởi lên giữa chúng con: "Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Này các hiền giả thật kỳ diệu thay đại thân lực, đại oai lực của Như Lai! Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết Bàn, đã đoạn các chương ngại, đã đoạn các chương đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy". *Này các Hiền giả, quý vị*

ngiht như thế nào? Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy?" *Hay là chư Thiên mách bảo Như Lai và nhờ sự mách bảo này, Như Lai nhớ được các đức Phật quá khứ, các vị này đã nhập Niết bàn* đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát như thế này?" Bạch Thế Tôn, như vậy là vấn đề bàn luận giữa chúng con, khi Thế Tôn đến.

15. - Nay các Tỷ-kheo, **như vậy là pháp giới ấy được khéo chứng đạt bởi Như Lai, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ,** những vị này đã nhập Niết Bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Nay các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Này các Tỷ-kheo, vậy hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, Thế Tôn giảng như sau:

16. - Này các Tỷ-kheo, **cách đây chín mươi một kiếp về trước**, Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ đến tám vạn năm. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Patali (Ba-ba-la). Này các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Khanda (Kiển-trà) và Tissa (Đề-xá). Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội sáu mươi tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng

Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất. Nay các Tỷ-kheo, Phụ Vương Thế Tôn Tỷ-bà-thi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bandhumã (Bàn-đầu), mẫu hậu tên là Bandhumatĩ (Bàn-đầu-bà-đề), kinh thành của Bandhumã tên là Bandhumatĩ.

17. Nay các Tỷ-kheo, **pháp nhĩ là như vậy, Bô-tát Vipassĩ**, sau khi từ giã cảnh giới Đâu-suất thiên, **chánh niệm tỉnh giác** nhập vào mẫu thai. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy.

Khi Bô-tát Vipassĩ từ giã cảnh giới Đâu-suất thiên, chánh niệm tỉnh giác nhập vào mẫu thai, **khí ấy một hào quang vô lượng, thần diệu**, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới ở trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các vị hoàng tử và dân chúng. (1). Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và **mười ngàn**

thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng, thần diệu ấy, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Pháp nhĩ là như vậy.

(1) Sadevamanussaya. Có chỗ dịch: chư Thiên và loài người.

Này các Tỷ-kheo, **pháp nhĩ là như vậy**. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, **bốn vị Thiên tử** đứng canh gác bốn phương trời và nói: *"Không cho một ai, người hay không phải loài người, được hãm hại vị Bồ-tát. Pháp nhĩ là như vậy"*.

18. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, *me vị Bồ-tát giữ giới một cách hồn nhiên*, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống các thứ rượu men, rượu nấu. Pháp nhĩ là như vậy.

19. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, *me vị Bồ-tát không khởi dục tâm* đối với một nam nhân nào, và không vi phạm tiết hạnh với bất kỳ người đàn ông nào dầu người này có tâm ái nhiễm đối với bà. Pháp nhĩ là gì vậy.

20. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, *me vị Bồ-tát có được năm món*

đục lạc đầy đủ, tận hưởng, trọn hưởng năm món đục lạc ấy. Pháp nhĩ là như vậy.

21. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, me vị Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay.

Này các Tỷ-kheo, ví như viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo giữa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Rồi một sợi dây được xuyên qua viên ngọc ấy, dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt. Nếu có người có mắt để viên ngọc trên bàn tay của mình, người ấy sẽ thấy rõ ràng: "Đây là viên ngọc lưu ly, thanh tịnh thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt khéo giữa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Đây là sợi dây xuyên qua, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, me vị Bồ-tát không một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay. Pháp nhĩ là như vậy.

22. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Sau khi

sinh vị Bồ-tát bảy ngày, mẹ vị Bồ-tát mệnh chung và sinh lên cảnh trời Đâu suất. Pháp nhĩ là như vậy.

23. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác mang bầu thai trong bụng chín tháng hay mười tháng rồi mới sinh, mẹ vị Bồ-tát sinh vị Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát mang vị Bồ-tát trong bụng mười tháng trời mới sinh. Pháp nhĩ là như vậy.

24. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác, hoặc ngồi, hoặc nằm mà sinh con, mẹ vị Bồ-tát sinh vị Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát đứng mà sinh vị Bồ-tát. Pháp nhĩ là như vậy.

25. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sinh ra, chư Thiên đỡ lấy Ngài trước, sau mới đến loài người. Pháp nhĩ là như vậy.

26. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sinh ra, vị Bồ-tát không đụng đến đất. Có bốn Thiên tử đỡ lấy Ngài, đặt Ngài trước bà mẹ và thưa: "Hoàng hậu hãy hoan hỷ. Hoàng hậu sinh một bậc vĩ nhân". Pháp nhĩ là như vậy.

27. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sinh ra, Ngài sinh ra thanh tịnh,

không bị nhiễm ô bởi nước nhót nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy.

Này các Tỷ-kheo, như viên ngọc ma-ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba-la-nại. Hòn ngọc không làm nhiễm ô tấm vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nại cũng không làm nhiễm ô hòn ngọc. Vì sao vậy? Vì cả hai đều thanh tịnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhót nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy.

28. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, hai dòng nước từ hư không hiện ra, một dòng lạnh, một dòng nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho vị Bồ-tát và cho bà mẹ. Pháp nhĩ là như vậy.

29. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Vì Bồ-tát khi sanh ra, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một long trắng được che trên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lớn tiếng như con ngưu vương, thốt ra

lời như sau: "*Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta là bậc tối tôn ở trên đời. Ta là bậc cao nhất ở trên đời. Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sinh ở đời này nữa*". Pháp nhĩ là như vậy.

30. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, khi ấy một hào quang vô lượng thần diệu, thắp xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên, và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các vị hoàng tử và dân chúng. Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thắp xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau mà nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới chuyên động, rung động, chuyên động mạnh. Và hào quang vô lượng thần diệu ấy thắp xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Pháp nhĩ là như vậy.

31. Nay các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī sinh ra, vua Bandhumā được báo tin: "Đại vương đã được sinh một hoàng tử". Nay các Tỷ-kheo, khi thấy

hoàng tử xong, vua Bandhumã liền cho mời các vị Bà-la-môn đoán tướng và nói: "Này các Hiền giả, hãy xem tướng cho Hoàng tử". Này các Tỷ-kheo, khi xem tướng Hoàng tử Vipassī xong, các vị Bà-la-môn đoán tướng tâu với vua Bandhumã: *"Đại vương hãy hân hoan; Đại vương đã sinh một bậc vĩ nhân! May mắn thay cho Đại vương, đại hạnh thay cho Đại vương đã được một Hoàng tử như vậy sanh trong gia đình. Tâu Đại vương, Hoàng tử này có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân. Ai có đủ ba mươi hai tướng tốt này sẽ chọn hai con đường này thôi, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương, dùng chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, gia chủ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời".*

32. "Đại vương, ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại

nhân là gì mà Hoàng tử nếu đầy đủ những tướng tốt này sẽ chọn đi hai con đường, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương dùng chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc lộ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán. Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời?

1. "Đại vương, Hoàng tử này có lòng bàn chân bằng phẳng, tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân.
2. "Đại vương, dưới hai bàn chân của Hoàng tử này, có hiện ra hình bánh xe, với ngàn tám xe, với trục xe, vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ, tướng này được xem là tướng của bậc Đại nhân.
3. "Đại vương, Hoàng tử này có gót chân thon dài... (như trước)

4. "Đại vương, Hoàng tử này có ngón tay, ngón chân dài...
5. "Đại vương, Hoàng tử này có tay chân mềm mại...
6. "Đại vương, Hoàng tử này có tay chân có màn da lưới...
7. "Đại vương, Hoàng tử này có mắt cá tròn như con sò...
8. "Đại vương, Hoàng tử này có ống chân như con dê rừng...
9. "Đại vương, Hoàng tử này đứng thẳng, không co lưng xuống, có thể rời từ đầu gối với hai bàn tay...
10. "Đại vương, Hoàng tử này có tướng mã âm tàng...
11. "Đại vương, Hoàng tử này có màu da như đồng, màu sắc như vàng...
12. "Đại vương, Hoàng tử này có da trơn mượt khiến bụi không thể bám dính vào...
13. "Đại vương, Hoàng tử này có lông da mọc từ lông một, mỗi lỗ chân lông có một lông...

14. "Đại vương, Hoàng tử này có lông mọc xoáy tròn thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt...
15. "Đại vương, Hoàng tử này có thân hình cao thẳng...
16. "Đại vương, Hoàng tử này có bảy chỗ tròn đầy...
17. "Đại vương, Hoàng tử này có nửa thân trước như con sư tử...
18. "Đại vương, Hoàng tử này không có lỗm khuyết giữa hai vai...
19. "Đại vương, Hoàng tử này có thân thể cân đối như cây bàng (nigrodha: ni-câu-luật). Bề cao của thân ngang bằng bề dài của hai tay sải rộng, bề dài của hai tay sải rộng ngang bằng bề cao của thân...
20. "Đại vương, Hoàng tử này có bán thân trên vuông tròn...
21. "Đại vương, Hoàng tử này có vị giác hết sức sắc bén...
22. "Đại vương, Hoàng tử này có quai hàm như con

sư tử. .

23. "Đại vương, Hoàng tử này có bốn mươi răng...
24. "Đại vương, Hoàng tử này có răng đều đặn...
25. "Đại vương, Hoàng tử này có răng không khuyết hở...
26. "Đại vương, Hoàng tử này có răng cửa (thái xỉ) tron lán...
27. "Đại vương, Hoàng tử này có tướng lưỡi rộng dài...
28. "Đại vương, Hoàng tử này có giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim ca-lăng-tần-già (Karavika)...
29. "Đại vương, Hoàng tử này có hai mắt màu xanh đậm...
30. "Đại vương, Hoàng tử này có lông mi con bò cái...
31. "Đại vương, Hoàng tử này giữa hai lông mày, có sợi lông trắng mọc lên, mịn màng như bông nhẹ.
32. "Đại vương, Hoàng tử này có nhục kế trên đầu,

tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân...

33. "Đại vương, Hoàng tử có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân, với ba mươi hai tướng tốt này, Hoàng tử sẽ chọn đi hai con đường, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, Hoàng tử sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành sở hữu của Ngài, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục quả đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu Hoàng tử từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, Hoàng tử sẽ thành bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời".

Này các Tỷ-kheo, Vua Bandhumã ra lệnh cúng dường các vị Bà-la-môn đoán tướng ấy, các áo vải mới và làm thỏa mãn mọi sự đòi hỏi ước muốn.

34. Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumã cho nuôi những người vú cho hoàng tử Vipassī. Người cho bú, người tắm, người lo bông ằm, người mang trên nách. Này các Tỷ-kheo, một lọng trắng ngày đêm được che

trên hoàng tử Vipassī, và lệnh được truyền ra: "Không được để lạnh hay nóng, cỏ, bụi, hay sương làm phiền hoàng tử". Hoàng tử Vipassī được mọi người âu yếm. Đây các Tỷ-kheo, cũng như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hay hoa sen trắng được mọi người yêu thích. Cũng vậy, đây các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī được mọi người âu yếm, gần như được ẵm từ nách này qua nách người khác.

35. Đây các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī được sinh ra, hoàng tử phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn. Đây các Tỷ-kheo, giống như con chim ca-lăng-tân-già sinh trong núi Hy-mã-lạp sơn, giọng chim rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn. Cũng vậy đây các Tỷ-kheo, Hoàng Tử Vipassī phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn.

36. Đây các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī sanh ra, Thiên nhân hiện ra với Ngài, do nghiệp báo sanh, và nhờ Thiên nhân ấy, Ngài có thể nhìn khắp chung quanh đến một do tuần, ban ngày cũng như ban đêm.

37. Đây các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī sanh ra, Ngài nhìn thẳng sự vật với cặp mắt không nhấp nháy, như hàng chur Thiên ở Tam thập tam thiên. Vì hoàng tử Vipassī nhìn không nhấp nháy, nên đây các Tỷ-

kheo, hoàng tử Vipassī được gọi tên là "**Vipassī Vipassī**", "**Vì đã nhìn thấy**". Nay các Tỷ-kheo, khi vua Bandhumā ngồi xử kiện, vua cho đặt hoàng tử Vipassī ngồi bên nách mình để xử kiện. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī ngồi bên nách vua cha như vậy và chú tâm quan sát phương thức xử kiện đến nổi tự mình cũng có thể phán đoán xử kiện. Nay các Tỷ-kheo, do hoàng tử Vipassī "có thể quan sát và xử kiện đúng luật pháp" và danh từ "Vipassī Vipassī" càng được dùng để đặt tên cho Ngài.

38. Nay các Tỷ-kheo, **rồi vua Bandhumā cho xây dựng ba tòa lầu đài** cho hoàng tử Vipassī, một cho **mùa mưa**, một cho **mùa đông**, một cho **mùa lạnh**, và năm món dục lạc đều được chuẩn bị đầy đủ. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī sống bốn tháng mưa trong lầu đài dành cho mùa mưa, được hầu hạ vui với các nữ nhạc sĩ, và không một lần nào, Ngài bước xuống khỏi lầu.

II

1. - Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh" - "Thưa vâng, Hoàng Tử". Nay các Tỷ-

kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Này các Tỷ-kheo, lúc bảy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

2. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường đi đến vườn ngự uyển, thấy một người già nua, lưng còm như nóc nhà, chống gậy, vừa đi vừa run rẩy, khổ não, không còn đâu là tuổi trẻ. Thấy vậy hoàng tử hỏi người đánh xe:

- *"Này khanh, người đó là ai vậy? Sao thân người đó không giống các người khác?"*
- "Tâu Hoàng tử, người đó là một người được gọi là già vậy".
- "Này khanh, sao người ấy được gọi là một người già?"
- "Tâu Hoàng tử, người ấy gọi là già vì nay người ấy sống không bao lâu nữa".
- "Này khanh, vậy rồi Ta có bị già không, một

người chưa qua tuổi già?"

- "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, dầu chúng ta chưa qua tuổi già!"
- "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".
- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, **hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ. "Sĩ nhục thay, cái gọi là sanh. Và ai sanh ra cũng phải già yếu như vậy!"**.

3. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không, tại vườn ngự uyển? "Này khanh, Hoàng tử có hoan hỷ không, tại vườn ngự uyển?"

- "Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ, tại vườn ngự uyển"

- "Này khanh, khi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?"

- "Tâu đại vương, Hoàng tử trong khi đi đến vườn ngự uyển, thấy một người già nua, lưng còm như nóc nhà, chống gậy vừa đi vừa run rẩy, khổ não không còn đâu là tuổi trẻ. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, người đó là ai vậy? Sao tóc người đó không giống các người khác? Sao thân người đó không giống các người khác?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là vậy" - "Này khanh, sao người ấy được gọi là người già? - "Tâu Hoàng tử, người ấy gọi là già, vì nay người ấy sống không bao lâu nữa". - "Này khanh, vậy rồi Ta có phải bị già không, một người chưa qua tuổi già?" - "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, dầu chúng ta chưa qua tuổi già" - "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng Tử!". Tâu Đại vương, con vâng lời Hoàng tử Vipassì, cho đánh xe trở về cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử trở về cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ. "Sỉ nhục thay, cái gọi là sanh. Và ai sanh ra cũng phải già yếu như vậy".

4. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ: "**Không thể để** cho hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì. Không thể để cho Hoàng tử Vipassì xuất gia. Không thể để cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật".

Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumà lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì khỏi phải xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không trúng sự thật. Và, này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống tận hưởng đầy đủ sung túc năm món dục lạc.

5. Này các Tỷ-kheo hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi người đánh xe... (như trước).

6. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, khi đang đi đến vườn ngự uyển, **thấy một người bệnh hoạn, khổ não, nguy kịch**, bò lết trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt. Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

- "Này khanh, người này đã làm gì, mà mắt của nó không giống mắt của những người khác, giọng nói của nó không giống giọng nói của những người khác?"
- "Tâu Hoàng tử, đó là một người được gọi là một người bệnh vậy".
- "Này khanh, sao người ấy được gọi là một

người bệnh?"

- "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là một người bệnh vì người ấy chưa thoát khỏi căn bệnh của mình"
- "Này khanh, **vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bị bệnh?"**
- "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật, dầu chúng ta chưa bị bệnh tật".
- "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".
- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: **"Sĩ nhục thay, cái gọi là sanh! Và ai sanh ra, cũng phải già, cũng phải bệnh!"**

7. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không tại vườn ngự uyển? Hoàng tử có hoan hỷ không tại vườn ngự uyển?" - "Tâu Đại vương, Hoàng

tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển" - "Này khanh, khi đi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đến vườn ngự uyển thấy một người bệnh hoạn, khổ não, nguy kịch, bò lết trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, người đó đã làm gì mà mắt của nó không giống mắt của người khác, giọng nói của nó không giống giọng nói của những người khác?" - "Tâu Hoàng tử, đó là một người được gọi là một người bệnh vậy". - "Này khanh, sao người ấy được gọi là một người bệnh?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người bệnh, vì người ấy chưa khỏi căn bệnh của mình!" - "Này khanh, vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bị bệnh?" - "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật, dầu chúng ta chưa bị bệnh tật". - "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi! Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng tử". Con vâng theo lời Hoàng tử cho đánh xe trở về cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sỉ nhục thay, cái gọi là sanh! Và ai sanh ra, cũng phải già, cũng phải bệnh!".

- Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ:

"Không thể để" cho Hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì! Không thể để cho Hoàng tử Vipassì xuất gia! Không thể để cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật". Nay các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhuma, lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì không thể xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không trúng sự thật. Và nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống tận hưởng, đầy đủ, sung túc năm món dục lạc.

9. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh". - "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

10. - Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường

đi đến vườn ngự uyển, **thấy một số đông người, mặc sắc phục khác nhau, và đang dựng một dàn hỏa táng.** Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

- "Này khanh, vì sao đám đông người ấy mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng?"
- "Tâu Hoàng tử, vì có một người vừa mới mệnh chung"
- "Này khanh, vậy người hãy đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung!"
- "Thưa vâng, tâu Hoàng tử."

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử, cho đánh xe đến người vừa mới mệnh chung. Này các Tỷ-kheo, khi thấy thân người chết, hoàng tử Vipassì hỏi:

- "Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã chết?"
- "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người đã chết vì nay bà mẹ, ông cha, các người bà con ruột thịt khác không thấy người ấy nữa; và người ấy cũng không thấy bà mẹ, ông cha hay những người bà con ruột thịt khác!"

- "Này khanh, vậy Ta chưa chết, rồi có bị chết không? Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Ta chăng, và Ta sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay những bà con ruột thịt chăng?"
- "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tuy nay chưa chết nhưng rồi sẽ cũng bị chết. Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Hoàng Tử, và Hoàng tử sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác".
- "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".
- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, **hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sĩ nhục thay cái gọi là sanh! Và ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vậy!"**.

11. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không, tại vườn ngự uyển? Hoàng tử có hoan hỷ

không, tại vườn ngự uyển?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển". - "Này khanh đi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đang đi đến vườn ngự uyển, thấy một số đông người, mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng. Thấy vậy Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, vì sao đám đông người ấy, mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng?" - "Tâu Hoàng tử, vì có một người mới mệnh chung". - "Này khanh, vậy người hãy đánh xe lại gần người vừa mới mệnh chung". - "Thưa vâng, tâu Hoàng tử". Con vâng theo lời Hoàng tử, cho đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung. Khi thấy thân chết, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã chết?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người đã chết, vì nay bà mẹ, ông cha hay những bà con ruột thịt khác không thấy người ấy nữa! Và người ấy cũng không thấy bà mẹ, ông cha hay những người bà con ruột thịt khác". - "Này khanh, vậy Ta chưa chết rồi có bị chết không? Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Ta chăng? Và Ta sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác chăng?" - "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tuy nay chưa chết nhưng rồi cũng sẽ bị chết. Phụ vương, Mẫu hậu hay những

người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy hoàng tử, và hoàng tử sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác" - "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng tử". Con vâng theo lời hoàng tử Vipassì cho đánh xe trở về cung. Hoàng tử về trong cung đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sỉ nhục thay cái gọi là sanh! Và ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vậy!".

12. Nay các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ: "Không thể để cho hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì! Không thể để cho hoàng tử Vipassì xuất gia. Không thể để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật".

- Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumà lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì không thể xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không đúng sự thật. Và này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassì sống tận hưởng, đầy đủ, sung túc năm món dục lạc.

13. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi

người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh". - "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

14. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường đi đến ngự uyển thấy một vị xuất gia, đầu trơn, đắp áo cà sa. Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

- "Này khanh, người này đã làm gì, mà đầu người ấy lại khác đầu của những người khác, và áo của người ấy cũng khác áo của những người khác?"
- "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người xuất gia!"
- "Này khanh, sao người ấy được gọi là người xuất gia?"

- "Tâu Hoàng tử, xuất gia nghĩa là khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh!"
- "Này khanh, hãy đánh xe đến gần vị xuất gia".
- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử Vipassì, đánh xe đến gần người xuất gia. Này các Tỷ-kheo, rồi hoàng tử Vipassì hỏi vị xuất gia:

- "Thưa Hiền giả, Ngài đã làm gì, mà đầu của Ngài không giống những người khác, và áo của Ngài không giống các người khác?"
- "Thưa Hoàng tử, tôi là một người xuất gia!"
- "Thưa Hiền giả, thế nào gọi là người xuất gia?"
- "Thưa Hoàng tử, tôi là người được gọi là xuất gia, vì tôi khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh".
- "Thưa Hiền giả, lành thay hạnh xuất gia của

Ngài, lành thay khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh".

15. Này các Tỷ-kheo, rồi hoàng tử Vipassì bảo người đánh xe:

- "Này khanh, hãy lấy xe này và cho đánh xe về cung. Còn Ta ở nơi đây, sẽ cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì lấy xe và đánh xe về cung. Còn hoàng tử Vipassì, chính tại chỗ ấy, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

16. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, tại kinh đô Bandhumatì có một đại chúng tám vạn bốn ngàn người nghe tin: "*Hoàng tử Vipassì đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình*". Khi nghe tin, các vị ấy suy nghĩ: "*Pháp luật như vậy không phải tầm thường, xuất gia như vậy không phải tầm thường, vì hoàng tử Vipassì trong pháp luật ấy đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất*

gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Nay hoàng tử Vipassì đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình tại sao chúng ta lại không?"

Này các Tỷ-kheo, rồi đại chúng tám vạn bốn ngàn người ấy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, dưới sự lãnh đạo của Bồ-tát Vipassì. Rồi Bồ-tát Vipassì cùng với đồ chúng, du hành, đi ngang qua những làng, thị xã và đô thị.

17. Này các Tỷ-kheo, *trong khi yên lặng tịnh cư, Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Sao Ta lại sống bị bao vây bởi đồ chúng này. Tốt hơn là Ta sống một mình, lánh xa đồ chúng này!"*

Này các Tỷ-kheo, sau một thời gian Bồ-tát Vipassì sống một mình, lánh xa đồ chúng, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này đi một ngả, Bồ-tát Vipassì đi một ngả.

18. Này các Tỷ-kheo, *trong khi yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Thế giới này thật rơi vào cảnh khổ não, phải sanh rồi già, rồi chết, rồi từ bỏ thế giới này để tái sanh thế giới khác. Không một ai biết một con đường giải thoát khỏi sự đau khổ này, thoát khỏi già và chết".*

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:
"Cái gì có mặt, già chết mới có mặt? Do duyên gì, già chết sanh?". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây**: "Do **sanh** có mặt, nên già, chết có mặt. Do duyên sanh, nên già chết sanh".

- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:
"Cái gì có mặt, sanh mới có mặt? Do duyên gì, sanh phát khởi?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến sau đây**: "Do **hữu** có mặt nên sanh mới có mặt. Do duyên hữu, nên sanh phát khởi".
- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:
"Cái gì có mặt, hữu mới có mặt? Do duyên gì, hữu phát sanh?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **thủ** có mặt nên hữu mới có mặt. Do duyên thủ, hữu phát sanh".
- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:
"Cái gì có mặt, thủ mới có mặt? Do duyên gì, thủ phát sanh?". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **ái** có mặt, thủ mới phát sanh".

- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, ái mới có mặt. Do duyên gì, ái phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **thọ** có mặt, ái mới có mặt. Do duyên thọ, ái phát sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thọ mới có mặt. Do duyên gì, thọ mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **xúc** có mặt, thọ mới có mặt. Do duyên xúc, thọ mới phát sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, xúc mới có mặt. Do duyên gì, xúc mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **lục nhập** có mặt, xúc mới có mặt. Do duyên lục nhập, xúc mới phát sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, lục nhập mới có mặt. Do duyên gì, lục nhập mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **danh**

sắc có mặt, lục nhập mới có mặt. Do duyên danh sắc, lục nhập mới phát sanh".

- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, danh sắc mới có mặt? Do duyên gì, danh sắc mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **thức** có mặt, danh sắc có mới có mặt. Do duyên thức, danh sắc mới phát sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thức mới có mặt. Do duyên gì, thức mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **danh sắc** có mặt, thức mới có mặt. Do duyên danh sắc, thức mới phát sanh".

19. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ như sau: **"Thức này xoay trở lui lại, từ nơi danh sắc, không vượt khỏi danh sắc. Chỉ như thế này, con người được sanh ra hay trở thành già, hay bị chết, hay từ biệt cõi này, hay sanh lại ở cõi khác, nghĩa là do duyên danh sắc, thức sanh; do duyên thức, danh sắc sanh; do duyên danh sắc, lục nhập sanh; do duyên lục nhập, xúc sanh; do duyên xúc, thọ sanh; do duyên thọ, ái sanh; do duyên ái, thủ**

sanh; do duyên thủ, hữu sanh; do duyên hữu, sanh sanh; do duyên sanh, lão, tử, sầu bi, khổ ưu não sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này".

→ "Tập khởi, tập khởi". Nay các Tỷ-kheo, từ nơi Bồ-tát Vipassì, khởi sanh pháp nhân từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh.

20. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: **"Do cái gì không có mặt, già chết không có mặt? Cái gì diệt, già chết diệt?"** Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây:** "Do **sanh** không có mặt, già chết không có mặt, do sanh diệt, già chết diệt".

Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, sanh không có mặt? Cái gì diệt, sanh diệt?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây:** "Do **hữu** không có mặt, sanh không có mặt, do hữu diệt, sanh diệt".

Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, hữu không có mặt? Cái gì diệt, hữu diệt?". Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến

sau đây: "Do **thủ** không có mặt, hữu không có mặt, do thủ diệt, hữu diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, thủ không có mặt? Cái gì diệt, thủ diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **ái** không có mặt, thủ không có mặt, do ái diệt, thủ diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, ái không có mặt? Cái gì diệt, ái diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **tho** không có mặt, ái không có mặt, do thọ diệt, ái diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, thọ không có mặt? Cái gì diệt, thọ diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **xúc** không có mặt, thọ không có mặt, do xúc diệt, thọ diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, xúc không có mặt? Cái gì diệt, xúc diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến

sau đây: "Do **lục nhập** không có mặt, xúc không có mặt, do lục nhập diệt, xúc diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì có mặt, lục nhập không có mặt? Cái gì diệt, lục nhập diệt". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **danh sắc** không có mặt, lục nhập không có mặt, do danh sắc diệt, lục nhập diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, danh sắc không có mặt? Cái gì diệt danh sắc diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **thức** không có mặt, danh sắc không có mặt, do thức diệt, danh sắc diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì không có mặt, thức không có mặt? Do cái gì diệt, thức diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **danh sắc** không có mặt, thức không có mặt, do danh sắc diệt, thức diệt".

21. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "**Ôi, Ta đã chứng được con đường đưa đến Bồ-đề, nhờ pháp tu quán. Nghĩa là, do danh sắc diệt, thức diệt; do thức diệt, danh sắc diệt; do danh sắc**

diệt, lục nhập diệt; do lục nhập diệt, xúc diệt; do xúc diệt, thọ diệt, do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt; do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, ưu, bi, khổ, sầu, não diệt. Như vậy, toàn bộ khổ uẩn diệt".

→ "Diệt, diệt". Đây các Tỷ-kheo, từ nơi Bồ-tát Vipassì, khởi sanh pháp nhãn từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh.

22. Đây các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau một thời gian sống quán sự sanh diệt trong năm uẩn:**

"Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ diệt. Đây là tưởng, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng diệt. Đây là hành, đây là hành tập khởi, đây là hành diệt! Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức diệt".

Và đối với Ngài, sau khi **sống quán pháp sanh diệt trong năm thủ uẩn**, chẳng bao lâu các lậu hoặc được tiêu trừ và Ngài được giải thoát.

III.

1. Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác liền suy nghĩ: "Nay Ta hãy thuyết pháp".

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưu ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý ida-paccayata paticca samuppàda: **Y tánh duyên khởi pháp**; thật khó mà thấy được định lý tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta!"

2. Này các Tỷ-kheo, với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, những bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên:

Sao nay Ta lại nói lên chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn.

Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham sân chi phối.

Những ai bị ái nhiễm và vô minh bao phủ rất khó thấy pháp này.

Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thấy, vi tế.

Này các Tỷ-kheo, với những lời như vậy, suy tư trên vấn đề, tâm của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp**. Khi bấy giờ, một trong các vị Đại Phạm thiên, khi biết được tư tưởng của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nhờ tư tưởng của mình, liền suy nghĩ: **"Than ôi, thế giới sẽ bị tiêu diệt, thế giới sẽ bị hoại vong, nếu tâm của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp!"**

3. Này các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên ấy, như một nhà lực sĩ đuổi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đuổi thẳng, cũng vậy vị ấy biến mất từ thế giới Phạm thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo, rồi vị Đại Phạm thiên đáp thượng y trên một bên vai, quỳ đầu gối bên phải trên mặt đất, chắp tay hướng về Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và bạch rằng: **"Bach Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiên Thê, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít bị bụi trần che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe chánh pháp. (Nếu được nghe), những vị này có thể thâm hiểu chánh pháp".**

4. Này các Tỷ-kheo, được nghe nói vậy, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói với vị

Đại Phạm thiên: "Này Phạm thiên, Ta đã suy nghĩ như sau: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ có người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý y tánh duyên khởi pháp; thật khó mà thấy được định lý tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật mệt mỏi cho Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta". Này Phạm thiên, khi ấy những bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng nghe khởi lên nơi Ta:

Sao nay Ta lại nói lên chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn?

Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham sân chi phối.

Những ai bị ái nhiễm và vô minh bao phủ rất khó mà thấy được pháp này.

Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thấy, vi tế.

Này Phạm thiên, với những lời như vậy, suy tư trên vấn đề, tâm của Ta hướng về vô vi thụ động,

không muốn thuyết pháp.

5. Này các Tỷ-kheo, lần thứ hai vị Đại Phạm thiên ấy... (như trên)...

6. Này các Tỷ-kheo, lần thứ ba, vị Đại Phạm thiên ấy bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác: "Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít bị bụi trần che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe chánh pháp, những vị này có thể thâm hiểu chánh pháp!"

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác biết được lời khuyên thỉnh của vị Phạm Thiên, vì lòng từ bi đối với chúng sanh, nhìn đời với Phật nhãn. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nhìn đời với Phật nhãn, thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời, có hạng lợi căn độn căn, có hạng tánh thuận tánh nghịch, có hạng dễ dạy khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm.

Như trong hồ sen xanh, sen hồng hay sen trắng, có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, không

vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước; có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước lớn lên dưới nước, sống vươn lên tới mặt nước, có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước lớn lên dưới nước vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước làm đắm ướt. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nhìn quanh thế giới với Phật nhãn. Ngài thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời, có hạng lợi căn độn căn, có hạng tánh thuận tánh nghịch, có hạng dễ dạy khó dạy, một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm.

7. Rồi vị Đại Phạm thiên, với tâm mình biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, liền nói với Ngài, bài kệ sau đây:

Như con người đứng trên đỉnh núi nhìn quanh dân chúng phía dưới.

Cũng vậy Ngài Sumedha lên lầu chánh pháp, bậc biến nhãn, thoát ly sáu muộn.

Nhìn xuống quần chúng, âu lo sáu muộn bị sanh già áp bức.

Hãy đứng lên, bậc anh hùng, bậc chiến thắng

ở chiến trường!

Vị trưởng đoàn lễ khách, đáng thoát ly mọi nợ nần!

Thế Tôn hãy đi khắp thế giới hoằng dương chánh pháp.

Có người nhờ được nghe, sẽ thâm hiểu diệu nghĩa!

Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trả lời vị Đại Phạm thiên với bài kệ sau đây:

Cửa bất diệt đã được mở rộng,

Hỡi những ai được nghe, hãy từ bỏ tà kiến của mình.

Vì nghĩ đến mệt mỏi hoài công, này Phạm Thiên.

Ta không muốn giảng Chánh pháp vì diệu cho loài người!

Này các Tỷ-kheo, rồi vị Đại Phạm thiên với ý nghĩ: "Ta đã là người mở đường cho Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuyết pháp", rồi đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ.

8. Nay các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: *"Ta thuyết pháp cho ai trước tiên? Ai sẽ mau hiểu chánh pháp này?"*

Nay các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: "Nay vương tử Khanda (Kiến-trà) và con vương sư Tissa (Đề-xá) trú ở kinh đô Bandhumatì (Bàn-đầu-bà-đề) là bậc tri thức đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm ô bởi bụi đời. Nay ta hãy thuyết pháp cho vương tử Khanda và con vương sư Tissa trước tiên, hai vị này sẽ sớm thâm hiểu chánh pháp này".

Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác như một nhà lực sĩ đuổi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đuổi thẳng, biến mất từ cây Bồ đề, hiện ra tại vườn Lộc Uyển Khenma, kinh đô Bhadhumatì.

9. Nay các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác gọi người giữ vườn:

- "Này bạn, hãy vào kinh đô Bandhumatì, nhắn với vương tử Khanda và con vương sư Tissa rằng Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh đô Bandhumatì, hiện trú ở Lộc Uyển Khema và muốn gặp hai vị!"

- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn".

Này các Tỷ-kheo, người giữ vườn vâng theo lời dạy của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vào kinh đô Bandhumatì và thưa với vương tử Khanda và con vương sư Tissa: "Thưa quý vị, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh đô Bandhumatì và hiện ở Lộc Uyển Khema. Ngài muốn gặp quý vị!"

10. Này các Tỷ-kheo, Vương tử Khanda và con vương sư Tissa cho thắt những cỗ xe thù thắng, tự mình leo lên một cỗ xe thù thắng rồi cùng với các cỗ xe thù thắng khác, cho xe ra khỏi kinh thành Bandhumati, đi đến Lộc Uyển Khema, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến trước Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Khi đến nơi, hai vị này đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

11. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuần thữ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng, và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của hai vị này đã thuần thực, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại

mà được chư Phật đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần tịnh không có tý vết, rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, vương tử Khanda và con vương sư Tissa, chính tại chỗ ngồi này chúng được Pháp nhãn xa trần ly cấu: **"Phàm pháp gì đã sanh rồi cũng phải diệt"**.

12. Hai vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự, diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bôn Sư, liền bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"Thật di diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn và quy y Pháp. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới".

13. Nay các Tỷ-kheo, vương tử Khanda và con vương sư Tissa được xuất gia với Thế Tôn Vipassì,

bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy hai vị này, khuyến khích làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự ha liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết-bàn. Và hai vị nay nhờ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, **không bao lâu tâm trí không còn chấp thủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.**

14. Nay các Tỷ-kheo, trong khi kinh thành Bandhumatì có đại chúng khoảng tám vạn bốn ngàn vị được nghe: "Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh thành Bandhumatì và ở tại Lộc Uyển Khema. Vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn, Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác".

Khi nghe vậy, các vị này tự nghĩ: "*Chắc chắn, pháp luật này không thể tầm thường, sự xuất gia này không thể tầm thường, vì vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc,*

đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Tại sao chúng ta lại không làm vậy?"

Này các Tỷ-kheo, rồi đại chúng ấy gồm khoảng **tám vạn bốn ngàn** vị đi ra khỏi kinh thành Bandhumatì đến Lộc Uyển Khema, chỗ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở, Khi đến nơi, các vị này đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

15. Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác **thuận thứ thuyết pháp**, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuận thực, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tám vải thuận tịnh, không có tỳ vết rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy tám vạn bốn ngàn vị này, chính tại chỗ ngồi này, chúng được pháp nhãn xa trần ly cấu: "Phàm pháp gì đã sanh rồi cũng phải diệt".

16. Những vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn Sư, liền bạch Thế Tôn

Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn, Như người dựng đứng lại, những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn và quy y Pháp. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới!".

17. Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị này được xuất gia với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác giảng dạy những vị này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết Bàn. Và những vị này, nhờ Thế Tôn Vipassì bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp chủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

18. Nay các Tỷ-kheo, nay tám vạn bốn ngàn các vị

xuất gia từ trước, được nghe: "Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh thành Bandhumatì, ở tại Lộc Uyển Khema và thuyết pháp". Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này, đi đến Lộc Uyển Khema, chỗ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở. Khi đến nơi, các vị này đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

19. Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuận thứ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuần thực, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tám vải thuần tịnh, không có tỳ vết, rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này, chính tại chỗ ngồi này, chứng được pháp nhãn xa trần ly cấu: "Phàm pháp gì đã sanh ra rồi cũng phải diệt".

20. Những vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn Sư, liền bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác: "Thật vi

diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, Bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tăng. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới!".

21. Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy những vị này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết Bàn. Và những vị này nhờ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp chủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

22. Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ đại chúng Tỷ-kheo khoảng **sáu trăm tám mươi vạn vị** trú tại kinh đô

Bandhumatì. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, trong khi yên lặng tịnh cư đã suy nghĩ như sau: "Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh thành Bandhumatì. Sao Ta lại không khuyến dạy các vị Tỷ-kheo ấy: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Nay các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Cứ sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn".

23. Nay các Tỷ-kheo, một vị Đại Phạm thiên khác, với tâm tư của mình biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Như một vị lực sĩ duỗi cánh tay co lại hay co lại cánh tay đã duỗi ra, vị này biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Nay các Tỷ kheo, lúc bấy giờ vị Đại Phạm thiên, đắp thượng y trên một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh

Đẳng Giác và bạch Ngài:

- "Nhu vậy là phải, bạch Thế Tôn! Nhu vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy khuyên dạy đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị ở kinh đô Bandhumati: "Này các Tỷ-kheo hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp". Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ làm như các vị Tỷ-kheo. Sau sáu năm, các vị này đến kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn".

Này các Tỷ-kheo, Đại Phạm thiên thuyết như vậy. Sau khi nói xong, vị này đánh lễ Thế Tôn Vipassi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, lưng bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ.

24. Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vào buổi chiều xuất định

đứng dậy và nói với các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, trong khi Ta yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, ý nghĩ sau đây khởi lên: "Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh thành Bandhamatì. Sao Ta lại không khuyến dạy các Tỷ-kheo ấy: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn".

25. Nay các Tỷ-kheo, một Đại Phạm thiên khác với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Ta. Như một vị lực sĩ đuổi cánh tay đã co lại hay co lại cánh tay đã duỗi ra, vị này biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mắt Ta. Nay các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên, đắp thượng y trên một bên vai, chấp tay hướng đến Ta và bạch với ta: "Như vậy là phải, Bạch Thế Tôn! Như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ! Bạch Thế

Tôn! Thế Tôn hãy khuyến dạy đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị ở kinh đô Bandhumatì: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp, sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ làm như các Tỷ-kheo. Sau sáu năm các vị này sẽ đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn". Này các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên thuyết như vậy. Sau khi nói xong, vị này đánh lễ Ta, lưng bên hữu hướng về Ta và biến mất tại chỗ.

26. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến dạy các người: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm

hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít
nhiễm bụi đời, nếu không được nghe giảng chánh
pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu
chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô
Bandhumatì để tụng đọc giới bốn".

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy, một phần lớn
trong ngày ấy đã lên đường đi khắp quốc độ.

27. Này các Tỷ-kheo, lúc bảy giờ tại Jambudīpa
(Diêm phù đề) có tám vạn bốn ngàn túc xá. **Khi một
năm vừa mãn, chư Thiên tuyên bố:** "Này Hiền giả,
một năm vừa mãn, nay còn lại năm năm. Sau năm
năm, hãy đến tại kinh đô Bandhamatì để tụng đọc
giới bốn!"

Hai năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả,
hai năm vừa mãn, nay còn lại bốn năm. Sau bốn năm,
hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới
bốn!"

Ba năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả,
ba năm đã mãn, nay còn lại ba năm. Sau ba năm, hãy
đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn!"

Bốn năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền
giả, bốn năm đã mãn, nay còn hai năm. Sau hai năm,
hãy đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn!"

Năm năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, năm năm đã mãn, nay còn lại một năm. Sau một năm, hãy đến tại đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn!"

Sáu năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, sáu năm đã mãn. Nay đã đến ngày đi đến kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn".

Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy, một số vị với thần lực của mình, một số với thần lực của chư Thiên trong ngày ấy đã đi đến kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn.

28. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giữa chúng Tỷ-kheo, tụng đọc giới bốn này:

"Chư Phật dạy Niết-bàn là đệ nhất.

"Nhẫn nhục, khổ hạnh, kham nhẫn, là đệ nhất.

"Người xuất gia hại người xuất gia khác.

"Hại người khác như vậy không xứng gọi là Sa-môn.

"Mọi điều ác không làm, hướng tâm các thiện nghiệp.

"Giữ tâm trí thanh tịnh, chính lời chư Phật dạy.

"Không chỉ trích, không đánh đập, giữ mình trong giới bổn.

"Ăn uống có tiết độ, ngủ nghỉ riêng một mình.

"Hướng tâm đến cao khiết, chính lời chư Phật dạy".

29. Nay các Tỷ-kheo, một thời ta ở tại Ukkhattha (Úc-Già La), trong rừng Subhaga, dưới gốc cây ta-la vương. Nay các Tỷ-kheo, trong khi Ta an lặng tịnh cư, tư tưởng sau đây khởi lên: "Có một trú xứ, một loại chúng sanh rất dễ đến mà Ta từ trước không đến ở trong một thời gian khá lâu! Đó là chư Thiên **Suddhàvāsa (Tịnh Cư thiên)**. Vậy nay Ta hãy đến chư Thiên ở **Tịnh Cư thiên!**".

Này các Tỷ-kheo, như một lực sĩ duỗi cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đã duỗi ra, Ta biến mất ở Ukkattha, trong rừng Subhaga, dưới gốc cây Ta-La vương và hiện ra trước chư Thiên ở Tịnh Cư thiên. Trong đại chúng chư Thiên ấy một số vài ngàn chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau:

- "Này Hiền giả, nay đã được chín mươi một kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sanh, thuộc chủng tánh Sát Đế Ly. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna (Câu-Ly-Nhã). Này Hiền giả, trong thời Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Pàtali (Ba-ba-la). Này Hiền giả, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Khanda (Kiền-trà) và Tissa (Đề-xá). Này Hiền giả, trong thời Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội, một Tăng hội sáu trăm tám mươi vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất. Này Hiền giả, phụ vương Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Bandhuma, mẫu hậu tên là Bandhumatì (Bàn-đầu-bà-đề). Kinh thành của vua Bandhuma tên là Bandhumatì. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế

này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Này Hiền giả, **chúng con là những người đã tu phạm hạnh với Thế Tôn Vipassì**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này".

30. Này các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên...

... một số vài trăm chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên. Này các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta:

- "Này Hiền giả, trong hiện kiếp này, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nay ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn, thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, thuộc gia tộc Sát-đế-ly. Này Hiền giả, Thế Tôn thuộc **danh tánh Gotama (Cù-đàm)**. Này Hiền giả, Thế Tôn tuổi thọ không bao nhiêu, ít oi, tuổi thọ loài người khoảng một trăm năm hay hơn một chút. Này Hiền giả, Thế Tôn giác ngộ dưới gốc cây assattha (bát-đa-la). Này Hiền giả, Thế Tôn có hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử tên là Sàriputta và Moggallàna (Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên). Này Hiền giả, Thế Tôn có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi

vị. Nay Hiền giả, Tăng hội này của Thế Tôn gồm toàn những vị đã diệt trừ lậu hoặc. Nay Hiền giả, Thế Tôn có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Ànanda (A-nan), vị này là thị giả đệ nhất. Nay Hiền giả, phụ vương của Thế Tôn tên là Suddhodana (Tịnh Phạn), Hoàng hậu là Màya (Ma-gia) kinh đô là Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ). Nay Hiền giả, Thế Tôn xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Nay Hiền giả, **chúng tôi là những người đã tu phạm hạnh với Thế Tôn**, đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này".

31. Nay các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà (Vô Nhiệt thiên) đến chư Thiên Atappà (Vô Phiền thiên). Nay các Tỷ-kheo, rồi cùng với chư Thiên Avihà và chư Thiên Atappà đến chư Thiên Sudassà (Thiện Kiến thiên). Nay các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà, chư Thiên Atappà và chư Thiên Sudassà đến chư Thiên Sudassi (Thiện Hiện thiên).

Nay các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà, chư Thiên Atappà, chư Thiên Sudassà và chư Thiên Sudassi đến chư Thiên Akanitthà (Sắc Cứu Kính thiên). Nay các Tỷ-kheo, lại trong Đại chúng chư

Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên. Nay các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau: "Này Hiền giả, nay đã được chín mươi một kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời... (như số 29)".

32. Nay các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên (như trước) một số vài trăm chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên. Nay các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau: "Này Hiền giả, trong Hiền kiếp này đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nay ra đời... (như số 30)".

33. Nay các Tỷ-kheo, **như vậy Như Lai khéo chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn,** đã đoạn các chương đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn này, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Thế Tôn thuyết pháp như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy
hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

14 Thiên thần - Chỗ nào Thiên thần bậc trung tu họp, các vị này khiến tâm... - Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN – 16 Trường I, 539

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN
(*MAHA PARINIBBANA SUTTA*)
– Bài kinh số 16 – Trường I, 539

I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Ràjagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakùta (Linh Thú). Lúc bấy giờ, Ajàtasattu Vedehiputta (A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi, vua nước Magadha, muốn chinh phục dân Vajjì (Bạc-kỳ). Vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjì; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì; ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vong".

2. Rồi Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha nói với Bà-la-môn Vassakara (Vũ Xá), đại thần nước Magadha:

- Nay Bà-la-môn, hãy đi đến Thế Tôn, và nhân danh

ta, cúi đầu đánh lễ chân Ngài, vãn an. Ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú: "Bạch Thế Tôn, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, vãn an Ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, lạc trú". Và khanh bạch tiếp: "Bạch Thế Tôn, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha muốn chinh phục dân Vajjì, vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjì; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì; ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vong". Thế Tôn trả lời khanh thế nào, hãy ghi nhớ kỹ và nói lại ta biết. Các bậc Thế Tôn không bao giờ nói lời hư vọng.

- Đại vương, xin vâng!

3. Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha vâng theo lời dạy của Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cho thắng những cỗ xe thù thắng, tự mình cỡi lên một chiếc, cùng với các cỗ xe ấy đi ra khỏi Ràjagaha (Vương Xá), đến tại núi Linh Thứu, đi xe đến chỗ còn dùng xe được, rồi xuống xe đi bộ đến chỗ Thế Tôn, khi đến liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha, bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, vắn an ngài có thiếu bệnh, thiếu nã, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú. Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha muốn chinh phục dân xứ Vajjì. Vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh, ta quyết làm cỏ dân Vajjì, ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì, ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vọng".

4. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ananda đứng quạt sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

→ *Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau không?*

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau.

- Này Ananda, khi nào dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết không?*

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tụ họp trong

niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết.

- Nay Ananda, khi nào nghe dân Vajjì *tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết*, này Ananda dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thời xưa không?*

- Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thuở xưa.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì, *không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thuở xưa* thời, này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì tôn sùng,*

kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này, thời dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Nay Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình không?*

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình.

- Nay Ananda, khi nào Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình thời, nay Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Nay Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão của*

Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc không?*

- Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

5. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha:

- Nay Bà-la-môn, một thời Ta sống ở Vesàlì tại tự miếu Sàrandada, **Ta dạy cho dân Vajjì bảy pháp bất thối này**. Nay Bà-la-môn, khi nào bảy pháp bất thối được duy trì giữa dân Vajjì, khi nào dân Vajjì được giảng dạy bảy pháp bất thối này, thời Bà-la-môn, **dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.**

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, nếu dân Vajjì chỉ hội đủ một pháp bất thối này, thời dân Vajjì nhất định được cường thịnh, không bị suy giảm, huống nữa là đủ cả bảy pháp bất thối. Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha không thể đánh bại dân Vajjì ở chiến trận trừ phi dùng ngoại giao hay kế ly gián. Tôn giả Gotama, nay chúng con phải đi,

chúng con có nhiều việc và có nhiều bồn phận.

- Nay Bà-la-môn, Người hãy làm những gì Người nghĩ là hợp thời.

Bà-la-môn Vassakara, vị đại thần nước Magadha hoan hỷ, tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.

6. Khi Bà-la-môn Vassakara đi chưa bao lâu, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đi và tập hợp tại giảng đường tất cả những vị Tỷ-kheo sống gần Ràjagaha (Vương Xá).

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng theo lời dạy Thế Tôn, đi tập hợp tất cả những vị Tỷ-kheo sống gần Vương Xá rồi đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài, đứng một bên và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Tăng đã tu họp. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.

Rồi Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến giảng đường, ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn và nói với các

vị Tỷ-kheo:

► *Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thoái.
Hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.*

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy trả lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

1. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
2. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tụ họp trong niêm đoàn kết, giải tán trong niêm đoàn kết, và làm việc Tăng sự trong niêm đoàn kết, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
3. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với những học giới được ban hành, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

4. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc Tỷ-kheo thượng tọa những vị này là những vị giàu kinh nghiệm, niên cao lap trưởng, bậc cha của chúng Tăng, bậc thầy của chúng Tăng và nghe theo lời dạy của những vị này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
5. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bị chi phối bởi tham ái, tham ái này tác thành một đời sống khác, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
6. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thích sống những chỗ nhàn tịnh, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
7. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tư thân an trú chánh niệm, khiến các bạn đồng tu thiện chí chưa đến muốn đến ở, và các bạn đồng tu thiện chí đã đến ở, được sống an lạc, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào **bảy pháp bất thối** này

được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

7. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *bảy pháp bất thối khác*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

1. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích làm thế sự, không hoan hỷ làm thế sự, không đam mê làm thế sự, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
2. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích phiếm luận, không hoan hỷ phiếm luận, không đam mê phiếm luận, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
3. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích ngủ nghỉ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

4. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích quần tu, không hoan hỷ quần tu, không đam mê quần tu, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
5. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không có ác dục vọng, không bị chi phối bởi ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
6. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bận bẻ ác dục vọng, không thân tín ác dục vọng, không cộng hành với ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
7. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không dừng ở nửa chừng, giữa sự đạt đến những quả vị thấp kém và những quả vị thù thắng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

8. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *bảy pháp bất thối khác*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo *có tín tâm, có tà tâm, có quý, có nghe nhiều, có tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ*, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

9. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *bảy pháp bất thối khác*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Chư Tỷ-kheo đáp ứng. Thế Tôn nói:

- Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo *tu tập niệm giác chi, tu tập trạch pháp giác chi, tu tập tinh tấn giác chi, tu tập hỷ giác chi, tu tập khinh an giác*

chi, tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

10. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập vô thường tưởng, tu tập vô ngã tưởng, tu tập bất tịnh tưởng, tu tập nguy hiểm tưởng, tu tập xả ly tưởng, tu tập vô tham tưởng, tu tập diệt tưởng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị

suy giảm.

11. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *sáu pháp bất thối*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

1. Nay các, Tỷ-kheo khi nào các vị Tỷ-kheo **đôi với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đông người và vắng người, gìn giữ thân nghiệp từ hòa**, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
2. Nay các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo **đôi với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đông người và vắng người, gìn giữ khẩu nghiệp từ hòa...**
3. ... **gìn giữ ý nghiệp từ hòa** tại chỗ đông người và vắng người, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
4. Nay các Tỷ-kheo, khi nào **các vị Tỷ-kheo phân phối không thiên vị, chung thọ hưởng với các bạn giới đức đồng tu, mọi lợi dưỡng chơn**

chánh, hợp pháp, cho đến những vật thọ lãnh trong bát khát thực, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

5. Nay các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo sống với các bạn đồng tu, tại chỗ đông người, và vắng người, trong sự thọ trì những giới luật, đúng với Sa-môn hạnh, những giới luật không bị gãy vụn, không bị sút mẻ, không bị tỳ vết, không bị uestrước, những giới luật đưa đến giải thoát, được người có trí tán thán, không bị ô nhiễm bởi mục đích sai lạc, những giới luật hướng đến định tâm, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
6. Nay các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo sống với các bạn đồng tu, tại chỗ đông người và vắng người, trong sự thọ trì những tri kiến đúng với Sa-môn hạnh, những thánh tri kiến đưa đến giải thoát, hướng đến sự diệt tận khổ đau cho những ai thiết hành theo, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào sáu pháp bất thời này

được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy sáu pháp bất thời này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

12. Trong thời gian Thế Tôn ở Vương Xá tại núi Linh Thứu, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: **"Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu"**.

13. Thế Tôn ở Vương Xá cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài gọi tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Ambalatthikà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Ambalatthikà.

14. Tại Ambalatthikà, Thế Tôn thân trú tại nhà nghỉ mát của vua. Trong thời gian Thế Tôn ở Ambalatthikà, tại nhà nghỉ mát của vua, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

15. Thế Tôn ở Ambalatthikà cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Nalandà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nalandà. Tại đây, Thế Tôn ở Pavarikambavana (Ba Ba Lợi Âm Bà Lâm).

16. Tôn giả Sàriputta (Xá Lợi Phất) đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về

phương diện chánh giác.

- Nay Sàriputta, lời nói của Ngươi thật là đại ngôn, thật là gan dạ. Ngươi thật đã rống tiếng rống con sư tử: "Con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác".

Nay Sàriputta, có phải Ngươi đã biết tất cả những Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, Ngươi đã biết tâm những Vị này nói với tâm của Ngươi: "Những Thế Tôn này ở quá khứ có giới đức như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Sàriputta, có phải Ngươi đã biết tất cả những Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở tương lai, Ngươi đã biết tâm những vị này với tâm của Ngươi: "Những Thế Tôn này ở tương lai có giới đức như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Sàriputta, có phải Người biết Ta là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở hiện tại, Người đã biết tâm Ta với tâm của Người. "Thế Tôn có giới đức như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Sàriputta, như vậy Người không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. Như vậy, nay Sàriputta, vì sao Người lại thốt ra những lời đại ngôn, lời nói gan dạ, rống lên tiếng rống con sư tử: "Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác"?

17. Bạch Thế Tôn, con không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. **Nhưng con biết truyền thống về chánh pháp.**

Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì tại Biên cảnh, thành này có hào lũy kiên cố, có thành quách tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa ra vào. Tại đây có một người gác cửa thông minh, biệt tài và nhiều

kinh nghiệm, không cho vào các người lạ mặt, chỉ cho vào những người quen mặt. Người này trong khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy có thể không thấy các chỗ nối hay khe hở của tường, cho đến chỗ một con mèo có thể lọt ra được, nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn vào hay ra thành trì này tất cả đều đi vào hay đi ra bởi cửa này.

- Bạch Thế Tôn, cũng vậy con biết truyền thống về chánh pháp.
- Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, tất cả vị Thế Tôn này đã **diệt trừ Năm Triền cái**, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã **an trú tâm vào Bốn Niệm xứ**, đã chân chánh **tu tập Bảy Giác chi**, đã **chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác**.
- Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong tương lai, tất cả Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hiện tại đã diệt trừ Năm Triền Cái, những nhiễm tâm khiến cho trí

tuệ yết ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.

18. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Nalanda, rừng Pavarikamba, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo.

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

19. Thế Tôn ở Nalanda cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi gọi tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Pàtaligàma.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Pàtaligàma.

20. Lúc bấy giờ, các cư sĩ ở Pàtaligàma được nghe Thế Tôn đã đến làng Pàtaligàma. Các cư sĩ ở Pàtaligàma đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi

xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các cư sĩ ở Pàtaligàma bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy đến ở tại nhà nghỉ mát của chúng con". Thế Tôn im lặng nhận lời.

21. Các cư sĩ ở Pàtaligàma được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt. Các cư sĩ này đi đến nghỉ mát, rải cát khắp tất cả sàn nhà, sắp đặt chỗ ngồi, đặt ghè nước, chuẩn bị dầu đèn rồi đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một bên, các cư sĩ ở Pàtaligàma bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, tất cả nhà nghỉ mát đã được rải cát, các chỗ ngồi đã được sắp đặt, ghè nước đã đặt sẵn, dầu đèn đã được chuẩn bị. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là phải thời.

22. Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến nhà nghỉ mát, sau khi đến liền rửa chân bước vào nhà, ngồi xuống, lưng dựa vào bức tường ở giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo sau khi rửa chân, bước vào nhà ngồi xuống, lưng dựa vào bức tường phía Đông, hướng mặt phía Tây, đối diện Thế Tôn.

23. Thế Tôn nói với các cư sĩ ở Pataligama:

- Nay các Gia chủ, có năm sự nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật. Thế nào là năm?

- Ở đây, nay các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ bị tiêu hao tiền của rất nhiều vì sống phóng dật. Đó là điều nguy hiểm thứ nhất cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, nay các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật bị tiếng dữ đồn xa. Đó là điều nguy hiểm thứ hai cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, nay các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật khi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần sợ hãi, bối rối. Đó là điều nguy hiểm thứ ba cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, nay các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ chết với tâm hồn rối loạn. Đó là điều nguy hiểm thứ tư cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, nay các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ bị sanh vào khổ cảnh, ác thú, đọa xứ,

địa ngục. Đó là điều nguy hiểm thứ năm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Này các gia chủ, đó là năm điều nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

24. Này các Gia chủ có *năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Thế nào là năm?*

- Ở đây, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ có tiền của dồi dào rất nhiều vì sống không phóng dật. Đó là sự lợi ích thứ nhất cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật được tiếng tốt đồn xa. Đó là sự lợi ích thứ hai cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật khi đi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần không sợ hãi, không bối rối. Đó là sự lợi ích thứ ba cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ chết với tâm hồn không rối

loan. Đó là sự lợi ích thứ tư cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh vào thiện thú, thiên giới. Đó là sự lợi ích thứ năm cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

25. Thế Tôn giảng pháp cho những cư sĩ ở Pàtaligàma cho đến khuya, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi bảo các cư sĩ ấy:

- Này các Gia chủ, đêm đã khuya, nay các Ngươi hãy làm những gì các Ngươi nghĩ là phải thời.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Các người cư sĩ của Pàtaligàma vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài từ tạ ra về. Thế Tôn, sau khi các cư sĩ ở Pàtaligàma đi không bao lâu, liền trở vào phòng riêng.

26. Lúc bấy giờ Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đang dựng thành trì để ngăn chặn dân Vajjì. Một số rất lớn các thiên thần tụ họp hàng ngàn tại các trú địa ở Pàtaligàma.

- Chỗ nào có thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị này **khiến tâm** các vua chúa, các đại thần có đại oai lực, hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Tại chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Tại chỗ nào các thiên thần bậc hạ đẳng tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ đẳng hướng đến sự xây dựng các trú xá.

27. Thế Tôn với thiên nhĩ, thanh tịnh, siêu nhân thấy hàng ngàn các thiên thần tụ họp tại các trú địa ở Pàtaligàma, Thế Tôn thức dậy khi đêm chưa tàn và nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, ai đang xây dựng thành trì ở Pataligama?
- Sunidha và Vassakara, bạch Thế Tôn, hai vị đại thần xứ Magadha, đang xây dựng thành trì ở Pataligama để ngăn chặn dân Vajjì.

28. Này Ananda, thật giống như đã hỏi ý kiến các vị thiên thần ở cõi trời Ba mươi ba, các đại thần ở Magadha, Sunidha và Vassakara đang xây thành trì ở Pataligama để ngăn chặn dân Vajjì.

- Nay Ananda ở đây với thiên nhân, thanh tịnh, siêu nhân Ta thấy hàng ngàn thiên thần tụ họp tại các trú địa ở Pataligama.
- Chỗ nào có thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị ấy **khuyến tâm** các vua chúa, các đại thần có đại oai lực, hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị ấy khuyến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Chỗ nào các thiên thần bậc hạ đẳng tụ họp, các vị này khuyến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ đẳng hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Nay Ananda, chỗ nào các vị Ariyans an trú, chỗ nào các nhà thương mãi qua lại, chỗ ấy sẽ thiết lập một thành thị bậc nhất tên gọi là Pàtaliputta, một trung tâm thương mãi.
- Nhưng nay Ananda, Pàtaliputta **sẽ bị ba hiểm nạn** về lửa, về nước hay chia rẽ bất hòa.

29. Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần nước Magadha, đến tại chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara bạch Thế Tôn:

"Mong Thế Tôn nhận lời mời dùng cơm tại nhà chúng con hôm nay cùng với đại chúng Tỷ-kheo". Thế Tôn im lặng nhận lời.

30. Hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời liền đi về nhà ở, cho soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm, rồi cử người đến tin Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng".

Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến trú sở của hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara, sau khi đi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi hai vị thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara tự tay mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là thượng thủ, các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Sau khi Thế Tôn dùng cơm xong và cất tay khỏi bình bát, Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha liền lấy chiếc ghế thấp khác và ngồi xuống một bên.

31. Sau khi Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đã ngồi xuống một bên, Thế Tôn đọc bài kệ cảm tạ:

Tại chỗ nào người sáng suốt lấy làm chỗ trú xứ.

Hãy nuôi dưỡng người giữ giới và người phạm hạnh.

Và san sẽ công đức với Chư Thiên trú tại chỗ ấy.

Được tôn kính, chúng sẽ tôn kính lại.

Được trọng vọng, chúng sẽ trọng vọng lại.

Chúng sẽ mến thương người ấy như người mẹ thương mến con.

Và những ai được thiên thần thân mến luôn luôn được thấy may mắn.

Sau khi Thế Tôn tán thán Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha với bài kệ này, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy và ra về.

32. Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đi sau lưng Thế Tôn và nói:

- "Hôm nay Sa-môn Gotama đi ra cửa nào cửa ấy sẽ được đặt tên là Gotama; Sa-môn Gotama lội qua sông từ bến nào, bến ấy sẽ được đặt tên là Gotama. Và cửa Sa-môn Gotama đi ra được đặt tên là cửa Gotama".

33. Rồi Thế Tôn đi đến sông Ganga (sông Hằng). Lúc bây giờ, sông Gangà tràn ngập nước đến bờ đến

nổi con quạ có thể uống được. Có người đang đi tìm thuyền, có người đang đi tìm phao, có người cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn mau lẹ như người lực sĩ đuổi cánh tay được co lại hay co cánh tay đã đuổi ra, biến mất từ bờ bên này và hiện ra trên bờ bên kia với chúng Tỷ-kheo.

34. Thế Tôn thấy những người kia, người đang đi tìm thuyền, người đang đi tìm phao, người đang đi cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn hiểu được ý nghĩa của cảnh này, lúc ấy bèn ứng khẩu lời cảm khái:

"Những ai làm cầu vượt biển trùng dương, bỏ lại đất sũng đầm ao, trong khi người phàm phu đang cột bè.

Những người ấy thật là những vị trí tuệ được giải thoát".

II

1. Rồi Thế Tôn gọi tôn giả Ananda: "Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Kotigàma".

- "Xin vâng, bạch Thế Tôn". Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Kotigàma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Kotigàma.

2. Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- **Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi. Bốn Thánh đế ấy là gì?**

- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.
- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Tập Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.
- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Thánh đế... Khổ Diệt Đạo Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỷ-kheo **khi Khổ Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu**, khi Khổ Tập Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Diệt Đạo Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, **thời hữu ái được diệt trừ, sự dắt dẫn đến một đời sống được đoạn tuyệt, nay không còn hậu hữu nữa.**

3. Thế Tôn thuyết như vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

- Chính vì không thấy như thật Bốn Thánh đế nên có sự luân chuyển lâu ngày trong nhiều đời. Khi những sự thực này được nhận thức, nguyên nhân của một đời sống khác được trừ diệt, khi khổ căn được đoạn trừ, sẽ không còn một đời sống khác nữa.

4. Trong thời gian Thế Tôn ở Kotigàma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

5. Thế Tôn, sau khi ở Kotigàma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Nàdikà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nàdikà, tại ngôi nhà

gạch (Ginjakàvasatha).

6. Rồi Tôn giả Ananda đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sàlada mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

- Tỷ-kheo ni Nandà mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, cư sĩ Sudatta mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Sujàtā mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kakudha mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kàlinga... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Nikata... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Katissabha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Tuttha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Santuttha..., Bạch Thế Tôn

cư sĩ Bhadda... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Subhadda đã mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

7. Nay Ananda, Tỷ-kheo Sàlada diệt tận các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

- Nay Ananda, Tỷ-kheo ni Nandà đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới) và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.
- Nay Ananda, cư sĩ Sudatta, diệt trừ ba kiết sử làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhút lai sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau.
- Nay Ananda, nữ cư sĩ Sujatà diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác.
- Nay Ananda, cư sĩ Kakudha đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới), và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.
- Nay Ananda, cư sĩ Kalinga... Nay Ananda cư sĩ Nikata... Nay Ananda, cư sĩ Katissabha...

Này Ananda, cư sĩ Tuttha... Này Ananda, cư sĩ Santuttha... Này Ananda, cư sĩ Bhadada... Này Ananda, cư sĩ Subhadda đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh (thiên giới), và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.

- Này Ananda, hơn năm mươi cư sĩ mệnh chung tại Nàdikà, đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới) và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.
- Này Ananda, hơn chín mươi tín nam nữ cư sĩ mệnh chung tại Nàdikà, diệt trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhứt lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau.
- Này Ananda, hơn năm trăm cư sĩ, mệnh chung tại Nàdikà, diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác.

8. Này Ananda, thật không có gì lạ, vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này thời Ananda, như vậy làm phiền nhiều Như Lai. Này Ananda, vì vậy ta sẽ giảng Pháp kính (Gương chánh pháp) để Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt

pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sinh cõi bàng sanh, ngã quý, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác".

9. Nay Ananda, **Pháp kính** ấy là gì mà Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sinh cõi bàng sanh, ngã quý, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác"?

- Nay Ananda, **vị Thánh đệ tử có chánh tín đối với đức Phật:** "Thế Tôn là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".
- **Vị ấy có chánh tín đối với chánh pháp:** "Chánh pháp được Thế Tôn khéo giảng dạy, thiết thực, vượt ngoài thời gian chi phối, đến đê mà thấy, có khả năng giải thoát, được kẻ trí tự mình thâm hiểu".
- **Vị ấy có chánh tín đối với chúng Tăng:** "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân chánh tu

hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân trực tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân trí tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân tịnh tu hành, tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn đáng được nghênh đón, đáng được cúng dường, đáng được chiêm ngưỡng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở trên đời.

- **Cu tức giới hạnh**, được bậc Thánh mến chuộng, được viên mãn không mảy mún, được vẹn toàn không sút mẻ, không tỳ vết, không ô nhiễm, những giới hạnh đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị ảnh hưởng bởi đời sau. Hướng dẫn đến thiên định".

Này Ananda, chính Pháp kính này mà Thánh đệ tử sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, **nếu muốn sẽ tự tuyên bố về mình như sau**: "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sinh cõi bàng sanh, naga quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt chánh giác".

10. Khi Thế Tôn ở Nàdikà, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ... Tức là dục

lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

11. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Nàdikà cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Vesàli.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Vesàli. Ở đây, Thế Tôn trú tại vườn Ambapàli.

12. Thế Tôn bảo các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, các Người phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Người.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo an trú chánh niệm? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với thân, quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời, đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là chánh niệm.

13. *Này các Tỷ-kheo thế nào là Tỷ-kheo tỉnh giác?*
Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ Kheo tỉnh giác khi đi tới, đi lui, tỉnh giác khi ngó tới, ngó lui; tỉnh giác khi co tay, duỗi tay, tỉnh giác khi mang áo sanghati (tăng già lê) mang bát, mang y, tỉnh giác khi ăn, khi uống, khi nhai, khi nếm, tỉnh giác khi đại tiện, tiểu tiện; tỉnh giác khi đi; khi đứng, khi ngồi, khi nằm, khi thức, khi nói, khi im lặng. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Ngươi.

14. Lúc bảy giờ dâm nữ Ambapàli được nghe: "Thế Tôn đã đến Vesàli và ở tại vườn xoài của ta". Dâm nữ Ambapàli liền cho thắng các cỗ xe thù thắng, tự leo lên một chiếc, cùng với các cỗ xe thù thắng xuất phát ra khỏi Vesàli và đi đến vườn xoài. Nàng cỡi xe cho đến chỗ còn có thể cỡi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên, Thế Tôn thuyết pháp cho dâm nữ Ambapàli đang ngồi một bên, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Dâm nữ Ambapàli sau khi được Thế Tôn giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Dâm nữ Ambapali được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên phải hướng về đức Phật và từ biệt.

15. Các người Licchavi ở Vesàli được nghe: "Thế Tôn đến Vesàli hiện ở vườn Ambapàli", liền cho thắt các cỗ xe thù thắng leo lên xe rồi xuất phát ra khỏi Vesàli với những cỗ xe ấy. Có những vị Licchavi toàn xanh, màu sắc xanh, mặc vải màu xanh, mang đồ trang sức màu xanh. Có những vị Licchavi toàn vàng, màu sắc vàng, mặc vải màu vàng, mang đồ trang sức màu vàng. Có những vị Licchavi toàn đỏ, màu sắc đỏ, mặc vải màu đỏ, mang đồ trang sức màu đỏ. Có những vị Licchavi toàn trắng, màu sắc trắng, mặc vải màu trắng, mang đồ trang sức màu trắng.

16. Lúc bấy giờ dâm nữ Ambapàli đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với gọng xe. Các Licchavi nói với dâm nữ Ambapàli:

- Nay Ambapàli, tại sao nàng lại đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với

gọng xe?

- Nay quý Công tử của tôi, tôi vừa mới mời Thế Tôn cùng chúng Tỷ-kheo ngày mai đến dùng cơm.

- Nay Ambapàli, hãy nhường cho chúng ta bữa cơm ấy đôi lấy một trăm ngàn.

- Dầu quý Công tử có cho tôi cả thành Vesàli cùng với các đất phụ thuộc, tôi cũng không nhường bữa cơm quan trọng này.

Các vị Licchavi này tức tối búng ngón tay và nói:

- Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này đả thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phồng tay trên. Và các vị Licchavi này cùng đi đến vườn Ambapàli.

17. Thế Tôn xa thấy các vị Licchavi liền nói với các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo nếu có vị Tỷ-kheo nào chưa thấy các chư Thiên ở cõi **Tam thập tam thiên**, hãy ngó chúng Licchavi, hãy nhìn chúng Licchavi. Nay các Tỷ-kheo chúng Licchavi cũng giống như chúng Tam thập tam thiên".

18. Các vị Licchavi ấy cỡi xe cho đến chỗ còn có thể cỡi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến, liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

Thế Tôn thuyết pháp cho những vị Licchavi đang ngồi một bên, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Các vị Licchavi sau khi được Thế Tôn giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo.

- Nay các Licchavi, ngày mai Ta đã nhận lời mời dùng cơm của dân nữ Ambapàli rồi.

Các vị Licchavi này tức tối búng ngón tay và nói: "Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này đả thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phồng tay trên..."

Rồi những vị Licchavi này, hoan hỷ tán thán lời dạy Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về đức Phật và từ biệt.

19. Lúc bấy giờ dân nữ Ambapali, đêm vừa tàn canh, liền cho sửa soạn tại vườn của mình các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm và cho báo tin Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng". Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến tại túc xá của dân nữ

Ambapàli, sau khi đến liền ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Rồi dâm nữ Ambapàli tự tay thân hành mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ, dùng các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Khi Thế Tôn dùng xong, tay đã rời bát, dâm nữ Ambapàli lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, dâm nữ Ambapàli bạch Thế Tôn: "**Bạch Thế Tôn, con xin cúng dường ngôi vườn này cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ**".

Thế Tôn nhận lãnh khu vườn. Thế Tôn thuyết pháp cho dâm nữ Ambapàli, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, rồi đứng dậy ra về.

20. Trong thời gian Thế Tôn ở Vesàli, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

21. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Vesàli cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến làng Baluvà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến làng Baluvà. Và Thế Tôn trú tại làng này.

22. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ Kheo hãy an cư trong mùa mưa xung quanh Vesàli tại chỗ có bạn bè quen thuộc và thân tín. Còn Ta sẽ an cư ở đây, tại làng Baluvà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những Tỷ Kheo này vâng đáp Thế Tôn và tìm chỗ an cư mùa mưa xung quanh Vesàli tại chỗ có bạn bè quyến thuộc và thân tín. Còn Thế Tôn an cư tại làng Baluvà.

23. Trong khi Thế Tôn an cư trong mùa mưa, một cơn bệnh trầm trọng khởi lên, rất đau đớn, gần như muốn chết. **Nhưng Thế Tôn giữ tâm chánh niệm, tỉnh giác, chịu đựng cơn đau ấy, không một chút ta thán.** Thế Tôn tự nghĩ: *"Thật không hợp lẽ nếu Ta diệt độ mà không có một lời với các đệ tử hầu cận Ta, không từ biệt chúng Tỷ-kheo. Vậy Ta hãy lấy sức*

ting tấn, nhiếp phục cơn bệnh này, duy trì mạng căn và tiếp tục sống". Và Thế Tôn với sức tinh tấn, nhiếp phục bệnh ấy duy trì mạng căn.

24. Rồi Thế Tôn lành bệnh. Sau khi lành bệnh không bao lâu, đức Phật rời khỏi tịnh xá và ngồi trên ghế đã soạn sẵn, trong bóng mát của ngôi tịnh xá. Lúc bấy giờ tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn khỏe mạnh. Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn kham nhẫn, bạch Thế Tôn, thấy Thế Tôn bệnh hoạn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy, mắt con mờ mịt không thấy rõ phương hướng, dầu cho, bạch Thế Tôn, con được một chút an ủi rằng, Thế Tôn sẽ không diệt độ, nếu Ngài chưa có lời di giáo lại cho chúng Tỷ-kheo.

25. Nay Ananda, chúng Tỷ-kheo còn mong mỗi gì nữa ở Ta! Nay Ananda, Ta đã giảng Chánh pháp, không có phân biệt trong ngoài (mật giáo và không phải mật giáo), vì nay Ananda, đối với các Pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo sư còn nắm tay (còn giữ lại một ít mật giáo chưa giảng dạy).

- Nay Ananda, những ai nghĩ rằng: "Như Lai là

vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo"; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Như Lai" thời này Ananda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo.

- Nay Ananda, **Như Lai không nghĩ rằng**: "Ta là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta" thời nay Ananda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo?"

- Nay Ananda, Ta nay đã già, đã thành bậc trưởng thượng, đã đến tuổi lâm chung, đã đến **tám mươi tuổi**. Nay Ananda, như cỗ xe đã già mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ dây thừng chẳng chứt, cũng vậy thân Như Lai được duy trì sự sống giống như chính nhờ chống đỡ dây chẳng.

- Nay Ananda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chứng và an trú **vô tướng tâm định**, chính khi ấy thân Như Lai được thoải mái.

26. Vậy nên, nay Ananda, **hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ**

nương tựa, chớ nương tựa một gì khác.

Này Ananda, thế nào là vị Tỷ-kheo hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác?

Này Ananda, ở đời, vị Tỷ-kheo, đối với thân quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời; đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời.

Này Ananda, như vậy vị Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác.

Này Ananda, **những ai sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một pháp gì khác, những vị ấy, Này Ananda là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.**

III

1. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesàli để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesàli, ăn xong và trên đường khát thực trở về Ngài nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy lấy tọa cụ. Ta muốn đi đến điện thờ Càpàla, để nghỉ trưa.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

2. Thế Tôn đi đến điện thờ Càpàla, khi đến Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Ananda đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sàttambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay điện thờ Càpàla.

3. Này Ananda, những ai đã tu **bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền

vững, điều luyện, thiện xảo, thời nếu muốn người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Này Ananda, nay **Như Lai đã tu bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

4. Nhưng Tôn giả Ananda **không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn**, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp. Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người*". Vì tâm tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

5. Lần thứ hai Thế Tôn... lần thứ ba Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay điện thờ Cápàla!" Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật

chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Nay Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Nhưng tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Vì tâm của tôn giả bị Ác ma ám ảnh.

6. Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda hãy đi và làm những gì Ngươi nghĩ là phải thời.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về Thế Tôn và đi ra.

7. Tôn giả Ananda đi ra chưa bao lâu, Ác ma liền đến chỗ Thế Tôn, khi đến xong liền đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn.

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói:

*"Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào **những Tỷ-kheo của Ta** chưa trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu".*

8. Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn, đã trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu. Như vậy,

nay Thế Tôn, hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ!

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "*Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật... khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu*". Bạch Thế Tôn, nay những nam cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, đầy đủ Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, và có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "*Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì, Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp một cách thần diệu*". Bạch Thế Tôn, nay những nữ cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiệi Thế hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "*Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào phạm hạnh Ta giảng dạy chưa thành tựu, thịnh đạt, phổ biến,*

quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài người". Bạch Thế Tôn, nay phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

9. Khi được nói vậy Thế Tôn nói với Ác ma: ***"Này Ác ma hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ"***.

10. Và tại điện thờ Cápàla, **Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành** (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa). Khi Thế Tôn từ bỏ, không duy trì mạng sống thêm nữa, thời đại địa chấn động, ghê rợn, tóc lông dựng ngược, sấm trời vang dậy. Thế Tôn nhận hiểu ý nghĩa của sự kiện ấy, liền thốt câu kệ cảm khái như sau:

***Mạng sống có hạn hay vô hạn,
Tu sĩ từ bỏ, không kéo dài.
Nội tâm chuyên nhất trú thiền định.
Như tháo áo giáp đang mang mặc.***

11. Lúc bấy giờ, tôn giả Ananda suy nghĩ: "Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Đại địa chấn động, đại địa

rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động như vậy?".

12. Rồi tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

→ *Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn thật là hy hữu! Đại địa chấn động, đại địa rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động như vậy?*

13. - Nay Ananda, **có tám nhân, có tám duyên khiến đại địa chấn động**. Thế nào là tám?

Nay Ananda, đại địa này thiết lập trên nước, nước ở trên gió và gió ở tại hư không. Nay Ananda, đến thời đại phong khởi lên, gió lớn khi thổi làm nổi sóng nước, và khi nước nổi sóng thì quả đất rung động. Đó là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất, đại địa chấn động.

14. Lại nữa nay Ananda, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn có thần thông, tâm được chế ngự, hay hàng chư Thiên có đại thần thông, có đại uy lực; những vị này quán địa tánh có hạn, quán thủy tánh vô lượng, vì ấy

có thể khiến quả đất này rung động, chuyển động mạnh. Đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến đại địa chấn động.

15. Lại nữa, này Ananda, khi vị Bồ-tát ở cõi Tusita (Đâu suất) từ bỏ thân, chánh niệm, tỉnh giác, nhập vào mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba khiến đại địa chấn động.

16. Lại nữa, này Ananda, khi vị Bồ-tát, chánh niệm, tỉnh giác, ra khỏi mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tư, duyên thứ tư khiến đại địa chấn động.

17. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, khi ấy quả đất rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ năm, duyên thứ năm khiến đại địa chấn động.

18. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai chuyển bánh xe Pháp, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu, khiến đại địa chấn động.

19. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai, chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ, không duy trì mạng sống, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến đại địa chấn động.

20. Lại nữa, này Ananda, **khi Như Lai nhập vô dư y Niết Bàn**, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tám duyên thứ tám, khiến đại địa chấn động.

Này Ananda, do tám nhân này, tám duyên này, khiến đại địa chấn động.

21. Này Ananda, **có tám chúng**. Thế nào là tám?

- Chúng Sát-đế-Ly,
- Chúng Bà-la-môn,
- Chúng Cư sĩ,
- Chúng Sa-môn,
- Chúng Bốn Thiên vương,
- Chúng Tam thập tam thiên,
- Chúng Ma,
- Chúng Phạm thiên.

22. Này Ananda, **Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Sát-đế-ly hơn một trăm lần**. Tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện, và trước khi cuộc đối thoại

bắt đầu, dung sắc của chúng Sát-đế-ly như thế nào, dung sắc của Ta cũng như vậy; giọng nói chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng như vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: "Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?" sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ với bài pháp thoại, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: "Kẻ biến mất ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?".

23. Nay Ananda. Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Bà-la-môn hơn một trăm lần... chúng Cư sĩ... chúng Sa-môn... chúng Bốn Thiên vương... chúng Tam thập tam thiên... chúng Ma... chúng Phạm thiên hơn trăm lần, tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện và trước khi cuộc đối thoại bắt đầu dung sắc của chúng Phạm thiên như thế nào, dung sắc của Ta cũng vậy; giọng nói của chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: "Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?" Sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: "Kẻ biến mất đó là ai, là chư Thiên chăng, là

Người chẳng? " Này Ananda, như vậy là tám chúng.

24. Này Ananda, có tám thắng xứ. Thế nào là tám?

25. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ nhất.

26. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ hai.

27. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ ba.

28. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tư.

29. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như bông gai màu xanh, tướng sắc

xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như lụa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn, màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ năm.

30. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, sắc màu vàng, tướng màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như bông Kanikàra màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như lụa sa Balanại, cả hai mặt láng trơn màu vàng, tướng sắc vàng hình sắc vàng - như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ sáu.

31. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như bông bandhujivaka màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như lụa sa Balanại, cả hai mặt láng trơn màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ,

ánh sáng đỏ, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ bảy.

32. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như sao mai Osadhi màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như lụa sa Balanai, cả hai mặt láng trơn màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tám. Đây Ananda như vậy là tám thắng xứ.

33. Đây Ananda, có tám giải thoát. Thế nào là tám?

- Tự mình có sắc, thấy các sắc; đó là sự giải thoát thứ nhất.
- Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc; đó là sự giải thoát thứ hai.
- Quán tưởng (sắc là) tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy; đó là sự giải thoát thứ ba.
- Vượt khỏi hoàn toàn sắc tướng, diệt trừ các tướng hữu đối, không tác ý đến những tướng

khác biệt, với suy tư "hư không là vô biên", chứng và trú **Không vô biên xứ**; đó là sự giải thoát thứ tư.

- Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư "thức là vô biên", chứng và trú **Thức vô biên xứ**; đó là giải thoát thứ năm.
- Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**; đó là sự giải thoát thứ sáu.
- Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**; đó là sự giải thoát thứ bảy.
- Vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và trú **Diệt thọ tướng**; đó là sự giải thoát thứ tám.

Này Ananda, như vậy là tám giải thoát.

34. Này Ananda, **một thời Ta ở tại Uruvelà, trên bờ sông Nerañjara, dưới gốc cây Ajapàlanigrodha khi Ta mới thành đạo.** Này Ananda, lúc bảy giờ Ấc ma đến tại chỗ Ta ở, khi đến xong liền đứng một bên. Này Ananda, sau khi đứng một bên, Ấc ma nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ".

35. Nay Ananda, khi được nói vậy, Ta nói với Ác ma:

- "**Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta** chưa thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có truyền bá Chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn

chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta không diệt độ khi nào phạm hạnh mà Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người.

36. Này Ananda, hôm nay tại điện thờ Cápàla, Ác ma đến Ta, sau khi đến liền đứng một bên. Này

Ananda, Ác ma đứng một bên nói với Ta như sau:

"Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu". Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta...; khi nào những cư sĩ của Ta...; khi nào phạm hạnh Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người". Bạch Thế Tôn, nay phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ".

37. Khi được nói vậy, Ta nói với Ác ma:

"Này Ác ma, hãy an tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay Như Lai sẽ diệt độ".

Này Ananda, hôm nay tại điện thờ Cápàla, Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa).

38. Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho

loài Trời và loài Người.

- Thôi đi, này Ananda, đừng có thỉnh cầu Như Lai nữa. Này Ananda, nay thỉnh cầu Như Lai không còn kịp thời.

39. Lần thứ hai, tôn giả Ananda... Lần thứ ba, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

- Này Ananda, Người có tin sự giác ngộ Thế Tôn không?

- Bạch Thế Tôn, con có tin!

- Vậy, này Ananda, sao Người lại làm phiền Như Lai đến ba lần.

40. - Bạch Thế Tôn, chính con được tận mắt, đích thân nghe Thế Tôn dạy như sau: "Này Ananda, **những ai đã tu bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, người ấy có thể sống đến

một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc... Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại".

- Nay Ananda, Người có tin tưởng không?

- Bạch Thế Tôn, con có tin tưởng!

- Nay Ananda, **như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người, đã không nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Thế Tôn:** "*Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người*". Nay Ananda, **nếu Người thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời.** Nay Ananda như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.

41. Nay Ananda, một thời Ta ở tại Vương Xá, núi Linh Thứu (Gijjha Kuta). Tại đây Ta nói với Ananda: "*Này Ananda, khả ái thay thành Vương Xá! Khả ái thay núi Linh Thứu! Nay Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu*

người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thân túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Nay Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại". **Dầu vậy, nay Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn. Người không thỉnh cầu Thế Tôn:** "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Nay Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Nay Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người".

42. Nay Ananda, một thời Ta ở thành Vương Xá, tại Nigrodhàràma... Ta cũng ở thành Vương Xá tại Corapapàta... Ta cũng ở thành Vương Xá, hang Sattapanni trên núi Vebhàra... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại hang đá Kàla, trên núi Isigili... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại khu rừng Sita trong hang đá Sappasondika... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại Tapodàràma... Ta cũng ở thành Vương Xá, Trúc

Lâm, hồ Kalandaka... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại rừng Jivakambavana... Ta cũng ở thành Vương Xá tại Maddakucchi ở Lộc Uyển.

43. *Này Ananda, tại đây Ta nói: "Này Ananda, khả ái thay thành Vương Xá, khả ái thay núi Linh Thứu, khả ái thay Nigrodhàrāma, khả ái thay Corapapāta, khả ái thay hang Sattapanni trên núi Vebhara, khả ái thay hang đá Kāla trên núi Isigili, khả ái thay hang đá Sappasandika trong rừng Sita, khả ái thay suối nước nóng Tapodārāma, khả ái thay hồ con sóc ở tại Trúc Lâm, khả ái thay rừng Jivakambavana, khả ái thay vườn Nai ở tại Maddakucchi"!*

44. *"Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại".*

Dầu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn. Người không thỉnh cầu Thế Tôn:
"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho

chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". **Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người".**

45. Này Ananda, một thời Ta ở Vesàli tại điện thờ Udena.

Tại đây, này Ananda, Ta cũng nói. "Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena. Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại". **Dầu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Như Lai: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời,**

vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". **Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.**

46. Này Ananda, một thời Ta ở thành Vesàli tại điện thờ Gotamaka... ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Sattambaka... Ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Bahuputta... Ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Sàrandada...

47. Này Ananda, **hôm nay tại điện thờ Càpàla, Ta nói với người:** "Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattamba, khả ái thay điện thờ Buhuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay đền Càpàla. Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại". **Dầu vậy,**

này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người*". **Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai; Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.**

48. Này Ananda, phải chăng ngay từ ban đầu Ta đã từng tuyên bố rằng mọi vật ưu ái, thân tình đều phải bị thay đổi, trở về hư không, biến dịch?

Này Ananda, làm sao có thể được như vậy: Những gì sanh khởi, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khởi có sự biến diệt? Thật không có sự trạng ấy.

Này Ananda, những gì Như Lai đã từ bỏ, dứt khoát, xả ly, phóng xả, khước từ, chính là thọ, hành. Như Lai đã nói và nói một cách dứt khoát: "*Không lâu, Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ*". Nói rằng Như

Lại vì muốn sống mà phản lại lời tuyên bố trên, thời thật không có sự trượng ấy.

Này Ananda, chúng ta hãy đi đến giảng đường Kùtagàra tại rừng Đại Lâm.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

49. Rồi Thế Tôn cùng tôn giả Ananda đi đến giảng đường Kùtagàra vườn Đại Lâm, khi đi đến, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đi mời tất cả Tỷ-kheo sống ở gần Vesàli tụ họp tại giảng đường này.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, đi mời tất cả vị Tỷ-kheo sống ở gần Vesàli tụ họp tại giảng đường, rồi đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tụ họp. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.

50. Thế Tôn liền đi đến giảng đường và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay những pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy cho các Ngươi, các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

→ Nay các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy, các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để cho phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người?

Chính là Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Thần túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh đạo phần. Nay các Tỷ-kheo, chính những pháp này do Ta chứng ngộ và giảng dạy, mà các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương

**tướng của đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc
cho loài Trời và loài Người.**

51. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

**- Nay các Tỷ-kheo, đây là lời Ta nhắn nhủ các
Người. Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên
để tự giải thoát, không lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau
ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.**

Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ
lại nói thêm:

***Ta đã già, dư mạng chẳng còn
bao,
Từ biệt các Người, Ta đi một
mình.
Tự mình làm sở y cho chính
mình,
Hãy tinh tấn, chánh niệm, giữ
giới luật,
Nhiếp thức ý chí, bảo hộ tự tâm.
Ai tinh tấn trong pháp và luật này
Sẽ diệt sanh tử, chấm dứt khổ
đau.***

IV

1. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesàli để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesàli, ăn xong và trên đường khát thực trở về, **Thế Tôn nhìn Vesàli với cái nhìn của con voi chúa rồi nói với tôn giả Ananda:**

- **Này Ananda, lần này là lần cuối cùng, Như Lai nhìn Vesàli.** Này Ananda, chúng ta hãy đi đến làng Bhandagàma.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn . Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhandagàma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Bhandagàma.

2. Rồi Thế Tôn nói với Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt bốn Pháp mà Ta và các Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Thế nào là bốn?

- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ không chứng đạt **Thánh Giới** mà Ta và các **Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.**

- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Định** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.
- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Tuệ** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.
- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh giải thoát** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.

Nay các Tỷ-kheo, khi Thánh Giới được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Định được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Tuệ được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh giải thoát được giác ngộ, được chứng đạt, **thời tham ái một đời sống tương lai được trừ diệt, những gì đưa đến một đời sống mới được dứt sạch, nay không còn một đời sống nào nữa.**

3. Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

Giới, Định, Tuệ và Giải thoát vô thượng

*Gotama danh xưng đã chứng ngộ.
Đấng Giác Ngộ giảng pháp chúng
Tỷ-kheo.
Đạo Sư diệt khổ, pháp nhãn, tịnh
lạc.*

4. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Bhandagàma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

5. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Bhandagàma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Hatthigam... Ambagama... Jambugama..., hãy đi đến Bhoganagara.

6. - Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhoganagara.

7. Tại đây, Thế Tôn ở Bhoganagara tại đền Ananda, Ngài nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bốn Đại giáo pháp, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, Thế Tôn giảng như sau:

8. - Nay các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "*Này Hiền giả, **tôi tự thân nghe từ miệng Thế Tôn**, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

→ Nay các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

→ Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các Người có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời này **không phải là lời Thế Tôn**, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai*".

lầm". Và này các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng.

→ Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các Ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ nhất, các Ngươi hãy thọ trì.

9. Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia, có Tăng chúng ở với các vị Thượng tọa, với các Thủ chúng. Tôi tự thân nghe từ miệng Tăng chúng, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

- Này các Tỷ-kheo, các Ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.
- Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thời các Ngươi có thể kết

luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và này các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng.

- Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ hai, các Ngươi hãy thọ trì.

10. Này các Tỷ-kheo, có thể có vị Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia có nhiều Tỷ-kheo Thượng tọa ở, những vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. **Tôi tự thân nghe từ miệng những vị Thượng tọa** ấy, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

- Này các Tỷ-kheo, các Ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

- Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và này các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.
- Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thì các Người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ ba, các Người hãy thọ trì.

11. Này các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia, có một vị Thượng tọa, vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. **Tôi tự thân nghe từ Thượng tọa**, tự thân lãnh thọ; như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

- Này các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ

luỡng và đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật.

- Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các người có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời này không phải là lời của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm*". Và này các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.
- Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các người có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh*". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ tư, các Người hãy thọ trì.

Này các Tỷ-kheo, bốn đại giáo pháp này, các Người hãy thọ trì.

12. Trong khi Thế Tôn ở tại Bhoganagara, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn.

Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

13. Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Bhoganagara cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta sẽ đi đến Pàvā.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Và Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Pàvā, tại vườn xoài của **Cunda, một người thợ sắt.**

14. Thợ sắt Cunda nghe: "Nay Thế Tôn đã đến Pàvā và hiện đang ở trong vườn xoài của ta". Rồi thợ sắt Cunda đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến xong liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Và Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

15. Và thợ sắt Cunda, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoa hỷ, liền bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con ngày mai đến dùng cơm với

chúng Tỷ-kheo". Thế Tôn im lặng nhận lời.

16. Thợ sắt Cunda, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt.

17. Và thợ sắt Cunda, sau khi đêm đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm và nhiều thứ Sùkara-maddave (một loại mộc nhĩ), và báo tin cho Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng".

18. Và Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ sắt Cunda, khi đến xong liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi. Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

- Này Cunda, **loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho ta. Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo.**

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thợ sắt Cunda vâng lời Thế Tôn, dọn cho Thế Tôn các món mộc nhĩ đã soạn sẵn, và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm.

19. Rồi Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

- Này Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại, Người hãy đem chôn vào một lỗ. Này Cunda, Ta không thấy một ai ở cõi Trời, cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những Thiên, Nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thợ sắt Cunda vâng theo Thế Tôn, đem chôn món ăn mộc nhĩ còn lại vào một lỗ, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi xuống một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

20. Sau khi dùng cơm của thợ sắt Cunda, Thế Tôn bị nhiễm bệnh nặng, bệnh lý huyết, đau đớn gần như đến chết, và Thế Tôn chánh niệm tĩnh giác, nhẫn nại, chịu đựng cơn bệnh.

Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Kusinàra.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

*Tôi nghe: Sau khi dùng cơm tại nhà thợ
sắt Cunda.*

*Con bệnh khốc liệt bỗng khởi lên, gần
như chết đến nơi.*

Sau khi dùng món ăn loại mộc nhĩ.

Kịch bệnh khởi lên nơi bậc Đạo Sư.

*Điều phục bệnh hoạn, Thế Tôn dạy rằng:
"Ta đi đến thành Kusinàra".*

21. Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một gốc cây và nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy xếp tư áo Sanghàti. Ta cảm thấy mệt mỏi và muốn ngồi nghỉ, nay Ananda.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn và xếp tư áo Sanghàti lại.

22. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước cho Ta. Nay Ananda,

Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

23. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Nay Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Lần thứ hai tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

24. Lần thứ ba, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Nay

Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. **Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi tôn giả Ananda đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng, không vẩn đục.**

25. Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay thần túc và uy lực của Như Lai. Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục". Sau khi dùng bát lấy nước, tôn giả Ananda đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn thật là hy hữu. Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước. Xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước!

Và Thế Tôn uống nước.

26. Lúc bấy giờ, Pukkusa, dòng họ Mallà, đệ tử của ngài Alàra Kàlāma đang đi trên con đường từ

Kusinàra đến Pàvā.

Pukkusa, dòng họ Mallā thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Pukkusa, dòng họ Mallā, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, trạng thái trầm tĩnh của một vị xuất gia!

27. Bạch Thế Tôn, thuở xưa, ngài Alàra Kàlāma đang đi trên đường. Rồi ngài bước xuống đường và ngồi xuống một gốc cây, không xa con đường để nghỉ trưa. Bạch Thế Tôn, lúc ấy có khoảng năm trăm cỗ xe đi ngang qua gần ngài Alàra Kàlāma. Bạch Thế Tôn, có một người đi theo sau lưng đoàn xe ấy, đến chỗ ngài Alàra Kàlāma và nói với ngài:

- "Tôn giả có thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi qua không?"

- "Này Hiền giả, ta không thấy".

- "Tôn giả có nghe tiếng không?"

- "Này Hiền giả, ta không nghe tiếng".

- "Có phải Tôn giả đang ngủ không?"

- "Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ".
- "Vậy có phải Tôn giả đang thức tỉnh?"
- "Này Hiền giả, ta đang thức tỉnh".
- "Tôn giả đang thức tỉnh nhưng không thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe thấy tiếng. Bạch Tôn giả, cái áo của Tôn giả cũng bị lấm bụi".
- "Này Hiền giả, phải, áo ta bị lấm bụi".

Bạch Thế Tôn, người ấy liền tự nghĩ: "Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm tĩnh của vị xuất gia. Trong khi giác tỉnh, còn thức nhưng không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng". Sau khi tỏ sự thâm tín đối với ngài Alàra Kàlāma, vị ấy từ biệt.

28. - Này Pukkusa, nhà người nghĩ thế nào? **Cái gì khó làm hơn, cái gì khó thực hiện hơn?** Một người trong khi giác tỉnh, còn thức mà không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng. **Hay một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy, cũng không nghe tiếng?**

29. - Bạch Thế Tôn, nói gì đến năm trăm cỗ xe này, cho đến hoặc sáu trăm, hoặc bảy trăm, hoặc tám trăm, hoặc chín trăm, hoặc một ngàn, cho đến **trăm ngàn cỗ xe, cũng không thể so sánh được**. Thật khó làm hơn, khó thực hiện hơn, một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy cũng không nghe tiếng.

30. - Nay Pukkusa, một thời, **Ta ở Atumà, tại nhà đập lúa**. Lúc bảy giờ trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có **hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết**. Nay Pukkusa, một số đông người từ Atumà đi ra đến tại chỗ hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết...

31. Nay Pukkusa, lúc bảy giờ Ta từ nhà đập lúa đi ra và đi qua đi lại ngoài trời, trước cửa nhà đập lúa, Nay Pukkusa, có một người từ nơi đám đông ấy đi ra, đến chờ Ta, đánh lễ và đứng một bên. Và Ta nói với người ấy đang đứng một bên:

32: - "Này Hiền giả, vì sao có số đông người tụ họp như vậy?"

- Bạch Thế Tôn vừa rồi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có

hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết. Do vậy mà có số đông người ấy tụ họp tại đây. Bạch Thế Tôn, lúc ấy Ngài ở tại chỗ nào?"

- "Này Hiền giả, lúc ấy Ta ở tại đây".

- "Bạch Thế Tôn, Ngài không thấy gì cả sao?"

- "Này Hiền giả, Ta không thấy gì".

- "Bạch Thế Tôn, Ngài không nghe tiếng gì cả sao?"

- "Này Hiền giả, Ta không nghe tiếng gì".

- "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang ngủ, phải không?"

- "Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ".

- "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang tỉnh thức phải không?"

- "Này Hiền giả, phải".

- "Bạch Thế Tôn, Ngài đang tỉnh thức, nhưng trong khi trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết, nhưng Ngài không thấy,

cũng không nghe gì".

- Nay Hiền giả, phải như vậy".

33. Nay Pukkusa, người ấy liên tục nghĩ: *"Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm lặng của vị xuất gia, khi thức tỉnh, đầu có mưa tầm tã ào ào, điện quang chói lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết mà không thấy gì, không nghe gì hết"*. Sau khi nói lên lòng tin tưởng ở nơi Ta, người ấy đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về phía Ta và từ biệt.

34. Khi được nói vậy, Pukkusa, dòng họ Mallà bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, sự tin tưởng của con đối với ngài Alàra Kàlāma, *nay con đem rải rắc trước luồng gió lớn, nay con đem thả trôi vào dòng nước cuốn*.

- Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế

Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

35. Rồi Pukkusa, dòng họ Mallà nói với một người khác: **"Này bạn, hãy đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc"**. - "Tôn giả, xin vâng". Người ấy vâng lời Pukkusa, dòng họ Mallà và đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc.

Rồi Pukkusa, dòng họ Mallà đem dâng một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc ấy cho Thế Tôn và nói:

- Bạch Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc. Mong Thế Tôn vì thương xót con mà thu nhận cho.

- Này Pukkusa, hãy đắp cho Ta một áo và đắp cho Ananda một áo.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Pukkusa, dòng họ Mallà vâng lời Thế Tôn, đắp một áo cho Ngài và đắp một áo cho tôn giả Ananda.

36. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho Pukkusa, người dòng họ Mallà, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến

tâm hoan hỷ. Và Pukkusa, người dòng họ Mallà, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn và từ biệt.

37. Khi Pukkusa, dòng họ Mallà đi chưa được bao lâu, tôn giả Ananda đem cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc này **đặt trên thân Thế Tôn**, và khi cặp áo này được đặt trên thân Thế Tôn, **màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi**. Và Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, sự thanh tịnh và sáng chói màu da của Như Lai! Bạch Thế Tôn, khi con đặt trên thân Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc vàng chói và sẵn sàng để mặc này, màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi.

- Thật vậy, này Ananda. Này Ananda, **có hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói**. Thế nào là hai?

◎ Này Ananda, trong đêm Như Lai chứng vô thượng Chánh Đẳng Giác

◎ Và trong đêm Như Lai sắp diệt độ, nhập Niết-bàn giới, không còn dư y sanh tử nữa.

Này Ananda, đó là hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói.

38. **Này Ananda, hôm nay khi canh cuối cùng đã mãn, tại Upavattana ở Kusinàrà, trong rừng Sàla của dòng họ Mallà, giữa hai cây sàla song thọ, Như Lai sẽ diệt độ.** Này Ananda, chúng ta hãy đi đến sông Kakutthà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn:

*Cặp áo kim sắc này.
Pukkusa mang đến.
Đắp áo kim sắc này,
Da Đạo Sư sáng chói.*

39. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến con sông Kakutthà, **xuống sông tắm và uống nước rồi lội qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài** và tại đây, nói với đại đức Cundaka:

- Này Cundaka, hãy xếp áo Sanghàti làm bốn cho Ta. Này Cundaka, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Đại đức Cundaka vâng lời Thế Tôn và xếp áo Sanghàti làm bốn.

40. Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như dáng điệu con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh niệm, tỉnh giác, suy tư, với ý niệm ngồi dậy lại khi phải thời. Và đại đức Cundaka ngồi phía trước Thế Tôn.

41. Đức Phật tự đi đến
Con sông Kakutthà.
Con sông chảy trong sáng.
Mát lạnh và thanh tịnh.
Vị Đạo Sư mỗi một
Đi dần xuống mé sông.
Như Lai đáng Vô Thượng
Ngự trị ở trên đời
Tắm xong, uống nước xong,
Lội qua bên kia sông.
Bậc Đạo Sư đi trước,
Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Vừa đi vừa diễn giảng.
Chánh pháp thật vi diệu.
Rồi bậc Đại Sĩ đến,
Tại khu vực rừng xoài.
Cho gọi vị Tỷ-kheo,
Tên họ Cundaka:

"Hãy gấp tư áo lại,
Trai áo cho ta nằm.
Nghe dạy, Cundaka
Lập tức vâng lời dạy,
Gấp tư và trải áo,
Một cách thật mau lẹ.
Bậc Đạo Sư nằm xuống
Thân mình thật mệt mỏi.
Tại đây Cundaka,
Ngồi ngay phía trước mặt.

42. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, rất có thể có người làm cho
thọ sát Cunda hối hận: "Này Hiền giả Cunda, thật
không lợi ích gì cho Ngươi, thật là tai hại cho
Ngươi, vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ Ngươi
cúng dường và nhập diệt".

Này Ananda, cần phải làm tiêu tan sự hối
hận ấy của thọ sát Cunda: "Này Hiền giả, thật là
công đức cho bạn, vì được Như Lai dùng bữa ăn
cuối cùng từ bạn cúng dường, và nhập diệt.

Này Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tự
thân lãnh thọ lời nói này của Thế Tôn: "Có hai sự
cúng dường ăn uống đồng một quả báo, đồng một
địa thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự
cúng dường ăn uống khác? Thế nào là hai?

- Một là bữa ăn trước khi Như Lai chứng vô

thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

- *Hai là bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ Niết-bàn giới, không còn di hưởng sanh tử.*

Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác.

- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng tuổi thọ;*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng sắc đẹp;*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng an lạc;*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng danh tiếng;*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng cõi trời,*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng uy quyền".*

Này Ananda, cần phải làm cho thợ sắt Cunda tiêu tan hối hận.

43. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa này, liền thốt lời cảm khái như sau:

*Công đức người bố thí,
Luôn luôn được tăng trưởng,
Trừ được tâm hận thù.
Không chất chứa, chế ngự,
Kẻ chí thiện từ bỏ.
Mọi ác hạnh bất thiện,
Diệt trừ tham, sân, si.
Tâm giải thoát thanh tịnh.*

V

1. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi qua bờ bên kia sông Hirannavati, đến ở Kusinàrà - Upavatama - rừng Sàlà của dòng họ Malla.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến bên kia sông Hirannavati, tại Kusinàrà Upavattana, rừng Sàlà của dòng họ Malla, khi đi đến nơi liền nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sàlā song thọ: nay Ananda, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sàlā song thọ. Và Thế Tôn nằm xuống, về phía hông bên phải, như đang nằm con sư tử, hai chân để lên nhau chánh niệm và giác tỉnh.

2. Lúc bấy giờ, cây sàlā song thọ **trở hoa trái mùa, tràn đầy cành lá.**

- Những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài.

- Những thiên hoa Mandàrava từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài.

- Bột trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài,

- Nhạc trời trên hư không trôi dạt để cúng dường Như Lai.

- Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

3. Rồi Như Lai nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananada, các cây sàlā song thọ tự nhiên trở hoa trái mùa tràn đầy cành lá, những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Những thiên hoa Mandàrava từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Bọt trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Nhạc trời trên hư không trỗi dậy để cúng dường Như Lai. Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

→ Nhưng, này Ananda, **như vậy không phải kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường hay lễ kính Như Lai.**

→ Này Ananda, nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam hay cư sĩ nữ nào **thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp, hành trì đúng Chánh pháp,** **thời người ấy kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường Như Lai với sự cúng dường tối thương.**

→ Do vậy, này Ananda, hãy thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp và hành trì đúng Chánh pháp. Này Ananda, các Người phải học tập như vậy.

4. Lúc bảy giờ, tôn giả Upavàna đứng trước mặt Thế Tôn và quạt Ngài. Thế Tôn liền quở trách tôn giả Upavàna: *"Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta."*

Tôn giả Ananda, liền tự suy nghĩ: "Đại đức Upavàna này là thị giả sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta". Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt ta"?"

5. Rồi tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Đại đức Upavàna này là thị giả, sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta." Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta"?"

- Nay Ananda, **rất đông các vị Thiên thần ở mười phương thế giới** tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Nay Ananda, cho đến mười hai do tuần xung quanh Kusinàrà, Upavattana, rừng Sàlà thuộc dòng họ Mallà, **không có một chỗ nào, nhỏ cho đến đầu một sợi tóc có thể chích được mà không đầy những Thiên thần có uy lực tụ họp.**

Nay Ananda, **các vị Thiên Thần đang than phiền:**
*"Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Như Lai. Thật rất là hy hữu, các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, và tối hôm nay, trong canh cuối cùng, Như Lai sẽ nhập diệt. Và nay **Tỷ-kheo có oai lực này** lại đứng ngang trước Thế Tôn, khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng Như Lai trong giờ phút cuối cùng".* Nay Ananda, các chư Thiên than phiền như vậy.

6. - Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào?

- Nay Ananda, có hạng **chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục**, những vị này khóc than, với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lăn lộn qua lại: ***"Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên***

đời quá sớm".

- Nay Ananda, có hạng Thiên thần ở trên đất với tâm tư thể tục những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm".
- Có chư Thiên đã diệt trừ ái dục, những vị này bình thản, tỉnh giác chịu đựng, với tâm suy tư: "Các hành là vô thường, làm sao sự kiện có thể khác được?".

7. - Bạch Thế Tôn, thưở trước các Tỷ-kheo sau khi thọ an cư, từ các địa phương đến chiêm ngưỡng Như Lai, chúng con được sự lợi ích tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện. Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nhập diệt, chúng con sẽ không được sự lợi ích **tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện.**

8. - Nay Ananda, **có bốn Thánh tích kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Thế nào là bốn?**

◎ **"Đây là chỗ Như Lai dẫn sanh"** . Nay Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải

chiêm ngưỡng và tôn kính.

◎ **"Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác"**, này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

◎ **"Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng"**, này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

◎ **"Đây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết-bàn"**, này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Này Ananda, đó là bốn Thánh tích, kẻ thiện tín cư sĩ cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Này Ananda, các thiện tín Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ sẽ đến với niềm suy tư: "Đây là chỗ Như Lai đản sanh", "Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác", "Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng", "Đây là chỗ Như Lai diệt độ, Nhập Vô dư y Niết-bàn".

➔ **Này Ananda, và những ai, trong khi chiêm bái những Thánh tích mà từ trần với tâm thâm tín hoan hỷ, thời những vị ấy, sau khi thân hoại mạng**

chung sẽ được sanh cõi thiện thú, cảnh giới chư Thiên.

9. - Bạch Thế Tôn, chúng con phải cư xử với phái nữ như thế nào?

- Nay Ananda, **chớ có thấy chúng.**

- Bạch Thế Tôn, nếu phải thấy chúng, thời phải như thế nào?

- Nay Ananda, **chớ có nói chuyện** với chúng.

- Bạch Thế Tôn, nếu phải nói chuyện với chúng, thời phải như thế nào?

- Nay Ananda, **phải an trú chánh niệm.**

10. - Bạch Thế Tôn, chúng con phải xử sự **thân xá-lợi Như Lai** như thế nào?

→ Nay Ananda, các Người đừng có lo lắng vấn đề cung kính thân xá-lợi của Như Lai.

→ Nay Ananda, **các Người hãy nỗ lực, hãy tinh tấn hướng về tự độ, sống không phóng dật, cần mẫn, chuyên hướng về tự độ.**

→ Đây Ananda, có những học giả Sát-đế-ly, những học giả Bà-la-môn, những học giả gia chủ thâm tín Như Lai, những vị này sẽ lo cho sự cung kính cúng dường thân xá-lợi của Như Lai.

11. - Bạch Thế Tôn, cần phải xử sự **thân Như Lai** như thế nào?

- Đây Ananda, xử sự thân Chuyển luân Thánh Vương như thế nào, hãy xử sự thân xá-lợi Như Lai như vậy.

- Bạch Thế Tôn, người ta xử sự thân chuyển luân Thánh vương như thế nào?

- Đây Ananda, thân của Chuyển luân Thánh vương được vắn tròn với vải mới.
- Sau khi vắn vải mới xong, lại được vắn thêm với vải gai bện.
- Sau khi vắn vải gai bện, lại vắn thêm với vải mới, và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải.
- Rồi thân được đặt vào trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy

kín.

- Xong một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân của vị Chuyển luân Thánh vương được đem thiêu trên giàn hỏa này và tại ngã tư đường, tháp của vị Chuyển luân Thánh vương được xây dựng lên.
- Nay Ananda, đó là **pháp táng thân vị Chuyển luân Thánh vương**.

→ **Nay Ananda, pháp táng thân vị Chuyển luân Thánh vương như thế nào, pháp táng thân Thế Tôn cũng như vậy.**

→ **Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường.**

→ **Và những ai đem tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đánh lễ tháp, hay khởi tâm hoan hỷ (khi đứng trước mặt tháp), thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.**

12. Nay Ananda, bốn hạng người sau này đáng được xây tháp. Thế nào là bốn?

- Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xứng

đáng xây tháp.

- **Độc Giác Phật** xứng đáng xây tháp.
- **Đệ tử Thanh Văn** của Như Lai xứng đáng xây tháp.
- **Chuyển luân Thánh vương** xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp? Này Ananda, **tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến:** "Đây là tháp của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ sanh lên thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Này Ananda, vì lý do này, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp? Này Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: "Đây là tháp của Thế Tôn Độc Giác Phật." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Này Ananda, vì lý do này, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp? Này Ananda,

tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: " Đây là tháp đệ tử Thanh Văn của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp .

Này Ananda, vì lý do gì, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: " Đây là tháp của vị Pháp vương trị vì đúng pháp ". Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, đó là bốn hạng người xứng đáng xây tháp.

13. Rồi tôn giả Ananda đi vào trong tịnh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: "*Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa! "*

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, Ananda ở tại đâu?

- Bạch Thế Tôn, tôn giả Ananda đi vào trong tịnh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: "Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa! "

Thế Tôn liền nói với một Tỷ-kheo:

- Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, nói với Ananda: " Nay Hiền giả Ananda, bậc Đạo Sư mọi Hiền giả."

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Vị Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đi đến chỗ tôn giả Ananda, sau khi đến, liền nói với tôn giả: "Này Hiền giả Ananda, bậc Đạo Sư cho gọi Hiền giả." - "Thưa vâng, Hiền giả. " Tôn giả Ananda vâng lời vị Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

14. Thế Tôn nói với tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

→ Thôi vừa rồi, Ananda, chớ có buồn rầu, chớ có khóc than.

→ Nay Ananda, Ta đã tuyên bố trước với Người rằng mọi vật ái luyến, tốt đẹp đều phải sanh

biệt, tử biệt và dị biệt.

→ Nay Ananda làm sao được có sự kiện này: "Các pháp sanh, trú, hữu vi, biến hoại đừng có bị tiêu diệt? " Không thể có sự kiện như vậy được.

→ Nay Ananda, đã lâu ngày, Người đối với Như Lai, với thân nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với khẩu nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với ý nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng.

→ Nay Ananda, Người là người tác thành công đức. **Hãy cố gắng tinh tấn lên, Người sẽ chứng bậc Vô lậu, không bao lâu đâu.**

15. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, những bậc Thế Tôn này đều có những thị giả tối thắng như Ananda của Ta.

- Nay Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thời vị lai, những bậc Thế Tôn này cũng sẽ có những thị giả tối thắng như Ananda của Ta vậy.

- Nay các Tỷ-kheo, Ananda là người có trí và hiểu rõ: "*Nay đúng thời để các Tỷ-kheo yết kiến Thế Tôn, nay đúng thời để các Tỷ-kheo ni, nay đúng thời để các nam cư sĩ, nay đúng thời để các nữ cư sĩ, nay đúng thời để các vua chúa, để các đại thần, để các ngoại đạo sư, để các đệ tử các ngoại đạo sư yết kiến Thế Tôn!*"

16. Nay các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ cựu, hy hữu. Thế nào là bốn?

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có chúng Tỷ-kheo đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp, và nếu Ananda làm thỉnh thời, nay các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo ấy sẽ thất vọng.
- Nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo ni..., chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ, vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp và nếu Ananda làm thỉnh thời nay các Tỷ-kheo, chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Nay các Tỷ-kheo, vị Chuyển luân Thánh vương có

bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu.

Này các Tỷ-kheo, nếu có chúng Sát-đế-ly... chúng Bà-la-môn... chúng gia chủ... chúng Sa-môn đến yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương, chúng sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương và nếu vị Chuyển luân Thánh vương nói chuyện, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài nói chuyện, và nếu vị Chuyển luân Thánh vương làm thỉnh thời chúng Sa-môn ấy sẽ thất vọng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu. Nếu có chúng Tỷ-kheo... chúng Tỷ-kheo ni... chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp, và nếu Ananda làm thỉnh, thời này các Tỷ-kheo chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu như vậy.

17. Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thị nhỏ bé này, tại đô thị hoang vu này, tại đô thị phụ thuộc này. Bạch Thế Tôn, có những đô thị khác to

lớn hơn như Campà (Chiêm-bà), Ràjagaha (Vương Xá), Sàvatthi (Xá-vệ), Sàketa (Sa-kỳ), Kosambi (Kiêu-thương-di), Bārāṇasī (Ba-la-nại). Thế Tôn hãy diệt độ tại chỗ ấy. Tại chỗ ấy, có đại chúng Sát-đế-ly, có đại chúng Bà-la-môn, có đại chúng gia chủ rất tin tưởng Như Lai, các vị này sẽ cúng dường thân xá-lợi Như Lai.

- Nay Ananda, chớ có nói như vậy, nay Ananda, chớ có nói đô thị này nhỏ bé, đô thị này hoang vu, đô thị này phụ thuộc.

18. Nay Ananda, thuở xưa có vị vua tên là Mahasudassana (Đại Thiên Kiến). Vị này là Chuyển luân vương, trị vì như pháp, là vị pháp vương, thống lãnh bốn thiên hạ, chinh phục hộ trì quốc dân, đầy đủ bảy báu. Nay Ananda, đô thị Kusinàrà này là kinh đô của vua Mahasudassana, tên là Kusàvatī (Câu-xá-bà-đề), phía Đông và phía Tây rộng đến mười hai do tuần, phía Bắc và phía Nam rộng đến bảy do tuần.

Nay Ananda, kinh đô Kusàvatī này rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, dân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú. Nay Ananda, cũng như kinh đô Alakamanda của chư thiên rất phồn thịnh, phú cường dân cư đông đúc, Thiên chúng sung mãn, thực phẩm phong phú, cũng vậy nay Ananda, kinh đô

Kusàvati này cũng rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, nhân chúng sung mãn.

Này Ananda, kinh đô Kusàvati này, ngày đêm vang dậy chín loại tiếng, tức là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng tỳ bà, tiếng hát, tiếng xập xỏa, tiếng chuông và tiếng thứ mười là lời kêu gọi: " Hãy uống đi, hãy ăn đi ".

19. Này Ananda, hãy đi vào Kusinàrà và nói với dân Mallà Kusinàrà: "*Này các Vàsetthà, **đêm nay, vào canh cuối cùng**, Như Lai sẽ diệt độ*".

- Này Vàsetthà, các Người hãy đến. Này Vàsetthà, các Người hãy đến. Về sau chớ có hối hận: "*Như Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai*".

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, đáp y, đem theo y bát và cùng một vị khác làm bạn đồng hành đi vào Kusinàrà.

20. Lúc bấy giờ, dân Mallà ở Kusinàrà đang tụ họp tại giảng đường vì một vài cộng sự. Tôn giả Ananda đến tại giảng đường của dân Mallà ở Kusinàrà. Sau khi đến, tôn giả liền nói với dân Mallà ở Kusinàrà:

- Nay Vasetthà, đêm nay, vào canh cuối cùng Như Lai sẽ diệt độ, Nay Vasetthà, các Người hãy đến. Nay Vasetthà, các Người hãy đến. Về sau chớ có hối hận: " Như Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai ".

21. Dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe tôn giả Ananda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Và dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não, đi đến Upavattana, khu rừng Sàlà của dòng họ Mallà và đến chỗ tôn giả Ananda.

22. Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Nếu ta để dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ Thế Tôn từng người một, thời đêm sẽ tàn trước khi Thế Tôn được tất cả dân Mallà đánh lễ. Vậy ta hãy để dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ theo từng gia tộc ".

- Bạch Thế Tôn, gia tộc Mallà này với vợ con, đồ chúng, bạn bè đến cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Và tôn giả Ananda, theo phương tiện này trong canh một, khiến dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ Thế Tôn.

23. Lúc bảy giờ, du sĩ ngoại đạo Subhadda ở tại Kusinàrà. Du sĩ ngoại đạo Subhadda được nghe: " Tội nay canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ "

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda suy nghĩ: " Ta nghe các du sĩ ngoại đạo niên cao lập lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu. Và đêm nay, vào canh cuối cùng Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm ta. Ta tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho ta ".

24. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đi đến Upavattana, khu rừng Sàla của dân Mallà, đến tại chỗ tôn giả Ananda và thưa với tôn giả:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cao lập lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

Lần thứ hai, du sĩ ngoại đạo Subhadda ... Lần thứ ba, du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cạo lạc lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Lần thứ ba, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

25. Thế Tôn nghe được câu chuyện của tôn giả Ananda với du sĩ ngoại đạo Subhadda, Ngài liền nói với tôn giả Ananda:

- Thôi Ananda, chớ có ngăn trở Subhadda, Ananda, hãy để cho Subhadda được phép yết kiến Như Lai. Những gì Subhadda hỏi Ta là hỏi để hiểu biết chớ không phải để phiền nhiễu Ta. Và những gì ta trả lời các câu hỏi, Subhadda sẽ hiểu ý nghĩa một cách mau lẹ.

Tôn giả Ananda liền nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Nay Hiền giả Subhadda, hãy vào. Thế Tôn đã cho phép Hiền giả.

26. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đến chỗ Thế Tôn, nói lên những lời chúc tụng hỏi thăm xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn là những vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, như các ngài Pàrana Kassapa, Makkhali Gosàla, Ajita Kesakambali, Pakadha Kaccàyana, Sanjaya Belatthiputta, Nigantha Nàthaputta, tất cả những vị này có phải là giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ?

- Thôi Subhadda, hãy để vấn đề này yên một bên: "Tất cả những vị này có phải là đã giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ ". Nay Subhadda, Ta sẽ thuyết pháp cho Ngươi. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Du sĩ ngoại đạo Subhadda vâng lời Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

27. -

- ◎ *Này Subhadda, trong pháp luật nào **không có Bát Thánh đạo**, thời ở đây **không có** (đệ nhất) Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn.*
- ◎ *Này Subhadda trong pháp luật nào **có Bát Thánh đạo** thời **ở đây có** (đệ nhất) Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đây cũng có đệ tứ Sa-môn.*
- ◎ *Này Subhadda, **chính trong pháp luật này có Bát Thánh Đạo**, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-*

môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn.

◎ *Này Subhadda, nếu những vị Tỷ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán.*

*Này Subhadda, năm hai mươi chín,
Ta xuất gia hướng tìm chân thiện đạo.
Trải năm mươi năm với thêm một năm
Từ khi xuất gia, này Subhadda,
Ta là du sĩ tu Trí, tu Đức.*

Ngoài lãnh vực này, không có Sa-môn (đệ nhất); cũng không có Sa-môn đệ nhị, cũng không có Sa-môn đệ tam, cũng không có Sa-môn đệ tứ. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những Tỷ-kheo sống chơn chánh, thì đời này không vắng những vị A-la-hán.

28. Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

- Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào

trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong con được xuất gia với Thế Tôn. Con xin thọ đại giới.

- Nay Subhadda, ai trước kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia muốn thọ đại giới trong Pháp, Luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau.

29. - Bạch Thế Tôn, nếu những người xưa kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong Pháp và Luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu các vị Tỷ-kheo đồng ý, hãy cho con xuất gia, cho con thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo.

Và Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananada, hãy xuất gia cho Subhadda.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

30. Du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

- Thật là lợi ích, thưa Tôn giả Ananda, thật là thiện lợi, thưa Tôn giả Ananda, được thọ lễ quán đánh làm đệ tử trước mặt bậc Đạo Sư!

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda được xuất gia được thọ đại giới với Thế Tôn. Thọ đại giới không bao lâu, đại đức Subhadda ở một mình, an tịnh, không phóng dật, tinh tấn, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự giác chứng và an trú. Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa.

Và đại đức Subhadda trở thành một A-la-hán nữa.

Đại đức là vị đệ tử cuối cùng được Thế Tôn thọ độ.

VI

1. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, nếu trong các Ngươi có người nghĩ rằng: "Lời nói của bậc Đạo sư không còn nữa. Chúng ta không có Đạo sư (giáo chủ)". **Này Ananda, chớ có những tư tưởng như vậy. Này Ananda, Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Ngươi.**

2. Này Ananda, nay các vị Tỷ-kheo xưng hô với nhau là Hiền giả. Sau khi Ta diệt độ, chớ có xưng hô như vậy.

- Này Ananda, vị Tỷ-kheo niên lão hãy gọi vị Tỷ-kheo niên thiếu, hoặc **bằng tên, hoặc bằng họ, hoặc bằng tiếng Hiền giả.**

- Vị Tỷ-kheo niên thiếu, hãy gọi vị Tỷ-kheo niên lão là **Thượng tọa (Bhante) hay Đại đức.**

3. Này Ananda, **nếu chúng Tăng muốn, sau khi Ta diệt độ có thể hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt chi tiết.**

4. Này Ananda, sau khi Ta diệt độ, hãy hành tội

Phạm đàn (Brahmadanda) đối với Tỷ-kheo Channa.

- Bạch Thế Tôn, thế nào là Phạm Đàn?

- Nay Ananda, Tỷ-kheo Channa muốn nói gì thì nói. Chúng Tỷ-kheo sẽ không nói, sẽ không giảng dạy, sẽ không giáo giới Tỷ-kheo Channa.

5. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo các Người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn".

Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo ấy im lặng. Một lần thứ hai, Thế Tôn... . Một lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có một Tỷ-kheo có nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo, các Người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn".

Lần thứ ba, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có vị nào vì lòng kính trọng bậc Đạo Sư mà không hỏi, thời này các Tỷ-kheo, giữa bạn đồng tu, hãy hỏi nhau.

Khi được nói vậy, những vị Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

6. Rồi tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, thật hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, con tin rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp.

- Nay Ananda, Người có tín nhiệm nên nói vậy. Nhưng ở đây, này Ananda, Như Lai biết rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp. Nay Ananda, **trong năm trăm Tỷ-kheo này, Tỷ-kheo thấp nhất đã chứng được quả Dự lưu**, không còn đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác.

7. Và Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta khuyên dạy các Người:
"Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ
có phóng dật".

Đó là lời cuối cùng của Như Lai.

8.

- Rồi Thế Tôn nhập định Sơ thiền.
- Xuất Sơ thiền, Ngài nhập Nhị thiền.
- Xuất Nhị thiền Ngài nhập Tam thiền.
- Xuất Tam thiền, Ngài nhập Tứ thiền.
- Xuất Tứ thiền, Ngài nhập định Không vô biên xứ.
- Xuất Không vô biên xứ, Ngài nhập định Thức vô biên xứ.
- Xuất Thức vô biên xứ, Ngài nhập định Vô sở hữu xứ.
- Xuất Vô Sở hữu xứ, Ngài nhập định Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
- Xuất Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài nhập Diệt thọ tưởng định.

Khi ấy tôn giả Ananda nói với tôn giả Anuruddha:

- Thừa Tôn giả, Thế Tôn đã diệt độ.
- Nay Hiền giả Ananda, Thế Tôn chưa diệt độ. Ngài mới nhập Diệt thọ tướng định.

9.

- Rồi xuất Diệt thọ tướng định. Ngài nhập Phi tướng phi phi tướng xứ định.
- Xuất Phi tướng phi phi tướng xứ, Ngài nhập Vô sở hữu xứ định.
- Xuất Vô sở hữu xứ, Ngài nhập Thức vô biên xứ định.
- Xuất thức Vô biên xứ, Ngài nhập Hư không vô biên xứ định.
- Xuất Hư không vô biên xứ, Ngài nhập định Tứ thiên.
- Xuất Tứ thiên, Ngài nhập định Tam thiên.
- Xuất Tam thiên, Ngài nhập định Nhị thiên.
- Xuất Nhị thiên, Ngài nhập định Sơ thiên.
- Xuất Sơ thiên, Ngài nhập định Nhị thiên.
- Xuất Nhị thiên, Ngài nhập định Tam thiên.
- Xuất Tam thiên, Ngài nhập định Tứ thiên.

- Xuất Tứ thiên, Ngài lập tức diệt độ.

10. Khi Thế Tôn diệt độ, cùng với sự diệt độ, **đại địa chấn động khùng khiếp, râu tóc dựng ngược, sấm trời vang động.**

Khi Thế Tôn diệt độ, Phạm thiên Sahampati, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này.

*Chúng sanh ở trên đời,
Từ bỏ **thân ngũ uẩn**
Bậc đạo sư cũng vậy,
Đáng Tuyệt luân trên đời.
Bậc Đại hùng Giác ngộ
Như Lai đã diệt độ.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Thiên chủ Sakka, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt
Đã sanh, chúng phải diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Anuruddha, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

Không phải thở ra vào

*Chính tâm trú chánh định
Không tham ái tịch tịnh
Tu sĩ hướng diệt độ
Chính tâm tịnh bất động
Nhẫn chịu mọi cảm thọ
Như đèn sáng bị tắt
Tâm giải thoát hoàn toàn.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Ananda, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Thật kinh khủng bàng hoàng,
Thật râu tóc dựng ngược,
Khi Bạc Toàn thiện năng,
Bạc Giác ngộ nhập diệt.*

Khi Thế Tôn diệt độ, những Tỷ-kheo chưa giải thoát tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì khóc than, thân nằm nhoài dưới đất, lẫn lộn qua lại: "**Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, *Pháp nhẫn biến mất ở trên đời quá sớm***".

Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại, suy tư: "**Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy.**"

11. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha nói với các Tỷ kheo:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Nay các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng: **Mọi vật ưu ái thân tình đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt.**

Này các Hiền giả, làm sao có thể được như vậy: **“ Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch? Thật không có sự trạng ấy ”.** Nay các Hiền giả, chính chư Thiên đang trách đó.

- Thừa Tôn giả Anuruddha, Tôn giả đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào?

- Hiền giả Ananda, có hạng chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ nhòai dưới đất, lẫn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".
- Hiền giả Ananda, có hạng chư Thiên ở trên đất với tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao,

khóc than thân bỏ nhòai dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

- Còn những chư Thiên diệt trừ ái dục, những vị này chánh niệm tỉnh giác, chịu đựng với tâm suy tư: “ Các hành là vô thường, làm sao có thể khác được? ”.

12. Tôn giả Anuruddha và Tôn giả Ananda luận bàn về Chánh pháp suốt cả đêm còn lại. Rồi tôn giả Anuruddha nói với tôn giả Ananda:

- Hiền giả Ananda, hãy vào thành Kusinàrà và nói với dân Mallà ở Kusinàrà: “ Nay Vàsetthà, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các Người nghĩ phải làm.”

- Tôn giả, xin vâng!

Tôn giả Ananda vâng lời tôn giả Anuruddha, buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng một thị giả, vào thành Kusinàrà.

Lúc bấy giờ, dân Mallà ở Kusinàrà đang tụ họp tại giảng đường vì một vài công vụ. Tôn giả Ananda đến tại giảng đường của dân Mallà ở Kusinàrà, sau khi

đến liền nói với dân Mallà ở Kusinàrà: “ Này Vàsetthà, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các Người nghĩ phải làm.”

Dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe tôn giả Ananda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than thân bỏ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

13. Rồi dân Mallà ở Kusinàrà ra lệnh cho những người làm: “ Các Người hãy gom góp hương, tràng hoa và tất cả nhạc khí ở Kusinàrà.”

Rồi dân Kusinàrà đem theo hương, tràng hoa, tất cả nhạc khí và năm trăm cuộn vải đi đến Upavattana, tại rừng Sàlà của giòng họ Mallà, đến tại chỗ thân xá- lợi của Thế Tôn, rồi chúng ở lại cả ngày tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các **điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Mandala.**

Rồi dân Mallà ở Kusinàrà suy nghĩ: “ Hôm nay, nếu thiêu thân xá - lợi Thế Tôn thời quá sớm. Ngày mai, chúng ta sẽ làm lễ thiêu thân xá - lợi của Thế Tôn.”

Rồi dân Mallà ở Kusinàrà, cả ngày thứ hai, tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Malanda, ngày thứ ba cũng như vậy, ngày thứ tư cũng như vậy, ngày thứ năm cũng như vậy. Ngày thứ sáu cũng như vậy.

14. Đến ngày thứ bảy, dân Mallà ở Kusinàrà suy nghĩ: *“Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, nay chúng ta hãy chở thân xá - lợi Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy.”*

Lúc bảy giờ tám vị tộc trưởng Mallà gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá - lợi Như Lai nhưng không nổi được. Các vị Mallà ở Kusinàrà bạch Tôn giả Anuruddha:

- Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, tám vị tộc trưởng Mallà này gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá - lợi Như Lai, nhưng không nổi được?

- Nay Vasetthà, vì ý định của các Người khác, ý định của chư Thiên khác.

15. – Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên là gì?

- Nay các Vasetthà, ý định của các Người như sau:
“ Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá- lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương. Nay chúng ta hãy chớ thân xá-lợi Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy.”

Nay các Vasetthà, ý định của chư Thiên như sau:
“Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá- lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư Thiên, nay chúng ta hãy khiêng thân xá- lợi Thế Tôn về hướng Bắc đến phía Bắc của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, hãy khiêng qua trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, hãy khiêng đến phía Đông của thành, tại đền của dân Mallà tên là Makuta- bandhana, và chúng ta sẽ thiêu thân Thế Tôn tại chỗ ấy.”

- Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên thế nào, ý định của chúng con cũng như vậy.

16. Lúc ấy, khắp cả Kusinàrà cho đến đóng bụi, đóng rác, được rải la liệt lên đến đầu gối toàn hoa Mandaràva. Rồi chư Thiên và các dân Mallà ở Kusinàrà, sau khi đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ,

cúng dường thân xá lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư Thiên và loài Người, liền khiêng thân xá lợi Thế Tôn về phía Bắc của Thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, liền khiêng qua Trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, liền khiêng đến phía Đông của thành, tại đền của dân Mallà tên là Makuta-bandhana và đặt thân xá lợi của Thế Tôn tại chỗ ấy.

17. Rồi dân Mallà bạch tôn giả Ananda:

- Bạch Tôn giả Ananda, chúng con nay phải xử sự như thế nào đối với thân xá lợi Như Lai?

- Nay các Vasetthà, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương như thế nào, hãy xử sự thân xá lợi Như Lai như vậy.

- Bạch Tôn giả Ananda, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương phải như thế nào?

- Nay các Vasetthà:

- Thân Chuyển luân Thánh vương được vắn tròn với vải mới.
- Sau khi vắn vải mới, lại được vắn thêm với vải

gai bện.

- Sau khi vắn với vải gai bện, lại vắn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải.
 - Rồi thân được đặt trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín.
 - Xong một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân vị Chuyển luân Thánh vương được đem thiêu trên giàn hỏa này,
 - Và tại ngã tư đường, tháp vị Chuyển luân Thánh vương này được xây dựng lên.
- Nay các Vasetthà, đó là pháp táng thân của vị Chuyển luân Thánh vương.

→ Nay các Vasetthà, pháp táng thân của vị Chuyển luân Thánh vương như thế nào, pháp táng thân của Thế Tôn cũng như vậy.

Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường. Và những ai đem đến tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đánh lễ tháp hay khởi tâm hoan hỷ (khi đứng trước mặt tháp) , thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

18. Và các người Mallà ở Kusinàrà sai những người làm công:

- Hãy đem lại tất cả vải gai bện của Mallà .

Rồi những người Mallà ở Kusinàrà vắn tròn thân Thế Tôn với vải mới. Sau khi vắn vải mới xong, lại vắn thêm với vải gai bện. Sau khi vắn với vải gai bện lại vắn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải. Rồi đặt thân Như Lai vào trong một hòm dầu bằng sắt, đẩy hòm sắt này vào một hòm sắt khác, dựng lên một giàn hỏa gồm mọi loại hương và đặt thân Thế Tôn trên giàn hỏa.

19. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Mahà Kassapa** đang đi giữa đường từ Pàvā đến Kusinàrà với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Rồi Tôn giả Mahà Kassapa bước xuống đường và đến ngồi tại một gốc cây.

Lúc bấy giờ có một tà mạng ngoại đạo lấy một hoa Mandàrava ở Kusinàrà và đang đi trên một con đường đến Pàvā.

Tôn giả Mahà Kassapa thấy tà mạng ngoại đạo đi từ đằng xa đến. Thấy vậy, tôn giả liền hỏi tà mạng ngoại đạo ấy:

- Này Hiền giả, Hiền giả có biết bậc Đạo sư chúng tôi không?

- Nay Hiền giả, tôi có biết. Sa-môn Gotama đã diệt độ cách hôm nay một tuần. Từ chỗ ấy, tôi được hoa Mandàrava này.

Lúc ấy những Tỷ-kheo chưa giải thoát tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì khóc than, thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thệ Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ". Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm, tỉnh giác, nhẩn nại suy tư: " Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy? ".

20. Lúc bấy giờ, **Subhadda được xuất gia khi đã lớn tuổi đang ngồi trong hội chúng này**. Subhadda được xuất gia khi đã lớn tuổi nói với những Tỷ-kheo ấy:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Chúng ta đã được thoát khỏi hoàn toàn vị Đại Sa-môn ấy, chúng ta đã bị phiền nhiễu quấy rầy với những lời: "***Làm như thế này không hợp với các Ngươi. Làm như thế này hợp với các Ngươi***". Nay những gì chúng ta muốn, chúng ta làm, những gì chúng ta không muốn, chúng ta không làm.

Tôn giả Mahà Kassapa mới nói với các vị Tỷ-kheo:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Nay các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng mọi vật ưu ái thân tình đều phải bị sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Nay các Hiền giả, làm sao có thể được như vậy: Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch? Thật không có sự trượng ấy.

21. Lúc bấy giờ **bốn vị tộc trưởng Mallà gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn nhưng châm lửa không cháy.**

Các vị Mallà ở Kusinàrà bạch tôn giả Anuruddha:

- Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, bốn vị tộc trưởng Mallà này gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn, nhưng châm lửa không cháy?

- Nay các Vàsetthà, ý định của chư Thiên khác.

- Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên như thế nào?

- Nay các vàsetthà, ý định của chư Thiên như sau:
" Tôn giả Mahà Kassapa nay đang đi giữa đường giữa Pàvā và Kusinàrà cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. **Giàn hỏa Thế Tôn chỉ được đốt cháy khi tôn giả Mahà Kassapa cúi đầu dẫn**

lễ Thế Tôn "

- Bạch Tôn giả, ý định chư Thiên như thế nào, hãy làm y như vậy.

22. Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đến tại đền Makuta Bandhana của những vị Mallà tại giàn hỏa Thế Tôn, khi đến xong liền choàng áo phía một bên vai, chấp tay, đi nhiều phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần, cúi mở chân ra và cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Năm trăm vị Tỷ-kheo ấy choàng áo phía một bên vai, chấp tay, đi nhiều qua phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần và cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Và khi tôn giả Mahà Kassapa và năm trăm vị Tỷ-kheo đánh lễ xong, **thời giàn hỏa Thế Tôn tự bắt lửa cháy.**

23. Khi thân Thế Tôn đã cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân hay nước giữa các khớp xương, **thấy đều cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương xá lợi còn lại.**

Như sanh tô hay dầu bị cháy, tất cả đều cháy sạch không có tro, không có than. Cũng vậy khi thân Thế Tôn cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân

hay nước giữa khớp xương, tất cả đều cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương xá lợi còn lại. Và năm trăm tầng lớp vảy gai bên, cả hai lớp trong nhất và lớp ngoài nhất đều bị cháy thiêu.

Khi thân Thế Tôn bị thiêu cháy xong, một dòng nước từ hư không chảy xuống tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn, và một dòng nước từ kho nước (hay từ cây sàlà) phun lên tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn, và các người Mallà ở Kusinàrà dùng nước với mọi loại hương tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn.

Rồi các người Mallà xứ Kusinàrà đặt xá lợi Thế Tôn trong giăng đường, dùng cây thương làm hàng rào, dùng cây cung làm bức thành xung quanh và **trong bảy ngày** tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường với các điệu múa, hát, nhạc, vòng hoa, hương.

24.

1. Vua nước Magadha tên là Ajàtasattu Vedehiputta nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà. Vua liền gọi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, ta cũng là người Sát-đế-ly. Ta cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn, ta cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn ".

2. Những người Licchavi ở Vesali nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".
3. Các người Sakyà ở Kapilavatthu nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ với xá-lợi Thế Tôn ".
4. Những người Buli ở Allakappa nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn ".
5. Những người Koli ở Rāmagāma nghe tin Thế

Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà , liền gọi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn."

6. Bà-la-môn Vethadìpaka nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gọi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, tôi là người Bà-la-môn. Tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

7. Các người Mallà ở Pàvà nghe tin Thế Tôn đã diệt độ liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

25. Khi được nói vậy các người Mallà ở Kusinàrà liền tuyên bố giữa đại chúng:

- Thế Tôn đã diệt độ tại làng vườn của chúng tôi,

chúng tôi sẽ không cho phần xá lợi nào của Thế Tôn.

Khi nghe vậy. **Bà-la-môn Dona** nói với chúng:

*Tôn giả, hãy nghe lời tôi nói!
Phật dạy chúng ta phải kham nhẫn.
Thật không tốt nếu có tranh giành.
Khi chia xá lợi bậc Thượng nhân.
Chúng ta hãy đoàn kết nhất tâm,
Hoan hỷ chia xá lợi tám phần.
Chúng ta hãy dựng tháp mọi phương,
Đại chúng mười phương tin Pháp
nhẫn...*

- Nay Tôn giả Bà-la-môn, Ngài hãy phân chia xá lợi ra tám phần đồng đều.

- Xin vâng, các Tôn giả.

Bà-la-môn Dona vâng lời hội chúng ấy, phân chia xá-lợi Thế Tôn thành tám phần đồng đều rồi thưa hội chúng:

- Các Tôn giả, hãy cho tôi cái bình dùng để đồng chia xá-lợi này. Tôi sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ cho cái bình.

Và hội chúng ấy tặng Bà-la-môn Dona cái bình.

26. Và người Moriyà ở Pippalivana nghe tin Thế Tôn đã diệt độ liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà:

- "Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được hưởng một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

- " Nay không còn phần xá-lợi Thế Tôn nào. Xá-lợi Thế Tôn đã được phân chia, hãy lấy tro còn lại ". **Rồi các vị này lấy than tro còn lại.**

27. Và vua nước Magadha tên là Ajàtasattu, con bà Videhi xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vương Xá và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Licchavi ở Vesàli cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vesàli và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Sakya ở Kapilavatthu cũng xây dựng trên xá-lợi Thế Tôn tại Kapilavatthu và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Buli ở Allakappa cũng xây dựng tháp trên xá lợi Thế Tôn tại Allakappa và tổ chức lễ cúng

dường.

Những người Koli ở Ràmagama cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Ràmagama và tổ chức lễ cúng dường.

Bà-la-môn Vethadìpaka cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vethadìpa và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Mallà ở Pàvā cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Pàvā và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Malla ở Kusinàrà cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Kusinàrà và tổ chức lễ cúng dường.

Bà-la-môn Dona cũng xây dựng tháp trên bình (dùng để đựng chia xá-lợi) và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Moriyà ở Pipphalivana cũng xây dựng tháp trên những than tro và tổ chức lễ cúng dường.

Như vậy có tám tháp xá-lợi, tháp thứ chín trên bình (dùng để đựng chia xá-lợi) và tháp thứ mười trên tro (xá-lợi).

Đó là truyền thống thời xưa như vậy.

28. *Đấng Pháp Nhãn Vô Thượng*
Xá-lợi phân tám phần.
Bảy phần được cúng dường.
Tại Jambudìpa.
Một phần Long vương cúng.
Tại Ràmagàma.
Một rằng Phật được cúng,
Tại cõi Tam Thiên giới,
Một tại Gandhàra,
Một tại Kalinga.
Một rằng, vua Long vương.
Tự mình riêng cúng dường.
Quả đất được chói sáng,
Với hào quang xá-lợi,
Với lễ vật cúng dường.
Hạng thượng phẩm, thượng đẳng.
Xá-lợi đấng Pháp Nhãn.
Như vậy được cúng dường,
Bởi những bậc tôn trọng
Cung kính lễ cúng dường,
Bởi những bậc tôn trọng
Cúng kính lễ cúng dường.
Bởi Thiên, Long, Nhơn chủ,
Bởi bậc Tối thượng nhơn.
Các Người hãy chấp tay,
Cung kính lễ cúng dường.
Khó thay sự chiêm ngưỡng.

*Tôn nhan bậc Như Lai.
Trải nhiều nhiều trăm kiếp,
May lắm được một lần.*

15 Thiên tử - Kinh Tương Ưng Thiên Tử – Tương I, 105

Chương II: Tương Ưng Thiên Tử

I. Phẩm Thứ Nhất (S.i,46)

Kassapa Ca điếp – *Tương I, 105*

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Thiên tử Kassapa (Ca-diếp), sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Kassapa bạch Thế Tôn:

-- Thế Tôn đề cao Tỷ-kheo và sự giáo giới vị Tỷ kheo cho chúng con.

2) -- Vậy này Kassapa, hãy nói lên ở đây về vấn đề ấy.

3) (Kassapa):

*Hãy học điều khéo nói,
Trong hạnh nghiệp Sa-môn,
Vững lặng, ngồi một mình,
Với tâm tư an tịnh.*

4) Thiên tử Kassapa nói như vậy. Bạc Đạo Sư chấp nhận. Rồi Thiên tử Kassapa, sau khi được biết: "Bạc Đạo Sư đã chấp nhận ta", đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất từ chỗ ấy.

Kassapa – Tương I, 106

1) Tại Sàvatthi.

2) Đứng một bên, **Thiên tử Kassapa** nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

*Với tâm tư giải thoát,
Vị Tỷ-kheo tu thiền,
Và với lòng ước vọng,
Đạt được tâm sở nguyện.
*Sau khi biết cuộc đời,**

*Hưng thịnh và phé tàn,
Tâm thuần, không nương tựa,
Hưởng lợi quả như chơn.*

Màgha – Tương I, 107

1) Tại Sàvatthi.

2) Rồi **Thiên tử Màgha**, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Màgha nói với Thế Tôn bài kệ:

3) *Sát vật gì được lạc?*

Sát vật gì không sầu?

Có một pháp loại gì,

Ngài tán đồng sát hại,

Tôn giả Gotama?

(Thế Tôn)

4) *Sát phần nộ được lạc,*

Sát phần nộ không sầu,

*Phần nộ với độc căn,
Với vị ngọt tối thượng.
Pháp ấy bậc Thánh Hiền,
Tán đồng sự sát hại.
Sát pháp ấy không sâu,
Này Hiền giả Thiên nhân.*

Màgadha – Tương I, 108

1) Đứng một bên, **Thiên tử Màgadha** nói lên với Thế Tôn bài kệ:

*Vật gì chiếu sáng đời,
Do chúng, đời chói sáng?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Muốn nghe lời giải đáp.*

*Bốn vật chiếu sáng đời,
Thứ năm đây không có,
Ngày, **mặt trời** sáng chói,
Đêm, **mặt trăng** tỏ rạng,
Lửa cháy đỏ đêm ngày,*

*Chói sáng khắp mọi nơi,
Chánh giác sáng tối thắng,
Sáng này sáng vô thượng.*

Dàmali – Tương I, 108

1) Tại Sàvatthi.

2) Thiên tử Dàmali, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Dàmali nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

*3) Ở đây, Bà-la-môn,
Tinh cần, không biếng nhác,
Đoạn trừ các dục vọng,
Nhờ vậy không tái sanh.*

4) Thế Tôn bèn trả lời:

*Ôi này Dàmali,
Với vị Bà-la-môn,*

*Không còn gì phải làm,
Việc phải làm đã làm,
Chính là Bà-la-môn.*

*Chúng sanh đủ tay chân,
Không tìm được chân đứng,
Trôi giạt và chìm nổi,
Trong biển rộng, sông dài.
Tìm được chỗ chân đứng,
Khô ráo vị ấy đứng,
Đã đến bờ bên kia,
Vị ấy không trôi giạt.*

*Vậy này Dàmali,
Ví dụ ấy là vậy.
Cũng vậy Bà-la-môn,
*Đoạn trừ các lậu hoặc,
Sáng suốt và kín đáo,
Tinh tấn tu Thiền định.
Vị ấy đã đạt được,**

*Tận cùng đường sanh tử,
Đã đến bờ bên kia,
Nên không còn trôi giạt.*

Kàmada – Tương I, 110

1) Đứng một bên, **Thiên tử Kàmada** bạch Thế Tôn:

2) - *Khó làm*, bạch Thế Tôn,
Thế Tôn, thật khó làm.

- Tuy vậy, Kàmada,
Họ làm việc khó làm,
Chính các vị hữu học,
Kiên trì tu giới định,
Đã chọn đời xuất gia,
Biết đủ, đem an lạc.

3) - *Biết đủ*, bạch Thế Tôn,
Biết đủ, thật khó được.

- Tuy vậy, Kàmada,
Họ được điều khó được.

*Những vị lòng ưa thích,
Tâm tư được điều tịnh,
Cả ngày và cả đêm,
Ý an lạc tu tập.*

4) - *Khó tịnh*, bạch Thế Tôn,
Tâm ấy, thật khó tịnh.
- Tuy vậy, Kàmada,
Họ tịnh tâm khó tịnh.
*Những vị lòng ưa thích,
Các căn được tịch tịnh,
Cắt đứt lười tử thân,
Bậc Hiền Thánh đi tới.*

5) - *Khó đi*, bạch Thế Tôn,
Con đường thật lời lổm.
- Tuy vậy, Kàmada,
Bậc Hiền Thánh vẫn đi.
*Trên con đường khó đi,
Và có nhiều lời lổm,*

*Kẻ phàm phu vấp ngã,
Trên đường mất thăng bằng.
Con đường đối bậc Thánh,
Là con đường thăng bằng,
Bậc Thánh bước thăng bằng,
Trên đường mất thăng bằng.*

Pancàlacanda – Tương I, 111

1) Đứng một bên, **Thiên tử Pancàlacanda** nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

*Dầu giữa những chướng ngại,
Bậc Đại trí Chánh giác,
Vẫn tìm được lối thoát,
Vượt qua mọi chướng ngại.
Bậc trí hiểu Thiền định,
Biết từ bỏ, tối thắng,
Bậc Mâu-ni, ẩn sĩ,*

2) Thế Tôn lên tiếng:

*Pancàlacanda,
Dầu giữa những chướng ngại,
Họ tìm được lối thoát,
Họ tìm được Chánh pháp
Đưa đến quả Niết-bàn.
Những vị đạt chánh niệm,
Kiên trì không dao động,
Họ là bậc chơn chánh,
Tâm điều phục, định tĩnh.*

Tàyana – Tương I, 112

1) Rồi **Thiên tử Tàyana**, *trước kia thuộc ngoại đạo* *sur*, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Tàyana nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

2) Ôi này Bà-la-môn,
Tinh tấn, cắt dòng nước,
Đoạn trừ và tiêu diệt,

Mọi tham đắm dục vọng.
Ấn sĩ không đoan dục,
Không chứng được nhứt tâm.
Nếu làm việc phải làm,
Cần kiên trì, tinh tấn.
Xuất gia, nếu biếng nhác,
Càng tung vãi bụi trần.
Không làm, hơn làm dờ,
Làm dờ sau khổ đau.
Đã làm nên làm tốt,
Làm tốt không khổ đau.

Như nắm vụng lá cỏ,
Có thể bị đứt tay.
Sa-môn hạnh vụng tu,
Kéo đến cõi địa ngục.
Mọi sở hành biếng nhác,
Mọi hạnh tu ô nhiễm,
Ác hạnh trong Phạm hạnh,
Không đưa đến quả lớn.

3) Thiên tử Tàyana nói như vậy. Sau khi nói xong, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy.

4) Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, liền gọi các Tỷ-kheo.

5) -- Nay các Tỷ-kheo, đêm nay Thiên tử Tàyana, trước kia thuộc ngoại đạo sư, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Tàyana nói lên bài kệ này trước mặt Ta:

6) "*Ôi này Bà-la-môn
Tinh tấn cắt dòng nước,
Đoạn trừ và tiêu diệt,
Mọi tham đắm dục vọng.
Ấn sĩ không đoạn dục,
Không chứng được nhứt tâm.
Nếu làm việc khó làm,*

*Cần kiên trì tinh tấn,
Xuất gia nếu biếng nhác,
Càng tung vãi bụi trần.
Không làm, hơn làm dở,
Làm dở sau khổ đau.
Đã làm nên làm tốt,
Làm tốt không khổ đau.*

*Như nắm vụng lá cỏ,
Có thể bị đứt tay,
Sa-môn hạnh vụng tu,
Kéo đến cõi địa ngục.
Mọi sở hành biếng nhác,
Mọi hạnh tu ô nhiễm,
Ác hạnh trong Phạm hạnh,
Không đưa đến quả lớn."*

7) Nay các Tỷ-kheo, Thiên tử Tàyana nói như vậy. Nói vậy xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta và biến mất tại chỗ.

Này các Tỷ-kheo, hãy đọc bài kệ của Tàyana. Này các Tỷ-kheo, hãy học thuộc lòng bài kệ của Tàyana. Này các Tỷ-kheo, **bài kệ của Tàyana có đầy đủ nghĩa lợi và chính là căn bản của Phạm hạnh.**

Candima Nguyệt Thiên Tử – *Tương I, 115*

1) Thế Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ).

Lúc bấy giờ, **Thiên tử Candima** bị Ràhu, vua A-tu-la bắt. Rồi Thiên tử Candima, tưởng niệm đến Thế Tôn, trong lúc ấy nói lên bài kệ này:

2) *Đánh lễ đấng Giác Ngộ,
Bậc Anh Hùng muôn thuở,
Ngài là bậc Giải Thoát,
Thoát ly thật viên mãn,
Còn con bị trói buộc,
Hãy cho con quy ngưỡng.*

3) Rồi Thế Tôn, vì Thiên tử Candima, nói lên bài kệ này cho Ràhu, vua A-tu-la:

Canda đã quy y,

*Như Lai, bậc La-hán,
Ràhu, hãy thả nó,
Vì chư Phật thương đời.*

4) Rồi Ràhu, vua A-tu-la, giải thoát cho Thiên tử Candima. Như bị hốt hoảng, Ràhu đi đến Vepacitti, vua A-tu-la, run sợ, lông tóc dựng ngược và đứng một bên. Và Vepacitti, vua A-tu-la, nói lên bài kệ cho Ràhu, vua A-tu-la, đang đứng một bên:

*5) Vì sao, như hốt hoảng,
Ràhu thả Canda,
Ông đến, lòng run sợ,
Ông đứng, tâm kinh hoàng?*

*6) -- Đầu con bể thành bẫy,
Đời con không hạnh phúc,
Với lời kệ đức Phật,
Nếu không thả Canda.*

Suriya Nhật Thiên tử – Tương I, 117

1) Lúc bảy giờ, *Thiên tử Suriya bị Ràhu, vua A-tu-la bắt. Rồi Thiên tử Suriya tưởng niệm đến Thế Tôn, trong lúc ấy nói lên bài kệ này:*

*2) Đánh lễ đấng Giác Ngộ,
Bạc Anh Hùng muôn thuở,
Ngài là bậc Giải Thoát,
Thoát ly thật viên mãn,
Còn con bị trói buộc,
Hãy cho con quy ngưỡng.*

3) Rồi Thế Tôn, vì Thiên tử Suriya, nói lên bài kệ này cho Ràhu, vua A-tu-la:

*Suriya đã quy y,
Như Lai bậc La-hán,
Ràhu, hãy thả nó,
Vì chư Phật thương đời.
Ông đi giữa hư không,
Chớ nuốt Suriya,*

*Trong thế giới tối tăm,
Đã đem lại ánh sáng,
Là mặt trời sáng chói,
Là đĩa tròn hực đỏ,
Là lò lửa cháy nóng,
Là bà con của Ta.
Này Ràhu, (Ta nói):
Hãy thả Suriya.*

4) Rồi Ràhu, vua A-tu-la, giải thoát cho Thiên tử Suriya. Như bị hốt hoảng, Ràhu đi đến Vepacitti, vua A-tu-la run sợ, lông tóc dựng ngược và đứng một bên. Và Vepacitti, vua A-tu-la, nói lên bài kệ cho Ràhu, vua A-tu-la, đang đứng một bên:

*5) Vì sao, như hốt hoảng,
Ràhu, thả Suriya,
Ông đến, lòng run sợ,
Ông đứng, tâm kinh hoàng?*

6) -- Đầu con bể thành bầy,

*Đời con không hạnh phúc,
Với lời kệ đức Phật,
Nếu không thả Suriya.*

II Phẩm Cấp Cô Độc

Candimasa – Tương I, 119

Tại Sàvatthi.

1) Rồi **Thiên tử Candimasa**, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Candimasa nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*2) Họ sẽ đi an toàn,
Như thú, vùng không muỗi,
Sau khi chứng Thiền định,
Nhứt tâm, niệm tỉnh giác,
Họ sẽ đi bờ kia,
Như cá, phá rách lưới,*

*Sau khi chứng Thiền định,
Tự chế, vượt lỗi lầm.*

Vendu – Tương I, 120

1) Đứng một bên, **Thiên tử Vendu** nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*2) Hạnh phúc thay những người,
Sau khi hầu Thiện Thệ,
Tuân phụng lời Ngài dạy,
Tu học không phóng dật!*

*3) Thế Tôn nói: Vendu!
Những ai Thiên tu học.
Trong pháp cú Ta dạy,
Tinh cần, không phóng dật,
Đúng thời họ sẽ đi,
Thoát khỏi tay tử thần.*

Dìghalatthi – Tương I, 120

1) Như vậy tôi nghe: Một thời Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi **Thiên tử Dìghalatthi**, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Dìghalatthi nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Với tâm tư giải thoát,
Vị Tỷ-kheo tu Thiền,
Và với lòng ước vọng,
Đạt được tâm sở nguyện,
Sau khi biết cuộc đời,
Sanh khởi rồi đoạn diệt,
Tâm thuần không chấp trước,
Hưởng lợi quả như chơn.*

Nandana – Tương I, 121

1) Đứng một bên, **Thiên tử Nandana** nói bài kệ với Thế Tôn:

*Con hỏi Gotama,
Bậc Đại Giác toàn trí,
Con hỏi đáng Thế Tôn,
Với trí kiến vạn năng.
Người nào gọi trì giới?
Người nào gọi trí tuệ?
Người nào vượt sâu khổ?
Người nào chừa Thiên lạy?*

(Thế Tôn):

*2) Ai hộ trì giới luật,
Trí tuệ, tâm tu trì,
Chú tâm, vui Thiền định,
Tâm tư trú chánh niệm,
Tất cả mọi sâu khổ,
Được trừ diệt, đoạn tận,
Các lậu hoặc tận trừ,
Sống với thân tối hậu,
Vị ấy gọi trì giới,*

*Vị ấy gọi trí tuệ,
Vị ấy vượt sâu khổ,
Vị ấy chừ Thiên lay.*

Candana Chiên Đàn – Tương I, 122

1) Đứng một bên, **Thiên tử Candana** nói lên bài kệ
với Thế Tôn:

*Làm sao vượt bực lưu,
Ngày đêm vững, kiên trì,
Không trú, không bám víu,
Ai không chìm vực sâu?*

(Thế Tôn):

*2) Vị luôn luôn trì giới,
Trí tuệ, khéo định tĩnh,
Chỉ siêng năng đồng mãnh,
Vượt bực lưu khó vượt.
Vị đoạn, ly dục tưởng,
Vượt khỏi sắc triền phược,*

*Đoạn tận hỷ, hữu ái,
Không chìm xuống vực sâu.*

Sudatta – *Tương I, 123* (*Tuđạtđa*)

1). Đứng một bên, **Thiên tử Sudatta** nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỷ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia, bỏ ái dục.*

(Thế Tôn):

2) *Như kiếm đã chạm da,
Như lửa cháy trên đầu,
Tỷ-kheo hãy chánh niệm,
Xuất gia, bỏ **thân kiến**.*

Subrahma – *Tương I, 124*

1) Đứng một bên, Thiên tử Subrahma nói lên bài kệ với Thế Tôn:

*Tâm này thường sợ hãi,
Ý này thường dao động,
Điều mong ước không khởi,
Điều không mong lại khởi,
Nếu có, không sợ hãi,
Hãy nói điều con hỏi.*

(Thế Tôn):

*2) Không ngoài hạnh **giác chi**,
Không ngoài **hộ trì căn**,
Không ngoài **bỏ tất cả**,
Ta thấy các pháp ấy,
Đưa đến sự an toàn,
Cho tất cả chúng sanh.*

3) Rồi Thiên tử biến mất tại chỗ ấy.

Kakudha – Tương I, 124

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàketa, rừng Anjana, tại vườn Nai. Rồi **Thiên tử Kokudha**, sau khi đêm đã gần mãn, với nhan sắc thù thắng chói sáng toàn khu rừng Anjana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

2) Đứng một bên, Thiên tử Kakudha bạch Thế Tôn:

- *Thưa Sa-môn, Ngài có hoan hỷ không?*
- *Ta được cái gì, này Hiền giả, mà Ta hoan hỷ?*
- *Nếu vậy, thưa Sa-môn, có phải Ngài sầu muộn?*
- *Ta mòn mỏi cái gì, này Hiền giả, mà Ta sầu muộn?*
- *Vậy thời thưa Sa-môn, Ngài không hoan hỷ và không sầu muộn?*
- *Thật như vậy, này Hiền giả.*

3) *Làm sao, này Tỷ-kheo,
Ngài không có sầu muộn,
Tuy vậy, Ngài cũng không
Có được sự hoan hỷ?
Làm sao nay Ngài lại,
Ngồi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ,*

Cũng không bị dao động?

4) *Thật sự, này Dạ-xoa,
Ta không có sầu muộn,
Tuy vậy ở nơi Ta,
Hoan hỷ không khởi lên,
Dầu nay Ta có ngồi,
Riêng một mình cô độc,
Ta không có hoan hỷ,
Cũng không bị dao động.*

5) *Làm sao, này Tỷ-kheo,
Ngài không có sầu muộn,
Làm sao ở nơi Ngài,
Hoan hỷ không khởi lên?
Làm sao nay Ngài lại,
Ngồi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ,
Cũng không bị dao động?*

6) *Hoan hỷ chỉ có đến,
Với người tâm sâu muộn,
Sâu muộn chỉ có đến,
Với người tâm hoan hỷ.*

*Do vậy, vị Tỷ-kheo,
Không hoan hỷ, sâu muộn.
Vậy nên, này Hiền giả,
Ông phải biết như vậy.*

7) *Đã lâu, con mới thấy,
Bà-la-môn tịch tịnh,
Vị Tỷ-kheo không sâu,
Cũng không có hoan hỷ,
Đã an toàn vượt khỏi,
Chỗ người đời đắm say.*

Uttara – Tương I, 127

1) Nhân duyên tại thành Vương Xá.

Đứng một bên, **Thiên tử Uttara** nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

2) *Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến chơn an lạc.*

3) *Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thế lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh.*

Anàthapindika Cấp Cô Độc – Tương I, 128

1) Đứng một bên, **Thiên tử Cấp Cô Độc** nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Đây là rừng Kỳ Viên,
Chỗ trú xứ Thánh chúng,
Chỗ ở đáng Pháp Vương,
Khiến tâm con hoan hỷ.*

*Nghiệp, minh và tâm pháp,
Giới và tối thắng mạng,
Chính những diệu pháp ấy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải vì dòng họ,
Không phải vì tài sản.*

*Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy lợi ích chính mình,
Chánh giác sát tâm pháp,
Như vậy được thanh tịnh.
Như ngài Xá-lợi-phất,
Tuệ, giới và tịch tịnh,
Tỷ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng.*

2) Thiên tử Anàthapindika nói như vậy, nói vậy xong, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ ấy.

3) Rồi Thế Tôn sau khi đêm ấy đã qua, liền gọi các Tỷ-kheo và nói:

4) Nay các Tỷ-kheo, đêm nay có Thiên tử, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, nay các Tỷ-kheo, vị Thiên tử ấy nói lên bài kệ này trước mặt Ta:

5) *"Đây là rừng Kỳ Viên,*

Chỗ trú xứ Thánh chúng,

Chỗ ở đáng Pháp Vương,

Khiến tâm con hoan hỷ.

Nghiệp, minh và tâm pháp,

Giới và tối thắng mạng,

Chính những diệu pháp ấy,

Khiến chúng sanh thanh tịnh,

Không phải vì dòng họ,

Không phải vì tài sản.

*Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy lợi ích chính mình,
Chánh giác sát tâm pháp,
Như vậy được thanh tịnh.
Như ngài Xá-lợi-phất,
Tuệ, giới và tịch tịnh,
Tỷ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng."*

6) Nay các Tỷ-kheo, Thiên tử ấy nói như vậy, nói vậy xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

7) Được nghe nói như vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có phải vị Thiên tử ấy là Anàthapindika? Gia chủ Anàthapindika hết dạ tín thành đối với Tôn giả Sàriputta?

8) - Lành thay! Lành thay! Nay Ananda, **cho đến những gì có thể đạt được nhờ suy diễn, này Ananda, Ông đã đạt được.** Nay Ananda, Anàthapindika là vị Thiên tử ấy.

III. Phẩm Các Ngoại Đạo

Siva – *Tương I*, 131

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc). Rồi **Thiên tử Siva**, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Siva nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*2) Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,*

Được tuệ, không gì khác.

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Không sầu giữa sầu muộn.*

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Chói sáng giữa quuyền thuộc.*

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Chúng sanh sanh thiện thú.*

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền*

Chúng sanh thường hưởng lạc.

2) Rồi Thế Tôn đáp lại Thiên tử Siva với bài kệ:

*Hãy thân với người lành,
Hãy gần gũi người thiện,
Biết diệu pháp người hiền,
Giải thoát mọi khổ đau.*

Khema – Tương I, 123

Đứng một bên, **Thiên tử Khema** nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Kẻ ngu không trí tuệ,
Lấy ngã làm kẻ thù,
Tự làm các ác nghiệp,
Đưa đến quả đắng cay.*

*Nghiệp nào không khéo làm,
Làm xong bị nung nấu,*

*Với mặt đầy nước mắt,
Khóc lóc chịu quả báo.*

*Và nghiệp nào khéo làm,
Làm xong, không nung nấu,
Tâm vui, ý thoải mái,
Vị ấy hưởng quả báo.*

*Biết điều lợi cho mình,
Làm trước điều phải làm,
Không tâm trạng đánh xe,
Kẻ trí lòng tinh tấn.*

*Như người chủ đánh xe,
Rời đại đạo thẳng bằng,
Leo lên đường lồi lõm,
Ưu tư nạn gãy trục.*

*Cũng vậy bỏ Chánh pháp,
Người ngu theo phi pháp,
Roi vào miệng tử thần,
Ưu tư như gãy trục.*

Serì – *Tương I*, 134

1).Đứng một bên, **Thiên tử Serii** nói lên bài kệ với
Thế Tôn:

*Cả hai loại Trời, Người,
Đều ưa thích ăn uống,
Có Dạ-xoa tên nào,
Lại không thích ăn uống!*

(Thế Tôn)

*Ai cho với lòng tin,
Với tâm tư thanh tịnh,
Được phần món ăn ấy,
Đời này và đời sau.
Vậy hãy ngăn xan tham,
Bố thí, nhiếp cầu ướ,
Chúng sanh vẫn hưởng thọ,
Công đức trong đời sau.*

2).Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói điều khéo nói như vậy:

*"Ai cho với lòng tin,
Với tâm tư thanh tịnh,
Được phần món ăn ấy,
Đời này và đời sau.
Vậy hãy ngăn xan tham,
Bố thí, nhiếp cấu uế,
Chúng sanh vẫn hưởng thọ,
Công đức trong đời sau."*

3) - Bạch Thế Tôn, **thuở xưa con là vị vua tên Serì** ura bố thí, là bậc thí chủ tán thán bố thí. Bạch Thế Tôn, tại bốn cửa thành, bố thí được phân phát nhân danh con, cho những ai đến xin, cho các vị Bà-la-môn và Sa-môn, cho các người nghèo đói và tàn phế, cho các nhà lữ hành và hành khát.

4) Bạch Thế Tôn, khi con đến các cung phi của con, họ thưa với con: *"Đại vương thường hay bố thí, còn chúng con chưa bố thí. Lành thay nếu chúng con*

được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công đức."

5) Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "*Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thán bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: "Chúng ta hãy bố thí "?"*". Bạch Thế Tôn, **con cho các cung phi của thành thứ nhất**. Ở đây các cung phi được bố thí, và bố thí của con trở lui lại cho con.

6) Rồi bạch Thế Tôn, các Sát-đế-ly (Khattiya) chư hầu của con đến con và thưa: "*Đại vương đã bố thí. Các cung phi đã bố thí. Chúng con chưa bố thí. Lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công đức*".

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "*Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thán bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: "Chúng ta hãy bố thí "?"*". Bạch Thế Tôn, **con cho các chư hầu Khattiya của thành thứ hai**. Ở đây các chư hầu Khattiya được bố thí, và bố thí của con được trở lui lại cho con.

7) Rồi bạch Thế Tôn, quân đội đến con và thưa: "*Đại vương đã bố thí. Các cung phi đã bố thí. Các chư hầu Khattiya đã bố thí. Chúng con chưa bố thí. Tốt lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công đức*".

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thán bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: "Chúng ta hãy bố thí "?" . Bạch Thế Tôn, **con cho quân đội của thành thứ ba**. Ở đây quân đội được bố thí và bố thí của con được trở lui lại cho con.

8) Rồi bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn gia chủ đến con và thưa: "*Đại vương đã bố thí. Các cung phi đã bố thí. Các chư hầu Khattiya đã bố thí. Quân đội đã bố thí. Chúng con chưa bố thí. Tốt lành thay nếu chúng con được nương tựa Đại vương để bố thí và làm các công đức!*".

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Ta là người ưa bố thí, là thí chủ tán thán bố thí. Nay ta phải trả lời như thế nào khi họ đến và thưa: "Chúng ta hãy bố thí "?" . Bạch Thế Tôn, **con cho các Bà-la-môn gia chủ của thành thứ tư**. Ở đây các Bà-la-môn gia chủ được bố thí và bố thí của con được trở lui lại cho con.

9) Rồi bạch Thế Tôn, các người của con đến con và thưa: "Nay Đại vương không còn bố thí nào để cho nữa".

Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các người ấy như sau: "Này các Ông, các thuế má thu hoạch được từ các nước ngoài vào, một nửa hãy gửi vào trong nội thành, một nửa ngay tại chỗ ấy đem bố

thí cho các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các người nghèo và tàn tật, các nhà lữ hành và hành khát ".

10) Như vậy, bạch Thế Tôn, con không chấm dứt trong một thời gian dài các việc làm công đức, trong một thời gian dài các việc làm thiện, những việc làm được con xem như là công đức, hay như là công đức quả hay như là những điều kiện được sanh thiên giới.

11) Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vậy:

*"Ai cho với lòng tin,
Với tâm tư thanh tịnh,
Được phần món ăn ấy,
Đời này và đời sau.
Vậy hãy ngăn xan tham,
Bố thí, nhiếp cấu uế,
Chúng sanh vẫn hưởng thọ,
Công đức trong đời sau."*

Ghatikara – Tương I, 138

1).Đứng một bên, **Thiên tử Ghatikara** nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Được sanh Vô phiến thiên,

Bảy Tỷ-kheo giải thoát,

Đoạn tận tham và sân,

Siêu thoát đời ái trược.

2) *Vượt bùn, họ là ai?*

Khó vượt lệnh thần chết,

Sau khi bỏ thân người,

Họ thoát ách chư Thiên.

3) *Họ là Upaka,*

Và Phalaganda,

Với Pukkusàti,

Hợp thành là ba vị.

Lại thêm Bhaddiya,

Với Khandadeva,

Và Bāhuraggi,

Cùng với Pingiya,

*Sau khi bỏ thân người,
Họ thoát ách chư Thiên.
(Thế Tôn):*

*4) Ông nói điều tốt lành,
Về bảy Tỷ-kheo ấy,
Họ thoát ly, đoạn trừ,
Các cạm bẫy Ma vương.
Pháp họ biết, của ai
Đoạn được hữu kiết sử?
(Ghatikara):*

*5) Không ai ngoài Thế Tôn,
Chính thật giáo lý Ngài,
Họ biết pháp của Ngài,
Đoạn được hữu kiết sử.
Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn diệt không dư,
Họ học được pháp ấy,
Ở đây từ nơi Ngài.*

*Nhờ vậy họ đoạn trừ,
Hữu kiết sử trói buộc.
(Thế Tôn):*

*6) - Lời Ông nói thâm sâu,
Khó biết, khó chứng ngộ,
Pháp Ông biết của ai,
Sao Ông không nói được?
(Ghatikara):*

*7) Thuở xưa, con thợ gốm,
Tại Vehalinga,
Và con được tên gọi,
Là Ghatikara.
Chính con lo nuôi dưỡng
Cả mẹ lẫn cả cha,
Đối với Phật Ca-diếp,
Con đệ tử tại gia.
Con viễn ly dâm dục,
Phạm hạnh, không thế vật,*

*Thuở xưa, con đồng hương,
Cũng là bạn của họ
Do vậy con biết họ,
Bảy Tỷ-kheo giải thoát,
Đoạn tận tham và sân,
Vượt qua đời phiền trược.
(Thế Tôn):*

*8) Vậy này Bhaggava,
Chính như Ông vừa nói,
Thuở xưa, Ông thợ gổm,
Tại Vehalinga,
Và Ông được tên gọi,
Là Ghatikara,
Chính Ông lo nuôi dưỡng
Cả mẹ lẫn cả cha,
Đối với Phật Ca-diếp,
Ông đệ tử tại gia,
Ông viễn ly dâm dục,
Phạm hạnh, không thế vật.*

9) *Thuở xưa, Ông đồng hương,
Cũng là bạn của Ta.
Như vậy là hội ngộ,
Giữa những bạn thuở xưa,
Cả hai khéo tu tập,
Mang thân này tới hậu.*

Jantu – *Tương I*, 142

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời một số đông Tỷ-kheo trú ở Kosala (Câu-tát-la), trên sườn núi Himavanta (Tuyết sơn), tại một cốc nhỏ trong rừng. *Họ tự cao, tự mãn, dao động, lảo đảo, lảo đảo, ăn nói huyên thuyên, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tư tán loạn, các căn không chế ngự.*

2) Rồi **Thiên tử Jantu**, vào đêm Bố-tát, ngày rằm, đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến nói lên bài kệ với các Tỷ-kheo ấy:

Các Tỷ-kheo thuở xưa,

*Sống thật chơn an lạc,
Họ thật là đệ tử,
Bậc Đại Giác Cù-đàm.
Không ham tìm món ăn,
Không ham tìm chỗ trú,
Biết đời là vô thường,
Họ chấm dứt khổ đau.*

*Nay tự làm ác hạnh,
Như thôn trưởng trong làng.
Họ ăn, ăn ngả gục,
Thèm khát vật nhà người.
Con vái chào chúng Tăng,
Đánh lễ một vài vị
Kẻ khác, sống vất vưởng,
Không chỉ đạo, hướng dẫn.
*Họ giống như thân thể
Kẻ chết bị quăng bỏ.**

Những ai sống phóng dật,

Vì họ con nói lên,
Những ai không phóng dật,
Chân thành, con đánh lễ.

Rohita – Tương I, 143

1) Tại Sàvatthi (Xá-vệ).

2) Đứng một bên, **Thiên tử Rohitassa** bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, làm sao, bạch Thế Tôn, với bộ hành, có thể biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới?

3) -- Này Hiền giả, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, **Ta nói rằng (tại chỗ ấy), không có thể với bộ hành, biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới.**

4) -- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vậy: "Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy, không có thể với bộ hành biết

được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới".

5) Bạch Thế Tôn, *thuở trước, con tên là Rohita con của Bhoja, có thần thông, có thể đi giữa hư không. Bạch Thế Tôn, tốc lực con mau lạ cho đến con có thể bay, như người thợ bắn cung lão luyện, khéo tập, khéo luyện, thuần thục, thiện xảo, với một cây cung chắc mạnh không gì khó khăn, có thể bắn một mũi tên nhẹ bay vượt qua bóng tối của cây tala.*

6) Và bạch Thế Tôn, *bước đi của con dài cho đến con có thể bước từ biển phía Đông qua biển phía Tây. Và ở nơi con, bạch Thế Tôn, khởi lên sự ước muốn như sau: "Với bộ hành, ta có thể đạt đến được sự tận cùng của thế giới".*

7) Và bạch Thế Tôn, *dầu cho tốc lực của con mau đến như vậy, và dầu cho con có bước dài đến như vậy, và dầu cho con không có dừng để ăn, hay uống, hay nhai, hay ném, dầu cho con không có đại tiện, tiểu tiện, dầu cho con không ngủ, không bị mệt nhọc, không trừ cái uế, dầu cho trăm năm là tuổi thọ thường tình, dầu cho trăm năm là mạng sống thường tình, tuy con đi hơn trăm năm và bị mệnh chung, con cũng không thể đạt đến sự tận cùng của thế giới.*

8) Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vậy: "Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không

già, không chết, không diệt, không khởi. Ta nói rằng tại chỗ ấy, không có thể bộ hành, biết được hay thấy được sự tận cùng của thế giới. Ta nói như vậy".

9) -- Nay Hiền giả, nhưng Ta cũng không nói rằng không đạt được sự tận cùng của thế giới thời chấm dứt cuộc khổ đau. Nay Hiền giả, chính trong cái thân thể dài một tầm có tướng, có ý này, Ta tuyên bố thế giới, nguyên nhân của thế giới, sự đoạn diệt thế giới và con đường đưa đến sự đoạn diệt của thế giới.

10) Bộ hành không bao giờ

Đạt được thế giới tận,

Không đạt thế giới tận,

Không thể thoát khỏi khổ.

Do vậy, bậc Hiền thiện,

Thế gian giải, Thiện tuệ,

Đạt đến thế giới tận,

Phạm hạnh được viên thành.

Với tâm tư định tĩnh,

Biết được thế giới tận,

Không ước vọng đời này,

Không ước vọng đời sau.

Nanda – Tương I, 146

1) Đứng một bên, **Thiên tử Nanda** nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Thời gian lặng trôi qua,
Đêm ngày luôn di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Được hưởng cảnh an lạc.*

(Thế Tôn):

*2) Thời gian lặng trôi qua,
Đêm ngày luôn di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,*

*Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thế lợi,
Được hưởng chơn tịch tịnh.*

Nandivisàla – Tương I, 147

1) Đứng một bên, **Thiên tử Nandivisàla** nói lên bài kệ với Thế Tôn:

*Bốn bánh xe chín cửa,
Đầy uest, hệ lụy tham,
Chìm đắm trong bần nhơ,
Ôi! Thừa bậc Đại Hùng,
Sanh thú Ngài như vậy,
Tương lai sẽ thế nào?*

(Thế Tôn):

*2) - Cắt hỷ và buộc ràng,
Dục tham và tà ác,
Ái căn được đoạn tận,
Sanh thú sẽ như vậy.*

Susima – Tương I, 148

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi Đại đức Ananda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Đại đức Ananda đang ngồi một bên:

-- *Này Ananda, Ông có hoan hỷ đối với Sàriputta không?*

3) -- Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sàriputta?

- Bạch Thế Tôn, **hiền trí** là Tôn giả Sàriputta.
- Bạch Thế Tôn, **đại tuệ** là Tôn giả Sàriputta.
- Bạch Thế Tôn, **quảng tuệ** là Tôn giả Sàriputta.
- Bạch Thế Tôn, **hỷ tuệ** là Tôn giả Sàriputta.
- Bạch Thế Tôn, **tiếp tuệ** là Tôn giả Sàriputta.
- Bạch Thế Tôn, **lợi tuệ** là Tôn giả Sàriputta.
- Bạch Thế Tôn, **quyết trạch tuệ** là Tôn giả Sàriputta.
- Bạch Thế Tôn, **ít dục** là Tôn giả Sàriputta.
- Bạch Thế Tôn, **biết đủ** là Tôn giả Sàriputta.

- Bạch Thế Tôn, **viễn ly** là Tôn giả Sàriputta.
- Bạch Thế Tôn, **bất cộng trú** là Tôn giả Sàriputta.
- Bạch Thế Tôn, **tinh cần, tinh tấn** là Tôn giả Sàriputta.
- Bạch Thế Tôn, **biện tài** là Tôn giả Sàriputta.
- Bạch Thế Tôn, **nghe lời trung ngôn** là Tôn giả Sàriputta.
- Bạch Thế Tôn, **cáo tội trung thực** là Tôn giả Sàriputta.
- Bạch Thế Tôn, **chỉ trích ác pháp** là Tôn giả Sàriputta.

- Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sàriputta!

4) -- Như vậy là phải, này Ananda. Như vậy là phải, này Ananda. Này Ananda, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Sàriputta.

Này Ananda, hiền trí là Sàriputta. Này Ananda, đại tuệ là Sàriputta. Này Ananda, quảng tuệ là Sàriputta. Này Ananda, hỷ tuệ là Sàriputta. Này Ananda, tiếp tuệ là Sàriputta. Này Ananda, lợi tuệ là Sàriputta. Này Ananda, quyết trạch tuệ là Sàriputta. Này

Ananda, ít dục là Sàriputta. Nay Ananda, biết đủ là Sàriputta. Nay Ananda, viễn ly là Sàriputta. Nay Ananda, bất cộng trú là Sàriputta. Nay Ananda, biện tài là Sàriputta. Nay Ananda, nghe lời trung ngôn là Sàriputta. Nay Ananda, cáo tội trung thực là Sàriputta. Nay Ananda, chỉ trích ác pháp là Sàriputta.

Nay Ananda, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm, lại có thể không hoan hỷ đối với Sàriputta?

5) Rồi **Thiên tử Susima**, trong khi được nghe lời tán thán về Tôn giả Sàriputta, với đại chúng Thiên tử doanh vây, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

6) Đứng một bên, Thiên tử Susima bạch Thế Tôn:

- Như vậy là phải, bạch Thế Tôn. Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ. Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sàriputta? Bạch Thế Tôn, hiền trí là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thế Tôn, đại tuệ là Tôn giả Sàriputta..... Bạch Thế Tôn, chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sàriputta. Bạch Thế Tôn, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sàriputta? Bạch Thế Tôn, con đi đến chúng Thiên tử nào, con đều được nghe nhiều lần tiếng nói như vậy: "Hiền trí là Tôn giả Sàriputta... ..

chỉ trích ác pháp là Tôn giả Sàriputta. Ai không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Tôn giả Sàriputta? "

7) Rồi chúng Thiên tử của Thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sàriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

8) Ví như một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, được đặt trên một tấm màn màu vàng da cam, chói sáng, chiếu sáng và bùng sáng. Cũng vậy, chúng Thiên tử của Thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sàriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

9) Ví như một đồ trang sức bằng vàng mịn được một người thợ vàng thiện xảo, khéo đập, khéo mài, đặt trên một tấm màn màu vàng da cam, chói sáng, chiếu sáng và bùng sáng. Cũng vậy, Thiên tử chúng của Thiên tử Susima... .. và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

10) Ví như trong khi đêm đã gần sáng, sao mai chói sáng, chiếu sáng và bùng sáng. Cũng vậy, chúng Thiên tử của Thiên tử Susima... .. và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

11) Ví như trong mùa thu, trên trời các vòng mây đã được bay sạch, mặt trời mọc lên giữa trời, đánh tan màn đêm, khắp giữa hư không chói sáng, chiếu sáng và bừng sáng. Cũng vậy, chúng Thiên tử của Thiên tử Susima, trong khi những lời tán thán Tôn giả Sàriputta được lớn tiếng nói lên, họ hoan hỷ, hỷ duyệt, hân hoan và thân chói sáng màu sắc thù thắng.

12) Rồi **Thiên tử Susima**, nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn về Sàriputta:

*Ngài Sàriputta,
Được mọi người xác nhận,
Là bậc Đại hiền trí,
Không phần hận, ít dục,
Nhu thuận và điều phục,
Được Đạo Sư tán thán.*

13) Rồi Thế Tôn nói lên bài kệ về Sàriputta cho Thiên tử Susima:

*Về Sàriputta,
Mọi người đều xác nhận,
Là bậc Đại hiền trí,
Không phần hận, ít dục,*

*Nhu thuận và điều phục,
Nhu người khéo điều phục,
Chờ đợi thời giờ đến,
Để hưởng quả thuận thực.*

Các Ngoại Đạo Sư – *Tương I*, 152

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở thành Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi **rất đông Thiên tử**, *là đệ tử của nhiều ngoại đạo sư* Asama, Sahalii, Ninka, Akotaka, Vetambarii và Mànavà Gàmiya, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

1. Đứng một bên, **Thiên tử Asama** nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn về Pùrana Kassapa:

Ở đây nếu có người,

*Chém giết hay hại người,
Kassapa không thấy,
Qua các hành động ấy,
Là ác nghiệp cho mình,
Hay công đức cho mình.
Ngài tuyên bố như vậy,
Làm căn bản đức tin,
Ngài thật bậc Đạo sư,
Đáng được tôn kính, lễ.*

2. Rồi **Thiên tử Sahali** nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn về Makkhali Gosàla:

*Khổ hạnh và yếm ly,
Khéo điều phục, tự chế,
Từ bỏ các lời nói,
Gây đấu tranh với người,
Thăng bằng, tránh phạm tội,
Nói những lời thực ngữ,
Ngài không bao giờ làm,
Các tội phạm như vậy.*

3. Rồi **Thiên tử Ninka** nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn về Nigantha Nàtaputta:

*Vị Tỷ-kheo yếm ly,
Sáng suốt theo tế hạnh,
Khéo theo bốn tự chế,
Chỉ nói điều nghe thấy,
Không phạm điều lỗi lầm.*

4. Rồi **Thiên tử Akotaka** nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn về các ngoại đạo sư:

*Các ngoại đạo sư này,
Như Pakudhaka,
Và Kàtiyàna,
Cùng với Nigantha,
Kể cả Makkhali,
Và cả Puurana,
Mỗi vị là Đạo sư,
Chúng đệ tử của mình,*

*Đã đạt Sa-môn quả,
Không xa bậc Chân nhân.*

5. Rồi **Thiên tử Vetambarii** nói lên bài kệ này với Thiên tử Akotaka:

*Con giả can ghê tởm,
Có tru sữa thế nào,
Làm sao sánh bằng được,
Tiếng rống con sư tử.
Lửa thể, nói vọng ngôn,
Lãnh đạo môn đồ chúng,
Làm các hạnh tà vạy,
Làm sao sanh thiện nhân?*

6. Rồi **Ác ma nhập vào Thiên tử Vetambarii** nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Tu khổ hạnh yếm ly,
Sống viễn ly hành xác,
Đắm say trong sắc pháp,*

*Hoan lạc, mê Thiên giới.
Dầu họ bị tử vong,
Chắc chắn họ giảng dạy,
Hướng dẫn thật chơn chánh,
Đưa đến đời về sau.*

7. Rồi Thế Tôn biết được chính là Ác ma, liền nói lên bài kệ cho Ác ma:

*Phàm những sắc pháp gì,
Đời này hay đời sau,
Với màu sắc thù diệu,
Chói sáng giữa hư không,
Tất cả những sắc ấy,
Được Ma vương tán thán,
Chúng chỉ là bẫy mồi,
Quăng ra để diệt cá.*

8. Rồi Thiên tử Mânava Gàmìya nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn về Thế Tôn:

*Trong tất cả ngọn núi,
Ở tại Vương Xá thành,
Ngọn núi Vipula,
Được gọi là tối thắng.
Trong dãy núi Tuyết Sơn,
Ngọn Bạch Sơn tối thắng.
Giữa các loại không hành,
Mặt trời là tối thắng.
Giữa các loại thủy lộ,
Đại dương là tối thắng.
Trong các loài tinh tú,
Mặt trăng là tối thắng.
Giữa Thiên giới, địa giới,
Phật được gọi tối thượng*

16 Thiên tử - Nguyệt Thiên tử bị vua Atula bắt - Kinh Candima Nguyệt Thiên Tử – Tương I, 115

Candima Nguyệt Thiên Tử – *Tương I*, 115

1) Thế Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ).

Lúc bấy giờ, **Thiên tử Candima** bị Ràhu, vua A-tu-la bắt. Rồi Thiên tử Candima, tưởng niệm đến Thế Tôn, trong lúc ấy nói lên bài kệ này:

2) *Đảnh lễ đáng Giác Ngộ,
Bậc Anh Hùng muôn thuở,
Ngài là bậc Giải Thoát,
Thoát ly thật viên mãn,
Còn con bị trói buộc,
Hãy cho con quy ngưỡng.*

3) Rồi Thế Tôn, vì Thiên tử Candima, nói lên bài kệ này cho Ràhu, vua A-tu-la:

Canda đã quy y,

*Như Lai, bậc La-hán,
Ràhu, hãy thả nó,
Vì chư Phật thương đời.*

4) Rồi Ràhu, vua A-tu-la, giải thoát cho Thiên tử Candima. Như bị hốt hoảng, Ràhu đi đến Vepacitti, vua A-tu-la, run sợ, lông tóc dựng ngược và đứng một bên. Và Vepacitti, vua A-tu-la, nói lên bài kệ cho Ràhu, vua A-tu-la, đang đứng một bên:

*5) Vì sao, như hốt hoảng,
Ràhu thả Canda,
Ông đến, lòng run sợ,
Ông đứng, tâm kinh hoàng?*

*6) -- Đầu con bể thành bẫy,
Đời con không hạnh phúc,
Với lời kệ đức Phật,
Nếu không thả Canda.*

17 Thiên tử - Nhật Thiên tử bị vua Atula bắt - Kinh Suriya Nhật Thiên tử – Tương I, 117

Suriya Nhật Thiên tử – *Tương I, 117*

1) Lúc bấy giờ, *Thiên tử Suriya bị Ràhu, vua A-tu-la bắt. Rồi Thiên tử Suriya tưởng niệm đến Thế Tôn, trong lúc ấy nói lên bài kệ này:*

*2) Đánh lễ đáng Giác Ngộ,
Bậc Anh Hùng muôn thuở,
Ngài là bậc Giải Thoát,
Thoát ly thật viên mãn,
Còn con bị trói buộc,
Hãy cho con quy ngưỡng.*

3) Rồi Thế Tôn, vì Thiên tử Suriya, nói lên bài kệ này cho Ràhu, vua A-tu-la:

Suriya đã quy y,

*Như Lai bậc La-hán,
Ràhu, hãy thả nó,
Vì chư Phật thương đời.
Ông đi giữa hư không,
Chớ nuốt Suriya,
Trong thế giới tối tăm,
Đã đem lại ánh sáng,
Là mặt trời sáng chói,
Là đĩa tròn hực đỏ,
Là lò lửa cháy nóng,
Là bà con của Ta.
Này Ràhu, (Ta nói):
Hãy thả Suriya.*

4) Rồi Ràhu, vua A-tu-la, giải thoát cho Thiên tử Suriya. Như bị hốt hoảng, Ràhu đi đến Vepacitti, vua A-tu-la run sợ, lông tóc dựng ngược và đứng một bên. Và Vepacitti, vua A-tu-la, nói lên bài kệ cho Ràhu, vua A-tu-la, đang đứng một bên:

5) Vì sao, như hốt hoảng,

*Ràhu, thả Suriya,
Ông đến, lòng run sợ,
Ông đứng, tâm kinh hoàng?*

*6) -- Đâu con bể thành bẫy,
Đời con không hạnh phúc,
Với lời kệ đức Phật,
Nếu không thả Suriya.*

18 Thiên tử Cấp Cô Độc - Kinh Anàthapindika Cấp Cô Độc – Tương I, 128

Anàthapindika Cấp Cô Độc – *Tương* I, 128

1) Đứng một bên, **Thiên tử Cấp Cô Độc** nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Đây là rừng Kỳ Viên,
Chỗ trú xứ Thánh chúng,
Chỗ ở đáng Pháp Vương,
Khiến tâm con hoan hỷ.*

*Nghiệp, minh và tâm pháp,
Giới và tối thắng mạng,
Chính những diệu pháp ấy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải vì dòng họ,
Không phải vì tài sản.*

*Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy lợi ích chính mình,*

*Chánh giác sát tâm pháp,
Như vậy được thanh tịnh.
Như ngài Xá-lợi-phất,
Tuệ, giới và tịch tịnh,
Tỷ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng.*

2) Thiên tử Anàthapindika nói như vậy, nói vậy xong, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ ấy.

3) Rồi Thế Tôn sau khi đêm ấy đã qua, liền gọi các Tỷ-kheo và nói:

4) Nay các Tỷ-kheo, đêm nay có Thiên tử, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, nay các Tỷ-kheo, vị Thiên tử ấy nói lên bài kệ này trước mặt Ta:

*5) "Đây là rừng Kỳ Viên,
Chỗ trú xứ Thánh chúng,
Chỗ ở đáng Pháp Vương,
Khiến tâm con hoan hỷ.*

*Nghiệp, minh và tâm pháp,
Giới và tối thắng mạng,
Chính những diệu pháp ấy,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải vì dòng họ,
Không phải vì tài sản.*

*Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy lợi ích chính mình,
Chánh giác sát tâm pháp,
Như vậy được thanh tịnh.
Như ngài Xá-lợi-phất,
Tuệ, giới và tịch tịnh,
Tỷ-kheo đến bờ giác,
Ở đây là tối thượng."*

6) Nay các Tỷ-kheo, Thiên tử ấy nói như vậy, nói vậy xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

7) Được nghe nói như vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có phải vị Thiên tử ấy là Anàthapindika? Gia chủ Anàthapindika hết dạ tín thành đối với Tôn giả Sàriputta?

8) - Lành thay! Lành thay! Này Ananda, **cho đến những gì có thể đạt được nhờ suy diễn, này Ananda, Ông đã đạt được.** Này Ananda, Anàthapindika là vị Thiên tử ấy.

19 Thiên tử Kakudha - Kinh KAKUDHA – Tăng II, 507

KAKUDHA – Tăng II, 507

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambì, tại khu vườn Ghosita. Lúc bảy giờ Kakudha, người Koliya, là thị giả của Tôn giả Mahàmoggallàna vừa mệnh chung và sanh ra với một thân do ý tạo, thân ấy với tự thể có được (to rộng) ví như hai hay ba thửa ruộng làng ở Magadha. Vì ấy, với tự thể như vậy, không làm cho tự mình hay làm cho người khác bị bệnh.

Rồi Thiên tử Kakudha đi đến Tôn giả Mahàmoggallàna; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Mahàmoggallàna rồi đứng một bên. **Thiên tử Kakudha thưa với Tôn giả Mahàmoggallàna:**

- Thưa Tôn giả, Devadatta có khởi lên ý muốn như sau: "Ta sẽ lãnh đạo chúng Tăng". Với tâm khởi lên như vậy, thưa Tôn giả, thần thông của Devadatta bị thối thất.

Thiên tử Kakudha nói lên như vậy, nói như vậy xong, đánh lễ Tôn giả Mahàmoggallàna, thân phía hữu hướng về ngài rồi biến mất tại chỗ. Rồi Tôn giả Mahàmoggallàna đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh

lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahàmoggallàna bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Kakudha, người xứ Koliya, là thị giả của con, mệnh chung không bao lâu, sanh ra với thân do ý tạo thành, thân ấy với tự thể có được (to rộng) ví như hai hay ba thửa ruộng làng ở Magadha. Vị ấy với tự thể như vậy, không làm cho tự mình hay làm cho người khác bị bệnh. Rồi Thiên tử Kakudha đi đến con; sau khi đến, đánh lễ con rồi đứng một bên. Thiên tử Kakudha, bạch Thế Tôn, Thiên tử Kakudha thưa với con: "Thưa Tôn giả, Devadatta có khởi lên ý muốn như sau: "Ta sẽ lãnh đạo chúng Tăng". Với tâm khởi lên như vậy. Thưa Tôn giả, thần thông của Devadatta bị thối thất". Thiên tử Kakudha, bạch Thế Tôn, nói lên như vậy. Nói như vậy xong, đánh lễ con, rồi thân phía hữu hướng về con rồi biến mất.

- Nay Moggallàna, có phải Thầy với tâm của mình biết được tâm của Thiên tử Kakudha rằng: "Điều gì Thiên tử Kakudha nói lên, tất cả đều là như vậy, không thể khác được"?

- Bạch Thế Tôn, với tâm của con, con biết được tâm của Thiên tử Kakudha rằng: "Điều gì Thiên tử Kakudha nói lên, tất cả đều là như vậy, không thể khác được".

- Nay Moggallàna, hãy phòng hộ lời nói này! Nay Moggallàna, hãy phòng hộ lời nói này. Nay kẻ ngu si ấy sẽ tự mình thấy rõ tự mình. Nay Moggallàna, có năm bậc Đạo sư này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là năm?

2. Ở đây, nay Moggallàna, có vị Đạo sư, giới không thanh tịnh lại tự cho rằng: "Ta có giới thanh tịnh. Giới của ta thanh tịnh, chói sáng, không có uế nhiễm". Nhưng các đệ tử biết về vị ấy như sau: "Tôn giả Đạo sư này có giới không thanh tịnh, lại tự nghĩa rằng: "ta có giới thanh tịnh. Giới của ta thanh tịnh, trong sáng, không uế nhiễm". Nếu ta tin cho các cư sĩ biết như vậy, thời vị Đạo sư sẽ không bằng lòng. Và nếu vị ấy không bằng lòng, thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới được". Và vị ấy nhận được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy, nay Moggallàna, các đệ tử che chở giới cho bậc Đạo sư, và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở về giới cho mình.

3. Lại nữa, nay Moggallàna ở đây có bậc Đạo sư mang sống không thanh tịnh, lại tự cho rằng: "Ta có mạng sống thanh tịnh. Mạng sống của ta thanh tịnh chói sáng, không có uế nhiễm". Nhưng các đệ tử biết

về vị ấy như sau: "Vị Tôn giả Đạo sư này có mạng sống không thanh tịnh, lại tự nghĩ rằng: "Ta có mạng sống thanh tịnh. Mạng sống của ta thanh tịnh, trong sáng, không uế nhiễm". Nếu chúng ta tin cho các cư sĩ biết như vậy, thời vị Đạo sư ấy không bằng lòng, và nếu vị ấy không bằng lòng thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới được". Và vị ấy nhận được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy, này Moggallàna, các đệ tử che chở mạng sống cho bậc Đạo sư và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở mạng sống cho mình.

4. Lại nữa, này Moggallàna, ở đây có bậc Đạo sư thuyết pháp không thanh tịnh, lại tự cho rằng: "Ta thuyết pháp thanh tịnh. Thuyết pháp của ta thanh tịnh, chói sáng, không có uế nhiễm". Nhưng các đệ tử biết về vị ấy như sau: "Tôn giả Đạo sư này thuyết giảng không thanh tịnh, lại tự nghĩ rằng: "Ta thuyết pháp thanh tịnh. Thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sáng, không uế nhiễm". Nếu chúng ta tin cho các cư sĩ biết như vậy, thời bằng lòng, thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới được". Và vị ấy nhận được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy, này

Moggallàna, các đệ tử phòng hộ sự thuyết pháp cho bậc Đạo sư, và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở thuyết pháp cho mình.

5. Lại nữa, này Moggallàna, ở đây có bậc Đạo sư trả lời không thanh tịnh, lại tự cho rằng: "Ta trả lời thanh tịnh. Trả lời của ta thanh tịnh, chói sáng, không có uế nhiễm". Nhưng các đệ tử biết về vị ấy như sau: "Tôn giả Đạo sư này trả lời không thanh tịnh, lại nghĩ rằng: "Ta trả lời thanh tịnh. Trả lời của ta thanh tịnh, chói sáng, không uế nhiễm". Nếu chúng ta tin cho các cư sĩ biết như vậy, thời vị Đạo sư sẽ không bằng lòng và nếu vị ấy không bằng lòng, thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới được". Và vị ấy được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy, này Moggallàna, các đệ tử che chở trả lời cho bậc Đạo sư, và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở trả lời cho mình.

6. Lại nữa, này Moggallàna, ở đây có bậc Đạo sư tri kiến không thanh tịnh, lại tự cho rằng: "Ta có tri kiến thanh tịnh. Tri kiến của ta thanh tịnh, chói sáng, không có uế nhiễm". Nhưng các đệ tử biết về vị ấy như sau: "Tôn giả Đạo sư này tri kiến không thanh tịnh, lại tự nghĩ rằng: "Ta có tri kiến thanh tịnh. Tri

kiến của ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm". Nếu chúng ta tin cho các cư sĩ biết như vậy, thời vị Đạo sư sẽ không bằng lòng và nếu vị ấy không bằng lòng, thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới được". Và vị ấy được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy, này Moggallàna, các đệ tử che chở tri kiến cho bậc Đạo sư, và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở tri kiến cho mình.

7. *Này Moggallàna, Ta có giới thanh tịnh, và Ta tự rõ biết: "Giới của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm". Các đệ tử không có che chở Ta về giới, và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở Ta về giới.*

Mạng sống của Ta thanh tịnh. Ta tự rõ biết: "Mạng sống của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm". Các đệ tử không có che chở Ta về mạng sống, và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở cho Ta về mạng sống.

Thuyết pháp của Ta thanh tịnh, Ta tự rõ biết: "Thuyết pháp của Ta thanh tịnh, Ta tự rõ biết: "Thuyết pháp của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm". Các đệ tử không có che chở Ta về thuyết pháp và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở Ta về thuyết pháp.

Các câu trả lời của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm". Các đệ tử không có che chở Ta về các câu trả lời, và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở Ta về các câu trả lời.

Tri kiến của Ta thanh tịnh, Ta tự rõ biết: "Tri kiến của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm". Các đệ tử không có che chở Ta về tri kiến, và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở Ta về tri kiến.

20 Thiên tử Rohitassa - Kinh ROHITASSA 1 – Tăng I, 641

ROHITASSA 1 – Tăng I, 641

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Thiên tử Rohitassa sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chiếu sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Rohitassa bạch Thế Tôn:

- Tại chỗ nào, bạch Thế Tôn, không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), chúng con có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới không?

*- Này Hiền giả, tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng **không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới.***

2. - Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn; thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "*Tại chỗ nào không bị sanh,*

không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

Thuở xưa, bạch Thế Tôn, con là vị ẩn sĩ tên là Rohitassa, con của Bhoja, có thần thông, đi được trên hư không. Tốc độ của con là như thế này, bạch Thế Tôn; ví dụ như một người bắn cung kiên cường, có huấn luyện, khéo tay, thuần thục, với một mũi tên nhẹ có thể dễ dàng bắn xuyên qua bóng một cây ta-la. Bước chân của con là như vậy, như từ khoảng cách từ biển Đông qua biển Tây. Với con, bạch Thế Tôn, thành tựu được với tốc độ như vậy, với bước chân như vậy, con khởi lên ý muốn như sau: "Với bước chân đi, ta sẽ đạt đến chỗ tận cùng của thế giới". Bạch Thế Tôn, trừ khi ăn uống nhai nhem, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức, dầu thọ đến 100 tuổi, dầu đã sống một trăm tuổi, dầu đi đến 100 năm, cũng không có thể đạt được tận cùng của thế giới, nhưng giữa đường con đã chết.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn; thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng

không đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

3. - Này Hiền giả, Ta tuyên bố rằng: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

Nhưng này Hiền giả, trong cái thân dài độ mấy tấc này, với những **tưởng**, những **tư duy** của nó, Ta tuyên bố về thế giới, về thế giới tập khởi, về thế giới đoạn diệt, về con đường đưa đến thế giới đoạn diệt.

*4. Với đi, không bao giờ,
Đạt tận cùng thế giới.
Nếu không, không đạt được,
Chỗ tận cùng thế giới,
Thời không có giải thoát,
Ra khỏi ngoài khổ đau.*

*Do vậy, bậc có trí,
Hiểu biết rõ thế giới,
Đi tận cùng thế giới,
Với Phạm hạnh thành tựu,
Bậc đạt được an tịnh,
Biết tận cùng thế giới,
Không mong cầu đời này,*

Không mong cầu đời sau.

ROHITASSA 2 – Tăng I, 644

1. Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, bảo các Tỷ-kheo:

- Đêm nay, này các Tỷ-kheo, Thiên tử Rohitassa, sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, thiên tử Rohitassa bạch với Ta:

"- Tại chỗ nào, bạch Thế Tôn, không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), chúng con có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới?"

Khi được nói vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói với Thiên tử Rohitassa như sau:

"- Này Hiền giả, tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Thiên tử Rohitassa nói với Ta như sau:

"- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn; thật khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới!".

Thuở xưa, bạch Thế Tôn, con là vị ẩn sĩ tên là Rohitassa, con của Bhoja, có thần thông, đi được trên hư không. Tốc độ của con là như thế này, bạch Thế Tôn; ví dụ như một người bắn cung kiên cường, có huấn luyện, khéo tay, thuần thục, với một mũi tên nhẹ có thể dễ dàng bắn xuyên qua bóng một cây ta-la. Bước chân của con là như vậy, như từ khoảng cách từ biển Đông qua biển Tây. Với con, bạch Thế Tôn, thành tựu được với tốc độ như vậy, với bước chân như vậy, con khởi lên ý muốn như sau: "Với bước chân đi, ta sẽ đạt đến chỗ tận cùng của thế giới". Bạch Thế Tôn, trừ khi ăn uống nhai nhem, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức, dầu thọ đến 100 tuổi, dầu đã sống một trăm tuổi, dầu đi đến 100 năm, cũng không có thể đạt được tận cùng của thế giới, **nhưng giữa đường con đã chết.**

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn; thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

Khi được nói vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói với Thiên tử Rohitassa:

"-Này Hiền giả, Ta tuyên bố rằng: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới". Nhưng này Hiền giả, **trong cái thân dài độ mấy tấc này, với những tướng, những tư duy của nó, Ta tuyên bố về thế giới, về thế giới tập khởi, về thế giới đoạn diệt, về con đường đưa đến thế giới đoạn diệt.**

*2. Vời đi, không bao giờ,
Đạt tận cùng thế giới.
Nếu không, không đạt được,
Chỗ tận cùng thế giới,
Thời không có giải thoát,
Ra khỏi ngoài khổ đau.*

*Do vậy, bậc có trí,
Hiểu biết rõ thế giới,
Đi tận cùng thế giới,
Với Phạm hạnh thành tựu,
Bậc đạt được an tịnh,
Biết tận cùng thế giới,
Không mong cầu đời này,
Không mong cầu đời sau.*

21 Thiên tử Ugga - Kinh CHO CÁC VẬT KHẢ Ý – Tăng II, 382

CHO CÁC VẬT KHẢ Ý – *Tăng II, 382*

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàlì, rừng Đại Lâm, tại giảng đường có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của gia chủ Ugga người Vesàlì, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi gia chủ Ugga, người Vesàlì đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Ugga, người Vesàlì bạch Thế Tôn:

2. - Bạch Thế Tôn, con nghe như sau từ miệng Thế Tôn, con có nhận lãnh như sau từ miệng Thế Tôn: "Ai cho vật khả ý, nhận được điều khả ý". Bạch Thế Tôn, con có *cháo nấu từ hoa cây sàla thật là khả ý*, có thể ăn được. Mong Thế Tôn nhận lấy cháo ấy, vì lòng từ ái!

Và Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái.

- Bạch Thế Tôn, con nghe như sau từ miệng Thế Tôn, con nhận lãnh như sau từ miệng Thế Tôn: "Ai cho vật khả ý, nhận được điều khả ý". Bạch Thế Tôn, con

có *thịt heo nấu chung với trái táo, thật là khả ý*. Mong Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái (chúng con)!

Và Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái.

- Bạch Thế Tôn, con nghe như sau từ miệng Thế Tôn, con có nhận lãnh như sau từ miệng Thế Tôn: "Ai cho vật khả ý, nhận được điều khả ý". Bạch Thế Tôn, con có *loại rau ống dài có dầu thật là khả ý*. Mong Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái!

Và Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái.

- Bạch Thế Tôn, con nghe như sau từ miệng Thế Tôn, con nhận lãnh như sau từ miệng Thế Tôn: "Ai cho vật khả ý, nhận được điều khả ý". Bạch Thế Tôn, con có *cháo gạo, các hạt đen được loại bỏ dùng với các món canh, các món đồ ăn nhiều, thật là khả ái*. Mong Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái!

Và Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái.

Bạch Thế Tôn, con nghe như sau từ miệng Thế Tôn, con có nhận như sau từ miệng Thế Tôn: "Ai cho vật khả ái, nhận được điều khả ý". Bạch Thế Tôn, con có *các loại vải dệt từ Kàsi thật là khả ý*. Mong Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái!

Và Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái.

- Bạch Thế Tôn, con nghe như sau từ miệng Thế Tôn, con có nhận lãnh như sau từ miệng Thế Tôn: "Ai cho vật khả ý, nhận được điều khả ý". Bạch Thế Tôn, con có ghé dài với nệm trải giường bằng lông cừu, chăn len thuê bông, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadalimigapavarapaccat-tharanam, tấm thảm có lọng che phía trên, ghé dài có hai đầu gối chân màu đỏ. Bạch Thế Tôn dầu rằng chúng con được biết: Những vật ấy không phù hợp với Thế Tôn, nhưng bạch Thế Tôn, tám phần năm bằng gỗ chiên đàn này đáng giá hơn một trăm ngàn, mong Thế Tôn hãy nhận lấy, vì lòng từ ái!

Và Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái.

Rồi Thế Tôn làm cho tùy hỷ gia chủ Ugga người xứ Vesàlì, với bài kệ tùy hỷ này:

*Ai cho vật khả ý,
Nhận được điều khả ý,
Đối với bậc Chánh trực,
Vui lòng đem bố thí,
Vải mặc và giường nằm,
Ăn uống các vật dụng.
Biết được bậc La-hán,
Được ví là phước điền,
Nên các bậc Chân nhân,
Thí những vật khó thí,*

*Được từ bỏ, giải thoát,
Không làm tâm đắm trước,
Người thí vật khả ý,
Nhận được điều khả ý.*

Rồi Thế Tôn sau khi tùy hỷ gia chủ Ugga với bài kệ tùy hỷ này, liền đứng dậy và ra đi.

Rồi gia chủ Ugga người Vesàlì, sau một thời gian bị mệnh chung. Bị mệnh chung, gia chủ Ugga người Vesàlì được sanh với một thân rất khả ý.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anàthapindika. Rồi *Thiên tử Ugga*, sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Thế Tôn, sau khi đi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với Thiên tử Ugga đang đứng một bên:

- Nay Ugga, sự việc có đúng như ý muốn không?

- Bạch Thế Tôn, sự việc có đúng như ý con muốn.

Rồi Thế Tôn với bài kệ nói với Thiên tử Ugga:

*Ai cho vật khả ý,
Nhận được điều khả ý,
Bố thí vật tối thượng,
Sẽ được quả tối thượng.*

*Người có vật thù diếu,
Nhận được điều thù diếu,
Người có vật tối thắng,
Nhận được điều tối thắng.
Người nào đem bố thí
Vật tối thượng, thù diếu,
Và các vật tối thắng,
Người ấy thọ mạng dài,
Và được cả danh xưng,
Tại chỗ vị ấy sanh.*

22 Thiên tử hỏi - Làm sao vượt bực lưu - Kinh Candana Chiên Đàn – Tương I, 122

Candana Chiên Đàn – *Tương I*, 122

1). Đứng một bên, **Thiên tử Candana** nói lên bài kệ
với Thế Tôn:

*Làm sao vượt bực lưu,
Ngày đêm vãng, kiên trì,
Không trú, không bám víu,
Ai không chìm vực sâu?*

(Thế Tôn):

*2) Vị luôn luôn trì giới,
Trí tuệ, khéo định tĩnh,
Chỉ siêng năng đồng mãnh,
Vượt bực lưu khó vượt.
Vị đoạn, ly dục tưởng,
Vượt khỏi sắc triền phược,*

*Đoạn tận hỷ, hữu ái,
Không chìm xuống vực sâu.*

23 Thiên tử hỏi - Làm sao đạt đến tận cùng của thế giới - Kinh Rohita – Tương I, 143

Rohita – Tương I, 143

1) Tại Sàvatthi (Xá-vệ).

2) Đứng một bên, **Thiên tử Rohitassa** bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, làm sao, bạch Thế Tôn, với bộ hành, có thể biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới?

3) -- Này Hiền giả, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, **Ta nói rằng (tại chỗ ấy), không có thể với bộ hành, biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới.**

4) -- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vậy: "Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy, không có thể với bộ hành biết

được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới".

5) Bạch Thế Tôn, *thuở trước, con tên là Rohita con của Bhoja, có thần thông, có thể đi giữa hư không. Bạch Thế Tôn, tốc lực con mau lạ cho đến con có thể bay, như người thợ bắn cung lão luyện, khéo tập, khéo luyện, thuần thục, thiện xảo, với một cây cung chắc mạnh không gì khó khăn, có thể bắn một mũi tên nhẹ bay vượt qua bóng tối của cây tala.*

6) Và bạch Thế Tôn, *bước đi của con dài cho đến con có thể bước từ biển phía Đông qua biển phía Tây. Và ở nơi con, bạch Thế Tôn, khởi lên sự ước muốn như sau: "Với bộ hành, ta có thể đạt đến được sự tận cùng của thế giới".*

7) Và bạch Thế Tôn, *dầu cho tốc lực của con mau đến như vậy, và dầu cho con có bước dài đến như vậy, và dầu cho con không có dừng để ăn, hay uống, hay nhai, hay ném, dầu cho con không có đại tiện, tiểu tiện, dầu cho con không ngủ, không bị mệt nhọc, không trừ cái uế, dầu cho trăm năm là tuổi thọ thường tình, dầu cho trăm năm là mạng sống thường tình, tuy con đi hơn trăm năm và bị mệnh chung, con cũng không thể đạt đến sự tận cùng của thế giới.*

8) Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vậy: "Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không

già, không chết, không diệt, không khởi. Ta nói rằng tại chỗ ấy, không có thể bộ hành, biết được hay thấy được sự tận cùng của thế giới. Ta nói như vậy".

9) -- Nay Hiền giả, nhưng Ta cũng không nói rằng không đạt được sự tận cùng của thế giới thời chấm dứt cuộc khổ đau. Nay Hiền giả, chính trong cái thân thể dài một tầm có tướng, có ý này, Ta tuyên bố thế giới, nguyên nhân của thế giới, sự đoạn diệt thế giới và con đường đưa đến sự đoạn diệt của thế giới.

10) Bộ hành không bao giờ

Đạt được thế giới tận,

Không đạt thế giới tận,

Không thể thoát khỏi khổ.

Do vậy, bậc Hiền thiện,

Thế gian giải, Thiện tuệ,

Đạt đến thế giới tận,

Phạm hạnh được viên thành.

Với tâm tư định tĩnh,

Biết được thế giới tận,

Không ước vọng đời này,

Không ước vọng đời sau.

24 Thiên tử hỏi - Làm sao để không sợ hãi khi tâm này thường sợ hãi - Kinh Subrahma – Tương I, 124

Subrahma – *Tương I*, 124

1) Đứng một bên, Thiên tử Subrahma nói lên bài kệ
với Thế Tôn:

*Tâm này thường sợ hãi,
Ý này thường dao động,
Điều mong ước không khởi,
Điều không mong lại khởi,
Nếu có, không sợ hãi,
Hãy nói điều con hỏi.*

(Thế Tôn):

2) *Không ngoài hạnh **giác chi**,
Không ngoài **hộ trì căn**,
Không ngoài **bỏ tất cả**,
Ta thấy các pháp ấy,
Đưa đến sự an toàn,*

Cho tất cả chúng sanh.

3) Rồi Thiên tử biến mất tại chỗ ấy.

25 Thiên tử hỏi - Ngài có hoan hỷ không -Kinh Kakudha – Tương I, 124

Kakudha – Tương I, 124

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàketa, rừng Anjana, tại vườn Nai. Rồi **Thiên tử Kokudha**, sau khi đêm đã gần mãn, với nhan sắc thù thắng chói sáng toàn khu rừng Anjana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

2) Đứng một bên, Thiên tử Kakudha bạch Thế Tôn:

- *Thưa Sa-môn, Ngài có hoan hỷ không?*
- *Ta được cái gì, này Hiền giả, mà Ta hoan hỷ?*
- *Nếu vậy, thưa Sa-môn, có phải Ngài sầu muộn?*
- *Ta mòn mỏi cái gì, này Hiền giả, mà Ta sầu muộn?*
- *Vậy thời thưa Sa-môn, Ngài không hoan hỷ và không sầu muộn?*
- *Thật như vậy, này Hiền giả.*

3) *Làm sao, này Tỷ-kheo,*

*Ngài không có sầu muộn,
Tuy vậy, Ngài cũng không
Có được sự hoan hỷ?
Làm sao nay Ngài lại,
Ngồi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ,
Cũng không bị dao động?*

*4) Thật sự, này Dạ-xoa,
Ta không có sầu muộn,
Tuy vậy ở nơi Ta,
Hoan hỷ không khởi lên,
Dầu nay Ta có ngồi,
Riêng một mình cô độc,
**Ta không có hoan hỷ,
Cũng không bị dao động.***

*5) Làm sao, này Tỷ-kheo,
Ngài không có sầu muộn,
Làm sao ở nơi Ngài,*

*Hoan hỷ không khởi lên?
Làm sao nay Ngài lại,
Ngồi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ,
Cũng không bị dao động?*

*6) Hoan hỷ chỉ có đến,
Với người tâm sâu muộn,
Sâu muộn chỉ có đến,
Với người tâm hoan hỷ.
Do vậy, vị Tỷ-kheo,
Không hoan hỷ, sâu muộn.
Vậy nên, này Hiền giả,
Ông phải biết như vậy.*

*7) Đã lâu, con mới thấy,
Bà-la-môn tịch tịnh,
Vị Tỷ-kheo không sâu,
Cũng không có hoan hỷ,
Đã an toàn vượt khỏi,*

Chỗ người đời đắm say.

26 Thiên tử hỏi - Sát vật gì được lạc - Kinh Màngha – Tương I, 107

Màngha – Tương I, 107

1) Tại Sàvatthi.

2) Rồi **Thiên tử Màngha**, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Màngha nói với Thế Tôn bài kệ:

3) *Sát vật gì được lạc?*

Sát vật gì không sầu?

Có một pháp loại gì,

Ngài tán đồng sát hại,

Tôn giả Gotama?

(Thế Tôn)

4) *Sát phần nộ được lạc,*

Sát phần nộ không sầu,

Phần nộ với độc căn,

Với vị ngọt tối thượng.

*Pháp ấy bậc Thánh Hiền,
Tán đồng sự sát hại.
Sát pháp ấy không sâu,
Này Hiền giả Thiên nhân.*

27 Thiên tử hỏi - Thế nào gọi là người trì giới, trí tuệ, vượt sâu khổ, chư Thiên lay - Kinh Nandana – Tương I, 121

Nandana – *Tương I*, 12

1) Đứng một bên, **Thiên tử Nandana** nói bài kệ với Thế Tôn:

*Con hỏi Gotama,
Bậc Đại Giác toàn trí,
Con hỏi đáng Thế Tôn,
Với trí kiến vạn năng.
Người nào gọi trì giới?
Người nào gọi trí tuệ?
Người nào vượt sâu khổ?
Người nào chư Thiên lay?*

(Thế Tôn):

*2) Ai hộ trì giới luật,
Trí tuệ, tâm tu trì,
Chú tâm, vui Thiền định,*

*Tâm tư trú chánh niệm,
Tất cả mọi sầu khổ,
Được trừ diệt, đoạn tận,
Các lậu hoặc tận trừ,
Sống với thân tối hậu,
Vị ấy gọi trì giới,
Vị ấy gọi trí tuệ,
Vị ấy vượt sầu khổ,
Vị ấy chư Thiên lạy.*

28 Thiên tử hỏi - Vật gì chiếu sáng đời - Kinh Màngadha – Tương I, 108

Màngadha – Tương I, 108

1) Đứng một bên, Thiên tử Màngadha nói lên với Thế Tôn bài kệ:

*Vật gì chiếu sáng đời,
Do chúng, đời chói sáng?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Muốn nghe lời giải đáp.*

*Bốn vật chiếu sáng đời,
Thứ năm đây không có,
Ngày, mặt trời sáng chói,
Đêm, mặt trăng tỏ rạng,
Lửa cháy đỏ đêm ngày,
Chói sáng khắp mọi nơi,
Chánh giác sáng tối thắng,
Sáng này sáng vô thượng.*

29 Thiên tử ở các cõi chư Thiên Sắc giới - Kinh PHƯỚC SỰ NGHIỆP – Tăng III, 614

PHƯỚC SỰ NGHIỆP – Tăng III, 614

1. - *Này các Tỷ-kheo, có ba căn bản làm phước.*

2. Thế nào là ba?

- Căn bản làm phước do **bố thí**,
- Căn bản làm phước do **giới đức**,
- Căn bản làm phước do **tu tập**.

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người:

- Căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô **nhỏ**,
- Căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô **nhỏ**,
- Căn bản làm phước do tu tập trên một quy mô **nhỏ**.
- Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, ***được sanh làm người không may mắn***.

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người:

- Căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô *vừa phải*,
- Căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô *vừa phải*,
- Nhưng *không* đạt được căn bản làm phước do tu tập.
- Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung *được sanh làm người có may mắn*.

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người:

- Căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô *to lớn*,
- Căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô *to lớn*,
- Nhưng *không* đạt được căn bản làm phước do tu tập.
- Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, *được sanh cộng trú với Bốn Thiên vương*.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, Bốn Thiên vương sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, *vượt qua Bốn thiên vương trên mười điểm*:

- Tuổi *thọ* chư Thiên,
- Dung *sắc* chư Thiên,

- An **lạc** chư Thiên,
- **Danh** tiếng chư Thiên,
- Tăng thượng **lực** chư Thiên,
- Thiên **sắc**,
- Thiên **thanh**
- Thiên **hương**,
- Thiên **vị**,
- Thiên **xúc**.

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người

- Căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô **to lớn**,
- Căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô **to lớn**,
- Nhưng **không** đạt được căn bản làm phước do tu tập.
- Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, **được sanh cộng trú với chư Thiên ở Tam thập Tam thiên**. Tại đây, này các Tỷ-kheo, **Thiên chủ Sakka** sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư Thiên ở Tāvātimsa trên mười điểm: tuổi thọ chư Thiên, dung sắc chư Thiên, an lạc chư Thiên, danh tiếng chư Thiên, Tăng thượng lực chư

Thiên, thiên sắc, thiên hương, thiên vị, thiên xúc.

7. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô *to lớn*, căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô *to lớn*, nhưng *không* đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, *được sanh cộng trú với chư Thiên ở Yàma thiên*. Tại đây, này các Tỷ-kheo, *Thiên tử Suyàma* sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư Thiên ở Yàma trên mười điểm: tuổi thọ chư Thiên, ... thiên vị, thiên xúc.

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô *to lớn*, căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô *to lớn*, nhưng *không* đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, *được sanh cộng trú với chư Thiên ở Tusitā thiên*. Tại đây, này các Tỷ-kheo, *Thiên tử Santusitā*, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư Thiên ở Tusitā trên mười điểm: tuổi thọ chư Thiên, ... thiên vị, thiên xúc.

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người:

- Căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô *to lớn*,
- Căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô *to lớn*,
- Nhưng *không* đạt được căn bản làm phước do tu tập.
- Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, *được sanh cộng trú với chư Thiên ở Hóa lạc thiên*. Tại đây, này các Tỷ-kheo, Thiên tử Sunimmita, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư Thiên ở Hóa lạc thiên trên mười điểm: tuổi thọ chư Thiên, ... thiên vị, thiên xúc.

10. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người;

- Căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô *to lớn*,
- Căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô *to lớn*,
- Nhưng *không* đạt được căn bản làm phước do tu tập.
- Người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, *được sanh cộng trú với chư Thiên ở Tha hóa tự tại thiên*. Tại đây, này các Tỷ-kheo, Thiên tử Vasavatti, sau khi làm thật nhiều căn bản

phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư Thiên ở Tha hóa Tự tại thiên trên mười điểm:

- *Tuổi thọ chư Thiên,*
- *Dung sắc chư Thiên,*
- *An lạc chư Thiên,*
- *Danh tiếng chư Thiên,*
- *Tăng thượng lực chư Thiên,*
- *Thiên sắc,*
- *Thiên thanh*
- *Thiên hương,*
- *Thiên vị,*
- *Thiên xúc.*

Này các Tỷ-kheo, có ba căn bản phước nghiệp này.

30 Thiên vị - TIÊU KINH ĐOẠN TẬN ÁI – 37 Trung I, 549

TIÊU KINH ĐOẠN TẬN ÁI (**Culatanhasankhava sutta**)

– Bài kinh số 37 – *Trung I*, 549

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Savatthi (Xá-vệ), Đông Viên (Pubbarama), giảng đường Lộc Mầu (Migaramatu). Rồi Thiên chủ Sakka đến tại chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Thiên chủ Sakka đứng một bên bạch Thế Tôn.

– Bạch Thế Tôn, nói một cách tóm tắt, đến mức độ nào, một Tỷ-kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người?

– Ở đây, này Thiên chủ, Tỷ-kheo được nghe như sau: **"Thật không xứng đáng, nếu có thiên vị đối với tất cả pháp"**.

- Nay Thiên chủ, nếu Tỷ-kheo được nghe như sau:
"Thật không xứng đáng, nếu có thiên vị đối với tất cả pháp", vị ấy biết rõ tất cả pháp.
- Sau khi biết rõ tất cả pháp, vị ấy biết một cách rốt ráo tất cả pháp.
- Do biết một cách rốt ráo tất cả pháp, nếu có một cảm thọ nào, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy.
- Vị ấy nhờ sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy, nên không chấp trước một vật gì ở đời.
- Do không chấp trước nên không phiền não, do không phiền não, vị ấy chứng đạt Niết-bàn. Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa". Nay Thiên chủ, một cách tóm tắt, đến mức độ như vậy, một Tỷ-Kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người.

Rồi Thiên chủ Sakka, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn thuyết giảng, đánh lễ Thế Tôn, thân bên

hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahamoggallana ngồi cách Thế Tôn không xa. Rồi Tôn giả Mahamoggallana suy nghĩ: "Không hiểu Dạ-xoa (Yakkha) kia, sau khi hoan hỷ lời Thế Tôn dạy, có tín thọ hay không? Ta hãy tìm biết Dạ-xoa kia, sau khi hoan hỷ lời Thế Tôn dạy, có tín thọ hay không?"

Rồi Tôn giả Mahamoggallana, như người lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang đuổi ra, biến mất ở Đông Viên Lộc Mẫu giảng đường và hiện ra ở giữa chư thiên cõi trời Ba mươi ba. Lúc bấy giờ Thiên chủ Sakka, với đầy đủ năm trăm nhạc khí chư thiên, đang vui chơi tại vườn Nhất bạch liên. Thiên chủ Sakka thấy Tôn giả từ xa đến, bảo năm trăm nhạc khí chư thiên dừng nghỉ, đi đến Tôn giả Mahamoggallana, sau khi đến, thưa với Tôn giả Mahamoggallana: "Hãy đến đây, Thiện hữu Moggallana; thiện lai, Thiện hữu Moggallana! Nay Thiện Hữu Moggallana, lâu lắm Thiện hữu mới có dịp đến đây. Hãy ngồi, Thiện hữu Moggallana, trên chỗ đã soạn sẵn". Tôn giả Mahamoggallana, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Còn Thiên chủ Sakka lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Mahamoggallana nói với Thiên chủ Sakka đang ngồi xuống một bên:

– Nay Kosiya, về lời thuyết giảng mà Thế Tôn đã nói cho Ông một cách tóm tắt, thật tốt lành cho chúng tôi, nếu được nghe chỉ một phần lời thuyết giảng ấy.

– Thiện hữu Moggallana, chúng tôi bận nhiều công việc, chúng tôi có nhiều việc phải làm, việc làm cho chúng tôi và việc làm cho chư thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Lại nữa, nay Thiện hữu Moggallana, lời thuyết giảng ấy được khéo nghe, khéo nắm vững, khéo suy tư, khéo thẩm lự nên không thể mau quên được. Nay Thiện hữu Moggallana, xưa kia phát khởi chiến tranh giữa chư Thiên và chúng Asura (A-tu-la). Nay Thiện hữu Moggallana, trong trận chiến này, chư Thiên thắng, chúng Asura bại. Nay thiện hữu Moggallana, sau khi thắng trận chiến ấy và nhân dịp thắng trận, chúng tôi, sau khi trở về, cho xây dựng một lâu đài tên là Vejayanta (Tối Thắng Điện). Nay Thiện hữu Moggallana, lâu đài Vejayanta ó đến một trăm vọng tháp, trong mỗi vọng tháp có bảy ngôi nhà có hình tam giác, trong mỗi nhà tam giác có bảy tiên nữ, và mỗi tiên nữ có đến bảy thị nữ. Nay thiện hữu Moggallana, Thiện hữu có muốn xem những điều khả ái của lâu đài Vejayanta không?

Tôn giả Mahamoggallana im lặng nhận lời. Rồi Thiên chủ Sakka cùng với đại vương Vessavana để

Tôn giả Mahamoggallana đi trước và đi đến lâu đài Vejayaṇṭa. Các thị nữ của Thiên chủ Sakka thấy Tôn giả Mahamoggallana đi từ xa đến, sau khi thấy, liền hồ thẹn, bẽn lẽn, rồi bước vào phòng của mình. Ví như cô dâu khi thấy cha chồng liền hồ thẹn, bẽn lẽn; cũng như vậy, các thị nữ của Thiên chủ Sakka, khi thấy Tôn giả Mahamoggallana liền hồ thẹn, bẽn lẽn, vào phòng riêng của mình. Rồi Thiên chủ Sakka và đại vương Vessavaṇa đưa Tôn giả Mahamoggallana đi thăm và xem khắp lâu đài Vejayaṇṭa: "Này Thiện hữu Moggallana, xem điều khả ái này của lâu đài Vejayaṇṭa; xem điều khả ái này của lâu đài Vejayaṇṭa. Cái này chói sáng nhờ các công đức do Tôn giả Kosiya đã làm thời xưa; và loài Người, khi thấy cái gì khả ái liền nói: "Thật sự, cái này chói sáng từ chư thiên cõi trời Ba mươi ba. Cái này chói sáng nhờ các công đức do Tôn giả Kosiya đã làm thời xưa".

Rồi Tôn giả Mahamoggallana suy nghĩ: "Dạ-xoa này sống phóng dật một cách quá đáng. Ta hãy làm cho vị này hoảng sợ". Tôn giả Mahamoggallana liền thị hiện thần thông lực, *dùng ngón chân cái làm cho lâu Vejayaṇṭa rung động, chuyển động, chấn động mạnh*. Thiên chủ Sakka, đại vương Sessavaṇa và chư thiên ở cõi trời Ba mươi ba, tâm cảm thấy kỳ diệu, hy hữu: "Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay

đại thần thông lực, đại oai lực của Tôn giả Sa-môn! Với ngón chân cái, vị này làm cho thiên cung này rung động, chuyển động, chấn động mạnh!" Tôn giả Mahamoggallana sau khi biết Thiên chủ Sakka đã hoảng sợ, lông tóc dựng ngược liền nói với Thiên chủ Sakka:

– Này Kosiya, về lời thuyết giảng mà Thế Tôn đã nói cho Ông một cách tóm tắt, thật tốt lành cho chúng tôi, nếu được nghe chỉ một phần lời thuyết giảng ấy.

Ở đây, này Thiện hữu Moggallana, tôi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Này Thiện hữu Moggallana, sau khi đứng một bên, tôi bạch với Thế Tôn như sau:

"– Bạch Thế Tôn, một cách tóm tắt, đến mức độ nào, một Tỷ-kheo là ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người?

Khi nghe nói vậy, này Thiện hữu Moggallana, Thế Tôn nói với tôi như sau:

"– Ở đây, này Thiên chủ, Tỷ-kheo được nghe như sau: "Thật không xứng đáng, nếu có thiên vị đối

với tất cả pháp". Vị ấy biết rõ tất cả pháp. Sau khi biết rõ tất cả pháp, vị ấy biết một cách rốt ráo tất cả pháp". Do biết một cách rốt ráo tất cả pháp, nếu có cảm thọ nào, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy. Vị ấy nhờ sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy nên không chấp trước một vật gì ở đời; do không chấp trước nên không phiền não; do không phiền não, vị ấy chứng đạt Niết-bàn. Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa". "Này Thiên chủ, một cách tóm tắt, đến mức độ như vậy, một Tỷ-kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Ngươi".

Như vậy, này Thiện hữu Moggallana, Thế Tôn nói một cách tóm tắt cho tôi về ái tận giải thoát.

Rồi Tôn giả Mahamoggallana, sau khi hoan hỷ, tín cho lời Thiên chủ Sakka nói, như một nhà lục sĩ đuổi ra cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất giữa chư thiên ở cõi trời Ba mươi

ba, và hiện ra tại Đông Viên Lộc Mẫu giảng đường. Sau khi Tôn giả Mahamoggallana đi chẳng bao lâu, các thị nữ của Thiên chủ Sakka nói với Thiên chủ Sakka như sau:

– Thưa Thiên chủ, có phải vị ấy là Thế Tôn, bậc Đạo sư của Thiên chủ?

– Không, vị ấy không phải là Thế Tôn, bậc Đạo Sư của ta. Vị ấy là đồng phạm hạnh với ta, Tôn giả Mahamoggallana.

– Thưa Thiên chủ, thật là điều tốt lành cho Thiên chủ, có một vị đồng phạm hạnh có đại thần thông, có đại oai lực như vậy. Chắc chắn vị ấy là Thế Tôn, bậc Đạo Sư của Thiên chủ.

Rồi Tôn giả Mahamoggallana đến tại chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahamoggallana bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có biết chăng, Thế Tôn vừa mới nói về ái tận giải thoát một cách tóm tắt cho một Dạ-xoa có đại oai lực?

– Này Moggallana, Ta biết. Ở đây, Thiên chủ Sakka đến tại chỗ Ta ở, sau khi đến, đánh lễ Ta rồi

đứng một bên. Sau khi đứng một bên, này Moggallana, Thiên chủ Sakka bạch với Ta:

"– Bạch Thế Tôn, nói một cách tóm tắt, đến mức độ nào, một Tỷ-kheo ái tận, giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người?

Khi nghe nói vậy, này Mahamoggallana, Ta nói với Thiên chủ Sakka:

"– Ở đây, này Thiên chủ, Tỷ-kheo được nghe như sau: **"Thật không xứng đáng, nếu có thiên vị đối với tất cả pháp"**. Này Thiên chủ, nếu Tỷ-kheo được nghe như sau: "Thật không xứng đáng nếu có thiên vị đối với tất cả pháp". Vị ấy biết rõ tất cả pháp. Sau khi biết rõ tất cả pháp, vị ấy **biết** một cách rột ráo tất cả pháp. Do biết một cách rột ráo tất cả pháp, nếu có một **cảm thọ** nào, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy. Vị ấy nhờ sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy nên không chấp trước một vật gì ở đời. Do không chấp trước nên không phiền não, do không

phiền não, vì ấy chứng đạt Niết-bàn. Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa".

Này Thiên chủ, một cách tóm tắt, đến mức độ như vậy, một Tỷ-kheo ái tận, giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người".

Như vậy, này Moggallana, Ta biết Ta vừa nói một cách tóm tắt về ái tận giải thoát cho Thiên chủ Sakka.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Mahamoggallana hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

31 Thiếu ý vị - Kinh VERANJÀ – Tăng III, 518

VERANJÀ – *Tăng* III, 518

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Veranjà, dưới gốc cây Nalerupucimanda. Rồi Bà-la-môn Veranjà đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói nên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Veranjà bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, tôi có nghe như sau: "Samôn Gotama không đánh lễ, không đứng dậy, hay không mời ghé ngồi các Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn trưởng lão, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời".

Thưa Tôn giả Gotama, sự thể là như vậy: "Tôn giả Gotama không đánh lễ, không đứng dậy, hay không mời ghé ngồi các Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn trưởng lão, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời". Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, như vậy là không đầy đủ.

- Nay Bà-la-môn, Ta không thấy một ai trong thế giới chư Thiên, trong thế giới Ác ma, trong thế giới Phạm thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người mà ta có thể đánh lễ người ấy, đứng dậy hay mời ghé ngôi. Nay Bà-la-môn, *nếu Như Lai đánh lễ, hay đứng dậy, hay mời ngồi ai, thời đầu người ấy bị bể tan.*

2. - Tôn giả Gotama, thật thiếu ý vị!

- Nay Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thật thiếu ý vị ". Nay Bà-la-môn, *các sắc vị, thanh vị, hương vị, vị vị, xúc vị, các vị ấy, Như Lai đã đoạn tận chúng,* chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Nay Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thật thiếu ý vị ". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

3. "Tôn giả Gotama thiếu tài sản "

Nay Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thiếu tài sản ". Nay Bà-la-môn, *các sắc tài sản, thanh tài sản, hương tài sản, vị tài sản,*

xúc tài sản, các tài sản ấy, Như Lai đã đoạn tận chúng, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể tái sinh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Nay Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thiếu tài sản". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

4. "Tôn giả Gotama chủ trương thuyết không hành động".

Nay Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết không hành động". Nay Bà-la-môn, *Ta nói không hành động về thân làm ác, về lời nói ác, về ý nghĩ ác. Ta nói không hành động về các pháp ác, bất thiện*. Nay Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết không hành động". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

5. "Tôn giả Gotama chủ trương thuyết đoạn diệt".

Nay Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết đoạn diệt". Nay Bà-la-môn, *Ta tuyên bố đoạn diệt tham, sân, si. Ta*

tuyên bố đoạn diệt các ác, bất thiện pháp. Đây Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết đoạn diệt ". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

6. "Tôn giả Gotama là người nhàm chán".

Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người nhàm chán". Đây Bà-la-môn, *Ta nhàm chán thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Ta nhàm chán sự thành tựu các pháp ác, bất thiện.* Đây Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người nhàm chán ". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

7. "Tôn giả Gotama là người chủ trương hư vô chủ nghĩa".

Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người chủ trương hư vô". Đây Bà-la-môn, *Ta thuyết pháp để hư vô tham, sân, si. Ta thuyết pháp để hư vô các pháp ác, bất thiện.* Đây Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-

môn Gotama là người chủ trương hư vô". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

8. "Tôn giả Gotama là người khổ hạnh".

Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người khổ hạnh ". Này Bà-la-môn, *Ta tuyên bố rằng cần phải khổ hạnh các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác.* Này Bà-la-môn, với ai, các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác được tu khổ hạnh, được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây tala, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, Ta tuyên bố rằng người ấy là người khổ hạnh. Này Bà-la-môn, với Như Lai, các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác đã được tu khổ hạnh, được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây tala, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người khổ hạnh". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

9. "Tôn giả Gotama chủ trương không nhập thai".

Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương không nhập thai". Này Bà-la-môn, với ai mà khả năng nhập thai tái sanh trong tương lai đã đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, Ta tuyên bố rằng người ấy chủ trương không nhập thai. Này Bà-la-môn, *Như Lai đã đoạn tận khả năng nhập thai tái sanh trong tương lai* đã đoạn tận, đã chặt đứt từ gốc rễ, đã làm cho như thân cây tala, đã làm cho không thể tái sanh, đã làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương không nhập thai". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

Ví như, này Bà-la-môn, có tám, mười hay mười hai cái trứng của con gà mái, được con gà mái khéo ấp nằm, ấp nóng và ấp dưỡng, và con gà nào trong những con gà con ấy, đầu tiên hết, lấy chân, móng, đầu, miệng hay mổ phá vỡ vỏ trứng gà, ra ngoài một cách an toàn, con ấy được gọi là con trưởng hay con trẻ nhất?

- Thừa Tôn giả Gotama, con ấy phải được gọi là con trưởng. Thật vậy, thừa Tôn giả Gotama, con ấy là con trưởng trong tất cả các con gà ấy.

10. - Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi Ta, vì chúng sanh bị vô minh chi phối, như sanh ra từ trứng, bị bao trùm, đã phá vỡ vỏ trứng vô minh, một mình chúng được vô thượng Chánh Đẳng Giác ở đời. Này Bà-la-môn, thật sự **Ta là vị đệ nhất, tối thắng ở đời.**

Lại nữa, này Bà-la-môn, Ta tinh cần tinh tấn, không biếng nhác. Ta trú niệm, không có thất niệm, thân được khinh an, không có tháo động, định tĩnh, nhất tâm.

11. Này Bà-la-môn, ly dục, ly pháp bất thiện, Ta đã chứng đạt và an trú **sơ Thiền**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, Ta chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Ly hỷ Ta trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ, mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú. Ta chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba**.

Xả lạc, xả khô, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khô, không lạc, xả niệm, thanh tịnh.

12. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, không dao động, như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến **Túc mạng minh**. Ta nhớ đến đời sống quá khứ, một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giao cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giao cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các nét chi tiết.

Này Bà-la-môn, *đây là trong canh một*, Ta chứng được minh thứ nhất, vô minh diệt, minh sanh, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. Do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn, *đây là sự xuất*

sanh thứ nhất của Ta, như con gà con sanh ra khỏi vỏ trứng.

13. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, không dao động, như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến **Trí tuệ về sanh tử của chúng sanh.**

Với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Những hạng chúng sanh này thành tựu thân làm ác, thành tựu miệng nói ác, thành tựu ý nghĩ ác, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Còn những hạng chúng sanh nào, thành tựu thân làm lành, thành tựu miệng nói lành, thành tựu ý nghĩ lành, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Như vậy, với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Này Bà-la-môn, *đây là trong canh giữa*, Ta chứng được minh thứ hai, vô minh diệt, minh sanh, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. Do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn, *đây là sự xuất sanh thứ hai của Ta, như con gà con sanh ra khỏi vỏ trứng*.

14. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, không dao động, như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến **Lậu tận trí**. Ta biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là khổ tập", biết như thật: "Đây là Khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến Khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc ", biết như thật: "Đây là các lậu hoặc diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến lậu hoặc diệt". Do biết như vậy, thấy như vậy, tâm của ta thoát khỏi lậu dục, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã

thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa".

Này Bà-la-môn, *đây là trong canh cuối*, Ta chứng được minh thứ ba, vô minh diệt, minh sanh, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. Do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn, *đây là sự xuất sanh thứ ba của Ta, như con gà con sanh ra khỏi vỏ trứng*.

15. Được nghe nói như vậy, Bà-la-môn Veranja bạch Thế Tôn:

- Đệ nhất là Tôn giả Gotama!

Tôi thắng là Tôn giả Gotama!

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng dậy những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

32 Thiên quang giới tam muội - Kinh BA LÊ – 24 Trường II, 269

KINH BA LÊ
– Bài kinh số 24 – Trường II, 269

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở giữa bộ lạc Malla (Mạt la), tại Anupiya (A dật di), một thành của bộ lạc Mallà. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đắp y vào buổi sáng, cầm y bát vào thành Anupiya để khát thực. Rồi Thế Tôn tự nghĩ: "Thật là quá sớm để vào thành Anupiya khát thực. Ta hãy đến tịnh xá của du sĩ Bhaggava và thăm vị này." Thế Tôn liền đi đến tịnh xá du sĩ Bhaggava.

2. Rồi du sĩ Bhaggava bạch Thế Tôn:

- Thế Tôn hãy đến gần! Xin chào đón Thế Tôn. Đã lâu, Thế Tôn mới có dịp đến đây. Mời Thế Tôn ngồi, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn!

Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và du sĩ Bhaggava lấy một ghế ngồi khác thấp hơn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ Bhaggava bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ngày xưa và nhiều ngày xưa nữa, Sunakkhatta (Thiện Tinh) thuộc bộ lạc Licchavi (Ly xa tử) đến con và nói như sau: "Này Bhaggava, nay tôi từ bỏ Thế Tôn! Nay tôi không sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn nữa." Bạch Thế Tôn, sự việc có phải như Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi nói hay không?

- Này Bhaggava, sự việc thật như Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đã nói:

3. Này Bhaggava, thuở xưa và rất xa xưa, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đến thăm Ta. Sau khi đến, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, Sumakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, nay con xin từ bỏ Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, nay con không sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn nữa."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi:

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây sống dưới sự chỉ dẫn của Ta" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Hay Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn" chăng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Nay Sunakkhatta, Ta không nói: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta", và Người cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn". **Này kẻ ngu kia, như vậy thời Người là ai và Ta là ai mà Người nói chuyện từ bỏ? Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!**

4. "- Bạch Thế Tôn, nhưng Thế Tôn không khiến cho con chúng được các pháp thượng nhân thần thông.

"- Nay Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta! Ta sẽ khiến cho Người chúng được các pháp thượng nhân thần thông" chăng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn. Thế Tôn sẽ khiến cho con chúng được các pháp thượng nhân thần thông"

chăng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Ta không nói với Ngươi: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn chủ Ta, Ta sẽ khiến cho Ngươi chứng được các pháp thượng nhân thần thông; Ngươi cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, và Thế Tôn sẽ khiến cho con chứng được các pháp thượng nhân thần thông." **Này kẻ ngu kia, như vậy thời Ngươi là ai và Ta là ai mà Ngươi nói chuyện từ bỏ.**

Này Sunakkhatta, **Ngươi nghĩ thế nào? Các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, có phải như vậy không?**

"- Bạch Thế Tôn, các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vậy!

"- Này Sunakkhatta, các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục

đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. Này Sunakkhatta! như vậy thời các pháp thượng nhân thần thông là gì mà cần phải thực chứng? Này kẻ ngu kia, hãy thấy lỗi lầm của Người như vậy là như thế nào!

5. "- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không giải thích cho con khởi nguyên của thế giới.

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta. Ta sẽ giải thích cho Người khởi nguyên của Thế giới" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ giải thích cho con khởi nguyên của thế giới" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, như vậy Ta không nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới

sự chỉ dẫn của Ta. Ta sẽ giải thích cho Người khởi nguyên của thế giới." Người cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ giải thích cho con khởi nguyên của thế giới." Đây kẻ ngu kia, sự kiện là như vậy, thời Người là ai và Ta là ai mà Người nói chuyện từ bỏ?

Này Sunakkhatta, **Người nghĩ thế nào? Khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, có phải như vậy không?**

"- Bạch Thế Tôn, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vậy.

"- Này Sunakkhatta, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, mục đích của Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. Này Sunakkhatta, **như vậy thời giải thích về khởi nguyên thế giới có ích lợi gì cho Người?** Đây kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!

6. "- Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện

Ngươi đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajji: "Nhu vậy, Thế Tôn là bậc A la hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn." Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Ngươi đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, Ngươi nói lời tán thán Pháp tại làng Vajji: "Chánh pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người có trí mới thâm hiểu." Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Ngươi tán thán Chánh pháp tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, Ngươi đã tán thán Tăng tại làng Vajji: "Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về chánh chơn, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Chánh trực, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về khuôn phép, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về chánh hạnh, tức là bốn đôi tám chúng. Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn này đáng được kính trọng, đáng được cung kính, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay cúi chào, vì là phước điền tối thượng ở đời". Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Ngươi tán thán Tăng tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, Ta nói cho Người biết; này Sunakkhatta Ta tin cho Người biết; sẽ có lời luận bàn về Người như sau: *"Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi không thể sống phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của Sa môn Gotama. Vì không kham nổi, nên từ bỏ tu học trở về với đời sống thấp kém".* Này Sunakkhatta, sẽ có lời luận bàn về Người như vậy.

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi dầu được Ta nói vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rớt vào đọa xứ, địa ngục.

7. Này Bhaggava, một thời Ta ở bộ lạc Bumu, tại thị trấn của bộ lạc Bumu tên là Uttaraka. Này Bhaggava, rồi buổi sáng Ta đắp y, cầm y bát cùng với Sa di Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi theo sau, vào thị trấn Uttaraka khát thực. Lúc bấy giờ, **lỏa thể Korakkhattiya, tu theo hạnh chó** đi bốn chân, bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn đồ cứng hay đồ ăn mềm.

Này Bahaggava, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi thấy hỏa thể Korakkhattiya tu theo hạnh chó, đi bốn chân, bò lết trên đất, lấy miệng ăn đồ cứng hay đồ ăn mềm.

Này Bhaggava, **Ta biết được tâm tư của Sunakkhatta**

thuộc bộ lạc Licchavi với tâm tư của Ta và Ta nói với ông ta như sau:

"- Này kẻ ngu kia, có phải Người vẫn tự nhận Người là Thích Tử không?"

"- Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại nói: "Này kẻ ngu kia, có phải Người tự nhận Người là Thích Tử không"?"

"- Này Sunakkhatta, có phải Người, sau khi thấy lõa thể Korakkhattiya tu theo hạnh chó, đi bốn chân bò lét trên đất, lấy miệng mà ăn đồ ăn cứng hay đồ ăn mềm, liền suy nghĩ: "Thật tốt đẹp thay vị A la hán Sa môn đi bốn chân, bò lét trên đất, lấy miệng mà ăn đồ ăn cứng hay đồ ăn mềm"?"

"- Bạch Thế Tôn có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một vị A la hán?"

"- Này kẻ ngu kia, **Ta đâu có ganh ghét với một vị A la hán? Chính Người tự sinh ác tà kiến ấy, hãy bỏ nó đi. Chớ để tự mình lâu ngày bị khổ đau thiệt hại.**

Này Sunakkhatta, lõa thể Korakkhattiya mà Người nghĩ là tốt đẹp, là vị Sa môn, sau bảy ngày sẽ bị trúng thực mà chết, sau khi chết sẽ tái sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất.

Sau khi chết, nó sẽ bị quăng trong nghĩa địa đặt trên đồng cỏ Bìrana. Nay Sunakkhatta, nếu Người muốn, hãy đến hỏi loa thể Korakkhattiya như sau: "Này bạn Korakkhattiya, bạn có biết bạn thác sanh cảnh giới nào không?" Nay Sunakkhatta, sự kiện này có thể xảy ra, loa thể Korakkhatta ấy có thể trả lời với Người: "Này bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giới thác sanh của tôi. Tôi sẽ thác sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất".

8. Nay Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi, đi đến loa thể Korakkhattiya và nói:

" - Này bạn Korakkhattiya, Sa-môn Gotama có nói như sau: "Loã thể Korakkhattiya sau bảy ngày trúng thực mà chết, sau khi chết sẽ tái sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất. Sau khi chết, ông ta sẽ bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana". Nay Bạn Korakkhattiya, vậy Bạn hãy ăn cho có tiết độ, vậy Bạn hãy uống cho có tiết độ, để lời nói của Sa môn Gotama trở thành nói láo."

Nay Bhaggava, vì không tin tưởng Như Lai, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đếm từng ngày một cho đến bảy ngày. Nhưng nay Bhaggava, loa thể Korakkhattiya sau bảy ngày bị trúng thực mà chết. Sau khi chết, bị tái sanh thuộc loại Kàlakanjā, một

trong loại Asura thấp kém nhất. Sau khi chết, ông ta bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana.

9. Nay Bhaggava, Sunakkhatta được nghe: "Lõa thể Korakkhattiya bị trúng thực chết, quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana." Nay Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi liền đi đến đồng cỏ Birana tại nghĩa địa, đến lõa thể Korakkhattiya, lấy tay đánh ba lần và hỏi:

"- Nay bạn Korakkhattiya, Bạn có biết cảnh giới thác sanh của Bạn không?"

Nay Bhaggava, lõa thể Korakkhattiya lấy tay xoa lưng và ngồi dậy:

"- Nay bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giới thác sanh của tôi. Tôi thác sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất." Sau khi nói xong, ông ta ngã ngựa xuống.

10. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đến Ta, đánh lễ và ngồi xuống một bên. Nay Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

"- Nay Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Điều Ta nói với Người về lõa thể Korakkhattiya, có phải sự

việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác?

"- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói với con lẽ lỏa thể Korakkhattiya như thế nào, sự việc xảy ra như Thế Tôn nói, không phải khác!

"- Nay Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện có phải không?

"- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện.

"- Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Người nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông cho con." Nay kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi được Ta nói như vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

11. Nay Bhaggava, một thời, Ta trú tại Vesàli (Tỳ xá lý), rừng Đại Lâm, ở Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ, **lỏa thể Kandaramasuka** ở tại Vesàli được

sự cúng dường tối thượng, được xưng danh tối thượng tại làng Vajji. **Vị này có phát nguyện tuân theo bảy giới hạnh:**

- "Trọn đời, ta theo hạnh lỏa thể, không mặc quần áo;
- Trọn đời, ta sống phạm hạnh, không có hành dâm;
- Trọn đời ta tự nuôi sống với rượu và thịt, không phải với cháo cơm;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Udana phía Đông thành Vesàli;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Gotamaka, phía Nam thành Vesàli;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Sattamba, phía Tây thành Vesà;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Bahuputta, phía Bắc thành Vesàli."

Vị này, nhờ tuân theo bảy giới hạnh này mà được sự cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng tại làng Vajji.

12. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đi đến lỏa thể Kandaramasuka và hỏi câu

hỏi; lửa thê Kandaramasuka khi bị hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi, vì không theo dõi, nên tỏ ra tức tối, giận dữ, phật ý. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi suy nghĩ: *"Chúng ta có thể trở thành chống đối vị A-la-hán Sa-môn tốt đẹp này. Hãy giữ đừng có gì xảy ra khiến chúng ta có thể bắt lợi đau khổ lâu đời."*

13. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đi đến Ta, đánh lễ và ngồi xuống một bên. Nay Bahaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

- Nay kẻ ngu kia, Ngươi vẫn tự nhận Ngươi là Thích tử không?

- Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại nói với con như vậy: Nay kẻ ngu kia, Ngươi vẫn tự nhận Ngươi là Thích tử không?

- Nay Sunakkhatta, có phải Ngươi đã đi đến lửa thê Kandaramasuka và hỏi câu hỏi? Lửa thê Kandaramasuka khi được Ngươi hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi; vì không theo dõi nên tỏ ra tức tối, giận dữ, phật ý. Rồi tự nghĩ: "Chúng ta có thể trở thành chống đối vị A la hán, Sa môn tốt đẹp này. Hãy giữ đừng có gì xảy ra khiến chúng ta có thể bắt lợi đau khổ lâu đời!"

- Bạch Thế Tôn có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một vị A la hán?

- Nay kẻ ngu kia, **Ta đâu có ganh ghét với một vị A la hán! Chính Người tự sanh ác tà kiến ấy, hãy từ bỏ nó đi.** Chớ để mình lâu ngày bị thiệt hại đau khổ!

Này Sunakkhatta, lửa thể Kandaramasuka mà Người nghĩ là vị A la hán, là vị Sa môn tốt đẹp, không bao lâu sẽ sống mặc áo và lập gia đình, sẽ ăn cơm cháo, sẽ đi vượt quá các tháp ở Vesàli và sẽ chết mất hết cả danh xưng.

Này Bhaggava, lửa thể Kandaramasuka, không bao lâu sống mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vesàli và bị chết mất hết cả danh xưng.

14. Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi được nghe tin lửa thể Kandaramasuka không bao lâu sống mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vesàli và bị chết mất hết danh xưng. Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta đi đến chỗ Ta ở, sau khi đến đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, và Ta nói với Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

- Này Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Điều Ta nói

với Người về lửa thể Kandaramasuka có phải sự việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác?

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói với con về lửa thể Kandaramasuka như thế nào, sự việc xảy ra như Thế Tôn nói, không phải khác.

- Nay Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện, có phải không?

- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện.

- Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Người nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông cho con." Nay kẻ ngu kia, hãy thấy rõ sự lỗi lầm của Người như vậy là như thế nào"!

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi được Ta nói như vậy, từ bỏ luật này, như người phải rơi vào đọa xứ địa ngục.

15. Nay Bhaggava, một thời Ta trú ở Vesàli, rừng

Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ, **lỏa thể Patikaputta** sống ở Vesàli, được cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng ở làng Vajji. Trong các buổi họp ở Vesàli, ông ta thường tuyên bố như sau:

"Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông của mình, nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thượng nhân thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama thực hiện một pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện hai pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện bốn pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện tám pháp. Như vậy Sa môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp thần thông thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần."

16. Nay Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đã đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi bạch với Ta:

"- Bạch Thế Tôn,ỏa thể Patikaputta (Ba kê tử) sống ở Vesàli, được cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng ở làng Vajji. Trong buổi họp ở

Vesàli, thường tuyên bố như sau: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama có thể thực hiện một pháp thượng nhân thần thông... thì ta sẽ thực hiện gấp hai lần."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi:

"- Này Sunakkhatta, lỡ thê Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ta sẽ bị bể tan.

17. "- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời nói! Thiện Thệ hãy thận trọng lời nói!

"- Này Sunakkhatta, tại sao Người lại nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời nói"?

"- Bạch Thế Tôn, lời nói này đã được Thế Tôn tuyên bố một cách cực đoan: "Lỡ thê Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời

nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu ông ấy sẽ bị bẻ tan"! Bạch Thế Tôn, **lõa thể Patikaputta có thể đến gặp mặt Thế Tôn với một hóa thân khác, và như vậy Thế Tôn trở thành nói không thật!**

18. "- Nay Sunakkhatta, **Như Lai có bao giờ nói lời nói nào có hai nghĩa không?**

"- Bạch Thế Tôn, có phải do tự tâm phán xét mà Thế Tôn đã được biết về Patikaputta: "Lõa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bẻ tan". Hay là có vị Thiên thần nào đã báo tin cho Như Lai biết: "Bạch Thế Tôn, lõa thể Patikaputta không có thể... đầu của ông ấy sẽ bị bẻ tan!"

"- Nay Sunakkhatta, chính tự tâm phán xét mà ta đã biết về lõa thể Patikaputta: "Lõa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta... đầu của ông ấy sẽ bị bẻ tan." Và cũng có vị Thiên thần đã báo tin cho Ta biết: "Lõa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt

Thế Tôn... đầu ông ấy sẽ bị bể tan". **Vị tướng quân ở bộ lạc Licchavi tên là Ajita, khi mệnh chung vào ngày kia đã được sanh vào Tam thập tam thiên.** Rồi vị ấy đến bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không có tầm quý! Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không nói sự thật! Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta đã nói về con, ở giữa làng Vajji như sau: *"Tướng quân ở bộ lạc Licchavi tên là Ajita sẽ thác sanh vào Đại địa ngục,"* **Bạch Thế Tôn, con không thác sanh vào Đại địa ngục, Bạch Thế Tôn, con được sanh vào cõi Tam thập tam thiên! Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không có tầm quý.** Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không nói sự thật! Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

Này Sunakkhatta, như vậy chính tự tâm phán xét mà Ta biết về lừa thể Pàtikaputta. Lừa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Và một vị thiên Thần đã báo tin cho ta biết: "Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Thế Tôn nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông nghĩ rằng

ông ấy sẽ đến gặp mặt Thế Tôn mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

"Này Sunakkhatta, sau khi Ta đi khát thực ở Vesàli, ăn xong và khát thực trở về, Ta sẽ đến tại vườn Pàtikaputta để nghỉ trưa. Này Sunakkhatta, nếu Ngươi muốn, hãy tin cho ông ấy biết."

19. Này Bhaggava, rồi Ta đắp y vào buổi sáng, cầm y bát vào thành Vesàli để khát thực. Sau khi đi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, Ta đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa. Này Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi vội vàng vào thành Vesàli, đến những Licchava có danh tiếng và báo tin cho những vị ấy biết: "- Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, đã đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa! Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo."

Này Bhaggava, các Licchavi có danh tiếng suy nghĩ như sau: "Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo. Vậy chúng ta hãy đi đến đó."

Và chỗ nào có những Bà la môn có địa vị, những gia

chủ giàu sang, các Bà la môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng, ông ta đi đến các vị này và báo tin cho biết: "- Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi đi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, đã đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa. Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo."

Này Bhaggava, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng suy nghĩ: "Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo. Vậy chúng ta hãy đi đến đó."

Này Bhaggava, rồi các Licchavi có danh tiếng, các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cùng đi đến vườn của Pàtikaputta. Này Bhaggava, như vậy Hội chúng này lên đến hàng trăm hàng ngàn người.

20. Này Bhaggava, lỏa thể Pàtikaputta được nghe: "Các Licchavi danh tiếng đã đến, các Bà la môn có địa vị, các gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến, còn Sa môn Gotama thì ngồi nghỉ trưa tại vườn của ta." Khi nghe vậy ông ấy hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược. Này Bhaggava, lỏa thể Pàtikaputta hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược, liền đi đến vườn các du sĩ

Tindukkhànu.

Này Bhaggava, Hội chúng ấy được nghe: "Lỗa thể Pàtikaputta hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược đã đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu." Này Bhaggava, Hội chúng liền cho gọi một người và bảo:

"- Này bạn hãy đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp lỗa thể Pàtikaputta và nói như sau: "Này bạn Pàtikaputta hãy đến. Các Licchavi danh tiếng đã đến, các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến. Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, lời nói sau đây được Hiền giả nói tại Hội chúng ở Vesàli: "Sa môn là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thượng nhân thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama thực hiện một pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện hai pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện hai pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện bốn pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện bốn pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện tám pháp. Như vậy Sa môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp thượng nhân thần

thông, thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần. "Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả!".

21. Này Bhaggava, người ấy vâng theo lời Hội chúng ấy, đi đến vườn các du sĩ Tindukkhanu, gặp lõa thể Pàtikaputta, sau khi gặp xong, liền thưa:

"- Này bạn Pàtikaputta, hãy đi đến. Các Licchavi danh tiếng... Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, lời nói sau được Hiền giả nói tại Hội chúng ở Vesàli: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... ta sẽ thực hiện gấp hai lần". Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường, Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường và ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, lõa thể Pàtikaputta trả lời:

"- Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến". Nhưng ông ấy như trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi. Này Bhaggava, người ấy nói với lõa thể Pàtikaputta:

"- Này Hiền giả Pàtikaputta sao lại như vậy? Hình

như mộng của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mộng của Hiền giả?

"- Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến." Tuy nói vậy nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

Này Bhaggava, được nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến"; nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ không có thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

22. Này Bhaggava, khi người ấy biết được lỏa thể Pàtikaputta này đã bị thảm bại, tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi, liền đến Hội chúng ấy báo tin:

"- Lỏa thể Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi."

Này Bhaggava, **khi nghe vậy Ta nói Hội chúng:**

"- Nay các Hiền giả, lỏa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ

bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

II

1. Nay Bhaggava, một vị đại thần Licchavi, từ chỗ ngồi đứng dậy, nói với Hội chúng ấy:

"- Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi, xem có thể đưa lửa thề Pàtikaputta đến Hội chúng này không?"

Này Bhaggava, rồi vị đại thần Licchavi ấy đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp mặt lửa thề Pàtikaputta và nói với ông ấy:

"- Nay bạn Pàtikaputta hãy đến! Các Licchavi danh tiếng đã đến, và các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Ba la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến; còn Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Nay Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa Hội chúng Vesàli: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần". Nay Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn

Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Ngày Hiền giả Pàtikaputta, Sa môn Gotama đã nói với Hội chúng về Hiền giả như sau: "Lỗa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... ông ấy có thể đến gặp mặt Thế Tôn thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan". Ngày Hiền giả Pàtikaputta hãy đến! Nếu Hiền giả đến, chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng và làm cho Sa môn Gotama thất bại."

2. Ngày Bhaggava, khi được nghe nói vậy, lỗa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Ngày Bạn, tôi sẽ đến; ngày Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ không thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Ngày Bhaggava, vị đại thần Licchavi liền nói với lỗa thể Pàtikaputta:

"- Ngày Hiền giả Pàtikaputta, sao lại vậy? Hình như mông của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mông của Hiền giả. Tuy nói: "Ngày Bạn, tôi sẽ đến; ngày Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Ngày Bhaggava, khi được nói vậy, lỗa thể Pàtikaputta tuy nói: "Ngày Bạn, tôi sẽ đến; ngày Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy.

3. Nay Bhaggava, khi vị đại thần Licchavi biết được lỏa thể Pàtikaputta này đã bị thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy, liền đến Hội chúng ấy báo tin:

"- Lỏa thể Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Hội chúng ấy:

"- Nay các Hiền giả, lỏa thể Pàtikaputta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột lỏa thể Pàtikaputta với dây thừng, và dùng bò kéo ông ấy lại đây, Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thừng ấy. Lỏa thể Pàtikaputta không có thể, nếu không từ bỏ lời nói ấy..." Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta không từ bỏ lời nói ấy...", thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

4. Nay Bhaggava, lúc ấy Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, từ chỗ ngồi đứng dậy và nói với Hội chúng ấy:

"- Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi xem có thể đưa lỏa thể Pàtikaputta đến Hội chúng này hay

không?"

Này Bhggava, rồi Jàliya, đệ tử của Dàrupatti đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp mặt Lỏa thê Pàtikaputta và nói với ông ấy:

"- Này bạn Pàtikaputta hãy đến. Các Licchavi danh tiếng đã đến... Sa môn Gotama nay đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa Hội chúng Vesàli như sau: "Sa môn Gotama là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần." Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, Sa môn Gotama đã nói với Hội chúng về Hiền giả như sau: "Lỏa thê Pàtikaputta nếu không từ bỏ lời nói ấy... Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta không bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama...", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan". **Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột Lỏa thê Pàtikaputta với dây thùng, và dùng bò kéo ông ấy lại đây", Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thùng ấy. Lỏa thê Pàtikaputta không có thể, nếu không từ bỏ lời nói ấy... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan".**

Này Hiền giả Pàtikaputta hãy đến. **Nếu Hiền giả đến, chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng, và làm**

cho Sa môn Gotama thất bại."

5. Nay Bhaggava, khi được nghe nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Nay Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti nói với lỏa thể Pàtikaputta:

"- Nay Hiền giả Pàtikaputta sao lại vậy? Hình như mông của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính vào mông của Hiền giả. Tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, được nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, được nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, khi Jàliya, đệ tử của Dàrupatti biết được lỏa thể Pàtikaputta nay đã bị thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy,

liền nói với ông ấy:

"- Này Hiền giả Pàtikaputta, **thuở xưa con sư tử vua các loài thú** suy nghĩ: "Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ta sẽ ra khỏi sào huyệt, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, ta sẽ đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại".

"Này Hiền giả, con sư tử ấy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ra khỏi sào huyệt, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, nó đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại.

7. "Này Hiền giả Pàtikaputta, **có con chó rừng già kiêu ngạo và mạnh mẽ, thường sống bằng đồ ăn thừa của con sư tử, vua các loài thú. Con chó rừng ấy suy nghĩ: "Ta là ai, và con sư tử, vua các loài thú là ai? Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ta sẽ ra khỏi sào huyệt, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp**

bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, ta sẽ đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại, rồi trở về sào huyệt lại."

"Này Hiền giả, con chó rừng kia ý cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và định ba lần rống tiếng rống con sư tử. **Nhưng nó chỉ kêu lên tiếng loại chó rừng, tiếng sủa loại chó rừng. Ai có thể so sánh tiếng sủa con chó rừng đê tiện với tiếng rống con sư tử?**

"Cũng vậy, này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà tự nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta đê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

8. Này Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupati dầu có dùng ví dụ ấy cũng không thể khiến lỏa thê Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy:

*Chó rừng nhìn tự thân,
Tự nghĩ là sư tử.
Nó sủa tiếng chó rừng,*

*Loại chó rùng dê tiện.
Chó rùng sủa là ai?
Ai rống tiếng sư tử?*

"Cũng vậy, này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta dê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

10. Này Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, dầu có dùng ví dụ ấy cũng không có thể khiến lỏa thê Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy:

*Ăn cóc, chuột kho thóc,
Ăn xác quăng nghĩa địa,
Sống Đại lâm, Không lâm,
Tự nghĩ là vua thú.
Nó sủa tiếng chó rùng,
Loại chó rùng dê tiện.
Chó rùng sủa là ai?
Ai rống tiếng sư tử?*

"Cũng vậy này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà tự nghĩ có thể trịch

thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta đề tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

11. Nay Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, dầu có dùng ví dụ ấy, cũng không thể khiến lỏa thê Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền về Hội chúng ấy và báo tin:

"- Lỏa thê Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

12. Nay Bhaggava, khi nghe nói vậy, **Ta nói với hội chúng ấy:**

"- Nay các Hiền giả, lỏa thê Pàtikaputta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thì không có thể đến gặp mặt Ta được. Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta tuy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama được", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. **Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột lỏa thê Pàtikaputta với dây thùng và dùng bò kéo ông ấy lại đây". Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thùng ấy. Lỏa thê Pàtikaputta không có thể**

không từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Ta được. Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta có thể không từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama được", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

13. Nay Bhaggava, rồi Ta giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với bài thuyết pháp. Sau khi giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với bài thuyết pháp, Ta khiến cho họ giải thoát đại kiết sử, cứu vớt tám vạn bốn ngàn chúng sanh thoát khỏi đại đọa xứ, Ta nhập thiền quang giới tam muội, bay lên hư không cao đến bảy cây ta la, phóng hào quang cao đến hơn bảy cây ta la, khiến cho cháy sáng, rực sáng và Ta hiện ra tại Trùng Các giảng đường ở Đại Lâm.

Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đến Ta, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, này Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

"- Này Sunakkhatta, Ngươi nghĩ thế nào? Có phải điều Ta nói cho Ngươi về lửa thể Pàtikaputta, đã được thực hiện đúng như vậy, không có gì khác?"

"- Bạch Thế Tôn, điều Thế Tôn nói cho con về lửa

thể Pàtikaputta đã được thực hiện đúng như vậy, không có gì khác.

"- Nay Sunakkhatta, Ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thì có phải pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện hay không được thực hiện?"

"- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, thì pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện, không phải không thực hiện."

- "Này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Ngươi lại nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông." Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Ngươi như vậy là như thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi dầu được Ta nói vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

14. Nay Bhaggava, **Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biết hơn thế nữa. Và khi Ta biết như vậy, Ta không có chấp trước. Vì không có chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy; chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không**

rơi vào lầm lỗi.

→ Nay Bhaggava, có những vị Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên (Issara) tạo ra, do Phạm thiên (Brahma) tạo ra. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự tại thiên tạo ra, do Phạm thiên tạo ra?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời:

"- Vâng!"

Ta nói với quý vị ấy:

"- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự tại thiên tạo ra, do Phạm thiên tạo ra?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. **Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:**

15. "- Chư Hiền giả, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, **thế giới này chuyển**

hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, phần lớn các loài hữu tình chuyển sanh qua **Àbhassara (Quang Âm thiên)** ở tại đây, những loài hữu tình nào do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

Chư Hiền giả, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra nhưng trống không.

- Lúc bấy giờ, một loài hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung trống không ấy. Vị ấy ở tại đây, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.
- Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: "Mong sao có các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này!"
- Lúc bấy giờ, các loài hữu tình khác, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, bị mệnh chung và từ thân Quang Âm thiên sanh qua

Phạm cung trống không để làm bạn với vị hữu tình kia. Các loại hữu tình này ở đây cũng có ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

16. "Lúc bấy giờ, này các Hiền giả, **vị hữu tình sanh qua đầu tiên nghĩ rằng:** "Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Những loài hữu tình ấy do chính ta hóa sanh. Tại sao vậy? Vì chính do ta khởi niệm: Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này! Chính do sở nguyện của ta mà những loại hữu tình ấy đến tại chỗ này".

Các loài hữu tình đến sau cùng nghĩ như thế này: "Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hoá sanh. Vì chúng ta thấy vị này sanh trước ở đây rồi, còn chúng ta thì sanh sau".

17. "Này các Hiền giả, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy, sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn, và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn, và được ít uy quyền hơn.

Này các Hiền giả, **sự tình này có thể xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này.** Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. **Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống ấy.** Vị ấy nói rằng: "*Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng Tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không biến chuyển, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này!*"

Này các Hiền giả, như vậy quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên tạo ra, là do Phạm thiên tạo ra...?"

Các vị ấy nói như sau: "- Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi."

18. Này Bhaggava:

→ Một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi dục lạc. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc vì dục lạc?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: "- Vâng."

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Hiền giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới truyền thống, là do nhiễm hoặc bởi dục lạc?"

Được Ta hỏi như vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Này các Hiền giả, có những hạng **chư Thiên gọi là Khiddàpadosikà (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc)**. Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hý tiếu

dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của họ.

Sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói: *"Những vị Thiên không bị nhiễm hoặc vì dục lạc, họ sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc, nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm, nên Chư thiên ấy không thác sanh, không từ bỏ thân thể của họ, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến chỗ này"*. Nay các Tôn giả, như vậy quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do

nhiễm hoặc vì dục lạc có phải không?"

Các vị ấy nói như sau:

"- Nay Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "...

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới,...
mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi".

19.

→ Nay Bhaggava, một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: - "Vâng".

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được

hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Chư Hiền giả, có những hạng **chư Thiên** gọi là **Manopadosikà (nhiễm hoặc bởi tâm trí)**. Họ sống lâu ngày, nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày, nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau, nên thân họ mệt mỏi, tâm họ mệt mỏi. Các hạng chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân này của họ.

Các Hiền giả, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia, khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi sanh đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: *"Chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, họ sống lâu ngày không bị nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ không oán ghét nhau. Vì tâm trí họ không oán ghét nhau, nên thân họ không mệt mỏi, tâm họ không mệt mỏi. Hạng chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của họ, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau, nên thân mệt mỏi và tâm*

một mỗi. Chúng thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này". Như vậy, này các Hiền giả, quý vị tuyên bố về khởi nguyên của thế giới theo truyền thống là do bị nhiễm hoặc bởi tâm trí."

Họ trả lời như sau:

"- Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên của thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi."

20.

→ Này Bhaggava, một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: "- Vâng".

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô

nhân sanh?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Chư Hiền giả, có những **chư Thiên gọi là Vô tướng hữu tình**. Khi một tướng niệm khởi lên, thời chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên của mình.

Chư Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm... **nên tâm nhập định**. Vị ấy nhớ đến khi tướng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: "**Bản ngã về thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng: Tôi trước kia không có, nay có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loại hữu tình**". Như vậy, này các Tôn giả, quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh có phải như vậy không?"

Họ trả lời: "- Này Hiền giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biết hơn thế nữa. Và khi Ta biết như vậy, Ta không có chấp trước. Vì không chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy. Chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi".

21. Này Bhaggava, Ta tuyên bố như vậy, Ta quan niệm như vậy. Nhưng một số Sa-môn, Bà-la-môn lại bài xích Ta một cách không thật, trống không, hư nguy, giả dối: "Sa môn Gotama và các vị Tỷ kheo là điên đảo. Sa môn Gotama đã tuyên bố: "*Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tịnh*". Nhưng này Bhaggava, Ta không có nói như vậy: "*Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tịnh*."

Này Bhaggava, *Ta nói như sau: "Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là thanh tịnh"*

- Bạch Thế Tôn, chính họ là điên đảo khi họ chỉ trích Thế Tôn và các Tỷ kheo là điên đảo. Con tin tưởng hoan hỷ đối với Thế Tôn khiến con tin rằng Thế Tôn có thể dạy cho con đến thanh tịnh giải thoát.

- Này Bhaggava, thật khó cho Người khi Người theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai

khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác để có thể đạt được **thanh tịnh, giải thoát**. Nay Bhaggava, **hãy đặt nặng lòng tin ở nơi Ta, hãy khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy.**

- Bạch Thế Tôn, nếu thật khó cho con, khi con theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác, để có thể đạt được thanh tịnh giải thoát, thời Bạch Thế Tôn, **ít nhất con cũng đặt nặng lòng tin vào Thế Tôn, và con sẽ khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, du sĩ Bhaggava hoan hỷ tín thọ lời dạy Thế Tôn.

**33 Thiểu Quang Thiên - Tín, giới, văn,
thí, tuệ đầy đủ sẽ tái sinh theo ý muốn
- Kinh HÀNH SANH – 120 Trung III,
283**

**KINH HÀNH SANH
(Sankharuppati sutam)**

– Bài kinh số 120 – Trung III, 283

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ),
Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika
(Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo"

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy
vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

***– "Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông
SỰ TÁI SANH DO HÀNH ĐƯA LẠI. Hãy nghe và
suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng".***

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy

vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín**, đầy đủ **giới**, đầy đủ **văn** (suta), đầy đủ **thí**, đầy đủ trí **tuệ**. Vị ấy nghĩ như sau: "*Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh cộng trú trong đại gia tộc Sát đế ly!*" **Vị ấy chuyên định tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Những hành ấy của Tỷ-kheo được an trú, tu tập, làm cho sung mãn như vậy đưa vị ấy thọ sanh tại chỗ ấy.** Này các Tỷ-kheo, đây là đạo, **đây là lộ trình đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.**

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín**, **đầy đủ giới**, **đầy đủ văn**, **đầy đủ thí**, **đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy nghĩ: "*Mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh cộng trú trong đại gia tộc Bà-la-môn!... hay trong đại gia tộc cư sĩ!*" **Vị ấy chuyên định tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Những hành ấy của Tỷ-kheo được an trú, tu tập, làm cho sung mãn như vậy đưa vị ấy thọ sanh tại chỗ ấy.** Này các Tỷ-kheo, đây là đạo, **đây là lộ trình đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.**

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Bốn Đại Thiên vương có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ:

"Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Tứ thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Những hành ấy của Tỷ-kheo được an trú, tu tập, ... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Chư Thiên Tavatimsa (Tam thập tam thiên)... , chư Thiên Yama (Đa-ma)...., chư Thiên Tusita (Đâu-suất-đà)...., chư Thiên Nimmanarati (Hóa Lạc)...., chư Thiên Paramimmitavasavatti (Tha Hóa Tự Tại) có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ. Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với chư Thiên ở Tha Hóa Tự Tại Thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ"... Này các Tỷ-kheo, ngàn Phạm thiên sống thắm nhuần biến mãn một ngàn thế giới. Và **vị ấy sống thắm nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên thế giới ấy.** *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người có mắt cầm một trái amanda (a-ma-lặc) trong tay và nhìn trái ấy; cũng*

vậy, này các Tỷ-kheo, ngàn Phạm thiên sống thấm nhuần, biến mãn một ngàn thế giới . Và vị ấy sống thấm nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên thế giới ấy. Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh cộng trú với ngàn Phạm thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy được nghe: "Hai ngàn Phạm thiên giới... ba ngàn Phạm thiên.. bốn ngàn Phạm thiên... năm ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, năm ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, năm ngàn Phạm thiên sống thấm nhuần, biến mãn năm ngàn thế giới. **Và vị ấy sống thấm nhuần biến mãn các chúng sanh được sanh lên thế giới ấy.** *Ví như này các Tỷ-kheo, một người có mắt cầm năm trái amanda (a-ma-lặc) trong tay và nhìn các trái ấy.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, năm ngàn Phạm thiên sống thấm nhuần, biến mãn năm ngàn thế giới. Và vị ấy sống thấm nhuần biến mãn các chúng sanh được sanh lên các thế giới ấy". Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh cộng trú với năm ngàn Phạm thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy.... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ **tín... giới... văn... thí... đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy được nghe: "**Mười ngàn Phạm thiên** có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Này các Tỷ-kheo, mười ngàn Phạm thiên giới thâm nhuần biến mãn mười ngàn thế giới. **Vị ấy sống thâm nhuần biến mãn các chúng sanh được sanh lên các thế giới ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, đặt trên một tấm màn màu lạt, sẽ chiếu sáng, sáng chói**; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, mười ngàn Phạm thiên sống thâm nhuần, biến mãn mười ngàn thế giới ấy. Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với mười ngàn Phạm thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ **tín... đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy được nghe: "**Trăm ngàn Phạm thiên** có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Này các Tỷ-kheo, trăm ngàn Phạm thiên, sống thâm nhuần, biến mãn trăm ngàn thế giới... **Vị ấy cũng thâm nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên các thế giới ấy. Ví như một đồ trang sức làm bằng vàng ròng (jambonada), được khéo tôi luyện trong lò của một thợ vàng thiện xảo, nếu được đặt trên một tấm màn màu lạt sẽ chiếu sáng, rực sáng, chói sáng**; cũng vậy này các Tỷ-kheo, trăm ngàn

Phạm thiên an trú thắm nhuần biển mẫn trăm ngàn thế giới... Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với trăm ngàn Phạm thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy được nghe: "**Chư Quang thiên... Thiệu Quang thiên, Vô Lương Quang thiên... Quang Âm thiên** có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ: "Mong rằng ta.. ".... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy được nghe: "**Chư Tinh thiên... Thiệu Tinh thiên... Vô lương Tinh thiên... Biến Tinh thiên** có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ: "Mong rằng ta.. ". , đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy được nghe: "**Quảng Quả thiên... Vô Phiền thiên... Vô Nhiệt thiên... Thiện Kiến thiên.. A-ca-ni-sa thiên** có thọ mạng lâu dài có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với chư A-ca-ni-sa-thiên". Vị ấy chuyên định tâm ấy.... đưa

đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Chư Thiên đã đạt được Hư không vô biên xứ, có thọ mạng lâu dài, cửu trú, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ: "Mong rằng ta.. ".... , đưa đến tái sanh chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Chư Thiên đã đạt được Thức vô biên xứ... đã được Vô sở hữu xứ.. đã đạt được Phi tướng phi phi tướng xứ có thọ mạng lâu dài, cửu trú, có nhiều lạc thọ" Vị ấy nghĩ: "Mong rằng ta.. "... , đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ.** Vị ấy nghĩ: "Mong rằng, với sự đoạn trừ các lậu hoặc, với thắng trí, ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu!" Vị ấy với sự đoạn trừ các lậu hoặc, với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu. Này các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo này không sinh ra một nơi nào, không sinh ra một chỗ nào.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

34 Thiểu QuangThiên - Cách tu tập - Kinh ANALUẬT – 127 Trung III, 365

KINH ANALUẬT (Anuruddha sutta)

– Bài kinh số 127 – Trung III, 365

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, tại Jetavana, chỗ tinh xá của ông Anathapindika. Rồi thợ mộc Pancakanga bảo một người.

– Hãy đến, này Người kia, hãy đi đến Tôn giả Anuruddha, nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Anuruddha và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, thợ mộc Pancakanga cúi đầu đánh lễ Tôn giả Anuruddha, và thưa: Mong rằng Tôn giả Anuruddha cùng ba vị nữa, ngày mai nhận lời dùng bữa ăn với thợ mộc Pancakanga. Mong rằng Tôn giả Anuruddha đến thật sớm, vì thợ mộc Pancakanga có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm đối với vua".

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người ấy vâng đáp thợ mộc Pancakanga, đi đến Tôn giả Anuruddha, sau khi đến đánh lễ Tôn giả Anuruddha, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy thưa Tôn giả Anuruddha:

– Thợ mộc Pancakanga cúi đầu đánh lễ Tôn giả Anuruddha và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, mong rằng Tôn giả Anuruddha với ba vị nữa ngày mai đến dùng bữa ăn với thợ mộc Pancakanga. Thưa Tôn giả, mong rằng Tôn giả Anuruddha đến cho thật sớm, vì thợ mộc Pancakanga có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm đối với vua".

Tôn giả Anuruddha im lặng nhận lời. Rồi Tôn giả Anuruddha, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ thợ mộc Pancakanga, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi thợ mộc Pancakanga tự tay mời mọc và làm cho thỏa mãn Tôn giả Anuruddha với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Và sau khi Tôn giả Anuruddha đã ăn xong, đã cất tay khỏi bình bát, thợ mộc Pancakanga lấy một ghế thấp rồi ngồi xuống một bên, Ngồi xuống một bên, thợ mộc Pancakanga thưa cùng Tôn giả Anuruddha:

– Ở đây, thưa Tôn giả, các Trưởng lão Tỷ-kheo đến và nói như sau: "Này Gia chủ, hãy tu tập vô

lượng tâm giải thoát". Có một số vị Trưởng lão lại nói như sau: "Này Gia chủ, hãy tu tập đại hành tâm giải thoát". *Thưa Tôn giả, vô lượng tâm giải thoát và đại hành tâm giải thoát, các pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn, hay đồng nghĩa, chỉ khác biệt về văn?*

– Này Gia chủ, hãy nói lên những điều gì Ông nghĩ về vấn đề này, nhờ vậy, vấn đề này sẽ trở thành xác thật cho Ông.

– Thưa Tôn giả, con nghĩ như sau: "Vô lượng tâm giải thoát và đại hành tâm giải thoát, các pháp này đồng nghĩa nhưng khác văn".

– Này Gia chủ, **vô lượng tâm giải thoát và đại hành tâm giải thoát, những pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn**. Do vậy, này "Cư sĩ, đây cần phải hiểu đúng với pháp môn, nghĩa là các pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn.

• *Và này Cư sĩ, thế nào là Vô lượng tâm giải thoát?*

– Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ,

cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

- ... Với tâm câu hữu với bi, với tâm câu hữu với hỷ, an trú biến mãn, một phương với tâm câu hữu với xả ... quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là Vô lượng tâm giải thoát.

• *Này Cư sĩ, thế nào là Đại hành tâm giải thoát?*

- Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo, cho đến một gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát.
- Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát.
- Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến một ruộng làng an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát.
- Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba ruộng làng, an trú biến mãn và thấm nhuần lớn

cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ được gọi là đại hành tâm giải thoát.

- Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến một đại vương quốc, an trú biến mãn và thâm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát.
- Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba đại vương quốc an trú, biến mãn và thâm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát.

Do vậy, này Cư sĩ, đây cần phải hiểu đúng với pháp môn này, nghĩa là các pháp này vừa khác nghĩa, vừa khác văn.

- *Này Cư sĩ, có **bốn hữu sanh** này (bhavuppattiyo: bốn sự sanh khởi cho một đời sống mới). Thế nào là bốn?*

- Ở đây, này Cư sĩ, có người, với hào quang hạn lượng (parittabha) an trú, biến mãn và thâm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với **chư Thiếu Quang thiên**.
- Ở đây, này Cư sĩ, có người với hào quang vô

lượng, an trú, biến mãn và thấm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với **chư Vô Lượng Quang thiên**.

- Ở đây, này Cư sĩ có người **với hào quang tập nhiễm**, an trú biến mãn và thấm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với **chư Tập Nhiễm Quang thiên**.
- Ở đây, này Cư sĩ, có người **với hào quang thanh tịnh** an trú, biến mãn và thấm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với **chư Biến Tịnh Quang thiên**.

Này Cư sĩ, có bốn loại hữu sanh này.

– Có thời, này Cư sĩ, chư Thiên kia tập hợp tại một chỗ. Khi các vị này tập hợp tại một chỗ, có thấy sự sai khác về màu sắc, không có thấy sự sai khác về hào quang. *Ví như, này Cư sĩ, có người cầm nhiều cây đèn dầu đi vào trong một nhà. Khi các cây đèn dầu ấy được đem vào trong nhà, có thấy sự sai khác về ngọn lửa, nhưng không có thấy sự sai khác về ánh sáng.* Cũng vậy, này Cư sĩ, có thời chư Thiên kia tập hợp tại một chỗ. **Khi các vị này tập hợp tại một chỗ, có thấy sự sai khác về màu sắc, không có thấy sự sai khác về hào quang.**

Có thời, này Cư sĩ, chư Thiên ấy, đi ra khỏi từ

chỗ kia. Khi chư Thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về hào quang. *Ví như, này Cư sĩ, có người đem nhiều cây đèn dầu ra khỏi ngôi nhà ấy, khi các cây đèn dầu ấy được đem ra khỏi ngôi nhà kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về ánh sáng.* Cũng vậy, này Cư sĩ, có thời chư Thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia. Khi chư Thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về hào quang.

Này Cư sĩ, chư Thiên ấy không có nghĩ: "Đây là thường còn, thường trú, thường hằng cho chúng tôi". Nhưng chỗ nào chư Thiên ấy an trú, tại chỗ ấy, chư Thiên kia sống trong thoải mái. *Ví như, này Cư sĩ, khi các con ruồi bị mang đi trong đòn gánh hay trong cái giỏ, chúng nó không có nghĩ: "Đây là sự thường còn, thường trú hay thường hằng cho chúng tôi". Nhưng chỗ nào, chỗ nào các con ruồi kia an trú, tại chỗ ấy các con ruồi ấy sống trong thoải mái.* Cũng vậy, này Cư sĩ, chư Thiên ấy không có nghĩ: "Đây là thường còn, thường trú hay thường hằng cho chúng tôi". Nhưng chỗ nào, chỗ nào chư Thiên ấy an trú, tại chỗ ấy, chư Thiên kia sống trong thoải mái.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccana thưa với Tôn giả Anuruddha!

– Tốt lành thay, Tôn giả Anuruddha! Ở đây, tôi có câu này cần phải hỏi thêm. Thưa Tôn giả, chư Thiên có hào quang, tất cả đều có hào quang có hạn lượng? Hay là ở đây có một số chư Thiên có hào quang vô lượng?

– Nay Hiền giả Kaccana, tùy theo trường hợp, ở đây một số chư Thiên có hào quang có hạn lượng, nhưng ở đây cũng có một số chư Thiên có hào quang vô lượng.

– Thưa Tôn giả Anuruddha, do nhân gì, do duyên gì, dầu cho chư Thiên ấy được sanh khởi trong một Thiên chúng, lại có một số chư Thiên có hào quang hạn lượng và có một số chư Thiên khác có hào quang vô lượng?

– Nay Hiền giả Kaccana, ở đây Ta sẽ hỏi Hiền giả. Nếu Hiền giả kham nhẫn, Hiền giả sẽ trả lời. Nay Hiền giả Kaccana, Hiền giả nghĩ thế nào? *Tỷ-kheo cho đến một gốc cây, an trú biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỷ-kheo cho đến hai hay ba gốc cây, an trú biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm này, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?*

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba gốc

cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– *Này Hiền giả Kaccana, Hiền giả nghĩ thế nào? Tỷ-kheo cho đến hai hay ba gốc cây, an trú biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỷ-kheo, cho đến một ruộng làng, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền) trong hai sự tu tập tâm này, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?*

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo cho đến một ruộng làng, an trú, biến mãn, và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– *Này Hiền giả Kaccana, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba ruộng làng, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỷ-kheo cho đến một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền) trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?*

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo, cho đến một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (Trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập

tâm ấy, sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccana, Tỷ-kheo cho đến một đại vương, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỷ-kheo cho đến hai hay ba một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), **trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?**

– Thưa Tôn giả Anuruddha, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần rộng lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccana, Hiền giả nghĩ thế nào? Tỷ-kheo cho đến hai hay ba đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỷ-kheo cho đến giải đất tận hải biên, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), **trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?**

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo cho đến giải đất tận hải biên, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu

tập tâm này rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccana, do nhân này, do duyên này, giữa các chư Thiên ấy được sanh khởi trong một Thiên chúng, có một số chư Thiên có hào quang có hạn lượng nhưng có một số chư Thiên có hào quang vô lượng.

– Lành thay, Tôn giả Anuruddha! Tôi có một câu cần phải hỏi thêm nữa. *Thưa Tôn giả, về hào quang chư Thiên, có phải tất cả hào quang là tập nhiễm hay có một số chư Thiên có hào quang thanh tịnh?*

– Tùy theo trường hợp, nay Hiền giả Kaccana, ở đây có một số chư Thiên có hào quang tập nhiễm, nhưng ở đây cũng có một số chư Thiên có hào quang thanh tịnh.

– *Thưa Tôn giả Anuruddha, do nhân gì, do duyên gì, trong chư Thiên ấy được sanh khởi trong một Thiên chúng, có một số hào quang tập nhiễm, nhưng có một số chư Thiên có hào quang thanh tịnh?*

Nay Hiền giả Kaccana, Ta sẽ cho Hiền giả một ví dụ. Nhờ ví dụ ở đây, người có trí hiểu được ý nghĩa của lời nói.

Ví như, này Hiền giả Kaccana, một cây đèn đang cháy với dầu không được sạch sẽ, với tim đèn cũng không được sạch sẽ. Vì dầu không được sạch sẽ, và cũng vì tim đèn không được sạch sẽ, nên cây đèn cháy rất lu mờ. Cũng vậy, này Hiền giả Kaccana, ở đây Tỷ-kheo an trú biến mãn và thấm nhuần với hào quang tạp nhiễm. Thân tâm hạnh của vị ấy không được khéo chấm dứt, hôn trầm thụy miên không được khéo đoạn trừ, trao cử hồi quá không được khéo nhiếp phục. Vì không được khéo chấm dứt thân tâm hạnh, vì không khéo đoạn trừ hôn trầm thụy miên, vì không khéo nhiếp phục trao cử hồi quá, nên vị ấy được cháy lên một cách lu mờ. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên có hào quang tạp nhiễm.

Ví như, này Hiền giả Kaccana, một ngọn đèn dầu được đốt cháy, với dầu sạch sẽ và với tim đèn cũng được sạch sẽ. Do dầu được sạch sẽ và cũng do tim đèn được sạch sẽ, nên cây đèn ấy được cháy không có mù mờ. Cũng vậy, này Hiền giả Kaccana, ở đây Tỷ-kheo an trú biến mãn và thấm nhuần với hào quang thanh tịnh. Thân tâm hạnh của vị này được khéo chấm dứt, hôn trầm thụy miên được khéo đoạn trừ, trao cử hồi quá được khéo nhiếp phục. Do thân tâm hạnh được khéo chấm dứt, do hôn trầm thụy miên được khéo đoạn trừ, do trao cử hồi quá

được khéo nhiếp phục, vị ấy được cháy lên không có mù mờ. Sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh cộng trú với chư Thiên có hào quang thanh tịnh.

Này Hiền giả Kaccana, do nhân này, do duyên này, giữa chư Thiên ấy sanh khởi cùng trong một Thiên chúng, có một số chư Thiên có hào quang tạp nhiễm, nhưng có một số chư Thiên có hào quang thanh tịnh.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccana thưa với Tôn giả Anuruddha:

– Thật lành thay, Tôn giả Anuruddha! Thưa Tôn giả, Tôn giả Anuruddha không có nói như sau: "Như vậy tôi nghe". hay "sự việc đúng như vậy". Trái lại, thưa Tôn giả, Tôn giả Anuruddha chỉ nói: "Chư Thiên này là như vậy và chư Thiên kia là như vậy". Thưa Tôn giả, tôi nghĩ như sau: "Tôn giả Anuruddha chắc chắn đã sống từ trước, đã đàm thoại từ trước, đã đàm luận từ trước với chư Thiên ấy".

– *Này Hiền giả Kaccana, lời nói này của Hiền giả đến gần như thử thách Ta phải tuyên bố, nhưng Ta sẽ trả lời cho Hiền giả. Này Hiền giả Kaccana, đã từ lâu, Ta đã sống từ trước, đã đàm thoại từ trước, đã đàm luận từ trước với chư Thiên ấy.*

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccana nói với thợ mộc Pancakanga:

– Thật lợi ích thay cho Ông, này Cư sĩ, rằng Ông đã đoạn trừ được điều nghi ngờ từ trước, và cũng được dịp nghe pháp môn này.

**35 Thiểu Tịnh Thiên - Tín, giới, văn, thí,
tuệ đầy đủ sẽ tái sinh theo ý muốn -
Kinh HÀNH SANH – 120 Trung III,
283**

**KINH HÀNH SANH
(Sankharuppati sutam)**

– Bài kinh số 120 – Trung III, 283

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ),
Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika
(Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo"

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy
vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

**– "Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông
SỰ TÁI SANH DO HÀNH ĐƯA LẠI. Hãy nghe và
suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng".**

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy

vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín**, đầy đủ **giới**, đầy đủ **văn** (suta), đầy đủ **thí**, đầy đủ trí **tuệ**. Vị ấy nghĩ như sau: "*Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh cộng trú trong đại gia tộc Sát đế ly!*" **Vị ấy chuyên định tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Những hành ấy của Tỷ-kheo được an trú, tu tập, làm cho sung mãn như vậy đưa vị ấy thọ sanh tại chỗ ấy.** Này các Tỷ-kheo, đây là đạo, **đây là lộ trình đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.**

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín**, **đầy đủ giới**, **đầy đủ văn**, **đầy đủ thí**, **đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy nghĩ: "*Mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh cộng trú trong đại gia tộc Bà-la-môn!... hay trong đại gia tộc cư sĩ!*" **Vị ấy chuyên định tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Những hành ấy của Tỷ-kheo được an trú, tu tập, làm cho sung mãn như vậy đưa vị ấy thọ sanh tại chỗ ấy.** Này các Tỷ-kheo, đây là đạo, **đây là lộ trình đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.**

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Bốn Đại Thiên vương có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ:

"Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Tứ thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Những hành ấy của Tỷ-kheo được an trú, tu tập, ... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Chư Thiên Tavatimsa (Tam thập tam thiên)... , chư Thiên Yama (Đa-ma)...., chư Thiên Tusita (Đâu-suất-đà)...., chư Thiên Nimmanarati (Hóa Lạc)...., chư Thiên Paramimmitavasavatti (Tha Hóa Tự Tại) có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ. Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với chư Thiên ở Tha Hóa Tự Tại Thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ"... Này các Tỷ-kheo, ngàn Phạm thiên sống thắm nhuần biến mãn một ngàn thế giới. Và **vị ấy sống thắm nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên thế giới ấy.** *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người có mắt cầm một trái amanda (a-ma-lặc) trong tay và nhìn trái ấy; cũng*

vậy, này các Tỷ-kheo, ngàn Phạm thiên sống thấm nhuần, biến mãn một ngàn thế giới . Và vị ấy sống thấm nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên thế giới ấy. Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh cộng trú với ngàn Phạm thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy được nghe: "Hai ngàn Phạm thiên giới... ba ngàn Phạm thiên.. bốn ngàn Phạm thiên... năm ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, năm ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, năm ngàn Phạm thiên sống thấm nhuần, biến mãn năm ngàn thế giới. **Và vị ấy sống thấm nhuần biến mãn các chúng sanh được sanh lên thế giới ấy.** *Ví như này các Tỷ-kheo, một người có mắt cầm năm trái amanda (a-ma-lặc) trong tay và nhìn các trái ấy.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, năm ngàn Phạm thiên sống thấm nhuần, biến mãn năm ngàn thế giới. Và vị ấy sống thấm nhuần biến mãn các chúng sanh được sanh lên các thế giới ấy". Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh cộng trú với năm ngàn Phạm thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy.... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ **tín... giới... văn... thí... đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy được nghe: "**Mười ngàn Phạm thiên** có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Này các Tỷ-kheo, mười ngàn Phạm thiên giới thâm nhuần biến mãn mười ngàn thế giới. **Vị ấy sống thâm nhuần biến mãn các chúng sanh được sanh lên các thế giới ấy. Ví như,** này các Tỷ-kheo, *một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, đặt trên một tấm màn màu lạt, sẽ chiếu sáng, sáng chói*; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, mười ngàn Phạm thiên sống thâm nhuần, biến mãn mười ngàn thế giới ấy. Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với mười ngàn Phạm thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ **tín... đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy được nghe: "**Trăm ngàn Phạm thiên** có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Này các Tỷ-kheo, trăm ngàn Phạm thiên, sống thâm nhuần, biến mãn trăm ngàn thế giới... **Vị ấy cũng thâm nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên các thế giới ấy. Ví như một đồ trang sức làm bằng vàng ròng (jambonada), được khéo tô luyện trong lò của một thợ vàng thiện xảo, nếu được đặt trên một tấm màn màu lạt sẽ chiếu sáng, rực sáng, chói sáng**; cũng vậy này các Tỷ-kheo, trăm ngàn

Phạm thiên an trú thắm nhuần biến mãn trăm ngàn thế giới... Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với trăm ngàn Phạm thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy được nghe: "**Chư Quang thiên... Thiệu Quang thiên, Vô Lương Quang thiên... Quang Âm thiên** có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ: "Mong rằng ta.. ".... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy được nghe: "**Chư Tinh thiên... Thiệu Tinh thiên... Vô lương Tinh thiên... Biến Tinh thiên** có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ: "Mong rằng ta.. ". , đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy được nghe: "**Quảng Quả thiên... Vô Phiền thiên... Vô Nhiệt thiên... Thiện Kiến thiên.. A-ca-ni-sa thiên** có thọ mạng lâu dài có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với chư A-ca-ni-sa-thiên". Vị ấy chuyên định tâm ấy.... đưa

đến tái sinh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Chư Thiên đã đạt được Hư không vô biên xứ, có thọ mạng lâu dài, cửu trú, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ: "Mong rằng ta.. ".... , đưa đến tái sinh chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Chư Thiên đã đạt được Thức vô biên xứ... đã được Vô sở hữu xứ.. đã đạt được Phi tướng phi phi tướng xứ có thọ mạng lâu dài, cửu trú, có nhiều lạc thọ" Vị ấy nghĩ: "Mong rằng ta.. "... , đưa đến tái sinh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ.** Vị ấy nghĩ: "Mong rằng, với sự đoạn trừ các lậu hoặc, với thắng trí, ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu!" Vị ấy với sự đoạn trừ các lậu hoặc, với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu. Này các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo này không sinh ra một nơi nào, không sinh ra một chỗ nào.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

36 Thiểu dục tri túc - Kinh TÔN GIẢ ANURUNDHA – Tăng III, 594

TÔN GIẢ ANURUNDHA – Tăng III, 529

1. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Bhagga, tại núi Sumsumàra, rừng Bhesakala, vườn Lộc Uyên.

Lúc bảy giờ, Tôn giả Anuruddha sống giữa dân chúng Celì, tại Pàcìnavamsadàya.

Rồi Tôn giả Anuruddha, trong khi sống độc cư ... Thiền tịnh, tâm tư khởi lên như sau:

- "Pháp này để cho *người ít dục*, pháp này không phải để cho người nhiều dục;
- Pháp này để cho *người biết đủ*, pháp này không phải để cho người không biết đủ;
- Pháp này để cho *người sống thanh vắng*, pháp này không phải để cho người ưa hội chúng;
- Pháp này để cho *người tinh cần tinh tấn*, pháp này không phải để cho người biếng nhác;
- Pháp này để cho *người trú niệm*, pháp này không phải để cho người thất niệm;
- Pháp này để cho *người Thiền định*, pháp này không phải để cho người không Thiền định;

- *Pháp này để cho người có trí tuệ, pháp này không phải để cho người ác tuệ".*

2. Rồi Thế Tôn với tâm của mình rõ biết tâm của Tôn giả Anuruddha, ví như người lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra, cũng vậy, Thế Tôn biến mất ở giữa dân chúng Bhagga, tại núi Sumsumàra, rừng Bhesakalà, vườn Lộc Uyển, và hiện ra giữa dân chúng Celì, tại Pàcìnavamsadàya, trước mặt Tôn giả Anuruddha. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Anuruddha đang ngồi một bên:

3. - Lành thay, lành thay, này Anuruddha! Lành thay, này Anuruddha, Thầy đã suy nghĩ đến bảy niệm của bậc Đại nhân: " Pháp này để cho người ít dục, pháp này không phải để cho người nhiều dục; Pháp này để cho người biết đủ, pháp này không phải để cho người không biết đủ; Pháp này để cho người sống thanh vắng, pháp này không phải để cho người ưa hội chúng; Pháp này để cho người tinh cần tinh tấn, pháp này không phải để cho người biếng nhác; Pháp này để cho người trú niệm, pháp này không phải để cho người nhất niệm; Pháp này để cho người Thiền định, pháp này không phải để cho người không Thiền định; Pháp này để cho người có trí tuệ, pháp này không phải để cho người ác tuệ".

Do vậy, này Anuruddha, hãy suy nghĩ đến niệm thứ tám này của bậc Đại nhân: "Pháp này để cho người không ưa hý luận, không thích hý luận, Pháp này không phải để cho người ưa lý luận, thích hý luận".

4. Khi nào, này Anuruddha, Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu Thầy muốn, Thầy sẽ chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ.

5. Khi nào, này Anuruddha, Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu Thầy muốn, diệt tầm diệt tứ, Thầy sẽ chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

6. Khi nào, này Anuruddha, khi nào Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu Thầy muốn, Thầy sẽ ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng và an trú Thiền thứ ba.

7. Khi nào, này Anuruddha, Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu Thầy muốn, Thầy sẽ xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

8. Khi nào, này Anuruddha, Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, khi nào bốn Thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chúng được không khó khăn, chúng được không mệt nhọc, chúng được không phí sức, thời này Anuruddha, *tám y lượm từ đồng rác lên của Thầy sẽ giống như tủ áo đầy những vải có nhiều màu sắc* của người gia chủ hay con người gia chủ, để được sống biết đủ, ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn.

9. Khi nào, này Anuruddha, Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu Thầy muốn, khi nào bốn Thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chúng được không khó khăn, chúng được không mệt nhọc, chúng được không phí sức, thời này Anuruddha, *các món ăn từng miếng Thầy khát thực được sẽ giống như món cơm bằng gạo trắng*, các hạt đen đã được lượm sạch, với nhiều loại súp, với nhiều loại đồ ăn của người gia chủ, hay của con người gia chủ, để được sống biết đủ, ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn.

10. Khi nào, này Anuruddha, Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu Thầy muốn, khi nào bốn Thiền này thuộc tăng thượng tâm,

hiện tại lạc trú, chúng được không khó khăn, chúng được không mệt nhọc, chúng được không phí sức, thời này Anuruddha, *chỗ nằm dưới gốc cây thầy sẽ giống như nhà có nóc nhọn*, có trét hồ trong ngoài, cửa được cài then, cửa sổ được đóng lại ngăn chặn gió của người gia chủ, hay của con người gia chủ, để được sống biết đủ, ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn.

11. Khi nào, này Anuruddha, Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, khi nào bốn Thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chúng được không khó khăn, chúng được không mệt nhọc, chúng được không phí sức, thời này Anuruddha, *giường nằm và chỗ ngồi trải với đệm cỏ của Thầy sẽ giống như ghế dài, nệm trải giường nằm bằng len*, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tám thảm với đầu che phía trên, ghế dài có đầu gối chân màu đỏ của các người gia chủ, hay của con người gia chủ, để được sống biết đủ, ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn.

12. Khi nào, này Anuruddha, Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, khi nào bốn Thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chúng được không khó khăn, chúng được không mệt nhọc,

chúng được không phí sức, thời này Anuruddha, *được phẩm nước tiểu hôi của Thầy sẽ giống như các loại được phẩm của các người gia chủ*, hay của con người gia chủ, như thực tô, sanh tô, dầu, mật, đường bánh, để được sống biết đủ, ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn.

13. Vậy này Anuruddha, nhân kỳ an cư mùa mưa sắp đến, hãy trú giữa dân chúng Cetì ở Pàcìnavamsadàya.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Anuruddha vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn sau khi khuyến giáo Tôn giả Anuruddha với lời khuyến giáo này, như người lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Ngài biến mất giữa dân chúng Cetì ở Pàcìnavamsadàya và hiện ra giữa dân chúng Bhagga, trên núi Sumsumàra trong rừng Bhesakalà, vườn Lộc Uyển. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, sau khi ngồi xuống, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

14. - Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết **tám tư niệm của bậc Đại nhân** cho các Thầy. Hãy lắng nghe và khéo tư niệm, Ta sẽ giảng:

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế tôn nói như sau:

- Nay các Tỷ-kheo, thế nào là tám tư niệm của bậc Đại nhân?

15. Nay các Tỷ-kheo,

1. Pháp này để cho **người ít dục**, Pháp này không phải để cho người nhiều dục;
2. Pháp này để cho **người biết đủ**, pháp này không phải để cho người không biết đủ;
3. Pháp này để cho **người sống thanh vắng**, pháp này không phải để cho người ưa hội chúng;
4. Pháp này để cho **người tinh cần tinh tấn**, pháp này không phải để cho người biếng nhác;
5. Pháp này để cho **người trú niệm**, pháp này không phải để cho người nhất niệm;
6. Pháp này để cho **người Thiên định**, pháp này không phải để cho người không Thiên định;
7. Pháp này để cho **người có trí tuệ**, Pháp này không phải để cho người ác tuệ;
8. Pháp này để cho **người không ưa hý luận, không thích hý luận**, không phải để cho người ưa hý luận, thích hý luận .

16. Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người **ít dục**, Pháp này không để cho người có dục lớn", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?

17. Này các Tỷ-kheo, ở đây:

- Tỷ-kheo **ít dục** không muốn: "Mong người ta biết tôi là ít dục";
- Tỷ kheo **biết đủ**, không muốn: "Mong người ta biết tôi là biết đủ";
- Tỷ kheo **sống viễn ly**, không muốn: " Mong người ta biết tôi sống viễn ly";
- Tỷ kheo **tinh cần** tinh tấn, không muốn: " Mong người ta biết tôi sống tinh cần tinh tấn";
- Tỷ kheo **trú niệm**, không muốn: " Mong người ta biết tôi trú niệm"
- Tỷ kheo có **định**, không muốn: " Mong người ta biết tôi có định";
- Tỷ kheo có **tuệ**, không muốn: " Mong người ta biết tôi có tuệ ";
- Tỷ kheo **không thích hý luận**, không muốn: " Mong người ta biết tôi không thích hý luận".

Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người ít dục, Pháp này không để cho người có dục lớn", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

18. *Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người **biết đủ**, Pháp này không để cho người không biết đủ ", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?*

19. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết đủ với bất cứ vật dụng gì như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm tri bệnh.

Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người biết đủ, Pháp này không để cho người không biết đủ, đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói như vậy.

20. *Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người sống **viễn ly**, Pháp này không để cho người ưa hội chúng", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?*

21. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống viễn ly, có nhiều người đến thăm như Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, vua chúa, đại thần, các ngoại đạo sư, đệ tử của các ngoại đạo sư. Ở đây, Tỷ-kheo với tâm thuần về viễn ly, hướng về viễn ly, nhập vào viễn ly, trú vào viễn ly, thích thú xuất ly, nói lời hoàn toàn liên hệ đến lánh xa.

Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người viễn ly, Pháp này không để cho người không ưa hội chúng",

đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

22. *Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người tinh cần **tinh tấn**, Pháp này không để cho người biếng nhác", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?*

23. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tinh cần tinh tấn, đoan tâm các pháp bất thiên, thành tựu các Pháp thiên, nỗ lực kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiên pháp.

Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người tinh cần tinh tấn, Pháp này không để cho người biếng nhác", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

24. *Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người **trú niệm**, Pháp này không để cho người thất niệm", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?*

25. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức nhớ tùy niệm những điều đã làm, nói đã lâu.

Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người trú niệm, Pháp này không để cho người thất niệm", đã được

nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

26. Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người **thiền định**, Pháp này không để cho người không thiền định", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?

27. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người thiền định, Pháp này không để cho người không thiền định", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

28. Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người có **trí tuệ**, Pháp này không để cho người không trí tuệ", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?

29. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có trí tuệ, có trí tuệ về sanh diệt, thành tựu Thánh thể nhập (quyết trạch), đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người có trí tuệ, Pháp này không để cho người không trí tuệ", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy

30. Nay các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người **không ưa hý luận**, không thích hý luận, Pháp này không để cho người ưa hý luận, thích hý luận", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?

31. Nay các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo đối với đoạn diệt hý luận, tâm được phân chấn, tinh tấn, an trú, hướng đến.

Nay các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người không ưa hý luận, không thích hý luận, Pháp này không để cho người ưa hý luận, thích hý luận", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

32. Rồi Tôn giả Anuruddha, mùa mưa an cư đến, đến trú ở giữa dân chúng Cetì, tại Pacinavamsadàya. Rồi Tôn giả Anuruddha sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu, do mục đích gì, các Thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tức là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh ngay trong hiện tại, vị ấy tự mình nói thắng trí, chứng ngộ, chứng nhập và an trú. Vị ấy chứng rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không có trở lui lại trạng thái này nữa" và Tôn giả Anuruddha trở thành một vị A-la-hán nữa ngay trong thời gian ấy, nói lên những bài kệ này:

*Thế gian vô thượng sư
Rõ biết tư tưởng ta
Với thân do ý tạo
Thần thông đến với ta
Tùy theo ta nghĩ gì
Ngài thuyết rõ tất cả
Phật không ưa hý luận
Ngài thuyết, không hý luận
Ngộ pháp, ta hoan hỷ
Trú trong giáo pháp ngài
Ba minh đã đạt được
Giáo pháp Phật làm xong.*

37 Thiện Hạnh - Kinh ĐẠI TUỞNG SÌHA – Tăng II, 362

ĐẠI TUỞNG SÌHA – *Tăng II*, 362

1. Một thời, Thế Tôn ở Vesàlì, tại Đại Lâm ở giảng đường có nóc nhọn. Rồi tướng quân Sìha đi đến thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, tướng quân Sìha bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể trình bày cho con về quả thiết thực hiện tại của bố thí?

Thế Tôn đáp:

2. - Có thể được, này Sìha! Người bố thí, này Sìha, người thí chủ **được quần chúng ái mộ và ưa thích**. Này Sìha, người bố thí, người thí chủ được quần chúng ái mộ và ưa thích, đây quả bố thí thiết thực hiện tại.

3. Lại nữa, này Sìha! Bậc thiện, **bậc Chân nhân thân cận người bố thí, người thí chủ**. Này Sìha, bậc Thiện, bậc Chân nhân, thân cận người bố thí, người bố thí, người thí chủ. Này Sìha, đây là quả bố thí thiết thực hiện tại.

4. Lại nữa, này Siha! Người bố thí, người thí chủ **được tiếng đồn tốt đẹp truyền đi**. Này Siha, người bố thí, người thí chủ được tiếng đồn tốt đẹp truyền đi. Này Siha, đây là quả bố thí thiết thực hiện tại.

5. Lại nữa, này Siha, người bố thí, người thí chủ đi đến hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-ly, hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn. Vị ấy **đi đến với tự tín, không có do dự hoang mang**. Này Siha, người bố thí, người thí chủ đi đến hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn; vị ấy đi đến với tự tín, không có do dự hoang mang. Này Siha, đây là quả bố thí thiết thực hiện tại.

6. Lại nữa, Siha! Người bố thí, người thí chủ, **sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi lành, Thiên giới**. Người bố thí, người thí chủ, này Siha, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên cõi lành, Thiên giới. Này Siha, đây là quả bố thí thiết thực hiện đại.

7. Được nói vậy, tướng quân Siha bạch Thế Tôn:

- Bốn quả bố thí thiết thực hiện tại này, bạch Thế Tôn, được Thế Tôn nói đến, con không nhờ chúng đi đến lòng tin Thế Tôn. Con biết được chúng.

- Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, là thí chủ được quần chúng ái mộ ưa thích.
- Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, người thí chủ được bậc thiện, bậc Chân nhân thân cận với con.
- Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, người thí chủ. Tiếng đồn tốt đẹp được truyền đi về con: "Tướng quân Sîha là người bố thí, là người làm việc, là người hộ trì chúng Tăng."
- Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, là người thí chủ. Con đi đến hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-ly, hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng Gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn. Con đi đến với lòng tự tín, không do dự hoang mang.

Bốn quả bố thí hiện tại này, bạch Thế Tôn, được Thế Tôn nói đến, con không nhờ chúng đi đến lòng tin Thế Tôn. Con biết được chúng.

Nhưng bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn nói với con: "Người bố thí, này Sîha, người thí chủ sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi lành, Thiên giới." Điều này con không được biết, ở đây con đi đến lòng tin Thế Tôn.

- Sự kiện là vậy, này Sîha! Sự kiện là vậy, này Sîha! Người bố thí, người thí chủ, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, Thiên giới.

*Người cho được ái mộ,
Được nhiều người thân cận,
Được tiếng đồn tốt đẹp,
Danh xưng được tăng trưởng.
Không hoang mang do dự,
Đi vào giữa hội chúng,
Với tâm đầy tự tín,
Là người không xan tham.*

*Do vậy người có trí,
Thường thường làm bố thí,
Nhiếp phục uest, xan tham,
Tìm cầu chơn an lạc.
Được an trú lâu ngày,
Trên cõi trời Thập Tam
Họ sống vui hoan hỷ,
Đồng bạn với chư Thiên.*

*Sanh duyên đã làm xong
Thiện hạnh đã làm xong,
Mệnh chung sanh chư Thiên,
Được sống và thọ hưởng,
Tại rừng Nan-da-na
Tại đấy họ hoan hỷ,
Họ vui thích, thoải mái,
Thọ hưởng năm dục lạc,
Đối với lời thuyết giảng*

*Bậc Vô trước Thế Tôn,
Các đệ tử Thiện Thệ,
Sống hoan hỷ Thiên giới*

38 Thiện Thệ - Thế nào là Thiện Thệ - Kinh LUẬT CỦA BẠC THIỆN THỆ – Tăng II, 94

LUẬT CỦA BẠC THIỆN THỆ – *Tăng II, 94*

1. - Nay các Tỷ-kheo, khi bậc Thiện Thệ hay Luật của Thiện Thệ an trú ở đời là vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Thiện Thệ?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Như Lai có mặt ở đời, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân sư, Phật, Thế Tôn. Nay các Tỷ-kheo, đây là bậc Thiện Thệ.

2. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Luật của bậc Thiện Thệ?

Vị ấy thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, nói lên Phạm hạnh, hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Nay các Tỷ-kheo, đây là Luật của bậc Thiện Thệ.

Này các Tỷ-kheo, khi bậc Thiện Thệ hay Luật của Thiện Thệ an trú ở đời là vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

3. **Có bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn.** Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, *các Tỷ-kheo học thuộc lòng kinh, được lãnh thọ sai lầm, với văn cú sắp đặt bị đảo lộn. Do văn cú bị sắp đặt đảo lộn nên nghĩa lý bị hướng dẫn sai lạc.* Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ nhất đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, *các Tỷ-kheo là những người khó nói, thành tựu với những pháp khiến cho trở thành khó nói, khó kham nhẫn. Họ không kính trọng lời giáo giới.* Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ hai đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, *đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, thông hiểu các tập A-hàm, bậc trì Pháp, trì Luật, trì toát yếu. Các vị ấy không nói lại kinh cho người khác một cách cẩn thận. Khi họ mệnh chung, kinh bị cắt đứt tại gốc rễ, không có chỗ ý cứ.* Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ ba đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, *các Trưởng lão Tỷ-kheo là những vị sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không cố gắng tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và những thế hệ sau tiếp nối theo tà kiến của họ. Thế hệ ấy cũng sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không cố gắng tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.* Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ tư đưa đến Diệt pháp hỗn loạn và biến mất.

7. *Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp này đưa đến diệt pháp an trú, không hỗn loạn và không biến mất.* Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, *các Tỷ-kheo học thuộc lòng kinh được khéo lãnh thọ, với văn cú sắp đặt đúng đắn. Do văn cú được sắp đặt đúng đắn, nên nghĩa lý được hướng dẫn đúng đắn.* Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ nhất đưa đến Diệt pháp không hỗn loạn và không biến mất.

8. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, *các Tỷ-kheo là những người dễ nói, thành tựu với những pháp khiến cho trở thành dễ nói, kham nhẫn. Họ kính trọng những*

lời giáo giới. Nay các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ hai đưa đến Diệu pháp không hỗn loạn và không biến mất.

9. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, *đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, thông hiểu các tập A-hàm, bậc trì Pháp, trì Luật, trì toát yếu. Các vị ấy nói lại kinh cho người khác một cách cẩn thận. Khi họ mệnh chung, kinh không bị cắt đứt tại gốc rễ, có chỗ ý cứ.* Nay các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ ba đưa đến Diệu pháp không hỗn loạn và không biến mất.

10. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, *các Trưởng lão Tỷ-kheo không là những vị sống đầy đủ, không lười biếng, không dẫn đầu về đạo lạc, không bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, cố gắng, tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và những thế hệ sau tiếp nối theo chánh kiến của họ. Thế hệ ấy không sống đầy đủ, không lười biếng, không dẫn đầu về đạo lạc, không bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, cố gắng, tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.* Nay các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ tư đưa đến Diệu pháp không hỗn loạn và không biến mất.

Này các Tỷ-kheo, bốn pháp này đưa đến diệu pháp được an trú, không bị hỗn loạn, không biến mất.

39 Thiện nhân - Kinh Khomadusa – Tương I, 404

Khomadusa – *Tương I, 404*

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại thị trấn của dân chúng Sakka tên là Khomadussa.

2) Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào thị trấn Khomadussa để khát thực.

3) Lúc bảy giờ các Bà-la-môn gia chủ ở Khomadussa đang tụ họp tại hội trường để giải quyết một vài vấn đề và trời đang mưa nhỏ hột.

4) Rồi Thế Tôn đi đến hội trường ấy.

5) Các Bà-la-môn gia chủ ở Khomadussa thấy Thế Tôn từ xa đi đến.

6) Thấy vậy, họ bèn nói:

- Những Sa-môn đầu trọc ấy là ai? Và họ có thể biết gì về quy tắc của hội trường?

7) Rồi Thế Tôn nói lên bài kệ với các Bà-la-môn gia chủ ở Khomadussa:

*Không thể có hội trường,
Nếu không có **thiện nhân**.
Không thể có thiện nhân,
Nếu không nói đúng pháp.*

*Những ai đã đoạn trừ,
Cả tham, sân và ái,
Nói lên lời đúng pháp,
Họ mới thật thiện nhân.*

8) Khi được nghe nói vậy, các Bà-la-môn gia chủ ở Khomadussa bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem ánh sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Chúng con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

40 Thiện tri thức - 5 lợi ích của gđ có thiện nam tử - Kinh CÂY SÀLA LỚN – Tăng II, 372

CÂY SÀLA LỚN – Tăng II, 372

❖ Dựa trên vua núi Tuyết sơn, này các Tỷ-kheo, các cây sàla lớn được lớn lên trên năm phương diện. Thế nào là năm?

- Chúng lớn lên về cành cây, về lá, về toàn bộ lá cây;
- Chúng lớn lên về đọt cây,
- Chúng lớn lên về vỏ cây;
- Chúng lớn lên về giác cây;
- Chúng lớn lên về lõi cây.

Dựa trên núi Tuyết sơn, này các Tỷ-kheo, các cây sàla lớn, được lớn lên trên năm phương diện này.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, *dựa trên thiện nam tử có lòng tin, các người trong gia đình lớn lên về năm phương diện.* Thế nào là năm?

- Lớn lên về lòng tin;
- Lớn lên về giới;
- Lớn lên về học hỏi;

- Lớn lên về bố thí;
- Lớn lên về trí tuệ.

Dựa trên thiện nam tử có lòng tin, các người trong gia đình lớn lên từ năm sự lớn lên này.

*Như hòn đá trên núi,
Trong rừng, trong núi lớn,
Các cây dựa vào đấy,
Các rừng chủ lớn lên.
Cũng vậy, người đủ giới,
Nam tử có lòng tin,
Dựa vị này chúng lớn,
Vợ, con và bà con,
Thân hữu và quyến thuộc,
Cùng các người tùy tùng.
Những ai sở hành tốt,
Vội mắt đã được thấy,
Bắt chước giới vị này,
Bắt chước tâm bố thí,
Sau khi hành pháp này,
Tìm con đường cõi lành,
Trong Thiên giới hoan hỷ,
Họ được niềm hoan hỷ,
Hưởng thọ các dục lạ.*

41 Thiện tri thức - Kinh BẠC CHÂN NHÂN – Tăng II, 377

BẠC CHÂN NHÂN – Tăng II, 377

1. - Bạc Chân nhân, này các Tỷ-kheo, sinh ra trong gia đình, đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho nhiều người; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho mẹ cha; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho vợ con; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho các người hầu hạ, làm công; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho bạn bè, thân hữu; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho các Sa-môn, Bà-la-môn.

2. Này các Tỷ-kheo, *ví như trận mưa lớn đem lại các mùa gặt được nhiều chín muồi, đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho nhiều người.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, *bạc Chân nhân sanh ra trong gia đình, đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho nhiều người:*

- Đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho mẹ cha;
- Đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho vợ con;
- Đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho các người hầu hạ, làm công;

- Đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho bạn bè, thân hữu;
- Đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho các Sa-môn, Bà-la-môn.

*Vì hạnh phúc nhiều người,
 Hãy gây dựng tài sản,
 Chư Thiên bảo vệ người
 Biết bảo vệ đúng pháp,
 Tiếng tốt không từ bỏ,
 Người được học, nghe nhiều,
 Đầy đủ các cấm giới,
 An trú trên Chánh pháp.
 Ai có thể chỉ trích,
 Bạc trú pháp, trì giới,
 Bạc nói thật, tà tâm quý,
 Như trang sức vàng ròng
 Chư Thiên khen người ấy,
 Phạm Thiên cũng tán thán.*

42 Thiện tri thức - Kinh SỰ LỢI ÍCH LÒNG TIN – Tăng II, 369

SỰ LỢI ÍCH LÒNG TIN – *Tăng II, 369*

1. - Nay các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho thiện nam tử có lòng tin. Thế nào là năm?

- Các Thiện nhân, các Chân nhân, trước hết có lòng thương tưởng đến vị có lòng tin, không có như vậy đối với vị không có lòng tin;
- Khi đến thăm, trước hết họ đến thăm vị có lòng tin, không có như vậy đối với vị không có lòng tin;
- Khi chấp nhận, họ chấp nhận (các món ăn) trước hết từ những người có lòng tin, không từ những người không có lòng tin;
- Họ thuyết pháp trước hết cho những người có lòng tin, không cho những người không có lòng tin;
- Người có lòng tin, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên cõi lành, cõi Trời. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm lợi ích cho thiện nam tử có lòng tin.

2. *Ví như, này các Tỷ-kheo, trên khoảnh đất tốt, tại ngã tư đường, có cây bàng to lớn là chỗ nương tựa*

cho các loài chim chung quanh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử có lòng tin là chỗ nương tựa cho quần chúng, cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, cho nam cư sĩ và cho nữ cư sĩ.

*Như cây bàng to lớn,
Vớ cành, lá, trái cây,
Vớ thân, rễ, đầy trái,
Làm chỗ trú loài chim.
Tại trú xứ thoải mái,
Các con chim làm tổ,
Cần bóng mát, hứng mát,
Cần trái cây, ăn trái.
Cũng vậy, vị tri giới,
Người có lòng tịnh tín,
Khiêm nhường và nhu thuận,
Hiền hòa, lời từ tốn,
Tánh tình thật dịu hiền,
Vị đoạn tham, đoạn sân,
Đoạn si, không lạc hoặc,
Là ruộng phước ở đời.
Họ đến người như vậy,
Họ thuyết pháp, người ấy
Đoạn trừ mọi khổ đau,
Vị ấy ở tại đây,
Hiểu biết Chánh pháp ấy,
Viên mãn nhập Niết-bàn,*

Hoàn toàn không lậu hoặc.

43 Thoả mãn - Kinh HY VỌNG – Tăng I, 160

HY VỌNG – Tăng I, 160

1.- Nay các Tỷ-kheo, có hai hy vọng này, **khó được từ bỏ**. Thế nào là hai?

- *Hy vọng được lợi dưỡng*
- *Và hy vọng được sống.*

Hai pháp này, là hai hy vọng khó được từ bỏ.

2. Nay các Tỷ-kheo, có hai hạng người này, **khó tìm được ở đời**. Thế nào là hai?

- *Người thi ân trước*
- *Và người biết nhớ ơn đã làm.*

Hai hạng người này, nay các Tỷ-kheo, khó tìm được ở đời.

3. Nay các Tỷ-kheo, có hai hạng người này, **khó tìm được ở đời**. Thế nào là hai?

- *Người thỏa mãn*
- *Và người làm người khác thỏa mãn.*

Hai hạng người này, khó tìm được ở đời.

4. Nay các Tỷ-kheo, có hai hạng người này, **khó làm cho thỏa mãn**. Thế nào là hai?

- *Người cất chứa các lợi dưỡng*
- *Và người phung phí các lợi dưỡng.*

Hai hạng người này, là hai hạng người khó làm cho thỏa mãn.

5. Nay các Tỷ-kheo, có hai hạng người này, để làm cho thỏa mãn. Thế nào là hai?

- *Người không cất chứa các lợi dưỡng*
- *Và người không phung phí các lợi dưỡng.*

Hai hạng người này, là hai hạng người dễ làm cho thỏa mãn.

6. Nay các Tỷ-kheo, có hai duyên này, **khiến tham sanh khởi**. Thế nào là hai?

- *Tịnh tướng*
- *Và không như lý tác ý.*

Những pháp này, là hai duyên khiến tham sanh khởi.

7. Nay các Tỷ-kheo, có hai duyên này, **khiến sân sanh khởi**. Thế nào là hai?

- *Chướng ngại tướng*
- *Và không như lý tác ý.*

Những pháp này, là hai duyên khiến sân sanh khởi.

8. Nay các Tỷ-kheo, có hai duyên này, **khiến tà kiến sanh khởi**. Thế nào là hai?

- *Tiếng nói của người khác*
- *Và không như lý tác ý.*

Những pháp này, là hai duyên khiến tà kiến sanh khởi.

9. Nay các Tỷ-kheo, có hai duyên này, **khiến chánh kiến sanh khởi**. Thế nào là hai?

- *Tiếng nói của người khác*
- *Và như lý tác ý.*

Những pháp này, là hai duyên khiến chánh kiến sanh khởi.

10. Nay các Tỷ-kheo, có hai **tội phạm**. Thế nào là hai?

- *Tội phạm nhẹ*
- *Và tội phạm nặng.*

Hai pháp này, là hai tội phạm.

11. Nay các Tỷ-kheo, có hai tội phạm. Thế nào là hai?

- *Tội phạm thô trọng*
- *Và tội phạm không thô trọng.*

Hai pháp này, là hai tội phạm.

12. Nay các Tỷ-kheo, có hai tội phạm. Thế nào là hai?

- *Tội phạm có dư tàn*
- *Và tội phạm không dư tàn.*

Hai pháp này, là hai tội phạm.

44 Thoả mãn - Kinh HÌNH THỨC BÊN NGOÀI – Tăng I, 686

HÌNH THỨC BÊN NGOÀI – Tăng I, 686

1. - Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Hạng người đo lường sắc và thỏa mãn với sắc;
- Hạng người đo lường tiếng và thỏa mãn với tiếng;
- Hạng người đo lường với thô và thỏa mãn với thô;
- Hạng người đo lường với pháp và thỏa mãn với pháp.

Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

*2. Những ai đo lường sắc,
Những ai đi đến tiếng,
Bị tham dục dắt dẫn,
Chúng không biết người ấy.
Không biết được nội tâm,
Không thấy được ngoại cảnh,
Kẻ ngu bị bao quanh,
Bị tiếng nói chi phối,*

*Không biết được nội tâm,
Quán thấy được ngoại cảnh,
Thấy được quả ở ngoài,
Bị tiếng nói chi phối.
Rõ biết được nội tâm,
Quán thấy được ở ngoài,
Thấy rõ không chướng ngại,
Không bị tiếng chi phối.*

45 Thoả mãn - Kinh KHÔNG THỎA MÃN – Tăng I, 473

KHÔNG THỎA MÃN – *Tăng I, 473*

- ❖ Đây các Tỷ-kheo, hưởng thọ ba sự ở đời, không bao giờ thỏa mãn. Thế nào là ba?
 - Hưởng thọ ngủ nghỉ, không bao giờ thỏa mãn.
 - Hưởng thọ rượu men rượu nấu, không bao giờ thỏa mãn.
 - Hưởng thọ sự dâm dục giao hợp, không bao giờ thỏa mãn.

46 Thoả mãn - Tưởng vô thường để trị Thoả mãn kiến - Kinh THỎA MÃN – Tăng III, 266

THỎA MÃN –Tăng III, 266

1. - Nay các Tỷ-kheo, có ba pháp này.
2. Thế nào là ba? - Thoả mãn kiến, tùy ngã kiến, tà kiến.

Nay các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Để đoạn tận ba pháp này, nay các Tỷ-kheo, ba pháp cần phải tu tập.

3. Thế nào là ba?
 - Để đoạn tận thoả mãn kiến, **tưởng vô thường** cần phải tu tập.
 - Để đoạn tận tùy ngã kiến, **tưởng vô ngã** cần phải tu tập.
 - Để đoạn tận tà kiến, **chánh kiến** cần phải tu tập.

Để đoạn tận ba pháp này, nay các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải tu tập.

47 Thuần nhất lạc, thuần nhất khổ - Kinh VỚI CHI TIẾT – Tăng II, 259

VỚI CHI TIẾT – Tăng II, 259

1. Có bốn nghiệp này, này các Tỷ-kheo, đã được ta chứng ngộ với thắng trí và thuyết giảng. Thế nào là bốn?

- Này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen quả đen;
- Này các Tỷ-kheo, có nghiệp trắng quả trắng;
- Này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen trắng, quả đen trắng,
- Này các Tỷ-kheo, có nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen quả đen?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm thân hành có tổn hại, làm khẩu hành có tổn hại, làm ý hành có tổn hại.
- Người ấy, do làm thân hành có tổn hại, do làm khẩu hành có tổn hại, do làm ý hành có tổn hại, sanh ra ở thế giới có tổn hại.

- Do người ấy sanh ra ở thế giới có tổn hại, các **cảm xúc** có tổn hại được cảm xúc.
- Người ấy được cảm xúc với những cảm xúc có tổn hại, nên **cảm thọ những cảm thọ có tổn hại, thuần nhất khổ**, như những **chúng sanh trong địa ngục**. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp đen quả đen.

3. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp trắng quả trắng?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người làm **thân hành không có tổn hại**, làm khẩu hành không có tổn hại, làm ý hành không có tổn hại.
- Người ấy, do làm thân hành không có tổn hại, do làm khẩu hành không có tổn hại, do làm ý hành không có tổn hại, **sanh ra ở thế giới không có tổn hại**.
- Do người ấy sanh ra ở thế giới có không tổn hại, các **cảm xúc** không có tổn hại được cảm xúc.
- Người ấy được cảm xúc với những cảm xúc không có tổn hại, nên **cảm thọ** những cảm thọ không có tổn hại, thuần nhất lạc, như **chư Thiên ở Biến Tịnh Thiên**. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp trắng quả trắng.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen trắng quả đen trắng?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm thân hành có tổn hại và không có tổn hại, làm khẩu hành có tổn hại và không có tổn hại, làm ý hành có tổn hại và không có tổn hại.
- Người ấy, do làm thân hành có tổn hại và không có tổn hại, do làm khẩu hành có tổn hại và không có tổn hại, do làm ý hành có tổn hại và không có tổn hại, sanh ra ở thế giới có tổn hại và không có tổn hại.
- Do người ấy sanh ra ở thế giới có tổn hại và không có tổn hại, các cảm xúc có tổn hại và không tổn hại được cảm xúc.
- Người ấy được cảm xúc với những cảm xúc có tổn hại và không tổn hại, nên cảm thọ những cảm thọ có tổn hại và không tổn hại, xen lẫn, pha trộn lặc và khổ. Ví như một số người và chư Thiên, một số chúng sanh ở các đạo xứ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp đen trắng quả đen trắng.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp không đen không trắng quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt?

- Tại đây, này các Tỷ-kheo, **phàm có tâm tư sở nào để đoạn tận nghiệp đen quả đen này;** phàm có tâm tư sở nào để đoạn tận nghiệp trắng quả trắng này; phàm có tâm tư sở nào để đoạn tận nghiệp đen trắng quả đen trắng này; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là nghiệp không đen không trắng quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, có bốn nghiệp này đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và thuyết giảng.

48 Thuận dòng, nghịch dòng, đứng lại, đến bờ kia - Kinh THUẬN DÒNG – Tăng I, 557

THUẬN DÒNG – Tăng I, 557

1.- Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Hạng người đi thuận dòng,
- Hạng người đi nghịch dòng,
- Hạng người tự đứng lại,
- Vị Bà-la-môn đã vượt qua đến bờ biên kia, đứng trên đất liền.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đi thuận dòng?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **thọ hưởng các dục và làm các nghiệp ác**. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người đi thuận dòng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đi ngược dòng?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **không thọ hưởng các dục, không làm ác nghiệp, với khổ, với**

ưu, nước mắt đầy mặt, khóc than, sống Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người đi ngược dòng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người tự đứng lại?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người do **diệt tận năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh, tại đây nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời ấy nữa. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người tự đứng lại.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Bà-la-môn đã vượt qua đến bờ biên kia, đứng trên đất liền?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người do **đoạn diệt các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Bà-la-môn đã vượt qua đến bờ biên kia, đứng trên đất liền.

Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

*Những ai sống ở đời
Không chế ngự các dục
Không từ bỏ ly tham*

Thọ hưởng các dục vọng
Họ đi đến sanh già
Đến rồi lại đến nữa
Bị khát ái trói buộc
Họ đi thuận dòng đời.

Do vậy bậc có trí
Ở đời, trú chánh niệm
Không thọ hưởng các dục
Không hành trì điều ác
Dầu chịu sự khổ đau
Từ bỏ các dục vọng
Họ được gọi hạng người
Đi ngược lại dòng đời.

Những ai quyết đoạn tận
Năm phiền não kiết sử
Bậc hữu học viên mãn
Không còn bị thốt thắt
Đạt được tâm điều phục
Các căn được định tĩnh
Vị ấy được gọi là
Người đã tự đứng lại.

Đối các pháp thắng liệt
Vị ấy được giác tri
Đã được quét, quạt sạch

*Các pháp được chấm dứt
Vị ấy bậc trí giả
Phạm hạnh được thành tựu
Được tên gọi danh xưng
Bậc đã đi đến nơi
Chỗ tận cùng thế giới
Bậc đã đến bờ kia.*

49 Thuận ứng và Nghịch ứng với bát phong - Kinh TÙY CHUYỂN THẾ GIỚI 1 – Tăng III, 496

TÙY CHUYỂN THẾ GIỚI 1 – *Tăng III*, 496

1. - **Tám pháp thế gian** này, này các Tỷ-kheo, tùy chuyển thế giới. Thế giới tùy chuyển theo tám pháp thế gian này.

2. Thế nào là tám?

- *Lợi dưỡng và không lợi dưỡng,*
- *Danh vọng và không danh vọng,*
- *Chỉ trích và tán thán,*
- *Lạc và khổ.*

Tám pháp thế gian này, này các Tỷ-kheo, tùy chuyển thế giới. Thế giới tùy chuyển theo tám pháp thế gian này.

Lợi dưỡng, không lợi dưỡng,
Danh vọng, không danh vọng
Chỉ trích và tán thán
An lạc và đau khổ
Những pháp này vô thường
Không thường hằng biến diệt

*Biết chúng, giữ chánh niệm
Bậc trí quán biến diệt
Pháp khả ái, không động
Không khả ái, không sân
Các pháp thuận hay nghịch
Được tiêu tan không còn
Sau khi biết con đường
Không trần cấu, không sâu
Chơn chánh biết sanh hữu
Đi đến bờ bên kia.*

TÙY CHUYỂN THẾ GIỚI 2 – 498tc3

1.- **Tám thế gian pháp** này, này các Tỷ-kheo, tùy chuyển thế giới. **Thế giới tùy chuyển theo tám pháp thế gian này.**

2. Thế nào là tám?

- *Lợi dưỡng và không lợi dưỡng,*
- *Danh vọng và không danh vọng,*
- *Chỉ trích và tán thán,*
- *An lạc và đau khổ.*

Tám pháp thế gian này, này các Tỷ-kheo, tùy chuyển thế giới. Thế giới tùy chuyển theo tám pháp thế gian này.

3. *Với kẻ phàm phu không nghe pháp, này các Tỷ-kheo, sinh ra lợi dưỡng, không lợi dưỡng, danh vọng, chỉ trích, tán thán, an lạc, đau khổ.*

Với vị Thánh đệ tử nghe pháp, cũng sinh ra lợi dưỡng, không lợi dưỡng, danh vọng, chỉ trích, tán thán, an lạc, đau khổ.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có đặc thù gì, thù thắng gì, có sai khác gì giữa vị Thánh có nghe pháp và kẻ phàm phu có không nghe pháp?

- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm chỉ đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn giảng cho ý nghĩa của lời nói này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy lắng nghe và suy niệm kỹ, ta sẽ nói.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế tôn nói như sau:

4. - Với kẻ phàm phu không nghe pháp, này các Tỷ-kheo, khởi lên lợi dưỡng. Vì ấy không có suy tư: "**Lợi dưỡng này khởi lên nơi ta, lợi dưỡng ấy vô thường, khổ, biến hoại**". Vì ấy không như thật rõ biết ... khởi lên không lợi dưỡng ... khởi lên danh vọng ... khởi lên không danh vọng ... khởi lên chỉ trích ... khởi lên tán thán ... khởi lên an lạc ... khởi lên khổ đau. Vì ấy không có suy tư: "**Khổ này khởi lên nơi ta, khổ ấy là vô thường, khổ, biến hoại**".

Vì ấy không như thật rõ biết rằng:

- **Lợi dưỡng** xâm nhập tâm của người ấy và an trú,
- **Không lợi dưỡng** xâm nhập tâm của người ấy và an trú,
- **Danh vọng** xâm nhập tâm của người ấy và an trú,
- **Không danh vọng** xâm nhập tâm của người ấy và an trú,
- **Chỉ trích** xâm nhập tâm của người ấy và an trú,
- **Tán thán** xâm nhập tâm của người ấy và an trú,
- **An lạc** xâm nhập tâm của người ấy và an trú,
- **Đau khổ** xâm nhập tâm của người ấy và an trú".

- ❖ Người ấy thuận ứng với lợi dưỡng được khởi lên và ngịch ứng với không lợi dưỡng; thuận ứng với danh vọng được khởi lên và nghịch ứng với không danh vọng; thuận ứng với tán thán được khởi lên và nghịch ứng với chỉ trích; thuận ứng với an lạc được khởi lên và nghịch ứng với đau khổ;
- ❖ Người ấy đầy đủ thuận ứng, nghịch ứng như vậy, không có giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng, người ấy không thoát khỏi khổ.

5. Với vị Thánh đệ tử có nghe pháp, này các Tỷ-kheo, khởi lên lợi dưỡng. Vì ấy có suy tư: "**Lợi dưỡng này khởi lên nơi ta. Lợi dưỡng ấy là vô thường, đau khổ, bi biến hoại**". Vị ấy như thật rõ biết ... khởi lên không lợi dưỡng ... khởi lên danh vọng ... khởi lên không danh vọng ... khởi lên chỉ trích ... khởi lên tán thán ... khởi lên an lạc ... khởi lên khổ đau. Vị ấy có suy tư: "**Khổ này khởi lên nơi ta, khổ ấy là vô thường khổ, biến hoại**".

Vị ấy như thật rõ biết rằng:

- Lợi dưỡng này không xâm nhập tâm của vị ấy và an trú,
- Không lợi dưỡng...
- Danh vọng...

- Không danh vọng...
- Chỉ trích...
- Tán thán...
- An lạc...
- Đau khổ không xâm nhập tâm của người ấy và an trú".

- ❖ Vị ấy không thuận ứng với lợi dưỡng được khởi lên và không nghịch ứng với không lợi dưỡng; không thuận ứng với danh vọng được khởi lên và không nghịch ứng với không danh vọng; không thuận ứng với tán thán được khởi lên và không nghịch ứng với chỉ trích; không thuận ứng với an lạc được khởi lên và không nghịch ứng với đau khổ;
- ❖ Vị ấy do đoạn tận thuận ứng, nghịch ứng như vậy, nên giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng, vị ấy thoát khỏi khổ.

Đây là đặc thù, này các Tỷ-kheo, đây là thù thắng, đây là sai biệt giữa vị Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp.

Lợi dưỡng, không lợi dưỡng,
 Danh vọng, không danh vọng
 Chỉ trích và tán thán
 An lạc và đau khổ

*Những pháp này vô thường
Không thường hằng biến diệt
Biết chúng giữ chánh niệm
Bậc trí quán biến diệt
Pháp khả ái, không động
Không khả ái, không sân
Các pháp thuận hay nghịch
Được tiêu tan không còn
Sau khi biết con đường
Không trần cấu không sầu
Chơn chánh biết sanh hữu
Đi đến bờ bên kia.*

50 Thuộc trị bá bệnh - Kinh PHẨM NIỆM XỨ – Tăng IV, 225

PHẨM NIỆM XỨ – *Tăng IV, 225*

HỌC TẬP – *Tăng IV, 225*

1. - Nay các Tỷ-kheo, có năm pháp làm suy yếu học tập này.

2. Thế nào là năm?

- Sát sanh,
- Lấy của không cho,
- Tà hạnh trong các dục,
- Nói láo,
- Đắm say rượu men, rượu nấu.

Nay các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm pháp làm suy yếu học tập.

3. Nay các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm pháp làm suy yếu học tập này, **Bốn niệm xứ** cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tùy quán thân trên thân, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú tùy quán thọ trên các cảm thọ.... trú tùy quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham ưu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm pháp làm suy yếu học tập này, Bốn niệm xứ cần phải tu tập

TRIỀN CÁI – *Tăng IV, 226*

1. - Này các Tỷ-kheo, có năm triền cái này.

2. Thế nào là năm?

- Dục tham triền cái,
- Sân triền cái,
- Hôn trầm thùy miên triền cái,
- Trạo hối triền cái,
- Nghi triền cái

Này các Tỷ-kheo, có năm triền cái này.

3. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm triền cái này, **Bốn niệm xứ** cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú quán thân trên thân... trú quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm triền cái, Bốn niệm xứ cần phải tu tập.

DỤC TRƯỞNG DƯỠNG – *Tăng IV, 226*

1.- Này các Tỷ-khạo, có năm dục trưởng dưỡng này.

2. Thế nào là năm?

- Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.
- Các tiếng do tai nhận thức
- Các hương do mũi nhận thức...
- Các vị do lưỡi nhận thức...
- Các xúc do thân nhận thức, khả lạc... hấp dẫn.

Này các Tỷ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này.

3. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm dục trưởng dưỡng này, **Bốn niệm xứ** này phải tu tập.

THỦ UẨN – *Tăng IV, 227*

1. - Nay các Tỷ-kheo có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm?

2. Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức uẩn.

Nay các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này.

3. Nay các Tỷ-kheo, đề đoạn tận năm thủ uẩn này, **Bốn niệm xứ** cần phải tu tập. Thế nào là bốn? Bốn niệm xứ cần phải tu tập.

NĂM HẠ PHẦN KIẾT SỬ – Tăng IV, 227

1. - Nay các Tỷ-kheo có năm hạ phần kiết sử này. Thế nào là năm?

2. Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân.

Nay các Tỷ-kheo, có năm hạ phần kiết sử này.

3. Nay các Tỷ-kheo, đề đoạn tận năm hạ phần kiết sử này, **Bốn niệm xứ** cần phải tu tập. Thế nào là bốn? ...Bốn niệm xứ này cần phải tu tập.

SANH THỨ – Tăng IV, 228

1. - Nay các Tỷ-kheo, có năm sanh thú này. Thế nào là năm?

2. Địa ngục, loài bàng sanh, cồi ngạ quỷ, loài Người, chư Thiên. Nay các Tỷ-kheo, có năm sanh thú này.

3. Nay các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm sanh thú này, **Bốn niệm xứ** cần phải tu tập...

XAN THAM – *Tăng IV, 228*

1. - Nay các Tỷ-kheo, có năm xan tham này. Thế nào là năm?

2. Xan tham trú xứ, xan tham gia đình, xan tham lợi dưỡng, xan tham dung sắc, xan tham pháp.

3. Nay các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm xan tham này, **Bốn niệm xứ** cần phải tu tập... Bốn niệm xứ này cần phải tu tập.

NĂM THƯỢNG PHẦN KIẾT SỬ – *Tăng IV, 229*

1. - Nay các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm?

2. Sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh.

Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này.

3. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, cần phải tu tập **Bốn niệm xứ**... Bốn niệm xứ này cần phải tu tập.

NĂM TÂM HOANG VU – Tăng IV, 229

1. - Có năm tâm hoang vu này. Thế nào là năm?

Này các Tỷ-kheo, ở đây vị Tỷ-kheo nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín đối với bậc Đạo Sư. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín đối với bậc Đạo Sư, Tỷ-kheo ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Khi tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn, như vậy gọi là tâm hoang vu thứ nhất.

2. Này các Tỷ-kheo, lại nữa, vị Tỷ-kheo nghi ngờ đối với Pháp.... (như trên...) đối với Tăng... (như trên...) đối với Học pháp... tức giận đối với các vị đồng Phạm hạnh, không hoan hỷ, tâm dao động, trở thành hoang vu. Này các Tỷ-kheo, khi một vị Tỷ-kheo phần nộ đối với vị đồng Phạm hạnh, không hoan hỷ,

tâm dao động, trở thành hoang vu, Tỷ-kheo ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh thần. Như vậy gọi là tâm hoang vu thứ năm.

3. Nay các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm tâm hoang vu này, **Bốn niệm xứ** cần phải tu tập.

TÂM PHIỀN TRƯỚC – Tăng IV, 230

1. - Nay các Tỷ-kheo, có năm triền phược này. Thế nào là năm?

2. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tâm không ly tham, không ly dục, không ly ái, không ly khao khát, không ly nhiệt tình, không ly ái nhiễm đối với **các dục**. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tâm không ly tham, không ly dục, không ly ái, không ly khao khát, không ly nhiệt tình, không ly ái nhiễm đối với các dục, tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Tâm của vị nào không hướng về... (như trên)... như vậy là tâm triền phược thứ nhất.

3. Nay các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo tâm không ly tham đối với **thân**... không ly tham đối với **sắc**... **ăn quá sức bao tử có thể chịu nổi**, hưởng thọ sung sướng về giường nằm, sung sướng về thụy miên... Nay các

Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo **sống đời sống Phạm hạnh với hy vọng mong được thành một loại chư Thiên**, "Với giới này, với luật này, với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành loại chư Thiên này hay loại chư Thiên khác". Nay các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo sống đời sống Phạm hạnh với hy vọng được thành một loại chư Thiên, "Với giới này, với luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành loại chư Thiên này hay loại chư Thiên khác", tâm vị này không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Tâm vị nào... như vậy là tâm triền phược thứ năm.

4. Nay các Tỷ-kheo, đây là **năm tâm triền phược**, muốn đoạn tận năm tâm triền phược này, **Bốn niệm xứ** này cần phải tu tập.

VIII. PHẨM CHÁNH CẦN

BỐN CHÁNH CẦN – *Tăng IV, 232*

(Giống như phẩm Bốn niệm xứ trước, chỉ khác ở đây Bốn chánh cần thế cho Bốn niệm xứ ở trên, và Bốn chánh cần được diễn tả như sau).

Thế nào là bốn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.

Với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh ra được trừ diệt, khởi lên ý muốn cố gắng ... trì tâm.

Với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay cho sanh khởi, khởi lên ý muốn... trì tâm.

Với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.

IX. PHẨM BỐN NHƯ Ý TÚC

BỐN NHƯ Ý TÚC – *Tăng IV, 233*

(Giống như phẩm Bốn niệm xứ trước, chỉ khác ở đây Bốn như ý túc thế cho Bốn niệm xứ ở trên. Và Bốn như ý túc được diễn tả như sau).

Thế nào là bốn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành.... câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành, tu tập như ý túc câu hữu với tâm định... với tư duy định tinh cần hành.

51 Thuốc xổ các bậc Thánh - Kinh Y THUẬT – Tăng IV, 537

Y THUẬT – Tăng IV, 537

1. Các y sư, này các Tỷ-kheo, cho thuốc xổ để chặn đứng các bệnh khởi lên từ mật, để chặn đứng các bệnh khởi lên từ đàm, để chặn đứng các bệnh khởi lên từ gió. Này các Tỷ-kheo, đây chỉ là thuốc xổ. Ta tuyên bố rằng đây không phải là không có, và này các Tỷ-kheo, thuốc xổ này có thành công và cũng có thất bại.

Và này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về thuốc xổ các bậc Thánh, thuốc xổ này thành công, không có thất bại. Do nhân thuốc xổ này nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già, các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là thuốc xổ bậc Thánh, thuốc xổ này thành công không có thất bại. Do duyên thuốc xổ bậc Thánh này nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh... các chúng sanh bị sâu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sâu, bi, khổ, ưu, não?

3. Nay các Tỷ-kheo,

- **Với người có chánh kiến, tà kiến bị xổ ra.** Các ác bất thiện pháp do duyên tà kiến sanh khởi nên các pháp ấy được xổ ra và các pháp thiện do duyên với chánh kiến đi đến viên mãn trong tu tập.
- Với người có chánh tư duy, thời tà tư duy bị xổ ra...
- Với người có chánh ngữ, thời tà ngữ bị xổ ra...
- Với người có chánh nghiệp, thời tà nghiệp bị xổ ra...
- Với người có chánh mạng, thời tà mạng bị xổ ra...
- Với người có chánh tinh tấn, thời tà tinh tấn bị xổ ra...
- Với người có chánh niệm, thời tà niệm bị xổ ra...
- Với người có chánh định, thời tà định bị xổ ra...
- Với người có chánh trí, thời tà trí bị xổ ra...

- Với người có chánh giải thoát, thời tà giải thoát bị xô ra. Các pháp ác bất thiện, do duyên tà giải thoát sanh khởi, các pháp ấy bị xô ra và các pháp thiện, duyên với chánh giải thoát đi đến viên mãn trong tu tập.

4. Nay các Tỷ-kheo, đây là thuốc xổ bậc Thánh, thuốc xổ này chỉ thành công, không thất bại. Do nhân thuốc xổ này nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già, các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não.

52 Thành tựu 6 chi phần là gì - Kinh THÁNH CƯ 1 – Tăng IV, 275

THÁNH CƯ 1 – *Tăng IV, 275*

1. - Nay các Tỷ-kheo, **có mười Thánh cư này, với những Thánh cư này, các bậc Thánh đã sống, đang sống và sẽ sống.** Thế nào là mười?

2. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đoạn tận năm chi phần, thành tựu sáu chi phần, hộ trì một sự, đầy đủ bốn y cứ, trừ khử sự thật cá nhân, đã đoạn tận hoàn toàn các tầm cầu, các tư duy không có uế trước, thân hành được khinh an, tâm được khéo giải thoát, tuệ được khéo giải thoát.**

Nay các Tỷ-kheo, đây là mười Thánh cư, với những Thánh cư này, các bậc Thánh đã sống, đang sống và sẽ sống.

THÁNH CƯ 2 – *Tăng IV, 275*

1. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru tại một thị trấn của dân tộc Kuru gọi là Kammāsadhama. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo... Thế Tôn nói như sau:

2. - Nay các Tỷ-kheo, có mười Thánh cư này, với những Thánh cư này, các vị Thánh đã sống, đang sống, và sẽ sống. Thế nào là mười?

3. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

1. *Đoạn tận năm chi phần.*
2. *Thành tựu sáu chi phần.*
3. *Hộ trì một sự.*
4. *Đầy đủ bốn y cứ.*
5. *Trừ khử sự thật cá nhân.*
6. *Đã đoạn tận hoàn toàn các tầm cầu.*
7. *Các tư duy không có uế trước.*
8. *Thân hành được khinh an.*
9. *Tâm được khéo giải thoát.*
10. *Tuệ được giải thoát.*

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã *đoạn tận năm chi phần*?

4. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận **dục tham**, đoạn tận **sân**, đoạn tận **hôn trầm** thùy miên, đoạn tận **trạo hối**, đoạn tận **nghi**. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *thành tựu sáu chi phần*?

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **khi mắt thấy sắc không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả chánh niệm tỉnh giác**; khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc, khi ý biết pháp, không có hân hoan, không có thất vọng, trú xa, chánh niệm tỉnh giác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thành tựu sáu chi phần.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo **hộ trì một sự?**

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo **thành tựu với tâm được niệm hộ trì**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hộ trì một sự.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo **đầy đủ bốn y cú?**

7. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **có dẫn đo thân cận một sự, có dẫn đo kham nhẫn một sự, có dẫn đo tránh né một sự, có dẫn đo trừ khử một sự**. Như vậy này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ bốn y cú.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo **trừ khử sự thật cá nhân?**

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với những sự sai biệt phổ thông được các Sa-môn, Bà-la-môn phổ thông

chấp nhận, như: "Thế giới là thường còn, thế giới là không thường còn; thế giới có giới hạn, thế giới không giới hạn, sinh mạng với thân thể là một, sinh mạng với thân thể là khác; Như Lai có tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không và không không tồn tại sau khi chết". Tất cả những tin tưởng ấy được trừ diệt, trừ bỏ, xả bỏ, quăng bỏ giải tỏa, đoạn tận, từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo trừ khử những sự thật cá nhân.

*Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo đã **đoạn tận hoàn toàn các tâm cầu?***

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn tận **đục** tâm cầu, đã đoạn tận **hữu** tâm cầu, **Phạm hạnh** tâm cầu được khinh an. Như vậy, này Tỷ-kheo, Là Tỷ-kheo đã đoạn tận hoàn toàn các tâm cầu.

*Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo **các tư duy không có uế trước?***

10. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn tận **đục** tư duy, đã đoạn tận **sân** tư duy, đã đoạn tận **hại** tư duy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là các tư duy không có uế trước.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo **tâm hành được khinh an?**

11. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn khổ, đoạn lạc chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú **Thiền Thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tâm hành được khinh an.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo **tâm được giải thoát?**

12. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tâm được giải thoát khỏi **tham**, tâm được giải thoát khỏi **sân**, tâm được giải thoát khỏi **si**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo được tâm khéo giải thoát.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo với **tuệ khéo giải thoát?**

13. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết rằng: "**Tham ái** đã được đoạn tận nơi ta, được chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tàla, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai" rõ biết rằng: "**Sân** đã được đoạn tận nơi ta... trong tương lai", rõ biết rằng: "**Si** đã được đoạn tận nơi ta, được chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tàla, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh

khởi trong tương lai." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo với tuệ khéo giải thoát.

14. Này các Tỷ-kheo, tất cả những vị Thánh nào trong quá khứ đã sống theo Thánh cư, tất cả những vị ấy đã sống theo mười Thánh cư này.

Này các Tỷ-kheo, tất cả những vị Thánh nào trong tương lai sẽ sống theo Thánh cư, tất cả những vị ấy sẽ sống theo mười Thánh cư này.

Này các Tỷ-kheo, tất cả những vị Thánh nào trong hiện tại sống theo Thánh cư, tất cả những vị ấy đang sống theo mười Thánh cư này.

Này các Tỷ-kheo, đây là mười Thánh cư mà các vị Thánh đã sống đang sống, và sẽ sống.

53 Thành tựu trong mọi phương diện - Kinh NGƯỜI CÓ LÒNG TIN – Tăng IV, 246

NGƯỜI CÓ LÒNG TIN – *Tăng* IV, 246

1. - Vị Tỷ-kheo có lòng tin, này các Tỷ-kheo, nhưng không có giới. Như vậy, vị ấy về chi phần này không được viên mãn. Vị ấy cần phải làm cho viên mãn chi phần ấy, nghĩ rằng: "**Làm thế nào để ta có lòng tin và có giới nữa?**". Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có lòng tin và có giới, như vậy về chi phần ấy, Tỷ-kheo có viên mãn.

2. Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có giới nhưng không có nghe nhiều...

... có nghe nhiều nhưng không có nói pháp...

... có nói pháp nhưng không thường tham gia với hội chúng...

... thường tham gia với hội chúng, nhưng không vô úy thuyết pháp cho hội chúng...

... vô úy thuyết pháp cho hội chúng nhưng không trì luật...

... có trì luật, nhưng không phải là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng...

... là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng nhưng đối với bốn Thiên thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, không mệt nhọc, không phí sức...

... đối với bốn thiên thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, nhưng không do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như vậy, vị ấy về chi phần này không được viên mãn. Vị ấy cần phải làm cho viên mãn chi phần ấy, nghĩ rằng: "**Làm thế nào, ta có** lòng tin, có giới, có nghe nhiều, có thuyết pháp, thường tham gia với chúng hội, vô úy thuyết pháp cho hội chúng, trì luật, là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng, đối với bốn Thiên thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, và do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, ta có thể chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát?".

Và này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có lòng tin, có giới, nghe nhiều, có thuyết pháp, thường tham gia

với hội chúng, vô úy thuyết pháp cho hội chúng, trì luật, là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng, đối với bốn Thiên thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không phí sức, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; như vậy về chi phần này, vị ấy được viên mãn.

Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tịnh tín một cách phổ biến, và **viên mãn trong mọi phương diện.**

TỊCH TỊNH GIẢI THOÁT – *Tăng IV, 248*

(Như kinh trước 8 cho đến... là người ở rừng ở các trú xứ vắng...)

.... là người trì luật, nhưng không phải là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng...

... là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng, nhưng đối với các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc, thuộc về vô sắc, vị ấy không cảm giác với thân và an trú...

... Đối với các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc, thuộc về vô sắc, vị ấy có cảm giác với thân và an trú, nhưng không do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong

hiện tại tự mình với thắng trí chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; như vậy về chi phần này không viên mãn. Vị ấy cần phải làm cho viên mãn chi phần ấy, nghĩ rằng: "Làm thế nào, ta có lòng tin, có giới, có nghe nhiều, có thuyết pháp, thường tham gia với hội chúng, vô úy thuyết pháp cho hội chúng, trì luật, là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng, đối với các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc, thuộc về vô sắc, ta có cảm giác với thân và an trú; do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, ta chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát? ".

Và này các Tỷ-kheo, **khi nào Tỷ-kheo có lòng tin, có giới, có nghe nhiều, có thuyết pháp cho hội chúng, là vị trì luật, là vị ở rừng, ở các trú xứ xa vắng, đối với các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc, thuộc về vô sắc, vị ấy có cảm giác với thân và an trú; do đoạn diệt các lậu hoặc,** ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; như vậy về chi phần này, vị ấy được viên mãn.

Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tịnh tín một cách phổ biến, và **viên mãn trong mọi phương diện.**

VỚI CÁC MINH – *Tăng IV, 250*

(Như kinh trước cho đến. Vị ấy trì luật...)

... là người trì luật, nhưng không nhớ đến rất nhiều đời sống trước, một đời, hai đời...

... vị ấy nhớ nhiều đời sống trước với các chi tiết và các đặc điểm, nhớ đến rất nhiều đời sống trước, như một đời, hai đời... vị ấy nhớ nhiều đời sống trước với các chi tiết và các đặc điểm, nhưng không với thiên nhãn siêu nhân...

... vị ấy rõ biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ, vị ấy với thiên nhãn siêu nhân..

... rõ biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ, nhưng không do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; như vậy, về chi phần này, vị ấy không được viên mãn. Vị ấy cần phải làm cho viên mãn chi phần ấy, nghĩ rằng: "Làm thế nào ta có lòng tin, có giới, có nghe nhiều, có thuyết pháp, thường tham gia với hội chúng, vô úy thuyết pháp cho hội chúng, là vị trì luật, có thể nhớ đến nhiều đời sống trước như một đời, hai đời... có thể nhớ đến nhiều đời sống trước, với các chi tiết và các đặc điểm,... với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân

có thể biết được các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ, do đoạn diệt các lậu hoặc... chúng ngộ, chúng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát? "

Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có lòng tin, có giới, có nghe nhiều, là vị thuyết pháp cho hội chúng, là vị trì luật, nhớ đến nhiều đời sống trước, như một đời, hai đời... có thể nhớ đến nhiều đời sống trước, với các chi tiết và các đặc điểm.... với thiên nhân thanh tịnh siêu nhân có thể biết được các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ, do đoạn diệt các lậu hoặc... chúng ngộ, chúng đạt và an trú; như vậy về chi phần này, vị ấy được viên mãn.

Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tịnh tín một cách phổ biến, có **viên mãn trong mọi phương diện.**

54 Tháp - 4 hạng người xứng đáng xây tháp - Kinh XÚNG ĐÁNG ĐƯỢC DỰNG THÁP – Tăng II, 283

XÚNG ĐÁNG ĐƯỢC DỰNG THÁP – *Tăng II*, 283

❖ Nay các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này xứng được để được dựng tháp. Thế nào là bốn?

- Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, xứng đáng được dựng tháp;
- Vị Độc Giác Phật xứng đáng được dựng tháp;
- Đệ tử của Như Lai xứng đáng được dựng tháp;
- Chuyển Luân Vương xứng đáng được dựng tháp.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, xứng đáng được dựng tháp.

**55 Thâu nhiếp mọi suy tư, Không tham
dính vật gì, Không chỉ trích một ai -
Kinh Khó Làm – Tương I, 23**

Khó Làm – Tương I, 23 (hay Con rùa)
*Khó làm, khó kham nhẫn,
Thiếu trí, hành Sa-môn,
Chỗ kẻ ngu thói đọa,
Chỗ ấy đầy chướng ngại.
Bao ngày hành Sa-môn
Nếu tâm không chế ngự,
Mỗi bước, phải sa đọa,
Nô lệ cho suy tư.*

*Như rùa rút chân căng,
Trong mai rùa của mình.
Vị Tỷ-kheo cũng vậy,
Thâu nhiếp mọi suy tư,
Không tham dính vật gì,
Không làm hại người nào,
Hoàn toàn thật tịch tịnh,
Không chỉ trích một ai.*

56 Thâu nhiếp nhân tâm - Kinh HATTHAKA NGƯỜI ÀLAVÌ 1 – Tăng III, 579

HATTHAKA NGƯỜI ÀLAVÌ 1 –Tăng III, 579

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Àlavì, tại điện Phật Aggàlava. Tại đây, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

2. –*Này các Tỷ-kheo, **Hatthaka**, người xứ Àlavì thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có.* Các Thầy hãy thọ trì như vậy.

3. Thế nào là bảy?

- *Có lòng **tin**, là Hatthaka, người xứ Àlavì.*
- *Có **giới**, là Hatthaka người xứ Àlavì.*
- *Có lòng **xấu hổ**, là Hatthaka người xứ Àlavì.*
- *Có lòng **sợ hãi**, là Hatthaka người xứ Àlavì.*
- ***Nghe nhiều**, là Hatthaka người xứ Àlavì.*
- *Có **bố thí**, là Hatthaka người xứ Àlavì.*
- *Có **trí tuệ**, là Hatthaka người xứ Àlavì.*

Thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có này, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka người xứ Àlavì. Hãy thọ trì như vậy. Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, bậc Thiên Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh xá.

4. Rồi một Tỷ-kheo đáp y vào buổi sáng, cầm bát y, đi đến trú xá của gia chủ Hatthaka người Àlavì.

Sau khi đến, liền ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi gia chủ Hatthaka người Àlavì, đi đến Tỷ-kheo ấy, sau khi đến, đánh lễ Tỷ-kheo ấy rồi ngồi xuống một bên. Tỷ-kheo ấy nói với Hatthaka, người xứ Àlavì, đang ngồi xuống một bên:

- Thưa Hiền giả, Thế Tôn đã nói Hiền giả thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có. Thế nào là bảy? " Có lòng tin, này các Tỷ-kheo là Hatthaka, người xứ Àlavì ... có giữ giới ... có lòng xấu hổ ... có lòng sợ hãi ... nghe nhiều ... có bố thí ... có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Àlavì ". Thưa Hiền giả, Hiền giả thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có này như Thế Tôn đã nói.

- Thưa Tôn giả, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng?

- Thưa Hiền giả, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng.

- Lành thay, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng.

5. Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi nhận đồ ăn khát thực tại trú xứ của Hatthaka, người xứ Àlavì, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi ăn xong, trên con đường khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của Hatthaka, người Àlavì; sau khi đến, con ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, Bạch Thế Tôn, rồi con nói với Hatthaka, người xứ Àlavì đang ngồi một bên: - "- Thưa Hiền giả, Thế Tôn đã nói Hiền giả thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có. Thế nào là bảy? "Có lòng tin, này các Tỷ-kheo là Hatthaka, người xứ Àlavì ... có giữ giới ... có lòng xấu hổ ... có lòng sợ hãi ... nghe nhiều ... có bố thí ... có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Àlavì ". Hiền giả thành tựu bảy pháp này, thưa Hiền giả, như Thế Tôn đã nói! ". Khi nghe nói như vậy, bạch Thế Tôn, Hatthaka người xứ Àlavì nói với con:

- "Thưa Tôn giả, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng? "

- Thưa Hiền giả, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng.

- Lành thay, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng. »

6. - Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Này Tỷ-kheo, *thiện nam tử này là ít dục*. Vì ấy không muốn các thiện pháp của mình được người khác biết đến.

Do vậy, này Tỷ-kheo, hãy thọ trì rằng, Hatthaka người xứ Àlavì, có thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có này, tức là ít dục.

HATTHAKA NGƯỜI XỨ ÀLAVÌ 2 –Tăng III, 582

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Àlavì, tại điện Phật Aggàlava. Rồi **Hatthaka**, người xứ Àlavì cùng với năm trăm nam cư sĩ đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Hatthaka, người xứ Àlavì, đang ngồi xuống một bên:

2. - *Này Hatthaka, hội chúng này thật lớn. Làm sao, này Hatthaka, Ông thâm nhiếp được hội chúng này?*

- Bạch Thế Tôn, có **bốn nhiếp pháp** này được Thế Tôn thuyết giảng. Con thâm nhiếp hội chúng này với những nhiếp pháp ấy.

- Bạch Thế Tôn, khi con biết rằng: *"Người này cần phải thâm nhiếp nhờ có **bồ thí**"*, thời con thâm nhiếp người ấy với bồ thí.
- Khi con biết rằng: *"Người này cần phải thâm nhiếp nhờ **ái ngữ**"*, thời con thâm nhiếp người ấy với ái ngữ.
- Khi con biết rằng: *"Người này cần phải thâm nhiếp nhờ **lợi hành**"*, thời con thâm nhiếp người ấy với lợi hành.
- Khi con biết rằng: *"Người này cần phải thâm nhiếp nhờ **đồng sự**"*, thời con thâm nhiếp người ấy với đồng sự.

Vả lại, bạch Thế Tôn, trong gia đình con có tài sản, họ nghĩ rằng như vậy không thể được nghe như là một người bản cùng.

3. - Lành thay, lành thay, này Hatthaka! **Đây là nguyên lý để thâm nhiếp đại chúng!**

- Này Hatthaka, những ai trong quá khứ đã thâm nhiếp đại chúng, tất cả đều thâm nhiếp đại chúng với bốn nhiếp pháp này.
- Này Hatthaka, những ai trong tương lai sẽ thâm nhiếp đại chúng, tất cả sẽ thâm nhiếp đại chúng với bốn nhiếp pháp này.

- Nay Hatthaka, những ai trong hiện tại thâm nhiếp đại chúng, tất cả họ đều thâm nhiếp đại chúng với bốn nhiếp pháp này.

4. Rồi Hatthaka, người xứ Àlavì, được Thế Tôn với pháp thoại, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi ra đi. Thế Tôn, sau khi Hatthaka, người xứ Àlavì ra đi không bao lâu, bèn gọi các Tỷ-kheo:

5. - Nay các Tỷ-kheo, hãy thọ trì rằng Hatthaka, người xứ Àlavì thành tựu được **tám pháp vi diệu chưa từng có này**.

6. Thế nào là tám pháp?

- Có lòng **tin**, là Hatthaka người xứ Àlavì;
- Có giữ **giới**, là Hatthaka người xứ Àlavì;
- Có lòng **xấu hổ**, là Hatthaka người xứ Àlavì;
- Có lòng **sợ hãi**, là Hatthaka người xứ Àlavì;
- **Nghe** nhiều, là Hatthaka người xứ Àlavì;
- Có bố **thí**, là Hatthaka người xứ Àlavì;
- Có trí **tuệ**, là Hatthaka người xứ Àlavì;
- **Ít dục**, là Hatthaka người xứ Àlavì!

Này các Tỷ-kheo, hãy thọ trì rằng Hatthaka, người xứ Ālavī có thành tựu tám vi diệu pháp chưa từng có này.

57 **Thâu phục ngoại đạo - Kinh VAPPA – Tăng II, 196**

VAPPA – Tăng II, 196

1. Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu khu vườn Nigrodha. Rồi thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha đi đến Tôn giả Mahàmoggalàna; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Mahàmoggalàna rồi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahàmoggallàna nói với thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha đang ngồi một bên:

*- Ở đây, này Vappa, có thể có người với **thân** chế ngự, với **lời** chế ngự, với **ý** chế ngự, **vô minh** được viễn ly, **minh** được sanh khởi. Ông có thấy người ấy, do một nhân duyên nào, các lậu hoặc khiến họ **cảm thọ đau khổ** có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai?*

- Thừa Tôn giả, con có thể thấy trường hợp ấy. Ở đây thừa Tôn giả, do ác nghiệp tạo ra về trước chưa đưa đến quả dị thực, do một nhân duyên ấy, các lậu hoặc khiến họ cảm thọ đau khổ có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai.

Và câu chuyện này giữa Tôn giả Mahàmoggallàna và Thích tử Vappa, đệ tử của Niganthà bị bỏ dở.

2. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều từ Thiền Tĩnh đứng dậy đi đến hội trường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống, Thế Tôn nói với Tôn giả Mahàmoggallàna:

- Nay Mahàmoggallàna, câu chuyện gì được nói đến, khi các Ông ngồi tụ họp ở đây? Và câu chuyện giữa các Ông chưa được nói xong?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con nói với Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha: "Ở đây, này Vappa, có thể có người với thân chế ngự, với lời chế ngự, với ý chế ngự, vô minh được viễn ly, minh được sanh khởi. Ông có thấy người ấy, do một nhân duyên nào, các lậu hoặc khiến họ cảm thọ đau khổ có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai?" Bạch Thế Tôn, khi người nói như vậy, Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha nói với con như sau: "Thưa Tôn giả, con có thể thấy trường hợp ấy. Ở đây thưa Tôn giả, do ác nghiệp tạo ra về trước chưa đưa đến quả dị thực, do một nhân duyên ấy, các lậu hoặc khiến họ cảm thọ đau khổ có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai!". Bạch Thế Tôn, ở đây là câu chuyện giữa Thích Tử Vappa, đệ tử của Nigantha và chúng con, câu chuyện bị bỏ dở khi Thế Tôn đến!

3. Rồi Thế Tôn nói với Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha:

- Này Vappa, nếu Ông có thể chấp nhận điều Ông có thể chấp nhận, và có thể bác bỏ điều đáng được bác bỏ, và trong trường hợp Ông không có thể biết được ý nghĩa lời nói của Ta, nếu Ông hỏi ta thêm về vấn đề ấy: "Bạch Thế Tôn, lời nói này, ý nghĩa là gì?", thời có thể có cuộc nói chuyện giữa chúng ta.

- Bạch Thế Tôn, con có thể chấp nhận điều con có thể chấp nhận, và có thể bác bỏ điều đáng được bác bỏ, và trong trường hợp con không có thể biết được ý nghĩa lời nói của Thế Tôn, con sẽ hỏi Thế Tôn thêm về vấn đề ấy: "Bạch Thế Tôn, lời nói này, ý nghĩa là gì?", mong rằng ở đây có cuộc nói chuyện giữa chúng ta.

4.- Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? Nếu do nhân duyên thân khởi động, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được thân khởi động, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có nơi người ấy nữa. Người ấy không làm **nghiệp** mới, còn hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; **con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.**

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

5. - Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? **Nếu do nhân duyên lời khởi động**, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được lời khởi động, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có nơi người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới, còn hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

6.- Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? **Nếu do nhân duyên ý khởi động**, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được ý khởi động, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có nơi người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới, **còn**

hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

7.- Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? Đối với các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy ***do duyên vô minh khởi lên,*** vô minh được ly tham, minh được khởi lên, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có với người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới, còn hành động trước của người ấy, ***do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.***

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

8.- Như vậy, này Vappa, với vị Tỷ-kheo có tâm được chơn chánh giải thoát, sáu an trú thường hằng được chứng đắc. Vị ấy, khi mắt thấy sắc, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi tai nghe tiếng..., khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc ... khi ý thức tri pháp, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy quán tri: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy quán tri: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng". Vị ấy quán tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây tất cả các cảm thọ không còn có hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lạnh".

9. Ví như, này Vappa, duyên một thân cây, bóng cây hiện ra. Rồi có người đến cầm các cuốc và cái giỏ, chặt thân cây ấy ở nơi rễ. Sau khi chặt ở nơi rễ, người ấy đào cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ lên các rễ lớn cho đến các rễ con và rễ phụ. Rồi người ấy chặt cây ấy thành từng khúc, người ấy bửa. Sau khi bửa, người ấy chẻ thành từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ, người ấy phơi giữa gió và nắng, người ấy lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun thành đống tro. Sau khi người ấy vun thành đống tro, người ấy sàng tro giữa gió lớn, hay để tro ấy vào dòng nước mạnh cho nước

cuốn đi. Như vậy, này Vappa, do duyên thân cây nên có bóng cây. Bóng cây ấy, rễ bị chắm đứt, làm thành như thân cây tala, làm cho không thể tái sanh trong tương lai, không thể sống lại được.

Cũng vậy, này Vappa, vị Tỷ-kheo có tâm được chơn chánh giải thoát, sáu an trú thường hằng được chứng đắc. Vị ấy, khi mắt thấy sắc, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi tai nghe tiếng..., khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc ... khi ý thức tri pháp, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng". Vị ấy biết: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây tất cả các cảm thọ không còn hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lạnh".

10. Khi được nói như vậy, Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha bạch Thế Tôn:

- Ví như, bạch Thế Tôn, một người mong ước được tài sản, lo nuôi dưỡng tài sản của mình, nhưng không được tăng trưởng gì, trái lại chỉ được mệt nhọc và dự phần vào phiền muộn. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con cầu mong được lợi ích khi con hầu hạ kẻ ngu

Nigantha này. Con đã không được lợi ích gì, trái lại con chỉ được mệt nhọc và dự phần vào phiền muộn. Bắt đầu từ hôm này, bạch Thế Tôn, với lòng tin gì con đã có với kẻ ngu Nigantha, con sẽ sàng lòng tin ấy giữa gió lớn, hay để lòng tin ấy vào dòng nước lạnh cho nước cuốn đi.

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

58 Thâu phục ngoại đạo - Kinh VERANJÀ – Tăng III, 518

VERANJÀ – *Tăng* III, 518

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Veranjà, dưới gốc cây Nalerupucimanda. Rồi Bà-la-môn Veranjà đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói nên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Veranjà bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, tôi có nghe như sau: "Samôn Gotama không đánh lễ, không đứng dậy, hay không mời ghé ngồi các Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn trưởng lão, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời".

Thưa Tôn giả Gotama, sự thể là như vậy: "Tôn giả Gotama không đánh lễ, không đứng dậy, hay không mời ghé ngồi các Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn trưởng lão, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời". Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, như vậy là không đầy đủ.

- Nay Bà-la-môn, Ta không thấy một ai trong thế giới chư Thiên, trong thế giới Ác ma, trong thế giới Phạm thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người mà ta có thể đánh lễ người ấy, đứng dậy hay mời ghé ngôi. Nay Bà-la-môn, *nếu Như Lai đánh lễ, hay đứng dậy, hay mời ngồi ai, thời đầu người ấy bị bể tan.*

2. - Tôn giả Gotama, thật thiếu ý vị!

- Nay Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thật thiếu ý vị ". Nay Bà-la-môn, *các sắc vị, thanh vị, hương vị, vị vị, xúc vị, các vị ấy, Như Lai đã đoạn tận chúng,* chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Nay Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thật thiếu ý vị ". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

3. "Tôn giả Gotama thiếu tài sản "

Nay Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thiếu tài sản ". Nay Bà-la-môn, *các sắc tài sản, thanh tài sản, hương tài sản, vị tài sản,*

xúc tài sản, các tài sản ấy, Như Lai đã đoạn tận chúng, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể tái sinh, làm cho không thể sinh khởi trong tương lai. Nay Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thiếu tài sản". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

4. "Tôn giả Gotama chủ trương thuyết không hành động".

Nay Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết không hành động". Nay Bà-la-môn, *Ta nói không hành động về thân làm ác, về lời nói ác, về ý nghĩ ác. Ta nói không hành động về các pháp ác, bất thiện*. Nay Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết không hành động". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

5. "Tôn giả Gotama chủ trương thuyết đoạn diệt".

Nay Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết đoạn diệt". Nay Bà-la-môn, *Ta tuyên bố đoạn diệt tham, sân, si. Ta*

tuyên bố đoạn diệt các ác, bất thiện pháp. Đây Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết đoạn diệt ". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

6. "Tôn giả Gotama là người nhàm chán".

Đây Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người nhàm chán". Đây Bà-la-môn, *Ta nhàm chán thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Ta nhàm chán sự thành tựu các pháp ác, bất thiện.* Đây Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người nhàm chán ". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

7. "Tôn giả Gotama là người chủ trương hư vô chủ nghĩa".

Đây Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người chủ trương hư vô". Đây Bà-la-môn, *Ta thuyết pháp để hư vô tham, sân, si. Ta thuyết pháp để hư vô các pháp ác, bất thiện.* Đây Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-

môn Gotama là người chủ trương hư vô". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

8. "Tôn giả Gotama là người khổ hạnh".

Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người khổ hạnh ". Này Bà-la-môn, *Ta tuyên bố rằng cần phải khổ hạnh các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác.* Này Bà-la-môn, với ai, các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác được tu khổ hạnh, được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây tala, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, Ta tuyên bố rằng người ấy là người khổ hạnh. Này Bà-la-môn, với Như Lai, các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác đã được tu khổ hạnh, được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây tala, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người khổ hạnh". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

9. "Tôn giả Gotama chủ trương không nhập thai".

Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương không nhập thai". Này Bà-la-môn, với ai mà khả năng nhập thai tái sanh trong tương lai đã đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, Ta tuyên bố rằng người ấy chủ trương không nhập thai. Này Bà-la-môn, *Như Lai đã đoạn tận khả năng nhập thai tái sanh trong tương lai* đã đoạn tận, đã chặt đứt từ gốc rễ, đã làm cho như thân cây tala, đã làm cho không thể tái sanh, đã làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương không nhập thai". Nhưng Ông nói không phải với ý nghĩa này.

Ví như, này Bà-la-môn, có tám, mười hay mười hai cái trứng của con gà mái, được con gà mái khéo ấp nằm, ấp nóng và ấp dưỡng, và con gà nào trong những con gà con ấy, đầu tiên hết, lấy chân, móng, đầu, miệng hay mổ phá vỡ vỏ trứng gà, ra ngoài một cách an toàn, con ấy được gọi là con trưởng hay con trẻ nhất?

- Thừa Tôn giả Gotama, con ấy phải được gọi là con trưởng. Thật vậy, thừa Tôn giả Gotama, con ấy là con trưởng trong tất cả các con gà ấy.

10. - Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi Ta, vì chúng sanh bị vô minh chi phối, như sanh ra từ trứng, bị bao trùm, đã phá vỡ vỏ trứng vô minh, một mình chúng được vô thượng Chánh Đẳng Giác ở đời. Này Bà-la-môn, thật sự **Ta là vị đệ nhất, tối thắng ở đời.**

Lại nữa, này Bà-la-môn, Ta tinh cần tinh tấn, không biếng nhác. Ta trú niệm, không có thất niệm, thân được khinh an, không có tháo động, định tĩnh, nhất tâm.

11. Này Bà-la-môn, ly dục, ly pháp bất thiện, Ta đã chứng đạt và an trú **sơ Thiền**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, Ta chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Ly hỷ Ta trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ, mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú. Ta chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba**.

Xả lạc, xả khô, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khô, không lạc, xả niệm, thanh tịnh.

12. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, không dao động, như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến **Túc mạng minh**. Ta nhớ đến đời sống quá khứ, một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giao cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giao cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các nét chi tiết.

Này Bà-la-môn, *đây là trong canh một*, Ta chứng được minh thứ nhất, vô minh diệt, minh sanh, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. Do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn, *đây là sự xuất*

sanh thứ nhất của Ta, như con gà con sanh ra khỏi vỏ trứng.

13. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, không dao động, như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến **Trí tuệ về sanh tử của chúng sanh.**

Với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Những hạng chúng sanh này thành tựu thân làm ác, thành tựu miệng nói ác, thành tựu ý nghĩ ác, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Còn những hạng chúng sanh nào, thành tựu thân làm lành, thành tựu miệng nói lành, thành tựu ý nghĩ lành, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Như vậy, với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Này Bà-la-môn, *đây là trong canh giữa*, Ta chứng được minh thứ hai, vô minh diệt, minh sanh, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. Do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn, *đây là sự xuất sanh thứ hai của Ta, như con gà con sanh ra khỏi vỏ trứng*.

14. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, không dao động, như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến **Lậu tận trí**. Ta biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là khổ tập", biết như thật: "Đây là Khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến Khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc ", biết như thật: "Đây là các lậu hoặc diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến lậu hoặc diệt". Do biết như vậy, thấy như vậy, tâm của ta thoát khỏi lậu dục, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã

thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa".

Này Bà-la-môn, *đây là trong canh cuối*, Ta chứng được minh thứ ba, vô minh diệt, minh sanh, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. Do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn, *đây là sự xuất sanh thứ ba của Ta, như con gà con sanh ra khỏi vỏ trứng*.

15. Được nghe nói như vậy, Bà-la-môn Veranja bạch Thế Tôn:

- Đệ nhất là Tôn giả Gotama!

Tôi thắng là Tôn giả Gotama!

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng dậy những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

59 Thêm bớt - Không thể thêm bớt điều gì trong Chánh pháp - Kinh THANH TỊNH – 29 Trường II, 441

KINH THANH TỊNH
– Bài kinh số 29 – Trường II, 441

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời, Thế Tôn trú giữa giòng tộc Sakya (Thích ca) trong vườn xoài của một gia đình Thích ca tên là Vedhannà.

Lúc bấy giờ, Nigantha Nàthaputta vừa mới tạ thế ở Pàvā.

Sau khi vị này tạ thế, các vị Nigantha chia ra làm hai phái, chia rẽ nhau, tranh chấp nhau, tranh luận nhau và sống tàn hại nhau với binh khí bằng miệng - "Người không biết pháp luật này, ta biết pháp luật này. Sao Người có thể biết pháp luật này? Người theo tà hạnh, ta theo chánh hạnh. Lời nói của ta tương ưng, lời nói Người không tương ưng. Điều đáng nói trước, Người nói sau; điều đáng nói sau, Người nói trước. Điều Người quan niệm trình bày, đã bị đảo

lộn. Quan điểm của Người đã bị thách đố. Người đã bị đánh bại. Hãy đi giải tỏa quan điểm của Người! Hãy tự thoát khỏi bế tắc nếu Người có thể làm được." Hình như các đệ tử của Nigantha Nàthaputta muốn tàn hại lẫn nhau. Chính các đệ tử cư sĩ mặc đồ trắng của Nigantha Nàthaputta cũng chán ngấy, cơ hiềm, và phản đối các vị Nigantha, vì pháp luật của họ đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, pháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

2. Rồi Sa di Cunda, sau khi an cư mùa mưa ở Pàvā đến thăm tôn giả Ananda ở Sāmāgama, sau khi đến, đánh lễ tôn giả Ananda và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên. Sa di Cunda bạch tôn giả Ananda:

- Bạch Tôn giả, Nigantha Nàthaputta đã từ trần ở Pàvā sau khi vị này tạ thế, các Nigantha chia ra làm hai phái... **Pháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.**

Khi nghe nói vậy, tôn giả Ananda nói với Sa di Cunda:

- Nay Hiền giả Cunda, đây là vấn đề đáng đưa ra để yết kiến Thế Tôn. Nay Hiền giả Cunda, chúng ta hãy

đi yết kiến Thế Tôn; sau khi đến xong, chúng ta hãy trình bày vấn đề này để Thế Tôn biết.

- Bạch Tôn giả, vâng!

- Sa di Cunda vâng lời tôn giả Ananda.

3. Rồi tôn giả Ananda cùng với Sa di Cunda, đi đến yết kiến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Sa di Cunda có nói: "Nigantha Nàthaputta đã từ trần ở Pàvā. Sau khi vị này từ trần, các vị Nigantha chia ra làm hai phái... Pháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ."

- Nay Cunda, như vậy ở đây pháp luật đã được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết.

4. Nay Cunda, ở đây có vị đạo sư không phải là Chánh Đẳng Giác, có pháp luật đã được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Và người đệ tử trong pháp này, không thành tựu và an trú trong pháp và

tùy pháp, không sống đúng chánh hạnh, không sống đúng tùy pháp, sống vượt ra ngoài pháp. Người đệ tử ấy cần được nói như sau: "Này Hiền giả, thật là lợi ích cho Ngươi. Thật khéo chứng đắc cho Ngươi. Đạo sư của Ngươi không phải là vị Chánh Đẳng Giác. Pháp của Ngươi đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Và Ngươi trong pháp này, không thành tựu và an trú trong pháp và tùy pháp, không sống đúng chánh hạnh, không sống đúng tùy pháp, vượt ra ngoài pháp.

→ Này Cunda, như vậy ở đây, vị đạo sư đáng quả trách, ở đây pháp đáng quả trách, nhưng ở đây đệ tử đáng tán thán. Này Cunda, với vị đệ tử như vậy, nên nói như sau: "Này Đại đức, dầu Đại đức thực hành đúng như pháp vị đạo sư đã dạy và trình bày, ai có suy tầm, ai có bị suy tầm, ai có suy tầm rồi như thực thi hành, tất cả đều không có phước báo. Vì sao vậy? Vì pháp luật đã được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết."

5. Này Cunda, ở đây, vị đạo sư không là vị Chánh Đẳng Giác, và pháp được trình bày tuyên bố một

cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, và **vị đệ tử trong pháp này, sống thành tựu pháp** và tùy pháp, sống theo chánh hạnh, sống đúng tùy pháp, sống luận theo pháp. Người này nên được nói như sau: *"Này Hiền giả, thật không lợi ích cho Ngươi, thật không khéo chứng đắc cho Ngươi. Vị đạo sư của Ngươi không là vị Chánh Đẳng Giác và pháp được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, những người trong pháp này sống thành tựu pháp và tùy pháp, sống theo chánh hạnh, sống đúng tùy pháp, sống thuận theo pháp".*

→ Này Cunda, ở đây **vị đạo sư đáng quả trách, ở đây pháp đáng quả trách, ở đây vị đệ tử cũng đáng quả trách**. Này Cunda, với vị đệ tử như vậy, có ai, nên nói như sau: "Thật vậy, Đại đức thành tựu theo chánh hạnh, tinh tấn trong chánh hạnh, người khen, người được khen, người được khen như vậy lại càng tinh tấn hơn nữa, **tất cả đều không được phước đức**." Vì sao vậy? Này Cunda, vì pháp được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết.

6. Nay Cunda, ở đây vị đạo sư là vị Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo giảng và trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Vị đệ tử trong pháp này sống không thành tựu pháp và tùy pháp, sống không theo chánh hạnh, sống không đúng tùy pháp, sống không thuận theo pháp. Vị đệ tử ấy cần phải được nói: "Này Hiền giả, thật không lợi ích cho Ngươi, thật không khéo chứng đắc cho Ngươi. Vị đạo sư của Ngươi là vị Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo tuyên bố trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Nhưng Ngươi trong pháp này sống không thành tựu pháp, sống không theo chánh hạnh, sống không đúng tùy pháp, sống không thuận theo pháp."

→ Nay Cunda, ở đây vị đạo sư đáng được tán thán, ở đây pháp đáng được tán thán, ở đây vị đệ tử đáng quả trách. Nếu có ai, hãy nói với vị đệ tử ấy như sau: "Đại đức hãy thực hành đúng như pháp do vị đạo sư của Đại đức trình bày và tuyên thuyết. Ai có điều tra, ai có bị điều tra, ai có bị điều tra rồi như thực thi hành, tất cả đều được phước báo". Vì sao vậy? Nay Cunda, pháp luật này khéo thuyết khéo trình bày là như vậy, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết.

7. Nay Cunda ở đây vị đạo sư là Chánh Đẳng Giác, và pháp được khéo tuyên thuyết, khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, và vị đệ tử trong pháp này sống thành tựu pháp và tùy pháp, sống thành tựu chánh hạnh, sống đúng tùy pháp, sống thuận theo pháp. Nếu có ai, hãy nói vị đệ tử ấy nói như sau: "Này Hiền giả, thật là lợi ích cho Ngươi, thật khéo chứng đắc cho Ngươi. Vị đạo sư của Ngươi là vị A la hán Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo tuyên thuyết, được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Và Ngươi trong pháp này sống thành tựu pháp và tùy pháp, sống thành tựu chánh hạnh, sống đúng tùy pháp, sống thuận theo pháp".

→ Nay Cunda, như vậy ở đây vị đạo sư đáng được tán thán, ở đây pháp đáng được tán thán, ở đây vị đệ tử cũng đáng được tán thán. Nay Cunda, nếu có ai, hãy nói vị đệ tử ấy như sau: "Thật vậy, Đại đức thành tựu như pháp, tinh tấn như pháp, người khen, người được khen, người được khen như vậy lại càng tinh tấn thực hành, tất cả đều được nhiều công đức". Vì sao vậy? Nay Cunda, vì pháp luật được khéo tuyên thuyết, khéo trình bày như vậy, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết.

8. Nay Cunda, ở đây vị đạo sư xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, và pháp được khéo tuyên thuyết, được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Và các vị đệ tử chưa được tinh thông diệu pháp, và phạm hạnh hoàn toàn viên mãn chưa được tỏ lộ cho các vị này, chưa được trình bày rõ ràng, với tất cả thứ bậc vị trí liên hệ, chưa được trở thành diệu dụng, chưa được khéo trình bày cho loài Người, và vị đạo sư viên tịch. Nay Cunda, đối với vị đạo sư như vậy, nếu viên tịch, các đệ tử sẽ ưu tư rất nhiều. Vì sao vậy? Vì đạo sư của chúng ta xuất hiện ở đời, và pháp được khéo tuyên thuyết, khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Nhưng chúng ta chưa được tinh thông diệu pháp, và phạm hạnh hoàn toàn viên mãn chưa được tỏ lộ cho chúng ta với tất cả thứ bậc, vị trí liên hệ, chưa được trở thành diệu dụng, chưa được khéo trình bày cho loài Người, và vị đạo sư của chúng ta viên tịch. Nay Cunda, vì Đạo sư như vậy có viên tịch, các đệ tử có sự ưu tư.

9. Nay Cunda, ở đây vị đạo sư xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo tuyên bố và được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên

thuyết. Và các vị đệ tử được tinh thông diệu pháp, và Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ cho các vị ấy với tất cả thứ bậc vị trí liên hệ, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho loài Người, và vị đạo sư của những vị ấy viên tịch. Này Cunda, vị đạo sư như vậy có viên tịch, các đệ tử không có ưu tư. Vì có sao? Vị đạo sư của chúng ta xuất hiện ở đời là bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo tuyên thuyết, được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, được vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Còn chúng ta được tinh thông diệu pháp, và phạm hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ cho chúng ta biết với tất cả thứ bậc vị trí liên hệ, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho loài Người, và vị Đạo sư của chúng ta viên tịch. Này Cunda, vị đạo sư như vậy có viên tịch, các đệ tử không có ưu tư.

10. Này Cunda, nếu Phạm hạnh được đầy đủ những chi phần như vậy, nếu không có một vị đạo sư là một vị Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, một phạm hạnh như vậy được xem là không viên mãn, trong trường hợp như vậy.

Này Cunda, nếu Phạm hạnh được đầy đủ những chi phần như vậy, và nếu có vị đạo sư là một vị Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến

tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, một Phạm hạnh như vậy được xem là viên mãn, trong trường hợp như vậy.

11. Nay Cunda, nếu Phạm hạnh được đầy đủ những chi phần như vậy, và có vị đạo sư là vị Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, **nhưng không có các vị Thượng tọa Tỷ kheo, những vị đệ tử là những vị sáng suốt, tự điều phục, vô úy, đa văn, đã đạt đến sự an ổn, có thể thuyết diệu pháp, với giáo lý ngoại đạo được khởi lên có thể khéo nhiếp phục với giáo pháp của mình, có thể thuyết diệu pháp bất tư nghị; như vậy Phạm hạnh này không thể viên mãn bởi chi tiết này.**

12. Nay Cunda, khi nào Phạm hạnh được đầy đủ về những phương diện này, vị đạo sư là vị Thượng tọa, có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, và những vị Thượng tọa Tỷ kheo, những vị đệ tử... nếu không có các vị Trung lạc Tỷ kheo, những vị đệ tử... có các vị Trung lạc Tỷ kheo, những vị đệ tử... nhưng nếu không có các vị Hạ lạc Tỷ kheo, những vị đệ tử... có các Hạ lạc Tỷ kheo, những vị đệ tử... nhưng nếu không có các vị Trưởng lão Tỷ kheo ni, các vị đệ tử... nhưng nếu không có các vị Trung lạc Tỷ kheo ni, các

vị đệ tử... nhưng nếu không có các vị Hạ lạc Tỷ kheo ni, các vị đệ tử... có các vị Hạ lạc Tỷ kheo ni, các vị đệ tử... nhưng nếu không có Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... có những Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... nhưng nếu không có những Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc... có những Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc... nhưng nếu không có những Nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... có những Nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... nhưng nếu không có những Nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng chấp nhận dục lạc... có những Nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng chấp nhận dục lạc ...Phạm hạnh như vậy nếu không được thành công, hưng thịnh, phát triển và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa các người, nhưng không đạt được danh xưng và lợi dưỡng một cách tối thắng, Phạm hạnh như vậy không được viên mãn về phương diện này.

13. Này Cunda, khi nào Phạm hạnh được đầy đủ với những phương diện này, vị đạo sư là Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, và những

vị Thượng tọa là những bậc Tỷ kheo, những vị đệ tử sáng suốt, tự điều phục... thuyết pháp diệu dụng, có Trung lap Tỷ kheo đệ tử, có Hạ lap Tỷ kheo đệ tử, có Trưởng lão Ni đệ tử, có Trung lap Ni đệ tử, có Hạ lap Ni đệ tử, có Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh, có Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc, có Nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh, có những vị Nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc; Phạm hạnh như vậy được thành công, hưng thịnh, phát triển, và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa các người, đạt được danh xưng và lợi dưỡng một cách tối thắng, Phạm hạnh như vậy được viên mãn về phương diện này.

14. Nay Cunda, **nay Ta hiện tại là bậc Đạo sư xuất hiện ở đời, là bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, và pháp được khéo tuyên bố, khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, được vị Chánh Đẳng Giác trình bày, và các vị đệ tử của Ta tinh thông diệu pháp, và Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ với tất cả thứ bậc vị trí liên hệ, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho loài Người.** Nay Cunda, nay Ta là vị Đạo sư Trưởng lão, có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu ngay, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi

trưởng thành.

15. Nay Cunda, nay Ta có những vị Thượng tọa Tỷ kheo đệ tử sáng suốt, tự biết điều phục, vô úy, đa văn, đã đạt đến sự an ổn, có thể thuyết diệu pháp, đối với giáo lý ngoại đạo được khởi lên, có thể khéo chiết phục với giáo pháp của mình, có thể thuyết diệu pháp bất khả tư nghì. Nay Cunda, Ta lại có những Trung lap Tỷ kheo sáng suốt. Nay Cunda, nay Ta có những vị Hạ lap Tỷ kheo đệ tử. Nay Cunda, nay Ta có những vị Trưởng lão Tỷ kheo ni đệ tử. Nay Cunda, nay Ta có những vị Trung lap Tỷ kheo ni đệ tử. Nay Cunda, nay Ta có những vị Hạ lap Tỷ kheo ni đệ tử. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nam cư sĩ, là những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nam cư sĩ, là những vị tại gia mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nữ cư sĩ, là những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nữ cư sĩ là những vị tại gia, mặc áo trắng chấp nhận dục lạc...

Nay Cunda, nay Phạm hạnh của Ta được thành công, hưng thịnh, phát triển, và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa mọi người.

16. Nay Cunda, đối với tất cả những vị đạo sĩ nay

xuất hiện ở đời; này Cunda, Ta không thấy một vị đạo sư nào khác có thể bằng Ta về phương diện lợi dưỡng và danh xưng tối thượng.

Này Cunda, đối với tất cả các đoàn thể, các hội chúng nay xuất hiện ở đời; này Cunda, Ta không thấy một đoàn thể nào khác có thể bằng đoàn thể Tỷ-kheo về phương diện lợi dưỡng và danh xưng tối thượng.

Nếu có ai, khi tả một Phạm hạnh, thành tựu hết thấy tướng, không thiếu sót, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, vị ấy nếu tuyên bố đúng đắn sẽ tuyên bố như sau: "Thành tựu hết thấy tướng... Phạm hạnh được khéo tuyên bố".

Này Cunda, Uddaka con của Ràma thường nói: "Thấy mà không thấy". Thấy cái gì mà không thấy? Với một con dao sắc bén, chỉ thấy lưỡi dao không thấy khía cạnh sắc bén của dao. Này Cunda, đây là nghĩa của câu: "Thấy mà không thấy". Này Cunda, ở đây Uddaka con của Ràma đề cập đến một vật đề tiện, hạ liệt, thuộc về phàm phu, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích, nói về con dao.

❖ Này Cunda, nếu nói đúng đắn câu **"Thấy mà không thấy"**, thời phải nói như sau: "Thấy mà không thấy". Vị ấy thấy cái gì mà không thấy?

→ Một Phạm hạnh, thành tựu hết thấy tướng, đầy đủ hết thấy tướng, không thiếu sót, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, được khéo trình bày. Chính vị ấy thấy Phạm hạnh này.

- Nếu vị ấy trừ bớt một phương diện nào tại một chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, vị ấy sẽ không thấy gì.
- Nếu vị ấy thêm vào một phương diện nào tại chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, vị ấy sẽ không thấy gì.
- Nếu vị ấy thêm vào một phương diện nào tại chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy được viên mãn hơn, vị ấy sẽ không thấy gì.

→ Như vậy gọi là "Thấy mà không thấy".

❖ Nay Cunda, nếu có ai khi tả một Phạm hạnh thành tựu hết thấy tướng... Phạm hạnh được khéo tuyên bố, vị ấy sẽ tuyên bố đúng đắn như sau: "**Phạm hạnh này thành tựu hết thấy tướng, cụ túc hết thấy tướng, không thiếu thốn, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, được khéo trình bày**".

17. Do vậy, này Cunda, **những pháp do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các Người, tất cả các Người hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi lộn nhau**, nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài Người.

Này Cunda, thế nào là những pháp do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các Người, tất cả các Người hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi lộn nhau, nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau, để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài Người?

→ Những pháp ấy là **Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Như ý túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác chi, Tám Thánh đạo**. Này Cunda, những pháp ấy do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các Người, tất cả Người hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi lộn nhau, nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau, để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được

an trú lâu dài, vì hạnh phúc của muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài Người.

18. Nay Cunda, các Người hãy hội họp với nhau trong tinh thần hòa đồng và tương kính, không có tranh luận nhau. Có vị đồng phạm hạnh nói pháp giữa Tăng chúng. Nếu các Người nghĩ rằng "**Vị Đại đức này nắm nghĩa sai lạc hay hành văn sai lạc**", các Người không nên tán thán, không nên bác bỏ. Không tán thán không bác bỏ, các Người nên nói với vị ấy:

"Này Hiền giả, với nghĩa này, cách hành văn này hay cách hành văn kia, cách nào thích hợp hơn? Giữa những cách hành văn này, nghĩa này hay nghĩa kia, nghĩa nào thích hợp hơn?" Nếu vị ấy trả lời: "Này Hiền giả, với nghĩa này, cách hành văn này thích hợp hơn cách hành văn kia. Giữa những cách hành văn này, nghĩa này thích hợp hơn nghĩa kia", các Người không nên bác bỏ vị ấy, không nên phỉ báng vị ấy. Không bác bỏ, không phỉ báng, các Người phải giải thích cho vị ấy một cách cẩn thận cả nghĩa lẫn hành văn.

19. Lại nữa này Cunda, có vị đồng Phạm hạnh khác nói pháp giữa Tăng chúng. Nếu các Người nghĩ rằng:

"Vị Đại đức ấy nắm nghĩa sai lạc nhưng hành văn đúng đắn", các Người không nên tán thán, không nên bác bỏ. Không tán thán, không bác bỏ, các người nên nói với vị ấy: "Này Hiền giả, giữa những cách hành văn này, nghĩa này hay nghĩa kia, nghĩa nào thích hợp hơn?" Nếu vị ấy trả lời: "Này Hiền giả, giữa những cách hành văn này, nghĩa này thích hợp hơn nghĩa kia", các Người không nên bác bỏ, không phỉ báng, các Người phải giải thích một cách cẩn thận ý nghĩa đúng đắn cho vị ấy.

20. Này Cunda, có vị đồng Phạm hạnh khác nói pháp giữa Tăng chúng. Nếu các Người nghĩ rằng: "Vị Đại đức này nắm nghĩa đúng đắn, nhưng hành văn sai lạc", các Người không nên tán thán, không nên bác bỏ. Không tán thán không bác bỏ, các Người nên nói với vị ấy: "Này Hiền giả, giữa những cách hành văn này, nghĩa này hay nghĩa kia, nghĩa nào thích hợp hơn?" Nếu vị ấy trả lời: "Giữa những cách hành văn này, nghĩa này thích hợp hơn nghĩa kia", các Người không nên bác bỏ vị ấy, không nên phỉ báng vị ấy. Không bác bỏ, không phỉ báng, các người phải giải thích một cách cẩn thận cách hành văn cho vị ấy.

21. Này Cunda, có vị đồng Phạm hạnh khác nói pháp giữa Tăng chúng, nếu các Người nghĩ rằng: "Vị Đại đức này nắm nghĩa đúng đắn và hành văn đúng đắn",

các Người nên tán đồng và tán thán vị ấy với câu: "Thật là tốt đẹp", các Người phải nói với vị ấy: "Thật là tốt đẹp", các Người phải nói với vị ấy: "Này Hiền giả thật là lợi ích cho chúng tôi, này Hiền giả thật là lợi ích cho chúng tôi; này Hiền giả, thật là may mắn cho chúng tôi; này Hiền giả, thật là may mắn cho chúng tôi, khi chúng tôi thấy một vị đồng Phạm hạnh như Hiền giả, tinh thông nghi lý như vậy, tinh thông hành văn như vậy".

22. Này Cunda, một pháp mới, Ta thuyết giảng để ngăn chặn các lậu hoặc ngay trong hiện tại. Này Cunda, Ta không thuyết pháp, chỉ để diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai mà thôi. Này Cunda, Ta thuyết pháp vừa để ngăn chặn các lậu hoặc ngay trong hiện tại mà cũng để diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai nữa.

→ Do vậy, này Cunda, **tám y** mà Ta cho phép các Người mặc, như vậy vừa đủ cho các Người ngăn chặn lạnh, ngăn chặn nóng, ngăn chặn sự xúc chạm của các loài ruồi muỗi, của gió, mặt trời và các loài rắn, và các che dấu sự hổ thẹn.

→ Các **món ăn khát thực** mà Ta cho phép các Người dùng, như vậy vừa đủ để nuôi dưỡng thân thể, giúp thân thể sống còn, tránh khỏi

nguy hại và giúp đời sống Phạm hạnh với hy vọng: "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới. Nhờ vậy đời sống của ta mới khỏi bị lỗi lầm và ta sống an lạc"

→ **Nhà cửa** mà ta cho phép các người an trú như vậy vừa đủ cho các Người ngăn chặn lạnh, ngăn chặn nóng, ngăn chặn sự xúc chạm của ruồi muỗi, gió, mặt trời và các loài rắn, chỉ với mục đích tránh thoát sự nguy hiểm của thời tiết, và an hưởng đời sống tịnh cư.

→ Các **được phẩm và thuốc trị bệnh** mà Ta cho phép các Người dùng, như vậy vừa đủ để ngăn chặn các cảm thọ đau ốm khởi lên và để gìn giữ sức khỏe.

23. Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra, các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Các Sa-môn Thích tử sống đam mê hỷ lạc*".

→ Nay Cunda, nếu được nói như vậy, các du sĩ ngoại đạo phải được trả lời như vậy: "Này Hiền giả, thế nào là đam mê hỷ lạc? Đam mê hỷ lạc có nhiều loại, có nhiều cách". Nay Cunda, **bốn loại đam mê hỷ lạc này là thấp kém, hạ liệt, thuộc phạm phu, không xứng Thánh hạnh**, không có lợi ích, không

hướng đến yếm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn.

Thế nào là bốn?

- Nay Cunda, ở đây có người ngu si, sau khi sát sanh, tự mình sung sướng hoan hỷ, đó là hỷ lạc thứ nhất.
- Lại nữa, nay Cunda, ở đây có người sau khi lấy của không cho, tự mình sung sướng, hoan hỷ, đó là hỷ lạc thứ hai.
- Lại nữa nay Cunda, ở đây có người sau khi nói láo, tự mình sung sướng hoan hỷ, đó là hỷ lạc thứ ba.
- Lại nữa nay Cunda, ở đây có người say đắm, đam mê sống vây quanh với năm món dục lạc, đó là hỷ lạc thứ tư.

Nay Cunda, bốn loại hỷ lạc này là thấp kém, hạ liệt, thuộc phạm phu, không xứng Thánh hạnh, không có lợi ích, không hướng đến yếm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn.

24. Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra, các ngoại đạo có thể hỏi: "*Các Sa-môn Thích tử có phải sống đam mê bốn loại hỷ lạc này không?*"

➔ Họ cần phải được trả lời: "Chớ có nói như vậy. Các ông nói như vậy là nói không đúng đắn. Nói như vậy là các ông xuyên tạc, không đúng sự thật, không thực có". Này Cunda, có bốn loại hỷ lạc nhất định đưa đến yểm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bốn?

- Này Cunda, ở đây vị Tỷ-kheo, ly dục, ly ác pháp, chứng và an trú Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Đó là hỷ lạc thứ nhất.
- Lại nữa này Cunda, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tình nhất tâm. Đó là hỷ lạc thứ hai.
- Lại nữa này Cunda, vị Tỷ-kheo ly hỷ... Đó là hỷ lạc thứ ba.
- Lại nữa này Cunda, vị Tỷ-kheo xả lạc... Đó là hỷ lạc thứ tư. Này Cunda, bốn loại hỷ lạc nhất định đưa đến yểm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Các vị Sa-môn Thích tử đang sống đam mê bốn loại hỷ lạc này". Họ cần phải được trả lời: "Nói như vậy là phải; các ông nói như vậy là

nói đúng đắn. Nói như vậy là các ông không xuyên tạc, đúng sự thật, và thực có".

25. Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Này Hiền giả, những ai sống đam mê theo bốn loại hỷ lạc ấy có thể mong đợi kết quả gì, lợi ích gì?*"

→ Được nói vậy, phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo như sau: "Này Hiền giả, những ai sống đam mê bốn loại hỷ lạc ấy, có thể mong đợi bốn kết quả, bốn sự lợi ích. Thế nào là bốn?"

- Này Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo diệt trừ ba kiết sử, **được nhập vào dòng Thánh**, không còn bị đọa lạc, nhất định sẽ được giác ngộ. Đó là kết quả thứ nhất.
- Lại nữa này Hiền giả, vị Tỷ-kheo diệt trừ ba kiết sử, làm muội lược tham, sân, si, chứng **bậc Nhất lai**, chỉ còn trở lại đời này một lần nữa trước khi diệt tận khổ đau. Đó là kết quả thứ hai, lợi ích thứ hai.
- Lại nữa, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo **diệt trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh** ở tại chỗ ấy mà nhập Niết-bàn, không còn phải trở lại đời này nữa. Như vậy là kết quả thứ ba, lợi ích thứ ba.

- Lại nữa, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo **diệt trừ các lậu hoặc**, tự mình chứng tri, chứng ngộ và an trú ngay trong hiện tại vô lậu Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy là kết quả thứ tư.

Này Hiền giả, vị nào sống đắm mê bốn loại hỷ lạc này, có thể mong đợi bốn kết quả, bốn lợi ích như vậy".

26. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Các Sa-môn Thích tử sống không giữ vững lập trường*".

Này Cunda, các vị du sĩ ngoại đạo nói vậy cần phải được trả lời như sau: "Này Hiền giả, Thế Tôn, vị đã biết, đã thấy, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thuyết, đã trình bày những pháp cho các đệ tử cho đến trọn đời. *Này Hiền giả, giống như cột trụ bằng đá hay bằng sắt, chân cột được khéo chôn sâu vào đất, không lắc qua lại, không có rung động.*

Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã diệt trừ các lậu hoặc, phạm hạnh đã thành, các việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã diệt trừ, chánh trí giải thoát, không thể làm chín việc sau đây:

1. Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu

hoặc, không thể cố ý tước đoạt sanh mạng của loài hữu tình;

2. Vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc không thể lấy của không cho, tức là ăn trộm;
3. Vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc không thể hành dâm;
4. Vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc, không thể biết mà nói láo;
5. Vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc không thể cất chứa tiền của để hưởng thọ dục lạc, như khi còn tại gia;
6. Vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc không thể đi con đường hành tham;
7. Vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc không thể đi con đường hành sân;
8. Vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc, không thể đi con đường hành si;
9. Vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc, không thể đi con đường hành theo sợ hãi.

Này Hiền giả, một vị Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, đã diệt tận các lậu hoặc, (Phạm hạnh) đã thành, các việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã diệt trừ, chánh trí giải thoát, không thể làm chín việc như

vậy".

27. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói như sau: *"Đối với quá khứ, Sa-môn Gotama có tri kiến siêu việt. Nhưng đối với tương lai, Sa-môn Gotama không có tri kiến siêu việt; như sự việc xảy ra như thế nào và vì sao lại xảy ra như vậy?"* Như vậy, các vị du sĩ ngoại đạo này chủ trương rằng tri kiến về vấn đề này có thể được trình bày nêu rõ bởi tri kiến một vấn đề khác, như những kẻ ngu si không thông minh khác.

- Này Cunda, về vấn đề quá khứ, Như Lai có thức nhớ đến đời sống quá khứ. Ngài muốn như thế nào, Ngài có thể nhớ xa được như vậy.

- Về vấn đề vị lai, Như Lai có trí do tuệ sanh: "Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn đời sống nào khác nữa".

28.

- Này Cunda, nếu những gì thuộc quá khứ là hư vọng, không thật, không lợi ích, Như Lai không trả lời.
- Này Cunda, nếu những gì thuộc quá khứ là chơn chánh, như thật, nhưng không lợi ích,

Như Lai cũng không trả lời.

- Đây Cunda, nếu những gì thuộc quá khứ là chơn chánh, như thật, có lợi ích, Như Lai biết thời trả lời câu hỏi ấy.
- Đây Cunda, nếu những gì thuộc vị lai là hư vọng, không thật, không lợi ích, Như Lai không trả lời.
- Đây Cunda, nếu những gì thuộc vị lai là chơn chánh, như thật, nhưng không lợi ích, Như Lai cũng không trả lời.
- Đây Cunda, nếu những gì thuộc vị lai là chơn chánh, như thật, có lợi ích, Như Lai biết thời trả lời câu hỏi ấy một cách vắn tắt.
- Đây Cunda, nếu những gì thuộc hiện tại là hư vọng, không thật, không lợi ích, Như Lai không trả lời.
- Đây Cunda, nếu những gì thuộc hiện tại và chơn chánh, như thật, nhưng không lợi ích, Như Lai cũng không trả lời.
- Đây Cunda, nếu những gì thuộc hiện tại là chơn chánh, như thật, có lợi ích, Như Lai biết thời trả lời câu hỏi ấy.

Như vậy, này Cunda, đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, **Như Lai là vị nói phải thời nói chơn**

chánh, nói như thật, nói có lợi ích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật. Do vậy mới gọi là Như Lai.

29. Nay Cunda, trong thế giới này với chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, **những gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được phân biệt, được đạt đến, được tìm cầu, được suy đạt với ý, tất cả đều được Như Lai biết rõ.** Do vậy mới gọi là Như Lai.

Nay Cunda, trong thời gian giữa đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh Đẳng Giác và đêm Như Lai nhập Vô dư y Niết-bàn giới, **trong thời gian ấy, những gì Như Lai nói trong khi thuyết giảng, nói chuyện hay trình bày, tất cả là như vậy, chớ không gì khác.** Do vậy mới gọi là Như Lai.

Nay Cunda, **Như Lai nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy.** Nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy nên được gọi là Như Lai.

Đối với thế giới với chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, **Như Lai là bậc Toàn Thắng, không ai có thể thắng nổi, bậc Toàn kiến, bậc Tự Tại.**

30. Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: *"Thế nào Hiền giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết không. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm?"* Nay Cunda, được nói vậy, Người phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Như Lai không có nói: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm!"

Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: *"Thế nào Hiền giả, Như Lai không có tồn tại sau khi chết, có phải không? Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm?"* Nay Cunda, được nói vậy, Người phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Như Lai không có nói: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm!"

Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: *"Thế nào Hiền giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm?"* Nay Cunda được nói vậy, Người phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Như Lai không có nói: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm!"

31. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Này Hiền giả, vì sao Sa môn Gotama lại không nói?*" Này Cunda, được nói vậy, Người phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Này Hiền giả, vì không liên hệ đến lợi ích, không liên hệ đến Pháp, không liên hệ đến căn bản Phạm hạnh, không hướng đến yêm ly, vô tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết bàn. Do vậy Thế Tôn không trả lời."

32. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Này Hiền giả, Sa môn Gotama nói điều gì?*" Này Cunda, được nói vậy, Người phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Đây là Khổ, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói. Đây là Khổ tập, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói. Đây là Khổ diệt, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói. Đây là con đường đưa đến Khổ diệt, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói."

33. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Này Hiền giả, vì sao Thế Tôn lại nói vậy?*" Này Cunda, được nói như vậy, Người phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo như sau: "Này Hiền giả, vì liên hệ đến lợi ích, liên hệ đến Pháp, liên hệ đến căn bản Phạm hạnh, vì nhất định hướng đến yêm ly, vô tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác

ngộ và Niết bàn. Do vậy, Thế Tôn mới nói."

34. Nay Cunda, mọi biện luận về các tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ, những biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi. Còn những biện luận nào không đáng nói cho các Ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các Ngươi? Nay Cunda, mọi biện luận về các tà kiến liên hệ đến tương lai, những biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi. Còn những biện nào không đáng nói cho các Ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các Ngươi?

Nay Cunda, thế nào là những biện luận về tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ, những biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi, và những biện luận không đáng nói cho các Ngươi?

Nay Cunda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau: "Bản ngã và thế giới là thường còn, như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm". Có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau:

- "Bản ngã và thế giới là không thường còn...
- "Bản ngã và thế giới là thường còn và không thường còn...

- "Bản ngã và thế giới là không thường còn và không không thường còn...
- "Bản ngã và thế giới là do mình tự tạo ra...
- "Bản ngã và thế giới là do người khác tạo ra...
- "Bản ngã và thế giới là do mình tạo ra và do người khác tạo ra...
- "Bản ngã và thế giới là không do mình tự tạo ra và cũng không phải không do mình tự tạo ra...
- "Bản ngã và thế giới là tự nhiên sanh, không do mình tự tạo ra, không do người khác tạo ra. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra sai lầm.
- "Lạc, khổ là thường còn...
- "Lạc, khổ là vô thường...
- "Lạc, khổ là thường còn và vô thường...
- "Lạc, khổ là do tự mình tạo ra...
- "Lạc, khổ là do người khác tạo ra...
- "Lạc, khổ là do tự nhiên sanh, không do mình tự tạo ra, không do người khác tạo ra. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra đều là sai lầm".

35. Nay Cunda, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có quan điểm như sau, có tri kiến như sau: "Bản ngã và

thế giới là thường còn, như vậy là đúng sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". **Ta đến những vị ấy và nói:** "Này Hiền giả có phải Hiền giả nói rằng: "Bản ngã và thế giới là thường còn" không?" Nếu các vị ấy trả lời: "Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra đều là sai lầm", thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Có một số hữu tình có những tư tưởng sai khác. Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta, chớ đừng nói cao hơn. Như vậy ở đây Ta cao hơn về thượng trí.

36. Này Cunda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có quan điểm như sau, có tri kiến như sau: "Bản ngã và thế giới là thường còn...

"Bản ngã và thế giới là vô thường...

"Bản ngã và thế giới là thường còn và vô thường...

"Bản ngã và thế giới là không thường còn và không không thường còn...

"Bản ngã và thế giới là do mình tự tạo ra...

"Bản ngã và thế giới là do người khác tạo ra...

"Bản ngã và thế giới là do tự mình tạo ra và do người khác tạo ra..." "Bản ngã và thế giới là do tự mình tạo

ra và không do người khác tạo ra. "Bản ngã và thế giới do tự nhiên sanh, không do mình tự tạo, không do người khác tạo ra...

"Lạc, khổ là thường còn...

"Lạc, khổ là vô thường...

"Lạc, khổ là thường còn và vô thường...

"Lạc, khổ không thường còn và không vô thường...

"Lạc, khổ là tự mình tạo ra...

"Lạc, khổ là tự người khác tạo ra...

"Lạc, khổ là tự mình tạo ra và tự người khác tạo ra...

"Lạc, khổ là tự nhiên sanh, không tự mình tạo ra và không do người khác tạo ra. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra đều là sai lầm".

Ta đến những vị ấy và nói: Này Hiền giả, có phải Hiền giả nói rằng: "Lạc, khổ là tự nhiên sanh, không tự mình tạo ra và không do người khác tạo ra?" Nếu các vị ấy trả lời: "Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra đều là sai lầm", thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Có một số hữu tình có những ý tưởng sai

khác. Nay Cunda Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta, chớ đừng nói cao hơn. Như vậy ở đây Ta cao hơn về thượng trí.

Nay Cunda, những biện luận về các tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ này, biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi. Còn những biện luận nào không đáng nói cho các Ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các Ngươi?

37. Nay Cunda, thế nào là những biện luận về tà kiến liên hệ đến tương lai, những biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi; và những biện luận không đáng nói cho các Ngươi?

- Nay Cunda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau: "Bản ngã là có sắc, không bệnh, sau khi chết. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm".
- Lại nữa nay Cunda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau:
- "Bản ngã là vô sắc...
- "Bản ngã là không phải sắc, không phải vô sắc...

- "Bản ngã là có tướng...
- "Bản ngã là vô tướng...
- "Bản ngã là không có tướng, không vô tướng...
- "Bản ngã là đoạn diệt, biến hoại, sau khi chết không có tồn tại, như vậy là đúng sự thật ngoài ra là sai lầm".

38. Này Cunda, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có quan điểm như sau, có tri kiến như sau: "Bản ngã là có sắc, không bệnh sau khi chết. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm", Ta đến những vị ấy và nói: "Này Hiền giả có phải Hiền giả có nói: "Bản ngã là có sắc, không có bệnh sau khi chết?" Nếu các vị ấy trả lời: "Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm", thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Này Cunda, vì có một số hữu tình có những tư tưởng sai khác. Này Cunda, Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta, chớ đừng nói cao hơn. Như vậy ở đây, Ta cao hơn về thượng trí.

39. Này Cunda, có những Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau:

"Bản ngã là vô sắc...

"Bản ngã là có sắc và vô sắc...

"Bản ngã là không có sắc và không không có sắc...

"Bản ngã là có tướng...

"Bản ngã là không tướng...

"Bản ngã là không có tướng và không không có tướng...

"Bản ngã là đoạn diệt, biến hoại, sau khi chết không có tồn tại. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm".

Ta đến những vị ấy và nói: "Này Hiền giả, có phải Hiền giả nói rằng: "Bản ngã là đoạn diệt biến hoại, sau khi chết không có tồn tại?" Này Cunda nếu những vị ấy nói: "Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm", thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Vì có một số hữu tình có những tư tưởng sai khác. Này Cunda, Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta chớ đừng nói cao hơn. Như vậy ở đây, Ta cao hơn về thượng trí.

Này Cunda, những biện luận về những tà kiến liên hệ đến tương lai, những biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi. Còn những biện luận nào không đáng nói cho các Ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các Ngươi?

40. Nay Cunda, **với mục đích đoạn trừ và vượt qua những biện luận về các tà kiến** liên hệ đến quá khứ tối sơ này và các biện luận về các tà kiến liên hệ đến tương lai này, **mà bốn pháp Niệm xứ được ta truyền thuyết, trình bày.** Thế nào là bốn?

Này Cunda, ở đây vị Tỷ kheo sống quan thân trên thân, tinh thần, tỉnh giác, chánh niệm, với mục đích nhiếp phục tham, sân ở đời, sống quán thọ trên các cảm thọ... trong các tâm... quán pháp trên các pháp, tỉnh cần, tỉnh giác, chánh niệm, với mục đích nhiếp phục tham, sân ở đời.

→ Nay Cunda, với mục đích đoạn trừ và vượt qua các biện luận về các tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ này và các biện luận về các tà kiến liên hệ đến tương lai này mà **bốn Niệm xứ** được Ta truyền thuyết trình bày.

41. Lúc bảy giờ, Tôn giả Upavàna đang đứng sau lưng hầu quạt Thế Tôn. Tôn giả Upavàna bạch Thế Tôn:

- Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, pháp thoại này thật là thanh tịnh! Bạch Thế Tôn, pháp thoại này thật là tuyệt đối thanh tịnh! Bạch Thế Tôn, pháp thoại này tên là gì?

- Nay Upavàna, **pháp thoại này là Thanh tịnh** (Pàsàdikà), hãy như vậy mà phụng trì.

Thế Tôn thuyết dạy như vậy. Tôn giả Upavàna hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

60 Thích Ca - Nguồn gốc dòng họ Thích Ca - Kinh AMBATTHA – 3 Trường I, 159

KINH AMBATTHA – Bài kinh số 3 – Trường I, 159

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn đang du hành tại nước Kosala (Câu tát la), cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị và đến tại một làng Bà-la-môn ở Kosala tên là Icchànankala. Tại đây, Thế Tôn ở tại Icchànankala trong khu rừng tên là Icchànankala.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi ở tại Ukkattha, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, ngũ cốc phong phú, vốn là đất đai của vua, sau vua Pasenadi (Ba tư nặc) cấp cho để hưởng một phần lợi tức.

2. Bà-la-môn Pokkharasàdi nghe đồn: Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích ca, nay đang du hành tại nước Kosala, cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến Icchànankala, ở tại Icchànankala trong khu rừng tên

là Icchànakala. Những tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài đã tự chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, tự chứng ngộ rồi hiển thị cho mọi loài được biết, Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, trình bày phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy thì rất quý".

3. Lúc bấy giờ, thanh niên Ambattha là đệ tử của Bà-la-môn Pokkharasàdi, một vị đọc tụng Thánh điển, chấp trì chú thuật, tinh thông ba tập Vệ-đà với tự vựng, lễ nghi, giữ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Vị này độc đáo về ba minh và được công nhận như vậy khiến các thân giáo sư phải nói: "Điều gì ta biết, người cũng biết; điều gì người biết, ta cũng biết".

4. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với thanh niên Ambattha:

– "Này Ambattha thân yêu, Sa-môn Gotama

là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích ca, nay đang du hành tại nước Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến tại Icchànakala trú tại Icchànakala. Những tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Phật, Thế Tôn. Ngài đã chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, tự chứng ngộ rồi hiển thị cho mọi loài được biết. Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, trình bày phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy thì rất quý".

Này Ambattha thân yêu, hãy đi đến gặp Sa-môn Gotama, và tìm hiểu lời đồn về Tôn giả Gotama là như vậy hay không phải như vậy. Nhờ vậy, chúng ta sẽ được biết về Tôn giả Gotama".

5. - Làm thế nào con được biết về Tôn giả Gotama, được biết lời đồn về Tôn giả Gotama như vậy là đúng hay không, có phải Tôn giả Gotama là như vậy, hay không phải như vậy?

- Ambattha thân yêu, theo truyền thống của chúng ta về ba mươi hai tướng của vị đại nhân, những ai có ba mươi hai tướng ấy sẽ chọn trong hai con đường, không có đường nào khác. Nếu là tại gia, sẽ thành vị

Chuyển luân Thánh vương chinh phục mọi quốc độ, đầy đủ bảy châu báu. Bảy món báu này là xe báu, voi báu, ngựa báu, ma ni báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Và vị này có hơn một ngàn con trai, là những vị anh hùng, oai phong lẫm liệt, chiến thắng ngoại quân. Vị này sống, thống lãnh quả đất cùng tận cho đến đại dương, và trị vì với chánh pháp, không dùng gậy, không dùng dao. Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị này sẽ chứng quả A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, quét sạch mê lầm ở đời. Nay Ambattha thân yêu, ta đã cho con chú thuật. Con đã nhận những chú thuật ấy.

6.- Thừa vâng.

Thanh niên Ambattha vâng theo lời của Bà-la-môn Pokkharasàdi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Bà-la-môn Pokkharasàdi, hướng thân về phía hữu, cỡi xe ngựa cái và cùng một số đông thanh niên khác đi đến khu rừng Icchànkala. Đi xe đến chỗ còn đi được xe, Ambattha liền xuống xe đi bộ và đến tại tịnh xá.

7. Lúc bấy giờ một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành ngoài trời. Thanh niên Ambattha liền đến các Tỷ-kheo ấy và hỏi: "Các Hiền giả, nay Tôn giả Gotama ở tại chỗ nào? Chúng tôi đến đây để yết kiến

Tôn giả Gotama".

8. Các Tỷ-kheo liền nghĩ: "Thanh niên Ambattha này thuộc một gia đình có danh tiếng, là đệ tử của Bà-la-môn Pokkharasàdi, một vị cũng có danh tiếng. Một cuộc đối thoại như vậy giữa Thế Tôn và con một quý tộc như kia, không có khó khăn gì". Những Tỷ-kheo ấy nói với thanh niên Ambattha: "Này Ambattha, tịnh xá đóng cửa kia là chỗ ở của Ngài. Hãy đến đó một cách yên lặng, không vượt qua hành lang, đăng hăng và gõ vào thanh cửa, Thế Tôn sẽ mở cửa cho ông".

9. Thanh niên Ambattha liền đi đến tịnh xá đóng cửa ấy một cách yên lặng, không vượt quá hành lang, đăng hăng và gõ vào thanh cửa. Thế Tôn mở cửa và thanh niên Ambattha bước vào. Các thanh niên khác cũng bước theo, nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên, còn thanh niên Ambattha thời đi qua đi lại, thốt ra những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi Thế Tôn đang ngồi, hay đứng lại thốt ra những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi Thế Tôn đang ngồi.

10. Lúc bấy giờ Thế Tôn nói với thanh niên Ambattha:

- Có phải, đối với các bậc Bà-la-môn trưởng

lão, đứng tuổi, các bậc giáo sư và tổ sư, người cũng nói chuyện như vậy, như người đã đi qua lại thốt ra những lời hỏi thăm nhất gừng trong khi Ta đang ngồi, hay đứng lại thốt ra những lời hỏi thăm nhất gừng trong khi Ta đang ngồi?

- Không phải vậy, này Gotama. Phải đi mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang đi. Phải đứng mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang đứng. Phải ngồi mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang ngồi. Phải nằm mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang nằm. Chỉ với những vị Sa-môn hèn hạ, trọc đầu, dê tiện, đen đui, sanh từ nơi chân của bà con ta, thì ta mới nói chuyện như vậy, như với người, Gotama".

11. - Này Ambattha, hình như người đến đây với một ý định gì? Người hãy khéo tác ý đến mục đích đã đưa người đến đây. Thanh niên Ambattha này thật vô giáo dục, dầu nó tự cho là có giáo dục. Như vậy là vô giáo dục, có gì khác nữa!

12. Thanh niên Ambattha bị Thế Tôn gọi là vô giáo dục như vậy, liền phẫn nộ, tức tối, muốn nhục mạ Thế Tôn, phỉ báng Thế Tôn, công kích Thế Tôn, và nghĩ: "Sa-môn Gotama có ác ý đối với ta", liền nói

với Thế Tôn:

- Nay Gotama, thô bạo là dòng họ Thích ca; này Gotama, ác độc là dòng họ Thích ca; này Gotama, khinh suất là dòng họ Thích ca; này Gotama hung dữ là dòng họ Thích ca. Là đê tiện, thuộc thành phần đê tiện, dòng họ Thích ca không kính nhường Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn . Nay Gotama, như vậy thật không lẽ, thật không đúng pháp, khi dòng họ Thích ca này, những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn .

Như vậy, thanh niên Ambattha lần đầu tiên đã buộc tội dòng họ Thích ca là đê tiện.

13. - Nay Ambattha, dòng họ Thích ca đã làm gì phật lòng người?

- Nay Gotama, một thời ta đi đến Kapilavatthu (Ca tỳ la vệ) có việc phải làm cho thầy ta là Bà-la-môn Pokkharasàdi, và đến tại công hội trường của dòng họ Thích. Lúc bấy giờ một số đông dòng họ Thích ca và thanh niên Thích ca đang ngồi trên ghế cao tại công hội trường. Chúng cười với nhau, dùng ngón

tay thọc cù nôn với nhau, ta nghĩ chắc chắn ta là mục tiêu cho chúng đùa giỡn với nhau, lại không ai mời ta ngồi. Nay Gotama, như vậy thật không phải lẽ, thật không đúng pháp, khi chúng Thích ca này là những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn .

Như vậy thanh niên Ambattha lần thứ hai đã buộc tội dòng họ Thích ca là đê tiện.

14. - Nay Ambattha, cũng như con chim cáy, con chim cáy con có thể tự hát thỏa thích trong tổ của nó. Nay Ambattha, Kapilavatthu thuộc dòng họ Thích ca. Thật không xứng để cho Ambattha phải phật lòng vì một vấn đề nhỏ mọn này.

15. - Nay Gotama, có bốn giai cấp: Sát đế ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đà-la. Nay Gotama, trong bốn giai cấp này, ba giai cấp Sát-đế-ly, Phệ-xá và Thủ-đà-la là để hầu hạ hạng Bà-la-môn . Nay Gotama, như vậy thật không phải lẽ, thật không đúng pháp khi chúng Thích-ca này là những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện, lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn .

Như vậy, thanh niên Ambattha lần thứ ba đã buộc tội dòng họ Thích ca là đê tiện.

16. Lúc bảy giờ Thế Tôn nghĩ: "Thanh niên Ambattha này đã phỉ báng dòng họ Thích-ca đê tiện một cách quá đáng. Nay ta phải hỏi dòng họ của nó". Rồi Thế Tôn hỏi thanh niên Ambattha:

- Dòng họ ngươi là gì?

- Nay Gotama, dòng họ ta là Kanhàyaana.

- Nay Ambattha, nếu theo phụ mẫu hệ của ngươi về quá khứ, thời dòng họ Thích ca là thầy của ngươi. **Và ngươi là con của một nữ tỳ của dòng họ Thích ca.**

Này thanh niên Ambattha, tổ tiên của Thích ca là vua Okkàka. Thuở xưa, này Ambattha, vua Okkàka muốn trao vương vị cho hoàng tử con bà hoàng hậu chính mà vua thương yêu, bèn đuổi ra khỏi nước những người con đầu của mình là Okkàmukha, Karandu, Hatthiniya, Sinipura. Bị tẩn xuất khỏi nước, những hoàng tử này đến sống tại một khu rừng lớn bên một hồ nước, trên sườn núi Hy-mã-lạp-sơn. Vì sợ huyết thống của mình bị lẫn lộn với huyết thống khác, các vị hoàng tử này ăn nằm với những người chị của mình.

Này Ambattha, một hôm vua Okkàka nói với vị đại thần tùy tùng: "Này các khanh, các hoàng tử hiện nay ở đâu?" - "Bạch Đại vương, có một khu rừng lớn, bên một hồ nước trên sườn núi Hy-mã-lạp-sơn. Nay các hoàng tử ở tại chỗ ấy. Các hoàng tử, vì sợ huyết thống của mình lẫn lộn huyết thống khác nên ăn nằm với những người chị của mình".

Này Ambattha, vua Okkàka liền cảm hứng thốt lời tưng hân hoan: **"Các hoàng tử thật là những Sakya (cứng như lõi cây sồi), các hoàng tử thật là những Sakya xuất chúng"**. Này Ambattha, từ đó trở đi, các hoàng tử được gọi là Sakya và vua Okkàka là vua tổ của dòng họ Thích-ca.

Này Ambattha, vua ấy có một nữ tỳ lên là Disà. Nữ tỳ này sinh hạ một người con da đen. Vừa mới sinh, Kanha liền nói: "Này mẹ, hãy rửa cho con; này mẹ hãy tắm cho con; này mẹ hãy gội sạch đồ bất tịnh này. Và con sẽ giúp ích cho mẹ". Này Ambattha, vì người ta gọi những ác quỷ là ác quỷ nên người ta cũng gọi Kanha là ác quỷ. Chúng nói như thế này: "Đứa trẻ này, vừa mới sanh đã nói. Một Kanha vừa mới sinh". Này Ambattha, từ đó trở đi chữ Kanhàyanà được biết đến. Và Kanha là tổ phụ của dòng họ Kanhàyana. Này Ambattha, nếu theo phụ mẫu hệ của người về quá khứ, thời dòng họ Thích-

ca là thầy của người, và người là con một nữ tỳ của dòng họ Thích ca.

17. Khi Thế Tôn nói vậy, những thanh niên nói với Thế Tôn:

- Này Gotama, chớ có phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ. Này Gotama, thanh niên Ambattha sinh vào quý tộc, thanh niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này.

18. Thế Tôn liền nói với những thanh niên ấy.

- Nếu những thanh niên các người nghĩ: "Thanh niên Ambattha không được sanh vào quý tộc, thanh niên Ambattha không thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha không phải là bậc đa văn, thanh niên Ambattha không phải là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha không phải là nhà bác học, thanh niên Ambattha không thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này", thời thanh niên Ambattha hãy đứng ra một bên và để các thanh niên biện luận với Ta về vấn đề này. Nếu các người nghĩ: "Thanh niên Ambattha được sanh vào quý tộc, thanh

niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có thể biện luận với Gotama về vấn đề này", thời các người hãy đứng ra một bên và để thanh niên Ambattha biện luận với ta về vấn đề này.

19. - Nay Gotama, thanh niên Ambattha được sanh vào quý tộc, thanh niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này. Chúng tôi sẽ đứng im lặng. Thanh niên Ambattha sẽ cùng với Gotama biện luận về vấn đề này.

20. Thế Tôn liền nói với thanh niên Ambattha:

- Nay Ambattha, câu hỏi hợp lý này được đem ra hỏi người dầu không muốn, người cũng phải trả lời. Nếu người không trả lời, hoặc trả lời tránh qua một vấn đề khác, hoặc giữ im lặng, hoặc bỏ đi, thời ngay tại chỗ, **đầu người sẽ bị bể ra làm bảy mảnh.** Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Người có nghe các Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, giáo sư và tổ sư nói đến nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà không? Ai là

tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà?

Nghe nói vậy thanh niên Ambattha giữ im lặng. Lần thứ hai Thế Tôn nói với thanh niên Ambattha:

- Nay Ambattha, nhà ngươi nghĩ thế nào? Ngươi có nghe các nguồn gốc của dòng họ kanhàyanà không? Ai là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà?

Lần thứ hai thanh niên Ambattha giữ im lặng. Thế Tôn lại nói với thanh niên Ambattha:

- Ambattha, nay ngươi phải trả lời, nay không phải thời ngươi giữ im lặng nữa. Nay Ambattha ai được Thế Tôn hỏi đến lần thứ ba một câu hỏi hợp lý mà không trả lời, thời đầu của người ấy sẽ bị bể ra làm bảy mảnh tại chỗ.

21. Lúc bấy giờ, thần Dạ xoa Vajirapàni đang cầm một chùy sắt to lớn, cháy đỏ, sáng chói đứng trên đầu của thanh niên Ambattha với ý định: "Nếu Thế Tôn hỏi đến lần thứ ba, một câu hỏi hợp lý mà thanh niên Ambattha không trả lời, thời ta sẽ đánh bể đầu nó ra làm bảy mảnh". Chỉ có Thế Tôn và thanh niên Ambattha mới thấy thần Dạ xoa Vajirapàni. Thanh niên Ambattha thấy vị thần ấy liền sợ hãi, hoảng hốt, lông dựng ngược, chỉ tìm sự che chở nơi Thế Tôn, chỉ tìm sự hỗ trợ nơi Thế Tôn, liền cúi rạp mình

xuống và bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama đã nói gì? Mong Tôn giả Gotama nói lại cho.

- Ambattha, người nghĩ thế nào? Người có nghe các vị Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, giáo sư và tổ sư nói đến nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà không? Ai là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà?

- Tôn giả Gotama, con đã có nghe, đúng như Tôn giả Gotama đã nói. Chính từ đó nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà. Vị ấy là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà.

22. Khi nghe nói vậy, các thanh niên liền la hét lớn:

- Người ta nói thanh niên Ambattha là tiện sanh, người ta nói thanh niên Ambattha là con dòng không phải quý phái; người ta nói thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ của dòng họ Thích-ca; người ta nói dòng họ Thích-ca là chủ của thanh niên Ambattha. Chúng tôi không nghĩ rằng Sa-môn Gotama mà lời nói bao giờ cũng chân thực, lại không phải là người có thể tin được.

23. Lúc bấy giờ Thế Tôn nghĩ rằng: "Các thanh niên đã phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con

một nữ tỳ rồi. Nay Ta hãy giải tỏa cho Ambattha".
Rồi Thế Tôn nói với các thanh niên:

- Các thanh niên, các người chớ có phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ. Kanha ấy trở thành một tu sĩ vĩ đại. Vị này đi về miền Nam, học các chú thuật Phạm thiên, rồi về yết kiến vua Okkaka và yêu cầu gả công chúa Khuddarupi cho mình. Vua Okkaka vừa giận, vừa tức, mắng rằng: "Người là ai, con đưa nữ tỳ của ta mà dám xin con gái Khuddarupi của ta", và vua liền lấp tên vào cung. Nhưng vua không thể bắn tên đi, cũng không thể cắt mũi tên xuống. Khi bấy giờ, các thanh niên thị giả, các đại thần và tùy tùng đến thưa với ẩn sĩ Kanha:

- "Đại đức, hãy để cho vua an toàn! Đại đức, hãy để cho vua được an toàn!"

- "Nhà vua sẽ được an toàn, và nếu nhà vua bắn mũi tên xuống đất, thời toàn thể quốc độ nhà vua sẽ bị hạn, khô héo!"

- "Đại đức hãy để cho vua được an toàn! Hãy để cho quốc độ được an toàn!"

- "Nhà vua sẽ được an toàn, quốc độ sẽ được an toàn! Nhưng nếu nhà vua bắn tên lên trời, thời toàn thể quốc độ sẽ không mưa trong bảy năm!"

- "Đại đức, hãy để cho nhà vua được an toàn, hãy để cho quốc độ được an toàn! Và hãy để cho trời mưa!"

- "Nhà vua sẽ được an toàn, quốc độ sẽ được an toàn và trời sẽ mưa. Nhưng vua hãy nhắm cây cung đến phía thái tử. Một sợi lông của thái tử cũng sẽ được an toàn!".

Khi bấy giờ, các thị giả trẻ tuổi, các đại thần nói với Okkàka: "Okkàka hãy nhắm cây cung đến phía thái tử. Một sợi lông của thái tử sẽ được an toàn".

Vua Okkàka nhắm cây cung đến phía thái tử và một sợi lông của thái tử cũng được an toàn. Vua Okkàka hoảng sợ, khiếp đảm sự trừng phạt, thuận cho con gái Khuddàrùpi. Đây các thanh niên, chớ có phỉ báng thanh niên Ambattha một cách quá đáng là con của một nữ tỳ. Kanha là một vị ẩn sĩ vĩ đại.

24. Khi bấy giờ, Như Lai nói với thanh niên Ambattha:

- "Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Một thanh niên Sát-đế-ly cưới một thiếu nữ Bà-la-môn. Do sự sum họp ấy, một người con trai được sinh. Một người sanh từ một thanh niên Sát-đế-ly và một thiếu nữ Bà-la-môn có thể thọ lãnh chỗ ngồi hay nước giữa

những người Bà-la-môn không?"

- Tôn giả Gotama, có thể thọ lãnh.

- Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng món đồ ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng cho thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy các chú thuật hay không?

- Tôn giả Gotama, có dạy.

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, mở cửa.

- Và những người Sát-đế-ly có quán đánh cho người ấy để thành một Sát-đế-ly không?

- Tôn giả Gotama, thưa không.

- Tại sao không?

- Vì nó không được sinh (là Sát đế ly) từ mẫu hệ.

25. - Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Ở đây một thanh niên Bà-la-môn cưới một thiếu nữ Sát-đế-ly.

Do sự sum họp này, một người con trai được sanh. Một người sanh từ một thanh niên Bà-la-môn và một thiếu nữ Sát-đế-ly có thể thọ lãnh chỗ ngồi hay nước giữa những Bà-la-môn hay không?

- Tôn giả Gotama, có thể thọ lãnh.

- Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng các món ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng theo thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không?

- Tôn giả Gotama, có dạy.

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, chúng mở cửa.

- Và những người Sát-đế-ly có làm lễ quán đảnh cho người ấy để thành một Sát-đế-ly không?

- Tôn giả Gotama, thưa không.

- Tại sao vậy?

- Tôn giả Gotama, vì không được sinh (là Sát đế ly) từ phụ hệ.

26. - Nay Ambattha, nếu so sánh đàn bà với đàn bà, đàn ông với đàn ông, thì giai cấp Sát đế ly là ưu, Bà-la-môn là liệt.

Nay Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Ở đây, giả sử do một nguyên nhân gì những người Bà-la-môn cạo đầu một người Bà-la-môn, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố. Người ấy có được thọ lãnh chỗ ngồi và nước giữa những người Bà-la-môn không?

- Tôn giả, không được.

- Và những người Bà-la-môn, có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng các món ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng cho thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, không có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không?

- Tôn giả Gotama, không dạy.

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, đóng cửa.

27. - Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Ở đây giả sử do một nguyên nhân gì, những người Sát đế ly cao đầu một người Sát đế ly, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố, người ấy có được thọ lãnh chỗ ngồi và nước uống giữa những người Bà-la-môn không?

- Tôn giả Gotama, được thọ lãnh.

- Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết, hay dùng những món ăn cúng dường, hoặc đồ ăn cúng cho thiên thần, hay đồ ăn gửi đến như những tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không?

- Tôn giả Gotama, có dạy:

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, mở cửa.

- Nay Ambattha, đến như vậy là sự đọa lạc tội cùng của người Sát-đế-ly, đã bị những người Sát-đế-ly cạo đầu, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố, như vậy, nay Ambattha, **khí người Sát-đế-ly bị đọa lạc tội cùng, các Sát đế ly vẫn giữ phần ưu thắng và các Bà-la-môn vẫn ở địa vị hạ liệt.**

28. - Nay Ambattha, bài kệ này do **Phạm thiên Sanam Kumàra thuyết:**

"Đối với chúng sanh tin tưởng ở giai cấp, Sát-đế-ly chiếm địa vị tối thắng ở nhân gian.

Những vị nào giới hạnh và trí tuệ đầy đủ, vị này chiếm địa vị tối thắng giữa Người và chư Thiên".

(Xong tụng phẩm thứ nhất).

1. - Tôn giả Gotama, nghĩa chữ Giới hạnh trong bài kệ ấy là gì? Nghĩa chữ Tuệ trong bài kệ ấy là gì?

- Này Ambattha, một vị đã thành tựu vô thượng trí đức không có luận nghị đến sự thọ sanh, không có luận nghị đến giai cấp hay không có luận nghị đến ngã mạn với lời nói: "Người bằng ta hay người không bằng ta". Chỗ nào nói đến cưới hỏi hay rước dâu đi, hay cả hai, chỗ đó mới có luận nghị đến sự thọ sanh, luận nghị đến giai cấp hay luận nghị đến ngã mạn với lời nói: "Người bằng ta hay không bằng ta".

Này Ambattha, những ai còn chấp trước lý thuyết thọ sanh, còn chấp trước lý thuyết giai cấp, còn chấp trước lý thuyết kiêu mạn, hoặc còn chấp trước cưới hỏi rước dâu, những người ấy còn rất xa sự thành tựu vô thượng trí đức. Này Ambattha, không chấp trước lý thuyết thọ sanh, không chấp trước lý thuyết giai cấp, không chấp trước lý thuyết kiêu mạn, không chấp trước cưới hỏi, đưa dâu, người ấy tức chứng ngộ vô thượng trí đức.

2. - Tôn giả Gotama, thế nào là Giới đức trong bài kệ ấy? Thế nào là Trí tuệ trong bài kệ ấy?

- Ở đây, này Ambattha, Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc:

... (xin xem kinh Sa-môn quả, từ số 40 đến số 98 tới câu: "Không có đời sống nào khác nữa" chỉ khác danh từ xưng hô và câu kết từng đoạn. Như đoạn này, câu kết là "Như vậy, này Ambattha, là vị Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh".)

- Này Ambattha, **như vậy gọi là Tỷ-kheo thành tựu trí tuệ, thành tựu giới đức, thành tựu giới đức và trí tuệ**. Này Ambattha, không có sự thành tựu trí đức nào khác siêu việt hơn, cao thượng hơn sự thành tựu trí đức này.

3. Này Ambattha, có bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu **vô thượng trí đức này. Thế nào là bốn?**

- Này Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, lại mang dụng cụ của nhà đạo sĩ, đi vào rừng sâu và nguyện: **"Ta chỉ ăn trái cây rừng mà sống"**. Nhất định **người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu trí đức**. Này Ambattha, đó là nguyên nhân thứ nhất đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.
- Lại nữa, này Ambattha ở đây có vị Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô

thượng trí đức này, và chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, lại mang theo cuộc và giỏ đi vào rừng sâu và nguyện: "Ta chỉ ăn củ, rễ và trái cây để sống". Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu thượng trí đức. Đây Ambattha, đó là nguyên nhân thứ hai đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

- Lại nữa, này Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống và chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, lại **nhén lửa tại cuối làng hay sống thờ lửa ấy**. Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu thượng trí đức. Đây Ambattha đó là nguyên nhân thứ ba đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.
- Lại nữa Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt được pháp ăn trái cây rừng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, chưa thấu đạt pháp tôn thờ lửa, lại **xây dựng một ngôi nhà có bốn cửa tại ngã tư đường, sống và nguyện: "Từ bốn phương nếu có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào lại, thì ta**

sẽ cúng dường, tùy theo khả năng, tùy theo sức lực của ta". Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu trí đức. Nay Ambattha, đó là nguyên nhân thứ tư đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

Này Ambattha đó là bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

4. Này Ambattha, người nghĩ thế nào? Người và thầy người có được xem là đã thành tựu vô thượng trí đức này không?

- Bạch không, Tôn giả Gotama. Con và thầy con là gì, Tôn giả Gotama, để có thể so sánh với sự thành tựu vô thượng trí đức. Tôn giả Gotama, con và thầy con còn rất xa sự thành tựu vô thượng trí đức.

- Này Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, nhà người có đem theo dụng cụ của nhà đạo sĩ, đi vào rừng sâu và nguyện: "Ta và thầy ta chỉ ăn trái cây rụng mà sống?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Này Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô

thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, người có mang theo cuốc và giỏ đi vào rừng sâu và nguyện: "Ta và thầy ta chỉ ăn rễ và trái cây để sống không?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, người có nhen lửa tại cuối làng hay cuối xóm và sống thờ lửa ấy với thầy người không?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống và chưa thấu đạt sự thờ lửa, người và thầy người có xây dựng một ngôi nhà có bốn cửa tại ngã tư đường với lời nguyện: "Từ bốn phương, nếu có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào lại, thì ta sẽ cúng dường tùy theo khả năng, tùy theo sức lực của ta không?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha, như vậy người và thầy người còn khiếm khuyết sự thành tựu vô thượng trí đức này, còn khiếm khuyết bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này, Ambattha, thế mà những lời này lại do thầy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi thốt ra: "Những hạng Sa-môn giả hiệu, đầu trọc, dê tiện, đen đui, sanh từ nơi chân bà con ta là ai mà có thể đàm luận với những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ đà". Một vị tự mình chưa thành tựu được những pháp đưa đến sự thất bại (cho những pháp cao thượng hơn). Nay Ambattha, người xem, thầy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi đã lỗi lầm như thế nào?

6. Nay Ambattha, Bà-la-môn Pokkharasàdi hưởng thọ sự cung cấp của vua Pasenadi nước Kosala. Vua Pasenadi nước Kosala cũng không cho phép thầy người diện kiến. Nếu vua hội nghị với thầy người thì chỉ nói thầy người ngang qua một tấm màn. Nay Ambattha, tại sao vua Pasenadi nước Kosala lại không cho phép thầy người diện kiến, người mà vua cung cấp thực phẩm thuần tịnh chân chánh. Nay Ambattha, người xem thầy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi đã lỗi lầm như thế nào?

7. Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Như vua Pasenadi nước Kosala hoặc ngồi trên cỗ voi, hoặc

ngồi trên lưng ngựa, hoặc đứng trên lưng ngựa, hoặc đứng trên tám thảm xe cùng các vị đại thần hay vương tử, luận bàn quốc sự. Nếu vua rời khỏi chỗ ấy hay đứng qua bên, một người Thủ đà hay đầy tớ của một người Thủ đà đến. Người này cũng đứng tại chỗ ấy, cũng luận bàn quốc sự và nói: "Vua Pasenadi nước Kosala đã nói như vậy". **Dẫu người ấy nói như lời nói của vua, luận bàn như lời luận bàn của vua, người ấy có thể là vua hay là vị phó vương không?**

- "Không thể được, Tôn giả Gotama".

8. Nay Ambattha, nhà ngươi cũng vậy. Thuở xưa, những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật, đã hát, đã nói lên, đã suu tầm, những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vị ẩn sĩ ấy tên là Atthaka (A-sá-ca), Vàmaka (Bà-ma), Vàmadeva (Bà-ma-đề-bà), Vessàmitta (Tì-bà-thảm-sá), Yamataggi (Gia-bà-đề-bà), Angirasa (Ương-kỳ-la). Bhàradvāja (Bạt-la-đà-thảm-xà), Vasettha (Bà-ma-sá) Kassapa (Ca-diếp), Bhagu (Bà-cửu). *Dẫu người có thể nói "Ta, một đệ tử, học thuộc lòng những chú thuật của các vị ấy", chỉ với điều kiện này, người có thể được xem là một vị ẩn sĩ hay đã chứng địa vị của một ẩn sĩ không?* Việc này không thể có

được.

9. Ambattha, người nghĩ thế nào? Người có được nghe những vị Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, những vị giáo sư và tổ sư nói đến không? Thuở xưa những vị ẩn sĩ, giữa các Bà-la-môn, những tác giả của chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn, cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vị ẩn sĩ ấy tên là Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvaja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu. *Những vị ấy có khéo tắm, khéo chải chuốt, tóc và râu khéo sửa soạn, trang điểm với vòng hoa và ngọc, mặc toàn đồ trắng, tận hưởng và tham đắm năm món dục lạc, như người và thầy của người hiện nay không?*

- Không có vậy. Tôn giả Gotama.

10. - *Các vị ẩn sĩ ấy có dùng com nấu từ gạo trắng thượng hạng mà các hạt đen được gạn bỏ ra, dùng các món canh, các món đồ ăn nhiều loại không, như người và thầy người hiện nay không?*

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

- *Hay các vị ấy được những thiếu nữ có đường*

eo và thắt lưng có tua hầu hạ như người và thầy người hiện nay không?

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

- Hay những vị ấy đi trên những xe do những con ngựa cái có bờm, đuôi được bện và dùng những dây roi và gậy dài như người và thầy người hiện nay không?

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

- Hay những vị ấy sống được che chở trong những thành lũy có những chiến hào bao bọc, có những cửa thành hạ xuống, có những chiến sĩ mang gươm dài hộ vệ như người và thầy người hiện nay không?

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

Như vậy, này Ambattha, người và thầy người không phải là một ẩn sĩ, không giống đời sống của nhà ẩn sĩ. Này Ambattha, nếu có gì nghi ngờ, có gì phân vân về Ta, hãy hỏi Ta và Ta sẽ trả lời.

11. Lúc bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi tịnh xá và bắt đầu đi kinh hành. Thanh niên Ambattha đi theo sau Thế Tôn đang đi kinh hành và tìm đếm ba mươi hai tướng

tốt của vị đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài.

12. Khi bảy giờ, Thế Tôn nghĩ rằng: "Thanh niên Ambattha này thấy ở nơi ta gần đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của vị đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài".

Thế Tôn liền dùng thần thông khiến thanh niên Ambattha thấy tướng mã âm tàng của Thế Tôn. Và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai, rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vàng trán. Lúc bảy giờ, thanh niên Ambattha liền nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân, không phải không đầy đủ". Và nói với Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, nay chúng tôi xin đi, chúng tôi rất bận, có nhiều việc cần phải làm".

- Nay Ambattha, hãy làm những gì người nghĩ là phải thời.

Rồi thanh niên Ambattha leo lên xe do ngựa cái kéo và ra đi.

13. Lúc bảy giờ Bà-la-môn Pokkharasàdi ra khỏi

Ukkattha với một đại chúng Bà-la-môn, ngồi tại hoa viên của mình và chờ đợi thanh niên Ambattha. Khi thanh niên Ambattha đi đến hoa viên, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Bà-la-môn pokkharasàdi đang ngồi. Đến xong, thanh niên Ambattha đánh lễ Bà-la-môn Pokkharasàdi và ngồi xuống một bên. Sau khi thanh niên Ambattha ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Pokkharasàdi nói:

14. - Này Ambattha thân mến, người đã thấy Sa-môn Gotama chưa?

- Chúng con thấy Tôn giả Gotama rồi.

- Này Ambattha thân mến, có phải Tôn giả Gotama đúng với tin đồn đã truyền đi, chớ không phải khác?

- Tôn giả Gotama đúng với tin đồn đã truyền đi, chớ không phải khác. Tôn giả Gotama là như vậy, chớ không phải khác. Tôn giả Gotama đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân, chớ không phải thiếu.

- Này Ambattha thân mến, con có cùng với Tôn giả Gotama đàm luận không?

- Con có đàm luận với Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha thân mến, cuộc đàm luận ấy như thế nào?

Thanh niên Ambattha liền thuật cho Bà-la-môn Pokkharasàdi rõ tất cả cuộc hội đàm với Tôn giả Gotama.

15. Nghe nói như vậy, Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với thanh niên Ambattha:

- Người thật là nhà học giả đốn mạt của chúng ta! Người thật là nhà đa văn đốn mạt của chúng ta! Người thật là nhà tinh thông ba quyển Vệ đà đốn mạt của chúng ta. Người ta nói những ai có sự cư xử như vậy, khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh vào cõi ác, đọa xứ, địa ngục. Nay Ambattha, người càng công kích Tôn giả Gotama bao nhiêu, lại càng bị Tôn giả Gotama lật tẩy chúng ta bấy nhiêu. Người thật là nhà học giả đốn mạt của chúng ta! Người thật là nhà đa văn đốn mạt của chúng ta! Người thật là nhà tinh thông ba quyển Vệ đà đốn mạt của chúng ta! Người ta nói, những ai có sự cư xử như vậy, khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh vào cõi ác, đọa xứ, địa ngục.

Bà-la-môn Pokkharasàdi tức giận, bực bội, dùng chân đá thanh niên Ambattha bổ lộn nhào rồi lập tức muốn đi gặp đến Thế Tôn.

16. Khi ấy, những người Bà-la-môn này thưa với Bà-la-môn Pokkharasàdi: "Hôm nay thì giờ đã quá trễ để đi thăm Sa-môn Gotama. Ngày mai Tôn giả Pokkharasàdi hãy đi thăm Sa-môn Gotama".

Tuy vậy, Bà-la-môn Pokkharasàdi vẫn cho làm các món ăn thượng vị, loại cứng loại mềm tại nhà riêng, chở trên các xe, và dưới ánh sáng của những ngọn đuốc từ Ukkattha đi ra và đi đến khóm rừng Icchànankala. Vị này đi xe cho đến chỗ còn đi xe được rồi xuống xe đi bộ đến Thế Tôn. Khi đi đến, liền nói với Thế Tôn những lời hỏi thăm xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với Thế Tôn:

17. - Tôn giả Gotama, đệ tử của chúng tôi, thanh niên Ambattha có đến đây không?

- Đây Bà-la-môn, đệ tử người, thanh niên Ambattha có đến đây.

- Tôn giả Gotama, Ngài có cùng với thanh niên Ambattha đàm luận không?

- Đây Bà-la-môn, ta có đàm luận với thanh niên Ambattha.

- Tôn giả Gotama, cuộc đàm luận của Ngài

với thanh niên Ambattha như thế nào?

Cuộc đàm luận với thanh niên Ambattha như thế nào, Thế Tôn kể lại tất cả cho Bà-la-môn Pokkharasàdi.

Nghe nói vậy, Bà-la-môn nói với Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, thanh niên Ambattha thật là ngu si! Tôn giả Gotama, hãy tha thứ cho thanh niên Ambattha!

- Này Bà-la-môn, cầu cho thanh niên Ambattha được hạnh phúc.

18. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi tìm đếm ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân trên thân Thế Tôn. Bà-la-môn thấy gần đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân trên thân Thế Tôn, trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của bậc đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, hai tướng là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài.

19. Lúc bấy giờ Thế Tôn nghĩ rằng: "Bà-la-môn Pokkharasàdi thấy gần đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân ở nơi Ta, trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của bậc đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự

sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài". Thế Tôn liền dùng thần thông khiến Bà-la-môn Pokkharasàdi thấy tướng mã âm tàng của Thế Tôn. Và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai, rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vàng trán.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi nghĩ rằng: "Sa môn Gotama có đầy ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân, không phải không đầy đủ", liền nói với Thế Tôn: "Hôm nay xin mời Tôn giả Gotama cùng chúng Tỷ-kheo đến dùng cơm với con". Thế Tôn nhận lời với sự im lặng.

20. Khi Bà-la-môn Pokkharasàdi được biết Thế Tôn đã nhận lời liền báo thì giờ cho Thế Tôn: Tôn giả Gotama, cơm đã sẵn sàng. Khi ấy Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát, và cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến cư xá của Bà-la-môn Pokkharasàdi. Khi đi đến, liền ngồi trên chỗ soạn sẵn. Bà-la-môn Pokkharasàdi tự tay làm cho Thế Tôn thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm, còn các thanh niên Bà-la-môn thì tiếp đãi chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi, sau khi biết Thế Tôn dùng cơm đã xong, đã rửa tay và bát, liền lấy một ghế ngồi thấp khác và ngồi xuống một bên.

21. Thế Tôn liền thứ lớp giảng pháp cho Bà-la-môn Pokkharasàdi đang ngồi một bên nghe, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Pokkharasàdi đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phân khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ, tức là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng như tấm vải thuần bạch, được gột rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, chính chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Pokkharasàdi: **"Phàm pháp gì được tập khởi lên đều bị tiêu diệt"**.

22. Khi ấy Bà-la-môn Pokkharasàdi, thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư. Bà-la-môn Pokkharasàdi liền bạch Phật:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Tôn giả

Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Tôn giả Gotama, con, con của con, vợ của con, tùy tùng của con, bạn hữu của con, xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Như Tôn giả Gotama đến thăm các gia đình cư sĩ khác ở Ukkattha, mong Tôn giả Gotama cũng đến thăm các gia đình Pokkharasàdi. Tại đây, các thanh nam hay thanh nữ Bà-la-môn sẽ đánh lễ Thế Tôn Gotama, hoặc đứng dậy, hoặc mời chỗ ngồi, hoặc mời nước, hoặc khiến tâm hoan hỷ. Như vậy chúng sẽ hưởng hạnh phúc, lợi ích trong một thời gian lâu dài.

- Nay Bà-la-môn lời người nói thật là chí thiện.

61 Thích Tử - Ta là con chánh tông của Thế Tôn - Kinh BÁT ĐOẠN – 111 Trung III, 153

KINH BÁT ĐOẠN (Anupada sutta)

– Bài kinh số 111 – Trung III, 153

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo" – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Hiền trí;
- Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Đại tuệ;
- Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Quảng tuệ;
- Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Hỷ tuệ (Hasupanna);
- Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Tiệp tuệ

(javanapanna);

- Nay các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Lợi tuệ (tikkhapanna);
- Nay các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Quyết trạch tuệ (nibbedhikapanna).
- Nay các Tỷ-kheo, cho đến nửa tháng, Sariputta quán bất đoạn pháp quán. Nay các Tỷ-kheo, đây là do bất đoạn pháp quán của Sariputta.

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Sariputta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú **sơ Thiền**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ. Và những pháp thuộc về Thiền thứ nhất như **tâm, tứ, hỷ, lạc, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; các pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn.** Các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi an trú, được Sariputta biết đến khi đoạn diệt. Sariputta biết rõ như sau: "Như vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt". Sariputta đối với những pháp ấy, cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. **Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có**

hiều việc phải làm hơn nữa".

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sariputta diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhứt tâm. Và những pháp thuộc về Thiền thứ hai như nội tĩnh, hỷ, lạc, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta biết rõ như sau: "Như vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt". Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sariputta ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú **Thiền thứ ba**. Và những pháp thuộc về Thiền thứ ba, như xả, lạc, niệm, tỉnh giác, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, xả, tác ý; những

pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn, các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chúng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm, thanh tịnh. Và những pháp thuộc về Thiền thứ tư, như xả, bất khổ bất lạc thọ, thọ (passivedana?), vô quán niệm tâm (Cetaso anabhogo), thanh tịnh nhờ niệm, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; **những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn**, các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ mọi chương ngại tưởng, không tác ý đối với dị tướng, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú **Không vô biên xứ**. Và những pháp thuộc về Không vô biên xứ như hư không, vô biên xứ tướng, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn, các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú **Thức vô biên xứ**. Và những pháp thuộc về Thức vô biên xứ như Thức vô biên xứ tướng, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn; các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập,

không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**. Và những pháp thuộc về Vô sở hữu xứ, như Vô sở hữu xứ tướng, nhút tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn; các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**. Với chánh niệm, Sariputta xuất khỏi định ấy. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sariputta thấy các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại: "Như vậy các pháp ấy trước không

có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu chúng đoạn diệt". Sariputta đối với những pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và an trú **Diệt thọ tướng** (định). Sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Với chánh niệm, Sariputta xuất khỏi định ấy. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sariputta thấy các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại: "Như vậy các pháp ấy, trước không có nơi ta, sau có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt". Sariputta đối với các pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chế. **Sariputta biết: "Không có sự giải thoát nào vô thượng hơn thế nữa. Đối với Sariputta, không có việc phải làm nhiều hơn thế nữa".**

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau: "Người này được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giới,

được tự tại, được cứu cánh trong Thánh định, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giải thoát. Nói một cách chơn chánh về Sariputta, người ấy có thể nói như sau: "***Sariputta được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giới, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh định, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giải thoát***".

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau: "Người này là con chánh tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất". Nói một cách chơn chánh về Sariputta, người ấy có thể nói như sau: "***(Sariputta) là con chánh tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất***".

Sariputta, này các Tỷ-kheo, chơn chánh chuyển Pháp luân vô thượng đã được Như Lai chuyển vận.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

62 Thích Tử - Ta là con chánh tông của Thế Tôn - Kinh KHỞI THỂ NHÂN BỒN – 27 Trường II, 387

KINH KHỞI THỂ NHÂN BỒN
– Bài kinh số 27 – Trường II, 387

Như vậy tôi nghe:

1. Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi (Xá vệ), Pubbàrama (Thành Tín Viên lâm), ở lầu của Migà ramātu (Lộc Mẫu Giảng đường). Lúc bảy giờ, Vàsettha và Bhàradvàjà sống giữa các vị Tỷ kheo và muốn trở thành Tỷ kheo. Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi lầu, đi qua lại giữa trời, dưới bóng ngôi lầu.

2. Vàsettha thấy Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi ngôi lầu, đi qua lại giữa trời, dưới bóng ngôi lầu. Thấy vậy Vàsettha nói với Bhàradvàjà:

- Nay bạn Bhàradvàjà, Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi lầu, đi qua lại giữa trời, dưới bóng ngôi lầu. Nay bạn Bhàradvàjà,

chúng ta hãy đến yết kiến Thế Tôn. Rất có thể chúng ta được nghe thời pháp từ Thế Tôn.

- Thưa vâng, Hiền giả!

Bhàradvāja vâng theo lời Vāsettha. Rồi cả Vāsettha và Bhàradvāja cùng đến gần Thế Tôn, khi đến xong đánh lễ Ngài và đi theo sau lưng Thế Tôn, khi Ngài đang đi qua đi lại.

3. Rồi Thế Tôn nói với Vāsettha:

- Này Vāsettha, Người sanh trưởng là Bà la môn và thuộc gia tộc Bà la môn, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình từ gia tộc Bà la môn. Này Vāsettha, người Bà la môn có chỉ trích Người, phỉ báng Người chăng?

- Bạch Thế Tôn, các vị Bà la môn thật có chỉ trích chúng con, phỉ báng chúng con, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện.

- Này Vāsettha, các vị Bà la môn dùng lời lẽ như thế nào để chỉ trích các Người, phỉ báng các Người, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện?

- Bạch Thế Tôn, các vị Bà la môn đã nói như sau: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt. Chỉ có giai cấp Bà-la-môn là da trắng, giai cấp khác là da đen. Chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy. Chỉ có Bà la môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên. Các Người đã từ bỏ giai cấp tối thượng, cúi mình vào giai cấp hạ tiện - giai cấp các Sa môn trọc đầu, đê tiện, đen đui, giòng giống thuộc bàn chân. Làm vậy thật là không tốt, làm vậy thật là không hợp, khi các Người từ bỏ giai cấp tối thượng, cúi mình vào giai cấp hạ tiện, giai cấp Bà la môn trọc đầu, đê tiện, đen đui, giòng giống thuộc bàn chân". Bạch Thế Tôn, như vậy các vị Bà la môn chỉ trích chúng con, phỉ báng chúng con, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện.

4. - Nay Vasettha, **các người Bà la môn thật đã quên quá khứ khi họ nói:** "Bà la môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ tiện. Chỉ có giai cấp Bà la môn là da trắng, giai cấp khác là da đen. Chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy. Chỉ có Bà la môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm

thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên".

Này Vasettha, các nữ Bà-la-môn, vợ của các Bà-la-môn được thấy là có kinh nguyệt, có mang thai, có sanh con, có cho con bú. Và những Bà-la-môn ấy chính do thai sanh lại nói rằng: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng... là con cháu thừa tự của Phạm thiên".

5. Này Vasettha, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Sudda Thủ-đà-la.

— Này Vasettha, có người Sát-đế-ly sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tâm tham, có tâm sân, có tà kiến. Này Vasettha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất thiện; những pháp ấy là có tội và được gọi là có tội; những pháp ấy không nên hành trì và được gọi là các pháp không nên hành trì; những pháp ấy không xứng Thánh pháp và được gọi là không xứng Thánh pháp; những pháp ấy là hắc pháp và hắc báo; những pháp ấy bị người có trí quả trách. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Sát-đế-ly.

— Này Vasettha có người Bà-la-môn...

– Nay Vasettha có người Phệ xá...

– Nay Vasettha, có người Thủ đà la sát sanh... có tà kiến. Nay Vasettha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất thiện... là hắc pháp và hắc báo; những pháp ấy bị người có trí quả trách. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ đà la.

6. Nay Vasettha:

– Có người Sát đế ly không sát sanh, không lấy của không cho, không có tà hạnh, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói lời phù phiếm, không có tâm tham, không có tâm sân, có chánh kiến. Nay Vasettha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện; những pháp ấy không có tội và được gọi là không có tội; những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành trì; những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh pháp; những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả; những pháp ấy được người có trí tán thán. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Sát đế ly.

– Nay Vasettha, có người Bà la môn...

– Nay Vasettha, có người Phệ xá...

– Nay Vasettha, có người Thủ đà la không sát sanh... không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến. Nay Vasettha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện; những pháp ấy không có tội và được gọi là không có tội; những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành trì; những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh pháp; những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả; những pháp được người có trí tán thán. Ở đây, **những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ đà la.**

7. Nay Vasettha, **vì rằng cả hai pháp hắc và bạch được chỉ trích và được tán thán bởi những người có trí, đều có mặt lẫn lộn trong bốn giai cấp này, nên ở đây, những Bà la môn nào nói rằng:** "*Bà la môn là giai cấp tối thượng, các giai cấp khác là hạ liệt; chỉ có giai cấp Bà la môn là da trắng, giai cấp khác là da đen; chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy; chỉ có Bà la môn là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên.*" **Các vị có trí không thể chấp nhận như vậy.** Tại sao vậy? Nay Vasettha, vì rằng nếu có ai trong bốn giai cấp là một

vị Tỷ kheo, **một vị A la hán**, các lậu hoặc đã được diệt tận, phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt mục đích tối thượng, hữu kiết sử đã diệt, nhờ chánh trí đã được giải thoát, **vì ấy sẽ được xem là tối thượng so sánh với bốn giai cấp, vì xứng với Pháp, không phải không xứng với Pháp.** Nay Vasettha, **Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.**

8. Nay Vasettha, đây là **một chứng minh điển hình để biết vì sao Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.**

Nay Vasettha, vua Pasenadi (Ba tư nặc) nước Kosala biết rằng: "Sa môn Gotama xuất gia từ giòng họ liên hệ Sàkyà, tôn trọng, đánh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với vua Pasenadi nước Kosala rất lễ độ phải phép. Cũng vậy vua Pasenadi nước Kosala tôn trọng, đánh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ, phải phép, vì vua nghĩ: "Có phải Sa môn Gotama là thiện sanh? Còn ta không phải thiện sanh; Sa môn Gotama có hùng lực, ta không có hùng lực; Sa môn Gotama có dáng mặt đẹp đẽ, còn ta có dáng mặt thô xấu; Sa môn Gotama là vị có nhiều thế lực, còn ta ít có thế lực?" **Vì rằng vua Pasenadi nước Kosala tôn trọng Pháp, cung kính Pháp,**

đảnh lễ Pháp, cúng dường Pháp, kính lễ Pháp nên vua tôn trọng, đảnh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ, phải phép. Này Vasettha, với chứng minh điển hình này, cần hiểu như thế nào Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

9. Này Vasettha, các Người, sanh sai biệt, danh sai biệt, tánh sai biệt, gia hệ sai biệt, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu có ai hỏi: "Các vị là ai?", các Người cần trả lời: "**Chúng tôi là Sa môn, dưới sự lãnh đạo của Thích ca tử**".

➔ Này Vasettha, **ai có lòng tin Như Lai, lòng tin ấy được an trú, có căn để an trú và chắc chắn, một lòng tin không bị lôi kéo bởi** Sa môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một vị nào ở trên đời, **vị ấy có thể nói: "Ta là con chính tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, do Pháp sanh, do Pháp tạo ra, là con cháu thừa tự của Pháp."** Vì sao vậy? Này Vasettha, **vì là những chữ đồng nghĩa với Như Lai là Pháp thân, là Phạm thân, là Pháp thể, là Phạm thể.**

10. Này Vasettha, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại hữu

tình phần lớn **sinh qua cõi Àbhassara** (Quang Âm thiên). Ở tại đây, những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài.

Này Vasettha, **có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành.**

Trong khi thế giới này chuyển thành, một số lớn chúng sanh từ Quang Âm thiên **thác sanh qua tại đây.** Những chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy một thời gia khá dài.

11. Này Vasettha, lúc bấy giờ:

- Vạn vật trở thành một thế giới toàn nước đen sẫm, một màu đen khiến mắt phải mù.
- Mặt trăng, mặt trời không hiện ra;
- Sao và chòm sao không hiện ra;
- Không có ngày đêm;
- Không có tháng và nửa tháng;
- Không có năm và thời tiết;
- Không có đàn bà, đàn ông.

- Các loài hữu tình chỉ được xem là loài hữu tình mà thôi.

Này Vasettha, đối với các loài hữu tình ấy, sau một thời gian rất lâu, vị đất tan ra trong nước. Như bọt nổi lên trên mặt cháo sữa nóng đang nguội dần, cũng vậy đất hiện ra. Đất này có màu sắc, có hương và có vị. Màu sắc của đất giống như đề hồ hay thuần túy như tô, vị của đất như mật ong thuần tịnh.

12. Này Vasettha, có loài hữu tình, có tánh tham, nói: "Kìa xem, vật này là gì vậy?", lấy ngón tay nếm vị của đất. Khi lấy ngón tay nếm vị của đất, vị ấy thấm vào thân và tham ái khởi lên. Này Vasettha, các loài hữu tình khác, theo gương hữu tình kia, lấy ngón tay nếm vị của đất.

- ⇒ Khi lấy ngón tay nếm vị của đất, vị ấy thấm vào thân và tham ái khởi lên. Rồi các hữu tình kia bắt đầu thương thức vị của đất, bằng cách bẻ từng cục đất với bàn tay nhỏ của họ, thời ánh sáng của họ biến mất.
- ⇒ Khi ánh sáng của họ biến mất, mặt trăng mặt trời hiện ra.
- ⇒ Khi mặt trăng, mặt trời hiện ra, thì sao và chòm sao hiện ra.

- ⇒ Khi sao và chòm sao hiện ra, ngày và đêm hiện ra.
- ⇒ Khi ngày và đêm hiện ra, thì nửa tháng và tháng hiện ra.
- ⇒ Khi nửa tháng và tháng hiện ra, thời tiết và năm hiện ra.
- ⇒ Như vậy, này Vasettha, thế giới này bắt đầu thành trở lại.

13. Này Vasettha, những hữu tình ấy, thưởng thức vị của đất, lấy đất làm chất ăn, lấy đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

- Này Vasettha, vì các hữu tình ấy thưởng thức vị của đất, lấy đất làm chất ăn, lấy đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu, thân của họ trở thành cứng rắn, và sắc đẹp của họ trở thành sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp.
- Ở đây các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta."
- Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, vị của đất biến mất.
- Khi vị của đất biến mất, họ hội họp lại và kêu

than: "Ôi vị ngon! Ôi vị ngon!", như ngày nay, khi loài Người có được vị ngon liền nói: "Ôi vị ngon! Ôi vị ngon!" Như vậy họ theo văn tự truyền thống của thời xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

14. Nay Vasettha, khi **vị đất** đã biến mất với các hữu tình ấy, thời một loại **nấm đất** hiện ra. Như hình con rắn, chúng hiện ra như vậy. Loại nấm ấy có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại nấm này giống như đề hồ hay thuần túy như tô. Vị của đất như mật ong thuần tính.

Này Vasettha, những hữu tình ấy bắt đầu ăn thứ nấm đất. Họ thường thức nấm đất, lấy nấm đất làm chất ăn, lấy nấm đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Này Vasettha, vì các chúng sanh ấy thường thức nấm đất, lấy nấm đất làm chất ăn, lấy nấm đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu, nên thân của họ trở thành cứng rắn hơn và sắc đẹp của chúng lại càng sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở đây các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta". Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, nấm

đất biến mất.

Khi **nắm đất biến mất, cỏ và cây leo hiện ra**. Như loại cây tre, chúng hiện ra như vậy. Loại cây leo này có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại cây này giống như đề hồ hay thuần túy như tô. Vị của loại cây leo này như mật ong thuần tịnh.

15. Nay Vasettha, các hữu tình này bắt đầu thưởng thức loại cây leo này. Chúng bắt đầu thưởng thức loại cây leo, lấy cây leo làm chất ăn, lấy cây leo làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Nay Vasettha, vì những hữu tình này bắt đầu thưởng thức loại cây leo, lấy cây leo làm chất ăn, lấy cây leo làm món ăn trong một thời gian khá lâu nên thân của họ trở thành cứng rắn hơn và sắp đẹp của họ lại càng sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở đây các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta."

Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, cỏ và cây leo biến mất. Khi cỏ và cây leo biến mất, họ hội họp lại và kêu than: "Ôi, cái này thuộc của chúng ta! Ôi hại thay cho chúng ta, nay cỏ và cây leo đã biến đi!"; như ngày nay khi loài Người được hỏi cái gì làm cho đau khổ, bèn trả lời: "Ôi, cái này thuộc

của chúng ta! Ôi hại thay cho chúng ta!" Như vậy, họ theo văn tự truyền thống của thời xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

16. Nay Vasettha, khi các loại cỏ, cây leo biến mất, thời **lúa xuất hiện** tại các khoảng trống, không có cám, không có vỏ, có mùi thơm và bột trơn nhẵn. Chỗ nào vào buổi chiều họ mang đi để ăn chiều, thời tại chỗ ấy, vào buổi sáng, lúa lại mọc lớn và chín. Chỗ nào vào buổi sáng, họ mang đi để ăn sáng, thời tại chỗ ấy, vào buổi chiều lúa lại mọc lớn và chín, không có gián đoạn. Nay Vasettha, những hữu tình ấy thường thức lúa mọc tại các khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Nay Vasettha, vì các chúng sanh ấy thường thức lúa mọc tại khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá lâu, thân hình của họ trở thành cứng rắn hơn và sắp đẹp của họ lại càng sai biệt. **Về phái nữ, nữ tánh xuất hiện; về phái nam, nam tánh xuất hiện.** Phái nữ nhìn phái nam hết sức kỹ lưỡng, phái nam nhìn phái nữ hết sức kỹ lưỡng. Vì họ nhìn nhau kỹ lưỡng như vậy nên tình dục khởi lên, ái luyện đối với thân thể bắt đầu. **Do sự ái luyện, họ làm các hạnh dâm.**

Này Vasettha, lúc bấy giờ những chúng sanh ấy thấy làm các hạnh dâm như vậy, người thì quăng bùn, người thì quăng tro, người thì quăng phân bò và nói: "Hãy chết đi, đồ ô uế! Hãy chết đi, đồ ô uế! Sao một loài hữu tình lại đối xử với một loài hữu tình khác như vậy?"; như ngày nay, tại một số quốc độ, khi một cô dâu được rước đi, có người quăng bùn, có người quăng tro, có người quăng phân bò. Như vậy, chúng theo văn tự truyền thống xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

17. Này Vasettha, lúc bấy giờ việc làm được xem là phi pháp này được xem là đúng pháp. Này Vasettha, lúc bấy giờ các loài hữu tình ấy hành dâm không được phép vào làng hay xã áp một tháng hay cả hai tháng. Vì những hữu tình ấy lúc bấy giờ chỉ trích mau chóng, vì hành động phi pháp, họ bắt đầu làm lâu, làm nhà để che dấu những hành động phi pháp của họ.

Này Vasettha, có loài hữu tình bản tánh biếng nhác tự nghĩ: "Sao ta lại tự làm ta mỗi một bằng cách đi tìm lúa buổi chiều cho buổi ăn chiều, buổi sáng cho buổi ăn sáng? Sao ta lại không tìm lúa một lần cho cả buổi ăn chiều và buổi ăn sáng?" Này Vasettha, loài hữu tình ấy tìm lúa một lần cho cả buổi ăn chiều, cả buổi ăn sáng. Một hữu tình khác đến vị hữu tình

này và nói:

- Nay Bạn, chúng ta hãy đi tìm lúa!

- Nay Bạn, tôi đã tìm lúa một lần, cả cho buổi chiều và buổi sáng.

Này Vasettha, vị này noi theo vị hữu tình kia, đi tìm lúa một lần đủ cho cả hai ngày.

- Nay Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, rồi một hữu tình khác đến vị hữu tình ấy và nói:

- Nay Bạn chúng ta hãy đi tìm lúa.

- Nay Bạn, tôi đã tìm lúa một lần đủ cho cả hai ngày rồi.

Này Vasettha, vị hữu tình này noi theo gương vị hữu tình kia, liền đi tìm lúa một lần đủ cho bốn ngày.

- Nay Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, một vị hữu tình khác lại đến vị hữu tình này và nói:

- Nay Bạn, chúng ta hữu đi tìm lúa!

- Nay Bạn, tôi đã tìm lúa một lần đủ cho cả bốn ngày!

Này Vasettha, vị hữu tình này noi theo gương vị hữu tình kia, liền đi tìm lúa một lần đủ cho tám ngày.

- Nay Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, những vị hữu tình kia, bắt đầu tích trữ lúa để ăn, và cầm bắt đầu bao bọc hạt gạo trơn nhẵn và vỏ lúa bao bọc hạt lúa; và các cây lúa bị cắt không lớn lên được; và như vậy có sự gián đoạn; và cây lúa mọc lên từng cụm, từng chùm.

18. Nay Vasettha, các loài hữu tình ấy hội họp lại và than phiền:

- Nay các Bạn, các ác pháp đã hiện ra giữa các loài hữu tình. Chúng ta trước kia do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài. Đối với chúng ta, sau một thời gian khá dài, vị của đất hiện ra. Vị đất này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu bẻ đất từng cục bằng tay để ăn vị đất. Vì bắt đầu bẻ đất bằng tay từng cục để ăn, nên hào quang biến mất. Vì hào quang biến mất nên mặt trời, mặt trăng hiện ra. Vì mặt

trăng, mặt trời hiện ra nên các sao và chòm sao hiện ra. Vì các sao và chòm sao hiện ra, nên đêm, ngày hiện ra. Vì đêm, ngày hiện ra, nên nửa tháng và tháng hiện ra. Vì nửa tháng và tháng hiện ra, nên thời tiết và năm hiện ra. Chúng ta thường thức vị đất, lấy vị đất làm chất ăn, lấy vị đất làm món ăn trong một thời gian khá dài. Khi ác bất thiện pháp khởi lên giữa chúng ta, vị đất biến mất. Vì vị đất biến mất, nên nắm đất hiện ra. Nắm đất này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu thường thức nắm đất ấy, lấy nắm đất làm chất ăn, lấy nắm đất làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp này khởi lên giữa chúng ta nên nắm đất biến mất. Vì nắm đất biến mất, nên cỏ và cây leo hiện ra. Cỏ và cây leo này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu thường thức cỏ và cây leo ấy, lấy cỏ và cây leo làm chất ăn, lấy cỏ và cây leo làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp này xảy ra giữa chúng ta nên cỏ và cây leo biến mất. Vì cỏ và cây leo biến mất, nên lúa mọc tại khoảng trống hiện ra, không có cám, không có vỏ, thuần tịnh, có mùi thơm và hột trơn nhẵn. Chỗ nào vào buổi chiều, chúng ta mang đi để ăn chiều, thời tại chỗ ấy vào buổi sáng lúa lại mọc lớn và chín. Chỗ nào vào buổi sáng, chúng ta mang đi để ăn sáng, thời tại chỗ ấy vào buổi chiều, lúa lại mọc lớn và chín, không có gián đoạn. Chúng ta thường thức lúa mọc tại khoảng

trồng, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên giữa chúng ta, càm bắt đầu bọc hột lúa trơn nhẵn và vỏ lúa bao bọc hột lúa trơn nhẵn; và các cây lúa bị cắt không lớn lên được; và như vậy có sự gián đoạn. Và các cây lúa mọc lên từng cụm, từng chùm. Vậy nay, chúng ta hãy chia lúa và đắp đê làm bờ ruộng.

Này Vasettha, các loại hữu tình ấy phân chia lúa và đắp đê làm bờ ruộng.

19. Này Vasettha, có vị hữu tình, bản tánh biếng nhác, gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần của người khác và thưởng thức phần ấy. Người ta bắt người ấy và nói:

- Này Ngươi, Ngươi đã làm ác pháp, gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thưởng thức phần ấy. Nhà Ngươi chớ có làm như vậy nữa.

- Thưa Bạn, vâng!

Này Vasettha, người này vâng theo lời nói của những người ấy. Này Vasettha, một lần thứ hai... Này Vasettha một lần thứ ba, người này gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và

thường thức phần ấy. Người ta bắt người này và nói:

- Nay Ngươi, Ngươi đã làm điều ác, vì Ngươi gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thường thức phần ấy... Ngươi chớ có làm như vậy nữa.

→ Có người đập anh ta bằng tay, có người đập anh ta bằng đá, có người đập anh ta bằng gậy. Nay Vasettha, bắt đầu như vậy, lấy của không cho xuất hiện, quở trách xuất hiện, nói láo xuất hiện, hình phạt đánh đập xuất hiện.

20. Nay Vasettha, những loài hữu tình ấy hội họp lại và than khóc:

- Nay Tôn giả, ác pháp đã khởi lên giữa các loài hữu tình, trong hình thức lấy của không cho xuất hiện, quở trách xuất hiện, nói láo xuất hiện, hình phạt xuất hiện. Chúng ta hãy đề cử một người. Người ấy sẽ tức giận khi đáng phải tức giận, khiển trách khi đáng phải khiển trách, hãy tàn xuất khi đáng phải tàn xuất. Chúng tôi sẽ dành cho Ngươi một phần lúa của chúng tôi.

- Xin vâng, các Tôn giả!

Nay Vasettha, vị hữu tình này vâng theo các vị hữu

tình kia, tức giận khi đáng tức giận, khiển trách khi đáng khiển trách, tấn xuất khi đáng tấn xuất. Và các vị hữu tình kia chia cho vị này một phần lúa.

21.

→ Đây Vasettha, *được lựa chọn bởi đại chúng*, tức là **Mahà-sammato**. Danh từ Mahà-sammato là danh từ đầu tiên được khởi lên.

→ Đây Vasettha, *"Vị chủ của ruộng vườn"* tức là **Khattiya**, là danh từ thứ hai được khởi lên".

→ *"Làm cho các người khác hoan hỷ bởi Pháp"*, tức là **Ràja** (vị vua). Ràja là danh từ thứ ba được khởi lên.

► Đây Vasettha, như vậy là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của Khattiya theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng ta ở giữa những loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, **một cách đúng pháp tắc (dhamma)**, không phải phi pháp. Đây Vasettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

22. Đây Vasettha, một số các vị hữu tình suy nghĩ:

- Nay các Tôn giả, các ác, bất thiện pháp đã hiện ra giữa các loại hữu tình, như lấy của không cho, khiếm trách, nói láo, hình phạt, tấn xuất. Chúng ta hãy loại bỏ các ác, bất thiện pháp.

Vác vị ấy **loại bỏ các ác, bất thiện pháp, tức là Bràhmanà (Bà-la-môn), và chữ Bràhmanà là danh từ đầu tiên được khởi lên.** Những vị này lập lên những chòi bằng lá tại các khu rừng và tu thiền trong những nhà chòi bằng lá ấy. Đối với họ, than đở được dập tắt, khói được tiêu tan, cối và chày rơi ngã nghiêng, buổi chiều lo buổi ăn chiều, buổi sáng lo buổi ăn sáng; họ đi vào làng, vào thị xã, vào kinh đô để khát thực. Khi họ xin được đồ ăn rồi, họ lại vào các chòi lá trong các khu rừng để tu thiền. Các người khác thấy vậy, nói như sau:

- Nay các Tôn giả, những loài hữu tình này lập lên những chòi bằng lá tại các khu rừng và tu thiền trong những chòi bằng lá ấy. Đối với họ, than đở được dập tắt, khói được tiêu tan, cối và chày rơi ngã nghiêng, buổi chiều lo ăn buổi ăn chiều, buổi sáng lo buổi ăn sáng; họ đi vào làng, vào thị xã, vào kinh đô để khát thực. Khi xin được đồ ăn rồi, họ lại vào các chòi lá trong khu rừng để tu thiền. Nay Vasettha, họ **"Jhàyanti", tu thiền, tức là họ suy tư Jhàyakà. Jahàyakà là danh từ thứ hai được khởi lên.**

23. Nay Vasettha, một số loài hữu tình này, không thể tu thiền trong các chòi bằng lá tại khu rừng, liền đi xuống xung quanh làng, xuống xung quanh thị xã để làm sách. Các người khác thấy vậy bèn nói:

"Này các Tôn giả, những loài hữu tình này, không thể tu thiền trong các chòi bằng lá tại khu rừng, đã đi xuống xung quanh làng, xuống xung quanh thị xã để làm sách. Nay những vị này không tu thiền.

Này Vasettha, "Nadānima Jhāyanti" tức là ajjhāyaka, và ajjāyakà là chữ thứ ba được khởi lên (Các vị lập lại các tập Vedā). Nay Vasettha, thời ấy họ thuộc hạ cấp. Nay họ xem là cao thượng nhất.

Như vậy, nay Vasettha là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Bà-la-môn, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của họ là ở giữa những loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Nay Vasettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

24. Nay Vasettha, một số loài hữu tình này, theo pháp dâm dục, thiết lập các nghề nghiệp sai khác (Vissuta). Nay Vasettha, những ai theo pháp dâm dục, thiết lập ra các nghề nghiệp sai khác, như vậy gọi là Vessā. Danh từ Vessā được khởi lên.

Như vậy, này Vàsettha là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Vessà, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của họ là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Này Vàsettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

25. Này Vàsettha, một số loài hữu tình còn lại lựa chọn săn bắn. Những ai sống săn bắn và theo các nghề hèn nhỏ, này Vàsettha, được gọi là Suddà. Và danh từ Suddsà được khởi lên.

Như vậy, này Vàsettha, là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Suddà, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Này Vàsettha như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

26.

→ Này Vàsettha, một thời có vị Khattiya (Sát đế ly) tự trách pháp của mình, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".

- Vị Bà la môn, tự trách pháp của mình, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa-môn".
- Vị Vessà, tự trách pháp của mình, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".
- Vị Suddà, tự trách pháp của mình, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".
- Nay Vàsettha, giai cấp Samana (Sa-môn) được khởi lên từ bốn giai cấp ấy. Nguồn gốc của Sa-môn là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Nay Vàsettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

27. Nay Vàsettha, vị Khattiya, làm tà hạnh về thân, làm tà hạnh về miệng, làm tà hạnh về ý, có tà kiến. Do tà kiến, tà nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nay Vàsettha, vị Bà la môn... Nay Vàsettha, vị Vessà... Nay Vàsettha, vị Suddà làm tà hạnh về thân, làm tà hạnh về miệng, làm tà hạnh về ý, có tà kiến. Do tà kiến, tà nghiệp làm nhơn duyên,

sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

28. Nay Vasettha, vị Khattiya làm chánh hạnh về thân, chánh hạnh về miệng, chánh hạnh về ý, có chánh kiến. Do chánh kiến, chánh nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới. Nay Vasettha, vị Bà la môn... Nay Vasettha, vị Vessà... Nay Vasettha, vị Suddà làm chánh hạnh về thân, chánh hạnh về miệng, chánh hạnh về ý, có chánh kiến. Do chánh kiến, chánh nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới.

29. Nay Vasettha, vị Khattiya, làm hai hạnh về thân, hai hạnh về miệng, hai hạnh về ý, có chánh kiến tà kiến lẫn lộn. Do chánh kiến tà kiến, chánh hạnh tà hạnh lẫn lộn làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, tho lãnh lạc và khổ thọ. Nay Vasettha, vị Bà la môn... Nay Vasettha, vị Vessà... Nay Vasettha, vị Suddà, làm hai hạnh về thân, hai hạnh về miệng, hai hạnh về ý, có chánh kiến, có tà kiến lẫn lộn. Do chánh kiến tà kiến, chánh hạnh tà hạnh lẫn lộn làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, thọ lãnh lạc và khổ thọ.

30. Nay Vasettha, vị Khattiya, chế ngự về thân, chế

ngự về miệng, chế ngự về ý, sau khi tu tập Bảy pháp Giác chi đã diệt trừ hoàn toàn (các ác pháp) ngay trong đời hiện tại. Nay Vasettha, vị Bà la môn... vị Vessà... Nay Vasettha vị Suddà, chế ngự về thân, chế ngự về miệng, chế ngự về ý, sau khi tu tập Bảy pháp Giác chi đã diệt trừ hoàn toàn (các ác pháp) ngay trong đời hiện tại.

31. Nay Vasettha, trong bốn giai cấp này, vị Tỷ kheo, là bậc A la hán, lậu hoặc đã diệt tận, việc phải làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục tiêu đã đạt tới, hữu kiết sử đã trừ diệt, chánh trí giải thoát. Vị ấy được gọi là tối thượng trong tất cả giai cấp, đúng với Chánh pháp, không phải phi pháp. Nay Vasettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cho cả đời sau.

32. Nay Vasettha, bài kệ sau đây được Phạm thiên Sanamkumàra (Thường Đồng hình Phạm thiên) tuyên thuyết:

*Chúng sanh tin giai cấp,
Sát đế lý tối thắng.
Ai đủ cả trí, đức,
Tối thắng giữa Nhân, Thiên.*

Nay Vasettha, bài kệ này được Phạm thiên

Sanamkumàra, khéo hát chớ không phải vụng hát, khéo nói chớ không phải vụng nói, đầy đủ ý nghĩa chớ không phải không đầy đủ, được Ta chấp nhận.

Này Vàsettha, Ta cũng nói như sau:

*Chúng sanh tin giai cấp,
Sát để ly tối thắng.
Ai đủ cả trí, đức,
Tối thắng giữa Nhân, Thiên.*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Vàsettha và Bhàradvāja hoan hỷ tín thọ lời giảng Thế Tôn.

63 Thích thơ văn do thi sĩ làm ra - Kinh PHẨM HỘI CHÚNG – Tăng I, 133

PHẨM HỘI CHÚNG – Tăng I, 133

1-10.

1.- Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai?

- Hội chúng nông nổi
- Và hội chúng thâm sâu.

➔ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng nông nổi?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào có các Tỷ-kheo tháo động, kiêu căng, dao động, lắm mồm lắm miệng, lắm lời, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng nông nổi.

➔ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thâm sâu?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào có các Tỷ-kheo, không tháo động, không kiêu căng, không dao động, không lắm mồm lắm miệng, không lắm lời, không thất niệm, tỉnh giác, có định tĩnh, nhất tâm, các căn được bảo

vệ. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng thâm sâu.

Nay các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thượng giữa hai hội chúng này, nay các Tỷ-kheo, tức là hội chúng thâm sâu.

2. Có hai loại hội chúng này, nay các Tỷ-kheo. Thế nào là hai?

- **Hội chúng bất hòa**
- **Và hội chúng hòa hợp.**

➔ *Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng bất hòa?*

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi, nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng bất hòa.

➔ *Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng hòa hợp?*

- ➔ Ở đây, nay các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo hòa hợp, hòa kính, không có đấu tranh, hòa hợp như sữa với nước, sống nhìn nhau với cặp mắt từ ái, nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng hòa hợp.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thượng giữa hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng hòa hợp.

3. Có hai loại hội chúng này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai?

- **Hội chúng không thù thắng**
- **Và hội chúng thù thắng.**

➔ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không thù thắng?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các trưởng lão Tỷ-kheo sống trong sự đầy đủ, biếng nhác, dần dần về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không có gia sức tinh tấn để đạt những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Còn lớp hậu nhân, tùy thuận sở kiến của họ, sống trong sự đầy đủ, lười biếng, dần dần về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không có gia sức tinh tấn để đạt những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không thù thắng.

➔ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thù thắng?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các trưởng lão Tỷ-kheo không sống trong đầy đủ, không biếng nhác, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu trong đời sống viễn ly, có gia sức tinh tấn để đạt những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Còn lớp hậu nhân, tùy thuận sở kiến của họ, không sống trong sự đầy đủ, không biếng nhác, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu trong đời sống viễn ly, có gia sức tinh tấn để đạt những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tôi thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng thù thắng.

4. Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng không phải Thánh**
- **Và hội chúng bậc Thánh.**

☞ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không phải Thánh?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo không như thật rõ biết: "Đây là khô";

không như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; không như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; không như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không phải Thánh.

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng bậc Thánh?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Đây là khổ"; như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng bậc Thánh.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng bậc Thánh.

5. Nay các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng cận bã**
- **Và hội chúng tinh ba.**

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng cận bã?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo đi đến con đường dục, đi đến con đường sân, đi đến con đường si, đi đến con

đường sợ hãi, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng cận bã.

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tinh ba?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo không đi đến con đường dục, không đi đến con đường sân, không đi đến con đường si, không đi đến con đường sợ hãi, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tinh ba.

Này các Tỷ-kheo, đây là hai hội chúng. Hội chúng tôi thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng tinh ba.

6. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn.**
- **Và hội chúng không được huấn luyện trong khoa trương, được huấn luyện trong chất vấn.**

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo đối với các kinh điển do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa siêu kín, siêu thế, liên hệ đến không, khi các kinh điển ấy

được thuyết giảng, họ không khéo nghe, không lắng tai, không an trú tâm để hiểu biết chúng, không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng. Nhưng đối với các kinh điển thi văn do thi sĩ làm ra, với các nguyên âm hoa mỹ, với các phụ âm hoa mỹ, các kinh thuộc ngoại giáo, được các đệ tử ngoại giáo nói lên, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ khéo nghe, lắng tai, họ an trú tâm để hiểu biết chúng. Họ nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng.

- Và sau khi học thuộc lòng các pháp ấy, họ không hỏi đi hỏi lại cùng nhau, không có mở rộng ra để thảo luận với những câu hỏi như: "Cái này là gì? Thế nào là ý nghĩa của cái này?" Họ không mở rộng ra những gì được che kín, họ không phơi bày ra những gì không được phơi bày, họ không giải nghi về những điểm nghi vấn trong Chánh pháp. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn.

➔ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo đối với các kinh điển thi văn do thi sĩ làm ra, với các nguyên âm hoa mỹ, với các phụ âm hoa mỹ, các kinh thuộc ngoại giáo, được các đệ tử ngoại giáo nói lên, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ không khéo nghe, họ không lắng tai, họ không an trú tâm để hiểu biết chúng, họ không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng. *Nhưng đối với các kinh điển do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế, liên hệ đến không, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ khéo nghe, họ lắng tai, họ an trú tâm để hiểu biết chúng, họ nghĩ rằng các pháp ấy cần phải được lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng.*
- Và sau khi học thuộc lòng các pháp ấy, họ hỏi đi hỏi lại cùng nhau, họ mở rộng ra để thảo luận với những câu hỏi như: "Cái này là gì? Thế nào là ý nghĩa của cái này?" Họ mở rộng ra những gì được che kín, họ phơi bày ra những gì không được phơi bày, họ giải nghi về những điểm nghi vấn trong Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng được huấn luyện trong chất vắn, không được huấn luyện trong khoa trương.

7. Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai?

- Hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng diệu pháp,
- Hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật.

➡ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng diệu pháp?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo trước mặt các gia chủ bận áo trắng, **tự tán thán lẫn nhau như sau**: "Tỷ-kheo này là bậc Giải thoát cả hai phần, Tỷ-kheo này là bậc Tuệ giải thoát, Tỷ-kheo này là bậc Thân chứng, Tỷ-kheo này là bậc Kiến chí, Tỷ-kheo này là bậc Tín giải thoát, Tỷ-kheo này là bậc Tùy pháp hành, Tỷ-kheo này là bậc Tùy tín hành, Tỷ-kheo này là bậc có Giới hạnh, theo Thiện pháp, Tỷ-kheo này là kẻ Ác giới, theo Ác pháp". Do vậy, họ được các lợi dưỡng.

- Sau khi được các lợi dưỡng, họ thọ hưởng, bị trói buộc, bị say mê, đắm trước, không thấy các sự nguy hại, không hiểu rõ sự giải thoát khỏi các lợi dưỡng ấy. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng diệu pháp.

➡ *Và đây các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật?*

- Ở đây, đây các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo trước mặt các gia chủ bận áo trắng, **không** tự tán thán lẫn nhau như sau: "Tỷ-kheo này là bậc Giải thoát cả hai phần, Tỷ-kheo này là bậc Tuệ giải thoát, Tỷ-kheo này là bậc Thân chứng, Tỷ-kheo này là bậc Kiến chí, Tỷ-kheo này là bậc Tín giải thoát, Tỷ-kheo này là bậc Tùy pháp hành, Tỷ-kheo này là bậc Tùy tín hành, Tỷ-kheo này là bậc có giới hạnh, theo thiện pháp, Tỷ-kheo này là kẻ Ác giới, theo Ác pháp". Do vậy, họ được các lợi dưỡng.
- Họ thọ hưởng các lợi dưỡng ấy, không bị trói buộc, không bị say mê, không đắm trước, thấy các sự nguy hại, hiểu rõ sự giải thoát khỏi các lợi dưỡng ấy. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Hội chúng tôi thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng tôn trọng điều pháp, không tôn trọng tài vật.

8. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng không đồng đẳng**
- **Và hội chúng đồng đẳng.**

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không đồng đẳng?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, **nghiệp phi pháp được thi hành**, nghiệp đúng pháp không được thi hành, nghiệp phi luật được thi hành, nghiệp đúng luật không được thi hành, nghiệp phi pháp được phát huy, nghiệp đúng pháp không được phát huy, nghiệp phi luật được phát huy, nghiệp đúng luật không được phát huy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không đồng đẳng.

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng đồng đẳng?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, nghiệp đúng pháp được thi hành, nghiệp phi pháp không được thi hành, nghiệp đúng luật

được thi hành, nghiệp phi luật không được thi hành, nghiệp đúng pháp được phát huy, nghiệp phi pháp không được phát huy, nghiệp đúng luật được phát huy, nghiệp phi luật không được phát huy. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng đồng đẳng.

Nay các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, tức là hội chúng đồng đẳng.

9. Nay các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng phi pháp**
- **Và hội chúng đúng pháp.**

Nay các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Hội chúng tối thượng trong hai hội chúng này, tức là hội chúng đúng pháp.

10. Nay các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng thuyết phi pháp**
- **Và hội chúng thuyết đúng pháp.**

➡ *Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thuyết phi pháp?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo khởi lên sự tránh tụng hợp pháp hay phi pháp. Sau khi khởi lên sự tránh tụng ấy, họ không tin cho nhau biết và không tìm cách tin cho nhau biết, họ không hòa giải cùng nhau và không tìm cách đi đến hòa giải. Họ cương quyết không tin cho nhau biết và cương quyết không hòa giải với nhau, họ không từ bỏ tránh tụng ấy, họ kiên trì tránh tụng ấy, chấp thủ, thiên chấp và tuyên bố: "Chỉ có đây mới là sự thật, ngoài ra là hư ngụy". Này các Tỷ-kheo, đây là hội chúng thuyết phi pháp.

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thuyết đúng pháp?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo khởi lên sự tránh tụng hợp pháp hay phi pháp. Sau khi khởi lên sự tránh tụng ấy, họ tin cho nhau biết và tìm cách tin cho nhau biết. Họ hòa giải với nhau và tìm cách đi đến hòa giải. Họ cương quyết tin cho nhau biết và cương quyết hòa giải với nhau, họ từ bỏ tránh tụng ấy, họ không kiên trì tránh tụng ấy, không chấp thủ, không thiên chấp và không tuyên bố: "Chỉ có đây mới là sự thật, ngoài ra là hư ngụy". Này các Tỷ-kheo, đây là hội chúng thuyết đúng pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, tức là hội chúng thuyết đúng pháp.

64 Thích tử - Kinh BA LÊ – 24 Trường II, 269

KINH BA LÊ – Bài kinh số 24 – Trường II, 269

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở giữa bộ lạc Malla (Mạt la), tại Anupiya (A dật di), một thành của bộ lạc Mallà. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đắp y vào buổi sáng, cầm y bát vào thành Anupiya để khát thực. Rồi Thế Tôn tự nghĩ: "Thật là quá sớm để vào thành Anupiya khát thực. Ta hãy đến tịnh xá của du sĩ Bhaggava và thăm vị này." Thế Tôn liền đi đến tịnh xá du sĩ Bhaggava.

2. Rồi du sĩ Bhaggava bạch Thế Tôn:

- Thế Tôn hãy đến gần! Xin chào đón Thế Tôn. Đã lâu, Thế Tôn mới có dịp đến đây. Mời Thế Tôn ngồi, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn!

Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và du sĩ Bhaggava lấy một ghế ngồi khác thấp hơn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ Bhaggava bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ngày xưa và nhiều ngày xưa nữa, Sunakkhatta (Thiện Tinh) thuộc bộ lạc Licchavi (Ly xa tử) đến con và nói như sau: "Này Bhaggava, nay tôi từ bỏ Thế Tôn! Nay tôi không sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn nữa." Bạch Thế Tôn, sự việc có phải như Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi nói hay không?

- Này Bhaggava, sự việc thật như Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đã nói:

3. Này Bhaggava, thuở xưa và rất xa xưa, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đến thăm Ta. Sau khi đến, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, Sumakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, nay con xin từ bỏ Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, nay con không sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn nữa."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi:

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây sống dưới sự chỉ dẫn của Ta" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Hay Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Nay Sunakkhatta, Ta không nói: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta", và Người cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn". **Này kẻ ngu kia, như vậy thời Người là ai và Ta là ai mà Người nói chuyện từ bỏ? Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!**

4. "- Bạch Thế Tôn, nhưng Thế Tôn không khiến cho con chúng được các pháp thượng nhân thần thông.

"- Nay Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta! Ta sẽ khiến cho Người chúng được các pháp thượng nhân thần thông" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn. Thế Tôn sẽ khiến cho con chúng được các pháp thượng nhân thần thông"

chăng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Ta không nói với Ngươi: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn chủ Ta, Ta sẽ khiến cho Ngươi chứng được các pháp thượng nhân thần thông; Ngươi cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, và Thế Tôn sẽ khiến cho con chứng được các pháp thượng nhân thần thông." **Này kẻ ngu kia, như vậy thời Ngươi là ai và Ta là ai mà Ngươi nói chuyện từ bỏ.**

Này Sunakkhatta, **Ngươi nghĩ thế nào? Các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, có phải như vậy không?**

"- Bạch Thế Tôn, các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vậy!

"- Này Sunakkhatta, các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục

đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. Này Sunakkhatta! như vậy thời các pháp thượng nhân thần thông là gì mà cần phải thực chứng? Này kẻ ngu kia, hãy thấy lỗi lầm của Người như vậy là như thế nào!

5. "- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không giải thích cho con khởi nguyên của thế giới.

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta. Ta sẽ giải thích cho Người khởi nguyên của Thế giới" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ giải thích cho con khởi nguyên của thế giới" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, như vậy Ta không nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới

sự chỉ dẫn của Ta. Ta sẽ giải thích cho Người khởi nguyên của thế giới." Người cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ giải thích cho con khởi nguyên của thế giới." Đây kẻ ngu kia, sự kiện là như vậy, thời Người là ai và Ta là ai mà Người nói chuyện từ bỏ?

Này Sunakkhatta, **Người nghĩ thế nào? Khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, có phải như vậy không?**

"- Bạch Thế Tôn, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vậy.

"- Này Sunakkhatta, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, mục đích của Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. Này Sunakkhatta, **như vậy thời giải thích về khởi nguyên thế giới có ích lợi gì cho Người?** Đây kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!

6. "- Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện

Ngươi đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajji: "Nhu vậy, Thế Tôn là bậc A la hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn." Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Ngươi đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, Ngươi nói lời tán thán Pháp tại làng Vajji: "Chánh pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người có trí mới thâm hiểu." Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Ngươi tán thán Chánh pháp tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, Ngươi đã tán thán Tăng tại làng Vajji: "Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về chánh chơn, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Chánh trực, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về khuôn phép, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về chánh hạnh, tức là bốn đôi tám chúng. Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn này đáng được kính trọng, đáng được cung kính, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay cúi chào, vì là phước điền tối thượng ở đời". Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Ngươi tán thán Tăng tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, Ta nói cho Ngươi biết; này Sunakkhatta Ta tin cho Ngươi biết; sẽ có lời luận bàn về Ngươi như sau: *"Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi không thể sống phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của Sa môn Gotama. Vì không kham nổi, nên từ bỏ tu học trở về với đời sống thấp kém".* Này Sunakkhatta, sẽ có lời luận bàn về Ngươi như vậy.

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi dầu được Ta nói vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rớt vào đọa xứ, địa ngục.

7. Này Bhaggava, một thời Ta ở bộ lạc Bumu, tại thị trấn của bộ lạc Bumu tên là Uttaraka. Này Bhaggava, rồi buổi sáng Ta đắp y, cầm y bát cùng với Sa di Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi theo sau, vào thị trấn Uttaraka khát thực. Lúc bấy giờ, **lỏa thể Korakkhattiya, tu theo hạnh chó** đi bốn chân, bò lét trên đất, lấy miệng mà ăn đồ cứng hay đồ ăn mềm.

Này Bahaggava, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi thấy lỏa thể Korakkhattiya tu theo hạnh chó, đi bốn chân, bò lét trên đất, lấy miệng ăn đồ cứng hay đồ ăn mềm.

Này Bhaggava, **Ta biết được tâm tư của Sunakkhatta**

thuộc bộ lạc Licchavi với tâm tư của Ta và Ta nói với ông ta như sau:

"- Này kẻ ngu kia, có phải Người vẫn tự nhận Người là Thích Tử không?"

"- Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại nói: "Này kẻ ngu kia, có phải Người tự nhận Người là Thích Tử không"?"

"- Này Sunakkhatta, có phải Người, sau khi thấy lõa thể Korakkhattiya tu theo hạnh chó, đi bốn chân bò lét trên đất, lấy miệng mà ăn đồ ăn cứng hay đồ ăn mềm, liền suy nghĩ: "Thật tốt đẹp thay vị A la hán Sa môn đi bốn chân, bò lét trên đất, lấy miệng mà ăn đồ ăn cứng hay đồ ăn mềm"?"

"- Bạch Thế Tôn có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một vị A la hán?"

"- Này kẻ ngu kia, **Ta đâu có ganh ghét với một vị A la hán? Chính Người tự sinh ác tà kiến ấy, hãy bỏ nó đi. Chớ để tự mình lâu ngày bị khổ đau thiệt hại.**

Này Sunakkhatta, lõa thể Korakkhattiya mà Người nghĩ là tốt đẹp, là vị Sa môn, sau bảy ngày sẽ bị trúng thực mà chết, sau khi chết sẽ tái sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất.

Sau khi chết, nó sẽ bị quăng trong nghĩa địa đặt trên đồng cỏ Bìrana. Nay Sunakkhatta, nếu Người muốn, hãy đến hỏi loa thể Korakkhattiya như sau: "Này bạn Korakkhattiya, bạn có biết bạn thác sanh cảnh giới nào không?" Nay Sunakkhatta, sự kiện này có thể xảy ra, loa thể Korakkhatta ấy có thể trả lời với Người: "Này bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giới thác sanh của tôi. Tôi sẽ thác sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất".

8. Nay Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi, đi đến loa thể Korakkhattiya và nói:

" - Này bạn Korakkhattiya, Sa-môn Gotama có nói như sau: "Loã thể Korakkhattiya sau bảy ngày trúng thực mà chết, sau khi chết sẽ tái sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất. Sau khi chết, ông ta sẽ bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana". Nay Bạn Korakkhattiya, vậy Bạn hãy ăn cho có tiết độ, vậy Bạn hãy uống cho có tiết độ, để lời nói của Sa môn Gotama trở thành nói láo."

Nay Bhaggava, vì không tin tưởng Như Lai, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đếm từng ngày một cho đến bảy ngày. Nhưng nay Bhaggava, loa thể Korakkhattiya sau bảy ngày bị trúng thực mà chết. Sau khi chết, bị tái sanh thuộc loại Kàlakanjā, một

trong loại Asura thấp kém nhất. Sau khi chết, ông ta bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana.

9. Nay Bhaggava, Sunakkhatta được nghe: "Lõa thể Korakkhattiya bị trúng thực chết, quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana." Nay Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi liền đi đến đồng cỏ Birana tại nghĩa địa, đến lõa thể Korakkhattiya, lấy tay đánh ba lần và hỏi:

"- Nay bạn Korakkhattiya, Bạn có biết cảnh giới thác sanh của Bạn không?"

Nay Bhaggava, lõa thể Korakkhattiya lấy tay xoa lưng và ngồi dậy:

"- Nay bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giới thác sanh của tôi. Tôi thác sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất." Sau khi nói xong, ông ta ngã ngựa xuống.

10. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đến Ta, đánh lễ và ngồi xuống một bên. Nay Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

"- Nay Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Điều Ta nói với Người về lõa thể Korakkhattiya, có phải sự

việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác?

"- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói với con lẽ lỏa thể Korakkhattiya như thế nào, sự việc xảy ra như Thế Tôn nói, không phải khác!

"- Này Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện có phải không?

"- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện.

"- Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Người nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông cho con." Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi được Ta nói như vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

11. Này Bhaggava, một thời, Ta trú tại Vesàli (Tỳ xá lý), rừng Đại Lâm, ở Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ, **lỏa thể Kandaramasuka** ở tại Vesàli được

sự cúng dường tối thượng, được xưng danh tối thượng tại làng Vajji. **Vị này có phát nguyện tuân theo bảy giới hạnh:**

- "Trọn đời, ta theo hạnh lỏa thể, không mặc quần áo;
- Trọn đời, ta sống phạm hạnh, không có hành dâm;
- Trọn đời ta tự nuôi sống với rượu và thịt, không phải với cháo cơm;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Udana phía Đông thành Vesàli;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Gotamaka, phía Nam thành Vesàli;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Sattamba, phía Tây thành Vesà;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Bahuputta, phía Bắc thành Vesàli."

Vị này, nhờ tuân theo bảy giới hạnh này mà được sự cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng tại làng Vajji.

12. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đi đến lỏa thể Kandaramasuka và hỏi câu

hỏi; lửa thê Kandaramasuka khi bị hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi, vì không theo dõi, nên tỏ ra tức tối, giận dữ, phật ý. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi suy nghĩ: *"Chúng ta có thể trở thành chống đối vị A-la-hán Sa-môn tốt đẹp này. Hãy giữ đừng có gì xảy ra khiến chúng ta có thể bắt lợi đau khổ lâu đời."*

13. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đi đến Ta, đánh lễ và ngồi xuống một bên. Nay Bahaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

- Nay kẻ ngu kia, Ngươi vẫn tự nhận Ngươi là Thích tử không?

- Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại nói với con như vậy: Nay kẻ ngu kia, Ngươi vẫn tự nhận Ngươi là Thích tử không?

- Nay Sunakkhatta, có phải Ngươi đã đi đến lửa thê Kandaramasuka và hỏi câu hỏi? Lửa thê Kandaramasuka khi được Ngươi hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi; vì không theo dõi nên tỏ ra tức tối, giận dữ, phật ý. Rồi tự nghĩ: "Chúng ta có thể trở thành chống đối vị A la hán, Sa môn tốt đẹp này. Hãy giữ đừng có gì xảy ra khiến chúng ta có thể bắt lợi đau khổ lâu đời!"

- Bạch Thế Tôn có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một vị A la hán?

- Nay kẻ ngu kia, **Ta đâu có ganh ghét với một vị A la hán! Chính Người tự sanh ác tà kiến ấy, hãy từ bỏ nó đi.** Chớ để mình lâu ngày bị thiệt hại đau khổ!

Này Sunakkhatta, lửa thể Kandaramasuka mà Người nghĩ là vị A la hán, là vị Sa môn tốt đẹp, không bao lâu sẽ sống mặc áo và lập gia đình, sẽ ăn cơm cháo, sẽ đi vượt quá các tháp ở Vesàli và sẽ chết mất hết cả danh xưng.

Này Bhaggava, lửa thể Kandaramasuka, không bao lâu sống mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vesàli và bị chết mất hết cả danh xưng.

14. Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi được nghe tin lửa thể Kandaramasuka không bao lâu sống mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vesàli và bị chết mất hết danh xưng. Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta đi đến chỗ Ta ở, sau khi đến đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, và Ta nói với Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

- Này Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Điều Ta nói

với Người về lửa thề Kandaramasuka có phải sự việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác?

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói với con về lửa thề Kandaramasuka như thế nào, sự việc xảy ra như Thế Tôn nói, không phải khác.

- Nay Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện, có phải không?

- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện.

- Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Người nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông cho con." Nay kẻ ngu kia, hãy thấy rõ sự lỗi lầm của Người như vậy là như thế nào"!

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi được Ta nói như vậy, từ bỏ luật này, như người phải rơi vào đọa xứ địa ngục.

15. Nay Bhaggava, một thời Ta trú ở Vesàli, rừng

Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ, **lỏa thể Patikaputta** sống ở Vesàli, được cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng ở làng Vajji. Trong các buổi họp ở Vesàli, ông ta thường tuyên bố như sau:

"Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông của mình, nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thượng nhân thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama thực hiện một pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện hai pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện bốn pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện tám pháp. Như vậy Sa môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp thần thông thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần."

16. Nay Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đã đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi bạch với Ta:

"- Bạch Thế Tôn, hỏa thể Patikaputta (Ba kê tử) sống ở Vesàli, được cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng ở làng Vajji. Trong buổi họp ở

Vesàli, thường tuyên bố như sau: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama có thể thực hiện một pháp thượng nhân thần thông... thì ta sẽ thực hiện gấp hai lần."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi:

"- Này Sunakkhatta, lừa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ta sẽ bị bể tan.

17. "- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời nói! Thiện Thế hãy thận trọng lời nói!

"- Này Sunakkhatta, tại sao Người lại nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời nói"?

"- Bạch Thế Tôn, lời nói này đã được Thế Tôn tuyên bố một cách cực đoan: "Lừa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời

nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu ông ấy sẽ bị bẻ tan"! Bạch Thế Tôn, **lõa thể Patikaputta có thể đến gặp mặt Thế Tôn với một hóa thân khác, và như vậy Thế Tôn trở thành nói không thật!**

18. "- Nay Sunakkhatta, **Như Lai có bao giờ nói lời nói nào có hai nghĩa không?**

"- Bạch Thế Tôn, có phải do tự tâm phán xét mà Thế Tôn đã được biết về Patikaputta: "Lõa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bẻ tan". Hay là có vị Thiên thần nào đã báo tin cho Như Lai biết: "Bạch Thế Tôn, lõa thể Patikaputta không có thể... đầu của ông ấy sẽ bị bẻ tan!"

"- Nay Sunakkhatta, chính tự tâm phán xét mà ta đã biết về lõa thể Patikaputta: "Lõa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta... đầu của ông ấy sẽ bị bẻ tan." Và cũng có vị Thiên thần đã báo tin cho Ta biết: "Lõa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt

Thế Tôn... đầu ông ấy sẽ bị bể tan". **Vị tướng quân ở bộ lạc Licchavi tên là Ajita, khi mệnh chung vào ngày kia đã được sanh vào Tam thập tam thiên.** Rồi vị ấy đến bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không có tầm quý! Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không nói sự thật! Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta đã nói về con, ở giữa làng Vajji như sau: *"Tướng quân ở bộ lạc Licchavi tên là Ajita sẽ thác sanh vào Đại địa ngục,"* **Bạch Thế Tôn, con không thác sanh vào Đại địa ngục, Bạch Thế Tôn, con được sanh vào cõi Tam thập tam thiên! Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không có tầm quý.** Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không nói sự thật! Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

Này Sunakkhatta, như vậy chính tự tâm phán xét mà Ta biết về lừa thể Pàtikaputta. Lừa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Và một vị thiên Thần đã báo tin cho ta biết: "Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Thế Tôn nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông nghĩ rằng

ông ấy sẽ đến gặp mặt Thế Tôn mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

"Này Sunakkhatta, sau khi Ta đi khát thực ở Vesàli, ăn xong và khát thực trở về, Ta sẽ đến tại vườn Pàtikaputta để nghỉ trưa. Này Sunakkhatta, nếu Ngươi muốn, hãy tin cho ông ấy biết."

19. Này Bhaggava, rồi Ta đắp y vào buổi sáng, cầm y bát vào thành Vesàli để khát thực. Sau khi đi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, Ta đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa. Này Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi vội vàng vào thành Vesàli, đến những Licchava có danh tiếng và báo tin cho những vị ấy biết: "- Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, đã đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa! Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo."

Này Bhaggava, các Licchavi có danh tiếng suy nghĩ như sau: "Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo. Vậy chúng ta hãy đi đến đó."

Và chỗ nào có những Bà la môn có địa vị, những gia

chủ giàu sang, các Bà la môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng, ông ta đi đến các vị này và báo tin cho biết: "- Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi đi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, đã đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa. Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo."

Này Bhaggava, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng suy nghĩ: "Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo. Vậy chúng ta hãy đi đến đó."

Này Bhaggava, rồi các Licchavi có danh tiếng, các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đi đến vườn của Pàtikaputta. Này Bhaggava, như vậy Hội chúng này lên đến hàng trăm hàng ngàn người.

20. Này Bhaggava, lỏa thể Pàtikaputta được nghe: "Các Licchavi danh tiếng đã đến, các Bà la môn có địa vị, các gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến, còn Sa môn Gotama thì ngồi nghỉ trưa tại vườn của ta." Khi nghe vậy ông ấy hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược. Này Bhaggava, lỏa thể Pàtikaputta hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược, liền đi đến vườn các du sĩ

Tindukkhànu.

Này Bhaggava, Hội chúng ấy được nghe: "Lỗa thể Pàtikaputta hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược đã đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu." Này Bhaggava, Hội chúng liền cho gọi một người và bảo:

"- Này bạn hãy đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp lỗa thể Pàtikaputta và nói như sau: "Này bạn Pàtikaputta hãy đến. Các Licchavi danh tiếng đã đến, các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến. Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, lời nói sau đây được Hiền giả nói tại Hội chúng ở Vesàli: "Sa môn là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thượng nhân thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama thực hiện một pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện hai pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện hai pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện bốn pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện bốn pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện tám pháp. Như vậy Sa môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp thượng nhân thần

thông, thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần. "Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả!".

21. Này Bhaggava, người ấy vâng theo lời Hội chúng ấy, đi đến vườn các du sĩ Tindukkhanu, gặp lõa thể Pàtikaputta, sau khi gặp xong, liền thưa:

"- Này bạn Pàtikaputta, hãy đi đến. Các Licchavi danh tiếng... Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, lời nói sau được Hiền giả nói tại Hội chúng ở Vesàli: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... ta sẽ thực hiện gấp hai lần". Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường, Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường và ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, lõa thể Pàtikaputta trả lời:

"- Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến". Nhưng ông ấy như trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi. Này Bhaggava, người ấy nói với lõa thể Pàtikaputta:

"- Này Hiền giả Pàtikaputta sao lại như vậy? Hình

như mộng của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mộng của Hiền giả?

"- Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến." Tuy nói vậy nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

Này Bhaggava, được nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến"; nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ không có thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

22. Này Bhaggava, khi người ấy biết được lỏa thể Pàtikaputta này đã bị thảm bại, tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi, liền đến Hội chúng ấy báo tin:

"- Lỏa thể Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi."

Này Bhaggava, **khi nghe vậy Ta nói Hội chúng:**

"- Nay các Hiền giả, lỏa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ

bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

II

1. Nay Bhaggava, một vị đại thần Licchavi, từ chỗ ngồi đứng dậy, nói với Hội chúng ấy:

"- Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi, xem có thể đưa lửa thề Pàtikaputta đến Hội chúng này không?"

Này Bhaggava, rồi vị đại thần Licchavi ấy đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp mặt lửa thề Pàtikaputta và nói với ông ấy:

"- Nay bạn Pàtikaputta hãy đến! Các Licchavi danh tiếng đã đến, và các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Ba la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến; còn Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Nay Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa Hội chúng Vesàli: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần". Nay Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn

Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Ngày Hiền giả Pàtikaputta, Sa môn Gotama đã nói với Hội chúng về Hiền giả như sau: "Lỏa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... ông ấy có thể đến gặp mặt Thế Tôn thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan". Ngày Hiền giả Pàtikaputta hãy đến! Nếu Hiền giả đến, chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng và làm cho Sa môn Gotama thất bại."

2. Ngày Bhaggava, khi được nghe nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Ngày Bạn, tôi sẽ đến; ngày Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ không thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Ngày Bhaggava, vị đại thần Licchavi liền nói với lỏa thể Pàtikaputta:

"- Ngày Hiền giả Pàtikaputta, sao lại vậy? Hình như mông của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mông của Hiền giả. Tuy nói: "Ngày Bạn, tôi sẽ đến; ngày Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Ngày Bhaggava, khi được nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta tuy nói: "Ngày Bạn, tôi sẽ đến; ngày Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy.

3. Nay Bhaggava, khi vị đại thần Licchavi biết được lửa thể Pàtikaputta này đã bị thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy, liền đến Hội chúng ấy báo tin:

"- Lửa thể Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Hội chúng ấy:

"- Nay các Hiền giả, lửa thể Pàtikaputta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột lửa thể Pàtikaputta với dây thừng, và dùng bò kéo ông ấy lại đây, Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thừng ấy. Lửa thể Pàtikaputta không có thể, nếu không từ bỏ lời nói ấy..." Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta không từ bỏ lời nói ấy...", thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

4. Nay Bhaggava, lúc ấy Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, từ chỗ ngồi đứng dậy và nói với Hội chúng ấy:

"- Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi xem có thể đưa lửa thể Pàtikaputta đến Hội chúng này hay

không?"

Này Bhggava, rồi Jàliya, đệ tử của Dàrupatti đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp mặt Lỏa thê Pàtikaputta và nói với ông ấy:

"- Này bạn Pàtikaputta hãy đến. Các Licchavi danh tiếng đã đến... Sa môn Gotama nay đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa Hội chúng Vesàli như sau: "Sa môn Gotama là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần." Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, Sa môn Gotama đã nói với Hội chúng về Hiền giả như sau: "Lỏa thê Pàtikaputta nếu không từ bỏ lời nói ấy... Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta không bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama...", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan". **Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột Lỏa thê Pàtikaputta với dây thùng, và dùng bò kéo ông ấy lại đây", Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thùng ấy. Lỏa thê Pàtikaputta không có thể, nếu không từ bỏ lời nói ấy... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan".**

Này Hiền giả Pàtikaputta hãy đến. **Nếu Hiền giả đến, chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng, và làm**

cho Sa môn Gotama thất bại."

5. Nay Bhaggava, khi được nghe nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Nay Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti nói với lỏa thể Pàtikaputta:

"- Nay Hiền giả Pàtikaputta sao lại vậy? Hình như móng của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính vào móng của Hiền giả. Tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, được nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, được nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, khi Jàliya, đệ tử của Dàrupatti biết được lỏa thể Pàtikaputta nay đã bị thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy,

liền nói với ông ấy:

"- Này Hiền giả Pàtikaputta, **thuở xưa con sư tử vua các loài thú** suy nghĩ: "Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ta sẽ ra khỏi sào huyệt, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, ta sẽ đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại".

"Này Hiền giả, con sư tử ấy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ra khỏi sào huyệt, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, nó đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại.

7. "Này Hiền giả Pàtikaputta, **có con chó rừng già kiêu ngạo và mạnh mẽ, thường sống bằng đồ ăn thừa của con sư tử, vua các loài thú. Con chó rừng ấy suy nghĩ: "Ta là ai, và con sư tử, vua các loài thú là ai? Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ta sẽ ra khỏi sào huyệt, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp**

bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, ta sẽ đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại, rồi trở về sào huyệt lại."

"Này Hiền giả, con chó rừng kia ý cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và định ba lần rống tiếng rống con sư tử. **Nhưng nó chỉ kêu lên tiếng loại chó rừng, tiếng sủa loại chó rừng. Ai có thể so sánh tiếng sủa con chó rừng đê tiện với tiếng rống con sư tử?**

"Cũng vậy, này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà tự nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta đê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

8. Này Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupati dầu có dùng ví dụ ấy cũng không thể khiến lỏa thê Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy:

*Chó rừng nhìn tự thân,
Tự nghĩ là sư tử.
Nó sủa tiếng chó rừng,*

*Loại chó rùng dê tiện.
Chó rùng sủa là ai?
Ai rống tiếng sư tử?*

"Cũng vậy, này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta dê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

10. Này Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, dầu có dùng ví dụ ấy cũng không có thể khiến lỏa thê Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy:

*Ăn cóc, chuột kho thóc,
Ăn xác quăng nghĩa địa,
Sống Đại lâm, Không lâm,
Tự nghĩ là vua thú.
Nó sủa tiếng chó rùng,
Loại chó rùng dê tiện.
Chó rùng sủa là ai?
Ai rống tiếng sư tử?*

"Cũng vậy này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà tự nghĩ có thể trịch

thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta đề tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

11. Nay Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, dầu có dùng ví dụ ấy, cũng không thể khiến lã thê Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền về Hội chúng ấy và báo tin:

"- Lã thê Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

12. Nay Bhaggava, khi nghe nói vậy, **Ta nói với hội chúng ấy:**

"- Nay các Hiền giả, lã thê Pàtikaputta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thì không có thể đến gặp mặt Ta được. Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta tuy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama được", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. **Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột lã thê Pàtikaputta với dây thùng và dùng bò kéo ông ấy lại đây". Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thùng ấy. Lã thê Pàtikaputta không có thể**

không từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Ta được. Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta có thể không từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama được", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

13. Nay Bhaggava, rồi Ta giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với bài thuyết pháp. Sau khi giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với bài thuyết pháp, Ta khiến cho họ giải thoát đại kiết sử, cứu vớt tám vạn bốn ngàn chúng sanh thoát khỏi đại đọa xứ, Ta nhập thiền quang giới tam muội, bay lên hư không cao đến bảy cây ta la, phóng hào quang cao đến hơn bảy cây ta la, khiến cho chói sáng, rực sáng và Ta hiện ra tại Trùng Các giảng đường ở Đại Lâm.

Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đến Ta, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, này Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

"- Này Sunakkhatta, Ngươi nghĩ thế nào? Có phải điều Ta nói cho Ngươi về lửa thể Pàtikaputta, đã được thực hiện đúng như vậy, không có gì khác?"

"- Bạch Thế Tôn, điều Thế Tôn nói cho con về lửa

thể Pàtikaputta đã được thực hiện đúng như vậy, không có gì khác.

"- Nay Sunakkhatta, Ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thì có phải pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện hay không được thực hiện?"

"- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, thì pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện, không phải không thực hiện."

- "Này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Ngươi lại nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông." Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Ngươi như vậy là như thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi dầu được Ta nói vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

14. Nay Bhaggava, **Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biết hơn thế nữa. Và khi Ta biết như vậy, Ta không có chấp trước. Vì không có chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy; chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không**

rơi vào lầm lỗi.

→ Nay Bhaggava, có những vị Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên (Issara) tạo ra, do Phạm thiên (Brahma) tạo ra. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự tại thiên tạo ra, do Phạm thiên tạo ra?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời:

"- Vâng!"

Ta nói với quý vị ấy:

"- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự tại thiên tạo ra, do Phạm thiên tạo ra?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. **Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:**

15. "- Chư Hiền giả, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, **thế giới này chuyển**

hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, phần lớn các loài hữu tình chuyển sanh qua **Àbhassara (Quang Âm thiên)** ở tại đây, những loài hữu tình nào do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

Chư Hiền giả, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra nhưng trống không.

- Lúc bấy giờ, một loài hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung trống không ấy. Vị ấy ở tại đây, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.
- Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: "Mong sao có các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này!"
- Lúc bấy giờ, các loài hữu tình khác, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, bị mệnh chung và từ thân Quang Âm thiên sanh qua

Phạm cung trống không để làm bạn với vị hữu tình kia. Các loại hữu tình này ở đây cũng có ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

16. "Lúc bấy giờ, này các Hiền giả, **vị hữu tình sanh qua đầu tiên nghĩ rằng:** "Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Những loài hữu tình ấy do chính ta hóa sanh. Tại sao vậy? Vì chính do ta khởi niệm: Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này! Chính do sở nguyện của ta mà những loại hữu tình ấy đến tại chỗ này".

Các loài hữu tình đến sau cùng nghĩ như thế này: "Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hoá sanh. Vì chúng ta thấy vị này sanh trước ở đây rồi, còn chúng ta thì sanh sau".

17. "Này các Hiền giả, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy, sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn, và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn, và được ít uy quyền hơn.

Này các Hiền giả, **sự tình này có thể xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này.** Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. **Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống ấy.** Vị ấy nói rằng: "*Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng Tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không biến chuyển, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này!*"

Này các Hiền giả, như vậy quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên tạo ra, là do Phạm thiên tạo ra...?"

Các vị ấy nói như sau: "- Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi."

18. Này Bhaggava:

→ Một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi dục lạc. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc vì dục lạc?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: "- Vâng."

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Hiền giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới truyền thống, là do nhiễm hoặc bởi dục lạc?"

Được Ta hỏi như vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Này các Hiền giả, có những hạng **chư Thiên gọi là Khiddapadosikà (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc)**. Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hý tiếu

dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của họ.

Sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói: *"Những vị Thiên không bị nhiễm hoặc vì dục lạc, họ sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc, nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm, nên Chư thiên ấy không thác sanh, không từ bỏ thân thể của họ, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến chỗ này"*. Nay các Tôn giả, như vậy quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do

nhiễm hoặc vì dục lạc có phải không?"

Các vị ấy nói như sau:

"- Nay Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "...

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới,...
mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi".

19.

→ Nay Bhaggava, một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: - "Vâng".

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được

hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Chư Hiền giả, có những hạng **chư Thiên** gọi là **Manopadosikà (nhiễm hoặc bởi tâm trí)**. Họ sống lâu ngày, nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày, nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau, nên thân họ mệt mỏi, tâm họ mệt mỏi. Các hạng chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân này của họ.

Các Hiền giả, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia, khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi sanh đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: *"Chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, họ sống lâu ngày không bị nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ không oán ghét nhau. Vì tâm trí họ không oán ghét nhau, nên thân họ không mệt mỏi, tâm họ không mệt mỏi. Hạng chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của họ, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau, nên thân mệt mỏi và tâm*

một mỗi. Chúng thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này". Như vậy, này các Hiền giả, quý vị tuyên bố về khởi nguyên của thế giới theo truyền thống là do bị nhiễm hoặc bởi tâm trí."

Họ trả lời như sau:

"- Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên của thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi."

20.

→ Này Bhaggava, một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: "- Vâng".

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô

nhân sanh?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Chư Hiền giả, có những **chư Thiên gọi là Vô tướng hữu tình**. Khi một tướng niệm khởi lên, thời chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên của mình.

Chư Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm... **nên tâm nhập định**. Vị ấy nhớ đến khi tướng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: "**Bản ngã về thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng: Tôi trước kia không có, nay có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loại hữu tình**". Như vậy, này các Tôn giả, quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh có phải như vậy không?"

Họ trả lời: "- Này Hiền giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biết hơn thế nữa. Và khi Ta biết như vậy, Ta không có chấp trước. Vì không chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy. Chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi".

21. Này Bhaggava, Ta tuyên bố như vậy, Ta quan niệm như vậy. Nhưng một số Sa-môn, Bà-la-môn lại bài xích Ta một cách không thật, trống không, hư ngụy, giả dối: "Sa môn Gotama và các vị Tỷ kheo là điên đảo. Sa môn Gotama đã tuyên bố: "*Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tịnh*". Nhưng này Bhaggava, Ta không có nói như vậy: "*Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tịnh*."

Này Bhaggava, *Ta nói như sau: "Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là thanh tịnh"*

- Bạch Thế Tôn, chính họ là điên đảo khi họ chỉ trích Thế Tôn và các Tỷ kheo là điên đảo. Con tin tưởng hoan hỷ đối với Thế Tôn khiến con tin rằng Thế Tôn có thể dạy cho con đến thanh tịnh giải thoát.

- Này Bhaggava, thật khó cho Người khi Người theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai

khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác để có thể đạt được **thanh tịnh, giải thoát**. Nay Bhaggava, **hãy đặt nặng lòng tin ở nơi Ta, hãy khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy.**

- Bạch Thế Tôn, nếu thật khó cho con, khi con theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác, để có thể đạt được thanh tịnh giải thoát, thời Bạch Thế Tôn, **ít nhất con cũng đặt nặng lòng tin vào Thế Tôn, và con sẽ khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, du sĩ Bhaggava hoan hỷ tín thọ lời dạy Thế Tôn.

65 Thù diệu - 7 sự thù diệu - Kinh SỰ THÙ DIỆU – Tăng III, 295

SỰ THÙ DIỆU – Tăng III, 295

1. - Nay các Tỷ-kheo, có **bảy sự thù diệu** này.
2. Thế nào là bảy?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo:

- Tha thiết **hành trì học pháp** và **khát vọng** hành trì học pháp trong tương lai.
- Tha thiết **quán Pháp** và khát vọng quán Pháp trong tương lai.
- Tha thiết **niếp phục lòng dục** và khát vọng nhiếp phục lòng dục trong tương lai.
- Tha thiết **Thiền tịnh** và khát vọng Thiền tịnh trong tương lai.
- Tha thiết **tinh cần** tinh tấn và khát vọng tinh cần tinh tấn trong tương lai.
- Tha thiết **niệm tuệ** và khát vọng niệm tuệ trong tương lai.
- Tha thiết **thể nhập tri kiến** và **khát vọng** thể nhập tri kiến trong tương lai.

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy căn bản để được tán thán.

66 Thù diệu - 7 thù diệu sự - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG
– Bài kinh số 33 – Trường II, 567
(Trích đoạn)

Bảy thù diệu sự:

- Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo tha thiết hành trì học pháp và khát vọng hành trì học pháp trong tương lai;
- Tha thiết quán pháp và khát vọng quán pháp trong tương lai;
- Tha thiết điều phục các dục vọng và khát vọng điều phục các dục vọng trong tương lai;
- Tha thiết sống an tịnh và khát vọng sống an tịnh trong tương lai;
- Tha thiết sống tinh tấn và khát vọng sống tinh tấn trong tương lai;
- Tha thiết quán sát tự niệm và khát vọng quán

sát tự niệm trong tương lai;

- Tha thiết với kiến giải và khát vọng hiểu biết sở kiến trong tương lai.

67 Thù nghịch đối với bậc Đạo sư - Kinh ĐẠI KHÔNG – 122 Trung III, 301

KINH ĐẠI KHÔNG (Mahasunnata sutam)

– Bài kinh số 122 – Trung III, 301

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa các dòng họ Sakka (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở tu viện Nigrodha (Ni-câu-luật Thọ Viên). Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Kapilavatthu để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Kapilavatthu, ăn xong, trên đường đi khát thực trở về, Thế Tôn đi đến trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka để ở ban ngày. Lúc bấy giờ, tại tu viện của Thích-ca Kalakhemaka, có sắp đặt rất nhiều sàng tọa. Thế Tôn thấy rất nhiều sàng tọa tại trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka, thấy vậy Thế Tôn suy nghĩ: "Rất nhiều sàng tọa được sắp đặt tại tu viện của Thích-ca Kalakhemaka. Không biết ở đây có rất nhiều Tỷ-kheo ở không?"

Lúc bấy giờ Tôn giả Ananda cùng với rất nhiều vị Tỷ-kheo đang làm y (civarakamma) ở trú xứ của

Thích-ca Ghataya.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiên tịnh độ cư đứng dậy, đi đến trú xứ của Thích-ca Ghataya, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

– Nay Ananda, có rất nhiều sàng tọa được sắp đặt tại trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka. Không biết có nhiều Tỷ-kheo trú ở đây không.

– Bạch Thế Tôn, có rất nhiều sàng tọa được sắp đặt ở trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka; có rất nhiều Tỷ-kheo trú tại chỗ ấy. Bạch Thế Tôn, nay là thời chúng con làm y.

→ Nay Ananda, một Tỷ-kheo không chói sáng nếu thích thú trong hội chúng của mình, nếu hân hoan trong hội chúng của mình, nếu hoan hỷ trong hội chúng của mình, nếu thích thú trong hội chúng của người, nếu hân hoan trong hội chúng của người, nếu hoan hỷ trong hội chúng của người.

→ Nay Ananda, nếu Tỷ-kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan

trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người, có thể là một vị chứng đắc tùy theo ý muốn, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, viễn ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; sự kiện như vậy không xảy ra.

→ Nhưng này Ananda, Tỷ-kheo nào sống một mình, xa lánh tụ hội, thời vị ấy có hy vọng chứng đắc tùy theo ý muốn, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, viễn ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; sự kiện như vậy có thể xảy ra.

→ Này Ananda, nếu Tỷ-kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người sẽ chứng đắc và an trú với tâm giải thoát có hạn kỳ và thoải mái hay không có hạn kỳ và bất động; sự kiện như vậy không xảy ra.

→ Nhưng này Ananda, Tỷ-kheo nào sống một mình, xa lánh tụ hội, thời vị ấy có hy vọng sẽ chứng đắc và an trú với tâm giải thoát có hạn

kỳ và thoái mái, hay không có hạn kỳ và bất động; sự kiện như vậy có xảy ra.

→ **Này Ananda, Ta không quán thấy một sắc pháp nào trong ấy có hoan hỷ, trong ấy có hoan lạc, chịu sự biến dịch, chịu sự đổi khác mà không khởi lên sâu, bi, khổ, ưu, não.**

→ Nhưng sự (an) trú này, này Ananda, đã được Như Lai hoàn toàn giác ngộ, tức là sau khi không tác ý với tất cả tướng, chứng đắc và (an) trú nội không. Và nếu, này Ananda, trong khi Như Lai an trú trong an trú này, nếu có những Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, quốc vương, đại thần, ngoại đạo, ngoại đạo đệ tử đến yết kiến, trong khi ấy, này Ananda, Như Lai với tâm hướng đến viễn ly, thiên về viễn ly, nặng về viễn ly, sống độc cư, hoan hỷ trong ly dục, làm cho đoạn tận tất cả các pháp dựa trên các lậu hoặc an trú, nói lên tại chỗ ấy những lời thuần túy liên hệ đến khích lệ.

→ **Do vậy, này Ananda, nếu Tỷ-kheo ước vọng: "Sau khi chứng đạt nội không, ta sẽ an trú", vị Tỷ-kheo ấy, này Ananda, cần phải an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm.**

❖ *Và này Ananda, như thế nào Tỷ-kheo an chỉ, an*

tọa, chuyên nhất và an định nội tâm?

Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ. Diệt tâm và tứ, chứng và trú Nhị thiền, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm... Tam thiền... chứng và trú Tứ thiền. Như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm.

Vị ấy tác ý nội không. Trong khi **vị ấy tác ý nội không, tâm không thích thú**, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến nội không. Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý nội không, tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến nội không". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Vị ấy tác ý ngoại không. Vị ấy tác ý nội ngoại không. Vị ấy tác ý bất động. Trong khi **vị ấy tác ý bất động thời tâm không thích thú**, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến bất động". Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý bất động, tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến bất động". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Này Ananda, Tỷ-kheo

ấy cần phải an trú, an tọa, chuyên nhất, và an định nội tâm trên định tướng (samadhinimitte) đã đề cập về trước ấy.

Vị ấy tác ý nội không. Trong khi vị ấy **tác ý nội không, tâm thích thú**, tịnh tín, an trú, hướng đến nội không. Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý nội không, tâm thích thú, tịnh tín, an trú, hướng đến nội không". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Vị ấy tác ý ngoại không. Vị ấy tác ý nội ngoại không. Vị ấy tác ý bất động. Trong khi vị ấy **tác ý bất động, tâm thích thú**, tịnh tín, an trú hướng đến bất động. Sự kiện là như vậy, này Ananda, vị Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý bất động, tâm thích thú, tịnh tín, an trú, hướng đến bất động". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo ấy đang an trú trong an trú này, tâm vị ấy hướng đến đi kinh hành, vị ấy đi kinh hành (cankamati), và nghĩ rằng: **"Trong khi ta đang đi kinh hành, thời tham và ưu, các ác bất thiện pháp không có chảy vào"**. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo đang an trú trong an trú này, tâm vị ấy hướng đến đứng lại, vị ấy đứng lại

và nghĩ rằng: "*Trong khi ta **đang đứng** lại, thời tham và u, các ác bất thiện pháp không có chảy vào*". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến ngò, vị ấy ngò và nghĩ rằng: "*Trong khi ta **đang ngò**, tham và u, các ác bất thiện pháp không có chảy vào*". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến nằm, vị ấy nằm và nghĩ rằng: "*Trong khi ta **đang nằm**, tham và u, các ác bất thiện pháp không chảy vào*". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, **tâm vị ấy hướng đến nói**, vị ấy suy nghĩ như sau: "*Ta sẽ không nói những câu chuyên hạ liệt, đê tiện, thuộc phạm phu*, không thuộc bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly dục, đoạn tiết, an tịnh, thắng trí, giác ngộ. Niết-bàn, như quốc vương luận, đạo tặc luận, đại thần luận, quân luận, bố úy luận, chiến tranh luận, thực vật luận, ẩm liệu luận, y phục luận, ngoại cụ luận, hoan man luận, hương liệu luận, thân thích luận, xa thừa luận, thôn luận, thị trấn luận, đô thị

luận, quốc độ luận, nữ luận, anh hùng luận, hạng trung luận, thủy bình xứ luận, tiên linh luận, sai biệt luận, thế giới luận, hải thuyết luận, hữu vô hữu luận. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Nhưng này Ananda, đối với những lời nói nào khắc khổ, khai tâm, đưa đến nhứt hướng yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như thiểu dục luận, tri túc luận, độc cư luận, bất chúng hội luận, tinh cần luận, giới luận, định luận, tuệ luận, giải thoát luận, giải thoát tri kiến luận, vị ấy nghĩ: "Ta sẽ nói các luận như vậy". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi an trú với sự an trú này, tâm hướng đến suy tầm (vitakka), vì ấy suy nghĩ: "Đối với những suy tầm hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không thuộc bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như là dục tầm, sân tầm, hại tầm, ta sẽ không suy nghĩ các loại suy tầm ấy". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Nhưng này Ananda, đối với những suy tầm này, thuộc bậc Thánh, có khả năng cầu tiến, hướng dẫn (người suy nghĩ các suy tầm ấy) đến sự đoạn trừ hoàn toàn đau khổ, như là ly dục tầm, vô sân tầm, bất hại

tâm, vị ấy nghĩ: "Ta sẽ suy tư các loại suy tâm này". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

❖ **Này Ananda, có năm dục trưởng dưỡng này.**
Thế nào là năm?

— Các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức; các hương do mũi nhận thức; các vị do lưỡi nhận thức; các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này Ananda, có năm dục trưởng dưỡng này. Từ đây Tỷ-kheo cần phải thường quán sát tự tâm như sau: **"Trong tâm ta, có khởi lên tâm hành gì với xứ (ayatana) này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng?"**.

➔ Này Ananda, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát như vậy, tuệ tri rằng: **"Trong tâm ta, có khởi lên tâm hành với xứ này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng"**. Sự kiện là như vậy, Tỷ-kheo tuệ tri như sau: **"Dục ái (chandaraga) này đối với năm dục trưởng dưỡng đối với ta, chưa đoạn diệt được"**. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

➔ Nay Ananda, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát như vậy, tuệ tri rằng: "*Trong tâm ta, **không có** khởi lên tâm hành với xứ này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng*". Sự kiện là như vậy, Tỷ-kheo tuệ tri như sau: "*Dục tham này đối với năm dục trưởng dưỡng đối với ta, đã được đoạn diệt*". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

❖ **Này Ananda, có năm thủ uẩn.**

– Ở đây, Tỷ-kheo cần phải đoạn tận chúng, khi vi ấy tùy quán sự sanh diệt. Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự đoạn diệt của sắc. Đây là thọ, đây là sự tập khởi của thọ, đây là sự đoạn diệt của thọ. Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là sự tập khởi của thức, đây là sự đoạn diệt của thức.

➔ Trong khi vị ấy an trú, tùy quán sự sanh diệt của năm thủ uẩn này, **nếu có ngã mạn nào (asmimmano) (khởi lên) đối với năm thủ uẩn, ngã mạn ấy được đoạn tận**. Sự kiện là như vậy, nay Ananda, Tỷ-kheo tuệ tri như sau: "*Phàm có ngã mạn nào đối với năm thủ uẩn (khởi lên) nơi ta, ta đã đoạn tận ngã mạn ấy*". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Những pháp này, nay Ananda, thuần nhất liên hệ đến thiện, đều

thuộc hiền, Thánh, siêu thế, vượt ngoài tầm của ác ma.

– Này Ananda, Ông nghĩ thế nào? Vì thấy lý do gì, một Thanh văn Đề tử tự nghĩ là xứng đáng (hợp lý) để đi theo một Đạo sư đầu cho bị hất hủi?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này. Sau khi được nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ hành trì.

– Này Ananda, thật không xứng đáng cho một đệ tử bám sát theo vị đạo sư, nếu vì lý do được nghe giải thích khế kinh và phúng tụng. Vì có sao? Trong một thời gian lâu dài, các pháp đã được các Ông nghe, thọ trì, đọc lớn tiếng, suy tư với ý, khéo thấu hiểu với chánh trí. Nhưng này Ananda, đối với những lời nói nào, khắc khổ, khai tâm đưa đến nhất hướng viễn ly, ly tham, đoạn diệt an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn như là thiếu dục luận, tri túc luận, độc cư luận, bất chúng hội luận, tinh cần luận, giới luận, định luận, tuệ luận, giải thoát luận, giải thoát tri kiến luận. Này Ananda, do nhân duyên những loại thuyết luận như vậy, thật xứng đáng cho một Thanh văn đệ tử bám sát vị Đạo sư đầu cho bị hất hủi. Sự

kiện là như vậy, này Ananda, thời có sự phiền lụy (upaddava) cho vị Đạo sư; sự kiện là như vậy, thời có sự phiền lụy do đệ tử; sự kiện là như vậy, thời có sự phiền lụy cho các vị tu Phạm hạnh.

Và này Ananda, như thế nào là sự phiền lụy cho vị Đạo sư? Ở đây, này Ananda, có Đạo sư lựa một trú xứ (senasanam) xa vắng trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đồng rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên nhiễm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lui lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của Đạo sư. Vì sự phiền lụy của Đạo sư, các ác bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sanh, đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai, các pháp ấy tấn công vị ấy. Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của Đạo sư.

Này Ananda, thế nào là sự phiền lụy của đệ tử? Này Ananda, đệ tử của một Đạo sư, bắt chước đời sống viễn ly của Đạo sư mình, lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng,

ngoài trời hay trên một đồng rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân với quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên niềm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lui lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của đệ tử. Vì sự phiền lụy của đệ tử, các ác bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sanh, đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả, dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai; các pháp ấy tán công vị ấy. Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của đệ tử.

Và này Ananda, như thế nào là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh? Ở đây, này Ananda, Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đồng rơm. Trong khi Ngài sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, Ngài không khởi lên niềm tâm, không rơi vào dục vọng, không khởi lên tham ái, không trở lui

lai đời sống sung túc.

Nhưng này Ananda, vị đệ tử của bậc Đạo sư chủ tâm theo (hạnh) viễn ly của bậc Đạo sư, bắt chước (theo hạnh ấy) lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời, trên một đồng rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên niềm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh. Vì sự phiền lụy của Phạm hạnh, các ác bất thiện pháp, tập nhiễm, dẫn đến tái sinh đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả, dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai, các pháp ấy tấn công vị ấy. *Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh.*

Nhưng này Ananda, sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh là nhiều quả khổ hơn, nhiều quả não hơn đối với phiền lụy của Đạo sư này và phiền lụy của đệ tử này, hơn nữa nó dẫn đến đọa lạc.

❖ **Do vậy, này Ananda, hãy đối xử với Ta, với tâm thân hữu, không với tâm thù nghịch, và như**

vậy các Ông sẽ được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Và như thế nào là các đệ tử đối xử với Đạo sư với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu? Ở đây, này Ananda, vị Đạo sư ấy với lòng từ mẫn thuyết pháp cho các đệ tử, mong cầu hạnh phúc cho họ, vì lòng từ mẫn nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông". Nhưng các đệ tử của vị ấy không chịu nghe theo, không chịu lắng tai, chú tâm vào hướng khác (annan), ngược lại, họ đi xa lời giảng dạy của vị Đạo sư. Như vậy, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu.

Và như thế nào, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thân hữu, không với tâm thù nghịch? Ở đây, này Ananda, vị Đạo sư với lòng từ mẫn thuyết pháp cho các đệ tử, tìm cầu hạnh phúc cho họ, vì lòng từ mẫn nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông". Các đệ tử của vị ấy chịu nghe theo, chịu lắng tai, không chú tâm vào hướng khác, và không ngược lại đi xa lời dạy của bậc Đạo sư. Như vậy, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thân hữu, không phải với tâm thù nghịch.

Do vậy, này Ananda, hãy đối xử với Ta, với tâm

thân hữu, chớ với tâm thù nghịch và như vậy sẽ là hạnh phúc, là an lạc lâu dài cho các Ông. Ta không sách tấn các Ông như người thợ gốm đối với các đồ gốm chưa nung, chưa được nung chín. Ta sẽ nói hết lời chỉ trích này đến lời chỉ trích khác, hết lời tán thán này đến lời tán thán khác. **Cái gì là lỗi cây, cái ấy sẽ đứng vững tồn tại.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

68 Thúc đẩy - Kinh NGHÈO KHỔ – Tăng III, 117

NGHÈO KHỔ –Tăng III, 117

1.-Sự nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Khi một người nghèo khổ không có sở hữu, sống túng thiếu, phải mắc nợ. Mắc nợ ấy, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Khi một người nghèo khổ không có sở hữu, sống túng thiếu phải, sau khi mắc nợ, phải chấp nhận tiền lời. Tiền lời, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

- Khi một người nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, phải chấp nhận tiền lời, và khi thời hạn đến, không trả được tiền lời, người ta hối thúc, đốc thúc người ấy. Sự hối thúc, đốc thúc, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.
- Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, bị hối thúc, không trả được, người ta theo sát gót truy tìm người ấy. **Bị theo sát gót**, bị truy tìm, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.
- Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, bị theo sát gót, bị truy tìm, không trả nợ được, người ta bắt trói người ấy. **Sự bắt trói**, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.
- Này các Tỷ-kheo, như vậy:
 - **Nghèo khổ** là một sự **đau khổ** cho người **có tham dục ở đời**;
 - **Mắc nợ** cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời;
 - **Tiền lời** cũng là sự đau khổ cho người có tham dục ở đời;
 - **Bị hối thúc**, đốc thúc cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời;
 - **Bị theo sát gót**, bị truy tìm cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời;

- **Bị bắt trói** cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo:

- Ai **không có lòng tin** trong các thiện pháp, không có **lòng hổ thẹn** trong các thiện pháp, không có **lòng sợ hãi** trong các thiện pháp, không có **tinh tấn** trong các thiện pháp, không có **trí tuệ** trong các thiện pháp; người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là **người nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu trong Luật của bậc Thánh.**
- Nay chính người ấy, này các Tỷ-kheo, nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, không có lòng tin trong thiện pháp, không có lòng hổ thẹn trong các thiện pháp, không có lòng sợ hãi trong các thiện pháp, không có tinh tấn trong các thiện pháp, không có trí tuệ trong các thiện pháp, **làm ác hạnh về thân, làm ác hạnh về lời, làm ác hạnh về ý nghĩ.** Ta gọi người ấy là người mắc nợ.
- Người ấy do nhân **che giấu thân ác hạnh, khởi lên ác dục, muốn rằng:** "Mong rằng không ai biết ta làm", suy nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", nói rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", cố gắng với tác động về thân, nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm". Người ấy, do nhân **che giấu ác hạnh về lời... ác hạnh về ý,** khởi lên ác dục, muốn rằng: "Mong rằng không ai biết ta

làm", suy nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", nói rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", cố gắng với tác động về thân, nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm". Đây Ta gọi rằng: "Tiền lời gia tăng".

- Và *các đồng Phạm hạnh thuần thành nói về người ấy* như sau: "Tôn giả này có làm như vậy, có sở hành như vậy". Đây Ta nói rằng, người ấy bị hối thúc, đốc thúc.
- Rồi người ấy *đi đến rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, các ác bất thiện tâm, câu hữu với hối lỗi hiện hành.* Đây Ta gọi là bị theo sát gót, bị truy tìm.
- Nay chính người ấy, này các Tỷ-kheo, nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, sau khi làm ác hạnh về thân, sau khi làm ác hạnh về lời, sau khi làm ác hạnh về ý, khi thân hoại mạng chung, bị trôi buộc trong trôi buộc của Địa ngục, bị trôi buộc trong trôi buộc của loài bàng sanh. Và này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một trôi buộc nào khác lại khắc nghiệt như vậy, lại ác liệt như vậy, lại làm chướng ngại như vậy cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, này các Tỷ-kheo, giống như sự trôi buộc Địa ngục hay sự trôi buộc các loài bàng sanh.

Ngèo khổ và mắc nợ,

*Được gọi khổ ở đời!
Kẻ bần cùng mắc nợ,
Thọ dụng, bị tổn hại,
Rồi bị người truy lùng,
Cho đến bị trói buộc.
Trói buộc vậy là khổ,
Cho người cầu được dục.*

*Như vậy trong Luật Thánh,
Ai sống không lòng tin,
Không xấu hổ, sợ hãi,
Quyết định chọn ác nghiệp.
Sau khi làm ác hạnh,
Về thân, lời và ý.
Lại mong muốn được rằng:
"Chớ ai biết ta làm".
Người ấy khéo che giấu,
Vớ thân, lời và ý,
Làm tăng trưởng ác nghiệp,
Tại đây, đó, làm nữa.
Người ác tuệ, ác nghiệp,
Biết việc ác mình làm,
Như kẻ nghèo mắc nợ,
Thọ dụng, bị tổn hại.
*Những tư tưởng khổ đau
Sanh ra từ hối hận
Vẫn truy tìm người ấy,**

Ở làng hoặc ở rừng.
Người ác nghiệp, ác tuệ,
Biết việc ác mình làm,
Hoặc rơi vào bàng sanh,
Hoặc bị trói Địa ngục.
Trói buộc này là khổ.
- Ai tâm tịnh bố thí,
Với vật dụng đúng pháp,
Gieo cầu may hai đường,
Tín tại gia tìm cầu,
Hiện tại được hạnh phúc,
Đòi sau được an lạc.
Như vậy tại gia thí,
Tăng trưởng các công đức.

Như vậy trong Luật Thánh
Tín tâm được an trú.
Có xấu hổ, sợ hãi,
Có trí, bảo hộ giới,
Bậc ấy, trong Luật Thánh,
Được gọi: "Sống an lạc".
Được lạc không vật chất,
An trú trên tánh xả.
Từ bỏ năm triền cái,
Thường siêng năng, tinh cần,
Chứng Thiên định, nhứt tâm,
Thận trọng, giữ chánh niệm.

*Biết như thật là vậy,
Đoạn diệt mọi kiết sử,
Hoàn toàn không chấp thủ,
Chơn chánh, tâm giải thoát,
Với chánh giải thoát ấy,
Nếu trí như vậy khởi:
"Bất động ta giải thoát,
Đoạn diệt hữu kiết sử".
Trí này, trí tối thượng,
Lạc này, lạc vô thượng,
Không sầu, không trần cấu,
Được an ổn, (giải thoát),
Trạng thái không nợ này,
Được xem là tối thượng.*

69 Thơ văn - Thích thơ văn do thi sĩ làm ra - Kinh PHẨM HỘI CHÚNG – Tăng I, 133

PHẨM HỘI CHÚNG – Tăng I, 133

1-10.

1.- Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai?

- Hội chúng nông nổi
- Và hội chúng thâm sâu.

➔ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng nông nổi?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào có các Tỷ-kheo tháo động, kiêu căng, dao động, lắm mồm lắm miệng, lắm lời, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng nông nổi.

➔ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thâm sâu?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào có các Tỷ-kheo, không tháo động, không kiêu căng, không dao động, không lắm mồm lắm miệng, không lắm lời, không thất niệm, tỉnh

giác, có định tĩnh, nhất tâm, các căn được bảo vệ. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng thâm sâu.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thượng giữa hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng thâm sâu.

2. Có hai loại hội chúng này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai?

- **Hội chúng bất hòa**
- **Và hội chúng hòa hợp.**

➔ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng bất hòa?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng bất hòa.

➔ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng hòa hợp?*

- ➔ Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo hòa hợp, hòa kính, không có đấu tranh, hòa hợp như sữa với nước, sống nhìn nhau với cặp mắt từ ái, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng hòa hợp.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thượng giữa hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng hòa hợp.

3. Có hai loại hội chúng này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai?

- **Hội chúng không thù thắng**
- **Và hội chúng thù thắng.**

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không thù thắng?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các trưởng lão Tỷ-kheo sống trong sự đầy đủ, biếng nhác, dần dần về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không có gia sức tinh tấn để đạt những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Còn lớp hậu nhân, tùy thuận sở kiến của họ, sống trong sự đầy đủ, lười biếng, dần dần về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không có gia sức tinh tấn để đạt những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không thù thắng.

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thù thắng?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các trưởng lão Tỷ-kheo không sống trong đầy đủ, không biếng nhác, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu trong đời sống viễn ly, có gia sức tinh tấn để đạt những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Còn lớp hậu nhân, tùy thuận sở kiến của họ, không sống trong sự đầy đủ, không biếng nhác, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu trong đời sống viễn ly, có gia sức tinh tấn để đạt những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tôi thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng thù thắng.

4. Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng không phải Thánh**
- **Và hội chúng bậc Thánh.**

☞ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không phải Thánh?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo không như thật rõ biết: "Đây là khô";

không như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; không như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; không như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không phải Thánh.

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng bậc Thánh?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Đây là khổ"; như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng bậc Thánh.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng bậc Thánh.

5. Nay các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng cận bã**
- **Và hội chúng tinh ba.**

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng cận bã?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo đi đến con đường dục, đi đến con đường sân, đi đến con đường si, đi đến con

đường sợ hãi, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng cận bã.

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tinh ba?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo không đi đến con đường dục, không đi đến con đường sân, không đi đến con đường si, không đi đến con đường sợ hãi, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tinh ba.

Này các Tỷ-kheo, đây là hai hội chúng. Hội chúng tôi thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng tinh ba.

6. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn.**
- **Và hội chúng không được huấn luyện trong khoa trương, được huấn luyện trong chất vấn.**

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo đối với các kinh điển do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa siêu kín, siêu thế, liên hệ đến không, khi các kinh điển ấy

được thuyết giảng, họ không khéo nghe, không lắng tai, không an trú tâm để hiểu biết chúng, không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng. Nhưng đối với các kinh điển thi văn do thi sĩ làm ra, với các nguyên âm hoa mỹ, với các phụ âm hoa mỹ, các kinh thuộc ngoại giáo, được các đệ tử ngoại giáo nói lên, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ khéo nghe, lắng tai, họ an trú tâm để hiểu biết chúng. Họ nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng.

- Và sau khi học thuộc lòng các pháp ấy, họ không hỏi đi hỏi lại cùng nhau, không có mở rộng ra để thảo luận với những câu hỏi như: "Cái này là gì? Thế nào là ý nghĩa của cái này?" Họ không mở rộng ra những gì được che kín, họ không phơi bày ra những gì không được phơi bày, họ không giải nghi về những điểm nghi vấn trong Chánh pháp. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn.

➔ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo đối với các kinh điển thi văn do thi sĩ làm ra, với các nguyên âm hoa mỹ, với các phụ âm hoa mỹ, các kinh thuộc ngoại giáo, được các đệ tử ngoại giáo nói lên, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ không khéo nghe, họ không lắng tai, họ không an trú tâm để hiểu biết chúng, họ không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng. *Nhưng đối với các kinh điển do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế, liên hệ đến không, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ khéo nghe, họ lắng tai, họ an trú tâm để hiểu biết chúng, họ nghĩ rằng các pháp ấy cần phải được lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng.*
- Và sau khi học thuộc lòng các pháp ấy, họ hỏi đi hỏi lại cùng nhau, họ mở rộng ra để thảo luận với những câu hỏi như: "Cái này là gì? Thế nào là ý nghĩa của cái này?" Họ mở rộng ra những gì được che kín, họ phơi bày ra những gì không được phơi bày, họ giải nghi về những điểm nghi vấn trong Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương.

7. Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai?

- Hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng diệu pháp,
- Hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật.

➡ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng diệu pháp?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo trước mặt các gia chủ bận áo trắng, **tự tán thán lẫn nhau như sau**: "Tỷ-kheo này là bậc Giải thoát cả hai phần, Tỷ-kheo này là bậc Tuệ giải thoát, Tỷ-kheo này là bậc Thân chứng, Tỷ-kheo này là bậc Kiến chí, Tỷ-kheo này là bậc Tín giải thoát, Tỷ-kheo này là bậc Tùy pháp hành, Tỷ-kheo này là bậc Tùy tín hành, Tỷ-kheo này là bậc có Giới hạnh, theo Thiện pháp, Tỷ-kheo này là kẻ Ác giới, theo Ác pháp". Do vậy, họ được các lợi dưỡng.

- Sau khi được các lợi dưỡng, họ thọ hưởng, bị trói buộc, bị say mê, đắm trước, không thấy các sự nguy hại, không hiểu rõ sự giải thoát khỏi các lợi dưỡng ấy. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng diệu pháp.

➡ *Và đây các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật?*

- Ở đây, đây các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo trước mặt các gia chủ bận áo trắng, **không** tự tán thán lẫn nhau như sau: "Tỷ-kheo này là bậc Giải thoát cả hai phần, Tỷ-kheo này là bậc Tuệ giải thoát, Tỷ-kheo này là bậc Thân chứng, Tỷ-kheo này là bậc Kiến chí, Tỷ-kheo này là bậc Tín giải thoát, Tỷ-kheo này là bậc Tùy pháp hành, Tỷ-kheo này là bậc Tùy tín hành, Tỷ-kheo này là bậc có giới hạnh, theo thiện pháp, Tỷ-kheo này là kẻ Ác giới, theo Ác pháp". Do vậy, họ được các lợi dưỡng.
- Họ thọ hưởng các lợi dưỡng ấy, không bị trói buộc, không bị say mê, không đắm trước, thấy các sự nguy hại, hiểu rõ sự giải thoát khỏi các lợi dưỡng ấy. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tôn trọng diệu pháp, không tôn trọng tài vật.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Hội chúng tôi thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng tôn trọng điều pháp, không tôn trọng tài vật.

8. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng không đồng đẳng**
- **Và hội chúng đồng đẳng.**

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không đồng đẳng?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, **nghiệp phi pháp được thi hành**, nghiệp đúng pháp không được thi hành, nghiệp phi luật được thi hành, nghiệp đúng luật không được thi hành, nghiệp phi pháp được phát huy, nghiệp đúng pháp không được phát huy, nghiệp phi luật được phát huy, nghiệp đúng luật không được phát huy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không đồng đẳng.

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng đồng đẳng?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, nghiệp đúng pháp được thi hành, nghiệp phi pháp không được thi hành, nghiệp đúng luật

được thi hành, nghiệp phi luật không được thi hành, nghiệp đúng pháp được phát huy, nghiệp phi pháp không được phát huy, nghiệp đúng luật được phát huy, nghiệp phi luật không được phát huy. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng đồng đẳng.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, tức là hội chúng đồng đẳng.

9. Nay các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng phi pháp**
- **Và hội chúng đúng pháp.**

Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Hội chúng tối thượng trong hai hội chúng này, tức là hội chúng đúng pháp.

10. Nay các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai?

- **Hội chúng thuyết phi pháp**
- **Và hội chúng thuyết đúng pháp.**

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thuyết phi pháp?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo khởi lên sự tránh tụng hợp pháp hay phi pháp. Sau khi khởi lên sự tránh tụng ấy, họ không tin cho nhau biết và không tìm cách tin cho nhau biết, họ không hòa giải cùng nhau và không tìm cách đi đến hòa giải. Họ cương quyết không tin cho nhau biết và cương quyết không hòa giải với nhau, họ không từ bỏ tránh tụng ấy, họ kiên trì tránh tụng ấy, chấp thủ, thiên chấp và tuyên bố: "Chỉ có đây mới là sự thật, ngoài ra là hư ngụy". Này các Tỷ-kheo, đây là hội chúng thuyết phi pháp.

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thuyết đúng pháp?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào, các Tỷ-kheo khởi lên sự tránh tụng hợp pháp hay phi pháp. Sau khi khởi lên sự tránh tụng ấy, họ tin cho nhau biết và tìm cách tin cho nhau biết. Họ hòa giải với nhau và tìm cách đi đến hòa giải. Họ cương quyết tin cho nhau biết và cương quyết hòa giải với nhau, họ từ bỏ tránh tụng ấy, họ không kiên trì tránh tụng ấy, không chấp thủ, không thiên chấp và không tuyên bố: "Chỉ có đây mới là sự thật, ngoài ra là hư ngụy". Này các Tỷ-kheo, đây là hội chúng thuyết đúng pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, tức là hội chúng thuyết đúng pháp.

70 **Thương ai bằng thương mình - Kinh Không Ai Bằng Con – Tương I, 21**

Không Ai Bằng Con – *Tương I, 21*

... Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Thương ai bằng thương con,
Của nào bằng bò nhà,
Sáng nào bằng mặt trời,
Nước nào hơn biển cả.*

(Thế Tôn):

*Thương ai bằng thương mình,
Của nào bằng lúa gạo,
Sáng nào bằng trí tuệ,
Nước nào hơn mưa rào.*

71 Thường kiến, đoạn kiến - Kinh Lỗa Thễ – Tương II, 39

Lỗa Thễ – *Tương II, 39*

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thễ Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Thễ Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Ràjagaha để khát thực.

3) Lỗa thễ Kassapa thấy Thễ Tôn từ xa đi đến. Sau khi thấy, lỗa thễ Kassapa đi đến Thễ Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền đứng một bên.

4) Đứng một bên, **lỗa thễ Kassapa bạch Thễ Tôn:**

- Chúng tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama về một vấn đề. Nếu Tôn giả Gotama cho phép, chúng tôi sẽ hỏi câu hỏi.

- Nay Kassapa, nay không phải thời để hỏi. Chúng ta đã vào trong làng.

5) Lần thứ hai, lỏa thể Kassapa bạch Thế Tôn:

- Chúng tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama về một vấn đề. Nếu Tôn giả Gotama cho phép, chúng tôi sẽ hỏi câu hỏi.

- Này Kassapa, nay không phải thời để hỏi. Chúng ta đã vào trong làng.

6) Lần thứ ba, lỏa thể Kassapa... (như trên)... Chúng ta đã vào trong làng.

Khi được nói vậy, lỏa thể Kassapa bạch Thế Tôn:

- Nhưng không phải chúng tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama nhiều chuyện.

- Vậy hãy hỏi đi, này Kassapa, như Ông muốn.

7) *Thưa Tôn giả Gotama, có phải khổ do tự mình làm ra?*

Thế Tôn đáp:

- Không phải vậy, này Kassapa.

8) *Thưa Tôn giả Gotama, có phải khổ do người khác làm ra?*

Thế Tôn đáp:

- Không phải vậy, này Kassapa.

9) Thừa Tôn giả Gotama, *có phải khổ do mình làm ra và do người khác làm ra?*

Thế Tôn đáp:

- Không phải vậy, này Kassapa.

10) Thừa Tôn giả Gotama, có phải khổ không do tự mình làm ra, không do người khác làm ra, khổ *do tự nhiên sanh?*

Thế Tôn đáp:

- Không phải vậy, này Kassapa.

11) Thừa Tôn giả Gotama, *có phải khổ không có?*

- Này Kassapa, không phải khổ không có. Khổ có, này Kassapa.

12) - *Như vậy, Tôn giả Gotama không biết, không thấy khổ.*

- Này Kassapa, không phải Ta không biết, không thấy khổ. Này Kassapa, **Ta biết khổ, này Kassapa, Ta thấy khổ.**

13) - Được hỏi: "Tôn giả Gotama, khổ có phải tự mình làm ra", Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Kassapa". Được hỏi: "Tôn giả Gotama, khổ có phải do người khác làm ra?", Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Kassapa". Được hỏi: "Tôn giả Gotama, khổ có phải do tự mình làm ra và do người khác làm ra?", Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Kassapa". Được hỏi: "Tôn giả Gotama, có phải khổ không do tự mình làm ra và không do người khác làm ra, khổ do tự nhiên sanh?", Ngài trả lời: "Không phải vậy, này Kassapa". Được hỏi: "Tôn giả Gotama, có phải khổ không có?", Ngài trả lời: "Không phải khổ không có. Khổ có, này Kassapa". Được hỏi: "Như vậy Tôn giả Gotama, không biết, không thấy khổ?", Ngài trả lời: "Này Kassapa, không phải Ta không biết, không thấy khổ. Này Kassapa, Ta biết khổ, này Kassapa, Ta thấy khổ". *Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nói lên cho con về khổ, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết cho con về khổ.*

14) - Một người làm và chính người làm ấy cảm thọ (kết quả). Này Kassapa, như Ông gọi ban đầu "khổ do tự mình làm ra", như vậy có nghĩa là **thường kiến**.

Một người khác làm và một người khác cảm thọ. Này Kassapa, như vậy đối với người bị cảm thọ, được xảy

ra như: "Khổ do người khác làm ra", như vậy có nghĩa là **đoạn kiến**.

15) Nay Kassapa, từ bỏ hai cực đoạn ấy, Như Lai thuyết pháp theo **con đường trung đạo**. Vô minh duyên **hành**, hành duyên **thức**, thức duyên **danh sắc**, danh sắc duyên **sáu xứ**, sáu xứ duyên **xúc**, xúc duyên **thọ**, thọ duyên **ái**, ái duyên **thủ**, thủ duyên **hữu**, hữu duyên **sanh**, sanh duyên **già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não** được khởi lên. **Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.**

Nhưng do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, nên **hành** diệt. Do hành diệt nên **thức** diệt. Do thức diệt nên **danh sắc** diệt. Do danh sắc diệt nên **sáu xứ** diệt. Do sáu xứ diệt nên **xúc** diệt. Do xúc diệt nên **thọ** diệt. Do thọ diệt nên **ái** diệt. Do ái diệt nên **thủ** diệt. Do thủ diệt nên **hữu** diệt. Do hữu diệt nên **sanh** diệt. Do sanh diệt nên **già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não** đều diệt. **Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.**

16) Khi được nghe nói vậy, lỏa thể Kassapa bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những

gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. **Và nay con xin quy y** Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, con xin xuất gia với Thế Tôn, con xin thọ đại giới.

17) - Nay Kassapa, ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong Pháp và Luật này, **phải sống bốn tháng biệt trú**; sau khi sống bốn tháng biệt trú, nếu chúng Tăng đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. **Nhưng Ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau.**

18) - Bạch Thế Tôn, nếu những người xưa kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong Pháp và Luật này, phải sống bốn tháng biệt trú; sau khi sống bốn tháng biệt trú, chúng Tăng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm nếu chúng Tăng đồng ý, mong chúng Tăng cho con xuất gia, cho con thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo.

19) Và lỏa thể Kassapa được xuất gia với Thế Tôn và được thọ đại giới.

20) Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Kassapa ở một mình, an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, tinh cần. Và không bao lâu vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến; đó là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh ngay trong đời sống hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị này chứng tri: " Sanh đã tận. Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa ".

21) Và Tôn giả Kassapa trở thành một vị A-la-hán nữa.

72 Thường kiến, đoạn kiến - Kinh Pàrileyya – Tương III, 174

Pàrileyya – *Tương* III, 174

- 1) Một thời Thế Tôn ở Kosambi, tại vườn Ghosita.
- 2) Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Kosambi để khát thực. Khát thực xong, sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, Ngài dọn dẹp chỗ nằm của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.
- 3) Rồi một Tỷ-kheo, khi Thế Tôn đi chưa bao lâu, liền đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói với Tôn giả Ananda:
 - Nay Hiền giả Ananda, Thế Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành.
- 4) - Nay Hiền giả, trong khi Thế Tôn tự sắp xếp sàng tọa của mình, cầm y bát, không gọi thị giả, không tin cho chúng Tăng biết, một mình, không có người đi theo, ra đi du hành; **trong khi ấy, Thế Tôn ưa sống**

một mình; trong khi ấy, Thế Tôn không muốn ai đi theo Ngài.

5) Rồi Thế Tôn tuần tự du hành, đi đến Pàlileybaka. Tại đây, Thế Tôn trú ở Pàlileybaka, dưới gốc cây bhaddasàla.

6) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên.

7) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Ananda:

- Đã lâu lắm, này Hiền giả Ananda, chúng tôi chưa được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp. Chúng tôi muốn, này Hiền giả Ananda, được tận mặt nghe Thế Tôn thuyết pháp.

8) Rồi Tôn giả Ananda cùng với các Tỷ-kheo ấy đi đến Pàlileybaka, gốc cây bhaddasàla, chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

9) Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỷ-kheo ấy, giảng giải, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.

10) *Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo sanh khởi suy nghĩ như sau: "Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?"*

11) Thế Tôn với tâm của mình biết được suy nghĩ của Tỷ-kheo ấy, liền nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, pháp đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn niệm xứ đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn chánh cần đã được giải thích, thuyết giảng. Bốn như ý túc đã được giải thích, thuyết giảng. Năm căn đã được giải thích, thuyết giảng. Năm lực đã được giải thích, thuyết giảng. Bảy bồ-đề phần đã được giải thích, thuyết giảng. Thánh đạo Tám ngành đã được giải thích, thuyết giảng. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, pháp được Ta giải thích, thuyết giảng.

12) Dầu cho, nay các Tỷ-kheo, các pháp được Ta giải thích, thuyết giảng như vậy, nhưng ở đây có Tỷ-kheo khởi lên suy nghĩ sau đây: *"Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?"*

13-16) *Nay các Tỷ-kheo, biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?*

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các

bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, **sự quán như vậy là hành.**

Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu?

Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, **cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Từ khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Thọ ấy... xúc ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, do thấy vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.**

17) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã như là có sắc. Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô

thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

18) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, không quán tự ngã như là có sắc, nhưng có thể quán sắc ở trong tự ngã. Quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

19) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã ở trong sắc. Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy,

thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

20-21) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, có thể không quán tự ngã ở trong sắc. Nhưng có thể quán thọ như là tự ngã, và có thể quán tự ngã như là có thọ, có thể quán thọ ở trong tự ngã, và có thể quán tự ngã ở trong thọ.

22-23). .. có thể quán tưởng... có thể quán các hành...

24). .. có thể quán thức như là tự ngã, có thể quán tự ngã như là có thức; có thể quán thức ở trong tự ngã; và có thể quán tự ngã ở trong thức. **Sự quán ấy, này các Tỷ-kheo, là hành.** Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đồi với kẻ vô văn phàm phu, **do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.**

25) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; có thể không quán thọ như là tự ngã; có thể không quán

tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã. *Nhưng có thể có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại". Nhưng thường kiến ấy, này các Tỷ-kheo, là hành.* Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi... Do biết như vậy, thấy như vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

26) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức là tự ngã; có thể không có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại ". *Nhưng vị ấy có thể có (tà) kiến như sau: "Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta".*

27) **Đoạn kiến ấy, này các Tỷ-kheo, là hành.** Nhưng hành ấy, lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh khởi, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên

sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

28) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã... không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã... không quán tự ngã ở trong thức; không có (tà) kiến như sau: *"Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại"*; có thể không có (tà) kiến như sau: *"Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta"*. Nhưng vị ấy có thể nghi hoặc, do dự, không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này.

29) Nhưng này các Tỷ-kheo, **sự nghi hoặc, do dự, không đạt được cứu cánh trong Chánh pháp này là hành.** *Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phạm phu, này các Tỷ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh.* Như vậy, này các Tỷ-kheo, **hành** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Khát ái** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Thọ** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Xúc** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. **Vô minh** ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh.

30) Này các Tỷ-kheo, **do biết như vậy, thấy như vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.**

73 Thường thường quán sát - Kinh DEVADATTA – Tăng III, 502

DEVADATTA – Tăng III, 502

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá) trên núi Gijjhakūṭa (Linh Thú) sau khi Devadatta bỏ đi không bao lâu.

2. Tại đây, nhân việc Devadatta, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Lành thay, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thường thường *quan sát sự vi phạm của mình.*
- Lành thay, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thường thường *quan sát sự vi phạm của người khác.*
- Lành thay, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thường thường *quan sát sự chứng đạt của mình.*
- Lành thay, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thường thường *quan sát sự chứng đạt của người khác.*

Do bị tám phi điều pháp chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này các Tỷ-kheo, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, địa ngục, sống tại đáy cả một kiếp, không được cứu khỏi.

3. Thế nào là tám?

- Nay các Tỷ-kheo, **bị lợi dưỡng chinh phục, tâm bị xâm chiếm**, Devadatta bị sanh vào đọa xứ, địa ngục sống tại đây cả một kiếp, không được cứu khỏi.
- Nay các Tỷ-kheo, bị không lợi dưỡng chinh phục, ... bị danh vọng chinh phục ... bị không danh vọng chinh phục ... bị cung kính chinh phục ... bị không cung kính chinh phục... bị ác dục chinh phục ... bị ác bằng hữu chinh phục, tâm bị xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, địa ngục, sống tại đây cả một kiếp, không được cứu khỏi.

4. Lành thay, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống:

- **Chinh phục** lợi dưỡng được sanh khởi ...
- Chinh phục không lợi dưỡng được sanh khởi ...
- Chinh phục danh vọng được sanh khởi ...
- Chinh phục không danh vọng được sanh khởi ...
- Chinh phục cung kính được sanh khởi ...
- Chinh phục không cung kính được sanh khởi ...
- Chinh phục ác dục được sanh khởi ...
- Chinh phục ác bằng hữu được sanh khởi ...

Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo *do duyên mục đích gì cần phải sống chinh phục lợi dưỡng được sanh khởi ...?*

- Này các Tỷ-kheo, do sống không chinh phục lợi dưỡng được khởi lên, các lậu hoặc tổn hại nhiệt não **sanh khởi**. Do sống chinh phục lợi dưỡng được khởi lên, các lậu hoặc tổn hại nhiệt não ấy **không có mặt**.
- Này các Tỷ-kheo, do sống không chinh phục không lợi dưỡng được khởi lên, ... danh vọng được khởi lên ... cung kính được khởi lên ... không cung kính được khởi lên ... ác dục được khởi lên ...
- Này các Tỷ-kheo, do sống không chinh phục ác bằng hữu được khởi lên, các lậu hoặc tổn hại nhiệt não sanh khởi. Do sống chinh phục ác bằng hữu khởi lên, như vậy các lậu hoặc tổn hại nhiệt não ấy không có mặt.

Này các Tỷ-kheo, do duyên mục đích này, Tỷ-kheo sống chinh phục, lợi dưỡng được khởi lên, ... danh vọng được khởi lên ... không danh vọng được khởi lên...cung kính được khởi lên ... không cung kính được khởi lên ... ác dục được khởi lên ... ác bằng hữu được khởi lên.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập như sau:

5. "**Ta sẽ sống chinh phục** lợi dưỡng được khởi lên ... không lợi dưỡng được khởi lên ... danh vọng được khởi lên ... không danh vọng được khởi lên ... cung kính được khởi lên ... không cung kính được khởi lên ... ác dục được khởi lên ... ác bằng hữu được khởi lên".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

74 Thường thường quán sát - Kinh TÔN GIẢ UTTARA – Tăng III, 504

TÔN GIẢ UTTARA – *Tăng III, 504*

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Mahisavatthu, trên núi Sankheyyaka, tại Dhavajàlikà.
2. Lúc bấy giờ, Tôn giả Uttara bảo các Tỷ-kheo ...
 - Lành thay, này chư hiền, Tỷ-kheo thường thường quán sát sự vi phạm của mình.
 - Lành thay, này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quán sát sự vi phạm của người khác.
 - Lành thay, này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quán sát sự thành đạt của mình.
 - Lành thay, này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quán sát sự thành đạt của người khác.
3. Lúc bấy giờ, **đại vương Vessavana** đang đi từ phương Bắc đến phương Nam, vì một vài công việc, đại vương Vessavana nghe Tôn giả Uttara trú ở Mahisavatth, trên núi Sankheyyaka, tại Dhavajàlikà thuyết pháp như vậy cho các Tỷ-kheo, : "Lành thay, này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quán sát ... sự thành đạt của người khác".

4. Rồi đại vương Vessavana như người lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy biến mất ở Mahisavatthu, trên núi Sankheyyaka, ở Dhavajàlikà và hiện ra trước mặt chư Thiên ở cõi Ba mươi ba. Rồi đại vương Vessavana đi đến Thiên chủ Sakka; sau khi đến nói với Thiên chủ Sakka:

- Ngài có biết chăng, Tôn giả Uttara tại Mahisavatthu, trên núi trên núi Sankheyyaka, tại Dhavajàlikà thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Lành thay, này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quan sát ... sự thành đạt của người khác".

5. Rồi Thiên chủ Sakka như người lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy biến mất trước chư Thiên cõi trời Ba mươi ba, hiện ra ở Mahisavatthu, trên núi trên núi Sankheyyaka, tại Dhavajàlikà, trước mặt Tôn giả Uttara. Rồi Thiên chủ Sakka đi đến Tôn giả Uttara; sau khi đến đánh lễ tôn giả Uttara rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên chủ Sakka nói với Tôn giả Uttara:

- Thưa Tôn giả, có thật chăng, Tôn giả Uttarra thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Lành thay, này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quan sát ... sự thành đạt của người khác"? Thưa có vậy, này Thiên chủ.

- Thưa Tôn giả, đây là Tôn giả Uttara tự nói hay là lời của Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác?

6. - Vậy này Thiên chủ, ta sẽ làm một ví dụ cho Người. Nhờ ví dụ ở đây, một số những người có trí hiểu rõ ý nghĩa của lời nói.

Ví như, này Thiên chủ, có một đồng lúa lớn không xa làng, hay thị trấn, và quần chúng từ nơi đồng lúa ấy mang lúa đi, hoặc trên đòn gánh, hoặc trong thùng, hoặc bên hông, hoặc với bàn tay. Này Thiên chủ, nếu có ai đến đám quần chúng ấy và hỏi như sau: "Các người mang lúa này từ đâu? " Này Thiên chủ, đám quần chúng ấy phải đáp như thế nào để có thể đáp một cách chơn chánh?

- Thưa Tôn giả, đám quần chúng ấy muốn đáp một cách chơn chánh, cần phải đáp như sau: "Thưa Tôn giả, chúng tôi mang lúa từ nơi đồng lúa lớn này".

Cũng vậy, này Thiên chủ, điều gì khéo nói, tất cả là lời nói của Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác. Dựa trên lời ấy, dựa lên trên ấy, chúng tôi và các người khác nói lên.

7. -Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả! Thật là khéo nói là lời nói này của Tôn giả Uttara: "Tất cả là lời nói của Thế Tôn ấy, bậc A-

la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác. Dựa trên lời ấy, dựa lên trên ấy, chúng tôi và các người khác nói lên". Một thời, thừa Tôn giả Uttara, Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá) tại núi Gijjhakùta, sau khi Devadatta bỏ đi không bao lâu. Tại đây, Thế Tôn nhân việc Devadatta, bảo các Tỷ-kheo:

- Lành thay, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thường thường quan sát sự vi phạm của mình.
- Lành thay, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thường thường quan sát sự vi phạm của người khác.
- Lành thay, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thường thường quan sát sự chứng đạt của mình.
- Lành thay, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thường thường quan sát sự chứng đạt của người khác.

Do bị tám phi điều pháp chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này các Tỷ-kheo, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, địa ngục, sống tại đây cả một kiếp, không được cứu khỏi. Thế nào là tám?

Này các Tỷ-kheo, bị lợi dưỡng chinh phục, tâm bị xâm chiếm, Devadatta bị sanh vào đọa xứ, địa ngục sống tại đây cả một kiếp, không được cứu khỏi.

Này các Tỷ-kheo, bị không lợi dưỡng chinh phục, ... bị danh vọng chinh phục ... bị không danh vọng chinh phục ... bị cung kính chinh phục ... bị không

cung kính chinh phục... bị ác dục chinh phục ... bị ác bằng hữu chinh phục, tâm bị xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, địa ngục, sống tại đây cả một kiếp, không được cứu khỏi.

Lành thay, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chinh phục lợi dưỡng được sanh khởi ... chinh phục không lợi dưỡng được sanh khởi ... chinh phục danh vọng được sanh khởi ... chinh phục không danh vọng được sanh khởi ... chinh phục cung kính được sanh khởi ... chinh phục không cung kính được sanh khởi ... chinh phục ác dục được sanh khởi ... chinh phục ác bằng hữu được sanh khởi ...

8. Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo *do duyên mục đích gì cần phải sống chinh phục lợi dưỡng được khởi lên...?*

- Này các Tỷ-kheo, do sống không chinh phục lợi dưỡng được khởi lên, các lậu hoặc, tổn hại, nhiệt não sanh khởi. Do sống chinh phục lợi dưỡng được khởi lên, như vậy các lậu hoặc tổn hại, nhiệt não ấy không có mặt.
- Này các Tỷ-kheo, do sống chinh phục không lợi dưỡng được khởi lên, ... danh vọng được khởi lên ... cung kính được khởi lên ... không cung kính được khởi lên ... ác dục được khởi lên ... Do sống không chinh phục ác bằng hữu

được khởi lên, các lậu hoặc tổn hại, nhiệt não sanh khởi. Do sống chinh phục ác bằng hữu được khởi lên, như vậy các lậu hoặc, tổn hại, nhiệt não ấy không có mặt.

Này các Tỷ-kheo, do duyên mục đích này, Tỷ-kheo phải sống chinh phục lợi dưỡng được khởi lên ... không lợi dưỡng được khởi lên ... danh vọng được khởi lên...không danh vọng được khởi lên... cung kính được khởi lên ... không cung kính được khởi lên ... ác dục được khởi lên ... ác bằng hữu được khởi lên.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập như sau:

9.. *"Ta sẽ sống chinh phục lợi dưỡng được khởi lên ... không lợi dưỡng được khởi lên ... danh vọng được khởi lên ... không danh vọng được khởi lên ... cung kính được khởi lên ... không cung kính được khởi lên ... ác dục được khởi lên ... ác bằng hữu được khởi lên".*

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

10. Cho đến, thừa Tôn giả Uttara, trong bốn hội chúng giữa loài người: Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư

sĩ, nữ cư sĩ, *pháp môn này không được một ai thiết lập.*

Thưa Tôn giả, Tôn giả Uttara hãy học thuộc lòng pháp môn này. Thưa Tôn giả, Tôn giả Uttara hãy thọ trì pháp môn này. Thưa Tôn giả, pháp môn này liên hệ đến mục đích, là căn bản Phạm hạnh.

75 Thường trú luận - Kinh TỰ HOAN HỖ – 28 Trường II, 415

KINH TỰ HOAN HỖ – Bài kinh số 28 – Trường II, 415

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời, Thế Tôn ở tại Nàlandà, trong rừng Pàvārikambavana. Lúc bấy giờ, tôn giả Sàriputta đến tại chỗ Thế Tôn ở, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn!

- Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Samôn, một vị Bàlamôn khác nào có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn, về phương diện **giác ngộ**.

- **Này Sàriputta, lời nói của Ngươi thật là đại ngôn, thật là gan dạ, Ngươi thật là rống tiếng rống con sư tử khi Ngươi nói:** "Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Samôn, một vị Bàlamôn nào có thể vĩ đại hơn Thế

Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn, về phương diện giác ngộ"

Này Sàriputta, có phải Ngươi đã được biết, trong **quá khứ**, các vị Alahán, Chánh Đẳng Giác, với tâm của Ngươi biết được tâm của tất cả các vị Thế Tôn - **giới đức** chư vị Thế Tôn là như vậy, **Pháp** là như vậy... **trí tuệ** là như vậy... **an trú** là như vậy... **giải thoát** chư vị Thế Tôn là như vậy?

- Bạch Thế Tôn, **không**!

- Này Sàriputta, có phải Ngươi đã được biết, trong **tương lai**, các vị Alahán, Chánh Đẳng Giác, với tâm của Ngươi biết được tâm của tất cả các vị Thế Tôn - **giới đức** chư vị Thế Tôn là như vậy, **Pháp** là như vậy... **trí tuệ** là như vậy... **an trú** là như vậy... **giải thoát** chư vị Thế Tôn là như vậy?

- Bạch Thế Tôn, **không**!

- Này Sàriputta, có phải Ngươi đã được biết, trong **hiện tại Ta** là vị Alahán, Chánh Đẳng Giác, với tâm của Ngươi biết được tâm của Thế Tôn - **giới đức** Thế Tôn là như vậy, **Pháp** là như vậy... **an trú** là như vậy... **giải thoát** Thế Tôn là như vậy?

- Bạch Thế Tôn, **không**!

- Nay Sàriputta, hãy xem! Người không có trí tuệ biết được tâm tư của chư vị Alahán, Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, ở hiện tại và ở tương lai! **Vậy sao**, này Sàriputta, lời nói của Người tuyên bố thật là đại ngôn, thật là gan dạ, Người thật đã rống tiếng rống con sư tử khi Người nói: "Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Samôn, vị Bàlamôn khác nào có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn, về phương diện giác ngộ."

2. *Bạch Thế Tôn, con không có trí tuệ để được biết tâm tư của chư vị Alahán, Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, hiện tại và vị lai. **Bạch Thế Tôn, nhưng con biết truyền thống về Chánh pháp.***

Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì ở biên cảnh, có hào lũy kiên cố, có thành quách tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa thành ra vào. Cửa thành có vị giữ cửa thông minh, biết tài và giàu kinh nghiệm, ngăn chặn những người lạ, chỉ cho vào những ai quen biết. Người này, trong khi đi tuần tiểu xung quanh thành, có thể không thấy hết các chấp nối và khe hở của tường, nhỏ cho đến một con mèo thể đi qua được. Nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn hơn muốn đi vào hay đi ra thành

này, tất cả đều phải đi vào hay đi ra cửa này.

Bạch Thế Tôn, cũng vậy con biết truyền thống về Chánh pháp.

- *Tất cả những vị Alahán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, tất cả những bậc Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếm ớt, đã khéo an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã như thật tu hạnh Bảy Giác chi, đã chứng ngộ Vô thượng Chánh Đẳng Giác.*
- *Tất cả những vị Alahán, Chánh Đẳng Giác trong thời vị lai, tất cả những bậc Thế Tôn này sẽ diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếu ớt, sẽ khéo an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, sẽ như thật tu hạnh Bảy Giác chi và sẽ chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác.*
- *Bạch Thế Tôn, và nay Thế Tôn, bậc Alahán, Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếu ớt, đã khéo an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã như thật tu hạnh Bảy Giác chi, đã chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác.*

Và nay, ở đây, con một thời yết kiến Thế Tôn để nghe pháp. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp cho con, mỗi pháp lại cao thượng, thâm thúy hơn pháp trước, **hắc pháp và bạch pháp** đều được đề cập, đối chiếu.

Bạch Thế Tôn, nờ Thế Tôn Thuyết pháp cho con, mỗi pháp lại cao thượng, thâm thúy hơn pháp trước, hắc pháp và bạch pháp đều được đề cập, đối chiếu như vậy, nên trong sự thâm hiểu Chánh pháp, một pháp được con thâm hiểu trọn vẹn, đó là lòng tin của con vào vị Bốn Sư - Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng và chúng Tăng đã khéo hành trì.

3. Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thượng:
Thế Tôn thuyết pháp về các Thiện pháp.

Ở đây những **thiện pháp** là:

- **Bốn Niệm xứ,**
- **Bốn Chánh cần,**
- **Bốn Như ý túc,**
- **Năm Căn,**
- **Năm Lực,**
- **Bảy Giác chi,**

- ***Thánh đạo tám ngành.***

Bạch Thế Tôn, ở đây vị Tỷ kheo tận diệt các lậu hoặc, có thể tự mình chứng tri và chứng ngộ, đạt đến và an trú ngay trong hiện tại, Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát vô lậu này.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng đối với các thiện pháp.

Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Samôn hay một Bàlamôn nào khác có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề các thiện pháp.

4. Bạch Thế Tôn, lại nữa, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về sự trình bày các Nhập xứ.**

Bạch Thế Tôn, **sáu nội xứ và ngoại xứ**, tức là:

- Mắt và sắc,
- Tai và tiếng,
- Mũi và hương,
- Lưỡi và vị,
- Thân và xúc,

- Ý và pháp.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thương về sự trình bày các Nhập xứ.

Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Samôn hay một Bàlamôn nào khác có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề trình bày các Nhập xứ.

5. Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thương:
Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Nhập thai.

Bạch Thế Tôn, có ***bốn loại nhập thai***:

- Bạch Thế Tôn, ở đây, có loại không biết mình nhập bụng người mẹ, không biết mình trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ *nhất*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, nhưng không biết mình an trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai như *hai*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng

người mẹ, và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ *ba*.

- Lại nữa Bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ và biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ *tư*.

Đây là bốn loại nhập thai. Bạch Thế Tôn, thật là vô thường về vấn đề nhập thai.

6. Bạch Thế Tôn, lại nữa, **điểm này thật là vô thường: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề sai khác trong sự Ký tâm.**

Bạch Thế Tôn có ***bốn loại ký tâm*** sai khác như thế này.

- Bạch Thế Tôn, có hạng **tự tỏ lộ bằng hình tướng**: "Ý của Ngươi là như thế này, ý của Ngươi là như vậy, tâm của Ngươi là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ *nhất*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, nhưng **tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân, hay chư Thiên**: "Ý của Ngươi là như thế này, ý của

Người là như vậy, tâm của Người là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ *hai*.

- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi Người, phi nhân hay chư Thiên, mà **tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng rõ ràng và hợp lý, phát ra từ sự suy tầm, tư duy:** "Ý của Người là như thế này, ý của Người là như vậy, tâm của Người là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ *ba*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân, hay chư Thiên, cũng không tự tỏ lộ, sau khi nghe tiếng rõ ràng và hợp lý, phát ra từ sự suy tầm và tư duy, **nhưng khi chúng được định, không tầm, không tứ, có thể biết được tâm người khác với tâm của mình:** "**Tùy ước nguyện hợp ý hành của Tôn giả này, vị này sẽ hướng tâm đến tâm này.** Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác". Như vậy là loại ký tâm thứ *tư*.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về vấn đề ký tâm sai khác.

7. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Kiến định** (dassanasamāpatti).

Bạch Thế Tôn, có ***bốn loại kiến định*** như thế này:

- Ở đây bạch Thế Tôn, có vị Samôn hay Bàlamôn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Với tâm nhập định như vậy, vị ấy quan sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đỉnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tửu, tim gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu. Như vậy là kiến định thứ *nhất*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có vị Samôn hay Bàlamôn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Với tâm nhập định như vậy,

vị ấy quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đỉnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim, gan, hành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu. Hơn nữa, vị ấy quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da. Như vậy là kiến định thứ hai.

- Lại nữa bạch Thế Tôn,... vị ấy vượt qua sự quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da, quán sát giòng tâm thức của người ấy, không gián đoạn, như là an trú cả đời này và an trú cả đời sau. Như vậy là kiến định thứ ba.
- Lại nữa, bạch Thế Tôn,... Hơn nữa, vị ấy vượt qua sự quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da, quán sát giòng tâm thức của người ấy, không gián đoạn, như là không an trú cả đời này và cả đời sau. Như vậy là kiến định thứ tư.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về vấn đề kiến định.

8. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Phân loại các loại Người.**

Bạch Thế Tôn, có **bảy loại Người** như thế này:

- Câu giải thoát,
- Tuệ giải thoát,
- Thân chứng,
- Kiến chí,
- Tín thắng giải,
- Tùy pháp hành,
- Tùy tín hành.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề phân loại loài Người.

9. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Tinh cần.**

Bạch Thế Tôn có **Bảy Giác chi** như thế này:

- Niệm Giác chi,
- Trạch pháp Giác chi,
- Tinh tấn Giác chi,

- Hỷ Giác chi,
- Khinh an Giác chi,
- Định Giác chi,
- Xả Giác chi.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tôi thượng về vấn đề tinh cần.

10. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: **Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Tiến bộ trong sự tu hành** (Patipàda = đạo hành). Bạch Thế Tôn, có **bốn loại đạo hành** như thế này -

- Hành trì khổ chứng ngộ chậm,
- Hành trì khổ chứng ngộ mau,
- Hành trì lạc chứng ngộ chậm,
- Hành trì lạc chứng ngộ mau.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì khổ chứng ngộ chậm: Bạch Thế Tôn, sự hành trì cả hai phương diện đều được xem là hạ liệt, vừa khổ vừa chậm.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì khổ, chứng ngộ mau: Bạch Thế Tôn, sự hành trì này vì khổ nên được gọi là hạ liệt.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì lạc, chúng ngộ chậm: Bạch Thế Tôn, sự hành trì này vì chậm nên được gọi là hạ liệt.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì lạc chúng ngộ mau: Bạch Thế Tôn, sự hành trì này cả hai phương diện đều được xem là cao thượng, vừa lạc vừa mau.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề đạo hành (tiến bộ trên đường tu hành).

11. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Chánh hạnh trong ngôn ngữ.**

Bạch Thế Tôn, ở đây, một người không những không nói những lời liên hệ đến nói láo, mà cũng phải, trong khi tìm cách thắng cuộc, không dùng lời vu khống, lời ác khẩu và lời ly gián, trái lại nói lời từ hòa, sáng suốt, đáng được giữ gìn, và nói đúng thời.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về chánh hạnh trong ngôn ngữ.

12. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Giới hạnh của con người.**

Bạch Thế Tôn, ở đây, có người chân thật, thành tín, không dối trá, không lừa gạt, không gợi ý, không chiêm tướng, không lấy lợi câu lợi, hộ trì các căn, ăn uống tiết độ, hành động ôn hòa, luôn luôn cảnh giác, không chán nản, tinh cần, trầm tư, chánh niệm, ngôn từ lành lợi, hành vi gan dạ, chịu đựng, biết điều, không tham dục, tỉnh giác cẩn trọng.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề giới hạnh của con người.

13. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về Sự sai biệt trong sự giảng dạy.**

Bạch Thế Tôn, có **bốn loại giảng dạy.**

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự Chánh tư duy, biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ ba kiết sử, sẽ chứng **Dự lưu**, không còn bị đọa lạc, chắc chắn sẽ được giác ngộ.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, sẽ chứng **Nhất lai**, phải sanh đời này một lần nữa trước khi diệt tận

khô đau.

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ **diệt trừ năm hạ phần kiết sử**, sẽ được hóa sanh và ở tại cảnh giới ấy nhập Niết bàn, không còn về lại đời này.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết người khác: Người này theo sự giảng dạy hành trì như thế này, sẽ **diệt trừ các lậu hoặc**, tự mình giác tri, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề sai biệt trong sự giảng dạy.

14. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về Giải thoát trí của người khác.**

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự Chánh tư duy biết người khác: Người này diệt trừ ba kiết sử, sẽ chứng quả **Dự lưu**, không còn bị đọa lạc, nhất định sẽ được giác ngộ.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết được người khác: Người này sẽ diệt trừ ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, sẽ

chúng quả **Nhất lai**, phải sanh đời này một lần nữa, sẽ diệt tận khổ đau.

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết được người khác: Người này **diệt trừ năm hạ phần kiết sử**, sẽ được hóa sanh, tự chỗ ấy nhập Niết bàn, không còn phải trở lại đời này.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết người khác: Người này, **diệt trừ các lậu hoặc**, tự tri tự chứng, đạt đạo và an trú ngay trong đời hiện tại vô lậu Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tôi thượng về vấn đề giải thoát trí của người khác.

15. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Thường trú luận.**

Bạch Thế Tôn, có **ba loại Thường trú luận** như thế này.

- Bạch Thế Tôn ở đây có vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định; khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai

đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, vô số trăm đời, vô số ngàn đời, vô số trăm ngàn đời, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, tuổi thọ như thế này." Như vậy vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói rằng: *"Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay thành hoại kiếp. Nhưng trong tương lai tôi không được biết thế giới là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vĩnh chắc như đỉnh núi, như trụ đá. Còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."* Đó là Thường trú luận thứ nhất.

- Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây, có vị Sa môn hay Bà la môn nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, bốn thành kiếp hoại

kiếp, năm thành kiếp hoại kiếp, mười thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: *"Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này."* Như vậy vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói: *"Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Trong tương lai, tôi biết được thế giới sẽ là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vĩnh chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."* Đó là Thường trú luận thứ hai.

- Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây, vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp,

nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này." Như vậy vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói: *"Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Trong tương lai, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay trong thành kiếp. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vĩnh chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sống lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."* Đó là Thường trú luận thứ ba.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tôi thượng về vấn đề Thường trú luận.

16. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Túc mạng trí.** Bạch Thế Tôn, ở đây có vị Samôn hay Bàlamôn, nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như một

đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp thành kiếp. Nhớ rằng: *"Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia tôi đã sống với tâm như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia tôi đã sống với tâm như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này."* Như vậy, vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. Bạch Thế Tôn, có những chư Thiên, mà tuổi thọ không thể đếm được hay không thể tính được. Nhưng dưới bất cứ ngã thể nào được có trong quá khứ, hoặc có sắc hay không sắc, hoặc có tướng hay không tướng, hoặc phi tướng phi phi tướng, chúng nhớ đến đời quá khứ với các đặc điểm và chi tiết như vậy. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề Túc mạng trí.

17. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô

thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Sanh tử trí của các loài hữu tình. Ở đây, bạch Thế Tôn, có vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ: "Này các Hiền giả, những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo Chánh kiến, tạo các nghiệp theo Chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này". Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề Sanh tử trí của các loại hữu tình.

18. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Thần túc**

thông.

Bạch Thế Tôn, có **hai loại thần thông** như thế này.

- Bạch Thế Tôn, có loại thần thông hữu lậu, hữu dư y, được gọi là "không phải Thánh".
- Bạch Thế Tôn, có loại thần thông vô lậu, vô dư y, được gọi là "bậc Thánh".

*Bạch Thế Tôn, thế nào là loại **thần thông hữu lậu**, hữu dư y, được gọi là "không phải Thánh"?*

- Ở đây, bạch Thế Tôn, có vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhất tâm, nhờ cần mẫn, nhờ bất phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy chứng được nhiều loại Thần túc thông sai khác. Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân. Hiện hình biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trôi lên ngang qua đất liền, như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như con chim, với bàn tay chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Bạch Thế Tôn, như vậy là thần thông hữu lậu, hữu dư y, được

gọi là "không phải Thánh ".

*Bạch Thế Tôn, thế nào là **thần thông vô lậu**, vô dư y, được gọi là "bậc Thánh?"*

- Ở đây, bạch Thế Tôn vị Tỷ kheo, nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng không đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng không đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật không đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật đối nghịch và không đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng không đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng không đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật không đối nghịch và đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Loại bỏ cả hai đối nghịch và không đối nghịch, ta sẽ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác", và ở đây vị ấy trú xả, chánh niệm, tỉnh giác.

Bạch Thế Tôn, như vậy là thần thông vô lậu, vô dư

y, và được gọi là "bậc Thánh".

Bậc Thế Tôn, như vậy là vô thượng về các loại Thần túc thông.

Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết, và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Samôn hay Bàlamôn nào khác, có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề các loại Thần túc thông.

19. Bậc Thế Tôn, những gì có thể đạt được bởi một thiện nam tử có lòng tin, có tinh tấn, có kiên trì bởi sự kiên trì của con người, bởi sự tinh tấn của con người, bởi sự tiến bộ của con người, bởi sự nhẫn nhục của con người, đều được Thế Tôn chứng đạt.

- Bậc Thế Tôn, Thế Tôn không có đam mê các dục lạc, dục lạc này là dục tiền, dục hạ, thuộc phạm phu, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích.
- Thế Tôn cũng không đam mê tu hành khổ hạnh, khổ hạnh này là khổ, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích.

► Thế Tôn có thể đạt được nếu Ngài muốn, một cách dễ dàng, một cách đầy đủ, sự hạnh phúc ngay

trong hiện tại, do *bốn Thiền định* đem lại.

- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời quá khứ, có vị Samôn hay Bàlamôn nào còn lớn hơn, còn sáng suốt hơn Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?*" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, con trả lời không.
- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời vị lai, có vị Samôn hay Bàlamôn nào còn lớn hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?*" Bạch Thế Tôn, được hỏi như vậy con trả lời không.
- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời quá khứ, có vị Samôn hay Bàlamôn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?*" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con trả lời có.
- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời vị lai, có vị Samôn hay Bàlamôn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?*" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con trả lời có.
- "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời hiện tại, có*

vị Samôn hay Bàlamôn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con trả lời **không**.

➡ Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "Vì sao, Tôn giả Sàriputta một mặt thì xác nhận là có, một mặt xác nhận là không có?" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con sẽ trả lời:

- "Này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn, tôi có nghe nói, từ nơi Ngài tôi có ghi nhận: "Trong thời quá khứ, có vị Alahán, Chánh Đẳng Giác bằng Ta về phương diện giác ngộ."
- Này Hiền giả trước mặt Thế Tôn tôi có nghe nói, từ nơi Ngài tôi có ghi nhận: "Trong thời vị lai, có các vị Alahán, Chánh Đẳng Giác bằng Ta về phương diện giác ngộ."
- Này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn tôi có nghe nói từ nơi Ngài tôi có ghi nhận: "**Không** có trường hợp, không có sự kiện trong một thế giới, **hai vị** Alahán, Chánh Đẳng Giác cùng xuất hiện ở đời, không trước, không sau. Sự kiện như vậy không thể xảy ra".

Bạch Thế Tôn, có phải khi được hỏi và trả lời như

vậy, con đã nói lên đúng ý với Thế Tôn, không có sai lạc, không có hiểu lầm Thế Tôn? Có phải con đã trả lời thuận pháp, đúng pháp? Có phải không một đối phương hợp pháp nào có thể tìm ra lý do để chỉ trích phê bình?

- Nay Sàriputta, được hỏi và trả lời như vậy, Người đã nói lên đúng ý với Ta, không có sai lạc, không có hiểu lầm Ta. Người đã trả lời thuận pháp và đúng pháp. Không một đối phương hợp pháp nào có thể tìm ra lý do để chỉ trích, phê bình.

20. Được nghe nói vậy, Tôn giả Udàyi bạch Thế Tôn:

- Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; **trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ**. Bạch Thế Tôn, nếu có một du sĩ ngoại đạo nào, tự thấy mình chứng được đầu chỉ có một pháp, họ đã dương cò (giống trống) lên rồi.

Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ.

- Hãy ghi nhận, này Udàyi! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ. Này Udàyi, nếu có một du sĩ ngoại đạo nào, tự thấy mình dầu chỉ có một pháp như vậy, họ đã dương cờ (giống trống) lên rồi. Này Udàyi hãy ghi nhận! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ.

21. Rồi Thế Tôn bảo tôn giả Sàriputta:

*- Vậy Sàriputta, Người phải luôn luôn thuyết pháp **phân biệt** này cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, các Nam cư sĩ và các Nữ cư sĩ. Này Sàriputta, nếu có những kẻ ngu nào còn nghi ngờ hay ngần ngại đối với Như Lai, nếu họ được nghe **pháp phân biệt** này, nghi ngờ hay ngần ngại của họ đối với Như Lai sẽ được diệt trừ.*

Như vậy, tôn giả Sàriputta nói lên lòng hoan hỷ của mình đối với Thế Tôn. Do vậy, danh từ "**Sam pasàdaniyam, Tự hoan hỷ**" được dùng cho câu trả lời này.

76 Thượng lưu Bát Niết bàn - Kinh SANH THỨ CỦA LOÀI NGƯỜI – Tăng III, 371

SANH THỨ CỦA LOÀI NGƯỜI –Tăng III, 371

1. - *Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về bảy sanh thú của loài Người, và không chấp thủ Niết-bàn*. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói:

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- *Này các Tỷ-kheo. Thế nào là bảy sanh thú của loài Người?*

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ". Vị ấy có được xả.

- *Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.*

- Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh. Vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.
- Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Niết-bàn.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra và trở thành nguội lạnh**.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ". Vị ấy có được xả, vị ấy không tham đắm hữu, không tham đắm hậu hữu; với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh. Và vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận

trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên. Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong thực hành suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ". Vị ấy có được xả.

- *Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.*
- *Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh và vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.*
- *Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Niết-bàn.*

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra, có thể bay lên và có thể trở thành nguội lạnh.***

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy đoạn diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

4. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy đoạn diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Niết-bàn.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra, có thể bay lên, sau khi chưa chạm vào đất, có thể trở thành nguội lạnh.***

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...".

...Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

5. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". ...

Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Tồn hại Bát-niết-bàn.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra, có thể bay lên, sau khi chạm vào đất, có thể trở thành nguội lạnh.***

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...".

...Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Tồn hại Bát-niết-bàn.**

6. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...".

Vị ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Vô hành Niết-bàn.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ nhỏ, hay trên một đồng củi nhỏ.** Miếng vụn ấy ở đấy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ nhỏ ấy, hay đồng củi nhỏ ấy, rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vì ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được **Vô hành Niết-bàn**.

7. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...".

...Vì ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ, hay trên một đồng củi rộng lớn.** Miếng*

vụn ấy ở đáy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ hay đồng củi rộng lớn ấy, rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Hữu hành Bát-niết-bàn**.

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ.". Vị ấy có được xả.

- *Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.*
- *Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh và vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.*

- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.
- Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Thượng lưu, đi đến Sắc cứu cánh.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ, hay trên một đồng củi to lớn. Miếng vụn ấy ở đấy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ, hay đồng củi to lớn ấy, thiêu cháy lùm cây, thiêu cháy rừng rậm. Sau khi thiêu cháy thảo nguyên, sau khi thiêu cháy rừng rậm, nó cháy lan đến đám ruộng xanh hay đến đám đất cao, hay đến hòn đá, hay đến dòng nước, hay đến đám đất khả ái, hay đến một phần đất nào rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Thượng lưu Bát-niết-bàn, đi đến Sắc cứu cánh.**

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy sanh thú của loài Người.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Không chấp thủ Bát-Niết-bàn?

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vì Tỷ-kheo khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ." Vị ấy có được xả.

- Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.
- Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh và vị ấy chứng đắc trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.
- Vị ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên.
- Vị ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.
- Vị ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.
- Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy tự mình với thắng trí, ngay trong hiện tại, chứng nhập, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là **Không chấp thủ Bát-niết-bàn**.

Và này các Tỷ-kheo, đây là **bảy sanh thú của loài Người và Không chấp thủ Bát-niết-bàn**.

77 Thượng lưu thú A-ca-ni-sa - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG
– Bài kinh số 33 – Trường II, 567
(Trích đoạn)

1. Năm tịnh cư:

- Vô Phiền thiên,
- Vô Nhiệt thiên,
- Thiện Hiện thiên,
- Thiện Kiến thiên,
- Sắc Cứu Cánh thiên.

2. Năm bất hoàn:

- Trung gian Bát Niết bàn,
- Sanh Bát Niết bàn,
- Vô hành Bát Niết bàn,

- Hữu hành Bát Niết bàn,
- Thượng lưu thú A-ca-ni-sá.

78 **Thượng nhân - 7 thượng nhân pháp - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567**

KINH PHÚNG TỤNG
– Bài kinh số 33 – Trường II, 567
(*Trích đoạn*)

1. **Bảy thượng nhân pháp:**

- Đây các Hiền giả, ở đây có vị Tỷ kheo tri pháp, tri nghĩa, tự tri, tri lượng, tri thời, tri chúng và tri nhân.

79 Thảo luận - Giới, văn, luận nghị, chỉ và quán - Kinh NHIẾP THỌ – Tăng II, 334

NHIẾP THỌ – Tăng II, 334

1. - Do nhiếp thọ năm chi phần, này các Tỷ-kheo, **chánh tri kiến** được thành thực với tâm giải thoát quả và với các lợi ích của tâm giải thoát quả, với tuệ giải thoát quả và với các lợi ích của tuệ giải thoát quả.

2. Với năm pháp gì?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, chánh tri kiến được giới nhiếp thọ, được văn nhiếp thọ, được luân nghị nhiếp thọ, được chỉ nhiếp thọ, được quán nhiếp thọ.

Do được năm chi phần này nhiếp thọ, này các Tỷ-kheo, chánh tri kiến được thành tựu với tâm giải thoát quả và các lợi ích của tâm giải thoát quả, với tuệ giải thoát quả và các lợi ích của tuệ giải thoát quả.

80 Thấp sanh - Noãn sanh, thấp sanh, thai sanh, hoá sanh - Định nghĩa - ĐẠI KINH SU' TỬ HỒNG – 12 Trung I, 161

ĐẠI KINH SU' TỬ HỒNG (Mahasihanada sutta)

– Bài kinh số 12 – Trung I, 161

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú tại Vesali (Tỳ-xá-ly), ở phía ngoài thành, trong một khu rừng phía Tây. Lúc bấy giờ, **Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi**, vừa mới từ bỏ Pháp luật này, nói lời nói như sau trong Hội chúng ở Vesali: *"Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trác nghiệm, và thuyết cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau"*. Lúc ấy Tôn giả Sariputta vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, vào thành Vesali để khát thực. Tôn giả Sariputta nghe Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi nói như sau trong Hội chúng ở Vesali: "Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân, không có

tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trắc nghiệm và thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau".

Rồi Tôn giả Sariputta khát thực xong, sau khi ăn và đi khát thực trở về đến chỗ ở Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi, vừa mới từ bỏ Pháp luật này, nói lời nói như sau trong Hội chúng Vesali: ""Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân... (như trên)... diệt tận khổ đau".

– Nay Sariputta, Sunakkhatta phần nộ và ngu si, do phần nộ nên nói lên lời ấy. Nay Sariputta, Ông ta nghĩ: "Ta sẽ nói xấu". Thế mà kẻ ngu Sunakkhatta lại nói lời tán thán Như Lai. *Này Sariputta, ai nói như sau là tán thán Như Lai: "Pháp ấy được thuyết giảng cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau".*

– Nay Sariputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia,

sẽ không có tùy pháp về Ta như sau: *"Đây là Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn"*.

- Nay Sariputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia, sẽ không có tùy pháp này về Ta như sau: *"Đây là Thế Tôn, vị đã chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua thành, qua núi, như đi ngang hư không, độn thổ trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không chìm như trên đất liền, ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm Thiên"*.
- Nay Sariputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia sẽ không có tùy pháp này về Ta như sau: *"Đây là Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng chư Thiên và loài Người, xa và gần"*.
- Nay Sariputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia sẽ không có tùy pháp này về Ta như sau: *"Đây là Thế Tôn, sau khi đi sâu vào tâm chúng sanh, tâm loài Người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau: "Tâm có tham biết là tâm có*

tham. Hay tâm không tham biết là tâm không tham... tâm chuyên chú... tâm tán loạn... đại hành tâm... không phải đại hành tâm... tâm chưa vô thượng... tâm vô thượng... Tâm Thiên định... Tâm không Thiên định... tâm giải thoát... tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát". Vị ấy biết như vậy.

Này Sariputta, Như Lai có đầy đủ **mười Như Lai lực**, chính nhờ thành tựu mười lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là mười?

1. Ở đây, này Sariputta, Như Lai **như thật tuệ tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ** (**Tri thị xứ phi xứ lực**). Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng, và chuyển Phạm luân.
2. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri **quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại** (**Tri tam thế nghiệp báo lực**.) Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.
3. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri

con đường đưa đến tất cả cảnh giới (Tri nhưt thiết đạo trí lực). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

4. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri thế giới với mọi cảnh giới, nhiều chủng loại, nhiều sai biệt (Tri thế gian chủng chủng tánh lực). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.
5. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri chí hướng sai biệt của các loại hữu tình (Tri tha chúng sanh chủng chủng dục lực). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri ... chuyển Phạm luân.
6. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri những căn thượng hạ của các loài hữu tình, loài Người (Tri tha chúng sanh chư căn thượng hạ lực). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.
7. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khỏi của các Thiền, chứng về Thiền, về giải thoát, về định (Tri chư Thiền tam muội lực). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.
8. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai nhớ đến các đời

sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều thành hoại kiếp. Ngài nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luận.

9. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rõ ràng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, về lời và về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Các chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, về lời và về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, Như Lai với thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

10. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai nhờ **đoạn trừ các lậu hoặc** tự mình chứng tri, chứng ngộ, thành tựu và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nay Sariputta, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân.

Này Sariputta, Như Lai có đầy đủ mười Như Lai lực. Chính nhờ thành tựu mười lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống tiếng rống sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân.

Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy mà còn nói: "*Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trắc nghiệm, thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau*". Này Sariputta, nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy; không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; **người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.**

Này Sariputta, như Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, thành tựu Thiền định, thành tựu trí tuệ có thể chứng được chánh trí ngay trong hiện tại. Này Sariputta, Ta nói như vậy là sự thành tựu như vậy. Nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, có **bốn pháp vô sở úy** chính nhờ thành tựu bốn pháp này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống tiếng rống con sủ tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là bốn?

1. Này Sariputta, Ta thấy không có lý do gì, một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm

thiên hay một ai ở đời có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: *"Các pháp này chưa được chứng ngộ hoàn toàn, mà quý vị tự xưng đã chứng ngộ hoàn toàn"*. Nay Sariputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

2. Nay Sariputta, Ta thấy không có lý do gì... có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: *"Các lậu hoặc này chưa được đoạn trừ mà quý vị tự xưng đã đoạn trừ"*. Nay Sariputta, vì Ta không thấy... đạt được vô úy.
3. Nay Sariputta, Ta thấy không có lý do gì... có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: *"Những pháp này được gọi là các chướng ngại pháp khi được thực hành thời không có gì gọi là chướng ngại pháp cả"*. Nay Sariputta, vì Ta không thấy... đạt được vô úy.
4. Nay Sariputta, Ta thấy không có lý do gì một Samôn Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: *"Pháp do quý vị thuyết giảng không đưa đến mục tiêu đặc biệt, không có khả năng hướng thượng, không có thể dẫn người thực hành đến diệt tận khổ đau"*. Nay Sariputta, vì Ta thấy

không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

Này Sariputta, có bốn pháp vô sở úy, chính nhờ thành tựu bốn pháp này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương... chuyển Phạm luân. Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy... người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, có **tám Hội chúng** này:

- Hội chúng Sát đế ly,
- Hội chúng Bà-la-môn,
- Hội chúng Gia chủ,
- Hội chúng Sa-môn,
- Hội chúng Tứ thiên vương,
- Hội chúng Tam thập tam thiên,
- Hội chúng Màra,
- Hội chúng Phạm thiên.

Này Sariputta, có tám Hội chúng này. Này Sariputta, Như Lai thành tựu bốn pháp vô sở úy như vậy, đến gần và vào tám Hội chúng này. Này Sariputta, Ta nhớ lại Ta đã đến hàng trăm Hội chúng Sát-đế-ly. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm

luận; này Sariputta, *Ta thấy không có lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta"*. Này Sariputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

Này Sariputta, Ta nhớ lại, Ta đã đến hàng trăm Hội chúng Bà-la-môn... (như trên)... Hội chúng Gia chủ... Hội chúng Sa-môn... Hội chúng Tứ thiên vương... Hội chúng Tam thập tam thiên... Hội chúng Màra... Hội chúng Phạm thiên. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm luận, này Sariputta, Ta thấy không có một lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta". Này Sariputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy. Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy... người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục, như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, có **bốn loại sanh**. Thế nào là bốn? **Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh**.

- Này Sariputta, thế nào là *noãn sanh*? Này Sariputta, những loại chúng sanh nào *phá vỏ trứng mà sanh*, này Sariputta như vậy gọi là

noãn sanh.

- Và này Sariputta, thế nào là thai sanh? Này Sariputta, những loại chúng sanh nào *phá màn da mỏng che chỗ kín mà sanh*, này Sariputta, như vậy gọi là thai sanh.
- Và này Sariputta, thế nào là thấp sanh? Này Sariputta, những loại chúng sanh nào *sanh ra từ cá thúi, từ xác chết thúi, từ cháo cơm thúi, hay trong hồ nước dơ hay trong ao nước nhớp*. Này Sariputta, như vậy gọi là thấp sanh.
- Và này Sariputta, thế nào là hóa sanh? Chư Thiên, các chúng sanh ở *địa ngục, một số thuộc loài người và một số thuộc đạo xứ*. Này Sariputta, như vậy gọi là hóa sanh.

Này Sariputta có bốn loại sanh như vậy. Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy... người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục, như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, có **năm loại sanh thú này**. Thế nào là năm? Địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, loài Người, chư Thiên.

- Này Sariputta, **Ta tuệ tri địa ngục**, con đường đưa đến địa ngục và hành lộ đưa đến địa ngục. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung,

phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự việc này ta cũng tuệ tri.

- Và này Sariputta, **Ta tuệ tri bằng sanh**, con đường đưa đến bằng sanh. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào bằng sanh, sự việc này Ta cũng tuệ tri.
- Và này Sariputta, **Ta tuệ tri nga quý**, con đường đưa đến nga quý, và hành lộ đưa đến nga quý. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào nga quý, sự việc này Ta cũng tuệ tri.
- Và này Sariputta, **Ta cũng tuệ tri loài Người**, con đường đưa đến thế giới loài Người và hành lộ đưa đến thế giới loài Người. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào loài Người, sự việc này Ta cũng tuệ tri.
- Và này Sariputta, **Ta cũng tuệ tri chư Thiên**, con đường đưa đến Thiên giới và hành lộ đưa đến Thiên giới. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới, thế giới này, sự việc này Ta cũng tuệ tri.
- Và này Sariputta, **Ta cũng tuệ tri Niết-bàn**, con

đường đưa đến Niết-bàn và hành lộ đưa đến Niết-bàn. Tùy theo hành nghiệp, do đoạn trừ các lậu hoặc, sau khi tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, sự việc này, Ta cũng tuệ tri.

Này Sariputta, ở đây, **với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người:** "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục như vậy". Sau một thời gian, với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy người ấy, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt. **Này Sariputta, cũng như có một hố than sâu hơn thân người, đầy vun than hừng, không có lửa ngọn, không có khói, và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi khô cổ, đắng họng, khát nước, và đi thẳng đến hố than ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy, có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hố than kia". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia rơi vào hố than ấy và phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt.** Này Sariputta, cũng vậy, ở đây với

tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục như vậy". Sau một thời gian, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khóc liệt.

Này Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: *"Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào **bàng sanh**".* Sau một thời gian, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy kẻ ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào bàng sanh, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khóc liệt. *Này Sariputta, cũng như có **một hố phân**, sâu hơn thân người, đầy những phản uế, và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến hố phân ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hố phân ấy".* Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia rơi vào hố phân ấy và phải cảm thọ những cảm

giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nay Sariputta, cũng vậy, ở đây với tâm của Ta... (như trên)... thống khổ, khốc liệt.

Nay Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người "*Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy... sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào ngạ quỷ, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt*". Nay Sariputta, cũng như có một cây sống trên miếng đất không bằng phẳng, với lá thừa thớt, với bóng che từng đám lưa thưa. Và một người đi đến bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến cây ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "*Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến cây ấy*". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia ngồi hay nằm dưới bóng cây ấy và phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nay Sariputta, cũng vậy ở đây với tâm của Ta... (như trên)... thống khổ, khốc liệt.

Nay Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta biết tâm của một số người: "*Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy... sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào loài người*". Sau một thời gian... Ta thấy

người ấy sanh vào loài người, và cảm thọ được nhiều cảm giác lạc thọ. *Này Sariputta, cũng như có một cây sống trên miếng đất bằng phẳng với lá sum sê, với bóng cây râm rập. Và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến cây ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ của người này như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến cây ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia, ngồi hay nằm dưới bóng cây ấy và cảm thọ được nhiều cảm giác lạc thọ. Này Sariputta, cũng vậy, ở đây, với tâm của Ta... được nhiều cảm giác lạc thọ.*

Này Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy... sau khi thân hoại mạng chung sẽ *sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này*". Sau một thời gian... Ta thấy người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này và cảm thọ những cảm giác cực lạc. *Này Sariputta, giống như một ngôi lầu, có gác nhọn, có tô vôi cả trong lẫn ngoài, được che gió, có then chốt đóng lại và có các cửa sổ khép kín. Tại đây có một sàng tọa, trải nệm lông dài, trải nệm màu trắng, trải nệm bông có thêu hoa, trải nệm bằng da sơn dương gọi là kadali, có nệm với khuôn màu*

treo phía trên, có gối dài màu đỏ cả hai đầu. Và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến ngôi lầu ấy. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến ngôi lầu ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia ngồi hay nằm trong ngôi lầu ấy, trong gác nhón ấy, trên sàng tọa ấy và cảm thọ được nhiều cảm thọ cực lạc. Nay Sariputta, cũng vậy, ở đây với tâm của Ta... được nhiều cảm giác lạc thọ.

Này Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát như vậy". Sau một thời gian, Ta thấy vị ấy đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, cảm thọ những cảm giác cực lạc. *Này Sariputta, giống như một hồ sen có nước trong, có nước ngọt, có nước mát, có nước trong sáng, có bờ hồ khéo sắp đặt, đẹp đẽ, và không xa hồ ấy có khu rừng rậm rạp. Một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi*

thăng đến hồ sen ấy. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hồ sen ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia, sau khi tắm mình vào hồ sen ấy, sau khi tắm rửa, uống nước và làm cho dịu bớt mọi ưu tư, mệt mỏi, phiền não, sau khi ra khỏi hồ liền qua ngòi hay nằm trong rừng cây rậm rạp ấy và cảm thọ những cảm giác cực lạc. Cũng vậy, này Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát như vậy". Sau một thời gian, Ta thấy vị ấy đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, cảm thọ những cảm giác cực lạc.

Này Sariputta, năm loại này là năm sanh thú. Này Sariputta, có ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy, và nói: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuộc trắc nghiệm". Này Sariputta, nếu người ấy không từ bỏ

lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy, thì người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên. Nay Sariputta, Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, có thể chứng được chánh trí ngay trong hiện tại. Nay Sariputta, Ta nói như vậy là sự thành tựu như vậy. Nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy, thì người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Nay Sariputta, **Ta thắng tri phạm hạnh, đầy đủ bốn hạnh:**

- Về khổ hạnh, Ta khổ hạnh đệ nhất;
- Về bản uế, Ta bản uế đệ nhất;
- Về yếm ly, Ta yếm ly đệ nhất;
- Về độc cư, Ta độc cư đệ nhất.

Nay Sariputta, ở đây, **khổ hạnh của Ta như sau:**

- Ta sống lỏa thể, phóng túng, không theo khuôn phép, liếm tay cho sạch, đi khát thực không chịu bước tới, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình, không nhận mời đi ăn, không nhận đồ ăn từ nơi nôi chảo, không nhận đồ ăn tại ngưỡng cửa, không nhận đồ ăn đặt giữa

những cây gậy, không nhận đồ ăn đặt giữa những cội già gạo, không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn, không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng, không nhận đồ ăn tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá, ăn thịt, không uống rượu nấu, rượu men.

- Ta chỉ nhận đồ ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miếng, hay chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng, hay chỉ nhận ăn tại bảy nhà, chỉ nhận ăn bảy miếng.
- Ta nuôi sống chỉ với một chén, nuôi sống chỉ với hai chén, nuôi sống chỉ với bảy chén. Ta chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy Ta sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Ta chỉ ăn cỏ lúa để sống, lúa tặc, gạo lức, ăn hột cải nivara, ăn da vụn, ăn trấu, uống nước bột gạo, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống.
- Ta mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tấm liệm rồi quăng đi, mặc áo phẩn tảo y, mặc vỏ cây tititaka làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo vỏ

cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc
bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại,
mặc áo bằng lông cú.

- Ta sống nhờ râu tóc, Ta theo tập tục sống nhờ râu tóc,
- Ta theo hạnh thường đứng không dùng chỗ ngồi, Ta là người ngồi chỗ hỏ, sống tinh tấn theo hạnh ngồi chỗ hỏ.
- Ta dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống dùng ván gỗ làm giường, sống nằm trên đất trần, thường nằm ngủ một bên hông, sống để bụi và nhóp che dính thân mình, sống và ngủ ngoài trời, theo hạnh bạ đâu nằm đấy,
- Sống ăn các ứ vật, sống không uống nước lạnh, theo hạnh không uống nước lạnh, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm.
- **Như vậy Ta sống theo hạnh hành hạ, dày vò thân thể theo nhiều cách.** Này Sariputta, như vậy là khổ hạnh của Ta.

Này Sariputta, ở đây **hạnh bản uế** của Ta như sau: Trên thân Ta, bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng. Như gốc cây tinduka bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng; cũng vậy, này Sariputta, trên thân Ta bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng. Này Sariputta, Ta

không nghĩ rằng: "Với tay của Ta, Ta hãy phỉ sạch bụi bặm này đi, hay những người khác với tay của họ hãy phỉ sạch bụi bặm này đi cho Ta". Nay Sariputta, Ta không có nghĩ như vậy. Nay Sariputta, như vậy là sự bần uế của Ta.

Này Sariputta, như thế này là **sự yếm ly** của Ta. Nay Sariputta, tỉnh giấc, Ta đi tới; tỉnh giấc Ta đi lui, Ta an trú lòng từ cho đến trong một giọt nước với tâm tư: *"Mong rằng Ta không làm hại một chúng sanh nhỏ nào trong những ác đạo của họ!"* Nay Sariputta, như vậy là sự yếm ly của Ta.

Này Sariputta, như thế này là **sự độc cư** của Ta. Nay Sariputta, Ta đi sâu vào một khu rừng và an trú tại chỗ ấy. Khi Ta thấy người chăn bò, người mục súc, người cắt cỏ, người đốn củi hay người thợ rừng, Ta liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Vì sao vậy? Ta nghĩ rằng: "Mong họ đừng thấy Ta, và mong Ta đừng thấy họ!" Nay Sariputta, giống như một con thú rừng thấy người liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Cũng vậy, này Sariputta, khi Ta thấy người chăn bò, người mục súc, người cắt cỏ, người đốn củi,

hay người tiều phu, Ta liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Vì sao vậy? Ta nghĩ rằng: "Mong họ đừng thấy Ta, và mong Ta đừng thấy họ!" Nay Sariputta, như vậy là hạnh độc cư của Ta.

Này Sariputta, rồi Ta bò bốn chân đến các chuồng bò, khi các con bò cái đã bỏ đi, khi các người chăn bò không có mặt, rồi Ta ăn phân các con bò con, các con bò còn trẻ, các con bò còn bú. Khi nước tiểu và phân của Ta còn tồn tại, Ta tự nuôi sống với các loại ấy. Nay Sariputta, như vậy là **hạnh đại bất tịnh thực** của Ta.

Này Sariputta, Ta đi sâu vào một khu rừng rậm rạp kinh hoàng và an trú tại chỗ ấy. Nay Sariputta, tại khu rừng rậm rạp kinh hoàng này, những ai còn tham ái đi vào khu rừng rậm rạp ấy, thời lông tóc người ấy dựng ngược. Nay Sariputta, rồi Ta trong những đêm đông lạnh lẽo, giữa những ngày mỏng tằm, khi có tuyết rơi, trong những đêm như vậy, Ta sống giữa trời, và ban ngày sống trong khu rừng rậm rạp. Ta sống trong những ngày cuối tháng hè, ban ngày thì sống giữa trời, còn ban đêm trong khu rừng rậm rạp. Rồi này Sariputta, những bài kệ kỳ diệu từ trước chưa từng được nghe sau đây được khởi lên:

*Này bị thiêu đốt, bị buốt lạnh,
Cô độc sống trong rừng kinh
hoàng,
Trần truồng, Ta ngồi không lửa
ấm,
Ấn sĩ, trong lý tưởng đăm chiêu.*

Này Sariputta, Ta nằm ngủ trong bãi tha ma, dựa trên một bộ xương. Này Sariputta, những đũa mục đồng đến gần Ta, khạc nhổ trên Ta, tiểu tiện trên Ta, rắc bụi trên Ta và lấy que đâm vào lỗ tai. Này Sariputta, và Ta biết Ta không khởi ác tâm đối với chúng. Này Sariputta, như vậy là **hạnh trú xả** của Ta.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "*Sự thanh tịnh đạt được nhờ món ăn*". Họ nói: "Chúng ta sống nhờ trái táo", và họ ăn trái táo, họ ăn bột táo, họ uống nước trái táo dưới nhiều hình thức. Này Sariputta, Ta tự xưng **Ta sống chỉ ăn một trái táo**. Này Sariputta, có thể các Người nghĩ như sau: "Trái táo thời ấy to lớn". Này Sariputta, chớ có hiểu như vậy. Vì trái táo thời ấy giống với trái táo hiện tại. Này Sariputta, trong khi Ta sống chỉ ăn một trái táo, thân thể của Ta trở thành hết sức ốm yếu.

- Vì Ta ăn quá ít, **tay chân** Ta trở thành như những

cọng cỏ hay những đốt cây leo khô héo.

- Vì Ta ăn quá ít, **bàn trơn** của Ta trở thành như móng chân con lạc đà.
- Vì Ta ăn quá ít, các **xương sống** phô bày của Ta giống như một chuỗi banh.
- Vì Ta ăn quá ít, các **xương sườn** gầy mòn của Ta giống như rui cột nhà sàn hư nát.
- Vì ta ăn quá ít, nên **con người** của Ta long lanh nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu.
- Vì Ta ăn quá ít, **da đầu** Ta trở thành nhăn nheo khô cằn như trái bí trắng và đắng bị cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nheo khô cằn.
- Nay Sariputta, nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ da bụng" chính xương sống bị Ta nắm lấy. Nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ xương sống", thì chính da bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta ăn quá ít, nên nay Sariputta, da bụng của Ta bám chặt xương sống.
- Nay Sariputta, nếu Ta nghĩ: "Ta đi đại tiện hay đi tiểu tiện", thì Ta ngã quỵ úp mặt xuống đất, vì Ta ăn quá ít.
- Nay Sariputta, nếu Ta muốn thoa dịu thân Ta, lấy

tay xoa bóp chân tay, thì này Sariputta, trong khi Ta lấy tay xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng khỏi thân Ta, vì Ta ăn quá ít.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "*Sự thanh tịnh đạt được nhờ món ăn*". Họ nói: "Chúng ta sống nhờ đậu xanh... (như trên)... chúng ta sống nhờ vừng mè... (như trên)... chúng ta sống nhờ hạt gạo", và họ ăn hạt gạo, họ ăn hạt gạo nghiền thành bột, họ uống nước gạo, và họ ăn hạt gạo dưới nhiều hình thức. Này Sariputta, Ta tự xưng Ta sống chỉ ăn một hạt gạo. Này Sariputta, có thể các Người nghĩ như sau: "Hạt gạo thời ấy to lớn". Này Sariputta, chớ có hiểu như vậy. Vì hạt gạo thời ấy giống với hạt gạo hiện tại. Này Sariputta, trong khi **Ta chỉ sống ăn một hạt gạo**, thân thể của Ta trở thành hết sức ốm yếu. Vì Ta ăn quá ít, tay chân Ta trở thành như những cọng cỏ hay những đốt cây leo khô héo. Vì Ta ăn quá ít, bàn tròn của Ta trở thành như móng chân con lạc đà. Vì Ta ăn quá ít, xương sống phô bày của Ta giống như một chuỗi banh. Vì Ta ăn quá ít các xương sườn gầy mòn của Ta giống như rui cột của một nhà sàn hư nát. Vì Ta ăn quá ít, con người long lanh của Ta nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu. Vì Ta ăn quá ít, da đầu Ta trở thành nhăn nheo, khô cằn như trái bí trắng và

đang bị cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nheo, khô cằn. Nay Sariputta, nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ da bụng", thì chính xương sống bị Ta nắm lấy. Nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ xương sống", thì chính da bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta ăn quá ít, nên nay Sariputta, da bụng của Ta bám chặt xương sống. Nay Sariputta, nếu Ta nghĩ: "Ta đi đại tiện hay đi tiểu tiện", thì Ta ngã quỵ, úp mặt xuống đất, vì Ta ăn quá ít. Nay Sariputta, nếu Ta muốn xoa dịu thân Ta, lấy tay xoa bóp chân tay, thời nay Sariputta, trong khi Ta lấy tay xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng khỏi thân Ta, vì Ta ăn quá ít. Nay Sariputta, **dầu Ta có theo cử chỉ như vậy, theo hành lộ như vậy, theo khổ hạnh như vậy, Ta cũng không chứng được các pháp thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Vì sao vậy? Vì với những phương tiện ấy, không chứng được pháp thượng nhân với Thánh trí tuệ. Chính Thánh trí tuệ này chứng được thuộc về bậc Thánh, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau.**

Nay Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: *"Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ luân hồi"*. Nay Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự luân hồi mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá dài, trừ phi với các vị **Tịnh cư thiên (Suddhavaśa)**.

Này Sariputta, nếu Ta luân hồi tại Tịnh cư thiên thì Ta đã không trở lại đời này nữa.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: *"Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ sanh khởi"*. Này Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự sanh khởi mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá dài, trừ phi với các vị Tịnh cư thiên. Này Sariputta, nếu Ta sanh khởi tại Tịnh cư thiên, thì Ta đã không trở lại đời này nữa.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: *"Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ an trú"*. Này Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự an trú mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá dài, trừ phi với các vị Tịnh cư thiên. Này Sariputta, nếu Ta an trú tại Tịnh cư thiên, thì Ta đã không trở lại đời này nữa.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: *"Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ tế tự"*. Này Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự tế tự mà xưa kia Ta không làm trong một thời gian khá dài khi Ta là vị vua Sát-đế-ly có làm lễ quán đảnh hay làm vị

Bà-la-môn giàu có.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: *"Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ thờ lửa"*. Này Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự thờ lửa mà xưa kia Ta không làm trong một thời gian khá dài, khi Ta là vị vua Sát-đế-ly có làm lễ quán đảnh, hay làm vị Bà-la-môn giàu có.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: *"Khi một thiếu niên còn trẻ tuổi, tóc đen nhánh, huyết khí sung mãn, trong tuổi thanh xuân, người ấy thành tựu trí tuệ biện tài tối thượng. Nhưng khi người ấy già cả, niên cao, lap lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đi đến đoạn cuối cuộc đời, khi đã tám mươi, chín mươi hay một trăm tuổi, khi ấy trí tuệ biện tài tối thượng ấy bị đoạn trừ"*. *Này Sariputta, chớ có quan niệm như vậy*. Này Sariputta, nay Ta đã già, niên cao, lap lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đi đến đoạn cuối cuộc đời, tuổi Ta nay đã đến tám mươi. Này Sariputta, ở đây Ta có bốn vị đệ tử, tuổi thọ đến một trăm, đã sống một trăm tuổi, thành tựu chánh niệm đệ nhất, thành tựu chuyên tâm đệ nhất, thành tựu tinh cần đệ nhất và đầy đủ trí tuệ biện tài tối thượng. *Này Sariputta, ví như một người bắn*

cung thiện xảo, có huấn luyện, khéo tay, thuần thực, với một mũi tên nhẹ, có thể dễ dàng bắn ngang qua bóng một cây ta-la. Cũng vậy, những vị này với chánh niệm đệ nhất như vậy, được thành tựu trí tuệ biện tài tối thượng như vậy, nếu những vị này hỏi Ta nhiều lần một câu hỏi về Bốn Niệm Xứ, và nếu Ta, được hỏi nhiều lần như vậy, phải giải thích cho họ hiểu và nếu họ được Ta giải thích như vậy, có thể hiểu như đã giải thích, và nếu họ không hỏi Ta về những vấn đề phụ thuộc và các vấn đề khác, trừ khi ăn, uống, nhai, nếm, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức. *Này Sariputta, dầu vậy, sự thuyết pháp của Như Lai cũng chưa hoàn tất, sự giải thích cú pháp của Như Lai cũng chưa hoàn tất, sự trả lời các câu hỏi của Như Lai cũng chưa hoàn tất, khi mà bốn đệ tử của Ta, tuổi thọ đến một trăm tuổi, đã sống một trăm tuổi, đã từ trần sau một trăm tuổi.* *Này Sariputta, nếu Ông có gánh Ta trên giường đi chỗ này chỗ kia, thật sự trí tuệ biện tài của Như Lai không có gì thay đổi.*

Này Sariputta, những ai nói một cách chân chánh sẽ nói như sau: **"Một vị hữu tình không bị si chi phối, đã sanh ra ở đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người"**. Vị ấy sẽ nói về Ta một cách chân chánh

như sau: "Một vị hữu tình không bị chi phối... (như trên)... chư Thiên và loài Người".

Lúc bấy giờ Tôn giả Nagasamala đứng sau lưng Thế Tôn và quạt cho Ngài! Tôn giả Nagasamala bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Sau khi nghe pháp môn này, lông tóc con dựng ngược. Bạch Thế Tôn, pháp môn này tên gọi là gì?

– Này Nagasamala, do vậy pháp môn này gọi là **pháp môn lông tóc dựng ngược**. Ông hãy như vậy thọ trì.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Nagasamala hoan hỷ, tín thọ lời dạy Thế Tôn.

81 Thất niệm khi mạng chung - Kinh NGHE VỚI TAI – Tăng II, 172

NGHE VỚI TAI – Tăng II, 172

1.- Này các Tỷ-kheo, các pháp do được **nghe** bằng tai, do **tụng** đọc bằng lời, do **ý** quan sát, do **kiến** khéo thể nhập, có bốn lợi ích được chờ đợi. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, như kinh: Ứng tụng ... Phương quảng. Các pháp ấy, vị ấy được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập. Vị ấy **khi mạng chung bị thất niệm, được sanh công trú với một loại Thiên nhân. Tại đây, các vị sống an lạc đọc các pháp cú cho vị ấy.** Này các Tỷ-kheo, chậm chạp niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe các pháp bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập; đây là lợi ích thứ nhất được chờ đợi.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, như kinh: Ứng tụng ... Phương quảng. Các pháp ấy, vị ấy được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng

lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập. Vị ấy khi mạng chung bị thất niệm, được sanh cộng trú với một loại Thiên nhân. Tại đây, các vị sống an lạc không đọc các pháp cú cho vị ấy. Nhưng có Tỷ-kheo có thần thông, đã đạt được tâm tự tại, thuyết pháp cho hội chúng chư Thiên. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Đây chính là Pháp và Luật mà trước đây ta đã sống Phạm hạnh". Này các Tỷ-kheo, chậm chạp niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thiện xảo về tiếng trống. Người ấy trong khi đi giữa đường có thể nghe được tiếng trống. Người ấy không có nghi ngờ, không có do dự, đó là tiếng trống hay không phải là tiếng trống. Người ấy đi đến kết luận: "Đây là tiếng trống". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, như kinh: Ưng tụng ... Phương quảng. Các pháp ấy, vị ấy được nghe bằng tai ... chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe các pháp bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập, đây là lợi ích thứ hai được chờ đợi.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, như kinh: Ưng tụng ... Phương quảng. Các pháp ấy, vị ấy được nghe bằng tai, được tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập ...

nhưng không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại thuyết pháp cho hội chúng chư Thiên; và một Thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Đây chính là Pháp và Luật mà trước đây ta đã sống Phạm hạnh". Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thiện xảo về tiếng tù và. Người ấy, trong khi đi giữa đường có thể nghe được tiếng tù và. Người ấy không có nghi ngờ, không có do dự, đó là tiếng tù và hay không phải là tiếng tù và. Người ấy đi đến kết luận: "Đây là tiếng tù và". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, như kinh: Ứng tụng ... Phương quảng. Các pháp ấy, vị ấy được nghe bằng tai, được tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập ... nhưng không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại thuyết pháp cho hội chúng chư Thiên. Và một Thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Đây chính là Pháp và Luật mà trước đây ta đã sống Phạm hạnh". Này các Tỷ-kheo, chậm chạp niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập; đây là lợi ích thứ ba được chờ đợi.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, như kinh: Ứng tụng ... Phương quảng. Các pháp ấy, được nghe bằng tai, được tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập ... nhưng không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại thuyết pháp cho hội chúng chư Thiên; và không có Thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Nhưng có thể có người được hóa sanh: "Này bạn, bạn có nhớ không? Này bạn, bạn có nhớ không, tại chỗ ấy chúng ta đã sống Phạm hạnh?". Vì ấy trả lời: "Này bạn, tôi nhớ! Này bạn, tôi nhớ". Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Ví như, này các Tỷ-kheo, hai người bạn cùng chơi trò chơi đất bùn, hai người vào một thời nào, một chỗ nào được gặp nhau. Người bạn này có thể nói với người bạn kia: "Này bạn, bạn có nhớ cái này không? Này bạn, bạn có nhớ cái này không?". Người ấy có thể trả lời: "Này bạn, tôi có nhớ! Này bạn, tôi có nhớ!". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, như kinh: Ứng tụng ... Phương quảng. Các pháp ấy, được nghe bằng tai, được tụng

đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập ... nhưng không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại thuyết pháp cho hội chúng chư Thiên; và không có Thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Nhưng có thể có người được hóa sanh: "Này bạn, bạn có nhớ không? Này bạn, bạn có nhớ không, tại chỗ ấy chúng ta đã sống Phạm hạnh?". Vị ấy trả lời: "Này bạn, tôi nhớ! Này bạn, tôi nhớ". Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, niệm được khởi lên. Rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập; đây là lợi ích thứ tư được chờ đợi.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quan sát, do kiến khéo thể nhập; có bốn lợi ích này được chờ đợi.

82 **Thất vọng không sanh khởi cho người hiền trí - Kinh ĐA GIỚI – 115 Trung III, 217**

KINH ĐA GIỚI (Bahudhātuka suttaṃ)

– Bài kinh số 115 – Trung III, 217

Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Phàm có những **sợ hãi** gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những sợ hãi ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí (pandita).
- Phàm có những **thất vọng** gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả thất vọng ấy sanh khởi

cho người ngu, không phải cho người hiền trí.

- Phàm có những **hoạn nạn** gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả hoạn nạn ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí.

Ví như, này các Tỷ-kheo, tia lửa từ ngôi nhà bằng cỏ, thiêu cháy ngôi nhà có lầu gác được trét trong trét ngoài, được che chở khỏi gió, có chốt khóa gài kỹ, có cửa sổ đóng kỹ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những sợ hãi gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những sợ hãi ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí; phàm có những thất vọng gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những thất vọng ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí; phàm có những hoạn nạn gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những hoạn nạn ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí.

Như vậy, này các Tỷ-kheo:

- Kẻ ngu đầy những sợ hãi, người hiền trí không có sợ hãi.
- Kẻ ngu đầy những thất vọng, người hiền trí

không có thất vọng.

- Kẻ ngu đầy những hoạn nạn, người hiền trí không có hoạn nạn.

Này các Tỷ-kheo:

- Không có sợ hãi cho người hiền trí,
- Không có thất vọng cho người hiền trí,
- Không có hoạn nạn cho người hiền trí.

→ Do vậy, này các Tỷ-kheo, **"Chúng tôi sẽ thành người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu"**, như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo là người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu?"

– Cho đến khi, này Ananda, Tỷ-kheo **thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về duyên khởi và thiện xảo về xứ phi xứ** đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo là người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu".

❖ Đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để

nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Nay Ananda, có mười tám giới này: nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Nay Ananda, cho đến khi biết được, thấy được mười tám giới này, cho đến mức độ như vậy, nay Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Có thể có, nay Ananda. Nay Ananda có sáu giới này: địa giới, thủy giới, phong giới, hỏa giới, không giới, thức giới. Nay Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy, nay Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Có thể có, nay Ananda. Nay Ananda có sáu giới này: lạc giới, khổ giới, hỷ giới, ưu giới, xả giới, vô minh giới. Nay Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy này

Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có sáu giới này: dục giới, ly dục giới, sân giới, vô sân giới, hai giới, bất hai giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có ba giới này: dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được ba giới này, cho đến mức độ như vậy này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có hai giới này: hữu vi giới và vô vi giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được hai giới này, cho đến

mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới"

❖ ***Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ?"***

– Này Ananda, **có sáu nội xứ, ngoại xứ này: mắt và sắc,** tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu nội ngoại xứ này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ".

❖ ***Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về duyên khởi?"***

– Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: Nếu cái này có, cái kia có; do cái này sanh, cái kia sanh. Nếu cái này không có, cái kia không có; do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; do duyên sanh lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy, này Ananda, là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Nhưng do sự diệt trừ, sự ly tham hoàn toàn của chính vô minh này, các hành diệt; do các hành diệt, thức diệt; do thức diệt, danh sắc diệt; do danh sắc diệt, lục nhập diệt; do lục nhập diệt, xúc diệt; do xúc diệt, thọ diệt; do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt, do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt, do sanh diệt, lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt hoàn toàn của khổ uẩn này. Cho đến như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về duyên khởi".

❖ *Nhưng cho đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói: Tỷ-kheo thiện xảo về xứ phi xứ?"*

- Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: khi một **người thành tựu (chánh) kiến** lại đi đến các hành (samkhara) và xem là thường còn. Sự kiện như vậy không xảy ra".
- Và vị ấy biết rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một **người phạm phu** đi đến các hành và xem là thường còn. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến, lại có thể đi đến các hành

với ý niệm lạc thọ. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một người phàm phu đi đến các hành với ý niệm lạc thọ. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người nào thành tựu (chánh) kiến, lại có thể đi đến các pháp với ý niệm tự ngã. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một người phàm phu đi đến các pháp với ý niệm tự ngã. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: khi một người thành tựu (chánh) kiến, có thể giết sinh mạng người mẹ. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phàm phu có thể giết sinh mạng người mẹ. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến, có thể giết sinh mạng người

cha... (như trên)... có thể giết sinh mạng A-la-hán. Sự kiện như vậy không xảy ra.

- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một người phạm phu có thể giết sinh mạng người cha... (như trên)... có thể giết sinh mạng A-la-hán. Sự kiện như vậy có xảy ra
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể với ác tâm làm Như Lai chảy máu. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phạm phu với ác tâm làm Như Lai chảy máu. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể phá hòa hợp Tăng. Sự kiện như vậy không xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phạm phu có thể phá hòa hợp với Tăng. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể đề cao một Đạo sư

khác. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phạm phu đề cao một Đạo sư khác. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi cùng trong một thế giới (lokadhatu), **hai A-la-hán Chánh Đẳng Giác** có thể xuất hiện (một lần) không trước không sau. **Sự kiện như vậy không có xảy ra**".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi cùng trong một thế giới, **một A-la-hán Chánh Đẳng Giác** có thể xuất hiện. **Sự kiện như vậy có xảy ra**".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra: Khi cùng trong một thế giới **hai vua Chuyển luân** có thể xuất hiện (một lần), không trước không sau. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi trong một thế giới, **một vị vua Chuyển luân** có thể xuất hiện. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi **một nữ nhân có**

thể thành A-La-Hán Chánh Đẳng Giác. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một nam nhân có thể thành một A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Sự kiện như vậy có xảy ra."
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể thành Sakka (Đế -thích). Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một nam nhân có thể trở thành Sakka. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể trở thành Ma vương. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra khi một nam nhân trở thành một Ma vương. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể trở thành Phạm thiên. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một nam nhân có thể trở thành Phạm thiên. Sự kiện này như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một thân ác hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện này không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một thân ác hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một khẩu ác hành... Khi một ý ác hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một ý ác hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một thân thiện hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một thân thiện hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một khẩu thiện hành... một ý thiện hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một ý thiện hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành trì thân ác hành, do nhân thân ác hành ấy, do duyên thân ác hành ấy sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh thiên thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người hành trì thân ác hành, do nhân thân ác hành ấy, do duyên thân ác hành ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện

này có xảy ra".

- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành trì khẩu ác hành... hành trì ý ác hành, do nhân ý ác hành ấy, do duyên ý ác hành ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, khi một người hành trì khẩu ác hành... ý ác hành, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành trì thân thiện hành, do nhân thân thiện hành ấy, do duyên thân thiện ấy, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người hành trì thân thiện hành, do nhân thân thiện hành ấy, do duyên thân thiện hành ấy, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy

ra, không có hiện hữu: Khi một người hành trì khẩu thiện hành... hành trì ý thiện hành, do nhân ý thiện hành ấy, do duyên ý thiện hành ấy, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một người hành trì khẩu thiện hành... hành trì ý thiện hành, do nhân ý thiện hành ấy, do duyên ý thiện hành ấy, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Cho đến mức độ như vậy, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ phi xứ".

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn pháp môn này có tên gì?

– Do vậy, này Ananda, Ông hãy thọ trì pháp môn này là **Đa giới**, hãy thọ trì pháp môn này là **Bốn chuyển** (Dhammadaśa) hãy thọ trì pháp môn này là **Pháp kinh** (Dhammdaśa), hãy thọ trì pháp môn này là **Trống bất tử**, hãy thọ trì pháp môn này là **Vô**

thượng chiến thắng.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

83 Thấy Phật có được không - Kinh AGGIVACCHAGOTTA - 72 Trung II, 313

KINH AGGIVACCHAGOTTA (**Aggivacchagotta sutta**)

– Bài kinh số 72 – Trung II, 313

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà-Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bach Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài

ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là một,

chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:
"Sinh mạng và thân thể là một, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:
"Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "N hư Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:
"N hư Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "N hư Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:
"N hư Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy

là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

... (như trên)...

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư

vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama thấy có sự nguy hại gì mà Ngài không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến này như vậy?

– Này Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là thường trú", như vậy là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Này Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là vô thường"... (như trên)... "Thế giới là hữu biên"... "Thế giới là vô biên"... "Sinh mạng và thân thể là một"... "Sinh mạng và thân thể là khác"... "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết"... "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết"... "Nhu Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết"... Này Vaccha, nghĩ rằng: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", như vậy là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. **Này Vaccha, Ta thấy có sự nguy hại**

này mà Ta không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến như vậy.

– Nhưng Tôn giả Gotama có tà kiến nào không?

– Này Vaccha, tà kiến đã được Như Lai đoạn trừ. Nhưng này Vaccha, **đây là điều Như Lai đã thấy:** "*Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt; đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt; đây là tưởng, đây là tưởng tập, đây là tưởng diệt; đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt; đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt*". **Do vậy ta nói rằng, với sự đoạn trừ, ly tham, đoạn diệt, xả bỏ, vứt bỏ tất cả ảo tưởng tất cả hôn mê, của tất cả ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên, mà Như Lai được giải thoát, không còn chấp thủ.**

– Thừa Tôn giả Gotama, một Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi chỗ nào?

– Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?

– Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?

– Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?

– Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Khi được hỏi: "Tôn giả Gotama, vị Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi tại chỗ nào?", Tôn giả đáp: "Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?" Tôn giả đáp: "Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?", Tôn giả đáp: "Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?", Tôn giả đáp: "Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". *Thưa Tôn giả Gotama, tôi trở thành vô tri về điểm này, tôi trở thành mê mờ về điểm này, và một số tin tưởng tôi đã có đối với Tôn giả Gotama do các cuộc đàm thoại lúc trước đem lại,*

nay đã biến mất nơi tôi.

– Nay Vaccha, thôi vừa rồi, vô tri của Ông! Thôi vừa rồi, mê mờ (của Ông)! Nay Vaccha, sâu kín là pháp này, khó thấy, khó giác ngộ, an tịnh, thù thắng, không thể luận bàn, tế nhị, chỉ bậc trí mới hiểu. Thật rất khó cho Ông có thể hiểu được, khi Ông thuộc tri kiến khác, kham nhận khác, lý tưởng khác, hành trì khác, Đạo sư khác. Và nay Vaccha, nay Ta trở lại hỏi Ông. Hãy trả lời nếu Ông kham nhận. Nay Vaccha, Ông nghĩ thế nào? Nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi?"

– Tôn giả Gotama, nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, tôi có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi".

– Nhưng nếu, nay Vaccha, có người hỏi Ông như sau: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?", nếu được hỏi vậy, nay Vaccha, Ông trả lời như thế nào?

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu có người hỏi tôi như sau: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?", nếu được hỏi vậy, thưa Tôn giả Gotama, tôi sẽ trả lời như sau: "Ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, ngọn lửa này cháy đỏ do

duyên nhiên liệu cỏ và củi".

– Nay Vaccha, nếu ngọn lửa ấy bị tắt trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi?"

– Tôn giả Gotama, nếu ngọn lửa ấy được tắt trước mặt tôi, tôi sẽ biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi".

– Nay Vaccha, nếu có người hỏi Ông như sau: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt Ông, ngọn lửa ấy từ đây đã đi về phương hướng nào, phương Đông, phương Tây, phương Bắc, hay phương Nam?", được hỏi vậy, nay Vaccha, Ông trả lời thế nào?

– Không có thể áp dụng ở đây, Tôn giả Gotama. Vì rằng, nay Tôn giả Gotama, ngọn lửa ấy đã cháy vì duyên nhiên liệu cỏ và củi. Khi cỏ và củi ấy hết và vì không có nhiên liệu khác, nên được xem là không có nhiên liệu, đã bị tắt.

– Cũng vậy, nay Vaccha, do sắc pháp này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, sắc pháp ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **sắc**, nay Vaccha, là Như Lai, thâm

sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương. Khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Do **thọ** này, nhờ đó mà một người nhân biết Như Lai có thể nhân biết được, thọ ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **thọ**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng khó dò đến đáy đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Do **tưởng** này, nhờ đó mà một người nhân biết Như Lai có thể nhân biết được, tưởng ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **tưởng**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.

Do những **hành** này nhờ đó mà một người nhân

biết Như Lai có thể nhận biết được, các hành ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi những cái gọi là **hành**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không không khởi lên, không có áp dụng.

Do **thức** này, nhờ đó mà một người nhận thức Như Lai có thể nhận thức được, cái thức ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. **Giải thoát khỏi cái gọi là thức, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.**

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, như một cây tala lớn, không xa làng hay thị trấn, vì vô thường nên cành lá rơi rụng, vỏ và đọt non rơi rụng, giác cây rơi rụng và sau một thời gian, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rơi rụng, với giác cây rơi rụng, cây ấy thuần tịnh

chỉ còn lại lõi cây. Cũng vậy, lời nói này của Tôn giả Gotama, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rụng, với giác cây rơi rụng, lời nói ấy thuần tịnh, chỉ còn lại **lõi cây**.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy Pháp và quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

84 Thấy Phật có được không - Kinh Thế Giới – Tương IV, 93

Thế Giới – Tương IV, 93

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Phagguna bạch Thế Tôn:

4-6) -- *Có con mắt nào, bạch Thế Tôn, do con mắt ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chương ngại, đã đoạn các hành tung khát ái, đã chấm dứt luân hồi, đã vượt qua mọi khổ đau?*

... tai... mũi...

7-8) ... lưỡi... thân...

9) Có ý nào, bạch Thế Tôn, do ý ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chương ngại, đã đoạn các hành tung khát ái, đã chấm dứt luân hồi, đã vượt qua mọi khổ đau?

10-12) -- Không có con mắt nào, này Phagguna, do con mắt ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chương ngại, đã đoạn các hành tung khát ái, đã chấm dứt luân hồi, đã vượt mọi khổ đau.

... tai... mũi...

13-14) ... Không có lưỡi... Không có thân...

15) Không có ý nào, này Phagguna, do ý ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chương ngại, đã đoạn các hành tung khát ái, đã chấm dứt luân hồi, đã vượt qua mọi khổ đau.

85 Thấy là rút - Kinh KHÔNG CÓ THỂ KHAM NHÃN – Tăng II, 565

KHÔNG CÓ THỂ KHAM NHÃN – Tăng II, 565

1. - Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, con voi của vua không xứng đáng cho vua, không là tài sản của vua không được xem là một biểu tượng của vua. Thế nào là năm?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua:

- Không kham nhẫn các sắc,
- Không kham nhẫn các tiếng,
- Không kham nhẫn các hương,
- Không kham nhẫn các vị,
- Không kham nhẫn các xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các sắc?

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, khi đi đến chiến trận, thấy đoàn voi hay thấy đoàn ngựa, hay thấy đoàn xe, hay thấy đoàn bộ binh đã chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua không kham nhẫn đối với các sắc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các tiếng?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, đi đến chiến trận, khi **nghe** tiếng voi, nghe tiếng ngựa, nghe tiếng xe, nghe tiếng bộ binh, hay nghe tiếng trống lớn, thanh la, tiếng tù và, tiếng trống nhỏ, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua không kham nhẫn các tiếng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các hương?

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, khi đó **ngửi** mùi phân và nước tiểu của các con voi của vua thuộc loại quý chủng đã quen chiến trận, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua không kham nhẫn các hương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các vị?

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua khi đi đến chiến trận, **chán ngấy một máng cỏ và nước**, hay chán ngấy hai, ba, bốn hay năm máng cỏ và nước,

liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua không kham nhẫn các vị.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các xúc?

7. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, **khi bị trúng một mũi tên**, hay hai, hay ba, hay bốn, hay năm mũi tên, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua không kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, một con voi của vua không xứng đáng của vua, không là tài sản của vua, không được xem là một biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một vị Tỷ-kheo thành tựu năm pháp không đáng cung kính, không đáng tôn trọng, không đáng cúng dường, không đáng chấp tay, không còn là phước điền vô thượng ở đời. Thế nào là năm?

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo **không kham nhẫn** các **sắc**,

- Không kham nhãn các tiếng,
- Không kham nhãn các hương,
- Không kham nhãn các vị,
- Không kham nhãn các xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo không kham nhãn các sắc?

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc liền tham đắm các sắc khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không kham nhãn các sắc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không kham nhãn các tiếng?

10. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng liền tham đắm các tiếng khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không kham nhãn các tiếng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không kham nhãn các hương?

11. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mũi ngửi hương liền tham đắm các hương khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không kham nhãn các hương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không kham nhẫn các vị?

12. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi lưỡi nếm vị liền tham đắm các vị khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không kham nhẫn các vị.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo không kham nhẫn các xúc?

13. Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi thân cảm xúc liền tham đắm các xúc khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không đáng được cung kính, không đáng được tôn trọng, không đáng được cúng dường, không đáng được chấp tay, không còn là vô thượng phước điền ở đời.

14. **Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, con voi của vua xứng đáng cho vua dùng, là tài sản của vua, và được xem là một biểu tượng của vua.** Thế nào là năm?

15. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhãn các sắc, kham nhãn các tiếng, kham nhãn các hương, kham nhãn các vị, kham nhãn các xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhãn các sắc?

16. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, đi đến chiến trận, khi **thấy** đoàn voi hay khi thấy đoàn ngựa, hay khi thấy đoàn xe, hay khi thấy đoàn bộ binh, liền không chùn chân, rùn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhãn các sắc.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhãn các tiếng?

17. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, đi đến chiến trận, khi **nghe** tiếng voi, hay khi nghe tiếng ngựa, hay khi nghe tiếng xe, hay khi nghe tiếng bộ binh, hay khi nghe tiếng trống lớn, thanh la, tù và, trống nhỏ, không chùn chân, không rùn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua kham nhãn các tiếng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhãn các hương?

18. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, đối với các con voi của vua thuộc loại quý chủng, quen thuộc chiến trận, khi nó **ngửi** mùi phân và nước tiểu của những con voi ấy, nó không chùn chân, không rùn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhẫn các hương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhẫn các vị?

19. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, **khinh miệt** một máng cỏ và nước, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn hoặc năm máng cỏ và nước, không chùn chân, không rùn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhẫn các vị.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhẫn các xúc?

20. Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, khi **bị một mũi tên bắn trúng**, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, không chùn chân, không rùn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, con voi của vua xứng đáng cho vua, là tài sản của vua, và được gọi là biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp, vị Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là năm?

21. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc, kham nhẫn các tiếng, kham nhẫn các hương, kham nhẫn các vị, kham nhẫn các xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc?

22. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ***khi mắt thấy sắc, không tham đắm các sắc khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh.*** Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các tiếng?

23. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ***khi tai nghe tiếng, không tham đắm các tiếng khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh.*** Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các tiếng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các hương?

24. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi **mũi** ngửi các hương, không tham đắm các hương khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các hương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các vị?

25. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi **lưỡi** nếm các vị, không tham đắm các vị khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các vị.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo kham nhẫn các xúc?

26. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi **thân** cảm các xúc, không tham đắm các xúc khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

86 Thấy mà không thấy - Kinh THANH TỊNH – 29 Trường II, 441

KINH THANH TỊNH
– Bài kinh số 29 – Trường II, 441

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời, Thế Tôn trú giữa giòng tộc Sakya (Thích ca) trong vườn xoài của một gia đình Thích ca tên là Vedhannà.

Lúc bấy giờ, Nigantha Nàthaputta vừa mới tạ thế ở Pàvā.

Sau khi vị này tạ thế, các vị Nigantha chia ra làm hai phái, chia rẽ nhau, tranh chấp nhau, tranh luận nhau và sống tàn hại nhau với binh khí bằng miệng - "Người không biết pháp luật này, ta biết pháp luật này. Sao Người có thể biết pháp luật này? Người theo tà hạnh, ta theo chánh hạnh. Lời nói của ta tương ưng, lời nói Người không tương ưng. Điều đáng nói trước, Người nói sau; điều đáng nói sau, Người nói trước. Điều Người quan niệm trình bày, đã bị đảo lộn. Quan điểm của Người đã bị thách đổ. Người đã bị đánh bại. Hãy đi giải tỏa quan điểm của Người!

Hãy tự thoát khỏi bế tắc nếu Người có thể làm được." Hình như các đệ tử của Nigantha Nàthaputta muốn tàn hại lẫn nhau. Chính các đệ tử cư sĩ mặc đồ trắng của Nigantha Nàthaputta cũng chán ngấy, cơ hiềm, và phản đối các vị Nigantha, vì pháp luật của họ đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, pháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

2. Rồi Sa di Cunda, sau khi an cư mùa mưa ở Pàvā đến thăm tôn giả Ananda ở Sàmagama, sau khi đến, đánh lễ tôn giả Ananda và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên. Sa di Cunda bạch tôn giả Ananda:

- Bạch Tôn giả, Nigantha Nàthaputta đã từ trần ở Pàvā sau khi vị này tạ thế, các Nigantha chia ra làm hai phái... **Pháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.**

Khi nghe nói vậy, tôn giả Ananda nói với Sa di Cunda:

- Nay Hiền giả Cunda, đây là vấn đề đáng đưa ra để yết kiến Thế Tôn. Nay Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi yết kiến Thế Tôn; sau khi đến xong, chúng ta hãy trình bày vấn đề này để Thế Tôn biết.

- Bạch Tôn giả, vâng!

- Sa di Cunda vâng lời tôn giả Ananda.

3. Rồi tôn giả Ananda cùng với Sa di Cunda, đi đến yết kiến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Sa di Cunda có nói: "Nigantha Nàthaputta đã từ trần ở Pàvā. Sau khi vị này từ trần, các vị Nigantha chia ra làm hai phái... Pháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ."

- Nay Cunda, như vậy ở đây pháp luật đã được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết.

4. Nay Cunda, ở đây có vị đạo sư không phải là Chánh Đẳng Giác, có pháp luật đã được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Và người đệ tử trong pháp này, không thành tựu và an trú trong pháp và tùy pháp, không sống đúng chánh hạnh, không sống đúng tùy pháp, sống vượt ra ngoài pháp. Người đệ tử ấy cần được nói như sau: "Nay Hiền giả, thật là lợi

ích cho Người. Thật khéo chứng đắc cho Người. Đạo sư của Người không phải là vị Chánh Đẳng Giác. Pháp của Người đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Và Người trong pháp này, không thành tựu và an trú trong pháp và tùy pháp, không sống đúng chánh hạnh, không sống đúng tùy pháp, vượt ra ngoài pháp.

→ Nay Cunda, như vậy ở đây, vi đạo sư đáng quở trách, ở đây pháp đáng quở trách, nhưng ở đây đệ tử đáng tán thán. Nay Cunda, với vị đệ tử như vậy, nên nói như sau: "Này Đại đức, dầu Đại đức thực hành đúng như pháp vị đạo sư đã dạy và trình bày, ai có suy tầm, ai có bị suy tầm, ai có suy tầm rồi như thực thi hành, tất cả đều không có phước báo. Vì sao vậy? Vì pháp luật đã được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết."

5. Nay Cunda, ở đây, vi đạo sư không là vị Chánh Đẳng Giác, và pháp được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, và vi đệ tử trong pháp này, sống thành

tự pháp và tùy pháp, sống theo chánh hạnh, sống đúng tùy pháp, sống luận theo pháp. Người này nên được nói như sau: "*Này Hiền giả, thật không lợi ích cho Ngươi, thật không khéo chứng đắc cho Ngươi. Vị đạo sư của Ngươi không là vị Chánh Đẳng Giác và pháp được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, những người trong pháp này sống thành tự pháp và tùy pháp, sống theo chánh hạnh, sống đúng tùy pháp, sống thuận theo pháp*".

→ Này Cunda, ở đây vị đạo sư đáng quả trách, ở đây pháp đáng quả trách, ở đây vị đệ tử cũng đáng quả trách. Này Cunda, với vị đệ tử như vậy, có ai, nên nói như sau: "Thật vậy, Đại đức thành tựu theo chánh hạnh, tinh tấn trong chánh hạnh, người khen, người được khen, người được khen như vậy lại càng tinh tấn hơn nữa, tất cả đều không được phước đức." Vì sao vậy? Này Cunda, vì pháp được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết.

6. Này Cunda, ở đây **vị đạo sư là vị Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo giảng** và trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh

Đẳng Giác tuyên thuyết. Vị **đệ tử trong pháp này sống không thành tựu pháp** và tùy pháp, sống không theo chánh hạnh, sống không đúng tùy pháp, sống không thuận theo pháp. Vị đệ tử ấy cần phải được nói: "Này Hiền giả, thật không lợi ích cho Ngươi, thật không khéo chứng đắc cho Ngươi. Vị đạo sư của Ngươi là vị Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo tuyên bố trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Nhưng Ngươi trong pháp này sống không thành tựu pháp, sống không theo chánh hạnh, sống không đúng tùy pháp, sống không thuận theo pháp."

→ Này Cunda, ở đây vị đạo sư đáng được tán thán, ở đây pháp đáng được tán thán, ở đây vị đệ tử đáng quả trách. Nếu có ai, hãy nói với vị đệ tử ấy như sau: "Đại đức hãy thực hành đúng như pháp do vị đạo sư của Đại đức trình bày và tuyên thuyết. Ai có điều tra, ai có bị điều tra, ai có bị điều tra rồi như thực thi hành, tất cả đều được phước báo". Vì sao vậy? Này Cunda, pháp luật này khéo thuyết khéo trình bày là như vậy, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết.

7. Này Cunda ở đây vị đạo sư là Chánh Đẳng Giác, và pháp được khéo tuyên thuyết, khéo trình bày, có

hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Cháng Đẳng Giác tuyên thuyết, và vị đệ tử trong pháp này sống thành tựu pháp và tùy pháp, sống thành tựu chánh hạnh, sống đúng tùy pháp, sống thuận theo pháp. Nếu có ai, hãy nói vị đệ tử ấy nói như sau: "Này Hiền giả, thật là lợi ích cho Ngươi, thật khéo chứng đắc cho Ngươi. Vị đạo sư của Ngươi là vị A la hán Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo tuyên thuyết, được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Và Ngươi trong pháp này sống thành tựu pháp và tùy pháp, sống thành tựu chánh hạnh, sống đúng tùy pháp, sống thuận theo pháp".

→ Này Cunda, như vậy ở đây vị đạo sư đáng được tán thán, ở đây pháp đáng được tán thán, ở đây vị đệ tử cũng đáng được tán thán. Này Cunda, nếu có ai, hãy nói vị đệ tử ấy như sau: "Thật vậy, Đại đức thành tựu như pháp, tinh tấn như pháp, người khen, người được khen, người được khen như vậy lại càng tinh tấn thực hành, tất cả đều được nhiều công đức". Vì sao vậy? Này Cunda, vì pháp luật được khéo tuyên thuyết, khéo trình bày như vậy, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết.

8. Này Cunda, ở đây vị đạo sư xuất hiện ở đời, bậc

A la hán, Chánh Đẳng Giác, và pháp được khéo tuyên thuyết, được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Và các vị đệ tử chưa được tinh thông diệu pháp, và phạm hạnh hoàn toàn viên mãn chưa được tỏ lộ cho các vị này, chưa được trình bày rõ ràng, với tất cả thứ bậc vị trí liên hệ, chưa được trở thành diệu dụng, chưa được khéo trình bày cho loài Người, và vị đạo sư viên tịch. **Này Cunda, đối với vị đạo sư như vậy, nếu viên tịch, các đệ tử sẽ ưu tư rất nhiều.** Vì sao vậy? Vì đạo sư của chúng ta xuất hiện ở đời, và pháp được khéo tuyên thuyết, khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Nhưng chúng ta chưa được tinh thông diệu pháp, và phạm hạnh hoàn toàn viên mãn chưa được tỏ lộ cho chúng ta với tất cả thứ bậc, vị trí liên hệ, chưa được trở thành diệu dụng, chưa được khéo trình bày cho loài Người, và vị đạo sư của chúng ta viên tịch. Này Cunda, vị Đạo sư như vậy có viên tịch, các đệ tử có sự ưu tư.

9. Này Cunda, ở đây vị đạo sư xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo tuyên bố và được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Và các vị đệ tử được tinh thông diệu pháp, và

Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ cho các vị ấy với tất cả thứ bậc vị trí liên hệ, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho loài Người, và vị đạo sư của những vị ấy viên tịch. Này Cunda, vị đạo sư như vậy có viên tịch, các đệ tử không có ưu tư. Vì có sao? Vị đạo sư của chúng ta xuất hiện ở đời là bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo tuyên thuyết, được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, được vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Còn chúng ta được tinh thông diệu pháp, và phạm hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ cho chúng ta biết với tất cả thứ bậc vị trí liên hệ, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho loài Người, và vị Đạo sư của chúng ta viên tịch. Này Cunda, vị đạo sư như vậy có viên tịch, các đệ tử không có ưu tư.

10. Này Cunda, nếu Phạm hạnh được đầy đủ những chi phần như vậy, nếu không có một vị đạo sư là một vị Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, một phạm hạnh như vậy được xem là không viên mãn, trong trường hợp như vậy.

Này Cunda, nếu Phạm hạnh được đầy đủ những chi phần như vậy, và nếu có vị đạo sư là một vị Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, một

Phạm hạnh như vậy được xem là viên mãn, trong trường hợp như vậy.

11. Này Cunda, nếu Phạm hạnh được đầy đủ những chi phần như vậy, và có vị đạo sư là vị Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, **nhưng không có các vị Thượng tọa Tỷ kheo, những vị đệ tử là những vị sáng suốt, tự điều phục, vô úy, đa văn, đã đạt đến sự an ổn, có thể thuyết diệu pháp, với giáo lý ngoại đạo được khởi lên có thể khéo nhiếp phục với giáo pháp của mình, có thể thuyết diệu pháp bất tư nghi; như vậy Phạm hạnh này không thể viên mãn bởi chi tiết này.**

12. Này Cunda, khi nào Phạm hạnh được đầy đủ về những phương diện này, vị đạo sư là vị Thượng tọa, có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, và những vị Thượng tọa Tỷ kheo, những vị đệ tử... nếu không có các vị Trung lạc Tỷ kheo, những vị đệ tử... có các vị Trung lạc Tỷ kheo, những vị đệ tử... nhưng nếu không có các vị Hạ lạc Tỷ kheo, những vị đệ tử... có các Hạ lạc Tỷ kheo, những vị đệ tử... nhưng nếu không có các vị Trưởng lão Tỷ kheo ni, các vị đệ tử... nhưng nếu không có các vị Trung lạc Tỷ kheo ni, các vị đệ tử... nhưng nếu không có các vị Hạ lạc Tỷ kheo

ni, các vị đệ tử... có các vị Hạ lạp Tỷ kheo ni, các vị đệ tử... nhưng nếu không có Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... có những Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... nhưng nếu không có những Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc... có những Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc... nhưng nếu không có những Nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... có những Nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc... có những Nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng chấp nhận dục lạc ...Phạm hạnh như vậy nếu không được thành công, hưng thịnh, phát triển và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa các người, nhưng không đạt được danh xưng và lợi dưỡng một cách tối thắng, Phạm hạnh như vậy không được viên mãn về phương diện này.

13. Này Cunda, khi nào Phạm hạnh được đầy đủ với những phương diện này, vị đạo sư là Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, và những vị Thượng tọa là những bậc Tỷ kheo, những vị đệ tử

sáng suốt, tự điều phục... thuyết pháp diệu dụng, có Trung lập Tỷ kheo đệ tử, có Hạ lập Tỷ kheo đệ tử, có Trưởng lão Ni đệ tử, có Trung lập Ni đệ tử, có Hạ lập Ni đệ tử, có Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh, có Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc, có Nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh, có những vị Nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc; Phạm hạnh như vậy được thành công, hưng thịnh, phát triển, và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa các người, đạt được danh xưng và lợi dưỡng một cách tối thắng, Phạm hạnh như vậy được viên mãn về phương diện này.

14. Nay Cunda, **nay Ta hiện tại là bậc Đạo sư xuất hiện ở đời, là bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, và pháp được khéo tuyên bố, khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, được vị Chánh Đẳng Giác trình bày, và các vị đệ tử của Ta tinh thông diệu pháp, và Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ với tất cả thứ bậc vị trí liên hệ, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho loài Người.** Nay Cunda, nay Ta là vị Đạo sư Trưởng lão, có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu ngay, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành.

15. Nay Cunda, nay Ta có những vị Thượng tọa Tỷ kheo đệ tử sáng suốt, tự biết điều phục, vô úy, đa văn, đã đạt đến sự an ổn, có thể thuyết diệu pháp, đối với giáo lý ngoại đạo được khởi lên, có thể khéo chiết phục với giáo pháp của mình, có thể thuyết diệu pháp bất khả tư nghì. Nay Cunda, Ta lại có những Trung lập Tỷ kheo sáng suốt. Nay Cunda, nay Ta có những vị Hạ lập Tỷ kheo đệ tử. Nay Cunda, nay Ta có những vị Trưởng lão Tỷ kheo ni đệ tử. Nay Cunda, nay Ta có những vị Trung lập Tỷ kheo ni đệ tử. Nay Cunda, nay Ta có những vị Hạ lập Tỷ kheo ni đệ tử. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nam cư sĩ, là những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nam cư sĩ, là những vị tại gia mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nữ cư sĩ, là những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nữ cư sĩ là những vị tại gia, mặc áo trắng chấp nhận dục lạc...

Nay Cunda, nay Phạm hạnh của Ta được thành công, hưng thịnh, phát triển, và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa mọi người.

16. Nay Cunda, đối với tất cả những vị đạo sĩ nay xuất hiện ở đời; nay Cunda, Ta không thấy một vị đạo sư nào khác có thể bằng Ta về phương diện lợi

duỡng và danh xưng tối thượng.

Này Cunda, đối với tất cả các đoàn thể, các hội chúng nay xuất hiện ở đời; này Cunda, Ta không thấy một đoàn thể nào khác có thể bằng đoàn thể Tỷ-kheo về phương diện lợi duỡng và danh xưng tối thượng.

Nếu có ai, khi tả một Phạm hạnh, thành tựu hết thấy tướng, không thiếu sót, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, vị ấy nếu tuyên bố đúng đắn sẽ tuyên bố như sau: "Thành tựu hết thấy tướng... Phạm hạnh được khéo tuyên bố".

Này Cunda, Uddaka con của Ràma thường nói: "Thấy mà không thấy". Thấy cái gì mà không thấy? Với một con dao sắc bén, chỉ thấy lưỡi dao không thấy khía cạnh sắc bén của dao. Này Cunda, đây là nghĩa của câu: "Thấy mà không thấy". Này Cunda, ở đây Uddaka con của Ràma đề cập đến một vật đề tiện, hạ liệt, thuộc về phàm phu, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích, nói về con dao.

❖ Này Cunda, nếu nói đúng đắn câu **"Thấy mà không thấy"**, thời phải nói như sau: "Thấy mà không thấy". Vị ấy thấy cái gì mà không thấy?

→ Một Phạm hạnh, thành tựu hết thấy tướng, đầy đủ hết thấy tướng, không thiếu sót,

không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, được khéo trình bày. Chính vị ấy thấy Phạm hạnh này.

- Nếu vị ấy **trừ bớt** một phương diện nào tại một chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, **vị ấy sẽ không thấy gì.**
- Nếu vị ấy **thêm vào** một phương diện nào tại chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, **vị ấy sẽ không thấy gì.**
- Nếu vị ấy **thêm vào** một phương diện nào tại chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy được viên mãn hơn, **vị ấy sẽ không thấy gì.**

→ Như vậy gọi là "Thấy mà không thấy".

- ❖ Nay Cunda, nếu có ai khi tả một Phạm hạnh thành tựu hết thủy tướng... Phạm hạnh được khéo tuyên bố, vị ấy sẽ tuyên bố đúng đắn như sau: **"Phạm hạnh này thành tựu hết thủy tướng, cụ túc hết thủy tướng, không thiếu thốn, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, được khéo trình bày"**.

17. Do vậy, nay Cunda, những pháp do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các Người, tất cả các

Người hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi lộn nhau, nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài Người.

Này Cunda, thế nào là những pháp do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các Người, tất cả các Người hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi lộn nhau, nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau, để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài Người?

→ Những pháp ấy là **Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Như ý túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác chi, Tám Thánh đạo**. Này Cunda, những pháp ấy do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các Người, tất cả Người hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi lộn nhau, nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau, để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc của muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho

đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài Người.

18. Nay Cunda, các Người hãy hội họp với nhau trong tinh thần hòa đồng và tương kính, không có tranh luận nhau. Có vị đồng phạm hạnh nói pháp giữa Tăng chúng. Nếu các Người nghĩ rằng "**Vị Đại đức này nắm nghĩa sai lạc hay hành văn sai lạc**", các Người không nên tán thán, không nên bác bỏ. Không tán thán không bác bỏ, các Người nên nói với vị ấy:

"Này Hiền giả, với nghĩa này, cách hành văn này hay cách hành văn kia, cách nào thích hợp hơn? Giữa những cách hành văn này, nghĩa này hay nghĩa kia, nghĩa nào thích hợp hơn?" Nếu vị ấy trả lời: "Này Hiền giả, với nghĩa này, cách hành văn này thích hợp hơn cách hành văn kia. Giữa những cách hành văn này, nghĩa này thích hợp hơn nghĩa kia", các Người không nên bác bỏ vị ấy, không nên phỉ báng vị ấy. Không bác bỏ, không phỉ báng, các Người phải giải thích cho vị ấy một cách cẩn thận cả nghĩa lẫn hành văn.

19. Lại nữa này Cunda, có vị đồng Phạm hạnh khác nói pháp giữa Tăng chúng. Nếu các Người nghĩ rằng: "**Vị Đại đức ấy nắm nghĩa sai lạc nhưng hành văn đúng đắn**", các Người không nên tán thán, không nên

bác bỏ. Không tán thán, không bác bỏ, các người nên nói với vị ấy: "Này Hiền giả, giữa những cách hành văn này, nghĩa này hay nghĩa kia, nghĩa nào thích hợp hơn?" Nếu vị ấy trả lời: "Này Hiền giả, giữa những cách hành văn này, nghĩa này thích hợp hơn nghĩa kia", các Người không nên bác bỏ, không phỉ báng, các Người phải giải thích một cách cẩn thận ý nghĩa đúng đắn cho vị ấy.

20. Này Cunda, có vị đồng Phạm hạnh khác nói pháp giữa Tăng chúng. Nếu các Người nghĩ rằng: "Vị Đại đức này nắm nghĩa đúng đắn, nhưng hành văn sai lạc", các Người không nên tán thán, không nên bác bỏ. Không tán thán không bác bỏ, các Người nên nói với vị ấy: "Này Hiền giả, giữa những cách hành văn này, nghĩa này hay nghĩa kia, nghĩa nào thích hợp hơn?" Nếu vị ấy trả lời: "Giữa những cách hành văn này, nghĩa này thích hợp hơn nghĩa kia", các Người không nên bác bỏ vị ấy, không nên phỉ báng vị ấy. Không bác bỏ, không phỉ báng, các người phải giải thích một cách cẩn thận cách hành văn cho vị ấy.

21. Này Cunda, có vị đồng Phạm hạnh khác nói pháp giữa Tăng chúng, nếu các Người nghĩ rằng: "Vị Đại đức này nắm nghĩa đúng đắn và hành văn đúng đắn", các Người nên tán đồng và tán thán vị ấy với câu: "Thật là tốt đẹp", các Người phải nói với vị ấy "Thật

là tốt đẹp", các Người phải nói với vị ấy: "Này Hiền giả thật là lợi ích cho chúng tôi, này Hiền giả thật là lợi ích cho chúng tôi; này Hiền giả, thật là may mắn cho chúng tôi; này Hiền giả, thật là may mắn cho chúng tôi, khi chúng tôi thấy một vị đồng Phạm hạnh như Hiền giả, tinh thông nghĩ lý như vậy, tinh thông hành văn như vậy".

22. Này Cunda, một pháp mới, Ta thuyết giảng để ngăn chặn các lậu hoặc ngay trong hiện tại. Này Cunda, Ta không thuyết pháp, chỉ để diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai mà thôi. Này Cunda, Ta thuyết pháp vừa để ngăn chặn các lậu hoặc ngay trong hiện tại mà cũng để diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai nữa.

→ Do vậy, này Cunda, **tâm y** mà Ta cho phép các Người mặc, như vậy vừa đủ cho các Người ngăn chặn lạnh, ngăn chặn nóng, ngăn chặn sự xúc chạm của các loài ruồi muỗi, của gió, mặt trời và các loài rắn, và các che dấu sự hổ thẹn.

→ Các **món ăn khát thực** mà Ta cho phép các Người dùng, như vậy vừa đủ để nuôi dưỡng thân thể, giúp thân thể sống còn, tránh khỏi nguy hại và giúp đời sống Phạm hạnh với hy vọng: "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ củ và

không cho khởi lên các cảm thọ mới. Nhờ vậy đời sống của ta mới khỏi bị lỗi lầm và ta sống an lạc"

→ **Nhà cửa** mà ta cho phép các người an trú như vậy vừa đủ cho các Người ngăn chặn lạnh, ngăn chặn nóng, ngăn chặn sự xúc chạm của ruồi muỗi, gió, mặt trời và các loài rắn, chỉ với mục đích tránh thoát sự nguy hiểm của thời tiết, và an hưởng đời sống tịnh cư.

→ Các **được phẩm và thuốc trị bệnh** mà Ta cho phép các Người dùng, như vậy vừa đủ để ngăn chặn các cảm thọ đau ốm khởi lên và để gìn giữ sức khỏe.

23. Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra, các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Các Sa-môn Thích tử sống đam mê hỷ lạc*".

→ Nay Cunda, nếu được nói như vậy, các du sĩ ngoại đạo phải được trả lời như vậy: "Này Hiền giả, thế nào là đam mê hỷ lạc? Đam mê hỷ lạc có nhiều loại, có nhiều cách". Nay Cunda, **bốn loại đam mê hỷ lạc này là thấp kém, hạ liệt, thuộc phạm phu, không xứng Thánh hạnh**, không có lợi ích, không hướng đến yểm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn.

Thế nào là bốn?

- Nay Cunda, ở đây có người ngu si, sau khi sát sanh, tự mình sung sướng hoan hỷ, đó là hỷ lạc thứ nhất.
- Lại nữa, nay Cunda, ở đây có người sau khi lấy của không cho, tự mình sung sướng, hoan hỷ, đó là hỷ lạc thứ hai.
- Lại nữa nay Cunda, ở đây có người sau khi nói láo, tự mình sung sướng hoan hỷ, đó là hỷ lạc thứ ba.
- Lại nữa nay Cunda, ở đây có người say đắm, đam mê sống vây quanh với năm món dục lạc, đó là hỷ lạc thứ tư.

Này Cunda, bốn loại hỷ lạc này là thấp kém, hạ liệt, thuộc phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không có lợi ích, không hướng đến yểm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn.

24. Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra, các ngoại đạo có thể hỏi: "*Các Sa-môn Thích tử có phải sống đam mê bốn loại hỷ lạc này không?*"

→ Họ cần phải được trả lời: "Chớ có nói như vậy. Các ông nói như vậy là nói không đúng đắn. Nói

nư vậy là các ông xuyên tạc, không đúng sự thật, không thực có". Này Cunda, có bốn loại hỷ lạc nhất định đưa đến yểm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bốn?

- Này Cunda, ở đây vị Tỷ-kheo, ly dục, ly ác pháp, chứng và an trú Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Đó là hỷ lạc thứ nhất.
- Lại nữa này Cunda, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tình nhất tâm. Đó là hỷ lạc thứ hai.
- Lại nữa này Cunda, vị Tỷ-kheo ly hỷ... Đó là hỷ lạc thứ ba.
- Lại nữa này Cunda, vị Tỷ-kheo xả lạc... Đó là hỷ lạc thứ tư. Này Cunda, bốn loại hỷ lạc nhất định đưa đến yểm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Các vị Sa-môn Thích tử đang sống đắm mê bốn loại hỷ lạc này". Họ cần phải được trả lời: "Nói như vậy là phải; các ông nói như vậy là nói đúng đắn. Nói như vậy là các ông không xuyên tạc, đúng sự thật, và thực có".

25. Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Này Hiền giả, những ai sống đam mê theo bốn loại hỷ lạc ấy có thể mong đợi kết quả gì, lợi ích gì?*"

→ Được nói vậy, phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo như sau: "*Này Hiền giả, những ai sống đam mê bốn loại hỷ lạc ấy, có thể mong đợi bốn kết quả, bốn sự lợi ích. Thế nào là bốn?*"

- Nay Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo diệt trừ ba kiết sử, **được nhập vào dòng Thánh**, không còn bị đọa lạc, nhất định sẽ được giác ngộ. Đó là kết quả thứ nhất.
- Lại nữa này Hiền giả, vị Tỷ-kheo diệt trừ ba kiết sử, làm muội lược tham, sân, si, chứng **bậc Nhất lai**, chỉ còn trở lại đời này một lần nữa trước khi diệt tận khổ đau. Đó là kết quả thứ hai, lợi ích thứ hai.
- Lại nữa, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo **diệt trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh** ở tại chỗ ấy mà nhập Niết-bàn, không còn phải trở lại đời này nữa. Như vậy là kết quả thứ ba, lợi ích thứ ba.
- Lại nữa, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo **diệt trừ các lậu hoặc**, tự mình chứng tri, chứng ngộ và an trú ngay trong hiện tại vô lậu Tâm giải thoát,

Tuệ giải thoát. Như vậy là kết quả thứ tư.

Này Hiền giả, vị nào sống đam mê bốn loại hỷ lạc này, có thể mong đợi bốn kết quả, bốn lợi ích như vậy".

26. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Các Sa-môn Thích tử sống không giữ vững lập trường*".

Này Cunda, các vị du sĩ ngoại đạo nói vậy cần phải được trả lời như sau: "Này Hiền giả, Thế Tôn, vị đã biết, đã thấy, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thuyết, đã trình bày những pháp cho các đệ tử cho đến trọn đời. *Này Hiền giả, giống như cột trụ bằng đá hay bằng sắt, chân cột được khéo chôn sâu vào đất, không lắc qua lại, không có rung động*."

Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã diệt trừ các lậu hoặc, phạm hạnh đã thành, các việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã diệt trừ, chánh trí giải thoát, không thể làm chín việc sau đây:

10. Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc, không thể cố ý tước đoạt sanh mạng của loài hữu tình;

11. Vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc không thể lấy của không cho, tức là ăn trộm;
12. Vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc không thể hành dâm;
13. Vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc, không thể biết mà nói láo;
14. Vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc không thể cất chứa tiền của để hưởng thọ dục lạc, như khi còn tại gia;
15. Vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc không thể đi con đường hành tham;
16. Vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc không thể đi con đường hành sân;
17. Vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc, không thể đi con đường hành si;
18. Vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc, không thể đi con đường hành theo sợ hãi.

Này Hiền giả, một vị Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, đã diệt tận các lậu hoặc, (Phạm hạnh) đã thành, các việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã diệt trừ, chánh trí giải thoát, không thể làm chín việc như vậy".

27. Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói như sau: *"Đối với quá khứ, Sa-môn Gotama có tri kiến siêu việt. Nhưng đối với tương lai, Sa-môn Gotama không có tri kiến siêu việt; như sự việc xảy ra như thế nào và vì sao lại xảy ra như vậy?"* Như vậy, các vị du sĩ ngoại đạo này chủ trương rằng tri kiến về vấn đề này có thể được trình bày nêu rõ bởi tri kiến một vấn đề khác, như những kẻ ngu si không thông minh khác.

- Nay Cunda, về vấn đề quá khứ, Như Lai có thức nhớ đến đời sống quá khứ. Ngài muốn như thế nào, Ngài có thể nhớ xa được như vậy.

- Về vấn đề vị lai, Như Lai có trí do tuệ sanh: "Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn đời sống nào khác nữa".

28.

- Nay Cunda, nếu những gì thuộc quá khứ là hư vọng, không thật, không lợi ích, Như Lai không trả lời.

- Nay Cunda, nếu những gì thuộc quá khứ là chơn chánh, như thật, nhưng không lợi ích, Như Lai cũng không trả lời.

- Nay Cunda, nếu những gì thuộc quá khứ là

chơn chánh, như thật, có lợi ích, Như Lai biết thời trả lời câu hỏi ấy.

- Này Cunda, nếu những gì thuộc vị lai là hư vọng, không thật, không lợi ích, Như Lai không trả lời.
- Này Cunda, nếu những gì thuộc vị lai là chơn chánh, như thật, nhưng không lợi ích, Như Lai cũng không trả lời.
- Này Cunda, nếu những gì thuộc vị lai là chơn chánh, như thật, có lợi ích, Như Lai biết thời trả lời câu hỏi ấy một cách vắn tắt.
- Này Cunda, nếu những gì thuộc hiện tại là hư vọng, không thật, không lợi ích, Như Lai không trả lời.
- Này Cunda, nếu những gì thuộc hiện tại và chơn chánh, như thật, nhưng không lợi ích, Như Lai cũng không trả lời.
- Này Cunda, nếu những gì thuộc hiện tại là chơn chánh, như thật, có lợi ích, Như Lai biết thời trả lời câu hỏi ấy.

Như vậy, này Cunda, đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, **Như Lai là vị nói phải thời nói chơn chánh, nói như thật, nói có lợi ích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật.** Do vậy mới gọi là Như Lai.

29. Nay Cunda, trong thế giới này với chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, **những gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được phân biệt, được đạt đến, được tìm cầu, được suy đạt với ý, tất cả đều được Như Lai biết rõ.** Do vậy mới gọi là Như Lai.

Nay Cunda, trong thời gian giữa đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh Đẳng Giác và đêm Như Lai nhập Vô dư y Niết-bàn giới, **trong thời gian ấy, những gì Như Lai nói trong khi thuyết giảng, nói chuyện hay trình bày, tất cả là như vậy, chớ không gì khác.** Do vậy mới gọi là Như Lai.

Nay Cunda, **Như Lai nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy.** Nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy nên được gọi là Như Lai.

Đối với thế giới với chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, **Như Lai là bậc Toàn Thắng, không ai có thể thắng nổi, bậc Toàn kiến, bậc Tự Tại.**

30. Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: *"Thế nào Hiền giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết không. Như vậy là đúng sự thực,*

ngoài ra là sai lầm?" Nay Cunda, được nói vậy, Người phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Như Lai không có nói: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm!"

Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Thế nào Hiền giả, Như Lai không có tồn tại sau khi chết, có phải không? Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm?"* Nay Cunda, được nói vậy, Người phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Như Lai không có nói: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm!"

Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Thế nào Hiền giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm?"* Nay Cunda được nói vậy, Người phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Như Lai không có nói: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm!"

31. Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Này Hiền giả, vì sao Sa môn Gotama lại không nói?"* Nay Cunda, được nói vậy,

Người phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Này Hiền giả, vì không liên hệ đến lợi ích, không liên hệ đến Pháp, không liên hệ đến căn bản Phạm hạnh, không hướng đến yếm ly, vô tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết bàn. Do vậy Thế Tôn không trả lời."

32. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Này Hiền giả, Sa môn Gotama nói điều gì?*" Này Cunda, được nói vậy, Người phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "**Đây là Khổ, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói. Đây là Khổ tập, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói. Đây là Khổ diệt, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói. Đây là con đường đưa đến Khổ diệt, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói.**"

33. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Này Hiền giả, vì sao Thế Tôn lại nói vậy?*" Này Cunda, được nói như vậy, Người phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo như sau: "Này Hiền giả, vì liên hệ đến lợi ích, liên hệ đến Pháp, liên hệ đến căn bản Phạm hạnh, vì nhất định hướng đến yếm ly, vô tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết bàn. Do vậy, Thế Tôn mới nói."

34. Này Cunda, mọi biện luận về các tà kiến liên hệ

đến quá khứ tối sơ, những biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi. Còn những biện luận nào không đáng nói cho các Ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các Ngươi? Nay Cunda, mọi biện luận về các tà kiến liên hệ đến tương lai, những biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi. Còn những biện nào không đáng nói cho các Ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các Ngươi?

Này Cunda, thế nào là những biện luận về tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ, những biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi, và những biện luận không đáng nói cho các Ngươi?

Này Cunda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau: "Bản ngã và thế giới là thường còn, như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm". Có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau:

- "Bản ngã và thế giới là không thường còn...
- "Bản ngã và thế giới là thường còn và không thường còn...
- "Bản ngã và thế giới là không thường còn và không không thường còn...

- "Bản ngã và thế giới là do mình tự tạo ra...
- "Bản ngã và thế giới là do người khác tạo ra...
- "Bản ngã và thế giới là do mình tạo ra và do người khác tạo ra...
- "Bản ngã và thế giới là không do mình tự tạo ra và cũng không phải không do mình tự tạo ra...
- "Bản ngã và thế giới là tự nhiên sanh, không do mình tự tạo ra, không do người khác tạo ra. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra sai lầm.
- "Lạc, khổ là thường còn...
- "Lạc, khổ là vô thường...
- "Lạc, khổ là thường còn và vô thường...
- "Lạc, khổ là do tự mình tạo ra...
- "Lạc, khổ là do người khác tạo ra...
- "Lạc, khổ là do tự nhiên sanh, không do mình tự tạo ra, không do người khác tạo ra. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra đều là sai lầm".

35. Nay Cunda, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có quan điểm như sau, có tri kiến như sau: "Bản ngã và thế giới là thường còn, như vậy là đúng sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". Ta đến những vị ấy và nói: "Này

Hiền giả có phải Hiền giả nói rằng: "Bản ngã và thế giới là thường còn" không?" Nếu các vị ấy trả lời: "Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra đều là sai lầm", thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Có một số hữu tình có những tư tưởng sai khác. Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta, chớ đừng nói cao hơn. Như vậy ở đây Ta cao hơn về thượng trí.

36. Nay Cunda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có quan điểm như sau, có tri kiến như sau: "Bản ngã và thế giới là thường còn...

"Bản ngã và thế giới là vô thường...

"Bản ngã và thế giới là thường còn và vô thường...

"Bản ngã và thế giới là không thường còn và không không thường còn...

"Bản ngã và thế giới là do mình tự tạo ra...

"Bản ngã và thế giới là do người khác tạo ra...

"Bản ngã và thế giới là do tự mình tạo ra và do người khác tạo ra..." "Bản ngã và thế giới là do tự mình tạo ra và không do người khác tạo ra. "Bản ngã và thế giới do tự nhiên sanh, không do mình tự tạo, không

do người khác tạo ra...

"Lạc, khổ là thường còn...

"Lạc, khổ là vô thường...

"Lạc, khổ là thường còn và vô thường...

"Lạc, khổ không thường còn và không vô thường...

"Lạc, khổ là tự mình tạo ra...

"Lạc, khổ là tự người khác tạo ra...

"Lạc, khổ là tự mình tạo ra và tự người khác tạo ra...

"Lạc, khổ là tự nhiên sanh, không tự mình tạo ra và không do người khác tạo ra. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra đều là sai lầm".

Ta đến những vị ấy và nói: Này Hiền giả, có phải Hiền giả nói rằng: "Lạc, khổ là tự nhiên sanh, không tự mình tạo ra và không do người khác tạo ra?" Nếu các vị ấy trả lời: "Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra đều là sai lầm", thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Có một số hữu tình có những ý tưởng sai khác. Này Cunda Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta, chớ đừng nói cao hơn.

Như vậy ở đây Ta cao hơn về thượng trí.

Này Cunda, những biện luận về các tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ này, biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi. Còn những biện luận nào không đáng nói cho các Ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các Ngươi?

37. Này Cunda, thế nào là những biện luận về tà kiến liên hệ đến tương lai, những biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi; và những biện luận không đáng nói cho các Ngươi?

- Này Cunda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau: "Bản ngã là có sắc, không bệnh, sau khi chết. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm".
- Lại nữa này Cunda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau:
- "Bản ngã là vô sắc...
- "Bản ngã là không phải sắc, không phải vô sắc...
- "Bản ngã là có tướng...

- "Bản ngã là vô tướng..."
- "Bản ngã là không có tướng, không vô tướng..."
- "Bản ngã là đoạn diệt, biến hoại, sau khi chết không có tồn tại, như vậy là đúng sự thật ngoài ra là sai lầm".

38. Nay Cunda, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có quan điểm như sau, có tri kiến như sau: "Bản ngã là có sắc, không bệnh sau khi chết. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm", Ta đến những vị ấy và nói: "Này Hiền giả có phải Hiền giả có nói: "Bản ngã là có sắc, không có bệnh sau khi chết?" Nếu các vị ấy trả lời: "Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm", thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Này Cunda, vì có một số hữu tình có những tư tưởng sai khác. Này Cunda, Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta, chớ đừng nói cao hơn. Như vậy ở đây, Ta cao hơn về thương trí.

39. Nay Cunda, có những Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau:

"Bản ngã là vô sắc..."

"Bản ngã là có sắc và vô sắc..."

"Bản ngã là không có sắc và không không có sắc..."

"Bản ngã là có tướng..."

"Bản ngã là không tướng..."

"Bản ngã là không có tướng và không không có tướng..."

"Bản ngã là đoạn diệt, biến hoại, sau khi chết không có tồn tại. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm".

Ta đến những vị ấy và nói: "Này Hiền giả, có phải Hiền giả nói rằng: "Bản ngã là đoạn diệt biến hoại, sau khi chết không có tồn tại?" Này Cunda nếu những vị ấy nói: "Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm", thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Vì có một số hữu tình có những tư tưởng sai khác. Này Cunda, Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta chớ đừng nói cao hơn. Như vậy ở đây, Ta cao hơn về thượng trí.

Này Cunda, những biện luận về những tà kiến liên hệ đến tương lai, những biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi. Còn những biện luận nào không đáng nói cho các Ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các Ngươi?

40. Này Cunda, **với mục đích đoạn trừ và vượt qua**

những biện luận về các tà kiến liên hệ đến quá khứ
tối sơ này và các biện luận về các tà kiến liên hệ đến
tương lai này, **mà bốn pháp Niệm xứ được ta
truyền thuyết, trình bày.** Thế nào là bốn?

Này Cunda, ở đây vị Tỷ kheo sống quan thân trên
thân, tinh thần, tỉnh giác, chánh niệm, với mục đích
nhiếp phục tham, sân ở đời, sống quán thọ trên các
cảm thọ... trong các tâm... quán pháp trên các pháp,
tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm, với mục đích nhiếp
phục tham, sân ở đời.

→ Này Cunda, với mục đích đoạn trừ và vượt qua
các biện luận về các tà kiến liên hệ đến quá khứ
tối sơ này và các biện luận về các tà kiến liên hệ
đến tương lai này mà **bốn Niệm xứ** được Ta
truyền thuyết trình bày.

41. Lúc bấy giờ, Tôn giả Upavàna đang đứng sau
lưng hầu quạt Thế Tôn. Tôn giả Upavàna bạch Thế
Tôn:

- Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật kỳ diệu thay,
bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, pháp thoại này thật là
thanh tịnh! Bạch Thế Tôn, pháp thoại này thật là
tuyệt đối thanh tịnh! Bạch Thế Tôn, pháp thoại này
tên là gì?

- Nay Upavàna, **pháp thoại này là Thanh tịnh** (Pàsàdikà), hãy như vậy mà phụng trì.

Thế Tôn thuyết dạy như vậy. Tôn giả Upavàna hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

87 Thấy nghe vô thượng - Kinh TRÊN TẤT CẢ – Tăng III, 74

TRÊN TẤT CẢ –Tăng III, 74

1. - Nay các Tỷ-kheo, có **sáu pháp vô thượng** này.
2. Thế nào là sáu?

- **Thấy** vô thượng,
- **Nghe** vô thượng,
- **Lợi đắc** vô thượng,
- **Học tập** vô thượng,
- **Phục vụ** vô thượng,
- **Tùy niệm** vô thượng.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là thấy vô thượng?

3. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người đi xem voi báu, đi xem ngựa báu, đi xem châu báu, hay đi xem các vật lớn nhỏ, hay đi xem Sa-môn, hay Bà-la-môn có tà kiến, có tà hạnh. Nay các Tỷ-kheo, đây có phải là thấy không? Ta nói rằng: Đây là không thấy". Sự thấy ấy, nay các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phù, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, *ai đi yết kiến Thế Tôn hay đệ tử Thế Tôn, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín*, thời này các Tỷ-kheo, đây là thấy vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là đi yết kiến Như Lai hay đệ tử Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thấy vô thượng, đây là thấy vô thượng.

Còn *nghe vô thượng* là gì?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người đi nghe tiếng trống, đi nghe tiếng sáo, đi nghe tiếng ca, hay đi nghe tiếng cao thấp khác nhau, hay đi nghe pháp các Samôn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây có phải là nghe không? Ta nói rằng: "Đây là không nghe". Sự nghe ấy, này các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, *ai đi để nghe pháp của Như Lai hay của đệ tử Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín* thời này, các Tỷ-kheo, đây là nghe vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ

ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là đi nghe pháp của Như Lai hay của đệ tử Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là nghe vô thượng, đây là thấy vô thượng, nghe vô thượng.

Còn lợi đặc vô thượng là gì?

5. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người được con, được vợ, được tài sản, được các vật cao thấp khác nhau, được lòng tin vào các Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Nay các Tỷ-kheo, đây có lợi đặc hay không? Ta nói rằng: "Đây là không lợi đặc". Lợi đặc ấy, nay các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Nay các Tỷ-kheo, *ai được lòng tin vào Như Lai hay của đệ tử Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín* thời nay các Tỷ-kheo, đây là đặc lợi vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là được lòng tin vào Như Lai hay của đệ tử Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là lợi đặc vô thượng, đây là thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi đặc vô thượng.

Còn học tập vô thượng là gì?

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người học tập về voi, học tập về ngựa, học tập về xe, học tập về cung pháp, học tập về kiếm pháp, học tập về các nghề cao thấp sai biệt hay học tập theo các Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây là có học tập hay không? Ta nói rằng: "Đây là không học tập". Học tập ấy, này các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, *ai học tập Tăng thượng giới, học tập tăng thượng định, học tập tăng thượng tuệ trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín*, này các Tỷ-kheo, đây là học tập vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là học tập Tăng thượng giới, học tập tăng thượng định, học tập tăng thượng tuệ trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là học tập vô thượng, đây là thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi đắc vô thượng, học tập vô thượng.

Còn phục vụ vô thượng là như thế nào?

7. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người phục vụ Sát-đế-ly, phục vụ Bà-la-môn, phục vụ gia chủ, phục vụ các người cao thấp sai biệt hay phục vụ Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây là có phục vụ hay không? Ta nói rằng: "Đây là không phục vụ". Phục vụ ấy, này các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, *ai phục vụ Như Lai hay đệ tử Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín*, này các Tỷ-kheo, đây là phục vụ vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là phục vụ Như Lai hay đệ tử Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là phục vụ vô thượng, đây là thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi đắc vô thượng, học tập vô thượng, phục vụ vô thượng.

Và thế nào là tùy niệm vô thượng?

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tùy niệm được con, tùy niệm được vợ, tùy niệm được tài sản, tùy niệm được cao thấp sai biệt, tùy niệm Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây là có tùy niệm hay không? Ta nói rằng: "Đây là

không tùy niệm". Tùy niệm ấy, này các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, *ai tùy niệm Như Lai hay đệ tử Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín*. Này các Tỷ-kheo, tùy niệm ấy là vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là tùy niệm Như Lai hay đệ tử Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tùy niệm vô thượng.

Này các Tỷ-kheo, có sáu tùy niệm này:

*Ai được thấy tối thắng,
Và được nghe vô thượng,
Được lợi đắc vô thượng,
Vui học tập vô thượng,
An trú trong phục vụ,
Tu tập chuyên tùy niệm,
Liên hệ đến viễn ly,
Đạt an ổn, bất tử,
Hoan hỷ, không phóng dật,
Thận trọng, hộ trì giới,
Khi thời đã chín muồi*

Đau khổ được đoạn tận.

88 Thấy pháp là thấy Ta - Kinh PHÁP LUỘC THUYẾT – Tăng III, 683

PHÁP LUỘC THUYẾT – Tăng III, 683

1. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Lành thay! bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

- Như vậy, ở đây, một số người ngu si, thỉnh cầu Ta, sau khi pháp được giảng, **họ nghĩ Ta là người họ cần phải đi theo.**

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, Thiện Thệ hãy thành phố vắn tắt. Con có thể hiểu được ý nghĩa lời của Thế Tôn thuyết giảng. Con có thể trở thành kẻ thừa tự lời Thế Tôn thuyết giảng.

2.- Vậy này Tỷ-kheo, **Thầy cần phải học tập như sau:**

"Nội tâm ta sẽ an trú, khéo vững trú. Các pháp ác, bất thiện khởi không có xâm chiếm tâm và không có

chân đứng". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

3. Này Tỷ-kheo, khi nào nội tâm của Thầy được an trú, khéo vững trú, các pháp ác, bất thiện sanh khởi xâm chiếm tâm và có chân đứng, khi ấy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Từ tâm giải thoát sẽ được ta tu tập, làm cho sung mãn, làm thành cố xe, làm thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

4. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

1. Thầy cần phải tu tập định này với tâm với tứ.
2. Cần phải tu tập không tâm, chỉ với tứ.
3. Cần phải tu tập không tâm, không tứ.
4. Cần phải tu tập có hỷ.
5. Cần phải tu tập không hỷ.
6. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
7. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Bi tâm giải thoát sẽ được Thầy tu tập ... Hỷ tâm giải thoát sẽ được Thầy tu tập ... Xả tâm giải thoát sẽ được Thầy tu tập, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

5. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

1. Thầy cần phải tu tập định này với tâm với tứ.
2. Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.
3. Cần phải tu tập không tầm, không tứ.
4. Cần phải tu tập có hỷ.
5. Cần phải tu tập không hỷ.
6. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
7. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Ta sẽ sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

6. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

1. Thầy cần phải tu tập định này với tâm với tứ.
2. Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.
3. Cần phải tu tập không tầm, không tứ.
4. Cần phải tu tập có hỷ.
5. Cần phải tu tập không hỷ.
6. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
7. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Ta sẽ sống quán tho trên các cảm thọ ... quán tâm trên các tâm ... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

7. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

1. Thầy cần phải tu tập định này với tầm với tứ.
2. Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.
3. Cần phải tu tập không tầm, không tứ.
4. Cần phải tu tập có hỷ.
5. Cần phải tu tập không hỷ.
6. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
7. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, chỗ nào, chỗ nào Thầy đi, chỗ ấy Thầy đi được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ đứng, chỗ ấy Thầy đứng được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ ngồi, chỗ ấy Thầy ngồi được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ nằm, chỗ ấy Thầy sẽ nằm được an ổn.

8. Tỷ-kheo ấy, được Thế Tôn giáo giới với bài giáo giới này, từ chỗ ngồi, đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Tỷ-kheo ấy sống một mình, thanh tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng đạt được mục đích mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đây là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình chứng tri với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành. Những

việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán.

89 Thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp - Kinh AMBATTHA – 3 Trường I, 159

KINH AMBATTHA – Bài kinh số 3 – Trường I, 159

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn đang du hành tại nước Kosala (Câu tát la), cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị và đến tại một làng Bà-la-môn ở Kosala tên là Icchànakala. Tại đây, Thế Tôn ở tại Icchànakala trong khu rừng tên là Icchànakala.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi ở tại Ukkattha, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, ngũ cốc phong phú, vốn là đất đai của vua, sau vua Pasenadi (Ba tư nặc) cấp cho để hưởng một phần lợi tức.

2. Bà-la-môn Pokkharasàdi nghe đồn: Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích ca, nay đang du hành tại nước Kosala, cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến Icchànakala, ở tại Icchànakala trong khu rừng tên

là Icchànakala. Những tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài đã tự chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, tự chứng ngộ rồi hiển thị cho mọi loài được biết, Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, trình bày phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy thì rất quý".

3. Lúc bấy giờ, thanh niên Ambattha là đệ tử của Bà-la-môn Pokkharasàdi, một vị đọc tụng Thánh điển, chấp trì chú thuật, tinh thông ba tập Vệ-đà với tự vựng, lễ nghi, giữ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Vị này độc đáo về ba minh và được công nhận như vậy khiến các thân giáo sư phải nói: "Điều gì ta biết, người cũng biết; điều gì người biết, ta cũng biết".

4. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với thanh niên Ambattha:

– "Này Ambattha thân yêu, Sa-môn Gotama

là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích ca, nay đang du hành tại nước Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến tại Icchànakala trú tại Icchànakala. Những tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Phật, Thế Tôn. Ngài đã chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, tự chứng ngộ rồi hiển thị cho mọi loài được biết. Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, trình bày phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy thì rất quý".

Này Ambattha thân yêu, hãy đi đến gặp Sa-môn Gotama, và tìm hiểu lời đồn về Tôn giả Gotama là như vậy hay không phải như vậy. Nhờ vậy, chúng ta sẽ được biết về Tôn giả Gotama".

5. - Làm thế nào con được biết về Tôn giả Gotama, được biết lời đồn về Tôn giả Gotama như vậy là đúng hay không, có phải Tôn giả Gotama là như vậy, hay không phải như vậy?

- Ambattha thân yêu, theo truyền thống của chúng ta về ba mươi hai tướng của vị đại nhân, những ai có ba mươi hai tướng ấy sẽ chọn trong hai con đường, không có đường nào khác. Nếu là tại gia, sẽ thành vị

Chuyển luân Thánh vương chinh phục mọi quốc độ, đầy đủ bảy châu báu. Bảy món báu này là xe báu, voi báu, ngựa báu, ma ni báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Và vị này có hơn một ngàn con trai, là những vị anh hùng, oai phong lẫm liệt, chiến thắng ngoại quân. Vị này sống, thống lãnh quả đất cùng tận cho đến đại dương, và trị vì với chánh pháp, không dùng gậy, không dùng dao. Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị này sẽ chứng quả A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, quét sạch mê lầm ở đời. Nay Ambattha thân yêu, ta đã cho con chú thuật. Con đã nhận những chú thuật ấy.

6.- Thừa vâng.

Thanh niên Ambattha vâng theo lời của Bà-la-môn Pokkharasàdi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Bà-la-môn Pokkharasàdi, hướng thân về phía hữu, cỡi xe ngựa cái và cùng một số đông thanh niên khác đi đến khu rừng Icchànakala. Đi xe đến chỗ còn đi được xe, Ambattha liền xuống xe đi bộ và đến tại tịnh xá.

7. Lúc bấy giờ một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành ngoài trời. Thanh niên Ambattha liền đến các Tỷ-kheo ấy và hỏi: "Các Hiền giả, nay Tôn giả Gotama ở tại chỗ nào? Chúng tôi đến đây để yết kiến

Tôn giả Gotama".

8. Các Tỷ-kheo liền nghĩ: "Thanh niên Ambattha này thuộc một gia đình có danh tiếng, là đệ tử của Bà-la-môn Pokkharasàdi, một vị cũng có danh tiếng. Một cuộc đối thoại như vậy giữa Thế Tôn và con một quý tộc như kia, không có khó khăn gì". Những Tỷ-kheo ấy nói với thanh niên Ambattha: "Này Ambattha, tịnh xá đóng cửa kia là chỗ ở của Ngài. Hãy đến đó một cách yên lặng, không vượt qua hành lang, đằng hắng và gõ vào thanh cửa, Thế Tôn sẽ mở cửa cho ông".

9. Thanh niên Ambattha liền đi đến tịnh xá đóng cửa ấy một cách yên lặng, không vượt quá hành lang, đằng hắng và gõ vào thanh cửa. Thế Tôn mở cửa và thanh niên Ambattha bước vào. Các thanh niên khác cũng bước theo, nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên, còn thanh niên Ambattha thời đi qua đi lại, thốt ra những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi Thế Tôn đang ngồi, hay đứng lại thốt ra những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi Thế Tôn đang ngồi.

10. Lúc bấy giờ Thế Tôn nói với thanh niên Ambattha:

- Có phải, đối với các bậc Bà-la-môn trưởng

lão, đứng tuổi, các bậc giáo sư và tổ sư, người cũng nói chuyện như vậy, như người đã đi qua lại thốt ra những lời hỏi thăm nhất gừng trong khi Ta đang ngồi, hay đứng lại thốt ra những lời hỏi thăm nhất gừng trong khi Ta đang ngồi?

- Không phải vậy, này Gotama. Phải đi mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang đi. Phải đứng mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang đứng. Phải ngồi mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang ngồi. Phải nằm mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang nằm. Chỉ với những vị Sa-môn hèn hạ, trọc đầu, dê tiện, đen đui, sanh từ nơi chân của bà con ta, thì ta mới nói chuyện như vậy, như với người, Gotama".

11. - Này Ambattha, hình như người đến đây với một ý định gì? Người hãy khéo tác ý đến mục đích đã đưa người đến đây. Thanh niên Ambattha này thật vô giáo dục, dầu nó tự cho là có giáo dục. Như vậy là vô giáo dục, có gì khác nữa!

12. Thanh niên Ambattha bị Thế Tôn gọi là vô giáo dục như vậy, liền phẫn nộ, tức tối, muốn nhục mạ Thế Tôn, phỉ báng Thế Tôn, công kích Thế Tôn, và nghĩ: "Sa-môn Gotama có ác ý đối với ta", liền nói

với Thế Tôn:

- Nay Gotama, thô bạo là dòng họ Thích ca; này Gotama, ác độc là dòng họ Thích ca; này Gotama, khinh suất là dòng họ Thích ca; này Gotama hung dữ là dòng họ Thích ca. Là đê tiện, thuộc thành phần đê tiện, dòng họ Thích ca không kính nhường Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn . Nay Gotama, như vậy thật không lẽ, thật không đúng pháp, khi dòng họ Thích ca này, những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn .

Như vậy, thanh niên Ambattha lần đầu tiên đã buộc tội dòng họ Thích ca là đê tiện.

13. - Nay Ambattha, dòng họ Thích ca đã làm gì phật lòng người?

- Nay Gotama, một thời ta đi đến Kapilavatthu (Ca tỳ la vệ) có việc phải làm cho thầy ta là Bà-la-môn Pokkharasàdi, và đến tại công hội trường của dòng họ Thích. Lúc bấy giờ một số đông dòng họ Thích ca và thanh niên Thích ca đang ngồi trên ghế cao tại công hội trường. Chúng cười với nhau, dùng ngón

tay thọc cù nôn với nhau, ta nghĩ chắc chắn ta là mục tiêu cho chúng đùa giỡn với nhau, lại không ai mời ta ngồi. Nay Gotama, như vậy thật không phải lẽ, thật không đúng pháp, khi chúng Thích ca này là những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn .

Như vậy thanh niên Ambattha lần thứ hai đã buộc tội dòng họ Thích ca là đê tiện.

14. - Nay Ambattha, cũng như con chim cáy, con chim cáy con có thể tự hát thỏa thích trong tổ của nó. Nay Ambattha, Kapilavatthu thuộc dòng họ Thích ca. Thật không xứng để cho Ambattha phải phật lòng vì một vấn đề nhỏ mọn này.

15. - Nay Gotama, có bốn giai cấp: Sát đế ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đà-la. Nay Gotama, trong bốn giai cấp này, ba giai cấp Sát-đế-ly, Phệ-xá và Thủ-đà-la là để hầu hạ hạng Bà-la-môn . Nay Gotama, như vậy thật không phải lẽ, thật không đúng pháp khi chúng Thích-ca này là những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện, lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn .

Như vậy, thanh niên Ambattha lần thứ ba đã buộc tội dòng họ Thích ca là đê tiện.

16. Lúc bảy giờ Thế Tôn nghĩ: "Thanh niên Ambattha này đã phỉ báng dòng họ Thích-ca đê tiện một cách quá đáng. Nay ta phải hỏi dòng họ của nó". Rồi Thế Tôn hỏi thanh niên Ambattha:

- Dòng họ ngươi là gì?

- Nay Gotama, dòng họ ta là Kanhàyaana.

- Nay Ambattha, nếu theo phụ mẫu hệ của ngươi về quá khứ, thời dòng họ Thích ca là thầy của ngươi. **Và ngươi là con của một nữ tỳ của dòng họ Thích ca.**

Này thanh niên Ambattha, tổ tiên của Thích ca là vua Okkàka. Thuở xưa, này Ambattha, vua Okkàka muốn trao vương vị cho hoàng tử con bà hoàng hậu chính mà vua thương yêu, bèn đuổi ra khỏi nước những người con đầu của mình là Okkàmukha, Karandu, Hatthiniya, Sinipura. Bị tẩn xuất khỏi nước, những hoàng tử này đến sống tại một khu rừng lớn bên một hồ nước, trên sườn núi Hy-mã-lạp-sơn. Vì sợ huyết thống của mình bị lẫn lộn với huyết thống khác, các vị hoàng tử này ăn nằm với những người chị của mình.

Này Ambattha, một hôm vua Okkàka nói với vị đại thần tùy tùng: "Này các khanh, các hoàng tử hiện nay ở đâu?" - "Bạch Đại vương, có một khu rừng lớn, bên một hồ nước trên sườn núi Hy-mã-lạp-sơn. Nay các hoàng tử ở tại chỗ ấy. Các hoàng tử, vì sợ huyết thống của mình lẫn lộn huyết thống khác nên ăn nằm với những người chị của mình".

Này Ambattha, vua Okkàka liền cảm hứng thốt lời tụng hân hoan: **"Các hoàng tử thật là những Sakya (cứng như lõi cây sồi), các hoàng tử thật là những Sakya xuất chúng"**. Này Ambattha, từ đó trở đi, các hoàng tử được gọi là Sakya và vua Okkàka là vua tổ của dòng họ Thích-ca.

Này Ambattha, vua ấy có một nữ tỳ lên là Disà. Nữ tỳ này sinh hạ một người con da đen. Vừa mới sinh, Kanha liền nói: "Này mẹ, hãy rửa cho con; này mẹ hãy tắm cho con; này mẹ hãy gội sạch đồ bất tịnh này. Và con sẽ giúp ích cho mẹ". Này Ambattha, vì người ta gọi những ác quỷ là ác quỷ nên người ta cũng gọi Kanha là ác quỷ. Chúng nói như thế này: "Đứa trẻ này, vừa mới sanh đã nói. Một Kanha vừa mới sinh". Này Ambattha, từ đó trở đi chữ Kanhàyanà được biết đến. Và Kanha là tổ phụ của dòng họ Kanhàyana. Này Ambattha, nếu theo phụ mẫu hệ của người về quá khứ, thời dòng họ Thích-

ca là thầy của người, và người là con một nữ tỳ của dòng họ Thích ca.

17. Khi Thế Tôn nói vậy, những thanh niên nói với Thế Tôn:

- Này Gotama, chớ có phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ. Này Gotama, thanh niên Ambattha sinh vào quý tộc, thanh niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này.

18. Thế Tôn liền nói với những thanh niên ấy.

- Nếu những thanh niên các người nghĩ: "Thanh niên Ambattha không được sanh vào quý tộc, thanh niên Ambattha không thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha không phải là bậc đa văn, thanh niên Ambattha không phải là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha không phải là nhà bác học, thanh niên Ambattha không thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này", thời thanh niên Ambattha hãy đứng ra một bên và để các thanh niên biện luận với Ta về vấn đề này. Nếu các người nghĩ: "Thanh niên Ambattha được sanh vào quý tộc, thanh

niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có thể biện luận với Gotama về vấn đề này", thời các người hãy đứng ra một bên và để thanh niên Ambattha biện luận với ta về vấn đề này.

19. - Nay Gotama, thanh niên Ambattha được sanh vào quý tộc, thanh niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này. Chúng tôi sẽ đứng im lặng. Thanh niên Ambattha sẽ cùng với Gotama biện luận về vấn đề này.

20. Thế Tôn liền nói với thanh niên Ambattha:

- Nay Ambattha, câu hỏi hợp lý này được đem ra hỏi người dầu không muốn, người cũng phải trả lời. Nếu người không trả lời, hoặc trả lời tránh qua một vấn đề khác, hoặc giữ im lặng, hoặc bỏ đi, thời ngay tại chỗ, **đầu người sẽ bị bể ra làm bảy mảnh.** Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Người có nghe các Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, giáo sư và tổ sư nói đến nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà không? Ai là

tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà?

Nghe nói vậy thanh niên Ambattha giữ im lặng. Lần thứ hai Thế Tôn nói với thanh niên Ambattha:

- Nay Ambattha, nhà ngươi nghĩ thế nào? Ngươi có nghe các nguồn gốc của dòng họ kanhàyanà không? Ai là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà?

Lần thứ hai thanh niên Ambattha giữ im lặng. Thế Tôn lại nói với thanh niên Ambattha:

- Ambattha, nay ngươi phải trả lời, nay không phải thời ngươi giữ im lặng nữa. Nay Ambattha ai được Thế Tôn hỏi đến lần thứ ba một câu hỏi hợp lý mà không trả lời, thời đầu của người ấy sẽ bị bể ra làm bảy mảnh tại chỗ.

21. Lúc bấy giờ, thần Dạ xoa Vajirapàni đang cầm một chùy sắt to lớn, cháy đỏ, sáng chói đứng trên đầu của thanh niên Ambattha với ý định: "Nếu Thế Tôn hỏi đến lần thứ ba, một câu hỏi hợp lý mà thanh niên Ambattha không trả lời, thời ta sẽ đánh bể đầu nó ra làm bảy mảnh". Chỉ có Thế Tôn và thanh niên Ambattha mới thấy thần Dạ xoa Vajirapàni. Thanh niên Ambattha thấy vị thần ấy liền sợ hãi, hoảng hốt, lông dựng ngược, chỉ tìm sự che chở nơi Thế Tôn, chỉ tìm sự hỗ trợ nơi Thế Tôn, liền cúi rạp mình

xuống và bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama đã nói gì? Mong Tôn giả Gotama nói lại cho.

- Ambattha, người nghĩ thế nào? Người có nghe các vị Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, giáo sư và tổ sư nói đến nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà không? Ai là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà?

- Tôn giả Gotama, con đã có nghe, đúng như Tôn giả Gotama đã nói. Chính từ đó nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà. Vị ấy là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà.

22. Khi nghe nói vậy, các thanh niên liền la hét lớn:

- Người ta nói thanh niên Ambattha là tiện sanh, người ta nói thanh niên Ambattha là con dòng không phải quý phái; người ta nói thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ của dòng họ Thích-ca; người ta nói dòng họ Thích-ca là chủ của thanh niên Ambattha. Chúng tôi không nghĩ rằng Sa-môn Gotama mà lời nói bao giờ cũng chân thực, lại không phải là người có thể tin được.

23. Lúc bấy giờ Thế Tôn nghĩ rằng: "Các thanh niên đã phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con

một nữ tỳ rồi. Nay Ta hãy giải tỏa cho Ambattha".
Rồi Thế Tôn nói với các thanh niên:

- Các thanh niên, các người chớ có phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ. Kanha ấy trở thành một tu sĩ vĩ đại. Vị này đi về miền Nam, học các chú thuật Phạm thiên, rồi về yết kiến vua Okkàka và yêu cầu gả công chúa Khuddarupi cho mình. Vua Okkàka vừa giận, vừa tức, mắng rằng: "Người là ai, con đưa nữ tỳ của ta mà dám xin con gái Khuddarupi của ta", và vua liền lấp tên vào cung. Nhưng vua không thể bắn tên đi, cũng không thể cắt mũi tên xuống. Khi bấy giờ, các thanh niên thị giả, các đại thần và tùy tùng đến thưa với ẩn sĩ Kanha:

- "Đại đức, hãy để cho vua an toàn! Đại đức, hãy để cho vua được an toàn!"

- "Nhà vua sẽ được an toàn, và nếu nhà vua bắn mũi tên xuống đất, thời toàn thể quốc độ nhà vua sẽ bị hạn, khô héo!"

- "Đại đức hãy để cho vua được an toàn! Hãy để cho quốc độ được an toàn!"

- "Nhà vua sẽ được an toàn, quốc độ sẽ được an toàn! Nhưng nếu nhà vua bắn tên lên trời, thời toàn thể quốc độ sẽ không mưa trong bảy năm!"

- "Đại đức, hãy để cho nhà vua được an toàn, hãy để cho quốc độ được an toàn! Và hãy để cho trời mưa!"

- "Nhà vua sẽ được an toàn, quốc độ sẽ được an toàn và trời sẽ mưa. Nhưng vua hãy nhắm cây cung đến phía thái tử. Một sợi lông của thái tử cũng sẽ được an toàn!".

Khi bấy giờ, các thị giả trẻ tuổi, các đại thần nói với Okkàka: "Okkàka hãy nhắm cây cung đến phía thái tử. Một sợi lông của thái tử sẽ được an toàn".

Vua Okkàka nhắm cây cung đến phía thái tử và một sợi lông của thái tử cũng được an toàn. Vua Okkàka hoảng sợ, khiếp đảm sự trừng phạt, thuận cho con gái Khuddàrùpi. Đây các thanh niên, chớ có phỉ báng thanh niên Ambattha một cách quá đáng là con của một nữ tỳ. Kanha là một vị ẩn sĩ vĩ đại.

24. Khi bấy giờ, Như Lai nói với thanh niên Ambattha:

- "Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Một thanh niên Sát-đế-ly cưới một thiếu nữ Bà-la-môn. Do sự sum họp ấy, một người con trai được sinh. Một người sanh từ một thanh niên Sát-đế-ly và một thiếu nữ Bà-la-môn có thể thọ lãnh chỗ ngồi hay nước giữa

những người Bà-la-môn không?"

- Tôn giả Gotama, có thể thọ lãnh.

- Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng món đồ ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng cho thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy các chú thuật hay không?

- Tôn giả Gotama, có dạy.

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, mở cửa.

- Và những người Sát-đế-lỵ có quán đánh cho người ấy để thành một Sát-đế-lỵ không?

- Tôn giả Gotama, thưa không.

- Tại sao không?

- Vì nó không được sinh (là Sát đế ly) từ mẫu hệ.

25. - Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Ở đây một thanh niên Bà-la-môn cưới một thiếu nữ Sát-đế-ly.

Do sự sum họp này, một người con trai được sanh. Một người sanh từ một thanh niên Bà-la-môn và một thiếu nữ Sát-đế-ly có thể thọ lãnh chỗ ngồi hay nước giữa những Bà-la-môn hay không?

- Tôn giả Gotama, có thể thọ lãnh.

- Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng các món ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng theo thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không?

- Tôn giả Gotama, có dạy.

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, chúng mở cửa.

- Và những người Sát-đế-ly có làm lễ quán đảnh cho người ấy để thành một Sát-đế-ly không?

- Tôn giả Gotama, thưa không.

- Tại sao vậy?

- Tôn giả Gotama, vì không được sinh (là Sát đế ly) từ phụ hệ.

26. - Nay Ambattha, nếu so sánh đàn bà với đàn bà, đàn ông với đàn ông, thì giai cấp Sát đế ly là ưu, Bà-la-môn là liệt.

Nay Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Ở đây, giả sử do một nguyên nhân gì những người Bà-la-môn cạo đầu một người Bà-la-môn, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố. Người ấy có được thọ lãnh chỗ ngồi và nước giữa những người Bà-la-môn không?

- Tôn giả, không được.

- Và những người Bà-la-môn, có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng các món ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng cho thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, không có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không?

- Tôn giả Gotama, không dạy.

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, đóng cửa.

27. - Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Ở đây giả sử do một nguyên nhân gì, những người Sát đế lỵ cao đầu một người Sát đế lỵ, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố, người ấy có được thọ lãnh chỗ ngồi và nước uống giữa những người Bà-la-môn không?

- Tôn giả Gotama, được thọ lãnh.

- Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết, hay dùng những món ăn cúng dường, hoặc đồ ăn cúng cho thiên thần, hay đồ ăn gửi đến như những tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không?

- Tôn giả Gotama, có dạy:

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, mở cửa.

- Nay Ambattha, đến như vậy là sự đọa lạc tội cùng của người Sát-đế-ly, đã bị những người Sát-đế-ly cạo đầu, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố, như vậy, nay Ambattha, **khí người Sát-đế-ly bị đọa lạc tội cùng, các Sát đế ly vẫn giữ phần ưu thắng và các Bà-la-môn vẫn ở địa vị hạ liệt.**

28. - Nay Ambattha, bài kệ này do **Phạm thiên Sanam Kumàra thuyết:**

"Đối với chúng sanh tin tưởng ở giai cấp, Sát-đế-ly chiếm địa vị tối thắng ở nhân gian.

Những vị nào giới hạnh và trí tuệ đầy đủ, vị này chiếm địa vị tối thắng giữa Người và chư Thiên".

(Xong tụng phẩm thứ nhất).

1. - Tôn giả Gotama, nghĩa chữ Giới hạnh trong bài kệ ấy là gì? Nghĩa chữ Tuệ trong bài kệ ấy là gì?

- Nay Ambattha, một vị đã thành tựu vô thượng trí đức không có luận nghị đến sự thọ sanh, không có luận nghị đến giai cấp hay không có luận nghị đến ngã mạn với lời nói: "Người bằng ta hay người không bằng ta". Chỗ nào nói đến cưới hỏi hay rước dâu đi, hay cả hai, chỗ đó mới có luận nghị đến sự thọ sanh, luận nghị đến giai cấp hay luận nghị đến ngã mạn với lời nói: "Người bằng ta hay không bằng ta".

Này Ambattha, những ai còn chấp trước lý thuyết thọ sanh, còn chấp trước lý thuyết giai cấp, còn chấp trước lý thuyết kiêu mạn, hoặc còn chấp trước cưới hỏi rước dâu, những người ấy còn rất xa sự thành tựu vô thượng trí đức. Này Ambattha, không chấp trước lý thuyết thọ sanh, không chấp trước lý thuyết giai cấp, không chấp trước lý thuyết kiêu mạn, không chấp trước cưới hỏi, đưa dâu, người ấy tức chứng ngộ vô thượng trí đức.

2. - Tôn giả Gotama, thế nào là Giới đức trong bài kệ ấy? Thế nào là Trí tuệ trong bài kệ ấy?

- Ở đây, này Ambattha, Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc:

... (xin xem kinh Sa-môn quả, từ số 40 đến số 98 tới câu: "Không có đời sống nào khác nữa" chỉ khác danh từ xưng hô và câu kết từng đoạn. Như đoạn này, câu kết là "Như vậy, này Ambattha, là vị Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh".)

- Này Ambattha, **như vậy gọi là Tỷ-kheo thành tựu trí tuệ, thành tựu giới đức, thành tựu giới đức và trí tuệ**. Này Ambattha, không có sự thành tựu trí đức nào khác siêu việt hơn, cao thượng hơn sự thành tựu trí đức này.

3. Này Ambattha, có bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu **vô thượng trí đức này. Thế nào là bốn?**

- Này Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, lại mang dụng cụ của nhà đạo sĩ, đi vào rừng sâu và nguyện: **"Ta chỉ ăn trái cây rừng mà sống"**. Nhất định **người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu trí đức**. Này Ambattha, đó là nguyên nhân thứ nhất đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.
- Lại nữa, này Ambattha ở đây có vị Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô

thượng trí đức này, và chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, lại mang theo cuộc và giỏ đi vào rừng sâu và nguyên: "Ta chỉ ăn củ, rễ và trái cây để sống". Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu thượng trí đức. Nay Ambattha, đó là nguyên nhân thứ hai đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

- Lại nữa, nay Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống và chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, lại **nhện lửa tại cuối làng hay sống thờ lửa ấy**. Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu thượng trí đức. Nay Ambattha đó là nguyên nhân thứ ba đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.
- Lại nữa Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt được pháp ăn trái cây rừng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, chưa thấu đạt pháp tôn thờ lửa, lại **xây dựng một ngôi nhà có bốn cửa tại ngã tư đường, sống và nguyên: "Từ bốn phương nếu có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào lại, thì ta**

sẽ cúng dường, tùy theo khả năng, tùy theo sức lực của ta". Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu trí đức. Nay Ambattha, đó là nguyên nhân thứ tư đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

Này Ambattha đó là bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

4. Này Ambattha, người nghĩ thế nào? Người và thầy người có được xem là đã thành tựu vô thượng trí đức này không?

- Bạch không, Tôn giả Gotama. Con và thầy con là gì, Tôn giả Gotama, để có thể so sánh với sự thành tựu vô thượng trí đức. Tôn giả Gotama, con và thầy con còn rất xa sự thành tựu vô thượng trí đức.

- Này Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, nhà người có đem theo dụng cụ của nhà đạo sĩ, đi vào rừng sâu và nguyện: "Ta và thầy ta chỉ ăn trái cây rụng mà sống?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Này Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô

thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, người có mang theo cuốc và giỏ đi vào rừng sâu và nguyện: "Ta và thầy ta chỉ ăn rễ và trái cây để sống không?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, người có nhen lửa tại cuối làng hay cuối xóm và sống thờ lửa ấy với thầy người không?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống và chưa thấu đạt sự thờ lửa, người và thầy người có xây dựng một ngôi nhà có bốn cửa tại ngã tư đường với lời nguyện: "Từ bốn phương, nếu có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào lại, thì ta sẽ cúng dường tùy theo khả năng, tùy theo sức lực của ta không?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha, như vậy người và thầy người còn khiếm khuyết sự thành tựu vô thượng trí đức này, còn khiếm khuyết bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này, Ambattha, thế mà những lời này lại do thầy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi thốt ra: "Những hạng Sa-môn giả hiệu, đầu trọc, dê tiện, đen đui, sanh từ nơi chân bà con ta là ai mà có thể đàm luận với những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ đà". Một vị tự mình chưa thành tựu được những pháp đưa đến sự thất bại (cho những pháp cao thượng hơn). Nay Ambattha, người xem, thầy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi đã lỗi lầm như thế nào?

6. Nay Ambattha, Bà-la-môn Pokkharasàdi hưởng thọ sự cung cấp của vua Pasenadi nước Kosala. Vua Pasenadi nước Kosala cũng không cho phép thầy người diện kiến. Nếu vua hội nghị với thầy người thì chỉ nói thầy người ngang qua một tấm màn. Nay Ambattha, tại sao vua Pasenadi nước Kosala lại không cho phép thầy người diện kiến, người mà vua cung cấp thực phẩm thuần tịnh chân chánh. Nay Ambattha, người xem thầy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi đã lỗi lầm như thế nào?

7. Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Như vua Pasenadi nước Kosala hoặc ngồi trên cỗ voi, hoặc

ngồi trên lưng ngựa, hoặc đứng trên lưng ngựa, hoặc đứng trên tấm thảm xe cùng các vị đại thần hay vương tử, luận bàn quốc sự. Nếu vua rời khỏi chỗ ấy hay đứng qua bên, một người Thủ đà hay đầy tớ của một người Thủ đà đến. Người này cũng đứng tại chỗ ấy, cũng luận bàn quốc sự và nói: "Vua Pasenadi nước Kosala đã nói như vậy". **Dẫu người ấy nói như lời nói của vua, luận bàn như lời luận bàn của vua, người ấy có thể là vua hay là vị phó vương không?**

- "Không thể được, Tôn giả Gotama".

8. Nay Ambattha, nhà ngươi cũng vậy. Thuở xưa, những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật, đã hát, đã nói lên, đã suu tầm, những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vị ẩn sĩ ấy tên là Atthaka (A-sá-ca), Vàmaka (Bà-ma), Vàmadeva (Bà-ma-đề-bà), Vessàmitta (Tì-bà-thảm-sá), Yamataggi (Gia-bà-đề-bà), Angirasa (Ương-kỳ-la). Bhàradvāja (Bạt-la-đà-thảm-xà), Vasettha (Bà-ma-sá) Kassapa (Ca-diếp), Bhagu (Bà-cửu). *Dẫu người có thể nói "Ta, một đệ tử, học thuộc lòng những chú thuật của các vị ấy", chỉ với điều kiện này, người có thể được xem là một vị ẩn sĩ hay đã chứng địa vị của một ẩn sĩ không?* Việc này không thể có

được.

9. Ambattha, người nghĩ thế nào? Người có được nghe những vị Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, những vị giáo sư và tổ sư nói đến không? Thuở xưa những vị ẩn sĩ, giữa các Bà-la-môn, những tác giả của chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn, cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vị ẩn sĩ ấy tên là Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvaja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu. *Những vị ấy có khéo tắm, khéo chải chuốt, tóc và râu khéo sửa soạn, trang điểm với vòng hoa và ngọc, mặc toàn đồ trắng, tận hưởng và tham đắm năm món dục lạc, như người và thầy của người hiện nay không?*

- Không có vậy. Tôn giả Gotama.

10. - *Các vị ẩn sĩ ấy có dùng com nấu từ gạo trắng thượng hạng mà các hạt đen được gạn bỏ ra, dùng các món canh, các món đồ ăn nhiều loại không, như người và thầy người hiện nay không?*

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

- *Hay các vị ấy được những thiếu nữ có đường*

eo và thắt lưng có tua hầu hạ như người và thầy người hiện nay không?

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

- Hay những vị ấy đi trên những xe do những con ngựa cái có bờm, đuôi được bện và dùng những dây roi và gậy dài như người và thầy người hiện nay không?

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

- Hay những vị ấy sống được che chở trong những thành lũy có những chiến hào bao bọc, có những cửa thành hạ xuống, có những chiến sĩ mang gươm dài hộ vệ như người và thầy người hiện nay không?

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

Như vậy, này Ambattha, người và thầy người không phải là một ẩn sĩ, không giống đời sống của nhà ẩn sĩ. Này Ambattha, nếu có gì nghi ngờ, có gì phân vân về Ta, hãy hỏi Ta và Ta sẽ trả lời.

11. Lúc bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi tịnh xá và bắt đầu đi kinh hành. Thanh niên Ambattha đi theo sau Thế Tôn đang đi kinh hành và tìm đếm ba mươi hai tướng

tốt của vị đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài.

12. Khi bảy giờ, Thế Tôn nghĩ rằng: "Thanh niên Ambattha này thấy ở nơi ta gần đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của vị đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài".

Thế Tôn liền dùng thần thông khiến thanh niên Ambattha thấy tướng mã âm tàng của Thế Tôn. Và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai, rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vàng trán. Lúc bảy giờ, thanh niên Ambattha liền nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân, không phải không đầy đủ". Và nói với Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, nay chúng tôi xin đi, chúng tôi rất bận, có nhiều việc cần phải làm".

- Nay Ambattha, hãy làm những gì người nghĩ là phải thời.

Rồi thanh niên Ambattha leo lên xe do ngựa cái kéo và ra đi.

13. Lúc bảy giờ Bà-la-môn Pokkharasàdi ra khỏi

Ukkattha với một đại chúng Bà-la-môn, ngồi tại hoa viên của mình và chờ đợi thanh niên Ambattha. Khi thanh niên Ambattha đi đến hoa viên, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Bà-la-môn pokkharasàdi đang ngồi. Đến xong, thanh niên Ambattha đánh lễ Bà-la-môn Pokkharasàdi và ngồi xuống một bên. Sau khi thanh niên Ambattha ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Pokkharasàdi nói:

14. - Này Ambattha thân mến, người đã thấy Sa-môn Gotama chưa?

- Chúng con thấy Tôn giả Gotama rồi.

- Này Ambattha thân mến, có phải Tôn giả Gotama đúng với tin đồn đã truyền đi, chớ không phải khác?

- Tôn giả Gotama đúng với tin đồn đã truyền đi, chớ không phải khác. Tôn giả Gotama là như vậy, chớ không phải khác. Tôn giả Gotama đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân, chớ không phải thiếu.

- Này Ambattha thân mến, con có cùng với Tôn giả Gotama đàm luận không?

- Con có đàm luận với Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha thân mến, cuộc đàm luận ấy như thế nào?

Thanh niên Ambattha liền thuật cho Bà-la-môn Pokkharasàdi rõ tất cả cuộc hội đàm với Tôn giả Gotama.

15. Nghe nói như vậy, Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với thanh niên Ambattha:

- Người thật là nhà học giả đốn mạt của chúng ta! Người thật là nhà đa văn đốn mạt của chúng ta! Người thật là nhà tinh thông ba quyển Vệ đà đốn mạt của chúng ta. Người ta nói những ai có sự cư xử như vậy, khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh vào cõi ác, đọa xứ, địa ngục. Nay Ambattha, người càng công kích Tôn giả Gotama bao nhiêu, lại càng bị Tôn giả Gotama lật tẩy chúng ta bấy nhiêu. Người thật là nhà học giả đốn mạt của chúng ta! Người thật là nhà đa văn đốn mạt của chúng ta! Người thật là nhà tinh thông ba quyển Vệ đà đốn mạt của chúng ta! Người ta nói, những ai có sự cư xử như vậy, khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh vào cõi ác, đọa xứ, địa ngục.

Bà-la-môn Pokkharasàdi tức giận, bực bội, dùng chân đá thanh niên Ambattha bổ lộn nhào rồi lập tức muốn đi gặp đến Thế Tôn.

16. Khi ấy, những người Bà-la-môn này thưa với Bà-la-môn Pokkharasàdi: "Hôm nay thì giờ đã quá trễ để đi thăm Sa-môn Gotama. Ngày mai Tôn giả Pokkharasàdi hãy đi thăm Sa-môn Gotama".

Tuy vậy, Bà-la-môn Pokkharasàdi vẫn cho làm các món ăn thượng vị, loại cứng loại mềm tại nhà riêng, chở trên các xe, và dưới ánh sáng của những ngọn đuốc từ Ukkattha đi ra và đi đến khóm rừng Icchànankala. Vị này đi xe cho đến chỗ còn đi xe được rồi xuống xe đi bộ đến Thế Tôn. Khi đi đến, liền nói với Thế Tôn những lời hỏi thăm xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với Thế Tôn:

17. - Tôn giả Gotama, đệ tử của chúng tôi, thanh niên Ambattha có đến đây không?

- Nay Bà-la-môn, đệ tử người, thanh niên Ambattha có đến đây.

- Tôn giả Gotama, Ngài có cùng với thanh niên Ambattha đàm luận không?

- Nay Bà-la-môn, ta có đàm luận với thanh niên Ambattha.

- Tôn giả Gotama, cuộc đàm luận của Ngài

với thanh niên Ambattha như thế nào?

Cuộc đàm luận với thanh niên Ambattha như thế nào, Thế Tôn kể lại tất cả cho Bà-la-môn Pokkharasàdi.

Nghe nói vậy, Bà-la-môn nói với Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, thanh niên Ambattha thật là ngu si! Tôn giả Gotama, hãy tha thứ cho thanh niên Ambattha!

- Này Bà-la-môn, cầu cho thanh niên Ambattha được hạnh phúc.

18. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi tìm đếm ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân trên thân Thế Tôn. Bà-la-môn thấy gần đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân trên thân Thế Tôn, trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của bậc đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, hai tướng là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài.

19. Lúc bấy giờ Thế Tôn nghĩ rằng: "Bà-la-môn Pokkharasàdi thấy gần đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân ở nơi Ta, trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của bậc đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự

sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài". Thế Tôn liền dùng thần thông khiến Bà-la-môn Pokkharasàdi thấy tướng mã âm tàng của Thế Tôn. Và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai, rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vàng trán.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi nghĩ rằng: "Sa môn Gotama có đầy ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân, không phải không đầy đủ", liền nói với Thế Tôn: "Hôm nay xin mời Tôn giả Gotama cùng chúng Tỷ-kheo đến dùng cơm với con". Thế Tôn nhận lời với sự im lặng.

20. Khi Bà-la-môn Pokkharasàdi được biết Thế Tôn đã nhận lời liền báo thì giờ cho Thế Tôn: Tôn giả Gotama, cơm đã sẵn sàng. Khi ấy Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát, và cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến cư xá của Bà-la-môn Pokkharasàdi. Khi đi đến, liền ngồi trên chỗ soạn sẵn. Bà-la-môn Pokkharasàdi tự tay làm cho Thế Tôn thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm, còn các thanh niên Bà-la-môn thì tiếp đãi chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi, sau khi biết Thế Tôn dùng cơm đã xong, đã rửa tay và bát, liền lấy một ghế ngồi thấp khác và ngồi xuống một bên.

21. Thế Tôn liền thứ lớp giảng pháp cho Bà-la-môn Pokkharasàdi đang ngồi một bên nghe, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Pokkharasàdi đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phân khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ, tức là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng như tấm vải thuần bạch, được gột rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, chính chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Pokkharasàdi: **"Phàm pháp gì được tập khởi lên đều bị tiêu diệt"**.

22. Khi ấy Bà-la-môn Pokkharasàdi, thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư. Bà-la-môn Pokkharasàdi liền bạch Phật:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Tôn giả

Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Tôn giả Gotama, con, con của con, vợ của con, tùy tùng của con, bạn hữu của con, xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Như Tôn giả Gotama đến thăm các gia đình cư sĩ khác ở Ukkattha, mong Tôn giả Gotama cũng đến thăm các gia đình Pokkharasàdi. Tại đây, các thanh nam hay thanh nữ Bà-la-môn sẽ đánh lễ Thế Tôn Gotama, hoặc đứng dậy, hoặc mời chỗ ngồi, hoặc mời nước, hoặc khiến tâm hoan hỷ. Như vậy chúng sẽ hưởng hạnh phúc, lợi ích trong một thời gian lâu dài.

- Nay Bà-la-môn lời người nói thật là chí thiện.

90 Thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp - Kinh BRAHMAYU – 91 Trung II, 643

KINH BRAHMAYU (Brahmayu sutta)

– Bài kinh số 91 – Trung II, 643

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở Videha, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Brahmayu trú tại Mithila (Di-tát-la) già yếu, niên cao, mập lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã gần mãn cuộc đời, tuổi đã đến một trăm hai mươi, một vị đọc tụng Thánh điển, chấp trì chú thuật, tinh thông ba tập Veda, với tự vựng, lễ nghi, ngũ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thể luận và Đại nhân tướng.

Bà-la-môn Brahmayu có nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sakya (Thích-ca) đang du hành ở Videha, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị". Tiếng đồn tốt

đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài Trời và loài Người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ, Ngài tuyên dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, trong sạch. **Tốt đẹp thay sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy! "**

Lúc bấy giờ đệ tử của Bà-la-môn Brahmayu là thanh niên Uttara... một vị tinh thông ba tập Veda... (như trên)... và Đại nhân tướng. Rồi Bà-la-môn Brahmayu bảo thanh niên Uttara:

– Này Uttara thân mến, Sa-môn Gotama này là Thích tử... Chánh Đẳng Giác... (như trên)... Thật tốt đẹp thay được yết kiến một vị A-la-hán như vậy. Uttara thân mến, hãy đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến **hãy tìm hiểu Sa-môn Gotama, có phải là Tôn giả Gotama như tiếng đã đồn, hay là không phải, hay là Tôn giả Gotama như thế này, hay là không phải như thế này**. Chính nhờ Ông mà chúng ta biết về Tôn giả Gotama. Ta cũng vậy, tùy theo điều Ông nói, ta sẽ

biết Tôn giả Gotama có phải là Tôn giả Gotama như tiếng đã đồn, hay là không phải, hay là Tôn giả Gotama như thế này, hay là không phải như thế này.

Này Uttara thân mến, theo Thánh điển của chúng ta được truyền lại về ba mươi hai Đại nhân tướng, những ai có ba mươi hai tướng ấy sẽ chọn một trong hai con đường, không có con đường nào khác: Nếu là tại gia, sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương chinh phục mọi quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu này là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Và vị này có hơn một ngàn con trai, là những vị anh hùng, oai phong lẫm liệt, chiến thắng ngoại quân. Vị này sống thống lĩnh quả đất cùng tận cho đến đại dương, và trị vì với Chánh pháp, không dùng gậy, không dùng đao. Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị này sẽ chứng quả A-la-hán, Chánh Đẳng Giác quét sạch mê lầm ở đời. Này Uttara thân mến, ta đã cho con chú thuật, Ông đã nhận những chú thuật ấy.

– Thừa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Uttara vâng đáp Bà-la-môn Brahmayu, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Bà-la-môn Brahmayu, giữ thân hướng về phía hữu, rồi ra đi du

hành đến Thế Tôn ở Videha, tuần tự du hành đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Uttara tìm xem ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn. Thanh niên Uttara thấy trên thân Thế Tôn phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng, trừ hai tướng. Đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Rồi Thế Tôn nghĩ rằng: "Thanh niên Uttara này thấy ở nơi Ta phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng, trừ hai tướng. Đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài". Thế Tôn liền dùng thần thông khiến thanh niên Uttara thấy được tướng mã âm tàng của Thế Tôn. Và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai; rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vùng trán.

Rồi thanh niên Uttara suy nghĩ: "*Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai Đại nhân tướng. Vậy ta hãy theo sát Sa-môn Gotama để dò xem các uy nghi (của Ngài)*". Rồi thanh niên Uttara trong bảy tháng theo sát Thế Tôn như bóng không bao giờ rời hình.

Rồi thanh niên Uttara, sau bảy tháng, khởi hành đi đến Mithila ở Videha, tuần tự du hành đi đến Mithila, rồi đi đến Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đến, đánh lễ Bà-la-môn Brahmayu rồi ngồi xuống một bên. Bà-la-môn Brahmayu nói với thanh niên Uttara đang ngồi một bên:

– Này Uttara thân mến, có phải tiếng đồn về Tôn giả Gotama là đúng như vậy, không phải khác, có phải Tôn giả Gotama là như vậy, không phải khác?

– Tiếng đồn về Tôn giả Gotama là đúng như vậy, không phải khác, Tôn giả Gotama là như vậy, không phải khác.

❖ Và Tôn giả Gotama ấy có đầy đủ ba mươi hai Đại nhân tướng.

1. Tôn giả Gotama có lòng bàn chân bằng phẳng. Đây là Đại nhân tướng của Đại nhân Tôn giả Gotama.
2. Dưới hai bàn chân Tôn giả Gotama, có hiện ra hình bánh xe, với ngàn tăm xe, với trục xe vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ.
3. Tôn giả Gotama có gót chân thon dài.
4. Tôn giả Gotama có ngón tay, ngón chân dài.

5. Tôn giả Gotama có tay chân mềm mại.
6. Tôn giả Gotama tay chân có màn da lưới.
7. Tôn giả Gotama có mắt cá tròn như con sò.
8. Tôn giả Gotama có ống chân to như con dê rừng.
9. Tôn giả Gotama đứng thẳng, không cong lưng xuống có thể rờ đầu gối với hai bàn tay.
10. Tôn giả Gotama có tướng mã âm tàng.
11. Tôn giả Gotama có màu da như đồng, màu sắc như vàng.
12. Tôn giả Gotama có da trơn mượt khiến bụi không có thể bám dính vào.
13. Tôn giả Gotama có lông da mọc từng lỗ lông một, mỗi lỗ chân lông có một lông.
14. Tôn giả Gotama có lông mọc xoáy tròn thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt.
15. Tôn giả Gotama có thân hình cao thẳng.
16. Tôn giả Gotama có bảy chỗ tròn đầy.
17. Tôn giả Gotama có nửa thân trước như thân con sư tử.
18. Tôn giả Gotama không có lỗm khuyết xuống

giữa hai vai.

19. Tôn giả Gotama có thân thể cân đối như cây bàng. Bề cao thân ngang bằng bề dài hai tay rải rộng, bề dài hai tay rải rộng ngang bằng bề cao của thân.
 20. Tôn giả Gotama có bán thân trên vuông tròn.
 21. Tôn giả Gotama có vị giác hết sức sắc bén.
 22. Tôn giả Gotama có quai hàm như con sư tử.
 23. Tôn giả Gotama có bốn mươi răng.
 24. Tôn giả Gotama có răng đều đặn.
 25. Tôn giả Gotama có răng không khuyết hở.
 26. Tôn giả Gotama có răng cửa trơn láng.
 27. Tôn giả Gotama có tướng lưỡi rộng dài.
 28. Tôn giả Gotama có giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim ca-lăng- tần-già (karavika).
 29. Tôn giả Gotama có hai mắt màu xanh đậm.
 30. Tôn giả Gotama có lông mi con bò cái.
 31. Tôn giả Gotama, giữa hai lông mày, có sợi lông trắng mọc lên mịn màng như bông nhẹ.
 32. Tôn giả Gotama có nhục kế trên đầu.
- Đây là Đại nhân tướng của Đại nhân Tôn giả Gotama.

- Khi Tôn giả Gotama đi, Ngài bước chân mặt trước, không đặt chân xuống quá xa, không rút chân lên quá gần, không bước quá mau, không bước quá chậm, khi đi đầu gối không va chạm đầu gối, khi đi mắt cá không va chạm mắt cá; Ngài đi không co bắp vế lên, không duỗi bắp vế xuống, không đưa bắp vế vào trong, không đưa bắp vế ra ngoài. Khi đi Tôn giả Gotama chỉ di động phần thân ở dưới, và không đi, dùng toàn thân lực. Khi ngó quanh, Tôn giả Gotama ngó quanh với toàn thân.
- Khi đi không có ngưỡng mặt lên, không cúi mặt xuống, không có ngó quanh, và chỉ ngó xuống khoảng một tầm (yugamattam, bề dài một cái cày). Xa hơn, tri kiến được mở rộng (anavatam: không bị che đậy).
- Khi đi vào nhà, (Tôn giả Gotama) không ngửa thân về phía sau, không cúi thân về phía trước, không đưa thân về phía trong, không đưa thân về phía ngoài; vị ấy quay lưng không quá xa ghé ngò, không quá gần ghé ngò; ngò trên ghé, không nắm chặt thành ghé, không gieo thân ngò xuống ghé.
- Khi ngò trong nhà. Ngài không rung tay, không rung chân, không ngò tréo đầu gối với nhau, tréo mắt cá với nhau, không ngò tay

chống cảm. Khi ngồi trong nhà, không có sợ hãi, không có run rẩy, không có dao động, không có hoảng hốt. Như vậy Tôn giả Gotama ngồi, không sợ hãi, không run sợ, không dao động, không hoảng hốt, lông tóc không dựng ngược, Thiền tịnh độc cư.

- Khi Ngài nhận cơm, không chúc bình bát lên, không chúc bình bát xuống, không xoay bình bát vào phía trong, không xoay bình bát ra phía ngoài, nhận cơm không quá ít, không quá nhiều.
- Ngài ăn đồ ăn vừa phải (với cơm), không có bỏ miếng cơm, chỉ lựa miếng ăn. Tôn giả Gotama đưa miếng cơm quanh miệng hai ba lần rồi mới nuốt, không hột cơm nào được vào trong thân không bị nghiền nát, và không một hột cơm nào còn lại trong miệng trước khi ăn miếng cơm khác. Tôn giả Gotama không thưởng thức vị ăn khi ăn đồ ăn, không thưởng thức lòng tham vị.
- Tôn giả Gotama ăn đồ ăn có đầy đủ tám đức tánh, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để (thân này) khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, Ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không

cho khởi lên các cảm thọ mới, và Ta sẽ không lỗi lầm, sống được an ổn".

- Ngài ăn xong lấy nước rửa bát, không chúc bình bát lên, không chúc bình bát xuống, không xoay bình bát vào phía trong, không xoay bình bát ra phía ngoài, nhận nước không quá ít, không quá nhiều. Ngài rửa bát không sanh tiếng động, rửa bát không xoay tròn bình bát, không có đặt bình bát xuống đất rồi rửa tay, khi hai tay rửa xong, bình bát cũng rửa xong, khi bình bát rửa xong, hai tay cũng rửa xong. Ngài đổ nước bình bát, không quá xa, không quá gần, không vẩy nước cùng khắp.
- Khi ăn xong, Ngài đặt bình bát xuống đất, không quá xa, không quá gần, không phải không nghĩ đến bình bát, cũng không quá lo cho bình bát. Khi ăn xong, Ngài ngồi im lặng một lát nhưng không để quá thì giờ nói lời tùy hỷ (công đức). Ngài nói lời tùy hỷ (công đức), không chỉ trích bữa ăn ấy, không mong bữa ăn khác; trái lại, Ngài với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Ngài sau khi với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Ngài đi không quá mau, không quá chậm. Ngài

đi không phải (như muốn) lánh xa hội chúng ấy.

- Tôn giả Gotama đắp y không kéo lên quá cao trên thân, không kéo xuống quá thấp, không dính sát vào thân, không có lợi ra khỏi thân, gió thổi không thoát y khỏi thân Tôn giả Gotama; bụi nhóp không dính trên thân Tôn giả Gotama.
- Đi đến tu viện, Ngài ngồi trên ghế đã soạn sẵn, sau khi ngồi liền rửa chân, và Tôn giả Gotama không sống chú tâm vào công việc làm đẹp hai chân. Ngài ngồi kiết già, lưng thẳng, và đặt niệm trước mặt. Ngài không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai. Tôn giả Gotama ngồi, tâm hướng đến lợi mình, lợi người, lợi cả hai, lợi toàn thể giới.
- Đi đến tu viện, Ngài thuyết pháp cho hội chúng, không tán dương hội chúng ấy, không chỉ trích hội chúng ấy, trái lại với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.
- Tiếng nói thoát ra từ miệng Tôn giả Gotama có tám đức tánh: lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động. Khi Tôn giả Gotama giải thích cho hội chúng với tiếng nói của mình, tiếng nói

không vượt ra khỏi hội chúng. Hội chúng sau khi được Tôn giả Gotama khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho thích thú, làm cho hoan hỷ, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, và ra đi vẫn quay nhìn lại, không muốn rời bỏ.

Chúng con thấy Tôn giả Gotama đi. Chúng con thấy (Tôn giả) đứng. Chúng con thấy (Tôn giả) ngồi im lặng trong nhà. Chúng con thấy (Tôn giả) ăn trong nhà. Chúng con thấy (Tôn giả) sau khi ăn xong, ngồi im lặng. Chúng con thấy (Tôn giả) sau khi ăn xong, nói lời tùy hỷ (công đức). Chúng con thấy (Tôn giả) đi trở về tu viện. Chúng con thấy (Tôn giả) đi đến tu viện ngồi im lặng. Chúng con thấy (Tôn giả) đi đến tu viện thuyết pháp cho hội chúng. Như vậy, và như vậy là Tôn giả Gotama ấy và lại còn nhiều hơn như vậy nữa.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Brahmayu từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và ba lần nói lời cảm hứng sau đây:

– Đánh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác! Đánh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác! Đánh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác! Có thể tại một chỗ nào, thời gian nào, chúng tôi sẽ đi đến gặp Tôn giả Gotama ấy. Có lẽ sẽ có một

cuộc nói chuyện.

Rồi Thế Tôn, tuần tự du hành ở Videha và đi đến Mithila. Ở đấy, Thế Tôn trú tại rừng xoài Makhadeva ở Mithila. Các Bà-la-môn, Gia chủ ở Mithila nghe nói: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, đang du hành ở Videha, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị đã đến Mithila và hiện trú ở rừng xoài Makhadeva, tại Mithila. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "... (như trên)... được yết kiến một vị A-la-hán như vậy! " Rồi các Bà-la-môn, Gia chủ ở Mithila đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, một số đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số nói lên những lời chào đón hỏi thăm Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên; một số chấp tay hướng vái Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số xưng danh họ rồi ngồi xuống một bên; một số im lặng rồi ngồi xuống một bên.

Bà-la-môn Brahmayu nghe như sau: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, đã đến Mithila và trú ở Mithila tại rừng xoài Makhadeva". Rồi Bà-la-môn Brahmayu đi đến rừng xoài Makhadeva cùng với một số đông thanh niên Bà-la-môn. Khi đến không xa rừng xoài bao nhiêu,

Bà-la-môn Brahmayu khởi lên ý nghĩ: "Thật không thích đáng cho ta đến yết kiến Sa-môn Gotama mà không báo trước". Rồi Bà-la-môn Brahmayu bảo một người thanh niên:

– Này Thanh niên, hãy đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến hãy nhân danh ta hỏi thăm Sa-môn Gotama có ít bệnh, ít nã, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú: "Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmayu hỏi thăm Tôn giả Gotama có ít bệnh, ít nã, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú và thưa như sau: "Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmayu già yếu, niên cao, lạc lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã gần mãn cuộc đời, tuổi đã đến một trăm hai mươi, một vị đọc tụng Thánh điển, chấp trì chú thuật, tinh thông ba tập Veda, với tự vựng, lễ nghi, ngũ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Thưa Tôn giả, đối với các Bà-la-môn, Gia chủ sống tại Mithila, Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện tài sản, Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện chú thuật (manta), Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện tuổi tác và danh vọng. Vị ấy muốn yết kiến Tôn giả Gotama".

– Thưa vâng, Tôn giả.

Thanh niên ấy vâng đáp Bà-la-môn Brahmayu, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền đứng một bên. Đứng một bên, thanh niên ấy bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmayu hỏi thăm Tôn giả Gotama có ít bệnh, ít nã, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú: "Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmayu già yếu... (như trên)... và Đại nhân tướng. Thưa Tôn giả, đối với các Bà-la-môn, Gia chủ sống ở Mithila, Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện tài sản, Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện chú thuật (manta), Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện tuổi tác và danh vọng. Vị ấy muốn yết kiến Tôn giả Gotama".

– Nay Thanh niên, nay Bà-la-môn Brahmayu hãy làm những gì vị ấy nghĩ là hợp thời.

Rồi vị thanh niên ấy đi đến Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đến, liền thưa với Bà-la-môn Brahmayu:

– Tôn giả đã được Sa-môn Gotama chấp nhận. Nay Tôn giả hãy làm những gì Tôn giả nghĩ là hợp thời.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu đi đến Thế Tôn. Hội chúng ấy thấy Bà-la-môn Brahmayu từ xa đi đến, sau khi thấy liền tránh chỗ hai bên vì vị này được nhiều người biết đến và có danh vọng. Bà-la-môn Brahmayu nói với hội chúng ấy:

– Thôi vừa rồi, các Tôn giả, hãy ngồi trên chỗ ngồi của mình. Ở đây, tôi sẽ ngồi gần Sa-môn Gotama.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Brahmayu tìm xem ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn. Bà-la-môn Brahmayu thấy phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn, trừ hai tướng, đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Rồi Bà-la-môn Brahmayu nói với Thế Tôn những bài kệ sau đây:

*Tôn giả Gotama!
Ba hai Đại nhân tướng,
Con được nghe nói đến,*

*Hai tướng con không thấy
Trên thân của Tôn giả,
Tôn giả, mã âm tàng,
Bậc tối thượng loài Người,
Ngài có hay không có?
Hay là tướng nữ nhân?
Hay lưỡi Ngài quá ngắn?
Hay lưỡi Ngài rộng dài?
Để con như thật biết.
Hãy đưa lưỡi Ngài ra,
Mong bậc Đại Tiên Nhân,
Trừ nghi cho chúng con,
Vì an lạc hiện tại,
Vì hạnh phúc tương lai,
Chúng con xin được phép,
Hỏi điều muốn được biết.*

Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Bà-la-môn Brahmayu này thấy trên thân Ta phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng, trừ hai tướng, đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là mã tướng âm tàng và tướng lưỡi rộng dài". Thế Tôn liền dùng thần thông khiến Bà-la-môn Brahmayu thấy được tướng mã âm tàng của Thế Tôn, và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai; rờ đến liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vùng trán.

Rồi Thế Tôn trả lời Bà-la-môn Brahmayu với bài kệ:

*Ba hai Đại nhân tướng,
Ông đã được nghe đến,
Đều có trên thân Ta,
Hiện giả, chớ có nghi!
Điều cần biết, đã biết,
Điều cần tu, đã tu,
Điều cần trừ, đã trừ,
Do vậy, Ta là Phật.
(Này Bà-la-môn!)
Vĩ an lạc hiện tại,
Vĩ hạnh phúc tương lai,
Ông được phép vấn hỏi,
Những điều Ông muốn biết.*

Rồi Bà-la-môn Brahmayu suy nghĩ như sau:
"Nay Sa-môn Gotama đã cho phép ta. Vậy ta nên hỏi Sa-môn Gotama về mục đích hiện tại hay tương lai".

Rồi Bà-la-môn Brahmayu suy nghĩ: "Ta đã thiện xảo về mục đích hiện tại và các người khác hỏi ta về mục đích hiện tại. Vậy ta hãy hỏi Sa-môn Gotama về mục đích tương lai". Rồi Bà-la-môn Brahmayu dùng bài kệ thưa Thế Tôn:

Thế nào (là) Bà-la-môn?

*Thế nào thông Vệ-đà?
Thế nào là ba minh?
Thế nào gọi cát tường?
Thế nào là ứng cúng?
Thế nào bậc Viên mãn?
Thế nào bậc Mâu-ni?
Thế nào gọi Phật-đà?*

Rồi Thế Tôn dùng bài kệ trả lời Bà-la-môn Brahmayu:

*Ai biết được đời trước,
Thấy thiện thú, ác thú,
Đoạn tận được tái sanh,
Thắng trí được viên thành,
Vị ấy gọi Mâu-ni.*

*Ai biết tâm thanh tịnh,
Giải thoát mọi tham dục,
Sanh tử đều đoạn tận,
Phạm hạnh được viên thành,
Thông đạt nhưt thiết pháp,
Vị ấy xưng Phật-đà.*

Khi được nghe vậy, Bà-la-môn Brahmayu từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, cúi đầu xuống dưới chân Thế Tôn, dùng miệng hôn xung quanh chân Thế Tôn, lấy tay sờ xung quanh và tự xưng danh:

– Thừa Tôn giả Gotama, con là Bà-la-môn Brahmayu.

Và hội chúng ấy tâm tư trở thành kinh dị, vì
diệu: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay, đại uy lực, đại thần lực của vị Sa-môn đã khiến cho Bà-la-môn Brahmayu này, với danh tiếng, danh vọng như vậy, lại hạ mình tôi đa như vậy". Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Brahmayu:

– Thôi vừa rồi, Bà-la-môn, hãy đứng dậy. Ông hãy ngồi trên ghế của Ông vì tâm của Ông đã hoan hỷ đối với Ta.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đứng dậy, liền ngồi trên ghế của mình. Rồi Thế Tôn thứ lớp thuyết pháp cho Bà-la-môn Brahmayu, thuyết về bốn
thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi Trời, trình
bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc
và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Brahmayu đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phân khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã đề cao, tức là
Khổ, Tập, Diệt, Đạo. *Cũng như tấm vải thuần bạch,*
được gột rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm,
cũng vậy, chính tại chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần
ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Brahmayu:

"Phàm pháp gì được tập khởi lên đều bị tiêu diệt". Bà-la-môn Brahmayu thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tin, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bôn sư. Bà-la-môn Brahmayu liền bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng! Mong Tôn giả Gotama ngày mai nhận lời mời của con đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo!

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Bà-la-môn Brahmayu khi được biết Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Bà-la-môn Brahmayu sau khi đêm ấy đã mãn, sau khi đã sửa soạn tại trú xá của mình các món ăn

thượng vị, loại cứng và loại mềm, liền báo thì giờ cho Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, nay đã đến giờ, cơm đã sẵn sàng". Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, lấy y bát, đi đến trú xá của Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn với chúng Tỷ-kheo. Bà-la-môn Brahmayu tự tay làm cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu, thỏa mãn bằng những món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Rồi Thế Tôn sau bảy ngày liền khởi sự du hành ở Videha.

Sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, Bà-la-môn Brahmayu mệnh chung. Một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– *Bà-la-môn Brahmayu đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy là gì, tương lai tái sanh thế nào?*

– Này các Tỷ-kheo, Bà-la-môn Brahmayu là bậc hiền triết. Vị ấy theo Pháp đúng với Chánh pháp, không có phiền nhiễu Ta với những kiện cáo về Chánh pháp (Dhammadhikaranam). Này các Tỷ-kheo, Bà-la-môn Brahmayu **sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh, từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không có trở lui đời này nữa.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

91 Thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp - Kinh TRƯỜNG TRẢO – 74 Trung II, 345

KINH TRƯỜNG TRẢO (**Dighanakha sutam**)

– Bài kinh số 74 – Trung II, 345

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Rajagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakuta (Linh Thứu), trong hang Sukarakhata. Rồi du sĩ ngoại đạo Dighanakha (Trường Trảo) đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền đứng một bên. Đứng một bên, du sĩ ngoại đạo Dighanakha nói với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, tôi có lý thuyết như sau, tôi có tri kiến như sau: "Tất cả đều không làm cho tôi thích thú".

– Nay Aggivessana, tri kiến: "Tất cả đều không làm cho tôi thích thú", tri kiến ấy không làm Ông

thích thú?

– Tôn giả Gotama, nếu tri kiến ấy làm tôi thích thú, thời đây cũng giống như vậy, thời đây cũng giống như vậy.

– Nay Aggivessana, nếu số đông người ở trong đời đã nói như sau: "Thời đây cũng giống như vậy, thời đây cũng giống như vậy", thời họ không từ bỏ tri kiến ấy, họ chấp thủ một tri kiến khác. Nay Aggivessana, nếu thiểu số người ở trong đời đã nói như sau: "Thời đây cũng giống như vậy, thời đây cũng giống như vậy", thời họ sẽ từ bỏ tri kiến ấy và không chấp thủ một tri kiến khác.

Này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi thích thú". Nay Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú". Nay Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú".

Ở đây, này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi thích thú," tri kiến này của họ là gần với tham dục, gần với triền phược, gần với hoan

lạc, gần với đắm trước, gần với chấp thủ.

Ở đây, này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú", tri kiến này của họ là gần với không tham dục, gần với không phiền trước, gần với không hoan lạc, gần với không chấp thủ.

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Dighanakha thưa với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama tán dương quan điểm của tôi, Tôn giả Gotama hết sức tán dương quan điểm của tôi.

– Ở đây, này Aggivessana, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "*Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú*". Cái gì trong tri kiến này làm họ thích thú là gần tham dục, gần phiền trước, gần hoan lạc, gần đắm trước, gần chấp thủ. Cái gì trong tri kiến này làm họ không thích thú là gần không tham dục, gần không triền phược, gần không hoan lạc, gần không đắm trước, gần không chấp thủ.

Ở đây, này Aggivessana, những Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất

cả đều làm tôi thích thú". Ở đây, **người có trí suy nghĩ như sau:** "Nếu ta nói tri kiến này của ta: "Tất cả đều làm tôi thích thú", **và nếu ta cố chấp, kiên chấp tri kiến này** và nói: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng", như vậy là đối nghịch với hai hạng người: Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú", và Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú". **Ta sẽ đối nghịch với hai hạng người này.** => Khi nào có đối nghịch thời có tranh luận => khi nào có tranh luận thời có chống đối => khi nào có chống đối thời có bực mình" => Như vậy, vị này vì thấy sự đối nghịch, tranh luận, chống đối và bực mình nên từ bỏ tri kiến này, không chấp thủ tri kiến khác. Như vậy là sự đoạn trừ những tri kiến này, như vậy là sự hủy bỏ những tri kiến này.

Ở đây, này Aggivessana, nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú". Ở đây, người có trí suy nghĩ như sau: "Nếu ta nói tri kiến này của ta: "Tất cả đều làm tôi không thích thú", và nếu ta cố chấp, kiên chấp tri kiến này và nói: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng", thì như vậy, ta đối nghịch với hai hạng người: Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả

đều làm cho tôi thích thú" và Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú". Ta sẽ đối nghịch với hai hạng người này. Khi nào có đối nghịch thời có tranh luận; khi nào có tranh luận thời có chống đối; khi nào có chống đối thời có bức mình". Như vậy, vì này vì thấy sự đối nghịch, tranh luận, chống đối và bức mình, nên từ bỏ tri kiến ấy, không chấp thủ tri kiến khác. Như vậy là sự đoạn trừ những tri kiến này, như vậy là sự hủy bỏ những tri kiến này.

Ở đây, này Aggivessana, nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú". Ở đây, người có trí suy nghĩ như sau: "Nếu ta nói tri kiến này của ta: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú", và nếu ta cố chấp, kiên chấp tri kiến này và nói: "Đây là sự thật ngoài ra là hư vọng", thì như vậy, ta đối nghịch với hai hạng người: Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi thích thú" và Sa-môn hay Bà-la-môn này có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú". Ta sẽ đối nghịch với hai hạng người này => Khi nào có đối nghịch thời có tranh luận => khi nào có tranh luận thời có

chống đối => khi nào có chống đối thời có bực mình"
=> Như vậy, vị này vì thấy sự đối nghịch, tranh luận, chống đối và bực mình, nên từ bỏ tri kiến ấy, không chấp thủ tri kiến khác. => Như vậy là sự đoạn trừ những tri kiến này, như vậy là sự hủy bỏ những tri kiến này.

☞ Nhưng này Aggivessana, thân này có sắc, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phân toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, cần phải được quán sát là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Khi vị ấy quán sát thân này là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã => thời thân, thân dục, thân ái, thân phục tòng được đoạn diệt.

☞ Này Aggivessana, có ba thọ này; lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

– Này Aggivessana, trong khi cảm giác lạc thọ, chính khi ấy không cảm giác khổ thọ, không cảm giác bất khổ bất lạc thọ chỉ cảm giác lạc thọ.

- Nay Aggivessana, trong khi cảm giác khổ thọ, chính khi ấy không cảm giác lạc thọ, không cảm giác bất khổ bất lạc thọ, chỉ cảm giác khổ thọ.
- Nay Aggivessana, trong khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, chính khi ấy không cảm giác lạc thọ, không cảm giác khổ thọ, chỉ cảm giác bất khổ bất lạc thọ.
- ➔ Nay Aggivessana, **lạc thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt.**
- ➔ Nay Aggivessana, khổ thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt.
- ➔ Nay Aggivessana, bất khổ bất lạc thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt.

Thấy vậy, nay Aggivessana, vị Đa văn Thánh đệ tử *yếm ly lạc thọ, yếm ly khổ thọ, yếm ly bất khổ bất lạc thọ => Do yếm ly, vị ấy không có tham dục => Do không tham dục, vị ấy được giải thoát => Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm. Sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa". **Với***

tâm giải thoát như vậy, này Aggivessana, Tỷ-kheo không nói thuận theo một ai, không tranh luận với một ai, chỉ nói theo từ ngữ đã được dùng ở đời, không có chấp thủ (từ ngữ ấy).

Lúc bấy giờ Tôn giả Sariputta đứng sau lưng Thế Tôn và đang quạt Thế Tôn. Rồi Tôn giả Sariputta suy nghĩ như sau: "*Thế Tôn đã thuyết cho chúng ta sự đoạn trừ các pháp ấy nhờ thắng trí. Thiện Thệ đã thuyết cho chúng ta sự từ bỏ các pháp ấy nhờ thắng trí*". Khi Tôn giả Sariputta suy nghĩ như vậy, tâm (của Tôn giả) được giải thoát các lậu hoặc, không còn chấp thủ.

Còn đối với du sĩ ngoại đạo Dighanakha, pháp nhãn ly trần, vô cầu được khởi lên: "**Phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy được đoạn diệt**". Rồi du sĩ ngoại đạo Dighanakha thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bôn sư, liền bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có

thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

92 Thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp - Kinh ƯU BA LY – 56 Trung II, 79

KINH ƯU BA LY (Upali sutta)

– Bài kinh số 56 – *Trung II, 79*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Nalanda, trong rừng Pavarikamba. Lúc bảy giờ, Nigantha Nataputta trú tại Nalanda cùng với đại chúng Nigantha (Ly Hệ Phái). Rồi Nigantha Dighatapassi (Trường Khổ Hạnh Giả), sau khi đi khát thực ở Nalanda, ăn xong, trên con đường khát thực trở về, đi đến rừng Pavarikamba, chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, nói lên những lời hỏi thăm Thế Tôn. Sau khi nói lên những lời hỏi thăm thân hữu, vị này đứng một bên. Thế Tôn nói với Nigantha Dighatapassi đang đứng một bên:

– Nay Tapassi, có những ghé ngồi. Nếu ông muốn, hãy ngồi xuống.

Khi nghe nói vậy, Nigantha Dighatapassi lấy

một ghé thấp, rồi ngồi xuống một bên. Và Thế Tôn nói với Nigantha Dighatapassi đang ngồi một bên:

– *Này Tapassi, Nigantha Nataputta chủ trương có bao nhiêu nghiệp để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?*

– Hiền giả Gotama, Nigantha Nataputta không có thông lệ chủ trương nghiệp, nghiệp. Hiền giả Gotama, Nigantha Nataputta có thông lệ chủ trương phạt, phạt.

– *Này Tapassi, Nigantha Nataputta chủ trương có bao nhiêu loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?*

– Này Hiền giả Gotama, Nigantha Nataputta chủ trương có ba loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, tức là thân phạt, khẩu phạt, ý phạt.

– *Này Tapassi, nhưng có phải thân phạt khác, khẩu phạt khác, ý phạt khác?*

– Hiền giả Gotama, thân phạt khác, khẩu phạt khác, ý phạt khác.

- *Này Tapassi, ba loại phạt này, được chia chẻ*

như vậy, được phân biệt như vậy, Nigantha Nataputta chủ trương loại phật nào tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, thân phật chẳng, khẩu phật chẳng, ý phật chẳng?

– Hiền giả Gotama, ba loại phật này được chia chẻ như vậy, được phân biệt như vậy, Nigantha Nataputta chủ trương thân phật là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu phật không bằng được, ý phật không bằng được.

– Này Tapassi, có phải Ông nói thân phật?

– Hiền giả Gotama, tôi nói thân phật.

– Này Tapassi, có phải Ông nói thân phật?

– Hiền giả Gotama, tôi nói thân phật.

– Này Tapassi, có phải Ông nói thân phật?

– Hiền giả Gotama, tôi nói thân phật.

Như vậy Thế Tôn trong cuộc đàm thoại này đã làm Nigantha Dighatapassi xác nhận cho đến lần thứ ba quan điểm (của mình).

Khi nghe nói vậy, Nigantha Dighatapassi nói với Thế Tôn:

– Hiền giả Gotama, Hiền giả chủ trương có bao nhiêu loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?

– Này Tapassi, Như Lai không có thông lệ chủ trương phạt, phạt. Này Tapassi, **Như Lai có thông lệ chủ trương nghiệp, nghiệp.**

– Hiền giả Gotama, Hiền giả chủ trương có bao nhiêu loại nghiệp để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?

– Này Tapassi, Ta chủ trương ba loại nghiệp để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, tức là thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp.

– Hiền giả Gotama, nhưng có phải thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác?

– Này Tapassi, thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác.

– Hiền giả Gotama, ba loại nghiệp này, được chia chẻ như vậy, được phân biệt như vậy, Hiền giả chủ trương loại nghiệp nào tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp? Thân nghiệp chẳng, khẩu nghiệp chẳng, ý nghiệp chẳng?

– Này Tapassi, ba loại nghiệp này, được chia
chẻ như vậy, được phân biệt như vậy, **Ta chủ trương
ý nghiệp là tối trọng**, để tác thành ác ý, để diễn tiến
ác nghiệp, thân nghiệp không bằng được, khẩu
nghiệp không bằng được.

– Hiền giả Gotama, có phải Hiền giả nói ý
nghiệp?

– Này Tapassi, Ta nói ý nghiệp.

– Hiền giả Gotama, có phải Hiền giả nói ý
nghiệp?

– Này Tapassi, Ta nói ý nghiệp.

– Hiền giả Gotama, có phải Hiền giả nói ý
nghiệp?

– Này Tapassi, Ta nói ý nghiệp.

Như vậy Nigantha Dighatapassi trong cuộc đàm
thoại này, sau khi đã làm Thế Tôn xác nhận cho đến
lần thứ ba quan điểm (của mình), liền từ chỗ ngồi
đứng dậy và đi đến chỗ Nigantha Nataputta.

Lúc bấy giờ, Nigantha Nataputta đang ngồi với
một đại chúng gia chủ rất đông, do Upali (Ưu-ba-ly)

người thuộc làng Balaka cầm đầu. Nigantha Nataputta thấy Nigantha Dighatapassi từ xa đi đến, sau khi thấy, liền nói với Nigantha Dighatapassi:

– Này Tapassi, Ông từ đâu đi đến, trong ban ngày (nóng bức) như thế này?

– Thưa Tôn giả, con từ Sa-môn Gotama đi đến đây.

– Này Tapassi, Ông có đàm luận gì với Sa-môn Gotama không?

– Thưa Tôn giả, con cùng với Sa-môn Gotama có cuộc đàm thoại.

– Này Tapassi, cuộc đàm thoại của ông với Sa-môn Gotama như thế nào?

Rồi Nigantha Dighatapassi kể lại cho Nigantha Nataputta nghe một cách đầy đủ cuộc đàm thoại với Sa-môn Gotama. Được nghe vậy, Nigantha Nataputta nói với Dighatapassi:

– Tốt lành thay, tốt lành thay, Tapassi! Sa-môn Gotama đã được Nigantha Dighatapassi trả lời, một đệ tử đa văn đã hiểu đúng đắn lời dạy bậc Đạo sư. Làm sao một ý phật hèn kém có thể sáng chói, so

sánh với thân phật cường đại này được? Thân phật thật là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu nghiệp không bằng được, ý nghiệp không bằng được.

Khi được nói vậy, **gia chủ Upali thưa với Nigantha Nataputta:**

– Tốt lành thay, tốt lành thay, Tôn giả Tapassi! Sa-môn Gotama đã được Tôn giả Tapassi trả lời như vậy, một đệ tử đa văn đã hiểu đúng đắn lời dạy bậc Đạo sư. Làm sao một ý phật hèn kém có thể sáng chói, so sánh với thân phật cường đại này được? Thân phật thật tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu phật không bằng được, ý phật không bằng được.

Thưa Tôn giả, con sẽ đi và luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này. Nếu Sa-môn Gotama làm con xác nhận như đã làm Tôn giả Tapassi xác nhận thời cũng như một người lực sĩ tay nắm chặt lông một con cừu có lông dài, có thể kéo tới, dặc lui, vắn quanh; cũng vậy con sẽ dùng lời nói với lời nói, kéo tới, dặc lui, vắn quanh Sa-môn Gotama.

Cũng như một người lực sĩ nấu rượu, sau khi nhận chìm một thùng rượu lớn xuống hồ nước sâu,

nắm một góc thùng, có thể kéo tới, dặc lui, vằn quanh; cũng vậy, con dùng lời nói với lời nói, kéo tới, dặc lui, vằn quanh Sa-môn Gotama.

Cũng như một lực sĩ nghiện rượu sống phóng đãng, sau khi nắm góc một cái sàng, lắc qua, lắc lại, lắc xoay quanh; cũng vậy, con sẽ dùng lời nói với lời nói, lắc qua, lắc lại, lắc xoay quanh Sa-môn Gotama.

Và cũng như một con voi lớn sáu mươi tuổi, sau khi lặn xuống một hồ nước sâu, lại chơi trò phun nước; cũng vậy, con nghĩ, con sẽ chơi trò chơi phun nước với Sa-môn Gotama. Thừa Tôn giả, con sẽ đi và luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này.

– Nay Gia chủ, hãy đi và luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này. Vì rằng, này Gia chủ, chỉ có ta hay Nigantha Dighatapassi, hay Ông mới có thể luận chiến với Sa-môn Gotama.

Khi được nói vậy, Nigantha Dighatapassi nói với Nigantha Nataputta:

– Thừa Tôn giả, con không được hài lòng để Gia chủ Upali luận chiến với Sa-môn Gotama. Thừa Tôn giả, Sa-môn Gotama là một huyễn sư, Sa-môn Gotama biết được huyễn thuật lời cuốn những đệ tử

ngoại đạo.

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp Gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama; có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali. Nay Gia chủ, hãy đi luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này chỉ có ta, Nigantha Dighatapassi, hay Ông mới có thể luận chiến với Sa-môn Gotama.

Lần thứ hai... (như trên)... Lần thứ ba... Nigantha Dighatapassi nói với Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, con không được hài lòng để gia chủ Upali luận chiến với Sa-môn Gotama. Thưa Tôn giả, Sa-môn Gotama là một huyền sư, Sa-môn Gotama biết được huyền thuật lôi cuốn những đệ tử ngoại đạo.

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama! Có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali. Nay Gia chủ, hãy đi luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này; chỉ có ta, Nigantha Dighatapassi và Ông mới có thể luận chiến với Sa-môn Gotama!

– Thưa vâng, Tôn giả.

Gia chủ Upali vâng đáp Nigantha Nataputta, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Nigantha Nataputta, thân hữu hướng về Nigantha Nataputta, và đi đến rừng xoài Pavarika, chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, gia chủ Upali bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, không biết Nigantha Dighatapassi có đến tại đây không?

– Nay gia chủ, Nigantha Dighatapassi có đến tại đây.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có đàm thoại với Nigantha Dighatapassi không?

– Nay Gia chủ, Ta có đàm thoại với Nigantha Dighatapassi.

– Bạch Thế Tôn, cuộc đàm thoại của Thế Tôn với Nigantha Dighatapassi như thế nào?

Rồi Thế Tôn kể lại cho gia chủ Upali một cách đầy đủ cuộc đàm thoại với Nigantha Dighatapassi, Khi nghe nói vậy, gia chủ Upali bạch Thế Tôn:

– Tốt lành thay, tốt lành thay, Tôn giả Tapassi! Thế Tôn đã được Tôn giả Tapassi trả lời như vậy,

một đệ tử đa văn đã hiểu đúng dẫn lời dạy bậc Đạo sư. Làm sao một ý phạt hèn kém có thể sáng chói, so sánh với thân phật cường đại này được, vì thân phật thật là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp? Khẩu nghiệp không bằng được, ý nghiệp không bằng được.

– Này Gia chủ, nếu Ông có thể đàm luận y cứ trên sự thật, thời ở đây, có thể có cuộc đàm thoại giữa chúng ta.

– Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây có cuộc đàm thoại giữa chúng ta.

☞ *Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người Nigantha, bệnh hoạn, đau khổ, bao bệnh, từ chối nước lạnh, chỉ uống nước nóng. Người này, vì không được nước lạnh nên mệnh chung. Này Gia chủ, theo Nigantha Nataputta, người ấy tái sanh chỗ nào?*

– Bạch Thế Tôn, có hàng chư Thiên được gọi là Manosatta (Ý Trước thiên). Ở đấy người ấy tái sanh. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì người ấy chấp trước ý nên mệnh chung.

– Gia chủ, Gia chủ! Sau khi suy nghĩ kỹ. Ông

hãy trả lời. Lời nói trước của Ông không phù hợp lời nói sau của Ông! Lời nói sau của Ông không phù hợp lời nói trước của Ông! Thế mà này Gia chủ, Ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm thoại giữa chúng ta".

– Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có nói như vậy, nhưng chỉ có thân phạt mới là tội trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp. Khẩu phạt không bằng được; ý phạt không bằng được.

☞ *Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người Nigantha được phòng hộ với sự phòng hộ của bốn loại chế giới, hoàn toàn tự chế ngự đối với nước, hoàn toàn chú tâm (vào sự chế ngự) đối với nước, hoàn toàn loại trừ đối với nước, hoàn toàn tham nhuần (với sự chế ngự) đối với nước. Vị này khi đi qua, khi đi lại, đã giết hại rất nhiều sinh vật nhỏ bé. Này Gia chủ, theo Nigantha Nataputta, người ấy thọ quả báo nào?*

– Bạch Thế Tôn, vì không có ý, nên Nigantha Nataputta xem không phải là một đại tội.

– *Này Gia chủ, nếu người ấy có cố ý thì như thế nào?*

– Bạch Thế Tôn, là một đại tội.

– *Này Gia chủ, ý thức (ấy), Nigantha Nataputta xem thuộc về loại gì?*

– Bạch Thế Tôn thuộc về ý phạt.

– Gia chủ, Gia chủ! Sau khi suy nghĩ. Ông hãy trả lời. Lời nói trước của Ông không phù hợp với lời nói sau của Ông, lời nói sau của Ông không phù hợp lời nói trước của Ông. Thế mà này Gia chủ, Ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận, y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm thoại giữa chúng ta".

– Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có nói như vậy, nhưng chỉ có thân phạt mới là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp. Khẩu phạt không bằng được, ý phạt không bằng được.

– Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Có phải Nalanda này là phú cường và phồn thịnh, dân chúng đông đúc, nhân dân trù mật?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Nalanda này là phú cường và phồn thịnh, dân chúng đông đúc, nhân dân trù mật.

☞ *Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người đi đến, với thanh kiếm đưa cao, người này nói: "Trong một sát na, trong một giây phút, ta sẽ làm cho tất cả mọi người ở tại Nalanda này thành một đồng thịt, thành một khối thịt". Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể trong một sát na, trong một giây phút, làm cho tất cả mọi người ở tại Nalanda này thành một đồng thịt, thành một khối thịt không?*

– Bạch Thế Tôn, cho đến mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người, năm mươi người cũng không có thể, trong một sát na, trong một giây phút, làm cho tất cả mọi người ở tại Nalanda này thành một đồng thịt, thành một khối thịt, huống nữa là chỉ một người nhỏ bé sao có thể sáng chói (làm thành) được?

– Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn đến, có thần thông lực, có tâm tự tại. Vị này nói như sau. "Ta sẽ làm cho Nalanda này trở thành tro tàn với một tâm sân hận". Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn ấy, có thần thông lực, có tâm tự tại, có thể làm cho Nalanda này trở thành tro tàn với một tâm sân hận không?

– Bạch Thế Tôn, cho đến mười Nalanda, hai mươi, ba mươi Nalanda, bốn mươi Nalanda, năm mươi Nalanda, vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn ấy có thần thông lực, có tâm tự tại có thể làm cho các Nalanda ấy trở thành tro tàn với một tâm sân hận, huống nữa là một Nalanda nhỏ bé này, sao có thể chói sáng được (khỏi bị trở thành tro tàn được)?

– Gia chủ, Gia chủ! Sau khi suy nghĩ, Ông hãy trả lời. Lời nói trước của Ông không phù hợp lời nói sau của Ông! Lời nói sau của Ông không phù hợp lời nói trước của Ông! Thế mà này Gia chủ, Ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm luận giữa chúng ta".

– Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có nói như vậy, nhưng chỉ có thân phật mới là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp. Khẩu phật không bằng được, ý phật không bằng được.

☞ *Này Gia chủ. Ông nghĩ thế nào? Ông có nghe các rừng Dandaka, Kalinga, Mejjha, Matanga đã trở lại thành rừng như trước?*

– Bạch Thế Tôn con có nghe: Các rừng Dandaka, Kalinga, Mejjha, Matanga đã trở lại thành rừng (như trước).

– Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Có thể Ông được nghe vì sao các rừng Dandaka, Kalinga, Mejgha, Matanga trở thành rừng như trước?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe, các rừng Dandaka, Kalinga, Mejgha, Matanga trở lại thành rừng (như trước) vì tâm sân hận các vị ẩn sĩ.

– Gia chủ, Gia chủ! Sau khi suy nghĩ Ông hãy trả lời. Lời nói trước của Ông không phù hợp lời nói sau của Ông, lời nói sau của Ông không phù hợp lời nói trước của Ông. Thế mà này Gia chủ, Ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm luận giữa chúng ta".

– Bạch Thế Tôn, với ví dụ đầu tiên, con đã hoan hỷ, con đã thỏa mãn. Nhưng vì con muốn nghe các vấn đáp sai biệt của Thế Tôn, nên con mới nghĩ đóng vai trò đối lập với Thế Tôn.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện, trình bày, giải thích. Vậy

nay con quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

– Nay Gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông.

– Bạch Thế Tôn, con càng bội phần hoan hỷ, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: "Này Gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông". Bạch Thế Tôn, nếu các ngoại đạo được con làm đệ tử, họ sẽ trương cờ lên và tuyên bố: "Gia chủ Upali đã trở thành đệ tử chúng tôi". Nhưng Thế Tôn lại nói với con: "Này Gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông". Bạch Thế Tôn, lần thứ hai, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

– Nay Gia chủ, đã từ lâu gia đình Ông như là giếng nước mưa nguồn cho các người Nigantha. Hãy cúng dường các món ăn cho những ai đến với Ông!

– Bạch Thế Tôn, con lại bội phần hoan hỷ, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: "Này Gia chủ, đã từ lâu gia đình của Ông như là

giếng nước mưa nguồn cho các người Nigantha. Hãy cúng dường các món ăn cho những ai đến với các Ông". Bạch Thế Tôn, con nghe như sau: "Sa-môn Gotama đã nói: "Chỉ bố thí cho Ta, chớ bố thí cho các người khác. Chỉ bố thí cho các đệ tử Ta, chớ bố thí cho đệ tử những người khác. Chỉ bố thí cho Ta mới có phước lớn, bố thí những người khác không được phước lớn. Chỉ bố thí cho những đệ tử của Ta mới có phước lớn, bố thí cho những đệ tử những người khác không có phước lớn". Nhưng Thế Tôn lại khuyến khích con bố thí cho các vị Nigantha. Bạch Thế Tôn, và chúng con ở đây sẽ biết thời nên làm. Bạch Thế Tôn, lần thứ ba, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Rồi Thế Tôn **thuận thứ thuyết pháp** cho gia chủ Upali, tức là thuyết về bố thí, thuyết về giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô các dục lạc, những lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết gia chủ Upali tâm đã sẵn sàng, tâm đã nhu thuận, tâm không triền cái, tâm được phần khởi, tâm được hoan hỷ, Ngài mới thuyết những pháp được chư Phật tán dương đề cao: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như một tấm vải thuần bạch, các chấm đen được gột rửa rất dễ thấm màu nhuộm.

Cũng vậy, chính tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên với gia chủ Upali: **"Phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy đều bị tiêu diệt"**. Rồi gia chủ Upali, thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, đạt được vô sở úy, không y cứ người khác đối với các pháp bậc Đạo sư. Gia chủ Upali bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi, chúng con có nhiều công việc, có nhiều phận sự phải làm.

– Nay Gia chủ, Ông hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Gia chủ Upali hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi đi về trú xá của mình, sau khi đến bèn nói với người giữ cửa như sau:

– Từ nay trở đi, này người gác cửa, ta sẽ đóng cửa đối với các nam Nigantha, các nữ Nigantha. Cửa sẽ không đóng đối với các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ của Thế Tôn. Nếu có vị Nigantha nào đến, Ông hãy nói vị ấy như sau: "Tôn giả hãy đứng lại, chớ bước vào! Từ nay trở đi, Gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Cửa sẽ đóng đối với nam Nigantha, nữ Nigantha. Cửa sẽ không đóng đối với các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ

cư sĩ của Thế Tôn. Nếu Tôn giả cần đồ ăn, hãy đứng ở đây. Và có người sẽ đem ra ở đây cho Tôn giả"

– Thừa vâng, Tôn giả.

Người giữ cửa vâng đáp gia chủ Upali.

Nigantha Dighatapassi nghe như sau: "Gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama". Rồi Nigantha Dighatapassi đi đến chỗ Nigantha Nataputta ở, sau khi đến liền nói với Nigantha Nataputta:

– Thừa Tôn giả, tôi có nghe gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama.

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Và có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali.

Lần thứ hai... (như trên)... Lần thứ ba Nigantha Dighatapassi nói với Nigantha Nataputta:

– Thừa Tôn giả, tôi có nghe gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama.

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể

có trường hợp gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali.

– Thưa Tôn giả, tôi sẽ đi và tìm biết gia chủ Upali có trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama hay không.

– Nay Tapassi, hãy đi và tìm biết gia chủ Upali có trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama hay không.

Rồi Nigantha Dighatapassi đi đến trú xá của gia chủ Upali. Người giữ cửa thấy Nigantha Dighatapassi ở đường xa đi đến, khi thấy vậy liền nói với Nigantha Dighatapassi:

– Thưa Tôn giả, hãy đứng ở đây, chớ có bước vào! Từ nay trở đi, gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Cửa sẽ đóng đối với nam Nigantha, nữ Nigantha. Cửa sẽ không đóng đối với các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Thế Tôn. Nếu Tôn giả cần đồ ăn, hãy đứng ở đây. Có người sẽ đem ra ở đây cho Tôn giả.

– Nay Hiền giả, ta không cần đồ ăn.

Nói xong, Nigantha Dighatapassi đi trở lui, đến chỗ Nigantha Nataputta ở, sau khi đến, liền thưa với

Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, sự thật là gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Về vấn đề này, tôi đã không đồng ý với Tôn giả và đã nói: "Thưa Tôn giả, tôi không được hài lòng để gia chủ Upali luận chiến với Sa-môn Gotama. Thưa Tôn giả, Sa-môn Gotama là một huyền thuật sư, Sa-môn Gotama biết được huyền thuật lôi cuốn những đệ tử các ngoại đạo". Thưa Tôn giả, nay gia chủ Upali của Tôn giả đã bị huyền thuật của Sa-môn Gotama lôi cuốn rồi.

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali.

Lần thứ hai... (như trên)... Lần thứ ba, Nigantha Dighatapassi nói với Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, sự thật là gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Về vấn đề này, tôi đã không đồng ý với Tôn giả và đã nói: "Thưa Tôn giả, tôi không được yên lòng để gia chủ Upali luận chiến với Sa-môn Gotama. Thưa Tôn giả, Sa-môn Gotama là một huyền thuật sư. Sa-môn Gotama biết được huyền thuật lôi cuốn những đệ tử các ngoại đạo. Thưa Tôn giả, nay gia chủ Upali của Tôn giả đã bị

huyền thuật của Sa-môn Gotama lôi cuốn".

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali. Nay Tapassi, ta sẽ đi và tìm biết gia chủ Upali đã trở thành đệ tử Sa-môn Gotama hay không.

Rồi Nigantha Nataputta cùng với đại chúng Nigantha đi đến trú xá của gia chủ Upali. Người giữ cửa thấy Nigantha Nataputta từ xa đi đến, khi thấy vậy liền nói với Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, hãy đứng ở đây, chớ có bước vào! Từ nay trở đi, gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Cửa sẽ đóng đối với các nam Nigantha, các nữ Nigantha. Cửa sẽ không đóng đối với các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Thế Tôn. Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả cần các món ăn, hãy đứng ở đây. Có người sẽ đem ra ở đây cho Tôn giả.

– Nay người giữ cửa, hãy đi đến gia chủ Upali, sau khi đến, hãy thưa với gia chủ như sau: "Thưa Tôn giả, Nigantha Nataputta cùng với đại chúng Nigantha đang đứng ở ngoài ngưỡng cửa và muốn yết kiến Tôn giả".

– Thừa vâng, Tôn giả.

Người giữ cửa vâng đáp Nigantha Nataputta, đi đến gia chủ Upali, sau khi đến liền thưa với gia chủ Upali:

– Thừa Tôn giả, có Nigantha Nataputta cùng với đại chúng Nigantha đang đứng ở ngoài ngưỡng cửa và muốn yết kiến Tôn giả.

– Nay Người giữ cửa, hãy vào soạn các chỗ ngồi trong căn phòng chính giữa có cửa.

– Thừa vâng, Tôn giả.

Người giữ cửa vâng đáp gia chủ Upali, sau khi cho vào soạn các chỗ ngồi trong căn phòng chính giữa có cửa, đi đến gia chủ Upali, sau khi đến, liền nói với gia chủ Upali:

– Thừa Tôn giả, các chỗ ngồi trong căn phòng chính giữa có cửa đã được sửa soạn. Tôn giả hãy làm những gì Tôn giả nghĩ là phải thời.

Rồi gia chủ Upali đi đến căn phòng chính giữa có cửa, sau khi đến tại chỗ ngồi nào là tối thượng, tối tôn, tối cao và tối thắng, sau khi ngồi trên chỗ ấy, liền bảo người gác cửa:

– Này Người giữ cửa, hãy đi đến Nigantha Nataputta: "Thưa Tôn giả, gia chủ Upali có nói: "Thưa Tôn giả, nếu muốn, Tôn giả hãy vào".

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người giữ cửa vâng đáp gia chủ Upali, đi đến Nigantha Nataputta, sau khi đến, liền nói với Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, Gia chủ Upali có nói: "Thưa Tôn giả, nếu muốn, Tôn giả hãy vào".

Rồi Nigantha Nataputta với đại chúng Nigantha đi đến căn phòng ở giữa, có cửa.

Gia chủ Upali lúc trước mỗi khi thấy Nigantha Nataputta từ xa đi đến, sau khi thấy liền đi ra nghinh tiếp vào tại chỗ nào có chỗ ngồi tối thượng, tối tôn, tối cao và tối thắng, liền lấy thượng y lau chỗ ngồi ấy, giữ lấy và mời Nigantha Nataputta ngồi trên chỗ ngồi ấy. Nhưng tại chỗ có chỗ ngồi tối thượng, tối tôn, tối cao và tối thắng, gia chủ Upali lại ngồi trên chỗ ngồi ấy và nói với Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, có những chỗ ngồi. Nếu muốn, Tôn giả hãy ngồi.

Khi nghe nói vậy, Nigantha Nataputta nói với gia chủ Upali:

– Nay Gia chủ, Ông thật là điên cuồng. Nay Gia chủ, Ông thật là ngu si. Ông nói: "Thưa Tôn giả, tôi sẽ đi luận chiến với Sa-môn Gotama". Sau khi đi, Ông đã trở về bị trói buộc trong lưới lớn luận nghị. Nay Gia chủ, ví như người đi với hai cao hoàn, đi về với cao hoàn bị thiên. Nay Gia chủ, như người đi với hai con mắt, đi về với hai con mắt bị khoét. Cũng vậy, nay Gia chủ, Ông nói: "Thưa Tôn giả, con sẽ đi luận chiến với Sa-môn Gotama, sau khi đi đã trở về bị trói buộc trong lưới lớn luận nghị". Nay Gia chủ, Ông đã bị huyền thuật của Sa-môn Gotama lôi cuốn rồi.

– Thưa Tôn giả, vì diệu thay, huyền thuật lôi cuốn này! Tốt lành thay, huyền thuật lôi cuốn này! Thưa Tôn giả, nếu bà con huyết thống thân yêu của tôi được huyền thuật này lôi cuốn, thời thật là an lạc, hạnh phúc lâu dài cho các bà con huyết thống của tôi. Thưa Tôn giả, nếu tất cả các người Sát đế ly được huyền thuật này lôi cuốn, thời thật là an lạc hạnh phúc lâu dài cho tất cả các vị Sát-đế-ly. Thưa Tôn giả, nếu tất cả các người Bà-la-môn... (như trên)... nếu tất cả các người Vessa (Phệ-xá)... Thưa Tôn giả, nếu tất cả các người Sudda (Thủ-đà) được huyền

thuật này lôi cuốn, thời thật là an lạc, và hạnh phúc lâu dài cho tất cả các người Sudda. Thưa Tôn giả, nếu thế giới với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người được huyền thuật này lôi cuốn, thời như vậy là an lạc, hạnh phúc lâu dài cho thế giới với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người.

Thưa Tôn giả, tôi sẽ nói cho Tôn giả ví dụ này. Ở đây, những người có trí nhờ ví dụ sẽ biết rõ ý nghĩa của lời nói.

Thưa Tôn giả, thuở xưa có người Bà-la-môn đã về già tuổi đã lớn, bậc trưởng lão, có người vợ còn trẻ, trong tuổi thanh xuân, (người vợ này) đang mang thai, sắp đến kỳ sinh nở. Thưa Tôn giả, người vợ trẻ nói với người Bà-la-môn: "Này Bà-la-môn, hãy đi phố mua một khỉ con đực để cùng chơi với con tôi".

Thưa Tôn giả, được nói vậy, người Bà-la-môn nói với cô vợ trẻ: "Này mình, hãy chờ cho đến khi mình sanh. Nếu mình sanh con trai, tôi sẽ đi chợ mua một con khỉ con đực mang về để cùng chơi với đứa con trai của mình. Còn nếu mình sanh con gái, tôi sẽ đi chợ mua một con khỉ con cái và mang về để cùng

chơi với đứa con gái của mình".

Thưa Tôn giả, lần thứ hai, người vợ trẻ nói với người Bà-la-môn ấy: "Này Bà-la-môn, hãy đi phố mua một con khỉ con đực để cùng chơi với con tôi". Thưa Tôn giả, lần thứ hai, người Bà-la-môn ấy nói với cô vợ trẻ: "Này mình, hãy chờ cho đến khi mình sanh. Nếu mình sanh con trai, tôi sẽ đi chợ mua một con khỉ con đực mang về để cùng chơi với đứa con trai của mình. Còn nếu mình sanh con gái, tôi sẽ đi chợ mua một con khỉ con cái và mang về để cùng chơi với đứa con gái của mình".

Thưa Tôn giả, lần thứ ba, người vợ trẻ nói với người Bà-la-môn ấy: "Này Bà-la-môn, hãy đi phố mua một con khỉ con đực để cùng chơi với con tôi". Thưa Tôn giả, người Bà-la-môn ấy vì quá yêu thương, quá ái luyến cô vợ trẻ của mình nên đi chợ mua một con khỉ đực, đem về và nói với cô vợ trẻ: "Này mình, đây là con khỉ con đực, tôi mua ở chợ và mang về, hãy để nó cùng chơi với con của mình".

Thưa Tôn giả, khi nghe nói vậy cô vợ trẻ ấy nói với người Bà-la-môn: "Này Bà-la-môn hãy đi, đem con khỉ con đực này đến Rattapani con người thợ nhuộm, sau khi đến hãy nói với Rattapani con người thợ nhuộm: *"Này bạn Rattapani, tôi muốn con khỉ*

đực này được nhuộm với màu vàng, được khéo đập, khéo ủi xung quanh và cả hai phía được làm thành mềm dịu"

Thưa Tôn giả, người Bà-la-môn ấy vì quá yêu thương, quá ái luyến cô vợ trẻ của mình đem con khỉ con đực này đi đến Rattapani con người thợ nhuộm, khi đến xong liền nói với Rattapani, con người thợ nhuộm: "Này bạn Rattapani, tôi muốn con khỉ đực này được nhuộm màu vàng, được khéo đập, khéo ủi xung quanh, và cả hai phía được làm thành mềm dịu". Thưa Tôn giả, được nói vậy, Rattapani con người thợ nhuộm nói với người Bà-la-môn kia: *"Này Tôn giả, con khỉ con đực này có thể nhuộm được, nhưng không có thể đập được, ủi được, không có thể làm thành mềm dịu"*.

Cũng vậy, thưa Tôn giả, là lý thuyết của những Nigantha ngu si, lý thuyết này có thể ăn nhuộm đối với những người ngu si, *chớ không ăn nhuộm đối với người có trí*.

Thưa Tôn giả, người Bà-la-môn ấy, sau một thời gian, lấy một cặp áo mới, đi đến chỗ Rattapani, con người thợ nhuộm, sau khi đến, nói với Rattapani, con người thợ nhuộm: "Này Rattapani, tôi muốn nhuộm cặp áo mới này với màu nhuộm màu vàng, được đập

và ỉu xung quanh, và cả hai phía được làm thành mềm dịu". Thừa Tôn giả, được nói vậy, Rattapani con người thợ nhuộm nói với người Bà-la-môn ấy: *"Thừa Tôn giả, cặp áo mới này của Tôn giả có thể nhuộm được, có thể đập và ỉu xung quanh và có thể làm thành mềm dịu"*.

Cũng vậy, thừa Tôn giả, là lý thuyết của Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, có thể ăn nhuộm đối với người có trí, không phải đối với người ngu si, có thể đập được, ỉu được, và có thể khiến trở thành mềm dịu".

– Nay Gia chủ, quần chúng này gồm cả các vua chưa được biết như sau: "Gia chủ Upali là đệ tử của Nigantha Nataputta". Nay Gia chủ, nay chúng tôi xem Gia chủ là đệ tử của ai?

Được nói vậy, gia chủ Upali từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y qua một bên vai, chấp tay vái chào Thế Tôn và nói với Nigantha Nataputta:

– Thừa Tôn giả, hãy nghe, tôi là đệ tử của ai:

*Bậc Trí sáng suốt,
Đoạn trừ si ám.
Phá tan hoang vu,
Chiến thắng địch quân.*

Đau khổ đoạn diệt,
Tâm an bình tĩnh.
Giới đức trưởng thành,
Tuệ đức viên minh.
Phiền não nội tịnh,
Rời trần ly cấu.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.

Do dự đoạn trừ,
Biết vừa, biết đủ,
Thế lợi tuyệt không,
Tâm tư hoan hỷ,
Làm Sa-môn hạnh,
Sanh ở nhân gian,
Thân này sau cùng,
Làm người nhân thế.
Bậc Thánh cao nhất,
Rời trần ly cấu.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.

Không tâm do dự,
Khéo hành thiện xảo.
Bậc trì giới luật,
Điều ngự tối thượng.
Là Vô Thượng Sĩ,

Sáng chói hào quang,
Nghĩ hoặc đoạn trừ,
Soi sáng mọi nơi.
Kiêu mạn đoạn tận,
Vô nhân anh hùng.
Tôi thật chính là
Đệ tử Thế Tôn.

Ngài bậc Nguru Vương,
Âm tư vô lượng,
Thâm sâu khôn lường
Bậc thánh Mâu ni,
Tác thành an ổn,
Bậc có Trí tuệ,
An trú Pháp vị,
Tự phòng hộ thân,
Vượt qua tham ái,
Bậc Giải Thoát Trí.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.

Ngài bậc Long Vương,
Sống xa thế tục.
Kiết sử đoạn trừ,
Siêu đẳng giải thoát.
Biện tài từ tốn,
Trong sạch thanh tịnh,

Cờ xí triệt hạ,
Tham ái đoạn trừ,
Điều ngự nhiếp phục,
Hý luận diệt tận.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.

Đệ thất tiên nhân.
Không tin lời đồn.
Ba minh thành tựu,
Đạt quả Phạm thiên.
Tắm sạch thân tâm,
Văn cú thông đạt.
Khinh an yên ổn,
Tránh trí chứng đắc.
Công phá thành trì,
Thiên chủ Đế thích.
Tôi chính thật là,
Đệ tử Thế Tôn.

Ngài bậc Thánh Giả,
Tự tu tự tập.
Chứng điều phải chứng,
Thuyết giảng hiện tại,
Chánh niệm tỉnh giác,
Thiền quán tinh tế
Không thiên tà dục,

*Không nuôi tâm hận.
Giao động không còn,
Thân tâm tự tại.
Tôi chính thật là
Đệ tử Thế Tôn.*

*Sống theo chánh đạo,
Trầm tư Thiền tưởng,
Nội tâm không nhiễm,
Thanh tịnh trong sạch,
Không trước không chấp,
Không nguyện không cầu,
Độc cư độc tọa,
Chứng tối thượng vị,
Đã vượt qua dòng,
Giúp người vượt qua.
Tôi thật chính là
Đệ tử Thế Tôn.*

*Bậc chứng tịch tịnh,
Trí tuệ vô biên,
Trí tuệ quảng đại,
Tham ái đoạn tận.
Ngài là Như Lai,
Ngài là Thiệ Thệ,
Không người sánh bằng,
Không ai đồng đẳng,*

*Giàu đức tự tin,
Viên mãn thành tựu.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.*

*Tham ái đoạn tận,
Giác ngộ chánh giác,
Khỏi mù tiêu tan,
Ô uế trừ sạch
Xứng đáng cúng dường,
Dạ xoa thanh tịnh.
Vô thượng Thánh nhân,
Không thể cân lường
Đại nhân Đại giác
Đạt đến danh xưng.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.*

– Này Gia chủ, Ông chất chứa những ưu điểm này về Sa-môn Gotama từ bao giờ?

– Thừa Tôn giả, ví như một đồng hoa, có nhiều loại khác nhau; người làm vòng hoa thiện xảo hay người đệ tử làm vòng hoa có thể kết thành một vòng hoa có những loại hoa sai biệt. Cũng vậy, thừa Tôn giả, Thế Tôn có nhiều đức tánh, có hàng trăm đức tánh. Thừa Tôn giả, và **ai lại không tán thán những bậc đáng tán thán!**

Vì Nigantha Nataputta không thể nghe lời tán thán Thế Tôn, nên ngay tại chỗ ấy đã thở ra huyết nóng.

93 Thấy, nghe, cảm giác tối thượng là gì - Kinh BHADDAJI – Tăng II, 635

BHADDAJI – Tăng II, 635

1. Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở Kosambì, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Bhaddaji đi đến Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Tôn giả Ānanda nói với Tôn giả Bhaddaji đang ngồi một bên.

2. - Thưa Hiền giả Bhaddaji,

- Cái gì là tối thượng trong những điều được thấy?
- Cái gì là tối thượng trong những điều được nghe?
- Cái gì là tối thượng trong các lạc?
- Cái gì là tối thượng trong những điều được tưởng?
- Cái gì là tối thượng trong các hữu?

- Thưa Hiền giả, có Phạm Thiên, là bậc tối thắng (Tự thắng), là bậc vô địch, bậc biến nhãn, tự đối với tất cả loại hữu tình. Thấy Phạm Thiên là tối thượng trong những điều được thấy. Thưa Hiền giả, có chư

Thiên Quang Âm tràn đầy và biến mãn an lạc. Khi nào và chỗ nào họ thốt lên lời cảm hứng ngữ: "Ồi sung sướng thay!Ồi sung sướng thay!" Ai nghe tiếng ấy, đó là sự nghe tối thượng. Thừa Hiền giả, có chư Thiên Biến Tịnh, họ sống thoải mái trong tịch tịnh, họ cảm giác lạc thọ. Đây là lạc tối thượng. Thừa Hiền giả, có chư Thiên đạt được Vô sở hữu xứ. Đây là tướng vô thượng. Thừa Hiền giả, có chư Thiên đạt được Phi tướng phi phi tướng xứ. Đây là hữu tối thượng.

3. - Lời nói của Tôn giả Bhaddaji, đây là lời của quần chúng.

- Tôn giả Ànanda là vị nghe nhiều. Tôn giả Ànanda hãy nói lên.

- Vậy này Hiền giả Bhaddaji, hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói.

- Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Bhaddaji vâng đáp Tôn giả Ànanda. Tôn giả Ànanda nói như sau:

- Khi người ta **nhìn** không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là sự thấy tối thượng.

- Khi người ta **nghe** không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là sự nghe tối thượng.
- Khi người ta **cảm giác lạc thọ** không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là an lạc tối thượng.
- Khi người ta **cảm tưởng** không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là tưởng tối thượng.
- Khi người ta **hiện hữu** không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là hữu tối thượng.

94 Thấy, nghe, cảm giác, thức tri - Câu hỏi với người tuyên bố chánh trí - Kinh SÁU THANH TỊNH – 112 Trung III, 161

KINH SÁU THANH TỊNH (Chabbisodhana sutam)

– Bài kinh số 112 – Trung III, 161

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anathapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo, "Này các Tỷ-kheo". – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo nói lên chánh trí (annam) như sau: "Ta tuệ tri như vậy: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"". Này các Tỷ-kheo, lời nói của vị Tỷ-kheo ấy, không nên tán thán cũng không nên bác bỏ. Không tán thán, không bác bỏ, cần hỏi câu hỏi: "Này Hiền giả, có bốn hình

thức tuyên bố này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chân chánh nói lên. Thế nào là bốn? **Cái gì được thấy được nói lên như là được thấy. Cái gì được nghe được nói lên là được nghe. Cái gì được cảm giác được nói lên như là cảm giác. Cái gì được nhận thức được nói lên như là được nhận thức.** Bốn hình thức tuyên bố này, Này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chọn chánh nói lên. Nhưng biết cái gì, thấy cái gì, đối với **bốn hình thức tuyên bố** này, Tôn giả có thể nói là tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ?"

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo, các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp (anudhamma) của vị ấy phải như sau: **"Này chư Hiền, tôi không cảm thấy luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế, đối với những vật được thấy... được nghe... được cảm giác... được nhận thức. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với bốn hình thức tuyên bố này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp**

thủ".

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay! Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay, **một câu hỏi nữa cần phải được hỏi**: "Này Hiền giả, **năm thủ uẩn** này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chân chánh nói lên. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, tướng thủ uẩn, thọ thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Năm thủ uẩn này, này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chân chánh nói lên. *Nhưng biết cái gì, thấy cái gì, đối với **năm thủ uẩn** này, Tôn giả có thể nói tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ?"*

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau: **"Này chư Hiền, sau khi biết sắc này là vô lực, biến hoại, không an ổn, đối với những sắc là những chấp thủ phương tiện (upayupadana), là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên, đối với những sắc ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn**

trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Đây chư Hiền, sau khi biết thọ này... Đây chư Hiền, sau khi biết tướng này.. Đây chư Hiền, sau khi biết hành này.. Đây chư Hiền, sau khi biết thức này là vô lực, biến hoại, không an ổn, đối với thức là những chấp thủ phương tiện, là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên. Đối với những thức ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. **Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với năm thủ uẩn này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".**

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay". Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay", một câu hỏi nữa cần phải được hỏi thêm: "*Này Hiền giả, sáu giới này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên. Thế nào là sáu? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Sáu giới này, này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói lên. Nhưng biết cái gì, thấy cái gì với sáu giới này, Tôn giả có thể nói tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ?"*

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau: "Chư Hiền, tôi đã đi đến địa giới như là không phải tự ngã, và (đi đến) tự ngã như là không tùy thuộc địa giới. Đối với những pháp là những chấp thủ phương tiện tùy thuộc địa giới, là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến thủy giới.. Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến hỏa giới... Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến phong giới... Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến không giới... Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến thức giới như là không phải tự ngã, và (đi đến) tự ngã như là không tùy thuộc thức giới. Đối với những pháp là những chấp thủ phương tiện tùy thuộc thức giới, là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với sáu giới này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy cần phải được

tán thán, cần phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay". Sau khi tán thán tùy hỷ với lời nói: "Lành thay", một câu hỏi nữa cần phải được hỏi: "Này Hiền giả, sáu nội ngoại xứ này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên. Thế nào là sáu? Mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Sáu nội ngoại xứ này, này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói lên. *Nhưng biết cái gì, thấy cái gì, thấy cái gì đối với sáu nội ngoại xứ này, Tôn giả có thể nói tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ*".

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau: *"Chư Hiền, đối với mắt, đối với sắc, đối với nhãn thức, đối với những pháp được nhận thức bởi nhãn thức, phàm có dục gì, tham gì, hỷ gì, ái gì, phàm có những pháp chấp thủ phương tiện, những tâm có chấp, thiên chấp, tùy miên. Đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với sáu nội*

ngoại xứ này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Chư Hiền, đối với tai, đối với tiếng, đối với nhĩ thức; chư Hiền, đối với mũi, đối với hương, đối với tỷ thức; chư Hiền, đối với lưỡi, đối với vị, đối với thiệt thức; chư Hiền, đối với thân, đối với xúc, đối với thân thức; chư Hiền, đối với ý, đối với pháp, đối với ý thức, đối với các pháp được nhận thức bởi ý thức, phàm có dục gì, tham gì, hỷ gì, ái gì, phàm có những chấp thủ phương tiện, những tâm có chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. *Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với sáu nội ngoại xứ này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".*

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, cần phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay", một câu hỏi nữa cần phải được hỏi thêm: *"Nhưng này Hiền giả, do biết gì, thấy gì, do đối với các thân có nhận thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, Tôn giả có thể nói về mạn tùy miên: "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", mạn tùy miên của Tôn giả được đoạn trừ một cách hoàn toàn"?*

Chư Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm, đã làm, đã đặt gánh xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau: "*Chư Hiền, thuở xưa, khi tôi chưa xuất gia, tôi còn ngu muội. Tôi được Như Lai, đệ tử Như Lai thuyết pháp. Sau khi nghe pháp. Tôi có lòng tịnh tín đối với Như Lai. Thành tựu được tịnh tín ấy, tôi suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình".*

"Chư Hiền, một thời gian sau, tôi từ bỏ tài sản nhỏ hay từ bỏ tài sản lớn, từ bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay từ bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Khi đã xuất gia như vậy, tôi thành tựu học giới và nếp sống các vị Tỷ-kheo, tôi từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót tất cả chúng sanh và các loại hữu tình. Tôi từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ

mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh không có trộm cướp. Tôi từ bỏ phi Phạm hạnh, sống theo Phạm hạnh, sống tránh xa (phi Phạm hạnh), từ bỏ dâm dục tục pháp. Tôi từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chơn thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không phản lại đời. Tôi từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đến nói chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều này ở chỗ kia, không đi nói với những người này, để sanh chia rẽ ở những người kia. Tôi sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Tôi từ bỏ nói lời độc ác, tránh xa nói lời độc ác, tôi nói những lời nhẹ nhàng, thuận tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, tôi nói những lời nói như vậy. Tôi từ bỏ nói lời phù phiếm, tránh xa nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Tôi từ bỏ không làm hại đến các hột giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn phi thời. Tôi từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, các cuộc trình diễn. Tôi từ bỏ không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa, các thời trang,

các thời sức. Tôi từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn. Tôi từ bỏ không nhận các hạt sống. Tôi từ bỏ không nhận thịt sống. Tôi từ bỏ không nhận đàn bà, con gái. Tôi từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai. Tôi từ bỏ không nhận cừu dê. Tôi từ bỏ không nhận gia cầm và heo. Tôi từ bỏ không voi, bò, ngựa và ngựa cái. Tôi từ bỏ không nhận ruộng nương và đất đai. Tôi từ bỏ không nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới. Tôi từ bỏ không buôn bán. Tôi từ bỏ các sự gian lận bằng cân tiền bạc và đo lường. Tôi từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Tôi từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Tôi bằng lòng (tri túc) với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y bát). Ví như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, tôi bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y bát). Tôi thành tựu Thánh giới uẩn này, cảm giác lạc thọ thuộc nội tâm, không lỗi lầm. Khi mắt thấy sắc, tôi không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, tôi tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, tôi không nắm giữ

tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, tôi tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Tôi thành tựu Thánh hộ trì các căn này, cảm giác lạc thọ thuộc nội tâm, không vẩn đục. Khi đi tới, khi đi lui, tôi đều tỉnh giác. Khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh, tôi đều tỉnh giác. Khi co tay, khi duỗi tay, tôi đều tỉnh giác. Khi mang y kép, y bát, tôi đều tỉnh giác. Khi ăn, uống, nhai, nuốt, tôi đều tỉnh giác. Khi đi đại tiện, tiểu tiện, tôi đều tỉnh giác. Khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng, tôi đều tỉnh giác.

"Và tôi đều thành tựu Thánh giới uẩn này, thành tựu Thánh hộ trì các căn này và thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này chọn một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, tôi ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên và an trú chánh niệm trước mặt. Tôi từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, tôi sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, tôi sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng chánh niệm tỉnh giác,

gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Trừ bỏ trạo cử, hoi quá, tôi sống không trạo cử, hoi quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hoi quá. Từ bỏ nghi ngờ, tôi sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

"**Tôi từ bỏ năm triền cái**, các pháp làm cho tâm ô uế, làm cho trí tuệ muội lược này, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục, sanh có tầm có tứ. Tôi diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tôi ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tôi xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

"Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, **tôi dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí**. Tôi biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là các lậu hoặc

được đoạn trừ", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc được diệt trừ".

"Tôi nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của tôi thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, tôi khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát"". Tôi biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; không còn trở lui trạng thái này nữa".

"Chư Hiền do biết như vậy, thấy như vậy, đối với các thân có nhận thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, mạn tùy miên: "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", mạn tùy miên này được đoạn trừ một cách hoàn toàn".

Này các Tỷ-kheo Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, cần phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay" vị ấy cần phải nói như sau: "Thật lợi ích thay cho chúng tôi, thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một vị sống Phạm hạnh như Tôn giả".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

95 Thấy, nghe, cảm giác, thức tri - Không y chỉ vào cái ấy - Kinh SANDHA – Tăng IV, 655

SANDHA – Tăng IV, 655

(Hãy tu Thiền - thiền định của con ngựa thuần thực; Chánh Định- thế nào là Chánh Định; Thế Tôn tán thán loại thiền nào)

1. Một thời Thế Tôn trú ở Nàtika, tại ngôi nhà có lợp ngói. Rồi Tôn giả Sandha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sandha đang ngồi một bên:

2. Này Sandha, **hãy tu Thiền với sự Thiền định của con ngựa thuần thực, chớ có với Thiền định của con ngựa chưa thuần thực.**

Và này Sandha, thế nào là *Thiền định của con ngựa chưa thuần thực?*

3. *Con ngựa chưa thuần thực, khi bị cột vào máng ăn, liền Thiền tư: "Cỏ ăn, cỏ ăn". Vì sao? Này Sandha, con ngựa chưa thuần thực, khi bị cột vào máng ăn, không có nghĩ như sau: "Không biết hôm nay, người đánh xe điều phục ngựa sẽ bảo ta làm*

việc gì? Nay ta có thể làm gì để báo đáp?" Con ngựa bị cột vào máng ăn, chỉ Thiền tư: "Cỏ ăn, cỏ ăn!"

Cũng vậy, này Sandha, ở đây có hạng người chưa được thuần thục, khi đi đến ngôi rừng, hay khi đi đến gốc cây, hay khi đi đến ngôi nhà trống, trú với tâm bị dục tham ám ảnh, bị dục tham chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên. Người ấy tàng trữ dục tham vào trong, rồi Thiền tư, Thiền lục, Thiền liên tục, Thiền quán... trú với tâm bị sân ám ảnh, bị sân chi phối... trú với tâm bị hôn trầm thụy miên ám ảnh, bị hôn trầm thụy miên chi phối... trú với tâm bị trạo hồi ám ảnh, bị trạo hồi chi phối... trú với tâm bị ngghi hoặc ám ảnh, bị nghi hoặc chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly ra khỏi nghi hoặc đã khởi lên. Người ấy tàng trữ nghi hoặc vào trong, rồi Thiền tư, Thiền lục, Thiền liên tục, Thiền quán. Người ấy Thiền tư, y chỉ vào đất, Thiền tư y chỉ vào nước, Thiền tư y chỉ vào lửa, Thiền tư y chỉ vào gió, Thiền tư y chỉ vào Không vô biên xứ, Thiền tư y chỉ vào Thức vô biên xứ, Thiền tư y chỉ vào Vô sở hữu xứ, Thiền tư y chỉ vào Phi tướng phi phi tướng xứ, Thiền tư y chỉ vào đời này, Thiền tư y chỉ vào đời sau, phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy tư, đều y chỉ vào đấy người ấy

Thiền tư. Như vậy, này Sandha, là người Thiền tư không thuần thực.

Và này Sandha, như thế nào là Thiền tư như con ngựa thuần thực?

4. Con ngựa hiền lương, này Sandha, con ngựa được thuần thực, khi bị cột vào máng ăn, không có Thiền tư: "Cỏ ăn, cỏ ăn! " Vì sao? Này Sandha, con ngựa đã thuần thực, khi bị cột vào máng ăn, suy nghĩ như sau: "Không biết hôm nay, người đánh xe điều phục ngựa sẽ bảo ta làm việc gì? Nay ta có thể làm gì để báo đáp? " Con ngựa ấy bị cột vào máng ăn, không có Thiền tư: "Cỏ ăn, cỏ ăn! " Con ngựa hiền lương, này Sandha, được thuần thực, nhìn sự áp dụng cây gậy thúc ngựa hiền lương như là món nợ, như là trói buộc, như là một thiệt hại, như là một điềm xấu.

Cũng vậy, này Sandha, con người hiền thiện, thuần thực, khi đi đến ngôi rừng, khi đi đến gốc cây, khi đi đến ngôi nhà trống, trú với tâm không bị dục tham ám ảnh, không bị dục tham chinh phục, như thật quán tri sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên. Vị ấy an trú với tâm không bị sân ám ảnh... Vị ấy an trú với tâm không bị si ám ảnh... Vị ấy an trú với tâm không bị **hôn trầm thụy miên** ám ảnh... Vị ấy an trú với tâm không bị trao hối ám ảnh... Vị ấy an trú với tâm không bị ngghi hoặc ám ảnh, không bị nghi hoặc

chinh phục, như thật rõ biết sự xuất ly ra khỏi nghi hoặc đã khởi lên. Vị ấy Thiền tư **không** y chỉ vào **đất**, Thiền tư không y chỉ vào **nước**, Thiền tư không y chỉ vào **lửa**, Thiền tư không y chỉ vào **gió**, Thiền tư **không** y chỉ vào **Không vô biên xứ**, Thiền tư không y chỉ vào **Thức vô biên xứ**, Thiền tư không y chỉ vào **Vô sở hữu xứ**, Thiền tư không y chỉ vào **Phi tướng phi phi tướng xứ**, Thiền tư không y chỉ vào **đời này**, Thiền tư không y chỉ vào **đời sau**, **phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy tư, thiền tư không y chỉ vào cái ấy. Tuy vậy, vị ấy vẫn có Thiền tư.**

Lại nữa, này Sandha, với vị ấy Thiền tư như vậy, chư Thiên với Thiên chủ, các Phạm thiên với chúng Phạm thiên, dầu từ xa, đánh lễ con người hiền thiện thuần thực:

*Chúng tôi đánh lễ Ngài,
Con người hiền, thuần thực,
Chúng tôi đánh lễ Ngài,
Con người bậc Thượng thủ,
Y chỉ gì Ngài Thiên,
Chúng tôi không được biết.*

5. Khi nghe nói như vậy, Tôn giả Sandha bạch Thế Tôn:

- Thiền như thế nào, bạch Thế Tôn là con người hiền thiện thuần phục Thiền tư? Vị ấy Thiền tư không y chỉ vào đất, Thiền tư không y chỉ vào nước, Thiền tư không y chỉ vào lửa, Thiền tư không y chỉ vào gió, Thiền tư không y chỉ vào Không vô biên xứ, Thiền tư không y chỉ vào Thức vô biên xứ, Thiền tư không y chỉ vào Vô sở hữu xứ, Thiền tư không y chỉ vào Phi tướng phi phi tướng xứ, Thiền tư không y chỉ vào thế giới này, Thiền tư không y chỉ vào thế giới sau, và phạm cái gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được tầm cầu, được đạt đến, được ý suy tư, vị ấy Thiền tư, không y chỉ vào cái ấy. Tuy vậy, vị ấy vẫn có Thiền tư.

Thiền tư như thế nào, bạch Thế Tôn là con người hiền thiện thuần thực, khiến chư Thiên với Thiên chủ, các Phạm thiên với chúng Phạm thiên dầu từ xa, đánh lễ con người hiền thiện thuần thực:

*Chúng tôi đánh lễ Ngài,
Con người hiền, thuần thực,
Chúng tôi đánh lễ Ngài,
Con người bậc Thượng thủ,
Y chỉ gì Ngài Thiền,
Chúng tôi không được biết.*

6. Ở đây này Sandha, với con người hiền thiện thuần thực, **tướng đất trong đất được sáng tỏ**, tướng nước

trong nước được sáng tỏ, tướng lửa trong lửa được sáng tỏ, tướng gió trong gió được sáng tỏ, tướng Không vô biên xứ trong Không vô biên xứ được sáng tỏ, tướng Thức vô biên xứ trong Thức vô biên xứ được sáng tỏ, tướng Vô sở hữu xứ trong Thức vô sở hữu xứ được sáng tỏ, tướng Phi tướng phi phi tướng xứ trong Phi tướng phi phi tướng xứ được sáng tỏ, tướng thế giới này trong thế giới này được sáng tỏ, tướng thế giới sau trong thế giới sau được sáng tỏ, phàm cái gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được tầm cầu, được đạt đến, được ý suy tư, tướng tại đây được sáng tỏ.

Thiền tư như vậy, này Sandha, là người đã hiện thiện thuần thực, vị ấy Thiền tư không y chỉ vào đất, Thiền tư **không** y chỉ vào nước, Thiền tư không y chỉ vào lửa, Thiền tư không y chỉ vào gió, Thiền tư không y chỉ vào Không vô biên xứ, Thiền tư không y chỉ vào Thức vô biên xứ, Thiền tư không y chỉ vào Vô sở hữu xứ, Thiền tư không y chỉ vào Phi tướng phi phi tướng xứ, Thiền tư không y chỉ vào thế giới này, Thiền tư không y chỉ vào thế giới sau. **Và phàm cái gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được tầm cầu, được ý suy tư, Thiền tư không** y chỉ vào cái ấy. Tuy vậy vẫn có Thiền tư.

Do Thiên tư như vậy, này Sandha, là con người hiền thiện thuần thực, khiến chư Thiên với Thiên chủ, các Phạm thiên với chúng Phạm thiên đều từ xa, đánh lễ con người hiền thiện thuần thực:

*Chúng tôi đánh lễ Ngài,
Con người hiền, thuần thực,
Chúng tôi đánh lễ Ngài,
Con người bậc Thượng thủ,
Y chỉ gì Ngài Thiên,
Chúng tôi không được biết.*

96 Thấy, nghe, cảm giác, thức tri - Kinh CÁCH THỨC NÓI 1 – Tăng II, 284

CÁCH THỨC NÓI 1 – *Tăng II, 284*

❖ Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết phi Thánh này. Thế nào là bốn?

- Không thấy nói thấy,
- Không nghe nói nghe,
- Không cảm giác nói cảm giác,
- Không thức tri nói thức tri.

Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết phi Thánh này.

CÁCH THỨC NÓI 2 – *Tăng II, 285*

❖ Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết bậc Thánh này. Thế nào là bốn?

- Không thấy nói không thấy,
- Không nghe nói không nghe,
- Không cảm giác nói không cảm giác,
- Không thức tri nói không thức tri.

Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết bậc Thánh này.

CÁCH THỨC NÓI 3 – Tăng II, 285

❖ Nay các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết phi Thánh này. Thế nào là bốn?

- Thấy nói không thấy,
- Nghe nói không nghe,
- Cảm giác nói không cảm giác,
- Tưởng tri nói không tưởng tri.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết phi Thánh này.

CÁCH THỨC NÓI 4 – Tăng II, 286

❖ Nay các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết bậc Thánh này. Thế nào là bốn?

- Thấy nói thấy,
- Nghe nói nghe,
- Cảm giác nói cảm giác,
- Thức tri nói thức tri.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết bậc Thánh này.

97 Thấy, nghe, cảm giác, thức tri - Kinh THẾ GIỚI – Tăng I, 592

THẾ GIỚI – Tăng I, 592

1. Nay các Tỷ-kheo,

- **Thế giới** được Như Lai Chánh Đẳng Giác, Như Lai không hề lụy đối với đời.
- **Thế giới tập khởi** được Như Lai Chánh Đẳng Giác. Thế giới tập khởi được Như Lai đoan tâm.
- **Thế giới đoạn diệt** được Như Lai Chánh Đẳng Giác. Thế giới đoạn diệt được Như Lai giác ngộ.
- **Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt** được Như Lai Chánh Đẳng Giác. Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai tu tập.

2. Nay các Tỷ-kheo,

- ➔ **Cái gì trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai Chánh Đẳng Giác. Do vậy, được gọi là Như Lai.**

- ➔ Từ đêm Như Lai được Chánh Đăng Giác, đến đêm Như Lai nhập Niết-bàn, trong thời gian ấy, điều gì Như Lai nói, nói lên, tuyên bố, tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy, được gọi là Như Lai.
- ➔ Như Lai nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy. Vì rằng nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy, nên được gọi là Như Lai.
- ➔ Trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Như Lai là bậc chiến thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến đại tự tại, do vậy được gọi là Như Lai.

Do thắng tri thế giới
 Đúng như thật như vậy
 Ly hệ mọi thế giới
 Không chấp thủ thế giới
 Thắng tất cả bậc trí
 Giải thoát mọi buộc ràng
 Cảm thọ tối thắng tịnh
 Niết-bàn, không sợ hãi
 Vị này đoạn lậu hoặc
 Bậc Giác ngộ, Trí giả
 Không dao động nhiễu loạn
 Nghi ngờ được chặt đứt

Đạt diệt tận mọi nghiệp
Giải thoát diệt sanh y
Là Thế Tôn là Phật
Bậc Sư tử vô thượng
Trong thế giới, Thiên giới
Chuyển bánh xe pháp luân
Như vậy hàng Thiên, Nhân
Đến quy y đức Phật
Gặp nhau đánh lễ Ngài
Vĩ đại không sanh hữu
Điều phục bậc tối thượng
Trong người được điều phục
An tịnh bậc ẩn sĩ
Những người được an tịnh
Giải thoát bậc tối thượng
Những người được giải thoát
Vượt qua bậc tối thắng
Những người được vượt qua
Như vậy họ lễ Ngài
Vĩ đại, không sanh hữu
Thiên giới, thế giới này
Không ai được bằng Ngài.

98 Thấy, nghe, cảm giác, thức tri - Như Lai không có dựng đứng lên - Kinh KÀLAKA – Tăng I, 594

KÀLAKA – Tăng I, 594

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàketa, tại khu vườn Kàlaka. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, cái gì trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý tư sát, tất cả Ta đều biết.

Này các Tỷ-kheo, cái gì trong toàn thế giới ... được ý tư sát, Ta đã được biết rõ như sau: "**Tất cả đều được Như Lai biết đến. Như Lai không có dựng đứng lên**". Này các Tỷ-kheo, nếu ta nói rằng: "Ta

biết tất cả, cái gì trong toàn thể giới ... được thấy, được ý tư sát". Như vậy, là có nói láo trong Ta. Nếu ta nói như sau: "Ta không biết và cũng không phải không biết". Như vậy, là có nói láo trong Ta. Như vậy có lỗi trong Ta.

Như vậy, này các Tỷ-kheo,

- Như Lai là vị **đã thấy** những gì cần thấy, nhưng **không có tưởng tượng** điều đã được thấy, không có tưởng tượng cái gì không được thấy, không có tưởng tượng những gì cần phải thấy, không có tưởng tượng đối với người thấy.
- Như Lai là vị **đã nghe** những gì cần nghe, nhưng không có tưởng tượng điều đã được nghe, không có tưởng tượng cái gì không được nghe, không có tưởng tượng những gì cần phải nghe, không có tưởng tượng đối với người nghe.
- Như Lai là vị **đã cảm giác** những gì cần cảm giác, nhưng không có tưởng tượng điều đã được cảm giác, không có tưởng tượng cái gì không được cảm giác, không có tưởng tượng những gì cần phải cảm giác, không có tưởng tượng đối với người cảm giác.
- Như Lai là vị **đã thức tri** những gì cần thức tri, nhưng không có tưởng tượng điều đã được thức tri, không có tưởng tượng cái gì không được thức

tri, không có tướng tượng những gì cần phải thức tri, không có tướng tượng đối với người thức tri.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai đối với các pháp được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, nên vị ấy là như vậy. Lại nữa, hơn người như vậy, không có ai khác tối thượng hơn và thù thắng hơn, Ta tuyên bố như vậy.

*Cái gì được thấy nghe
Được cảm giác chấp trước
Được nghĩ là chân thực
Bởi các hạng người khác
Giữa những người thấy vậy
Ta không phải như vậy
Những điều chúng tuyên bố
Dẫu là thật hay láo
Ta không xem tới hậu
Ta trong thời đã qua
Thấy được mũi tên này
Loài Người bị câu móc
Ta biết và Ta thấy
Các đức Phật Như Lai
Không tham đắm như vậy.*

99 Thấy, nghe, cảm giác, thức tri - Nói hay không nên nói - Kinh ĐIỀU ĐƯỢC NGHE – Tăng II, 145

ĐIỀU ĐƯỢC NGHE – *Tăng II, 145*

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá) tại Veluvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Bà-la-môn Vassakàra, vị đại thần nước Magadha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi. Sau khi nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi thân hữu, Bà-la-môn Vassakàra, vị đại thần nước Magadha bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, tôi nói như sau, thấy như sau:

- "Khi người nào nói lên điều mình thấy: "Tôi thấy như vậy". Do vậy, người ấy không có lỗi gì.
- Khi người nào nói lên điều mình nghe: "Tôi nghe như vậy". Do vậy, người ấy không có lỗi gì.
- Khi người nào nói lên điều mình cảm giác: "Tôi cảm giác như vậy". Do vậy, người ấy không có lỗi gì.

- Khi người nào nói lên điều mình tri thức: "Tôi tri thức như vậy". Do vậy, người ấy không có lỗi gì".

2. Nay Bà-la-môn,

- ⇒ **Ta không nói rằng:** "Tất cả điều được **thấy** cần phải nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được thấy không nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được **nghe** nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được nghe không nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được **cảm giác** nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được cảm giác không nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được **thức tri** nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được thức tri không nên nói ra".

3. Nay Bà-la-môn,

- ⇒ Phàm nói lên điều thấy gì, các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** tổn giảm, Ta nói rằng điều thấy như vậy không nên nói ra.
- ⇒ Phàm nói lên điều thấy gì, các pháp **bất thiện** tổn giảm, các pháp **thiện** tăng trưởng, Ta nói rằng điều thấy như vậy nên nói ra.
- ⇒ Phàm nói ra điều nghe gì ...
- ⇒ Phàm nói ra điều cảm giác gì ...
- ⇒ Phàm nói ra điều thức tri gì, các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** tổn giảm, Ta nói rằng điều thức tri như vậy không nên nói ra.
- ⇒ Phàm nói lên điều thức tri gì, các pháp **bất thiện** tổn giảm, các pháp **thiện** tăng trưởng, Ta nói rằng điều thức tri như vậy nên nói ra.

Rồi Bà-la-môn Vassakàra, vị đại thần xứ Magadha, hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn nói, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

**100 Thấy, nghe, cảm giác, thức tri - Tôi sẽ
không có thức y cứ vào... - Kinh
GIÁO GIỚI CẤP CÔ ĐỘC – 143
Trung III, 581**

KINH GIÁO GIỚI CẤP CÔ ĐỘC
(Anathapindikovada sutta)
– Bài kinh số 143 – Trung III, 581

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ),
Jetavana, (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông
Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, cư sĩ Cấp
Cô Độc bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Rồi cư sĩ
Cấp Cô Độc gọi một người:

– Hãy đến đây, này Bạn. Hãy đi đến Thế Tôn;
sau khi đến, nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Thế
Tôn và bạch như sau: "Bạch Thế Tôn, cư sĩ Cấp Cô
Độc bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Cấp Cô Độc xin
cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn". Rồi đi đến Tôn giả
Sariputta (Xá-lợi-phất), sau khi đến, nhân danh ta cúi
đầu đánh lễ Tôn giả Sariputta và thưa như sau: "Thưa
Tôn giả, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau, bị trọng

bệnh. Cấp Cô Độc xin cúi đầu đánh lễ Tôn giả Sariputta và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, lành thay, nếu Tôn giả Sariputta vì lòng từ mẫn, đi đến trú xứ của cư sĩ Cấp Cô Độc".

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người ấy vâng đáp cư sĩ Cấp Cô Độc, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ chân Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Xin cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Rồi người ấy đi đến Tôn giả Sariputta, sau khi đến đánh lễ Tôn giả Sariputta rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy thưa với Tôn giả Sariputta:

– Thưa Tôn giả, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, xin cúi đầu đánh lễ Tôn giả Sariputta và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, tốt lành thay, nếu Tôn giả Sariputta vì lòng từ mẫn đi đến trú xứ của cư sĩ Cấp Cô Độc".

Tôn giả Sariputta im lặng nhận lời. Rồi Tôn giả

Sariputta đáp y, cầm y bát, cùng với Tôn giả Ananda là thị giả, đi đến trú xứ của cư sĩ Cấp Cô Độc, sau khi đến liền ngồi lên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Tôn giả Sariputta nói với cư sĩ Cấp Cô Độc.

– Nay Cư sĩ, ta mong rằng Ông có thể kham nhẫn; Ta mong rằng Ông có thể chịu đựng. Ta mong rằng khổ thọ được giảm thiểu, không gia tăng, sự giảm thiểu được rõ rệt, không có gia tăng.

– Thưa Tôn giả Sariputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Sự khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sariputta, *ví như một người lực sĩ chém đầu (một người khác) với một thanh kiếm sắc bén*; cũng vậy, thưa Tôn giả Sariputta, những ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu con.

Thưa Tôn giả Sariputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sariputta, *như một người lực sĩ lấy một dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi xiết chặt*; cũng vậy, thưa Tôn giả Sariputta, con cảm thấy bị đau đầu một cách kinh khủng.

Thưa Tôn giả Sariputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sariputta, *như một người đồ tể thiện xảo hay đệ tử người đồ tể cắt ngang bụng với một con dao cắt thịt bò sắc bén; cũng vậy, thưa Tôn giả Sariputta, một ngon gió kinh khủng cắt ngang bụng của con.*

Thưa Tôn giả Sariputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sariputta, *ví như hai người lực sĩ, sau khi nắm cánh tay của một người yếu hơn, nướng người ấy, đốt người ấy trên một hố than hồng; cũng vậy, thưa Tôn giả Sariputta, một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân con.* Thưa Tôn giả Sariputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những thống khổ của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu.

– Do vậy, này Cư sĩ hãy học tập như sau: "**Tôi sẽ không chấp thủ con mắt, và tôi sẽ không có thức y cứ vào con mắt**". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ tai, và tôi sẽ không có thức y cứ vào

tai". Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ mũi... y cứ vào mũi... hãy học tập như vậy. Do vậy.. không chấp thủ lưỡi... y cứ vào lưỡi.... hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ thân.. y cứ vào thân.. hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ ý... y cứ vào ý.. hãy học tập như vậy.

Do vậy... không chấp thủ **sắc**... y cứ vào sắc.. hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ **tiếng**.. y cứ vào tiếng... hãy học tập như vậy. Do vậy.. không chấp thủ **hương**... y cứ vào hương... hãy học tập như vậy. Do vậy.... không chấp thủ vị... y cứ vào vị... hãy học tập như vậy. Do vậy... không chấp thủ xúc... y cứ vào xúc... hãy học tập như vậy. Do vậy, nay Cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ pháp, và tôi sẽ không có thức y cứ vào pháp". Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, nay Cư sĩ, hãy học tập như sau: "**Tôi sẽ không chấp thủ nhãn thức, và tôi sẽ không có thức y cứ vào nhãn thức**". Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy. "Tôi sẽ không chấp thủ **nhĩ thức**... Tôi sẽ không chấp thủ tỷ thức... Tôi sẽ không chấp thủ thiệt thức... Tôi sẽ không chấp thủ thân thức... Tôi sẽ không chấp thủ ý thức, và tôi sẽ không có thức y cứ vào ý thức". Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "**Tôi sẽ không chấp thủ nhãn xúc, và tôi sẽ không có thức y cứ vào nhãn xúc**". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. "Tôi sẽ không chấp thủ nhĩ xúc... Tôi sẽ không chấp thủ tỷ xúc... Tôi sẽ không chấp thủ thiệt xúc... Tôi sẽ không chấp thủ thân xúc.. Tôi sẽ không chấp thủ ý xúc, và tôi sẽ không có thức y cứ vào ý xúc". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "**Tôi sẽ không chấp thủ thọ do nhãn xúc sanh khởi, và tôi sẽ không có thức y cứ vào thọ do nhãn xúc sanh khởi**". Tôi sẽ không chấp thủ thọ do nhĩ xúc sanh khởi... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do tỷ xúc sanh khởi... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do thiệt xúc sanh khởi... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do thân xúc sanh khởi... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do ý xúc sanh khởi và tôi sẽ không có thức y cứ vào thọ do ý xúc sanh khởi". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "**Tôi sẽ không chấp thủ địa giới, và tôi sẽ không có thức y cứ vào địa giới**". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. "Tôi sẽ không chấp thủ thủy giới.. Tôi sẽ không chấp thủ hỏa giới... Tôi sẽ không chấp thủ phong giới... Tôi sẽ không chấp thủ hư không giới... Tôi sẽ không chấp thủ thức giới và tôi sẽ không có thức y cứ vào

thức giới". Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, nay Cư sĩ... **"Tôi sẽ không chấp thủ sắc, và tôi sẽ không có thức y cứ vào sắc"**. Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy. "Tôi sẽ không chấp thủ **tho**.. Tôi sẽ không chấp thủ tướng... Tôi sẽ không chấp thủ hành... Tôi sẽ không chấp thủ thức và tôi sẽ không có thức y cứ vào thức giới". Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy.... **"Tôi sẽ không chấp thủ Hư không vô biên xứ, và tôi sẽ không có thức y cứ vào Hư không vô biên xứ"**. Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy... "Tôi sẽ không chấp thủ Thức vô biên xứ... Tôi sẽ không chấp thủ Vô sở hữu xứ.. Tôi sẽ không chấp thủ Phi tướng phi phi tướng xứ, và tôi sẽ không có thức y cứ vào Phi tướng phi phi tướng xứ". Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, nay Cư sĩ, hãy học tập như sau: **"Tôi sẽ không chấp thủ thế giới ở đây và tôi sẽ không có thức y cứ vào thế giới ở đây"**. Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy... "Tôi sẽ không chấp thủ thế giới khác, và tôi sẽ không có thức y cứ vào thế giới khác". Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, nay Cư sĩ, hãy học tập như sau: **"Tôi sẽ không chấp thủ những gì được thấy, được nghe,**

được cảm thọ, được nhận thức, được hy cầu, được tư sát với ý, và tôi sẽ không có thức y cứ vào các pháp (nói trên)". Nay Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Khi nghe nói vậy, cư sĩ Cấp Cô Độc khóc và chảy nước mắt. Rồi Tôn giả Ananda nói với cư sĩ Cấp Cô Độc:

– Nay Cư sĩ, Ông đang gượng lên mà sống, hay chìm xuống (cõi chết)?

– Thưa Tôn giả Ananda, con không gượng lên mà sống, con đang chìm xuống cõi chết. Dầu cho bậc Đạo sư được con hầu hạ đã lâu và dầu các vị Tỷ-kheo, tu tập ý lực con chưa từng được nghe một thời thuyết pháp như vậy.

– Nay Cư sĩ, thuyết pháp như vậy không nói cho các hàng cư sĩ mặc áo trắng. Nay Cư sĩ, thuyết pháp như vậy nói cho các hàng xuất gia.

– Vậy thưa Tôn giả Sariputta, hãy thuyết pháp như vậy cho hàng cư sĩ mặc áo trắng. Thưa Tôn giả Sariputta, có những Thiện gia nam tử sanh ra với cấu uế không nhiều, nếu không được nghe pháp, sẽ bị đọa lạc; nhưng họ không thể biết được (Chánh) pháp.

Rồi Tôn giả Sariputta và Tôn giả Ananda sau

khi giảng dạy cho cư sĩ Cấp Cô Độc với bài thuyết giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi cư sĩ Cấp Cô Độc, sau khi Tôn giả Sariputta và Tôn giả Ananda ra đi không bao lâu, sau khi thân hoại mạng chung liền sanh lên cõi Tusita (Đâu-suất thiên). Rồi Thiên tử Cấp Cô Độc, khi đêm đã gần mãn, sau khi chói sáng toàn cảnh Jetavana (Kỳ-đà-Lâm) với dung sắc thù thắng đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Cấp Cô Độc nói lên với Thế Tôn bài kệ sau đây:

*Rừng Jetavana,
Tốt đẹp phước lành này,
Được chư Thiên, chúng Tăng,
Thường lui tới an trú,
Được Pháp Vương trú trì,
Ban hoan hỷ cho ta.*

*Nghiệp, mình và Chánh pháp,
Giới, tối thượng sanh mạng,
Chính nhờ các pháp trên,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải do giai cấp,
Không phải do tài sản.*

*Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy rõ mục đích mình,
Suy tư pháp chân chánh,*

*Được thanh tịnh ở đây.
Như Sariputta,
Về tuệ, giới, tịch tịnh,
Bất luận Tỷ-kheo nào,
Đã tới bờ bên kia,
Hãy đạt được tối thắng
Trong những pháp kể trên.*

Thiên tử Cấp Cô Độc nói như vậy. Bạc Đạo sư tán đồng. Rồi Thiên tử Cấp Cô Độc suy nghĩ: "Bạc Đạo sư tán đồng ta, " sau khi đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ.

Rồi Thế Tôn, khi đêm ấy đã mãn, gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, đêm nay, một vị Thiên tử, khi đêm đã gần mãn, chiếu sáng toàn cảnh Jetavana với dung sắc thù thắng đã đi đến Ta, sau khi đến đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên tử ấy nói lên với Ta bài kệ sau đây:

*Rừng Jetavana
Tốt đẹp phước lành này
.... (như trên)...
Hãy đạt được tối thắng
Trong những pháp kể trên.*

Nói vậy xong, này các Tỷ-kheo, vị Thiên tử ấy

suy nghĩ: "Bậc Đạo sư tán đồng ta, " sau khi đánh lễ thân phía hữu hướng về Ta, rồi biến mất tại chỗ.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có phải vị ấy là Thiên tử Cấp Cô Độc chăng? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Cấp Cô Độc có lòng tịnh tín bất động đối với Tôn giả Sariputta.

– Lành thay, lành thay, Ananda! Những gì có thể thành đạt được bởi suy tư đã được đạt đến, này Ananda. Chính Cấp Cô Độc là vị Thiên tử ấy, không một ai khác.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

101 Thấy, nghe, cảm giác, thức tri - Vị ấy không có tưởng đến - Kinh TUỞNG HAY TÁC Ý 1 – Tăng IV, 649

TUỞNG HAY TÁC Ý 1 – Tăng IV, 649

1. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có thể chẳng một Tỷ-kheo khi chứng được Thiên định, như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất, trong nước không tưởng đến nước, trong lửa không tưởng đến lửa, trong gió không tưởng đến gió, trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ, trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ, trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ, trong Phi tưởng phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi tưởng xứ, trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại, trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau, và *phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy nghĩ đến, trong ấy vị ấy không có tưởng đến.* Tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

2. Này Ānanda, có thể như vậy, một Tỷ-kheo khi chúng được Thiền định như vậy, có thể trong đất không tưởng đến đất, trong nước không tưởng đến nước, trong lửa không tưởng đến lửa, trong gió không tưởng đến gió, trong Không vô biên xứ, không tưởng đến Không vô biên xứ, trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ, trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ, trong Phi tưởng phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi tưởng xứ, trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại, trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau. Và phạm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy nghĩ đến, trong ấy vị ấy không có tưởng đến. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

3. *Nhưng bạch Thế Tôn, như thế nào một vị Tỷ-kheo khi chúng được Thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất, không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau, không tưởng đến thế giới đời sau... vị ấy có thể không có tưởng đến. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?*

4. Ở đây, này Ānanda, vì Tỷ-kheo tưởng như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn". Như vậy, này Ānanda, vị Tỷ-kheo khi chúng được Thiền

định như vậy, vị ấy có thể trong đất, không tưởng đến đất, trong nước không tưởng đến nước... trong thế giới đời sau, không tưởng đến thế giới đời sau... vị ấy không có tưởng đến. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

TƯỜNG HAY TÁC Ý 2 – Tăng IV,651

Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Thế Tôn, rồi đi đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda thưa với Tôn giả Sàriputta:

- *Thưa Tôn giả Sàriputta, có thể chẳng một Tỷ-kheo khi chứng được Thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất, trong nước không tưởng đến nước, trong lửa không tưởng đến lửa, trong gió không tưởng đến gió, trong Không vô biên xứ, không tưởng đến Không vô biên xứ, trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ, trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ, trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi*

tưởng phi phi tưởng xứ, trong thế giới hiện tại, trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau. Và phạm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tâm cầu đến, được ý suy nghĩ đến, trong ấy vị ấy không có tưởng đến. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

2. Nay Ànanda, **có thể như vậy**, một Tỷ-kheo khi chứng được Thiền định như vậy... được ý suy nghĩ đến, vị ấy không có tưởng đến. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

3. Nhưng thưa Tôn giả Sàriputta, như thế nào, một Tỷ-kheo, khi chứng được Thiền định như vậy... được ý suy nghĩ đến, vị ấy không có tưởng đến. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

4. Ở đây, này Hiền giả Ànanda, Tỷ-kheo tưởng như sau: "Đây là An tịnh, đây là thù thắng, tức là sự an tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn". Như vậy, này Hiền giả Ànanda, Tỷ-kheo khi chứng được Thiền định như vậy, có thể trong đất không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau, không tưởng đến thế giới đời sau... vị ấy không có tưởng đến. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

5. Thật vi diệu thay, thừa Hiền giả! Thật hy hữu thay, thừa Hiền giả! Sự giải thích của Đạo Sư và đệ tử tương hợp, tương hội không tương phản nhau, nghĩa với nghĩa, lời với lời, tức là đối với câu tối thượng. Thừa Hiền giả, vừa rồi tôi đã đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này, Thế Tôn với những câu thế này với những lời thế này, đã trả lời về ý nghĩa này, giống như Tôn giả Sàriputta. Thật vi diệu thay, Hiền giả! Thật hy hữu thay, Hiền giả! Sự giải thích của Đạo Sư và đệ tử sẽ tương hợp, sẽ tương hội, không tương phản nhau tức là về câu tối thượng.

TÁC Ý – Tăng IV,653

1. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có thể chẳng một Tỷ-kheo khi chứng được Thiền định như vậy, có thể không tác ý đến mắt, có thể không tác ý đến sắc, có thể không tác ý đến tai, có thể không tác ý đến tiếng, có thể không tác ý đến mũi, có thể không tác ý đến hương, có thể không tác ý đến lưỡi, có thể không tác ý đến vị, có thể không tác ý đến thân, có thể không tác ý đến xúc, có thể không tác ý đến đất, có thể không tác ý đến nước, có

thể không tác ý đến lửa, có thể không tác ý đến gió, có thể không tác ý đến Không vô biên xứ, có thể không tác ý đến Thức vô biên xứ, có thể không tác ý đến Vô sở hữu xứ, có thể không tác ý đến Phi tướng phi phi tướng xứ, có thể không tác ý đến đời này, có thể không tác ý đến đời sau. Phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy nghĩ đến, vị ấy có thể không có tác ý. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tác ý.

2. Nay Ànanda, có thể như vậy: Một Tỷ-kheo khi chứng được Thiền định như vậy, có thể không tác ý đến mắt, có thể không tác ý đến sắc... (như trên 9, 1)... được suy nghĩ đến, vị ấy có thể không có tác ý. **Tuy vậy, vị ấy vẫn có tác ý.**

3. Bạch Thế Tôn, nhưng thế nào, một Tỷ-kheo khi chứng được Thiền định như vậy, có thể không tác ý đến mắt, có thể không tác ý đến sắc... được ý suy nghĩ đến, vị ấy có thể không có tác ý. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tác ý?

4. Ở đây, nay Ànanda, Tỷ-kheo tác ý như sau: "**Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết bàn**". Như vậy, nay Ànanda, Tỷ-kheo khi chứng được Thiền định như vậy, vị ấy có thể không tác ý đến mắt, có thể không tác ý đến

sắc... được ý suy nghĩ đến, vị ấy có thể không có tác ý. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tác ý.

102 Thầy - 5 hạng thầy - Kinh KAKUDHA – Tăng II, 507

KAKUDHA – Tăng II, 507

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambì, tại khu vườn Ghosita. Lúc bảy giờ Kakudha, người Koliya, là thị giả của Tôn giả Mahàmoggallàna vừa mệnh chung và sanh ra với một thân do ý tạo, thân ấy với tự thể có được (to rộng) ví như hai hay ba thửa ruộng làng ở Magadha. Vì ấy, với tự thể như vậy, không làm cho tự mình hay làm cho người khác bị bệnh.

Rồi Thiên tử Kakudha đi đến Tôn giả Mahàmoggallàna; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Mahàmoggallàna rồi đứng một bên. Thiên tử Kakudha thưa với Tôn giả Mahàmoggallàna:

- Thưa Tôn giả, Devadatta có khởi lên ý muốn như sau: "Ta sẽ lãnh đạo chúng Tăng". Với tâm khởi lên như vậy, thưa Tôn giả, thần thông của Devadatta bị thối thất.

Thiên tử Kakudha nói lên như vậy, nói như vậy xong, đánh lễ Tôn giả Mahàmoggallàna, thân phía hữu hướng về ngài rồi biến mất tại chỗ. Rồi Tôn giả Mahàmoggallàna đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh

lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahàmoggallàna bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Kakudha, người xứ Koliya, là thị giả của con, mệnh chung không bao lâu, sanh ra với thân do ý tạo thành, thân ấy với tự thể có được (to rộng) ví như hai hay ba thửa ruộng làng ở Magadha. Vị ấy với tự thể như vậy, không làm cho tự mình hay làm cho người khác bị bệnh. Rồi Thiên tử Kakudha đi đến con; sau khi đến, đánh lễ con rồi đứng một bên. Thiên tử Kakudha, bạch Thế Tôn, Thiên tử Kakudha thưa với con: "Thưa Tôn giả, Devadatta có khởi lên ý muốn như sau: "Ta sẽ lãnh đạo chúng Tăng". Với tâm khởi lên như vậy. Thưa Tôn giả, thần thông của Devadatta bị thối thất". Thiên tử Kakudha, bạch Thế Tôn, nói lên như vậy. Nói như vậy xong, đánh lễ con, rồi thân phía hữu hướng về con rồi biến mất.

- Nay Moggallàna, có phải Thầy với tâm của mình biết được tâm của Thiên tử Kakudha rằng: "Điều gì Thiên tử Kakudha nói lên, tất cả đều là như vậy, không thể khác được"?

- Bạch Thế Tôn, với tâm của con, con biết được tâm của Thiên tử Kakudha rằng: "Điều gì Thiên tử Kakudha nói lên, tất cả đều là như vậy, không thể khác được".

- Nay Moggallàna, hãy phòng hộ lời nói này! Nay Moggallàna, hãy phòng hộ lời nói này. Nay kẻ ngu si ấy sẽ tự mình thấy rõ tự mình. Nay Moggallàna, có năm bậc Đạo sư này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là năm?

2. Ở đây, nay Moggallàna, có vị Đạo sư, giới không thanh tịnh lại tự cho rằng: "Ta có giới thanh tịnh. Giới của ta thanh tịnh, chói sáng, không có uế nhiễm". Nhưng các đệ tử biết về vị ấy như sau: "Tôn giả Đạo sư này có giới không thanh tịnh, lại tự nghĩa rằng: "ta có giới thanh tịnh. Giới của ta thanh tịnh, trong sáng, không uế nhiễm". Nếu ta tin cho các cư sĩ biết như vậy, thời vị Đạo sư sẽ không bằng lòng. Và nếu vị ấy không bằng lòng, thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới được". Và vị ấy nhận được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy, nay Moggallàna, các đệ tử che chở giới cho bậc Đạo sư, và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở về giới cho mình.

3. Lại nữa, nay Moggallàna ở đây có bậc Đạo sư mang sống không thanh tịnh, lại tự cho rằng: "Ta có mạng sống thanh tịnh. Mạng sống của ta thanh tịnh chói sáng, không có uế nhiễm". Nhưng các đệ tử biết

về vị ấy như sau: "Vị Tôn giả Đạo sư này có mạng sống không thanh tịnh, lại tự nghĩ rằng: "Ta có mạng sống thanh tịnh. Mạng sống của ta thanh tịnh, trong sáng, không uế nhiễm". Nếu chúng ta tin cho các cư sĩ biết như vậy, thời vị Đạo sư ấy không bằng lòng, và nếu vị ấy không bằng lòng thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới được". Và vị ấy nhận được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy, này Moggallàna, các đệ tử che chở mạng sống cho bậc Đạo sư và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở mạng sống cho mình.

4. Lại nữa, này Moggallàna, ở đây có bậc Đạo sư thuyết pháp không thanh tịnh, lại tự cho rằng: "Ta thuyết pháp thanh tịnh. Thuyết pháp của ta thanh tịnh, chói sáng, không có uế nhiễm". Nhưng các đệ tử biết về vị ấy như sau: "Tôn giả Đạo sư này thuyết giảng không thanh tịnh, lại tự nghĩ rằng: "Ta thuyết pháp thanh tịnh. Thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sáng, không uế nhiễm". Nếu chúng ta tin cho các cư sĩ biết như vậy, thời bằng lòng, thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới được". Và vị ấy nhận được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy, này

Moggallàna, các đệ tử phòng hộ sự thuyết pháp cho bậc Đạo sư, và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở thuyết pháp cho mình.

5. Lại nữa, này Moggallàna, ở đây có bậc Đạo sư trả lời không thanh tịnh, lại tự cho rằng: "Ta trả lời thanh tịnh. Trả lời của ta thanh tịnh, chói sáng, không có uế nhiễm". Nhưng các đệ tử biết về vị ấy như sau: "Tôn giả Đạo sư này trả lời không thanh tịnh, lại nghĩ rằng: "Ta trả lời thanh tịnh. Trả lời của ta thanh tịnh, chói sáng, không uế nhiễm". Nếu chúng ta tin cho các cư sĩ biết như vậy, thì vị Đạo sư sẽ không bằng lòng và nếu vị ấy không bằng lòng, thì chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới được". Và vị ấy được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy, này Moggallàna, các đệ tử che chở trả lời cho bậc Đạo sư, và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở trả lời cho mình.

6. Lại nữa, này Moggallàna, ở đây có bậc Đạo sư tri kiến không thanh tịnh, lại tự cho rằng: "Ta có tri kiến thanh tịnh. Tri kiến của ta thanh tịnh, chói sáng, không có uế nhiễm". Nhưng các đệ tử biết về vị ấy như sau: "Tôn giả Đạo sư này tri kiến không thanh tịnh, lại tự nghĩ rằng: "Ta có tri kiến thanh tịnh. Tri

kiến của ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm". Nếu chúng ta tin cho các cư sĩ biết như vậy, thời vị Đạo sư sẽ không bằng lòng và nếu vị ấy không bằng lòng, thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới được". Và vị ấy được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy, này Moggallàna, các đệ tử che chở tri kiến cho bậc Đạo sư, và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở tri kiến cho mình.

7. *Này Moggallàna, Ta có giới thanh tịnh, và Ta tự rõ biết: "Giới của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm". Các đệ tử không có che chở Ta về giới, và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở Ta về giới.*

Mạng sống của Ta thanh tịnh. Ta tự rõ biết: "Mạng sống của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm". Các đệ tử không có che chở Ta về mạng sống, và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở cho Ta về mạng sống.

Thuyết pháp của Ta thanh tịnh, Ta tự rõ biết: "Thuyết pháp của Ta thanh tịnh, Ta tự rõ biết: "Thuyết pháp của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm". Các đệ tử không có che chở Ta về thuyết pháp và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở Ta về thuyết pháp.

Các câu trả lời của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm". Các đệ tử không có che chở Ta về các câu trả lời, và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở Ta về các câu trả lời.

Tri kiến của Ta thanh tịnh, Ta tự rõ biết: "Tri kiến của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm". Các đệ tử không có che chở Ta về tri kiến, và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở Ta về tri kiến.

103 Thầy chó làm cho tự ngã trở thành thối nát - Kinh THỐI NÁT – Tăng I, 510

THỐI NÁT – Tăng I, 510

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Bārāṇasī, tại Isipatana vườn Nai.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Ba-la-nại để khát thực. Thế Tôn, trong khi đi khát thực tại Goyogapilakkha, gần cây sung, chỗ cột đàn bò, thấy một Tỷ-kheo hưởng thọ hương vị trống không, không có Thiền định, hưởng thọ hương vị hướng ngoại của dục vật, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, với tâm tán loạn, với các căn phóng túng. Thấy vậy, Thế Tôn liền nói với vị Tỷ-kheo ấy:

- Nay Tỷ-kheo, nay Tỷ-kheo! Thầy chó có làm cho tự ngã trở thành thối nát. Nay Tỷ-kheo, ai làm cho tự ngã thối nát đầy ứ, thoát ra toàn mùi hôi thối, rồi mong rằng các loài ruồi lằng sẽ không bu đậu, sẽ không có chiếm cứ, sự kiện như vậy không xảy ra.

2. Tỷ-kheo ấy được Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới như vậy, cảm thấy xúc động mạnh. Rồi Thế Tôn, sau khi đi khát thực ở Ba-la-nại xong, sau bữa ăn, sau khi đi khát thực trở về, bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, ở đây, sau khi đắp y vào buổi sáng, Ta cầm lấy y bát, đi vào Ba-la-nại để khát thực. Nay các Tỷ-kheo, trong khi đi khát thực tại Goyogapilakkha, Ta thấy một Tỷ-kheo hưởng thọ hương vị trống không, không có Thiên định, hưởng thọ hương vị hướng ngoại của dục vật, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, với tâm tán loạn, với các căn phóng túng. Thấy vậy, Ta liền nói với vị Tỷ-kheo ấy: *"Này Tỷ-kheo, này Tỷ-kheo! Thầy chớ có làm cho tự ngã trở thành thối nát. Này Tỷ-kheo, ai làm cho tự ngã thối nát đầy ứ, thoát ra toàn mùi hôi thối, rồi mong rằng: "Các loài ruồi lằng sẽ không bu đậu, sẽ không có chiếm cứ", sự kiện như vậy không xảy ra"*.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được ta giáo giới với lời giáo giới này, cảm thấy xúc động mạnh.

3. Khi nghe nói như vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thối nát cái gì, mùi hôi thối cái gì, các loài ruồi lằng là gì?

- *Tham cầu, là thối nát.*
- *Sân là mùi hôi thối.*
- *Các suy tầm ác bất thiện là ruồi lằng.*

Này các Tỷ-kheo, ai làm cho các tự ngã thối nát, đầy ứ, thoát ra mùi hôi thối, rồi mong rằng: *"Các loài*

ruồi lằng sẽ không bu đậu, sẽ không chiếm cứ", sự kiện như vậy không xảy ra.

*Tai mắt không giữ gìn
Các căn không phòng hộ
Ruồi lằng sẽ bu đậu
Các tư duy tham ái
Tỷ-kheo làm thói nát
Đầy ứ những mùi hôi
Xa thay là Niết-bàn!
Chịu phần về bất hạnh
Tại làng hay trong rừng
Tự ngã không an tịnh
Kẻ ngu và không trí
Đi đứng đầy ruồi lằng.*

*Ai đầy đủ giới luật
Thích tịch tịnh trí tuệ
Sống an tịnh hạnh phúc
Mọi ruồi lằng diệt trừ.*

104 Thầy thuốc - Thuốc xổ của bậc Thánh - Kinh Y THUẬT – Tăng IV, 537

Y THUẬT – Tăng IV, 537

1. Các y sư, này các Tỷ-kheo, cho thuốc xổ để chặn đứng các bệnh khởi lên từ mật, để chặn đứng các bệnh khởi lên từ đàm, để chặn đứng các bệnh khởi lên từ gió. Này các Tỷ-kheo, đây chỉ là thuốc xổ. Ta tuyên bố rằng đây không phải là không có, và này các Tỷ-kheo, thuốc xổ này có thành công và cũng có thất bại.

Và này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về thuốc xổ các bậc Thánh, thuốc xổ này thành công, không có thất bại. Do nhân thuốc xổ này nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già, các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là thuốc xổ bậc Thánh, thuốc xổ này thành công không có thất bại. Do duyên thuốc xổ bậc Thánh này nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh... các chúng sanh bị sâu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sâu, bi, khổ, ưu, não?

3. Nay các Tỷ-kheo,

- **Với người có chánh kiến, tà kiến bị xổ ra.** Các ác bất thiện pháp do duyên tà kiến sanh khởi nên các pháp ấy được xổ ra và các pháp thiện do duyên với chánh kiến đi đến viên mãn trong tu tập.
- Với người có chánh tư duy, thời tà tư duy bị xổ ra...
- Với người có chánh ngữ, thời tà ngữ bị xổ ra...
- Với người có chánh nghiệp, thời tà nghiệp bị xổ ra...
- Với người có chánh mạng, thời tà mạng bị xổ ra...
- Với người có chánh tinh tấn, thời tà tinh tấn bị xổ ra...
- Với người có chánh niệm, thời tà niệm bị xổ ra...
- Với người có chánh định, thời tà định bị xổ ra...
- Với người có chánh trí, thời tà trí bị xổ ra...

- Với người có chánh giải thoát, thời tà giải thoát bị xô ra. Các pháp ác bất thiện, do duyên tà giải thoát sanh khởi, các pháp ấy bị xô ra và các pháp thiện, duyên với chánh giải thoát đi đến viên mãn trong tu tập.

4. Nay các Tỷ-kheo, đây là thuốc xổ bậc Thánh, thuốc xổ này chỉ thành công, không thất bại. Do nhân thuốc xổ này nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già, các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não.

MỦA – 539tc4

(Giống như kinh 108, kinh trước dùng chữ xổ, kinh này dùng chữ mửa).

BÀI TIẾT – 540tc4

1. Có mười pháp này, này các Tỷ-kheo, cần phải **bài tiết**. Thế nào là mười?

2. Với người có chánh kiến, này các Tỷ-kheo, tà kiến bị bài tiết ra, ... (giống như hai kinh trước, chỉ chữ bài tiết cho chữ xô).

105 Thầy trò - 5 cách thầy trò cư xử với nhau - Kinh GIÁO THỌ THI-CÁ-LA-VIỆT – 31 Trường II, 529

KINH GIÁO THỌ THI-CÁ-LA-VIỆT
(*SINGALOVADA SUTTANTA*)
– Bài kinh số 31 – Trường II, 529

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời Thế Tôn sống ở Rājagaha (Vương Xá thành), tại Veluvana (Trúc Lâm), Kalandakanivāpa (chỗ tìm ăn của loài sóc). Lúc bấy giờ, **Singālaka (Thi-ca-la-việt), gia chủ tử**, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm nước, với tóc thấm nước, chấp tay đánh lễ các phương hướng, hướng Đông, hướng Nam, hướng Tây, hướng Bắc, hướng Hạ, hướng Thượng.

2. Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, cầm y bát vào thành Vương Xá khát thực. Thế Tôn thấy Singālaka, gia chủ tử, dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm nước, với tóc thấm nước, chấp tay đánh lễ các phương hướng, hướng Đông, hướng Nam, hướng Tây, hướng Bắc, hướng Hạ, hướng Thượng. Thấy

vậy Ngài nói với Singàlaka, gia chủ tử:

- Nay Gia chủ tử, vì sao Người dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm ướt, với tóc thấm ướt chấp tay đánh lễ các phương hướng, hướng Đông... hướng Thượng?

- Bạch Thế Tôn, thân phụ con khi gần chết có dặn con: " Nay con thân yêu, hãy đánh lễ các phương hướng ". Bạch Thế Tôn, con kính tín, cung kính, tôn trọng, đánh lễ lời nói của thân phụ con, buổi sáng dậy sớm, ra khỏi thành Vương Xá, với áo thấm ướt, với tóc thấm ướt, chấp tay đánh lễ các phương hướng, hướng Đông... hướng Thượng.

- Nay Gia chủ tử, trong luật pháp của bậc Thánh, lễ bái sáu phương không phải như vậy.

- Bạch Thế Tôn, trong luật pháp của bậc Thánh, thế nào là lễ bái sáu phương? Bạch Thế Tôn, trong luật pháp của bậc Thánh, đánh lễ sáu phương phải như thế nào? Lành thay! Thế Tôn hãy giảng pháp ấy cho con!

- Nay Gia chủ tử, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Singàlaka, gia chủ tử vâng lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

3. - Nay Gia chủ tử, đối với vị Thánh đệ tử, bốn nghiệp phiền não được diệt trừ, không làm ác nghiệp theo bốn lý do, không theo sáu nguyên nhân để phung phí tài sản. Vị này, do từ bỏ mười bốn ác pháp, trở thành vị che chở sáu phương; vị này đã thực hành để chiến thắng hai đời, vị này đã chiến thắng đời này và đời sau. Sau khi thân hoại mạng chung, vị này sanh ở thiện thú, Thiên giới.

Thế nào là bốn nghiệp phiền não đã được diệt trừ? Nay Gia chủ tử, đó là **ng nghiệp phiền não sát sanh, nghiệp phiền não trộm cắp, nghiệp phiền não tà dâm, nghiệp phiền não nói láo**. Bốn nghiệp phiền não này đã được trừ diệt.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

4. Thiện thế thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại giảng thêm:

*Sát sanh và trộm cắp,
Nói láo, lấy vợ người,
Kẻ trí không tán thán,
Những hạnh nghiệp như vậy.*

5. Thế nào là không làm ác nghiệp theo bốn lý do?

Ác nghiệp làm do tham dục, ác nghiệp làm do sân hận, ác nghiệp làm do ngu si, ác nghiệp làm do sợ hãi. Này Gia chủ tử, vì vị Thánh đệ tử không tham dục, không sân hận, không ngu si, không sợ hãi, nên không làm ác nghiệp theo bốn lý do.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

6. Thiện Thệ thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại giảng thêm:

*Ai phản lại Chánh pháp,
Vì tham, sân, bố, si,
Thanh danh bị sút mẻ
Như mặt trăng đêm khuyết.
Ai không phản Chánh pháp,
Vì tham, sân, bố, si,
Thanh danh được tròn đủ,
Như mặt trăng đêm đầy.*

7. Thế nào là không theo sáu nguyên nhân phung phí tài sản?

- Này Gia chủ tử, đam mê các loại rượu là nguyên nhân phung phí tài sản.

- Du hành đường phố phi thời là nguyên nhân phung phí tài sản.
- La cà đình đám hí viện là nguyên nhân phung phí tài sản.
- Đam mê cờ bạc là nguyên nhân phung phí tài sản.
- Giao du ác hữu là nguyên nhân phung phí tài sản.
- Quen thói lười biếng là nguyên nhân phung phí tài sản.

8. Nay Gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm:

- Tài sản hiện tại bị tổn thất,
- Đấu tranh tăng trưởng,
- Bệnh tật dễ xâm nhập,
- Thương tổn danh dự,
- Để lộ âm tàng,
- Và thứ sáu là trí lực tổn hại.

Nay Gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm như vậy.

9. Nay Gia chủ tử, du hành đường phổ phi thời có sáu nguy hiểm:

- Tự mình không được che chở hộ trì,
- Vợ con không được che chở hộ trì,
- Tài sản không được che chở hộ trì,
- Bị tình nghi là tác giả các ác sự,
- Nạn nhân các tin đồn thất thiệt,
- Tự rước vào thân nhiều khổ não.

Này Gia chủ tử, du hành đường phổ phi thời có sáu nguy hiểm như vậy.

10. Nay Gia chủ tử, la cà đình đám hý viện có sáu nguy hiểm:

- Luôn luôn tìm xem chỗ nào có múa, chỗ nào có ca, chỗ nào có nhạc, chỗ nào có tán tụng, chỗ nào có nhạc tay, chỗ nào có trống.

Này Gia chủ tử, la cà đình đám hý viện có sáu nguy hiểm như vậy.

11. Nay Gia chủ tử, đam mê cờ bạc có sáu nguy hiểm:

- Nếu thắng thì sanh oán thù,
- Nếu thua thì tâm sanh sầu muộn,
- Tài sản hiện tại bị tổn thất,
- Tại hội trường (pháp đình) lời nói không hiệu lực,
- Bằng hữu đồng liêu khinh miệt,
- Vấn đề cưới gả không được tín nhiệm vì người đam mê cờ bạc không xứng để có vợ.

Này Gia chủ tử, đam mê cờ bạc có sáu nguy hiểm như vậy.

12. Này Gia chủ tử, thân cận các ác hữu có sáu nguy hiểm:

- Những kẻ cờ bạc, loạn hành, nghiện rượu, những kẻ trá ngụy, lường gạt, bạo động là những người bạn, là những thân hữu của người ấy.

Này Gia chủ tử, thân cận ác hữu có sáu nguy hiểm như vậy.

13. Này Gia chủ tử, quen thói lười biếng có sáu nguy hiểm:

- "quá lạnh", không làm việc;
- "quá nóng", không làm việc;
- "quá trễ" không làm việc;
- "quá sớm", không làm việc;
- "tôi đói quá", không làm việc;
- "tôi quá no", không làm việc.

Trong khi những công việc phải làm lại không làm. Tài sản chưa có không xây dựng lên, tài sản có rồi bị tiêu thất. Này Gia chủ tử, quen thói lười biếng có sáu nguy hiểm như vậy. Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

14. Thiện Thệ thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại giảng thêm:

*Có bạn gọi bạn rượu,
Có bạn, bạn bằng mồi,
Bạn lúc thật hữu sự,
Mới xứng danh bạn bè.*

*Ngủ ngày, thông vợ người,
Ưu đấu tranh, làm hại,
Thân ác hữu, xan tham,
Sáu sự nã hại người.*

Ác hữu, ác bạn hữu,
Ác hạnh, hành ác xứ,
Đời này cả đời sau,
Hai đời, người bị hại.

Cờ bạc và đàn bà,
Rượu chè, múa và hát
Ngủ ngày, đi phi thời
Thân ác hữu, xan tham,
Sáu sự não hại người.

Chơi xúc xắc, uống rượu
Theo đuổi đàn bà người,
Lẽ sống của người khác,
Thân cận kẻ hạ tiện,
Không thân cận bậc trí,
Người ấy tự héo mòn,
Như trăng trong mùa khuyết.

Rượu chè không tiền của,
Khao khát, tìm tẩu điểm,
Bị chìm trong nợ nần,
Như chìm trong bốn nước,
Mau chóng tự hại mình,
Như kẻ mất gia đình.

Ai quen thói ngủ ngày,

*Thức trọn suốt đêm trường,
Luôn luôn say sướt mướt,
Không thể sống gia đình.*

*Ở đây ai hay than:
Ôi quá lạnh, quá nóng,
Quá chiều, quá trễ giờ,
Sẽ bỏ bê công việc.
Lợi ích, điều tốt lành,
Bị trôi dạt một bên.*

*Ai xem lạnh và nóng,
Nhẹ nhàng hơn cỏ lau,
Làm mọi công chuyện mình,
Hạnh phúc không từ bỏ.*

15. Nay Gia chủ từ, có bốn hạng người phải xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn:

- Người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn;
- Người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn;
- Người khéo nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn;

- **Người tiêu pha xa xỉ** phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

16. Nay Gia chủ tử, có bốn trường hợp người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn:

- Người vật gì cũng lấy,
- Cho ít xin nhiều,
- Vì sợ mà làm,
- Làm vì mưu lợi cho mình.

Nay Gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp người vật gì cũng lấy phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

17. Nay Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn:

- Tỏ lộ thân tình việc đã qua;
- Tỏ lộ thân tình việc chưa đến;
- Mua chuộc cảm tình bằng sáo ngữ;
- Khi có công việc, tự tỏ sự bất lực của mình.

Này Gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp, người chỉ biết nói giỏi phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

18. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, kẻ nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn:

- Đồng ý các việc ác;
- Không đồng ý các việc thiện;
- Trước mặt tán thán;
- Sau lưng chỉ trích.

Này Gia chủ tử, như vậy là bốn trường hợp kẻ nịnh hót phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

19. Này Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn:

- Là bạn khi mình đam mê các loại rượu;
- Là bạn, khi mình du hành đường phố phi thời;
- Là bạn khi mình la cà đình đám hý viện;
- Là bạn khi mình đam mê cờ bạc.

Này Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người

tiêu pha xa xỉ phải được xem không phải bạn, dầu tự cho là bạn.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

20. Thiện Thệ thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại giảng thêm:

*Người bạn gì cũng lấy,
Người bạn chỉ nói giỏi,
Người nói lời nịnh hót,
Người tiêu pha xa xỉ.
Cả bốn, không phải bạn,
Biết vậy, người trí tránh,
Như đường đầy sợ hãi.*

21. Nay Gia chủ tử, bốn loại bạn này phải được xem là bạn chân thật:

- Người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chân thật;
- Người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là bạn chân thật;
- Người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là bạn chân thật;
- Người bạn có lòng thương tưởng phải được

xem là bạn chân thật.

22. Nay Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn giúp đỡ phải được xem là bạn chân thật:

- Che chở cho bạn khi bạn vô ý phóng dật,
- Che chở của cải cho bạn khi bạn vô ý phóng dật,
- Là chỗ nương tựa cho bạn khi bạn sợ hãi,
- Khi bạn có công việc sẽ giúp đỡ cho bạn của cải gấp hai lần những gì bạn thiếu.

Nay Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn giúp đỡ phải được xem là người bạn chân thật.

23. Nay Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là người bạn chân thật:

- Nói cho bạn biết điều bí mật của mình;
- Giữ gìn kín điều bí mật của bạn;
- Không bỏ bạn khi bạn gặp khó khăn;
- Dám hy sinh thân mạng vì bạn.

Nay Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người

bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui phải được xem là người bạn chân thật.

24. Nay Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là người bạn chân thật:

- Ngăn chặn bạn không làm điều ác;
- Khuyến khích bạn làm điều thiện;
- Cho bạn nghe điều bạn chưa nghe;
- Cho bạn biết con đường lên cõi chư Thiên.

Nay Gia chủ tử, như vậy có bốn trường hợp, người bạn khuyên điều lợi ích phải được xem là người bạn chân thật.

25. Nay Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn thương tưởng phải được xem là người bạn chân thật:

- Không hoan hỷ khi bạn gặp hoạn nạn;
- Hoan hỷ khi bạn gặp may mắn;
- Ngăn chặn những ai nói xấu bạn;
- Khuyến khích những ai tán thán bạn.

Nay Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người bạn

thương tưởng phải được xem là người bạn chân thật.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

26. Thiện thế thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại giảng thêm:

*Bạn sẵn sàng giúp đỡ,
Bạn chung thủy khổ vui,
Bạn khuyến khích lợi ích,
Bạn có lòng thương tưởng.
Biết rõ bốn bạn này,
Người trí phục vụ họ,
Như mẹ đối con ruột.*

*Người trí giữ giới luật,
Sáng như lửa đôi cao.
Người tích trữ tài sản,
Như cử chỉ con ong.*

*Tài sản được chồng chất,
Như ụ mối đùn cao,
Người cư xử như vậy,
Chất chứa các tài sản,
Vừa đủ để lợi ích
Cho chính gia đình mình.*

Tài sản cần chia bốn
Để kết hợp bạn bè:
Một phần mình an hưởng,
Hai phần dành công việc,
Phần tư, phần để dành,
Phòng khó khăn hoạn nạn.

27. Nay Gia chủ tử, vị Thánh đệ tử hộ trì sáu phương như thế nào? Nay Gia chủ tử, sáu phương này cần được hiểu như sau:

- Phương Đông cần được hiểu là cha mẹ.
- Phương Nam cần được hiểu là sư trưởng.
- Phương Tây cần được hiểu là vợ con.
- Phương Bắc cần được hiểu là bạn bè.
- Phương Dưới cần được hiểu là tôi tớ, lao công.
- Phương Trên cần được hiểu là Sa-môn, Bà-la-môn.

28. Nay Gia chủ tử, có bốn trường hợp, người con phải phụng dưỡng cha mẹ như phương Đông:

- "Được nuôi dưỡng, tôi sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ;
- Tôi sẽ làm bốn phận đối với cha mẹ;

- Tôi sẽ gìn giữ gia đình và truyền thống;
- Tôi bảo vệ tài sản thừa tự;
- Tôi sẽ làm tang lễ khi cha mẹ qua đời".

Này Gia chủ tử, được con phụng dưỡng như phương Đông, theo năm cách như vậy.

Cha mẹ có lòng thương tưởng đến con theo năm cách:

- Ngăn chặn con làm điều ác;
- Khuyến khích con làm điều thiện;
- Dạy con nghề nghiệp,
- Cưới vợ xứng đáng cho con;
- Đúng thời trao của thừa tự cho con.

Này Gia chủ tử, như vậy là cha mẹ được con phụng dưỡng như phương Đông theo năm cách và cha mẹ có lòng thương tưởng con theo năm cách.

→ Như vậy phương Đông được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

29. Này Gia chủ tử, có năm cách, đệ tử phụng dưỡng các bậc sư trưởng như phương Nam:

- Đứng dậy để chào,
- Hào hạ thầy,
- Hăng hái học tập,
- Tự phục vụ thầy,
- Chú tâm học hỏi nghề nghiệp.

Này Gia chủ tử, được đệ tử phụng dưỡng như phương Nam theo năm cách như vậy.

Các bậc sư trưởng có lòng thương tưởng đến các đệ tử theo năm cách:

- Huấn luyện đệ tử những gì mình đã được khéo huấn luyện;
- Dạy cho bảo trì những gì mình được khéo bảo trì;
- Dạy cho thuần thục các nghề nghiệp;
- Khen đệ tử với các bạn bè quen thuộc;
- Bảo đảm nghề nghiệp cho đệ tử về mọi mặt.

Này Gia chủ tử, như vậy là bậc sư trưởng được đệ tử phụng dưỡng như phương Nam theo năm cách và sư trưởng có lòng thương tưởng đến đệ tử theo năm cách.

→ Như vậy phương Nam được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

30. Nay Gia chủ tử, có năm cách, người chồng phải đối xử với vợ như phương Tây:

- Kính trọng vợ;
- Không bắt kính đối với vợ;
- Trung thành với vợ;
- Giao quyền hành cho vợ;
- Sắm đồ nữ trang với vợ;

Nay Gia chủ tử, được chồng đối xử như phương Tây theo năm cách như vậy.

Người vợ có lòng thương tưởng chồng theo năm cách:

- Thi hành tốt đẹp bổn phận của mình;
- Khéo tiếp đón bà con;
- Trung thành với chồng;
- Khéo gìn giữ tài sản của chồng;
- Khéo léo và nhanh nhẹn làm mọi công việc.

Nay Gia chủ, người vợ được người chồng đối xử như

phương Tây theo năm cách.

Như vậy phương Tây được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

31. Nay Gia chủ tử, có năm cách vị thiện nam tử đối xử với bạn bè như phương Bắc:

- Bỏ thí,
- Ai ngữ,
- Lợi hành,
- Đồng sự,
- Không lường gạt.

Nay Gia chủ tử, được vị thiện nam tử đối xử như phương Bắc theo năm cách như vậy. Bạn bè có lòng thương kính vị thiện nam tử theo năm cách:

- Che chở nếu vị thiện nam tử phóng túng;
- Bảo trì tài sản của vị thiện nam tử nếu vị này phóng túng;
- Trở thành chỗ nương tựa khi vị thiện nam tử gặp nguy hiểm;
- Không tránh xa khi vị thiện nam tử gặp khó khăn;

- Kính trọng gia đình của vị thiện nam tử.

Như vậy các bạn bè được vị thiện nam tử đối xử như phương Bắc theo năm cách và bạn bè có lòng thương vị thiện nam tử theo năm cách.

Như vậy phương Bắc được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

32. Nay Gia chủ tử, có năm cách một vị Thánh chủ nhân đối xử với hàng nô bộc như phương Dưới:

- Giao việc đúng theo sức lực của họ;
- Lo cho họ ăn uống và tiền lương;
- Điều trị cho họ khi bệnh hoạn;
- Chia xẻ các mỹ vị đặc biệt cho họ;
- Thỉnh thoảng cho họ nghỉ phép.

Nay Gia chủ tử, các hàng nô bộc được Thánh chủ nhân đối xử như phương Dưới với năm cách như kia, có lòng thương đối với vị chủ nhân theo năm cách như sau:

- Dậy trước khi chủ dậy;
- Đi ngủ sau chủ;

- Tự bằng lòng với các vật đã cho;
- Khéo làm các công việc;
- Đem danh tiếng tốt đẹp cho chủ.

Này Gia chủ tử, các hàng nô bộc được vị Thánh chủ nhân đối xử như phương Dưới với năm cách, có lòng thương đối với Thánh chủ nhân theo năm cách. Như vậy phương Dưới được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

33. Này Gia chủ tử, có năm cách vị thiện nam tử đối xử với các vị Sa-môn, Bà-la-môn như phương Trên:

- Có lòng từ trong hành động về thân;
- Có lòng từ trong hành động về khẩu;
- Có lòng từ trong hành động về ý;
- Mở rộng cửa để đón các vị ấy;
- Cúng dường các vị ấy các vật dụng cần thiết.

Này Gia chủ tử, các vị Bà-la-môn, Sa-môn được vị thiện nam tử đối xử như phương Trên theo năm cách như vậy, có lòng thương vị thiện nam tử ấy theo năm cách sau đây:

- Ngăn họ không làm điều ác;

- Khuyến khích họ làm điều thiện;
- Thương xót họ với tâm từ bi,
- Dạy họ những điều chưa nghe, Làm cho thanh tịnh điều đã được nghe;
- Chỉ bày con đường đưa đến cõi Trời.

Này Gia chủ tử, các vị Sa-môn, Bà-la-môn được thiện nam tử đối xử như phương Trên với năm cách, có lòng thương thiện nam tử theo năm cách.

Như vậy phương Trên được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

34. Thiện thế thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại giảng thêm:

*Cha mẹ là phương Đông,
 Sư trưởng là phương Nam,
 Vợ chồng là phương Tây,
 Bạn bè là phương Bắc,
 Nô bộc là phương Dưới,
 Sa-môn, Bà-la-môn,
 Có nghĩa là phương Trên.
 Cư sĩ vì gia đình,*

*Đánh lễ phương hướng ấy,
Kẻ trí giữ giới, Luật,
Từ tốn và biện tài,
Khiêm nhường và nhu thuận,
Nhờ vậy được danh xưng.*

*Dậy sớm không biếng nhác,
Bất động giữa hiểm nguy,
Người hiền, không phạm giới,
Nhờ vậy được danh xưng.*

*Nhiếp chúng, tạo nên bạn,
Từ ái, tâm bao dung,
Dẫn đạo, khuyến hóa đạo,
Nhờ vậy được danh xưng.*

*Bố thí và ái ngữ,
Lợi hành bất cứ ai,
Đồng sự trong mọi việc,
Theo trường hợp xử sự.*

*Chính những nhiếp sự này,
Khiến thế giới xoay quanh,
Như bánh xe quay lăng,
Vòng theo trục xe chính.*

Nhiếp sự này vắng mặt,

*Không có mẹ hưởng thọ,
Hay không cha hưởng thọ,
Sự hiếu kính của con.*

*Do vậy bậc có trí,
Đối với nhiếp pháp này,
Như quán sát chấp trì,
Nhờ vậy thành vĩ đại,
Được tán thán, danh xưng.*

35. Khi được nghe vậy, Singàlaka, gia chủ tử bạch Thế Tôn:

- "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ này trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

106 Thầy tu - Người tu trong tương lai - Kinh Cái Chốt Trống – Tương II, 466

Cái Chốt Trống – *Tương II*, 466

- 1) Trú ở Sàvatthi.
- 2) Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, dân chúng Dasàrahà có một cái trống tên là Anaka.
- 3) Khi cái trống Anaka bắt đầu nứt ra, dân chúng Dasàrahà đóng vào một cái chốt khác. Cho đến một thời gian, này các Tỷ-kheo, cả cái thùng ván của trống Anaka biến mất và chỉ còn lại những cái chốt tụ tập lại.
- 4) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo sẽ thành trong tương lai.
- 5) Những bài kinh nào do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến không, họ sẽ không nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; họ sẽ không lắng tai; họ sẽ không an trú chánh tri tâm, và họ sẽ không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải thấu đáo.
- 6) Còn những bài kinh nào do các thi sĩ làm, những bài thơ với những danh từ hoa mỹ, với những câu

văn hoa mỹ, thuộc ngoại điển, do các đệ tử thuyết giảng, họ sẽ nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; họ sẽ lóng tai; họ sẽ an trú chánh tri tâm và họ sẽ nghĩ rằng, các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu đáo. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các kinh do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến *không*, **sẽ đi đến tiêu diệt**.

7) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "*Những bài kinh nào do Như Lai thuyết giảng, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến không, chúng tôi sẽ **nghe** khi các kinh ấy được thuyết giảng; chúng tôi sẽ **lóng tai**; chúng tôi sẽ **an trú chánh tri tâm**. Và chúng tôi sẽ **nghĩ rằng, các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải học thấu đáo***".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

107 Thầy tu - Người tu trong tương lai - Kinh Cỏ Rơm – Tương II, 467

Cỏ Rơm – *Tương II*, 467

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Vesàli (Tỳ-xá-ly), Mahàvana (Đại Lâm), Kùtàgàrasàlà (Trùng Các giảng đường).

2) Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo".

- "Thưa vâng bạch Thế Tôn".

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

3) -Sống trên các gồi rơm, này các Tỷ-kheo, là lối sống hiện nay của dân chúng Licchavi, không phóng dật, nhiệt tâm trong nhiệm vụ. Ajàtasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha không có được cơ hội, không có được đối tượng (để xâm lăng).

4) Trong tương lai, này các Tỷ-kheo, dân chúng Licchavi trở thành nhu nhược, tay chân mềm mỏng. Họ nằm trên những đồ nằm mềm mại. Họ ngủ cho đến mặt trời mọc trên những gồi bông. Ajàtasattu,

con bà Vedehi, vua nước Magadha, sẽ nắm được cơ hội, sẽ nắm được đối tượng (để xâm lăng).

5) **Sống trên các gôi rơm**, này các Tỷ-kheo, **là nếp sống hiện nay** của các Tỷ-kheo, không phóng dật, nhiệt tâm trong các nỗ lực. **Ác ma không có cơ hội, không có đối tượng (để xâm lăng).**

6) Trong **tương lai**, này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-kheo sẽ trở thành nhu nhược**, tay chân mềm mỏng. Họ nằm trên những đồ nằm mềm mại. **Họ ngủ cho đến mặt trời mọc trên những gôi bông.** **Ác ma sẽ nắm được cơ hội, sẽ nắm được đối tượng (để xâm lăng).**

7) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: **"Chúng tôi sẽ sống trên những gôi rơm, không phóng dật, nhiệt tâm trong nỗ lực".**

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

108 Thầy tu - Người tu trong tương lai - Kinh Jantu – Tương I, 142

Jantu – Tương I, 142

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời một số đông Tỷ-kheo trú ở Kosala (Câu-tát-la), trên sườn núi Himavanta (Tuyết sơn), tại một cốc nhỏ trong rừng. *Họ tự cao, tự mãn, dao động, lảo đảo, lảo đảo, ăn nói huyên thuyên, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tư tán loạn, các căn không chế ngự.*

2) Rồi **Thiên tử Jantu**, vào đêm Bố-tát, ngày rằm, đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến nói lên bài kệ với các Tỷ-kheo ấy:

*Các Tỷ-kheo thuở xưa,
Sống thật chơn an lạc,
Họ thật là đệ tử,
Bậc Đại Giác Cù-đàm.
Không ham tìm món ăn,
Không ham tìm chỗ trú,*

*Biết đời là vô thường,
Họ chấm dứt khổ đau.*

*Nay tự làm ác hạnh,
Như thôn trưởng trong làng.
Họ ăn, ăn ngả gục,
Thèm khát vật nhà người.
Con vái chào chúng Tăng,
Đánh lễ một vài vị
Kẻ khác, sống vất vưởng,
Không chỉ đạo, hướng dẫn.
*Họ giống như thân thể
Kẻ chết bị quăng bỏ.**

*Những ai sống phóng dật,
Vì họ con nói lên,
Những ai không phóng dật,
Chân thành, con đánh lễ.*

109 Thầy tu - Người tu trong tương lai - Kinh Không Chế Ngự Căn Hay Nhiều Tỷ Kheo – Tương I, 448

Không Chế Ngự Căn Hay Nhiều Tỷ Kheo – *Tương*
I, 448

1) Một thời, rất nhiều Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng nọ, *cống cao, ngạo mạn, ồn ào, lảm miêng, lảm lời, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn không chế ngự.*

2) Rồi một **vị Thiên** trú ở khu rừng ấy, vì lòng thương xót các Tỷ-kheo, muốn hạnh phúc, muốn cảnh giác, liền đi đến các Tỷ-kheo.

3) Sau khi đến, vị Thiên ấy nói lên những bài kệ với các Tỷ-kheo:

*Xưa sống thật an lạc,
Chúng đệ tử Cù-đàm,
Không tham tìm món ăn,
Không tham tìm chỗ trú,
Biết đời là vô thường,
Họ chấm dứt khổ đau.*

*Nay tự làm ác hạnh,
Như thôn trưởng trong làng,
Họ ăn, ăn ngã gục,
Thèm khát vật nhà người.*

*Con vái chào chúng Tăng,
Đảnh lễ một vài vị,
Vất vưởng, không hướng dẫn.
Họ sống như ngựa quỉ.*

*Những ai sống phóng dật,
Vì họ, con nói lên,
Những ai không phóng dật,
Chân thành con đảnh lễ.*

4) Các Tỷ-kheo ấy, được vị Thiên ấy cảnh giác, tâm hết sức xúc động.

110 Thầy tu - Người tu trong tương lai - Kinh SỞ HẢI TRONG TƯƠNG LAI 1 – Tăng II, 470

SỞ HẢI TRONG TƯƠNG LAI 1 – Tăng II, 470

1. - Này các Tỷ-kheo, do quán thấy **năm sợ hãi trong tương lai** này, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống ở rừng không phóng dật, nhiệt tình, tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Thế nào là năm?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ở rừng quán sát như sau: *"Nay ta sống một mình trong rừng. Khi ta sống một mình trong rừng, con rắn có thể cắn ta, con bò cạp có thể cắn ta, con rít có thể cắn ta. Do vậy, ta có thể mệnh chung. Như vậy là chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đạt những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ"*.

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ nhất này về tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống ở rừng không phóng dật, nhiệt tâm, tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc

những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ở rừng quán sát như sau: "Nay ta sống một mình trong rừng. Khi ta sống một mình trong rừng, ta có thể vấp ngã và té xuống, cơm ta ăn có thể làm ta mắc bệnh khi ăn, hay mật có thể làm ta khuấy động, hay niêm dịch (đàm) có thể làm ta khuấy động, các gió như kiếm có thể làm ta khuấy động, do vậy ta có thể mệnh chung. Như vậy là chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy hăng hái, cố gắng để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ".

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ hai này về tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống ở rừng không phóng dật, nhiệt tâm, tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ở rừng quán sát như sau: "Nay ta sống một mình trong rừng. Sống một mình trong rừng, ta chung sống với các loài thú nguy hiểm, như sư tử, cọp, báo, gấu, dã can. Chúng có thể đoạt mạng sống của ta, có thể làm ta mệnh chung. Như vậy là một sự chướng ngại cho ta.

Vậy ta hãy hăng hái tinh cần để chúng đạt những gì chưa chúng đạt, để chúng đắc những gì chưa chúng đắc, để chúng ngộ những gì chưa chúng ngộ".

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ ba này về tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống ở rừng không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, để chúng đạt những gì chưa chúng đạt, để chúng đắc những gì chưa chúng đắc, để chúng ngộ những gì chưa chúng ngộ.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ở rừng quán sát như sau: "Nay ta sống một mình trong rừng. Trong khi ta sống một mình trong rừng, ta chung sống với các loài ăn trộm, ăn cắp đã hành nghề. Chúng có thể đoạt mạng sống của ta, chúng có thể làm ta mạng chung và như vậy là một chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy hăng hái tinh tấn, để chúng đạt những gì chưa chúng đạt, để chúng đắc những gì chưa chúng đắc, để chúng ngộ những gì chưa chúng ngộ".

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ tư này về tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống ở rừng không phóng dật, nhiệt tâm, tinh tấn, để chúng đạt những gì chưa chúng đạt, để chúng đắc những gì chưa chúng đắc, để chúng ngộ những gì chưa chúng ngộ.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ở rừng quán sát như sau: "Nay ta sống một mình ở trong rừng. Ở trong rừng có những loài phi nhân nguy hiểm, chúng có thể đoạt mạng sống của ta làm ta mệnh chung, như vậy là một chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy hăng hái tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ".

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ năm này về tương lai, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo sống ở rừng, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy năm sợ hãi về tương lai này, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo sống ở rừng chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

SỢ HÃI TRONG TƯƠNG LAI 2 – Tăng II, 474

1. - Này các Tỷ-kheo, do quán thấy **năm sự sợ hãi về tương lai** này, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa

chúng đắc, chúng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Thế nào là năm?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát như sau: *"Nay ta còn trẻ, niên thiếu, còn thanh niên, tóc đen nhánh, trong buổi thanh xuân, trong sơ kỳ tuổi đời. Nhưng rồi đến thời già sẽ xúc chạm thân này. Khi đã già yếu, và bị già chinh phục, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các Đức Phật, thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ưa, không đáng thích, không khả ý, ta hãy hăng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nếu thành tựu trạng thái ấy, có bị già, ta sẽ sống được thoải mái".*

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ nhất này về tương lai, như vậy là vừa đủ để Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, để đạt đến... để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát như sau: *"Nay ta ít bệnh, ít ão, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn, nhưng rồi đến thời **bệnh** sẽ xúc phạm thân này. Khi đã bị bệnh và bị bệnh chinh*

phục, thật không dễ gì tác ý đến giáo pháp của các Đức Phật, thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ưa, không đáng thích, không khả ý, ta hãy hăng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nếu thành tựu trạng thái này, dầu có bị bệnh, ta sẽ sống được thoải mái".

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ hai này về tương lai, như vậy là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, để đạt đến... để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát như sau: "Nay không có đói kém, được mùa, đồ ăn khát thực dễ kiếm được, thật dễ dàng để nuôi sống bằng khát thực nỗ lực. Nhưng rồi đến thời có nạn đói, mất mùa, đồ ăn khát thực nỗ lực được, không dễ gì nuôi sống bằng khát thực nỗ lực. Và những người bị nạn đói sẽ dời đến chỗ nào được nhiều đồ ăn; tại đấy, phải sống với quần chúng, phải sống với hỗn tạp. Khi phải sống với quần chúng, phải sống với hỗn tạp, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các Đức Phật, thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến

với ta, không khả ý, ta hãy hăng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chúng đạt những gì chưa chúng đạt... để chúng ngộ những gì chưa chúng ngộ. Và nếu thành tựu trạng thái ấy, có bị đói kém, ta sẽ sống được thoải mái".

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ ba này về tương lai, như vậy là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, đạt đến... để chúng ngộ những gì chưa chúng ngộ.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát như sau: *"Nay các loài Người sống với nhau thuận hòa, hoan hỷ với nhau, không cãi lộn nhau, hòa hợp như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt ái kính. Nhưng rồi đến thời có sự sợ hãi về nạn cướp rùng, dân chúng trong nước leo lên xe để trốn tại chỗ nào có sự sợ hãi, dân chúng di động đến chỗ có sự an ổn. Tại đấy, phải sống với quần chúng, phải sống với hỗn tạp, thật không dễ với quần chúng, sống với hỗn tạp, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các Đức Phật, thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rùng núi cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ưa, không đáng thích, không khả ý, ta phải hăng hái tinh cần trước khi thời ấy đến để chúng đạt những gì chưa chúng đạt... để chúng ngộ những gì chưa chúng ngộ. Và nếu thành*

tự trạng thái ấy, có gặp sự sợ hãi, ta sẽ sống được thoải mái".

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ tư này về tương lai, như vậy là vừa đủ để Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, để đạt đến... để chúng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát như sau: *"Nay chúng Tăng hòa hợp, cùng nhau hoan hỷ, không tranh luận nhau, sống thoải mái cùng chung một lời dạy... nhưng rồi đến thời chúng Tăng chia rẽ.*

Khi chúng Tăng chia rẽ, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các Đức Phật. Thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi, cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ưa, không đáng thích, không khả ý, ta hãy hăng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chúng đạt những gì chưa chứng đạt... để chúng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nếu thành tự trạng thái ấy, chúng Tăng có chia rẽ, ta sẽ sống được thoải mái".

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ năm này về tương lai, như vậy là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, để đạt đến... chúng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy năm sợ hãi này về tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống không phóng, nhiệt tâm, tinh cần, để chúng đạt những gì chưa chứng đạt, chúng đắc những gì chưa chứng đắc, chúng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

SỢ HÃI TRONG TƯƠNG LAI 3 – Tăng II, 479

1. - Có **năm sợ hãi về tương lai** này, này các Tỷ-kheo, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng, sau khi rõ biết, cần phải tinh tấn đoạn trừ chúng. Thế nào là năm?

2. Này các Tỷ-kheo, sẽ có những vị Tỷ-kheo trong tương lai, thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, nếu họ thọ đại giới cho các người khác, họ sẽ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Các người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, họ sẽ thọ đại giới cho các người khác, họ không có thể huấn luyện trong tăng

thượng giới, trong tầng thượng tâm, trong tầng thượng tuệ. Các người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do Pháp ô nhiễm, nên Luật bị ô nhiễm; do Luật ô nhiễm, nên Pháp bị ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ nhất về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai; các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn trừ chúng.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, họ làm y chỉ sư cho các người khác. Họ không có thể huấn luyện trong tầng thượng giới, trong tầng thượng tâm, trong tầng thượng tuệ. Những người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Các người ấy, do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, lại làm y chỉ sư cho những người khác, họ không có thể huấn luyện trong tầng thượng giới, trong tầng thượng tâm, trong tầng thượng tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do Pháp

ô nhiễm, nên Luật bị ô nhiễm. Do Luật ô nhiễm, nên Pháp bị ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ hai về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn trừ chúng.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, **khí họ thuyết về Thắng pháp hay về Quảng thuyết (Trí giải luận), họ rơi vào hắc pháp, không có thể giác ngộ rõ ràng.** Này các Tỷ-kheo, đây là do ô nhiễm Pháp, nên sanh ô nhiễm Luật; do ô nhiễm Luật, nên sanh ô nhiễm Pháp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ ba về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận chúng.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai thân không tu tập, giới không tu tập,

tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, **đôi với các kinh tạng do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế, liên hệ đến không, khi các kinh ấy được thuyết giảng, họ không có nghe, họ không có lắng tai, họ không an trú tâm liễu giải, họ không nghĩ rằng các kinh ấy cần phải học tập, cần phải học thuộc lòng.** Còn những kinh điển do các thi sĩ làm, những bài thi, với những chữ văn hoa, với những câu văn hoa, thuộc ngoại điển do các đệ tử thuyết, trong khi các kinh ấy được thuyết giảng, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ lắng tai, họ an trú tâm liễu giải. Các pháp ấy, họ sẽ nghĩ cần phải học tập, cần phải học thuộc lòng. Nay các Tỷ-kheo, đây là do Pháp ô nhiễm, nên Luật ô nhiễm; do Luật ô nhiễm, nên Pháp ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ tư về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận sợ hãi ấy.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai **thân** không tu tập, **giới** không tu tập, **tâm** không tu tập, **tuệ** không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không

tu tập nên các trưởng lão Tỷ-kheo sẽ sống đầy đủ, biếng nhác dẫn đầu trong thói đọa, từ bỏ gánh nặng viễn ly, không có hăng hái tinh tấn để chúng đạt những gì chưa chúng đạt, để chúng đắc những gì chưa chúng đắc, để chúng ngộ những gì chưa chúng ngộ. Và quần chúng về sau sẽ đi theo tà kiến của họ. Họ sẽ trở thành những người sống đầy đủ, biếng nhác, dẫn đầu trong thói đọa, từ bỏ gánh nặng, viễn ly, sẽ không hăng hái tinh tấn để chúng đạt những gì chưa chúng đạt, để chúng đắc những gì chưa chúng đắc, để chúng ngộ những gì chưa chúng ngộ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do nhiệm ô về Pháp, đưa đến nhiệm ô về Luật; do nhiệm ô về Luật, đưa đến nhiệm ô về Pháp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ năm về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, cần phải tinh tấn để đoạn tận sợ hãi ấy.

Này các Tỷ-kheo, năm sợ hãi về tương lai này, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận sợ hãi ấy.

SỢ HÃI TRONG TƯƠNG LAI 4 – Tăng II, 484

1. - Có **năm sợ hãi về tương lai** này, hiện chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận sợ hãi ấy.

2. Nay các Tỷ-kheo, **các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn các y tốt đẹp**. Do họ tham muốn các y tốt đẹp, họ sẽ từ bỏ các y nhặt nơi đồng rác, họ sẽ từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng, họ sẽ đi đến các làng, thị trấn, kinh đô vua chúa và sống tại các chỗ ấy. Vì nhân y áo, họ sẽ rơi vào những hành vi tầm cầu không thích hợp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ nhất về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, cần phải tinh tấn để đoạn trừ sợ hãi ấy.

3. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, **những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn các đồ ăn khát thực ngon lành**. Do họ tham muốn các đồ ăn khát thực ngon lành, họ sẽ từ bỏ nếp sống khát thực, từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ đi vào các làng, thị trấn, kinh đô của vua và sinh

sống tại đây, tìm cầu các món ăn thượng vị, như vớ đầu lưỡi. Do nhân đồ ăn khát thực, họ sẽ rơi vào nhiều hành động tầm cầu không thích hợp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ hai về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai... để đoạn trừ sợ hãi ấy.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn sàng tọa tốt đẹp**. Do họ tham muốn các sàng tọa tốt đẹp, họ sẽ từ bỏ nếp sống dưới gốc cây, họ sẽ từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ đi vào các làng, thị trấn, kinh đô của vua và sinh sống tại đây. Vì nhân sàng tọa, họ sẽ rơi vào nhiều hành động tầm cầu không thích hợp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ ba về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai... để đoạn trừ sợ hãi ấy.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ sống liên hệ với Tỷ-kheo-ni, các chánh học nữ, các Sa-di-ni**. Khi sống liên hệ với Tỷ-kheo-ni, chánh học nữ, Sa-di-ni, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là: Họ sẽ không thích thú sống Phạm hạnh, hay họ sẽ rơi vào một trong những tội

lỗi ô nhiễm, sẽ từ bỏ học pháp và trở lui lại đời sống thế tục.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ tư về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi... để đoạn trừ sợ hãi ấy.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai sống liên hệ với các người có hệ lụy đến khu vườn, với các Sa-di. Khi sống liên hệ với các người có hệ lụy đến khu vườn và với các Sa-di, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là họ sẽ sống và tận hưởng các vật liệu cất chứa, và họ sẽ làm các thô tướng đối với đất đai và đối với các sản phẩm trồng trọt.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ năm về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận sự sợ hãi ấy.

Năm sự sợ hãi về tương lai này, này các Tỷ-kheo, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận những sợ hãi ấy.

111 Thầy tu - Vì lòng thương tưởng chúng sinh trong tương lai - Kinh SỢ HÃI VÀ KHIẾP ĐẢM – 4 Trung I, 41

KINH SỢ HÃI VÀ KHIẾP ĐẢM

(**Bhayabherava sutta**)

– Bài kinh số 4 – *Trung I*, 41

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Bà-la-môn Janussoni đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Janussoni bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, có những Thiện nam tử, vì lòng tin Tôn giả Gotama, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với những vị này, Tôn giả Gotama là vị lãnh đạo. Đối với những vị này, Tôn giả Gotama giúp ích rất nhiều. Đối với những vị này, Tôn giả Gotama là vị khích lệ sách tấn. Các vị này chấp nhận tuân theo quan điểm của Tôn giả Gotama.

– Này Bà-la-môn, thật sự là vậy. Này Bà-la-môn, thật sự là vậy. Này Bà-la-môn, có những Thiện nam tử, vì lòng tin nơi Ta, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ta là vị lãnh đạo của họ. Ta đã giúp ích rất nhiều cho họ. Ta là vị khích lệ sách tấn cho họ. Và các vị này chấp nhận tuân theo quan điểm của Ta.

– Tôn giả Gotama, **thật khó kham nhẫn những trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn đời sống viễn ly! Thật khó thưởng thức đời sống độc cư! Con nghĩ rằng rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỷ-kheo chưa chứng Thiền định.**

– Này Bà-la-môn, thật sự là vậy. Này Bà-la-môn, thật khó kham nhẫn những trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn, đời sống viễn ly! Thật khó thưởng thức đời sống độc cư! Ta nghĩ rằng rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỷ-kheo chưa chứng Thiền định.

– Này Bà-la-môn, xưa kia khi Ta chưa chứng ngộ chánh đẳng giác, khi còn là Bò-tát, Ta nghĩ như sau: "Thật khó kham nhẫn những trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn, đời sống viễn ly! Thật khó thưởng thức đời sống độc cư! Ta nghĩ rằng rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỷ-kheo

chưa chứng Thiên định!" Này Bà-la-môn, rồi Ta suy nghĩ: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, **thân nghiệp không thanh tịnh**, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước, thân nghiệp không thanh tịnh, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có thân nghiệp không thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Thân nghiệp Ta thanh tịnh. Ta là một trong những bậc Thánh, với thân nghiệp thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát thân nghiệp hoàn toàn thanh tịnh này, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn, hay Bà-la-môn nào, có **khẩu nghiệp** không thanh tịnh... (như trên)... có **ý nghiệp** không thanh tịnh... (như trên)... có **mạng sống** không thanh tịnh sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước mạng sống không thanh tịnh, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có mạng sống không thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Mạng sống Ta thanh tịnh. Ta là một trong những bậc Thánh, với mạng sống thanh

tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát mạng sống hoàn toàn thanh tịnh này, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *tham dục, có ái dục cường liệt*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước tham dục, có ái dục cường liệt, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có tham dục, ái dục cường liệt, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta không có tham dục, Ta là một trong những bậc Thánh, không có tham dục, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta không có tham dục như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có *tâm sân hận ác ý*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước, có tâm sân hận ác ý, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có tâm sân hận, ác ý, sống

tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta có từ tâm. Ta là một trong những bậc Thánh có từ tâm, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta có từ tâm như vậy, Ta cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *bị hôn trầm thụy miên chi phối*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước bị hôn trầm thụy miên chi phối, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không bị hôn trầm thụy miên chi phối, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta không có hôn trầm thụy miên. Ta là một trong những bậc Thánh không có hôn trầm thụy miên, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta không có hôn trầm thụy miên như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *dao động*, tâm không an tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân

nhằm trước bị dao động, tâm không an tịnh, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có dao động, tâm không phải không an tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta không có dao động, tâm được an tịnh. Ta là một trong những bậc Thánh không có dao động, tâm được an tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát tâm Ta được an tịnh như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *ngghi hoặc, do dự*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhằm trước nghi hoặc, do dự, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có nghi hoặc, do dự, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta diệt trừ được do dự. Ta là một trong những bậc Thánh diệt trừ được nghi hoặc, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát tâm Ta diệt trừ được nghi hoặc như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *khen mình, chê người* sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước khen mình, chê người, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có khen mình, chê người, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta không có khen mình, không có chê người, Ta là một trong những bậc Thánh không có khen mình, không có chê người, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát tâm Ta không có khen mình, không có chê người như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *run rẩy, sợ hãi* sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước run rẩy, sợ hãi, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có run rẩy, sợ hãi, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta không có lông tóc dựng ngược, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta không có lông tóc dựng ngược, Ta là một trong

những bậc Thánh, không có lông tóc dựng ngược như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta là người ít dục. Ta là một trong những bậc Thánh ít dục, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta là người ít dục như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *biếng nhác, kém tinh tấn*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước biếng nhác, kém tinh tấn, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có biếng

nhắc, kém tinh tấn, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta siêng năng, tinh tấn. Ta là một trong những bậc Thánh siêng năng, tinh tấn, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta siêng năng, tinh tấn như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *thất niệm, không tỉnh giác*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước thất niệm, không tỉnh giác, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có thất niệm, không phải không tỉnh giác, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta an trú niệm. Ta là một trong những bậc Thánh an trú niệm, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta quán sát Ta an trú niệm như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *không định tĩnh, tâm bị tán loạn*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân

nhiễm trước không định tĩnh, tâm bị tán loạn, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta được định tĩnh, tâm không bị tán loạn sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta thành tựu định tâm. Ta là một trong những bậc Thánh thành tựu định tâm, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta thành tựu định tâm như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *liệt tuệ, đần độn*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Do nguyên nhân nhiễm trước liệt tuệ, đần độn, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có liệt tuệ, đần độn, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta thành tựu trí tuệ. Ta là một trong những bậc Thánh thành tựu trí tuệ, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta thành tựu trí tuệ như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "*Trong những đêm được biết đến,*

được xác định, đêm mười bốn, đêm mười lăm, đêm mồng tám mỗi nửa tháng, trong những đêm như vậy, Ta hãy đến ở tại các trú xứ hãi hùng, lông tóc dựng ngược, như tự miếu tại các thảo viên, tự miếu tại các rừng núi, tự miếu tại các cây cối, để Ta có thể thấy sự sợ hãi khiếp đảm ấy".

Này Bà-la-môn, sau một thời gian, trong những đêm được biết đến, được xác định, đêm mười bốn, đêm mười lăm, đêm mồng tám mỗi nửa tháng, trong những đêm như vậy, Ta đến ở tại các trú xứ hãi hùng, lông tóc dựng ngược như vậy, như tự miếu tại các thảo viên, tự miếu tại các rừng núi, tự miếu tại các cây cối. Này Bà-la-môn, trong khi ta ở tại các chỗ ấy, một con thú có thể đến, hay một con công làm rơi một cành cây, hay gió làm rung động các lá rơi; Ta khởi lên ý nghĩ: "*Nay sự sợ hãi khiếp đảm ấy đã đến!*". Này Bà-la-môn, rồi Ta suy nghĩ: "*Sao Ta ở đây, chỉ để mong đợi sự sợ hãi khiếp đảm chớ không gì khác? Trong bất cứ hành vi cử chỉ nào của Ta mà sự sợ hãi khiếp đảm ấy đến, trong hành vi cử chỉ ấy, Ta hãy trừ diệt sự sợ hãi khiếp đảm ấy*".

- Này Bà-la-môn *trong khi Ta đi kinh hành* qua lại mà sự sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì này Bà-la-môn, Ta không đứng, Ta không ngồi, Ta

*không nằm, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp
đảm ấy trong khi Ta đi kinh hành qua lại.*

- *Này Bà-la-môn, trong khi Ta đang đứng mà
sợ sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì này Bà-la-
môn, Ta không kinh hành qua lại, Ta không
ngồi, Ta không nằm, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi
khiếp đảm ấy trong khi Ta đang đứng.*
- *Này Bà-la-môn, trong khi Ta đang ngồi mà sợ
hãi khiếp đảm ấy đến, thì này Bà-la-môn, Ta
không nằm, Ta không đứng, Ta không kinh
hành qua lại, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp
đảm ấy trong khi Ta đang ngồi.*
- *Này Bà-la-môn, trong khi Ta đang nằm mà sợ
hãi khiếp đảm ấy đến, thì này Bà-la-môn, Ta
không ngồi, Ta không đứng, Ta không kinh
hành qua lại, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp
đảm ấy trong khi Ta đang nằm.*

Này Bà-la-môn, có một số Sa-môn, Bà-la-môn
nghĩ rằng ngày giống như đêm, nghĩ rằng đêm giống
như ngày. Như vậy, Ta nói rằng những Sa-môn, Bà-
la-môn ấy sống trong si ám.

Này Bà-la-môn, Ta nghĩ rằng đêm là đêm, nghĩ
rằng ngày là ngày. Này Bà-la-môn, ai nói một cách
chơn chánh sẽ nói như sau: "Vị hữu tình nào không
có si ám, sinh ra ở đời vì hạnh phúc cho muôn loài,

vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người. Vị ấy khi nói một cách chân chánh về Ta sẽ nói như sau: *"Là vị hữu tình không có si ám, sinh ra ở đời vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người"*.

Này Bà-la-môn, Ta tinh cần, tinh tấn, không lười biếng. *Ta an trú chánh niệm, không có loạn, thân được khinh an, không có dao động, tâm được định tĩnh, chuyên nhất.* Này Bà-la-môn, *Ta ly dục, ly các ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất*, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Diệt tầm, diệt tứ, Ta chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc và xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, Ta chứng và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm *định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy*, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến *túc mạng trí*. Ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như

một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, các món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ này. Tại chỗ này, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, các món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ này, Ta được sanh ra ở đây". Như vậy Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Nay Bà-la-môn, **trong đêm canh đầu Ta chứng được minh thứ nhất, vô minh diệt, minh sanh**; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, **Ta dẫn tâm, hướng tâm đến sanh tử trí về chúng sanh**. Ta với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng

sanh làm những ác hạnh về thân, ác hạnh về lời nói, ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Nay Bà-la-môn, **trong đêm canh giữa, Ta chúng được minh thứ hai, vô minh diệt, minh sanh;** bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, **Ta dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí.** Ta thắng tri như thật: "Đây là khổ", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", thắng tri như thật: "Đây là khổ diệt", thắng tri như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", thắng tri như thật:

"Đây là những lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân các lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây là các lậu hoặc diệt", thắng tri như thật: "Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc diệt". Nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên trí hiểu biết: Ta đã giải thoát. Ta đã thắng tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Nay Bà-la-môn, **trong đêm canh ba, Ta chứng được minh thứ ba, vô minh diệt, minh sanh**; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật nhiệt tâm tinh cần.

Nay Bà-la-môn, Ông có thể có tư tưởng như sau: "Nay Sa-môn Gotama chưa diệt trừ tham, chưa diệt trừ sân, chưa diệt trừ si, nên sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, chớ có hiểu như vậy. Do Ta quán sát hai mục đích mà Ta sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu: **Tự thấy sự hiện tại lạc trú và vì lòng thương tưởng chúng sanh trong tương lai**.

– Chúng sanh trong tương lai được Tôn giả Gotama thương tưởng, vì Tôn giả là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Như

người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử; từ này trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

112 Thật khó khăn sống không cung kính - Kinh TẠỊ URUVELÀ 1 – Tăng I, 585

TẠỊ URUVELÀ 1 – *Tăng I*, 585

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetanava, ở khu vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

- Một thời, này các Tỷ-kheo, Ta trú ở Uruvelà trên bờ sông Nerañjarà, dưới cây bàng Ajapàla, **khí mới thành Chánh giác**. Trong khi Ta Thiên tịnh độc cư, này các Tỷ-kheo, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật là khó khăn, sống không cung kính, không vâng lời, vậy Ta hãy cung kính, đánh lễ và sống y chỉ vào một vị Sa-môn hay Bà-la-môn".

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ:

- "Với mục đích làm cho đầy đủ **giới uẩn** chưa được đầy đủ, Ta hãy cung kính, đánh lễ và sống y chỉ vào một vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào

khác. Nhưng Ta không thấy một chỗ nào trong thế giới chư Thiên, Ác ma và Phạm thiên, giữa quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên hay loài Người, không có một vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác với giới đầy đủ hơn Ta, mà ta có thể sống cung kính, đánh lễ, sống y chỉ.

- Với mục đích làm cho đầy đủ **định uẩn** chưa được đầy đủ, Ta hãy cung kính, đánh lễ và sống y chỉ vào một vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác ...
- Với mục đích làm cho đầy đủ **tuệ uẩn** chưa được đầy đủ, Ta hãy cung kính, đánh lễ và sống y chỉ vào một vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác ...
- Với mục đích làm cho đầy đủ **giải thoát uẩn** chưa được đầy đủ, Ta hãy cung kính, đánh lễ và sống y chỉ vào một vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác. Nhưng Ta không thấy một chỗ nào trong thế giới chư Thiên, Ác ma và Phạm thiên, giữa quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên hay loài Người, không có một vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác với giới đầy đủ hơn Ta, mà ta có thể sống cung kính, đánh lễ, sống y chỉ.

Rồi này các Tỷ-kheo, ta suy nghĩ như sau: *"Với pháp này mà Ta đã chơn chánh giác ngộ, Ta hãy cung kính đánh lễ và sống y chỉ pháp ấy"*.

2. Rồi Phạm thiên Sahampati với tâm tư của mình biết tâm tư của ta, như một nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra. Cũng như vậy, Phạm thiên Sahampati biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt ta.

Rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y vào một bên vai, với đầu gối chân mặt quỳ trên đất, chắp tay hướng đến ta và thưa với ta: *"Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ!"*

Bạch Thế Tôn, trong thời quá khứ, các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, chư Tôn giả ấy đã cung kính đánh lễ, sống y chỉ vào Chánh pháp.

Bạch Thế Tôn, trong thời vị lai, các vị sẽ thành A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, các Tôn giả ấy sẽ cung kính đánh lễ, sống y chỉ vào Chánh pháp.

Bạch Thế Tôn, mong rằng thời hiện tại, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, hãy cung kính đánh lễ, sống y chỉ vào Chánh pháp".

Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói như vậy, lại nói thêm như sau:

*Chư Phật thời quá khứ
Chư Phật thời vị lai
Và đức Phật hiện tại
Đoạn sầu muộn nhiều người.
Tất cả các vị ấy
Đã đang và sẽ sống
Cung kính và đánh lễ
Pháp chơn chánh vi diệu
Pháp nhĩ là như vậy
Đối với chư Phật-đà.*

*- Vậy muốn lợi cho mình
Ước vọng làm đại nhân
Hãy cung kính đánh lễ
Pháp chơn chánh vi diệu
Hãy ghi nhớ giáo pháp
Chư Phật Chánh Đẳng Giác.*

Này các Tỷ-kheo, Phạm Thiên Sahampati nói như vậy; nói vậy xong, đánh lễ ta, thân hữu hướng về bên ta rồi biến mất tại chỗ. Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi biết được thỉnh nguyện của Phạm thiên, và thích ứng với Ta, Ta sống cung kính, tôn trọng và y chỉ pháp ấy và ta đã tự Chánh Đẳng Giác. Và này các Tỷ-

kheo, vì rằng chúng Tăng thành tựu sự cao cả nên Ta tôn trọng đặc biệt chúng Tăng.

113 Thật không xứng đáng nếu có thiên vị

- TIỂU KINH ĐOẠN TẬN ÁI - 37

Trung I, 549

TIỂU KINH ĐOẠN TẬN ÁI (**Culatanhasankhava sutta**)

– Bài kinh số 37 – *Trung I*, 549

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Savatthi (Xá-vệ), Đông Viên (Pubbarama), giảng đường Lộc Mầu (Migaramatu). Rồi Thiên chủ Sakka đến tại chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Thiên chủ Sakka đứng một bên bạch Thế Tôn.

– Bạch Thế Tôn, nói một cách tóm tắt, đến mức độ nào, một Tỷ-kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người?

– Ở đây, này Thiên chủ, Tỷ-kheo được nghe như sau: **"Thật không xứng đáng, nếu có thiên vị đối với tất cả pháp"**.

- Nay Thiên chủ, nếu Tỷ-kheo được nghe như sau:
"Thật không xứng đáng, nếu có thiên vị đối với tất cả pháp", vị ấy biết rõ tất cả pháp.
- Sau khi biết rõ tất cả pháp, vị ấy biết một cách rốt ráo tất cả pháp.
- Do biết một cách rốt ráo tất cả pháp, nếu có một cảm thọ nào, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy.
- Vị ấy nhờ sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy, nên không chấp trước một vật gì ở đời.
- Do không chấp trước nên không phiền não, do không phiền não, vị ấy chứng đạt Niết-bàn. Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa". Nay Thiên chủ, một cách tóm tắt, đến mức độ như vậy, một Tỷ-Kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người.

Rồi Thiên chủ Sakka, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn thuyết giảng, đánh lễ Thế Tôn, thân bên

hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahamoggallana ngồi cách Thế Tôn không xa. Rồi Tôn giả Mahamoggallana suy nghĩ: "Không hiểu Dạ-xoa (Yakkha) kia, sau khi hoan hỷ lời Thế Tôn dạy, có tín thọ hay không? Ta hãy tìm biết Dạ-xoa kia, sau khi hoan hỷ lời Thế Tôn dạy, có tín thọ hay không?"

Rồi Tôn giả Mahamoggallana, như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất ở Đông Viên Lộc Mẫu giảng đường và hiện ra ở giữa chư thiên cõi trời Ba mươi ba. Lúc bấy giờ Thiên chủ Sakka, với đầy đủ năm trăm nhạc khí chư thiên, đang vui chơi tại vườn Nhất bạch liên. Thiên chủ Sakka thấy Tôn giả từ xa đến, bảo năm trăm nhạc khí chư thiên dừng nghỉ, đi đến Tôn giả Mahamoggallana, sau khi đến, thưa với Tôn giả Mahamoggallana: "Hãy đến đây, Thiện hữu Moggallana; thiện lai, Thiện hữu Moggallana! Nay Thiện Hữu Moggallana, lâu lắm Thiện hữu mới có dịp đến đây. Hãy ngồi, Thiện hữu Moggallana, trên chỗ đã soạn sẵn". Tôn giả Mahamoggallana, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Còn Thiên chủ Sakka lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Mahamoggallana nói với Thiên chủ Sakka đang ngồi xuống một bên:

– Nay Kosiya, về lời thuyết giảng mà Thế Tôn đã nói cho Ông một cách tóm tắt, thật tốt lành cho chúng tôi, nếu được nghe chỉ một phần lời thuyết giảng ấy.

– Thiện hữu Moggallana, chúng tôi bận nhiều công việc, chúng tôi có nhiều việc phải làm, việc làm cho chúng tôi và việc làm cho chư thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Lại nữa, nay Thiện hữu Moggallana, lời thuyết giảng ấy được khéo nghe, khéo nắm vững, khéo suy tư, khéo thẩm lự nên không thể mau quên được. Nay Thiện hữu Moggallana, xưa kia phát khởi chiến tranh giữa chư Thiên và chúng Asura (A-tu-la). Nay Thiện hữu Moggallana, trong trận chiến này, chư Thiên thắng, chúng Asura bại. Nay thiện hữu Moggallana, sau khi thắng trận chiến ấy và nhân dịp thắng trận, chúng tôi, sau khi trở về, cho xây dựng một lâu đài tên là Vejayaṇṭa (Tối Thắng Điện). Nay Thiện hữu Moggallana, lâu đài Vejayaṇṭa ó đến một trăm vọng tháp, trong mỗi vọng tháp có bảy ngôi nhà có hình tam giác, trong mỗi nhà tam giác có bảy tiên nữ, và mỗi tiên nữ có đến bảy thị nữ. Nay thiện hữu Moggallana, Thiện hữu có muốn xem những điều khả ái của lâu đài Vejayaṇṭa không?

Tôn giả Mahamoggallana im lặng nhận lời. Rồi Thiên chủ Sakka cùng với đại vương Vessavana để

Tôn giả Mahamoggallana đi trước và đi đến lâu đài Vejayaṇṭa. Các thị nữ của Thiên chủ Sakka thấy Tôn giả Mahamoggallana đi từ xa đến, sau khi thấy, liền hồ thẹn, bẽn lễn, rồi bước vào phòng của mình. Ví như cô dâu khi thấy cha chồng liền hồ thẹn, bẽn lễn; cũng như vậy, các thị nữ của Thiên chủ Sakka, khi thấy Tôn giả Mahamoggallana liền hồ thẹn, bẽn lễn, vào phòng riêng của mình. Rồi Thiên chủ Sakka và đại vương Vessavaṇa đưa Tôn giả Mahamoggallana đi thăm và xem khắp lâu đài Vejayaṇṭa: "Này Thiện hữu Moggallana, xem điều khả ái này của lâu đài Vejayaṇṭa; xem điều khả ái này của lâu đài Vejayaṇṭa. Cái này chói sáng nhờ các công đức do Tôn giả Kosiya đã làm thời xưa; và loài Người, khi thấy cái gì khả ái liền nói: "Thật sự, cái này chói sáng từ chư thiên cõi trời Ba mươi ba. Cái này chói sáng nhờ các công đức do Tôn giả Kosiya đã làm thời xưa".

Rồi Tôn giả Mahamoggallana suy nghĩ: "Dạ-xoa này sống phóng dật một cách quá đáng. Ta hãy làm cho vị này hoảng sợ". Tôn giả Mahamoggallana liền thị hiện thần thông lực, *dùng ngón chân cái làm cho lâu Vejayaṇṭa rung động, chuyển động, chấn động mạnh*. Thiên chủ Sakka, đại vương Sessavaṇa và chư thiên ở cõi trời Ba mươi ba, tâm cảm thấy kỳ diệu, hy hữu: "Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay

đại thần thông lực, đại oai lực của Tôn giả Sa-môn! Với ngón chân cái, vị này làm cho thiên cung này rung động, chuyển động, chấn động mạnh!" Tôn giả Mahamoggallana sau khi biết Thiên chủ Sakka đã hoảng sợ, lông tóc dựng ngược liền nói với Thiên chủ Sakka:

– Này Kosiya, về lời thuyết giảng mà Thế Tôn đã nói cho Ông một cách tóm tắt, thật tốt lành cho chúng tôi, nếu được nghe chỉ một phần lời thuyết giảng ấy.

Ở đây, này Thiện hữu Moggallana, tôi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Này Thiện hữu Moggallana, sau khi đứng một bên, tôi bạch với Thế Tôn như sau:

"– Bạch Thế Tôn, một cách tóm tắt, đến mức độ nào, một Tỷ-kheo là ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người?

Khi nghe nói vậy, này Thiện hữu Moggallana, Thế Tôn nói với tôi như sau:

"– Ở đây, này Thiên chủ, Tỷ-kheo được nghe như sau: "Thật không xứng đáng, nếu có thiên vị đối

với tất cả pháp". Vị ấy biết rõ tất cả pháp. Sau khi biết rõ tất cả pháp, vị ấy biết một cách rốt ráo tất cả pháp". Do biết một cách rốt ráo tất cả pháp, nếu có cảm thọ nào, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy. Vị ấy nhờ sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy nên không chấp trước một vật gì ở đời; do không chấp trước nên không phiền não; do không phiền não, vị ấy chứng đạt Niết-bàn. Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa". "Này Thiên chủ, một cách tóm tắt, đến mức độ như vậy, một Tỷ-kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Ngươi".

Như vậy, này Thiện hữu Moggallana, Thế Tôn nói một cách tóm tắt cho tôi về ái tận giải thoát.

Rồi Tôn giả Mahamoggallana, sau khi hoan hỷ, tín cho lời Thiên chủ Sakka nói, như một nhà lục sĩ đuổi ra cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất giữa chư thiên ở cõi trời Ba mươi

ba, và hiện ra tại Đông Viên Lộc Mẫu giảng đường. Sau khi Tôn giả Mahamoggallana đi chẳng bao lâu, các thị nữ của Thiên chủ Sakka nói với Thiên chủ Sakka như sau:

– Thưa Thiên chủ, có phải vị ấy là Thế Tôn, bậc Đạo sư của Thiên chủ?

– Không, vị ấy không phải là Thế Tôn, bậc Đạo Sư của ta. Vị ấy là đồng phạm hạnh với ta, Tôn giả Mahamoggallana.

– Thưa Thiên chủ, thật là điều tốt lành cho Thiên chủ, có một vị đồng phạm hạnh có đại thần thông, có đại oai lực như vậy. Chắc chắn vị ấy là Thế Tôn, bậc Đạo Sư của Thiên chủ.

Rồi Tôn giả Mahamoggallana đến tại chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahamoggallana bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có biết chăng, Thế Tôn vừa mới nói về ái tận giải thoát một cách tóm tắt cho một Dạ-xoa có đại oai lực?

– Này Moggallana, Ta biết. Ở đây, Thiên chủ Sakka đến tại chỗ Ta ở, sau khi đến, đánh lễ Ta rồi

đứng một bên. Sau khi đứng một bên, này Moggallana, Thiên chủ Sakka bạch với Ta:

"– Bạch Thế Tôn, nói một cách tóm tắt, đến mức độ nào, một Tỷ-kheo ái tận, giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người?

Khi nghe nói vậy, này Mahamoggallana, Ta nói với Thiên chủ Sakka:

"– Ở đây, này Thiên chủ, Tỷ-kheo được nghe như sau: **"Thật không xứng đáng, nếu có thiên vị đối với tất cả pháp"**. Này Thiên chủ, nếu Tỷ-kheo được nghe như sau: "Thật không xứng đáng nếu có thiên vị đối với tất cả pháp". Vị ấy biết rõ tất cả pháp. Sau khi biết rõ tất cả pháp, vị ấy **biết** một cách rột ráo tất cả pháp. Do biết một cách rột ráo tất cả pháp, nếu có một **cảm thọ** nào, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy. Vị ấy nhờ sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy nên không chấp trước một vật gì ở đời. Do không chấp trước nên không phiền não, do không

phiền não, vì ấy chứng đạt Niết-bàn. Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa".

Này Thiên chủ, một cách tóm tắt, đến mức độ như vậy, một Tỷ-kheo ái tận, giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn, khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người".

Như vậy, này Moggallana, Ta biết Ta vừa nói một cách tóm tắt về ái tận giải thoát cho Thiên chủ Sakka.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Mahamoggallana hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

114 Thật là lạ lùng, Ngày nay ai cũng có thể thành bậc Dự lưu - Kinh Sarakàni hay Saranàni 1 – Tương V, 548

Sarakàni hay Saranàni 1 – *Tương V*, 548

1) Nhân duyên ở Kapilavatthu.

2) Lúc bấy giờ, họ Thích Sarakàni mệnh chung và được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đạo, quyết chứng quả giác ngộ.

3) *Tại đây, một số đông họ Thích tụ họp lại với nhau, chỉ trích, phê bình, bàn tán: "Thật là lạ lùng! Thật là hy hữu! Ngày nay ai cũng có thể thành bậc Dự lưu, vì rằng họ Thích Sarakàni đã mệnh chung, được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đạo, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Họ Thích Sarakàni đã phạm giới và uống rượu".*

4) Rồi họ Thích Mahànàma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, họ Thích Mahànàma bạch Thế Tôn:

5) -- Ở đây, bạch Thế Tôn, họ Thích Sarakàni đã mệnh chung và được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu... chứng quả giác ngộ. Ở đây, bạch Thế Tôn, một

số đông họ Thích khi tụ tập lại với nhau, chỉ trích, phê bình, bàn tán: "Thật là lạ lùng! Thật là hy hữu!... Họ Thích Sarakàni đã phạm giới và uống rượu"

-- **Này Mahànàma, một cư sĩ lâu ngày qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng làm sao có thể đi đến đọa xứ được?**

6) **Này Mahànàma, nếu nói một cách chơn chánh: Người cư sĩ nào đã lâu ngày qui y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, nói một cách chơn chánh phải nói là họ Thích Sarakàni. Này Mahànàma, họ Thích Sarakàni đã lâu ngày quy y Phật, quy y Pháp, qui y Tăng, làm sao có thể đi đến đọa xứ?**

7) *Ở đây, này Mahànàma, có người thành tựu tịnh tín bất động đối với đức **Phật**: "Đây là bậc Ứng Cúng, ..."... đối với **Pháp**... đối với chúng **Tăng**, có trí tuệ hoan hỷ (hàsapanna), có trí tuệ tốc hành và thành tựu giải thoát. Vị ấy do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Người này, này Mahànàma, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.*

8) Ở đây, này Mahànàma, có người thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật... đối với Pháp... đối với chúng Tăng, có trí tuệ hoan hỷ, có trí tuệ tốc hành nhưng không thành tựu giải thoát. Vị ấy do **đoạn diệt năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh, tại đây nhập Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa. Người này, này Mahànàma, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi ngã quỷ, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.

9) Ở đây, này Mahànàma, có người thành tựu lòng tịnh tín đối với đức Phật... đối với Pháp... đối với chúng Tăng, không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không thành tựu giải thoát. Vị ấy sau khi **đoạn diệt ba kiết sử**, sau khi làm cho **muội lược tham, sân, thành bậc Nhất lai**, chỉ trở lui đời này một lần nữa, đoạn tận khổ đau. Người này, này Mahànàma, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi ngã quỷ, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.

10) Ở đây, này Mahànàma, có người thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật... đối với Pháp... đối với chúng Tăng, không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không thành tựu giải thoát. Vị ấy sau khi **đoạn diệt ba kiết sử**, là **bậc Dự lưu** không

còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Người này, này Mahànàma, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi naga quỷ, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.

11) Ở đây, này Mahànàma, có người không có lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật... đối với Pháp... đối với Tăng, không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không thành tựu giải thoát. Nhưng vì ấy có những pháp này: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn và những pháp này do Như Lai tuyên bố được thiếu phân kham nhãn quán sát với trí tuệ. Người này, này Mahànàma, không đi đến địa ngục, không đi đến loài bàng sanh, không đi đến cõi naga quỷ, không đi đến ác sanh, ác thú, đọa xứ.

12) Ở đây, này Mahànàma, có người không thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật, đối với pháp, đối với chúng Tăng, không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không thành tựu giải thoát. Nhưng vì ấy có những pháp này: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, chỉ có lòng tin, chỉ có lòng ái mộ ở Như Lai. Người này, này Mahànàma, không có đi đến địa ngục, không có đi đến loài bàng sanh, không có đi đến cõi naga quỷ, không có đi đến cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

13) *Nếu những cây ta-la lớn này, này Mahànàma, biết những gì là thiện thuyết, ác thuyết, thời Ta cũng sẽ tuyên bố những cây ấy là những bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ, huống nữa là họ Thích Sarakàni.*

Này Mahànàma, họ Thích Sarakàni, sau khi mệnh chung, đã chấp nhận học giới.

Sarakàni hay Saranàri 2 – Tương V, 552

1) Nhân duyên ở Kapilavatthu.

2-7) ... (giống như đoạn số 2-7 kinh trên) ...

8) -- Nhưng ở đây, này Mahànàma, có người có lòng nhứt hướng sùng tín đức **Phật**: "Đây là bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn"... đối với **Pháp**, đối với chúng **Tăng**, có trí tuệ hoan hỷ, có trí tuệ tốc hành, thành tựu giải thoát. Vị này *sau khi đoạn diệt năm hạ phần **kiết sử***, chứng được Trung gian Bát-niết-bàn, chứng được Tôn hạp Bát-niết-bàn, chứng được Vô hành Niết-bàn, chứng được Hữu hành Niết-bàn, chứng được Thượng lưu, sanh ở Sắc cứu cánh thiên. Người này, này Mahànàma, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

9) Ở đây, này Mahànàma, có người có lòng nhưt hướng sùng tín đức Phật: "Đây là bậc Ứng Cúng... đối với Pháp... đối với chúng Tăng, không có trí huệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không có thành tựu giải thoát. Vì này **sau khi đoạn diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, thành bậc Nhất Lai**, chỉ một lần trở lui cõi đời này. Này Mahànàma, người này được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

10) Ở đây, này Mahànàma, có người có lòng nhưt hướng sùng tín đức Phật: "Đây là bậc Ứng Cúng, ..."... đối với Pháp... đối với chúng Tăng, không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không có thành tựu giải thoát. Vì này **sau khi đoạn diệt ba kiết sử, thành bậc Dự lưu**, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Người này, này Mahànàma, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

11) Ở đây, này Mahànàma, có người không có lòng nhưt hướng sùng tín đức Phật: "Đây là bậc Ứng Cúng, ... Thế Tôn..".... đối với Pháp, đối với chúng Tăng, không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không có thành tựu giải thoát, nhưng có những pháp này: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Và những pháp do Như Lai tuyên bố **được thiêu**

phản kham nhãn, quán sát với trí tuệ. Người này, này Mahànàma, không có đi đến địa ngục... không có đi đến cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

12) Ở đây, này Mahànàma, có người không có lòng nhứt hướng sùng tín đối với đức Phật... đối với Pháp, đối với Tăng, không có thành tựu giải thoát, nhưng có những pháp này: Tín căn, tấn căn, tuệ căn, chỉ có lòng tin, lòng ái mộ đối với Như Lai. Người này, này Mahànàma, không có đi đến địa ngục... không có đi đến cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

13) Ví như, này Mahànàma, có đám ruộng xấu, đất xấu, các gốc cây chưa được phá hủy, các hạt giống bị bể nát, bị hư thối, bị gió nắng làm cho hư hại, không thể nảy mầm, không khéo cấy trồng, và trời không mưa lớn thích hợp; thời các hạt giống ấy có thể lớn, tăng trưởng, lớn mạnh không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này Mahànàma, ở đây, **pháp giảng kém, trình bày kém**, không đưa đến xuất ly, không đưa đến an tịnh, không được một vị Chánh Đẳng Giác thuyết giảng. Ta nói rằng pháp này như ở đám ruộng xấu. Vị đệ tử ấy sống trong pháp ấy, thực hiện pháp và tùy pháp, chơn chánh thực hành, hành trì

đúng pháp. Như vậy, Ta nói rằng, người này giống như hột giống xấu.

14) *Ví như, này Mahànàma, một đám ruộng tốt, đất tốt, các góc khéo phá hủy, các hột giống không bị bể nát, không bị hư thối, gió nắng không làm hư hại, có thể nảy mầm, khéo cấy, khéo trồng và trời mưa lớn thích hợp. Như vậy, các hột giống ấy có lớn lên, có tăng trưởng, có lớn mạnh không?*

-- Thừa có, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này Mahànàma, ở đây, **pháp được khéo giảng, khéo trình bày**, đưa đến xuất ly, đưa đến an tịnh, được bậc Chánh Đẳng Giác thuyết giảng, Ta nói pháp này như đám ruộng tốt. Vị đệ tử sống trong pháp ấy, thực hành theo pháp và tùy pháp, chơn chánh thực hành, hành trì đúng pháp. Như vậy, Ta nói rằng người này như hột giống tốt, huông nữa là họ Thích Sarakàni.

Này Mahànàma, họ Thích Sarakàni, khi mạng chung, đã làm viên mãn học giới.

115 Thật tốt hơn nếu nhãn căn bị hủy hoại.. - Kinh Với Lửa Cháy – Tương IV, 276

Với Lửa Cháy – Tương IV, 276

1) -- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về **pháp môn lửa cháy, pháp môn Chánh pháp**. Hãy lắng nghe.

*Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là **pháp môn lửa cháy, pháp môn Chánh pháp**?*

2) -- Thật tốt hơn, nay các Tỷ-kheo, nếu nhãn căn bị hủy hoại với một cây kim bằng sắt nung đỏ, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Như vậy, không có chấp thủ tướng riêng, không chấp thủ tướng chung đối với các sắc do mắt nhận thức, nay các Tỷ-kheo, thức có thể vững trú, kiên trú, bị trói buộc bởi vị ngọt tướng chung hay bị trói buộc bởi vị ngọt tướng riêng. Trong thời gian ấy, nếu mệnh chung, thời sự kiện này xảy ra: Đi thác sanh vào một trong hai sanh thú này: địa ngục hay bàng sanh.

3) Nay các Tỷ-kheo, do thấy nguy hiểm này, Ta nói như vậy: Thật tốt hơn, nay các Tỷ-kheo, nếu nhĩ căn bị hủy hoại với một cái dùi bằng sắt nung đỏ, hừng

cháy, rục cháy, cháy lửa ngọn. Như vậy, không chấp thủ tướng riêng, không chấp thủ tướng chung đối với các tiếng do tai nhận thức, này các Tỷ-kheo, thức có thể vững trú, kiên trú, bị trói buộc bởi vị ngọt tướng chung, hay bị trói buộc bởi vị ngọt tướng riêng. Trong thời gian ấy, nếu mệnh chung, thời sự kiện này có thể xảy ra: Đi thác sanh vào một trong hai sanh thú này: địa ngục hay bàng sanh.

4-6) Này các Tỷ-kheo, do thấy nguy hiểm này, Ta nói như vậy: Thật tốt hơn, này các Tỷ-kheo, nếu tỷ căn bị phá hủy với một cái kèm sắc bén, bị hừng cháy, rục cháy, cháy lửa ngọn...

... nếu thiệt căn bị hủy hoại với một con dao sắc bén hừng cháy, rục cháy, cháy lửa ngọn...

... nếu thân căn bị hủy hoại với một cái kiếm sắc bén, hừng cháy, rục cháy, cháy lửa ngọn...

7) *Này các Tỷ-kheo, do thấy nguy hiểm này, Ta nói như vậy: **Thật tốt hơn là nằm ngủ.** Nằm ngủ, Ta nói rằng là trống không đối với các loài có sinh mạng. Ta nói rằng là vô quả đối với các loài có sanh mạng. Ta nói rằng là mù mờ đối với các loài có sanh mạng. Vì rằng nếu ngủ, thời không có suy nghĩ những vấn đề để có thể bị những vấn đề tư duy chinh phục, để có thể phá hòa hợp Tăng. Này các Tỷ-kheo, thấy sự*

trống không của nằm ngủ và sự nguy hiểm của tỉnh thức, Ta nói như vậy.

8) Ở đây, này các Tỷ-kheo, **vị Đa văn Thánh đệ tử suy nghĩ như sau:** "**Hãy dừng lại, chớ để nhân căn bị hủy hoại** với một cây kim bằng sắt nung đỏ, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: ‘**Đây, mắt là vô thường. Các sắc là vô thường. Nhãn thức là vô thường. Nhãn xúc là vô thường. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, cảm thọ ấy là vô thường’.**

9) *Hãy dừng lại, chớ để nhĩ căn bị hủy hoại với một cái dùi bằng sắt nung đỏ, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: ‘Đây, tai là vô thường. Các tiếng là vô thường. Nhĩ thức là vô thường. Nhĩ xúc là vô thường. Phàm duyên nhĩ xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường’.*

10) *Hãy dừng lại, chớ để tỷ căn bị hủy hoại với một cái kèm bằng sắc bén bị hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: “Đây, mũi là vô thường. Các hương là vô thường. Tỷ thức là vô thường. Tỷ xúc là vô thường. Phàm duyên tỷ xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường”.*

11) *Hãy dừng lại, chớ để thiệt căn bị hủy hoại bởi một con dao sắc bén, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: “Đây, lưỡi là vô thường. Các vị là vô thường. Thiệt thức là vô thường, thiệt xúc là vô thường. Phàm duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường”.*

12) *Hãy dừng lại, chớ để thân căn bị hủy hoại bởi một lưỡi kiếm sắc bén, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Ta hãy tác ý như sau: ‘Đây, thân căn là vô thường. Các xúc là vô thường. Thân thức là vô thường, thân xúc là vô thường. Phàm duyên thân xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường’.*

13) ***Hãy dừng lại, chớ nằm ngủ. Ta hãy tác ý như sau:** ‘Đây, **ý căn** là **vô thường**. **Các pháp** là vô thường. **Ý thức** là vô thường, **ý xúc** là vô thường. Phàm duyên ý xúc khởi lên **cảm thọ** gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là vô thường’.*

14) ***Thấy vậy**, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử **nhàm chán** đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc, nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy nhàm*

chán đối với cảm thọ ấy... nhằm chán đối với ý, nhằm chán đối với các pháp, nhằm chán đối với ý thức, nhằm chán đối với ý xúc. Phạm duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy nhằm chán đối với cảm thọ ấy. Do nhằm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

15) Đây các Tỷ-kheo, đây là pháp môn lửa cháy. Đây là pháp môn Chánh pháp.

116 Thập vi diệu thay - Kinh POTALIYA - 54Trung II, 51

KINH POTALIYA (*Potaliya sutta*)

– Bài kinh số 54 – *Trung II*, 51

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Anguttarapa. Apana là một thị trấn của Anguttarapa. Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Apana để khát thực. Sau khi đi khát thực, ăn xong, trên con đường khát thực trở về, Thế Tôn đi đến một khu rừng để nghỉ trưa. Sau khi đi sâu vào khu rừng ấy, Ngài ngồi dưới một gốc cây. Gia chủ Potaliya, toàn thân mặc đồ đầy đủ, mang dù, đi dép, ngao du tản bộ khắp mọi nơi, và đi đến khu rừng ấy. Sau khi đi sâu vào (khu rừng), gia chủ Potaliya, đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời hỏi thăm, sau khi nói lên những lời hỏi thăm, thân hữu rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với Gia chủ Potaliya đang đứng một bên:

– Này Gia chủ, có các chỗ ngồi. Nếu Ông muốn, hãy ngồi xuống.

Nghe nói vậy, gia chủ Potaliya nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama gọi ta với danh từ Gia chủ", nên phần nộ không hoan hỷ và đứng im. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Gia chủ Potaliya:

– Này Gia chủ, có các chỗ ngồi. Nếu Ông muốn, hãy ngồi xuống.

Lần thứ hai, gia chủ Potaliya nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama gọi ta với danh từ Gia chủ", nên phần nộ, không hoan hỷ và đứng im. Lần thứ ba, Thế Tôn nói với gia chủ Potaliya:

– Này Gia chủ, có các chỗ ngồi. Nếu Ông muốn, hãy ngồi xuống.

Nghe nói vậy, gia chủ Potaliya nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama gọi ta với danh từ Gia chủ", nên phần nộ, không hoan hỷ, nói với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, thật không thích đáng, không hợp lẽ, Tôn giả gọi tôi là Gia chủ.

– Này Gia chủ, nhưng hình dung của Ông, tướng mạo của ông, hình tướng của Ông giống như một gia chủ.

– Nhưng Tôn giả Gotama, tất cả nghiệp vụ đã

được tôi từ bỏ, tất cả tục sự đã được tôi đoạn tận.

– Nhưng này Gia chủ, như thế nào tất cả nghiệp vụ đã được Ông từ bỏ, tất cả tục sự đã được Ông đoạn tận?

– Ở đây, này Tôn giả Gotama, tài sản, ngũ cốc, hay vàng bạc, tất cả đều giao cho các con tôi thừa hưởng. Ở đây, tôi không khuyến bảo, tôi không can gián; tôi sống với tối thiểu đồ ăn, đồ mặc. Như vậy, này Tôn giả Gotama, tất cả nghiệp vụ được tôi từ bỏ, tất cả tục sự được tôi đoạn tận.

– Này Gia chủ, sự đoạn tận các tục sự mà Ông nói khác với sự đoạn tận các tục sự trong giới luật của bậc Thánh.

– Bạch Thế Tôn, như thế nào là sự đoạn tận các tục sự trong giới luật của bậc Thánh? Bạch Thế Tôn, lành thay, nếu Thế Tôn thuyết pháp cho tôi về sự đoạn tận các tục sự trong giới luật của bậc Thánh.

– Này Gia chủ, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Gia chủ Potaliya vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn

thuyết giảng như sau:

☞ **Này Gia chủ, tám pháp này đưa đến sự đoạn tận các tục sự trong giới luật bậc Thánh.**

Thế nào là tám?

- Y cứ không sát sanh, sát sanh cần phải từ bỏ.
- Y cứ không lấy của không cho, lấy của không cho cần phải từ bỏ.
- Y cứ lời chân thật, nói láo cần phải từ bỏ.
- Y cứ không nói hai lưỡi, nói hai lưỡi cần phải từ bỏ.
- Y cứ không tham dục, tham dục cần phải từ bỏ.
- Y cứ không hủy báng sân hận, hủy báng sân hận cần phải từ bỏ.
- Y cứ không phần nã, phần nã cần phải từ bỏ.
- Y cứ không quá mạn, quá mạn cần phải từ bỏ.

Này Gia chủ, tám pháp này được nói một cách vắn tắt, không được giải thích rộng rãi, đưa đến sự đoạn tận các tục sự trong giới luật bậc Thánh.

– Bạch Thế Tôn tám pháp này được Thế Tôn nói một cách vắn tắt, không được giải thích rộng rãi, đưa

đến sự đoạn tận các tục sự trong giới luật bậc Thánh. Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn vì lòng thương tưởng, giải thích rộng rãi tám pháp này.

– Nay Gia chủ, vậy Ông hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Gia chủ Potaliya vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

➤ *Khi được nói: "Y cứ không sát sanh, sát sanh cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên?*

Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử **suy nghĩ như sau:**

– "Do nhơn những kiết sử nào ta có thể sát sanh, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ của các kiết sử ấy.

– Nếu ta sát sanh, không những ta tự trách mắng ta vì duyên sát sanh, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên sát sanh; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta, vì duyên sát sanh.

– Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự sát sanh này.

⇒ *Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não nào có thể khởi lên, do duyên sát sanh, đối với vị đã từ bỏ sát sanh, những lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa*". "Y cứ không sát sanh cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

➤ *Khi được nói: "Y cứ không lấy của không cho, lấy của không cho cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên?*

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử **suy nghĩ như sau**: "Do hơn những kiết sử nào ta có thể lấy của không cho, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta lấy của không cho, không những ta tự trách mắng ta vì duyên lấy của không cho, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên lấy của không cho; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta, vì duyên lấy của không cho. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự lấy của không cho này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não nào có thể khởi lên do duyên lấy của không cho, đối với vị đã từ bỏ lấy của không cho, những lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa". "Y cứ không lấy của không cho, lấy của không cho

cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

➤ *Khi được nói: "Y cứ lời chân thật, nói láo cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên?*

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử **suy nghĩ như sau**: "Do nhơn những kiết sử nào, ta có thể nói láo, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta nói láo, không những ta tự trách mắng ta vì duyên nói láo, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng sẽ khiển trách ta vì duyên nói láo; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta, vì duyên nói láo. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính nói láo này. Những lậu hoặc phiền lao nhiệt não có thể khởi lên, do duyên nói láo, đối với vị đã từ bỏ nói láo, những lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa". "Y cứ lời chân thật nói láo cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

➤ *Khi được nói: "Y cứ không nói hai lưỡi, nói hai lưỡi cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên?*

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử **suy nghĩ như sau**: "Do nhơn những kiết sử nào, ta có thể nói hai lưỡi, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử

ấy. Nếu ta nói hai lỗi, không những ta tự trách mắng ta vì duyên nói hai lỗi, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu cũng khiến trách ta vì duyên nói hai lỗi, và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên nói hai lỗi. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự nói hai lỗi này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên nói hai lỗi, đối với vị đã từ bỏ nói hai lỗi, những lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa". "Y cứ không nói hai lỗi, nói hai lỗi cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

➤ *Khi được nói: "Y cứ không tham dục, tham dục cần phải từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên?*

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử **suy nghĩ như sau**: "Do nhơn những kiết sử nào, ta có thể có tham dục, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta tham dục, không những ta tự trách mắng ta vì duyên tham dục, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu cũng khiến trách ta vì duyên tham dục; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên tham dục. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự tham dục này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên tham dục, đối với vị đã từ bỏ tham dục, các lậu hoặc phiền lao nhiệt

não như vậy không còn nữa". "Y cứ không tham dục, tham dục cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

➤ *Khi được nói: "Y cứ không hủy báng sân hận, hủy báng sân hận cần được từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên?*

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử **suy nghĩ như sau**: "Do hơn những kiết sử nào ta có thể hủy báng sân hận, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta hủy báng sân hận, không những ta tự trách mắng ta vì duyên hủy báng, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng khiển trách ta vì duyên hủy báng sân hận; và sau khi thân hoại mạng chung ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên hủy báng sân hận. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự hủy báng sân hận này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên hủy báng sân hận, đối với vị đã từ bỏ hủy báng sân hận các lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa". "Y cứ không hủy báng sân hận, hủy báng sân hận cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

➤ *Khi được nói: "Y cứ không phẫn não, phẫn não cần được từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên?*

Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử **suy nghĩ như sau**:
"Do nơn những kiết sử nào ta có thể có phần nào, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy. Nếu ta có phần nào, không những ta tự trách mắng ta vì duyên phần nào, các bậc có trí, sau khi tìm hiểu, cũng khiến trách ta vì duyên phần nào; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú sẽ chờ đợi ta vì duyên phần nào. Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự phần nào này. Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên phần nào, đối với vị đã từ bỏ phần nào, các lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa". "Y cứ không phần nào, phần nào cần được từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

➤ *Khi được nói: "Y cứ không quá mạn, quá mạn cần được từ bỏ", do duyên gì, lời nói như vậy được nói lên?*

Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử **suy nghĩ như sau**:

- "Do nơn những kiết sử nào ta có quá mạn, ta đoạn tận, thành tựu sự từ bỏ các kiết sử ấy.
- Nếu ta có quá mạn, không những ta tự trách mắng ta vì duyên quá mạn, các bậc có trí sau khi tìm hiểu, cũng khiến trách ta vì duyên quá mạn; và sau khi thân hoại mạng chung, ác thú

sẽ chờ đợi ta, vì duyên quá mạn.

– Thật là một kiết sử, thật là một triền cái, chính sự quá mạn này.

⇒ Những lậu hoặc, phiền lao nhiệt não có thể khởi lên do duyên quá mạn, đối với vị đã từ bỏ quá mạn, **các lậu hoặc phiền lao nhiệt não như vậy không còn nữa**". "Y cứ không quá mạn, quá mạn cần phải từ bỏ", do duyên như vậy, lời nói như vậy được nói lên.

Này Gia chủ, tám pháp được nói lên vắn tắt và được giải thích rộng rãi này, đưa đến sự đoạn tận các tục sự trong giới luật bậc Thánh, **nhưng thật sự chưa phải là sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả tục sự trong giới luật bậc Thánh.**

– Bạch Thế Tôn, như thế nào là sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả tục sự trong giới luật bậc Thánh? Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp cho con như thế nào là sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ, toàn mặt tất cả tục sự trong giới luật bậc Thánh.

– Này Gia chủ, vậy Ông hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Gia chủ Potaliya vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

☞ *Này Gia chủ, ví như có con chó đói lả, suy nhược, đi đến một lò thịt giết bò. Ở đây, có người giết bò thiện xảo hay người đệ tử quăng cho nó một khúc xương, khéo lóc, tận lóc, không có thịt, chỉ có dính máu.*

Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Con chó ấy, khi gặm khúc xương ấy, khéo lóc, tận lóc, không có thịt, chỉ có dính máu có thể đoạn trừ được đói lả suy nhược của nó không?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Với khúc xương khéo lóc, tận lóc, không có thịt, chỉ có dính máu ấy, bạch Thế Tôn, con chó kia chỉ có một nhọc khôn khổ mà thôi.

– Cũng vậy, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "*Thế Tôn đã nói, dục được ví như khúc xương, khổ nhiều, náo nhiễu, tai họa ở đây càng nhiều hơn*". Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ, sau khi từ bỏ loại xả thuộc loại đa chủng, y cứ đa chủng, đối với loại xả thuộc loại nhứt chủng, y cứ nhứt chủng, ở đây, mọi chấp thủ đối với thế vật được đoạn trừ hoàn toàn, không có dư tàn, vị ấy tu tập loại xả như vậy.

☞ *Này Gia chủ, ví như con chim kên, con chim điều hâu, hay con chim ưng giành được miếng thịt liền bay bổng lên; các con chim kên khác, chim điều hâu khác, hay chim ưng khác bay đuổi theo, đuổi sát theo giành giật xé nát miếng thịt ấy.*

Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Nếu con chim kên, chim điều hâu hay chim ưng ấy không vứt bỏ ngay miếng thịt ấy, nó có thể do nhân duyên ấy, đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã nói, dục được **ví như miếng thịt**, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn". Sau khi thấy như chân như vậy, với chánh trí tuệ, sau khi từ bỏ loại xả thuộc loại đa chủng, y cứ đa chủng, đối với loại xả thuộc loại nhứt chủng, y cứ nhứt chủng, ở đây mọi chấp thủ đối với thế vật được đoạn trừ hoàn toàn, không có dư tàn, vì ấy tu tập loại xả như vậy.

☞ *Này Gia chủ, ví như một người cầm một bó đuốc cỏ đang cháy rực đi ngược gió.*

Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào, nếu người ấy không vứt bỏ ngay bó đuốc ấy, bó đuốc cỏ đang cháy

rực ấy có thể đốt cháy tay, hay đốt cháy cánh tay, hay đốt cháy một thân phần của người ấy, người ấy có thể do nhân duyên ấy, đi đến chết, hay đi đến khổ gần như chết không?

– Thừa có, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã nói, dục được **ví như bó đuốc cỏ**, khổ nhiều, nã nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn". Sau khi thấy như chân như vậy... (như trên)... với chánh trí tuệ, vị ấy tu tập loại xả như vậy.

☞ *Này Gia chủ, ví như một hồ than hừng, sâu hơn thân người, đầy những than hừng, cháy không thành ngọn, cháy không thành khói, và một người đi đến muốn sống, muốn không chết, muốn lạc, né tránh khổ. Nhưng có hai nhà lực sĩ, nắm chặt hai cánh tay người ấy và lôi người ấy đến hồ than hừng.*

Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có co rúm thân, vật qua vật lại phía này phía kia không?

– Bạch Thế Tôn, có. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì người ấy biết: "Nếu ta rơi vào hồ than hừng này, do nhân duyên này, ta sẽ đi đến chết hay đau khổ gần như chết.

– Cũng vậy, này gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã nói, dục được **ví như hồ than hùng**, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn". Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ... (như trên)... vị ấy tu tập loại xả như vậy.

☞ *Này Gia chủ, ví như có người nằm mộng, thấy vườn khả ái, rừng núi khả ái, đất đai khả ái, ao hồ khả ái; khi tỉnh dậy, người ấy không thấy gì cả.*

Cũng vậy, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã nói, dục được **ví như một cơn mộng**, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn". Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ,... (như trên)... vị ấy tu tập loại xả như vậy.

☞ *Này Gia chủ, ví như có người mượn tài vật cho mượn, xe cộ xứng đáng bậc sang trọng, các đồ châu báu trang sức mỹ diệu, và với những đồ vật vay mượn ấy, người ấy đi vào chợ phố, được (tôn trọng) đi trước, được nhiều người vây quanh, và quần chúng thấy người ấy bèn nói: "Người này thật sự giàu sang, và người giàu sang hưởng thọ tài vật như vậy". Nhưng những người chủ thấy người kia ở chỗ nào liền lấy lui những vật sở hữu của mình.*

Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Có phải sự (trá

hình) dị tính của người kia được chấm dứt ở đây?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì những người chủ lấy lui những vật sở hữu của mình.

– Cũng vậy, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã nói, dục được **ví như tài vật vay mượn**, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn". Sau khi thấy như chân như vậy với chánh trí tuệ... (như trên)... vị ấy tu tập loại xả như vậy.

☞ *Này Gia chủ, ví như gần thôn làng hay gần thị tứ có một nhóm rừng, ở đấy, có một cây đầy những trái chín, nhưng không có trái nào rơi xuống đất. Rồi một người đi đến, ước mong trái cây, tìm cầu trái cây, đi khắp đó đây để tìm trái cây. Người ấy đi sâu vào ngôi rừng ấy, thấy cây ấy đầy những trái chín. Người ấy có thể nghĩ như sau: "Cây này đầy những trái chín nhưng không có trái nào rơi xuống đất, nhưng ta biết leo cây. Vậy ta hãy leo lên cây ấy ăn cho thỏa thích và bọc đầy áo (để đem về). Rồi người ấy leo lên cây ấy, ăn cho thỏa thích và bọc đầy áo (để đem về). Rồi một người thứ hai đi đến, ước mong trái cây, tìm cầu trái cây, đi khắp đó đây để tìm trái cây, và tay mang*

một búa sắc bén. Người này đi sâu vào ngôi rừng ấy, thấy cây ấy đầy những trái chín. Người này có thể nghĩ như sau: "Cây này đầy những trái chín, nhưng không có trái nào rơi xuống đất. Nhưng ta không biết leo cây. Vậy ta hãy chặt cây này tận gốc, ăn cho thỏa thích, và bọc đầy áo (để đem về)". Rồi người này chặt cây ấy tận gốc.

Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Nếu người kia không leo xuống thật mau, thì cây ấy khi rơi đổ xuống, sẽ làm cho người thứ nhất, hoặc bị gãy tay, hoặc bị gãy chân, hoặc bị gãy một phần thân nào. Và do nhân duyên ấy, sẽ bị chết hay đi đến đau khổ gần như chết.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Thế Tôn đã nói, dục được **ví như cây có trái**, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn". Sau khi thấy như chân như vậy với trí tuệ, sau khi từ bỏ loại xả thuộc loại đa chủng, y cứ đa chủng, đối với loại xả thuộc loại nhứt chủng, y cứ nhứt chủng, ở đây mọi chấp thủ đối với thế vật được đoạn trừ hoàn toàn, không có dư tàn, vị ấy tu tập loại **xả** như vậy.

- Đây Gia chủ, vị Thánh đệ tử ấy, sau khi thành tựu **Xả niệm thanh tịnh vô thượng** này, **nhớ đến các đời sống trước**, như một đời, hai đời, ba đời... (như trên)... Vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.
- Đây Gia chủ, vị Thánh đệ tử ấy sau khi thành tựu xả niệm thanh tịnh vô thượng này, với **thiên nhân** thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh.. (như trên)... đều do hạnh nghiệp của chúng.
- Đây Gia chủ vị Thánh đệ tử ấy, sau khi thành tựu xả niệm thanh tịnh vô thượng này, và với **các lậu hoặc được đoạn trừ**, vị này với thượng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

⇒ **Này Gia chủ, cho đến như vậy là sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả sự tục sự trong giới luật bậc Thánh.**

Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Ông có thấy ở nơi Ông một sự đoạn tận tục sự như vậy, giống như sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả tục

sự trong giới luật bậc Thánh?

– Bạch Thế Tôn, con là ai mà có thể có sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt tất cả tục sự trong giới luật bậc Thánh? Bạch Thế Tôn, con còn rất xa với sự đoạn tận toàn diện, toàn bộ và toàn mặt, tất cả tục sự trong giới luật bậc Thánh.

Bạch Thế Tôn, xưa kia, đối với các vị Du sĩ không phải thù thắng, chúng con xem là thù thắng; dầu họ không thù thắng, chúng con cúng dường các món ăn thù thắng; dầu họ không thù thắng, chúng con mời họ ở trong những trú xứ thù thắng, Bạch Thế Tôn, còn đối với các Tỷ-kheo thù thắng, chúng con xem là không thù thắng; dầu các vị ấy thù thắng, chúng con cúng dường các món ăn không thù thắng; dầu các vị ấy thù thắng, chúng con mời các vị ấy ở trong các trú xứ không thù thắng.

Nhưng nay, bạch Thế Tôn, đối với các Du sĩ không thù thắng, chúng con sẽ biết là không thù thắng; vì họ không thù thắng, chúng con sẽ cúng dường các món ăn không thù thắng; vì họ không thù thắng chúng con sẽ mời họ ở trong các trú xứ không thù thắng. Còn đối với các Tỷ-kheo thù thắng, chúng con sẽ biết các vị ấy là thù thắng; vì các vị ấy thù thắng, chúng con sẽ cúng dường các món ăn thù

thắng; vì các vị ấy thù thắng, chúng con sẽ mời các vị ấy ở trong các trú xứ thù thắng. Bạch Thế Tôn,

Thế Tôn thật sự đã gọi ở nơi con lòng ái kính Sa-môn đối với các vị Sa-môn, lòng tịnh tín Sa-môn đối với các Sa-môn, lòng tôn kính Sa-môn đối với các Sa-môn.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử; từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

117 Thật vi diệu thay - Kinh VÍ DỤ TẮM VẢI - 7 Trung I, 87

KINH VÍ DỤ TẮM VẢI
(*Vatthupatna sutta*)
– Bài kinh số 7 – *Trung I*, 87

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bảy giờ Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". - "Bạch Thế Tôn", các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải cầu uế, nhiễm bụi, một người thợ nhuộm nhúng tấm vải ấy vào thuốc nhuộm này hay thuốc nhuộm khác - hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc tím - vải ấy sẽ được màu nhuộm không tốt đẹp, sẽ được màu nhuộm không sạch sẽ. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì tấm vải không được trong sạch. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **cõi ác chờ đợi một tâm cầu uế.**

Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải thanh tịnh, trong sạch, một người thợ nhuộm nhúng tấm vải ấy

vào thuốc nhuộm này hay thuốc nhuộm khác - hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc tím, vải ấy sẽ được màu nhuộm tốt đẹp, sẽ được màu nhuộm sạch sẽ. Vì sao vậy? Đây các Tỷ-kheo, vì tấm vải được trong sạch. Cũng vậy, đây các Tỷ-kheo, **cõi thiện chờ đợi một tâm không cấu uế.**

Và đây các Tỷ-kheo, thế nào là những **cấu uế của tâm?**

- Tham dục, tà tham là cấu uế của tâm,
- Sân là cấu uế của tâm,
- Phẫn là cấu uế của tâm,
- Hận là cấu uế của tâm,
- Hư ngụy, nã hại, tật đố, xan tham, mạn trá, khi cuống, ngoan cố, cấp tháo, quá mạn, kiêu, phóng dật là cấu uế của tâm.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào **nghĩ rằng**: "Tham dục, tà tham là cấu uế của tâm" và sau khi biết vậy, **vị ấy đoạn trừ tham dục, tà tham cấu uế của tâm**; nghĩ rằng: "Sân là cấu uế của tâm", và sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ sân, cấu uế của tâm; phẫn... hận... hư ngụy... nã hại, tật đố, xan tham, mạn trá, khi cuống... ngoan cố... cấp tháo... mạn... quá mạn... kiêu; nghĩ rằng: "Phóng dật là cấu uế của tâm" thì

sau khi biết vậy, **vị ấy đoạn trừ phóng dật, cấu uế của tâm.**

Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo **biết được**: "Tham dục, tà tham là cấu uế của tâm", tham dục, tà tham cấu uế của tâm được diệt trừ, ... sân... phẫn... hận... hư nguy... não hại... tật đồ... xan tham... mạn trá... khi cuống... ngoan cố... cấp tháo... mạn... quá mạn... kiêu; khi nào Tỷ-kheo biết được: "Phóng dật là cấu uế của tâm", phóng dật, **cấu uế của tâm được diệt trừ.**

- Tỷ-kheo ấy **thành tựu lòng tin tuyệt đối, đối với Phật**: Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Vô Thượng Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn;
- Vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp: Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí chứng hiểu;
- Vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối, đối với chúng Tăng: Diệu hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Trục hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Như lý hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Chánh hạnh

là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

Đến giai đoạn này, đối với vị ấy có sự từ bỏ, có sự diệt trừ, có sự giải thoát, có sự đoạn trừ, có sự xả ly.

- *Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối, đối với Thế Tôn", và chứng được nghĩa tín thọ, chứng được pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến pháp, từ hân hoan, hỷ sanh, từ hỷ, thân được khinh an, thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.*
- *Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp", và chứng được nghĩa tín thọ, chứng được pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến pháp; từ hân hoan, hỷ sanh, từ hỷ, thân được khinh an; thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.*
- *Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Tăng", và chứng được nghĩa tín thọ, chứng được pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến pháp; từ hân hoan hỷ sanh; từ hỷ, thân được*

khinh an, thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.

- *Vị ấy tự nghĩ: "Đến giai đoạn này, đối với Ta, có sự từ bỏ, có sự diệt trừ, có sự giải thoát, có sự đoạn trừ, có sự xả ly", và chứng được nghĩa tín thọ, chứng được pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến pháp; từ hân hoan, hỷ sanh; từ hỷ, thân khinh an; thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.*

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo, **giới** như vậy, **pháp** như vậy, **tuệ** như vậy - nếu có ăn đồ khát thực với gạo thơm, hạt đen được vắt đi, với các món ăn khác cũng không vì vậy trở thành một chướng ngại cho vị ấy. *Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải cấu uế, nhiễm bụi, nếu bỏ trong nước sạch, trở thành thanh tịnh sạch sẽ, như bỏ vào lò lửa trở thành thanh tịnh sạch sẽ.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo, giới như vậy, pháp như vậy, tuệ như vậy, - nếu có ăn đồ khát thực với gạo thơm, hạt đen được vắt đi, với các món canh, với các món ăn khác, cũng không vì vậy trở thành một chướng ngại cho vị ấy.

Vị ấy an trú, **biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ**, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy

phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân... biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... (như trên)... với tâm câu hữu với hỷ... (như trên)... biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân.

Vị ấy biết: "*Có cái này, có cái hạ liệt, có cái cao thượng, có sự giải thoát vượt qua các tưởng*". Do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát, sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là Tỷ-kheo đã được tắm rửa với sự tắm rửa nội tâm.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sundarikabharadvaja đang ngồi không xa Thế Tôn. Rồi Bà-la-môn Sundarikabharadvaja bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama có đi đến sông Bahuka để tắm rửa không?

– Nay Bà-la-môn, sông Bahuka là gì? Sông Bahuka có làm được lợi ích gì?

– Tôn giả Gotama, sông Bahuka được nhiều người xem là có khả năng giải thoát. Tôn giả Gotama, sông Bahuka được nhiều người xem là có khả năng đem lại công đức. Và nhiều người đã gội sạch các ác nghiệp trong sông Bahuka.

Rồi Thế Tôn nói lên những bài kệ sau đây cho Bà-la-môn Sundarikabharadvaja:

*Trong sông Bāhukà
Tại Adhikakkà,
Tại cả sông Gayà
Và Sundarikà,
Tại Sarassatì
Và tại Payàna,
Tại Bāhumatì,
Kẻ ngu dầu thường tắm,
Ác nghiệp không rửa sạch.
Sông Sundarikà
Có thể làm được gì?
Payàga làm gì?
Cả sông Bāhukà?*

*Không thể rửa nghiệp đen
Của kẻ ác gây tội.*

*Đối kẻ sống thanh tịnh,
Ngày nào cũng ngày tốt,
Với kẻ sống thanh tịnh,
Ngày nào cũng ngày lành,
Các tịnh nghiệp thanh tịnh,
Luôn thành tựu (thiện) hạnh.
Này vị Bà-la-môn,
Chỉ nên tắm ở đây,
Khiến mọi loài chúng sanh,
Được sống trong an ổn.
Nếu không nói dối trá,
Nếu không hại chúng sanh,
Không lấy của không cho,
Có lòng tín, không tham,
Đi Gayà làm gì,
Gayà một giếng nước?*

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn
Sundarikabharadvaja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi
diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như
người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống,

phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Nay con quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tăng. Mong con được xuất gia với Tôn giả Gotama! Mong con được thọ đại giới!

Bà-la-môn Sundarikabharadvaja được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới. Trong thời gian ngắn sau khi thọ đại giới, Tôn giả Bharadvaja sống độc cư, không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần và không bao lâu sau khi tự thân chứng ngộ với thượng trí, chứng đắc và an trú ngay trong hiện tại, vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này các Thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy đã thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Như vậy, Tôn giả Bharadvaja trở thành một vị A-la-hán nữa.

118 Thật và giả mạo Chánh pháp - Kinh PHÁP TÓM TẮT – Tăng III, 660

PHÁP TÓM TẮT – Tăng III, 660

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Mahàvana, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahàpajàpatì Gotamì đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahàpajàpatì Gotamì bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

2. - Này Gotamì, những pháp nào bà biết:

1. "Những pháp này đưa đến **tham dục**, không phải ly tham.
2. Đưa đến **hệ phược**, không đưa đến ly hệ phược.
3. Đưa đến **tích tập**, không đưa đến không tích tập.
4. Đưa đến **dục lớn**, không đưa đến ít dục.
5. Đưa đến **không biết đủ**, không đưa đến biết đủ.
6. Đưa đến **tụ hội**, không đưa đến nhàn tịnh.
7. Đưa đến **biếng nhác**, không đưa đến tinh tấn.

8. Đưa đến **khó nuôi dưỡng**, không đưa đến dễ nuôi dưỡng".

Này Gotamì, **hãy thọ trì nhưt hướng rằng**: "Đó là không phải Pháp, đó là không phải Luật, đó là không phải lời dạy của bậc Đạo sư".

3. Và này Gotamì, những pháp nào bà biết:

1. "Những pháp đưa đến **ly tham**, không đưa đến tham dục.
2. Đưa đến **ly hệ phược**, không đưa đến hệ phược.
3. Đưa đến **không tích tập**, không đưa đến tích tập.
4. Đưa đến **ít dục**, không đưa đến dục lớn.
5. Đưa đến **biết đủ**, không đưa đến không biết đủ.
6. Đưa đến **nhàn tịnh**, không đưa đến tụ hội.
7. Đưa đến **tinh tấn**, không đưa đến biếng nhác.
8. Đưa đến **dễ nuôi dưỡng**, không đưa đến khó nuôi dưỡng".

Này Gotamì, **hãy thọ trì nhưt hướng rằng**: "Đó là phải Pháp, đó là phải Luật, đó là lời dạy của bậc Đạo Sư".

119 Thật và giả mạo Chánh pháp - Kinh THÔNG DIỆP – Tăng III, 479

THÔNG DIỆP – Tăng III, 479

1. Rồi Tôn giả Upàli đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Upàli bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con một cách vắn tắt, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

2. - *Này Upàli, những pháp nào Thầy biết: "Những pháp này không đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn", thời này Upàli, Thầy cần phải nhất hướng thọ trì là: "Đây không phải Pháp, đây không phải Luật, đây không phải lời dạy Thế Tôn".*

Và này Upàli, những pháp nào Thầy biết: "Những pháp này đưa đến nhất hướng, nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn", thời này Upàli, Thầy cần phải nhất hướng thọ trì là: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy Thế Tôn".

120 Thật và giả mạo Chánh pháp - Kinh Tượng Pháp – Tương II, 384

Tượng Pháp – Tương II, 384

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kassapa bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trước, học giới có ít hơn nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới có nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí ít hơn?

4) Sự việc xảy ra như vậy, này Kassapa, trong thời các chúng sanh suy giảm, trong thời **điều pháp biến mất**, thời nhiều hơn là các học giới, ít hơn là các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí.

5) Nay Kassapa, **điều pháp** không biến mất cho đến khi nào **tượng pháp** không hiện ra ở đời. Và Kassapa khi nào **tượng pháp** hiện ra ở đời, thời **điều pháp** biến mất.

6) *Ví như, nay Kassapa, **vàng** (thật) không biến mất khi nào **vàng giả** chưa hiện ra ở đời. Và nay Kassapa, khi nào **vàng giả** hiện ra ở đời, thời **vàng** (thật) biến mất.*

7) Cũng vậy, nay Kassapa, **điều pháp** không biến mất, khi nào **tượng pháp** chưa hiện ra ở đời. Và nay Kassapa, khi nào **tượng pháp** hiện ra ở đời, thời **điều pháp** biến mất.

8-11) Nay Kassapa, **địa** giới không làm **điều pháp** biến mất, **thủy** giới... **hỏa** giới... **phong** giới không làm **điều pháp** biến mất.

12) Ở đây, **khi nào các người ngu có mặt, chính họ làm **điều pháp** biến mất.**

13) *Ví như, nay Kassapa, chiếc thuyền bị chìm vì chở quá nặng. Không phải vì vậy, nay Kassapa, **điều pháp** bị biến mất.*

14) Nay Kassapa, có năm **thối pháp** khiến cho **điều pháp** bị hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?

15) Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ:

- Sống không tôn kính, không tùy thuận **bậc Đạo Sư**,
- Sống không tôn kính, không tùy thuận **Chánh pháp**,
- Sống không tôn kính, không tùy thuận **chúng Tăng**,
- Sống không tôn kính, không tùy thuận **học giới**,
- Sống không tôn kính, không tùy thuận **đối với Thiên định**.

Này Kassapa, chính những **thối pháp** này đưa đến sự hỗn loạn, sự biến mất của diệu pháp.

16) **Và có năm pháp**, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp. Thế nào là năm?

17) Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ:

- Sống kính trọng, tùy thuận **bậc Đạo Sư**,
- Sống kính trọng, tùy thuận **Chánh pháp**,
- Sống kính trọng, tùy thuận **chúng Tăng**,
- Sống kính trọng, tùy thuận **học giới**,
- Sống kính trọng tùy thuận **Thiên định**.

18) Chính năm pháp này, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp.

121 Thế nào là một pháp - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG
(SANGITI – SUTTANTA)
– Bài kinh số 33 – Trường II, 567
(Trích đoạn)

I

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời Thế Tôn du hành giữa dân tộc Mallà cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Ngài đến tại thành của dân chúng Mallà tên là Pàvā và trú tại đây. Thế Tôn trú tại Pàvā trong rừng xoài của thợ rèn Cunda.

2. Lúc bấy giờ, một hội trường tên là Ubbhataka mới được dựng lên giữa dân chúng Mallà, trú ở Pàvā, và hội trường này chưa có vị Sa-môn, Bà-la-môn, hay

một người nào khác an trú. Dân chúng Mallà ở Pàvā được nghe: "Thế Tôn du hành giữa dân tộc Mallà, cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Ngài đến tại Pàvā, trú tại đây, trong rừng xoài của thợ rèn Cunda". Rồi các vị Mallà ở Pàvā đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các vị Mallà ở Pàvā bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ở đây một hội trường tên là Ubbhataka mới được dựng lên giữa dân chúng Mallà ở Pàvā, và hội trường này chưa có vị Sa-môn, Bà-la-môn, hay một người nào khác an trú. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn là người đến dùng hội trường này trước tiên. Nhờ Thế Tôn dùng trước tiên, dân chúng Mallà ở Pàvā sẽ được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Thế Tôn im lặng nhận lời.

3. Rồi các vị Mallà ở Pàvā, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng đến Ngài, từ tạ đi đến hội trường. Sau khi đến, liền dùng đệm trải khắp tất cả, sửa soạn các ghế ngồi, đặt sẵn một ghè nước, treo cây đèn dầu, rồi đến chỗ Thế Tôn ở. Sau khi đến, các vị này đánh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, các vị Mallà ở Pàvā bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, hội trường đã được trải nệm tất cả, các ghế ngồi đã được sửa soạn, ghè nước đã được đặt sẵn, cây đèn dầu đã được treo lên, Thế Tôn hãy làm gì Ngài nghĩ là phải thời.

4. Rồi Thế Tôn đáp y, cầm y bát cùng với chúng Tỷ-kheo đến tại hội trường. Khi đến xong Ngài rửa chân và vào hội trường. Thế Tôn ngồi dựa trên cột chính giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo sau khi rửa chân, vào hội trường, ngồi dựa trên bức tường phía Tây, mặt hướng về phía Đông, sau lưng Thế Tôn. Các vị Mallà ở Pàvā cũng rửa chân, đi vào hội trường, và ngồi xuống, dựa vào bức tường phía Đông, mặt hướng phía Tây, trước mặt có Thế Tôn. Rồi Thế Tôn, cho đến đêm thật khuya, thuyết pháp cho dân Mallà ở Pàvā, giảng dạy, giải thích, khích lệ, làm cho húng khởi rồi bảo các vị ấy về:

- Này Vāsetthā, đêm đã quá khuya. Các Ngươi hãy làm những gì các Ngươi xem là phải thời.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Các vị Mallà ở Pàvā vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và ra đi.

5. Thế Tôn, khi dân Mallà đi chưa bao lâu, nhìn

chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, rồi bảo tôn giả Sàriputta:

- Nay Sàriputta, chúng Tỷ-kheo không có hôn trầm thụy miên. Nay Sàriputta, hãy thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo. Ta cảm thấy đau lưng! Ta muốn nằm nghỉ.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn! - Tôn giả Sàriputta vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, xếp y Sanghàti (Tăng-già-lê) gấp bốn và nằm xuống như cách nằm con sư tử, thân phía hữu, hai chân để trên nhau, chánh niệm tỉnh giác, với tâm nghĩ đến lúc ngồi dậy.

6. Lúc bảy giờ, Niganthà Nàthaputta vừa mới tạ thế ở Pàvā. Sau khi vị này tạ thế, các vị Niganthà chia ra làm hai phái, chia rẽ nhau, tranh chấp nhau, tranh luận nhau và sống tàn hại nhau với binh khí bằng miệng: "Người không biết pháp luật này, ta biết pháp luật này. Sao Người có thể biết pháp luật này? Người theo tà hạnh, ta theo chánh hạnh. Lời nói ta tương ưng, lời nói Người không tương ưng. Điều đáng nói trước, Người nói sau; điều đáng nói sau, Người nói trước. Điều Người quan niệm trình bày đã bị đảo lộn. Quan niệm của Người đã bị thách đổ. Người đã bị đánh bại. Hãy đi giải tỏa quan điểm của Người! Hãy tự thoát khỏi bế tắc nếu Người có thể làm được".

Hình như các đệ tử của Niganthà Nàthaputta muốn tàn hại lẫn nhau. Chính các đệ tử cư sĩ mặc đồ trắng của Niganthà Nàthaputta cũng chán ngấy, cơ hiềm và phản đối các vị Niganthà, vì pháp luật của họ đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, thấp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

7. Rồi tôn giả Sàriputta bảo các Tỷ-kheo:

- Nay Hiền giả, Niganthà Nàthaputta vừa mới từ trần không bao lâu. Sau khi vị này từ trần, các Niganthà (Ni-kiền-tử) chia làm hai phe... và không có người y chỉ.

Nhưng với chúng ta, này các Hiền giả, pháp này được Thế Tôn khéo giảng dạy, khéo trình bày, một Chánh pháp có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác trình bày. Ở đây, tất cả mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không cãi cọ nhau, để phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu ngày, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

Này các Hiền giả, thế nào là Pháp được Thế Tôn khéo giảng dạy, khéo trình bày, một pháp có

hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh do vị Chánh Đẳng Giác trình bày. Ở đây, tất cả cần phải cùng nhau tụng đọc không cãi cọ nhau, để phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu ngày, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người?

*Này các Hiền giả, có **một pháp** được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận, để phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu ngày, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.*

8. Thế nào là một pháp?

1. Tất cả loài hữu tình do các **món ăn (àhàra)** mà an trú,
2. Tất cả loài hữu tình do các **hành (samkhàrà)** mà an trú.

Này các Hiền giả, đó là một pháp được Thế Tôn, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuyết giảng một cách chọn chánh. Ở đây, mọi người

cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận, để phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu ngày, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

*9. Nay các Hiền giả, **có hai pháp** được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.*

Thế nào là hai pháp?

1. Danh và sắc.
2. Vô minh và hữu ái.
3. Hữu kiến và vô hữu kiến.
4. Vô tàmm và vô quý.
5. Tàmm và quý.
6. Ác ngôn và ác hữu.
7. Thiện ngôn và thiện hữu.

8. Nhập tội thiện xảo và xuất tội thiện xảo.
9. Đăng chí thiện xảo và xuất khỏi đăng chí thiện xảo.
10. Giới thiện xảo và tác ý thiện xảo.
11. Xứ thiện xảo và duyên khỏi thiện xảo.
12. Thiện xảo về xứ và thiện xảo về phi xứ.
13. Chơn trực và tầm quý.
14. Kham nhẫn và nhu hòa.
15. Lời nói nhu thuận và tiếp đón thân tình.
16. Vô hại và từ ái.
17. Thất niệm và bất chánh tri.
18. Chánh niệm và tỉnh giác.
19. Các căn không được chế ngự và ăn uống không tiết độ.
20. Các căn được chế ngự và ăn uống có tiết độ.
21. Tư duy lực và tu tập lực.

22. Niệm lực và định lực.
23. Chỉ và quán.
24. Chỉ tướng và tinh cần tướng.
25. Tinh cần và không dao động.
26. Giới thành tựu và kiến thành tựu.
27. Giới suy khuyết và kiến suy khuyết.
28. Giới thanh tịnh và kiến thanh tịnh.
29. Kiến thanh tịnh và tinh cần theo tri kiến ấy.
30. Dao động đối với các pháp bị dao động và chánh tinh cần của người bị dao động ấy.
31. Không tri túc với các thiện pháp và không thối thất trong tinh cần.
32. Minh tri và giải thoát.
33. Tận tri và vô sanh trí.

Này các Hiền giả, hai pháp này được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng

nhau tụng đọc... vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

*10. Nay các Hiền giả, có **ba pháp** được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là...*

1. Ba bất thiện căn: Tham bất thiện căn, sân bất thiện căn, si bất thiện căn.
2. Ba thiện căn: Vô tham thiện căn, vô sân thiện căn, vô si thiện căn.
3. Ba ác hạnh: Thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh.
4. Ba thiện hạnh: Thân thiện hạnh, khẩu thiện hạnh, ý thiện hạnh.
5. Ba bất thiện tâm: Dục tâm, sân tâm, hại tâm.
6. Ba thiện tâm: Ly dục tâm, vô sân tâm, vô hại tâm.
7. Ba bất thiện tư duy: Dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy.

8. Ba thiện tư duy: Ly dục tư duy, vô sân tư duy, vô hại tư duy.
9. Ba bất thiện tưởng: Dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng.
10. Ba thiện tưởng: Ly dục tưởng, vô sân tưởng, vô hại tưởng.
11. Ba bất thiện **giới**: Dục giới, sân giới, hại giới.
12. Ba thiện giới: Ly dục giới, vô sân giới, vô hại giới.
13. Ba giới khác: Dục giới, sắc giới, vô sắc giới.
14. Ba giới khác: Sắc giới, vô sắc giới, diệt giới.
15. Ba giới khác: Liệt giới, trung giới, thắng giới.
16. **Ba ái**: Dục ái, hữu ái, vô hữu ái.
17. **Ba ái khác**: Dục ái, sắc ái, vô sắc ái.
18. **Ba ái khác**: Sắc ái, vô sắc ái, diệt ái.
19. Ba kiết sử: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ.
20. Ba lậu: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

21. Ba hữu: Dục hữu, sắc hữu, vô minh hữu.
22. **Ba cầu:** Dục cầu, hữu cầu, phạm hạnh cầu.
23. **Ba mạn:** Thắng mạn, đẳng mạn, ty liệt mạn.
24. Ba thời: Quá khứ thời, vị lai thời, hiện tại thời.
25. Ba biên: Hữu thân biên, hữu thân tập biên, hữu thân diệt biên.
26. Ba thọ: Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ.
27. **Ba khổ tánh:** Khổ khổ, hành khổ, hoại khổ.
28. Ba tụ: Tà định tụ, chánh định tụ, bất định tụ.
29. **Ba nghi:**
- Đối với vấn đề thuộc quá khứ nghi ngờ, do dự, không quyết định, không hài lòng;
 - Đối với các vấn đề thuộc tương lai, nghi ngờ, do dự, không quyết định, không hài lòng;
 - Đối với các vấn đề hiện tại nghi ngờ, do dự, không quyết định, không hài lòng.

30. **Ba điều Như Lai không cần gìn giữ:**

- Nay các Hiền giả, Như Lai thanh tịnh thiện hành về thân. Như Lai không có ác hạnh về thân mà Như Lai phải gìn giữ: "Chớ để người khác biết việc này về Ta".
- Nay các Hiền giả, Như Lai thanh tịnh thiện hành về miệng. Như Lai không có ác hạnh về miệng mà Như Lai phải gìn giữ: "Chớ để người khác biết việc này về Ta".
- Nay các Hiền giả, Như Lai thanh tịnh thiện hành về ý. Như Lai không có ác hạnh về ý mà Như Lai phải gìn giữ: "Chớ để người khác biết việc này về Ta".

31. **Ba loại lửa:**

- Tham chướng, sân chướng, si chướng.

32. **Ba loại lửa:**

- Lửa tham, lửa sân, lửa si.

33. **Ba loại lửa khác:**

- Lửa của người hiếu kính,
- Lửa của người gia chủ,
- Lửa của người cúng dường (cha mẹ, vợ con và các vị xuất gia).

34. **Ba loại sắc tỵ:**

- Hữu kiến hữu đối sắc,
- Vô kiến hữu đối sắc,
- Vô kiến vô đối sắc.

35. **Ba hành:**

- Phước hành,
- Phi phước hành,
- Bất động hành.

36. **Ba loại người:**

- Hữu học nhân, vô học nhân, phi hữu học phi vô học nhân.

37. **Ba vị trưởng lão:**

- Sanh trưởng lão, pháp trưởng lão, nhập định trưởng lão.

38. **Ba phước nghiệp sự:**

- Thí hành phước nghiệp sự,
- Giới hành phước nghiệp sự,
- Tu hành phước nghiệp sự.

39. **Ba cử tội sự:**

- Thấy, nghe và nghi.

40. **Ba dục sanh:**

- Này các Hiền giả, có những loại hữu tình do dục an trú. Đối với các dục, họ chịu sự an trú, họ bị chi phối phụ thuộc, như loài Người, một số chư Thiên, một số tái sanh trong đọa xứ. Đó là loại dục sanh thứ nhất.
- Này các Hiền giả, có những loại hữu tình có lòng dục đối với những sự vật do họ

tạo ra. Họ tạo hóa ra các sự vật và họ sống bị chi phối phụ thuộc trong những dục vọng ấy, như các loài chư Thiên Nimmàna-Rati (Hóa Lạc thiên). Đó là loại dục sanh thứ hai.

- Đây các Hiền giả, có những loại hữu tình có lòng dục đối sự vật do các loài khác tạo ra. Họ sống bị chi phối phụ thuộc trong những dục vọng đối với sự vật do các loài khác tạo ra. Như các loài chư Thiên Para-nimmitava-savatti (Tha Hóa Tự tại thiên). Đó là hạng dục sanh thứ ba.

41. **Ba loại lạc sanh:**

- Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình (trong quá khứ) luôn luôn tạo ra (thiên định lạc) hay sống trong sự an lạc, như các vị Brahma - Kàyikà (Phạm Chúng thiên). Đó là hạng lạc sanh thứ nhất.
- Đây các Hiền giả, có những loại hữu tình thấm nhuần, biến mãn, sung mãn, hưng thịnh với an lạc. Thỉnh thoảng họ thốt ra những câu cảm hứng: "Ôi an lạc thay! Ôi an lạc thay!", như chư Thiên Àbhassarà

(Quang Âm thiên). Đó là hạng lạc sanh thứ hai.

- Đây các Hiền giả, có những loại hữu tình thấm nhuần, biến mãn, sung mãn, hưng thịnh với an lạc. Họ sống mãn túc với an lạc ấy, cảm thọ an lạc, như chư Thiên Subhakinna (Biến Tịnh thiên). Đó là loại lạc sanh thứ ba.

42. **Ba tuệ:** Hữu học tuệ, vô học tuệ, phi hữu học phi vô học tuệ.

43. **Loại ba tuệ khác:**

- **Tư** sanh tuệ,
- **Văn** sanh tuệ,
- **Tu** sanh tuệ.

44. **Ba loại bình khí:**

- Nghe, xả ly và tuệ.

45. **Ba căn:** Vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn.

46. **Ba nhãn:** Nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn.

47. **Ba học:**

- Tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học.

48. **Ba sự tu tập:**

- Thân tu, tâm tu, tuệ tu.

49. **Ba vô thượng:**

- Kiến vô thượng, hành vô thượng, giải thoát vô thượng.

50. **Ba định:**

- Hữu tầm hữu tứ định,
- Vô tầm hữu tứ định,
- Vô tầm vô tứ định.

51. **Lại ba định khác:**

- Không định, vô tướng định, vô nguyên định.

52. **Ba thanh tịnh:**

- Thân thanh tịnh, ngữ thanh tịnh, ý thanh tịnh.

53. **Ba tịch mặc:**

- Thân tịch mặc, ngữ tịch mặc, ý tịch mặc.

54. **Ba thiện xảo:**

- Tăng ích thiện xảo, tôn ích thiện xảo, phương tiện thiện xảo.

55. **Ba kiêu:**

- Vô bệnh kiêu, niên tráng kiêu, hoạt mạng kiêu.

56. **Ba tăng thượng:**

- Ngã tăng thượng, thể tăng thượng, pháp tăng thượng.

57. **Ba luận sự:**

- Luận bàn về vấn đề quá khứ: "Sự việc này xảy ra trong quá khứ",

- Luận bàn về vấn đề tương lai: "Sự việc này xảy ra trong tương lai";
- Luận bàn về vấn đề hiện tại: "Sự việc này xảy ra trong hiện tại".

58. **Ba minh:**

- Túc mạng trí minh, Hữu tình sanh tử minh, Lậu tận trí minh.

59. **Ba trú:**

- Thiên trú, Phạm trú, Thánh trú.

60. **Ba thần thông:**

- Thần túc thần thông,
- Tri tha tâm thần thông,
- Giáo giới thần thông.

Này các Hiền giả, ba pháp này được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh,

vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

*11. Nay các Hiền giả, có **bốn pháp** được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận, để phạm hạnh... Thế nào là bốn?*

1. **Bốn niệm xứ:**

- Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo quán thân trên thân, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham sân trên đời... trên các cảm thọ... trên các tâm... trên các pháp, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham sân trên đời.

2. **Bốn chánh cần:**

- Ở đây, nay các Hiền giả vị Tỷ-kheo, với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.
- Với mục đích khiến cho các ác bất thiện pháp đã sanh ra được trừ diệt, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.

- Với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.
- Với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ, được tăng cường, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.

3. **Bốn thần túc:**

- Nay các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo tu tập thần túc, câu hữu với tinh tấn thực hiện Dục thiền định.
- Tu tập thần túc câu hữu với tinh tấn thực hiện Tâm thiền định.
- Tu tập thần túc câu hữu với Tinh tấn thực hiện tinh tấn thiền định.
- Tu tập thần thức câu hữu với tinh tấn thực hiện Tư duy thiền định (Dục như ý thần túc, Tâm như ý thần túc, Tinh tấn như ý thần túc, Tư duy như ý thần túc).

4. **Bốn thiền:**

- Ở đây, vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp chúng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ.
- Diệt tâm và tứ, chúng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.
- Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chúng và an trú thiền thứ ba.
- Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chúng và trú thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

5. **Bốn tu tập thiền định:**

- Nay các Hiền giả, có sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần đưa đến lạc trú ngay trong hiện tại.
- Nay các Hiền giả, có sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa

đến chứng đắc tri kiến.

- Nay các Hiền giả, có sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến chánh niệm tỉnh giác.
- Nay các Hiền giả, có sự tu tập thiền định, nhờ sự tu tập, nhờ hành trì nhiều lần đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc.

→ Này các Hiền giả, thế nào là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần đưa đến lạc trú ngay trong hiện tại?

Ở đây, này các Hiền giả, có vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, và trú thiền thứ nhất... thiền thứ hai... thiền thứ ba... chứng và trú thiền thứ tư. Nay các Hiền giả, như vậy là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần đưa đến lạc trú ngay trong hiện tại.

→ Này các Hiền giả, thế nào là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần đưa đến chứng đắc tri kiến? Nay các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo, tác ý quang minh tưởng, an trú tưởng ban ngày, ban ngày thế nào ban đêm như vậy, ban đêm

thế nào ban ngày như vậy. Và như vậy với tâm mở rộng không có đóng kín, tạo ra một tâm có hào quang. Đây các Hiền giả, như vậy là tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến chứng đắc tri kiến.

→ Này các Hiền giả, thế nào là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, hướng đến chánh niệm, tỉnh giác?

Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo biết được thọ khởi, biết được thọ trú, biết được thọ diệt, biết được tưởng khởi, biết được tưởng trú, biết được tưởng diệt, biết được tầm khởi, biết được tầm trú, biết được tầm diệt. Đây các Hiền giả, như vậy là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến chánh niệm tỉnh giác.

→ Này các Hiền giả, thế nào là sự tu tập thiền tịnh, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc?

Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo an trú, quán tánh sanh diệt trên Năm Thủ uẩn - Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là

hành... Đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc.

6. **Bốn vô lượng tâm:**

- Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.
- Với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... an trú, biến mãn một phương với tâm phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

7. **Bốn vô sắc:**

- Nay các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chương ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, vị Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ.
- Vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: " Thức là vô biên ", chứng và trú Thức vô biên xứ.
- Vượt lên mọi thức vô biên xứ, nghĩ rằng: " Không có vật gì " , chứng và trú Vô sở hữu xứ.
- Vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ.

8. **Bốn y chỉ:**

Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo:

- Sau khi suy nghĩ, thọ dụng;
- Sau khi suy nghĩ, nhận thọ;
- Sau khi suy nghĩ, viễn ly;

- Sau khi suy nghĩ, khiến trừ.

9. **Bốn Thánh chủng:**

- Nay các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo **tự bằng lòng với bất cứ loại y nào**, tán thán sự bằng lòng với bất cứ loại y nào, không cố gắng tìm cầu y một cách không xứng đáng, không có áo nào nếu không được y, nhưng khi được y, vị này, không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội. Vị này dùng y, thấy các nguy hiểm và biết rõ sự giải thoát. Vì tự bằng lòng với bất cứ loại y nào, vị ấy không khen mình chê người. Ở đây, vị này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm, nay các Hiền giả, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chủng, theo truyền thống quá khứ.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo **tự bằng lòng với bất cứ món ăn khát thực nào**, tán thán sự bằng lòng với bất cứ món ăn khát thực nào, không cố gắng tìm cầu món ăn khát thực một cách không xứng đáng, không có áo nào nếu không được món ăn khát thực. Nhưng khi được món

ăn khát thực, vị này không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội. Vị này dùng các món ăn khát thực, thấy các nguy hiểm và biết rõ sự giải thoát. Vì tự bằng lòng với bất cứ món ăn khát thực nào, vị này không khen mình chê người. Ở đây, vị này khéo léo, tinh cần, chánh niệm. Nay các Hiền giả, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chúng, theo truyền thống quá khứ.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo **tự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào**, tán thán sự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào, không cố gắng tìm cầu phòng xá một cách không xứng đáng, không có ảo não nếu không được trú xứ. Nhưng khi được phòng xá, vị này không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội. Vị này dùng các phòng xá, thấy các nguy hiểm và biết rõ sự giải thoát. Vì tự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào, vị này không khen mình chê người. Ở đây, vị này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Nay các Hiền giả, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chúng, theo truyền thống quá khứ.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo **ưa thích đoạn trừ, hoan hỷ đoạn trừ, ưa thích tu tập, hoan hỷ tu tập**. Nhờ ưa thích đoạn trừ, hoan hỷ đoạn trừ, ưa thích tu tập, hoan hỷ tu tập nên không khen mình chê người. Ở đây, vị Tỷ-kheo này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Nay các Hiền giả, vị ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chúng, theo truyền thống quá khứ.

10. **Bốn tinh cần:**

- Chế ngự tinh cần,
- Đoạn trừ tinh cần,
- Tu tập tinh cần,
- Hộ trì tinh cần.

→ *Này các Hiền giả, thế nào là chế ngự tinh cần?* Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo, khi mắt thấy sắc không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu

bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhân căn, thực hành sự chế ngự nhân căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì căn thực hành sự chế ngự ý căn. Đây các Hiền giả, như vậy gọi là chế ngự tinh cần.

→ *Này các Hiền giả, thế nào là đoạn trừ tinh cần?* Đây các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo không nhân chịu dục tầm đã khởi lên, từ bỏ, đoạn trừ, tiêu diệt, không cho hiện hữu; với sân tâm đã khởi lên... với hại tâm đã khởi lên, từ bỏ, đoạn trừ, tiêu diệt, không cho hiện hữu. Đây các Hiền giả, như vậy gọi là đoạn trừ tinh cần.

→ *Này các Hiền giả, thế nào là tu tập tinh cần?* Đây các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo tu tập Niệm Giác chi, pháp này y xả ly, y ly dục, y đoạn diệt, thành thực trong đoạn

trừ; tu tập Trạch pháp Giác chi... tu tập
Tĩnh tấn Giác chi... tu tập Hỷ Giác chi...
tu tập Khinh an Giác chi... tu tập Định
Giác chi... tu tập Xả Giác chi, pháp này y
xả ly, y ly dục, y đoạn diệt, thành thực
trong đoạn trừ. Đây các Hiền giả, như vậy
gọi là tu tập tinh cần.

→ Đây các Hiền giả, thế nào là hộ trì tinh
cần? Đây các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo
hộ trì định tướng tốt đẹp đã khởi lên, cốt
tướng, trùng hám tướng, thanh ú tướng,
đoạn hoại tướng, trương bành tướng. Đây
các Hiền giả, như vậy gọi là hộ trì tinh
cần.

11. **Bốn trí:**

- Pháp trí, loại trí, tha tâm trí, thế tục trí.

12. **Bốn trí khác:**

- Khô trí, tập trí, diệt trí, đạo trí.

13. **Bốn Dự lưu hướng chi:**

- Thiện nhân thân cận,

- Diêu pháp thính thọ,
- Như lý tác ý,
- Pháp tùy pháp hành.

14. Bốn Dự lưu quả chi:

- Ở đây Thánh đệ tử thành tựu lòng tin tuyệt đối với Phật - "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn".
- Vị này thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp - "Pháp được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, Pháp ấy là thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến mà thấy, có hiệu năng hướng thượng, chỉ người có trí mới tự mình giác hiểu".
- Vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối chúng Tăng: "Chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn là đầy đủ diệu hạnh, chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn là đầy đủ như lý hạnh, chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn là đầy đủ chánh

hạnh, tức là bốn đôi, tám vị.

- Chúng tăng đệ tử của Thế Tôn này đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời", thành tựu giới đức được các bậc Thánh ái mộ, không bị hư hoại, không bị tỳ vết, được thực hành liên tục, không bị khiếm khuyết con người tự tại, được bậc Thánh tán thán, không bị nhiễm ô, hướng đến thiền định.

15. **Bốn Sa môn quả:**

- Dự lưu quả, Nhút lai quả, Bất lai quả, A-la-hán quả.

16. **Bốn giới:**

- Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

17. **Bốn thực:**

- Đoàn thực, thô hay tế;
- Xúc thực là thứ hai;

- Tư niệm thực là thứ ba;
- Thức thực là thứ tư.

18. **Bốn thức trú:**

- Nay các Hiền giả, khi duyên sắc, thức khởi lên và an trú, thức ấy lấy sắc làm cảnh, lấy sắc làm sở y, lấy sắc làm căn cứ thọ hưởng, được tăng trưởng, tăng thịnh, tăng quảng.
- Nay các Hiền giả, hay duyên thọ, thức... hay duyên tưởng... Nay các Hiền giả, hay duyên hành, thức khởi lên và an trú, thức ấy lấy hành làm cảnh, lấy hành làm sở y, lấy hành làm căn cứ thọ hưởng, được tăng trưởng, tăng thịnh, tăng quảng.

19. **Bốn bất hành xứ hạnh:**

- Tham dục bất hành xứ hạnh,
- Sân bất hành xứ hạnh,
- Si bất hành xứ hạnh,
- Bồ úy bất hành xứ hạnh.

20. **Bốn ái sanh:**

- Nay các Hiền giả, do nhơn y phục, vị Tỷ-kheo khởi lên lòng tham ái.
- Nay các Hiền giả, do nhơn đồ ăn khát thực, vị Tỷ-kheo khởi lên lòng tham ái.
- Nay các Hiền giả, do nhơn phòng xá, vị Tỷ-kheo khởi lên lòng tham ái.
- Nay các Hiền giả, do nhơn hữu và phi hữu, vị Tỷ-kheo khởi lên lòng tham ái.

21. **Bốn hành:**

- Khổ hành trì chứng,
- Khổ hành tốc chứng,
- Lạc hành trì chứng,
- Lạc hành tốc chứng.

22. **Bốn hành khác:**

- Bất kham nhẫn hành,

- Kham nhẫn hành,
- Điều phục hành,
- Tịch tịnh hành.

23. **Bốn pháp túc:**

- Vô tham pháp túc,
- Vô sân pháp túc,
- Chánh niệm pháp túc,
- Chánh định pháp túc.

24. **Bốn pháp thọ:**

- Nay các Hiền giả, có pháp thọ, hiện tại khổ và tương lai quả báo khổ.
- Nay các Hiền giả, có pháp thọ, hiện tại khổ và tương lai quả báo lạc.
- Nay các Hiền giả, có pháp thọ, hiện tại lạc và tương lai quả báo khổ.
- Nay các Hiền giả có pháp thọ, hiện tại lạc

và tương lai quả báo lạc.

25. **Bốn pháp uẩn:**

- Giới uẩn, định uẩn, công đức uẩn, giải thoát uẩn.

26. **Bốn lực:**

- Tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

27. **Bốn thắng xứ:**

- Tuệ thắng xứ, đề thắng xứ, xả thắng xứ, chỉ tức thắng xứ (Bốn nguyện).

28. **Bốn cách trả lời câu hỏi:**

- Trả lời câu hỏi một cách dứt khoát,
- Trả lời câu hỏi bằng cách phân tích,
- Trả lời câu hỏi bằng cách cật vấn,
- Trả lời câu hỏi bằng cách giả lơ, bỏ qua.

29. **Bốn nghiệp:**

- Này các Hiền giả, có hắc nghiệp hắc báo.
- Này các Hiền giả, có bạch nghiệp bạch báo.
- Này các Hiền giả, có hắc bạch nghiệp, hắc bạch báo.
- Này các Hiền giả, có phi hắc phi bạch nghiệp, phi hắc phi bạch báo, và đưa đến sự tận diệt các nghiệp.

30. Bốn pháp cần phải chứng ngộ:

- Túc mạng cần phải chứng ngộ bởi niệm.
- Sanh tử cần phải chứng ngộ bởi nhãn.
- Tám giải thoát cần phải chứng ngộ bởi thân.
- Lưu tận cần phải chứng ngộ bởi Tuệ.

31. Bốn bậc lưu:

- Dục bậc lưu, hữu bậc lưu, kiến bậc lưu, vô minh bậc lưu.

32. **Bốn ách:**

- Dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách.

33. **Bốn ly ách:**

- Ly dục ách, ly hữu ách, ly kiến ách, ly vô minh ách.

34. **Bốn hệ phược:**

- Tham thân hệ, sân thân hệ, gới cảm thủ thân hệ, thử thực chấp thân hệ.

35. **Bốn thủ:**

- Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã thuyết thủ.

36. **Bốn sanh:**

- Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh.

37. **Bốn nhập thai:**

- Đây các Hiền giả, ở đây, có loài không tỉnh giác nhập mẫu thai, không tỉnh giác

trú mẫu thai, không tỉnh giác xuất mẫu thai. Đó là loại nhập thai thứ nhất.

- Lại nữa, này các Hiền giả, ở đây, có loại tỉnh giác nhập mẫu thai, không tỉnh giác trú mẫu thai, không tỉnh giác xuất mẫu thai. Đó là loại nhập thai thứ hai.
- Lại nữa, này các Hiền giả, ở đây, có loại tỉnh giác nhập mẫu thai, tỉnh giác trú mẫu thai, không tỉnh giác xuất mẫu thai. Đó là loại nhập thai thứ ba.
- Lại nữa, này các Hiền giả, ở đây, có loại tỉnh giác nhập mẫu thai, tỉnh giác trú mẫu thai, tỉnh giác xuất mẫu thai. Đó là loại nhập thai thứ tư.

38. Bốn phương cách được tự thể mới:

- Này các Hiền giả, có tự thể mới được, do ý chí của mình, không do ý chí của người khác.
- Này các Hiền giả, có tự thể mới được, do ý chí của người khác, không do ý chí của mình.

- Nay các Hiền giả, có tự thể mới được, do ý chí của mình và ý chí của người khác.
- Nay các Hiền giả, có tự thể mới được không do ý chí của mình, không do ý chí của người khác.

39. Bốn sự cúng dường thanh tịnh:

- Nay các Hiền giả, có sự cúng dường, người cúng dường thanh tịnh, người nhận cúng dường không thanh tịnh.
- Nay các Hiền giả, có sự cúng dường, người nhận cúng dường thanh tịnh, người cúng dường không thanh tịnh.
- Nay các Hiền giả, có sự cúng dường, cả người cúng dường và người nhận cúng dường đều không thanh tịnh.
- Nay các Hiền giả, có sự cúng dường, người cúng dường và người nhận sự cúng dường đều thanh tịnh.

40. Bốn nhiếp pháp:

- Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.

41. Bốn phi Thánh ngôn:

- Vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ.

42. Bốn Thánh ngôn:

- Ly vọng ngữ, ly lường thiệt, ly ác khẩu, ly ỷ ngữ.

43. Bốn phi Thánh ngôn khác:

- Không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không nghĩ nói nghĩ, không biết nói biết.

44. Bốn Thánh ngôn khác:

- Không thấy nói không thấy,
- Không nghe nói không nghe,
- Không nghĩ nói không nghĩ,
- Không biết nói không biết.

45. Bốn phi Thánh ngôn khác:

- Thấy nói không thấy,

- Nghe nói không nghe,
- Nghĩ nói không nghĩ,
- Biết nói không biết.

46. Bốn Thánh ngôn khác:

- Thấy nói thấy,
- Nghe nói nghe,
- Nghĩ nói nghĩ,
- Biết nói biết.

47. Bốn loại người:

- Đây các Hiền giả, ở đây, có người tự làm khổ mình và siêng năng làm khổ mình.
- Đây các Hiền giả, ở đây, có loại người làm khổ người khác, siêng năng làm khổ người khác.
- Đây các Hiền giả, ở đây, có loại người làm khổ mình, siêng năng làm khổ mình; làm khổ người, siêng năng làm khổ

người.

- Này các Hiền giả, ở đây, có loại người không làm khổ mình, không siêng năng làm khổ mình; không làm khổ người, không siêng năng làm khổ người. Vị này không làm khổ mình, không làm khổ người ngay trong hiện tại sống ly dục, tịch tịnh, thanh lương, an lạc thánh thiện.

48. Lại bốn loại người khác:

- Này các Hiền giả, ở đây, có loại người hành tự lợi, không hành lợi tha.
- Này các Hiền giả, ở đây, có loại người hành lợi tha, không hành tự lợi.
- Này các Hiền giả, ở đây, có loại người, không hành tự lợi và không hành lợi tha.
- Này các Hiền giả, ở đây, có loại người hành tự lợi và hành lợi tha.

49. Lại bốn loại người khác:

- Sống trong bóng tối và hướng đến bóng

tôi,

- Sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng,
- Sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối,
- Sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng.

50. Bốn loại người khác:

- Bất động Sa môn,
- Xích liên hoa Sa môn,
- Bạch liên hoa Sa môn,
- Diệu thiện Sa môn.

Này các Hiền giả, bốn Pháp này được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la Hán, Chánh Đăng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

II

1. Nay các Hiền giả, có **năm Pháp** được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

3. **Năm uẩn:**

- Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

4. **Năm thủ uẩn:**

- Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

5. **Năm dục công đức:**

- Sắc do nhãn nhận thức. Sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.
- Tiếng do tai nhận thức... Hương do mũi nhận thức... Vị do lưỡi nhận thức... Xúc do thân cảm xúc là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

6. **Năm thú:**

- Địa ngục, bàng sanh, ngã quý, Người, chư Thiên.

7. **Năm xan tham:**

- Xan tham đối với trú xứ,
- Xan tham đối với gia đình,
- Xan tham đối với các vật thô hoạc,
- Xan tham đối với sắc,
- Xan tham đối với pháp.

8. **Năm triền cái:**

- Tham dục triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên cái, trạo cử hối quá triền cái, nghi triền cái.

9. **Năm hạ phần kiết sử:**

- Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham, sân.

10. **Năm thượng phần kiết sử:**

- Sắc tham, vô sắc tham, mạn, trạo cử, vô

minh.

11. **Năm học xứ:**

- Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngôn, không uống các loại rượu.

12. **Năm bất năng xứ:**

- Này các Hiền giả, một vị Lậu tận Tỷ kheo không thể cố sát hại đời sống loài hữu tình.
- Một vị Lậu tận Tỷ kheo không thể cố ý lấy của không cho gọi là trộm cắp.
- Một vị Lậu tận Tỷ kheo không thể có ý hành dâm.
- Một vị Lậu tận Tỷ kheo không thể cố ý tự mình biết mà nói láo.
- Một vị Lậu tận Tỷ kheo không thể tiêu dùng các vật chứa cất vào các thú vui dục lạc như khi còn là cư sĩ.

13. **Năm sự tổn thất:**

- Thân thuộc tồn thất,
- Tài sản tồn thất,
- Tật bệnh tồn thất,
- Giới tồn thất,
- Kiến tồn thất.

→ Nay các Hiền giả, không có loài hữu tình nào, vì thân thuộc tồn thất, vì tài sản tồn thất, hay vì tật bệnh tồn thất, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nay các Hiền giả, có loài hữu tình, vì giới tồn thất hay vì kiến tồn thất, sau khi thân hoại mạng chung... sanh vào địa ngục.

14. **Năm sự thành tựu:**

- Thân thuộc thành tựu,
- Tài sản thành tựu, vô bệnh thành tựu, giới thành tựu, kiến thành tựu.

→ Nay các Hiền giả, không có loài hữu tình nào, vì thân thuộc thành tựu, vì tài sản

thành tựu hay vì vô bệnh thành tựu, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, đời này. Nay các Hiền giả, có các loài hữu tình, vì giới thành tựu hay vì kiến thành tựu được sanh lên thiện thú, Thiên giới, đời này.

15. **Năm điều nguy hiểm của người ác giới, phạm giới:**

- Nay các Hiền giả, người ác giới, vì phạm giới luật, do phóng dật thiệt hại nhiều tài sản. Đó là điều nguy hiểm thứ nhất của người ác giới, phạm ác giới.
- Lại nữa, nay các Hiền giả, với người ác giới, phạm ác giới, tiếng xấu đồn khắp. Đó là điều nguy hiểm thứ hai của người ác giới.
- Lại nữa, nay các Hiền giả, với người ác giới, phạm ác giới, khi vào hội chúng nào, hội chúng Sát đế ly, hội chúng Bà la môn, hội chúng Cư sĩ hay hội chúng Sa môn, người ấy vào một cách sợ sệt và dao động. Đó là điều nguy hiểm thứ ba của người ác giới, phạm ác giới.

- Lại nữa, này các Hiền giả, người ác giới, phạm ác giới, khi mệnh chung, chết một cách mê loạn. Đó là điều nguy hiểm thứ tư của người ác giới, phạm ác giới.
- Lại nữa, này các Hiền giả, người ác giới, phạm ác giới, khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đó là điều nguy hiểm thứ năm của người ác giới, phạm ác giới.

16. Năm điều lợi ích của người đủ giới, giữ giới:

- Này các Hiền giả, ở đây người đủ giới, giữ giới, nhờ không phóng dật nên được tài sản sung túc. Đó là điều lợi ích thứ nhất cho người đủ giới, giữ giới.
- Này các Hiền giả, lại nữa người đủ giới, giữ giới được tiếng tốt đồn khắp. Đó là điều lợi ích thứ hai cho người đủ giới, giữ giới.
- Này các Hiền giả, với người đủ giới, giữ giới, khi vào hội chúng nào, hội chúng Sát đế ly, hội chúng Ba la môn, hội chúng Cư sĩ, hội chúng Sa môn, vị ấy vào một

cách đàng hoàng, không dao động. Đó là điều lợi ích thứ ba cho người đủ giới, giữ giới.

- Nay các Hiền giả, lại nữa người đủ giới, giữ giới khi mệnh chung chết một cách không sợ sệt và không dao động. Đó là điều lợi ích thứ tư cho người đủ giới, giữ giới.
- Nay các Hiền giả, lại nữa người đủ giới, giữ giới, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy là điều lợi ích thứ năm cho người đủ giới, giữ giới.

17. Nay các Hiền giả, năm pháp nội tâm một vị Tỷ kheo cần phải có nếu muốn chỉ trích một vị khác:

- "Tôi nói đúng thời, không phải phi thời.
- Tôi nói đúng sự thật, không sai sự thật.
- Tôi nói một cách từ tốn, không nói lời ác khẩu.
- Tôi nói lời có lợi ích, không nói lời không

có lợi ích.

- Tôi nói lời có lòng từ, không phải lời sân hận".

→ Nay các Hiền giả, như vậy là năm pháp nội tâm một vị Tỷ kheo cần phải có, nếu muốn chỉ trích một vị khác.

18. **Năm cần chi:**

- Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế tôn, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".
- Vị ấy thiếu bệnh, thiếu não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình hợp với sự tinh tấn.
- Vị ấy không lừa đảo, dối gạt, nêu rõ tự mình như chơn đối với bậc Đạo Sư, đối với các vị sáng suốt hay đối với các vị đồng phạm hạnh.

- Vị ấy sống siêng năng, tinh tấn, từ bỏ các ác pháp, thành tựu các thiện pháp, cương quyết, kiên trì nỗ lực, không tránh né đối với các thiện pháp.
- Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ hướng đến sự sanh diệt của các pháp, thành tựu Thánh quyết trạch, đưa đến sự đoạn diệt chơn chánh các khổ đau.

19. Năm tịnh cư:

- Vô Phiền thiên,
- Vô Nhiệt thiên,
- Thiện Hiện thiên,
- Thiện Kiến thiên,
- Sắc Cứu Cánh thiên.

20. Năm bất hoàn:

- Trung gian Bát Niết bàn,
- Sanh Bát Niết bàn,

- Vô hành Bát Niết bàn,
- Hữu hành Bát Niết bàn,
- Thượng lưu thú A-ca-ni-sá.

21. **Năm tâm hoang vu:**

- Đây các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có thỏa mãn đối với vị Đạo Sư. Đây các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có thỏa mãn đối với vị Đạo Sư, vị Tỷ kheo ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Khi tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn, như vậy gọi là tâm hoang vu thứ nhất.
- Đây các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo nghi ngờ đối với Pháp... đối với Tăng... đối với học Pháp... tức giận đối với các vị đồng Phạm hạnh, không hoan hỷ, tâm dao động, trở thành hoang vu. Đây các Hiền giả, khi một vị Tỷ kheo tức giận đối với các vị đồng Phạm hạnh, không hoan hỷ, tâm dao động, trở thành hoang vu, vị Tỷ

kheo ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Như vậy gọi là tâm hoang vu thứ năm.

22. **Năm tâm triển phược:**

- Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo tâm không ly tham, không ly dục, không ly ái, không ly khao khát, không ly nhiệt tình, không ly ái nhiễm đối với các dục vọng. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo tâm không ly tham, không ly dục, không ly ái, không ly khao khát, không ly nhiệt tình, không ly ái nhiễm đối với ác dục vọng, tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Tâm của vị nào không hướng về... như vậy là tâm triển phược thứ nhất.
- Nay các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo, tâm không ly tham đối với các thân... Như vậy là tâm triển phược thứ hai...
- Đối với các sắc, tâm không ly tham... Đây là tâm triển phược thứ ba.
- Nay các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo

không ăn quá sức bao tử có thể chịu nổi, hưởng thọ sự sung sướng về nằm ngủ, sự sung sướng về xúc chạm, sự sung sướng về thụ miên... Đây là tâm triền phược thứ tư.

- Nay các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo sống đời sống phạm hạnh với hy vọng mong được thành một loại chư Thiên: "Với luật pháp này, với giới luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ trở thành loại chư Thiên này hay loại chư Thiên khác". Nay các Hiền giả, khi vị Tỷ kheo sống đời sống Phạm hạnh với hy vọng được thành một loại chư Thiên: "Với luật pháp này, với giới luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ trở thành loại chư Thiên này hay chư Thiên khác". Tâm của vị này không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Tâm của vị nào... như vậy là tâm triền phược thứ năm.

23. **Năm căn:**

- Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.

24. **Lại năm căn khác:**

- Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn.

25. **Lại năm căn khác:**

- Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

26. **Năm xuất ly giới:**

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo, có tác ý đối với dục vọng, **tâm không hướng nhập dục vọng, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi dục vọng**. Khi vị này có tác ý đối với ly dục, tâm hướng nhập ly dục, tín lạc, an trú và bị chi phối bởi ly dục, tâm của vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với các dục lạc. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt nã khởi lên do duyên, các dục lạc, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với các dục vọng.
- Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo có tác ý đối với sân hận, tâm không hướng

nhập sân hận, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi sân hận. Khi vị này có tác ý đối với vô sân, tâm hướng nhập vô sân, có tín lạc, có an trú, có bị chi phối bởi vô sân, tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với vô sân. Và các lậu hoặc, các tồn hoại, các nhiệt não khởi lên do duyên với sân, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với sân hận.

- c. Nay các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo, có tác ý đối với hại tâm, tâm không hướng nhập hại tâm, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi hại tâm. Khi vị này có tác ý đối với ly hại tâm, tâm hướng nhập ly hại tâm, tín lạc, an trú, bị chi phối bởi ly hại tâm. Tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ hại tâm. Và các lậu hoặc, các tồn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên với hại tâm, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với hại tâm.

- d. Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, có

tác ý đối với sắc, tâm không hướng nhập vào sắc, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi sắc. Khi vị này có tác ý đối với vô sắc, tâm hướng nhập vô sắc, tín lạc, an trú, bị chi phối bởi vô sắc. Tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với sắc. Và các lậu hoặc, các tổn hại, cái nhiệt não khởi lên do duyên với sắc, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với sắc.

- e. Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo có tác ý đối với tự thân, tâm không hướng nhập tự thân, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi tự thân. Khi vị này có tác ý đối với thân diệt, tâm hướng nhập thân diệt, tín lạc, an trú, bị chi phối bởi thân diệt. Tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ thân diệt. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên với tự thân, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với tự thân.

27. Năm giải thoát xứ:

- Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo, khi nghe bậc Đạo Sư, hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp. Nay các Hiền giả, khi vị Tỷ kheo nghe bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp, vị ấy, đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý và hiểu cả văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý và hiểu cả văn cú, khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái, hỷ sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ nhất.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo không nghe bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp. Nhưng vị ấy, theo điều đã nghe, theo điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác. Nay các Hiền giả, khi vị Tỷ kheo theo điều đã nghe, theo điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác, vị ấy đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn

cú, khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái, hỷ sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ hai.

- Đây các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo, không được nghe bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp, cũng không theo điều đã nghe, điều đã học thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác. **Vị ấy theo điều đã nghe, theo điều đã học, tụng đọc pháp một cách rõ ràng.** Đây các Hiền giả, vị Tỷ kheo, theo điều đã nghe, theo điều đã học, tụng đọc pháp một cách rõ ràng, do vậy đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú, thân khinh an sanh. Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ ba.
- Đây các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, không nghe bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính thuyết pháp, cũng không theo điều đã nghe, điều đã học

thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác, cũng không theo điều đã nghe, điều đã học, tụng đọc pháp một cách rõ ràng. **Vì ấy, theo điều đã nghe, theo điều đã học, dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy.** Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo, theo điều đã nghe, theo điều đã học, dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo, theo điều đã nghe, theo điều đã học, dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy nên đối với pháp ấy hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú, khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái sanh, hỷ tâm sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ tư.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, không nghe bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp, cũng không theo điều đã nghe, theo điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác, cũng không theo điều đã nghe, theo điều đã học dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy, **vị Tỷ kheo đã**

khéo nắm giữ một định tướng nào, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập nhờ trí tuệ. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo nắm giữ một định tướng nào, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập nhờ trí tuệ. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo tùy theo khéo nắm giữ một định tướng nào, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập nhờ trí tuệ, nên đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú, nên khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái sanh, hỷ tâm sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ năm.

28. Năm giải thoát thành thực tướng:

- Vô thường tướng,
- Khổ tướng trong vô thường,
- Vô ngã tướng trong khổ,
- Đoạn trừ tướng,

- Vô tham tưởng.

Này các Hiền giả, năm pháp này được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đăng Giác. Ở đây mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài Người.

*2. Này các Hiền giả, có **sáu pháp** được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đăng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài Người. Thế nào là sáu?*

1. **Sáu nội xứ:**

- Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ.

2. **Sáu ngoại xứ:**

- Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ.

3. **Sáu thức thân:**

- Nhân thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

4. **Sáu xúc thân:**

- Nhân xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc.

5. **Sáu thọ thân:**

- Nhân xúc sở sanh thọ, nhĩ xúc sở sanh thọ, tỷ xúc sở sanh thọ, thiệt xúc sở sanh thọ, thân xúc sở sanh thọ, ý xúc sở sanh thọ.

6. **Sáu tưởng thân:**

- Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

7. **Sáu tư thân:**

- Sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư.

8. **Sáu ái thân:**

- Sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái,

pháp ái.

9. **Sáu không cung kính pháp:**

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo, sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư;
- Sống không cung kính, không tùy thuận Pháp;
- Sống không cung kính, không tùy thuận Tăng;
- Sống không cung kính, không tùy thuận học Pháp;
- Sống không cung kính bất phóng dật, không tùy thuận bất phóng dật;
- Sống không cung kính, không tùy thuận sự lễ phép xã giao.

10. **Sáu cung kính pháp:**

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo sống cung kính, tùy thuận bậc Đạo Sư; sống cung kính, tùy thuận Pháp; sống cung

kính, tùy thuận Tăng; sống cung kính tùy thuận học pháp; sống cung kính, tùy thuận bất phóng dật; sống cung kính; tùy thuận lễ phép xã giao.

11. **Sáu suy tư đến hỷ:**

- Khi mắt thấy sắc, hoan hỷ khởi lên, sắc ấy được suy tư. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân chạm xúc... Khi ý nhận pháp, hoan hỷ khởi lên, pháp ấy được suy tư.

12. **Sáu suy tư đến ưu:**

- Khi mắt thấy sắc, ưu khởi lên, sắc ấy được suy tư... như trên... khi ý nhận pháp, ưu khởi lên, pháp ấy được suy tư.

13. **Sáu suy tư đến xả:**

- Khi mắt thấy sắc, xả khởi lên, sắc ấy được suy tư... Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân chạm xúc... Khi ý nhận pháp, xả khởi lên, pháp ấy được suy tư.

14. **Sáu hòa kính pháp:**

- Nay các Hiền giả, ở đây khi vị Tỷ kheo thành tựu từ thân nghiệp, trước mặt hay sau lưng đối với các vị đồng Phạm hạnh, như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp.
- Nay các Hiền giả, lại nữa khi vị Tỷ kheo thành tựu từ khẩu nghiệp trước mặt hay sau lưng... từ ý nghiệp trước mặt hay sau lưng, đối với các vị đồng Phạm hạnh, như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, đối với các đồ vật được cúng dường một cách hợp pháp cho đến đồ vật nhận trong bình bát, đều đem chia đồng đều giữa các vị Tỷ kheo có giới hạnh, như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, khi những giới luật của vị này không bị phá

hoại, không vi phạm, được kiên trì tuân hành, không có tỳ vết, làm con người được giải thoát, được người trí tán thán, không uế tạp, hướng đến thiên định, vị Tỷ kheo ấy giữ giới hạnh Sa môn như vậy, sống trước mặt hay sau lưng với các vị đồng Phạm hạnh như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo sống đời sống được Chánh kiến hướng dẫn, chơn chánh, đoạn diệt khổ đau, vị ấy sống thành tựu với Chánh kiến như vậy, sống với các vị đồng Phạm hạnh, trước mặt hay sau lưng, như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp.

15. **Sáu tránh căn:**

- Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo phần nô, uất hận. Nay các Hiền giả, vị này phần nô, uất hận, sống không cung kính, không tùy thuận vị Đạo Sư, sống không

cung kính, không tùy thuận Pháp, không cung kính, không tùy thuận Tăng, không thành tựu đầy đủ các học pháp. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo sống không cung kính không tùy thuận bậc Đạo Sư, không cung kính, không tùy thuận Pháp, không cung kính, không tùy thuận Tăng, không thành tựu đầy đủ các học pháp, vì ấy khởi lên tranh luận giữa chư Tăng. Tranh luận như vậy khiến chúng sanh không hạnh phúc, khiến chúng sanh không an lạc, khiến chúng sanh không lợi ích, và khiến chư Thiên và loài Người không hạnh phúc, mà đau khổ. Này các Hiền giả, nếu Hiền giả thấy được tránh căn ấy giữa các vị hay ngoài các vị, Hiền giả phải cố gắng đoạn trừ ác tránh căn ấy. Này các Hiền giả, nếu Hiền giả không thấy tránh căn ấy giữa các vị hay ngoài các vị, các vị hãy gìn giữ đừng cho ác tránh căn ấy có cơ hội làm hại trong tương lai. Như vậy là ngăn chặn nguy hại ác tránh căn ấy trong tương lai.

- Này các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo che dấu và giả dối...

- ... tặc đồ và xan tham...
- ... lừa đảo và lường gạt...
- ... ác dục và tà kiến...
- ... chấp trước sở kiến, kiên trì gìn giữ rất khó rời bỏ. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo chấp trước sở kiến, kiên trì gìn giữ, rất khó rời bỏ, vị ấy sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư, không cung kính, không tùy thuận Pháp, không cung kính, không tùy thuận Tăng, không thành tựu đầy đủ các học pháp. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư... Pháp... Tăng... không thành tựu đầy đủ các học pháp, vị ấy khởi lên tranh luận giữa chư Tăng. Tranh luận như vậy khiến chúng sanh không hạnh phúc, khiến chúng sanh không an lạc, khiến chúng sanh không lợi ích, khiến chư Thiên và loài Người không hạnh phúc, mà đau khổ. Nay các Hiền giả, nếu Hiền giả thấy được tránh căn ấy giữa các vị hay ngoài các vị, Hiền giả phải cố gắng đoạn trừ ác tránh căn ấy. Nay các Hiền giả, nếu Hiền giả không

thấy tránh căn ấy giữa các vị hay ngoài các vị, các vị hãy gìn giữ đừng cho ác tránh căn ấy có cơ hội làm hại trong tương lai. Như vậy là sự đoạn trừ ác tránh căn ấy, như vậy là ngăn chặn nguy hại ác tránh căn ấy trong tương lai.

16. **Sáu giới:**

- Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.

17. **Sáu xuất ly giới:**

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Ta đã tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần. Tuy vậy sân tâm vẫn ngự trị tâm ta". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Ai tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ

xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, mà sân tâm vẫn ngự trị, an trú, sự kiện không thể xảy ra như vậy. Nay các Hiền giả, từ tâm giải thoát có khả năng giải thoát sân tâm.

- Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Ta đã tu tập bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần. Tuy vậy hại tâm vẫn ngự trị tâm ta". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Nay các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, mà hại tâm vẫn ngự trị an trú, sự kiện không xảy ra như vậy. Nay các Hiền giả, bi tâm giải thoát có khả năng giải thoát hại tâm.
- Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Ta đã tu tập hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm

thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần. Tuy vậy bất lạc tâm vẫn ngự trị tâm ta". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Nay các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, bất lạc tâm vẫn ngự trị an trú, sự kiện không xảy ra như vậy. Nay các Hiền giả, hỷ tâm giải thoát có khả năng giải thoát bất lạc tâm.

- Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Ta đã tu tập xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần. Tuy vậy tham tâm vẫn ngự trị tâm ta". Vị ấy cần được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại Đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Nay các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp

không phải như vậy. Nếu tu tập xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần mà tham tâm vẫn ngự trị an trú, sự kiện không xảy ra như vậy. Nay các Hiền giả, xả tâm giải thoát, có khả năng giải thoát tham tâm.

- Nay các Hiền giả, lại nữa ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Ta đã tu tập vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần. Tuy vậy thức của tôi vẫn chạy theo các tướng". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại Đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu không Thế Tôn như vậy không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Nay các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, mà thức vẫn chạy theo các tướng, sự kiện không xảy ra như vậy. Nếu tu tập vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành

căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, mà thức vẫn chạy theo các tướng, sự kiện không xảy ra như vậy. Nay các Hiền giả, vô tướng tâm giải thoát có khả năng giải thoát tất cả tướng.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Quan điểm "tôi có mặt" bị tôi từ khước. Quan điểm "tôi là cái này" không được tôi chấp nhận. Tuy vậy mũi tên nghi ngờ do dự vẫn ám ảnh an trú tôi". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại Đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Nay các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. "Quan điểm "tôi có mặt" bị tôi từ khước. Quan điểm "tôi là cái này" không được tôi chấp thuận. Tuy vậy nghi ngờ, do dự vẫn ám ảnh an trú nơi tôi". Sự kiện không xảy ra như vậy. Nay Hiền giả, chính nhờ khước từ sự ngạo mạn "tôi có mặt", mà mũi tên do dự nghi ngờ được giải thoát.

18. **Sáu vô thượng:**

- Kiến vô thượng,
- Văn vô thượng,
- Lợi đắc vô thượng,
- Học giới vô thượng,
- Hành vô thượng,
- Ưc niệm vô thượng.

19. **Sáu niệm xứ:**

- Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên.

20. **Sáu hằng trú:**

- Đây các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo mắt thấy sắc, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm, giác tỉnh;
- Tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức pháp, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, trú xả, chánh niệm, tỉnh giác.

21. **Sáu sanh loại:**

- Đây các Hiền giả, ở đây có người hắc sanh và sống tạo hắc pháp.
- Đây các Hiền giả, ở đây, có người hắc sanh và sống tạo bạch pháp.
- Đây các Hiền giả, ở đây, có người hắc sanh và sống tạo Niết bàn, phi hắc phi bạch pháp.
- Ở đây, có người bạch sanh và sống tạo bạch pháp.
- Ở đây, có người bạch sanh và sống tạo hắc pháp.
- Ở đây, có người bạch sanh và sống tạo Niết bàn, phi hắc phi bạch pháp.

22. **Sáu quyết trạch phần tưởng:**

- Vô thường tưởng,
- Khô tưởng trên vô thường,
- Vô ngã tưởng trên khô,

- Đoạn tượng,
- Vô tham tượng,
- Diệt tượng.

Này các Hiền giả, sáu pháp này được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đăng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

*8. Này các Hiền giả, có **bảy pháp** được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đăng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là bảy?*

2. **Bảy tài sản:**

- Tín tài, giới tài, tàmm tài, quý tài, văn tài, thí tài, tuệ tài.

3. **Bảy giác chi:**

- Niệm Giác chi, Trạch pháp Giác chi, Tinh tấn Giác chi, Hỷ Giác chi, Khinh an Giác chi, Định Giác chi, Xả Giác chi.

4. **Bảy định cụ:**

- Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm.

5. **Bảy phi diệu pháp:**

- Đây các Hiền giả, ở đây, có vị Tỷ kheo bất tín, vô tầm, vô quý, thiếu văn, giải đãi, thất niệm, liệt tuệ.

6. **Bảy diệu pháp:**

- Đây các Hiền giả, ở đây, có vị Tỷ kheo có lòng tín, có tầm, có quý, đa văn, tinh tấn, niệm được an trú, có trí tuệ.

7. **Bảy thượng nhân pháp:**

- Đây các Hiền giả, ở đây có vị Tỷ kheo tri pháp, tri nghĩa, tự tri, tri lượng, tri thời, tri chúng và tri nhân.

8. **Bảy thù diệu sự:**

- Đây các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo tha thiết hành trì học pháp và khát vọng hành trì học

pháp trong tương lai;

- Tha thiết quán pháp và khát vọng quán pháp trong tương lai;
- Tha thiết điều phục các dục vọng và khát vọng điều phục các dục vọng trong tương lai;
- Tha thiết sống an tịnh và khát vọng sống an tịnh trong tương lai;
- Tha thiết sống tinh tấn và khát vọng sống tinh tấn trong tương lai;
- Tha thiết quán sát tự niệm và khát vọng quán sát tự niệm trong tương lai;
- Tha thiết với kiến giải và khát vọng hiểu biết sở kiến trong tương lai.

9. **Bảy tướng:**

- Vô thường tướng,
- Vô ngã tướng,
- Bất tịnh tướng,

- Hoạn nạn tướng,
- Đoạn tướng,
- Ly tham tướng,
- Diệt tướng.

10. **Bảy lực:**

- Tín lực, tinh tấn lực, tầm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

11. **Bảy thức trú:**

1. Đây các Hiền giả, có các loại hữu tình, thân sai biệt và tướng sai biệt, như loài Người, một số chư Thiên và một số thuộc đạo xứ. Đó là loại thức trú thứ nhất.
2. Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình thân sai biệt nhưng tướng đồng loại, như các vị Phạm Chúng thiên vừa mới sanh lần đầu tiên (hay do tu sơ thiên). Đó là loại thức trú thứ hai.
3. Đây các Hiền giả, có những loại hữu tình, thân đồng loại, nhưng tướng sai biệt, như

chư Quang Âm thiên. Đó là loại thức trú thứ ba.

4. Đây các Hiền giả, có những loại hữu tình thân đồng loại và tướng đồng loại, như chư Thiên Biến Tịnh thiên. Đó là loại thức trú thứ tư.
5. Đây các Hiền giả, có những loại hữu tình, vượt khỏi mọi tướng về sắc, điều phục mọi tướng về thân, không tác ý đến các tướng sai biệt, chứng Không vô biên xứ: "Hư không là vô biên". Đó là loại thức trú thứ năm.
6. Đây các Hiền giả, có những loại hữu tình, vượt khỏi hoàn toàn hư không vô biên xứ, chứng thức vô biên xứ: "Thức là vô biên". Đó là loại thức trú thứ sáu.
7. Đây các Hiền giả có những loại hữu tình vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, chứng Vô sở hữu xứ: "Không có vật gì cả". Đó là loại thức trú thứ bảy.

12. **Bảy loại người đáng kính trọng:**

- Câu phân giải thoát,

- Tuệ giải thoát,
- Thân chúng,
- Kiến chí,
- Tín giải thoát, Tùy pháp hành, Tùy tín hành.

13. **Bảy tùy miên:**

- Dục ái tùy miên,
- Sân tùy miên,
- Kiến tùy miên,
- Nghi tùy miên,
- Mạn tùy miên,
- Hữu tham tùy miên,
- Vô minh tùy miên.

14. **Bảy kiết sử:**

- Ái kiết sử,
- Sân kiết sử,

- Kiến kiết sử,
- Nghi kiết sử,
- Mạn kiết sử,
- Hữu tham kiết sử,
- Vô minh kiết sử.

15. **Bảy diệt tránh pháp:**

- Có khả năng đình chỉ, trừ diệt các tránh pháp đang khởi lên: Ung dữ hiện tiền tỳ ni, ung dữ ức niệm tỳ ni, ung dữ bất si tỳ ni, ung dữ tự ngôn trị, đa mịch tội tướng, đa nhơn mịch tội, như thảo phú địa.

Này các Hiền giả, bảy pháp này được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

III

1. "Này các Hiền giả, có tám pháp được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... Vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là tám?

1. **Tám tà:**

- Tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.

2. **Tám chánh:**

- Chánh tri kiến... Chánh định.

3. **Tám người đáng cung kính:**

- Hạng Dự lưu, hạng đã thành tựu và chứng Dự lưu quả;
- Hạng Nhất lai, hạng đã thành tựu và chứng Nhất lai quả;
- Hạng Bất lai, hạng đã thành tựu và chứng Bất lai quả;

- Hạng A la hán và hạng đã thành tựu A la hán quả.

4. **Tám giải đãi sự:**

- Nay các Hiền giả, ở đây có việc vị Tỷ kheo phải làm. Vị này nghĩ: "Có công việc ta sẽ phải làm. Nếu ta làm việc, thời thân ta sẽ mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được, như vậy là giải đãi sự thứ nhất.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, một việc đã được vị Tỷ kheo làm. Vị này nghĩ: "Ta đã làm một công việc. Do ta làm một công việc nên thân ta mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... như vậy là giải đãi sự thứ hai.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, có con đường vị Tỷ kheo phải đi. Vị này nghĩ: « Đây là con đường mà ta sẽ phải đi. Khi ta đi con đường ấy, thân ta sẽ mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống ». Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ ba.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, con đường vị Tỷ kheo đã đi. Vị này nghĩ: "Ta đã đi con đường, do ta đã đi con đường nên thân ta mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ tư.

- Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo đi khát thực ở làng hay tại đô thị không nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm, đầy đủ như ý muốn. Vị ấy nghĩ: "Ta đi khát thực ở làng hay đô thị, không nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Thân này của ta bị mệt mỏi không lợi ích gì. Vậy ta nên nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn. Như vậy là giải đãi sự thứ năm.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, trong khi đi khát thực tại làng hay thị xã nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Vị ấy nghĩ: "Ta đi khát thực tại làng hay tại thị xã, nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm, đầy đủ như ý muốn. Thân này của ta nặng nề, không làm được gì, như một nhóm đậu. Vậy ta nên nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh

tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ sáu.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo bị đau bệnh nhẹ. Vị này nghĩ: "Nay ta bị đau bệnh nhẹ, cần phải nằm nghỉ. Vậy ta nên nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ bảy.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu. Vị ấy nghĩ: "Ta mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu. Thân này của ta yếu đuối, không làm được việc gì, vậy ta hãy nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Như vậy là giải đãi sự thứ tám.

5. **Tám tinh tấn sự:**

- Nay các Hiền giả, ở đây có việc vị Tỷ kheo phải làm, vị ấy nghĩ: "Có công việc, ta sẽ phải làm, nếu ta làm việc, thì không dễ gì ta có thể suy tư đến giáo pháp chư Phật. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn để đạt được điều gì chưa đạt được, để thành tựu điều gì chưa thành tựu được, để chứng ngộ điều gì chưa

chứng ngộ được". Và vị ấy tinh tấn để đạt được điều gì chưa đạt được, để thành tựu điều gì chưa thành tựu được, để chứng ngộ điều gì chưa chứng ngộ được. Như vậy là tinh tấn sự thứ nhất.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo đã làm xong công việc, vị ấy nghĩ: "Ta đã làm xong công việc. Khi ta làm công việc, ta không thể suy tư đến giáo pháp của chư Phật. Vậy ta phải cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ hai.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, có con đường vị Tỷ kheo phải đi. Vị này nghĩ: "Đây là con đường mà ta sẽ phải đi. Khi ta đi con đường ấy, không dễ gì ta có thể suy tư đến giáo pháp của chư Phật. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ ba.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo đã đi con đường. Vị này nghĩ: "Ta đã đi con đường ấy. Khi ta đi con đường, ta không có thể suy tư đến giáo pháp của chư Phật. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ tư.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo trong khi đi khát thực tại làng hay tại đô thị, không nhận được các loại đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Vị này nghĩ: "Ta trong khi đi khát thực tại làng hay tại đô thị, không nhận được các loại đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm, đầy đủ như ý muốn. Thân ta như vậy nhẹ nhàng có thể làm việc. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Và vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ năm.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo trong khi đi khát thực tại làng hay tại đô thị được các loại đồ ăn loại cứng hay loại đồ ăn loại mềm, đầy đủ như ý muốn. Vị này nghĩ: "Ta trong khi đi khát thực tại làng hay tại đô thị, nhận được các loại đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm, đầy đủ như ý muốn. Như vậy thân ta mạnh, có thể làm việc, vậy Ta hãy cố gắng tinh tấn..." Và vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ sáu.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo bị đau bệnh nhẹ. Vị ấy nghĩ: "Ta nay bị đau bệnh nhẹ, sự kiện này có thể xảy ra, bệnh này có thể trầm trọng hơn. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Và vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn

sự thứ bảy.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu. Vị ấy nghĩ: "Ta mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu. Sự kiện này có thể xảy ra, bệnh của ta có thể trở lại. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn để đạt được điều gì chưa đạt được, thành tựu điều gì chưa thành tựu được, chứng ngộ điều gì chưa chứng ngộ được". Và vị ấy tinh tấn để đạt được điều gì chưa đạt được, thành tựu điều gì chưa thành tựu được, và chứng ngộ điều gì chưa chứng ngộ được. Đó là tinh tấn sự thứ tám.

6. **Tám bố thí sự:**

1. Có người đến nên bố thí.
2. Vì sợ nên bố thí.
3. Vì "người ấy cho tôi", nên bố thí.
4. Vì "người ấy sẽ cho tôi", nên bố thí.
5. Vì suy nghĩ: "Bố thí là tốt lành", nên bố thí.
6. Vì suy nghĩ: "Ta nấu, họ không nấu. Thật

không phải, nếu ta nấu mà không cho gì những người không nấu", nên bố thí.

7. Vì suy nghĩ: "Nay ta bố thí, tiếng đồn tốt đẹp sẽ được truyền đi", nên bố thí.
8. Vì muốn trang nghiêm tâm và tư trợ tâm nên bố thí.

7. **Tám thí sanh:**

1. Đây các Hiền giả, có người bố thí cho Sa môn hay Bà la môn, đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, hoa man, hương xông, hương thoa, sàng tọa, phòng xá, đèn sáng. Đồ vật vị này bố thí, vị này mong được bố thí trở lại. Người này thấy người Sát đế ly có nhiều tài sản, người Bà la môn có nhiều tài sản, hay người gia chủ có nhiều tài sản, được sung mãn, cụ túc, thụ hưởng năm món dục lạc. Vị này nghĩ: "Mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh là một trong những người Sát đế ly có nhiều tài sản, người Bà la môn có nhiều tài sản hay người gia chủ có nhiều tài sản". Vị này nắm vững tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Tâm này được giải thoát trong tầm hạ liệt, không tu tập cao hơn, nên đưa đến tái sanh trong tầm ấy. Và tôi xác

nhận, đây là trường hợp một vị đầy đủ giới luật, không phải vị phá giới luật. Nay các Hiền giả, tâm nguyện của một vị giữ giới được thành tựu nhờ sự thanh tịnh.

2. Nay các Hiền giả, lại nữa, ở đây, có người bố thí cho Sa môn hay Bà la môn, đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, hoa man, hương xông, hương thoa, sàng tọa, phòng xá, đèn sáng. Đồ vật vị này bố thí, vị này mong được trở lại. Vị này nghe: "Tứ Đại Thiên vương thọ mạng lâu dài, đẹp trai và nhiều an lạc". Vị này nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh thành một trong hàng Tứ Đại Thiên vương". Vị này nắm vững tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Tâm này được giải thoát trong tầm hạ liệt, không tu tập cao hơn, nên đưa đến tái sanh trong tầm ấy. Và tôi xác nhận đây là trường hợp một vị đầy đủ giới luật, không phải vị phá giới luật. Nay các Hiền giả, tâm nguyện của một vị giữ giới được thành tựu nhờ sự thanh tịnh.
3. Nay các Hiền giả, lại nữa, ở đây, có người bố thí cho Sa môn hay Bà la môn, đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, hoa man, hương xông,

hương thoa, sàng tọa, phòng xá, đèn sáng.
Đồ vật vị này bố thí, vị này mong được trở lại. Vị này nghe: "Chư Thiên Tam thập tam thiên...

4. ...chư Thiên Dạ ma...
5. ...chư Thiên Đâu suất...
6. chư Thiên Hóa Lạc...
7. chư Thiên Tha Hóa Tự tại được sống lâu, đẹp trai, được nhiều an lạc". Vị này nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh thành một trong hàng chư Thiên Thoa Hóa Tự tại". Vị này nắm vững tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Tâm này được giải thoát trong tám hạ liệt, không tu tập cao hơn, nên đưa đến tái sanh trong tám ấy. Và tôi xác nhận, đây là trường hợp một vị đầy đủ giới luật, không phải vị phá giới luật. Nay các Hiền giả, tâm nguyện của một vị giữ giới được thành tựu nhờ sự thanh tịnh.
8. Nay các Hiền giả, lại nữa, ở đây, có người bố thí cho Sa môn hay Bà la môn, đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, hoa man, hương xông, hương thoa, sàng tọa, phòng xá, đèn sáng.

Đồ vật vị này bố thí, vị này mong được trở lại. Vị này nghe: "Chư Thiên Phạm Chúng thọ mạng lâu dài, đẹp trai và nhiều an lạc". Vị này nghĩ: "Mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh thành một trong hàng Phạm Chúng thiên". Vị này nắm vững tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Tâm này được giải thoát trong tầm hạ liệt, không tu tập cao hơn, nên đưa đến tái sanh trong tâm ấy. Và tôi xác nhận đây là...trường hợp một vị đầy đủ giới luật, không phải vị phá giới luật. Nay các Hiền giả, tâm nguyện của một vị giữ giới được thành tựu nhờ sự thanh tịnh.

8. **Tám chúng:**

- Chúng Sát đế ly, chúng Bà la môn, chúng Gia chủ, chúng Sa môn,
- Chúng Tứ Đại Thiên vương, chúng Tam thập tam thiên, chúng (Thiên) Ma, chúng Phạm thiên.

9. **Tám thể pháp:**

- Đắc, bất đắc, danh văn, ác văn, phi báng, tán thán, lạc và khổ.

10. **Tám thắng xứ:**

1. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ nhất.
2. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ hai.
3. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ ba.
4. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tư.
5. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như bông gai màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như lụa Ba la nại, cả hai mặt

láng tròn, màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy vị này quán tướng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ năm.

6. Một vị quán tướng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như bông kanikàra màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như lụa Ba la nại cả hai mặt láng tròn màu vàng, sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Như vậy vị này quán tướng vô sắc ở nội tâm, thấy sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ sáu.
7. Một vị quán tướng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như bông bandhujīvaka màu đỏ - như lụa Ba la nại cả hai mặt láng tròn màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng

màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ bảy.

8. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như sao mai osadhi màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, như lụa Ba la nại cả hai mặt láng trón màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tám.

11. Tám giải thoát:

1. Tự mình có sắc, thấy các sắc; đó là giải thoát thứ nhất.
2. Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại

sắc; đó là giải thoát thứ hai.

3. Quán tưởng nội sắc là tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy; đó là giải thoát thứ ba.
4. Vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng hữu đối, không suy tư đến những tưởng khác biệt, với suy tư "Hư không là vô biên" chứng và trú Không vô biên xứ; đó là giải thoát thứ tư.
5. Vượt khỏi hoàn toàn Hư không vô biên xứ, với suy tư "Thức là vô biên" chứng và trú Thức vô biên xứ; đó là giải thoát thứ năm.
6. Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "không có vật gì" chứng và trú Vô sở hữu xứ; đó là giải thoát thứ sáu.
7. Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là giải thoát thứ bảy.
8. Vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng, đó là giải thoát thứ tám.

Này các Hiền giả, tám pháp này được Thế Tôn chọn

chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

2. *Này các Hiền giả, có **chín pháp** được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là chín?*

1. **Chín xung đột sự:**

1. "Người ấy đã làm hại tôi", xung đột khởi lên.
2. "Người ấy đang làm hại tôi", xung đột khởi lên.
3. "Người ấy sẽ làm hại tôi", xung đột khởi lên.
4. "Người ấy đã làm hại người tôi thương, người tôi mến"...
5. "Người ấy đang làm hại..."
6. "Người ấy sẽ làm hại...", xung đột khởi

lên.

7. "Người ấy đã làm lợi cho người tôi không thương, không mến...
8. Người ấy đang làm lợi...
9. Người ấy sẽ làm lợi...", xung đột khởi lên.

2. **Chín sự điều phục xung đột:**

1. "Người ấy đã làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy xung đột được điều phục.
2. "Người ấy đang làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?". Nhờ vậy xung đột được điều phục.
3. "Người ấy sẽ làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy, xung đột được điều phục.
4. "Người ấy đã làm hại người tôi thương,
5. Người ấy đang làm hại...
6. Người ấy sẽ làm hại người tôi thương,

người tôi mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy xung đột được điều phục.

7. "Người ấy đã làm lợi cho người tôi không thương, không mến...
8. Người ấy đang làm lợi...
9. Người ấy sẽ làm lợi... Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy xung đột được điều phục.

3. **Chín chỗ an trú của loài hữu tình:**

1. Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình, thân sai biệt, tướng sai biệt, như loài Người, một số chư Thiên, một số ở tại các đạo xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ nhất.
2. Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình, thân sai biệt, tướng đồng nhất, như Phạm Chúng thiên khi mới tái sanh. Đó là hữu tình trú xứ thứ hai.
3. Đây các Hiền giả, có loài hữu tình, thân đồng nhất, tướng sai biệt như chư Quang Âm thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ ba.

4. Đây các Hiền giả, có loài hữu tình, thân đồng nhất, tướng đồng nhất như chư Tịnh Cư thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ tư.
5. Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình không có tướng, không có thọ, như chư Vô Tướng thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ năm.
6. Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi sắc tướng một cách hoàn toàn, diệt trừ các sân tướng, không có tác ý sai biệt tướng, chứng được Hư không vô biên xứ: "Hư không là vô biên". Đó là hữu tình trú xứ thứ sáu.
7. Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Hư không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng Thức vô biên xứ: "Thức là vô biên". Đó là hữu tình trú xứ thứ bảy.
8. Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng Vô sở hữu xứ: "Không có gì tất cả". Đó là hữu tình trú xứ thứ tám.
9. Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn

toàn, chúng Phi tướng phi phi tướng xứ.
Đó là hữu tình trú xứ thứ chín.

4. **Phạm hạnh trú, chín bất thời bất tiết:**

1. Nay các Hiền giả, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào địa ngục. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ nhất.
2. Nay các Hiền giả, lại nữa, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào bàng sanh. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ hai.
3. ... sanh vào nga quý...
4. ...sanh vào hàng A tu la...
5. ... sanh vào hàng chư Thiên được thọ mạng lâu dài...

6. ... sanh vào các biên địa, giữa các loài mọi rợ vô trí, những chỗ mà các hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ không có đất đứng. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ sáu.
7. Nay các Hiền giả, lại nữa, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy được sanh vào các trung quốc, nhưng lại theo tà kiến điên đảo: "Không có bố thí, không có cúng dường, không có cúng tế, không có quả báo các hành vi thiện ác, không có đời này, không có các loài hóa sanh, không có các vị Sa môn, Bà la môn đã chứng đạt chơn chánh, đã thực thành chơn chánh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ thế giới này với thế giới sau và tuyên thuyết. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ bảy.
8. Nay các Hiền giả, lại nữa, Thế Tôn xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến đến giác

ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sinh vào tại các nước trung quốc, nhưng ác huệ, ngu si, điếc, ngọng, không biết nghĩa lý được khéo nói hay vụng nói. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ tám.

9. Nay các Hiền giả, lại nữa Thế Tôn xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đăng Giác, nhưng Pháp không được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến đến giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị, và người ấy sanh vào tại các nước trung quốc nhưng có trí tuệ, không ngu si, không điếc ngọng, biết nghĩa lý được khéo nói hay vụng nói. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ chín.

5. **Chín thứ đệ trú:**

1. Nay các Hiền giả, ở đây có vị Tỷ kheo, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú vào Thiền thứ nhất, có tâm có tứ có hỷ lạc do ly dục sanh.
2. Diệt tầm diệt tứ... Thiền thứ hai...
3. ...Thiền thứ ba...

4. ... chúng và trú vào Thiền thứ tư.
5. Sau khi vượt qua các sắc tướng một cách hoàn toàn, sau khi trừ diệt các hữu đối tượng, không có tác ý với các sai biệt tướng, chúng và trú Hư không vô biên xứ: "Hư không là vô biên".
6. Sau khi vượt qua Hư không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chúng và trú Thức vô biên xứ: "Thức là vô biên"
7. Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, chúng và trú Vô sở hữu xứ: "Không có sự vật gì tất cả".
8. Sau khi vượt qua một cách hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chúng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ.
9. Sau khi vượt qua Phi tướng phi phi tướng xứ một cách hoàn toàn, chúng và trú Diệt thọ tướng định.

6. **Chín thứ đệ diệt:**

1. Thành tựu Sơ thiền, các dục tướng bị đoạn diệt;

2. Thành tựu đệ Nhị thiên, các tâm tứ bị đoạn diệt;
3. Thành tựu đệ Tam thiên, hỷ bị đoạn diệt;
4. Thành tựu đệ Tứ thiên, hơi thở vào hơi thở ra bị đoạn diệt;
5. Thành tựu Hư không vô biên xứ, sắc tướng bị đoạn diệt;
6. Thành tựu Thức vô biên xứ, Hư không vô biên xứ tướng bị đoạn diệt;
7. Thành tựu Vô sở hữu xứ, Thức vô biên xứ tướng bị đoạn diệt;
8. Thành tựu Phi tướng phi phi tướng xứ, Vô sở hữu xứ tướng bị đoạn diệt;
9. Thành tựu Diệt thọ tướng (định), các tướng và các thọ bị đoạn diệt.

Này các Hiền giả, chín pháp này được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

3. Nay Hiền giả, có mười pháp được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là mười?

1. **Mười hộ trì nhân pháp:**

1. Nay các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo có **giới hạnh**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi, chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào có giới hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp. Pháp như vậy là hộ trì nhân.
2. Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo **nghe nhiều**, gìn giữ những gì đã nghe, chắt chứa những gì đã nghe. Những pháp ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý căn cứ cụ túc, đề cao đời sống Phạm hạnh, hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh những

pháp ấy, vị đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ tụng đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào, đa văn... khéo thành tựu nhờ chánh kiến, pháp như vậy là hộ trì nhân.

3. Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo là **thiện hữu**, thiện bạn hữu, là thiện bạn đảng, là hộ trì nhân. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào là thiện hữu, là thiện bạn hữu, là thiện bạn đảng. Pháp như vậy là hộ trì nhân.
4. Nay các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo **thiện ngôn**, đầy đủ sự nhu hòa và khiêm nhường, nhẫn nại và nhận sự chỉ trích một cách cung kính. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào thiện ngôn... nhận sự chỉ trích một cách cung kính. Pháp như vậy là hộ trì nhân.
5. Nay các Hiền giả, khi nào **có những trách nhiệm cần phải làm đối với các vị đồng Phạm hạnh niên lạc cao hơn, vị ấy khéo léo, không có biếng nhác, suy tư một cách đầy đủ các phương tiện, vừa đủ để làm,**

vừa đủ để tổ chức. Nay các Hiền giả, một vị Tỷ kheo nào, đối với các vị đồng Phạm hạnh... vừa đủ để tổ chức. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

6. Nay các Hiền giả, lại nữa có vị Tỷ kheo **ưa Pháp**, ái luyện nói Pháp, tự mình vô cùng hoan hỷ đối với Thắng pháp, Thắng luật. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào ưa Pháp... vô cùng hoan hỷ đối với Thắng pháp, Thắng luật. Pháp như vậy là hộ trì nhân.
7. Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo **tự mình bằng lòng với các vật dụng** nhận được như y phục, ẩm thực, sàng tọa, bệnh dược. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào tự bằng lòng... Pháp như vậy là hộ trì nhân.
8. Nay các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo **sống tinh tấn** siêng năng đoạn trừ các ác pháp, thành tựu các thiện pháp, cương quyết, kiên trì tinh tấn, nhẫn trì không phé bỏ các thiện pháp. Nay các Hiền giả, một vị Tỷ kheo nào sống tinh tấn siêng năng... nhẫn trì không phé bỏ các thiện pháp.

Pháp như vậy là hộ trì nhân.

9. Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo **chánh niệm**, đầy đủ tối thượng niệm và tỉnh giác, nhớ đến và ghi nhớ những điều nói và làm từ lâu. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào có chánh niệm, ghi nhớ những điều đã nói và làm từ lâu. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

10. Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo **có huệ trí**, đầy đủ sanh diệt trí, hướng đến sự quyết trạch các bậc Thánh, chơn chánh diệt trừ mọi đau khổ. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào có huệ trí... chơn chánh diệt trừ mọi đau khổ. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

2. **Mười biến xứ:**

1. Một vị nào biết được địa biến xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng.
2. Một vị biết được thủy biến...
3. Một vị biết được hỏa biến...
4. Một vị biết được phong biến...

5. Một vị biết được thanh biến...
6. Một vị biết được hoàng biến...
7. Một vị biết được xích biến...
8. Một vị biết được bạch biến...
9. Một vị biết được hư không biến...
10. Một vị biết được thức biến, trên dưới, ngang, bất nhị, vô lượng.

3. **Mười bất thiện nghiệp đạo:**

- Sát sanh, thâm đạo, tà dâm, vọng ngôn, lường thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham, sân, tà kiến.

4. **Mười thiện nghiệp đạo:**

- Ly sát sanh, ly thâm đạo, ly tà dâm, ly vọng ngôn, ly lường thiệt, ly ác khẩu, ly ỷ ngữ, ly tham, ly sân, ly si.

5. **Mười Thánh cư:**

- Đây các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo đoạn trừ năm chi, đầy đủ sáu chi, một hộ trì, thực

hiện bốn y, loại bỏ các giáo điều, đoạn tận các mong cầu, tâm tư không trệ phược, thân thể khinh an, tâm thiện giải thoát, tuệ thiện giải thoát.

1. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo đoạn trừ năm chi?* Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân, đoạn trừ hôn trầm thụy miên, đoạn trừ trạo hối, đoạn trừ nghi. Này các hiền giả, như vậy là đoạn trừ năm chi.
2. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo đầy đủ sáu chi?* Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo mắt thấy sắc, không có thích ý, không có phật ý, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, tại nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức pháp, không có thích ý, không có phật ý, trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ kheo đầy đủ sáu chi.
3. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo một hộ trì?* Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo thành tựu sự hộ trì về niệm. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ kheo một

hộ trì.

4. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo có thực hiện bốn y?* Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo sau khi suy tư, **tho dung** một pháp; sau khi suy tư, **nhẫn thọ** một pháp; sau khi suy tư, **đoạn trừ** một pháp; sau khi suy tư **tránh xa** một pháp. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ kheo thực hiện bốn y.
5. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo loại bỏ các giáo điều?* Này các Hiền giả, ở đây, **tất cả những giáo điều thông thường mà các vị Sa môn thông thường chủ trương, vị Tỷ kheo đều loại bỏ, phóng xả**. Này các Hiền giả, như vậy gọi là Tỷ kheo loại bỏ các giáo điều.
6. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo đoạn tận các mong cầu?* Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo **đoạn trừ các mong cầu về dục vọng, đoạn trừ các mong cầu về hiện hữu, làm cho an tịnh các mong cầu về phạm hạnh**. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ kheo đoạn tận các mong cầu.
7. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo,*

tâm tư không trê phược? Đây các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo đoạn trừ các tâm tư dục vọng, đoạn trừ các tâm tư sân hận, đoạn trừ các tâm tư não hại. Đây các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ kheo, tâm tư không trê phược.

8. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo, thân hành được khinh an?* Đây các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo đoạn trừ lạc, đoạn trừ khổ, diệt các hỷ ưu từ trước, chứng và an trú thiền thứ tư, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh. Đây các Hiền giả, như vậy vị Tỷ- kheo thân hành được khinh an.
9. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ- kheo, tâm thiện giải thoát?* Đây các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ- kheo tâm giải thoát khỏi tham, tâm giải thoát khỏi sân, tâm giải thoát khỏi si. Đây các Hiền giả, như vậy vị Tỷ kheo tâm thiện giải thoát.
10. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo tuệ thiện giải thoát?*

- Đây các Hiền giả, ở đây vị Tỷ- kheo biết rằng: "Tham tâm của ta

đã được trừ, cắt tận gốc rễ, như cây ta-la bị chặt, đi đến chỗ không hiện hữu, không có khả năng sanh khởi trong tương lai".

- Vị ấy biết rằng: "Sân tâm của ta đã đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, như cây ta-la bị chặt, đi đến chỗ không hiện hữu, không có khả năng sanh khởi trong tương lai".
- Vị ấy biết rằng: "Si tâm của ta đã đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, như cây ta-la bị chặt, đi đến chỗ không hiện hữu, không có khả năng sanh khởi trong tương lai. Đây các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ kheo tuệ thiện giải thoát.

6. **Mười pháp vô học:**

- Vô học Chánh tri kiến, vô học Chánh tư duy, vô học Chánh ngữ, vô học Chánh nghiệp, vô học Chánh mạng, vô học Chánh tinh tấn, vô học Chánh niệm, vô học Chánh định, vô học Chánh trí, vô học Chánh giải thoát.

Này các Hiền giả, mười pháp này được Thế Tôn

chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận, để phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu dài, vì hạnh phúc cho mọi loài, vì an lạc cho mọi loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

4. Rồi Thế Tôn ngồi dậy và bảo tôn giả Sàriputta:

- Lành thay, lành thay Sàriputta! Này Sàriputta, Người đã khéo giảng, khéo tụng kinh này cho chúng Tỷ kheo.

Tôn giả Sàriputta thuyết giảng như vậy. Bậc Đạo Sư chấp thuận. Các vị Tỷ kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của tôn giả Sàriputta.

122 Thế pháp - Kinh Bông Hoa - Tương III, 249

Bông Hoa – hay Tăng trưởng – *Tương* III, 249

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Nay các Tỷ-kheo, Ta không tranh luận với đời, chỉ có đời tranh luận với Ta. Nay các Tỷ-kheo, **người nói Pháp không tranh luận bất cứ với một ai ở đời.**

4) Nay các Tỷ-kheo, **cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không". Nay các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "có", Ta cũng nói là "có".**

5) *Và nay các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không"?*

6) Nay các Tỷ-kheo, người có trí ở đời không chấp nhận **sắc** là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "không".

7-9) **Thọ... tướng... các hành...**

10) Người có trí ở đời không chấp nhận thức là thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "không".

11) Nay các Tỷ-kheo, đây là cái gì ở đời người có trí chấp nhận là "không", Ta cũng nói là "không".

12) *Và nay các Tỷ-kheo, cái gì người có trí ở đời chấp nhận là "có", Ta cũng nói là "có"?*

13) Nay các Tỷ-kheo, người có trí ở đời chấp nhận sắc là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "có" (vậy).

14-16). .. thọ... tưởng... các hành...

17) Nay các Tỷ-kheo, người có trí ở đời chấp nhận thức là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "có" (vậy).

18) Nay các Tỷ-kheo, đây là cái gì người có trí ở đời chấp nhận là vô thường, không thường hằng, không thường trú, chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là "có" (vậy).

19) *Ở trong đời, nay các Tỷ-kheo, có thế pháp. Thế pháp ấy Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn chứng tri. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, hoàn toàn*

chứng tri, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ.

20) *Này các Tỷ-kheo, thế pháp ở trong đời là gì, thế pháp ấy được Như Lai chứng ngộ, chứng tri; sau khi chứng ngộ, chứng tri, Ngài tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ?*

21) *Sắc, này các Tỷ-kheo, là thế pháp ở trong đời.* Thế pháp ấy được Như Lai chứng ngộ, chứng tri, sau khi chứng ngộ, chứng tri, Ngài tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ.

Và ai, khi Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ như vậy, (vẫn) không biết, không thấy, thì đối với người ấy, Ta xem là vô tích sự, là kẻ ngu si, phàm phu, mù lòa, không có mắt, không có biết, không có thấy.

22-24) **Thọ... Tưởng... Các hành...**

25) *Thức, này các Tỷ-kheo, là thế pháp ở trong đời.* Thế pháp ấy được Như Lai chứng ngộ, chứng tri. Sau khi chứng ngộ, chứng tri, Ngài tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ.

Và ai, khi Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ như vậy, (vẫn) không biết, không thấy, thì đối với người ấy, Ta xem là vô tích sự, là kẻ ngu si, phàm phu, mù lòa, không có mắt, không có biết, không có thấy.

26) *Ví như, này các Tỷ-kheo, bông sen **xanh**, hay bông sen **hồng**, hay bông sen **trắng** sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước, và đứng thẳng không bị nước nhiễm ướt.*

27) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, *Như Lai sanh ra ở trong đời, lớn lên trong đời, vươn lên khỏi đời, và sống không bị đời ô nhiễm.*

123 Thế tục - Các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ - Kinh THÂN HÀNH NIỆM – 119 Trung III, 265

KINH THÂN HÀNH NIỆM (*Kayagatasati sutam*)

– Bài kinh số 119 – Trung III, 265

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi một số đông Tỷ-kheo, sau buổi ăn, sau khi đi khát thực trở về, đang ngồi tụ họp trong hội trường, câu chuyện này được khởi lên giữa chúng Tăng:

– Thật vi diệu thay, chư Hiền giả! Thật hy hữu thay, chư Hiền giả! Thân hành niệm, khi được tu tập và làm cho sung mãn, có được quả lớn, có được công đức lớn, như đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố.

Và câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo ấy đã bị gián đoạn. Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc

cư đứng dậy, đi đến hội trường, sau khi đến ngồi lên chỗ soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Ông hiện nay đang ngồi bàn vấn đề gì? Câu chuyện gì của các Ông bị gián đoạn?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, sau khi ăn xong, sau khi đi khát thực trở về, chúng con ngồi tụ họp tại hội trường, và câu chuyện sau này được khởi lên: "Thật vi diệu thay, chư Hiền giả! Thật hy hữu thay, chư Hiền giả! Thân hành niệm này được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có công đức lớn, đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố". Bạch Thế Tôn, câu chuyện này của chúng con chưa bàn xong thời Thế Tôn đến.

❖ Và này các Tỷ-kheo, thân hành niệm tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, có quả lớn, có công đức lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống và ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt.

– Chánh niệm, vị ấy thờ vô. Chánh niệm, vị ấy thờ

ra.

- Hay thở vô dài, vị ấy biết: "Tôi thở vô dài". Hay thở ra dài vị ấy biết: "Tôi thở ra dài".
- Hay thở vô ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở vô ngắn". Hay thở ra ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở ra ngắn".
- "Cảm giác cả toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác cả toàn thân, tôi sẽ thở ra".
- An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thể tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi, biết rằng: "Tôi đi". Hay đứng, biết rằng: "Tôi đứng". Hay ngồi, biết rằng: "Tôi ngồi". Hay nằm, biết rằng: "Tôi nằm". **Thân thể được sử dụng như thế nào, vị ấy biết thân thể như thế ấy.** *Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thể tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập*

thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi bước tới, bước lui **biết rõ việc mình đang làm**; khi ngó tới ngó lui biết rõ việc mình đang làm; khi co tay, khi duỗi tay, biết rõ việc mình đang làm; khi mang áo tăng-già-lê (sanghati), mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn, uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm; khi đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng biết rõ việc mình đang làm. *Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.*

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đỉnh tóc**, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: *"Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tửy, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu"*. *Này các Tỷ-kheo, cũng như **một bao đồ**, hai đầu trống đựng đầy các loại hạt như gạo, lúa, đậu xanh, đậu lớn, mè, gạo đã xay rồi. Một người có*

mắt, đổ các hột ấy ra và quán sát: "Đây là hột gạo, đây là hột lúa, đây là đậu xanh, đây là đậu lớn, đây là mè, đây là hột lúa đã xay rồi". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo quán sát thân này dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đánh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: "Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu". *Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thể tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.*

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **quán sát thân này về các vị trí các giới và sự sắp đặt các giới**: "*Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại, và phong đại*". Này các Tỷ-kheo, như một **người đồ tể** thiện xảo, hay đệ tử của một người đồ tể giết một con bò, ngồi cắt chia từng thân phần tại ngã tư **đường**. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát thân này về vị trí các giới và về sự sắp đặt các giới: "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại". *Trong khi vị ấy sống không phóng dật,*

niệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

1. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa một ngày, hai ngày, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra; Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi bản chất ấy".** Trong khi vị ấy sống không phóng dật, niệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.
2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa **bị các loài qua ăn, hay bị các loài điều hâu ăn, hay bị các chim kên ăn, hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài giả can ăn, hay bị các loài côn trùng ăn.** Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: **"Thân này tánh chất là như vậy, bản chất là như vậy, không vượt khỏi bản chất ấy".** Trong khi vị ấy sống không phóng dật, niệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn

trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, với các bộ xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại...
4. ...với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại...
5. ...chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia. Ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương hông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu; Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi bản chất ấy". *Trong khi vị ấy sống không phóng dật... (như trên).. Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.*
6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa, chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc...
7. ...chỉ còn một đồng xương lâu hơn một năm...

8. ...chỉ còn là xương thối trở thành bột. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi bản chất ấy". Trong khi vị ấy sống không phóng dật... (như trên).. Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm và tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tầm ướp, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. *Này các Tỷ-kheo, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm; sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướp, trào trộn với nước ướp, thấm ướp cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt*. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tầm ướp, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. *Trong khi vị ấy sống không phóng dật.. (như trên) ... Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm*.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy **diệt tầm và tứ, chứng và an trú Thiền thứ hai**, một trạng

thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. *Này các Tỷ-kheo, ví như một hồ nước, nước tự trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần tâm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân, không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Trong khi vị ấy sống không phóng dật... (như trên)... Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "Xả niệm lạc trú", chứng và an trú Thiền thứ ba.** Tỷ-kheo, thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân,

không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Trong khi, Tỷ-kheo an trú không phóng dật... (như trên)... Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm. *Này các Tỷ-kheo, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần, tắm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Trong khi, Tỷ-kheo an trú không phóng dật... (như trên)... Tỷ-kheo, tu tập thân hành niệm.*

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, **xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.** Tỷ-kheo ấy ngồi, thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần. *Này các Tỷ-kheo, ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che*

thấu. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngồi thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần. Trong khi vị ấy sống an trú không phóng dật... (như trên)... Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

❖ *Này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập, làm cho sung mãn thân hành niệm, các thiện pháp của vị ấy đi vào nội tâm (antogadha?) đều thuộc về mình phần (vijjabhagiya).*

Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn của ai được thấm nhuần bởi tâm, thời các con sông của vị ấy đi vào trong biển, đều thuộc về biển lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập làm cho sung mãn thân hành niệm, các thiện pháp của vị ấy đi vào nội tâm, đều thuộc về mình phần.

❖ *Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo nào không tu tập thân hành niệm, không làm cho sung mãn, thời Ma (vương) có cơ hội với vị ấy, Ma (vương) có cơ duyên với vị ấy.*

Ví như này các Tỷ-kheo, có người quăng một hòn đá nặng vào một đồng đất sét ướt nhuyễn. Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Có phải hòn đá nặng ấy có cơ hội (lún sâu) vào đồng đất sét ướt

nhuyễn ấy?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với ai không tu tập thân hành niệm, không làm cho sung mãn, Ma (vương) có cơ hội với vị ấy, Ma (vương) có cơ duyên với vị ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây khô không có nhựa, có người đến cầm phần phía trên của đồ quay lửa và nói: "Tôi sẽ làm cho ngọn lửa sanh ra, tôi sẽ làm cho sức nóng hiện lên". Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy mang đến phần phía trên của đồ quay lửa, quay với cành cây khô không có nhựa ấy, người ấy có làm cho ngọn lửa sanh ra, có làm cho sức nóng hiện lên không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với ai không tu tập thân hành niệm, không làm cho sung mãn, Ma (vương) có cơ hội với người ấy, Ma (vương) có cơ duyên với người ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một bình nước, trống rỗng, trống không, được đặt trên cái giá, có một người đi đến, mang theo đầy nước. Này các Tỷ-kheo,

các Ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể đổ nước (vào bình) không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị nào không tu tập thân hành niệm, không làm cho sung mãn, Ma (vương) có cơ hội với vị ấy, Ma (vương) có cơ duyên với vị ấy.

❖ *Này các Tỷ-kheo, vị nào có tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, Ma (vương) không có cơ hội với vị ấy. Ma (vương) không có duyên với vị ấy.*

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người quăng một trái banh dây nhẹ vào một cánh cửa làm hoàn toàn bằng lõi cây. Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Trái banh dây nhẹ ấy có cơ hội đối với cánh cửa làm hoàn toàn bằng lõi cây không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào có tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, Ma (vương) không có cơ hội đối với vị ấy, Ma (vương) không có cơ duyên đối với vị ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây ươi có nhựa, rồi một người đi đến mang theo phần trên đồ quay lửa và nói: "Tôi sẽ làm cho lửa sinh ra, tôi sẽ làm cho hơi nóng hiện lên". Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy mang theo phần trên đồ quay lửa, quay với các cây ươi và có nhựa, có thể làm cho lửa sanh ra, làm cho hơi nóng hiện lên được không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào có tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, Ma (vương) không có cơ hội đối với vị ấy, Ma (vương) không có cơ duyên đối với vị ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một bình nước đầy tràn nước đến nổi con quạ có thể uống được, được đặt trên cái giá, rồi có người đi đến, mang theo đầy nước. Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể đổ được nước vào (bình ấy) không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, Ma (vương) không có cơ hội đối với người ấy, Ma (vương) không có cơ duyên đối với người ấy.

❖ *Này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, vị ấy hướng tâm đã được chứng ngộ nhờ thắng trí đến pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy đối mặt đạt được sự tinh xảo, (của pháp ấy) dầu thuộc giới xứ nào (sati sati ayatane).*

Ví như, này các Tỷ-kheo, một bình đầy tràn nước đến nỗi con quạ có thể uống được, được đặt trên cái giá và có người lực sĩ đến và lắc qua lắc lại cái bình ấy, như vậy nước có thể trào ra ngoài không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, vị ấy hướng tâm đã được chứng ngộ nhờ thắng trí đến pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy đối mặt được sự tinh xảo (của pháp ấy) dầu thuộc giới xứ nào.

Ví như có một hồ nước trên một miếng đất bằng, bốn phía có đê đắp làm cho vững chắc, và tràn đầy nước đến nỗi con quạ có thể uống được. Rồi có người lực sĩ đến và phá một khúc đê, nước có thể tràn ra ngoài không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, vị ấy hướng tâm đã được chứng ngộ nhờ thắng trí đến pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy đối mặt được sự tinh xảo (của pháp ấy) dầu thuộc giới xứ nào.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trên đất bằng tại chỗ ngã tư có một chiếc xe đậu, thắng với những con ngựa thuần thục, có roi ngựa đặt ngang sẵn sàng, có người mã thuật sư thiện xảo, người đánh xe điều ngự các con ngựa đáng được điều ngự, leo lên xe ấy, tay trái nắm dây cương, tay mặt cầm lấy roi ngựa, có thể đánh xe ngựa ấy đi tới đi lui, tại chỗ nào và như thế nào theo ý mình muốn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, vị ấy hướng tâm đã được chứng ngộ nhờ thắng trí đến pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy đối mặt được sự tinh xảo (của pháp ấy), dầu thuộc giới xứ nào.

❖ *Này các Tỷ-kheo, thân hành niệm được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được làm như thành cỗ xe, được làm như thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành, thời mười công đức này có thể được mong đợi.*

Thế nào là mười?

1. Lạc, bất lạc được nhiếp phục, và bất lạc không nhiếp phục vị ấy, và vị ấy sống luôn luôn nhiếp phục bất lạc được khởi lên;
2. Khiếp đảm sợ hãi được nhiếp phục, và khiếp đảm sợ hãi không nhiếp phục vị ấy, và vị ấy luôn luôn nhiếp phục khiếp đảm sợ hãi được khởi lên.
3. Vị ấy kham nhẫn được lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, mặt trời, các loài rắn rết, các cách nói khó chịu, khó chấp nhận. Vị ấy có khả năng chịu đựng được những cảm thọ về thân khởi lên, khổ đau, nhói đau, thô bạo, chói đau, bất khả ý, bất khả ái, đưa đến chết điếng.
4. Tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, vị ấy chứng được bốn Thiên, thuần túy tâm tư, hiện tại lạc trú.
5. Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện một thân; hiện hình biến đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi

kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể, thân có thần thông bay cho đến Phạm thiên;

6. Với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và loài Người, ở xa hay ở gần.
7. Với tâm của vị ấy, vị ấy biết tâm của các chúng sanh, các loại người; tâm có tham, biết tâm có tham; tâm không tham, biết tâm không tham; tâm có sân, biết tâm có sân; tâm không sân, biết tâm không sân; tâm có si, biết tâm có si; tâm không si, biết tâm không si; tâm chuyên chú, biết tâm chuyên chú; tâm tán loạn, biết tâm tán loạn; tâm đại hành, biết tâm đại hành; tâm không đại hành, biết tâm không đại hành; tâm chưa vô thượng, biết tâm chưa vô thượng; tâm vô thượng, biết tâm vô thượng; tâm Thiền định, biết tâm Thiền định; tâm không Thiền định, biết tâm không Thiền định; tâm giải thoát, biết tâm giải thoát; tâm không giải thoát, biết tâm không giải thoát.
8. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ với các nét đại cương và các chi tiết.
9. Với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, vị ấy thấy

sự sống và sự chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

10. Với sự diệt trừ các lậu hoặc, sau khi tự mình chứng tri với thượng trí, vị ấy chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát không có lậu hoặc.

Này các Tỷ-kheo, thân hành niệm được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được làm như cỗ xe, được làm như thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành, thời mười công đức này có thể mong đợi.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

124 **Thế nhập pháp, ngũ pháp, chứng pháp** **- Kinh AMBATTHA – 3 Trường I, 159**

KINH AMBATTHA – Bài kinh số 3 – Trường I, 159

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn đang du hành tại nước Kosala (Câu tát la), cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị và đến tại một làng Bà-la-môn ở Kosala tên là Icchànankala. Tại đây, Thế Tôn ở tại Icchànankala trong khu rừng tên là Icchànankala.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi ở tại Ukkattha, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, ngũ cốc phong phú, vốn là đất đai của vua, sau vua Pasenadi (Ba tư nặc) cấp cho để hưởng một phần lợi tức.

2. Bà-la-môn Pokkharasàdi nghe đồn: Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích ca, nay đang du hành tại nước Kosala, cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến Icchànankala, ở tại Icchànankala trong khu rừng tên là Icchànankala. Những tiếng đồn tốt đẹp sau đây

được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài đã tự chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, tự chứng ngộ rồi hiển thị cho mọi loài được biết, Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, trình bày phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy thì rất quý".

3. Lúc bấy giờ, thanh niên Ambattha là đệ tử của Bà-la-môn Pokkharasàdi, một vị đọc tụng Thánh điển, chấp trì chú thuật, tinh thông ba tập Vệ-đà với tự vựng, lễ nghi, giữ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Vị này đọc đáo về ba minh và được công nhận như vậy khiến các thân giáo sư phải nói: "Điều gì ta biết, người cũng biết; điều gì người biết, ta cũng biết".

4. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với thanh niên Ambattha:

– "Này Ambattha thân yêu, Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích ca, nay đang

du hành tại nước Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến tại Icchànakala trú tại Icchànakala. Những tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Phật, Thế Tôn. Ngài đã chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, tự chứng ngộ rồi hiển thị cho mọi loài được biết. Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, trình bày phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy thì rất quý".

Này Ambattha thân yêu, hãy đi đến gặp Sa-môn Gotama, và tìm hiểu lời đồn về Tôn giả Gotama là như vậy hay không phải như vậy. Nhờ vậy, chúng ta sẽ được biết về Tôn giả Gotama".

5. - Làm thế nào con được biết về Tôn giả Gotama, được biết lời đồn về Tôn giả Gotama như vậy là đúng hay không, có phải Tôn giả Gotama là như vậy, hay không phải như vậy?

- Ambattha thân yêu, theo truyền thống của chúng ta về ba mươi hai tướng của vị đại nhân, những ai có ba mươi hai tướng ấy sẽ chọn trong hai con đường, không có đường nào khác. Nếu là tại gia, sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương chinh phục mọi quốc độ,

đầy đủ bảy châu báu. Bảy món báu này là xe báu, voi báu, ngựa báu, ma ni báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Và vị này có hơn một ngàn con trai, là những vị anh hùng, oai phong lẫm liệt, chiến thắng ngoại quân. Vị này sống, thống lãnh quả đất cùng tận cho đến đại dương, và trị vì với chánh pháp, không dùng gậy, không dùng dao. Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị này sẽ chứng quả A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, quét sạch mê lầm ở đời. Nay Ambattha thân yêu, ta đã cho con chú thuật. Con đã nhận những chú thuật ấy.

6.- Thừa vâng.

Thanh niên Ambattha vâng theo lời của Bà-la-môn Pokkharasàdi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Bà-la-môn Pokkharasàdi, hướng thân về phía hữu, cỡi xe ngựa cái và cùng một số đông thanh niên khác đi đến khu rừng Icchànakala. Đi xe đến chỗ còn đi được xe, Ambattha liền xuống xe đi bộ và đến tại tịnh xá.

7. Lúc bấy giờ một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành ngoài trời. Thanh niên Ambattha liền đến các Tỷ-kheo ấy và hỏi: "Các Hiền giả, nay Tôn giả Gotama ở tại chỗ nào? Chúng tôi đến đây để yết kiến Tôn giả Gotama".

8. Các Tỷ-kheo liền nghĩ: "Thanh niên Ambattha này thuộc một gia đình có danh tiếng, là đệ tử của Bà-la-môn Pokkharasàdi, một vị cũng có danh tiếng. Một cuộc đối thoại như vậy giữa Thế Tôn và con một quý tộc như kia, không có khó khăn gì". Những Tỷ-kheo ấy nói với thanh niên Ambattha: "Này Ambattha, tịnh xá đóng cửa kia là chỗ ở của Ngài. Hãy đến đó một cách yên lặng, không vượt qua hành lang, đằng hắng và gõ vào thanh cửa, Thế Tôn sẽ mở cửa cho ông".

9. Thanh niên Ambattha liền đi đến tịnh xá đóng cửa ấy một cách yên lặng, không vượt quá hành lang, đằng hắng và gõ vào thanh cửa. Thế Tôn mở cửa và thanh niên Ambattha bước vào. Các thanh niên khác cũng bước theo, nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên, còn thanh niên Ambattha thời đi qua đi lại, thốt ra những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi Thế Tôn đang ngồi, hay đứng lại thốt ra những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi Thế Tôn đang ngồi.

10. Lúc bấy giờ Thế Tôn nói với thanh niên Ambattha:

- Có phải, đối với các bậc Bà-la-môn trưởng lão, đứng tuổi, các bậc giáo sư và tở sư, người cũng

nói chuyện như vậy, như người đã đi qua lại thốt ra những lời hỏi thăm nhất gừng trong khi Ta đang ngồi, hay đứng lại thốt ra những lời hỏi thăm nhất gừng trong khi Ta đang ngồi?

- Không phải vậy, này Gotama. Phải đi mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang đi. Phải đứng mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang đứng. Phải ngồi mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang ngồi. Phải nằm mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang nằm. Chỉ với những vị Sa-môn hèn hạ, trọc đầu, dê tiện, đen đui, sanh từ nơi chân của bà con ta, thì ta mới nói chuyện như vậy, như với người, Gotama".

11. - Này Ambattha, hình như người đến đây với một ý định gì? Người hãy khéo tác ý đến mục đích đã đưa người đến đây. Thanh niên Ambattha này thật vô giáo dục, dầu nó tự cho là có giáo dục. Như vậy là vô giáo dục, có gì khác nữa!

12. Thanh niên Ambattha bị Thế Tôn gọi là vô giáo dục như vậy, liền phẫn nộ, tức tối, muốn nhục mạ Thế Tôn, phỉ báng Thế Tôn, công kích Thế Tôn, và nghĩ: "Sa-môn Gotama có ác ý đối với ta", liền nói với Thế Tôn:

- Nay Gotama, thô bạo là dòng họ Thích ca; nay Gotama, ác độc là dòng họ Thích ca; nay Gotama, khinh suất là dòng họ Thích ca; nay Gotama hung dữ là dòng họ Thích ca. Là đệ tiện, thuộc thành phần đệ tiện, dòng họ Thích ca không kính nhường Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn . Nay Gotama, như vậy thật không lễ, thật không đúng pháp, khi dòng họ Thích ca này, những hạng đệ tiện, thuộc thành phần đệ tiện lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn .

Như vậy, thanh niên Ambattha lần đầu tiên đã bước tới dòng họ Thích ca là đệ tiện.

13. - Nay Ambattha, dòng họ Thích ca đã làm gì phật lòng người?

- Nay Gotama, một thời ta đi đến Kapilavatthu (Ca tỳ la vệ) có việc phải làm cho thầy ta là Bà-la-môn Pokkharasàdi, và đến tại công hội trường của dòng họ Thích. Lúc bấy giờ một số đông dòng họ Thích ca và thanh niên Thích ca đang ngồi trên ghế cao tại công hội trường. Chúng cười với nhau, dùng ngón tay chọc cù nôn với nhau, ta nghĩ chắc chắn ta là mục

tiêu cho chúng đùa giỡn với nhau, lại không ai mời ta ngồi. Nay Gotama, như vậy thật không phải lẽ, thật không đúng pháp, khi chúng Thích ca này là những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn .

Như vậy thanh niên Ambattha lần thứ hai đã buộc tội dòng họ Thích ca là đê tiện.

14. - Nay Ambattha, cũng như con chim cáy, con chim cáy con có thể tự hát thỏa thích trong tổ của nó. Nay Ambattha, Kapilavatthu thuộc dòng họ Thích ca. Thật không xứng để cho Ambattha phải phật lòng vì một vấn đề nhỏ mọn này.

15. - Nay Gotama, có bốn giai cấp: Sát đế ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đà-la. Nay Gotama, trong bốn giai cấp này, ba giai cấp Sát-đế-ly, Phệ-xá và Thủ-đà-la là đê hầu hạ hạng Bà-la-môn . Nay Gotama, như vậy thật không phải lẽ, thật không đúng pháp khi chúng Thích-ca này là những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện, lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn .

Như vậy, thanh niên Ambattha lần thứ ba đã

buộc tội dòng họ Thích ca là đê tiện.

16. Lúc bấy giờ Thế Tôn nghĩ: "Thanh niên Ambattha này đã phỉ báng dòng họ Thích-ca đê tiện một cách quá đáng. Nay ta phải hỏi dòng họ của nó". Rồi Thế Tôn hỏi thanh niên Ambattha:

- Dòng họ ngươi là gì?

- Nay Gotama, dòng họ ta là Kanhàyaana.

- Nay Ambattha, nếu theo phụ mẫu hệ của ngươi về quá khứ, thời dòng họ Thích ca là thầy của ngươi. **Và ngươi là con của một nữ tỳ của dòng họ Thích ca.**

Này thanh niên Ambattha, **tổ tiên của Thích ca là vua Okkàka**. Thuở xưa, này Ambattha, vua Okkàka muốn trao vương vị cho hoàng tử con bà hoàng hậu chính mà vua thương yêu, bèn đuổi ra khỏi nước những người con đầu của mình là Okkàmukha, Karandu, Hatthiniya, Sinipura. Bị tẩn xuất khỏi nước, những hoàng tử này đến sống tại một khu rừng lớn bên một hồ nước, trên sườn núi Hy-mã-lạp-sơn. Vì sợ huyết thống của mình bị lẫn lộn với huyết thống khác, các vị hoàng tử này ăn nằm với những người chị của mình.

Này Ambattha, một hôm vua Okkàka nói với vị đại thần tùy tùng: "Này các khanh, các hoàng tử hiện nay ở đâu?" - "Bạch Đại vương, có một khu rừng lớn, bên một hồ nước trên sườn núi Hy-mã-lạp-sơn. Nay các hoàng tử ở tại chỗ ấy. Các hoàng tử, vì sợ huyết thống của mình lẫn lộn huyết thống khác nên ăn nằm với những người chị của mình".

Này Ambattha, vua Okkàka liền cảm hứng thốt lời tụng hân hoan: **"Các hoàng tử thật là những Sakya (cứng như lõi cây sồi), các hoàng tử thật là những Sakya xuất chúng"**. Này Ambattha, từ đó trở đi, các hoàng tử được gọi là Sakya và vua Okkàka là vua tổ của dòng họ Thích-ca.

Này Ambattha, vua ấy có một nữ tỳ lên là Disà. Nữ tỳ này sinh hạ một người con da đen. Vừa mới sinh, Kanha liền nói: "Này mẹ, hãy rửa cho con; này mẹ hãy tắm cho con; này mẹ hãy gội sạch đồ bất tịnh này. Và con sẽ giúp ích cho mẹ". Này Ambattha, vì người ta gọi những ác quỷ là ác quỷ nên người ta cũng gọi Kanha là ác quỷ. Chúng nói như thế này: "Đứa trẻ này, vừa mới sanh đã nói. Một Kanha vừa mới sinh". Này Ambattha, từ đó trở đi chữ Kanhàyanà được biết đến. Và Kanha là tổ phụ của dòng họ Kanhàyana. Này Ambattha, nếu theo phụ mẫu hệ của người về quá khứ, thời dòng họ Thích-

ca là thầy của người, và người là con một nữ tỳ của dòng họ Thích ca.

17. Khi Thế Tôn nói vậy, những thanh niên nói với Thế Tôn:

- Này Gotama, chớ có phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ. Này Gotama, thanh niên Ambattha sinh vào quý tộc, thanh niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này.

18. Thế Tôn liền nói với những thanh niên ấy.

- Nếu những thanh niên các người nghĩ: "Thanh niên Ambattha không được sanh vào quý tộc, thanh niên Ambattha không thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha không phải là bậc đa văn, thanh niên Ambattha không phải là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha không phải là nhà bác học, thanh niên Ambattha không thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này", thời thanh niên Ambattha hãy đứng ra một bên và để các thanh niên biện luận với Ta về vấn đề này. Nếu các người nghĩ: "Thanh niên Ambattha được sanh vào quý tộc, thanh

niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có thể biện luận với Gotama về vấn đề này", thời các người hãy đứng ra một bên và để thanh niên Ambattha biện luận với ta về vấn đề này.

19. - Nay Gotama, thanh niên Ambattha được sanh vào quý tộc, thanh niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này. Chúng tôi sẽ đứng im lặng. Thanh niên Ambattha sẽ cùng với Gotama biện luận về vấn đề này.

20. Thế Tôn liền nói với thanh niên Ambattha:

- Nay Ambattha, câu hỏi hợp lý này được đem ra hỏi người dầu không muốn, người cũng phải trả lời. Nếu người không trả lời, hoặc trả lời tránh qua một vấn đề khác, hoặc giữ im lặng, hoặc bỏ đi, thời ngay tại chỗ, **đầu người sẽ bị bể ra làm bảy mảnh.** Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Người có nghe các Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, giáo sư và tổ sư nói đến nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà không? Ai là

tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà?

Nghe nói vậy thanh niên Ambattha giữ im lặng. Lần thứ hai Thế Tôn nói với thanh niên Ambattha:

- Nay Ambattha, nhà ngươi nghĩ thế nào? Ngươi có nghe các nguồn gốc của dòng họ kanhàyanà không? Ai là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà?

Lần thứ hai thanh niên Ambattha giữ im lặng. Thế Tôn lại nói với thanh niên Ambattha:

- Ambattha, nay ngươi phải trả lời, nay không phải thời ngươi giữ im lặng nữa. Nay Ambattha ai được Thế Tôn hỏi đến lần thứ ba một câu hỏi hợp lý mà không trả lời, thời đầu của người ấy sẽ bị bể ra làm bảy mảnh tại chỗ.

21. Lúc bấy giờ, thần Dạ xoa Vajirapàni đang cầm một chùy sắt to lớn, cháy đỏ, sáng chói đứng trên đầu của thanh niên Ambattha với ý định: "Nếu Thế Tôn hỏi đến lần thứ ba, một câu hỏi hợp lý mà thanh niên Ambattha không trả lời, thời ta sẽ đánh bể đầu nó ra làm bảy mảnh". Chỉ có Thế Tôn và thanh niên Ambattha mới thấy thần Dạ xoa Vajirapàni. Thanh niên Ambattha thấy vị thần ấy liền sợ hãi, hoảng hốt, lông dựng ngược, chỉ tìm sự che chở nơi Thế Tôn, chỉ tìm sự hỗ trợ nơi Thế Tôn, liền cúi rạp mình

xuống và bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama đã nói gì? Mong Tôn giả Gotama nói lại cho.

- Ambattha, người nghĩ thế nào? Người có nghe các vị Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, giáo sư và tổ sư nói đến nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà không? Ai là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà?

- Tôn giả Gotama, con đã có nghe, đúng như Tôn giả Gotama đã nói. Chính từ đó nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà. Vị ấy là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà.

22. Khi nghe nói vậy, các thanh niên liền la hét lớn:

- Người ta nói thanh niên Ambattha là tiện sanh, người ta nói thanh niên Ambattha là con dòng không phải quý phái; người ta nói thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ của dòng họ Thích-ca; người ta nói dòng họ Thích-ca là chủ của thanh niên Ambattha. Chúng tôi không nghĩ rằng Sa-môn Gotama mà lời nói bao giờ cũng chân thực, lại không phải là người có thể tin được.

23. Lúc bấy giờ Thế Tôn nghĩ rằng: "Các thanh niên đã phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con

một nữ tỳ rồi. Nay Ta hãy giải tỏa cho Ambattha".
Rồi Thế Tôn nói với các thanh niên:

- Các thanh niên, các người chớ có phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ. Kanha ấy trở thành một tu sĩ vĩ đại. Vị này đi về miền Nam, học các chú thuật Phạm thiên, rồi về yết kiến vua Okkaka và yêu cầu gả công chúa Khuddarupi cho mình. Vua Okkaka vừa giận, vừa tức, mắng rằng: "Người là ai, con đưa nữ tỳ của ta mà dám xin con gái Khuddarupi của ta", và vua liền lấp tên vào cung. Nhưng vua không thể bắn tên đi, cũng không thể cắt mũi tên xuống. Khi bấy giờ, các thanh niên thị giả, các đại thần và tùy tùng đến thưa với ẩn sĩ Kanha:

- "Đại đức, hãy để cho vua an toàn! Đại đức, hãy để cho vua được an toàn!"

- "Nhà vua sẽ được an toàn, và nếu nhà vua bắn mũi tên xuống đất, thời toàn thể quốc độ nhà vua sẽ bị hạn, khô héo!"

- "Đại đức hãy để cho vua được an toàn! Hãy để cho quốc độ được an toàn!"

- "Nhà vua sẽ được an toàn, quốc độ sẽ được an toàn! Nhưng nếu nhà vua bắn tên lên trời, thời toàn thể quốc độ sẽ không mưa trong bảy năm!"

- "Đại đức, hãy để cho nhà vua được an toàn, hãy để cho quốc độ được an toàn! Và hãy để cho trời mưa!"

- "Nhà vua sẽ được an toàn, quốc độ sẽ được an toàn và trời sẽ mưa. Nhưng vua hãy nhắm cây cung đến phía thái tử. Một sợi lông của thái tử cũng sẽ được an toàn!".

Khi bấy giờ, các thị giả trẻ tuổi, các đại thần nói với Okkàka: "Okkàka hãy nhắm cây cung đến phía thái tử. Một sợi lông của thái tử sẽ được an toàn".

Vua Okkàka nhắm cây cung đến phía thái tử và một sợi lông của thái tử cũng được an toàn. Vua Okkàka hoảng sợ, khiếp đảm sự trừng phạt, thuận cho con gái Khuddàrùpi. Đây các thanh niên, chớ có phỉ báng thanh niên Ambattha một cách quá đáng là con của một nữ tỳ. Kanha là một vị ẩn sĩ vĩ đại.

24. Khi bấy giờ, Như Lai nói với thanh niên Ambattha:

- "Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Một thanh niên Sát-đế-ly cưới một thiếu nữ Bà-la-môn. Do sự sum họp ấy, một người con trai được sinh. Một người sanh từ một thanh niên Sát-đế-ly và một thiếu nữ Bà-la-môn có thể thọ lãnh chỗ ngồi hay nước giữa

những người Bà-la-môn không?"

- Tôn giả Gotama, có thể thọ lãnh.

- Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng món đồ ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng cho thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy các chú thuật hay không?

- Tôn giả Gotama, có dạy.

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, mở cửa.

- Và những người Sát-đế-ly có quán đánh cho người ấy để thành một Sát-đế-ly không?

- Tôn giả Gotama, thưa không.

- Tại sao không?

- Vì nó không được sinh (là Sát đế ly) từ mẫu hệ.

25. - Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Ở đây một thanh niên Bà-la-môn cưới một thiếu nữ Sát-đế-ly.

Do sự sum họp này, một người con trai được sanh. Một người sanh từ một thanh niên Bà-la-môn và một thiếu nữ Sát-đế-ly có thể thọ lãnh chỗ ngồi hay nước giữa những Bà-la-môn hay không?

- Tôn giả Gotama, có thể thọ lãnh.

- Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng các món ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng theo thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không?

- Tôn giả Gotama, có dạy.

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, chúng mở cửa.

- Và những người Sát-đế-ly có làm lễ quán đảnh cho người ấy để thành một Sát-đế-ly không?

- Tôn giả Gotama, thưa không.

- Tại sao vậy?

- Tôn giả Gotama, vì không được sinh (là Sát đế ly) từ phụ hệ.

26. - Nay Ambattha, nếu so sánh đàn bà với đàn bà, đàn ông với đàn ông, thì giai cấp Sát đế ly là ưu, Bà-la-môn là liệt.

Nay Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Ở đây, giả sử do một nguyên nhân gì những người Bà-la-môn cạo đầu một người Bà-la-môn, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố. Người ấy có được thọ lãnh chỗ ngồi và nước giữa những người Bà-la-môn không?

- Tôn giả, không được.

- Và những người Bà-la-môn, có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng các món ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng cho thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, không có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không?

- Tôn giả Gotama, không dạy.

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, đóng cửa.

27. - Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Ở đây giả sử do một nguyên nhân gì, những người Sát đế ly cao đầu một người Sát đế ly, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố, người ấy có được thọ lãnh chỗ ngồi và nước uống giữa những người Bà-la-môn không?

- Tôn giả Gotama, được thọ lãnh.

- Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết, hay dùng những món ăn cúng dường, hoặc đồ ăn cúng cho thiên thần, hay đồ ăn gửi đến như những tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không?

- Tôn giả Gotama, có dạy:

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, mở cửa.

- Nay Ambattha, đến như vậy là sự đọa lạc tội cùng của người Sát-đế-ly, đã bị những người Sát-đế-ly cạo đầu, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố, như vậy, nay Ambattha, **khí người Sát-đế-ly bị đọa lạc tội cùng, các Sát đế ly vẫn giữ phần ưu thắng và các Bà-la-môn vẫn ở địa vị hạ liệt.**

28. - Nay Ambattha, bài kệ này do **Phạm thiên Sanam Kumàra thuyết:**

"Đối với chúng sanh tin tưởng ở giai cấp, Sát-đế-ly chiếm địa vị tối thắng ở nhân gian.

Những vị nào giới hạnh và trí tuệ đầy đủ, vị này chiếm địa vị tối thắng giữa Người và chư Thiên".

(Xong tụng phẩm thứ nhất).

1. - Tôn giả Gotama, nghĩa chữ Giới hạnh trong bài kệ ấy là gì? Nghĩa chữ Tuệ trong bài kệ ấy là gì?

- Nay Ambattha, một vị đã thành tựu vô thượng trí đức không có luận nghị đến sự thọ sanh, không có luận nghị đến giai cấp hay không có luận nghị đến ngã mạn với lời nói: "Người bằng ta hay người không bằng ta". Chỗ nào nói đến cưới hỏi hay rước dâu đi, hay cả hai, chỗ đó mới có luận nghị đến sự thọ sanh, luận nghị đến giai cấp hay luận nghị đến ngã mạn với lời nói: "Người bằng ta hay không bằng ta".

Này Ambattha, những ai còn chấp trước lý thuyết thọ sanh, còn chấp trước lý thuyết giai cấp, còn chấp trước lý thuyết kiêu mạn, hoặc còn chấp trước cưới hỏi rước dâu, những người ấy còn rất xa sự thành tựu vô thượng trí đức. Này Ambattha, không chấp trước lý thuyết thọ sanh, không chấp trước lý thuyết giai cấp, không chấp trước lý thuyết kiêu mạn, không chấp trước cưới hỏi, đưa dâu, người ấy tức chứng ngộ vô thượng trí đức.

2. - Tôn giả Gotama, thế nào là Giới đức trong bài kệ ấy? Thế nào là Trí tuệ trong bài kệ ấy?

- Ở đây, này Ambattha, Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc:

... (xin xem kinh Sa-môn quả, từ số 40 đến số 98 tới câu: "Không có đời sống nào khác nữa" chỉ khác danh từ xưng hô và câu kết từng đoạn. Như đoạn này, câu kết là "Như vậy, này Ambattha, là vị Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh".)

- Này Ambattha, **như vậy gọi là Tỷ-kheo thành tựu trí tuệ, thành tựu giới đức, thành tựu giới đức và trí tuệ**. Này Ambattha, không có sự thành tựu trí đức nào khác siêu việt hơn, cao thượng hơn sự thành tựu trí đức này.

3. Này Ambattha, có bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu **vô thượng trí đức này. Thế nào là bốn?**

- Này Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, lại mang dụng cụ của nhà đạo sĩ, đi vào rừng sâu và nguyện: **"Ta chỉ ăn trái cây rừng mà sống"**. Nhất định **người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu trí đức**. Này Ambattha, đó là nguyên nhân thứ nhất đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.
- Lại nữa, này Ambattha ở đây có vị Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô

thượng trí đức này, và chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, lại mang theo cuộc và giỏ đi vào rừng sâu và nguyện: "Ta chỉ ăn củ, rễ và trái cây để sống". Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu thượng trí đức. Đây Ambattha, đó là nguyên nhân thứ hai đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

- Lại nữa, này Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống và chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, lại **nhén lửa tại cuối làng hay sống thờ lửa ấy**. Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu thượng trí đức. Đây Ambattha đó là nguyên nhân thứ ba đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.
- Lại nữa Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt được pháp ăn trái cây rừng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, chưa thấu đạt pháp tôn thờ lửa, lại **xây dựng một ngôi nhà có bốn cửa tại ngã tư đường, sống và nguyện: "Từ bốn phương nếu có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào lại, thì ta**

sẽ cúng dường, tùy theo khả năng, tùy theo sức lực của ta". Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu trí đức. Nay Ambattha, đó là nguyên nhân thứ tư đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

Này Ambattha đó là bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

4. Này Ambattha, người nghĩ thế nào? Người và thầy người có được xem là đã thành tựu vô thượng trí đức này không?

- Bạch không, Tôn giả Gotama. Con và thầy con là gì, Tôn giả Gotama, để có thể so sánh với sự thành tựu vô thượng trí đức. Tôn giả Gotama, con và thầy con còn rất xa sự thành tựu vô thượng trí đức.

- Này Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, nhà người có đem theo dụng cụ của nhà đạo sĩ, đi vào rừng sâu và nguyện: "Ta và thầy ta chỉ ăn trái cây rụng mà sống?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Này Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô

thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, người có mang theo cuốc và giỏ đi vào rừng sâu và nguyện: "Ta và thầy ta chỉ ăn rễ và trái cây để sống không?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, người có nhen lửa tại cuối làng hay cuối xóm và sống thờ lửa ấy với thầy người không?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống và chưa thấu đạt sự thờ lửa, người và thầy người có xây dựng một ngôi nhà có bốn cửa tại ngã tư đường với lời nguyện: "Từ bốn phương, nếu có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào lại, thì ta sẽ cúng dường tùy theo khả năng, tùy theo sức lực của ta không?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha, như vậy người và thầy người còn khiếm khuyết sự thành tựu vô thượng trí đức này, còn khiếm khuyết bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này, Ambattha, thế mà những lời này lại do thầy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi thốt ra: "Những hạng Sa-môn giả hiệu, đầu trọc, dê tiện, đen đui, sanh từ nơi chân bà con ta là ai mà có thể đàm luận với những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ đà". Một vị tự mình chưa thành tựu được những pháp đưa đến sự thất bại (cho những pháp cao thượng hơn). Nay Ambattha, người xem, thầy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi đã lỗi lầm như thế nào?

6. Nay Ambattha, Bà-la-môn Pokkharasàdi hưởng thọ sự cung cấp của vua Pasenadi nước Kosala. Vua Pasenadi nước Kosala cũng không cho phép thầy người diện kiến. Nếu vua hội nghị với thầy người thì chỉ nói thầy người ngang qua một tấm màn. Nay Ambattha, tại sao vua Pasenadi nước Kosala lại không cho phép thầy người diện kiến, người mà vua cung cấp thực phẩm thuần tịnh chân chánh. Nay Ambattha, người xem thầy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi đã lỗi lầm như thế nào?

7. Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Như vua Pasenadi nước Kosala hoặc ngồi trên cỗ voi, hoặc

ngồi trên lưng ngựa, hoặc đứng trên lưng ngựa, hoặc đứng trên tấm thảm xe cùng các vị đại thần hay vương tử, luận bàn quốc sự. Nếu vua rời khỏi chỗ ấy hay đứng qua bên, một người Thủ đà hay đầy tớ của một người Thủ đà đến. Người này cũng đứng tại chỗ ấy, cũng luận bàn quốc sự và nói: "Vua Pasenadi nước Kosala đã nói như vậy". **Dẫu người ấy nói như lời nói của vua, luận bàn như lời luận bàn của vua, người ấy có thể là vua hay là vị phó vương không?**

- "Không thể được, Tôn giả Gotama".

8. Nay Ambattha, nhà ngoại cũng vậy. Thuở xưa, những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật, đã hát, đã nói lên, đã suu tầm, những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vị ẩn sĩ ấy tên là Atthaka (A-sá-ca), Vàmaka (Bà-ma), Vàmadeva (Bà-ma-đề-bà), Vessàmitta (Tì-bà-thảm-sá), Yamataggi (Gia-bà-đề-bà), Angirasa (Ương-kỳ-la). Bhàradvaja (Bạt-la-đà-thảm-xà), Vàsettha (Bà-ma-sá) Kassapa (Ca-diếp), Bhagu (Bà-cửu). *Dẫu người có thể nói "Ta, một đệ tử, học thuộc lòng những chú thuật của các vị ấy", chỉ với điều kiện này, người có thể được xem là một vị ẩn sĩ hay đã chứng địa vị của một ẩn sĩ không?* Việc này không thể có

được.

9. Ambattha, người nghĩ thế nào? Người có được nghe những vị Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, những vị giáo sư và tổ sư nói đến không? Thuở xưa những vị ẩn sĩ, giữa các Bà-la-môn, những tác giả của chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn, cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vị ẩn sĩ ấy tên là Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvaja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu. *Những vị ấy có khéo tắm, khéo chải chuốt, tóc và râu khéo sửa soạn, trang điểm với vòng hoa và ngọc, mặc toàn đồ trắng, tận hưởng và tham đắm năm món dục lạc, như người và thầy của người hiện nay không?*

- Không có vậy. Tôn giả Gotama.

10. - *Các vị ẩn sĩ ấy có dùng com nấu từ gạo trắng thượng hạng mà các hạt đen được gạn bỏ ra, dùng các món canh, các món đồ ăn nhiều loại không, như người và thầy người hiện nay không?*

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

- *Hay các vị ấy được những thiếu nữ có đường*

eo và thắt lưng có tua hầu hạ như người và thầy người hiện nay không?

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

- Hay những vị ấy đi trên những xe do những con ngựa cái có bờm, đuôi được bện và dùng những dây roi và gậy dài như người và thầy người hiện nay không?

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

- Hay những vị ấy sống được che chở trong những thành lũy có những chiến hào bao bọc, có những cửa thành hạ xuống, có những chiến sĩ mang gươm dài hộ vệ như người và thầy người hiện nay không?

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

Như vậy, này Ambattha, người và thầy người không phải là một ẩn sĩ, không giống đời sống của nhà ẩn sĩ. Này Ambattha, nếu có gì nghi ngờ, có gì phân vân về Ta, hãy hỏi Ta và Ta sẽ trả lời.

11. Lúc bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi tịnh xá và bắt đầu đi kinh hành. Thanh niên Ambattha đi theo sau Thế Tôn đang đi kinh hành và tìm đếm ba mươi hai tướng

tốt của vị đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài.

12. Khi bảy giờ, Thế Tôn nghĩ rằng: "Thanh niên Ambattha này thấy ở nơi ta gần đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của vị đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài".

Thế Tôn liền dùng thần thông khiến thanh niên Ambattha thấy tướng mã âm tàng của Thế Tôn. Và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai, rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vàng trán. Lúc bảy giờ, thanh niên Ambattha liền nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân, không phải không đầy đủ". Và nói với Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, nay chúng tôi xin đi, chúng tôi rất bận, có nhiều việc cần phải làm".

- Nay Ambattha, hãy làm những gì người nghĩ là phải thời.

Rồi thanh niên Ambattha leo lên xe do ngựa cái kéo và ra đi.

13. Lúc bảy giờ Bà-la-môn Pokkharasàdi ra khỏi

Ukkattha với một đại chúng Bà-la-môn, ngồi tại hoa viên của mình và chờ đợi thanh niên Ambattha. Khi thanh niên Ambattha đi đến hoa viên, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Bà-la-môn pokkharasàdi đang ngồi. Đến xong, thanh niên Ambattha đánh lễ Bà-la-môn Pokkharasàdi và ngồi xuống một bên. Sau khi thanh niên Ambattha ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Pokkharasàdi nói:

14. - Này Ambattha thân mến, người đã thấy Sa-môn Gotama chưa?

- Chúng con thấy Tôn giả Gotama rồi.

- Này Ambattha thân mến, có phải Tôn giả Gotama đúng với tin đồn đã truyền đi, chớ không phải khác?

- Tôn giả Gotama đúng với tin đồn đã truyền đi, chớ không phải khác. Tôn giả Gotama là như vậy, chớ không phải khác. Tôn giả Gotama đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân, chớ không phải thiếu.

- Này Ambattha thân mến, con có cùng với Tôn giả Gotama đàm luận không?

- Con có đàm luận với Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha thân mến, cuộc đàm luận ấy như thế nào?

Thanh niên Ambattha liền thuật cho Bà-la-môn Pokkharasàdi rõ tất cả cuộc hội đàm với Tôn giả Gotama.

15. Nghe nói như vậy, Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với thanh niên Ambattha:

- Người thật là nhà học giả đốn mạt của chúng ta! Người thật là nhà đa văn đốn mạt của chúng ta! Người thật là nhà tinh thông ba quyển Vệ đà đốn mạt của chúng ta. Người ta nói những ai có sự cư xử như vậy, khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh vào cõi ác, đọa xứ, địa ngục. Nay Ambattha, người càng công kích Tôn giả Gotama bao nhiêu, lại càng bị Tôn giả Gotama lật tẩy chúng ta bấy nhiêu. Người thật là nhà học giả đốn mạt của chúng ta! Người thật là nhà đa văn đốn mạt của chúng ta! Người thật là nhà tinh thông ba quyển Vệ đà đốn mạt của chúng ta! Người ta nói, những ai có sự cư xử như vậy, khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh vào cõi ác, đọa xứ, địa ngục.

Bà-la-môn Pokkharasàdi tức giận, bực bội, dùng chân đá thanh niên Ambattha bổ lộn nhào rồi lập tức muốn đi gặp đến Thế Tôn.

16. Khi ấy, những người Bà-la-môn này thưa với Bà-la-môn Pokkharasàdi: "Hôm nay thì giờ đã quá trễ để đi thăm Sa-môn Gotama. Ngày mai Tôn giả Pokkharasàdi hãy đi thăm Sa-môn Gotama".

Tuy vậy, Bà-la-môn Pokkharasàdi vẫn cho làm các món ăn thượng vị, loại cứng loại mềm tại nhà riêng, chở trên các xe, và dưới ánh sáng của những ngọn đuốc từ Ukkattha đi ra và đi đến khóm rừng Icchànankala. Vị này đi xe cho đến chỗ còn đi xe được rồi xuống xe đi bộ đến Thế Tôn. Khi đi đến, liền nói với Thế Tôn những lời hỏi thăm xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với Thế Tôn:

17. - Tôn giả Gotama, đệ tử của chúng tôi, thanh niên Ambattha có đến đây không?

- Nay Bà-la-môn, đệ tử người, thanh niên Ambattha có đến đây.

- Tôn giả Gotama, Ngài có cùng với thanh niên Ambattha đàm luận không?

- Nay Bà-la-môn, ta có đàm luận với thanh niên Ambattha.

- Tôn giả Gotama, cuộc đàm luận của Ngài

với thanh niên Ambattha như thế nào?

Cuộc đàm luận với thanh niên Ambattha như thế nào, Thế Tôn kể lại tất cả cho Bà-la-môn Pokkharasàdi.

Nghe nói vậy, Bà-la-môn nói với Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, thanh niên Ambattha thật là ngu si! Tôn giả Gotama, hãy tha thứ cho thanh niên Ambattha!

- Này Bà-la-môn, cầu cho thanh niên Ambattha được hạnh phúc.

18. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi tìm đếm ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân trên thân Thế Tôn. Bà-la-môn thấy gần đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân trên thân Thế Tôn, trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của bậc đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, hai tướng là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài.

19. Lúc bấy giờ Thế Tôn nghĩ rằng: "Bà-la-môn Pokkharasàdi thấy gần đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân ở nơi Ta, trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của bậc đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự

sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài". Thế Tôn liền dùng thần thông khiến Bà-la-môn Pokkharasàdi thấy tướng mã âm tàng của Thế Tôn. Và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai, rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vàng trán.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi nghĩ rằng: "Sa môn Gotama có đầy ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân, không phải không đầy đủ", liền nói với Thế Tôn: "Hôm nay xin mời Tôn giả Gotama cùng chúng Tỷ-kheo đến dùng cơm với con". Thế Tôn nhận lời với sự im lặng.

20. Khi Bà-la-môn Pokkharasàdi được biết Thế Tôn đã nhận lời liền báo thì giờ cho Thế Tôn: Tôn giả Gotama, cơm đã sẵn sàng. Khi ấy Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát, và cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến cư xá của Bà-la-môn Pokkharasàdi. Khi đi đến, liền ngồi trên chỗ soạn sẵn. Bà-la-môn Pokkharasàdi tự tay làm cho Thế Tôn thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm, còn các thanh niên Bà-la-môn thì tiếp đãi chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi, sau khi biết Thế Tôn dùng cơm đã xong, đã rửa tay và bát, liền lấy một ghế ngồi thấp khác và ngồi xuống một bên.

21. Thế Tôn liền thứ lớp giảng pháp cho Bà-la-môn Pokkharasàdi đang ngồi một bên nghe, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Pokkharasàdi đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phân khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ, tức là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng như tấm vải thuần bạch, được gột rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, chính chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Pokkharasàdi: **"Phàm pháp gì được tập khởi lên đều bị tiêu diệt"**.

22. Khi ấy Bà-la-môn Pokkharasàdi, thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư. Bà-la-môn Pokkharasàdi liền bạch Phật:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Tôn giả

Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Tôn giả Gotama, con, con của con, vợ của con, tùy tùng của con, bạn hữu của con, xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Như Tôn giả Gotama đến thăm các gia đình cư sĩ khác ở Ukkattha, mong Tôn giả Gotama cũng đến thăm các gia đình Pokkharasàdi. Tại đây, các thanh nam hay thanh nữ Bà-la-môn sẽ đánh lễ Thế Tôn Gotama, hoặc đứng dậy, hoặc mời chỗ ngồi, hoặc mời nước, hoặc khiến tâm hoan hỷ. Như vậy chúng sẽ hưởng hạnh phúc, lợi ích trong một thời gian lâu dài.

- Nay Bà-la-môn lời người nói thật là chí thiện.

125 Thể nhập pháp, ngộ pháp, chứng pháp - Kinh BRAHMAYU – 91 Trung II, 643

KINH BRAHMAYU (**Brahmayu sutta**)

– Bài kinh số 91 – Trung II, 643

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở Videha, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Brahmayu trú tại Mithila (Di-tát-la) già yếu, niên cao, mập lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã gần mãn cuộc đời, tuổi đã đến một trăm hai mươi, một vị đọc tụng Thánh điển, chấp trì chú thuật, tinh thông ba tập Veda, với tự vựng, lễ nghi, ngữ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thể luận và Đại nhân tướng.

Bà-la-môn Brahmayu có nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sakya (Thích-ca) đang du hành ở Videha, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị". Tiếng đồn tốt

đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài Trời và loài Người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ, Ngài tuyên dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, trong sạch. **Tốt đẹp thay sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy! "**

Lúc bấy giờ đệ tử của Bà-la-môn Brahmayu là thanh niên Uttara... một vị tinh thông ba tập Veda... (như trên)... và Đại nhân tướng. Rồi Bà-la-môn Brahmayu bảo thanh niên Uttara:

– Này Uttara thân mến, Sa-môn Gotama này là Thích tử... Chánh Đẳng Giác... (như trên)... Thật tốt đẹp thay được yết kiến một vị A-la-hán như vậy. Uttara thân mến, hãy đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến **hãy tìm hiểu Sa-môn Gotama, có phải là Tôn giả Gotama như tiếng đã đồn, hay là không phải, hay là Tôn giả Gotama như thế này, hay là không phải như thế này**. Chính nhờ Ông mà chúng ta biết về Tôn giả Gotama. Ta cũng vậy, tùy theo điều Ông nói, ta sẽ

biết Tôn giả Gotama có phải là Tôn giả Gotama như tiếng đã đồn, hay là không phải, hay là Tôn giả Gotama như thế này, hay là không phải như thế này.

Này Uttara thân mến, theo Thánh điển của chúng ta được truyền lại về ba mươi hai Đại nhân tướng, những ai có ba mươi hai tướng ấy sẽ chọn một trong hai con đường, không có con đường nào khác: Nếu là tại gia, sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương chinh phục mọi quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu này là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Và vị này có hơn một ngàn con trai, là những vị anh hùng, oai phong lẫm liệt, chiến thắng ngoại quân. Vị này sống thống lĩnh quả đất cùng tận cho đến đại dương, và trị vì với Chánh pháp, không dùng gậy, không dùng đao. Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị này sẽ chứng quả A-la-hán, Chánh Đẳng Giác quét sạch mê lầm ở đời. Này Uttara thân mến, ta đã cho con chú thuật, Ông đã nhận những chú thuật ấy.

– Thừa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Uttara vâng đáp Bà-la-môn Brahmayu, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Bà-la-môn Brahmayu, giữ thân hướng về phía hữu, rồi ra đi du

hành đến Thế Tôn ở Videha, tuần tự du hành đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Uttara tìm xem ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn. Thanh niên Uttara thấy trên thân Thế Tôn phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng, trừ hai tướng. Đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Rồi Thế Tôn nghĩ rằng: "Thanh niên Uttara này thấy ở nơi Ta phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng, trừ hai tướng. Đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài". Thế Tôn liền dùng thần thông khiến thanh niên Uttara thấy được tướng mã âm tàng của Thế Tôn. Và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai; rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vùng trán.

Rồi thanh niên Uttara suy nghĩ: "*Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai Đại nhân tướng. Vậy ta hãy theo sát Sa-môn Gotama để dò xem các uy nghi (của Ngài)*". Rồi thanh niên Uttara trong bảy tháng theo sát Thế Tôn như bóng không bao giờ rời hình.

Rồi thanh niên Uttara, sau bảy tháng, khởi hành đi đến Mithila ở Videha, tuần tự du hành đi đến Mithila, rồi đi đến Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đến, đánh lễ Bà-la-môn Brahmayu rồi ngồi xuống một bên. Bà-la-môn Brahmayu nói với thanh niên Uttara đang ngồi một bên:

– Này Uttara thân mến, có phải tiếng đồn về Tôn giả Gotama là đúng như vậy, không phải khác, có phải Tôn giả Gotama là như vậy, không phải khác?

– Tiếng đồn về Tôn giả Gotama là đúng như vậy, không phải khác, Tôn giả Gotama là như vậy, không phải khác.

❖ Và Tôn giả Gotama ấy có đầy đủ ba mươi hai Đại nhân tướng.

33. Tôn giả Gotama có lòng bàn chân bằng phẳng. Đây là Đại nhân tướng của Đại nhân Tôn giả Gotama.
34. Dưới hai bàn chân Tôn giả Gotama, có hiện ra hình bánh xe, với ngàn tăm xe, với trục xe vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ.
35. Tôn giả Gotama có gót chân thon dài.
36. Tôn giả Gotama có ngón tay, ngón chân dài.

37. Tôn giả Gotama có tay chân mềm mại.
38. Tôn giả Gotama tay chân có màn da lưới.
39. Tôn giả Gotama có mắt cá tròn như con sò.
40. Tôn giả Gotama có ống chân to như con dê rừng.
41. Tôn giả Gotama đứng thẳng, không cong lưng xuống có thể sờ đầu gối với hai bàn tay.
42. Tôn giả Gotama có tướng mã âm tàng.
43. Tôn giả Gotama có màu da như đồng, màu sắc như vàng.
44. Tôn giả Gotama có da trơn mượt khiến bụi không có thể bám dính vào.
45. Tôn giả Gotama có lông da mọc từng lỗ lông một, mỗi lỗ chân lông có một lông.
46. Tôn giả Gotama có lông mọc xoáy tròn thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt.
47. Tôn giả Gotama có thân hình cao thẳng.
48. Tôn giả Gotama có bảy chỗ tròn đầy.
49. Tôn giả Gotama có nửa thân trước như thân con sư tử.
50. Tôn giả Gotama không có lỗm khuyết xuống

giữa hai vai.

51. Tôn giả Gotama có thân thể cân đối như cây bàng. Bề cao thân ngang bằng bề dài hai tay rải rộng, bề dài hai tay rải rộng ngang bằng bề cao của thân.
 52. Tôn giả Gotama có bán thân trên vuông tròn.
 53. Tôn giả Gotama có vị giác hết sức sắc bén.
 54. Tôn giả Gotama có quai hàm như con sư tử.
 55. Tôn giả Gotama có bốn mươi răng.
 56. Tôn giả Gotama có răng đều đặn.
 57. Tôn giả Gotama có răng không khuyết hở.
 58. Tôn giả Gotama có răng cửa trơn láng.
 59. Tôn giả Gotama có tướng lưỡi rộng dài.
 60. Tôn giả Gotama có giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim ca-lăng- tần-già (karavika).
 61. Tôn giả Gotama có hai mắt màu xanh đậm.
 62. Tôn giả Gotama có lông mi con bò cái.
 63. Tôn giả Gotama, giữa hai lông mày, có sợi lông trắng mọc lên mịn màng như bông nhẹ.
 64. Tôn giả Gotama có nhục kế trên đầu.
- Đây là Đại nhân tướng của Đại nhân Tôn giả Gotama.

- Khi Tôn giả Gotama đi, Ngài bước chân mặt trước, không đặt chân xuống quá xa, không rút chân lên quá gần, không bước quá mau, không bước quá chậm, khi đi đầu gối không va chạm đầu gối, khi đi mắt cá không va chạm mắt cá; Ngài đi không co bắp vế lên, không duỗi bắp vế xuống, không đưa bắp vế vào trong, không đưa bắp vế ra ngoài. Khi đi Tôn giả Gotama chỉ di động phần thân ở dưới, và không đi, dùng toàn thân lực. Khi ngó quanh, Tôn giả Gotama ngó quanh với toàn thân.
- Khi đi không có ngưỡng mặt lên, không cúi mặt xuống, không có ngó quanh, và chỉ ngó xuống khoảng một tầm (yugamattam, bề dài một cái cày). Xa hơn, tri kiến được mở rộng (anavatam: không bị che đậy).
- Khi đi vào nhà, (Tôn giả Gotama) không ngửa thân về phía sau, không cúi thân về phía trước, không đưa thân về phía trong, không đưa thân về phía ngoài; vị ấy quay lưng không quá xa ghé ngò, không quá gần ghé ngò; ngò trên ghé, không nắm chặt thành ghé, không gieo thân ngò xuống ghé.
- Khi ngò trong nhà. Ngài không rung tay, không rung chân, không ngò tréo đầu gối với nhau, tréo mắt cá với nhau, không ngò tay

chống cảm. Khi ngồi trong nhà, không có sợ hãi, không có run rẩy, không có dao động, không có hoảng hốt. Như vậy Tôn giả Gotama ngồi, không sợ hãi, không run sợ, không dao động, không hoảng hốt, lông tóc không dựng ngược, Thiền tịnh độc cư.

- Khi Ngài nhận cơm, không chúc bình bát lên, không chúc bình bát xuống, không xoay bình bát vào phía trong, không xoay bình bát ra phía ngoài, nhận cơm không quá ít, không quá nhiều.
- Ngài ăn đồ ăn vừa phải (với cơm), không có bỏ miếng cơm, chỉ lựa miếng ăn. Tôn giả Gotama đưa miếng cơm quanh miệng hai ba lần rồi mới nuốt, không hột cơm nào được vào trong thân không bị nghiền nát, và không một hột cơm nào còn lại trong miệng trước khi ăn miếng cơm khác. Tôn giả Gotama không thưởng thức vị ăn khi ăn đồ ăn, không thưởng thức lòng tham vị.
- Tôn giả Gotama ăn đồ ăn có đầy đủ tám đức tánh, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để (thân này) khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, Ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không

cho khởi lên các cảm thọ mới, và Ta sẽ không lỗi lầm, sống được an ổn".

- Ngài ăn xong lấy nước rửa bát, không chúc bình bát lên, không chúc bình bát xuống, không xoay bình bát vào phía trong, không xoay bình bát ra phía ngoài, nhận nước không quá ít, không quá nhiều. Ngài rửa bát không sanh tiếng động, rửa bát không xoay tròn bình bát, không có đặt bình bát xuống đất rồi rửa tay, khi hai tay rửa xong, bình bát cũng rửa xong, khi bình bát rửa xong, hai tay cũng rửa xong. Ngài đổ nước bình bát, không quá xa, không quá gần, không vẩy nước cùng khắp.
- Khi ăn xong, Ngài đặt bình bát xuống đất, không quá xa, không quá gần, không phải không nghĩ đến bình bát, cũng không quá lo cho bình bát. Khi ăn xong, Ngài ngồi im lặng một lát nhưng không để quá thì giờ nói lời tùy hỷ (công đức). Ngài nói lời tùy hỷ (công đức), không chỉ trích bữa ăn ấy, không mong bữa ăn khác; trái lại, Ngài với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Ngài sau khi với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Ngài đi không quá mau, không quá chậm. Ngài

đi không phải (như muốn) lánh xa hội chúng ấy.

- Tôn giả Gotama đắp y không kéo lên quá cao trên thân, không kéo xuống quá thấp, không dính sát vào thân, không có lợi ra khỏi thân, gió thổi không thoát y khỏi thân Tôn giả Gotama; bụi nhóp không dính trên thân Tôn giả Gotama.
- Đi đến tu viện, Ngài ngồi trên ghế đã soạn sẵn, sau khi ngồi liền rửa chân, và Tôn giả Gotama không sống chú tâm vào công việc làm đẹp hai chân. Ngài ngồi kiết già, lưng thẳng, và đặt niệm trước mặt. Ngài không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai. Tôn giả Gotama ngồi, tâm hướng đến lợi mình, lợi người, lợi cả hai, lợi toàn thể giới.
- Đi đến tu viện, Ngài thuyết pháp cho hội chúng, không tán dương hội chúng ấy, không chỉ trích hội chúng ấy, trái lại với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.
- Tiếng nói thoát ra từ miệng Tôn giả Gotama có tám đức tánh: lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động. Khi Tôn giả Gotama giải thích cho hội chúng với tiếng nói của mình, tiếng nói

không vượt ra khỏi hội chúng. Hội chúng sau khi được Tôn giả Gotama khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho thích thú, làm cho hoan hỷ, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, và ra đi vẫn quay nhìn lại, không muốn rời bỏ.

Chúng con thấy Tôn giả Gotama đi. Chúng con thấy (Tôn giả) đứng. Chúng con thấy (Tôn giả) ngồi im lặng trong nhà. Chúng con thấy (Tôn giả) ăn trong nhà. Chúng con thấy (Tôn giả) sau khi ăn xong, ngồi im lặng. Chúng con thấy (Tôn giả) sau khi ăn xong, nói lời tùy hỷ (công đức). Chúng con thấy (Tôn giả) đi trở về tu viện. Chúng con thấy (Tôn giả) đi đến tu viện ngồi im lặng. Chúng con thấy (Tôn giả) đi đến tu viện thuyết pháp cho hội chúng. Như vậy, và như vậy là Tôn giả Gotama ấy và lại còn nhiều hơn như vậy nữa.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Brahmayu từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và ba lần nói lời cảm hứng sau đây:

– Đánh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác! Đánh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác! Đánh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác! Có thể tại một chỗ nào, thời gian nào, chúng tôi sẽ đi đến gặp Tôn giả Gotama ấy. Có lẽ sẽ có một

cuộc nói chuyện.

Rồi Thế Tôn, tuần tự du hành ở Videha và đi đến Mithila. Ở đấy, Thế Tôn trú tại rừng xoài Makhadeva ở Mithila. Các Bà-la-môn, Gia chủ ở Mithila nghe nói: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, đang du hành ở Videha, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị đã đến Mithila và hiện trú ở rừng xoài Makhadeva, tại Mithila. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "... (như trên)... được yết kiến một vị A-la-hán như vậy! " Rồi các Bà-la-môn, Gia chủ ở Mithila đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, một số đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số nói lên những lời chào đón hỏi thăm Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên; một số chấp tay hướng vái Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số xưng danh họ rồi ngồi xuống một bên; một số im lặng rồi ngồi xuống một bên.

Bà-la-môn Brahmayu nghe như sau: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, đã đến Mithila và trú ở Mithila tại rừng xoài Makhadeva". Rồi Bà-la-môn Brahmayu đi đến rừng xoài Makhadeva cùng với một số đông thanh niên Bà-la-môn. Khi đến không xa rừng xoài bao nhiêu,

Bà-la-môn Brahmayu khởi lên ý nghĩ: "Thật không thích đáng cho ta đến yết kiến Sa-môn Gotama mà không báo trước". Rồi Bà-la-môn Brahmayu bảo một người thanh niên:

– Này Thanh niên, hãy đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến hãy nhân danh ta hỏi thăm Sa-môn Gotama có ít bệnh, ít nã, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú: "Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmayu hỏi thăm Tôn giả Gotama có ít bệnh, ít nã, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú và thưa như sau: "Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmayu già yếu, niên cao, lạc lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã gần mãn cuộc đời, tuổi đã đến một trăm hai mươi, một vị đọc tụng Thánh điển, chấp trì chú thuật, tinh thông ba tập Veda, với tự vựng, lễ nghi, ngữ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Thưa Tôn giả, đối với các Bà-la-môn, Gia chủ sống tại Mithila, Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện tài sản, Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện chú thuật (manta), Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện tuổi tác và danh vọng. Vị ấy muốn yết kiến Tôn giả Gotama".

– Thưa vâng, Tôn giả.

Thanh niên ấy vâng đáp Bà-la-môn Brahmayu, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền đứng một bên. Đứng một bên, thanh niên ấy bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmayu hỏi thăm Tôn giả Gotama có ít bệnh, ít nã, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú: "Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmayu già yếu... (như trên)... và Đại nhân tướng. Thưa Tôn giả, đối với các Bà-la-môn, Gia chủ sống ở Mithila, Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện tài sản, Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện chú thuật (manta), Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện tuổi tác và danh vọng. Vị ấy muốn yết kiến Tôn giả Gotama".

– Nay Thanh niên, nay Bà-la-môn Brahmayu hãy làm những gì vị ấy nghĩ là hợp thời.

Rồi vị thanh niên ấy đi đến Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đến, liền thưa với Bà-la-môn Brahmayu:

– Tôn giả đã được Sa-môn Gotama chấp nhận. Nay Tôn giả hãy làm những gì Tôn giả nghĩ là hợp thời.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu đi đến Thế Tôn. Hội chúng ấy thấy Bà-la-môn Brahmayu từ xa đi đến, sau khi thấy liền tránh chỗ hai bên vì vị này được nhiều người biết đến và có danh vọng. Bà-la-môn Brahmayu nói với hội chúng ấy:

– Thôi vừa rồi, các Tôn giả, hãy ngồi trên chỗ ngồi của mình. Ở đây, tôi sẽ ngồi gần Sa-môn Gotama.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Brahmayu tìm xem ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn. Bà-la-môn Brahmayu thấy phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn, trừ hai tướng, đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Rồi Bà-la-môn Brahmayu nói với Thế Tôn những bài kệ sau đây:

*Tôn giả Gotama!
Ba hai Đại nhân tướng,
Con được nghe nói đến,*

*Hai tướng con không thấy
Trên thân của Tôn giả,
Tôn giả, mã âm tàng,
Bậc tối thượng loài Người,
Ngài có hay không có?
Hay là tướng nữ nhân?
Hay lưỡi Ngài quá ngắn?
Hay lưỡi Ngài rộng dài?
Để con như thật biết.
Hãy đưa lưỡi Ngài ra,
Mong bậc Đại Tiên Nhân,
Trừ nghi cho chúng con,
Vì an lạc hiện tại,
Vì hạnh phúc tương lai,
Chúng con xin được phép,
Hỏi điều muốn được biết.*

Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Bà-la-môn Brahmayu này thấy trên thân Ta phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng, trừ hai tướng, đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là mã tướng âm tàng và tướng lưỡi rộng dài". Thế Tôn liền dùng thần thông khiến Bà-la-môn Brahmayu thấy được tướng mã âm tàng của Thế Tôn, và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai; rờ đến liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vùng trán.

Rồi Thế Tôn trả lời Bà-la-môn Brahmayu với bài kệ:

*Ba hai Đại nhân tướng,
Ông đã được nghe đến,
Đều có trên thân Ta,
Hiện giả, chớ có nghi!
Điều cần biết, đã biết,
Điều cần tu, đã tu,
Điều cần trừ, đã trừ,
Do vậy, Ta là Phật.
(Này Bà-la-môn!)
Vĩ an lạc hiện tại,
Vĩ hạnh phúc tương lai,
Ông được phép vấn hỏi,
Những điều Ông muốn biết.*

Rồi Bà-la-môn Brahmayu suy nghĩ như sau:
"Nay Sa-môn Gotama đã cho phép ta. Vậy ta nên hỏi Sa-môn Gotama về mục đích hiện tại hay tương lai".

Rồi Bà-la-môn Brahmayu suy nghĩ: "Ta đã thiện xảo về mục đích hiện tại và các người khác hỏi ta về mục đích hiện tại. Vậy ta hãy hỏi Sa-môn Gotama về mục đích tương lai". Rồi Bà-la-môn Brahmayu dùng bài kệ thưa Thế Tôn:

Thế nào (là) Bà-la-môn?

*Thế nào thông Vệ-đà?
Thế nào là ba minh?
Thế nào gọi cát tường?
Thế nào là ứng cúng?
Thế nào bậc Viên mãn?
Thế nào bậc Mâu-ni?
Thế nào gọi Phật-đà?*

Rồi Thế Tôn dùng bài kệ trả lời Bà-la-môn Brahmayu:

*Ai biết được đời trước,
Thấy thiện thú, ác thú,
Đoạn tận được tái sanh,
Thắng trí được viên thành,
Vị ấy gọi Mâu-ni.*

*Ai biết tâm thanh tịnh,
Giải thoát mọi tham dục,
Sanh tử đều đoạn tận,
Phạm hạnh được viên thành,
Thông đạt nhưt thiết pháp,
Vị ấy xưng Phật-đà.*

Khi được nghe vậy, Bà-la-môn Brahmayu từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, cúi đầu xuống dưới chân Thế Tôn, dùng miệng hôn xung quanh chân Thế Tôn, lấy tay sờ xung quanh và tự xưng danh:

– Thừa Tôn giả Gotama, con là Bà-la-môn Brahmayu.

Và hội chúng ấy tâm tư trở thành kinh dị, vì
diệu: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay, đại uy lực, đại thần lực của vị Sa-môn đã khiến cho Bà-la-môn Brahmayu này, với danh tiếng, danh vọng như vậy, lại hạ mình tôi đa như vậy". Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Brahmayu:

– Thôi vừa rồi, Bà-la-môn, hãy đứng dậy. Ông hãy ngồi trên ghế của Ông vì tâm của Ông đã hoan hỷ đối với Ta.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đứng dậy, liền ngồi trên ghế của mình. Rồi Thế Tôn thứ lớp thuyết pháp cho Bà-la-môn Brahmayu, thuyết về bốn
thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi Trời, trình
bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc
và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Brahmayu đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phân khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã đề cao, tức là
Khổ, Tập, Diệt, Đạo. *Cũng như tấm vải thuần bạch,*
được gột rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm,
cũng vậy, chính tại chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần
ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Brahmayu:

"Phàm pháp gì được tập khởi lên đều bị tiêu diệt". Bà-la-môn Brahmayu thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tin, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư. Bà-la-môn Brahmayu liền bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng! Mong Tôn giả Gotama ngày mai nhận lời mời của con đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo!

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Bà-la-môn Brahmayu khi được biết Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Bà-la-môn Brahmayu sau khi đêm ấy đã mãn, sau khi đã sửa soạn tại trú xá của mình các món ăn

thượng vị, loại cứng và loại mềm, liền báo thì giờ cho Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, nay đã đến giờ, cơm đã sẵn sàng". Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, lấy y bát, đi đến trú xá của Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn với chúng Tỷ-kheo. Bà-la-môn Brahmayu tự tay làm cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu, thỏa mãn bằng những món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Rồi Thế Tôn sau bảy ngày liền khởi sự du hành ở Videha.

Sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, Bà-la-môn Brahmayu mệnh chung. Một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– *Bà-la-môn Brahmayu đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy là gì, tương lai tái sanh thế nào?*

– Này các Tỷ-kheo, Bà-la-môn Brahmayu là bậc hiền triết. Vị ấy theo Pháp đúng với Chánh pháp, không có phiền nhiễu Ta với những kiện cáo về Chánh pháp (Dhammadhikaranam). Này các Tỷ-kheo, Bà-la-môn Brahmayu **sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh, từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không có trở lui đời này nữa.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

126 Thể nhập pháp, ngộ pháp, chứng pháp - Kinh TRƯỜNG TRẢO – 74 Trung II, 345

KINH TRƯỜNG TRẢO (**Dighanakha sutam**)

– Bài kinh số 74 – Trung II, 345

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Rajagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakuta (Linh Thứu), trong hang Sukarakhata. Rồi du sĩ ngoại đạo Dighanakha (Trường Thảo) đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền đứng một bên. Đứng một bên, du sĩ ngoại đạo Dighanakha nói với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, tôi có lý thuyết như sau, tôi có tri kiến như sau: "Tất cả đều không làm cho tôi thích thú".

– Nay Aggivessana, tri kiến: "Tất cả đều không làm cho tôi thích thú", tri kiến ấy không làm Ông thích thú?

– Tôn giả Gotama, nếu tri kiến ấy làm tôi thích thú, thời đây cũng giống như vậy, thời đây cũng giống như vậy.

– Nay Aggivessana, nếu số đông người ở trong đời đã nói như sau: "Thời đây cũng giống như vậy, thời đây cũng giống như vậy", thời họ không từ bỏ tri kiến ấy, họ chấp thủ một tri kiến khác. Nay Aggivessana, nếu thiểu số người ở trong đời đã nói như sau: "Thời đây cũng giống như vậy, thời đây cũng giống như vậy", thời họ sẽ từ bỏ tri kiến ấy và không chấp thủ một tri kiến khác.

Này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi thích thú". Nay Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú". Nay Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú".

Ở đây, này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi thích thú," tri kiến này của họ là gần với tham dục, gần với triền phược, gần với hoan lạc, gần với đắm trước, gần với chấp thủ.

Ở đây, này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú", tri kiến này của họ là gần với không tham dục, gần với không phiền trước, gần với không hoan lạc, gần với không chấp thủ.

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Dighanakha thừa với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama tán dương quan điểm của tôi, Tôn giả Gotama hết sức tán dương quan điểm của tôi.

– Ở đây, này Aggivessana, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "*Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú*". Cái gì trong tri kiến này làm họ thích thú là gần tham dục, gần phiền trước, gần hoan lạc, gần đắm trước, gần chấp thủ. Cái gì trong tri kiến này làm họ không thích thú là gần không tham dục, gần không triền phược, gần không hoan lạc, gần không đắm trước, gần không chấp thủ.

Ở đây, này Aggivessana, những Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm tôi thích thú". Ở đây, **người có trí suy nghĩ như sau**: "Nếu ta nói tri kiến này của ta: "Tất

cả đều làm tôi thích thú", và nếu ta cố chấp, kiên chấp tri kiến này và nói: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng", như vậy là đối nghịch với hai hạng người: Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú", và Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú". Ta sẽ đối nghịch với hai hạng người này. => Khi nào có đối nghịch thời có tranh luận => khi nào có tranh luận thời có chống đối => khi nào có chống đối thời có bực mình" => Như vậy, vị này vì thấy sự đối nghịch, tranh luận, chống đối và bực mình nên từ bỏ tri kiến này, không chấp thủ tri kiến khác. Như vậy là sự đoạn trừ những tri kiến này, như vậy là sự hủy bỏ những tri kiến này.

Ở đây, này Aggivessana, nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú". Ở đây, người có trí suy nghĩ như sau: "Nếu ta nói tri kiến này của ta: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú", và nếu ta cố chấp, kiên chấp tri kiến này và nói: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng", thì như vậy, ta đối nghịch với hai hạng người: Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi thích thú" và Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Một

phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú". Ta sẽ đối nghịch với hai hạng người này. Khi nào có đối nghịch thời có tranh luận; khi nào có tranh luận thời có chống đối; khi nào có chống đối thời có bức mình". Như vậy, vị này vì thấy sự đối nghịch, tranh luận, chống đối và bức mình, nên từ bỏ tri kiến ấy, không chấp thủ tri kiến khác. Như vậy là sự đoạn trừ những tri kiến này, như vậy là sự hủy bỏ những tri kiến này.

Ở đây, này Aggivessana, nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú". Ở đây, người có trí suy nghĩ như sau: "Nếu ta nói tri kiến này của ta: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú", và nếu ta cố chấp, kiên chấp tri kiến này và nói: "Đây là sự thật ngoài ra là hư vọng", thì như vậy, ta đối nghịch với hai hạng người: Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi thích thú" và Sa-môn hay Bà-la-môn này có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú". Ta sẽ đối nghịch với hai hạng người này => Khi nào có đối nghịch thời có tranh luận => khi nào có tranh luận thời có chống đối => khi nào có chống đối thời có bức mình" => Như vậy, vị này vì thấy sự đối nghịch, tranh luận,

chống đối và bức mình, nên từ bỏ tri kiến ấy, không chấp thủ tri kiến khác. => Như vậy là sự đoạn trừ những tri kiến này, như vậy là sự hủy bỏ những tri kiến này.

☞ Nhưng này Aggivessana, thân này có sắc, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phân toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, cần phải được quán sát là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Khi vị ấy quán sát thân này là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã => thời thân, thân dục, thân ái, thân phục tòng được đoạn diệt.

☞ Này Aggivessana, có ba thọ này; lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

– Này Aggivessana, trong khi cảm giác lạc thọ, chính khi ấy không cảm giác khổ thọ, không cảm giác bất khổ bất lạc thọ chỉ cảm giác lạc thọ.

– Này Aggivessana, trong khi cảm giác khổ thọ, chính khi ấy không cảm giác lạc thọ, không

cảm giác bất khổ bất lạc thọ, chỉ cảm giác khổ thọ.

- Nay Aggivessana, trong khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, chính khi ấy không cảm giác lạc thọ, không cảm giác khổ thọ, chỉ cảm giác bất khổ bất lạc thọ.
- ➔ Nay Aggivessana, lạc thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt.
- ➔ Nay Aggivessana, khổ thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt.
- ➔ Nay Aggivessana, bất khổ bất lạc thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt.

Thấy vậy, này Aggivessana, vị Đa văn Thánh đệ tử *yếm ly lạc thọ, yếm ly khổ thọ, yếm ly bất khổ bất lạc thọ => Do yếm ly, vị ấy không có tham dục => Do không tham dục, vị ấy được giải thoát => Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm. Sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa". **Với tâm giải thoát như vậy, này Aggivessana, Tỷ-kheo không nói thuận theo một ai, không tranh luận với***

một ai, chỉ nói theo từ ngữ đã được dùng ở đời, không có chấp thủ (từ ngữ ấy).

Lúc bấy giờ Tôn giả Sariputta đứng sau lưng Thế Tôn và đang quạt Thế Tôn. Rồi Tôn giả Sariputta suy nghĩ như sau: "*Thế Tôn đã thuyết cho chúng ta sự đoạn trừ các pháp ấy nhờ thắng trí. Thiện Thệ đã thuyết cho chúng ta sự từ bỏ các pháp ấy nhờ thắng trí*". Khi Tôn giả Sariputta suy nghĩ như vậy, tâm (của Tôn giả) được giải thoát các lậu hoặc, không còn chấp thủ.

Còn đối với du sĩ ngoại đạo Dighanakha, pháp nhãn ly trần, vô cấu được khởi lên: "**Phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy được đoạn diệt**". Rồi du sĩ ngoại đạo Dighanakha thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư, liền bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích.

Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

127 **Thế nhập pháp, ngũ pháp, chứng pháp** **- Kinh ƯU BA LY – 56 Trung II, 79**

KINH ƯU BA LY (Upali sutam)

– Bài kinh số 56 – *Trung II, 79*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Nalanda, trong rừng Pavarikamba. Lúc bấy giờ, Nigantha Nataputta trú tại Nalanda cùng với đại chúng Nigantha (Ly Hệ Phái). Rồi Nigantha Dighatapassi (Trường Khổ Hạnh Giả), sau khi đi khát thực ở Nalanda, ăn xong, trên con đường khát thực trở về, đi đến rừng Pavarikamba, chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, nói lên những lời hỏi thăm Thế Tôn. Sau khi nói lên những lời hỏi thăm thân hữu, vị này đứng một bên. Thế Tôn nói với Nigantha Dighatapassi đang đứng một bên:

– Này Tapassi, có những ghé ngồi. Nếu ông muốn, hãy ngồi xuống.

Khi nghe nói vậy, Nigantha Dighatapassi lấy một ghé thấp, rồi ngồi xuống một bên. Và Thế Tôn

nói với Nigantha Dighatapassi đang ngồi một bên:

– *Này Tapassi, Nigantha Nataputta chủ trương có bao nhiêu nghiệp để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?*

– Hiền giả Gotama, Nigantha Nataputta không có thông lệ chủ trương nghiệp, nghiệp. Hiền giả Gotama, Nigantha Nataputta có thông lệ chủ trương phạt, phạt.

– *Này Tapassi, Nigantha Nataputta chủ trương có bao nhiêu loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?*

– Này Hiền giả Gotama, Nigantha Nataputta chủ trương có ba loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, tức là thân phạt, khẩu phạt, ý phạt.

– *Này Tapassi, nhưng có phải thân phạt khác, khẩu phạt khác, ý phạt khác?*

– Hiền giả Gotama, thân phạt khác, khẩu phạt khác, ý phạt khác.

– *Này Tapassi, ba loại phạt này, được chia chẻ như vậy, được phân biệt như vậy, Nigantha*

Nataputta chủ trương loại phạt nào tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, thân phạt chẳng, khẩu phạt chẳng, ý phạt chẳng?

– Hiền giả Gotama, ba loại phạt này được chia chẻ như vậy, được phân biệt như vậy, Nigantha Nataputta chủ trương thân phạt là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu phạt không bằng được, ý phạt không bằng được.

– Nay Tapassi, có phải Ông nói thân phạt?

– Hiền giả Gotama, tôi nói thân phạt.

– Nay Tapassi, có phải Ông nói thân phạt?

– Hiền giả Gotama, tôi nói thân phạt.

– Nay Tapassi, có phải Ông nói thân phạt?

– Hiền giả Gotama, tôi nói thân phạt.

Như vậy Thế Tôn trong cuộc đàm thoại này đã làm Nigantha Dighatapassi xác nhận cho đến lần thứ ba quan điểm (của mình).

Khi nghe nói vậy, Nigantha Dighatapassi nói với Thế Tôn:

– *Hiền giả Gotama, Hiền giả chủ trương có bao*

nhiều loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?

– Này Tapassi, Như Lai không có thông lệ chủ trương phạt, phạt. Này Tapassi, **Như Lai có thông lệ chủ trương nghiệp, nghiệp.**

– Hiền giả Gotama, Hiền giả chủ trương có bao nhiêu loại nghiệp để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?

– Này Tapassi, Ta chủ trương ba loại nghiệp để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, tức là thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp.

– Hiền giả Gotama, nhưng có phải thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác?

– Này Tapassi, thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác.

– Hiền giả Gotama, ba loại nghiệp này, được chia sẻ như vậy, được phân biệt như vậy, Hiền giả chủ trương loại nghiệp nào tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp? Thân nghiệp chẳng, khẩu nghiệp chẳng, ý nghiệp chẳng?

– Này Tapassi, ba loại nghiệp này, được chia

chẻ như vậy, được phân biệt như vậy, **Ta chủ trương ý nghiệp là tối trọng**, để tác thành ác ý, để diễn tiến ác nghiệp, thân nghiệp không bằng được, khẩu nghiệp không bằng được.

– Hiền giả Gotama, có phải Hiền giả nói ý nghiệp?

– Này Tapassi, Ta nói ý nghiệp.

– Hiền giả Gotama, có phải Hiền giả nói ý nghiệp?

– Này Tapassi, Ta nói ý nghiệp.

– Hiền giả Gotama, có phải Hiền giả nói ý nghiệp?

– Này Tapassi, Ta nói ý nghiệp.

Như vậy Nigantha Dighatapassi trong cuộc đàm thoại này, sau khi đã làm Thế Tôn xác nhận cho đến lần thứ ba quan điểm (của mình), liền từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến chỗ Nigantha Nataputta.

Lúc bấy giờ, Nigantha Nataputta đang ngồi với một đại chúng gia chủ rất đông, do Upali (Ưu-ba-ly) người thuộc làng Balaka cầm đầu. Nigantha

Nataputta thấy Nigantha Dighatapassi từ xa đi đến, sau khi thấy, liền nói với Nigantha Dighatapassi:

– Này Tapassi, Ông từ đâu đi đến, trong ban ngày (nóng bức) như thế này?

– Thưa Tôn giả, con từ Sa-môn Gotama đi đến đây.

– Này Tapassi, Ông có đàm luận gì với Sa-môn Gotama không?

– Thưa Tôn giả, con cùng với Sa-môn Gotama có cuộc đàm thoại.

– Này Tapassi, cuộc đàm thoại của ông với Sa-môn Gotama như thế nào?

Rồi Nigantha Dighatapassi kể lại cho Nigantha Nataputta nghe một cách đầy đủ cuộc đàm thoại với Sa-môn Gotama. Được nghe vậy, Nigantha Nataputta nói với Dighatapassi:

– Tốt lành thay, tốt lành thay, Tapassi! Sa-môn Gotama đã được Nigantha Dighatapassi trả lời, một đệ tử đa văn đã hiểu đúng đắn lời dạy bậc Đạo sư. Làm sao một ý phạt hèn kém có thể sáng chói, so sánh với thân phật cường đại này được? Thân phật

thật là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu nghiệp không bằng được, ý nghiệp không bằng được.

Khi được nói vậy, gia chủ Upali thưa với Nigantha Nataputta:

– Tốt lành thay, tốt lành thay, Tôn giả Tapassi! Sa-môn Gotama đã được Tôn giả Tapassi trả lời như vậy, một đệ tử đa văn đã hiểu đúng đắn lời dạy bậc Đạo sư. Làm sao một ý phạt hèn kém có thể sáng chói, so sánh với thân phật cường đại này được? Thân phật thật tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu phật không bằng được, ý phật không bằng được.

Thưa Tôn giả, con sẽ đi và luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này. Nếu Sa-môn Gotama làm con xác nhận như đã làm Tôn giả Tapassi xác nhận thì cũng như một người lực sĩ tay nắm chặt lông một con cừu có lông dài, có thể kéo tới, đặc lui, vờn quanh; cũng vậy con sẽ dùng lời nói với lời nói, kéo tới, đặc lui, vờn quanh Sa-môn Gotama.

Cũng như một người lực sĩ nấu rượu, sau khi nhận chìm một thùng rượu lớn xuống hồ nước sâu, nắm một góc thùng, có thể kéo tới, đặc lui, vờn

quanh; cũng vậy, con dùng lời nói với lời nói, kéo tới, dặc lui, vằn quanh Sa-môn Gotama.

Cũng như một lực sĩ nghiện rượu sống phóng đảng, sau khi nắm góc một cái sàng, lắc qua, lắc lại, lắc xoay quanh; cũng vậy, con sẽ dùng lời nói với lời nói, lắc qua, lắc lại, lắc xoay quanh Sa-môn Gotama.

Và cũng như một con voi lớn sáu mươi tuổi, sau khi lặn xuống một hồ nước sâu, lại chơi trò phun nước; cũng vậy, con nghĩ, con sẽ chơi trò chơi phun nước với Sa-môn Gotama. Thừa Tôn giả, con sẽ đi và luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này.

– Này Gia chủ, hãy đi và luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này. Vì rằng, này Gia chủ, chỉ có ta hay Nigantha Dighatapassi, hay Ông mới có thể luận chiến với Sa-môn Gotama.

Khi được nói vậy, Nigantha Dighatapassi nói với Nigantha Nataputta:

– Thừa Tôn giả, con không được hài lòng để Gia chủ Upali luận chiến với Sa-môn Gotama. Thừa Tôn giả, Sa-môn Gotama là một huyễn sư, Sa-môn Gotama biết được huyễn thuật lôi cuốn những đệ tử ngoại đạo.

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp Gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama; có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali. Nay Gia chủ, hãy đi luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này chỉ có ta, Nigantha Dighatapassi, hay Ông mới có thể luận chiến với Sa-môn Gotama.

Lần thứ hai... (như trên)... Lần thứ ba... Nigantha Dighatapassi nói với Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, con không được hài lòng để gia chủ Upali luận chiến với Sa-môn Gotama. Thưa Tôn giả, Sa-môn Gotama là một huyễn sư, Sa-môn Gotama biết được huyễn thuật lời cuốn những đệ tử ngoại đạo.

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama! Có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali. Nay Gia chủ, hãy đi luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này; chỉ có ta, Nigantha Dighatapassi và Ông mới có thể luận chiến với Sa-môn Gotama!

– Thưa vâng, Tôn giả.

Gia chủ Upali vâng đáp Nigantha Nataputta, từ

chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Nigantha Nataputta, thân hữu hướng về Nigantha Nataputta, và đi đến rừng xoài Pavarika, chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, gia chủ Upali bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, không biết Nigantha Dighatapassi có đến tại đây không?

– Này gia chủ, Nigantha Dighatapassi có đến tại đây.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có đàm thoại với Nigantha Dighatapassi không?

– Này Gia chủ, Ta có đàm thoại với Nigantha Dighatapassi.

– Bạch Thế Tôn, cuộc đàm thoại của Thế Tôn với Nigantha Dighatapassi như thế nào?

Rồi Thế Tôn kể lại cho gia chủ Upali một cách đầy đủ cuộc đàm thoại với Nigantha Dighatapassi, Khi nghe nói vậy, gia chủ Upali bạch Thế Tôn:

– Tốt lành thay, tốt lành thay, Tôn giả Tapassi! Thế Tôn đã được Tôn giả Tapassi trả lời như vậy, một đệ tử đa văn đã hiểu đúng đắn lời dạy bậc Đạo

sư. Làm sao một ý phạt hèn kém có thể sáng chói, so sánh với thân phạt cường đại này được, vì thân phạt thật là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp? Khâu nghiệp không bằng được, ý nghiệp không bằng được.

– Nay Gia chủ, nếu Ông có thể đàm luận y cứ trên sự thật, thời ở đây, có thể có cuộc đàm thoại giữa chúng ta.

– Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây có cuộc đàm thoại giữa chúng ta.

☞ *Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người Nigantha, bệnh hoạn, đau khổ, bao bệnh, từ chối nước lạnh, chỉ uống nước nóng. Người này, vì không được nước lạnh nên mệnh chung. Này Gia chủ, theo Nigantha Nataputta, người ấy tái sanh chỗ nào?*

– Bạch Thế Tôn, có hàng chư Thiên được gọi là Manosatta (Ý Trước thiên). Ở đấy người ấy tái sanh. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì người ấy chấp trước ý nên mệnh chung.

– Gia chủ, Gia chủ! Sau khi suy nghĩ kỹ. Ông hãy trả lời. Lời nói trước của Ông không phù hợp lời

nói sau của Ông! Lời nói sau của Ông không phù hợp lời nói trước của Ông! Thế mà này Gia chủ, Ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm thoại giữa chúng ta".

– Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có nói như vậy, nhưng chỉ có thân phạt mới là tội trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp. Khẩu phạt không bằng được; ý phạt không bằng được.

☞ *Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người Nigantha được phòng hộ với sự phòng hộ của bốn loại chế giới, hoàn toàn tự chế ngự đối với nước, hoàn toàn chú tâm (vào sự chế ngự) đối với nước, hoàn toàn loại trừ đối với nước, hoàn toàn tham nhuần (với sự chế ngự) đối với nước. Vì này khi đi qua, khi đi lại, đã giết hại rất nhiều sinh vật nhỏ bé. Này Gia chủ, theo Nigantha Nataputta, người ấy tho quả báo nào?*

– Bạch Thế Tôn, vì không cố ý, nên Nigantha Nataputta xem không phải là một đại tội.

– Này Gia chủ, nếu người ấy có cố ý thì như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, là một đại tội.

– *Này Gia chủ, ý thức (ấy), Nigantha Nataputta xem thuộc về loại gì?*

– Bạch Thế Tôn thuộc về ý phát.

– Gia chủ, Gia chủ! Sau khi suy nghĩ. Ông hãy trả lời. Lời nói trước của Ông không phù hợp với lời nói sau của Ông, lời nói sau của Ông không phù hợp lời nói trước của Ông. Thế mà này Gia chủ, Ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận, y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm thoại giữa chúng ta".

– Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có nói như vậy, nhưng chỉ có thân phật mới là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp. Khẩu phật không bằng được, ý phật không bằng được.

– Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Có phải Nalanda này là phú cường và phồn thịnh, dân chúng đông đúc, nhân dân trù mật?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Nalanda này là phú cường và phồn thịnh, dân chúng đông đúc, nhân dân trù mật.

☞ *Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người đi đến, với thanh kiếm đưa cao, người này nói:*

"Trong một sát na, trong một giây phút, ta sẽ làm cho tất cả mọi người ở tại Nalanda này thành một đồng thịt, thành một khối thịt". Nay Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể trong một sát na, trong một giây phút, làm cho tất cả mọi người ở tại Nalanda này thành một đồng thịt, thành một khối thịt không?

– Bạch Thế Tôn, cho đến mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người, năm mươi người cũng không có thể, trong một sát na, trong một giây phút, làm cho tất cả mọi người ở tại Nalanda này thành một đồng thịt, thành một khối thịt, huống nữa là chỉ một người nhỏ bé sao có thể sáng chói (làm thành) được?

– Nay Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn đến, có thần thông lực, có tâm tự tại. Vị này nói như sau. "Ta sẽ làm cho Nalanda này trở thành tro tàn với một tâm sân hận". Nay Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn ấy, có thần thông lực, có tâm tự tại, có thể làm cho Nalanda này trở thành tro tàn với một tâm sân hận không?

– Bạch Thế Tôn, cho đến mười Nalanda, hai mươi, ba mươi Nalanda, bốn mươi Nalanda, năm

mười Nalanda, vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn ấy có thần thông lực, có tâm tự tại có thể làm cho các Nalanda ấy trở thành tro tàn với một tâm sân hận, huông nữa là một Nalanda nhỏ bé này, sao có thể chói sáng được (khỏi bị trở thành tro tàn được)?

– Gia chủ, Gia chủ! Sau khi suy nghĩ, Ông hãy trả lời. Lời nói trước của Ông không phù hợp lời nói sau của Ông! Lời nói sau của Ông không phù hợp lời nói trước của Ông! Thế mà này Gia chủ, Ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm luận giữa chúng ta".

– Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có nói như vậy, nhưng chỉ có thân phật mới là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp. Khâu phật không bằng được, ý phật không bằng được.

☞ *Này Gia chủ. Ông nghĩ thế nào? Ông có nghe các rừng Dandaka, Kalinga, Mejjha, Matanga đã trở lại thành rừng như trước?*

– Bạch Thế Tôn con có nghe: Các rừng Dandaka, Kalinga, Mejjha, Matanga đã trở lại thành rừng (như trước).

– Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Có thể Ông

được nghe vì sao các rừng Dandaka, Kalinga, Mejha, Matanga trở thành rừng như trước?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe, các rừng Dandaka, Kalinga, Mejha, Matanga trở lại thành rừng (như trước) vì tâm sân hận các vị ẩn sĩ.

– Gia chủ, Gia chủ! Sau khi suy nghĩ Ông hãy trả lời. Lời nói trước của Ông không phù hợp lời nói sau của Ông, lời nói sau của Ông không phù hợp lời nói trước của Ông. Thế mà này Gia chủ, Ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm luận giữa chúng ta".

– Bạch Thế Tôn, với ví dụ đầu tiên, con đã hoan hỷ, con đã thỏa mãn. Nhưng vì con muốn nghe các vấn đáp sai biệt của Thế Tôn, nên con mới nghĩ đóng vai trò đối lập với Thế Tôn.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện, trình bày, giải thích. Vậy nay con quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-

kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

– Này Gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông.

– Bạch Thế Tôn, con càng bội phần hoan hỷ, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: "Này Gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông". Bạch Thế Tôn, nếu các ngoại đạo được con làm đệ tử, họ sẽ trương cờ lên và tuyên bố: "Gia chủ Upali đã trở thành đệ tử chúng tôi". Nhưng Thế Tôn lại nói với con: "Này Gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông". Bạch Thế Tôn, lần thứ hai, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

– Này Gia chủ, đã từ lâu gia đình Ông như là giếng nước mưa nguồn cho các người Nigantha. Hãy cúng dường các món ăn cho những ai đến với Ông!

– Bạch Thế Tôn, con lại bội phần hoan hỷ, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: "Này Gia chủ, đã từ lâu gia đình của Ông như là giếng nước mưa nguồn cho các người Nigantha. Hãy

cúng dường các món ăn cho những ai đến với các Ông". Bạch Thế Tôn, con nghe như sau: "Sa-môn Gotama đã nói: "Chỉ bố thí cho Ta, chớ bố thí cho các người khác. Chỉ bố thí cho các đệ tử Ta, chớ bố thí cho đệ tử những người khác. Chỉ bố thí cho Ta mới có phước lớn, bố thí những người khác không được phước lớn. Chỉ bố thí cho những đệ tử của Ta mới có phước lớn, bố thí cho những đệ tử những người khác không có phước lớn". Nhưng Thế Tôn lại khuyến khích con bố thí cho các vị Nigantha. Bạch Thế Tôn, và chúng con ở đây sẽ biết thời nên làm. Bạch Thế Tôn, lần thứ ba, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Rồi Thế Tôn **thuận thứ thuyết pháp** cho gia chủ Upali, tức là thuyết về bố thí, thuyết về giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô các dục lạc, những lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết gia chủ Upali tâm đã sẵn sàng, tâm đã nhu thuận, tâm không triền cái, tâm được phấn khởi, tâm được hoan hỷ, Ngài mới thuyết những pháp được chư Phật tán dương đề cao: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như một tấm vải thuần bạch, các chấm đen được gột rửa rất dễ thấm màu nhuộm. Cũng vậy, chính tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn xa trần

ly cầu khởi lên với gia chủ Upali: **"Phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy đều bị tiêu diệt"**. Rồi gia chủ Upali, thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, đạt được vô sở úy, không y cứ người khác đối với các pháp bậc Đạo sư. Gia chủ Upali bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi, chúng con có nhiều công việc, có nhiều phận sự phải làm.

– Nay Gia chủ, Ông hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Gia chủ Upali hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi đi về trú xá của mình, sau khi đến bên nói với người giữ cửa như sau:

– Từ nay trở đi, này người gác cửa, ta sẽ đóng cửa đối với các nam Nigantha, các nữ Nigantha. Cửa sẽ không đóng đối với các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ của Thế Tôn. Nếu có vị Nigantha nào đến, Ông hãy nói vị ấy như sau: "Tôn giả hãy đứng lại, chớ bước vào! Từ nay trở đi, Gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Cửa sẽ đóng đối với nam Nigantha, nữ Nigantha. Cửa sẽ không đóng đối với các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Thế Tôn. Nếu Tôn giả cần đồ ăn, hãy đứng

ở đây. Và có người sẽ đem ra ở đây cho Tôn giả"

– Thừa vâng, Tôn giả.

Người giữ cửa vâng đáp gia chủ Upali.

Nigantha Dighatapassi nghe như sau: "Gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama". Rồi Nigantha Dighatapassi đi đến chỗ Nigantha Nataputta ở, sau khi đến liền nói với Nigantha Nataputta:

– Thừa Tôn giả, tôi có nghe gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama.

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Và có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali.

Lần thứ hai... (như trên)... Lần thứ ba Nigantha Dighatapassi nói với Nigantha Nataputta:

– Thừa Tôn giả, tôi có nghe gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama.

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-

môn Gotama. Có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali.

– Thưa Tôn giả, tôi sẽ đi và tìm biết gia chủ Upali có trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama hay không.

– Nay Tapassi, hãy đi và tìm biết gia chủ Upali có trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama hay không.

Rồi Nigantha Dighatapassi đi đến trú xá của gia chủ Upali. Người giữ cửa thấy Nigantha Dighatapassi ở đường xa đi đến, khi thấy vậy liền nói với Nigantha Dighatapassi:

– Thưa Tôn giả, hãy đứng ở đây, chớ có bước vào! Từ nay trở đi, gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Cửa sẽ đóng đối với nam Nigantha, nữ Nigantha. Cửa sẽ không đóng đối với các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Thế Tôn. Nếu Tôn giả cần đồ ăn, hãy đứng ở đây. Có người sẽ đem ra ở đây cho Tôn giả.

– Nay Hiền giả, ta không cần đồ ăn.

Nói xong, Nigantha Dighatapassi đi trở lui, đến chỗ Nigantha Nataputta ở, sau khi đến, liền thưa với Nigantha Nataputta:

– Thừa Tôn giả, sự thật là gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Về vấn đề này, tôi đã không đồng ý với Tôn giả và đã nói: "Thừa Tôn giả, tôi không được hài lòng để gia chủ Upali luận chiến với Sa-môn Gotama. Thừa Tôn giả, Sa-môn Gotama là một huyễn thuật sư, Sa-môn Gotama biết được huyễn thuật lôi cuốn những đệ tử các ngoại đạo". Thừa Tôn giả, nay gia chủ Upali của Tôn giả đã bị huyễn thuật của Sa-môn Gotama lôi cuốn rồi.

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali.

Lần thứ hai... (như trên)... Lần thứ ba, Nigantha Dighatapassi nói với Nigantha Nataputta:

– Thừa Tôn giả, sự thật là gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Về vấn đề này, tôi đã không đồng ý với Tôn giả và đã nói: "Thừa Tôn giả, tôi không được yên lòng để gia chủ Upali luận chiến với Sa-môn Gotama. Thừa Tôn giả, Sa-môn Gotama là một huyễn thuật sư. Sa-môn Gotama biết được huyễn thuật lôi cuốn những đệ tử các ngoại đạo. Thừa Tôn giả, nay gia chủ Upali của Tôn giả đã bị huyễn thuật của Sa-môn Gotama lôi cuốn".

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali. Nay Tapassi, ta sẽ đi và tìm biết gia chủ Upali đã trở thành đệ tử Sa-môn Gotama hay không.

Rồi Nigantha Nataputta cùng với đại chúng Nigantha đi đến trú xá của gia chủ Upali. Người giữ cửa thấy Nigantha Nataputta từ xa đi đến, khi thấy vậy liền nói với Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, hãy đứng ở đây, chớ có bước vào! Từ nay trở đi, gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Cửa sẽ đóng đối với các nam Nigantha, các nữ Nigantha. Cửa sẽ không đóng đối với các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Thế Tôn. Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả cần các món ăn, hãy đứng ở đây. Có người sẽ đem ra ở đây cho Tôn giả.

– Nay người giữ cửa, hãy đi đến gia chủ Upali, sau khi đến, hãy thưa với gia chủ như sau: "Thưa Tôn giả, Nigantha Nataputta cùng với đại chúng Nigantha đang đứng ở ngoài ngưỡng cửa và muốn yết kiến Tôn giả".

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người giữ cửa vâng đáp Nigantha Nataputta, đi đến gia chủ Upali, sau khi đến liền thưa với gia chủ Upali:

– Thưa Tôn giả, có Nigantha Nataputta cùng với đại chúng Nigantha đang đứng ở ngoài ngưỡng cửa và muốn yết kiến Tôn giả.

– Nay Người giữ cửa, hãy vào soạn các chỗ ngồi trong căn phòng chính giữa có cửa.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người giữ cửa vâng đáp gia chủ Upali, sau khi cho vào soạn các chỗ ngồi trong căn phòng chính giữa có cửa, đi đến gia chủ Upali, sau khi đến, liền nói với gia chủ Upali:

– Thưa Tôn giả, các chỗ ngồi trong căn phòng chính giữa có cửa đã được sửa soạn. Tôn giả hãy làm những gì Tôn giả nghĩ là phải thời.

Rồi gia chủ Upali đi đến căn phòng chính giữa có cửa, sau khi đến tại chỗ ngồi nào là tối thượng, tối tôn, tối cao và tối thắng, sau khi ngồi trên chỗ ấy, liền bảo người gác cửa:

– Nay Người giữ cửa, hãy đi đến Nigantha

Nataputta: "Thưa Tôn giả, gia chủ Upali có nói: "Thưa Tôn giả, nếu muốn, Tôn giả hãy vào".

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người giữ cửa vâng đáp gia chủ Upali, đi đến Nigantha Nataputta, sau khi đến, liền nói với Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, Gia chủ Upali có nói: "Thưa Tôn giả, nếu muốn, Tôn giả hãy vào".

Rồi Nigantha Nataputta với đại chúng Nigantha đi đến căn phòng ở giữa, có cửa.

Gia chủ Upali lúc trước mỗi khi thấy Nigantha Nataputta từ xa đi đến, sau khi thấy liền đi ra nghinh tiếp vào tại chỗ nào có chỗ ngồi tối thượng, tối tôn, tối cao và tối thắng, liền lấy thượng y lau chỗ ngồi ấy, giữ lấy và mời Nigantha Nataputta ngồi trên chỗ ngồi ấy. Nhưng tại chỗ có chỗ ngồi tối thượng, tối tôn, tối cao và tối thắng, gia chủ Upali lại ngồi trên chỗ ngồi ấy và nói với Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, có những chỗ ngồi. Nếu muốn, Tôn giả hãy ngồi.

Khi nghe nói vậy, Nigantha Nataputta nói với

gia chủ Upali:

– Này Gia chủ, Ông thật là điên cuồng. Này Gia chủ, Ông thật là ngu si. Ông nói: "Thưa Tôn giả, tôi sẽ đi luận chiến với Sa-môn Gotama". Sau khi đi, Ông đã trở về bị trói buộc trong lưới lớn luận nghị. Này Gia chủ, ví như người đi với hai cao hoàn, đi về với cao hoàn bị thiến. Này Gia chủ, như người đi với hai con mắt, đi về với hai con mắt bị khoét. Cũng vậy, này Gia chủ, Ông nói: "Thưa Tôn giả, con sẽ đi luận chiến với Sa-môn Gotama, sau khi đi đã trở về bị trói buộc trong lưới lớn luận nghị". Này Gia chủ, Ông đã bị huyền thuật của Sa-môn Gotama lôi cuốn rồi.

– Thưa Tôn giả, vì diệu thay, huyền thuật lôi cuốn này! Tốt lành thay, huyền thuật lôi cuốn này! Thưa Tôn giả, nếu bà con huyết thống thân yêu của tôi được huyền thuật này lôi cuốn, thời thật là an lạc, hạnh phúc lâu dài cho các bà con huyết thống của tôi. Thưa Tôn giả, nếu tất cả các người Sát đế ly được huyền thuật này lôi cuốn, thời thật là an lạc hạnh phúc lâu dài cho tất cả các vị Sát-đế-ly. Thưa Tôn giả, nếu tất cả các người Bà-la-môn... (như trên)... nếu tất cả các người Vessa (Phệ-xá)... Thưa Tôn giả, nếu tất cả các người Sudda (Thủ-đà) được huyền thuật này lôi cuốn, thời thật là an lạc, và hạnh phúc

lâu dài cho tất cả các người Sudda. Thừa Tôn giả, nếu thế giới với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người được huyền thuật này lôi cuốn, thời như vậy là an lạc, hạnh phúc lâu dài cho thế giới với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người.

Thừa Tôn giả, tôi sẽ nói cho Tôn giả ví dụ này. Ở đây, những người có trí nhờ ví dụ sẽ biết rõ ý nghĩa của lời nói.

Thừa Tôn giả, thuở xưa có người Bà-la-môn đã về già tuổi đã lớn, bậc trưởng lão, có người vợ còn trẻ, trong tuổi thanh xuân, (người vợ này) đang mang thai, sắp đến kỳ sinh nở. Thừa Tôn giả, người vợ trẻ nói với người Bà-la-môn: "Này Bà-la-môn, hãy đi phố mua một khỉ con đực để cùng chơi với con tôi".

Thừa Tôn giả, được nói vậy, người Bà-la-môn nói với cô vợ trẻ: "Này mình, hãy chờ cho đến khi mình sanh. Nếu mình sanh con trai, tôi sẽ đi chợ mua một con khỉ con đực mang về để cùng chơi với đứa con trai của mình. Còn nếu mình sanh con gái, tôi sẽ đi chợ mua một con khỉ con cái và mang về để cùng chơi với đứa con gái của mình".

Thưa Tôn giả, lần thứ hai, người vợ trẻ nói với người Bà-la-môn ấy: "Này Bà-la-môn, hãy đi phố mua một con khỉ con đực để cùng chơi với con tôi". Thưa Tôn giả, lần thứ hai, người Bà-la-môn ấy nói với cô vợ trẻ: "Này mình, hãy chờ cho đến khi mình sanh. Nếu mình sanh con trai, tôi sẽ đi chợ mua một con khỉ con đực mang về để cùng chơi với đứa con trai của mình. Còn nếu mình sanh con gái, tôi sẽ đi chợ mua một con khỉ con cái và mang về để cùng chơi với đứa con gái của mình".

Thưa Tôn giả, lần thứ ba, người vợ trẻ nói với người Bà-la-môn ấy: "Này Bà-la-môn, hãy đi phố mua một con khỉ con đực để cùng chơi với con tôi". Thưa Tôn giả, người Bà-la-môn ấy vì quá yêu thương, quá ái luyến cô vợ trẻ của mình nên đi chợ mua một con khỉ đực, đem về và nói với cô vợ trẻ: "Này mình, đây là con khỉ con đực, tôi mua ở chợ và mang về, hãy để nó cùng chơi với con của mình".

Thưa Tôn giả, khi nghe nói vậy cô vợ trẻ ấy nói với người Bà-la-môn: "Này Bà-la-môn hãy đi, đem con khỉ con đực này đến Rattapani con người thợ nhuộm, sau khi đến hãy nói với Rattapani con người thợ nhuộm: *"Này bạn Rattapani, tôi muốn con khỉ đực này được nhuộm với màu vàng, được khéo đập, khéo ủi xung quanh và cả hai phía được làm thành*

mềm dịu"

Thưa Tôn giả, người Bà-la-môn ấy vì quá yêu thương, quá ái luyến cô vợ trẻ của mình đem con khỉ con đực này đi đến Rattapani con người thợ nhuộm, khi đến xong liền nói với Rattapani, con người thợ nhuộm: "Này bạn Rattapani, tôi muốn con khỉ đực này được nhuộm màu vàng, được khéo đập, khéo ủi xung quanh, và cả hai phía được làm thành mềm dịu". Thưa Tôn giả, được nói vậy, Rattapani con người thợ nhuộm nói với người Bà-la-môn kia: *"Này Tôn giả, con khỉ con đực này có thể nhuộm được, nhưng không có thể đập được, ủi được, không có thể làm thành mềm dịu"*.

Cũng vậy, *thưa Tôn giả, là lý thuyết của những Nigantha ngu si, lý thuyết này có thể ăn nhuộm đối với những người ngu si, chứ không ăn nhuộm đối với người có trí.*

Thưa Tôn giả, người Bà-la-môn ấy, sau một thời gian, lấy một cặp áo mới, đi đến chỗ Rattapani, con người thợ nhuộm, sau khi đến, nói với Rattapani, con người thợ nhuộm: "Này Rattapani, tôi muốn nhuộm cặp áo mới này với màu nhuộm màu vàng, được đập và ủi xung quanh, và cả hai phía được làm thành mềm dịu". Thưa Tôn giả, được nói vậy, Rattapani

con người thợ nhuộm nói với người Bà-la-môn ấy:
"Thưa Tôn giả, cặp áo mới này của Tôn giả có thể nhuộm được, có thể đập và ủi xung quanh và có thể làm thành mềm dịu".

Cũng vậy, thưa Tôn giả, là lý thuyết của Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, có thể ăn nhuộm đối với người có trí, không phải đối với người ngu si, có thể đập được, ủi được, và có thể khiến trở thành mềm dịu".

– Này Gia chủ, quần chúng này gồm cả các vua chưa được biết như sau: "Gia chủ Upali là đệ tử của Nigantha Nataputta". Này Gia chủ, nay chúng tôi xem Gia chủ là đệ tử của ai?

Được nói vậy, gia chủ Upali từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y qua một bên vai, chấp tay vái chào Thế Tôn và nói với Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, hãy nghe, tôi là đệ tử của ai:

*Bậc Trí sáng suốt,
Đoạn trừ si ám.
Phá tan hoang vu,
Chiến thắng địch quân.
Đau khổ đoạn diệt,
Tâm an bình tĩnh.*

*Giới đức trưởng thành,
Tuệ đức viên minh.
Phiền não nội tịnh,
Rời trần ly cấu.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.*

*Do dự đoạn trừ,
Biết vừa, biết đủ,
Thế lợi tuyệt không,
Tâm tư hoan hỷ,
Làm Sa-môn hạnh,
Sanh ở nhân gian,
Thân này sau cùng,
Làm người nhân thế.
Bậc Thánh cao nhất,
Rời trần ly cấu.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.*

*Không tâm do dự,
Khéo hành thiện xảo.
Bậc trì giới luật,
Điều ngự tối thượng.
Là Vô Thượng Sĩ,
Sáng chói hào quang,
Nghĩ hoặc đoạn trừ,*

*Soi sáng mọi nơi.
Kiêu mạn đoạn tận,
Vô nhân anh hùng.
Tôi thật chính là
Đệ tử Thế Tôn.*

*Ngài bậc Nguru Vương,
Âm tư vô lượng,
Thâm sâu khôn lường
Bậc thánh Mâu ni,
Tác thành an ổn,
Bậc có Trí tuệ,
An trú Pháp vị,
Tự phòng hộ thân,
Vượt qua tham ái,
Bậc Giải Thoát Trí.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.*

*Ngài bậc Long Vương,
Sống xa thế tục.
Kiết sử đoạn trừ,
Siêu đẳng giải thoát.
Biện tài từ tốn,
Trong sạch thanh tịnh,
Cờ xí triệt hạ,
Tham ái đoạn trừ,*

*Điều ngự nhiếp phục,
Hý luận diệt tận.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.*

*Đệ thất tiên nhân.
Không tin lời đồn.
Ba mình thành tựu,
Đạt quả Phạm thiên.
Tắm sạch thân tâm,
Văn cú thông đạt.
Khinh an yên ổn,
Tránh trí chứng đắc.
Công phá thành trì,
Thiên chủ Đế thích.
Tôi chính thật là,
Đệ tử Thế Tôn.*

*Ngài bậc Thánh Giả,
Tự tu tự tập.
Chứng điều phải chứng,
Thuyết giảng hiện tại,
Chánh niệm tỉnh giác,
Thiền quán tinh tế
Không thiên tà dục,
Không nuôi tâm hận.
Giao động không còn,*

*Thân tâm tự tại.
Tôi chính thật là
Đệ tử Thế Tôn.*

*Sống theo chánh đạo,
Trầm tư Thiền tưởng,
Nội tâm không nhiễm,
Thanh tịnh trong sạch,
Không trước không chấp,
Không nguyện không cầu,
Độc cư độc tọa,
Chứng tối thượng vị,
Đã vượt qua dòng,
Giúp người vượt qua.
Tôi thật chính là
Đệ tử Thế Tôn.*

*Bậc chứng tịch tịnh,
Trí tuệ vô biên,
Trí tuệ quảng đại,
Tham ái đoạn tận.
Ngài là Như Lai,
Ngài là Thiệ Thệ,
Không người sánh bằng,
Không ai đồng đẳng,
Giàu đức tự tin,
Viên mãn thành tựu.*

*Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.*

*Tham ái đoạn tận,
Giác ngộ chánh giác,
Khởi mù tiêu tan,
Ô uế trừ sạch
Xứng đáng cúng dường,
Dạ xoa thanh tịnh.
Vô thượng Thánh nhân,
Không thể cân lường
Đại nhân Đại giác
Đạt đến danh xưng.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.*

– Này Gia chủ, Ông chất chứa những ưu điểm này về Sa-môn Gotama từ bao giờ?

– Thừa Tôn giả, ví như một đồng hoa, có nhiều loại khác nhau; người làm vòng hoa thiện xảo hay người đệ tử làm vòng hoa có thể kết thành một vòng hoa có những loại hoa sai biệt. Cũng vậy, thừa Tôn giả, Thế Tôn có nhiều đức tánh, có hàng trăm đức tánh. Thừa Tôn giả, và **ai lại không tán thán những bậc đáng tán thán!**

Vì Nigantha Nataputta không thể nghe lời tán

thán Thế Tôn, nên ngay tại chỗ ấy đã thở ra huyết nóng.

128 Thở nhập vào bất tử - Kinh NIỆM CHẾT 2 – Tăng III, 49

NIỆM CHẾT 2 – Tăng III, 49

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Nàdika, tại Gijjakàvasatha. Tại đây, Thế Tôn dạy các Tỷ-kheo:
2. - Niệm chết, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn thời có quả lớn, có lợi ích lớn, thở nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử.

Tu tập niệm chết như thế nào, làm cho sung mãn niệm chết như thế nào thời đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thở nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử?

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi ngày vừa tàn và đêm vừa an trú, suy tư như sau: "*Các nhân duyên đem đến cái chết cho ta rất nhiều: "Con rắn có thể cắn ta, con bò cạp có thể cắn ta, hay con rít có thể cắn ta. Do vậy, ta có thể mệnh chung. Như vậy sẽ trở ngại cho ta. Ta có thể vấp ngã và té xuống. Cơm ta ăn có thể làm ta mắc bệnh khi ăn, hay mật có thể khuấy động ta, đờm có thể khuấy động ta. Các gió như kiếm có thể khuấy động ta. Và như vậy có thể làm ta mệnh chung. Như vậy sẽ là chướng ngại cho ta".*

- Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy xét như sau: *"Nếu ta còn có những pháp ác bất thiện chưa đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta"*.
- ➔ Nếu Tỷ-kheo trong khi suy xét như vậy, biết được như sau: *"Ta có những pháp ác bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta"*, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các pháp ác bất thiện ấy, cần phải **tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thói chuyển, chánh niệm và tỉnh giác.**
- Ví như, nay các Tỷ-kheo, áo bị cháy hay đầu bị cháy, thời để dập tắt áo ấy hay đầu ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thói chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các ác bất thiện pháp ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thói chuyển, chánh niệm và tỉnh giác.
- ➔ Nếu Tỷ-kheo ấy, trong khi suy xét, biết được như sau: *"Ta không có những pháp ác bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta"*. Nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy **cần phải sống hoan hỷ, hân**

hoan, ngày đêm cần phải học tập trong các thiện pháp.

❖ Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đêm vừa tàn và ngày vừa an trú, suy tư như sau: *"Các nhân duyên đem đến cái chết cho ta rất nhiều: "Con rắn có thể cắn ta, con bò cạp có thể cắn ta, hay con rít có thể cắn ta. Do vậy, ta có thể mệnh chung. Như vậy sẽ là chướng ngại cho ta. Ta có thể vấp ngã và té xuống. Com ta ăn có thể làm ta mắc bệnh khi ăn, hay mật có thể khuấy động ta, hay đàm có thể khuấy động ta. Các gió như kiếm có thể khuấy động ta. Và như vậy có thể làm ta mệnh chung. Như vậy sẽ là chướng ngại cho ta".*

- Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy xét như sau: "Nếu ta còn có những pháp ác bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung trong ngày hôm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta".
- ➔ Nếu Tỷ-kheo trong khi suy xét như vậy, biết được như sau: *"Ta có những pháp ác bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung ngày hôm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta"*, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các pháp ác bất thiện ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thói chuyễn, chánh niệm và tỉnh giác.

- Ví như, này các Tỷ-kheo, áo bị cháy hay đầu bị cháy, thời để dập tắt áo ấy hay đầu ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thoái chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các ác bất thiện pháp ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thoái chuyển, chánh niệm và tỉnh giác.
- ➔ Nếu Tỷ-kheo ấy, trong khi suy xét, biết được như sau: "Ta không có những pháp ác bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung ngày hôm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta". Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy cần phải sống hoan hỷ, hân hoan, ngày đêm cần phải học tập trong các thiện pháp.

Này các Tỷ-kheo, niệm chết, tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy thời được quả lớn, được lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử.

129 Thể nhập vào bất tử - Kinh Thắng Trí – Tương V, 86

Thắng Trí – *Tương V*, 86

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba loại tâm cầu. Thế nào là ba?

- Tâm cầu về **dục**,
- Tâm cầu về **hữu**,
- Tâm cầu về **Phạm hạnh**.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba tâm cầu. **Chính do thắng trí ba tâm cầu này mà Thánh đạo tám ngành này được tu tập.**

Thế nào là Thánh đạo tám ngành được tu tập?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.** Chính do thắng trí ba tâm cầu này mà **Thánh đạo Tám ngành** này được tu tập.

4-5) ... Tu tập chánh định, với cứu cánh là đoạn tận tham, với cứu cánh là đoạn tận sân, với cứu cánh là đoạn tận si.

6-7) ... Tu tập chánh định, thể nhập vào bất tử, với mục đích là bất tử, với cứu cánh là bất tử.

8-9) ... Tu tập chánh định, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

130 Thể nhập vào bát tử - Kinh TUỞNG 1 – Tăng III, 342

TUỞNG 1 – Tăng III, 342

1. - Có **bảy tướng** này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bát tử, lấy bát tử làm cứu cánh.

2. Thế nào là bảy?

- Tướng bất tịnh,
- Tướng chết,
- Tướng nhàm chán đối với các món ăn,
- Tướng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới,
- Tướng vô thường,
- Tướng khổ trong vô thường,
- Tướng vô ngã trong khổ.

Bảy tướng này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bát tử, lấy bát tử làm cứu cánh.

131 Thể nhập vào bất động - Kinh BẤT ĐỘNG – Tăng II, 503

BẤT ĐỘNG – Tăng II, 503

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu thể nhập vào bất động.

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được **ngĩa** vô ngại giải,
- Đạt được **pháp** vô ngại giải,
- Đạt được **từ** vô ngại giải,
- Đạt được **biện tài** vô ngại giải,
- Quán sát tâm như đã giải thoát.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu thể nhập vào bất động.

132 Thở nhập vào bất động - Kinh NGHE PHÁP – Tăng II, 503

NGHE PHÁP – Tăng II, 503

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thực hành **Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.**

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **muốn không có nhiều**, công việc không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời,
- **Ăn uống ít**, không chuyên lo về bao tử;
- **Ít thụ miên, chuyên chú trong giác tỉnh;**
- **Nghe nhiều**, thọ trì nhiều, tích lũy điều đã nghe; các pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, các pháp ấy, Tỷ-kheo đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến;
- **Quán sát tâm như đã được giải thoát.**

Thánh tự năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.

NÓI CHUYỆN – Tăng II, 504

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập **Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.**

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **muốn không có nhiều**, việc làm không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời;
- **Ăn uống ít**, không chuyên lo về bao tử;
- **Ít thùy miên**, chuyên chú vào giác tỉnh;
- Đối với các **câu chuyện nghiêm trang, khai tâm**, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về tri túc, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không hội hợp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới, câu chuyện về định, câu chuyện về tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến, các câu chuyện ấy, vị ấy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức;

- Vị ấy quán sát tâm như đã được giải thoát.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.

RỪNG – *Tăng II*, 505

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn **Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.**

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **muốn không có nhiều**, việc làm không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời;
- **Ăn uống ít**, không chuyên lo về bao tử,
- **Ít thụy miên**, chuyên chú vào giác tỉnh;
- **Sống ở trong rừng, sống tại các sàng tọa xa vắng;**
- **Quán sát tâm như đã được giải thoát.**

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo làm cho sung mãn Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.

133 Thị giả - 5 pháp đáng nhận làm thị giả - Kinh SA MÔN TÙY TÙNG – Tăng II, 530

SA MÔN TÙY TÙNG – *Tăng II, 530*

1. - **Này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp, một Tỷ-kheo không đáng được nhận làm Sa-môn tùy tùng.**

2. Thế nào là năm?

- Đi quá xa hay quá gần,
- Không cầm lấy bình bát đã được chứa đầy,
- Không ngăn chặn lời nói đưa đến phạm tội,
- Ngắt lời nói của người khác,
- Người ác tuệ đàn độn, cảm điếc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo không đáng được nhận làm Sa-môn tùy tùng.

3. **Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo đáng được nhận làm Sa-môn tùy tùng.**

4. Thế nào là năm?

- Không đi quá xa hay không quá gần,
- Cầm lấy bình bát đã được chứa đầy,

- Ngăn chặn lời nói đưa đến phạm tội,
- Không ngắt lời nói của người khác,
- Người có trí tuệ, không đần độn, không câm điếc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo đáng được nhận làm Sa-môn tùy tùng.

134 Thịt - 3 trường hợp không được ăn - Kinh JIVAKA – 55 Trung II, 71

KINH JIVAKA

(Jivaka suttam)

– Bài kinh số 55 – Trung II, 71

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), tại rừng xoài của Jivaka Komarabhacca. Rồi Jivaka Komarabhacca đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Jivaka Komarabhacca bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nghe nói như sau: "Vì Sa-môn Gotama, họ giết hại các sinh vật. Và Sa-môn Gotama (tuy) biết thế (vẫn) dùng các loại thịt được giết vì mình và được làm cho mình". Bạch Thế Tôn, những ai nói như sau: "Vì Sa-môn Gotama, họ giết hại các sinh vật. Và Sa-môn Gotama (tuy) biết thế (vẫn) dùng các loại thịt được giết (vì mình) và được làm cho mình", bạch Thế Tôn, những người ấy có nói chính lời Thế Tôn, họ không xuyên tạc Thế Tôn

không đúng sự thật, họ trả lời đúng pháp, thuận pháp, và những ai như pháp, thuyết đúng (pháp) thuận (pháp) không có thể quở trách?

– Nay Jivaka, những ai nói như sau: "Vì Sa-môn Gotama, họ giết hại các sinh vật. Và Sa-môn Gotama (tuy) biết thế (vẫn) dùng các loại thịt được giết (vì mình) được làm cho mình", **những người ấy không nói chính lời của Ta, họ xuyên tạc Ta, không như chân, không như thật.**

☐ Nay Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp, thịt không được thọ dụng: **thấy, nghe và nghi** (vì mình mà giết). Nay Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt không được thọ dụng.

☐ Nay Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp, thịt được thọ dụng: **không thấy, không nghe và không nghi** (vì mình mà giết). Nay Jivaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt được thọ dụng.

Ở đây, nay Jivaka, Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay một thị trấn nào, vị ấy biến mãn một phương với tâm có lòng tù, và an trú; cũng vậy phương thứ hai, phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy biến mãn

với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân và an trú. Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ đến Tỷ-kheo ấy và mời ngày mai thọ trai và này Jivaka, Tỷ-kheo ấy nhận lời. Sau khi đêm ấy đã qua, Tỷ-kheo ấy vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến chỗ người cư sĩ kia hay con người cư sĩ kia. Sau khi đến, vị ấy ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Và vị cư sĩ, hay con vị cư sĩ ấy thỉnh vị ấy dùng các món ăn khát thực thượng vị. Vị Tỷ-kheo ấy không nghĩ: *"Thật tốt lành thay, người cư sĩ này, hay con người cư sĩ này thỉnh ta dùng các món ăn khát thực thượng vị. Mong rằng người cư sĩ này, hay con người cư sĩ này trong tương lai sẽ thỉnh ta dùng các món ăn khát thực thượng vị như vậy"*. Tỷ-kheo ấy không nghĩ như vậy. **Vị ấy thọ dụng các món ăn khát thực ấy, với tâm không tham trước, không tham đắm, không đam mê, thấy rõ các tai họa, ý thức rõ rệt sự xuất ly.**

Này Jivaka, Ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo kia, trong thời gian ấy có nghĩ đến tự hại, hay nghĩ đến hại người, hay nghĩ đến hại cả hai?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Này Jivaka, Tỷ-kheo kia, trong thời gian ấy có phải dùng các món ăn không có lỗi lầm?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, con

nghe như sau: "Cao thượng thay, an trú lòng từ! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn diện kiến thân chứng cho con điểm này, Bạch Thế Tôn, **Thế Tôn an trú lòng từ.**

– Nay Jivaka, cái gọi là tham, là sân, là si, do đó sân hận khởi lên, tham ấy, sân ấy, si ấy được Như Lai đoạn trừ, chặt cho đến tận gốc, làm cho như thân cây tala, khiến không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Nay Jivaka, **nếu như vậy là ý nghĩa Ông muốn nói, thời Ta đồng ý với Ông.**

– Bạch Thế Tôn, như vậy thật là ý nghĩa con muốn nói.

– Ở đây, nay Jivaka, Tỷ-kheo sống dựa vào một làng nào hay một thị trấn nào. Vị ấy biến mãn một phương với tâm có lòng bi... với tâm có lòng hỷ... với tâm có lòng xả và an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy, biến mãn với tâm có lòng xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân và an trú. Một cư sĩ hay con một người cư sĩ đến Tỷ-kheo ấy và mời ngày mai thọ trai. Và nay Jivaka, Tỷ-kheo ấy nhận lời. Sau khi đêm ấy đã qua, vị ấy vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến chỗ người cư sĩ kia, hay con của người cư sĩ

kia. Sau khi đến, vị ấy ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Và vị cư sĩ, hay con vị cư sĩ ấy thỉnh vị ấy dùng các món ăn khát thực thượng vị. Tỷ-kheo ấy không nghĩ: "Thật tốt lành thay, người cư sĩ này, hay con người cư sĩ này thỉnh ta dùng các món ăn khát thực thượng vị. Mong rằng vị cư sĩ này, hay con vị cư sĩ này trong tương lai sẽ thỉnh ta dùng các món ăn khát thực thượng vị như vậy". Tỷ-kheo ấy không nghĩ như vậy. Vị ấy thọ dụng các món ăn khát thực ấy với tâm không tham trước, không tham đắm, không đam mê, thấy rõ các tai họa, ý thức rõ rệt sự xuất ly. Nay Jivaka, Ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo kia, trong thời gian ấy có nghĩ đến hại mình, hay nghĩ đến hại người, hay nghĩ đến hại cả hai?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nay Jivaka, vị Tỷ-kheo kia, trong thời gian ấy, có phải dùng các món ăn không có lỗi lầm?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, con nghe như sau: "Cao thượng thay, an trú lòng xả! *Bạch Thế Tôn, Thế Tôn diện kiến thân chứng cho con điểm này. Bạch Thế Tôn, **Thế Tôn an trú lòng xả.***

– Nay Jivaka, cái gọi là **tham**, là **sân**, là **si**, do đó sân hận khởi lên, tham ấy, sân ấy, si ấy được Như Lai đoạn trừ, chặt cho đến tận gốc, làm cho như thân

cây tala, khiến không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Nay Jivaka, nếu như vậy thì ý nghĩa Ông muốn nói, thời ta đồng ý với Ông.

– Bạch Thế Tôn, như vậy thật là ý nghĩa con muốn nói.

☞ Nay Jivaka, người nào vì Như Lai, hay vì đệ tử Như Lai mà giết hại sinh vật, người ấy chất chứa nhiều phi công đức do năm nguyên nhân:

- Khi người ấy nói như sau: "Hãy đi và dắt con thú này đến", đó là nguyên nhân thứ nhất, người ấy chất chứa nhiều phi công đức.
- Con thú ấy, khi bị dắt đi, vì bị kéo lôi nơi cổ, nên cảm thọ khổ ưu, đó là nguyên nhân thứ hai, người ấy chất chứa nhiều phi công đức.
- Khi người ấy nói: "Hãy đi và giết con thú này", đó là nguyên nhân thứ ba, người ấy chất chứa nhiều phi công đức.
- Khi con thú ấy bị giết, cảm thọ khổ ưu, đây là nguyên nhân thứ tư, người ấy chất chứa nhiều phi công đức.
- Khi người ấy cúng dường Như Lai hay đệ tử Như Lai một cách phi pháp, đó là nguyên nhân thứ năm, người ấy chất chứa nhiều phi công

đức.

Này Jivaka, người nào vì Như Lai, hay vì đệ tử Như Lai mà giết hại sinh vật, người ấy sẽ chất chứa nhiều phi công đức do năm nguyên nhân này.

Khi nghe nói vậy, Jivaka Komarabhacca bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo thật sự thọ dụng các món ăn một cách hợp pháp. Bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo thật sự thọ dụng các món ăn không có khuyết phạm. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! ... Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

135 Thịt - Hãy tìm cho thịt tươi - Kinh TƯỚNG QUÂN SÌHA – Tăng III, 529

TƯỚNG QUÂN SÌHA – *Tăng III*, 529

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli (Tỳ-xá-ly), tại Mahàvana (Đại Lâm), ở Kùtàgàrasàla (ngôi nhà có nóc nhọn). Lúc bấy giờ rất nhiều vị Licchavi là các bậc có danh tiếng, ngồi tụ họp ở hội trường, dùng nhiều phương tiện tán thán Phật, tán thán pháp, tán thán chúng Tăng.

2. Lúc bấy giờ tướng quân Sīha là đệ tử của Niganthà ngồi trong hội chúng ấy. Rồi tướng quân Sīha suy nghĩ như sau: "Không nghi ngờ gì nữa, Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vì rằng nhiều vị Licchavi này có danh tiếng, có danh tiếng ngồi tụ họp ở hội trường, dùng nhiều phương tiện tán thán Phật, tán thán pháp, tán thán chúng Tăng. Vậy ta hãy đi đến yết kiến vị Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

3. Rồi tướng quân Sīha đi đến Niganthà Nàtaputta, sau khi đến, thưa với Niganthà Nàtaputta:

- Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến yết kiến Sa-môn Gotama.

- Nay Sìha, sao Ông chủ trương hành động lại đi đến yết kiến Sa-môn Gotama, người chủ trương không hành động? Nay Sìha, Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy. Rồi tướng quân Sìha, ý muốn đi đến yết kiến Thế Tôn bị dập tắt.

4. Lần thứ hai, rất nhiều vị Licchavi là các bậc có danh tiếng, có danh tiếng, ngồi tụ họp ở hội trường, dùng nhiều phương tiện tán thán Phật, tán thán pháp, tán thán chúng Tăng. Lần thứ hai, tướng quân Sìha suy nghĩ như sau: "Không nghi ngờ gì nữa, Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vì rằng nhiều vị Licchavi này có danh tiếng, có danh tiếng ngồi tụ họp ở hội trường, dùng nhiều phương tiện tán thán Phật, tán thán pháp, tán thán chúng Tăng. Vậy ta hãy đi đến yết kiến vị Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

Rồi tướng quân Sìha đi đến Niganthà, Nàtaputta, sau khi đến, thưa với Niganthà Nàtaputta:

- Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến yết kiến Sa-môn Gotama.

- Nay Sìha, sao Ông chủ trương hành động lại đi đến yết kiến Sa-môn Gotama, người chủ trương không hành động? Nay Sìha, Sa-môn Gotama chủ trương

không hành động, thuyết pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy. Rồi tướng quân Siha, lần thứ hai, ý muốn đi đến yết kiến Thế Tôn bị dập tắt.

5. Lần thứ ba, rất nhiều vị Licchavi là các bậc có danh tiếng, có danh tiếng, ngồi tụ họp ở hội trường, dùng nhiều phương tiện tán thán Phật, tán thán pháp, tán thán chúng Tăng. Lần thứ ba, tướng quân Siha suy nghĩ như sau: "Không nghi ngờ gì nữa, Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vì rằng nhiều vị Licchavi này có danh tiếng, có danh tiếng ngồi tụ họp ở hội trường, dùng nhiều phương tiện tán thán Phật, tán thán pháp, tán thán chúng Tăng. *Các Niganthà sẽ làm gì được cho ta, nếu họ được hỏi ý kiến hay không hỏi ý kiến. Vậy ta không hỏi ý kiến Niganthà, đi đến yết kiến vị Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.*

Rồi tướng quân Siha, vào giữa trưa với khoảng năm trăm cỗ xe, đi khỏi Vesālī để yết kiến Thế Tôn. Đi xe cho đến đoạn đất còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ vào trong khu vườn. Rồi tướng quân Siha đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, tướng quân Siha bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con có được nghe: "Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp về không hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy".

Bạch Thế Tôn, họ nói như sau: " Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp về không hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy". *Bạch Thế Tôn, họ nói về Thế Tôn như vậy, họ có xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật chăng? Và họ trả lời có thuận pháp với pháp không, và những ai như pháp thuyết đúng pháp không có lý do để chỉ trích? Bạch Thế Tôn, chúng con không muốn xuyên tạc Thế Tôn.*

6. - Nay Siha, có pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp về không hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy".

Nay Siha, có pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama chủ trương hành động, thuyết pháp về hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy".

Nay Siha, có pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: " Sa-môn Gotama chủ trương đoạn diệt, thuyết pháp về đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử như vậy".

Này Sîha, có pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: " Sa-môn Gotama là người nhàm chán, thuyết pháp về nhàm chán và huấn luyện các đệ tử như vậy".

Này Sîha, có pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: " Sa-môn Gotama là người chủ trương hư vô, thuyết pháp về hư vô và huấn luyện các đệ tử như vậy".

Này Sîha, có pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: " Sa-môn Gotama là người khổ hạnh, thuyết pháp về khổ hạnh và huấn luyện các đệ tử như vậy".

Này Sîha, có pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: " Sa-môn Gotama là người chủ trương không nhập thai, thuyết pháp về không nhập thai và huấn luyện các đệ tử như vậy".

Này Sîha, có pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người an ủi, thuyết pháp an ủi và huấn luyện các đệ tử như vậy".

7. Và này Sîha, thế nào là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói:

*"Sa-môn Gotama **chủ trương không hành động**, thuyết pháp về không hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy"?*

Này Siha, **Ta tuyên bố về không hành động đối với thân làm ác, miệng nói ác, và ý nghĩ ác. Ta tuyên bố về không hành động đối với các pháp ác, bất thiện.** Này Siha, đây là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: " Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp về không hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy".

*-Và này Siha, thế nào là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: " Sa-môn Gotama **chủ trương hành động**, thuyết pháp về hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy"?*

Này Siha, **Ta tuyên bố về hành động đối với thân làm lành, miệng nói lành, và ý nghĩ lành. Ta tuyên bố về hành động đối với các thiện pháp.** Này Siha, đây là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: " Sa-môn Gotama chủ trương hành động, thuyết pháp về hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy".

-Và này Siha, thế nào là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: " Sa-

môn Gotama *chủ trương đoạn diệt*, thuyết pháp về đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử như vậy"?

Này Siha, *Ta tuyên bố về đoạn diệt tham, sân, si. Ta tuyên bố về đoạn diệt đối với các pháp ác, bất thiện.* Này Siha, đây là pháp môn, với pháp môn ấy nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: " Sa-môn Gotama chủ trương đoạn diệt, thuyết pháp về đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử như vậy".

-Và này Sành, thế nào là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: " Sa-môn Gotama là *người nhàm chán*, thuyết pháp về nhàm chán và huấn luyện các đệ tử như vậy"?

Này Siha, *Ta nhàm chán đối với thân làm ác, miệng nói ác, và ý nghĩ ác. Ta nhàm chán đối với sự thành tựu các pháp ác, bất thiện.* Này Sành, đây là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: " Sa-môn Gotama là người nhàm chán, thuyết pháp về nhàm chán và huấn luyện các đệ tử như vậy".

-Và này Sành, thế nào là pháp môn do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: " Sa-môn Gotama là *người chủ trương hư vô*, thuyết pháp về hư vô và huấn luyện các đệ tử như vậy"?

Này Sìha, Ta thuyết pháp để hư vô tham, sân, si. Ta thuyết pháp để hư vô các pháp ác bất thiện. Này Sìha, đây là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người chủ trương hư vô, thuyết pháp về hư vô và huấn luyện các đệ tử như vậy".

-Và này Sìhà, thế nào là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người khổ hạnh, thuyết pháp khổ hạnh và huấn luyện các đệ tử như vậy"?

Này Sìha, Ta tuyên bố cần phải khổ hạnh các pháp ác bất thiện, kể cả thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Này Sìha, với ai, pháp ác bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, được tu khổ hạnh, được đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây tala, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, Ta tuyên bố người ấy là người khổ hạnh. Này Sìha, đối với Như Lai, các pháp ác, bất thiện cần phải khổ hạnh này đã được đoạn tận chúng, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Sìha, đây là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là

người khổ hạnh, thuyết pháp khổ hạnh và huấn luyện các đệ tử như vậy".

-Và này Sìha, thế nào là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là *người chủ trương không nhập thai*, thuyết pháp về không nhập thai và huấn luyện các đệ tử như vậy"?

Này Sìha, với ai đã đoạn tận sự nhập thai trong tương lai, sự tái sanh, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Ta tuyên bố người ấy là người chủ trương không nhập thai. Này Sìha, Như Lai đã đoạn tận sự nhập thai trong tương lai, sự tái sanh, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Sìha, đây là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người chủ trương không nhập thai, thuyết pháp về không nhập thai và huấn luyện các đệ tử như vậy".

-Và này Sìha, thế nào là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là *người an ủi*, thuyết pháp an ủi và huấn luyện các đệ tử như vậy"?

Này Sìha, Ta là người an ủi với tối thượng an ủi, Ta thuyết pháp về an ủi, Ta huấn luyện các đệ tử như vậy. Này Sìha, đây là pháp môn, với pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người an ủi, thuyết pháp an ủi và huấn luyện các đệ tử như vậy".

8. Khi được nói như vậy, tướng quân Sìha bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay! Bạch Thế Tôn!

Thật vi diệu thay! Bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay con xin quy y Thế Tôn, quy y pháp, quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

- Này Sìha, hãy chín chắn suy tư, hãy chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông.

- Bạch Thế Tôn, con càng bội phần hoan hỷ, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: " Này

Siha, hãy chín chắn suy tư, hãy chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông". Bạch Thế Tôn, nếu các ngoại đạo được con làm đệ tử, họ sẽ trương cờ lên và tuyên bố: "Tướng quân Siha đã trở thành đệ tử của chúng tôi". Nhưng Thế Tôn lại nói với con: "Này Siha, hãy chín chắn suy tư, hãy chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông. Bạch Thế Tôn, lần thứ hai con xin quy y Thế Tôn, quy y pháp, quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

- Này Siha, đã từ lâu gia đình Ông như là giếng nước mưa nguồn cho các người Niganthà. Hãy cúng dường những món ăn cho những ai đến với Ông.

- Bạch Thế Tôn, con lại bội phần hoan hỷ, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: " Này Siha, đã từ lâu gia đình Ông như là giếng nước mưa nguồn cho các người Niganthà. hãy cúng dường những món ăn cho những ai đến với Ông". Bạch Thế Tôn, con nghe như sau, Sa-môn Gotama nói: "Chỉ bố thí cho Ta, chớ bố thí cho các người khác. Chỉ bố thí cho đệ tử Ta, chớ bố thí cho đệ tử các người khác. Chỉ bố thí cho Ta mới có phước lớn, bố thí cho những người khác không có phước lớn. Chỉ bố thí cho đệ tử Ta mới có phước lớn, bố thí cho đệ tử những người

khác không có phước lớn". Nhưng Thế Tôn lại khuyến khích con bố thí cho Niganthà.

Bạch Thế Tôn, và chúng con ở đây sẽ biết thời nên làm. Bạch Thế Tôn, lần thứ ba con xin quy y Thế Tôn, quy y pháp, quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

9. Rồi Thế Tôn **thuận thứ thuyết pháp** cho tướng quân Sīha, *tức là thuyết về bố thí, thuyết về giới, thuyết về các cõi Trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các dục, những lợi ích của xuất ly*. Khi Thế Tôn biết tướng quân Sīha, tâm đã sẵn sàng, tâm đã nhu thuận, tâm không triền cái, tâm được phấn khởi, tâm được hoan hỷ, Ngài mới thuyết những pháp được chư Phật tán dương đề cao: "**Khổ, Tập, Diệt, Đạo**". Cũng như một tấm vải thuần bạch, các chấm đen được gột rửa, rất dễ thấm màu nhuộm. Cũng vậy, chính tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên với tướng quân Sīha: "**Phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy đều bị tiêu diệt**".

10. Rồi tướng quân Sīha thấy pháp, chứng pháp, biết pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ vượt qua, do dự trừ diệt, đạt được vô sở úy, không y cứ người khác đối với các pháp của bậc Đạo Sư. (Tướng quân Sīha) bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nhận lời mời của con, ngày mai tới dùng cơm với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi tướng quân Siha biết được Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi đi ra.

Rồi tướng quân cho gọi một người: *Này người kia, hãy tìm cho thịt tươi.*

Rồi tướng quân Siha, sau đêm ấy tại trú xứ của mình, cho soạn các món ăn thượng vị, loại cứng và mềm, rồi cho người tới báo tin với Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời. Tại trú xứ của tướng quân Siha, món ăn đã sẵn sàng".

11. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đến trú xứ của tướng quân Siha; sau khi đến, ngồi xuống một chỗ đã soạn sẵn, với chúng Tỷ-kheo.

Lúc bấy giờ nhiều người Niganthà ở Vesàli, từ đường lớn này đến đường lớn khác, từ đường hẻm này đến đường hẻm khác, múa tay la lớn: "Hôm nay, tướng quân Siha đã giết một con thú lớn, và một bữa cơm được soạn cho Sa-môn Gotama, và Sa-môn tuy biết vậy, vẫn ăn món thịt được sửa soạn, do duyên vì mình được sửa soạn ra".

Rồi một người đi đến tướng quân Sîha, sau khi đến, nói nhỏ vào tai tướng quân Sîha,: "Thưa Tôn giả, Tôn giả có biết chăng? Nhiều Niganthà ở Vesàli, từ đường lớn này đến đường lớn khác, từ đường hẻm này đến đường hẻm khác, múa tay la lớn: "Hôm nay, tướng quân Sîha đã giết một con thú lớn, và một bữa cơm được soạn cho Sa-môn Gotama, và Sa-môn tuy biết vậy, vẫn ăn món thịt được sửa soạn, do duyên vì mình được sửa soạn ra".

- Thôi vừa rồi, này bạn. Đã lâu rồi, các Tôn giả ấy muốn chỉ trích Phật, muốn chỉ trích Pháp, muốn chỉ trích các chúng Tăng. Nhưng các Tôn giả ấy không làm hại gì được Thế Tôn với những lời xuyên tạc không có thật, trống rỗng, láo khoét. Và chúng ta không vì sinh mạng lại cố ý sát hại sinh mạng của loài hữu tình.

12. Rồi tướng quân Sîha tự tay mình hầu hạ và làm cho thỏa mãn chúng Tỷ-kheo với đức Phật và người cầm đầu các món ăn thượng vị, loại cứng và mềm.

Rồi tướng quân Sîha, sau khi biết Thế Tôn ăn đã xong, bàn tay đã rời khỏi bát, liền ngồi xuống một bên, và Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng cho tướng quân Sîha, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

136 Thít - Kinh Thít Đứa Con – Tương II, 175

Thít Đứa Con – *Tương II*, 175

1)...Ở Sàvatthi.

2)...*Này các Tỷ-kheo, có bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay chúng sanh.*

3) Thế nào là bốn?

- **Đoàn thực** hoặc thô, hoặc tế;
- Thứ hai là **xúc**;
- Thứ ba là **tư niệm**;
- Thứ tư là **thức**.

Này các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay các loài chúng sanh.

4) Và này các Tỷ-kheo, *đoàn thực cần phải nhận xét như thế nào?*

5) Ví như, này các Tỷ-kheo, **hai vợ chồng đem theo một ít lương thực đi qua một quãng đường hoang dã, với một đứa con khả ái, thương mến.**

6) Rồi này các Tỷ-kheo, trong khi hai vợ chồng ấy đang đi trên con đường hoang vu, số lương thực ít ỏi ấy đi đến hao mòn, khánh tận. Và một vùng hoang vu còn lại chưa được họ vượt qua.

7) Rồi này các Tỷ-kheo, hai vợ chồng người ấy suy nghĩ: "Đồ lương thực ít ỏi của chúng ta đã bị hao mòn, khánh tận; còn lại vùng hoang vu này chưa được vượt qua; vậy chúng ta hãy giết đứa con một, khả ái, dễ thương này, làm thành thịt khô và thịt ướp, ăn thịt đứa con và vượt qua vùng hoang vu còn lại này, chớ để tất cả ba chúng đều bị chết hại".

8) Rồi hai vợ chồng ấy giết đứa con một, khả ái, dễ thương ấy, làm thịt khô và thịt ướp, ăn thịt người con và vượt qua vùng hoang vu còn lại ấy. Họ vừa ăn thịt con, vừa đập ngực (than khóc): "Đứa con một ở đâu? Đứa con một ở đâu?"

9) *Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Họ ăn món ăn có phải để vui chơi? Hay họ ăn món ăn để tham đắm? Hay họ ăn món ăn để trang sức? Hay họ ăn món ăn để béo tốt?*

- Thừa không phải vậy, bạch Thế Tôn.

10) - *Có phải họ ăn các món ăn chỉ với mục đích vượt qua vùng hoang vu?*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

11) - Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói **Đoàn thực cần phải nhận xét như vậy.**

→ Này các Tỷ-kheo, *khi đoàn thực được hiểu biết, thời lòng tham đối với năm dục trưởng dưỡng được hiểu biết.*

→ *Khi lòng tham đối với năm dục trưởng dưỡng được hiểu biết, thời không còn kiết sử, do kiết sử này, một vị Thánh đệ tử bị trói buộc để phải sanh lại đời này.*

12) Và này các Tỷ-kheo, xúc thực cần phải nhận xét như thế nào?

13) Này các Tỷ-kheo, **ví như một con bò cái bị lỡ da**, nếu nó đứng dựa vào tường, thời các sanh vật sống ở tường cắn nó. Nếu nó đứng dựa vào cây, thời các sanh vật sống ở cây cắn nó. Nếu nó đứng ở trong nước, thời các sanh vật sống ở trong nước cắn nó. Nếu nó đứng giữa hư không, thời các sanh vật giữa hư không cắn nó. Này các Tỷ-kheo, con bò cái ấy đứng dựa vào chỗ nào, thời các sanh vật trong các chỗ ấy cắn nó.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói **Xúc thực cần phải được nhận xét.**

14) Nay các Tỷ-kheo, *khi xúc thực được hiểu biết, thời ba cảm thọ được hiểu biết. Khi ba cảm thọ được hiểu biết, thời Ta nói rằng vị Thánh đệ tử không có gì cần phải làm thêm nữa.*

15) Và nay các Tỷ-kheo, *tư niệm thực cần phải nhận xét như thế nào?*

16) Nay các Tỷ-kheo, **ví như một hồ than hừng**, sâu hơn một thân người, chứa đầy than cháy đỏ rực, hừng cháy không có khói. Rồi một người đi đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, chán ghét khổ. Rồi hai người lục sĩ đi đến, nắm chặt hai cánh tay người ấy, kéo người ấy đến hồ than hừng ấy. Nay các Tỷ-kheo, người ấy quyết chí muốn lánh xa, tình cần muốn lánh xa, phát nguyện muốn lánh xa (hồ than hừng ấy).

17) Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, người ấy chỉ nghĩ như sau: "Nếu ta rơi vào hồ than hừng này, do nhân duyên ấy, ta đi đến chết, hay đi đến khổ gần như chết".

Như vậy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng **Tư niệm thực cần phải nhận xét**.

18) Nay các Tỷ-kheo, *khi tư niệm thực được hiểu biết, thời ba ái được hiểu biết. Khi ba ái được hiểu*

biết, Ta nói rằng vị Thánh đệ tử không có gì cần phải làm thêm nữa.

19) Và này các Tỷ-kheo, thức thực cần phải nhận xét như thế nào?

20) Ví như, này các Tỷ-kheo, **người ta bắt một người ăn trộm**, một người phạm tội, dẫn đến vua và thưa: "Thưa Đại vương, người này là người ăn trộm, một người phạm tội. Hãy trừng phạt người ấy nếu như Ngài muốn". Vị vua nói như sau về người ấy: "Các Ông hãy đi và đánh người này với một trăm hèo vào buổi sáng". Và họ đánh người ấy với một trăm hèo vào buổi sáng.

21) Rồi vị vua vào buổi trưa nói: "Này các Ông, người ấy như thế nào?" - "Thưa Đại vương, người ấy vẫn còn sống". Rồi vua nói về người ấy: "Này các Ông, các Ông hãy đi và đánh người này một trăm hèo vào buổi trưa". Và họ đánh người ấy một trăm hèo vào buổi trưa.

22) Rồi vị vua vào buổi chiều nói: "Này các Ông, người ấy như thế nào?" - "Thưa Đại vương, người ấy vẫn còn sống". Rồi vua nói về người ấy: "Này các Ông, các Ông hãy đi và đánh người này một trăm hèo vào buổi chiều".

23) *Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy trong ngày bị đánh đến ba trăm hèo, do nhân duyên ấy có cảm thọ khổ ưu không?*

- Bạch Thế Tôn, chỉ bị đánh một hèo, do nhân duyên ấy có cảm thọ khổ ưu, còn nói gì bị đánh đến ba trăm hèo!

24) *Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói **Thức thực cần phải nhận xét.***

25) *Này các Tỷ-kheo, khi thức thực được hiểu rõ, thời danh sắc được hiểu rõ. Khi danh sắc được hiểu rõ, thời Ta nói rằng vị Thánh đệ tử không làm gì thêm nữa.*

137 Thời chúng sanh suy giảm - Kinh Tượng Pháp – Tương II, 384

Tượng Pháp – Tương II, 384

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahà Kassapa bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trước, học giới có ít hơn nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới có nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí ít hơn?

4) Sự việc xảy ra như vậy, này Kassapa, trong thời các chúng sanh suy giảm, trong thời **điều pháp biến mất**, thời nhiều hơn là các học giới, ít hơn là các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí.

5) Nay Kassapa, **điều pháp** không biến mất cho đến khi nào **tượng pháp** không hiện ra ở đời. Và Kassapa khi nào **tượng pháp** hiện ra ở đời, thời **điều pháp** biến mất.

6) *Ví như, nay Kassapa, **vàng** (thật) không biến mất khi nào **vàng giả** chưa hiện ra ở đời. Và nay Kassapa, khi nào **vàng giả** hiện ra ở đời, thời **vàng** (thật) biến mất.*

7) Cũng vậy, nay Kassapa, **điều pháp** không biến mất, khi nào **tượng pháp** chưa hiện ra ở đời. Và nay Kassapa, khi nào **tượng pháp** hiện ra ở đời, thời **điều pháp** biến mất.

8-11) Nay Kassapa, **địa** giới không làm **điều pháp** biến mất, **thủy** giới... **hỏa** giới... **phong** giới không làm **điều pháp** biến mất.

12) Ở đây, **khi nào các người ngu có mặt, chính họ làm **điều pháp** biến mất.**

13) *Ví như, nay Kassapa, chiếc thuyền bị chìm vì chở quá nặng. Không phải vì vậy, nay Kassapa, **điều pháp** bị biến mất.*

14) Nay Kassapa, có năm **thối pháp** khiến cho **điều pháp** bị hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?

15) Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ:

- Sống không tôn kính, không tùy thuận *bậc Đạo Sư*,
- Sống không tôn kính, không tùy thuận *Chánh pháp*,
- Sống không tôn kính, không tùy thuận *chúng Tăng*,
- Sống không tôn kính, không tùy thuận *học giới*,
- Sống không tôn kính, không tùy thuận *đối với Thiên định*.

Này Kassapa, chính những **thối pháp** này đưa đến sự hỗn loạn, sự biến mất của diệu pháp.

16) *Và có năm pháp*, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp. Thế nào là năm?

17) Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ:

- Sống kính trọng, tùy thuận *bậc Đạo Sư*,
- Sống kính trọng, tùy thuận *Chánh pháp*,
- Sống kính trọng, tùy thuận *chúng Tăng*,
- Sống kính trọng, tùy thuận *học giới*,
- Sống kính trọng tùy thuận *Thiên định*.

18) Chính năm pháp này, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp.

138 Thời gian - Không có thần lực nào.. - Kinh CẤP THIẾT – Tăng I, 435

CẤP THIẾT – Tăng I, 435

1. - **Này các Tỷ-kheo, có ba việc cấp thiết này, người nông phu gia chủ cần phải làm.** Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người nông phu gia chủ mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, sau khi mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, liền mau lẹ gieo hạt giống, sau khi mau lẹ gieo hạt giống, liền mau lẹ cho nước vô, cho nước ra. Này các Tỷ-kheo, đây là ba việc cấp thiết mà người nông phu gia chủ cần phải làm.

Người nông phu gia chủ ấy, này các Tỷ-kheo, không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh): "Hôm nay lúa của ta được mọc lên, ngày mai chúng sẽ trở hạt, ngày kế tiếp chúng sẽ chín".

Nhưng chính theo thời gian của người nông phu gia chủ, các cây lúa do sự hướng dẫn của thời tiết được mọc lên, được trở hạt và được chín.

2. **Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba công việc cấp thiết này Tỷ-kheo cần phải làm.** Thế nào là ba?

- *Chấp hành tăng thượng giới học,*

- *Chấp hành tăng thượng tâm học,*
- *Chấp hành tăng thượng tuệ học.*

Ba công việc cấp thiết này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải làm.

- ➔ Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, **không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh):** "Hôm nay, tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ, ngày mai cũng vậy, ngày kế tiếp cũng vậy".
- ➔ Nhưng này các Tỷ-kheo, chính do thời gian Tỷ-kheo ấy sử dụng để học tập tăng thượng giới, để học tập tăng thượng tâm, để học tập tăng thượng tuệ, mà tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau:

- "Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng giới học.
- Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tâm học.
- Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tuệ học".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

139 Thời gian búng ngón tay - Kinh THẬT SỰ LÀ VẬY – Tầng I, 81

THẬT SỰ LÀ VẬY – Tầng I, 81

1.- Thật sự cái này là một trong những điều lợi, này các Tỷ-kheo, tức là sống trong rừng ... sống khát thực ... mang y phần tảo ... chỉ mang ba y thuyết pháp ... trì luật ... biết nhiều về sự thật ... đã lâu ngày là vị trưởng lão ... có oai nghi nghiêm chỉnh ... có được hội chúng quy tụ ... có đại hội chúng đoàn vây, con gia đình tốt đẹp ... diện mạo đoan chánh ... ngôn ngữ hòa nhã ... thiếu dục ... không có bệnh hoạn.

2-9. **Nếu chỉ trong thời gian búng ngón tay**, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập **Thiền thứ nhất**, vị này được gọi là một Tỷ-kheo trú Thiền không phải uống phí, đã làm theo lời dạy bậc Đạo Sư, là vị chịu nghe lời giáo giới, ăn đồ ăn quốc độ không phải vô ích, còn nói gì vị ấy làm cho sung mãn Thiền ấy.

Nếu chỉ trong thời gian búng ngón tay, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập Thiền thứ hai, ... Thiền thứ ba, ... Thiền thứ tư

... tu tập **Từ** tâm giải thoát ... tu tập **Bi** tâm giải thoát
... tu tập **Hỷ** tâm giải thoát ... tu tập **Xả** tâm giải
thoát ...

10-13. Nếu vị ấy trú **quán thân** trên thân, nhiệt tâm,
tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời ...
quán thọ trên các cảm quán thọ ... quán tâm trên tâm
... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác,
chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời ...

14-17. ... Đối với các pháp ác, bất thiện chưa sanh,
khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, **tinh
tấn**, quyết tâm, cố gắng ... Đối với các pháp ác, bất
thiện đã sanh, khởi lên ý muốn đoạn tận, tinh cần,
tinh tấn, quyết tâm, cố gắng ... Đối với các pháp
thiện chưa sanh, khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi,
tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng ... Đối với các
pháp thiện đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú,
không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho
quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh
tấn, quyết tâm, cố gắng ...

18-21. Tu tập **như ý túc** câu hữu với Dục định tinh
cần hành ... câu hữu với Tinh tấn định tinh cần hành
... câu hữu với Tâm định tinh cần hành ... câu hữu
với Tư duy định tinh cần hành ...

22-31. Tu tập **Tín căn** ... tu tập Tấn căn ... tu tập Niệm căn ... tu tập Định căn ... tu tập Tuệ căn ... Tu tập Tín lực, tu tập Tấn lực, tu tập Niệm lực ... tu tập Định lực ... tu tập Tuệ lực ...

32-38. Tu tập **Niệm giác chi** ... tu tập Trạch pháp giác chi ... tu tập Tinh tấn giác chi ... tu tập Hỷ giác chi ... tu tập Khinh an giác chi ... tu tập Định giác chi ... tu tập Xả giác chi ...

39-46. Tu tập **Chánh tri kiến** ... tu tập Chánh tư duy ... tu tập Chánh ngữ ... tu tập Chánh nghiệp ... tu tập Chánh mạng ... tu tập Chánh tinh tấn ... tu tập Chánh niệm ... tu tập Chánh định ...

47-54. **Quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy ..."**

Quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp xấu, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy ..."

Quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy ..."

Quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy ..."

Quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy ..."

Quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy ..."

Quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy ..."

Quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy ..."

55-62. **Tự mình có sắc, thấy các sắc.** Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc ... quán tưởng sắc là tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy ... Vượt khỏi hoàn toàn sắc tướng, diệt trừ các tướng hữu đối, không suy

tư đến các tướng khác biệt, với suy tư: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ ... vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ ... vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ ... vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ ... Vượt khỏi Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và trú Diệt thọ tướng ...

63-72. Tu tập **địa** biến xứ ... tu tập **thủy** biến xứ ... tu tập **hỏa** biến xứ ... tu tập **phong** biến xứ ... tu tập **xanh** biến xứ ... tu tập **vàng** biến xứ ... tu tập **đỏ** biến xứ ... tu tập **trắng** biến xứ ... tu tập **hư không** biến xứ ... tu tập **thức** biến xứ ...

73-82. Tu tập **tưởng** bất tịnh ... tu tập tưởng về chết ... tu tập tưởng yếm ly các món ăn ... tu tập tưởng không hỷ lạc đối với tất cả thế giới ... tu tập vô thường tưởng ... tu tập tưởng khổ trên vô thường ... tu tập tưởng vô ngã trên khổ ... tu tập tưởng đoạn tận ... tu tập tưởng ly tham ... tu tập tưởng đoạn diệt ...

83-92. Tu tập tưởng vô thường ... tu tập tưởng vô ngã ... tu tập tưởng về chết ... tu tập tưởng ghê tởm đối với các món ăn ... tu tập tưởng không hỷ lạc đối với tất cả thế giới ... tu tập tưởng hài cốt ... tu tập tưởng bị trùng bọ ăn ... tu tập tưởng bị xanh bầm ...

tu tập tưởng bị đầy những lỗ hổng ... tu tập tưởng bị
sưng phồng lên ...

93-102. Tu tập **niệm Phật** ... tu tập niệm Pháp ... tu
tập niệm Tăng ... tu tập niệm Giới ... tu tập niệm Thí
... tu tập niệm Thiên ... tu tập niệm hơi thở vô hơi
thở ra ... tu tập niệm Chết ... tu tập thân niệm ... tu
tập An tịnh niệm ...

103-112. **Tu tập Tín căn đồng với sơ Thiền** ... tu tập
Tấn căn đồng với sơ Thiền ... tu tập **Niệm** căn đồng
với sơ Thiền ... tu tập **Định** căn đồng với sơ Thiền
... tu tập **Tuệ** căn đồng với sơ Thiền ...

... tu tập **Tín lực** ... tu tập Tấn lực ... tu tập Niệm lực
... tu tập Định lực ... tu tập Tuệ lực đồng với sơ
Thiền.

113-122. Tu tập Tín căn đồng với Thiền thứ hai ...
Tu tập Tuệ lực đồng với Thiền thứ hai ...

123-132. Tu tập Tín căn đồng với Thiền thứ ba... Tu
tập Tuệ lực đồng với Thiền thứ ba ...

133-142. Tu tập Tín căn đồng với Thiền thứ tư ... Tu
tập Tuệ lực đồng với Thiền thứ tư ...

143-152. **Tu tập Tín căn câu hữu với Tỳ** ... Tu tập
Tuệ lực câu hữu với Tỳ ...

153-162. Tu tập Tín căn câu hữu với **Bi** ... Tu tập Tuệ lực câu hữu với Bi ...

163-172. Tu tập Tín căn câu hữu với **Hỷ**... Tu tập Tuệ lực câu hữu với Hỷ ...

173-182. Tu tập Tín căn câu hữu với **Xả**... Tu tập Tuệ lực câu hữu với Xả ...

183-192. Nếu tu tập **Tín căn** ... nếu tu tập Tấn căn ... nếu tu tập Niệm căn ... nếu tu tập Định căn ... nếu tu tập Tuệ căn ... nếu tu tập **Tín lực** ... nếu tu tập Tấn lực ... nếu tu tập Niệm lực ... nếu tu tập Định lực ... nếu tu tập Tuệ lực, vị này, này các Tỷ-kheo, được gọi là một Tỷ-kheo trú Thiền không phải trống không, đã làm theo lời dạy bậc Đạo Sư, là vị chịu nghe lời giáo giới, ăn đồ ăn quốc độ không phải uổng phí, còn nói gì vị ấy làm cho sung mãn pháp ấy.

140 Thời gian lặng trôi qua - Kinh Thời Gian Trôi Qua – Tương I, 12

Thời Gian Trôi Qua – *Tương I, 12*

... (Nhân duyên ở (Sàvatthi), đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Thời gian (lặng) trôi qua,
Đêm (ngày luôn) di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến (chơn) an lạc.*

(Thế Tôn):

*(Thời gian lặng) trôi qua,
Đêm (ngày luôn) di động,
Tuổi tác buổi thanh xuân,
Tiếp tục bỏ chúng ta.
Những ai chịu quán sát,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thế lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh.*

141 Thời giải thoát - 5 pháp thối đạo - Kinh THỜI GIẢI THOÁT 1 – Tăng II, 592

THỜI GIẢI THOÁT 1 – *Tăng II*, 592

1. - Có năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thối đạo cho Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát.

2. Thế nào là năm?

- Ưa thích làm việc (về thân),
- Ưa thích nói chuyện,
- Ưa thích ngủ,
- Ưa thích hội chúng,
- Không quan sát tâm như đã được giải thoát.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thối đạo cho Tỷ-kheo đã chứng thời giải thoát.

3. Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến sự thối đạo cho vị Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát.

4. Thế nào là năm?

- Không ưa thích làm việc (về thân),

- Không ưa thích nói chuyện,
- Không ưa thích ngủ,
- Không ưa thích hội chúng,
- Có quan sát tâm như đã được giải thoát.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến sự thối đạo cho Tỷ-kheo đã chứng thời giải thoát.

THỜI GIẢI THOÁT 2 – Tăng II, 593

1. - Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thối đạo cho Tỷ-kheo đã chứng thời giải thoát.

2. Thế nào là năm?

- Ưa thích làm việc (về thân),
- Ưa thích nói chuyện,
- Ưa thích ngủ,
- Không chế ngự các căn,
- Không biết tiết độ trong ăn uống.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thối đạo cho Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát.

3. - Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến sự thối đạo cho Tỷ-kheo đã chứng thời giải thoát.

4. Thế nào là năm?

- Không ưa thích làm việc (về thân),
- Không ưa thích nói chuyện,
- Không ưa thích ngủ,
- Chế ngự các căn,
- Biết tiết độ trong ăn uống.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến sự thối đạo cho Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát.

142 Thời kỳ kiếp giảm - Kinh ĐẠI BỒN – 14 Trường I, 431

KINH ĐẠI BỒN (*MAHA PADANA SUTTA*) – Bài kinh số 14 – Trường I, 431 I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở tại nước Sāvatthi (Xá-vệ) rừng Jeta (Kỳ-đà), vườn ông Anāthapindika (Cấp Cô Độc), trong am thất cây Kareri (Hoa Lâm). Lúc bấy giờ, số đông các Tỷ-kheo đi khát thực về, sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp lại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại thuộc về tiền thân được khởi lên: "Đây là tiền thân, đây là tiền thân".

2. Thế Tôn, với thiên nhĩ thanh tịnh vượt quá loài người nghe được câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo. Rồi Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Hoa Lâm viên đường. Khi đến xong, Ngài ngồi trên ghế đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn hỏi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, câu chuyện gì, các người đang ngồi bàn? Câu chuyện gì đã bị gián đoạn giữa các người?

Khi được nói vậy, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng con đi khát thực về, sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp tại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại về tiền thân được khởi lên: "Đây là tiền thân, đây là tiền thân". Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang được bàn đến giữa chúng con thời Thế Tôn đến.

3. - Nay các Tỷ-kheo, các người có muốn nghe pháp thoại thuộc về tiền thân không?

- Bạch Thế Tôn, thật là đúng thời; bạch Thiện Thệ, thật là đúng thời để Thế Tôn giảng pháp thoại thuộc về tiền thân. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Vậy nay các Tỷ-kheo, các người hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Dạ vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo này đáp lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

4. - Nay các Tỷ-kheo, **chín mươi một kiếp** về trước, Thế Tôn Vipassī (Tỳ-bà-thi), bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

- Nay các Tỷ-kheo, **ba mươi một kiếp** về trước, Thế Tôn Sikhĩ (Thi-khĩ) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo, **cũng trong ba mươi một kiếp ấy**, Thế Tôn Vessabhũ (Tỳ-xá-bà) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo **cũng trong hiện kiếp ấy**, Thế Tôn Kakusandha (Câu-lâu-tôn) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo, **cũng trong hiện kiếp ấy**, Thế Tôn Konāgamana (Câu-na-hàm) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo, **cũng trong hiện kiếp ấy**, Thế Tôn Kassapa (Ca-diếp) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo, **cũng trong hiện kiếp ấy**, nay Ta, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

5. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sanh thuộc **chủng tánh Sát-đế-lý**, sanh trong giai cấp Sát-đế-lý.

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc **chủng tánh Sát-đế-lý**,

sinh trong giai cấp Sát-đế-ly.

- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sinh trong giai cấp Sát-đế-ly.
- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sinh trong giai cấp Bà-la-môn .
- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sinh trong giai cấp Bà-la-môn.
- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sinh trong giai cấp Bà-la-môn .
- Đây các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sinh trong giai cấp Sát-đế-ly.

6. Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna (Câu-ly-nhã).

- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna.

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konagamara, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.
- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc **danh tánh Gotama (Cù-đàm)**.

7. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **tuổi thọ loài người là tám vạn năm.**

- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **bảy vạn năm.**
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn

Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **sáu vạn năm**.

- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **bốn vạn năm**.
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **ba vạn năm**.
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ của loài người là **hai vạn năm**.
- Nay các Tỷ-kheo, nay tuổi thọ của Ta không bao nhiêu, ít ỏi, tuổi thọ loài người khoảng **một trăm năm hay hơn một chút**.

8. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **giác ngộ dưới gốc cây pātali** (bà-bà-la).

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **giác ngộ dưới gốc cây pundarika** (phân-đà-ly).
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **giác ngộ dưới gốc**

cây sirīsa (thi-lợi-sa).

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konākgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây udumbara (ô-tam-bà-la).
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây nigrodha (ni-câu-luật-đà).
- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giác ngộ dưới gốc cây assattha (bát-đa-la).

9. Nay các Tỷ-kheo, **hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử** của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Khanda (Kiển-trà) và Tissa (Đề-xá).

- Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Abhibhū (A-tỳ-phù) và Sambhava (Tam-bà-bà).
- Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Sona (Phù-du) và Uttara (Uất-đa-la).
- Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử

của Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Vidhūra (Tỳ-lâu) và Sanjīva (Tát-ni).

- Đây các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bhiyyosa (Thư-bà-na) và Uttara (Uất-đa-la).
- Đây các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Tissa (Đề-xá) và Bhāradvāja (Bà-la-bà).
- Đây các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Ta là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallāna (Mục-kiền-liên).

10. Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội sáu mươi tám triệu Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu-tân.

- Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng

hội: một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội bảy vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ.

- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhũ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội bảy vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội sáu vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhũ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ.
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội bốn vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ.
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội ba vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ.

- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội hai vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc A-la-hán .
- Nay các Tỷ kheo, nay trong thời của Ta có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo, tất cả đều là bậc Lưu tậ.

11. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất.

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Khemankara (Nhân Hành), vị này là vị thị giả đệ nhất.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Upasannaka (Tịch Diệt) vị này là vị thị giả đệ nhất.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Buddhija (Thiện Giác), vị này là thị

giả đệ nhất.

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Sotthija (An Hòa), vị này là vị thị giả đệ nhất.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Sabbamitta (Thiên Hữu), vị này là vị thị giả đệ nhất.
- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Ānanda (A-nan), vị này là vị thị giả đệ nhất.

12. Nay các Tỷ-kheo, phụ vương của Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bandhumā (Bàn-đầu); mẫu hậu tên là Bandhumatī (Bàn-đầu-bà-đề). Kinh thành của vua Bandhumā tên là Bandhumatī.

- Nay các Tỷ-kheo, phụ vương Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Aruna (Minh Tướng); mẫu hậu tên là Pabhāvatī (Quang Huy); kinh thành của vua Aruna tên là Pabhāvatī.

- Nay các Tỷ-kheo, phụ vương Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Suppatīta (Thiện Đẳng), mẫu hậu tên là Yasavati (Xứng Giới); kinh thành của vua Suppatita tên là Anopama (Vô Dụ).
- Nay các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Aggidatta (Tự Đắc); mẫu thân Bà-la-môn tên là Visākhā (Thiện Chi). Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ vua trị vì tên là Khema (An Hòa); kinh thành vua Khema tên là Khemavatī (An Hòa).
- Nay các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Yannadatta (Đạt Đức) mẫu thân Bà-la-môn tên là Uttarā (Thiện Thắng; Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, vua trị vì tên là Sobha (Thanh Tịnh); kinh thành của vua Sobha tên là Sobhavatī (Thanh Tịnh).
- Nay các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Brahmadatta (Phạm Thi) mẫu thân Bà-la-môn tên là Dhanavatī (Tài Chủ). Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ vua trị vì tên là Kikī (Hấp Tỳ); kinh thành vua Kikī là Baranasī (Ba-la-

nại).

- Đây các Tỷ-kheo, nay phụ vương của Ta tên là Suddhodana (Tịnh Phạn); mẫu hậu của Ta tên là Mãyã (Ma-da); kinh thành tên là Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Giảng xong Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh xá.

13. Thế Tôn đi ra chẳng bao lâu cuộc đàm thoại sau đây khởi lên giữa những Tỷ-kheo ấy:

- Đây các Hiền giả, thật hy hữu thay! **Này các liên giả, thật kỳ diệu thay, đại thần lực, đại oai lực của Như Lai!** Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? **Có phải**

Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết Bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy? **Hay là chư Thiên mách bảo Như Lai và nhờ sự mách bảo này**, Như Lai nhớ được các đức Phật quá khứ, các vị này đã nhập Niết bàn đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát như thế này?"

Như vậy là cuộc đàm thoại đang khởi lên giữa những Tỷ-kheo ấy.

14. Bảy giờ Thê Tôn, vào buổi chiều tối, sau khi xuất định, liền đến Hoa Lâm viên đường, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xong, Thê Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay các Người ngồi luận bàn vấn đề gì? Đề tài gì đã được luận bàn giữa các Người?

Khi được hỏi vậy, các Tỷ-kheo ấy bạch Thê Tôn:

- Bạch Thê Tôn, Thê Tôn đi ra chẳng bao lâu, cuộc đàm thoại sau đây đã khởi lên giữa chúng con: "Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Này các hiền giả thật kỳ diệu thay đại thần lực, đại oai lực của Như Lai! Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết Bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thê Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy". *Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này,*

Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy?" *Hay là chư Thiên mách bảo Như Lai và nhờ sự mách bảo này, Như Lai nhớ được các đức Phật quá khứ, các vị này đã nhập Niết bàn* đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát như thế này?" Bạch Thế Tôn, như vậy là vấn đề bàn luận giữa chúng con, khi Thế Tôn đến.

15. - Nay các Tỷ-kheo, **như vậy là pháp giới ấy được khéo chứng đạt bởi Như Lai, và nhờ chứng**

đạt pháp giới này, Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết Bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Này các Tỷ-kheo, vậy hãy nghe và suy nghiệm kỹ,

Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, Thế Tôn giảng như sau:

16. - Nay các Tỷ-kheo, **cách đây chín mươi một kiếp về trước**, Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ đến tám vạn năm. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Patali (Ba-ba-la). Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Khanda (Kiển-trà) và Tissa (Đề-xá). Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội sáu mươi tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Asoka (A-dục), vị

này là vị thị giả đệ nhất. Đây các Tỷ-kheo, Phụ Vương Thế Tôn Tỷ-bà-thi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bandhumā (Bàn-đầu), mẫu hậu tên là Bandhumatī (Bàn-đầu-bà-đề), kinh thành của Bandhumā tên là Bandhumatī.

17. Đây các Tỷ-kheo, **pháp nhĩ là như vậy, Bô-tát Vipassī**, sau khi từ giã cảnh giới Đâu-suất thiên, **chánh niệm tỉnh giác** nhập vào mẫu thai. Đây các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy.

Khi Bô-tát Vipassī từ giã cảnh giới Đâu-suất thiên, chánh niệm tỉnh giác nhập vào mẫu thai, **khí ấy một hào quang vô lượng, thần diệu**, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới ở trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các vị hoàng tử và dân chúng. (1). Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và **mười ngàn thế giới** chuyển động, rung động, chuyển động

mạnh. Và hào quang vô lượng, thần diệu ấy, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Pháp nhĩ là như vậy.

(1) Sadevamanussaya. Có chỗ dịch: chư Thiên và loài người.

Này các Tỷ-kheo, **pháp nhĩ là như vậy**. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, **bốn vị Thiên tử** đứng canh gác bốn phương trời và nói: *"Không cho một ai, người hay không phải loài người, được hãm hại vị Bồ-tát. Pháp nhĩ là như vậy"*.

18. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, me vị Bồ-tát giữ giới một cách hõn nhiên, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống các thứ rượu men, rượu nấu. Pháp nhĩ là như vậy.

19. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, me vị Bồ-tát không khởi dục tâm đối với một nam nhân nào, và không vi phạm tiết hạnh với bất kỳ người đàn ông nào dầu người này có tâm ái nhiễm đối với bà. Pháp nhĩ là gì vậy.

20. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, me vị Bồ-tát có được năm món dục lạc đầy đủ, tận hưởng, trọn hưởng năm món dục

lạc ấy. Pháp nhĩ là như vậy.

21. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay.

Này các Tỷ-kheo, ví như viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo giữa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Rồi một sợi dây được xuyên qua viên ngọc ấy, dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt. Nếu có người có mắt để viên ngọc trên bàn tay của mình, người ấy sẽ thấy rõ ràng: "Đây là viên ngọc lưu ly, thanh tịnh thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt khéo giữa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Đây là sợi dây xuyên qua, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát không một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay. Pháp nhĩ là như vậy.

22. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Sau khi sanh vị Bồ-tát bảy ngày, mẹ vị Bồ-tát mệnh chung

và sanh lên cảnh trời Đâu suất. Pháp nhĩ là như vậy.

23. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác mang bầu thai trong bụng chín tháng hay mười tháng rồi mới sanh, mẹ vị Bồ-tát sanh vị Bồ-tát không phải như vậy. Me vị Bồ-tát mang vị Bồ-tát trong bụng mười tháng trời mới sanh. Pháp nhĩ là như vậy.

24. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác, hoặc ngồi, hoặc nằm mà sanh con, mẹ vị Bồ-tát sanh vị Bồ-tát không phải như vậy. Me vị Bồ-tát đứng mà sanh vị Bồ-tát. Pháp nhĩ là như vậy.

25. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, chư Thiên đỡ lấy Ngài trước, sau mới đến loài người. Pháp nhĩ là như vậy.

26. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, vị Bồ-tát không đụng đến đất. Có bốn Thiên tử đỡ lấy Ngài, đặt Ngài trước bà mẹ và thưa: "Hoàng hậu hãy hoan hỷ. Hoàng hậu sanh một bậc vĩ nhân". Pháp nhĩ là như vậy.

27. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhót nào, không bị nhiễm

ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy.

Này các Tỷ-kheo, như viên ngọc ma-ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba-la-nại. Hòn ngọc không làm nhiễm ô tấm vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nại cũng không làm nhiễm ô hòn ngọc. Vì sao vậy? Vì cả hai đều thanh tịnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhót nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ sự vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy.

28. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, hai dòng nước từ hư không hiện ra, một dòng lạnh, một dòng nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho vị Bồ-tát và cho bà mẹ. Pháp nhĩ là như vậy.

29. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Vì Bồ-tát khi sanh ra, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một long trắng được che trên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lớn tiếng như con ngưu vương, thốt ra lời như sau: "Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta

là bậc tối tôn ở trên đời. Ta là bậc cao nhất ở trên đời. Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sinh ở đời này nữa". Pháp nhĩ là như vậy.

30. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, khi ấy một hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên, và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các vị hoàng tử và dân chúng. Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau mà nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng thần diệu ấy thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Pháp nhĩ là như vậy.

31. Nay các Tỷ-kheo, **khi hoàng tử Vipassī sinh ra, vua Bandhumā được báo tin:** "Đại vương đã được sinh một hoàng tử". Nay các Tỷ-kheo, khi thấy hoàng tử xong, vua Bandhumā liền cho mời các vị

Bà-la-môn đoán tướng và nói: "Này các Hiền giả, hãy xem tướng cho Hoàng tử". Này các Tỷ-kheo, khi xem tướng Hoàng tử Vipassī xong, các vị Bà-la-môn đoán tướng tâu với vua Bandhumā: *"Đại vương hãy hân hoan; Đại vương đã sinh một bậc vĩ nhân! May mắn thay cho Đại vương, đại hạnh thay cho Đại vương đã được một Hoàng tử như vậy sanh trong gia đình. Tâu Đại vương, Hoàng tử này có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân. Ai có đủ ba mươi hai tướng tốt này sẽ chọn hai con đường này thôi, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương, dùng chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, gia chủ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời".*

32. "Đại vương, ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân là gì mà Hoàng tử nếu đầy đủ những tướng tốt

này sẽ chọn đi hai con đường, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương dùng chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc lộ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán. Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời?

33. "Đại vương, Hoàng tử này có lòng bàn chân bằng phẳng, tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân.
34. "Đại vương, dưới hai bàn chân của Hoàng tử này, có hiện ra hình bánh xe, với ngàn tăm xe, với trục xe, vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ, tướng này được xem là tướng của bậc Đại nhân.
35. "Đại vương, Hoàng tử này có gót chân thon dài... (như trước)

36. "Đại vương, Hoàng tử này có ngón tay, ngón chân dài...
37. "Đại vương, Hoàng tử này có tay chân mềm mại...
38. "Đại vương, Hoàng tử này có tay chân có màn da lưới...
39. "Đại vương, Hoàng tử này có mắt cá tròn như con sò...
40. "Đại vương, Hoàng tử này có ống chân như con dê rừng...
41. "Đại vương, Hoàng tử này đứng thẳng, không co lưng xuống, có thể rời từ đầu gối với hai bàn tay...
42. "Đại vương, Hoàng tử này có tướng mã âm tàng...
43. "Đại vương, Hoàng tử này có màu da như đồng, màu sắc như vàng...
44. "Đại vương, Hoàng tử này có da trơn mượt khiến bụi không thể bám dính vào...
45. "Đại vương, Hoàng tử này có lông da mọc từ lông một, mỗi lỗ chân lông có một lông...

46. "Đại vương, Hoàng tử này có lông mọc xoáy tròn thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt...
47. "Đại vương, Hoàng tử này có thân hình cao thẳng...
48. "Đại vương, Hoàng tử này có bảy chỗ tròn đầy...
49. "Đại vương, Hoàng tử này có nửa thân trước như con sư tử...
50. "Đại vương, Hoàng tử này không có lỗm khuyết giữa hai vai...
51. "Đại vương, Hoàng tử này có thân thể cân đối như cây bàng (nigrodha: ni-câu-luật). Bề cao của thân ngang bằng bề dài của hai tay sải rộng, bề dài của hai tay sải rộng ngang bằng bề cao của thân...
52. "Đại vương, Hoàng tử này có bán thân trên vuông tròn...
53. "Đại vương, Hoàng tử này có vị giác hết sức sắc bén...
54. "Đại vương, Hoàng tử này có quai hàm như con

sư tử. .

55. "Đại vương, Hoàng tử này có bốn mươi răng...
56. "Đại vương, Hoàng tử này có răng đều đặn...
57. "Đại vương, Hoàng tử này có răng không khuyết hở...
58. "Đại vương, Hoàng tử này có răng cửa (thái xỉ) tron lảng...
59. "Đại vương, Hoàng tử này có tướng lưỡi rộng dài...
60. "Đại vương, Hoàng tử này có giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim ca-lăng-tần-già (Karavika)...
61. "Đại vương, Hoàng tử này có hai mắt màu xanh đậm...
62. "Đại vương, Hoàng tử này có lông mi con bò cái...
63. "Đại vương, Hoàng tử này giữa hai lông mày, có sợi lông trắng mọc lên, mịn màng như bông nhẹ.
64. "Đại vương, Hoàng tử này có nhục kế trên đầu,

tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân...

33. "Đại vương, Hoàng tử có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân, với ba mươi hai tướng tốt này, Hoàng tử sẽ chọn đi hai con đường, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, Hoàng tử sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành sở hữu của Ngài, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục quả đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu Hoàng tử từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, Hoàng tử sẽ thành bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời".

Này các Tỷ-kheo, Vua Bandhumã ra lệnh cúng dường các vị Bà-la-môn đoán tướng ấy, các áo vải mới và làm thỏa mãn mọi sự đòi hỏi ước muốn.

34. Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumã cho nuôi những người vú cho hoàng tử Vipassī. Người cho bú, người tắm, người lo bông ằm, người mang trên nách. Này các Tỷ-kheo, một lọng trắng ngày đêm được che

trên hoàng tử Vipassī, và lệnh được truyền ra: "Không được để lạnh hay nóng, cỏ, bụi, hay sương làm phiền hoàng tử". Hoàng tử Vipassī được mọi người âu yếm. Nay các Tỷ-kheo, cũng như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hay hoa sen trắng được mọi người yêu thích. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī được mọi người âu yếm, gần như được ẵm từ nách này qua nách người khác.

35. Nay các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī được sinh ra, hoàng tử phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn. Nay các Tỷ-kheo, giống như con chim ca-lăng-tân-già sinh trong núi Hy-mã-lạp sơn, giọng chim rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn. Cũng vậy nay các Tỷ-kheo, Hoàng Tử Vipassī phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn.

36. Nay các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī sanh ra, Thiên nhân hiện ra với Ngài, do nghiệp báo sanh, và nhờ Thiên nhân ấy, Ngài có thể nhìn khắp chung quanh đến một do tuần, ban ngày cũng như ban đêm.

37. Nay các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī sanh ra, Ngài nhìn thẳng sự vật với cặp mắt không nhấp nháy, như hàng chur Thiên ở Tam thập tam thiên. Vì hoàng tử Vipassī nhìn không nhấp nháy, nên nay các Tỷ-

kheo, hoàng tử Vipassī được gọi tên là "**Vipassī Vipassī**", "**Vì đã nhìn thấy**". Nay các Tỷ-kheo, khi vua Bandhumā ngồi xử kiện, vua cho đặt hoàng tử Vipassī ngồi bên nách mình để xử kiện. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī ngồi bên nách vua cha như vậy và chú tâm quan sát phương thức xử kiện đến nổi tự mình cũng có thể phán đoán xử kiện. Nay các Tỷ-kheo, do hoàng tử Vipassī "có thể quan sát và xử kiện đúng luật pháp" và danh từ "Vipassī Vipassī" càng được dùng để đặt tên cho Ngài.

38. Nay các Tỷ-kheo, **rồi vua Bandhumā cho xây dựng ba tòa lầu đài** cho hoàng tử Vipassī, một cho **mùa mưa**, một cho **mùa đông**, một cho **mùa lạnh**, và năm món dục lạc đều được chuẩn bị đầy đủ. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī sống bốn tháng mưa trong lầu đài dành cho mùa mưa, được hầu hạ vui với các nữ nhạc sĩ, và không một lần nào, Ngài bước xuống khỏi lầu.

II

1. - Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh" - "Thưa vâng, Hoàng Tử". Nay các Tỷ-

kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Này các Tỷ-kheo, lúc bảy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

2. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường đi đến vườn ngự uyển, thấy một người già nua, lưng còm như nóc nhà, chống gậy, vừa đi vừa run rẩy, khổ não, không còn đâu là tuổi trẻ. Thấy vậy hoàng tử hỏi người đánh xe:

- *"Này khanh, người đó là ai vậy? Sao thân người đó không giống các người khác?"*
- "Tâu Hoàng tử, người đó là một người được gọi là già vậy".
- "Này khanh, sao người ấy được gọi là một người già?"
- "Tâu Hoàng tử, người ấy gọi là già vì nay người ấy sống không bao lâu nữa".
- "Này khanh, vậy rồi Ta có bị già không, một

người chưa qua tuổi già?"

- "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, dầu chúng ta chưa qua tuổi già!"
- "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".
- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, **hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ. "Sĩ nhục thay, cái gọi là sanh. Và ai sanh ra cũng phải già yếu như vậy!"**.

3. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không, tại vườn ngự uyển? "Này khanh, Hoàng tử có hoan hỷ không, tại vườn ngự uyển?"

- "Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ, tại vườn ngự uyển"

- "Này khanh, khi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?"

- "Tâu đại vương, Hoàng tử trong khi đi đến vườn ngự uyển, thấy một người già nua, lưng còm như nóc nhà, chống gậy vừa đi vừa run rẩy, khổ não không còn đâu là tuổi trẻ. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, người đó là ai vậy? Sao tóc người đó không giống các người khác? Sao thân người đó không giống các người khác?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là vậy" - "Này khanh, sao người ấy được gọi là người già? - "Tâu Hoàng tử, người ấy gọi là già, vì nay người ấy sống không bao lâu nữa". - "Này khanh, vậy rồi Ta có phải bị già không, một người chưa qua tuổi già?" - "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, dầu chúng ta chưa qua tuổi già" - "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng Tử!". Tâu Đại vương, con vâng lời Hoàng tử Vipassì, cho đánh xe trở về cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử trở về cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ. "Sỉ nhục thay, cái gọi là sanh. Và ai sanh ra cũng phải già yếu như vậy".

4. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ: "**Không thể để** cho hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì. Không thể để cho Hoàng tử Vipassì xuất gia. Không thể để cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật".

Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumà lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì khỏi phải xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không trúng sự thật. Và, này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống tận hưởng đầy đủ sung túc năm món dục lạc.

5. Này các Tỷ-kheo hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi người đánh xe... (như trước).

6. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, khi đang đi đến vườn ngự uyển, **thấy một người bệnh hoạn, khổ não, nguy kịch**, bò lết trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt. Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

- "Này khanh, người này đã làm gì, mà mắt của nó không giống mắt của những người khác, giọng nói của nó không giống giọng nói của những người khác?"
- "Tâu Hoàng tử, đó là một người được gọi là một người bệnh vậy".
- "Này khanh, sao người ấy được gọi là một

người bệnh?"

- "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là một người bệnh vì người ấy chưa thoát khỏi căn bệnh của mình"
- "Này khanh, **vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bị bệnh?"**
- "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật, dầu chúng ta chưa bị bệnh tật".
- "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".
- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: **"Sĩ nhục thay, cái gọi là sanh! Và ai sanh ra, cũng phải già, cũng phải bệnh!"**

7. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không tại vườn ngự uyển? Hoàng tử có hoan hỷ không tại vườn ngự uyển?" - "Tâu Đại vương, Hoàng

tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển" - "Này khanh, khi đi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đến vườn ngự uyển thấy một người bệnh hoạn, khổ não, nguy kịch, bò lết trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, người đó đã làm gì mà mắt của nó không giống mắt của người khác, giọng nói của nó không giống giọng nói của những người khác?" - "Tâu Hoàng tử, đó là một người được gọi là một người bệnh vậy". - "Này khanh, sao người ấy được gọi là một người bệnh?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người bệnh, vì người ấy chưa khỏi căn bệnh của mình!" - "Này khanh, vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bị bệnh?" - "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật, dầu chúng ta chưa bị bệnh tật". - "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi! Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng tử". Con vâng theo lời Hoàng tử cho đánh xe trở về cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sỉ nhục thay, cái gọi là sanh! Và ai sanh ra, cũng phải già, cũng phải bệnh!".

- Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ:

"Không thể để" cho Hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì! Không thể để cho Hoàng tử Vipassì xuất gia! Không thể để cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật". Nay các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhuma, lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì không thể xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không trúng sự thật. Và nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống tận hưởng, đầy đủ, sung túc năm món dục lạc.

9. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh". - "Thưa vâng, Hoàng tử".

Nay các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

10. - Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường

đi đến vườn ngự uyển, **thấy một số đông người, mặc sắc phục khác nhau, và đang dựng một dàn hỏa táng.** Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

- "Này khanh, vì sao đám đông người ấy mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng?"
- "Tâu Hoàng tử, vì có một người vừa mới mệnh chung"
- "Này khanh, vậy người hãy đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung!"
- "Thưa vâng, tâu Hoàng tử."

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử, cho đánh xe đến người vừa mới mệnh chung. Này các Tỷ-kheo, khi thấy thân người chết, hoàng tử Vipassì hỏi:

- "Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã chết?"
- "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người đã chết vì nay bà mẹ, ông cha, các người bà con ruột thịt khác không thấy người ấy nữa; và người ấy cũng không thấy bà mẹ, ông cha hay những người bà con ruột thịt khác!"

- "Này khanh, vậy Ta chưa chết, rồi có bị chết không? Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Ta chăng, và Ta sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay những bà con ruột thịt chăng?"
- "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tuy nay chưa chết nhưng rồi sẽ cũng bị chết. Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Hoàng Tử, và Hoàng tử sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác".
- "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".
- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, **hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sĩ nhục thay cái gọi là sanh! Và ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vậy!"**.

11. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không, tại vườn ngự uyển? Hoàng tử có hoan hỷ

không, tại vườn ngự uyển?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển". - "Này khanh đi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đang đi đến vườn ngự uyển, thấy một số đông người, mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng. Thấy vậy Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, vì sao đám đông người ấy, mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng?" - "Tâu Hoàng tử, vì có một người mới mệnh chung". - "Này khanh, vậy người hãy đánh xe lại gần người vừa mới mệnh chung". - "Thưa vâng, tâu Hoàng tử". Con vâng theo lời Hoàng tử, cho đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung. Khi thấy thân chết, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã chết?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người đã chết, vì nay bà mẹ, ông cha hay những bà con ruột thịt khác không thấy người ấy nữa! Và người ấy cũng không thấy bà mẹ, ông cha hay những người bà con ruột thịt khác". - "Này khanh, vậy Ta chưa chết rồi có bị chết không? Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Ta chăng? Và Ta sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác chăng?" - "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tuy nay chưa chết nhưng rồi cũng sẽ bị chết. Phụ vương, Mẫu hậu hay những

người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy hoàng tử, và hoàng tử sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác" - "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng tử". Con vâng theo lời hoàng tử Vipassì cho đánh xe trở về cung. Hoàng tử về trong cung đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sỉ nhục thay cái gọi là sanh! Và ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vậy!".

12. Nay các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ: "Không thể để cho hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì! Không thể để cho hoàng tử Vipassì xuất gia. Không thể để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật".

- Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumà lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì không thể xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không đúng sự thật. Và này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassì sống tận hưởng, đầy đủ, sung túc năm món dục lạc.

13. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi

người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh". - "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

14. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường đi đến ngự uyển thấy một vị xuất gia, đầu trơn, đắp áo cà sa. Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

- "Này khanh, người này đã làm gì, mà đầu người ấy lại khác đầu của những người khác, và áo của người ấy cũng khác áo của những người khác?"
- "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người xuất gia!"
- "Này khanh, sao người ấy được gọi là người xuất gia?"

- "Tâu Hoàng tử, xuất gia nghĩa là khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh!"
- "Này khanh, hãy đánh xe đến gần vị xuất gia".
- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử Vipassì, đánh xe đến gần người xuất gia. Này các Tỷ-kheo, rồi hoàng tử Vipassì hỏi vị xuất gia:

- "Thưa Hiền giả, Ngài đã làm gì, mà đầu của Ngài không giống những người khác, và áo của Ngài không giống các người khác?"
- "Thưa Hoàng tử, tôi là một người xuất gia!"
- "Thưa Hiền giả, thế nào gọi là người xuất gia?"
- "Thưa Hoàng tử, tôi là người được gọi là xuất gia, vì tôi khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh".
- "Thưa Hiền giả, lành thay hạnh xuất gia của

Ngài, lành thay khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh".

15. Này các Tỷ-kheo, rồi hoàng tử Vipassì bảo người đánh xe:

- "Này khanh, hãy lấy xe này và cho đánh xe về cung. Còn Ta ở nơi đây, sẽ cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì lấy xe và đánh xe về cung. Còn hoàng tử Vipassì, chính tại chỗ ấy, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

16. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, tại kinh đô Bandhumatì có một đại chúng tám vạn bốn ngàn người nghe tin: "*Hoàng tử Vipassì đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình*". Khi nghe tin, các vị ấy suy nghĩ: "*Pháp luật như vậy không phải tầm thường, xuất gia như vậy không phải tầm thường, vì hoàng tử Vipassì trong pháp luật ấy đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất*

gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Nay hoàng tử Vipassì đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình tại sao chúng ta lại không?"

Này các Tỷ-kheo, rồi đại chúng tám vạn bốn ngàn người ấy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, dưới sự lãnh đạo của Bồ-tát Vipassì. Rồi Bồ-tát Vipassì cùng với đồ chúng, du hành, đi ngang qua những làng, thị xã và đô thị.

17. Này các Tỷ-kheo, *trong khi yên lặng tịnh cư, Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Sao Ta lại sống bị bao vây bởi đồ chúng này. Tốt hơn là Ta sống một mình, lánh xa đồ chúng này!"*

Này các Tỷ-kheo, sau một thời gian Bồ-tát Vipassì sống một mình, lánh xa đồ chúng, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này đi một ngả, Bồ-tát Vipassì đi một ngả.

18. Này các Tỷ-kheo, *trong khi yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Thế giới này thật rơi vào cảnh khổ não, phải sanh rồi già, rồi chết, rồi từ bỏ thế giới này để tái sanh thế giới khác. Không một ai biết một con đường giải thoát khỏi sự đau khổ này, thoát khỏi già và chết".*

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:
"Cái gì có mặt, già chết mới có mặt? Do duyên gì, già chết sanh?". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây**: "Do **sanh** có mặt, nên già, chết có mặt. Do duyên sanh, nên già chết sanh".

- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:
"Cái gì có mặt, sanh mới có mặt? Do duyên gì, sanh phát khởi?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến sau đây**: "Do **hữu** có mặt nên sanh mới có mặt. Do duyên hữu, nên sanh phát khởi".
- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:
"Cái gì có mặt, hữu mới có mặt? Do duyên gì, hữu phát sanh?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **thủ** có mặt nên hữu mới có mặt. Do duyên thủ, hữu phát sanh".
- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:
"Cái gì có mặt, thủ mới có mặt? Do duyên gì, thủ phát sanh?". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **ái** có mặt, thủ mới phát sanh".

- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, ái mới có mặt. Do duyên gì, ái phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **thọ** có mặt, ái mới có mặt. Do duyên thọ, ái phát sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thọ mới có mặt. Do duyên gì, thọ mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **xúc** có mặt, thọ mới có mặt. Do duyên xúc, thọ mới phát sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, xúc mới có mặt. Do duyên gì, xúc mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **lục nhập** có mặt, xúc mới có mặt. Do duyên lục nhập, xúc mới phát sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, lục nhập mới có mặt. Do duyên gì, lục nhập mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **danh**

sắc có mặt, lục nhập mới có mặt. Do duyên danh sắc, lục nhập mới phát sanh".

- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, danh sắc mới có mặt? Do duyên gì, danh sắc mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **thức** có mặt, danh sắc có mới có mặt. Do duyên thức, danh sắc mới phát sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thức mới có mặt. Do duyên gì, thức mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **danh sắc** có mặt, thức mới có mặt. Do duyên danh sắc, thức mới phát sanh".

19. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ như sau: **"Thức này xoay trở lui lại, từ nơi danh sắc, không vượt khỏi danh sắc. Chỉ như thế này, con người được sanh ra hay trở thành già, hay bị chết, hay từ biệt cõi này, hay sanh lại ở cõi khác, nghĩa là do duyên danh sắc, thức sanh; do duyên thức, danh sắc sanh; do duyên danh sắc, lục nhập sanh; do duyên lục nhập, xúc sanh; do duyên xúc, thọ sanh; do duyên thọ, ái sanh; do duyên ái, thủ**

sanh; do duyên thủ, hữu sanh; do duyên hữu, sanh sanh; do duyên sanh, lão, tử, sầu bi, khổ ưu não sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này".

→ "Tập khởi, tập khởi". Nay các Tỷ-kheo, từ nơi Bồ-tát Vipassì, khởi sanh pháp nhân từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh.

20. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: **"Do cái gì không có mặt, già chết không có mặt? Cái gì diệt, già chết diệt?"** Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây:** "Do **sanh** không có mặt, già chết không có mặt, do sanh diệt, già chết diệt".

Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, sanh không có mặt? Cái gì diệt, sanh diệt?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây:** "Do **hữu** không có mặt, sanh không có mặt, do hữu diệt, sanh diệt".

Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, hữu không có mặt? Cái gì diệt, hữu diệt?". Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến

sau đây: "Do **thủ** không có mặt, hữu không có mặt, do thủ diệt, hữu diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, thủ không có mặt? Cái gì diệt, thủ diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **ái** không có mặt, thủ không có mặt, do ái diệt, thủ diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, ái không có mặt? Cái gì diệt, ái diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **tho** không có mặt, ái không có mặt, do thọ diệt, ái diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, thọ không có mặt? Cái gì diệt, thọ diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **xúc** không có mặt, thọ không có mặt, do xúc diệt, thọ diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, xúc không có mặt? Cái gì diệt, xúc diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến

sau đây: "Do **lục nhập** không có mặt, xúc không có mặt, do lục nhập diệt, xúc diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì có mặt, lục nhập không có mặt? Cái gì diệt, lục nhập diệt". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **danh sắc** không có mặt, lục nhập không có mặt, do danh sắc diệt, lục nhập diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, danh sắc không có mặt? Cái gì diệt danh sắc diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **thức** không có mặt, danh sắc không có mặt, do thức diệt, danh sắc diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì không có mặt, thức không có mặt? Do cái gì diệt, thức diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **danh sắc** không có mặt, thức không có mặt, do danh sắc diệt, thức diệt".

21. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "**Ôi, Ta đã chứng được con đường đưa đến Bồ-đề, nhờ pháp tu quán. Nghĩa là, do danh sắc diệt, thức diệt; do thức diệt, danh sắc diệt; do danh sắc**

diệt, lục nhập diệt; do lục nhập diệt, xúc diệt; do xúc diệt, thọ diệt, do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt; do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, ưu, bi, khổ, sầu, não diệt. Như vậy, toàn bộ khổ uẩn diệt".

→ "Diệt, diệt". Nay các Tỷ-kheo, từ nơi Bồ-tát Vipassì, khởi sanh pháp nhãn từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh.

22. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau một thời gian sống quán sự sanh diệt trong năm uẩn:**

"Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ diệt. Đây là tưởng, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng diệt. Đây là hành, đây là hành tập khởi, đây là hành diệt! Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức diệt".

Và đối với Ngài, sau khi **sống quán pháp sanh diệt trong năm thủ uẩn**, chẳng bao lâu các lậu hoặc được tiêu trừ và Ngài được giải thoát.

III.

1. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác liền suy nghĩ: "Nay Ta hãy thuyết pháp".

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưu ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý ida-paccayata paticca samuppàda: **Y tánh duyên khởi pháp**; thật khó mà thấy được định lý tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta!"

2. Này các Tỷ-kheo, với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, những bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên:

Sao nay Ta lại nói lên chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn.

Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham sân chi phối.

Những ai bị ái nhiễm và vô minh bao phủ rất khó thấy pháp này.

Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thấy, vi tế.

Này các Tỷ-kheo, với những lời như vậy, suy tư trên vấn đề, tâm của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp**. Khi bấy giờ, một trong các vị Đại Phạm thiên, khi biết được tư tưởng của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nhờ tư tưởng của mình, liền suy nghĩ: **"Than ôi, thế giới sẽ bị tiêu diệt, thế giới sẽ bị hoại vong, nếu tâm của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp!"**

3. Này các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên ấy, như một nhà lực sĩ đuổi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đuổi thẳng, cũng vậy vị ấy biến mất từ thế giới Phạm thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo, rồi vị Đại Phạm thiên đáp thượng y trên một bên vai, quỳ đầu gối bên phải trên mặt đất, chấp tay hướng về Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và bạch rằng: **"Bach Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiên Thê, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít bị bụi trần che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe chánh pháp. (Nếu được nghe), những vị này có thể thâm hiểu chánh pháp".**

4. Này các Tỷ-kheo, được nghe nói vậy, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói với vị

Đại Phạm thiên: "Này Phạm thiên, Ta đã suy nghĩ như sau: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ có người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý y tánh duyên khởi pháp; thật khó mà thấy được định lý tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật mệt mỏi cho Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta". Này Phạm thiên, khi ấy những bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng nghe khởi lên nơi Ta:

Sao nay Ta lại nói lên chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn?

Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham sân chi phối.

Những ai bị ái nhiễm và vô minh bao phủ rất khó mà thấy được pháp này.

Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thấy, vi tế.

Này Phạm thiên, với những lời như vậy, suy tư trên vấn đề, tâm của Ta hướng về vô vi thụ động,

không muốn thuyết pháp.

5. Này các Tỷ-kheo, lần thứ hai vị Đại Phạm thiên ấy... (như trên)...

6. Này các Tỷ-kheo, lần thứ ba, vị Đại Phạm thiên ấy bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác: "Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít bị bụi trần che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe chánh pháp, những vị này có thể thâm hiểu chánh pháp!"

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác biết được lời khuyên thỉnh của vị Phạm Thiên, vì lòng từ bi đối với chúng sanh, nhìn đời với Phật nhãn. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nhìn đời với Phật nhãn, thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời, có hạng lợi căn độn căn, có hạng tánh thuận tánh nghịch, có hạng dễ dạy khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm.

Như trong hồ sen xanh, sen hồng hay sen trắng, có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, không

vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước; có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước lớn lên dưới nước, sống vươn lên tới mặt nước, có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước lớn lên dưới nước vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước làm đắm ướt. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nhìn quanh thế giới với Phật nhãn. Ngài thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời, có hạng lợi căn độn căn, có hạng tánh thuận tánh nghịch, có hạng dễ dạy khó dạy, một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm.

7. Rồi vị Đại Phạm thiên, với tâm mình biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, liền nói với Ngài, bài kệ sau đây:

Như con người đứng trên đỉnh núi nhìn quanh dân chúng phía dưới.

Cũng vậy Ngài Sumedha lên lầu chánh pháp, bậc biến nhãn, thoát ly sáu muộn.

Nhìn xuống quần chúng, âu lo sáu muộn bị sanh già áp bức.

Hãy đứng lên, bậc anh hùng, bậc chiến thắng

ở chiến trường!

Vị trưởng đoàn lũ khách, đáng thoát ly mọi nợ nần!

Thế Tôn hãy đi khắp thế giới hoằng dương chánh pháp.

Có người nhờ được nghe, sẽ thâm hiểu diệu nghĩa!

Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trả lời vị Đại Phạm thiên với bài kệ sau đây:

Cửa bất diệt đã được mở rộng,

Hỡi những ai được nghe, hãy từ bỏ tà kiến của mình.

Vì nghĩ đến mệt mỏi hoài công, này Phạm Thiên.

Ta không muốn giảng Chánh pháp vì diệu cho loài người!

Này các Tỷ-kheo, rồi vị Đại Phạm thiên với ý nghĩ: "Ta đã là người mở đường cho Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuyết pháp", rồi đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ.

8. Nay các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: *"Ta thuyết pháp cho ai trước tiên? Ai sẽ mau hiểu chánh pháp này?"*

Nay các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: "Nay vương tử Khanda (Kiến-trà) và con vương sư Tissa (Đề-xá) trú ở kinh đô Bandhumatì (Bàn-đầu-bà-đề) là bậc tri thức đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm ô bởi bụi đời. Nay ta hãy thuyết pháp cho vương tử Khanda và con vương sư Tissa trước tiên, hai vị này sẽ sớm thâm hiểu chánh pháp này".

Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác như một nhà lực sĩ đuổi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đuổi thẳng, biến mất từ cây Bồ đề, hiện ra tại vườn Lộc Uyển Khenma, kinh đô Bhadhumatì.

9. Nay các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác gọi người giữ vườn:

- "Này bạn, hãy vào kinh đô Bandhumatì, nhắn với vương tử Khanda và con vương sư Tissa rằng Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh đô Bandhumatì, hiện trú ở Lộc Uyển Khema và muốn gặp hai vị!"

- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn".

Này các Tỷ-kheo, người giữ vườn vâng theo lời dạy của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vào kinh đô Bandhumatì và thưa với vương tử Khanda và con vương sư Tissa: "Thưa quý vị, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh đô Bandhumatì và hiện ở Lộc Uyển Khema. Ngài muốn gặp quý vị!"

10. Này các Tỷ-kheo, Vương tử Khanda và con vương sư Tissa cho thắt những cỗ xe thù thắng, tự mình leo lên một cỗ xe thù thắng rồi cùng với các cỗ xe thù thắng khác, cho xe ra khỏi kinh thành Bandhumati, đi đến Lộc Uyển Khema, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến trước Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Khi đến nơi, hai vị này đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

11. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuần thữ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng, và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của hai vị này đã thuần thực, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại

mà được chư Phật đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần tịnh không có tý vết, rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, vương tử Khanda và con vương sư Tissa, chính tại chỗ ngồi này chúng được Pháp nhãn xa trần ly cấu: **"Phàm pháp gì đã sanh rồi cũng phải diệt"**.

12. Hai vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự, diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bôn Sư, liền bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"Thật di diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn và quy y Pháp. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới".

13. Nay các Tỷ-kheo, vương tử Khanda và con vương sư Tissa được xuất gia với Thế Tôn Vipassì,

bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy hai vị này, khuyến khích làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự ha liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết-bàn. Và hai vị nay nhờ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, **không bao lâu tâm trí không còn chấp thủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.**

14. Nay các Tỷ-kheo, trong khi kinh thành Bandhumatì có đại chúng khoảng tám vạn bốn ngàn vị được nghe: "Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh thành Bandhumatì và ở tại Lộc Uyển Khema. Vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn, Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác".

Khi nghe vậy, các vị này tự nghĩ: "*Chắc chắn, pháp luật này không thể tâm thường, sự xuất gia này không thể tâm thường, vì vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc,*

đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Tại sao chúng ta lại không làm vậy?"

Này các Tỷ-kheo, rồi đại chúng ấy gồm khoảng **tám vạn bốn ngàn** vị đi ra khỏi kinh thành Bandhumatì đến Lộc Uyển Khema, chỗ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở, Khi đến nơi, các vị này đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

15. Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác **thuận thứ thuyết pháp**, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuận thực, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tám vải thuần tịnh, không có tỳ vết rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy tám vạn bốn ngàn vị này, chính tại chỗ ngồi này, chúng được pháp nhãn xa trần ly cấu: "Phàm pháp gì đã sanh rồi cũng phải diệt".

16. Những vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn Sư, liền bạch Thế Tôn

Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn, Như người dựng đứng lại, những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn và quy y Pháp. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới!".

17. Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị này được xuất gia với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác giảng dạy những vị này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết Bàn. Và những vị này, nhờ Thế Tôn Vipassì bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp chủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

18. Nay các Tỷ-kheo, nay tám vạn bốn ngàn các vị

xuất gia từ trước, được nghe: "Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh thành Bandhumatì, ở tại Lộc Uyển Khema và thuyết pháp". Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này, đi đến Lộc Uyển Khema, chỗ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở. Khi đến nơi, các vị này đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

19. Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuận thứ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuần thực, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tám vải thuần tịnh, không có tỳ vết, rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này, chính tại chỗ ngồi này, chứng được pháp nhãn xa trần ly cấu: "Phàm pháp gì đã sanh ra rồi cũng phải diệt".

20. Những vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn Sư, liền bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác: "Thật vi

diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, Bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tăng. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới!".

21. Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy những vị này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết Bàn. Và những vị này nhờ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp chủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

22. Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ đại chúng Tỷ-kheo khoảng **sáu trăm tám mươi vạn vị** trú tại kinh đô

Bandhumatì. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, trong khi yên lặng tịnh cư đã suy nghĩ như sau: "Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh thành Bandhumatì. Sao Ta lại không khuyến dạy các vị Tỷ-kheo ấy: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Nay các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Cứ sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn".

23. Nay các Tỷ-kheo, một vị Đại Phạm thiên khác, với tâm tư của mình biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Như một vị lực sĩ duỗi cánh tay co lại hay co lại cánh tay đã duỗi ra, vị này biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Nay các Tỷ kheo, lúc bấy giờ vị Đại Phạm thiên, đắp thượng y trên một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh

Đẳng Giác và bạch Ngài:

- "Nhu vậy là phải, bạch Thế Tôn! Nhu vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy khuyên dạy đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị ở kinh đô Bandhumati: "Này các Tỷ-kheo hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp". Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ làm như các vị Tỷ-kheo. Sau sáu năm, các vị này đến kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn".

Này các Tỷ-kheo, Đại Phạm thiên thuyết như vậy. Sau khi nói xong, vị này đánh lễ Thế Tôn Vipassi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, lưng bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ.

24. Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vào buổi chiều xuất định

đứng dậy và nói với các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, trong khi Ta yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, ý nghĩ sau đây khởi lên: "Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh thành Bandhamatì. Sao Ta lại không khuyến dạy các Tỷ-kheo ấy: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn".

25. Nay các Tỷ-kheo, một Đại Phạm thiên khác với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Ta. Như một vị lực sĩ đuổi cánh tay đã co lại hay co lại cánh tay đã duỗi ra, vị này biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mắt Ta. Nay các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên, đắp thượng y trên một bên vai, chấp tay hướng đến Ta và bạch với ta: "Như vậy là phải, Bạch Thế Tôn! Như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ! Bạch Thế

Tôn! Thế Tôn hãy khuyến dạy đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị ở kinh đô Bandhumatì: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp, sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ làm như các Tỷ-kheo. Sau sáu năm các vị này sẽ đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn". Này các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên thuyết như vậy. Sau khi nói xong, vị này đánh lễ Ta, lưng bên hữu hướng về Ta và biến mất tại chỗ.

26. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến dạy các người: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm

hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít
nhiễm bụi đời, nếu không được nghe giảng chánh
pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu
chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô
Bandhumatì để tụng đọc giới bốn".

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy, một phần lớn
trong ngày ấy đã lên đường đi khắp quốc độ.

27. Này các Tỷ-kheo, lúc bảy giờ tại Jambudīpa
(Diêm phù đề) có tám vạn bốn ngàn túc xá. **Khi một
năm vừa mãn, chư Thiên tuyên bố:** "Này Hiền giả,
một năm vừa mãn, nay còn lại năm năm. Sau năm
năm, hãy đến tại kinh đô Bandhamatì để tụng đọc
giới bốn!"

Hai năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả,
hai năm vừa mãn, nay còn lại bốn năm. Sau bốn năm,
hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới
bốn!"

Ba năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả,
ba năm đã mãn, nay còn lại ba năm. Sau ba năm, hãy
đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn!"

Bốn năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền
giả, bốn năm đã mãn, nay còn hai năm. Sau hai năm,
hãy đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn!"

Năm năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, năm năm đã mãn, nay còn lại một năm. Sau một năm, hãy đến tại đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn!"

Sáu năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, sáu năm đã mãn. Nay đã đến ngày đi đến kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn".

Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy, một số vị với thần lực của mình, một số với thần lực của chư Thiên trong ngày ấy đã đi đến kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn.

28. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giữa chúng Tỷ-kheo, tụng đọc giới bốn này:

"Chư Phật dạy Niết-bàn là đệ nhất.

"Nhẫn nhục, khổ hạnh, kham nhẫn, là đệ nhất.

"Người xuất gia hại người xuất gia khác.

"Hại người khác như vậy không xứng gọi là Sa-môn.

"Mọi điều ác không làm, hướng tâm các thiện nghiệp.

"Giữ tâm trí thanh tịnh, chính lời chư Phật dạy.

"Không chỉ trích, không đánh đập, giữ mình trong giới bổn.

"Ăn uống có tiết độ, ngủ nghỉ riêng một mình.

"Hướng tâm đến cao khiết, chính lời chư Phật dạy".

29. Nay các Tỷ-kheo, một thời ta ở tại Ukkhattha (Úc-Già La), trong rừng Subhaga, dưới gốc cây ta-la vương. Nay các Tỷ-kheo, trong khi Ta an lặng tĩnh cư, tư tưởng sau đây khởi lên: "Có một trú xứ, một loại chúng sanh rất dễ đến mà Ta từ trước không đến ở trong một thời gian khá lâu! Đó là chư Thiên **Suddhàvāsa (Tịnh Cư thiên)**. Vậy nay Ta hãy đến chư Thiên ở **Tịnh Cư thiên!**".

Này các Tỷ-kheo, như một lực sĩ duỗi cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đã duỗi ra, Ta biến mất ở Ukkattha, trong rừng Subhaga, dưới gốc cây Ta-La vương và hiện ra trước chư Thiên ở Tịnh Cư thiên. Trong đại chúng chư Thiên ấy một số vài ngàn chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau:

- "Này Hiền giả, nay đã được chín mươi một kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sanh, thuộc chủng tánh Sát Đế Ly. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna (Câu-Ly-Nhã). Này Hiền giả, trong thời Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Pàtali (Ba-ba-la). Này Hiền giả, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Khanda (Kiền-trà) và Tissa (Đề-xá). Này Hiền giả, trong thời Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội, một Tăng hội sáu trăm tám mươi vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất. Này Hiền giả, phụ vương Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Bandhuma, mẫu hậu tên là Bandhumatì (Bàn-đầu-bà-đề). Kinh thành của vua Bandhuma tên là Bandhumatì. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế

này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Này Hiền giả, **chúng con là những người đã tu phạm hạnh với Thế Tôn Vipassì**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này".

30. Này các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên...

... một số vài trăm chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên. Này các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta:

- "Này Hiền giả, trong hiện kiếp này, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nay ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn, thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, thuộc gia tộc Sát-đế-ly. Này Hiền giả, Thế Tôn thuộc **danh tánh Gotama (Cù-đàm)**. Này Hiền giả, Thế Tôn tuổi thọ không bao nhiêu, ít oi, tuổi thọ loài người khoảng một trăm năm hay hơn một chút. Này Hiền giả, Thế Tôn giác ngộ dưới gốc cây assattha (bát-đa-la). Này Hiền giả, Thế Tôn có hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử tên là Sàriputta và Moggallàna (Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên). Này Hiền giả, Thế Tôn có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi

vị. Nay Hiền giả, Tăng hội này của Thế Tôn gồm toàn những vị đã diệt trừ lậu hoặc. Nay Hiền giả, Thế Tôn có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Ànanda (A-nan), vị này là thị giả đệ nhất. Nay Hiền giả, phụ vương của Thế Tôn tên là Suddhodana (Tịnh Phạn), Hoàng hậu là Màya (Ma-gia) kinh đô là Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ). Nay Hiền giả, Thế Tôn xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Nay Hiền giả, **chúng tôi là những người đã tu phạm hạnh với Thế Tôn**, đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này".

31. Nay các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với **chư Thiên Avihà (Vô Nhiệt thiên)** đến **chư Thiên Atappà (Vô Phiền thiên)**. Nay các Tỷ-kheo, rồi cùng với chư Thiên Avihà và chư Thiên Atappà đến **chư Thiên Sudassà (Thiện Kiến thiên)**. Nay các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà, chư Thiên Atappà và chư Thiên Sudassà đến **chư Thiên Sudassi (Thiện Hiên thiên)**.

Nay các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà, chư Thiên Atappà, chư Thiên Sudassà và chư Thiên Sudassi đến **chư Thiên Akanitthà (Sắc Cứu Kính thiên)**. Nay các Tỷ-kheo, lại trong Đại chúng chư

Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên. Nay các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau: "Này Hiền giả, nay đã được chín mươi một kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời... (như số 29)".

32. Nay các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên (như trước) một số vài trăm chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên. Nay các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau: "Này Hiền giả, trong Hiền kiếp này đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nay ra đời... (như số 30)".

33. Nay các Tỷ-kheo, **như vậy Như Lai khéo chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn,** đã đoạn các chương đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn này, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Thế Tôn thuyết pháp như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy
hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

143 Thời nào phù hợp để đi gặp các vị... - Kinh CÁC THỜI GIAN 1 – Tăng III, 64

CÁC THỜI GIAN 1 –Tăng III, 64

1. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Có bao nhiêu thời gian để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý?

2. - Có sáu thời gian, này Tỷ-kheo, để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý.

Thế nào là sáu?

3. Ở đây, này Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo sống với tâm bị dục tham chi phối, bị dục tham ám ảnh, vị ấy không như thật rõ biết dục tham đang khởi lên, trong khi ấy, sau khi đến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý, vị ấy cần được nói như sau: *"Thưa Hiền giả, tôi sống với tâm bị dục tham chi phối, bị dục tham ám ảnh, tôi không như thật rõ biết xuất ly khỏi dục tham. Lành thay, nếu Tôn giả thuyết pháp cho tôi để đoạn tận dục tham". Và Tỷ-kheo đã được tu tập về ý thuyết pháp để đoạn tham.*

Này Tỷ-kheo, đây là thời thứ nhất để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý.

4. Lại nữa, này Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo sống với tâm bị sân chi phối, bị sân ám ảnh, không như thật rõ biết xuất ly khỏi sân được khởi lên, trong khi ấy, sau khi đến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý, vị ấy cần được nói như sau: "Thưa Hiền giả, tôi sống với tâm bị dục sân chi phối, bị dục sân ám ảnh, tôi không như thật rõ biết xuất ly khỏi sân. Lành thay, nếu Tôn giả thuyết pháp cho tôi để đoạn tận sân". Và Tỷ-kheo đã được tu tập về ý thuyết pháp để đoạn sân.

Này Tỷ-kheo, đây là thời thứ hai để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý.

5-7. Lại nữa, này Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo sống với tâm bị hôn trầm thuy miên chi phối, bị hôn trầm thuy miên ám ảnh...

...bị trạo hối chi phối, bị trạo hối ám ảnh... bị nghi chi phối, bị nghi ám ảnh, không như thật rõ biết xuất ly khỏi nghi được khởi lên, trong khi ấy, sau khi đến, Tỷ-kheo đã được tu tập về ý, vị ấy cần được nói như sau: "Thưa Hiền giả, tôi sống với tâm bị nghi chi phối, với tâm bị nghi ám ảnh. Tôi không như thật rõ biết xuất ly khỏi nghi. Lành thay, nếu Tôn giả thuyết pháp cho tôi để đoạn tận nghi". Và Tỷ-kheo đã được tu tập về ý thuyết pháp để đoạn tận nghi.

Này Tỷ-kheo, đây là thời thứ năm để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý.

8. Lại nữa, này Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo y cứ nơi tướng nào, do tác ý tướng ấy, các lậu hoặc được đoạn diệt, không có gián đoạn, vì ấy không biết, không thấy tướng ấy, trong khi ấy, sau khi đi đến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý, vị ấy cần được nói như sau: *"Thưa Hiền giả, y cứ nơi tướng nào, do tác ý tướng ấy các lậu hoặc được đoạn diệt, không có gián đoạn, tôi không biết không thấy tướng ấy. Lành thay, nếu Tôn giả thuyết pháp cho tôi để đoạn diệt các lậu hoặc"*. Và Tỷ-kheo đã được tu tập về ý thuyết pháp để đoạn diệt các lậu hoặc.

Này Tỷ-kheo, đây là thời thứ sáu để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý.

Đây là sáu thời gian, này Tỷ-kheo, để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý.

144 Thọ sắt Cunda - Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN – 16 Trường I, 539

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BẢN
(*MAHA PARINIBBANA SUTTA*)
– Bài kinh số 16 – Trường I, 539

I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Ràjagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakùta (Linh Thú). Lúc bấy giờ, Ajàtasattu Vedehiputta (A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi, vua nước Magadha, muốn chinh phục dân Vajjì (Bạc-kỳ). Vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjì; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì; ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vong".

2. Rồi Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha nói với Bà-la-môn Vassakara (Vũ Xá), đại thần nước Magadha:

- Nay Bà-la-môn, hãy đi đến Thế Tôn, và nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Ngài, vãn an. Ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú: "Bạch Thế Tôn, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước

Magadha cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, vấn an Ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, lạc trú". Và khanh bạch tiếp: "Bạch Thế Tôn, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha muốn chinh phục dân Vajjì, vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjì; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì; ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vong". Thế Tôn trả lời khanh thế nào, hãy ghi nhớ kỹ và nói lại ta biết. Các bậc Thế Tôn không bao giờ nói lời hư vọng.

- Đại vương, xin vâng!

3. Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha vâng theo lời dạy của Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cho thắng những cỗ xe thù thắng, tự mình cỡi lên một chiếc, cùng với các cỗ xe ấy đi ra khỏi Ràjagaha (Vương Xá), đến tại núi Linh Thứu, đi xe đến chỗ còn dùng xe được, rồi xuống xe đi bộ đến chỗ Thế Tôn, khi đến liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha, bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, vấn an ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, khỏe

mạnh, lạc trú. Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha muốn chinh phục dân xứ Vajjì. Vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh, ta quyết làm cỏ dân Vajjì, ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì, ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vọng".

4. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ananda đứng quạt sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

→ *Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì **thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau không?***

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau.

- Này Ananda, khi nào dân Vajjì *thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau*, thời này Ananda, **dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.**

→ *Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì **tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết không?***

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết.

- Nay Ananda, khi nào nghe dân Vajjì *tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết*, nay Ananda dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ Nay Ananda, Người có nghe dân Vajjì *không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thời xưa* không?

- Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thuở xưa.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì, *không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thuở xưa* thời, nay Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ Nay Ananda, Người có nghe dân Vajjì *tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này* không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này, thời dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình không?*

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình.

- Nay Ananda, khi nào Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình thời, nay Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp không?*

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phước các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phước các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Này Ananda, Người có nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc không?*

- Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc, thời này

Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

5. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha:

- Nay Bà-la-môn, một thời Ta sống ở Vesàli tại tự miếu Sàrandada, **Ta dạy cho dân Vajjì bảy pháp bất thối này**. Nay Bà-la-môn, khi nào bảy pháp bất thối được duy trì giữa dân Vajjì, khi nào dân Vajjì được giảng dạy bảy pháp bất thối này, thời Bà-la-môn, **dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm**.

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, nếu dân Vajjì chỉ hội đủ một pháp bất thối này, thời dân Vajjì nhất định được cường thịnh, không bị suy giảm, huống nữa là đủ cả bảy pháp bất thối. Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha không thể đánh bại dân Vajjì ở chiến trận trừ phi dùng ngoại giao hay kế ly gián. Tôn giả Gotama, nay chúng con phải đi, chúng con có nhiều việc và có nhiều bổn phận.

- Nay Bà-la-môn, Người hãy làm những gì Người nghĩ là hợp thời.

Bà-la-môn Vassakara, vị đại thần nước Magadha hoan hỷ, tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.

6. Khi Bà-la-môn Vassakara đi chưa bao lâu, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đi và tập hợp tại giảng đường tất cả những vị Tỷ-kheo sống gần Ràjagaha (Vương Xá).

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng theo lời dạy Thế Tôn, đi tập hợp tất cả những vị Tỷ-kheo sống gần Vương Xá rồi đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài, đứng một bên và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Tăng đã tu họp. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.

Rồi Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến giảng đường, ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn và nói với các vị Tỷ-kheo:

► *Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng **bảy pháp bất thời**.
Hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.*

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy trả lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

8. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
9. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập trong niêm đoàn kết, giải tán trong niêm đoàn kết, và làm việc Tăng sự trong niêm đoàn kết, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
10. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với những học giới được ban hành, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
11. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc Tỷ-kheo thượng tọa những vị này là những vị giàu kinh nghiệm, niên cao lap trưởng, bậc cha của chúng Tăng, bậc thầy của chúng Tăng và

nghe theo lời dạy của những vị này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

12. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bị chi phối bởi tham ái, tham ái này tác thành một đời sống khác, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
13. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thích sống những chỗ nhàn tịnh, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
14. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tự thân an trú chánh niệm, khiến các bạn đồng tu thiện chí chưa đến muốn đến ở, và các bạn đồng tu thiện chí đã đến ở, được sống an lạc, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào **bảy pháp bất thối** này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

7. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *bảy pháp bất thối khác*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

8. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích làm thế sự, không hoan hỷ làm thế sự, không đam mê làm thế sự, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
9. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích phiếm luận, không hoan hỷ phiếm luận, không đam mê phiếm luận, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
10. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích ngủ nghỉ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
11. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích quần tu, không hoan hỷ quần tu, không đam mê quần tu, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh,

không bị suy giảm.

12. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không có ác dục vọng, không bị chi phối bởi ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
13. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bận bẻ ác dục vọng, không thân tín ác dục vọng, không công hành với ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
14. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không dừng ở nửa chừng, giữa sự đạt đến những quả vị thấp kém và những quả vị thù thắng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

8. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *bảy pháp bất thối khác*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo có tín tâm, có tà, có quý, có nghe nhiều, có tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

9. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Chư Tỷ-kheo đáp ứng. Thế Tôn nói:

- Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, tu tập trạch pháp giác chi, tu tập tinh tấn giác chi, tu tập hỷ giác chi, tu tập khinh an giác chi, tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

10. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *bảy pháp bất thối khác*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập vô thường tưởng, tu tập vô ngã tưởng, tu tập bất tịnh tưởng, tu tập nguy hiểm tưởng, tu tập xả ly tưởng, tu tập vô tham tưởng, tu tập diệt tưởng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

11. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *sáu pháp bất thối*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

7. Nay các, Tỷ-kheo khi nào các vị Tỷ-kheo **đổi với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đông người và vắng người, gìn giữ thân nghiệp từ hòa**, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
8. Nay các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đổi với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đông người và vắng người, **gìn giữ khẩu nghiệp từ hòa**...
9. ... **gìn giữ ý nghiệp từ hòa** tại chỗ đông người và vắng người, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
10. Nay các Tỷ-kheo, khi nào **các vị Tỷ-kheo phân phối không thiên vị, chung thọ hưởng với các bạn giới đức đồng tu, mọi lợi dưỡng chơn chánh, hợp pháp, cho đến những vật thọ lãnh trong bát khát thực**, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

11. Nay các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo sống với các bạn đồng tu, tại chỗ đông người, và vắng người, trong sự thọ trì những giới luật, đúng với Sa-môn hạnh, những giới luật không bị gãy vụn, không bị sút mẻ, không bị tỳ vết, không bị uestrước, những giới luật đưa đến giải thoát, được người có trí tán thán, không bị ô nhiễm bởi mục đích sai lạc, những giới luật hướng đến định tâm, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
12. Nay các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo sống với các bạn đồng tu, tại chỗ đông người và vắng người, trong sự thọ trì những tri kiến đúng với Sa-môn hạnh, những thánh tri kiến đưa đến giải thoát, hướng đến sự diệt tận khổ đau cho những ai thiết hành theo, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào **sáu pháp bất thối này** được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy sáu pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

12. Trong thời gian Thế Tôn ở Vương Xá tại núi Linh Thứu, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: **"Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu"**.

13. Thế Tôn ở Vương Xá cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài gọi tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Ambalatthikà.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Ambalatthikà.

14. Tại Ambalatthikà, Thế Tôn thân trú tại nhà nghỉ mát của vua. Trong thời gian Thế Tôn ở Ambalatthikà, tại nhà nghỉ mát của vua, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các

món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

15. Thế Tôn ở Ambalatthikà cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài bảo tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Nalandà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nalandà. Tại đây, Thế Tôn ở Pavarikambavana (Ba Ba Lợi Âm Bà Lâm).

16. Tôn giả Sàriputta (Xá Lợi Phất) đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác.

- Nay Sàriputta, lời nói của Người thật là đại ngôn, thật là gan dạ. Người thật đã rống tiếng rống con sư

tử: "Con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác".

Này Sàriputta, có phải Ngươi đã biết tất cả những Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, Ngươi đã biết tâm những Vị này nói với tâm của Ngươi: "Những Thế Tôn này ở quá khứ có giới đức như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Sàriputta, có phải Ngươi đã biết tất cả những Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở tương lai, Ngươi đã biết tâm những vị này với tâm của Ngươi: "Những Thế Tôn này ở tương lai có giới đức như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Sàriputta, có phải Ngươi biết Ta là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở hiện tại, Ngươi đã biết tâm Ta với tâm của Ngươi. "Thế Tôn có giới đức như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có

hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Sàriputta, như vậy Người không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. Như vậy, này Sàriputta, vì sao Người lại thốt ra những lời đại ngôn, lời nói gan dạ, rống lên tiếng rống con sư tử: "Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác"?

17. Bạch Thế Tôn, con không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. **Nhưng con biết truyền thống về chánh pháp.**

Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì tại Biên cảnh, thành này có hào lũy kiên cố, có thành quách tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa ra vào. Tại đây có một người gác cửa thông minh, biệt tài và nhiều kinh nghiệm, không cho vào các người lạ mặt, chỉ cho vào những người quen mặt. Người này trong khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy có thể không thấy các chỗ nổi hay khe hở của

tường, cho đến chỗ một con mèo có thể lọt ra được, nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn vào hay ra thành trì này tất cả đều đi vào hay đi ra bởi cửa này.

- Bạch Thế Tôn, cũng vậy con biết truyền thống về chánh pháp.
- Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, tất cả vị Thế Tôn này đã **diệt trừ Năm Triền cái**, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã **an trú tâm vào Bốn Niệm xứ**, đã chân chánh **tu tập Bảy Giác chi**, đã **chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác**.
- Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong tương lai, tất cả Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hiện tại đã diệt trừ Năm Triền Cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.

18. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Nalandà, rừng Pavarikamba, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo.

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

19. Thế Tôn ở Nalandà cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi gọi tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Pàtaligàma.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Pàtaligàma.

20. Lúc bấy giờ, các cư sĩ ở Pàtaligàma được nghe Thế Tôn đã đến làng Pàtaligàma. Các cư sĩ ở Pàtaligàma đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các cư sĩ ở Pàtaligàma bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy đến ở tại nhà nghỉ mát của chúng con". Thế Tôn im lặng nhận lời.

21. Các cư sĩ ở Pàtaligàma được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt. Các cư sĩ này đi đến nghỉ mát, rải cát khắp tất cả sàn nhà, sắp đặt chỗ ngồi, đặt ghè nước, chuẩn bị dầu đèn rồi đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một bên, các cư sĩ ở Pàtaligàma bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, tất cả nhà nghỉ mát đã được rải cát, các chỗ ngồi đã được sắp đặt, ghè nước đã đặt sẵn, dầu đèn đã được chuẩn bị. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là phải thời.

22. Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến nhà nghỉ mát, sau khi đến liền rửa chân bước vào nhà, ngồi xuống, lưng dựa và bức tường ở giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo sau khi rửa chân, bước vào nhà ngồi xuống, lưng dựa vào bức tường phía Đông, hướng mặt phía Tây, đối diện Thế Tôn.

23. Thế Tôn nói với các cư sĩ ở Pataligama:

- *Này các Gia chủ, có **năm sự nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật. Thế nào là năm?***

- Ở đây, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ bị tiêu hao tiền của rất nhiều vì

sống phóng dật. Đó là điều nguy hiểm thứ nhất cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

- Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật bị tiếng dữ đồn xa. Đó là điều nguy hiểm thứ hai cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật khi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần sợ hãi, bồi rối. Đó là điều nguy hiểm thứ ba cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ chết với tâm hôn rối loạn. Đó là điều nguy hiểm thứ tư cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ bị sanh vào khổ cảnh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đó là điều nguy hiểm thứ năm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Này các gia chủ, đó là năm điều nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

24. Nay các Gia chủ có năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Thế nào là năm?

- Ở đây, nay các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ có tiền của dồi dào rất nhiều vì sống không phóng dật. Đó là sự lợi ích thứ nhất cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, nay các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật được tiếng tốt đồn xa. Đó là sự lợi ích thứ hai cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, nay các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật khi đi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần không sợ hãi, không bồi rối. Đó là sự lợi ích thứ ba cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, nay các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ chết với tâm hồn không rối loạn. Đó là sự lợi ích thứ tư cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, nay các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sau khi thân hoại mang chung, sẽ được sanh vào thiện thú, thiện giới. Đó là sự lợi

ích thứ năm cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

25. Thế Tôn giảng pháp cho những cư sĩ ở Pàtaligàma cho đến khuya, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi bảo các cư sĩ ấy:

- Nay các Gia chủ, đêm đã khuya, nay các Người hãy làm những gì các Người nghĩ là phải thời.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Các người cư sĩ của Pàtaligàma vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài từ tạ ra về. Thế Tôn, sau khi các cư sĩ ở Pàtaligàma đi không bao lâu, liền trở vào phòng riêng.

26. Lúc bảy giờ Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đang dựng thành trì để ngăn chặn dân Vajjì. Một số rất lớn các thiên thần tụ họp hàng ngàn tại các trú địa ở Pàtaligàma.

- Chỗ nào có thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị này **khiến tâm** các vua chúa, các đại thần có đại oai lực, hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Tại chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các

vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung hướng đến sự xây dựng các trú xá.

- Tại chỗ nào các thiên thần bậc hạ đẳng tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ đẳng hướng đến sự xây dựng các trú xá.

27. Thế Tôn với thiên nhãn, thanh tịnh, siêu nhân thấy hàng ngàn các thiên thần tụ họp tại các trú địa ở Pataligama, Thế Tôn thức dậy khi đêm chưa tàn và nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, ai đang xây dựng thành trì ở Pataligama?

- Sunidha và Vassakara, bậc Thế Tôn, hai vị đại thần xứ Magadha, đang xây dựng thành trì ở Pataligama để ngăn chặn dân Vajjì.

28. Này Ananda, thật giống như đã hỏi ý kiến các vị thiên thần ở cõi trời Ba mươi ba, các đại thần ở Magadha, Sunidha và Vassakara đang xây thành trì ở Pataligama để ngăn chặn dân Vajjì.

- Này Ananda ở đây với thiên nhãn, thanh tịnh, siêu nhân Ta thấy hàng ngàn thiên thần tụ họp tại các trú địa ở Pataligama.

- Chỗ nào có thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị ấy **khuyến tâm** các vua chúa, các đại thần có đại oai lực, hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị ấy khuyến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Chỗ nào các thiên thần bậc hạ đẳng tụ họp, các vị này khuyến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ đẳng hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Nay Ananda, chỗ nào các vị Ariyans an trú, chỗ nào các nhà thương mãi qua lại, chỗ ấy sẽ thiết lập một thành thị bậc nhất tên gọi là Pàtaliputta, một trung tâm thương mãi.
- Nhưng nay Ananda, Pàtaliputta **sẽ bị ba hiểm nạn** về lửa, về nước hay chia rẽ bất hòa.

29. Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần nước Magadha, đến tại chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara bạch Thế Tôn: "Mong Thế Tôn nhận lời mời dùng cơm tại nhà chúng con hôm nay cùng với đại chúng Tỷ-kheo". Thế Tôn im lặng nhận lời.

30. Hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời liền đi về nhà ở, cho soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm, rồi cử người đến tin Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng".

Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến trú sở của hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara, sau khi đi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi hai vị thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara tự tay mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là thượng thủ, các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Sau khi Thế Tôn dùng cơm xong và cất tay khỏi bình bát, Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha liền lấy chiếc ghế thấp khác và ngồi xuống một bên.

31. Sau khi Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đã ngồi xuống một bên, Thế Tôn đọc bài kệ cảm tạ:

Tại chỗ nào người sáng suốt lấy làm chỗ trú xứ.

Hãy nuôi dưỡng người giữ giới và người phạm hạnh.

Và san sẽ công đức với Chư Thiên trú tại chỗ ấy.

Được tôn kính, chúng sẽ tôn kính lại.

Được trọng vọng, chúng sẽ trọng vọng lại.

Chúng sẽ mến thương người ấy như người mẹ thương mến con.

*Và những ai được thiên thân thân mến luôn
luôn được thấy may mắn.*

Sau khi Thế Tôn tán thán Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha với bài kệ này, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy và ra về.

32. Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đi sau lưng Thế Tôn và nói:

- "Hôm nay Sa-môn Gotama đi ra cửa nào cửa ấy sẽ được đặt tên là Gotama; Sa-môn Gotama lội qua sông từ bên nào, bên ấy sẽ được đặt tên là Gotama. Và cửa Sa-môn Gotama đi ra được đặt tên là cửa Gotama".

33. Rồi Thế Tôn đi đến sông Ganga (sông Hằng). Lúc bây giờ, sông Gangà tràn ngập nước đến bờ đến nổi con quạ có thể uống được. Có người đang đi tìm thuyền, có người đang đi tìm phao, có người cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn mau lẹ như người lực sĩ đuổi cánh tay được co lại hay co cánh tay đã đuổi ra, biến mất từ bờ bên này và hiện ra trên bờ bên kia với

chúng Tỷ-kheo.

34. Thế Tôn thấy những người kia, người đang đi tìm thuyền, người đang đi tìm phao, người đang đi cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn hiểu được ý nghĩa của cảnh này, lúc ấy bèn ứng khẩu lời cảm khái:

"Những ai làm cầu vượt biển trùng dương, bỏ lại đất sũng đầm ao, trong khi người phàm phu đang cột bè.

Những người ấy thật là những vị trí tuệ được giải thoát".

II

1. Rồi Thế Tôn gọi tôn giả Ananda: "Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Kotigàma".

- "Xin vâng, bạch Thế Tôn". Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Kotigàma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Kotigàma.

2. Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Người.

Bốn Thánh đế ấy là gì?

- Đây các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.
- Đây các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Tập Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.
- Đây các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Thánh đế... Khổ Diệt Đạo Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỷ-kheo **khi Khổ Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu,** khi Khổ Tập Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Diệt Đạo Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, **thời hữu ái được diệt trừ, sự dấy dẫn đến một đời sống được đoạn tuyệt, nay không còn hậu hữu nữa.**

3. Thế Tôn thuyết như vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

- **Chính vì không thấy như thật Bốn Thánh đế nên có sự luân chuyển lâu ngày trong nhiều đời. Khi những sự thực này được nhận thức, nguyên nhân**

của một đời sống khác được trừ diệt, khi khổ căn được đoạn trừ, sẽ không còn một đời sống khác nữa.

4. Trong thời gian Thế Tôn ở Kotigàma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

5. Thế Tôn, sau khi ở Kotigàma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Nàdikà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nàdikà, tại ngôi nhà gạch (Ginjakàvasatha).

6. Rồi Tôn giả Ananda đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sàlada mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

- Tỷ-kheo ni Nandà mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?
- Bạch Thế Tôn, cư sĩ Sudatta mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?
- Bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Sujàtā mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?
- Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kakudha mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?
- Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kàlinga... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Nikata... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Katissabha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Tuttha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Santuttha..., Bạch Thế Tôn cư sĩ Bhadda... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Subhadda đã mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

7. Nay Ananda, Tỷ-kheo Sàlada diệt tận các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và

an trú ngay hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

- Nay Ananda, Tỷ-kheo ni Nandà đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới) và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.
- Nay Ananda, cư sĩ Sudatta, diệt trừ ba kiết sử làm giảm thiểu tham, sân, si, chúng quả Nhứt lai sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau.
- Nay Ananda, nữ cư sĩ Sujatà diệt trừ ba kiết sử, chúng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác.
- Nay Ananda, cư sĩ Kakudha đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới), và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.
- Nay Ananda, cư sĩ Kalinga... Nay Ananda cư sĩ Nikata... Nay Ananda, cư sĩ Katissabha... Nay Ananda, cư sĩ Tuttha... Nay Ananda, cư sĩ Santuttha... Nay Ananda, cư sĩ Bhadada... Nay Ananda, cư sĩ Subhadda đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh (thiên giới), và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.

- Nay Ananda, **hơn năm mươi cư sĩ mệnh chung tại Nàdikà, đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**, hóa sanh (thiên giới) và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.
- Nay Ananda, hơn chín mươi tín nam nữ cư sĩ mệnh chung tại Nàdikà, diệt trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhứt lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau.
- Nay Ananda, hơn năm trăm cư sĩ, mệnh chung tại Nàdikà, diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác.

8. Nay Ananda, thật không có gì lạ, vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này thời Ananda, như vậy làm phiền nhiều Như Lai. Nay Ananda, **vì vậy ta sẽ giảng Pháp kính (Gương chánh pháp) để Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau:** *"Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, ngạ quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác".*

9. Nay Ananda, **Pháp kính** ấy là gì mà Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Đôi với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, nga quý, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác"?

- Nay Ananda, **vị Thánh đệ tử có chánh tín đối với đức Phật:** "Thế Tôn là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".
- **Vị ấy có chánh tín đối với chánh pháp:** "Chánh pháp được Thế Tôn khéo giảng dạy, thiết thực, vượt ngoài thời gian chi phối, đến đê mà thấy, có khả năng giải thoát, được kẻ trí tự mình thâm hiểu".
- **Vị ấy có chánh tín đối với chúng Tăng:** "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân chánh tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân trực tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân trí tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân tịnh tu hành, tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn đáng được nghênh đón, đáng được cúng dường, đáng được chiêm ngưỡng, đáng

được chấp tay, là phước điền vô thượng ở trên đời.

- **Cu tức giới hạnh**, được bậc Thánh mến chuộng, được viên mãn không mảy mún, được vẹn toàn không sút mẻ, không tỳ vết, không ô nhiễm, những giới hạnh đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị ảnh hưởng bởi đời sau. Hướng dẫn đến thiền định".

Này Ananda, **chính Pháp kính này mà Thánh đệ tử sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn sẽ tự tuyên bố về mình như sau:** "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sinh cõi bàng sanh, ngã quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt chánh giác".

10. Khi Thế Tôn ở Nàdikà, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ... Tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

11. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Nàdikà cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Vesàli.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Vesàli. Ở đây, Thế Tôn trú tại vườn Ambapàli.

12. Thế Tôn bảo các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, các Người phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Người.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo an trú chánh niệm? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với thân, quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời, đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là chánh niệm.

13. *Này các Tỷ-kheo thế nào là Tỷ-kheo tỉnh giác?* Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ Kheo tỉnh giác khi đi tới, đi lui, tỉnh giác khi ngó tới, ngó lui; tỉnh giác khi co tay, duỗi tay, tỉnh giác khi mang áo sanghati (tăng già lê) mang bát, mang y, tỉnh giác khi ăn, khi uống, khi nhai, khi nếm, tỉnh giác khi đại tiện, tiểu tiện; tỉnh giác khi đi; khi đứng, khi ngồi, khi nằm, khi

thức, khi nói, khi im lặng. Nay các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống tỉnh giác. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Người.

14. Lúc bấy giờ dâm nữ Ambapàli được nghe: "Thế Tôn đã đến Vesàli và ở tại vườn xoài của ta". Dâm nữ Ambapàli liền cho thắng các cỗ xe thù thắng, tự leo lên một chiếc, cùng với các cỗ xe thù thắng xuất phát ra khỏi Vesàli và đi đến vườn xoài. Nàng cỡi xe cho đến chỗ còn có thể cỡi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên, Thế Tôn thuyết pháp cho dâm nữ Ambapàli đang ngồi một bên, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Dâm nữ Ambapàli sau khi được Thế Tôn giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Dâm nữ Ambapali được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên phải hướng về đức Phật và từ biệt.

15. Các người Licchavi ở Vesàli được nghe: "Thế

Tôn đến Vesàli hiện ở vườn Ambapàli", liền cho thắng các cỗ xe thù thắng leo lên xe rồi xuất phát ra khỏi Vesàli với những cỗ xe ấy. Có những vị Licchavi toàn xanh, màu sắc xanh, mặc vải màu xanh, mang đồ trang sức màu xanh. Có những vị Licchavi toàn vàng, màu sắc vàng, mặc vải màu vàng, mang đồ trang sức màu vàng. Có những vị Licchavi toàn đỏ, màu sắc đỏ, mặc vải màu đỏ, mang đồ trang sức màu đỏ. Có những vị Licchavi toàn trắng, màu sắc trắng, mặc vải màu trắng, mang đồ trang sức màu trắng.

16. Lúc bảy giờ đêm nữ Ambapàli đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với gọng xe. Các Licchavi nói với đêm nữ Ambapàli:

- Này Ambapàli, tại sao nàng lại đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với gọng xe?

- Này quý Công tử của tôi, tôi vừa mới mời Thế Tôn cùng chúng Tỷ-kheo ngày mai đến dùng cơm.

- Này Ambapàli, hãy nhường cho chúng ta bữa cơm ấy đổi lấy một trăm ngàn.

- Dầu quý Công tử có cho tôi cả thành Vesàli cùng với các đất phụ thuộc, tôi cũng không nhường bữa cơm quan trọng này.

Các vị Licchavi này tức tôi búng ngón tay và nói:

- Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này đả thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phồng tay trên. Và các vị Licchavi này cùng đi đến vườn Ambapàli.

17. Thế Tôn xa thấy các vị Licchavi liền nói với các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo nếu có vị Tỷ-kheo nào chưa thấy các chư Thiên ở cõi **Tam thập tam thiên**, hãy ngó chúng Licchavi, hãy nhìn chúng Licchavi. Này các Tỷ-kheo chúng Licchavi cũng giống như chúng Tam thập tam thiên".

18. Các vị Licchavi ấy cỡi xe cho đến chỗ còn có thể cỡi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến, liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp cho những vị Licchavi đang ngồi một bên, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Các vị Licchavi sau khi được Thế Tôn giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo.

- Nay các Licchavi, ngày mai Ta đã nhận lời mời dùng cơm của dân nữ Ambapàli rồi.

Các vị Licchavi này tức tối búng ngón tay và nói: "Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này đả thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phồng tay trên..."

Rồi những vị Licchavi này, hoan hỷ tán thán lời dạy Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về đức Phật và từ biệt.

19. Lúc bấy giờ dân nữ Ambapali, đêm vừa tàn canh, liền cho sửa soạn tại vườn của mình các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm và cho báo tin Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng". Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến tại túc xá của dân nữ Ambapàli, sau khi đến liền ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Rồi dân nữ Ambapàli tự tay thân hành mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ, dùng các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Khi Thế Tôn dùng xong, tay đã rời bát, dân nữ Ambapàli lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, dân nữ Ambapàli

bạch Thế Tôn: "**Bạch Thế Tôn, con xin cúng
đường ngôi vườn này cho chúng Tỷ-kheo với đức
Phật là vị thượng thủ**".

Thế Tôn nhận lãnh khu vườn. Thế Tôn thuyết pháp cho đám nữ Ambapàli, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, rồi đứng dậy ra về.

20. Trong thời gian Thế Tôn ở Vesàli, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

21. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Vesàli cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến làng Baluvà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến làng Baluvà. Và Thế Tôn trú tại làng này.

22. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ Kheo hãy an cư trong mùa mưa xung quanh Vesàli tại chỗ có bạn bè quen thuộc và thân tín. Còn Ta sẽ an cư ở đây, tại làng Baluvà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những Tỷ Kheo này vâng đáp Thế Tôn và tìm chỗ an cư mùa mưa xung quanh Vesàli tại chỗ có bạn bè quen thuộc và thân tín. Còn Thế Tôn an cư tại làng Baluvà.

23. Trong khi Thế Tôn an cư trong mùa mưa, một cơn bệnh trầm trọng khởi lên, rất đau đớn, gần như muốn chết. **Nhưng Thế Tôn giữ tâm chánh niệm, tỉnh giác, chịu đựng cơn đau ấy, không một chút ta thán.** Thế Tôn tự nghĩ: *"Thật không hợp lẽ nếu Ta diệt độ mà không có một lời với các đệ tử hầu cận Ta, không từ biệt chúng Tỷ-kheo. Vậy Ta hãy lấy sức tinh tấn, nhiếp phục cơn bệnh này, duy trì mạng căn và tiếp tục sống"*. Và Thế Tôn với sức tinh tấn, nhiếp phục bệnh ấy duy trì mạng căn.

24. Rồi Thế Tôn lành bệnh. Sau khi lành bệnh không bao lâu, đức Phật rời khỏi tịnh xá và ngồi trên ghế đã soạn sẵn, trong bóng mát của ngôi tịnh xá. Lúc bấy giờ tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài

và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn khỏe mạnh. Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn kham nhẫn, bạch Thế Tôn, thấy Thế Tôn bệnh hoạn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy, mắt con mờ mịt không thấy rõ phương hướng, dầu cho, bạch Thế Tôn, con được một chút an ủi rằng, Thế Tôn sẽ không diệt độ, nếu Ngài chưa có lời di giáo lại cho chúng Tỷ-kheo.

25. Nay Ananda, chúng Tỷ-kheo còn mong mỗi gì nữa ở Ta! Nay Ananda, Ta đã giảng Chánh pháp, không có phân biệt trong ngoài (mật giáo và không phải mật giáo), vì này Ananda, đối với các Pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo sư còn nắm tay (còn giữ lại một ít mật giáo chưa giảng dạy).

- Nay Ananda, những ai nghĩ rằng: "Như Lai là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo"; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Như Lai" thời này Ananda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo.

- Nay Ananda, **Như Lai không nghĩ rằng:** "Ta là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta" thời nay Ananda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho

chúng Tỷ-kheo?

- Nay Ananda, Ta nay đã già, đã thành bậc trưởng thượng, đã đến tuổi lâm chung, đã đến **tám mươi tuổi**. Nay Ananda, như cỗ xe đã già mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ dây thừng chằng chịt, cũng vậy thân Như Lai được duy trì sự sống giống như chính nhờ chống đỡ dây chằng.
- Nay Ananda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chứng và an trú **vô tướng tâm định**, chính khi ấy thân Như Lai được thoải mái.

26. Vậy nên, nay Ananda, **hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác.**

Nay Ananda, thế nào là vị Tỷ-kheo hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác?

Nay Ananda, ở đời, vị Tỷ-kheo, đối với thân quán

thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời; đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời.

Này Ananda, như vậy vị Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác.

Này Ananda, **những ai sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một pháp gì khác, những vị ấy, Này Ananda là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.**

III

1. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesàli để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesàli, ăn xong và trên đường khát thực trở về Ngài nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy lấy tọa cụ. Ta muốn đi đến điện thờ Càpàla, để nghỉ trưa.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

2. Thế Tôn đi đến điện thờ Cápàla, khi đến Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Ananda đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sàttambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay điện thờ Cápàla.

3. Này Ananda, những ai đã tu **bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo, thời nếu muốn người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Này Ananda, nay **Như Lai đã tu bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

4. Nhưng Tôn giả Ananda **không thể nhận hiểu sự**

gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp. Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Vì tâm tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

5. Lần thứ hai Thế Tôn... lần thứ ba Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay điện thờ Cápàla!" Nay Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Nay Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Nhưng tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý

quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Vì tâm của tôn giả bị Ác ma ám ảnh.

6. Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda hãy đi và làm những gì Ngươi nghĩ là phải thời.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về Thế Tôn và đi ra.

7. Tôn giả Ananda đi ra chưa bao lâu, Ác ma liền đến chỗ Thế Tôn, khi đến xong liền đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn.

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói:

"Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chân

chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu".

8. Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn, đã trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn, hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ!

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: *"Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật... khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn duy trì Chánh pháp,*

thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu". Bạch Thế Tôn, nay những nam cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, đầy đủ Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, và có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào **những nữ cư sĩ của Ta** chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì, Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng

Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp một cách thần diệu". Bạch Thế Tôn, nay những nữ cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: *"**Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào phạm hạnh Ta giảng dạy chưa thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài người**".* Bạch Thế Tôn, nay phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

9. Khi được nói vậy Thế Tôn nói với Ác ma: *"Này Ác ma hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ"*.

10. Và tại điện thờ Cápàla, **Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành** (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa). Khi Thế Tôn từ bỏ, không duy trì mạng sống thêm nữa, thời đại địa chấn động, ghê rợn, tóc lông dựng ngược, sấm trời vang dậy. Thế Tôn nhận hiểu ý nghĩa của sự kiện ấy, liền thốt câu kệ cảm khái như sau:

*Mạng sống có hạn hay vô hạn,
Tu sĩ từ bỏ, không kéo dài.
Nội tâm chuyên nhất trú thiền định.
Như tháo áo giáp đang mang mặc.*

11. Lúc bấy giờ, tôn giả Ananda suy nghĩ: "Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Đại địa chấn động, đại địa rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động như vậy?".

12. Rồi tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

→ *Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn thật*

là hy hữu! Đại địa chấn động, đại địa rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động như vậy?

13. - Nay Ananda, **có tám nhân, có tám duyên khiến đại địa chấn động**. Thế nào là tám?

Nay Ananda, đại địa này thiết lập trên nước, nước ở trên gió và gió ở tại hư không. Nay Ananda, đến thời đại phong khởi lên, gió lớn khi thổi làm nổi sóng nước, và khi nước nổi sóng thì quả đất rung động. Đó là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất, đại địa chấn động.

14. Lại nữa nay Ananda, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn có thần thông, tâm được chế ngự, hay hàng chư Thiên có đại thần thông, có đại uy lực; những vị này quán địa tánh có hạn, quán thủy tánh vô lượng, vị ấy có thể khiến quả đất này rung động, chuyển động mạnh. Đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến đại địa chấn động.

15. Lại nữa, nay Ananda, khi vị Bồ-tát ở cõi Tusita (Đâu suất) từ bỏ thân, chánh niệm, tỉnh giác, nhập vào mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba khiến đại địa chấn động.

16. Lại nữa, này Ananda, khi vị Bồ-tát, chánh niệm, tỉnh giác, **ra khỏi mẫu thai**, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tư, duyên thứ tư khiến đại địa chấn động.

17. Lại nữa, này Ananda, **khi Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác**, khi ấy quả đất rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ năm, duyên thứ năm khiến đại địa chấn động.

18. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai **chuyển bánh xe Pháp**, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu, khiến đại địa chấn động.

19. Lại nữa, này Ananda, **khi Như Lai, chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ, không duy trì mạng sống**, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến đại địa chấn động.

20. Lại nữa, này Ananda, **khi Như Lai nhập vô dư y Niết Bàn**, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tám, duyên thứ tám, khiến đại địa chấn động.

Này Ananda, do tám nhân này, tám duyên này, khiến đại địa chấn động.

21. Này Ananda, **có tám chúng**. Thế nào là tám?

- Chúng Sát-đế-Ly,
- Chúng Bà-la-môn,
- Chúng Cư sĩ,
- Chúng Sa-môn,
- Chúng Bốn Thiên vương,
- Chúng Tam thập tam thiên,
- Chúng Ma,
- Chúng Phạm thiên.

22. Này Ananda, Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Sát - đế-ly hơn một trăm lần. Tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện, và trước khi cuộc đối thoại bắt đầu, **dung sắc của chúng Sát-đế-ly như thế nào, dung sắc của Ta cũng như vậy; giọng nói chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng như vậy**. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: "*Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?*" sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ với bài pháp thoại, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: "*Kẻ biến mất ấy là ai, là chư Thiên*

chăng, là Người chăng?".

23. Này Ananda. Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Bà-la-môn hơn một trăm lần... chúng Cư sĩ... chúng Sa-môn... chúng Bốn Thiên vương... chúng Tam thập tam thiên... chúng Ma... chúng Phạm thiên hơn trăm lần, tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện và trước khi cuộc đối thoại bắt đầu dung sắc của chúng Phạm thiên như thế nào, dung sắc của Ta cũng vậy; giọng nói của chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: "Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?" Sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: "Kẻ biến mất đó là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?" Này Ananda, như vậy là tám chúng.

24. Này Ananda, có tám thắng xứ. Thế nào là tám?

25. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ nhất.

26. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại

sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ hai.

27. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ ba.

28. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tư.

29. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như bông gai màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như lụa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn, màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ năm.

30. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, sắc màu vàng, tướng màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như bông Kanikàra

màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như lụa sa Balanại, cả hai mặt láng trơn màu vàng, tướng sắc vàng hình sắc vàng - như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ sáu.

31. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như bông bandhujivaka màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như lụa sa Balanại, cả hai mặt láng trơn màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ bảy.

32. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như sao mai Osadhi màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như lụa sa Balanại, cả hai mặt láng trơn màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh

sáng trắng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tám. Nay Ananda như vậy là tám thắng xứ.

33. Nay Ananda, **có tám giải thoát**. Thế nào là tám?

- Tự mình có sắc, thấy các sắc; đó là sự giải thoát thứ nhất.
- Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc; đó là sự giải thoát thứ hai.
- Quán tưởng (sắc là) tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy; đó là sự giải thoát thứ ba.
- Vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng hữu đối, không tác ý đến những tưởng khác biệt, với suy tư "hư không là vô biên", chứng và trú **Không vô biên xứ**; đó là sự giải thoát thứ tư.
- Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư "thức là vô biên", chứng và trú **Thức vô biên xứ**; đó là giải thoát thứ năm.
- Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**; đó là sự giải thoát thứ sáu.
- Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và

trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**; đó là sự giải thoát thứ bảy.

- Vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và trú **Diệt thọ tướng**; đó là sự giải thoát thứ tám.

Này Ananda, như vậy là tám giải thoát.

34. Này Ananda, **một thời Ta ở tại Uruvelà, trên bờ sông Nerañjara, dưới gốc cây Ajapàlanigrodha khi Ta mới thành đạo.** Này Ananda, lúc bấy giờ Ác ma đến tại chỗ Ta ở, khi đến xong liền đứng một bên. Này Ananda, sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ".

35. Này Ananda, khi được nói vậy, Ta nói với Ác ma:

- "**Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta** chưa thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ

ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có truyền bá Chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những

nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta không diệt độ khi nào phạm hạnh mà Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người.

36. Này Ananda, hôm nay tại điện thờ Cápàla, Ác ma đến Ta, sau khi đến liền đứng một bên. Này Ananda, Ác ma đứng một bên nói với Ta như sau:

"Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo

lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hành phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu". Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hành phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta...; khi nào những cư sĩ của Ta...; khi nào phạm hạnh Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người". Bạch Thế Tôn, nay phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy

diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ".

37. Khi được nói vậy, Ta nói với Ác ma:

"Này Ác ma, hãy an tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay Như Lai sẽ diệt độ".

Này Ananda, hôm nay tại điện thờ Càpàla, Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa).

38. Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho loài Trời và loài Người.

- Thôi đi, này Ananda, đừng có thỉnh cầu Như Lai nữa. Này Ananda, nay thỉnh cầu Như Lai không còn kịp thời.

39. Lần thứ hai, tôn giả Ananda... Lần thứ ba, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

- Nay Ananda, Người có tin sự giác ngộ Thế Tôn không?

- Bạch Thế Tôn, con có tin!

- Vậy, nay Ananda, sao Người lại làm phiền Như Lai đến ba lần.

40. - Bạch Thế Tôn, chính con được tận mặt, đích thân nghe Thế Tôn dạy như sau: "Này Ananda, **những ai đã tu bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lâu luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc... Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại".

- Nay Ananda, Người có tin tưởng không?

- Bạch Thế Tôn, con có tin tưởng!

- Nay Ananda, **như vậy là lỗi của Người, như vậy**

là khuyết điểm của Ngươi, đã không nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai, Ngươi không thỉnh cầu Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Ngươi*". **Này Ananda, nếu Ngươi thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời.** Này Ananda như vậy là lỗi của Ngươi, như vậy là khuyết điểm của Ngươi.

41. Này Ananda, một thời Ta ở tại Vương Xá, núi Linh Thứu (Gijjha Kuta). Tại đây Ta nói với Ananda: "*Này Ananda, khả ái thay thành Vương Xá! Khả ái thay núi Linh Thứu! Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại*". **Dầu vậy, này Ananda, Ngươi không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn. Ngươi**

không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Nay Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Nay Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người".

42. Nay Ananda, một thời Ta ở thành Vương Xá, tại Nigrodhàràma... Ta cũng ở thành Vương Xá tại Corapapàta... Ta cũng ở thành Vương Xá, hang Sattapanni trên núi Vebhàra... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại hang đá Kàla, trên núi Isigili... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại khu rừng Sita trong hang đá Sappasondika... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại Tapodàràma... Ta cũng ở thành Vương Xá, Trúc Lâm, hồ Kalandaka... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại rừng Jìvakambavana... Ta cũng ở thành Vương Xá tại Maddakucchi ở Lộc Uyển.

43. Nay Ananda, tại đây Ta nói: "Nay Ananda, khả ái thay thành Vương Xá, khả ái thay núi Linh Thứu, khả ái thay Nigrodhàràma, khả ái thay Corapapàta, khả ái thay hang Sattapanni trên núi Vebhara, khả ái

thay hang đá Kàla trên núi Isigili, khả ái thay hang đá Sappasondika trong rừng Sità, khả ái thay suối nước nóng Tapodàràma, khả ái thay hồ con sóc ở tại Trúc Lâm, khả ái thay rừng Jìvakambavana, khả ái thay vườn Nai ở tại Maddakucchi"!

44. *"Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại".*

Dầu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn. Người không thỉnh cầu Thế Tôn: *"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người".* **Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người".**

45. Nay Ananda, một thời Ta ở Vesàli tại điện thờ Udena.

Tại đây, nay Ananda, Ta cũng nói. "*Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena. Nay Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại*". **Dầu vậy, nay Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Như Lai: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Ngươi". Nay Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Nay Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.**

46. Nay Ananda, một thời Ta ở thành Vesàli tại điện

thờ Gotamaka... ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Sattambaka... Ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Bahuputta... Ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Sàrandada...

47. Nay Ananda, **hôm nay tại điện thờ Càpàla, Ta nói với người:** *"Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattamba, khả ái thay điện thờ Buhuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay đền Càpàla. Nay Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Nay Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại".* **Dầu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Thế Tôn:** *"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người".* **Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh**

Như Lai; Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Nay Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.

48. Nay Ananda, phải chăng ngay từ ban đầu Ta đã từng tuyên bố rằng mọi vật ưu ái, thân tình đều phải bị thay đổi, trở về hư không, biến dịch?

Này Ananda, làm sao có thể được như vậy: Những gì sanh khởi, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khởi có sự biến diệt? Thật không có sự trạng ấy.

Này Ananda, những gì Như Lai đã từ bỏ, dứt khoát, xả ly, phóng xả, khước từ, chính là thọ, hành. Như Lai đã nói và nói một cách dứt khoát: *"Không lâu, Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ"*. Nói rằng Như Lai vì muốn sống mà phản lại lời tuyên bố trên, thời thật không có sự trạng ấy.

Này Ananda, chúng ta hãy đi đến giảng đường Kùtagàra tại rừng Đại Lâm.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

49. Rồi Thế Tôn cùng tôn giả Ananda đi đến giảng đường Kùtagàra vườn Đại Lâm, khi đi đến, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đi mời tất cả Tỷ-kheo sống ở gần Vesàli tụ họp tại giảng đường này.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, đi mời tất cả vị Tỷ-kheo sống ở gần Vesàli tụ họp tại giảng đường, rồi đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tụ họp. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.

50. Thế Tôn liền đi đến giảng đường và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay những pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy cho các Ngươi, các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh

phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

→ Nay các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy, các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người?

Chính là Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Thần túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh đạo phần. Nay các Tỷ-kheo, chính những pháp này do Ta chứng ngộ và giảng dạy, mà các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng của đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

51. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, đây là lời Ta nhắc nhở các Ngươi. Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát, không lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ

lại nói thêm:

*Ta đã già, dư mạng chẳng còn
bao,
Từ biệt các Ngươi, Ta đi một
mình.
Tự mình làm sở y cho chính
mình,
Hãy tinh tấn, chánh niệm, giữ
giới luật,
Nhiếp thúc ý chí, bảo hộ tự tâm.
Ai tinh tấn trong pháp và luật này
Sẽ diệt sanh tử, chấm dứt khổ
đau.*

IV

1. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesàli để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesàli, ăn xong và trên đường khát thực trở về, **Thế Tôn nhìn Vesàli với cái nhìn của con voi chúa rồi nói với tôn giả Ananda:**

- **Này Ananda, lần này là lần cuối cùng, Như Lai nhìn Vesàli.** Này Ananda, chúng ta hãy đi đến làng Bhandagàma.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn . Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhandagàma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Bhandagàma.

2. Rồi Thế Tôn nói với Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt bốn Pháp mà Ta và các Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Thế nào là bốn?

- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Giới** mà Ta và các Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.
- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Định** mà Ta và các Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.
- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Tuệ** mà Ta và các Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.
- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh giải thoát** mà Ta và

các Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.

Này các Tỷ-kheo, khi Thánh Giới được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Định được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Tuệ được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh giải thoát được giác ngộ, được chứng đạt, **thời tham ái một đời sống tương lai được trừ diệt, những gì đưa đến một đời sống mới được dứt sạch, nay không còn một đời sống nào nữa.**

3. Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

*Giới, Định, Tuệ và Giải thoát vô
thượng
Gotama danh xưng đã chứng ngộ.
Đấng Giác Ngộ giảng pháp chúng
Tỷ-kheo.
Đạo Sư diệt khổ, pháp nhãn, tịnh
lạc.*

4. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Bhandagàma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng

tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

5. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Bhandagàma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Hatthigam... Ambagama... Jambugama..., hãy đi đến Bhoganagara.

6. - Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhoganagara.

7. Tại đây, Thế Tôn ở Bhoganagara tại đền Ananda, Ngài nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bốn Đại giáo pháp, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, Thế Tôn giảng như sau:

8. - Nay các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "Này Hiền giả, **tôi tự thân nghe từ miệng Thế Tôn**, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư".

→ Nay các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

→ Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các Người có thể kết luận: "**Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn**, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và nay các Tỷ kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.

→ Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thì các Người có thể kết luận: "**Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh**". Nay các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ nhất, các Người hãy thọ trì.

9. Nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia, có Tăng chúng ở với các vị Thượng tọa, với các Thủ chúng. Tôi tự thân nghe từ miệng Tăng chúng*, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư".

- Nay các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.
- Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các Người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và nay các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.
- Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với luật, thì các người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Nay các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo

pháp thứ hai, các Người hãy thọ trì.

10. Nay các Tỷ-kheo, có thể có vị Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia có nhiều Tỷ-kheo Thượng tọa ở, những vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. **Tôi tự thân nghe từ miệng những vị Thượng tọa** ấy, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

- Nay các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.
- Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và nay các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.
- Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương

ứng với Luật, thời các Ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Nay các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ ba, các Ngươi hãy thọ trì.

11. Nay các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia, có một vị Thượng tọa, vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. **Tôi tự thân nghe từ Thượng tọa**, tự thân lãnh thọ; như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

- Nay các Tỷ-kheo, các Ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật.
- Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các người có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời này **không phải là lời của Thế Tôn**, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm*". Và nay các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng.

- Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các Ngươi có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh*". Nay các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ tư, các Ngươi hãy thọ trì.

Này các Tỷ-kheo, bốn đại giáo pháp này, các Ngươi hãy thọ trì.

12. Trong khi Thế Tôn ở tại Bhoganagara, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn.

Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

13. Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Bhoganagara cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta sẽ đi đến Pàvā.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Và Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Pàvā, tại vườn xoài của **Cunda, một người thợ sắt.**

14. Thợ sắt Cunda nghe: "Nay Thế Tôn đã đến Pàvā và hiện đang ở trong vườn xoài của ta". Rồi thợ sắt Cunda đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến xong liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Và Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

15. Và thợ sắt Cunda, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoa hỷ, liền bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo". Thế Tôn im lặng nhận lời.

16. Thợ sắt Cunda, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt.

17. Và thợ sắt Cunda, sau khi đêm đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm và nhiều thứ Sùkara-maddave (một loại mộc nhĩ), và báo tin cho Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng".

18. Và Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ sắt Cunda, khi đến xong liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi. Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

- Này Cunda, **loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho ta. Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo.**

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thợ sắt Cunda vâng lời Thế Tôn, dọn cho Thế Tôn các món mộc nhĩ đã soạn sẵn, và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm.

19. Rồi Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

- Này Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại, Ngươi hãy đem chôn vào một lỗ. Này Cunda, Ta không thấy một ai ở cõi Trời, cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những Thiên, Nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thợ sắt Cunda vâng theo Thế Tôn, đem chôn món ăn

mộc nhĩ còn lại vào một lỗ, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi xuống một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

20. Sau khi dùng cơm của thợ sắt Cunda, Thế Tôn bị nhiễm bệnh nặng, bệnh lý huyết, đau đốn gần như đến chết, và Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại, chịu đựng cơn bệnh.

Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Kusinàra.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Tôi nghe: Sau khi dùng cơm tại nhà thợ sắt Cunda.

Cơn bệnh khốc liệt bỗng khởi lên, gần như chết đến nơi.

Sau khi dùng món ăn loại mộc nhĩ.

Kịch bệnh khởi lên nơi bậc Đạo Sư.

Điều phục bệnh hoạn, Thế Tôn dạy rằng:

"Ta đi đến thành Kusinàra".

21. Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một gốc cây và nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy xếp tư áo Sanghàti. Ta cảm thấy mệt mỏi và muốn ngồi nghỉ, này Ananda.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn và xếp tư áo Sanghàti lại.

22. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước cho Ta. Nay Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

23. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Nay Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Lần thứ hai tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

24. Lần thứ ba, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Nay Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. **Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi tôn giả Ananda đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng, không vẩn đục.**

25. Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Thật kỳ diệu thay, thật

hy hữu thay thần túc và uy lực của Như Lai. Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục". Sau khi dùng bát lấy nước, tôn giả Ananda đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn thật là hy hữu. Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước. Xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước!

Và Thế Tôn uống nước.

26. Lúc bấy giờ, Pukkusa, dòng họ Mallà, đệ tử của ngài Alàra Kàlāma đang đi trên con đường từ Kusinàra đến Pàvā.

Pukkusa, dòng họ Mallà thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Pukkusa, dòng họ Mallà, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, trạng thái trầm tĩnh của một vị xuất gia!

27. Bạch Thế Tôn, thuở xưa, ngài Alàra Kàlāma

đang đi trên đường. Rồi ngài bước xuống đường và ngồi xuống một gốc cây, không xa con đường để nghỉ trưa. Bạch Thế Tôn, lúc ấy có khoảng năm trăm cỗ xe đi ngang qua gần ngài Alàra Kàlāma. Bạch Thế Tôn, có một người đi theo sau lưng đoàn xe ấy, đến chỗ ngài Alàra Kàlāma và nói với ngài:

- "Tôn giả có thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi qua không?"

- "Này Hiền giả, ta không thấy".

- "Tôn giả có nghe tiếng không?"

- "Này Hiền giả, ta không nghe tiếng".

- "Có phải Tôn giả đang ngủ không?"

- "Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ".

- "Vậy có phải Tôn giả đang thức tỉnh?"

- "Này Hiền giả, ta đang thức tỉnh".

- "Tôn giả đang thức tỉnh nhưng không thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe thấy tiếng. Bạch Tôn giả, cái áo của Tôn giả cũng bị lấm bụi".

- "Này Hiền giả, phải, áo ta bị lấm bụi".

Bạch Thế Tôn, người ấy liền tự nghĩ: "Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm tĩnh của vị xuất gia. Trong khi giác tỉnh, còn thức nhưng không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng". Sau khi tỏ sự thâm tín đối với ngài Alàra Kàlāma, vị ấy từ biệt.

28. - Này Pukkusa, nhà người nghĩ thế nào? **Cái gì khó làm hơn, cái gì khó thực hiện hơn?** Một người trong khi giác tỉnh, còn thức mà không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng. ***Hay một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy, cũng không nghe tiếng?***

29. - Bạch Thế Tôn, nói gì đến năm trăm cỗ xe này, cho đến hoặc sáu trăm, hoặc bảy trăm, hoặc tám trăm, hoặc chín trăm, hoặc một ngàn, cho đến **trăm ngàn cỗ xe, cũng không thể so sánh được**. Thật khó làm hơn, khó thực hiện hơn, một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy cũng không nghe tiếng.

30. - Này Pukkusa, một thời, **Ta ở Atumà, tại nhà**

đập lúa. Lúc bảy giờ trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có **hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết.**

Này Pukkusa, một số đông người từ Atumà đi ra đến tại chỗ hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết...

31. Này Pukkusa, lúc bảy giờ Ta từ nhà đập lúa đi ra và đi qua đi lại ngoài trời, trước cửa nhà đập lúa, Này Pukkusa, có một người từ nơi đám đông ấy đi ra, đến chờ Ta, đánh lễ và đứng một bên. Và Ta nói với người ấy đang đứng một bên:

32: - "Này Hiền giả, vì sao có số đông người tụ họp như vậy?"

- Bạch Thế Tôn vừa rồi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết. Do vậy mà có số đông người ấy tụ họp tại đây. Bạch Thế Tôn, lúc ấy Ngài ở tại chỗ nào?"

- "Này Hiền giả, lúc ấy Ta ở tại đây".

- "Bạch Thế Tôn, Ngài không thấy gì cả sao?"

- "Này Hiền giả, Ta không thấy gì".

- "Bạch Thế Tôn, Ngài không nghe tiếng gì cả sao?"

- "Này Hiền giả, Ta không nghe tiếng gì".

- "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang ngủ, phải không?"

- "Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ".

- "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang tỉnh thức phải không?"

- "Này Hiền giả, phải".

- "Bạch Thế Tôn, Ngài đang tỉnh thức, nhưng trong khi trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết, nhưng Ngài không thấy, cũng không nghe gì".

- Này Hiền giả, phải như vậy".

33. Này Pukkusa, người ấy liền tự nghĩ: *"Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm lặng của vị xuất gia, khi thức tỉnh, dầu có mưa tầm tã ào ào, điện quang chói lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết mà không thấy gì, không nghe gì hết"*. Sau khi nói lên lòng tin tưởng ở

nơi Ta, người ấy đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về phía Ta và từ biệt.

34. Khi được nói vậy, Pukkusa, dòng họ Mallà bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, sự tin tưởng của con đối với ngài Alàra Kàlāma, **nay con đem rải rắc trước luồng gió lớn, nay con đem thả trôi vào dòng nước cuốn.**

- Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

35. Rồi Pukkusa, dòng họ Mallà nói với một người khác: **"Này bạn, hãy đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc"**. - "Tôn giả, xin vâng". Người ấy vâng lời Pukkusa, dòng họ Mallà và đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc.

Rồi Pukkusa, dòng họ Mallà đem dâng một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc ấy cho Thế Tôn và nói:

- Bạch Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc. Mong Thế Tôn vì thương xót con mà thân nhận cho.

- Nay Pukkusa, hãy đắp cho Ta một áo và đắp cho Ananda một áo.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Pukkusa, dòng họ Mallà vâng lời Thế Tôn, đắp một áo cho Ngài và đắp một áo cho tôn giả Ananda.

36. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho Pukkusa, người dòng họ Mallà, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Và Pukkusa, người dòng họ Mallà, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn và từ biệt.

37. Khi Pukkusa, dòng họ Mallà đi chưa được bao lâu, tôn giả Ananda đem cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc này **đặt trên thân Thế Tôn**, và khi cặp áo này được đặt trên thân Thế Tôn, **màu**

sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi. Và Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, sự thanh tịnh và sáng chói màu da của Như Lai! Bạch Thế Tôn, khi con đặt trên thân Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc vàng chói và sẵn sàng để mặc này, màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi.

- Thật vậy, này Ananda. Này Ananda, có hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói. Thế nào là hai?

◎ Này Ananda, trong đêm Như Lai chứng vô thượng Chánh Đẳng Giác

◎ Và trong đêm Như Lai sắp diệt độ, nhập Niết-bàn giới, không còn dư y sanh tử nữa.

Này Ananda, đó là hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói.

38. **Này Ananda, hôm nay khi canh cuối cùng đã mãn, tại Upavattana ở Kusinàrà, trong rừng Sàla của dòng họ Mallà, giữa hai cây sàla song thọ, Như Lai sẽ diệt độ.** Này Ananda, chúng ta hãy đi đến sông Kakutthà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn:

*Cặp áo kim sắc này.
Pukkusa mang đến.
Đắp áo kim sắc này,
Da Đạo Sư sáng chói.*

39. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến con sông Kakutthà, xuống sông tắm và uống nước rồi lội qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài và tại đây, nói với đại đức Cundaka:

- Nay Cundaka, hãy xếp áo Sanghàti làm bốn cho Ta. Nay Cundaka, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Đại đức Cundaka vâng lời Thế Tôn và xếp áo Sanghàti làm bốn.

40. Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như dáng điệu con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh niệm, tỉnh giác, suy tư, với ý niệm ngồi dậy lại khi phải thời. Và đại đức Cundaka ngồi phía trước Thế Tôn.

41. Đức Phật tự đi đến
Con sông Kakutthà.
Con sông chảy trong sáng.
Mát lạnh và thanh tịnh.
Vị Đạo Sư mỗi một
Đi dần xuống mé sông.
Như Lai đáng Vô Thượng
Ngự trị ở trên đời
Tắm xong, uống nước xong,
Lội qua bên kia sông.
Bậc Đạo Sư đi trước,
Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Vừa đi vừa diễn giảng.
Chánh pháp thật vi diệu.
Rồi bậc Đại Sĩ đến,
Tại khu vực rừng xoài.
Cho gọi vị Tỷ-kheo,
Tên họ Cundaka:
"Hãy gấp tư áo lại,
Trải áo cho ta nằm.
Nghe dạy, Cundaka
Lập tức vâng lời dạy,
Gấp tư và trải áo,
Một cách thật mau lẹ.
Bậc Đạo Sư nằm xuống
Thân mình thật mệt mỏi.
Tại đây Cundaka,

Ngồi ngay phía trước mặt.

42. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, rất có thể có người làm cho thợ sắt Cunda hối hận: "Này Hiền giả Cunda, thật không lợi ích gì cho Ngươi, thật là tai hại cho Ngươi, vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ Ngươi cúng dường và nhập diệt".

Nay Ananda, cần phải làm tiêu tan sự hối hận ấy của thợ sắt Cunda: "*Này Hiền giả, thật là công đức cho bạn, vì được Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ bạn cúng dường, và nhập diệt.*

Này Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tự thân lãnh thọ lời nói này của Thế Tôn: "Có hai sự cúng dường ăn uống đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác? Thế nào là hai?

- Một là bữa ăn trước khi Như Lai chứng vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,
- Hai là bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ Niết-bàn giới, không còn di hưởng sanh tử.

Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác.

- Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng tuổi thọ;
- Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được

hưởng sắc đẹp;

- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng an lạc;*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng danh tiếng;*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng cõi trời,*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng uy quyền".*

Này Ananda, cần phải làm cho thợ sắt Cunda tiêu tan hối hận.

43. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa này, liền thốt

lời cảm khái như sau:

*Công đức người bố thí,
Luôn luôn được tăng trưởng,
Trừ được tâm hận thù.
Không chất chứa, chế ngự,
Kẻ chí thiện từ bỏ.
Mọi ác hạnh bất thiện,
Diệt trừ tham, sân, si.
Tâm giải thoát thanh tịnh.*

V

1. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi qua bờ bên kia sông Hirannavati, đến ở Kusinàrà - Upavatama - rừng Sàlà của dòng họ Malla.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến bên kia sông Hirannavati, tại Kusinàrà Upavattana, rừng Sàlà của dòng họ Malla, khi đi đến nơi liền nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sàlà song thọ: nay Ananda, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sàlà song thọ. Và Thế Tôn nằm xuống, về phía hông bên phải, như

dáng nằm con sư tử, hai chân để lên nhau chánh niệm và giác tỉnh.

2. Lúc bảy giờ, cây sàlā song thọ **trở hoa trái mùa, tràn đầy cành lá.**

- Những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài.
- Những thiên hoa Mandàrava từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài.
- Bột trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài,
- Nhạc trời trên hư không trời dậy để cúng dường Như Lai.
- Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

3. Rồi Như Lai nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananada, các cây sàlā song thọ tự nhiên trở hoa trái mùa tràn đầy cành lá, những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng

đường. Những thiên hoa Mandàrava từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Bọt trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Nhạc trời trên hư không trỗi dậy để cúng dường Như Lai. Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

→ Nhưng, này Ananda, **như vậy không phải kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường hay lễ kính Như Lai.**

→ Này Ananda, nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam hay cư sĩ nữ nào **thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp, hành trì đúng Chánh pháp,** **thời người ấy kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường Như Lai với sự cúng dường tối thượng.**

→ Do vậy, này Ananda, hãy thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp và hành trì đúng Chánh pháp. Này Ananda, các Người phải học tập như vậy.

4. Lúc bảy giờ, tôn giả Upavàna đứng trước mặt Thế Tôn và quạy Ngài. Thế Tôn liền quở trách tôn giả Upavàna: ***"Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có***

đứng trước mặt Ta."

Tôn giả Ananda, liền tự suy nghĩ: "Đại đức Upavàna này là thị giả sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta". Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt ta"?"

5. Rồi tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Đại đức Upavàna này là thị giả, sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta." Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta"?"

- Này Ananda, **rất đông các vị Thiên thần ở mười phương thế giới** tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Này Ananda, cho đến mười hai do tuần xung quanh Kusinàrà, Upavattana, rừng Sàlà thuộc dòng họ Mallà, không có một chỗ nào, nhỏ cho đến đầu một sợi tóc có thể chích được mà không đầy những Thiên thần có uy lực tu hạp.

Này Ananda, **các vị Thiên Thần đang than phiền:**
"Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Như Lai. Thật rất là hy hữu, các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, và tới hôm nay, trong canh cuối cùng, Như Lai sẽ nhập diệt. Và nay Tỷ-kheo có oai lực này lại đứng ngang trước Thế Tôn, khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng Như Lai trong giờ phút cuối cùng". Này Ananda, các chư Thiên than phiền như vậy.

6. - Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào?

- Này Ananda, có hạng chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục, những vị này khóc than, với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lăn lộn qua lại: ***"Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm"***.
- Này Ananda, có hạng Thiên thần ở trên đất với tâm tư thế tục những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân nằm ngoài dưới đất, lăn lộn qua lại: ***"Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm"***.

- Có chư Thiên đã diệt trừ ái dục, những vị này bình thản, tỉnh giác chịu đựng, với tâm suy tư: "Các hành là vô thường, làm sao sự kiện có thể khác được?".

7. - Bạch Thế Tôn, thưở trước các Tỷ-kheo sau khi thọ an cư, từ các địa phương đến chiêm ngưỡng Như Lai, chúng con được sự lợi ích tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện. Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nhập diệt, chúng con sẽ không được sự lợi ích **tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện.**

8. - Nay Ananda, **có bốn Thánh tích kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Thế nào là bốn?**

◎ **"Đây là chỗ Như Lai đản sanh"** . Nay Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

◎ **"Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác"**, nay Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

◎ **"Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng"**, nay Ananda, đó là Thánh tích, kẻ

thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

◎ "**Đây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết-bàn**", này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Này Ananda, đó là bốn Thánh tích, kẻ thiện tín cư sĩ cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Này Ananda, các thiện tín Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ sẽ đến với niềm suy tư: "Đây là chỗ Như Lai đản sanh", "Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác", "Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng", "Đây là chỗ Như Lai diệt độ, Nhập Vô dư y Niết-bàn".

➔ Này Ananda, và những ai, trong khi chiêm bái những Thánh tích mà từ trần với tâm thâm tín hoan hỷ, thời những vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh cõi thiện thú, cảnh giới chư Thiên.

9. - Bạch Thế Tôn, chúng con phải cư xử với phái nữ như thế nào?

- Này Ananda, **chớ có thấy chúng.**

- Bạch Thế Tôn, nếu phải thấy chúng, thời phải như

thế nào?

- Nay Ananda, **chớ có nói chuyện** với chúng.

- Bạch Thế Tôn, nếu phải nói chuyện với chúng, thời phải như thế nào?

- Nay Ananda, **phải an trú chánh niệm**.

10. - Bạch Thế Tôn, chúng con phải xử sự **thân xá-lợi Như Lai** như thế nào?

→ Nay Ananda, các Người đừng có lo lắng vấn đề cung kính thân xá-lợi của Như Lai.

→ Nay Ananda, **các Người hãy nỗ lực, hãy tinh tấn hướng về tự độ, sống không phóng dật, cần mẫn, chuyên hướng về tự độ.**

→ Nay Ananda, có những học giả Sát-đế-ly, những học giả Bà-la-môn, những học giả gia chủ thâm tín Như Lai, những vị này sẽ lo cho sự cung kính cúng dường thân xá-lợi của Như Lai.

11. - Bạch Thế Tôn, cần phải xử sự **thân Như Lai** như thế nào?

- Nay Ananda, xử sự thân Chuyển luân Thánh Vương như thế nào, hãy xử sự thân xá-lợi Như Lai như vậy.

- Bạch Thế Tôn, người ta xử sự thân chuyển luân Thánh vương như thế nào?

- Nay Ananda, thân của Chuyển luân Thánh vương được vắn tròn với vải mới.
- Sau khi vắn vải mới xong, lại được vắn thêm với vải gai bện.
- Sau khi vắn vải gai bện, lại vắn thêm với vải mới, và tiếp tục như vậy cho đến **năm trăm lớp cả hai loại vải**.
- Rồi thân được đặt vào trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín.
- Xong một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân của vị Chuyển luân Thánh vương được đem thiêu trên giàn hỏa này và tại ngã tư đường, tháp của vị Chuyển luân Thánh vương được xây dựng lên.
- Nay Ananda, đó là **pháp táng thân vị Chuyển luân Thánh vương**.

→ **Này Ananda, pháp tạng thân vị Chuyển luân Thánh vương như thế nào, pháp tạng thân Thế Tôn cũng như vậy.**

→ **Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường.**

→ **Và những ai đem tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đánh lễ tháp, hay khởi tâm hoan hỷ (khi đứng trước mặt tháp), thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.**

12. Này Ananda, bốn hạng người sau này đáng được xây tháp. Thế nào là bốn?

- **Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác** xứng đáng xây tháp.
- **Độc Giác Phật** xứng đáng xây tháp.
- **Đệ tử Thanh Văn** của Như Lai xứng đáng xây tháp.
- **Chuyển luân Thánh vương** xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp? Này

Ananda, **tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến:** "Đây là tháp của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ sanh lên thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: **"Đây là tháp của Thế Tôn Độc Giác Phật"**. " Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: **" Đây là tháp đệ tử Thanh Văn của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri."** Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp .

Này Ananda, vì lý do gì, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: **" Đây là tháp của**

vị Pháp vương trị vì đúng pháp ". Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp.

Nay Ananda, đó là bốn hạng người xứng đáng xây tháp.

13. Rồi tôn giả Ananda đi vào trong tịnh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: *"Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa! "*

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, Ananda ở tại đâu?

- Bạch Thế Tôn, tôn giả Ananda đi vào trong tịnh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: "Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa! "

Thế Tôn liền nói với một Tỷ-kheo:

- Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, nói với Ananda: " Nay Hiền giả Ananda, bậc Đạo Sư mọi Hiền giả."

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Vị Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đi đến chỗ tôn giả Ananda, sau khi đến, liền nói với tôn giả: "Này Hiền giả Ananda, bậc Đạo Sư cho gọi Hiền giả." - "Thưa vâng, Hiền giả. " Tôn giả Ananda vâng lời vị Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

14. Thế Tôn nói với tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

→ Thôi vừa rồi, Ananda, chớ có buồn rầu, chớ có khóc than.

→ Này Ananda, Ta đã tuyên bố trước với Người rằng mọi vật ái luyến, tốt đẹp đều phải sanh diệt, tử biệt và dị biệt.

→ Này Ananda làm sao được có sự kiện này: "Các pháp sanh, trú, hữu vi, biến hoại đừng có bị tiêu diệt? " Không thể có sự kiện như vậy được.

→ Này Ananda, đã lâu ngày, Người đối với Như Lai, với thân nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với khẩu nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với ý nghiệp đầy lòng từ

ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng.

→ Nay Ananda, Người là người tác thành công đức. **Hãy cố gắng tinh tấn lên, Người sẽ chứng bậc Vô lậu, không bao lâu đâu.**

15. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, những bậc Thế Tôn này đều có những thị giả tối thắng như Ananda của Ta.

- Nay Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thời vị lai, những bậc Thế Tôn này cũng sẽ có những thị giả tối thắng như Ananda của Ta vậy.

- Nay các Tỷ-kheo, Ananda là người có trí và hiểu rõ: "**Nay đúng thời để các Tỷ-kheo yết kiến Thế Tôn, nay đúng thời để các Tỷ-kheo ni, nay đúng thời để các nam cư sĩ, nay đúng thời để các nữ cư sĩ, nay đúng thời để các vua chúa, để các đại thần, để các ngoại đạo sư, để các đệ tử các ngoại đạo sư yết kiến Thế Tôn!**"

16. Nay các Tỷ-kheo, **Ananda có bốn đức tánh kỳ cựu, hy hữu. Thế nào là bốn?**

- Đây các Tỷ-kheo, nếu có chúng Tỷ-kheo đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp, và nếu Ananda làm thỉnh thời, này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo ấy sẽ thất vọng.
- Đây các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo ni..., chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ, vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp và nếu Ananda làm thỉnh thời này các Tỷ-kheo, chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, vị Chuyển luân Thánh vương có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu.

Này các Tỷ-kheo, nếu có chúng Sát-đế-ly... chúng Bà-la-môn... chúng gia chủ... chúng Sa-môn đến yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương, chúng sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương và nếu vị Chuyển luân Thánh vương nói chuyện, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài nói chuyện, và nếu vị Chuyển luân Thánh vương làm thỉnh thời chúng Sa-môn ấy sẽ thất vọng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu. Nếu có chúng Tỷ-kheo... chúng Tỷ-kheo ni... chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp, và nếu Ananda làm thỉnh, thời này các Tỷ-kheo chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu như vậy.

17. Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thị nhỏ bé này, tại đô thị hoang vu này, tại đô thị phụ thuộc này. Bạch Thế Tôn, có những đô thị khác to lớn hơn như Campà (Chiêm-bà), Ràjagaha (Vương Xá), Sàvatthi (Xá-vệ), Sàketa (Sa-kỳ), Kosambi (Kiều-thương-di), Bārāṇasī (Ba-la-nại). Thế Tôn hãy diệt độ tại chỗ ấy. Tại chỗ ấy, có đại chúng Sát-đế-ly, có đại chúng Bà-la-môn, có đại chúng gia chủ rất tin tưởng Như Lai, các vị này sẽ cúng dường thân xá-lợi Như Lai.

- Này Ananda, chớ có nói như vậy, này Ananda, chớ có nói đô thị này nhỏ bé, đô thị này hoang vu, đô thị này phụ thuộc.

18. Nay Ananda, thuở xưa có vị vua tên là Mahasudassana (Đại Thiên Kiến). Vị này là Chuyển luân vương, trị vì như pháp, là vị pháp vương, thống lĩnh bốn thiên hạ, chinh phục hộ trì quốc dân, đầy đủ bảy báu. Nay Ananda, đô thị Kusinàrà này là kinh đô của vua Mahasudassana, tên là Kusàvatì (Câu-xá-bà-đề), phía Đông và phía Tây rộng đến mười hai do tuần, phía Bắc và phía Nam rộng đến bảy do tuần.

Nay Ananda, kinh đô Kusàvatì này rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, dân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú. Nay Ananda, cũng như kinh đô Alakamanda của chư thiên rất phồn thịnh, phú cường dân cư đông đúc, Thiên chúng sung mãn, thực phẩm phong phú, cũng vậy nay Ananda, kinh đô Kusàvatì này cũng rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, nhân chúng sung mãn.

Nay Ananda, kinh đô Kusàvatì này, ngày đêm vang dậy chín loại tiếng, tức là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng tỳ bà, tiếng hát, tiếng xập xỏa, tiếng chuông và tiếng thứ mười là lời kêu gọi: " Hãy uống đi, hãy ăn đi ".

19. Nay Ananda, hãy đi vào Kusinàrà và nói với dân Mallà Kusinàrà: "Này các Vàsetthà, **đêm nay, vào canh cuối cùng, Như Lai sẽ diệt độ**".

- Nay Vasetthà, các Người hãy đến. Nay Vasetthà, các Người hãy đến. Về sau chớ có hối hận: "*Như Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai*".

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, đáp y, đem theo y bát và cùng một vị khác làm bạn đồng hành đi vào Kusinàrà.

20. Lúc bảy giờ, dân Mallà ở Kusinàrà đang tụ họp tại giảng đường vì một vài công sự. Tôn giả Ananda đến tại giảng đường của dân Mallà ở Kusinàrà. Sau khi đến, tôn giả liền nói với dân Mallà ở Kusinàrà:

- Nay Vasetthà, đêm nay, vào canh cuối cùng Như Lai sẽ diệt độ, Nay Vasetthà, các Người hãy đến. Nay Vasetthà, các Người hãy đến. Về sau chớ có hối hận: " Như Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai ".

21. Dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe tôn giả Ananda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than thân bỏ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá

sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Và dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não, đi đến Upavattana, khu rừng Sàlà của dòng họ Mallà và đến chỗ tôn giả Ananda.

22. Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Nếu ta để dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ Thế Tôn từng người một, thời đêm sẽ tàn trước khi Thế Tôn được tất cả dân Mallà đánh lễ. Vậy ta hãy để dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ theo từng gia tộc ".

- Bạch Thế Tôn, gia tộc Mallà này với vợ con, đồ chúng, bạn bè đến cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Và tôn giả Ananda, theo phương tiện này trong canh một, khiến dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ Thế Tôn.

23. Lúc bảy giờ, du sĩ ngoại đạo Subhadda ở tại Kusinàrà. Du sĩ ngoại đạo Subhadda được nghe: " Tội nay canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ".

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda suy nghĩ: " Ta nghe các du sĩ ngoại đạo niên cao lập lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu. Và đêm nay, vào canh cuối

cùng Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm ta. Ta tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho ta ".

24. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đi đến Upavattana, khu rừng Sàla của dân Mallà, đến tại chỗ tôn giả Ananda và thưa với tôn giả:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cạo lạc lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

Lần thứ hai, du sĩ ngoại đạo Subhadda ... Lần thứ ba, du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cạo lạc lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai,

Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Lần thứ ba, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

25. Thế Tôn nghe được câu chuyện của tôn giả Ananda với du sĩ ngoại đạo Subhadda, Ngài liền nói với tôn giả Ananda:

- Thôi Ananda, chớ có ngăn trở Subhadda, Ananda, hãy để cho Subhadda được phép yết kiến Như Lai. Những gì Subhadda hỏi Ta là hỏi để hiểu biết chớ không phải để phiền nhiễu Ta. Và những gì ta trả lời các câu hỏi, Subhadda sẽ hiểu ý nghĩa một cách mau lẹ.

Tôn giả Ananda liền nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Nay Hiền giả Subhadda, hãy vào. Thế Tôn đã cho

phép Hiền giả.

26. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đến chỗ Thế Tôn, nói lên những lời chúc tụng hỏi thăm xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn là những vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, như các ngài Pàrana Kassapa, Makkhali Gosàla, Ajita Kesakambali, Pakadha Kaccàyana, Sanjaya Belatthiputta, Nigantha Nàthaputta, tất cả những vị này có phải là giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ?

- Thôi Subhadda, hãy đề vấn đề này yên một bên: "Tất cả những vị này có phải là đã giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ". Nay Subhadda, Ta sẽ thuyết pháp cho Ngươi. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Du sĩ ngoại đạo Subhadda vâng lời Thế Tôn. Thế

Tôn nói như sau:

27. -

- ◎ *Này Subhadda, trong pháp luật nào **không có Bát Thánh đạo**, thời ở đây **không có** (đệ nhất) Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn.*
- ◎ *Này Subhadda trong pháp luật nào **có Bát Thánh đạo** thời **ở đây có** (đệ nhất) Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đây cũng có đệ tứ Sa-môn.*
- ◎ *Này Subhadda, **chính trong pháp luật này có Bát Thánh Đạo**, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. **Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn.***
- ◎ *Này Subhadda, **nếu những vị Tỷ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán.***

*Này Subhadda, **năm hai mươi chín,**
Ta xuất gia hướng tìm chân thiện đạo.*

*Trải năm mươi năm với thêm một năm
Từ khi xuất gia, này Subhadda,
Ta là du sĩ tu Trí, tu Đức.*

Ngoài lãnh vực này, không có Sa-môn (đệ nhứt); cũng không có Sa-môn đệ nhị, cũng không có Sa-môn đệ tam, cũng không có Sa-môn đệ tứ. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những Tỷ-kheo sống chơn chánh, thì đời này không vắng những vị A-la-hán.

28. Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

- Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong con được xuất gia với Thế Tôn. Con xin thọ đại giới.

- Này Subhadda, ai trước kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia muốn thọ đại giới trong Pháp, Luật này phải

sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau.

29. - Bạch Thế Tôn, nếu những người xưa kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong Pháp và Luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu các vị Tỷ-kheo đồng ý, hãy cho con xuất gia, cho con thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo.

Và Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananada, hãy xuất gia cho Subhadda.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

30. Du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

- Thật là lợi ích, thưa Tôn giả Ananda, thật là thiện lợi, thưa Tôn giả Ananda, được thọ lễ quán đảnh làm đệ tử trước mặt bậc Đạo Sư!

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda được xuất gia được thọ đại giới với Thế Tôn. Thọ đại giới không bao lâu, đại đức Subhadda ở một mình, an tịnh, không phóng dật, tinh tấn, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự giác chứng và an trú. Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa.

Và đại đức Subhadda trở thành một A-la-hán nữa.

Đại đức là vị đệ tử cuối cùng được Thế Tôn thế độ.

VI

1. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, nếu trong các Ngươi có người nghĩ rằng: "Lời nói của bậc Đạo sư không còn nữa. Chúng ta không có Đạo sư (giáo chủ)". **Này Ananda, chớ có những tư tưởng như vậy. Này Ananda, Pháp**

và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Người.

2. Nay Ananda, nay các vị Tỷ-kheo xung hô với nhau là Hiền giả. Sau khi Ta diệt độ, chớ có xung hô như vậy.

- Nay Ananda, vị Tỷ-kheo niên lão hãy gọi vị Tỷ-kheo niên thiếu, hoặc bằng tên, hoặc bằng họ, hoặc bằng tiếng Hiền giả.

- Vị Tỷ-kheo niên thiếu, hãy gọi vị Tỷ-kheo niên lão là Thượng tọa (Bhante) hay Đại đức.

3. Nay Ananda, **nếu chúng Tăng muốn, sau khi Ta diệt độ có thể hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt chi tiết.**

4. Nay Ananda, sau khi Ta diệt độ, hãy hành tội Phạm đàn (Brahmadanda) đối với Tỷ-kheo Channa.

- Bạch Thế Tôn, thế nào là Phạm Đàn?

- Nay Ananda, Tỷ-kheo Channa muốn nói gì thì nói. Chúng Tỷ-kheo sẽ không nói, sẽ không giảng dạy, sẽ không giáo giới Tỷ-kheo Channa.

5. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo các Người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn".

Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo ấy im lặng. Một lần thứ hai, Thế Tôn... . Một lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có một Tỷ-kheo có nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo, các Người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn".

Lần thứ ba, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có vị nào vì lòng kính trọng bậc Đạo Sư mà không hỏi, thời này các Tỷ-kheo, giữa bạn đồng tu, hãy hỏi nhau.

Khi được nói vậy, những vị Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

6. Rồi tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, thật hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, con tin rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp.

- Nay Ananda, Người có tín nhiệm nên nói vậy. Nhưng ở đây, này Ananda, Như Lai biết rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp. Nay Ananda, **trong năm trăm Tỷ-kheo này, Tỷ-kheo thấp nhất đã chứng được quả Dự lưu**, không còn đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác.

7. Và Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta khuyên dạy các Người:
"Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật".

Đó là lời cuối cùng của Như Lai.

8.

- Rồi Thế Tôn nhập định Sơ thiền.
- Xuất Sơ thiền, Ngài nhập Nhị thiền.
- Xuất Nhị thiền Ngài nhập Tam thiền.
- Xuất Tam thiền, Ngài nhập Tứ thiền.
- Xuất Tứ thiền, Ngài nhập định Không vô biên xứ.
- Xuất Không vô biên xứ, Ngài nhập định Thức vô biên xứ.
- Xuất Thức vô biên xứ, Ngài nhập định Vô sở hữu xứ.
- Xuất Vô Sở hữu xứ, Ngài nhập định Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
- Xuất Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài nhập Diệt thọ tưởng định.

Khi ấy tôn giả Ananda nói với tôn giả Anuruddha:

- Thưa Tôn giả, Thế Tôn đã diệt độ.
- Nay Hiền giả Ananda, Thế Tôn chưa diệt độ. Ngài mới nhập Diệt thọ tưởng định.

9.

- Rồi xuất Diệt thọ tướng định. Ngài nhập Phi tướng phi phi tướng xứ định.
- Xuất Phi tướng phi phi tướng xứ, Ngài nhập Vô sở hữu xứ định.
- Xuất Vô sở hữu xứ, Ngài nhập Thức vô biên xứ định.
- Xuất thức Vô biên xứ, Ngài nhập Hư không vô biên xứ định.
- Xuất Hư không vô biên xứ, Ngài nhập định Tứ thiên.
- Xuất Tứ thiên, Ngài nhập định Tam thiên.
- Xuất Tam thiên, Ngài nhập định Nhị thiên.
- Xuất Nhị thiên, Ngài nhập định Sơ thiên.
- Xuất Sơ thiên, Ngài nhập định Nhị thiên.
- Xuất Nhị thiên, Ngài nhập định Tam thiên.
- Xuất Tam thiên, Ngài nhập định Tứ thiên.
- Xuất Tứ thiên, Ngài lập tức diệt độ.

10. Khi Thế Tôn diệt độ, cùng với sự diệt độ, **đại địa chấn động khủng khiếp, râu tóc dựng ngược, sáu trời vang động.**

Khi Thế Tôn diệt độ, Phạm thiên Sahampati, cùng

lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này.

*Chúng sanh ở trên đời,
Từ bỏ **thân ngũ uẩn**
Bậc đạo sư cũng vậy,
Đấng Tuyệt luân trên đời.
Bậc Đại hùng Giác ngộ
Như Lai đã diệt độ.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Thiên chủ Sakka, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt
Đã sanh, chúng phải diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Anuruddha, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Không phải thở ra vào
Chính tâm trú chánh định
Không tham ái tịch tịnh
Tu sĩ hướng diệt độ
Chính tâm tịnh bất động
Nhẫn chịu mọi cảm thọ
Như đèn sáng bị tắt*

Tâm giải thoát hoàn toàn.

Khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Ananda, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Thật kinh khủng bàng hoàng,
Thật râu tóc dựng ngược,
Khi Bạc Toàn thiện năng,
Bạc Giác ngộ nhập diệt.*

Khi Thế Tôn diệt độ, những Tỷ-kheo chưa giải thoát tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì khóc than, thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "***Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm***".

Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại, suy tư: "***Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy.***"

11. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha nói với các Tỷ kheo:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Nay các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng: ***Mọi vật ưu ái thân tình đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt.***

Này các Hiền giả, làm sao có thể được như vậy:
“*Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch? Thật không có sự trạng ấy*”. Này các Hiền giả, chính chư Thiên đang trách đó.

- Thừa Tôn giả Anuruddha, Tôn giả đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào?

- Hiền giả Ananda, có hạng chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".
- Hiền giả Ananda, có hạng chư Thiên ở trên đất với tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".
- Còn những chư Thiên diệt trừ ái dục, những vị này chánh niệm tỉnh giác, chịu đựng với tâm

suy tư: “ Các hành là vô thường, làm sao có thể khác được? ”.

12. Tôn giả Anuruddha và Tôn giả Ananda luận bàn về Chánh pháp suốt cả đêm còn lại. Rồi tôn giả Anuruddha nói với tôn giả Ananda:

- Hiền giả Ananda, hãy vào thành Kusinàrà và nói với dân Mallà ở Kusinàrà: “ Nay Vàsetthà, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các Người nghĩ phải làm.”

- Tôn giả, xin vâng!

Tôn giả Ananda vâng lời tôn giả Anuruddha, buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng một thị giả, vào thành Kusinàrà.

Lúc bấy giờ, dân Mallà ở Kusinàrà đang tụ họp tại giảng đường vì một vài công vụ. Tôn giả Ananda đến tại giảng đường của dân Mallà ở Kusinàrà, sau khi đến liền nói với dân Mallà ở Kusinàrà: “ Nay Vàsetthà, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các Người nghĩ phải làm.”

Dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe tôn giả Ananda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối,

kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than thân bỏ nhòai dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thế nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

13. Rồi dân Mallà ở Kusinàrà ra lệnh cho những người làm: “ Các Người hãy gom góp hương, tràng hoa và tất cả nhạc khí ở Kusinàrà.”

Rồi dân Kusinàrà đem theo hương, tràng hoa, tất cả nhạc khí và năm trăm cuộn vải đi đến Upavattana, tại rừng Sàlà của giòng họ Mallà, đến tại chỗ thân xá- lợi của Thế Tôn, rồi chúng ở lại cả ngày tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các **điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Mandala.**

Rồi dân Mallà ở Kusinàrà suy nghĩ: “ Hôm nay, nếu thiêu thân xá - lợi Thế Tôn thời quá sớm. Ngày mai, chúng ta sẽ làm lễ thiêu thân xá - lợi của Thế Tôn.” Rồi dân Mallà ở Kusinàrà, cả ngày thứ hai, tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Malanda, ngày thứ ba cũng như vậy, ngày thứ tư cũng như vậy, ngày thứ năm cũng như vậy. Ngày thứ sáu cũng như vậy.

14. Đến ngày thứ bảy, dân Mallà ở Kusinàrà suy nghĩ: “*Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương.* nay chúng ta hãy chở thân xá - lợi Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy.”

Lúc bấy giờ tám vị tộc trưởng Mallà gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá - lợi Như Lai nhưng không thể nổi được. Các vị Mallà ở Kuisnàrà bạch Tôn giả Anuruddha:

- Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, tám vị tộc trưởng Mallà này gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá- lợi Như Lai, nhưng không thể nổi được?

- Nay Vàssethà, vì ý định của các Người khác, ý định của chư Thiên khác.

15. – Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên là gì?

- Nay các Vàssethà, ý định của các Người như sau: “*Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá- lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương.* Nay chúng ta hãy chở thân xá- lợi Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy.”

Này các Vasetthà, ý định của chư Thiên như sau:
“Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá- lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư Thiên, nay chúng ta hãy khiêng thân xá- lợi Thế Tôn về hướng Bắc đến phía Bắc của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, hãy khiêng qua trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, hãy khiêng đến phía Đông của thành, tại đền của dân Mallà tên là Makuta- bandhana, và chúng ta sẽ thiêu thân Thế Tôn tại chỗ ấy.”

- Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên thế nào, ý định của chúng con cũng như vậy.

16. Lúc ấy, khắp cả Kusinàrà cho đến đông bụi, đông rác, được rải la liệt lên đến đầu gối toàn hoa Mandaràva. Rồi chư Thiên và các dân Mallà ở Kusinàrà, sau khi đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư Thiên và loài Người, liền khiêng thân xá lợi Thế Tôn về phía Bắc của Thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, liền khiêng qua Trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, liền khiêng đến phía

Đông của thành, tại đền của dân Mallà tên là Makuta-bandhana và đặt thân xá lợi của Thế Tôn tại chỗ ấy.

17. Rồi dân Mallà bạch tôn giả Ananda:

- Bạch Tôn giả Ananda, chúng con nay phải xử sự như thế nào đối với thân xá lợi Như Lai?

- Nay các Vàsetthà, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương như thế nào, hãy xử sự thân xá lợi Như Lai như vậy.

- Bạch Tôn giả Ananda, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương phải như thế nào?

- Nay các Vàsetthà:

- Thân Chuyển luân Thánh vương được vắn tròn với vải mới.
- Sau khi vắn vải mới, lại được vắn thêm với vải gai bện.
- Sau khi vắn với vải gai bện, lại vắn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải.
- Rồi thân được đặt trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín.

- Xong một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân vị Chuyển luân Thánh vương được đem thiêu trên giàn hỏa này,
 - Và tại ngã tư đường, tháp vị Chuyển luân Thánh vương này được xây dựng lên.
- Nay các Vasetthà, đó là pháp táng thân của vị Chuyển luân Thánh vương.

→ Nay các Vasetthà, pháp táng thân của vị Chuyển luân Thánh vương như thế nào, pháp táng thân của Thế Tôn cũng như vậy.

Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường. Và những ai đem đến tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đánh lễ tháp hay khởi tâm hoan hỷ (khi đứng trước mặt tháp) , thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

18. Và các người Mallà ở Kusinàrà sai những người làm công:

- Hãy đem lại tất cả vải gai bện của Mallà .

Rồi những người Mallà ở Kusinàrà vắn tròn thân Thế Tôn với vải mới. Sau khi vắn vải mới xong, lại vắn thêm với vải gai bện. Sau khi vắn với vải gai bện lại vắn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến

năm trăm lớp cả hai loại vải. Rồi đặt thân Như Lai vào trong một hòm dầu bằng sắt, đẩy hòm sắt này vào một hòm sắt khác, dựng lên một giàn hỏa gồm mọi loại hương và đặt thân Thế Tôn trên giàn hỏa.

19. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Mahà Kassapa** đang đi giữa đường từ Pàvā đến Kusinàrà với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Rồi Tôn giả Mahà Kassapa bước xuống đường và đến ngồi tại một gốc cây.

Lúc bấy giờ có một tà mạng ngoại đạo lấy một hoa Mandàrava ở Kusinàrà và đang đi trên một con đường đến Pàvā.

Tôn giả Mahà Kassapa thấy tà mạng ngoại đạo đi từ đằng xa đến. Thấy vậy, tôn giả liền hỏi tà mạng ngoại đạo ấy:

- Này Hiền giả, Hiền giả có biết bậc Đạo sư chúng tôi không?

- Này Hiền giả, tôi có biết. Sa-môn Gotama đã diệt độ cách hôm nay một tuần. Từ chỗ ấy, tôi được hoa Mandàrava này.

Lúc ấy những Tỷ-kheo chưa giải thoát tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì khóc

than, thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ". Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm, tỉnh giác, nhẩn nại suy tư: " Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy? ".

20. Lúc bấy giờ, **Subhadda được xuất gia khi đã lớn tuổi đang ngồi trong hội chúng này**. Subhadda được xuất gia khi đã lớn tuổi nói với những Tỷ-kheo ấy:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Chúng ta đã được thoát khỏi hoàn toàn vị Đại Sa-môn ấy, chúng ta đã bị phiền nhiễu quấy rầy với những lời: "*Làm như thế này không hợp với các Ngươi. Làm như thế này hợp với các Ngươi*". Nay những gì chúng ta muốn, chúng ta làm, những gì chúng ta không muốn, chúng ta không làm.

Tôn giả Mahà Kassapa mới nói với các vị Tỷ-kheo:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Nay các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng mọi vật ưu ái thân tình đều phải bị sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Nay các Hiền giả, làm sao có thể được như vậy: Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến

dịch? Thật không có sự trượng ấy.

21. Lúc bấy giờ **bốn vị tộc trưởng Mallà** gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa **Thế Tôn** nhưng châm lửa không cháy.

Các vị Mallà ở Kusinàrà bạch tôn giả Anuruddha:

- Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, bốn vị tộc trưởng Mallà này gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn, nhưng châm lửa không cháy?

- Nay các Vasetthà, ý định của chư Thiên khác.

- Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên như thế nào?

- Nay các vasetthà, ý định của chư Thiên như sau:

" Tôn giả Mahà Kassapa nay đang đi giữa đường giữa Pàvā và Kusinàrà cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. **Giàn hỏa Thế Tôn chỉ được đốt cháy khi tôn giả Mahà Kassapa cúi đầu đảnh lễ Thế Tôn.**"

- Bạch Tôn giả, ý định chư Thiên như thế nào, hãy làm y như vậy.

22. Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đến tại đền Makuta

Bandhana của những vị Mallà tại giàn hỏa Thề Tôn, khí đến xong liền choàng áo phía một bên vai, cháp tay, đi nhiều phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần, cỡi mở chân ra và cúi đầu đánh lễ chân Thề Tôn.

Năm trăm vị Tỷ-kheo ấy choàng áo phía một bên vai, cháp tay, đi nhiều qua phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần và cúi đầu đánh lễ chân Thề Tôn.

Và khi tôn giả Mahà Kassapa và năm trăm vị Tỷ-kheo đánh lễ xong, **thời giàn hỏa Thề Tôn tự bắt lửa cháy.**

23. Khi thân Thề Tôn đã cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân hay nước giữa các khớp xương, **thấy đều cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương xá lợi còn lại.**

Như sanh tô hay dầu bị cháy, tất cả đều cháy sạch không có tro, không có than. Cũng vậy khi thân Thề Tôn cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân hay nước giữa khớp xương, tất cả đều cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương xá lợi còn lại. Và năm trăm tầng lớp vải gai bên, cả hai lớp trong nhất và lớp ngoài nhất đều bị cháy thiêu.

Khi thân Thề Tôn bị thiêu cháy xong, một dòng nước

từ hư không chảy xuống tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn, và một dòng nước từ kho nước (hay từ cây sàlà) phun lên tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn, và các người Mallà ở Kusinàrà dùng nước với mọi loại hương tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn.

Rồi các người Mallà xứ Kusinàrà đặt xá lợi Thế Tôn trong giăng đường, dùng cây thương làm hàng rào, dùng cây cung làm bức thành xung quanh và **trong bảy ngày** tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường với các điệu múa, hát, nhạc, vòng hoa, hương.

24.

8. Vua nước Magadha tên là Ajàtasattu Vedehiputta nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà. Vua liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, ta cũng là người Sát-đế-ly. Ta cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn, ta cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn ".
9. Những người Licchavì ở Vesàlì nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được phần xá

lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

10. Các người Sakyà ở Kapilavatthu nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gọi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ với xá-lợi Thế Tôn ".
11. Những người Buli ở Allakappa nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gọi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn ".
12. Những người Koli ở Rāmagāma nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà , liền gọi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng

tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn."

13. **Bà-la-môn Vethadìpaka** nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, tôi là người Bà-la-môn. Tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

14. **Các người Mallà ở Pàvà** nghe tin Thế Tôn đã diệt độ liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

25. Khi được nói vậy các người Mallà ở Kusinàrà liền tuyên bố giữa đại chúng:

- Thế Tôn đã diệt độ tại làng vườn của chúng tôi, chúng tôi sẽ không cho phần xá lợi nào của Thế Tôn.

Khi nghe vậy. **Bà-la-môn Dona** nói với chúng:

Tôn giả, hãy nghe lời tôi nói!

*Phật dạy chúng ta phải kham nhẫn.
Thật không tốt nếu có tranh giành.
Khi chia xá lợi bậc Thượng nhân.
Chúng ta hãy đoàn kết nhất tâm,
Hoan hỷ chia xá lợi tám phần.
Chúng ta hãy dựng tháp mọi phương,
Đại chúng mười phương tin Pháp
nhẫn...*

- Nay Tôn giả Bà-la-môn, Ngài hãy phân chia xá lợi ra tám phần đồng đều.

- Xin vâng, các Tôn giả.

Bà-la-môn Dona vâng lời hội chúng ấy, phân chia xá-lợi Thế Tôn thành tám phần đồng đều rồi thừa hội chúng:

- Các Tôn giả, hãy cho tôi cái bình dùng để đựng chia xá-lợi này. Tôi sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ cho cái bình.

Và hội chúng ấy tặng Bà-la-môn Dona cái bình.

26. Và người Moriyà ở Pippalivana nghe tin Thế Tôn đã diệt độ liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà:

- "Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được hưởng một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

- " Nay không còn phần xá-lợi Thế Tôn nào. Xá-lợi Thế Tôn đã được phân chia, hãy lấy tro còn lại ". **Rồi các vị này lấy than tro còn lại.**

27. Và vua nước Magadha tên là Ajàtasattu, con bà Videhi xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vương Xá và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Licchavi ở Vesàli cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vesàli và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Sakya ở Kapilavatthu cũng xây dựng trên xá-lợi Thế Tôn tại Kapilavatthu và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Buli ở Allakappa cũng xây dựng tháp trên xá lợi Thế Tôn tại Allakappa và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Koli ở Ràmagama cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Ràmagama và tổ chức lễ cúng

dường.

Bà-la-môn Vethadìpaka cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vethadìpa và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Mallà ở Pàvā cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Pàvā và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Malla ở Kusinàrà cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Kusinàrà và tổ chức lễ cúng dường.

Bà-la-môn Dona cũng xây dựng tháp trên bình (dùng để đựng chia xá-lợi) và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Moriyà ở Pippalivana cũng xây dựng tháp trên những than tro và tổ chức lễ cúng dường.

Như vậy có tám tháp xá-lợi, tháp thứ chín trên bình (dùng để đựng chia xá-lợi) và tháp thứ mười trên tro (xá-lợi).

Đó là truyền thống thời xưa như vậy.

28. *Đấng Pháp Nhân Vô Thượng*
Xá-lợi phân tám phần.
Bảy phần được cúng dường.
Tại Jambudìpa.

Một phần Long vương cúng.
 Tại Ràmagàma.
Một răng Phật được cúng,
 Tại cõi Tam Thiên giới,
 Một tại Gandhàra,
 Một tại Kalinga.
Một răng, vua Long vương.
Tự mình riêng cúng dường.
Quả đất được chói sáng,
 Với hào quang xá-lợi,
 Với lễ vật cúng dường.
Hạng thượng phẩm, thượng đẳng.
 Xá-lợi đẳng Pháp Nhân.
Như vậy được cúng dường,
 Bởi những bậc tôn trọng
Cung kính lễ cúng dường,
 Bởi những bậc tôn trọng
Cúng kính lễ cúng dường.
Bởi Thiên, Long, Nhơn chủ,
 Bởi bậc Tối thượng nhơn.
 Các Người hãy chấp tay,
Cung kính lễ cúng dường.
Khó thay sự chiêm ngưỡng.
 Tôn nhan bậc Như Lai.
Trai nhiều nhiều trăm kiếp,
 May lắm được một lần.

145 Thụ động - Kinh KÊ LỘC VÀNG – Tăng I, 459

KÊ LỘC VÀNG – Tăng I, 459

1. - Nay các Tỷ-kheo, có những *uế nhiễm thô tạp* của vàng như *bụi, cát, đá, sạn và đá sỏi*. Người đãi lọc bụi hay đệ tử của người đãi lọc bụi đem đổ vào trong cái máng, rồi rửa sạch qua, rửa sạch lại, rửa sạch thêm nữa.

- Làm xong như vậy, làm như vậy hoàn tất, còn lại những *uế nhiễm bậc trung* của vàng, như *cát, đá, sạn tế nhị và các hạt cát thô tạp*. Người đãi lọc bụi hay đệ tử của người đãi lọc bụi rửa sạch, rửa sạch thêm nữa, rửa sạch hoàn toàn.
- Làm xong như vậy, làm như vậy hoàn tất, còn lại những *uế nhiễm tế nhị*, như *cát mịn và cát bụi đen*. Người đãi lọc bụi hay đệ tử của người đãi lọc bụi lại rửa sạch rửa sạch thêm nữa, rửa sạch hoàn toàn.
- Làm xong như vậy, *làm như vậy hoàn tất, chỉ còn lại bụi vàng*.

2. Rồi người thợ vàng hay đệ tử người thợ vàng bỏ bụi vàng ấy vào trong cái lò, rồi thụt ống bệ, thụt ống

bê thêm, thụt ống bê cho đến khi vàng bắt đầu chảy, nhưng không chảy ra khỏi miệng lò. Vàng ấy được thụt bê, được thụt bê thêm nữa, được thụt bê hơn nữa, nhưng không chảy ra khỏi miệng lò, chưa làm xong, chưa sạch các ứ nhiễm, chưa có nhu nhuyển, chưa có kham nhậm, chưa có sáng chói. Vàng ấy còn có thể bẻ vụn và chưa có thể được tác thành tốt đẹp.

Có một thời, này các Tỷ-kheo, người thợ vàng hay đệ tử người thợ vàng ấy lại thụt bê, thụt bê thêm nữa, thụt bê hơn nữa, cho đến khi vàng chảy ra khỏi lò. Vàng ấy được thụt bê, được thụt bê thêm nữa, được thụt bê hơn nữa, cho đến khi vàng chảy ra khỏi lò, được làm xong, được sạch các ứ nhiễm, được nhu nhuyển, được kham nhậm, và được sáng chói. Vàng ấy còn không bị bẻ vụn và có thể được tác thành tốt đẹp. Và loại trang sức nào người ấy muốn, như vàng lá, hay nhẫn, hay vòng cổ, hay dây chuyền, người ấy có thể làm thành như ý muốn.

3. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **tu tập tăng thượng tâm**, còn tồn tại các kiết sử thô tạp, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành. Tỷ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt, không cho chúng sanh khởi lại.

- Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, Tỷ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử thuộc bậc trung, **dục tầm, sân tầm, hại**

tâm. Tỷ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt, không cho chúng sanh khởi.

- Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, Tỷ-kheo tu tập tăng thượng tâm, *còn tồn tại các kiết sử tế nhị, như tư tưởng về gia tộc, tư tưởng về quốc độ, tư tưởng không bị kinh rở.* Tỷ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt, không cho chúng sanh khởi lại.
- Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, chỉ còn lại các pháp tâm (tư tưởng về pháp).

4. *Định như vậy không có an tịnh, không có thù thắng, không được khinh an, không đạt đến nhứt tâm, nhưng là một trạng thái chế ngự thường xuyên dần ép. Nhưng đến một thời, này các Tỷ-kheo, tâm của vị ấy được nội trú, lắng đứng lại, được nhứt tâm, được định tĩnh. Định ấy được an tịnh, được thù diệu, được khinh an, đạt đến nhứt tâm, không phải một trạng thái chế ngự thường xuyên dần ép, tùy thuộc vào pháp gì tâm người ấy hướng đến để thắng tri, để chứng ngộ; thì vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xir nào.*

5. **Nếu vị ấy ước muốn:** " Ta sẽ chứng được các loại **thần thông**, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư

không, độn thổ, trôi lên ngang qua đất liền, ngồi kiết già đi trên hư không như con chim, với bàn tay chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên"; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

6. Vị ấy nếu ước muốn: "Với **thiên nhĩ** thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng chư Thiên và loài người"; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

7. Nếu vị ấy ước muốn: "Mong rằng **với tâm của mình có thể biết được tâm của các loại chúng sanh khác**, tâm của các loài Người khác như sau: Tâm có tham biết là tâm có tham. Tâm không tham biết là tâm không tham. Tâm có sân biết là tâm có sân. Tâm không sân biết là tâm không sân. Tâm có si biết là tâm có si. Tâm không si biết là tâm không si. Tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn biết là tâm tán loạn. Đại hành tâm biết là đại hành tâm. Không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng biết là tâm vô thượng. Tâm Thiền định biết là tâm Thiền định. Tâm không Thiền định là tâm không Thiền định. Tâm giải thoát biết là tâm giải thoát. Tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát"; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

8. Nếu vị ấy ước muốn: "Ta sẽ **nhớ đến nhiều đời sống quá khứ**, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp; vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh tại đây". Vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng Thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào".

9. Nếu vị ấy ước muốn: "Với **thiên nhãn** thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta biết rõ chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh ấy làm những ác nghiệp về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, địa ngục, đọa xứ. Các chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những vị này, sau

khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này. Như vậy, với thiên nhân thuần tịnh siêu nhiên, Ta có thể thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta có thể biết rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ"; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

10. Nếu vị ấy ước muốn: "Do **đoạn diệt các lậu hoặc** ngay trong hiện tại, với thắng trí, ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát"; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

11. *Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, cần phải thỉnh thoảng tác ý ba tướng.*

- *Cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng định,*
- *Cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng tinh cần,*
- *Cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng xả.*

12. Này các Tỷ-kheo

- Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, **nếu một chiều tác ý tướng định**, thời có sự kiện tâm vị ấy đi đến **thụ động**.
- Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, **nếu một chiều tác ý tướng tinh cần**, thời có sự kiện tâm vị ấy đi đến **trạo cử**.

- Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, nếu một chiều tác ý tướng xả, thời có sự kiện tâm vị ấy không chơn chánh định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc.

→ Nhưng nếu Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu thỉnh thoảng tác ý thượng định, thỉnh thoảng tác ý tướng tinh cần, thỉnh thoảng tác ý tướng xả, **tâm vị ấy trở thành nhu nhuyến, kham nhậm, chói sáng, không bề vụn, chơn chánh định tĩnh để đoạn tận các lậu hoặc.**

13. Ví như một thợ làm vàng, này các Tỷ-kheo, hay đệ tử người làm vàng, xây lên các lò đúc. Sau khi xây lên các lò đúc, người ấy nhóm lửa đốt miệng lò. Sau khi đốt miệng lò, với cái kềm, người ấy cầm vàng bỏ vào miệng lò; rồi thỉnh thoảng người ấy thut ống bệ, thỉnh thoảng người ấy rưới nước, thỉnh thoảng người ấy quan sát kỹ lưỡng.

- Nếu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, một chiều thổi ống bệ, thì có sự kiện vàng bị cháy.
- Nếu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, một chiều rưới nước, thì có sự kiện vàng bị nguội lạnh.
- Nếu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, một chiều quan sát kỹ lưỡng, thì có sự kiện

vàng ấy không đi đến chơn chánh thuần thực.

→ Còn nếu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, này các Tỷ-kheo, thỉnh thoảng thôi ông bệ vàng ấy, thỉnh thoảng rưới nước, thỉnh thoảng quan sát kỹ lưỡng, thì vàng ấy trở thành trở thành nhu nhuyến, kham nhậm, chói sáng, không bể vụn, và được thành tốt đẹp. Và loại trang sức nào người ấy ước muốn như vàng lá, hay nhẫn, hay vòng cổ, hay dây chuyền, người ấy có thể làm thành như ý muốn.

14. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo siêng năng tu tập tăng thượng tâm, cần phải thỉnh thoảng tác ý ba tướng. Cần phải thỉnh thoảng tác ý thường định, cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng tinh cần, cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng xả.

- *Nếu Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, nếu một chiều tác ý tướng định, thì có sự kiện tâm vị ấy đi đến thụ động.*
- *Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, nếu một chiều tác ý tướng tinh cần, thì có sự kiện tâm vị ấy đi đến trạo cử.*
- *Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, nếu một chiều tác ý tướng xả, thì có sự kiện tâm vị ấy không chơn chánh định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc.*

- Nhưng nếu Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, thỉnh thoảng tác ý thương định, thỉnh thoảng tác ý tướng tinh cần, thỉnh thoảng tác ý tướng xả, tâm vị ấy trở thành nhu nhuyễn, kham nhậm, chói sáng, không bề vụn, chơn chánh định tĩnh để đoạn tận các lậu hoặc. Tùy thuộc theo pháp gì, tâm vị ấy hướng đến để thắng tri, để chứng ngộ, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

15. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ chứng đạt nhiều loại thần thông ... (như 100, 5) ... chứng tri sáu loại thắng trí ... do đoạn diệt các lậu hoặc ... (như 100, 10) ... sau khi chứng ngộ, ta sẽ chứng đạt và an trú"; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

146 Thụt lùi - 10 pháp thụt lùi sự tu tập - Kinh TẠỊ NALAKAPÀNA 1 – Tăng IV, 402

TẠỊ NALAKAPÀNA 1 – *Tăng* IV, 402

1. Một thời, Thế Tôn bộ hành giữa dân chúng Kosala, với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến tại một thị trấn của dân chúng Kosala tên là Nalakapàna. Tại đây, Thế Tôn trú ở rừng Palàsa, tại Nalakapàna.

Lúc bảy giờ, Thế Tôn nhân ngày trai giới Uposatha, Thế Tôn đang ngồi, có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn sau phần lớn của đêm, thuyết giảng, khích lệ, làm phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị Tỷ-kheo với pháp thoại; sau khi nhìn xung quanh chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, thật yên lặng, nói với Tôn giả Sàriputta:

- Nay Sàriputta, chúng Tỷ-kheo không có hôn trầm thụy miên. Nay Sàriputta, hãy thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo. Lưng Ta đau mỗi, Ta sẽ nằm duỗi lưng.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Sàriputta vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn trải gấp tư áo Tăng-già-lê, nằm phía thân hữu bên

phải như dáng nằm con sư tử, hai chân đặt trên nhau, chánh niệm tỉnh giác, tác ý đến tướng ngòi dậy.

2. Ở đây, Tôn giả Sàriputta gọi các Tỷ-kheo:

- Này chư Hiền Tỷ-kheo.

- Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sàriputta, Tôn giả Sàriputta nói như sau:

3. - Này chư Hiền, với ai không có lòng tin trong các pháp thiện, không có xấu hổ... không có sợ hãi... không có tinh tấn... không có tuệ trong pháp thiện, với người ấy, bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là tổn giảm trong các thiện pháp, không phải tăng trưởng.

Ví như, này chư Hiền, khi trăng đến độ trăng tối; bất luận đêm hay ngày, trăng tổn giảm về sắc, tổn giảm về hình tròn, tổn giảm về ánh sáng, tổn giảm về bề rộng quỹ đạo.

Cũng vậy, này chư Hiền, với ai không lòng tin trong các thiện pháp, không có xấu hổ... không có sợ hãi... không có tinh tấn... không có trí tuệ trong các thiện, với người ấy, bất luận là đêm hay ngày, chờ đợi là tổn giảm trong các thiện pháp, không phải tăng trưởng.

- Hạng người **không có lòng tin**, này chư Hiền, **tức là tổn giảm**.
- Hạng người **không có xấu hổ**, tức là tổn giảm.
- Hạng người **không có sợ hãi**, tức là tổn giảm.
- Hạng người **biếng nhác**, tức là tổn giảm.
- Hạng người **ác tuệ**, tức là tổn giảm.
- Hạng người **phẫn nộ**, tức là tổn giảm.
- Hạng người **hiềm hận**, tức là tổn giảm.
- Hạng người **ác dục**, tức là tổn giảm.
- Hạng người **ác bằng hữu**, tức là tổn giảm.
- Hạng người **tà kiến**, tức là tổn giảm.

4. Này chư Hiền, với ai có lòng tin trong các thiện pháp, có lòng xấu hổ... có lòng sợ hãi... có tinh tấn... có trí tuệ trong các thiện pháp, với người ấy, bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải tổn giảm.

Ví như, này chư Hiền, khi trăng đến độ trăng sáng, bất luận đêm hay ngày, trăng tăng trưởng về sắc, tăng trưởng về hình tròn, tăng trưởng về ánh sáng, tăng trưởng về bề rộng quỹ đạo.

Cũng vậy, này chư Hiền, với ai có lòng tin trong các thiện pháp, có xấu hổ... có sợ hãi... có tinh tấn... có trí tuệ trong các thiện pháp, với vị ấy bất luận đêm

hay ngày, chờ đợi là tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải tổn giảm.

- Hạng người **có lòng tin**, này chư Hiền, **tức là không tổn giảm**.
- Hạng người **có lòng xấu hổ**, tức là không tổn giảm.
- Hạng người **có lòng sợ hãi**, tức là không tổn giảm.
- Hạng người **tinh cần tinh tấn**, tức là không tổn giảm.
- Hạng người **có trí tuệ**, tức là không tổn giảm.
- Hạng người **không có phẫn nộ**, tức là không tổn giảm.
- Hạng người **không hiềm hận**, tức là không tổn giảm.
- Hạng người **ít dục**, tức là không tổn giảm.
- Hạng người **thiện bằng hữu**, tức là không tổn giảm.
- Hạng người **chánh tri kiến**, tức là không tổn giảm.

5. Rồi Thế Tôn, sau khi ngồi dậy, bảo Tôn giả Sàriputta:

- Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Với ai không có lòng tin trong các thiện pháp, không có xấu hổ...

không có sợ hãi... không có tinh tấn... không có trí tuệ trong các thiện pháp, đối với vị ấy, bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là tổn giảm trong các thiện pháp, không phải tăng trưởng.

Ví như, này Sariputta, khi trăng đến độ trăng tối, bất luận đêm hay ngày, trăng tổn giảm về sắc, tổn giảm về hình tròn, tổ giảm về ánh sáng, tổn giảm về bề rộng quỹ đạo.

Cũng vậy, này Sàriputta, với ai không có lòng tin trong các thiện pháp, không có xấu hổ... không có sợ hãi... không có tinh tấn... không có trí tuệ trong các thiện pháp, với người ấy, bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là tổn giảm trong các thiện pháp, không phải tăng trưởng.

1. Hạng người không có lòng tin, này Sàriputta, tức là tổn giảm.
2. Hạng người không có xấu hổ, này Sàriputta, tức là tổn giảm.
3. Hạng người không có sợ hãi...
4. Hạng người biếng nhác...
5. Hạng người ác trí tuệ...
6. Hạng người phẫn nộ...
7. Hạng người hiềm hận...
8. Hạng người ác dục...
9. Hạng người ác bằng hữu...

10. Hạng người tà kiến, này Sàriputta tức là tồn giảm.

Với ai, này Sàriputta, có lòng tin trong các thiện pháp, có lòng xấu hổ... có lòng sợ hãi... có tinh tấn... có trí tuệ trong các thiện pháp, đối với vị ấy, bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là tăng trưởng, không phải tồn giảm.

1. Hạng người có lòng tin, này Sàriputta, tức là không có tồn giảm.
2. Hạng người có xấu hổ...
3. Hạng người có sợ hãi...
4. Hạng người có tinh tấn...
5. Hạng người có trí tuệ...
6. Hạng người không có phần nộ...
7. Hạng người không có hiềm hận...
8. Hạng người ít dục...
9. Hạng người thiện bằng hữu...
10. Hạng người chánh tri kiến, này Sàriputta, tức là không tồn giảm.

TẠI NALAKAPÀNA 2 – Tăng IV, 407

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Nalakapàna, tại Palàsavana. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong ngày trai

giới Uposatha, đang ngồi có chúng Tỷ-kheo doanh vậy... (Kinh này giống như kinh trước 67, chỉ khác là các pháp đề cập có khác nhau. Trong kinh trước, các pháp được đề cập là không có lòng tin trong thiện pháp, không có xấu hổ... không có sợ hãi... không có tinh tấn, không có trí tuệ, phần nộ, hiềm hận, ác dục, ác bằng hữu, tà kiến. Trong kinh này, các pháp được đề cập là:

1. Không có lòng tin trong các thiện pháp.
2. Không có xấu hổ.
3. Không có sợ hãi.
4. Không có tinh tấn.
5. Không có trí tuệ.
6. Không có lắng tai.
7. Không có trì pháp.
8. Không có suy tư ý nghĩa.
9. Không có thực hành đúng pháp.
10. Không có phóng dật trong các thiện pháp.

...

147 Thục lùì - Người bản tánh thục lùì - Kinh TÔN GIẢM – Tăng IV, 375

TÔN GIẢM – Tăng IV, 375

1. Ở đây, Tôn giả Sàriputta gọi các Tỷ-kheo:

- Này chư Hiền Tỷ-kheo.

- Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sàriputta. Tôn giả Sàriputta nói như sau:

2. - Có người bản tánh tôn giảm, có người bản tánh là không tôn giảm, này chư Hiền, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào này chư Hiền, người bản tánh là tôn giảm được Thế Tôn nói đến? Cho đến như thế nào, này chư Hiền, người bản tánh là không tôn giảm được Thế Tôn nói đến?

- Thừa Hiền giả, chúng tôi đi từ xa đến để được hiểu rõ ý nghĩa lời nói này từ Tôn giả Sàriputta. Lành thay, nếu ý nghĩa lời nói này được Tôn giả Sàriputta nói lên. Sau khi nghe Tôn giả Sàriputta, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Vậy này chư Hiền, hãy nghe và khéo tác ý, ta sẽ nói:

- Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tông giả Sàriputta. Tông giả Sàriputta nói như sau:

- Cho đến như thế nào, này chư Hiền, người bản tánh là tổn giảm được Thế Tôn nói đến?

3. Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo:

- Không nghe pháp chưa được nghe.
- Và pháp đã được nghe đi đến bị quên.
- Các pháp trước kia tâm đã có cảm xúc, những pháp ấy không được hiện hành.
- Và không thức tri những pháp không được thức tri.

Cho đến như vậy, này chư Hiền, người bản tánh là tổn giảm được Thế Tôn nói đến.

Nhưng này chư Hiền, cho đến như thế nào, này chư Hiền, người bản tánh là không tổn giảm được Thế Tôn nói đến?

4. Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo:

- Nghe pháp chưa được nghe.
- Và các thiện pháp được nghe không có quên đi.
- Và những pháp nào trước kia tâm đã có cảm xúc, những pháp ấy được hiện hành.
- Và thức tri những pháp chưa được thức tri.

Cho đến như vậy, này chư Hiền, là người bản tánh không bị tổn giảm được Thế Tôn nói đến.

5. Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo không thiện xảo, trong hành tướng tâm của người khác, thời cũng phải nguyện rằng: **"Ta sẽ thiện xảo trong hành tướng tâm của ta"**. Như vậy, này chư Hiền, chư Hiền cần phải học tập.

Và này chư Hiền, thế nào là Tỷ-kheo thiện xảo trong hành tướng tâm của mình?

6. Ví như, này chư Hiền, một người đàn bà hay một người đàn ông, còn trẻ, trong tuổi thanh niên, tánh ưa trang điểm, quán sát hình ảnh mặt của mình trong tấm gương thanh tịnh trong sáng, hay trong một bát nước trong, nếu thấy trên mặt có hột bụi hay dấu nhóp gò, người ấy cố gắng đoạn trừ hột bụi hay dấu nhóp ấy. Nếu không thấy hột bụi hay dấu nhóp người ấy hoan hỷ thỏa mãn: "Thật lợi đắc cho ta! Trong ta thật là trong sạch! ".

Cũng vậy, này chư Hiền, Tỷ-kheo có quán sát như vậy, được nhiều lợi ích trong các thiện pháp:

1. Có phải ta sống nhiều với không tham? Không biết trong ta có pháp này hay không có?
 2. Có phải ta sống nhiều với tâm không sân? Không biết trong ta có pháp này hay không có?
 3. Có phải ta sống nhiều với hôn trầm thụy miên đã từ bỏ? Không biết trong ta có pháp này hay không có?
 4. Có phải ta sống nhiều với không trạo cử? Không biết trong ta có pháp này hay không có?
 5. Có phải ta sống nhiều với nghi ngờ đã được vượt qua? Không biết trong ta có pháp này hay không có?
 6. Có phải ta sống nhiều với không phân nộ? Không biết trong ta có pháp này hay không có?
 7. Có phải ta sống nhiều với tâm không nhiễm ô? Không biết trong ta có pháp này hay không có?
 8. Có phải ta có được nội tâm pháp hỷ? Không biết trong ta có pháp này hay không có?
 9. Có phải ta đã được nội tâm an chỉ? Không biết trong ta có pháp này hay không có?
 10. Có phải ta đã có được tối thắng tuệ pháp quán? Không biết trong ta có pháp này hay không có?
- "

7. Nay chư Hiền, nếu vị Tỷ-kheo trong khi quán sát, không thấy có trong tự ngã tất cả thiện pháp này, thời Tỷ-kheo ấy **cần phải quyết định ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dũng mãnh, bất thối và chánh niệm, tỉnh giác, để có được tất cả thiện pháp này.**

Ví như, nay chư Hiền, khi khăn bị cháy hay khi đầu bị cháy, cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dũng mãnh, bất thối và chánh niệm, tỉnh giác, để dập tắt khăn ấy hay đầu ấy. Cũng vậy, nay chư Hiền, Tỷ-kheo ấy cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dũng mãnh, bất thối, chánh niệm, tỉnh giác, để có được tất cả thiện pháp này.

8. Nay chư Hiền, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát, thấy trong tự ngã có một số thiện pháp và không thấy có một số thiện pháp, thời nay chư Hiền, đối với các thiện pháp nào vị ấy thấy có trong tự ngã, vị ấy **an trú** trong các thiện pháp ấy. Đối với các thiện pháp nào, vị ấy không thấy có trong tự ngã, vị ấy cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dũng mãnh, bất thối và chánh niệm, tỉnh giác để có được tất cả thiện pháp này.

Ví như, nay chư Hiền, khi khăn bị cháy hay khi đầu bị cháy, cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dũng mãnh, bất thối và chánh niệm, tỉnh giác để dập tắt khăn ấy hay đầu ấy. Cũng vậy, nay chư Hiền,

nếu Tỷ-kheo, trong khi quán sát, thấy trong tự ngã có một số thiện pháp, thời an trú trong các thiện pháp ấy. Còn đối với các thiện pháp vị ấy không thấy trong tự ngã, vị ấy cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dũng mãnh, bất thối và chánh niệm, tỉnh giác để có được các thiện pháp ấy.

9. Nay chư Hiền, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát, thấy tất cả pháp này đều có trong tự ngã, thời này chư Hiền, Tỷ-kheo ấy sau khi an trú trong tất cả thiện pháp này, cần phải nỗ lực chú tâm để đoạn diệt các lậu hoặc.

148 Thủ-đà - Sự hình thành giai cấp - Kinh KHỞI THỂ NHÂN BỒN – 27 Trường II, 387

KINH KHỞI THỂ NHÂN BỒN
– Bài kinh số 27 – Trường II, 387

Như vậy tôi nghe:

1. Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi (Xá vệ), Pubbàrama (Thành Tín Viên lâm), ở lầu của Migà ramātu (Lộc Mẫu Giảng đường). Lúc bảy giờ, Vàsettha và Bhàradvaja sống giữa các vị Tỷ kheo và muốn trở thành Tỷ kheo. Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi lầu, đi qua lại giữa trời, dưới bóng ngôi lầu.

2. Vàsettha thấy Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi ngôi lầu, đi qua lại giữa trời, dưới bóng ngôi lầu. Thấy vậy Vàsettha nói với Bhàradvaja:

- Nay bạn Bhàradvaja, Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi lầu, đi qua lại giữa trời, dưới bóng ngôi lầu. Nay bạn Bhàradvaja,

chúng ta hãy đến yết kiến Thế Tôn. Rất có thể chúng ta được nghe thời pháp từ Thế Tôn.

- Thừa vâng, Hiền giả!

Bhàradvāja vâng theo lời Vāsettha. Rồi cả Vāsettha và Bhàradvāja cùng đến gần Thế Tôn, khi đến xong đánh lễ Ngài và đi theo sau lưng Thế Tôn, khi Ngài đang đi qua đi lại.

3. Rồi Thế Tôn nói với Vāsettha:

- Nay Vāsettha, Ngươi sanh trưởng là Bàlamôn và thuộc gia tộc Bàlamôn, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình từ gia tộc Bàlamôn. Nay Vāsettha, người Bàlamôn có chỉ trích Ngươi, phỉ báng Ngươi chăng?

- Bạch Thế Tôn, các vị Bàlamôn thật có chỉ trích chúng con, phỉ báng chúng con, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện.

- Nay Vāsettha, các vị Bàlamôn dùng lời lẽ như thế nào để chỉ trích các Ngươi, phỉ báng các Ngươi, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện?

- Bạch Thế Tôn, các vị Bà la môn đã nói như sau: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt. Chỉ có giai cấp Bà-la-môn là da trắng, giai cấp khác là da đen. Chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy. Chỉ có Bà la môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên. Các Người đã từ bỏ giai cấp tối thượng, cúi mình vào giai cấp hạ tiện - giai cấp các Sa môn trọc đầu, đê tiện, đen đui, giòng giống thuộc bàn chân. Làm vậy thật là không tốt, làm vậy thật là không hợp, khi các Người từ bỏ giai cấp tối thượng, cúi mình vào giai cấp hạ tiện, giai cấp Bà la môn trọc đầu, đê tiện, đen đui, giòng giống thuộc bàn chân". Bạch Thế Tôn, như vậy các vị Bà la môn chỉ trích chúng con, phỉ báng chúng con, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện.

4. - Nay Vasettha, **các người Bà la môn thật đã quên quá khứ khi họ nói:** "Bà la môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ tiện. Chỉ có giai cấp Bà la môn là da trắng, giai cấp khác là da đen. Chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy. Chỉ có Bà la môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm

thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên".

Này Vasettha, các nữ Bà-la-môn, vợ của các Bà-la-môn được thấy là có kinh nguyệt, có mang thai, có sanh con, có cho con bú. Và những Bà-la-môn ấy chính do thai sanh lại nói rằng: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng... là con cháu thừa tự của Phạm thiên".

5. Này Vasettha, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Sudda Thủ-đà-la.

— Này Vasettha, có người Sát-đế-ly sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tâm tham, có tâm sân, có tà kiến. Này Vasettha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất thiện; những pháp ấy là có tội và được gọi là có tội; những pháp ấy không nên hành trì và được gọi là các pháp không nên hành trì; những pháp ấy không xứng Thánh pháp và được gọi là không xứng Thánh pháp; những pháp ấy là hắc pháp và hắc báo; những pháp ấy bị người có trí quả trách. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Sát-đế-ly.

— Này Vasettha có người Bà-la-môn...

– Nay Vasettha có người Phệ xá...

– Nay Vasettha, có người Thủ đà la sát sanh... có tà kiến. Nay Vasettha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất thiện... là hắc pháp và hắc báo; những pháp ấy bị người có trí quả trách. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ đà la.

6. Nay Vasettha:

– Có người Sát đế ly không sát sanh, không lấy của không cho, không có tà hạnh, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói lời phù phiếm, không có tâm tham, không có tâm sân, có chánh kiến. Nay Vasettha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện; những pháp ấy không có tội và được gọi là không có tội; những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành trì; những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh pháp; những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả; những pháp ấy được người có trí tán thán. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Sát đế ly.

– Nay Vasettha, có người Bà la môn...

– Nay Vasettha, có người Phệ xá...

– Nay Vasettha, có người Thủ đà la không sát sanh... không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến. Nay Vasettha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện; những pháp ấy không có tội và được gọi là không có tội; những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành trì; những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh pháp; những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả; những pháp được người có trí tán thán. Ở đây, **những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ đà la.**

7. Nay Vasettha, **vì rằng cả hai pháp hắc và bạch được chỉ trích và được tán thán bởi những người có trí, đều có mặt lẫn lộn trong bốn giai cấp này, nên ở đây, những Bà la môn nào nói rằng:** "*Bà la môn là giai cấp tối thượng, các giai cấp khác là hạ liệt; chỉ có giai cấp Bà la môn là da trắng, giai cấp khác là da đen; chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy; chỉ có Bà la môn là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên.*" **Các vị có trí không thể chấp nhận như vậy.** Tại sao vậy? Nay Vasettha, vì rằng nếu có ai trong bốn giai cấp là một

vị Tỷ kheo, một vị A la hán, các lậu hoặc đã được diệt tận, phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt mục đích tối thượng, hữu kiết sử đã diệt, nhờ chánh trí đã được giải thoát, vì ấy sẽ được xem là tối thượng so sánh với bốn giai cấp, vì xứng với Pháp, không phải không xứng với Pháp. Nay Vasettha, Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

8. Nay Vasettha, đây là một chứng minh điển hình để biết vì sao Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

Nay Vasettha, vua Pasenadi (Ba tư nặc) nước Kosala biết rằng: "Sa môn Gotama xuất gia từ giòng họ liên hệ Sàkyà, tôn trọng, đánh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với vua Pasenadi nước Kosala rất lễ độ phải phép. Cũng vậy vua Pasenadi nước Kosala tôn trọng, đánh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ, phải phép, vì vua nghĩ: "Có phải Sa môn Gotama là thiện sanh? Còn ta không phải thiện sanh; Sa môn Gotama có hùng lực, ta không có hùng lực; Sa môn Gotama có dáng mặt đẹp đẽ, còn ta có dáng mặt thô xấu; Sa môn Gotama là vị có nhiều thế lực, còn ta ít có thế lực?" Vì rằng vua Pasenadi nước Kosala **tôn trọng Pháp, cung kính Pháp,**

đảnh lễ Pháp, cúng dường Pháp, kính lễ Pháp nên vua tôn trọng, đảnh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ, phải phép. Này Vasettha, với chứng minh điển hình này, cần hiểu như thế nào Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

9. Này Vasettha, các Người, sanh sai biệt, danh sai biệt, tánh sai biệt, gia hệ sai biệt, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu có ai hỏi: "Các vị là ai?", các Người cần trả lời: "**Chúng tôi là Sa môn, dưới sự lãnh đạo của Thích ca tử**".

➔ Này Vasettha, **ai có lòng tin Như Lai, lòng tin ấy được an trú, có căn để an trú và chắc chắn, một lòng tin không bị lôi kéo bởi** Sa môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một vị nào ở trên đời, **vị ấy có thể nói: "Ta là con chính tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, do Pháp sanh, do Pháp tạo ra, là con cháu thừa tự của Pháp."** Vì sao vậy? Này Vasettha, **vì là những chữ đồng nghĩa với Như Lai là Pháp thân, là Phạm thân, là Pháp thể, là Phạm thể.**

10. Này Vasettha, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại hữu

tình phần lớn **sinh qua cõi Àbhassara** (Quang Âm thiên). Ở tại đây, những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài.

Này Vasettha, **có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành.**

Trong khi thế giới này chuyển thành, một số lớn chúng sanh từ Quang Âm thiên **thác sanh qua tại đây.** Những chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy một thời gia khá dài.

11. Này Vasettha, lúc bấy giờ:

- Vạn vật trở thành một thế giới toàn nước đen sẫm, một màu đen khiến mắt phải mù.
- Mặt trăng, mặt trời không hiện ra;
- Sao và chòm sao không hiện ra;
- Không có ngày đêm;
- Không có tháng và nửa tháng;
- Không có năm và thời tiết;
- Không có đàn bà, đàn ông.

- Các loài hữu tình chỉ được xem là loài hữu tình mà thôi.

Này Vasettha, đối với các loài hữu tình ấy, sau một thời gian rất lâu, vị đất tan ra trong nước. Như bọt nổi lên trên mặt cháo sữa nóng đang nguội dần, cũng vậy đất hiện ra. Đất này có màu sắc, có hương và có vị. Màu sắc của đất giống như đề hồ hay thuần túy như tô, vị của đất như mật ong thuần tịnh.

12. Này Vasettha, có loài hữu tình, có tánh tham, nói: "Kìa xem, vật này là gì vậy?", lấy ngón tay nếm vị của đất. Khi lấy ngón tay nếm vị của đất, vị ấy thấm vào thân và tham ái khởi lên. Này Vasettha, các loài hữu tình khác, theo gương hữu tình kia, lấy ngón tay nếm vị của đất.

- ⇒ Khi lấy ngón tay nếm vị của đất, vị ấy thấm vào thân và tham ái khởi lên. Rồi các hữu tình kia bắt đầu thương thức vị của đất, bằng cách bẻ từng cục đất với bàn tay nhỏ của họ, thời ánh sáng của họ biến mất.
- ⇒ Khi ánh sáng của họ biến mất, mặt trăng mặt trời hiện ra.
- ⇒ Khi mặt trăng, mặt trời hiện ra, thì sao và chòm sao hiện ra.

- ⇒ Khi sao và chòm sao hiện ra, ngày và đêm hiện ra.
- ⇒ Khi ngày và đêm hiện ra, thì nửa tháng và tháng hiện ra.
- ⇒ Khi nửa tháng và tháng hiện ra, thời tiết và năm hiện ra.
- ⇒ Như vậy, này Vasettha, thế giới này bắt đầu thành trở lại.

13. Này Vasettha, những hữu tình ấy, thưởng thức vị của đất, lấy đất làm chất ăn, lấy đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

- Này Vasettha, vì các hữu tình ấy thưởng thức vị của đất, lấy đất làm chất ăn, lấy đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu, thân của họ trở thành cứng rắn, và sắc đẹp của họ trở thành sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp.
- Ở đây các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta."
- Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, vị của đất biến mất.
- Khi vị của đất biến mất, họ hội họp lại và kêu

than: "Ôi vị ngon! Ôi vị ngon!", như ngày nay, khi loài Người có được vị ngon liền nói: "Ôi vị ngon! Ôi vị ngon!" Như vậy họ theo văn tự truyền thống của thời xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

14. Nay Vasettha, khi **vị đất** đã biến mất với các hữu tình ấy, thời một loại **nấm đất** hiện ra. Như hình con rắn, chúng hiện ra như vậy. Loại nấm ấy có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại nấm này giống như đề hồ hay thuần túy như tô. Vị của đất như mật ong thuần tính.

Này Vasettha, những hữu tình ấy bắt đầu ăn thứ nấm đất. Họ thường thức nấm đất, lấy nấm đất làm chất ăn, lấy nấm đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Này Vasettha, vì các chúng sanh ấy thường thức nấm đất, lấy nấm đất làm chất ăn, lấy nấm đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu, nên thân của họ trở thành cứng rắn hơn và sắc đẹp của chúng lại càng sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở đây các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta". Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, nấm

đất biến mất.

Khi **nắm đất biến mất, cỏ và cây leo hiện ra**. Như loại cây tre, chúng hiện ra như vậy. Loại cây leo này có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại cây này giống như đề hồ hay thuần túy như tô. Vị của loại cây leo này như mật ong thuần tịnh.

15. Nay Vasettha, các hữu tình này bắt đầu thưởng thức loại cây leo này. Chúng bắt đầu thưởng thức loại cây leo, lấy cây leo làm chất ăn, lấy cây leo làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Nay Vasettha, vì những hữu tình này bắt đầu thưởng thức loại cây leo, lấy cây leo làm chất ăn, lấy cây leo làm món ăn trong một thời gian khá lâu nên thân của họ trở thành cứng rắn hơn và sắp đẹp của họ lại càng sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở đây các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta."

Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, cỏ và cây leo biến mất. Khi cỏ và cây leo biến mất, họ hội họp lại và kêu than: "Ôi, cái này thuộc của chúng ta! Ôi hại thay cho chúng ta, nay cỏ và cây leo đã biến đi!"; như ngày nay khi loài Người được hỏi cái gì làm cho đau khổ, bèn trả lời: "Ôi, cái này thuộc

của chúng ta! Ôi hại thay cho chúng ta!" Như vậy, họ theo văn tự truyền thống của thời xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

16. Nay Vasettha, khi các loại cỏ, cây leo biến mất, thời **lúa xuất hiện** tại các khoảng trống, không có cám, không có vỏ, có mùi thơm và bột trơn nhẵn. Chỗ nào vào buổi chiều họ mang đi để ăn chiều, thời tại chỗ ấy, vào buổi sáng, lúa lại mọc lớn và chín. Chỗ nào vào buổi sáng, họ mang đi để ăn sáng, thời tại chỗ ấy, vào buổi chiều lúa lại mọc lớn và chín, không có gián đoạn. Nay Vasettha, những hữu tình ấy thường thức lúa mọc tại các khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Nay Vasettha, vì các chúng sanh ấy thường thức lúa mọc tại khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá lâu, thân hình của họ trở thành cứng rắn hơn và sắp đẹp của họ lại càng sai biệt. **Về phái nữ, nữ tánh xuất hiện; về phái nam, nam tánh xuất hiện.** Phái nữ nhìn phái nam hết sức kỹ lưỡng, phái nam nhìn phái nữ hết sức kỹ lưỡng. Vì họ nhìn nhau kỹ lưỡng như vậy nên tình dục khởi lên, ái luyện đối với thân thể bắt đầu. **Do sự ái luyện, họ làm các hạnh dâm.**

Này Vasettha, lúc bấy giờ những chúng sanh ấy thấy làm các hạnh dâm như vậy, người thì quăng bùn, người thì quăng tro, người thì quăng phân bò và nói: "Hãy chết đi, đồ ô uế! Hãy chết đi, đồ ô uế! Sao một loài hữu tình lại đối xử với một loài hữu tình khác như vậy?"; như ngày nay, tại một số quốc độ, khi một cô dâu được rước đi, có người quăng bùn, có người quăng tro, có người quăng phân bò. Như vậy, chúng theo văn tự truyền thống xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

17. Này Vasettha, lúc bấy giờ việc làm được xem là phi pháp này được xem là đúng pháp. Này Vasettha, lúc bấy giờ các loài hữu tình ấy hành dâm không được phép vào làng hay xã ấp một tháng hay cả hai tháng. Vì những hữu tình ấy lúc bấy giờ chỉ trích mau chóng, vì hành động phi pháp, họ bắt đầu làm lâu, làm nhà để che dấu những hành động phi pháp của họ.

Này Vasettha, có loài hữu tình bản tánh biếng nhác tự nghĩ: "Sao ta lại tự làm ta mỗi một bằng cách đi tìm lúa buổi chiều cho buổi ăn chiều, buổi sáng cho buổi ăn sáng? Sao ta lại không tìm lúa một lần cho cả buổi ăn chiều và buổi ăn sáng?" Này Vasettha, loài hữu tình ấy tìm lúa một lần cho cả buổi ăn chiều, cả buổi ăn sáng. Một hữu tình khác đến vị hữu tình

này và nói:

- Nay Bạn, chúng ta hãy đi tìm lúa!

- Nay Bạn, tôi đã tìm lúa một lần, cả cho buổi chiều và buổi sáng.

Này Vasettha, vị này noi theo vị hữu tình kia, đi tìm lúa một lần đủ cho cả hai ngày.

- Nay Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, rồi một hữu tình khác đến vị hữu tình ấy và nói:

- Nay Bạn chúng ta hãy đi tìm lúa.

- Nay Bạn, tôi đã tìm lúa một lần đủ cho cả hai ngày rồi.

Này Vasettha, vị hữu tình này noi theo gương vị hữu tình kia, liền đi tìm lúa một lần đủ cho bốn ngày.

- Nay Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, một vị hữu tình khác lại đến vị hữu tình này và nói:

- Nay Bạn, chúng ta hữu đi tìm lúa!

- Nay Bạn, tôi đã tìm lúa một lần đủ cho cả bốn ngày!

Này Vasettha, vị hữu tình này noi theo gương vị hữu tình kia, liền đi tìm lúa một lần đủ cho tám ngày.

- Nay Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, những vị hữu tình kia, bắt đầu tích trữ lúa để ăn, và cầm bắt đầu bao bọc hạt gạo trơn nhẵn và vỏ lúa bao bọc hạt lúa; và các cây lúa bị cắt không lớn lên được; và như vậy có sự gián đoạn; và cây lúa mọc lên từng cụm, từng chùm.

18. Nay Vasettha, các loài hữu tình ấy hội họp lại và than phiền:

- Nay các Bạn, các ác pháp đã hiện ra giữa các loài hữu tình. Chúng ta trước kia do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài. Đối với chúng ta, sau một thời gian khá dài, vị của đất hiện ra. Vị đất này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu bẻ đất từng cục bằng tay để ăn vị đất. Vì bắt đầu bẻ đất bằng tay từng cục để ăn, nên hào quang biến mất. Vì hào quang biến mất nên mặt trời, mặt trăng hiện ra. Vì mặt

trăng, mặt trời hiện ra nên các sao và chòm sao hiện ra. Vì các sao và chòm sao hiện ra, nên đêm, ngày hiện ra. Vì đêm, ngày hiện ra, nên nửa tháng và tháng hiện ra. Vì nửa tháng và tháng hiện ra, nên thời tiết và năm hiện ra. Chúng ta thường thức vị đất, lấy vị đất làm chất ăn, lấy vị đất làm món ăn trong một thời gian khá dài. Khi ác bất thiện pháp khởi lên giữa chúng ta, vị đất biến mất. Vì vị đất biến mất, nên nắm đất hiện ra. Nắm đất này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu thường thức nắm đất ấy, lấy nắm đất làm chất ăn, lấy nắm đất làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp này khởi lên giữa chúng ta nên nắm đất biến mất. Vì nắm đất biến mất, nên cỏ và cây leo hiện ra. Cỏ và cây leo này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu thường thức cỏ và cây leo ấy, lấy cỏ và cây leo làm chất ăn, lấy cỏ và cây leo làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp này xảy ra giữa chúng ta nên cỏ và cây leo biến mất. Vì cỏ và cây leo biến mất, nên lúa mọc tại khoảng trống hiện ra, không có cám, không có vỏ, thuần tịnh, có mùi thơm và hột trơn nhẵn. Chỗ nào vào buổi chiều, chúng ta mang đi để ăn chiều, thời tại chỗ ấy vào buổi sáng lúa lại mọc lớn và chín. Chỗ nào vào buổi sáng, chúng ta mang đi để ăn sáng, thời tại chỗ ấy vào buổi chiều, lúa lại mọc lớn và chín, không có gián đoạn. Chúng ta thường thức lúa mọc tại khoảng

trồng, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên giữa chúng ta, càm bắt đầu bọc hạt lúa trơn nhẵn và vỏ lúa bao bọc hạt lúa trơn nhẵn; và các cây lúa bị cắt không lớn lên được; và như vậy có sự gián đoạn. Và các cây lúa mọc lên từng cụm, từng chùm. Vậy nay, chúng ta hãy chia lúa và đắp đê làm bờ ruộng.

Này Vasettha, các loại hữu tình ấy phân chia lúa và đắp đê làm bờ ruộng.

19. Này Vasettha, có vị hữu tình, bản tánh biếng nhác, gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần của người khác và thưởng thức phần ấy. Người ta bắt người ấy và nói:

- Này Ngươi, Ngươi đã làm ác pháp, gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thưởng thức phần ấy. Nhà Ngươi chớ có làm như vậy nữa.

- Thừa Bạn, vâng!

Này Vasettha, người này vâng theo lời nói của những người ấy. Này Vasettha, một lần thứ hai... Này Vasettha một lần thứ ba, người này gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và

thường thức phần ấy. Người ta bắt người này và nói:

- Nay Ngươi, Ngươi đã làm điều ác, vì Ngươi gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thường thức phần ấy... Ngươi chớ có làm như vậy nữa.

→ Có người đập anh ta bằng tay, có người đập anh ta bằng đá, có người đập anh ta bằng gậy. Nay Vasettha, bắt đầu như vậy, lấy của không cho xuất hiện, quở trách xuất hiện, nói láo xuất hiện, hình phạt đánh đập xuất hiện.

20. Nay Vasettha, những loài hữu tình ấy hội họp lại và than khóc:

- Nay Tôn giả, ác pháp đã khởi lên giữa các loài hữu tình, trong hình thức lấy của không cho xuất hiện, quở trách xuất hiện, nói láo xuất hiện, hình phạt xuất hiện. Chúng ta hãy đề cử một người. Người ấy sẽ tức giận khi đáng phải tức giận, khiển trách khi đáng phải khiển trách, hãy tàn xuất khi đáng phải tàn xuất. Chúng tôi sẽ dành cho Ngươi một phần lúa của chúng tôi.

- Xin vâng, các Tôn giả!

Nay Vasettha, vị hữu tình này vâng theo các vị hữu

tình kia, tức giận khi đáng tức giận, khiển trách khi đáng khiển trách, tấn xuất khi đáng tấn xuất. Và các vị hữu tình kia chia cho vị này một phần lúa.

21.

→ Đây Vasettha, *được lựa chọn bởi đại chúng*, tức là **Mahà-sammato**. Danh từ Mahà-sammato là danh từ đầu tiên được khởi lên.

→ Đây Vasettha, *"Vị chủ của ruộng vườn"* tức là **Khattiya**, là danh từ thứ hai được khởi lên".

→ *"Làm cho các người khác hoan hỷ bởi Pháp"*, tức là **Ràja** (vị vua). Ràja là danh từ thứ ba được khởi lên.

► Đây Vasettha, như vậy là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của Khattiya theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng ta ở giữa những loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, **một cách đúng pháp tắc (dhamma)**, không phải phi pháp. Đây Vasettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

22. Đây Vasettha, một số các vị hữu tình suy nghĩ:

- Nay các Tôn giả, các ác, bất thiện pháp đã hiện ra giữa các loại hữu tình, như lấy của không cho, khiếm trách, nói láo, hình phạt, tấn xuất. Chúng ta hãy loại bỏ các ác, bất thiện pháp.

Vác vị ấy **loại bỏ các ác, bất thiện pháp, tức là Bràhmanà (Bà-la-môn), và chữ Bràhmanà là danh từ đầu tiên được khởi lên.** Những vị này lập lên những chòi bằng lá tại các khu rừng và tu thiền trong những nhà chòi bằng lá ấy. Đối với họ, than đở được dập tắt, khói được tiêu tan, cối và chày rơi ngã nghiêng, buổi chiều lo buổi ăn chiều, buổi sáng lo buổi ăn sáng; họ đi vào làng, vào thị xã, vào kinh đô để khát thực. Khi họ xin được đồ ăn rồi, họ lại vào các chòi lá trong các khu rừng để tu thiền. Các người khác thấy vậy, nói như sau:

- Nay các Tôn giả, những loài hữu tình này lập lên những chòi bằng lá tại các khu rừng và tu thiền trong những chòi bằng lá ấy. Đối với họ, than đở được dập tắt, khói được tiêu tan, cối và chày rơi ngã nghiêng, buổi chiều lo ăn buổi ăn chiều, buổi sáng lo buổi ăn sáng; họ đi vào làng, vào thị xã, vào kinh đô để khát thực. Khi xin được đồ ăn rồi, họ lại vào các chòi lá trong khu rừng để tu thiền. Nay Vasettha, họ **"Jhàyanti", tu thiền, tức là họ suy tư Jhàyakà. Jahàyakà là danh từ thứ hai được khởi lên.**

23. Nay Vasettha, một số loài hữu tình này, không thể tu thiền trong các chòi bằng lá tại khu rừng, liền đi xuống xung quanh làng, xuống xung quanh thị xã để làm sách. Các người khác thấy vậy bèn nói:

"Này các Tôn giả, những loài hữu tình này, không thể tu thiền trong các chòi bằng lá tại khu rừng, đã đi xuống xung quanh làng, xuống xung quanh thị xã để làm sách. Nay những vị này không tu thiền.

Này Vasettha, "Nadānima Jhāyanti" tức là ajjhāyaka, và ajjāyakā là chữ thứ ba được khởi lên (Các vị lập lại các tập Vedā). Nay Vasettha, thời ấy họ thuộc hạ cấp. Nay họ xem là cao thượng nhất.

Như vậy, nay Vasettha là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Bà-la-môn, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của họ là ở giữa những loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Nay Vasettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

24. Nay Vasettha, một số loài hữu tình này, theo pháp dâm dục, thiết lập các nghề nghiệp sai khác (Vissuta). Nay Vasettha, những ai theo pháp dâm dục, thiết lập ra các nghề nghiệp sai khác, như vậy gọi là Vessā. Danh từ Vessā được khởi lên.

Như vậy, này Vàsettha là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Vessà, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của họ là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Này Vàsettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

25. Này Vàsettha, một số loài hữu tình còn lại lựa chọn săn bắn. Những ai sống săn bắn và theo các nghề hèn nhỏ, này Vàsettha, được gọi là Suddà. Và danh từ Suddsà được khởi lên.

Như vậy, này Vàsettha, là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Suddà, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Này Vàsettha như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

26.

→ Này Vàsettha, một thời có vị Khattiya (Sát đế ly) tư trách pháp của mình, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".

- Vị Bà la môn, tự trách pháp của mình, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa-môn".
- Vị Vessà, tự trách pháp của mình, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".
- Vị Suddà, tự trách pháp của mình, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".
- Nay Vàsettha, giai cấp Samana (Sa-môn) được khởi lên từ bốn giai cấp ấy. Nguồn gốc của Sa-môn là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Nay Vàsettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

27. Nay Vàsettha, vị Khattiya, làm tà hạnh về thân, làm tà hạnh về miệng, làm tà hạnh về ý, có tà kiến. Do tà kiến, tà nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nay Vàsettha, vị Bà la môn... Nay Vàsettha, vị Vessà... Nay Vàsettha, vị Suddà làm tà hạnh về thân, làm tà hạnh về miệng, làm tà hạnh về ý, có tà kiến. Do tà kiến, tà nghiệp làm nhơn duyên,

sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

28. Nay Vàsettha, vị Khattiya làm chánh hạnh về thân, chánh hạnh về miệng, chánh hạnh về ý, có chánh kiến. Do chánh kiến, chánh nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới. Nay Vàsettha, vị Bà la môn... Nay Vàsettha, vị Vessà... Nay Vàsettha, vị Suddà làm chánh hạnh về thân, chánh hạnh về miệng, chánh hạnh về ý, có chánh kiến. Do chánh kiến, chánh nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới.

29. Nay Vàsettha, vị Khattiya, làm hai hạnh về thân, hai hạnh về miệng, hai hạnh về ý, có chánh kiến tà kiến lẫn lộn. Do chánh kiến tà kiến, chánh hạnh tà hạnh lẫn lộn làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, tho lãnh lạc và khổ thọ. Nay Vàsettha, vị Bà la môn... Nay Vàsettha, vị Vessà... Nay Vàsettha, vị Suddà, làm hai hạnh về thân, hai hạnh về miệng, hai hạnh về ý, có chánh kiến, có tà kiến lẫn lộn. Do chánh kiến tà kiến, chánh hạnh tà hạnh lẫn lộn làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, thọ lãnh lạc và khổ thọ.

30. Nay Vàsettha, vị Khattiya, chế ngự về thân, chế

ngự về miệng, chế ngự về ý, sau khi tu tập Bảy pháp Giác chi đã diệt trừ hoàn toàn (các ác pháp) ngay trong đời hiện tại. Nay Vasettha, vị Bà la môn... vị Vessà... Nay Vasettha vị Suddà, chế ngự về thân, chế ngự về miệng, chế ngự về ý, sau khi tu tập Bảy pháp Giác chi đã diệt trừ hoàn toàn (các ác pháp) ngay trong đời hiện tại.

31. Nay Vasettha, trong bốn giai cấp này, vị Tỷ kheo, là bậc A la hán, lậu hoặc đã diệt tận, việc phải làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục tiêu đã đạt tới, hữu kiết sử đã trừ diệt, chánh trí giải thoát. Vị ấy được gọi là tối thượng trong tất cả giai cấp, đúng với Chánh pháp, không phải phi pháp. Nay Vasettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cho cả đời sau.

32. Nay Vasettha, bài kệ sau đây được Phạm thiên Sanamkumàra (Thường Đồng hình Phạm thiên) tuyên thuyết:

*Chúng sanh tin giai cấp,
Sát để ly tối thắng.
Ai đủ cả trí, đức,
Tối thắng giữa Nhân, Thiên.*

Nay Vasettha, bài kệ này được Phạm thiên

Sanamkumàra, khéo hát chớ không phải vụng hát, khéo nói chớ không phải vụng nói, đầy đủ ý nghĩa chớ không phải không đầy đủ, được Ta chấp nhận.

Này Vàsettha, Ta cũng nói như sau:

*Chúng sanh tin giai cấp,
Sát để ly tối thắng.
Ai đủ cả trí, đức,
Tối thắng giữa Nhân, Thiên.*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Vàsettha và Bhàradvāja hoan hỷ tín thọ lời giảng Thế Tôn.

149 Thứ tự tu tập - Kinh GANAKA MOGGALLANA – 107 Trung III, 107

KINH GANAKA MOGGALLANA (Ganaka Moggallana sutta)

– Bài kinh số 107 – Trung III, 107

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Pubbarama, nơi lâu đài của Migaramatu (Đông Viên Lộc Mẫu Giảng đường). Rồi Bà-la-môn Gananka Moggallana đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Ganaka Moggallana bạch Thế Tôn:

- Ví như, thưa Tôn giả Gotama, tại lâu đài Migaramatu này, có thể thấy được một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là những tầng cấp của lâu thượng cuối cùng.
- Thưa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị Bà-la-môn này, được thấy một học tập tuần

tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là sự học hỏi (các tập Veda).

- Thừa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị bần cung này, được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là nghệ thuật bần cung.
- Cũng vậy, Thừa Tôn giả Gotama, đối với chúng con là những người toán số, sống nhờ nghề toán số, cũng được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là toán số. Thừa Tôn giả Gotama, vì rằng khi có được người đệ tử, trước hết chúng con bắt người ấy đếm như sau: "Một, một lần, hai, hai lần, ba, ba lần, bốn, bốn lần, năm, năm lần, sáu, sáu lần, bảy, bảy lần, tám, tám lần, chín, chín lần, mười, mười lần". Và thừa Tôn giả Gotama, chúng con bắt đếm tới một trăm.
- *Có thể trình bày chăng, thừa Tôn giả Gotama, trong pháp và luật này, cũng có một tuần tự học tập, một tuần tự công trình, một tuần tự đạo lộ như vậy?*
- *Có thể trình bày, này Bà-la-môn, trong pháp và luật này, có một tuần tự học tập, có một tuần tự công trình, có một tuần tự đạo lộ.*

Ví như, này Bà-la-môn, một người huấn luyện

ngựa thiện xảo, sau khi được một con ngựa hiền thiện, trước tiên luyện tập cho nó quen mang dây cương, rồi tập luyện cho nó quen các hạnh khác.

Cũng vậy, này Bà-la-môn, Như Lai khi được một người đáng được điều phục, trước tiên huấn luyện người ấy như sau: *"Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy giữ giới hạnh**, hãy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập các học giới"*.

Này Bà-la-môn, khi vị Tỷ-kheo giữ giới hạnh, chế ngự với sự chế ngự của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập các học giới, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: *"Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy hộ trì các căn**, khi mắt thấy sắc chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng.... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị.. thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến*

tham ái, ưu bi, các pháp ác bất thiện khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn".

Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo hộ trì các căn rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau:

*"Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy tiết độ trong ăn uống**, chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới; và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn".*

Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: *"Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy chú tâm cảnh giác!** Ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chương ngại pháp; ban đêm trong canh đầu, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chương ngại pháp; ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi*

đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chương ngại pháp".

Này, Bà-la-môn, sau khi vị Tỷ-kheo chú tâm tỉnh giác, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm nữa như sau: **"Hãy đến Tỷ-kheo, hãy thành tựu chánh niệm tỉnh giác, khi đi tới khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt, đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác".**

Này Bà-la-môn, sau khi chánh niệm tỉnh giác rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: **"Hãy đến Tỷ-kheo, hãy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm".** Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên và an trú chánh niệm trước mặt:

- Vị ấy **từ bỏ tham ái ở đời**, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái.

- *Từ bỏ sân hận*, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.
- *Từ bỏ hôn trầm thụy miên*, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên.
- *Từ bỏ trạo cử hối tiếc*, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng gột rửa tâm hết trạo cử hối tiếc.
- *Từ bỏ nghi ngờ*, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với các thiện pháp.

Sau khi **đoạn trừ năm triền cái ấy**, những pháp làm ô nhiễm tâm, làm trí tuệ yếu ớt:

- Vị ấy *ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất*, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ.
- Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.
- Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả

niệm lạc trú, chúng và trú Thiền thứ ba.

- Xả lạc, xả khô, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chúng và trú Thiền thứ tư, không khô, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

☞ Đây Bà-la-môn, đối với những **Tỷ-kheo nào là bậc hữu học**, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu sự vô thượng an tịnh các triền ách, đó là sự giảng dạy của Ta như vậy đối với những vị ấy.

☞ Còn đối với những vị **Tỷ-kheo là bậc A-la-hán**, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát, những pháp ấy đưa đến sự hiện tại lạc trú và chánh niệm tỉnh giác.

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Ganaka Moggallana bạch Thế Tôn:

– Các đệ tử của Sa-môn Gotama, khi được Sa-môn Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, có phải tất cả đều chứng được cứu cánh đích Niết-bàn hay chỉ có một số chứng được?

– Đây Bà-la-môn, một số đệ tử của Ta, khi được khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, chúng

được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được.

– *Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đưa đến Niết-bàn, trong khi có mặt Tôn giả Gotama là bậc chỉ đường, tuy vậy các đệ tử Tôn giả Gotama, được Tôn giả Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được?*

– Này Bà-la-môn, ở đây Ta sẽ hỏi Ông. Nếu Ông kham nhẫn, hãy trả lời cho Ta. Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ông có giỏi về con đường đi đến Rajagaha (Vương Xá)?

– Thưa Tôn giả, con có giỏi về con đường đi đến Rajagaha.

– Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có một người, muốn đi đến Rajagaha, người này đến Ông và nói như sau: "*Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Rajagaha. Hãy chỉ cho tôi con đường đi đến Rajagaha*". Ông nói với người ấy như sau: "*Được, này Bạn, đây là con đường đưa đến Rajagaha. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi*

trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy Rajagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những hồ ao mỹ diệu". Dầu cho người ấy được khuyến giáo như vậy, được giảng dạy như vậy, nhưng lại lấy con đường sai lạc, đi về hướng Tây.

Rồi một người thứ hai đến, muốn đi đến Rajagaha. Người này đến Ông và hỏi như sau: "Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Rajagaha, mong Tôn giả chỉ con đường ấy cho tôi". Rồi Ông nói với người ấy như sau: "Được, này Bạn, đây là đường đi đến Rajagaha. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy Rajagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những hồ ao mỹ diệu". Người ấy được Ông khuyến giáo như vậy, giảng như vậy, đi đến Rajagaha một cách an toàn.

– Nay Bà-la-môn, do nhân gì, do duyên gì, trong khi có mặt Rajagaha, trong khi có mặt con đường đưa đến Rajagaha, trong khi có mặt Ông là người chỉ đường, dầu cho Ông có khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một người lấy con đường sai lạc, đi về hướng Tây, còn một người có thể đi đến Rajagaha một cách an toàn?

– Thưa Tôn giả Gotama, ở đây, con làm gì được? Con chỉ là người chỉ đường, thưa Tôn giả Gotama.

– Cũng vậy, nay Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chúng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được. Ở đây, nay Bà-la-môn, **Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường.**

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Ganaka Moggalana bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, đối với những người không phải vì lòng tin, chỉ vì sinh kế, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, những người xảo trá, lường gạt, hư ngụy, mất thẳng bằng, cao mạn, dao

động, nói phô tạp nhập, không hộ trì các căn, ăn uống không tiết độ, không chú tâm cảnh giác, thờ ơ với Sa-môn hạnh, không tôn kính học tập, sống quá đầy đủ, uể oải, đi đầu trong thói thất, từ bỏ gánh nặng viễn ly, biếng nhác, tinh cần thấp kém, thất niệm, không tỉnh giác, không định tâm, tâm tán loạn, liệt tuệ, câm ngọng; Tôn giả Gotama không thể sống với những người như vậy.

Còn những Thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, không xảo trá, không lường gạt, không hư ngụy, không mất thăng bằng, không cao mạn, không dao động, không nói phô tạp nhập, hộ trì các căn, ăn uống có tiết độ, chú tâm tỉnh giác, không thờ ơ với Sa-môn hạnh, tôn kính học tập, sống không quá đầy đủ, không uể oải, từ bỏ thói thất, đi đầu trong viễn ly, tinh cần, tinh tấn, chánh niệm, an trú, tỉnh giác, định tĩnh, nhứt tâm, có trí tuệ, không câm ngọng; Tôn giả Gotama sống (hòa hợp) với những vị ấy.

*Ví như Tôn giả Gotama, trong các loại căn hương, hắc chiên đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại lõi cây hương, xích chiên đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại hoa hương, vũ quý hương (jasmine) được gọi là tối thượng. Cũng vậy là **lời khuyến giáo của Tôn giả Gotama được***

xem là cao nhất trong những lời khuyên giáo hiện nay.

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

150 Thứ tự tu tập - Kinh UPÀLI – Tăng IV, 515

UPÀLI – Tăng IV, 515

1. Bấy giờ có Tôn giả Upàli đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Upàli bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn sống trong rừng núi cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng.

2. Nay Upàli, không dễ dàng là sống tại các rừng núi cao nguyên, các trú xứ xa vắng, khó khăn là đời sống viễn ly, khó ưa thích là đời sống độc cư. Ta nghĩ rằng: "**Các ngôi rừng làm loạn ý Tỷ-kheo chưa được Thiên định**". Nay Upàli, ai nói như sau: "**Dầu tôi chưa được Thiên định, tôi sẽ sống tại các rừng núi cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng**", thời người ấy được chờ đợi như sau: "**Vì ấy sẽ chìm xuống (đáy) hay nổi lên (mặt nước)**".

3. Ví như, nay Upàli, một hồ nước lớn, có **con voi lớn** đi đến, bảy thước hay tám thước cao. Con voi ấy suy nghĩ: "*Ta hãy lặn vào hồ nước này, rồi chơi trò chơi rửa tai, rồi chơi trò chơi rửa lưng; sau khi chơi trò chơi rửa tai, sau khi chơi trò chơi rửa lưng, sau*

khi tắm, sau khi uống nước, sau khi từ hồ bước lên, ta đi chỗ nào ta muốn". Rồi con voi ấy lặn vào hồ nước ấy, có thể chơi trò chơi rửa tai, có thể chơi trò chơi rửa lưng, sau khi chơi trò chơi rửa tai, sau khi chơi trò rửa lưng, sau khi tắm, sau khi uống nước, sau khi từ hồ bước lên, nó đi chỗ nào nó muốn. Vì sao? Vì tư ngã to lớn tìm được chân đứng trong chỗ nước.

Rồi có **con thỏ** hay con mèo đến, nó suy nghĩ: "*Ta là ai, con voi lớn là ai? Vậy ta sau khi lặn xuống hồ nước này, có thể chơi trò chơi rửa tai, có thể chơi trò chơi rửa lưng; sau khi chơi trò chơi rửa tai, sau khi chơi trò chơi rửa lưng, sau khi tắm, sau khi uống nước, sau khi từ hồ bước lên, ta sẽ đi chỗ nào ta muốn*". Rồi nó nhảy vào hồ nước ấy lập tức, không có tính toán. Với nó, được chờ đợi rằng: "**Nó sẽ chìm hay nổi trên mặt nước**" Vì sao? Nay Upàli, vì tư ngã nhỏ bé không tìm được chân đứng trong nước sâu.

Cũng vậy, này Upàli, ai nói rằng: "Dầu tôi không được định, tôi sẽ sống trong các rừng núi cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng". Với vị ấy, được chờ đợi rằng: "Nó sẽ chìm xuống hay nổi trên mặt nước".

4. Ví như: này Upàli, một đứa trẻ, còn nhỏ, còn yếu, nằm ngửa, chơi với phân và nước tiểu của mình.

Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, trò chơi con nít này có thiệt là toàn diện đầy đủ không?

- Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Này Upàli, đưa con nít ấy, sau một thời gian, sau khi lớn lên, sau khi các căn được thuần thực, có được các đồ chơi của những con nít, như trẻ con chơi khăn, chơi nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ đóng bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, và nó chơi với những đồ chơi ấy. Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, trò chơi này so sánh với trò chơi trước, có đi đến thù diệu hơn, thù thắng hơn?

- Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Rồi này Upàli, đưa trẻ ấy, sau một thời gian, sau khi lớn lên, sau khi các căn được thuần thực, thọ hưởng đầy đủ năm món dục lạc, với các sắc do mắt nhận thức, khả hỷ, khả ý, khả ái, kích thích lòng dục, hấp dẫn, với các tiếng do tai nhận thức... với các hương do mũi nhận thức... với các vị do lưỡi nhận thức... với các xúc do thân cảm giác, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, trò chơi này, so sánh với các trò chơi trước có thù diệu hơn, thù thắng hơn không?

- Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

5. Ở đây, này Upàli, Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự chứng ngộ với thắng trí, tuyên bố cho biết về thế giới này, các chư Thiên, các ma, các Phạm thiên, với chúng Sa-Môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, nêu rõ phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Người gia chủ, hay con người gia chủ hay một người tái sanh trong một gia đình khác nghe Pháp ấy, sau khi nghe Pháp, vị ấy sanh lòng tin vào Như Lai. Vị ấy thành tựu với lòng tin ấy, suy xét như sau: *"Đời sống gia đình đầy những phiền phức, con đường đầy những bụi đời, đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình."*

Một thời gian sau, vị ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. **Vị ấy đã xuất gia như**

vậy, thọ lãnh đầy đủ sự học tập và nếp sống của các Tỷ-kheo.

- Sau khi đoạn tận sát sanh, sống từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình.
- Sau khi đoạn tận lấy của không cho, vị ấy sống từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự mình sống thanh tịnh không có trộm cướp.
- Sau khi đoạn tận không Phạm hạnh, vị ấy sống Phạm hạnh, sống đời sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ.
- Sau khi đoạn tận nói láo, vị ấy sống từ bỏ nói láo, nói lời chơn thật, nói lời liên hệ đến chân thật, vững chắc, đáng tin cậy, không lường gạt lời hứa đối với đời.
- Sau khi đoạn tận nói hai lưỡi, vị ấy sống từ bỏ nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói đến chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy sống kết hợp những kẻ bị chia rẽ, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, ưa thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời tác thành hòa hợp.

- Sau khi đoạn tận lời nói độc ác, vị ấy sống từ bỏ lời nói độc ác; những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, thích ý nhiều người, vị ấy nói những lời như vậy.
- Sau khi đoạn tận lời nói phù phiếm, vị ấy sống từ bỏ nói lời phù phiếm, nói lời đúng thời, nói lời chân thật, nói lời có ý nghĩa, nói lời về Chánh pháp, nói lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi.
- Vị ấy sống từ bỏ làm hại các hột giống và các loại cây cỏ; dùng mỗi ngày một bữa, từ bỏ ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch, từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang, từ bỏ dùng giường cao và giường lớn, từ bỏ nhận vàng và bạc, từ bỏ nhận các hạt sống, từ bỏ nhận thịt sống, từ bỏ nhận đàn bà, con gái; từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương đất đai; từ bỏ việc phái người làm môi giới, hoặc tự mình làm môi giới, từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh, như hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bứt đoạt, trộm cắp, cướp phá.

- Vị ấy, **biết đủ**, bằng lòng với tâm **y** để che thân, với **đồ ăn khát thực** để nuôi bụng, đi đến chỗ nào cũng mang theo y và bình bát như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, vị ấy bằng lòng với tâm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi đến chỗ nào cũng mang theo.
- **Vị ấy thành tựu với thành tựu giới uẩn này, nội tâm cảm thọ sự an lạc không có phạm lỗi.**

6. Vị ấy, khi **mắt** thấy **sắc**, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thật hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thật hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy thành tựu Thánh hộ trì các căn này, nên hưởng lạc thọ nội tâm, không có xen lẫn.

7. Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều **tĩnh giác**; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay; khi

đuôi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nuốt đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

Vị ấy thành tựu với **Thánh giới uẩn** này, thành tựu với **Thánh hộ trì các căn** này, thành tựu với **Thánh chánh niệm tỉnh giác** này, chọn một trú xứ thanh vắng như rừng, gốc cây, núi, khe đá, hang đá, bãi tha ma, khu rừng xa vắng, ngoài trời, đồng rơm. Vị ấy đi đến rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, ngôi kiết-già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt.

- Vị ấy, sau khi đoạn tận tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm khỏi tham ái.
- Sau khi đoạn tận sân, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.
- Sau khi đoạn tận hôn trầm thụy miên, sống với tâm thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, vị ấy gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên.
- Sau khi đoạn tận trạo hoi, sống không trạo hoi, với nội tâm trầm lặng, vị ấy gột rửa hết tâm trạo cử hoi tiếc.

- Sau khi đoạn tận nghi ngờ, vị ấy sống thoát ly nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

8. Vì ấy sau khi **đoạn tận năm triền cái** này, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm hèn yếu trí tuệ, ly dục, ly các pháp bất thiện, chứng đạt và an trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Vì sao, này Upàli, có phải sự an trú này, sánh với các an trú trước, được thù diệu hơn, thù thắng hơn?

- Thừa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Này Upàli, các đệ tử của Ta, thấy được Pháp này trong tự ngã, sống tại các rừng núi cao nguyên, các trú xứ xa vắng, cho đến khi mục đích của mình chưa đạt, thời họ vẫn trú (tại các chỗ ấy), (hay như mục đích của mình chưa đạt, tức là định chưa đạt; thời không sống trong rừng núi cao nguyên tại các trú xứ xa vắng).

9. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ tâm và tứ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**. *Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, có phải sự an trú này, sánh với những an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn?*

- Thừa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Nay Upàli, các đệ tử của Ta, khi quán thấy Pháp này trên tự ngã, họ mới đến ở các rừng núi cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ không trú nếu mục đích của mình chưa đạt được.

10. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo ly hỷ... chúng và trú Thiền thứ ba. *Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, có phải sự an trú này, sánh với những an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn?*

- Thừa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Nay Upàli, các đệ tử của Ta, khi quán thấy Pháp này trên tự ngã, họ mới đến ở các rừng núi, cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ không trú nếu mục đích của mình chưa đạt được.

11. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo đoạn lạc... chúng đạt và an trú Thiền thứ tư. *Thầy nghĩ thế nào, này Upàli... chưa đạt được...? ...*

12. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo vượt qua các sắc tướng một cách hoàn toàn, chấm dứt các tướng đối ngại, không tác ý đến các tướng sai biệt, nghĩ rằng: "**Hư không là vô biên**", chúng đạt và an trú Không

vô biên xứ. Thầy nghĩ thế nào, này Upàli...? ... mục đích của mình chưa đạt được.

13. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "**Thức là vô biên**", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ. *Thầy nghĩ thế nào, này Upàli...? ... mục đích của mình chưa đạt được.*

Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "**Không có sở hữu**", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. *Thầy nghĩ thế nào, này Upàli...? ... mục đích của mình chưa đạt được.*

Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Vô sở hữu xứ, nghĩ rằng: "Đây là tịch tịnh, đây là thù diệu", chứng đạt và an trú **Phi tưởng phi phi tưởng xứ**. *Thầy nghĩ thế nào, này Upàli, có phải sự an trú này sánh với các an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn?*

- Thưa có vậy, bạch Thế Tôn... mục đích của mình chưa đạt được.

14. Lại nữa, này Upàli, Tỷ-kheo sau khi vượt qua một cách hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú **Diệt thọ tưởng định**, vị ấy **sau**

khí thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Thấy nghĩ thế nào, này Upàli, có phải sự an trú này sánh với các an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn?

- Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

- Này Upàli, các đệ tử của Ta, sau khi quán thấy Pháp này trên tự ngã đã đến ở trong các rừng núi cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng, họ không trú nếu mục đích của mình chưa đạt được.

→ Vậy này Upàli, Thầy hãy sống giữa chúng Tăng. Sống giữa chúng Tăng, Thầy sẽ được an ổn.

151 Thứ tự tu tập - Kinh ĐIỀU NGỰ ĐỊA – 125 Trung III, 337

KINH ĐIỀU NGỰ ĐỊA (**Dantabhumisuttam**)

– Bài kinh số 125 – Trung III, 337

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá). Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc (Kalandakanivapa). Lúc bấy giờ, Sa-di Aciravata (Tân Học Sa-môn) đang ở tại am thất Aranna. Rồi vương tử Jayasena trong khi tản bộ du hành, đi đến Sa-di Aciravata, sau khi đến nói lên với Sa-di Aciravata những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, **vương tử Jayasena nói với Sa-di Aciravata:**

Tôn giả Aggivessana, tôi có nghe như sau:

– "Ở đây Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sẽ được nhứt tâm".

– Sự việc là vậy, này Vương tử! Sự việc là vậy, này Vương tử! Ở đây, Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần sẽ chứng được nhứt tâm.

– Thật là tốt lành nếu Tôn giả Aggivessana thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học.

– Này Vương tử, tôi không có thể thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học. Nếu nay tôi thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học, và nếu Vương tử không hiểu lời tôi nói, như vậy sẽ làm tôi mệt mỏi, làm tôi phiền muộn.

– Tôn giả Aggivessana, hãy thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học! Rất có thể, tôi sẽ hiểu ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana.

– Này Vương tử, tôi sẽ thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học. Nếu Vương tử có thể hiểu ý nghĩa lời nói của tôi, như vậy là tốt đẹp. Nếu Vương tử không thể hiểu lời nói của tôi, hãy dừng lại trên sự trạng của mình, chớ có hỏi tôi thêm nữa!

– Tôn giả Aggivessana, hãy thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học! Nếu tôi có thể

hiểu được ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana, như vậy là tốt đẹp. Nếu tôi không có thể hiểu được ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana, tôi sẽ dừng lại trên sự trạng của tôi, ở đây, tôi sẽ không hỏi Tôn giả Aggivessana thêm nữa.

Rồi Sa-di Aciravata thuyết pháp cho vương tử Jayasena như đã được nghe, như đã được học. Khi được nghe vậy, Vương tử nói với Sa-di Aciravata như sau:

– Sự việc không phải là như vậy, Tôn giả Aggivessana; trường hợp không phải là như vậy, rằng Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần lại có thể chứng đắc nhất tâm.

Rồi Vương tử Jayasena sau khi nói lên với Sa-di Aciravata sự việc không phải như vậy và trường hợp không phải như vậy, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Sa-di Aciravata, sau khi vương tử Jayasena ra đi không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Sa-di Aciravata kể lại cho Thế Tôn tất cả cuộc đàm thoại với vương tử Jayasena.

Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Sa-di

Aciravata:

– Như vậy, này Aggivessana, nào có lợi ích gì? Vương tử Jayasenna sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiền, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết truy cầu dục, lại có thể biết, có thể thấy, hay có thể chứng (quả vị) chỉ có ly dục mới biết được, chỉ có ly dục mới thấy được, chỉ có ly dục mới đạt được, hay chỉ có ly dục mới chứng được, sự kiện như vậy không xảy ra.

Này Aggivessana, ví như giữa các con voi, con ngựa hay con bò được dạy điều phục có hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được dạy điều phục, được khéo huấn luyện; và có hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò không được khéo điều phục, không được khéo huấn luyện.

Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò, được khéo điều phục, được khéo huấn luyện, các con ấy có thể đi đến khả năng điều phục (dantakaranam), có thể đạt đến điều phục địa không?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Còn hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được dạy điều phục, nhưng không được khéo điều

phục, không được khéo huấn luyện, các con ấy không được điều phục, có thể đi đến khả năng điều phục, không được điều phục có thể đạt đến điều phục địa, như hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được khéo điều phục, được khéo huấn luyện kia không?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Aggivessana, vương tử Jayasena sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiền, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết truy cầu dục, lại có thể biết, có thể thấy, hay có thể chứng (quả vị) chỉ có ly dục mới biết được, chỉ có ly dục mới thấy được, chỉ có ly dục mới đạt được, chỉ có ly dục mới chứng được, sự kiện như vậy không xảy ra.

Ví như, này Aggivessana, một hòn núi lớn không xa làng hay thị trấn. Và có hai người bạn, tay trong tay đi ra khỏi làng hay thị trấn ấy, và đi đến hòn núi kia. Sau khi đến, một người bạn đứng dưới chân núi, còn người bạn kia leo lên đỉnh núi. Người bạn đứng dưới chân núi ấy có thể nói với người bạn đứng trên đỉnh núi: "*Này Bạn thân, Bạn đứng trên đỉnh núi, Bạn thấy những gì?*" Người này nói: "*Này Bạn thân, đứng trên đỉnh núi tôi thấy các vườn khả*

ái, các khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái". Người kia nói: "Không có sự kiện này, này Bạn thân, không có trường hợp này, Bạn đứng trên đỉnh núi lại có thể thấy các khu vườn khả ái, khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái".

Rồi người bạn đã đứng trên đỉnh núi, sau khi đi xuống chân núi, nắm tay bạn, khiến bạn trèo lên đỉnh núi, để bạn nghỉ thở một thời gian, rồi nói: "Này Bạn thân, nay Bạn có thể thấy gì, khi Bạn đứng trên đỉnh núi?" Và người bạn ấy có thể nói: "Này Bạn thân, nay đứng trên đỉnh núi, tôi thấy các khu vườn khả ái, các khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái".

Người kia có thể nói như sau: "Vừa rồi, này Bạn thân, chúng tôi hiểu Bạn nói: "Không thể có sự kiện này, này Bạn thân, không thể có trường hợp này, Bạn đứng trên đỉnh núi lại có thể thấy các khu vườn khả ái... các ao hồ khả ái". Nhưng nay chúng tôi hiểu Bạn nói: "Này Bạn thân, nay đứng trên đỉnh núi, tôi thấy các khu vườn khả ái... các ao hồ khả ái". Người kia nói như sau: "*Này Bạn thân, vì tôi bị che khuất bởi sườn núi này, nên không thấy được những điều đáng thấy*".

Cũng vậy, nhưng to lớn hơn, này Aggivessana,

là Vương tử Jayasena, bị che khuất, bị chặn đứng, bị chướng ngại, bị bao vây bởi **vô minh uẩn** này. Vương tử Jayasena sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiền, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết truy cầu dục, lại có thể biết, có thể thấy hay có thể chứng (quả vị) chỉ có ly dục mới biết được, chỉ có ly dục mới thấy được, chỉ có ly dục mới đạt được, chỉ có ly dục mới chứng được; sự kiện như vậy không xảy ra.

Nếu hai ví dụ này được Ông đề cập cho Vương tử Jayasena, thời vương tử Jayasena tự nhiên tin tưởng Ông và khi đã tin tưởng, sẽ hành động đúng theo cung cách một người đã tin tưởng Ông.

– Nhưng làm sao, bạch Thế Tôn, hai ví dụ này khởi đến từ nơi con cho vương tử Jayasena, khởi lên một cách tự nhiên, từ trước chưa từng được nghe, như Thế Tôn được?

– Ví như, này Aggivessana, một vị vua Sát-đế-ly đã quán đánh bảo người nài voi: "Này Tượng sư, hãy cưới con vương tượng, đi vào rừng có voi; khi Ông thấy con voi rừng, hãy cột nó lại vào cổ con vương tượng". – "Thưa vâng, Đại vương".

Này Aggivessana, người tượng sư vâng theo lời vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh, cưới con vương

tượng, vào trong rừng có voi, thấy con voi rừng, cột (con voi rừng ấy) vào cổ con vương tượng. Con vương tượng kéo nó ra chỗ ngoài trời. Cho đến như vậy, này Aggivessana, con voi rừng được đi đến chỗ ngoài trời. Nhưng này Aggivessana, con voi rừng còn có sự tham luyện tức là đối với rừng có voi. Người tượng sư tâu với vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh về con voi rừng ấy. "Tâu Đại vương, con voi rừng đã ra chỗ ngoài trời".

Rồi vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh bảo người điều phục voi: *"Hãy đến, này người Điều phục voi, hãy điều phục con voi rừng này bằng cách điều phục nếp sống rừng của nó, bằng cách điều phục tâm tư rừng núi, bằng cách điều phục sự ưu tư, mệt nhọc, nhiệt não đối với rừng núi của nó bằng cách làm cho nó thích thú với thôn làng, và bằng cách làm cho nó quen thuộc với nếp sống loài người"*. – "Thưa vâng, tâu Đại vương".

Này Aggivessana, người điều phục voi vâng theo lời vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh, **đóng một cọc tru lớn vào đất, cột cổ con voi rừng,** để điều phục nếp sống rừng của nó, để điều phục tâm tư rừng núi, để điều phục sự suy tư, mệt nhọc, nhiệt não của rừng núi, để làm cho nó thích thú với thôn làng và làm cho nó quen thuộc với nếp sống loài người.

Rồi người điều phục voi lại nói với nó bằng những lời nhẹ nhàng, đẹp tai, thân tình, đi đến tâm, thanh nhã, khiến nhiều người vui thích, khiến nhiều người hoan hỷ. Và này Aggivessana, con voi rừng khi được nói với những lời nhẹ nhàng, đẹp tai, thân tình, đi đến tâm, thanh nhã, khiến nhiều người vui thích, khiến nhiều người hoan hỷ, liền nghe, lắng tai, trú tâm vào học hỏi (anna?).

Tiếp đến người điều phục voi đem cỏ và nước cho con voi rừng. Này Aggivessana, khi con voi rừng nhận cỏ và nước, người điều phục voi mới nghĩ: **"Nay con voi rừng sẽ sống"**.

Rồi người điều phục voi khiến (con voi rừng) làm thêm một động tác khác: *"Này Bạn, nhặt lên! Này Bạn, đặt xuống!"*

Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm đúng theo lời dạy nhặt lên, đặt xuống rồi, người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác: *"Này Bạn, đi tới! Này Bạn đi lui!"*

Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm đúng theo lời dạy đi tới, đi lui rồi, người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác: *"Này Bạn, đứng dậy!"*

Này Bạn, ngồi xuống!"

Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm đúng theo lời dạy, đứng dậy, ngồi xuống rồi, người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác tên gọi **"bất động"**. Nó cột cái khiên bằng gỗ vào cái vòi của con vật to lớn, và một người tay cầm ngọn giáo ngồi trên cổ, và xung quanh một số người tay cầm ngọn giáo đứng bao vây. Và người điều phục voi, tay cầm một ngọn giáo với cán cây dài, đứng ở phía trước. Con voi ấy làm động tác bất động, không có di động chân trước, không có di động chân sau, không có di động thân trước, không có di động thân sau, không di động đầu, không có di động tai, không có di động ngà, không có di động vòi. Con vương tượng là **con voi có thể nhẫn chịu đao, kiếm, tên, búa chém bắn, nhẫn chịu tiếng vang động của trống lớn, trống nhỏ, tù và, (như là) vàng ròng tẩy sạch các tỳ vết như bản, xứng đáng vua (dùng), một sở hữu của vua, một biểu tượng của vua.**

Cũng vậy, này Aggivessana, ở đây, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... (Như Tập I, Kinh Sa môn Quả trang 120-121)... **Xuất gia** từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Cho đến đây, này Aggivessana, **là vị Thánh đệ tử đi đến chỗ ngoài**

trời. Nhưng này Aggivessana, các vị Thiên, Nhân có tham ái này, tức là năm dục công đức.

Rồi Như Lai huấn luyện thêm cho (vị đệ tử) ấy:
"Hãy đến, này Tỷ-kheo, **hãy giữ giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, thọ lãnh và tu học trong học pháp!"

Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, thọ lãnh và tu học trong học pháp, Như Lai lại huấn luyện thêm cho đệ tử ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, **hãy bảo hộ các căn!** Khi mắt thấy sắc, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, hãy tư chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thiết hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức các pháp, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, hãy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thiết hành sự hộ trì ý căn".

Này Aggivessana, sau khi Thánh đệ tử đã hộ trì các căn, Như Lai huấn luyện thêm vị Thánh đệ tử ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, **hãy tiết độ trong ăn uống**, chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới. Và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn".

Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã tiết độ trong ăn uống, Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, **hãy chú tâm cảnh giác!** Ban ngày khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp. Ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp. Ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy. Ban đêm canh cuối, khi đã thức dậy trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp".

Này Aggivessana, sau khi Thánh đệ tử đã chú

tâm cảnh giác, Như Lai huấn luyện thêm vị ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, **hãy thành tựu chánh niệm tỉnh giác!** Khi đi tới khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thương y đều tỉnh giác; khi ăn uống nhai nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi đứng ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác".

Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã thành tựu chánh niệm tỉnh giác, Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, **hãy lựa một trú xứ thanh vắng**, khu rừng, gốc cây, ngọn núi, chỗ hoang vu, hang núi, bãi tha ma, khóm rừng, ngoài trời, đồng rơm!"

Vị ấy lựa chọn một trú xứ thanh vắng, khu rừng, gốc cây, ngọn núi, chỗ hoang vu, hang núi, bãi tha ma, khóm rừng, ngoài trời, đồng rơm. Vị ấy sau khi ăn xong, trên đường khát thực trở về, ngồi xuống, **kiết-già, giữ lưng cho thẳng, trú niệm trước mặt.** Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, **gột rửa tâm hết tham ái.** Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, **gột rửa tâm hết sân hận.** Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh

niệm tỉnh giác, **gột rửa tâm hết hôn trầm thùy miên**. Từ bỏ trạo cử hồi quá, vị ấy sống không trạo cử hồi quá, nội tâm trầm lặng, **gột rửa tâm hết trạo cử hồi quá**. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống với tâm thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, **gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp**.

Vì ấy sau khi đoạn trừ năm triền cái này, những triền cái làm ô nhiễm tâm tư, làm yếu ớt trí tuệ, vị ấy sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để điều phục tham ưu ở đời, quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để điều phục tham ưu ở đời. *Ví như, này Aggivessana, một người điều phục voi đóng một cọc trụ lớn vào đất, cột cổ con voi rừng để điều phục nếp sống rừng của nó, để điều phục tâm tư rừng núi của nó, để điều phục sự ưu tư mệt nhọc nhiệt nảo của rừng núi, để làm cho nó thích thú với thôn làng và làm cho nó quen thuộc với nếp sống loài người*. Cũng vậy, này Aggivessana, **BỐN NIỆM XỨ** này là những dây cột tâm tư để điều phục **tánh cư sĩ**, để điều phục **tâm tư cư sĩ**, để điều phục **sự ưu tư mệt nhọc nhiệt nảo của các cư sĩ**, để đạt được chánh lý (naya), để chứng ngộ Niết-bàn.

Rồi Như Lai huấn luyện thêm vị ấy:

– Hãy đến, này Tỷ-kheo, **hãy trú quán thân trên thân, và chớ có suy tư trên tâm liên hệ đến thân**; hãy trú quán thọ trên các cảm thọ, và chớ có suy tư trên tâm liên hệ đến cảm thọ; hãy trú quán tâm trên tâm, chớ có suy tư trên tâm liên hệ đến tâm; hãy trú quán pháp trên các pháp, và chớ có suy tư trên tâm liên hệ đến các pháp. **Vị ấy làm cho dừng lại tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm, ... chứng và trú Thiền thứ tư". Vị ấy với tâm định tĩnh... (như Kinh Trung Bộ tập I, Kinh Sa môn Quả, trang 142 đến trang 155)... Vị ấy biết không có đời sống như vậy nữa.

Tỷ-kheo ấy kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của muỗi, ruồi, gió, mặt trời và các loài bò sát, các ác ngữ, các lời nói chửi mắng, vị ấy sống quen kham nhẫn với những cảm thọ về thân, thống khổ, đau nhói, đau đớn, kịch liệt, bất khoái, không thích ý, đau đớn đến chết, được gột sạch về uế nhiễm tham, sân, si. Vị ấy xứng đáng được cúng dường, cung kính, tôn trọng, chấp tay, là vô thượng phước điền trên đời.

- Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi già chết đi, không được điều phục, không được huấn luyện, thì con vương tượng tuổi già

được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục.

- Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi bậc trung; nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi trẻ chết đi, không được điều phục, không được huấn luyện, thời con vương tượng tuổi trẻ được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục.
- Cũng vậy, này Aggivessana, nếu vị Trưởng lão Tỷ-kheo chết với lậu hoặc chưa đoạn tận, thời Trưởng lão Tỷ-kheo được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục.
- Nếu, này Aggivessana, một Tỷ-kheo trung niên, nếu, này Aggivessana, một Tỷ-kheo thiếu niên chết với lậu hoặc chưa đoạn tận, thời Tỷ-kheo thiếu niên được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục.
- Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi già khéo điều phục, khéo huấn luyện chết đi, thời con vương tượng tuổi già được gọi là đã chết với cái chết được điều phục.
- Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng

tuổi bậc trung, nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi trẻ khéo điều phục, khéo huấn luyện chết đi, thời con vương tượng tuổi trẻ được gọi là đã chết với cái chết đã được điều phục.

→ Cũng vậy, này Aggivessana, nếu một Trưởng lão Tỷ-kheo với lậu hoặc đã đoạn tận chết đi, thời Trưởng lão Tỷ-kheo được gọi là đã chết, với cái chết được điều phục.

→ Nếu, này Aggivessana, một trung niên Tỷ-kheo; nếu, này Aggivessana, một thiếu niên Tỷ-kheo, với lậu hoặc đã đoạn tận chết đi, thời vị thiếu niên Tỷ-kheo được gọi là đã chết, với cái chết đã được điều phục.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sa-di Aciravata hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

152 Thức ăn - Ai ăn thức thực - Kinh Moliya Phagguna – Tương II, 30

Moliya Phagguna – *Tương II, 30*

1)...Trú Tại Sàvatthi.

2) Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại đồ ăn này khiến cho các loại sanh vật hay các loại chúng sanh được tồn tại hay khiến cho các loại sắp sanh thành được thọ sanh.

Thế nào là bốn?

- Một là **đoàn thực** hoặc thô hoặc tế,
- Hai là **xúc** thực,
- Ba là **tư niệm** thực,
- Bốn là **thức** thực.

Nay các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này khiến cho các loại sanh vật hay khiến cho các loại chúng sanh được tồn tại hay khiến cho các loại sắp sanh thành được thọ sanh.

3) Khi được nói vậy, **Tôn giả Moliya-Phagguna bạch Thế Tôn:**

- *Bạch Thế Tôn, ai ăn thức thực?*

Thế Tôn đáp:

- Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có ai ăn". Nếu Ta nói: "Có kẻ ăn", thời câu hỏi: "Có ai ăn" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy, nếu có ai hỏi Ta: "**Bạch Thế Tôn, thức thực là cho ai?**", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây, câu trả lời thích hợp là như sau: "**Thức thực là duyên cho sự sanh thành, cho sự tái sanh trong tương lai. Khi cái ấy hiện hữu, có mặt thời sáu xứ có mặt. Do duyên sáu xứ, xúc có mặt**".

4) *Bạch Thế Tôn, ai cảm xúc?*

Thế Tôn đáp:

- Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có kẻ cảm xúc". Nếu Ta nói: "Có kẻ cảm xúc", thời câu hỏi: "Ai cảm xúc" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy, nếu có ai hỏi Ta: "**Bạch Thế Tôn, do duyên gì, xúc sanh khởi?**", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây câu trả lời thích hợp là như sau: "**Do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi. Do duyên xúc, thọ sanh khởi**".

5) *Bạch Thế Tôn, ai cảm thọ?*

Thế Tôn đáp:

- Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có người cảm thọ". Nếu ta có nói: "Có người cảm thọ", thời câu hỏi: "Ai cảm thọ?" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy, nếu có ai hỏi Ta: "**Bạch Thế Tôn, do duyên gì, thọ sanh khởi?**", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây câu trả lời thích hợp là như sau: "**Do duyên xúc, thọ sanh khởi. Do duyên thọ, ái sanh khởi**".

6) *Bạch Thế Tôn, ai khát ái?*

Thế Tôn đáp:

- Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có kẻ khát ái". Nếu Ta nói: "Có kẻ khát ái", thời câu hỏi: "Ai khát ái" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy, nếu có ai hỏi Ta: "**Bạch Thế Tôn, do duyên gì, ái sanh khởi**", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây, câu trả lời thích hợp là như sau: "**Do duyên thọ, ái sanh khởi. Do duyên ái, thủ sanh khởi**".

7) *Bạch Thế Tôn, ai chấp thủ?*

Thế Tôn đáp:

- Câu hỏi ấy không thích hợp. Ta không nói: "Có kẻ chấp thủ". Nếu Ta nói: "Có kẻ chấp thủ", thời câu

hỏi: "Ai chấp thủ" là câu hỏi thích hợp. Nhưng Ta không nói như vậy. Và vì Ta không nói như vậy, nếu có ai hỏi Ta: "Bạch Thế Tôn, do duyên gì, thủ sanh khởi", thời câu hỏi ấy thích hợp. Ở đây, câu trả lời thích hợp là như sau: "***Do duyên ái, thủ sanh khởi. Do duyên thủ, hữu sanh khởi***". Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

8) Nhưng này Phagguna, do ly tham, đoạn diệt một cách hoàn toàn **sáu xúc xú nên xúc diệt**. Do xúc diệt, nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

153 Thức ăn - Cần được quán thể nào - Kinh Thệt Đứa Con – Tương II, 175

Thiệt Đứa Con – *Tương II*, 175

1)...Ở Sàvatthi.

2)...*Này các Tỷ-kheo, có bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay chúng sanh.*

3) Thế nào là bốn?

- **Đoàn thực** hoặc thô, hoặc tế;
- Thứ hai là **xúc**;
- Thứ ba là **tư niệm**;
- Thứ tư là **thức**.

Này các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay các loài chúng sanh.

4) Và này các Tỷ-kheo, đoàn thực cần phải nhận xét như thế nào?

5) Ví như, này các Tỷ-kheo, **hai vợ chồng đem theo một ít lương thực đi qua một quãng đường hoang dã, với một đứa con khả ái, thương mến.**

6) Rồi này các Tỷ-kheo, trong khi hai vợ chồng ấy đang đi trên con đường hoang vu, số lương thực ít ỏi ấy đi đến hao mòn, khánh tận. Và một vùng hoang vu còn lại chưa được họ vượt qua.

7) Rồi này các Tỷ-kheo, hai vợ chồng người ấy suy nghĩ: "Đồ lương thực ít ỏi của chúng ta đã bị hao mòn, khánh tận; còn lại vùng hoang vu này chưa được vượt qua; vậy chúng ta hãy giết đứa con một, khả ái, dễ thương này, làm thành thịt khô và thịt ướp, ăn thịt đứa con và vượt qua vùng hoang vu còn lại này, chớ để tất cả ba chúng đều bị chết hại".

8) Rồi hai vợ chồng ấy giết đứa con một, khả ái, dễ thương ấy, làm thịt khô và thịt ướp, ăn thịt người con và vượt qua vùng hoang vu còn lại ấy. Họ vừa ăn thịt con, vừa đập ngực (than khóc): "Đứa con một ở đâu? Đứa con một ở đâu?"

9) *Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Họ ăn món ăn có phải để vui chơi? Hay họ ăn món ăn để tham đắm? Hay họ ăn món ăn để trang sức? Hay họ ăn món ăn để béo tốt?*

- Thừa không phải vậy, bạch Thế Tôn.

10) - *Có phải họ ăn các món ăn chỉ với mục đích vượt qua vùng hoang vu?*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

11) - Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói **Đoàn thực cần phải nhận xét như vậy.**

→ Này các Tỷ-kheo, *khi đoàn thực được hiểu biết, thời lòng tham đối với năm dục trưởng dưỡng được hiểu biết.*

→ *Khi lòng tham đối với năm dục trưởng dưỡng được hiểu biết, thời không còn kiết sử, do kiết sử này, một vị Thánh đệ tử bị trói buộc để phải sanh lại đời này.*

12) Và này các Tỷ-kheo, xúc thực cần phải nhận xét như thế nào?

13) Này các Tỷ-kheo, **ví như một con bò cái bị lỡ da**, nếu nó đứng dựa vào tường, thời các sanh vật sống ở tường cắn nó. Nếu nó đứng dựa vào cây, thời các sanh vật sống ở cây cắn nó. Nếu nó đứng ở trong nước, thời các sanh vật sống ở trong nước cắn nó. Nếu nó đứng giữa hư không, thời các sanh vật giữa hư không cắn nó. Này các Tỷ-kheo, con bò cái ấy đứng dựa vào chỗ nào, thời các sanh vật trong các chỗ ấy cắn nó.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói **Xúc thực cần phải được nhận xét.**

14) Nay các Tỷ-kheo, *khi xúc thực được hiểu biết, thời ba cảm thọ được hiểu biết. Khi ba cảm thọ được hiểu biết, thời Ta nói rằng vị Thánh đệ tử không có gì cần phải làm thêm nữa.*

15) Và nay các Tỷ-kheo, *tư niệm thực cần phải nhận xét như thế nào?*

16) Nay các Tỷ-kheo, **ví như một hồ than hừng**, sâu hơn một thân người, chứa đầy than cháy đỏ rực, hừng cháy không có khói. Rồi một người đi đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, chán ghét khổ. Rồi hai người lục sĩ đi đến, nắm chặt hai cánh tay người ấy, kéo người ấy đến hồ than hừng ấy. Nay các Tỷ-kheo, người ấy quyết chí muốn lánh xa, tình cần muốn lánh xa, phát nguyện muốn lánh xa (hồ than hừng ấy).

17) Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, người ấy chỉ nghĩ như sau: "Nếu ta rơi vào hồ than hừng này, do nhân duyên ấy, ta đi đến chết, hay đi đến khổ gần như chết".

Như vậy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng **Tư niệm thực cần phải nhận xét**.

18) Nay các Tỷ-kheo, *khi tư niệm thực được hiểu biết, thời ba ái được hiểu biết. Khi ba ái được hiểu*

biết, Ta nói rằng vị Thánh đệ tử không có gì cần phải làm thêm nữa.

19) Và này các Tỷ-kheo, thức thực cần phải nhận xét như thế nào?

20) Ví như, này các Tỷ-kheo, **người ta bắt một người ăn trộm**, một người phạm tội, dẫn đến vua và thưa: "Thưa Đại vương, người này là người ăn trộm, một người phạm tội. Hãy trừng phạt người ấy nếu như Ngài muốn". Vị vua nói như sau về người ấy: "Các Ông hãy đi và đánh người này với một trăm hèo vào buổi sáng". Và họ đánh người ấy với một trăm hèo vào buổi sáng.

21) Rồi vị vua vào buổi trưa nói: "Này các Ông, người ấy như thế nào?" - "Thưa Đại vương, người ấy vẫn còn sống". Rồi vua nói về người ấy: "Này các Ông, các Ông hãy đi và đánh người này một trăm hèo vào buổi trưa". Và họ đánh người ấy một trăm hèo vào buổi trưa.

22) Rồi vị vua vào buổi chiều nói: "Này các Ông, người ấy như thế nào?" - "Thưa Đại vương, người ấy vẫn còn sống". Rồi vua nói về người ấy: "Này các Ông, các Ông hãy đi và đánh người này một trăm hèo vào buổi chiều".

23) *Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy trong ngày bị đánh đến ba trăm hèo, do nhân duyên ấy có cảm thọ khổ ưu không?*

- Bạch Thế Tôn, chỉ bị đánh một hèo, do nhân duyên ấy có cảm thọ khổ ưu, còn nói gì bị đánh đến ba trăm hèo!

24) *Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói **Thức thực cần phải nhận xét.***

25) *Này các Tỷ-kheo, khi thức thực được hiểu rõ, thời danh sắc được hiểu rõ. Khi danh sắc được hiểu rõ, thời Ta nói rằng vị Thánh đệ tử không làm gì thêm nữa.*

154 Thức ăn - Do ái sanh - Kinh Các Loại Đồ Ăn – Tương II, 27

Các Loại Đồ Ăn – *Tương II, 27*

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ) tại Jetavana (Thắng Lâm) trong vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc)

2) Đây các Tỷ-kheo, có **bốn loại đồ ăn** này khiến cho các loại sanh vật hay các loại chúng sanh được tồn tại hay khiến cho các loại sắp sanh thành được thọ sanh.

Thế nào là bốn?

- Một là **đoàn thực** hoặc thô hoặc tế,
- Hai là **xúc thực**,
- Ba là **tư niệm thực**,
- Bốn là **thức thực**.

Này các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này khiến cho các loại sanh vật hay khiến cho các loại chúng sanh được tồn tại hay khiến cho các loại sắp sanh thành được thọ sanh.

3) *Và này các Tỷ-kheo, **bốn loại đồ ăn** này do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu?*

- Bốn loại đồ ăn này do **ái** làm nhân, do ái tập khởi, do ái tác sanh, do ái làm hiện hữu.

4) *Ái này, này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu?*

- Ái do **thọ** làm nhân, do thọ tập khởi, do thọ tác sanh, do thọ làm cho hiện hữu.

5) *Thọ này, này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu?*

- Thọ do **xúc** làm nhân, do xúc tập khởi, do xúc tác sanh, do xúc làm cho hiện hữu.

6) *Xúc này, này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu?*

- Xúc do **sáu xứ** làm nhân, do sáu xứ tập khởi, do sáu xứ tác sanh, do sáu xứ làm cho hiện hữu.

7) Sáu xứ này, này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu?

- Sáu xứ do **danh sắc** làm nhân, do danh sắc tập khởi, do danh sắc tác sanh, do danh sắc làm cho hiện hữu.

8) Danh sắc này, này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu?

- Danh sắc do **thức** làm nhân, do thức tập khởi, do thức tác sanh, do thức làm cho hiện hữu.

9) Thức này, này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu?

- Thức do **hành** làm nhân, do hành tập khởi, do hành tác sanh, do hành làm cho hiện hữu.

10) Những hành này, này các Tỷ-kheo, do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì làm cho hiện hữu?

- Các hành này do **vô minh** làm nhân, do vô minh tập khởi, do vô minh tác sanh, do vô minh làm cho hiện hữu.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, **vô minh duyên hành**, hành duyên thức...(như trên)...như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

12) Nhưng **do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, các hành diệt**. Do các hành diệt nên thức diệt...(như trên)...như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

155 Thức ăn - Khi mặt trời mọc, ánh sáng ngang qua cửa sổ chiếu vào chỗ nào - Kinh Có Tham – Tương II, 180

Có Tham – Tương II, 180

1)...Trú ở Sàvatthi.

2) *Này các Tỷ-kheo, có bốn loại đồ ăn đưa đến sự tồn tại hay sự chấp thủ tái sinh của các loài hữu tình hay các loài chúng sanh.*

3) Thế nào là bốn?

- **Đoàn thực** thô hoặc tế,
- **Xúc thực** là thứ hai,
- **Tư niệm** là thứ ba,
- **Thức** là thứ tư.

Này các Tỷ-kheo, bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại hay sự chấp thủ tái sinh cho các loài hữu tình hay các loài chúng sanh.

4) Này các Tỷ-kheo,

- Nếu đối với đoàn thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức được an trú, tăng trưởng.

- Chỗ nào thức được an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có danh sắc sanh.
- Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng.
- Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy hữu được tái sanh trong tương lai.
- Chỗ nào hữu được tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai.
- Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ, có não.

5) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với xúc thức... (như trên)...

6) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với tư niệm thức...

7) Nay các Tỷ-kheo,

- Nếu đối với thức thức, **có tham, có hỷ, có ái**, thời có thức được an trú, tăng trưởng.
- Chỗ nào có thức được an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có danh sắc sanh.
- Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng.
- Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy hữu được tái sanh trong tương lai.

- Chỗ nào hữu được tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai.
- Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ, có não.

8) Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ nhuộm hay một người thợ vẽ. Nếu có thuốc nhuộm hay sơn màu nghệ, màu xanh, hay màu đỏ, có một tấm bảng khéo đánh bóng, một bức tường hay tấm vải, có thể phác họa hình người đàn bà hay người đàn ông có đầy đủ chân tay.

9) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu đối với đoàn thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào có thức an trú, tăng trưởng chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ, có não.

10) Này các Tỷ-kheo, nếu đối với xúc thực...

11) Này các Tỷ-kheo, nếu đối với niệm thực...

12) Này các Tỷ-kheo, nếu đối với thức thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào

có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già, chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ, có não.

13) Nay các Tỷ-kheo,

- Nếu đối với **đoàn thực không có tham, không có hỷ, không có ái, thời không có thức an trú, tăng trưởng.**
- Chỗ nào không có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy không có danh sắc sanh.
- Chỗ nào không có danh sắc sanh, chỗ ấy không có các hành tăng trưởng.
- Chỗ nào không có các hành tăng trưởng, chỗ ấy không có hữu tái sanh trong tương lai.
- Chỗ nào không có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già, chết trong tương lai.
- Chỗ nào không có sanh, già, chết trong tương lai, Ta nói rằng chỗ ấy không có sầu, không có khổ, không có não.

14) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với xúc thực...

15) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với tư niệm thực ...

16) Nay các Tỷ-kheo, nếu đối với thức thực, không có tham, không có hỷ, không có ái, thời không có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào không có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy không có danh sắc sanh. Chỗ nào không có danh sắc sanh, chỗ ấy không có các hành tăng trưởng. Chỗ nào không có các hành tăng trưởng, chỗ ấy không có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào không có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào không có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói rằng chỗ ấy không có sâu, không có khổ, không có não.

17) *Ví như, nay các Tỷ-kheo, một ngôi nhà có mái hay một dãy hành lang có mái, có cửa sổ phía Bắc, phía Nam, hay phía Đông. Khi mặt trời mọc lên, ánh sáng ngang qua cửa sổ chiếu vào, thời chiếu vào chỗ nào?*

- Bạch Thế Tôn, chiếu vào tường phía Tây.

18) - Nay các Tỷ-kheo, nếu không có tường phía Tây, thời chiếu vào chỗ nào?

- Bạch Thế Tôn, chiếu trên đất.

19) - Nay các Tỷ-kheo, nếu không có đất, thời chiếu vào chỗ nào?

- Bạch Thế Tôn, **chiếu trên nước.**

20) - **Này các Tỷ-kheo, nếu không có nước, thời chiếu vào chỗ nào?**

- Bạch Thế Tôn, **không có chiếu ở đâu cả.**

21) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu đối với đoàn thực không có tham, không có hỷ, không có ái. ..

22) Này các Tỷ-kheo, nếu đối với xúc thực...

23) Này các Tỷ-kheo, nếu đối với tư niệm thực...

24) Này các Tỷ-kheo,

- Nếu đối với **thức thực, không có tham, không có hỷ, không có ái, thời không có thức an trú.**
- Chỗ nào không có thức an trú, chỗ ấy không có danh sắc sanh.
- Chỗ nào không có danh sắc sanh, chỗ ấy không có các hành tăng trưởng.
- Chỗ nào không có các hành tăng trưởng, chỗ ấy không có hữu tái sanh trong tương lai.
- Chỗ nào không có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già chết trong tương lai.

- Chỗ nào không có sanh, già chết trong tương lai, **Ta nói rằng chỗ ấy không có sầu, không có khổ, không có não.**

156 Thức ăn - Kinh CHÁNH TRI KIẾN – 9 Trung I, 111

KINH CHÁNH TRI KIẾN (Sammaditthisuttam) – Bài kinh số 9 – Trung I, 111

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Sariputta (Xá-lợi-phất) gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". - "Hiền giả", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sariputta. Tôn giả Sariputta nói như sau:

– Chư Hiền, chánh tri kiến, chánh tri kiến, được gọi là như vậy. *Chư Hiền, cho đến như thế nào, một Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?*

– Chúng tôi từ xa đến để được hiểu ý nghĩa lời nói ấy từ Tôn giả Sariputta. Thật lành thay, nếu Tôn giả Sariputta giảng cho ý nghĩa lời nói ấy. Sau khi nghe Tôn giả Sariputta, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Chư Hiền, vậy hãy nghe, hãy khéo tác ý. Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, Hiền giả! - Các Tỷ-kheo vâng đáp Tôn giả Sariputta.

Tôn giả Sariputta nói như sau:

– Chư Hiền, khi Thánh đệ tử **tuệ tri được bất thiện và tuệ tri được căn bản bất thiện, tuệ tri được thiện và tuệ tri được căn bản thiện**, chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

*Chư Hiền, thế nào là **bất thiện**, thế nào là **căn bản bất thiện**, thế nào là **thiện**, thế nào là **căn bản thiện**?*

1. Chư Hiền, sát sanh là bất thiện,
2. Lấy của không cho là bất thiện,
3. Tà hạnh trong các dục là bất thiện,
4. Nói láo là bất thiện,
5. Nói hai lưỡi là bất thiện,
6. Ác khẩu là bất thiện,
7. Nói phù phiếm là bất thiện,
8. Tham dục là bất thiện,
9. Sân là bất thiện,

10. Tà kiến là bất thiện.

Chư Hiền, như vậy gọi là bất thiện.

*Và chư Hiền, thế nào là **căn bốn bất thiện**?*

- **Tham** là căn bốn bất thiện,
- **Sân** là căn bốn bất thiện,
- **Si** là căn bốn bất thiện.

Chư Hiền, như vậy gọi là căn bốn bất thiện.

*Và này chư Hiền, thế nào là **thiện**?*

1. Từ bỏ sát sanh là thiện
2. Từ bỏ lấy của không cho là thiện
3. Từ bỏ tà hạnh trong các dục là thiện
4. Từ bỏ nói láo là thiện,
5. Từ bỏ nói hai lưỡi là thiện,
6. Từ bỏ ác khẩu là thiện,
7. Từ bỏ nói phù phiếm là thiện,
8. Không tham dục là thiện,
9. Không sân là thiện,
10. Chánh tri kiến là thiện.

Chư Hiền, như vậy gọi là thiện.

*Chư Hiền, thế nào là **căn bốn thiện**?*

1. **Không tham** là căn bản thiện
2. **Không sân** là căn bản thiện
3. **Không si** là căn bản thiện.

Chư Hiền, như vậy gọi là căn bản thiện.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri bất thiện như vậy, tuệ tri căn bản bất thiện như vậy, tuệ tri thiện như vậy, tuệ tri căn bản thiện như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "Tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả!

Các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời nói Tôn giả Sariputta và hỏi thêm Tôn giả Sariputta câu hỏi như sau:

– Nay Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh

đệ tử tuệ tri thức ăn, tuệ tri tập khởi của thức ăn, tuệ tri đoạn diệt của thức ăn, và tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn, chư Hiền khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là thức ăn, thế nào là tập khởi của thức ăn, thế nào là đoạn diệt của thức ăn, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn?

- Chư Hiền, có bốn loại thức ăn này, khiến các loài chúng sanh đã sanh được an trú hay các loài hữu tình sẽ sanh được hỗ trợ cho sanh. Thế nào là bốn? Đoàn thực, loại thô hay loại tế, xúc thực là thứ hai, tư niệm thực là thứ ba, thức thực là thứ tư.
- Từ tập khởi của ái có tập khởi của thức ăn,
- Từ đoạn diệt của ái có đoạn diệt của thức ăn.
- **Thánh Đạo Tám Ngành** này là con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn, tức là: Chánh Tri kiến, Chánh Tư duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thức ăn như vậy, tuệ tri tập khởi của thức ăn như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thức ăn như vậy, tuệ tri con đường đưa

đến đoạn diệt của thức ăn như vậy, *khí ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "Tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.*

– Lành thay, Hiền giả!

Các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời nói Tôn giả Sariputta liền hỏi thêm Tôn giả Sariputta câu hỏi như sau:

– Này Hiền giả, có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?

– *Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **Khổ**, tuệ tri **Tập khởi của khổ**, tuệ tri **Đoạn diệt của khổ**, tuệ tri **con Đường đưa đến đoạn diệt của khổ**, chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.*

Chư Hiền, thế nào là Khổ, thế nào là Tập khởi của khổ, thế nào là Đoạn diệt của khổ, thế nào là con

Đường đưa đến đoạn diệt của khổ?

- Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi khổ ưu não là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại năm thủ uẩn là khổ. Chư Hiền, như vậy gọi là Khổ.
- *Chư Hiền, thế nào là Tập khởi của khổ?* Chính là **ái** đưa đến tái sanh, cùng khởi hỷ dục và tham hướng đến tái sanh, cùng khởi hỷ dục và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia, tức là dục ái, phi hữu ái. Chư Hiền, như vậy gọi là Tập khởi của khổ.
- *Chư Hiền, thế nào là Đoạn diệt của khổ?* Đó là sự đoạn diệt ly tham, không có dư tàn, sự quảng bỏ, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự vô chấp khát **ái** ấy.
- *Chư Hiền, thế nào là con Đường đưa đến đoạn diệt của khổ?* Chính là Thánh Đạo Tám Ngành đưa đến khổ diệt, tức là Chánh tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri Khổ như vậy, tuệ tri Tập khởi của khổ như vậy, tuệ tri Đoạn diệt của khổ như vậy, tuệ tri con Đường đưa đến đoạn diệt của khổ như vậy, khi ấy vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên,... (như trên)... và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử... (như trên)... thành tựu diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **già chết**, tuệ tri tập khởi của già chết, tuệ tri đoạn diệt của già chết, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của già chết, chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến,... (như trên)... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là già chết, thế nào là tập khởi của già chết, thế nào là đoạn diệt của già chết, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của già chết?

– Thuộc bất kỳ hữu tính giới nào, trong từng mỗi loại hữu tình, sự già cả, suy lão, rụng răng, tóc bạc da nhăn, tuổi thọ ngày một hao mòn, bại hoại các căn; chư Hiền, như vậy gọi là **già**.

Chư Hiền thế nào là chết? - Thuộc bất kỳ hữu tình giới nào trong từng mỗi loại hữu tình, sự mệnh một, từ trần, hủy hoại, hoại diệt, tử biệt, mệnh chung, hủy hoại các uẩn, vất bỏ hình hài; chư Hiền, như vậy gọi là **chết**. Già như vậy và chết như vậy, chư Hiền, như vậy gọi là già chết.

- Từ sự tập khởi của sanh, có sự tập khởi của già chết,
- Từ sự đoạn diệt của sanh, có sự đoạn diệt của già chết.
- Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của già chết, tức là: Chánh Tri kiến... (như trên)... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri già chết như vậy, tuệ tri tập khởi của già chết như vậy, tuệ tri đoạn diệt của già chết như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của già chết như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên... (như trên)..., và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Nay Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác...?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **sanh**, tuệ tri tập khởi của sanh, tuệ tri đoạn diệt của sanh, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của sanh, chư Hiền, khi ấy vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến... (như trên)... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là sanh, thế nào là tập khởi của sanh, thế nào là đoạn diệt của sanh, thế nào là

con đường đưa đến đoạn diệt của sanh?

- Thuộc bất kỳ hữu tình giới nào, trong từng mỗi loại hữu tình, sự sanh, hiện khởi, xuất hiện, hiện diện, hiện hành các uẩn, tụ đặc các xứ; Chư Hiền, như vậy gọi là sanh.
- Từ sự tập khởi của **hữu** có sự tập khởi của sanh,
- Từ sự đoạn diệt của **hữu**, có sự đoạn diệt của sanh,
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của sanh, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri được sanh như vậy, tuệ tri được tập khởi của sanh như vậy, tuệ tri được đoạn diệt của sanh như vậy, tuệ tri được con đường đưa đến đoạn diệt của sanh như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên... (như trên)... như vậy... (như trên)... và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Nay Hiền giả, có pháp môn nào khác...?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **hữu**, tuệ tri tập khởi của hữu, tuệ tri đoạn diệt của hữu, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hữu, chư Hiền, khi ấy vị Thánh đệ tử có chánh tri

kiến... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là hữu, thế nào là tập khởi của hữu, thế nào là đoạn diệt của hữu, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của hữu? –

- Chư Hiền, có ba hữu này: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.
- Từ tập khởi của **thủ**, có tập khởi của hữu;
- Từ đoạn diệt của thủ có đoạn diệt của hữu
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của hữu, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri hữu như vậy, tuệ tri tập khởi của hữu như vậy, tuệ tri đoạn diệt của hữu như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hữu như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Nay Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác...?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri tập khởi của **thủ**, tuệ tri đoạn diệt của thủ, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thủ, khi ấy Thánh đệ tử có Chánh Tri kiến... và thành tựu diệu

pháp này.

Chư Hiền, thế nào là thủ, thế nào là tập khởi của thủ, thế nào là đoạn diệt của thủ, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thủ?

- Chư Hiền, có bốn thủ này: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ.
- Từ tập khởi của ái, có tập khởi của thủ;
- Từ đoạn diệt của ái, có đoạn diệt của thủ;
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của thủ, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thủ như vậy, tuệ tri tập khởi của thủ như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thủ như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thủ như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Nay Hiền giả, có pháp môn nào khác...?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền khi nào Thánh đệ tử tuệ tri ái, tuệ tri tập khởi của ái, tuệ tri đoạn diệt của ái, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của ái, khi ấy Thánh đệ tử có Chánh Tri kiến... và thành tựu

diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là ái, thế nào là tập khởi của ái, thế nào là đoạn diệt của ái, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của ái?

- Chư Hiền, có sáu loại ái này: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.
- Từ tập khởi của **tho**, có tập của ái,
- Từ đoạn diệt của thọ, có đoạn diệt của ái,
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của ái, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri ái như vậy, tuệ tri tập khởi của ái như vậy, tuệ tri đoạn diệt của ái như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của ái như vậy, khi ấy, vị ấy, đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu pháp.

– Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác...?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **tho**, tuệ tri tập khởi của thọ, tuệ tri đoạn diệt của thọ, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thọ, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến và thành

tự diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là thọ, thế nào là tập khởi của thọ, thế nào là đoạn diệt của thọ, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thọ?

- Chư Hiền, có sáu loại thọ này: thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh.
- Từ tập khởi của xúc, có tập khởi của thọ;
- Từ đoạn diệt của xúc, có đoạn diệt của thọ;
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của thọ, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thọ như vậy, tuệ tri tập khởi của thọ như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thọ như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thọ như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Nay Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác...?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri xúc, tuệ tri tập khởi của xúc, tuệ tri đoạn diệt của xúc, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của

xúc, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là xúc, thế nào là tập khởi của xúc, thế nào là đoạn diệt của xúc, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của xúc?

- Chư Hiền, có sáu loại xúc này: nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc.
- Từ tập khởi của sáu nhập, có tập khởi từ xúc;
- Từ đoạn diệt của sáu nhập, có đoạn diệt của xúc,
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của xúc, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri xúc như vậy, tuệ tri tập khởi của xúc như vậy, tuệ tri đoạn diệt của xúc như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của xúc như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả...câu hỏi như sau: Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác...?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri sáu nhập, tuệ tri tập khởi của sáu nhập,

tuệ tri đoạn diệt của sáu nhập, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là sáu nhập, thế nào là tập khởi của sáu nhập, thế nào là đoạn diệt của sáu nhập, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập?

- Chư Hiền, có sáu nhập này: nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập.
- Từ tập khởi của danh sắc có tập khởi của sáu nhập;
- Từ đoạn diệt của danh sắc có đoạn diệt của sáu nhập;
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, chỉ khi nào vị Thánh đệ tử tuệ tri sáu nhập như vậy, tuệ tri tập khởi của sáu nhập như vậy, tuệ tri đoạn diệt của sáu nhập như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của sáu nhập như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu hạnh pháp này.

- Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Nay Hiền

giả, có thể có pháp môn nào khác...?

Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **danh sắc**, tuệ tri tập khởi của danh sắc, tuệ tri đoạn diệt của danh sắc, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là danh sắc, thế nào là tập khởi của danh sắc, thế nào là đoạn diệt của danh sắc, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc?

- Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý, chư Hiền, như vậy gọi là danh; bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành, chư Hiền, như vậy gọi là sắc; như vậy đây là danh và đây là sắc, Chư Hiền, như vậy gọi là danh sắc.
- Từ tập khởi của **thức**, có tập khởi của danh sắc;
- Từ đoạn diệt của thức, có đoạn diệt của danh sắc;
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri danh sắc như vậy, tuệ tri tập khởi của danh sắc như vậy, tuệ

tri đoạn diệt của danh sắc như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của danh sắc như vậy, khi ấy, vị ấy, đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác...?

Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **thức**, tuệ tri tập khởi của thức, tuệ tri đoạn diệt của thức, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là thức, thế nào là tập khởi của thức, thế nào là đoạn diệt của thức, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của thức?

- Chư Hiền, **có sáu loại thức này: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.**
- Từ tập khởi của **hành**, có tập khởi của thức;
- Từ đoạn diệt của hành có đoạn diệt của thức;
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của thức, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thức như

vậy, tuệ tri tập khởi của thức như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thức như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác...?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **hành**, tuệ tri tập khởi của hành, tuệ tri đoạn diệt của hành, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hành, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là hành, thế nào là tập khởi của hành, thế nào là đoạn diệt của hành, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của hành?

- Chư Hiền, có ba loại hành này: thân hành, ngữ hành, tâm hành.
- Từ tập khởi của **vô minh**, có tập khởi của hành;
- Từ đoạn diệt của vô minh, có đoạn diệt của hành;
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của hành, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri hành như vậy, tuệ tri tập khởi của hành như vậy, tuệ tri đoạn diệt của hành như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của hành như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu pháp này.

– Lành thay, Hiền giả... (như trên)... Này Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác...?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri **vô minh**, tuệ tri tập khởi của vô minh, tuệ tri đoạn diệt của vô minh, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của vô minh, khi ấy, Thánh đệ tử có chánh tri kiến... (như trên)... và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là vô minh, thế nào là tập khởi của vô minh, thế nào là đoạn diệt của vô minh, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của vô minh?

- Sự không tuệ tri về khổ, không tuệ tri về khổ tập, không tuệ tri về khổ diệt, không tuệ tri về con đường đưa đến khổ diệt, Chư Hiền, như vậy gọi là vô minh.
- Từ tập khởi của **lậu hoặc**, có tập khởi của vô minh;

- Từ đoạn diệt của lậu hoặc, có đoạn diệt của vô minh;
- Và Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt của vô minh, tức là: Chánh Tri kiến... Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri vô minh như vậy, tuệ tri tập khởi của vô minh như vậy, tuệ tri đoạn diệt của vô minh như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của vô minh như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên... và thành tựu diệu pháp này.

- Lành thay, Hiền giả!

Các vị Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ, tín thọ lời nói Tôn giả Sariputta, liền hỏi thêm Tôn giả Sariputta câu hỏi như sau:

– Nay Hiền giả, có thể có pháp môn nào khác, nhờ pháp môn này Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này?

– Chư Hiền, có thể có. Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử **tuệ tri lậu hoặc**, tuệ tri tập khởi của lậu hoặc, tuệ tri đoạn diệt của lậu hoặc, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc. Chư Hiền, khi ấy Thánh

đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là lậu hoặc, thế nào là tập khởi của lậu hoặc, thế nào là đoạn diệt của lậu hoặc, thế nào là con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc?

- Chư Hiền, có ba lậu hoặc này: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.
- Từ tập khởi của **vô minh** có tập khởi của lậu hoặc;
- Từ đoạn diệt của vô minh có đoạn diệt của lậu hoặc
- Và **Thánh Đạo Tám Ngành** này là con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc, tức là: Chánh Tri kiến, Chánh Tư duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri lậu hoặc như vậy, tuệ tri tập khởi của lậu hoặc như vậy, tuệ tri đoạn diệt của lậu hoặc như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của lậu hoặc như vậy, *khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "Tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay*

trong hiện tại. Chư Hiền, **như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.**

Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời giảng của Tôn giả Sariputta.

157 Thức ăn - Thân này do đồ ăn, ái, kiêu mạn, dâm dục tác thành - Kinh TỶ KHEO NI – Tăng II, 90

TỶ KHEO NI – Tăng II, 90

1. Một thời, Tôn giả Ànanda trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita. Rồi một Tỷ-kheo ni gọi một người và nói:

"- Hãy đến đây, thưa Ông. Hãy đi đến Tôn giả Ànanda, và nhân danh tôi, với đầu đánh lễ Tôn giả Ànanda và nói: "Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo-ni tên là ... bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Tỷ-kheo-ni với đầu đánh lễ Tôn giả Ànanda và nói như sau: "Thưa Tôn giả, lành thay, nếu Tôn giả đi đến trú xứ của Tỷ-kheo-ni, đi đến Tỷ-kheo-ni ấy vì lòng từ mẫn".

"- Thưa vâng, nữ Tôn giả". Người ấy vâng đáp Tỷ-kheo-ni ấy, đi đến Tôn giả Ànanda; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ànanda, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy nói với Tôn giả Ànanda:

- Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo-ni tên này bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, với đầu đánh lễ chân Tôn giả Ànanda, và nói như sau: "Thưa Tôn giả, lành thay, nếu Tôn

giả đi đến trú xứ của Tỷ-kheo-ni, đi đến Tỷ-kheo-ni ấy vì lòng từ mẫn".

Tôn giả Ānanda im lặng nhận lời.

2. Rồi Tôn giả Ānanda, đáp y, cầm y bát, đi đến trú xứ Tỷ-kheo-ni. Tỷ-kheo-ni ấy thấy Tôn giả Ānanda từ xa đi đến, sau khi thấy, liền trùm đầu và nằm trên giường. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Tỷ-kheo-ni ấy, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Tôn giả Ānanda nói với Tỷ-kheo-ni ấy:

3. –

- Nay chị, thân này do đồ ăn được tác thành, y cứ vào đồ ăn; đồ ăn cần phải đoạn tận.
- Nay chị, thân này do ái được tác thành, y cứ vào ái; ái cần phải đoạn tận.
- Nay chị, thân này do kiêu mạn được tác thành, y cứ vào kiêu mạn; kiêu mạn cần phải đoạn tận.
- Nay chị, thân này do dâm dục được tác thành, y cứ vào dâm dục; dâm dục, sự phá đổ cây cầu được Thế Tôn nói đến.

4. *Này chị, thân này do đồ ăn được tác thành, y cứ vào đồ ăn; đồ ăn cần phải đoạn tận. Như vậy, được nói đến, y cứ vào gì được nói đến như vậy?*

- Nay chị, ở đây, Tỷ-kheo như lý quán sát thọ dụng món ăn không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu, và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ cảm thọ cũ và không cho khởi lên cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn". Vị ấy sau một thời gian, dầu cho y cứ vào đồ ăn, vẫn không đắm trước đồ ăn. Nay chị, thân này do đồ ăn được tác thành, y cứ vào đồ ăn; đồ ăn cần phải đoạn tận. Như vậy, được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

5. *Này chị, thân này do ái được tác thành, y cứ vào ái; ái cần phải đoạn tận. Như vậy, được nói đến, y cứ vào gì được nói đến như vậy?*

- Ở đây, nay chị, Tỷ-kheo nghe: "Tỷ-kheo tên này do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát".
- Vị ấy suy nghĩ: "Thật vậy, ta cũng do đoạn tận các lậu hoặc ... ta sẽ chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát". Vị ấy, sau một thời gian, dầu y cứ vào ái, đoạn tận ái. Nay chị, thân này do ái được tác thành, y cứ vào ái; ái

cần phải đoạn tận. Như vậy, được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

6. *Này chị, thân này do kiêu mạn được tác thành, y cứ vào kiêu mạn; kiêu mạn cần phải đoạn tận. Như vậy, được nói đến, y cứ vào gì được nói đến như vậy?*

- Ở đây, này chị, **Tỷ-kheo nghe: "Tỷ-kheo tên này do đoạn diệt các lậu hoặc ... vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát".**
- Vị ấy suy nghĩ: **"Vậy tại sao ta không như vậy?"**. Vị ấy, sau một thời gian, đầu y cứ vào kiêu mạn, đoạn tận kiêu mạn. Này chị, thân này do kiêu mạn được tác thành, y cứ vào kiêu mạn; kiêu mạn cần phải đoạn tận. Như vậy, được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

7. *Này chị, thân này do dâm dục tác thành, dâm dục, sự phá đổ cây cầu được Thế Tôn nói đến.*

8. Rồi Tỷ-kheo-ni ấy, từ giường đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, với đầu đánh lễ chân Tôn giả Ānanda, và thưa với Tôn giả Ānanda:

- Một lỗi con đã vi phạm, thưa Tôn giả, vì ngu đần, vì si mê, vì bất thiện. Thưa Tôn giả, mong Tôn giả Ānanda chấp nhận cho tội lỗi này là một tội lỗi để con ngăn ngừa trong tương lai!

9. - Thật vậy, này chị, thật sự chị đã phạm tội vì ngu đần, vì si mê, vì bất thiện. Chị đã làm như vậy. Này chị, vì Chị thấy phạm tội là phạm tội, và như Pháp phát lộ, nên chúng tôi chấp nhận tội ấy cho chị. Này chị, như vậy Luật của bậc Thánh được tăng trưởng khi thấy được phạm tội là phạm tội, và như pháp phát lộ để ngăn giữ trong tương lai.

158 Thức ăn - Thế nào là một pháp - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG (SANGITI – SUTTANTA) – Bài kinh số 33 – Trường II, 567 (Trích đoạn)

I

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời Thế Tôn du hành giữa dân tộc Mallà cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Ngài đến tại thành của dân chúng Mallà tên là Pàvā và trú tại đây. Thế Tôn trú tại Pàvā trong rừng xoài của thợ rèn Cunda.

2. Lúc bảy giờ, một hội trường tên là Ubbhataka mới được dựng lên giữa dân chúng Mallà, trú ở Pàvā, và hội trường này chưa có vị Sa-môn, Bà-la-môn, hay một người nào khác an trú. Dân chúng Mallà ở Pàvā được nghe: "Thế Tôn du hành giữa dân tộc Mallà, cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Ngài đến tại Pàvā, trú tại đây, trong rừng xoài của

thợ rèn Cunda". Rồi các vị Mallà ở Pàvā đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các vị Mallà ở Pàvā bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ở đây một hội trường tên là Ubbhataka mới được dựng lên giữa dân chúng Mallà ở Pàvā, và hội trường này chưa có vị Sa-môn, Bà-la-môn, hay một người nào khác an trú. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn là người đến dùng hội trường này trước tiên. Nhờ Thế Tôn dùng trước tiên, dân chúng Mallà ở Pàvā sẽ được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Thế Tôn im lặng nhận lời.

3. Rồi các vị Mallà ở Pàvā, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng đến Ngài, từ tạ đi đến hội trường. Sau khi đến, liền dùng đệm trải khắp tất cả, sửa soạn các ghế ngồi, đặt sẵn một ghè nước, treo cây đèn dầu, rồi đến chỗ Thế Tôn ở. Sau khi đến, các vị này đánh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, các vị Mallà ở Pàvā bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, hội trường đã được trải nệm tất cả, các ghế ngồi đã được sửa soạn, ghè nước đã được đặt sẵn, cây đèn dầu đã được treo lên, Thế Tôn hãy làm gì Ngài nghĩ là phải thời.

4. Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát cùng với chúng Tỷ-kheo đến tại hội trường. Khi đến xong Ngài rửa chân và vào hội trường. Thế Tôn ngồi dựa trên cột chính giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo sau khi rửa chân, vào hội trường, ngồi dựa trên bức tường phía Tây, mặt hướng về phía Đông, sau lưng Thế Tôn. Các vị Mallà ở Pàvā cũng rửa chân, đi vào hội trường, và ngồi xuống, dựa vào bức tường phía Đông, mặt hướng phía Tây, trước mặt có Thế Tôn. Rồi Thế Tôn, cho đến đêm thật khuya, thuyết pháp cho dân Mallà ở Pàvā, giảng dạy, giải thích, khích lệ, làm cho húng khởi rồi bảo các vị ấy về:

- Nay Vāsetthā, đêm đã quá khuya. Các Ngươi hãy làm những gì các Ngươi xem là phải thời.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Các vị Mallà ở Pàvā vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và ra đi.

5. Thế Tôn, khi dân Mallà đi chưa bao lâu, nhìn chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, rồi bảo tôn giả Sàriputta:

- Nay Sàriputta, chúng Tỷ-kheo không có hôn trầm thụy miên. Nay Sàriputta, hãy thuyết pháp cho chúng

Tỷ-kheo. Ta cảm thấy đau lưng! Ta muốn nằm nghỉ.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn! - Tôn giả Sàriputta vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, xếp y Sanghàti (Tăng-già-lê) gấp bốn và nằm xuống như cách nằm con sư tử, thân phía hữu, hai chân để trên nhau, chánh niệm tỉnh giác, với tâm nghĩ đến lúc ngồi dậy.

6. Lúc bấy giờ, **Niganthà Nàthaputta vừa mới tạ thế ở Pàvā.** Sau khi vị này tạ thế, các vị Niganthà chia ra làm hai phái, chia rẽ nhau, tranh chấp nhau, tranh luận nhau và sống tàn hại nhau với binh khí bằng miệng: "Người không biết pháp luật này, ta biết pháp luật này. Sao Người có thể biết pháp luật này? Người theo tà hạnh, ta theo chánh hạnh. Lời nói ta tương ưng, lời nói Người không tương ưng. Điều đáng nói trước, Người nói sau; điều đáng nói sau, Người nói trước. Điều Người quan niệm trình bày đã bị đảo lộn. Quan niệm của Người đã bị thách đổ. Người đã bị đánh bại. Hãy đi giải tỏa quan điểm của Người! Hãy tự thoát khỏi bế tắc nếu Người có thể làm được". Hình như các đệ tử của Niganthà Nàthaputta muốn tàn hại lẫn nhau. Chính các đệ tử cư sĩ mặc đồ trắng của Niganthà Nàthaputta cũng chán ngấy, cơ hiềm và phản đối các vị Niganthà, vì pháp luật của họ đã

được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, thấp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

7. Rồi tôn giả Sàriputta bảo các Tỷ-kheo:

- Nay Hiền giả, Niganthà Nàthaputta vừa mới từ trần không bao lâu. Sau khi vị này từ trần, các Nigantha (Ni-kiền-tử) chia làm hai phe... và không có người y chỉ.

Nhưng với chúng ta, này các Hiền giả, pháp này được Thế Tôn khéo giảng dạy, khéo trình bày, một Chánh pháp có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác trình bày. Ở đây, tất cả mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không cãi cọ nhau, để phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu ngày, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

Này các Hiền giả, thế nào là Pháp được Thế Tôn khéo giảng dạy, khéo trình bày, một pháp có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh do vị Chánh Đẳng Giác trình bày. Ở đây, tất cả cần phải cùng nhau tụng đọc không cãi cọ nhau, để phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu ngày, vì hạnh phúc

cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người?

*Này các Hiền giả, có **một pháp** được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận, để phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu ngày, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.*

8. Thế nào là một pháp?

3. Tất cả loài hữu tình do các **món ăn (àhàra)** mà an trú,
4. Tất cả loài hữu tình do các **hành (samkhàra)** mà an trú.

Này các Hiền giả, đó là một pháp được Thế Tôn, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuyết giảng một cách chọn chánh. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận, để phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu ngày, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích,

vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

*9. Nay các Hiền giả, **có hai pháp** được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.*

Thế nào là hai pháp?

34. Danh và sắc.
35. Vô minh và hữu ái.
36. Hữu kiến và vô hữu kiến.
37. Vô tàmm và vô quý.
38. Tàm và quý.
39. Ác ngôn và ác hữu.
40. Thiện ngôn và thiện hữu.
41. Nhập tội thiện xảo và xuất tội thiện xảo.
42. Đẳng chí thiện xảo và xuất khởi đẳng chí thiện xảo.

43. Giới thiện xảo và tác ý thiện xảo.
44. Xứ thiện xảo và duyên khởi thiện xảo.
45. Thiện xảo về xứ và thiện xảo về phi xứ.
46. Chơn trực và tầm quý.
47. Kham nhẫn và nhu hòa.
48. Lời nói nhu thuận và tiếp đón thân tình.
49. Vô hại và từ ái.
50. Thất niệm và bất chánh tri.
51. Chánh niệm và tỉnh giác.
52. Các căn không được chế ngự và ăn uống không tiết độ.
53. Các căn được chế ngự và ăn uống có tiết độ.
54. Tư duy lực và tu tập lực.
55. Niệm lực và định lực.
56. Chỉ và quán.

57. Chỉ tướng và tính cần tướng.
58. Tính cần và không dao động.
59. Giới thành tựu và kiến thành tựu.
60. Giới suy khuyết và kiến suy khuyết.
61. Giới thanh tịnh và kiến thanh tịnh.
62. Kiến thanh tịnh và tính cần theo tri kiến ấy.
63. Dao động đối với các pháp bị dao động và chánh tính cần của người bị dao động ấy.
64. Không tri tức với các thiện pháp và không thối thất trong tính cần.
65. Minh tri và giải thoát.
66. Tận tri và vô sanh trí.

Này các Hiền giả, hai pháp này được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

10. Nay các Hiền giả, có **ba pháp** được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là...

61. Ba bất thiện căn: Tham bất thiện căn, sân bất thiện căn, si bất thiện căn.
62. Ba thiện căn: Vô tham thiện căn, vô sân thiện căn, vô si thiện căn.
63. Ba ác hạnh: Thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh.
64. Ba thiện hạnh: Thân thiện hạnh, khẩu thiện hạnh, ý thiện hạnh.
65. Ba bất thiện tâm: Dục tâm, sân tâm, hại tâm.
66. Ba thiện tâm: Ly dục tâm, vô sân tâm, vô hại tâm.
67. Ba bất thiện tư duy: Dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy.
68. Ba thiện tư duy: Ly dục tư duy, vô sân tư duy, vô hại tư duy.

69. Ba bất thiện tướng: Dục tướng, sân tướng, hại tướng.
70. Ba thiện tướng: Ly dục tướng, vô sân tướng, vô hại tướng.
71. Ba bất thiện **giới**: Dục giới, sân giới, hại giới.
72. Ba thiện giới: Ly dục giới, vô sân giới, vô hại giới.
73. Ba giới khác: Dục giới, sắc giới, vô sắc giới.
74. Ba giới khác: Sắc giới, vô sắc giới, diệt giới.
75. Ba giới khác: Liệt giới, trung giới, thắng giới.
76. **Ba ái**: Dục ái, hữu ái, vô hữu ái.
77. **Ba ái khác**: Dục ái, sắc ái, vô sắc ái.
78. **Ba ái khác**: Sắc ái, vô sắc ái, diệt ái.
79. Ba kiết sử: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ.
80. Ba lậu: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.
81. Ba hữu: Dục hữu, sắc hữu, vô minh hữu.

82. **Ba cầu:** Dục cầu, hữu cầu, phạm hạnh cầu.
83. **Ba mạn:** Thắng mạn, đẳng mạn, ty liệt mạn.
84. Ba thời: Quá khứ thời, vị lai thời, hiện tại thời.
85. Ba biên: Hữu thân biên, hữu thân tập biên, hữu thân diệt biên.
86. Ba thọ: Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ.
87. **Ba khổ tánh:** Khổ khổ, hành khổ, hoại khổ.
88. Ba tụ: Tà định tụ, chánh định tụ, bất định tụ.
89. **Ba nghi:**
- Đối với vấn đề thuộc quá khứ nghi ngờ, do dự, không quyết định, không hài lòng;
 - Đối với các vấn đề thuộc tương lai, nghi ngờ, do dự, không quyết định, không hài lòng;
 - Đối với các vấn đề hiện tại nghi ngờ, do dự, không quyết định, không hài lòng.
90. **Ba điều Như Lai không cần gìn giữ:**

- Nay các Hiền giả, Như Lai thanh tịnh thiện hành về thân. Như Lai không có ác hạnh về thân mà Như Lai phải gìn giữ: "Chớ để người khác biết việc này về Ta".
- Nay các Hiền giả, Như Lai thanh tịnh thiện hành về miệng. Như Lai không có ác hạnh về miệng mà Như Lai phải gìn giữ: "Chớ để người khác biết việc này về Ta".
- Nay các Hiền giả, Như Lai thanh tịnh thiện hành về ý. Như Lai không có ác hạnh về ý mà Như Lai phải gìn giữ: "Chớ để người khác biết việc này về Ta".

91. **Ba loại lửa:**

- Tham chướng, sân chướng, si chướng.

92. **Ba loại lửa:**

- Lửa tham, lửa sân, lửa si.

93. **Ba loại lửa khác:**

- Lửa của người hiểu kính,

- Lửa của người gia chủ,
- Lửa của người cúng dường (cha mẹ, vợ con và các vị xuất gia).

94. **Ba loại sắc tỵ:**

- Hữu kiến hữu đối sắc,
- Vô kiến hữu đối sắc,
- Vô kiến vô đối sắc.

95. **Ba hành:**

- Phước hành,
- Phi phước hành,
- Bất động hành.

96. **Ba loại người:**

- Hữu học nhân, vô học nhân, phi hữu học phi vô học nhân.

97. **Ba vị trưởng lão:**

- Sanh trưởng lão, pháp trưởng lão, nhập định trưởng lão.

98. **Ba phước nghiệp sự:**

- Thí hành phước nghiệp sự,
- Giới hành phước nghiệp sự,
- Tu hành phước nghiệp sự.

99. **Ba cử tội sự:**

- Thấy, nghe và nghi.

100. **Ba dục sanh:**

- Này các Hiền giả, có những loại hữu tình do dục an trú. Đối với các dục, họ chịu sự an trú, họ bị chi phối phụ thuộc, như loài Người, một số chư Thiên, một số tái sanh trong đạo xứ. Đó là loại dục sanh thứ nhất.
- Này các Hiền giả, có những loại hữu tình có lòng dục đối với những sự vật do họ tạo ra. Họ tạo hóa ra các sự vật và họ sống bị chi phối phụ thuộc trong những dục

vọng ấy, như các loài chư Thiên Nimmàna-Rati (Hóa Lạc thiên). Đó là loại dục sanh thứ hai.

- Đây các Hiền giả, có những loại hữu tình có lòng dục đối sự vật do các loài khác tạo ra. Họ sống bị chi phối phụ thuộc trong những dục vọng đối với sự vật do các loài khác tạo ra. Như các loài chư Thiên Para-nimmitava-savatti (Tha Hóa Tự tại thiên). Đó là hạng dục sanh thứ ba.

101. **Ba loại lạc sanh:**

- Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình (trong quá khứ) luôn luôn tạo ra (thiên định lạc) hay sống trong sự an lạc, như các vị Brahma - Kàyikà (Phạm Chúng thiên). Đó là hạng lạc sanh thứ nhất.
- Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình thấm nhuần, biến mãn, sung mãn, hưng thịnh với an lạc. Thỉnh thoảng họ thốt ra những câu cảm hứng: "Ôi an lạc thay! Ôi an lạc thay!", như chư Thiên Àbhassarà (Quang Âm thiên). Đó là hạng lạc sanh thứ hai.

- Đây các Hiền giả, có những loại hữu tình thấm nhuần, biến mãn, sung mãn, hưng thịnh với an lạc. Họ sống mãn túc với an lạc ấy, cảm thọ an lạc, như chư Thiên Subhakinna (Biến Tịnh thiên). Đó là loại lạc sanh thứ ba.

102. **Ba tuệ:** Hữu học tuệ, vô học tuệ, phi hữu học phi vô học tuệ.

103. **Loại ba tuệ khác:**

- **Tu** sanh tuệ,
- **Văn** sanh tuệ,
- **Tu** sanh tuệ.

104. **Ba loại binh khí:**

- Nghe, xả ly và tuệ.

105. **Ba căn:** Vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn.

106. **Ba nhãn:** Nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn.

107. **Ba học:**

- Tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học.

108. **Ba sự tu tập:**

- Thân tu, tâm tu, tuệ tu.

109. **Ba vô thượng:**

- Kiến vô thượng, hành vô thượng, giải thoát vô thượng.

110. **Ba định:**

- Hữu tầm hữu tứ định,
- Vô tầm hữu tứ định,
- Vô tầm vô tứ định.

111. **Lại ba định khác:**

- Không định, vô tướng định, vô nguyện định.

112. **Ba thanh tịnh:**

- Thân thanh tịnh, ngữ thanh tịnh, ý thanh

tịnh.

113. Ba tịch mặc:

- Thân tịch mặc, ngữ tịch mặc, ý tịch mặc.

114. Ba thiện xảo:

- Tăng ích thiện xảo, tồn ích thiện xảo, phương tiện thiện xảo.

115. Ba kiêu:

- Vô bệnh kiêu, niên tráng kiêu, hoạt mạng kiêu.

116. Ba tăng thượng:

- Ngã tăng thượng, thể tăng thượng, pháp tăng thượng.

117. Ba luận sự:

- Luận bàn về vấn đề quá khứ: "Sự việc này xảy ra trong quá khứ",
- Luận bàn về vấn đề tương lai: "Sự việc này xảy ra trong tương lai";

- Luận bàn về vấn đề hiện tại: "Sự việc này xảy ra trong hiện tại".

118. **Ba minh:**

- Túc mạng trí minh, Hữu tình sanh tử minh, Lậu tận trí minh.

119. **Ba trú:**

- Thiên trú, Phạm trú, Thánh trú.

120. **Ba thần thông:**

- Thần túc thần thông,
- Tri tha tâm thần thông,
- Giáo giới thần thông.

Này các Hiền giả, ba pháp này được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vì đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

*11. Này các Hiền giả, có **bốn pháp** được Thế Tôn*

chơn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận, để phạm hạnh... Thế nào là bốn?

51. **Bốn niệm xứ:**

- Đây các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo quán thân trên thân, tinh cần, tinh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham sân trên đời... trên các cảm thọ... trên các tâm... trên các pháp, tinh cần, tinh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham sân trên đời.

52. **Bốn chánh cần:**

- Ở đây, này các Hiền giả vị Tỷ-kheo, với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.
- Với mục đích khiến cho các ác bất thiện pháp đã sanh ra được trừ diệt, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.
- Với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay cho sanh khởi, khởi

lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.

- Với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ, được tăng cường, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.

53. **Bốn thần túc:**

- Nay các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo tu tập thần túc, câu hữu với tinh tấn thực hiện Dục thiền định.
- Tu tập thần túc câu hữu với tinh tấn thực hiện Tâm thiền định.
- Tu tập thần túc câu hữu với Tinh tấn thực hiện tinh tấn thiền định.
- Tu tập thần thức câu hữu với tinh tấn thực hiện Tư duy thiền định (Dục như ý thần túc, Tâm như ý thần túc, Tinh tấn như ý thần túc, Tư duy như ý thần túc).

54. **Bốn thiền:**

- Ở đây, vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp chúng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ.
- Diệt tâm và tứ, chúng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.
- Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chúng và an trú thiền thứ ba.
- Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chúng và trú thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

55. **Bốn tu tập thiền định:**

- Đây các Hiền giả, có sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần đưa đến lạc trú ngay trong hiện tại.
- Đây các Hiền giả, có sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến chứng đắc tri kiến.

- Nay các Hiền giả, có sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến chánh niệm tỉnh giác.
- Nay các Hiền giả, có sự tu tập thiền định, nhờ sự tu tập, nhờ hành trì nhiều lần đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc.

→ Này các Hiền giả, thế nào là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần đưa đến lạc trú ngay trong hiện tại?
 Ở đây, này các Hiền giả, có vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, và trú thiền thứ nhất... thiền thứ hai... thiền thứ ba... chứng và trú thiền thứ tư. Nay các Hiền giả, như vậy là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần đưa đến lạc trú ngay trong hiện tại.

→ Này các Hiền giả, thế nào là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần đưa đến chứng đắc tri kiến? Nay các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo, tác ý quang minh tưởng, an trú tưởng ban ngày, ban ngày thế nào ban đêm như vậy, ban đêm thế nào ban ngày như vậy. Và như vậy với tâm mở rộng không có đóng kín, tạo

ra một tâm có hào quang. Nay các Hiền giả, như vậy là tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến chứng đắc tri kiến.

→ Này các Hiền giả, thế nào là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, hướng đến chánh niệm, tỉnh giác?

Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo biết được thọ khởi, biết được thọ trú, biết được thọ diệt, biết được tưởng khởi, biết được tưởng trú, biết được tưởng diệt, biết được tầm khởi, biết được tầm trú, biết được tầm diệt. Nay các Hiền giả, như vậy là sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến chánh niệm tỉnh giác.

→ Này các Hiền giả, thế nào là sự tu tập thiền tịnh, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc?

Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo an trú, quán tánh sanh diệt trên Năm Thủ uẩn - Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là

sự tu tập thiền định, nhờ tu tập, nhờ hành trì nhiều lần, đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc.

56. **Bốn vô lượng tâm:**

- Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.
- Với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... an trú, biến mãn một phương với tâm phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

57. **Bốn vô sắc:**

- Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, vị Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ.
- Vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: " Thức là vô biên ", chứng và trú Thức vô biên xứ.
- Vượt lên mọi thức vô biên xứ, nghĩ rằng: " Không có vật gì " , chứng và trú Vô sở hữu xứ.
- Vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ.

58. **Bốn y chỉ:**

Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo:

- Sau khi suy nghĩ, thọ dụng;
- Sau khi suy nghĩ, nhả thọ;
- Sau khi suy nghĩ, viễn ly;
- Sau khi suy nghĩ, khiển trừ.

59. **Bốn Thánh chủng:**

- Nay các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo **tự bằng lòng với bất cứ loại y nào**, tán thán sự bằng lòng với bất cứ loại y nào, không cố gắng tìm cầu y một cách không xứng đáng, không có áo nào nếu không được y, nhưng khi được y, vị này, không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội. Vị này dùng y, thấy các nguy hiểm và biết rõ sự giải thoát. Vì tự bằng lòng với bất cứ loại y nào, vị ấy không khen mình chê người. Ở đây, vị này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm, nay các Hiền giả, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chủng, theo truyền thống quá khứ.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo **tự bằng lòng với bất cứ món ăn khát thực nào**, tán thán sự bằng lòng với bất cứ món ăn khát thực nào, không cố gắng tìm cầu món ăn khát thực một cách không xứng đáng, không có áo nào nếu không được món ăn khát thực. Nhưng khi được món ăn khát thực, vị này không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội. Vị này

dùng các món ăn khát thực, thấy các nguy hiểm và biết rõ sự giải thoát. Vì tự bằng lòng với bất cứ món ăn khát thực nào, vị này không khen mình chê người. Ở đây, vị này khéo léo, tinh cần, chánh niệm. Nay các Hiền giả, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chúng, theo truyền thống quá khứ.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo **tự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào**, tán thán sự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào, không cố gắng tìm cầu phòng xá một cách không xứng đáng, không có ảo não nếu không được trú xứ. Nhưng khi được phòng xá, vị này không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội. Vị này dùng các phòng xá, thấy các nguy hiểm và biết rõ sự giải thoát. Vì tự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào, vị này không khen mình chê người. Ở đây, vị này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Nay các Hiền giả, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chúng, theo truyền thống quá khứ.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo **ura**

thích đoạn trừ, hoan hỷ đoạn trừ, ưa thích tu tập, hoan hỷ tu tập. Nhờ ưa thích đoạn trừ, hoan hỷ đoạn trừ, ưa thích tu tập, hoan hỷ tu tập nên không khen mình chê người. Ở đây, vị Tỷ-kheo này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Nay các Hiền giả, vị ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chúng, theo truyền thống quá khứ.

60. **Bốn tinh cần:**

- Chế ngự tinh cần,
- Đoạn trừ tinh cần,
- Tu tập tinh cần,
- Hộ trì tinh cần.

→ *Này các Hiền giả, thế nào là chế ngự tinh cần?* Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo, khi mắt thấy sắc không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhĩ căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì

nhân căn, thực hành sự chế ngự nhân căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì căn thực hành sự chế ngự ý căn. Đây các Hiền giả, như vậy gọi là chế ngự tinh cần.

→ *Này các Hiền giả, thế nào là đoạn trừ tinh cần?* Đây các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo không nhân chịu dục tầm đã khởi lên, từ bỏ, đoạn trừ, tiêu diệt, không cho hiện hữu; với sân tâm đã khởi lên... với hại tâm đã khởi lên, từ bỏ, đoạn trừ, tiêu diệt, không cho hiện hữu. Đây các Hiền giả, như vậy gọi là đoạn trừ tinh cần.

→ *Này các Hiền giả, thế nào là tu tập tinh cần?* Đây các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo tu tập Niệm Giác chi, pháp này y xả ly, y ly dục, y đoạn diệt, thành thực trong đoạn trừ; tu tập Trạch pháp Giác chi... tu tập Tinh tấn Giác chi... tu tập Hỷ Giác chi...

tu tập Khinh an Giác chi... tu tập Định Giác chi... tu tập Xả Giác chi, pháp này y xả ly, y ly dục, y đoạn diệt, thành thực trong đoạn trừ. Đây các Hiền giả, như vậy gọi là tu tập tinh cần.

→ Đây các Hiền giả, thế nào là hộ trì tinh cần? Đây các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo hộ trì định tướng tốt đẹp đã khởi lên, cốt tướng, trùng hám tướng, thanh ú tướng, đoạn hoại tướng, trược bành tướng. Đây các Hiền giả, như vậy gọi là hộ trì tinh cần.

61. **Bốn trí:**

- Pháp trí, loại trí, tha tâm trí, thế tục trí.

62. **Bốn trí khác:**

- Khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí.

63. **Bốn Dự lưu hướng chi:**

- Thiện nhân thân cận,
- Diệu pháp thánh thọ,

- Như lý tác ý,
- Pháp tùy pháp hành.

64. **Bốn Dự lưu quả chi:**

- Ở đây Thánh đệ tử thành tựu lòng tin tuyệt đối với Phật - "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn".
- Vị này thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp - "Pháp được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, Pháp ấy là thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến mà thấy, có hiệu năng hướng thượng, chỉ người có trí mới tự mình giác hiểu".
- Vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối chúng Tăng: "Chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn là đầy đủ diệu hạnh, chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn là đầy đủ như lý hạnh, chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn là đầy đủ chánh hạnh, tức là bốn đôi, tám vị.

- Chúng tăng đệ tử của Thế Tôn này đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời", thành tựu giới đức được các bậc Thánh ái mộ, không bị hư hoại, không bị tỳ vết, được thực hành liên tục, không bị khiếm khuyết con người tự tại, được bậc Thánh tán thán, không bị nhiễm ô, hướng đến thiên định.

65. **Bốn Sa môn quả:**

- Dự lưu quả, Nhút lai quả, Bất lai quả, A-la-hán quả.

66. **Bốn giới:**

- Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

67. **Bốn thực:**

- Đoàn thực, thô hay tế;
- Xúc thực là thứ hai;
- Tư niệm thực là thứ ba;

- Thức thực là thứ tư.

68. **Bốn thức trú:**

- Nay các Hiền giả, khi duyên sắc, thức khởi lên và an trú, thức ấy lấy sắc làm cảnh, lấy sắc làm sở y, lấy sắc làm căn cứ thọ hưởng, được tăng trưởng, tăng thịnh, tăng quảng.
- Nay các Hiền giả, hay duyên thọ, thức... hay duyên tưởng... Nay các Hiền giả, hay duyên hành, thức khởi lên và an trú, thức ấy lấy hành làm cảnh, lấy hành làm sở y, lấy hành làm căn cứ thọ hưởng, được tăng trưởng, tăng thịnh, tăng quảng.

69. **Bốn bất hành xứ hạnh:**

- Tham dục bất hành xứ hạnh,
- Sân bất hành xứ hạnh,
- Si bất hành xứ hạnh,
- Bồ úy bất hành xứ hạnh.

70. **Bốn ái sanh:**

- Nay các Hiền giả, do nhơn y phục, vị Tỷ-kheo khởi lên lòng tham ái.
- Nay các Hiền giả, do nhơn đồ ăn khát thực, vị Tỷ-kheo khởi lên lòng tham ái.
- Nay các Hiền giả, do nhơn phòng xá, vị Tỷ-kheo khởi lên lòng tham ái.
- Nay các Hiền giả, do nhơn hữu và phi hữu, vị Tỷ-kheo khởi lên lòng tham ái.

71. **Bốn hành:**

- Khổ hành trì chứng,
- Khổ hành tốc chứng,
- Lạc hành trì chứng,
- Lạc hành tốc chứng.

72. **Bốn hành khác:**

- Bất kham nhẫn hành,
- Kham nhẫn hành,

- Điều phục hành,
- Tịch tịnh hành.

73. **Bốn pháp túc:**

- Vô tham pháp túc,
- Vô sân pháp túc,
- Chánh niệm pháp túc,
- Chánh định pháp túc.

74. **Bốn pháp thọ:**

- Nay các Hiền giả, có pháp thọ, hiện tại khổ và tương lai quả báo khổ.
- Nay các Hiền giả, có pháp thọ, hiện tại khổ và tương lai quả báo lạc.
- Nay các Hiền giả, có pháp thọ, hiện tại lạc và tương lai quả báo khổ.
- Nay các Hiền giả có pháp thọ, hiện tại lạc và tương lai quả báo lạc.

75. **Bốn pháp uẩn:**

- Giới uẩn, định uẩn, công đức uẩn, giải thoát uẩn.

76. **Bốn lực:**

- Tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

77. **Bốn thắng xứ:**

- Tuệ thắng xứ, đề thắng xứ, xả thắng xứ, chỉ tức thắng xứ (Bốn nguyện).

78. **Bốn cách trả lời câu hỏi:**

- Trả lời câu hỏi một cách dứt khoát,
- Trả lời câu hỏi bằng cách phân tích,
- Trả lời câu hỏi bằng cách cật vấn,
- Trả lời câu hỏi bằng cách giả lơ, bỏ qua.

79. **Bốn nghiệp:**

- Này các Hiền giả, có hắc nghiệp hắc báo.

- Nay các Hiền giả, có bạch nghiệp bạch báo.
- Nay các Hiền giả, có hắc bạch nghiệp, hắc bạch báo.
- Nay các Hiền giả, có phi hắc phi bạch nghiệp, phi hắc phi bạch báo, và đưa đến sự tận diệt các nghiệp.

80. Bốn pháp cần phải chứng ngộ:

- Túc mạng cần phải chứng ngộ bởi niệm.
- Sanh tử cần phải chứng ngộ bởi nhãn.
- Tám giải thoát cần phải chứng ngộ bởi thân.
- Lậu tận cần phải chứng ngộ bởi Tuệ.

81. Bốn bậc lưu:

- Dục bậc lưu, hữu bậc lưu, kiến bậc lưu, vô minh bậc lưu.

82. Bốn ách:

- Dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách.

83. **Bốn ly ách:**

- Ly dục ách, ly hữu ách, ly kiến ách, ly vô minh ách.

84. **Bốn hệ phược:**

- Tham thân hệ, sân thân hệ, gới cảm thủ thân hệ, thử thực chấp thân hệ.

85. **Bốn thủ:**

- Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã thuyết thủ.

86. **Bốn sanh:**

- Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh.

87. **Bốn nhập thai:**

- Đây các Hiền giả, ở đây, có loài không tỉnh giác nhập mẫu thai, không tỉnh giác trú mẫu thai, không tỉnh giác xuất mẫu thai. Đó là loại nhập thai thứ nhất.

- Lại nữa, này các Hiền giả, ở đây, có loại tỉnh giác nhập mẫu thai, không tỉnh giác trú mẫu thai, không tỉnh giác xuất mẫu thai. Đó là loại nhập thai thứ hai.
- Lại nữa, này các Hiền giả, ở đây, có loại tỉnh giác nhập mẫu thai, tỉnh giác trú mẫu thai, không tỉnh giác xuất mẫu thai. Đó là loại nhập thai thứ ba.
- Lại nữa, này các Hiền giả, ở đây, có loại tỉnh giác nhập mẫu thai, tỉnh giác trú mẫu thai, tỉnh giác xuất mẫu thai. Đó là loại nhập thai thứ tư.

88. Bốn phương cách được tự thể mới:

- Này các Hiền giả, có tự thể mới được, do ý chí của mình, không do ý chí của người khác.
- Này các Hiền giả, có tự thể mới được, do ý chí của người khác, không do ý chí của mình.
- Này các Hiền giả, có tự thể mới được, do ý chí của mình và ý chí của người khác.

- Nay các Hiền giả, có tự thể mới được không do ý chí của mình, không do ý chí của người khác.

89. Bốn sự cúng dường thanh tịnh:

- Nay các Hiền giả, có sự cúng dường, người cúng dường thanh tịnh, người nhận cúng dường không thanh tịnh.
- Nay các Hiền giả, có sự cúng dường, người nhận cúng dường thanh tịnh, người cúng dường không thanh tịnh.
- Nay các Hiền giả, có sự cúng dường, cả người cúng dường và người nhận cúng dường đều không thanh tịnh.
- Nay các Hiền giả, có sự cúng dường, người cúng dường và người nhận sự cúng dường đều thanh tịnh.

90. Bốn nhiếp pháp:

- Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.

91. Bốn phi Thánh ngôn:

- Vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, ý ngữ.

92. Bốn Thánh ngôn:

- Ly vọng ngữ, ly lường thiệt, ly ác khẩu, ly ý ngữ.

93. Bốn phi Thánh ngôn khác:

- Không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không nghĩ nói nghĩ, không biết nói biết.

94. Bốn Thánh ngôn khác:

- Không thấy nói không thấy,
- Không nghe nói không nghe,
- Không nghĩ nói không nghĩ,
- Không biết nói không biết.

95. Bốn phi Thánh ngôn khác:

- Thấy nói không thấy,
- Nghe nói không nghe,

- Nghĩ nói không nghĩ,
- Biết nói không biết.

96. Bốn Thánh ngôn khác:

- Thấy nói thấy,
- Nghe nói nghe,
- Nghĩ nói nghĩ,
- Biết nói biết.

97. Bốn loại người:

- Đây các Hiền giả, ở đây, có người tự làm khổ mình và siêng năng làm khổ mình.
- Đây các Hiền giả, ở đây, có loại người làm khổ người khác, siêng năng làm khổ người khác.
- Đây các Hiền giả, ở đây, có loại người làm khổ mình, siêng năng làm khổ mình; làm khổ người, siêng năng làm khổ người.

- Nay các Hiền giả, ở đây, có loại người không làm khổ mình, không siêng năng làm khổ mình; không làm khổ người, không siêng năng làm khổ người. Vị này không làm khổ mình, không làm khổ người ngay trong hiện tại sống ly dục, tịch tịnh, thanh lương, an lạc thánh thiện.

98. Lại bốn loại người khác:

- Nay các Hiền giả, ở đây, có loại người hành tự lợi, không hành lợi tha.
- Nay các Hiền giả, ở đây, có loại người hành lợi tha, không hành tự lợi.
- Nay các Hiền giả, ở đây, có loại người, không hành tự lợi và không hành lợi tha.
- Nay các Hiền giả, ở đây, có loại người hành tự lợi và hành lợi tha.

99. Lại bốn loại người khác:

- Sống trong bóng tối và hướng đến bóng tối,

- Sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng,
- Sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối,
- Sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng.

100. **Bốn loại người khác:**

- Bất động Sa môn,
- Xích liên hoa Sa môn,
- Bạch liên hoa Sa môn,
- Diệu thiện Sa môn.

Này các Hiền giả, bốn Pháp này được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la Hán, Chánh Đăng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

II

*1. Này các Hiền giả, có **năm Pháp** được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la*

hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

29. **Năm uẩn:**

- Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

30. **Năm thủ uẩn:**

- Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

31. **Năm dục công đức:**

- Sắc do nhãn nhận thức. Sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.
- Tiếng do tai nhận thức... Hương do mũi nhận thức... Vị do lưỡi nhận thức... Xúc do thân cảm xúc là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

32. **Năm thú:**

- Địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, Người,

chư Thiên.

33. **Năm xan tham:**

- Xan tham đối với trú xứ,
- Xan tham đối với gia đình,
- Xan tham đối với các vật thô hoạch,
- Xan tham đối với sắc,
- Xan tham đối với pháp.

34. **Năm triền cái:**

- Tham dục triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên cái, trạo cử hồi quá triền cái, nghi triền cái.

35. **Năm hạ phần kiết sử:**

- Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham, sân.

36. **Năm thượng phần kiết sử:**

- Sắc tham, vô sắc tham, mạn, trạo cử, vô minh.

37. **Năm học xứ:**

- Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngôn, không uống các loại rượu.

38. **Năm bất năng xứ:**

- Nay các Hiền giả, một vị Lậu tận Tỷ kheo không thể cố sát hại đời sống loài hữu tình.
- Một vị Lậu tận Tỷ kheo không thể cố ý lấy của không cho gọi là trộm cắp.
- Một vị Lậu tận Tỷ kheo không thể có ý hành dâm.
- Một vị Lậu tận Tỷ kheo không thể cố ý tự mình biết mà nói láo.
- Một vị Lậu tận Tỷ kheo không thể tiêu dùng các vật chứa cất vào các thú vui dục lạc như khi còn là cư sĩ.

39. **Năm sự tổn thất:**

- Thân thuộc tổn thất,

- Tài sản tồn thất,
- Tật bệnh tồn thất,
- Giới tồn thất,
- Kiến tồn thất.

→ Nay các Hiền giả, không có loài hữu tình nào, vì thân thuộc tồn thất, vì tài sản tồn thất, hay vì tật bệnh tồn thất, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nay các Hiền giả, có loài hữu tình, vì giới tồn thất hay vì kiến tồn thất, sau khi thân hoại mạng chung... sanh vào địa ngục.

40. **Năm sự thành tựu:**

- Thân thuộc thành tựu,
- Tài sản thành tựu, vô bệnh thành tựu, giới thành tựu, kiến thành tựu.

→ Nay các Hiền giả, không có loài hữu tình nào, vì thân thuộc thành tựu, vì tài sản thành tựu hay vì vô bệnh thành tựu, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, đời này.

Này các Hiền giả, có các loài hữu tình, vì giới thành tựu hay vì kiến thành tựu được sanh lên thiện thú, Thiên giới, đời này.

41. **Năm điều nguy hiểm của người ác giới, phạm giới:**

- Này các Hiền giả, người ác giới, vì phạm giới luật, do phóng dật thiệt hại nhiều tài sản. Đó là điều nguy hiểm thứ nhất của người ác giới, phạm ác giới.
- Lại nữa, này các Hiền giả, với người ác giới, phạm ác giới, tiếng xấu đồn khắp. Đó là điều nguy hiểm thứ hai của người ác giới.
- Lại nữa, này các Hiền giả, với người ác giới, phạm ác giới, khi vào hội chúng nào, hội chúng Sát đế ly, hội chúng Bà la môn, hội chúng Cư sĩ hay hội chúng Sa môn, người ấy vào một cách sợ sệt và dao động. Đó là điều nguy hiểm thứ ba của người ác giới, phạm ác giới.
- Lại nữa, này các Hiền giả, người ác giới, phạm ác giới, khi mệnh chung, chết một

cách mê loạn. Đó là điều nguy hiểm thứ tư của người ác giới, phạm ác giới.

- Lại nữa, này các Hiền giả, người ác giới, phạm ác giới, khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đó là điều nguy hiểm thứ năm của người ác giới, phạm ác giới.

42. **Năm điều lợi ích của người đủ giới, giữ giới:**

- Này các Hiền giả, ở đây người đủ giới, giữ giới, nhờ không phóng dật nên được tài sản sung túc. Đó là điều lợi ích thứ nhất cho người đủ giới, giữ giới.
- Này các Hiền giả, lại nữa người đủ giới, giữ giới được tiếng tốt đồn khắp. Đó là điều lợi ích thứ hai cho người đủ giới, giữ giới.
- Này các Hiền giả, với người đủ giới, giữ giới, khi vào hội chúng nào, hội chúng Sát đế ly, hội chúng Ba la môn, hội chúng Cư sĩ, hội chúng Sa môn, vị ấy vào một cách đàng hoàng, không dao động. Đó là điều lợi ích thứ ba cho người đủ giới, giữ

giới.

- Nay các Hiền giả, lại nữa người đủ giới, giữ giới khi mệnh chung chết một cách không sợ sệt và không dao động. Đó là điều lợi ích thứ tư cho người đủ giới, giữ giới.
- Nay các Hiền giả, lại nữa người đủ giới, giữ giới, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy là điều lợi ích thứ năm cho người đủ giới, giữ giới.

43. **Nay các Hiền giả, năm pháp nội tâm một vị Tỷ kheo cần phải có nếu muốn chỉ trích một vị khác:**

- "Tôi nói đúng thời, không phải phi thời.
- Tôi nói đúng sự thật, không sai sự thật.
- Tôi nói một cách từ tốn, không nói lời ác khẩu.
- Tôi nói lời có lợi ích, không nói lời không có lợi ích.

- Tôi nói lời có lòng từ, không phải lời sân hận".
- Nay các Hiền giả, như vậy là năm pháp nội tâm một vị Tỷ kheo cần phải có, nếu muốn chỉ trích một vị khác.

44. Năm cần chi:

- Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế tôn, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".
- Vị ấy thiếu bệnh, thiếu não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình hợp với sự tinh tấn.
- Vị ấy không lừa đảo, dối gạt, nêu rõ tự mình như chơn đối với bậc Đạo Sư, đối với các vị sáng suốt hay đối với các vị đồng phạm hạnh.
- Vị ấy sống siêng năng, tinh tấn, từ bỏ các

ác pháp, thành tựu các thiện pháp, cương quyết, kiên trì nỗ lực, không tránh né đối với các thiện pháp.

- Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ hướng đến sự sanh diệt của các pháp, thành tựu Thánh quyết trạch, đưa đến sự đoạn diệt chơn chánh các khổ đau.

45. **Năm tịnh cư:**

- Vô Phiền thiên,
- Vô Nhiệt thiên,
- Thiện Hiện thiên,
- Thiện Kiến thiên,
- Sắc Cứu Cánh thiên.

46. **Năm bất hoàn:**

- Trung gian Bát Niết bàn,
- Sanh Bát Niết bàn,
- Vô hành Bát Niết bàn,

- Hữu hành Bát Niết bàn,
- Thượng lưu thú A-ca-ni-sá.

47. **Năm tâm hoang vu:**

- Đây các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có thỏa mãn đối với vị Đạo Sư. Đây các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có thỏa mãn đối với vị Đạo Sư, vị Tỷ kheo ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Khi tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn, như vậy gọi là tâm hoang vu thứ nhất.
- Đây các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo nghi ngờ đối với Pháp... đối với Tăng... đối với học Pháp... tức giận đối với các vị đồng Phạm hạnh, không hoan hỷ, tâm dao động, trở thành hoang vu. Đây các Hiền giả, khi một vị Tỷ kheo tức giận đối với các vị đồng Phạm hạnh, không hoan hỷ, tâm dao động, trở thành hoang vu, vị Tỷ kheo ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Như vậy gọi là tâm

hoang vu thứ năm.

48. **Năm tâm triền phược:**

- Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo tâm không ly tham, không ly dục, không ly ái, không ly khao khát, không ly nhiệt tình, không ly ái nhiễm đối với các dục vọng. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo tâm không ly tham, không ly dục, không ly ái, không ly khao khát, không ly nhiệt tình, không ly ái nhiễm đối với ác dục vọng, tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Tâm của vị nào không hướng về... như vậy là tâm triền phược thứ nhất.
- Nay các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo, tâm không ly tham đối với các thân... Như vậy là tâm triền phược thứ hai...
- Đối với các sắc, tâm không ly tham... Đây là tâm triền phược thứ ba.
- Nay các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo không ăn quá sức bao tử có thể chịu nổi, hưởng thọ sự sung sướng về nằm ngủ, sự

sung sướng về xúc chạm, sự sung sướng về thụ miên... Đây là tâm triền phược thứ tư.

- Nay các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo sống đời sống phạm hạnh với hy vọng mong được thành một loại chư Thiên: "Với luật pháp này, với giới luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ trở thành loại chư Thiên này hay loại chư Thiên khác". Nay các Hiền giả, khi vị Tỷ kheo sống đời sống Phạm hạnh với hy vọng được thành một loại chư Thiên: "Với luật pháp này, với giới luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ trở thành loại chư Thiên này hay chư Thiên khác". Tâm của vị này không hướng về nổi lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Tâm của vị nào... như vậy là tâm triền phược thứ năm.

49. **Năm căn:**

- Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.

50. **Lại năm căn khác:**

- Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn.

51. **Lại năm căn khác:**

- Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

52. **Năm xuất ly giới:**

- f. Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo, có tác ý đối với dục vọng, tâm không hướng nhập dục vọng, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi dục vọng. Khi vị này có tác ý đối với ly dục, tâm hướng nhập ly dục, tín lạc, an trú và bị chi phối bởi ly dục, tâm của vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với các dục lạc. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên, các dục lạc, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với các dục vọng.
- g. Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo có tác ý đối với sân hận, tâm không hướng nhập sân hận, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi sân hận. Khi vị này

có tác ý đối với vô sân, tâm hướng nhập vô sân, có tín lạc, có an trú, có bị chi phối bởi vô sân, tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với vô sân. Và các lậu hoặc, các tổn hoại, các nhiệt não khởi lên do duyên với sân, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với sân hận.

h. Nay các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo, có tác ý đối với hại tâm, tâm không hướng nhập hại tâm, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi hại tâm. Khi vị này có tác ý đối với ly hại tâm, tâm hướng nhập ly hại tâm, tín lạc, an trú, bị chi phối bởi ly hại tâm. Tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ hại tâm. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên với hại tâm, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với hại tâm.

i. Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, có tác ý đối với sắc, tâm không hướng nhập vào sắc, không tín lạc, không an trú,

không bị chi phối bởi sắc. Khi vị này có tác ý đối với vô sắc, tâm hướng nhập vô sắc, tín lạc, an trú, bị chi phối bởi vô sắc. Tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với sắc. Và các lậu hoặc, các tổn hại, cái nhiệt não khởi lên do duyên với sắc, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với sắc.

- j. Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo có tác ý đối với tự thân, tâm không hướng nhập tự thân, không tín lạc, không an trú, không bị chi phối bởi tự thân. Khi vị này có tác ý đối với thân diệt, tâm hướng nhập thân diệt, tín lạc, an trú, bị chi phối bởi thân diệt. Tâm vị ấy khéo ly, khéo tu, khéo khởi, khéo giải thoát, khéo ly hệ thân diệt. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên với tự thân, vị ấy đối với chúng được giải thoát, không còn cảm thọ cảm giác ấy. Như vậy được gọi là giải thoát đối với tự thân.

53. Năm giải thoát xứ:

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo, khi nghe bậc Đạo Sư, hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp. Này các Hiền giả, khi vị Tỷ kheo nghe bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp, vị ấy, đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý và hiểu cả văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý và hiểu cả văn cú, khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái, hỷ sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ nhất.
- Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo không nghe bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp. Nhưng vị ấy, theo điều đã nghe, theo điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác. Này các Hiền giả, khi vị Tỷ kheo theo điều đã nghe, theo điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác, vị ấy đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú, khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái, hỷ sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh.

Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ hai.

- Nay các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo, không được nghe bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp, cũng không theo điều đã nghe, điều đã học thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác. **Vị ấy theo điều đã nghe, theo điều đã học, tụng đọc pháp một cách rõ ràng.** Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo, theo điều đã nghe, theo điều đã học, tụng đọc pháp một cách rõ ràng, do vậy đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý và hiểu được văn cú, thân khinh an sanh. Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ ba.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, không nghe bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính thuyết pháp, cũng không theo điều đã nghe, điều đã học thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác, cũng không theo điều đã

nghe, điều đã học, tụng đọc pháp một cách rõ ràng. Vị ấy, theo điều đã nghe, theo điều đã học, dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo, theo điều đã nghe, theo điều đã học, dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo, theo điều đã nghe, theo điều đã học, dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy nên đối với pháp ấy hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú, khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái sanh, hỷ tâm sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ tư.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, không nghe bậc Đạo Sư hay một vị đồng Phạm hạnh đáng kính nào thuyết pháp, cũng không theo điều đã nghe, theo điều đã học, thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác, cũng không theo điều đã nghe, theo điều đã học dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát pháp ấy, vị Tỷ kheo đã khéo nắm giữ một định tướng nào, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập nhờ trí

tuệ. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo nắm giữ một định tướng nào, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập nhờ trí tuệ. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo tùy theo khéo nắm giữ một định tướng nào, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập nhờ trí tuệ, nên đối với pháp ấy, hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú. Nhờ hiểu được nghĩa lý, hiểu được văn cú, nên khoan khoái sanh. Nhờ khoan khoái sanh, hỷ tâm sanh. Nhờ hỷ tâm, thân khinh an sanh. Nhờ thân khinh an, lạc thọ sanh. Nhờ lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đó là giải thoát xứ thứ năm.

54. Năm giải thoát thành thực tướng:

- Vô thường tướng,
- Khổ tướng trong vô thường,
- Vô ngã tướng trong khổ,
- Đoạn trừ tướng,
- Vô tham tướng.

Này các Hiền giả, năm pháp này được Thế Tôn chọn

chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài Người.

*2. Nay các Hiền giả, có **sáu pháp** được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài Người. Thế nào là sáu?*

23. **Sáu nội xứ:**

- Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ.

24. **Sáu ngoại xứ:**

- Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ.

25. **Sáu thức thân:**

- Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

26. Sáu xúc thân:

- Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc.

27. Sáu thọ thân:

- Nhãn xúc sở sanh thọ, nhĩ xúc sở sanh thọ, tỷ xúc sở sanh thọ, thiệt xúc sở sanh thọ, thân xúc sở sanh thọ, ý xúc sở sanh thọ.

28. Sáu tướng thân:

- Sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, pháp tướng.

29. Sáu tư thân:

- Sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư.

30. Sáu ái thân:

- Sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.

31. Sáu không cung kính pháp:

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo, sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư;
- Sống không cung kính, không tùy thuận Pháp;
- Sống không cung kính, không tùy thuận Tăng;
- Sống không cung kính, không tùy thuận học Pháp;
- Sống không cung kính bất phóng dật, không tùy thuận bất phóng dật;
- Sống không cung kính, không tùy thuận sự lễ phép xã giao.

32. Sáu cung kính pháp:

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo sống cung kính, tùy thuận bậc Đạo Sư; sống cung kính, tùy thuận Pháp; sống cung kính, tùy thuận Tăng; sống cung kính tùy thuận học pháp; sống cung kính, tùy thuận bất phóng dật; sống cung kính; tùy thuận lễ phép xã giao.

33. **Sáu suy tư đến hỷ:**

- Khi mắt thấy sắc, hoan hỷ khởi lên, sắc ấy được suy tư. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân chạm xúc... Khi ý nhận pháp, hoan hỷ khởi lên, pháp ấy được suy tư.

34. **Sáu suy tư đến ưu:**

- Khi mắt thấy sắc, ưu khởi lên, sắc ấy được suy tư... như trên... khi ý nhận pháp, ưu khởi lên, pháp ấy được suy tư.

35. **Sáu suy tư đến xả:**

- Khi mắt thấy sắc, xả khởi lên, sắc ấy được suy tư... Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân chạm xúc... Khi ý nhận pháp, xả khởi lên, pháp ấy được suy tư.

36. **Sáu hòa kính pháp:**

- Đây các Hiền giả, ở đây khi vị Tỷ kheo thành tựu từ thân nghiệp, trước mặt hay sau lưng đối với các vị đồng Phạm hạnh, như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ

ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp.

- Nay các Hiền giả, lại nữa khi vị Tỷ kheo thành tựu từ khẩu nghiệp trước mặt hay sau lưng... từ ý nghiệp trước mặt hay sau lưng, đối với các vị đồng Phạm hạnh, như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, đối với các đồ vật được cúng dường một cách hợp pháp cho đến đồ vật nhận trong bình bát, đều đem chia đồng đều giữa các vị Tỷ kheo có giới hạnh, như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, khi những giới luật của vị này không bị phá hoại, không vi phạm, được kiên trì tuân hành, không có tỳ vết, làm con người được giải thoát, được người trí tán thán, không uế tạp, hướng đến thiền định, vị Tỷ

kheo ấy giữ giới hạnh Sa môn như vậy, sống trước mặt hay sau lưng với các vị đồng Phạm hạnh như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo sống đời sống được Chánh kiến hướng dẫn, chơn chánh, đoạn diệt khổ đau, vị ấy sống thành tựu với Chánh kiến như vậy, sống với các vị đồng Phạm hạnh, trước mặt hay sau lưng, như vậy là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, tạo ra cung kính, đưa đến đoàn kết, không tranh luận, hòa hợp, đồng tâm, ý hợp.

37. Sáu tránh cần:

- Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo phần nộ, uất hận. Nay các Hiền giả, vị này phần nộ, uất hận, sống không cung kính, không tùy thuận vị Đạo Sư, sống không cung kính, không tùy thuận Pháp, không cung kính, không tùy thuận Tăng, không thành tựu đầy đủ các học pháp. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo sống không cung

kính không tùy thuận bậc Đạo Sư, không cung kính, không tùy thuận Pháp, không cung kính, không tùy thuận Tăng, không thành tựu đầy đủ các học pháp, vì ấy khởi lên tranh luận giữa chư Tăng. Tranh luận như vậy khiến chúng sanh không hạnh phúc, khiến chúng sanh không an lạc, khiến chúng sanh không lợi ích, và khiến chư Thiên và loài Người không hạnh phúc, mà đau khổ. Nay các Hiền giả, nếu Hiền giả thấy được tránh căn ấy giữa các vị hay ngoài các vị, Hiền giả phải cố gắng đoạn trừ ác tránh căn ấy. Nay các Hiền giả, nếu Hiền giả không thấy tránh căn ấy giữa các vị hay ngoài các vị, các vị hãy gìn giữ đừng cho ác tránh căn ấy có cơ hội làm hại trong tương lai. Như vậy là ngăn chặn nguy hại ác tránh căn ấy trong tương lai.

- Nay các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo che dấu và giả dối...
- ... tậ đồ và xan tham...
- ... lừa đảo và lường gạt...

- ... ác dục và tà kiến...
- ... chấp trước sở kiến, kiên trì gìn giữ rất khó rời bỏ. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo chấp trước sở kiến, kiên trì gìn giữ, rất khó rời bỏ, vị ấy sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư, không cung kính, không tùy thuận Pháp, không cung kính, không tùy thuận Tăng, không thành tựu đầy đủ các học pháp. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư... Pháp... Tăng... không thành tựu đầy đủ các học pháp, vị ấy khởi lên tranh luận giữa chư Tăng. Tranh luận như vậy khiến chúng sanh không hạnh phúc, khiến chúng sanh không an lạc, khiến chúng sanh không lợi ích, khiến chư Thiên và loài Người không hạnh phúc, mà đau khổ. Nay các Hiền giả, nếu Hiền giả thấy được tránh căn ấy giữa các vị hay ngoài các vị, Hiền giả phải cố gắng đoạn trừ ác tránh căn ấy. Nay các Hiền giả, nếu Hiền giả không thấy tránh căn ấy giữa các vị hay ngoài các vị, các vị hãy gìn giữ đừng cho ác tránh căn ấy có cơ hội làm hại trong tương lai. Như vậy là sự đoạn trừ ác tránh

căn ấy, như vậy là ngăn chặn nguy hại ác
tránh căn ấy trong tương lai.

38. **Sáu giới:**

- Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.

39. **Sáu xuất ly giới:**

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Ta đã tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần. Tuy vậy sân tâm vẫn ngự trị tâm ta". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu không Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Ai tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, mà sân tâm vẫn ngự trị, an trú, sự kiện không thể xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, từ tâm giải thoát có khả

năng giải thoát sân tâm.

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Ta đã tu tập bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần. Tuy vậy hại tâm vẫn ngự trị tâm ta". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Này các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, mà hại tâm vẫn ngự trị an trú, sự kiện không xảy ra như vậy. Này các Hiền giả, bi tâm giải thoát có khả năng giải thoát hại tâm.
- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Ta đã tu tập hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần. Tuy vậy bất lạc tâm vẫn ngự trị tâm ta". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy,

Đại đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Nay các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, bất lạc tâm vẫn ngự trị an trú, sự kiện không xảy ra như vậy. Nay các Hiền giả, hỷ tâm giải thoát có khả năng giải thoát bất lạc tâm.

- Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Ta đã tu tập xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần. Tuy vậy tham tâm vẫn ngự trị tâm ta". Vị ấy cần được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại Đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Nay các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần mà tham tâm vẫn

ngự trị an trú, sự kiện không xảy ra như vậy. Nay các Hiền giả, xả tâm giải thoát, có khả năng giải thoát tham tâm.

- Nay các Hiền giả, lại nữa ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Ta đã tu tập **vô tướng tâm giải thoát**, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần. Tuy vậy thức của tôi vẫn chạy theo các tướng". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại Đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Nay các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, mà thức vẫn chạy theo các tướng, sự kiện không xảy ra như vậy. Nếu tu tập vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, mà thức vẫn chạy theo các tướng, sự kiện không xảy ra như vậy. Nay các Hiền giả, vô tướng tâm giải thoát có khả năng

giải thoát tất cả tướng.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, ở đây vị Tỷ kheo nói như sau: "Quan điểm "tôi có mặt" bị tôi từ khước. Quan điểm "tôi là cái này" không được tôi chấp nhận. Tuy vậy mũi tên nghi ngờ do dự vẫn ám ảnh an trú tôi". Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, chớ nói như vậy, Đại Đức! Chớ có hiểu lầm Thế Tôn, vu khống Thế Tôn như vậy không tốt. Thế Tôn không nói như vậy". Nay các Hiền giả, sự kiện không phải như vậy. Trường hợp không phải như vậy. "Quan điểm "tôi có mặt" bị tôi từ khước. Quan điểm "tôi là cái này" không được tôi chấp thuận. Tuy vậy nghi ngờ, do dự vẫn ám ảnh an trú nơi tôi". Sự kiện không xảy ra như vậy. Nay Hiền giả, chính nhờ khước từ sự ngạo mạn "tôi có mặt", mà mũi tên do dự nghi ngờ được giải thoát.

40. **Sáu vô thượng:**

- Kiến vô thượng,
- Văn vô thượng,

- Lợi đắc vô thượng,
- Học giới vô thượng,
- Hành vô thượng,
- Ưc niệm vô thượng.

41. **Sáu niệm xứ:**

- Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên.

42. **Sáu hằng trú:**

- Nay các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo mắt thấy sắc, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm, giác tỉnh;
- Tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức pháp, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, trú xả, chánh niệm, tỉnh giác.

43. **Sáu sanh loại:**

- Nay các Hiền giả, ở đây có người hắc sanh và sống tạo hắc pháp.

- Nay các Hiền giả, ở đây, có người hắc sanh và sống tạo bạch pháp.
- Nay các Hiền giả, ở đây, có người hắc sanh và sống tạo Niết bàn, phi hắc phi bạch pháp.
- Ở đây, có người bạch sanh và sống tạo bạch pháp.
- Ở đây, có người bạch sanh và sống tạo hắc pháp.
- Ở đây, có người bạch sanh và sống tạo Niết bàn, phi hắc phi bạch pháp.

44. **Sáu quyết trạch phần tướng:**

- Vô thường tướng,
- Khổ tướng trên vô thường,
- Vô ngã tướng trên khổ,
- Đoạn tướng,
- Vô tham tướng,
- Diệt tướng.

Này các Hiền giả, sáu pháp này được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

*8. Này các Hiền giả, có **bảy pháp** được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là bảy?*

16. **Bảy tài sản:**

- Tín tài, giới tài, tâm tài, quý tài, văn tài, thí tài, tuệ tài.

17. **Bảy giác chi:**

- Niệm Giác chi, Trạch pháp Giác chi, Tinh tấn Giác chi, Hỷ Giác chi, Khinh an Giác chi, Định Giác chi, Xả Giác chi.

18. **Bảy định cụ:**

- Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm.

19. **Bấy phi diệu pháp:**

- Này các Hiền giả, ở đây, có vị Tỷ kheo bất tín, vô tầm, vô quý, thiếu văn, giải đãi, thất niệm, liệt tuệ.

20. **Bấy diệu pháp:**

- Này các Hiền giả, ở đây, có vị Tỷ kheo có lòng tín, có tầm, có quý, đa văn, tinh tấn, niệm được an trú, có trí tuệ.

21. **Bấy thượng nhân pháp:**

- Này các Hiền giả, ở đây có vị Tỷ kheo tri pháp, tri nghĩa, tự tri, tri lượng, tri thời, tri chúng và tri nhân.

22. **Bấy thù diệu sự:**

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo tha thiết hành trì học pháp và khát vọng hành trì học pháp trong tương lai;
- Tha thiết quán pháp và khát vọng quán pháp trong tương lai;
- Tha thiết điều phục các dục vọng và khát

vọng điều phục các dục vọng trong tương lai;

- Tha thiết sống an tịnh và khát vọng sống an tịnh trong tương lai;
- Tha thiết sống tinh tấn và khát vọng sống tinh tấn trong tương lai;
- Tha thiết quán sát tự niệm và khát vọng quán sát tự niệm trong tương lai;
- Tha thiết với kiến giải và khát vọng hiểu biết sở kiến trong tương lai.

23. **Bảy tướng:**

- Vô thường tướng,
- Vô ngã tướng,
- Bất tịnh tướng,
- Hoạn nạn tướng,
- Đoạn tướng,
- Ly tham tướng,

- Diệt tướng.

24. **Bảy lực:**

- Tín lực, tinh tấn lực, tầm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

25. **Bảy thức trú:**

8. Đây các Hiền giả, có các loại hữu tình, thân sai biệt và tướng sai biệt, như loài Người, một số chư Thiên và một số thuộc đạo xứ. Đó là loại thức trú thứ nhất.
9. Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình thân sai biệt nhưng tướng đồng loại, như các vị Phạm Chúng thiên vừa mới sanh lần đầu tiên (hay do tu sơ thiên). Đó là loại thức trú thứ hai.
10. Đây các Hiền giả, có những loại hữu tình, thân đồng loại, nhưng tướng sai biệt, như chư Quang Âm thiên. Đó là loại thức trú thứ ba.
11. Đây các Hiền giả, có những loại hữu tình thân đồng loại và tướng đồng loại, như chư Thiên Biến Tịnh thiên. Đó là loại thức trú

thứ tư.

12. Đây các Hiền giả, có những loại hữu tình, vượt khỏi mọi tướng về sắc, điều phục mọi tướng về thân, không tác ý đến các tướng sai biệt, chứng Không vô biên xứ: "Hư không là vô biên". Đó là loại thức trú thứ năm.
13. Đây các Hiền giả, có những loại hữu tình, vượt khỏi hoàn toàn hư không vô biên xứ, chứng thức vô biên xứ: "Thức là vô biên". Đó là loại thức trú thứ sáu.
14. Đây các Hiền giả có những loại hữu tình vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, chứng Vô sở hữu xứ: "Không có vật gì cả". Đó là loại thức trú thứ bảy.

26. **Bảy loại người đáng kính trọng:**

- Câu phân giải thoát,
- Tuệ giải thoát,
- Thân chứng,
- Kiến chí,

- Tín giải thoát, Tùy pháp hành, Tùy tín hành.

27. **Bảy tùy miên:**

- Dục ái tùy miên,
- Sân tùy miên,
- Kiến tùy miên,
- Nghi tùy miên,
- Mạn tùy miên,
- Hữu tham tùy miên,
- Vô minh tùy miên.

28. **Bảy kiết sử:**

- Ái kiết sử,
- Sân kiết sử,
- Kiến kiết sử,
- Nghi kiết sử,
- Mạn kiết sử,

- Hữu tham kiết sử,
- Vô minh kiết sử.

29. **Bảy diệt tránh pháp:**

- Có khả năng đình chỉ, trừ diệt các tránh pháp đang khởi lên: Ung dữ hiện tiền tỳ ni, ung dữ ức niệm tỳ ni, ung dữ bất si tỳ ni, ung dữ tự ngôn trị, đa mịch tội tướng, đa nhơn mịch tội, như thảo phú địa.

Này các Hiền giả, bảy pháp này được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

III

1. "Này các Hiền giả, có tám pháp được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây mọi người cần phải cùng nhau tụng đọc... Vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an

lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là tám?

12. **Tám tà:**

- Tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.

13. **Tám chánh:**

- Chánh tri kiến... Chánh định.

14. **Tám người đáng cung kính:**

- Hạng Dự lưu, hạng đã thành tựu và chứng Dự lưu quả;
- Hạng Nhất lai, hạng đã thành tựu và chứng Nhất lai quả;
- Hạng Bất lai, hạng đã thành tựu và chứng Bất lai quả;
- Hạng A la hán và hạng đã thành tựu A la hán quả.

15. **Tám giải đãi sự:**

- Này các Hiền giả, ở đây có việc vị Tỷ kheo

phải làm. Vị này nghĩ: "Có công việc ta sẽ phải làm. Nếu ta làm việc, thời thân ta sẽ mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được, như vậy là giải đãi sự thứ nhất.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, một việc đã được vị Tỷ kheo làm. Vị này nghĩ: "Ta đã làm một công việc. Do ta làm một công việc nên thân ta mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... như vậy là giải đãi sự thứ hai.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, có con đường vị Tỷ kheo phải đi. Vị này nghĩ: « Đây là con đường mà ta sẽ phải đi. Khi ta đi con đường ấy, thân ta sẽ mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống ». Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ ba.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, con đường vị Tỷ kheo đã đi. Vị này nghĩ: "Ta đã đi con đường, do ta đã đi con đường nên thân ta mệt mỏi. Vậy ta nên nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải

đãi sự thứ tư.

- Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo đi khát thực ở làng hay tại đô thị không nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm, đầy đủ như ý muốn. Vị ấy nghĩ: "Ta đi khát thực ở làng hay đô thị, không nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Thân này của ta bị mệt mỏi không lợi ích gì. Vậy ta nên nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn. Như vậy là giải đãi sự thứ năm.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo, trong khi đi khát thực tại làng hay thị xã nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Vị ấy nghĩ: "Ta đi khát thực tại làng hay tại thị xã, nhận được các đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm, đầy đủ như ý muốn. Thân này của ta nặng nề, không làm được gì, như một nhóm đậu. Vậy ta nên nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ sáu.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo bị đau bệnh nhẹ. Vị này nghĩ: "Nay ta bị đau bệnh nhẹ, cần phải nằm nghỉ. Vậy ta nên nằm

xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn... Như vậy là giải đãi sự thứ bảy.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu. Vị ấy nghĩ: "Ta mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu. Thân này của ta yếu đuối, không làm được việc gì, vậy ta hãy nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Như vậy là giải đãi sự thứ tám.

16. **Tám tinh tấn sự:**

- Nay các Hiền giả, ở đây có việc vị Tỷ kheo phải làm, vị ấy nghĩ: "Có công việc, ta sẽ phải làm, nếu ta làm việc, thì không dễ gì ta có thể suy tư đến giáo pháp chư Phật. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn để đạt được điều gì chưa đạt được, để thành tựu điều gì chưa thành tựu được, để chứng ngộ điều gì chưa chứng ngộ được". Và vị ấy tinh tấn để đạt được điều gì chưa đạt được, để thành tựu điều gì chưa thành tựu được, để chứng ngộ điều gì chưa chứng ngộ được. Như vậy là

ting tấn sự thứ nhất.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo đã làm xong công việc, vị ấy nghĩ: "Ta đã làm xong công việc. Khi ta làm công việc, ta không thể suy tư đến giáo pháp của chư Phật. Vậy ta phải cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ hai.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, có con đường vị Tỷ kheo phải đi. Vị này nghĩ: "Đây là con đường mà ta sẽ phải đi. Khi ta đi con đường ấy, không dễ gì ta có thể suy tư đến giáo pháp của chư Phật. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ ba.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo đã đi con đường. Vị này nghĩ: "Ta đã đi con đường ấy. Khi ta đi con đường, ta không có thể suy tư đến giáo pháp của chư Phật. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ tư.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo trong khi đi khát thực tại làng hay tại đô thị, không nhận được các loại đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm đầy đủ như ý muốn. Vị này

nghĩ: "Ta trong khi đi khát thực tại làng hay tại đô thị, không nhân được các loại đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm, đầy đủ như ý muốn. Thân ta như vậy nhẹ nhàng có thể làm việc. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Và vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ năm.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo trong khi đi khát thực tại làng hay tại đô thị được các loại đồ ăn loại cứng hay loại đồ ăn loại mềm, đầy đủ như ý muốn. Vị này nghĩ: "Ta trong khi đi khát thực tại làng hay tại đô thị, nhân được các loại đồ ăn loại cứng hay đồ ăn loại mềm, đầy đủ như ý muốn. Như vậy thân ta mạnh, có thể làm việc, vậy Ta hãy cố gắng tinh tấn..." Và vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ sáu.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo bị đau bệnh nhẹ. Vị ấy nghĩ: "Ta nay bị đau bệnh nhẹ, sự kiện này có thể xảy ra, bệnh này có thể trầm trọng hơn. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn..." Và vị ấy tinh tấn... Như vậy là tinh tấn sự thứ bảy.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo mới đau bệnh dậy, mới khỏi bệnh không bao lâu.

Vị ấy nghĩ: "Ta mới đau bệnh dây, mới khỏi bệnh không bao lâu. Sự kiện này có thể xảy ra, bệnh của ta có thể trở lại. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn để đạt được điều gì chưa đạt được, thành tựu điều gì chưa thành tựu được, chứng ngộ điều gì chưa chứng ngộ được". Và vị ấy tinh tấn để đạt được điều gì chưa đạt được, thành tựu điều gì chưa thành tựu được, và chứng ngộ điều gì chưa chứng ngộ được. Đó là tinh tấn sự thứ tám.

17. **Tám bố thí sự:**

9. Có người đến nên bố thí.
10. Vì sợ nên bố thí.
11. Vì "người ấy cho tôi", nên bố thí.
12. Vì "người ấy sẽ cho tôi", nên bố thí.
13. Vì suy nghĩ: "Bố thí là tốt lành", nên bố thí.
14. Vì suy nghĩ: "Ta nấu, họ không nấu. Thật không phải, nếu ta nấu mà không cho gì những người không nấu", nên bố thí.
15. Vì suy nghĩ: "Nay ta bố thí, tiếng đồn tốt đẹp

sẽ được truyền đi", nên bố thí.

16. Vì muốn trang nghiêm tâm và tư trợ tâm nên bố thí.

18. **Tám thí sanh:**

9. Đây các Hiền giả, có người bố thí cho Sa môn hay Bà la môn, đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, hoa man, hương xông, hương thoa, sàng tọa, phòng xá, đèn sáng. Đồ vật vị này bố thí, vị này mong được bố thí trở lại. Người này thấy người Sát đế ly có nhiều tài sản, người Bà la môn có nhiều tài sản, hay người gia chủ có nhiều tài sản, được sung mãn, cụ túc, thụ hưởng năm món dục lạc. Vị này nghĩ: "Mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh là một trong những người Sát đế ly có nhiều tài sản, người Bà la môn có nhiều tài sản hay người gia chủ có nhiều tài sản". Vị này nắm vững tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Tâm này được giải thoát trong tầm hạ liệt, không tu tập cao hơn, nên đưa đến tái sanh trong tầm ấy. Và tôi xác nhận, đây là trường hợp một vị đầy đủ giới luật, không phải vị phá giới luật. Đây các Hiền giả, tâm nguyện của một vị giữ giới

được thành tựu nhờ sự thanh tịnh.

10. Nay các Hiền giả, lại nữa, ở đây, có người bố thí cho Sa môn hay Bà la môn, đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, hoa man, hương xông, hương thoa, sàng tọa, phòng xá, đèn sáng. Đồ vật vị này bố thí, vị này mong được trở lại. Vị này nghe: "Tứ Đại Thiên vương thọ mạng lâu dài, đẹp trai và nhiều an lạc". Vị này nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh thành một trong hàng Tứ Đại Thiên vương". Vị này nắm vững tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Tâm này được giải thoát trong tầm hạ liệt, không tu tập cao hơn, nên đưa đến tái sanh trong tầm ấy. Và tôi xác nhận đây là trường hợp một vị đầy đủ giới luật, không phải vị phá giới luật. Nay các Hiền giả, tâm nguyện của một vị giữ giới được thành tựu nhờ sự thanh tịnh.
11. Nay các Hiền giả, lại nữa, ở đây, có người bố thí cho Sa môn hay Bà la môn, đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, hoa man, hương xông, hương thoa, sàng tọa, phòng xá, đèn sáng. Đồ vật vị này bố thí, vị này mong được trở lại. Vị này nghe: "Chư Thiên Tam thập tam

thiên...

12. ...chư Thiên Dạ ma...

13. ...chư Thiên Đâu suất...

14. chư Thiên Hóa Lạc...

15. chư Thiên Tha Hóa Tự tại được sống lâu, đẹp trai, được nhiều an lạc". Vị này nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh thành một trong hàng chư Thiên Thoa Hóa Tự tại". Vị này nắm vững tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Tâm này được giải thoát trong tầm hạ liệt, không tu tập cao hơn, nên đưa đến tái sanh trong tầm ấy. Và tôi xác nhận, đây là trường hợp một vị đầy đủ giới luật, không phải vị phá giới luật. Nay các Hiền giả, tâm nguyện của một vị giữ giới được thành tựu nhờ sự thanh tịnh.

16. Nay các Hiền giả, lại nữa, ở đây, có người bố thí cho Sa môn hay Bà la môn, đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, hoa man, hương xông, hương thoa, sàng tọa, phòng xá, đèn sáng. Đồ vật vị này bố thí, vị này mong được trở lại. Vị này nghe: "Chư Thiên Phạm Chúng thọ mạng lâu dài, đẹp trai và nhiều an lạc".

Vị này nghĩ: "Mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh thành một trong hàng Phạm Chúng thiên". Vị này nắm vững tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Tâm này được giải thoát trong tầm hạ liệt, không tu tập cao hơn, nên đưa đến tái sanh trong tầm ấy. Và tôi xác nhận đây là...trường hợp một vị đầy đủ giới luật, không phải vị phá giới luật. Nay các Hiền giả, tâm nguyện của một vị giữ giới được thành tựu nhờ sự thanh tịnh.

19. **Tám chúng:**

- Chúng Sát đế ly, chúng Bà la môn, chúng Gia chủ, chúng Sa môn,
- Chúng Tứ Đại Thiên vương, chúng Tam thập tam thiên, chúng (Thiên) Ma, chúng Phạm thiên.

20. **Tám thể pháp:**

- Đắc, bất đắc, danh văn, ác văn, phi báng, tán thán, lạc và khổ.

21. **Tám thắng xứ:**

9. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại

ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ nhất.

10. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ hai.
11. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ ba.
12. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tư.
13. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như bông gai màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như lụa Ba la nại, cả hai mặt láng trơn, màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy

các loại ngoại sắc màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ năm.

14. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như bông kanikàra màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như lụa Ba la nại cả hai mặt láng trơn màu vàng, sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ sáu.
15. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như bông bandhujīvaka màu đỏ - như lụa Ba la nại cả hai mặt láng trơn màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng sắc

đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ bảy.

16. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như sao mai osadhi màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, như lụa Ba la nại cả hai mặt lóng trón màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm thấy các loại ngoại sắc màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tám.

22. Tám giải thoát:

9. Tự mình có sắc, thấy các sắc; đó là giải thoát thứ nhất.
10. Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc; đó là giải thoát thứ hai.
11. Quán tưởng nội sắc là tịnh, chú tâm trên suy

tưởng ấy; đó là giải thoát thứ ba.

12. Vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng hữu đối, không suy tư đến những tưởng khác biệt, với suy tư "Hư không là vô biên" chứng và trú Không vô biên xứ; đó là giải thoát thứ tư.
13. Vượt khỏi hoàn toàn Hư không vô biên xứ, với suy tư "Thức là vô biên" chứng và trú Thức vô biên xứ; đó là giải thoát thứ năm.
14. Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "không có vật gì" chứng và trú Vô sở hữu xứ; đó là giải thoát thứ sáu.
15. Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là giải thoát thứ bảy.
16. Vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng, đó là giải thoát thứ tám.

Này các Hiền giả, tám pháp này được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đăng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận... vì lợi ích, vì hạnh

phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

2. Nay các Hiền giả, có chín pháp được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là chín?

7. **Chín xung đột sự:**

10. "Người ấy đã làm hại tôi", xung đột khởi lên.
11. "Người ấy đang làm hại tôi", xung đột khởi lên.
12. "Người ấy sẽ làm hại tôi", xung đột khởi lên.
13. "Người ấy đã làm hại người tôi thương, người tôi mến"...
14. "Người ấy đang làm hại..."
15. "Người ấy sẽ làm hại...", xung đột khởi lên.
16. "Người ấy đã làm lợi cho người tôi"

không thương, không mến...

17. Người ấy đang làm lợi...

18. Người ấy sẽ làm lợi...", xung đột khởi lên.

8. **Chín sự điều phục xung đột:**

10. "Người ấy đã làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy xung đột được điều phục.

11. "Người ấy đang làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?". Nhờ vậy xung đột được điều phục.

12. "Người ấy sẽ làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy, xung đột được điều phục.

13. "Người ấy đã làm hại người tôi thương,

14. Người ấy đang làm hại...

15. Người ấy sẽ làm hại người tôi thương, người tôi mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như

vậy?" Nhờ vậy xung đột được điều phục.

16. "Người ấy đã làm lợi cho người tôi không thương, không mến...

17. Người ấy đang làm lợi...

18. Người ấy sẽ làm lợi... Có ích lợi gì mà nghĩ như vậy?" Nhờ vậy xung đột được điều phục.

9. Chín chỗ an trú của loài hữu tình:

10. Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình, thân sai biệt, tướng sai biệt, như loài Người, một số chư Thiên, một số ở tại các đạo xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ nhất.

11. Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình, thân sai biệt, tướng đồng nhất, như Phạm Chúng thiên khi mới tái sanh. Đó là hữu tình trú xứ thứ hai.

12. Đây các Hiền giả, có loài hữu tình, thân đồng nhất, tướng sai biệt như chư Quang Âm thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ ba.

13. Đây các Hiền giả, có loài hữu tình, thân đồng nhất, tướng đồng nhất như chư Tịnh Cư thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ tư.
14. Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình không có tướng, không có thọ, như chư Vô Tướng thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ năm.
15. Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi sắc tướng một cách hoàn toàn, diệt trừ các sân tướng, không có tác ý sai biệt tướng, chứng được Hư không vô biên xứ: "Hư không là vô biên". Đó là hữu tình trú xứ thứ sáu.
16. Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Hư không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng Thức vô biên xứ: "Thức là vô biên". Đó là hữu tình trú xứ thứ bảy.
17. Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng Vô sở hữu xứ: "Không có gì tất cả". Đó là hữu tình trú xứ thứ tám.

18. Nay các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng Phi tướng phi phi tướng xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ chín.

10. **Phạm hạnh trú, chín bất thời bất tiết:**

10. Nay các Hiền giả, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào địa ngục. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ nhất.

11. Nay các Hiền giả, lại nữa, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào bàng sanh. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ hai.

12. ... sanh vào ngạ quỷ...

13. ...sanh vào hàng A tu la...

14. ... sanh vào hàng chư Thiên được thọ

mạng lâu dài...

15. ... sanh vào các biên địa, giữa các loài mọi rợ vô trí, những chỗ mà các hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ không có đất đứng. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ sáu.
16. Nay các Hiền giả, lại nữa, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy được sanh vào các trung quốc, nhưng lại theo tà kiến điên đảo: "Không có bố thí, không có cúng dường, không có cúng tế, không có quả báo các hành vi thiện ác, không có đời này, không có các loài hóa sanh, không có các vị Sa môn, Bà la môn đã chứng đạt chơn chánh, đã thực thành chơn chánh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ thế giới này với thế giới sau và tuyên thuyết. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ bảy.
17. Nay các Hiền giả, lại nữa, Thế Tôn xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh

Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến đến giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sinh vào tại các nước trung quốc, nhưng ác huệ, ngu si, điếc, ngọng, không biết nghĩa lý được khéo nói hay vựng nói. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ tám.

18. Nay các Hiền giả, lại nữa Thế Tôn xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, nhưng Pháp không được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến đến giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị, và người ấy sanh vào tại các nước trung quốc nhưng có trí tuệ, không ngu si, không điếc ngọng, biết nghĩa lý được khéo nói hay vựng nói. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ chín.

11. **Chín thứ đệ trú:**

10. Nay các Hiền giả, ở đây có vị Tỷ kheo, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú vào Thiền thứ nhất, có tâm có tứ có hỷ lạc do ly dục sanh.

11. Diệt tầm diệt tứ... Thiền thứ hai...

12. ...Thiền thứ ba...
13. ... chứng và trú vào Thiền thứ tư.
14. Sau khi vượt qua các sắc tướng một cách hoàn toàn, sau khi trừ diệt các hữu đối tượng, không có tác ý với các sai biệt tướng, chứng và trú Hư không vô biên xứ: "Hư không là vô biên".
15. Sau khi vượt qua Hư không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Thức vô biên xứ: "Thức là vô biên"
16. Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Vô sở hữu xứ: "Không có sự vật gì tất cả".
17. Sau khi vượt qua một cách hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ.
18. Sau khi vượt qua Phi tướng phi phi tướng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tướng định.

12. **Chín thứ đệ diệt:**

10. Thành tựu Sơ thiền, các dục tướng bị đoạn diệt;
11. Thành tựu đệ Nhị thiền, các tầm tứ bị đoạn diệt;
12. Thành tựu đệ Tam thiền, hỷ bị đoạn diệt;
13. Thành tựu đệ Tứ thiền, hơi thở vào hơi thở ra bị đoạn diệt;
14. Thành tựu Hư không vô biên xứ, sắc tướng bị đoạn diệt;
15. Thành tựu Thức vô biên xứ, Hư không vô biên xứ tướng bị đoạn diệt;
16. Thành tựu Vô sở hữu xứ, Thức vô biên xứ tướng bị đoạn diệt;
17. Thành tựu Phi tướng phi phi tướng xứ, Vô sở hữu xứ tướng bị đoạn diệt;
18. Thành tựu Diệt thọ tướng (định), các tướng và các thọ bị đoạn diệt.

Này các Hiền giả, chín pháp này được Thế Tôn chọn

chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đăng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

3. Này Hiền giả, có mười pháp được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A la hán, Chánh Đăng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc... vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là mười?

7. **Mười hộ trì nhân pháp:**

11. Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo có **giới hạnh**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi, chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp. Này các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào có giới hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

12. Này các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo **nghe nhiều**, gìn giữ những gì đã nghe,

chất chứa những gì đã nghe. Những pháp ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý căn cứ cụ túc, đề cao đời sống Phạm hạnh, hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh những pháp ấy, vị đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ tụng đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào, đa văn... khéo thành tựu nhờ chánh kiến, pháp như vậy là hộ trì nhân.

13. Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo là **thiện hữu**, thiện bạn hữu, là thiện bạn đảng, là hộ trì nhân. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào là thiện hữu, là thiện bạn hữu, là thiện bạn đảng. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

14. Nay các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo **thiện ngôn**, đầy đủ sự nhu hòa và khiêm nhường, nhẫn nại và nhận sự chỉ trích một cách cung kính. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào thiện ngôn... nhận sự chỉ trích một cách cung kính. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

15. Nay các Hiền giả, khi nào **có những**

trách nhiệm cần phải làm đối với các vị đồng Phạm hạnh niên lạc cao hơn, vị ấy khéo léo, không có biếng nhác, suy tư một cách đầy đủ các phương tiện, vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức. Nay các Hiền giả, một vị Tỷ kheo nào, đối với các vị đồng Phạm hạnh... vừa đủ để tổ chức. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

16. Nay các Hiền giả, lại nữa có vị Tỷ kheo **ưa Pháp**, ái luyện nói Pháp, tự mình vô cùng hoan hỷ đối với Thắng pháp, Thắng luật. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào ưa Pháp... vô cùng hoan hỷ đối với Thắng pháp, Thắng luật. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

17. Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo **tự mình bằng lòng với các vật dụng** nhận được như y phục, ẩm thực, sàng tọa, bệnh dược. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào tự bằng lòng... Pháp như vậy là hộ trì nhân.

18. Nay các Hiền giả, lại nữa vị Tỷ kheo **sống tinh tấn** siêng năng đoạn trừ các ác pháp, thành tựu các thiện pháp, cương

quyết, kiên trì tinh tấn, nhẫn trì không phé bỏ các thiện pháp. Nay các Hiền giả, một vị Tỷ kheo nào sống tinh tấn siêng năng... nhẫn trì không phé bỏ các thiện pháp. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

19. Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo **chánh niệm**, đầy đủ tối thượng niệm và tỉnh giác, nhớ đến và ghi nhớ những điều nói và làm từ lâu. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào có chánh niệm, ghi nhớ những điều đã nói và làm từ lâu. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

20. Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ kheo **có huệ trí**, đầy đủ sanh diệt trí, hướng đến sự quyết trạch các bậc Thánh, chơn chánh diệt trừ mọi đau khổ. Nay các Hiền giả, vị Tỷ kheo nào có huệ trí... chơn chánh diệt trừ mọi đau khổ. Pháp như vậy là hộ trì nhân.

8. **Mười biến xứ:**

11. Một vị nào biết được địa biến xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng.

12. Một vị biết được thủy biến...

13. Một vị biết được hỏa biến...
14. Một vị biết được phong biến...
15. Một vị biết được thanh biến...
16. Một vị biết được hoàng biến...
17. Một vị biết được xích biến...
18. Một vị biết được bạch biến...
19. Một vị biết được hư không biến...
20. Một vị biết được thức biến, trên dưới, ngang, bất nhị, vô lượng.

9. **Mười bất thiện nghiệp đạo:**

- Sát sanh, thâm đạo, tà dâm, vọng ngôn, lường thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham, sân, tà kiến.

10. **Mười thiện nghiệp đạo:**

- Ly sát sanh, ly thâm đạo, ly tà dâm, ly vọng ngôn, ly lường thiệt, ly ác khẩu, ly ý ngữ, ly tham, ly sân, ly si.

11. **Mười Thánh cư:**

- **Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo đoạn trừ năm chi, đầy đủ sáu chi, một hộ trì, thực hiện bốn y, loại bỏ các giáo điều, đoạn tận các mong cầu, tâm tư không trệ phược, thân thể khinh an, tâm thiện giải thoát, tuệ thiện giải thoát.**

11. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo đoạn trừ năm chi?* Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân, đoạn trừ hôn trầm thùy miên, đoạn trừ trạo hối, đoạn trừ nghi. Này các hiền giả, như vậy là đoạn trừ năm chi.

12. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo đầy đủ sáu chi?* Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo mắt thấy sắc, không có thích ý, không có phật ý, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, tại nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức pháp, không có thích ý, không có phật ý, trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ kheo đầy đủ sáu chi.

13. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ*

kheo một hộ trì? Đây các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo thành tựu sự hộ trì về niệm. Đây các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ kheo một hộ trì.

14. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo có thực hiện bốn y?* Đây các Hiền giả, vị Tỷ kheo sau khi suy tư, **tho dung** một pháp; sau khi suy tư, **nhẫn thọ** một pháp; sau khi suy tư, **đoạn trừ** một pháp; sau khi suy tư **tránh xa** một pháp. Đây các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ kheo thực hiện bốn y.

15. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo loại bỏ các giáo điều?* Đây các Hiền giả, ở đây, tất cả những giáo điều thông thường mà các vị Sa môn thông thường chủ trương, vị Tỷ kheo đều loại bỏ, phóng xả. Đây các Hiền giả, như vậy gọi là Tỷ kheo loại bỏ các giáo điều.

16. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo đoạn tận các mong cầu?* Đây các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo đoạn trừ các mong cầu về dục vọng, đoạn trừ các mong cầu về hiện hữu, làm cho an tịnh

các mong cầu về phạm hạnh. Nay các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ kheo đoạn tận các mong cầu.

17. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo, tâm tư không trê phược?* Nay các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo đoạn trừ các tâm tư dục vọng, đoạn trừ các tâm tư sân hận, đoạn trừ các tâm tư não hại. Nay các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ kheo, tâm tư không trê phược.

18. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo, thân hành được khinh an?* Nay các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ kheo đoạn trừ lạc, đoạn trừ khổ, diệt các hỷ ưu từ trước, chúng và an trú thiền thứ tư, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh. Nay các Hiền giả, như vậy vị Tỷ- kheo thân hành được khinh an.

19. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ- kheo, tâm thiện giải thoát?* Nay các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ- kheo tâm giải thoát khỏi tham, tâm giải thoát khỏi sân, tâm giải thoát khỏi si. Nay các Hiền giả, như vậy vị Tỷ kheo tâm thiện giải thoát.

20. *Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ kheo tuệ thiện giải thoát?*

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ-kheo biết rằng: "Tham tâm của ta đã được trừ, căn tận gốc rễ, như cây ta-la bị chặt, đi đến chỗ không hiện hữu, không có khả năng sanh khởi trong tương lai".
- Vị ấy biết rằng: "Sân tâm của ta đã đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, như cây ta-la bị chặt, đi đến chỗ không hiện hữu, không có khả năng sanh khởi trong tương lai".
- Vị ấy biết rằng: "Si tâm của ta đã đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, như cây ta-la bị chặt, đi đến chỗ không hiện hữu, không có khả năng sanh khởi trong tương lai. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ kheo tuệ thiện giải thoát.

12. **Mười pháp vô học:**

- Vô học Chánh tri kiến, vô học Chánh tư duy, vô học Chánh ngữ, vô học Chánh nghiệp, vô

học Chánh mạng, vô học Chánh tinh tấn, vô học Chánh niệm, vô học Chánh định, vô học Chánh trí, vô học Chánh giải thoát.

Này các Hiền giả, mười pháp này được Thế Tôn chọn chánh giảng dạy, vị đã biết, đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Ở đây, mọi người phải cùng nhau tụng đọc, không có tranh luận, để phạm hạnh này được trường tồn, được duy trì lâu dài, vì hạnh phúc cho mọi loài, vì an lạc cho mọi loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

4. Rồi Thế Tôn ngồi dậy và bảo tôn giả Sàriputta:

- Lành thay, lành thay Sàriputta! Này Sàriputta, Ngươi đã khéo giảng, khéo tụng kinh này cho chúng Tỷ kheo.

Tôn giả Sàriputta thuyết giảng như vậy. Bậc Đạo Sư chấp thuận. Các vị Tỷ kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của tôn giả Sàriputta.

159 Thức ăn - ĐẠI KINH ĐOẠN TẬN ÁI – 38 Trung I, 559

ĐẠI KINH ĐOẠN TẬN ÁI (**Mahatanha sankhaya suttam**)

– Bài kinh số 38 – *Trung I*, 559

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, *Tỷ-kheo tên là Sati, con của người đánh cá, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này dong ruồi, luân chuyển nhưng không đổi khác".*

Một số đông Tỷ-kheo nghe như sau: "Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này dong ruồi, luân chuyển nhưng không đổi khác"". Rồi những Tỷ-kheo ấy đi đến chỗ Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá ở, khi đến xong liền nói với Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá như sau:

– Nay Hiền giả Sati, có đúng sự thật chẳng, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng... (như trên)... nhưng không đôi khác".

– Thật sự là vậy, chư Hiền, theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này dong ruỗi, luân chuyển nhưng không đôi khác.

Rồi những Tỷ-kheo ấy muốn Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cất ván, nạn vắn lý do, thảo luận:

– Hiền giả Sati, chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Sati, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi; không có duyên thì thức không hiện khởi.

Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, dù được các Tỷ-kheo ấy cất ván, thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy.

– Thật sự là vậy, chư Hiền. Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này dong ruỗi, luân chuyển, nhưng không đôi khác.

Vì các Tỷ-kheo ấy không thể làm cho Tỷ-kheo

Sati, con người đánh cá từ bỏ ác tà kiến ấy, nên các vị ấy đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, đánh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này dong ruỗi, luân chuyển, nhưng không đổi khác". Bạch Thế Tôn, chúng con nghe: "Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này dong ruỗi, luân chuyển, nhưng không đổi khác"". Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến chỗ Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá ở, khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá:

"– Này Hiền giả Sati, có đúng sự thật chăng? Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... nhưng không đổi khác"".

Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá nói với chúng con như sau:

"– Thật sự là vậy, chư Hiền. Theo như tôi hiểu... nhưng không đổi khác.

Bạch Thế Tôn, chúng con muốn khiến Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cất vắn, nạn vắn lý do, thảo luận:

"– Hiền giả Sati chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Sati, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi, không có duyên thì thức không hiện khởi.

"Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá dầu cho được chúng con cất vắn, nạn vắn lý do, thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy:

"– Thật sự là vậy, theo tôi hiểu, Thế Tôn thuyết giảng..., nhưng không đổi khác".

Bạch Thế Tôn, vì chúng con không thể làm cho Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên chúng con đến hỏi Thế Tôn ý nghĩa này.

Rồi Thế Tôn cho gọi là một Tỷ-kheo khác:

– Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, gọi Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá: "Hiền giả Sati, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đến chỗ Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, sau khi đến, liền nói với Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá:

– Hiền giả Sati, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá đáp lời Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá đang ngồi xuống một bên:

– *Này Sati, có thật chẳng, Ông khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này dong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác"?*

– Thật sự là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này dong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác.

– *Này Sati, thế nào là thức ấy?*

– Bạch Thế Tôn, *chính thức ấy nói cảm thọ, thọ*

lãnh chỗ này, chỗ kia, kết quả các hành động thiện ác.

– Đây kẻ mê mờ kia, vì ai mà Ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy. Đây kẻ mê mờ kia, có phải chẳng, Ta đã dùng nhiều pháp môn nói là **thức** do duyên khởi, không có duyên, thì thức không hiện khởi? Và đây kẻ mê mờ kia, không những Ông xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông còn tự phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Đây kẻ mê mờ kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– *Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, có thể khởi lên tia lửa sáng gì trong Pháp, Luật này không?*

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể có được, không thể được, bạch Thế Tôn.

Được nói vậy, Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, im lặng, hổ ngươi, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng. Rồi Thế Tôn sau khi biết được Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, đang im lặng, hổ ngươi, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng, bèn nói với Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá.

– Nay kẻ mê mờ kia, người ta sẽ biết Ông qua ác tà kiến của chính Ông. Ở đây, Ta sẽ hỏi các Tỷ-kheo.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– *Chư Tỷ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta thuyết giảng giống như Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá này, không những đã xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, mà còn tự phá hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức?*

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi, không có duyên, thức không hiện khởi.

– Lành thay, chư Tỷ-kheo, lành thay, chư Tỷ-kheo, các Ông hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy! Chư Tỷ-kheo, **Ta đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi. Không có duyên, thức không hiện khởi.** Nhưng Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, không những xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, còn tự phá hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho kẻ mê mờ ấy.

Này các Tỷ-kheo, do duyên mà thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và

các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên là tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức.

Này các Tỷ-kheo, do duyên nào lửa sanh và lửa ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên củi, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa củi. Duyên vỏ gỗ bào, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa vỏ bào. Duyên cỏ, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa cỏ. Duyên phân bò, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa phân bò. Duyên trấu, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa trấu. Duyên đóng rác, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa đóng rác.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên, thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên và tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh, và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức

sanh, và thức ấy có tên là ý thức.

Này các Tỷ-kheo, *các Ông có thấy sanh vật này không?*

– Bạch Thế Tôn, có thấy.

– Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy sự tác thành sanh vật do món ăn ấy không?

– Bạch Thế Tôn có thấy.

– Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy, do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật ấy cũng bị đoạn diệt không?

– Bạch Thế Tôn, có thấy.

– Này các Tỷ-kheo, vì do dự nên nghi hoặc sanh.

– Sanh vật này có thể không có mặt?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Này các Tỷ-kheo, vì do dự nên nghi hoặc sanh. Sự tác thành của món ăn ấy có thể có hay không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Nay các Tỷ-kheo, vì do dự nên nghi hoặc sanh. Do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật ấy có thể bị đoạn diệt hay không bị đoạn diệt?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Nay các Tỷ-kheo, nếu thấy như thật với chánh trí tuệ, thì sự nghi ngờ này được trừ diệt. Sanh vật này có thể không có mặt.

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Nay các Tỷ-kheo, nếu thấy như thật với chánh trí tuệ, thì sự nghi ngờ này được trừ diệt. Sự tác thành của món ăn ấy có thể có hay không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy. (???)

– Nay các Tỷ-kheo, nếu thấy như thật với chánh trí tuệ, thì sự nghi ngờ này được trừ diệt. Do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật có thể bị đoạn diệt hay không bị đoạn diệt?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Nay các Tỷ-kheo, sanh vật này có mặt, (đối với vấn đề này), ở đây, các Ông có phải không có nghi hoặc không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Nay các Tỷ-kheo, sự tác thành của món ăn ấy, (đối với vấn đề này), ở đây, các Ông có phải không có nghi hoặc không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Nay các Tỷ-kheo, do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật ấy có thể bị đoạn diệt, (đối với vấn đề này), ở đây, các Ông có phải không có nghi hoặc không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Nay các Tỷ-kheo, sanh vật này có mặt, (đối với vấn đề này) có phải các Ông khéo thấy, nhờ như thật chánh trí tuệ không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Nay các Tỷ-kheo, sự hiện hữu của sanh vật ấy là do các món ăn ấy tác thành, có phải các Ông khéo thấy nhờ như thật chánh trí tuệ không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– Nay các Tỷ-kheo, do sự đoạn diệt các món ăn

ấy, sanh vật ấy có thể bị đoạn diệt, (đối với vấn đề này), có phải các Ông khéo thấy nhờ như thật chánh trí tuệ không?

– Bạch Thế Tôn, có vậy.

– *Này các Tỷ-kheo, đối với tri kiến này được thanh tịnh như vậy, được làm cho trong sáng như vậy, nếu các Ông chấp trước, lấy làm hãnh diện, truy cầu, xem là của mình, thì này các Tỷ-kheo, các Ông có thể hiểu ví dụ chiếc bè, nói Pháp được giảng dạy là để đưa vượt qua, không phải để nắm lấy.*

– Bạch Thế Tôn, không.

– Nhưng này các Tỷ-kheo, đối với tri kiến này được thanh tịnh như vậy, được làm cho trong sáng như vậy, nếu các Ông không chấp trước, không lấy làm hãnh diện, không truy cầu, không xem là của mình, thì này các Tỷ-kheo, các Ông có thể hiểu ví dụ của mình, thì này các Tỷ-kheo, các Ông có thể hiểu ví dụ là của mình (???), thì này các Tỷ-kheo, các Ông có thể hiểu ví dụ chiếc bè, nói Pháp được giảng dạy là để đưa vượt qua, không phải để nắm lấy.

– Bạch Thế Tôn, có.

– Nay các Tỷ-kheo, có **bốn món ăn giúp cho an trú các loài hữu tình đã sanh hay phò trợ các loài hữu tình sẽ sanh**. Thế nào là bốn? Đoàn thực hoặc thô hoặc tế, thứ hai là xúc thực, thứ ba là tư niệm thực, và thứ tư là thức thực.

Và nay các Tỷ-kheo bốn món ăn này, lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? **Bốn món ăn này lấy ái làm nhân duyên, lấy ái làm tập khởi, lấy ái làm sanh chủng, lấy ái làm nguyên nhân.**

Này các Tỷ-kheo, ái này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? **Ái lấy thọ làm nhân duyên**, lấy thọ làm tập khởi, lấy thọ làm sanh chủng, lấy thọ làm nguyên nhân.

Này các Tỷ-kheo, thọ này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? **Thọ lấy xúc làm nhân duyên**, lấy xúc làm tập khởi, lấy xúc làm sanh chủng, lấy xúc làm nguyên nhân.

Này các Tỷ-kheo, xúc này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? **Xúc lấy sáu nhập làm nhân duyên**, lấy sáu nhập làm tập khởi, lấy sáu nhập làm

sanh chủng, lấy sáu nhập làm nguyên nhân.

Này các Tỷ-kheo, sáu nhập này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? *Sáu nhập lấy danh sắc làm nhân duyên, lấy danh sắc làm tập khởi, lấy danh sắc làm sanh chủng, lấy danh sắc làm nguyên nhân.*

Này các Tỷ-kheo, danh sắc này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? *Danh sắc lấy thức làm nhân duyên, lấy thức là tập khởi, lấy thức làm sanh chủng, lấy thức làm nguyên nhân.*

Này các Tỷ-kheo, thức này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? *Thức lấy hành làm nhân duyên, lấy hành làm tập khởi, lấy hành làm sanh chủng, lấy hành làm nguyên nhân.*

Này các Tỷ-kheo, các hành này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? *Các hành lấy vô minh làm sanh chủng, lấy vô minh làm nguyên nhân.*

Như vậy, này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ,

thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được hiện hữu. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

– Trước đã nói: Sanh duyên già, chết (Do duyên sanh nên già, chết hiện khởi). Nay các Tỷ-kheo, sanh duyên già, chết có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, sanh duyên già, chết. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Sanh duyên già, chết.

- Trước đã nói: hữu duyên sanh. Nay các Tỷ-kheo, hữu duyên sanh có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, hữu duyên sanh. Như vậy, đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Hữu duyên sanh.

- Trước đã nói: Thủ duyên hữu. Nay các Tỷ-kheo, thủ duyên hữu có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, thủ duyên hữu. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Thủ duyên hữu.

– Trước đã nói: Ái duyên thủ. Nay các Tỷ-kheo, ái duyên thủ có phải không? Hay ở đây, (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, ái duyên thủ. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Ái duyên thủ.

– Trước đã nói: Thọ duyên ái. Nay các Tỷ-kheo, thọ duyên ái có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, thọ duyên ái. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Thọ duyên ái.

– Trước đã nói: Xúc duyên thọ. Nay các Tỷ-kheo, xúc duyên thọ có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, xúc duyên thọ. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Xúc duyên thọ.

– Trước đã nói: Sáu nhập duyên xúc. Nay các Tỷ-kheo, sáu nhập duyên xúc có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, sáu nhập duyên xúc. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Sáu nhập duyên xúc.

– Trước đã nói: Danh sắc duyên sáu nhập. Nay các Tỷ-kheo, danh sắc duyên sáu nhập có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, danh sắc duyên sáu nhập. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Danh sắc duyên sáu nhập.

– Trước đã nói: Thức duyên danh sắc. Nay các Tỷ-kheo, thức duyên danh sắc có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, thức duyên danh sắc. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Thức duyên danh sắc.

– Trước đã nói: Hành duyên thức. Nay các Tỷ-kheo, hành duyên thức có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, hành duyên thức. Như vậy, đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Hành duyên thức.

– Trước đã nói: Vô minh duyên hành. Nay các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, vô minh duyên hành. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Vô minh duyên hành.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Các Ông nói như vậy và Ta cũng nói như vậy: "Cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh", như vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não cùng sanh khởi. Như vậy, là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. *Do vô minh đoạn diệt, xả ly một cách hoàn toàn nên các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt. Do sáu nhập diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.*

Trước đã nói: Do sanh diệt nên già, chết diệt. Này các Tỷ-kheo, do sanh diệt nên già, chết diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do sanh diệt nên già, chết diệt.

Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do sanh diệt nên già, chết diệt.

– Trước đã nói: Do hữu diệt nên sanh diệt. Nay các Tỷ-kheo, do hữu diệt nên sanh diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do hữu diệt nên sanh diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do hữu diệt nên sanh diệt.

– Trước đã nói: Do thủ diệt nên hữu diệt. Nay các Tỷ-kheo, do thủ diệt nên hữu diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do thủ diệt nên hữu diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do thủ diệt nên hữu diệt.

– Trước đã nói: Do ái diệt nên thủ diệt. Nay các Tỷ-kheo, do ái diệt nên thủ diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do ái diệt nên thủ diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do ái diệt nên thủ diệt.

– Trước đã nói: Do thọ diệt nên ái diệt. Nay các

Tỷ-kheo, do thọ diệt nên ái diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do thọ diệt nên ái diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do thọ diệt nên ái diệt.

– Trước đã nói: Do xúc diệt nên thọ diệt. Nay các Tỷ-kheo, do xúc diệt nên thọ diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do xúc diệt nên thọ diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do xúc diệt nên thọ diệt.

– Trước đã nói: Do sáu nhập diệt nên xúc diệt. Nay các Tỷ-kheo, do sáu nhập diệt nên xúc diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do sáu nhập diệt nên xúc diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do sáu nhập diệt nên xúc diệt.

– Trước đã nói: Do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt. Nay các Tỷ-kheo, do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do danh sắc diệt nên sáu nhập

diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt.

– Trước đã nói: Do thức diệt nên danh sắc diệt. Nay các Tỷ-kheo, do thức diệt nên danh sắc diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do thức diệt nên danh sắc diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do thức diệt nên danh sắc diệt.

– Trước đã nói: Do hành diệt nên thức diệt. Nay các Tỷ-kheo, do hành diệt nên thức diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do hành diệt nên thức diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do hành diệt nên thức diệt.

– Trước đã nói: Do vô minh diệt nên hành diệt. Nay các Tỷ-kheo, do vô minh diệt nên hành diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do vô minh diệt nên hành diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do vô minh diệt nên hành diệt.

– **Lành thay, này các Tỷ-kheo! Các Ông nói như**

vậy và Ta cũng nói như vậy: "Cái này không có nên cái kia không có, cái này diệt nên cái kia diệt", như vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên sáu nhập diệt, sáu nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, các Ông nên biết như vậy, thấy như vậy, *có còn chạy theo thời quá khứ, và suy nghĩ*: "Ta có mặt trong thời quá khứ hay không có mặt trong thời quá khứ? Ta có mặt trong thời quá khứ như thế nào? Ta có mặt trong thời quá khứ, hình vóc như thế nào? Trước kia ta là gì và ta có mặt như thế nào trong thời quá khứ"?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, *có còn chạy theo thời vị lai, và suy nghĩ*: "Ta sẽ có mặt trong thời vị lai hay ta sẽ không có mặt trong thời vị lai? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai như thế nào? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai, hình vóc như thế nào? Trước kia là gì và ta sẽ có mặt như thế nào trong thời vị lai"?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nay các Tỷ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có nghi ngờ gì về mình trong thời hiện tại: "Ta có mặt hay ta không có mặt. Ta có mặt như thế nào? Ta có mặt, hình vóc như thế nào? Hữu tình này từ đâu đến? Và rồi nó sẽ đi đâu"?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nay các Tỷ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có nói như sau: "Bậc Đạo Sư quá nặng nề (?) đối với chúng ta. Chúng ta nói vì chúng ta tôn trọng bậc Đạo Sư"?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nay các Tỷ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có nói như sau: "Một Sa-môn nói với chúng tôi như vậy, các Sa-môn khác cũng vậy(?), và còn chúng tôi không có nói như vậy"?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nay các Tỷ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có tìm một vị Đạo Sư khác không?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có trở lui lại các giới cấm, tế tự (?) đàn tràng của các tục tử Sa-môn, Bà-la-môn (và nghĩ rằng) chúng là căn bản không?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, có phải các Ông chỉ nói những gì các Ông tự biết, tự thấy, tự ý thức được?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo,! Này các Tỷ-kheo, **các Ông đã được ta giới thiệu Chánh Pháp**, Pháp này thiết thực, hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự thân giác hiểu. Này các Tỷ-kheo, Pháp này thiết thực, hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự thân giác hiểu. **Tất cả những gì đã nói là do duyên này mà nói.**

Này các Tỷ-kheo, có ba sự hòa hợp mà một bào thai thành hình:

- Ở đây, cha mẹ có giao hợp và người mẹ không trong thời có thể thụ thai, và hương ẩm (gandhabba) không hiện tiền, như vậy bào thai

không thể thành hình.

- Ở đây, cha và mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, nhưng hương âm (gandhabba) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình.
- Và này các Tỷ-kheo, khi nào cha mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, và hương âm có hiện tiền; có ba sự hòa hợp như vậy, thì bào thai mới thành hình.

Rồi này các Tỷ-kheo, người mẹ trong chín hay mười tháng mang bào thai ấy, với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy. Rồi này các Tỷ-kheo, sau chín hay mười tháng, người mẹ sinh đẻ với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy. Khi đã sinh, người mẹ nuôi (hài nhi ấy) với máu của mình. Này các Tỷ-kheo, *trong luật của bậc Thánh, sữa của bà mẹ được xem là máu.* Này các Tỷ-kheo, đứa trẻ ấy, sau khi lớn lên, sau khi các căn đã thuần thục, chơi với những trò chơi dành cho các đứa trẻ, như với cái cày nhỏ, chơi khăng, chơi nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ đồng bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ. Này các Tỷ-kheo, đứa trẻ sau khi lớn lên, sau khi các căn do mắt nhận thức, được thuần thục, thọ hưởng đầy đủ năm món dục lạc; các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... Các hương do

mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân cảm xúc; các xúc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục.

⇒ Khi thấy sắc bằng mắt, người đó tham ái đối với sắc đẹp, người đó ghét bỏ đối với sắc xấu, người đó sống niệm không an trú trên thân, với một tâm nhỏ mọn. Người đó không như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác bất thiện pháp của người đó được trừ diệt, không có dư tàn.

⇒ Như vậy, đối diện với thân, sơ (thuận, nghịch) có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước thọ ấy.

⇒ Vì tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy, nên dục sanh hỷ, có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, nên dục hỷ sanh. **Có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, tức là chấp thủ.**

⇒ Do duyên thủ nên hữu sanh; do duyên hữu nên sanh sinh khởi; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Khi người đó nghe tiếng với tai... (như trên)... khi người đó ngửi hương với mũi... (như trên)... khi người đó nếm vị với lưỡi... (như trên)... khi người đó

cảm xúc với thân... (như trên)... khi người đó nhận thức pháp với ý, người đó tham ái đối với pháp tốt, ghét bỏ đối với pháp xấu. Người đó sống niệm không an trú trên thân, với một tâm nhỏ mọn. Người đó không như thật tuệ tri đến tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác, bất thiện pháp của người đó được trừ diệt, không còn dư tàn. Như vậy, đối diện với thân, sơ (thuận, nghịch), có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ. Người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy. Vì người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy nên dục hỷ sanh. Có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, tức là chấp thủ. Do duyên thủ nên hữu sanh; do duyên hữu nên sanh sinh khởi; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Ở đời, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự chứng ngộ với thượng trí, thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhơn, lai tuyên thuyết điều Như Lai đã chứng ngộ. Như Lai thuyết pháp, sơ thiên, trung thiên, hậu thiên, đầy đủ văn nghĩa. Như Lai truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy

đủ, thanh tịnh. Người gia trưởng hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp (hạ tiện) nào nghe Pháp ấy. Sau khi nghe Pháp, người ấy sanh lòng kính ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng, vị ấy suy nghĩ: *"Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình"*. Sau một thời gian, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống thành tựu học pháp chánh hạnh:

- Từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.
- Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, sống thanh tịnh, không có trộm cắp.

- Từ bỏ tà hạnh, sống theo phạm hạnh, sống hạnh viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ,
- Từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại đối với đời,
- Từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, không đến nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.
- Từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người.
- Từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh Pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi.

Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hột giống và các loại

cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời, từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, trình diễn, từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thơm và các thời trang, từ bỏ dùng giường cao và giường lớn, từ bỏ nhận vàng bạc, từ bỏ nhận các hạt sống, từ bỏ nhận thịt sống, từ bỏ nhận đàn bà, con gái, từ bỏ nhận nô tỳ, gái và trai, từ bỏ nhận cừu và dê, từ bỏ nhận gia cầm và heo, từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái, từ bỏ nhận ruộng nương và đất đai, từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới, từ bỏ buôn bán, từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc, đo lường, từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo, từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.

Vị ấy **biết đủ** với tám y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y và bình bát). Ví như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, Tỷ-kheo biết đủ với tám y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y và bình bát).

Vị ấy nhờ thành tựu **Thánh giới uân** này nên hưởng được lạc thọ, nội tâm không lỗi lầm.

Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng

chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... (như trên)... mũi ngửi hương... (như trên)... lưỡi nếm vị... (như trên)... thân cảm xúc... (như trên)... ý nhận thức các pháp; vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. **Vị ấy nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không lỗi lầm.**

Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác, khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều **tỉnh giác**, khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác, khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác, khi ăn uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác, khi đi đại tiểu tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác, khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, im lặng đều tỉnh giác.

Vị ấy với sự thành tựu **Thánh giới uẩn** này, với sự thành tựu **Thánh hộ trì căn** này, và với **Thánh chánh niệm tỉnh giác** này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá,

bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng, tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

- Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái.
- Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa, tâm hết sân hận.
- Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên.
- Từ bỏ trạo cử hồi quá, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hồi tiếc.
- Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Sau khi từ bỏ năm triền cái làm ô nhiễm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ, vị ấy ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai,

một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm giác sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng và trú Thiền thứ ba. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

⇒ Khi vị ấy thấy sắc bằng mắt, vị ấy không tham ái đối với sắc đẹp, không ghét bỏ đối với sắc xấu, vị ấy sống an trú niệm trên thân, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chứng mà các ác bất thiện pháp của vị ấy được trừ diệt, không có dư tàn.

⇒ Như vậy từ bỏ (thuận nghịch), có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy.

⇒ Vì vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy, nếu có dục hỷ nào đối với các cảm thọ, dục hỷ ấy được trừ diệt.

⇒ Do dục hỷ của vị ấy diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Khi vị ấy nghe tiếng bằng tai... (như trên)... khi vị ngửi hương bằng mũi... (như trên)... Khi vị ấy nếm vị bằng lưỡi... (như trên)... Khi vị ấy cảm xúc bằng thân... (như trên)... Khi vị ấy nhận thức pháp bằng ý, vị ấy không tham ái đối với pháp tốt, không ghét bỏ đối với pháp xấu. Vị ấy sống an trú niệm trên thân, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính nhờ chúng mà các ác, bất thiện pháp của vị ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy, vị ấy đoạn trừ (thuận nghịch) có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy. Vì vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy, nếu có dục hỷ nào đối với các cảm thọ, dục hỷ ấy được trừ diệt. Do dục hỷ của vị ấy diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, các Ông hãy thọ trì **ái tận giải thoát** này, được Ta nói một cách tóm tắt, nhưng (phải nhớ là) **Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, đã bị mắc trong cái lưới lớn của ái, trong sự rối loạn của ái.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy

hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

160 Thức ăn của Tài sản, nhan sắc.. - Kinh KHẢ LẠC – Tăng IV, 418

KHẢ LẠC – Tăng IV, 418

1. - Có mười pháp này khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời.

2. Thế nào là mười?

1. **Tài sản** khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời.
2. **Dung sắc**...
3. **Không bệnh**...
4. **Các giới đức**...
5. **Phạm hạnh**...
6. **Các bạn bè**...
7. **Nhiều trí**....
8. **Trí tuệ**...
9. **Các pháp**...
10. **Thiên giới**, khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời.

Này các Tỷ-kheo, mười pháp khả lạc, khả lạc, khả hỷ, khả này khó tìm ở đời.

❖ Đây các Tỷ-kheo, đối với mười pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đây, **mười pháp là những chướng ngại.**

1. **Thụ động và không hăng hái** là chướng ngại cho tài sản.
2. **Không trang sức, không tô điểm** là chướng ngại cho dung sắc.
3. **Hành động không thích ứng** là chướng ngại cho không bệnh.
4. **Ác bằng hữu** là chướng ngại cho giới đức.
5. **Không chế ngự các căn** là chướng ngại cho Phạm hạnh.
6. **Lừa dối** là chướng ngại cho các bạn bè.
7. **Không học tập** là chướng ngại cho nhiều trí.
8. **Không nghe, không hỏi** là chướng ngại cho trí tuệ.
9. **Không có chú tâm, không có quán sát** là chướng ngại cho các pháp.
10. **Tà hạnh** là chướng ngại cho Thiên giới.

Này các Tỷ-kheo, đối với mười pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm ở đời này, mười pháp này là những chướng ngại.

❖ Đây các Tỷ-kheo, đối với mười pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời này, **mười pháp là những thức ăn.**

1. **Không thụ động, hằng hái** là món ăn cho các tài sản.
2. **Trang sức, tô điểm** là món ăn cho dung sắc.
3. **Hành động thích ứng** là món ăn cho không bệnh.
4. **Bạn bè với thiện** là thức ăn cho các giới đức.
5. **Chế ngự các căn** là thức ăn cho Phạm hạnh.
6. **Không có lừa dối** là thức ăn cho các bạn bè.
7. **Học tập** là thức ăn cho nhiều trí.
8. **Khéo nghe, biết hỏi** là thức ăn cho trí tuệ.
9. **Chú tâm quán sát** là thức ăn cho các pháp.
10. **Chánh hạnh** là thức ăn cho Thiên giới.

Này các Tỷ-kheo, đối với mười pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời này, mười pháp này là những thức ăn.

161 Tinh cần - 4 tinh cần - Kinh CÁC VỊ SÀPÙGIYÀ – Tăng II, 193

CÁC VỊ SÀPÙGIYÀ – *Tăng II, 193*

1. Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở giữa các dân chúng Koliya tại một thị trấn các Koliya tên là Sàpùgà. Rồi rất nhiều Koliya từ ở Sàpùgà đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Ānanda nói với các Koliya từ ấy ở Sàpùgà:

- Nay các Vyagghapajjà, có **bốn thanh tịnh tinh cần chi phần** này được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên để chúng sanh được thanh tịnh, để vượt qua sầu bi, để chấm dứt khổ ưu, để đạt đến chánh lý, để chứng ngộ Niết-bàn. Thế nào là bốn?

- **Giới** thanh tịnh tinh cần chi phần,
- **Tâm** thanh tịnh tinh cần chi phần,
- **Kiến** thanh tịnh tinh cần chi phần,
- **Giải thoát** thanh tịnh tinh cần chi phần.

2. Và nay các Vyagghapajjà, thế nào là **giới thanh tịnh tinh cần chi phần**?

Ở đây, này Vyagghapajjà, Tỷ-kheo **có giới** ..., chấp nhận và học tập trong các học pháp. Này các Vyagghapajjà, đây gọi là giới thanh tịnh; với lời nguyện: "Nếu giới thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho đầy đủ. Nếu giới thanh tịnh như vậy được đầy đủ, tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ". Ở đây, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, phẩn chấn, không có lối thoát, chánh niệm tỉnh giác, này các Vyagghapajjà, đều được gọi là giới thanh tịnh tinh cần chi phần.

Và này các Vyagghapajjà, thế nào là **tâm** thanh tịnh tinh cần chi phần?

3. Ở đây, này các Vyagghapajjà, vị Tỷ-kheo **ly các dục ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư**. Này các Vyagghapajjà, đây gọi là tâm thanh tịnh; với lời nguyện: "Nếu tâm thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho đầy đủ. Nếu tâm thanh tịnh như vậy được đầy đủ, tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ". Ở đây, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, phẩn chấn, không có lối thoát, chánh niệm tỉnh giác, này các Vyagghapajjà, đều được gọi là tâm thanh tịnh tinh cần chi phần.

4. Và này các Vyagghapajjà, thế nào là **kiến** thanh tịnh tinh cần chi phần?

Ở đây, này các Vyagghapajjà, Tỷ-kheo **như thật quán tri**: "**Đây là khổ**"; như thật quán tri: "Đây là khổ tập"; như thật quán tri: "Đây là khổ diệt"; như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Này Vyagghapajjà, đây gọi là kiến thanh tịnh; với lời nguyện: "Nếu kiến thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho đầy đủ. Nếu kiến thanh tịnh như vậy được đầy đủ, tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ". Ở đây, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, phấn chấn, không có lối thoát, chánh niệm tỉnh giác, này các Vyagghapajjà, đều được gọi là kiến thanh tịnh tinh cần chi phần.

5. Và này các Vyagghapajjà, thế nào là **giải thoát** thanh tịnh tinh cần chi phần?

Vị Thánh đệ tử nào, này các Vyagghapajjà, thành tựu với **giới** thanh tịnh tinh cần chi phần này, thành tựu với **tâm** thanh tịnh tinh cần chi phần này, thành tựu với **kiến** thanh tịnh tinh cần chi phần này, **tâm được ly tham** đối với các pháp hấp dẫn, **tâm được giải thoát** đối với các pháp cần được giải thoát. **Vị ấy, sau khi tâm được ly tham đối với các pháp hấp dẫn, tâm được giải thoát đối với các pháp cần được giải thoát, cảm xúc chánh giải thoát.** Này các Vyagghapajjà, đây gọi là giải thoát thanh tịnh. **Với lời nguyện**: "*Nếu giải thoát thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm*

cho đầy đủ. Nếu giải thoát thanh tịnh như vậy được đầy đủ, tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ".

Ở đây, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, phấn chấn, không có lối thoát, chánh niệm tỉnh giác, này các Vyagghapajjà, đều được gọi là giải thoát thanh tịnh tinh cần chi phần.

Bốn thanh tịnh tinh cần chi phần này, này các Vyagghapajjà, đã được Thế Tôn, bậc đã biết đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên để chúng sanh được thanh tịnh, để vượt qua sầu bi, để chấm dứt khổ ưu, để chứng đắc chánh lý, để chúng ngộ Niết-bàn!

162 Tinh cần - 4 tinh cần - chế ngự, đoạn tận, tu tập và hộ trì - Kinh CHẾ NGỰ – Tăng I, 577

CHẾ NGỰ – Tăng I, 577

❖ **Này các Tỷ-kheo, có bốn tinh cần này.** Thế nào là bốn?

- **Tinh cần chế ngự,**
- **Tinh cần đoạn tận,**
- **Tinh cần tu tập,**
- **Tinh cần hộ trì.**

Và *này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh cần chế ngự?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với **mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thật hành sự hộ trì nhãn căn.**
- Khi tai nghe tiếng ... mũi ngửi hương ... lưỡi nếm vị ... thân cảm xúc ... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ

tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thật hành sự hộ trì ý căn. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tinh cần chế ngự.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh cần đoạn tận?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có chấp nhận dục tầm khởi lên, từ bỏ, tẩy sạch, khiến cho không hiện hữu lại; không có chấp nhận sân tầm khởi lên ... không có chấp nhận hại tầm khởi lên, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, khiến cho không hiện hữu lại, không có chấp nhận các ác bất thiện khởi lên, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, khiến cho không hiện hữu lại. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tinh cần đoạn tận.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh cần tu tập?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ đoạn diệt, đưa đến xả ly; tu tập trạch pháp giác chi ... tu tập tinh tấn giác chi ... tu tập hỷ giác chi ... tu tập khinh an giác chi ... tu tập định giác chi ... tu tập xả giác chi, y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ đoạn diệt, đưa đến xả ly. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tinh cần tu tập.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh cần hộ trì?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hộ trì định tướng hiền thiện đã sanh, tướng bộ xương, tướng trùng ăn, tướng bầm xanh, tướng đầy ứ, mũ nồng, tướng nứt nẻ, tướng phồng trướng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tinh cần hộ trì.

Này các Tỷ-kheo, có bốn này tinh cần này.

*Chế ngự và đoạn tận
Tu tập và hộ trì
Bốn loại tinh cần này
Được bà con mặt trời
Tuyên bố và thuyết giảng
Ở đời vị Tỷ-kheo
Nhiệt tình đối với chúng
Đạt được diệt khổ tận*

163 Tinh cần - Tinh cần quá độ - Kinh TÙY PHIỀN NÃO – 128 Trung III, 379

KINH TÙY PHIỀN NÃO (Upakkilesa sutta)

– Bài kinh số 128 – Trung III, 379

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Kosambi (Kiều-thường-di), tại tịnh xá Ghosita (Cù-sur-la). Lúc bấy giờ các Tỷ-kheo ở Kosambi sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Rồi một Tỷ-kheo đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo ở Kosambi, sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Tốt lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng từ mẫn, đến các Tỷ-kheo ấy.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đi đến

các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến liền nói với họ:

– Thôi vừa rồi, các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau!

Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ, hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm và hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau.

Lần thứ hai Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm và hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau!

Lần thứ ba, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm vào hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát và đi vào Kosambi để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Kosambi, ăn xong, trên con đường khi khát thực trở về, sau khi dọn dẹp chỗ nằm, lấy y bát, Ngài đứng và nói bài kệ:

*Giữa quần chúng la ó,
Không ai nghĩ mình ngu,
Giữa Tăng chúng phân ly
Có ai nghĩ hướng thượng?*

*Thất niệm kẻ trí nói,
Ba hoa trăm thứ chuyện,
Miệng há, nói thả dàn,
Dẫn đi đâu, ai biết?*

"Nó mắng tôi, đánh tôi!

*Nó hại tôi, cướp tôi!"
Ai ôm oán niệm ấy,
Hận thù không thể nguôi.*

*"Nó mắng tôi, đánh tôi!
Nó hại tôi, cướp tôi!"
Không ôm oán niệm ấy,
Hận thù sẽ tự nguôi.*

*Hận thù diệt hận thù,
Không đời nào diệt được,
Từ bi diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu.*

*"Người khác không hiểu biết,
Ở đây ta bị diệt",
Nhưng ai hiểu điều này,
Nhờ vậy, tranh luận tiêu.*

*Kẻ chủ xướng hại mạng,
Cướp bò, ngựa tài sản,
Kẻ cướp đoạt quốc độ,
Họ còn biết đoàn kết,
Sao các Ông không vậy?*

*Nếu được bạn hiền trí,
Đồng hành, khéo an trú,*

*Đả thắng mọi hiểm nạn,
Sống hoan hỷ chánh niệm.*

*Nếu không bạn hiền trí,
Như vua bỏ quốc độ,
Cô độc như voi rừng.
Tốt hơn, sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu,
Cô độc không làm ác,
Nhàn hạ, như voi rừng.*

Rồi Thế Tôn đứng nói lên những câu kệ này, rồi đi đến làng Balakalonakara. Khi ấy, Tôn giả Bhagu sống ở trong làng Balakalonakara. Tôn giả Bhagu thấy Thế Tôn từ xa đi đến, liền sắp đặt chỗ ngồi và nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Ngài rửa chân. Tôn giả Bhagu đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Bhagu đang ngồi một bên:

– Này Tỷ-kheo, có được an lành không? Có được sống yên vui không? Đi khát thực, có khỏi mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, con được an lành. Bạch Thế Tôn, con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, con đi khát thực khỏi có mệt nhọc.

Rồi Thế Tôn sau khi với thời thuyết pháp khích lệ Tôn giả Bhagu, làm cho hân hoan, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Pacinavamsadaya.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Anurudha (A-na-luật), Tôn giả Nandiya (Nan-đề) và Tôn giả Kimbila (Kim-ty-la) trú ở Pacinavamasadaya. Người giữ vườn thấy Thế Tôn từ xa đi đến, khi thấy vậy liền bạch Thế Tôn:

– Này Sa-môn, chớ có vào khu vườn này. Có ba Thiện gia nam tử, rất ái luyện tự ngã (attakamanipa) trú tại đây. Chớ có phiền nhiễu các vị ấy.

Tôn giả Anuruddha nghe người giữ khu vườn nói chuyện với Thế Tôn, liền nói với người giữ vườn:

– Này người Giữ vườn, chớ có ngăn chặn Thế Tôn! Thế Tôn bậc Đạo sư của chúng tôi đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila và nói:

– Chư Tôn giả hãy đến! Chư Tôn giả hãy đến! Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng ta đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và

Tôn giả Kimbila ra đón Thế Tôn, một người cầm y bát Thế Tôn, một người sửa soạn chỗ ngồi, một người đặt sẵn nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Thế Tôn rửa chân. Rồi các Tôn giả ấy đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Anuruddha đang ngồi xuống một bên:

– Nay các Anuruddha, các Ông có được an lành không? Có được sống yên vui không? Đi khát thực có khỏi mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, chúng con được an lành. Bạch Thế Tôn, chúng con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, chúng con đi khát thực khỏi có mệt nhọc.

– Nay các Anuruddha, các Ông có sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau. Như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm không?

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– Nay các Anuruddha, như thế nào các Ông sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm?

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con nghe như sau: "Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các đồng Phạm hạnh như vậy! Bạch Thế Tôn, do vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn do vậy chúng con nghĩ như sau: **"Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này"**. Và bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con, và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, **chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm**.

Rồi Tôn giả Nandiya... (như trên)... Rồi Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con nghĩ như sau: "Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các vị đồng Phạm hạnh như vậy!" Bạch Thế Tôn, do vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn, do vậy chúng con nghĩ như sau: "Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này". Và bạch Thế Tôn, con

từ bỏ tâm của con và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm.

Bạch Thế Tôn, như vậy chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– *Lành thay, lành thay, này các Anuruddha! và này các Anuruddha, các Ông có sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần không?*

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– *Này các Anuruddha, như thế nào, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần?*

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con, ai đi vào làng khát thực về trước, người ấy sắp đặt các chỗ ngồi, soạn sẵn nước uống, nước rửa chân, soạn sẵn một bát để bỏ đồ dư. Ai đi vào làng khát thực về sau, người ấy, còn đồ ăn để lại, nếu muốn thì ăn, nếu không muốn thì bỏ vào chỗ không có cỏ xanh hay đổ vào nước không có loài côn trùng. Người ấy xếp dọn lại các chỗ ngồi, cất đi nước uống, nước rửa chân, cất đi cái bát để bỏ đồ dư và quét sạch nhà ăn. Ai thấy ghè nước uống, ghè nước rửa chân, hay ghè

nước trong nhà cầu hết nước trống không, người ấy sẽ lo liệu (nước). Nếu làm không nổi với sức bàn tay của mình, người ấy dùng tay ra hiệu gọi người thứ hai: "Chúng ta hãy lo liệu (nước)". Dầu vậy, bạch Thế Tôn, chúng con không vì vậy gây ra tiếng động. Và đến ngày thứ năm, bạch Thế Tôn, suốt cả một đêm chúng con ngồi đàm luận về đạo pháp. Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Lành thay, lành thay, này các Anuruddha! Này Anuruddha, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, *các Ông có chứng được pháp thượng nhân tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh, sống thoải mái an lạc không?*

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, chúng con nhân thấy được hào quang, cũng như sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Chúng con không được hiểu rõ tướng ấy là gì.

– Này các Anuruddha, tướng ấy các Ông cần phải hiểu rõ. Ta cũng vậy, này các Anuruddha, **trước khi giấc ngủ**, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta nhận thấy hào quang và sự hiện khởi các

sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.

Này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì hào quang biến mất đối với Ta, cùng với sự hiện khởi các sắc pháp". Này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Nghi hoặc** khởi lên nơi Ta. Vì có nghi hoặc nên định của Ta bị biến diệt; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta sẽ phải làm thế nào để nghi hoặc không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta, cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta, cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?**" Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Không tác ý** khởi lên nơi Ta Vì không có tác ý, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghi hoặc và không tác ý không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng

dật.. (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Hôn trầm, thùy miên**, khởi lên nơi Ta. Vì có hôn trầm, thùy miên nên định của Ta bị biến diệt; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý và hôn trầm, thùy miên không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Sự sợ hãi** khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp". *Ví như, này các Anuruddha, một người đang đi trên con đường, có kẻ giết người nhảy đến (công kích) từ hai phía. Do nhân duyên từ hai phía, người ấy khởi lên sợ hãi.* Cũng vậy, này các Anuruddha, sợ hãi khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý hôn trầm, thùy miên và sự sợ hãi không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật.. (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Sự phẩn chấn** (ubbilla) khởi lên nơi

Ta. Vì có sự phẩn chấn, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như, này các Anuruddha, một người đi tìm cửa miệng một kho tàng, và trong một lần tìm được nắm cửa miệng kho tàng, do nhân duyên này phẩn chấn khởi lên.* Cũng vậy, này các Anuruddha, phẩn chấn khởi lên nơi Ta. Vì có phẩn chấn nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào, để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi và sự phẩn chấn không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Dâm ý** (duttullam) khởi lên nơi Ta. Vì có dâm ý, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẩn chấn, dâm ý không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật.... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Sự tinh cần quá độ** khởi lên nơi Ta, và vì có tinh cần quá độ, nên định lực biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng

với sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như này các Anuruddha, một người với hai tay bắt nắm quá chặt một con chim cáy khiến con chim chết liền tại chỗ. Cũng vậy, này các Anuruddha, tinh cần quá độ khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá độ... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.* Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẩn chấn, dâm ý, và tinh cần quá độ không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Tinh cần quá yếu đuối** khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá yếu đuối, nên định biến diệt nơi Ta; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như này các Anuruddha, một người bắt một con chim cáy quá lỏng lẻo, con chim ấy bay khỏi hai tay của người ấy.* Cũng vậy, này các Anuruddha, ... (như trên)... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp). Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẩn chấn, dâm ý, tinh cần quá độ và tinh cần quá yếu đuối không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật ... (như trên) ... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Ái dục** khởi lên nơi Ta. Vì có ái dục..

với sự hiện khởi các sắc pháp... (như trên)... Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý... (như trên)... tinh cần quá yếu đuối và ái dục không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống... Rồi này các Anuruddha, Ta nghĩ như sau: "**Sai biệt tưởng** khởi lên nơi Ta... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc... (như trên)... ái dục và sai biệt tưởng không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và Ta nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Những hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp?" Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Một trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp** khởi lên nơi Ta... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghỉ hoặc.. (như trên)... các tưởng sai biệt và trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, **sau khi biết được nghỉ hoặc là một phiên não của tâm,** Ta đoạn trừ nghỉ

hoặc, phiền não của tâm; sau khi biết được không tác ý là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ không tác ý, phiền não của tâm; sau khi biết được hôn trầm, thụy miên... sau khi biết được sợ hãi... sau khi biết được phân chân.... sau khi biết được dâm ý... sau khi biết được sự tinh cần quá độ... sau khi biết được sự tinh cần quá yếu đuối... sau khi biết được dục ái... sau khi biết được tướng sai biệt... sau khi biết được trạng thái quá chú tâm đến sắc pháp là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ trạng thái quá chú trọng vào các sắc pháp, một phiền não của tâm.

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang nhưng Ta không thấy các sắc pháp cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày. Ta thấy các sắc pháp nhưng không nhận thấy hào quang. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau:** *"Do nhân gì, do duyên gì, Ta chỉ nhận thấy hào quang, nhưng không thấy sắc pháp: cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày?"* Ta chỉ thấy các sắc pháp nhưng không nhận thấy hào quang. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau:** *"Trong khi Ta không tác ý sắc tướng, nhưng có tác ý hào quang tướng, trong khi ấy ta nhận thấy hào quang, (nhưng) không thấy sắc pháp. Còn trong khi Ta không tác ý hào quang tướng (nhưng) tác ý sắc tướng; trong khi ấy Ta thấy các*

sắc pháp, (nhưng) không nhận thấy hào quang, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy được các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và nhận thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau**: "*Do nhân gì, do duyên gì, Ta nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày?"* Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau**: "*Khi nào định có hạn lượng, khi ấy mắt của Ta có hạn lượng; với con mắt có hạn lượng. Ta nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy sắc pháp có hạn lượng. Nhưng khi nào định của Ta không hạn lượng, trong khi ấy mắt của Ta thành vô lượng, và với con mắt vô lượng ấy, Ta nhận thấy hào quang vô lượng và thấy các sắc pháp vô lượng cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày".*

Này các Anuruddha, khi nào biết được nghi hoặc là một phiền não của tâm, thời nghi hoặc phiền não của tâm được đoạn trừ; khi nào biết được không tác ý là một phiền não của tâm, thời

không tác ý phiền não của tâm được đoạn trừ; khi nào biết được hôn trầm, thụy miên...; khi nào biết được sợ hãi...; khi nào biết được phân chấn...; khi nào biết được dâm ý...; khi nào biết được tinh cần quá độ...; khi nào biết được sự tinh cần quá yếu đuối...; khi nào biết được dục ái...; khi nào biết được tưởng sai biệt...; khi nào biết được trạng thái quá chú tâm đến các sắc pháp là một phiền não của tâm, thời trạng thái quá chú tâm đến các sắc pháp một phiền não của tâm được đoạn trừ.

Rồi này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau:**
"Những phiền não tâm của Ta đã được đoạn trừ. Nay Ta tu tập ba loại định". Rồi này các Anuruddha:

- Ta tu tập định có tâm, có tứ;
- Ta tu tập định không có tâm, chỉ có tứ;
- Ta tu tập định không tâm không tứ;
- Ta tu tập định có hỷ;
- Ta tu tập định không có hỷ;
- Ta tu tập định câu hữu với lạc;
- Ta tu tập định câu hữu với xả.

Này các Anuruddha, **khi nào Ta tu tập định có tâm, có tứ; khi nào Ta tu tập định không tâm chỉ có**

tứ; khi nào Ta tu tập định không có tâm, không có tứ; khi nào Ta tu tập định có hỷ; khi nào Ta tu tập định không có hỷ; khi nào Ta tu tập định câu hữu với xả, **thời tri kiến khởi lên nơi Ta:** *"Giải thoát của Ta là bất động, đây là đời sống cuối cùng của Ta, nay không còn hiện hữu".*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Anuruddha hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy

164 Tinh cần chi phần - 5 pháp - Kinh CÁC CHI PHẦN – Tăng II, 410

CÁC CHI PHẦN – Tăng II, 410

1. - Nay các Tỷ-kheo, có **năm chi phần tinh cần** này.

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo **có lòng tin**, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc. Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Phật, Thế Tôn.
- Vị ấy **ít bệnh**, ít nã, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình hợp với tinh tấn.
- Vị ấy không lừa đảo, dối gạt, **nêu rõ mình như chân** đối với bậc Đạo sư, đối với các vị sáng suốt hay đối với các vị đồng Phạm hạnh.
- Vị ấy sống **tinh cần** tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp, kiên trì, nỗ lực, không tránh né đối với các thiện pháp.

- Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ hướng đến sanh diệt (của các Pháp), thành tựu thánh thể nhập, đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau."

Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm chi phần tinh cần.

165 Tinh cần chi phần - 5 pháp - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG

– Bài kinh số 33 – Trường II, 567
(Trích đoạn)

55. Năm cần chi:

- Này các Hiền giả, ở đây vị Tỷ kheo có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế tôn, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".
- Vị ấy thiểu bệnh, thiểu não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình hợp với sự tinh tấn.
- Vị ấy không lừa đảo, dối gạt, nêu rõ tư mình như chơn đối với bậc Đạo Sư, đối với các vị sáng suốt hay đối với các vị đồng phạm hạnh.

- Vị ấy sống siêng năng, **tinh tấn**, từ bỏ các ác pháp, thành tựu các thiện pháp, cương quyết, kiên trì nỗ lực, không tránh né đối với các thiện pháp.
- Vị ấy có trí tuệ, **thành tựu trí tuệ** hướng đến sự sanh diệt của các pháp, thành tựu Thánh quyết trạch, đưa đến sự đoạn diệt chơn chánh các khổ đau.

166 Tinh tấn - 4 sự tinh tấn - Kinh CÁC VỊ SÀPÙGIYÀ – Tăng II, 193

CÁC VỊ SÀPÙGIYÀ – Tăng II, 193

1. Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở giữa các dân chúng Koliya tại một thị trấn các Koliya tên là Sàpùgà. Rồi rất nhiều Koliya từ ở Sàpùgà đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Ānanda nói với các Koliya từ ấy ở Sàpùgà:

- Nay các Vyagghapajjà, có **bốn thanh tịnh tinh cần chi phần** này được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên để chúng sanh được thanh tịnh, để vượt qua sầu bi, để chấm dứt khổ ưu, để đạt đến chánh lý, để chứng ngộ Niết-bàn. Thế nào là bốn?

- **Giới** thanh tịnh tinh cần chi phần,
- **Tâm** thanh tịnh tinh cần chi phần,
- **Kiến** thanh tịnh tinh cần chi phần,
- **Giải thoát** thanh tịnh tinh cần chi phần.

2. Và nay các Vyagghapajjà, thế nào là giới thanh tịnh tinh cần chi phần?

Ở đây, này Vyagghapajjà, Tỷ-kheo **có giới** ..., chấp nhận và học tập trong các học pháp. Này các Vyagghapajjà, đây gọi là giới thanh tịnh; với lời nguyện: "Nếu giới thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho đầy đủ. Nếu giới thanh tịnh như vậy được đầy đủ, tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ". Ở đây, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, phẩn chân, không có lối thoát, chánh niệm tỉnh giác, này các Vyagghapajjà, đều được gọi là giới thanh tịnh tinh cần chi phần.

Và này các Vyagghapajjà, thế nào là **tâm** thanh tịnh tinh cần chi phần?

3. Ở đây, này các Vyagghapajjà, vị Tỷ-kheo **ly các dục ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư**. Này các Vyagghapajjà, đây gọi là tâm thanh tịnh; với lời nguyện: "Nếu tâm thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho đầy đủ. Nếu tâm thanh tịnh như vậy được đầy đủ, tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ". Ở đây, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, phẩn chân, không có lối thoát, chánh niệm tỉnh giác, này các Vyagghapajjà, đều được gọi là tâm thanh tịnh tinh cần chi phần.

4. Và này các Vyagghapajjà, thế nào là **kiến** thanh tịnh tinh cần chi phần?

Ở đây, này các Vyagghapajjà, Tỷ-kheo **như thật quán tri**: "**Đây là khổ**"; như thật quán tri: "Đây là khổ tập"; như thật quán tri: "Đây là khổ diệt"; như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Này Vyagghapajjà, đây gọi là kiến thanh tịnh; với lời nguyện: "Nếu kiến thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho đầy đủ. Nếu kiến thanh tịnh như vậy được đầy đủ, tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ". Ở đây, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, phấn chấn, không có lối thoát, chánh niệm tỉnh giác, này các Vyagghapajjà, đều được gọi là kiến thanh tịnh tinh cần chi phần.

5. Và này các Vyagghapajjà, thế nào là **giải thoát** thanh tịnh tinh cần chi phần?

Vị Thánh đệ tử nào, này các Vyagghapajjà, thành tựu với **giới** thanh tịnh tinh cần chi phần này, thành tựu với **tâm** thanh tịnh tinh cần chi phần này, thành tựu với **kiến** thanh tịnh tinh cần chi phần này, **tâm được ly tham đối với các pháp hấp dẫn, tâm được giải thoát đối với các pháp cần được giải thoát. Vị ấy, sau khi tâm được ly tham đối với các pháp hấp dẫn, tâm được giải thoát đối với các pháp cần được giải thoát, cảm xúc chánh giải thoát.** Này các Vyagghapajjà, đây gọi là giải thoát thanh tịnh. **Với lời nguyện: "Nếu giải thoát thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho**

đầy đủ. Nếu giải thoát thanh tịnh như vậy được đầy đủ, tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ". Ở đây, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, phấn chấn, không có lỗi thoát, chánh niệm tỉnh giác, này các Vyagghapajjà, đều được gọi là giải thoát thanh tịnh tinh cần chi phần.

Bốn thanh tịnh tinh cần chi phần này, này các Vyagghapajjà, đã được Thế Tôn, bậc đã biết đã thấy, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chọn chánh nói lên để chúng sanh được thanh tịnh, để vượt qua sầu bi, để chấm dứt khổ ưu, để chứng đắc chánh lý, để chúng ngộ Niết-bàn!

167 Tinh tấn - 8 chỗ siêng năng - Kinh TÁM CĂN CỨ ĐỂ BIỀNG NHÁC VÀ TINH TẤN – Tăng IV, 37

TÁM CĂN CỨ ĐỂ BIỀNG NHÁC VÀ TINH TẤN – Tăng IV, 37

1. *Này các Tỷ-kheo, có tám căn cứ này để biềng nhác*. Thế nào là tám?
2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có việc phải làm, vị ấy nghĩ: *"Có việc ta sẽ phải làm. Nhưng nếu ta làm, thời thân sẽ mệt mỏi, vậy ta hãy nằm xuống"*. Vị ấy nằm xuống, không cố gắng tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biềng nhác thứ nhất.
3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có việc phải làm. Vị ấy suy nghĩ: *"Có việc ta đã làm, do ta đã làm, thân bị mệt mỏi, vậy ta hãy nằm xuống"*. Vị ấy nằm xuống, không cố gắng tinh tấn để đạt những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biềng nhác thứ hai.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có con đường Tỷ-kheo cần phải đi. Vị ấy suy nghĩ: *"Có con đường ta sẽ phải đi. Nếu ta đi, thời thân sẽ mệt mỏi, vậy ta hãy nằm xuống"*. Vị ấy nằm xuống, không cố gắng... chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biếng nhác thứ ba.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có con đường Tỷ-kheo đã đi. Vị ấy suy nghĩ: *"Ta đã đi con đường. Do ta đã đi con đường, nên thân bị mệt mỏi, vậy ta hãy nằm xuống"*. Vị ấy nằm xuống, không cố gắng... chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biếng nhác thứ tư.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi khát thực trong làng hay trong thị trấn, không nhận được các đồ ăn loại thô hay tế, đầy đủ như ý muốn. Vị ấy suy nghĩ: *"Ta đi khát thực trong làng hay trong thị trấn, không nhận được các đồ ăn loại thô hay tế, đầy đủ như ý muốn. Nay thân ta mệt mỏi, không có thể chịu đựng. Vậy ta hãy nằm xuống"*. Vị ấy nằm xuống, không cố gắng... chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biếng nhác thứ năm.

7. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi khát thực trong làng hay trong thị trấn, nhận được các đồ ăn loại thô hay tế, đầy đủ như ý muốn. Vị ấy suy nghĩ: *"Ta đi khát thực trong làng hay trong thị trấn, nhận*

được các đồ ăn loại thô hay tế, đầy đủ như ý muốn. Nay thân ta nặng nề, không có thể chịu đựng, nặng nề như loại đậu bị ngâm nước, vậy ta hãy nằm xuống". Vị ấy nằm xuống, không cố gắng... chưa chứng ngộ. Nay các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biếng nhác thứ sáu.

8. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo bị bệnh nhẹ. Vị ấy suy nghĩ: *"Nay bệnh nhẹ này khởi lên nơi ta, có lý do để nằm xuống, vậy ta hãy nằm xuống".* Vị ấy nằm xuống, không cố gắng... chưa chứng ngộ. Nay các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biếng nhác thứ bảy.

9. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đau bệnh mới khỏi, mới khỏi bệnh không bao lâu, vị ấy suy nghĩ: *"Ta đau bệnh mới khỏi, mới khỏi bệnh không bao lâu, thân ta do bị yếu, không có thể chịu đựng, vậy ta hãy nằm xuống".* Vị ấy nằm xuống, không cố gắng... chưa chứng ngộ. Nay các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biếng nhác thứ tám.

Nay các Tỷ-kheo, đây là tám căn cứ biếng nhác.

10. **Này các Tỷ-kheo, có tám căn cứ này để siêng năng.** Thế nào là tám?

11. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có việc phải làm. Vị ấy nghĩ: *"Có việc ta sẽ phải làm. Nếu ta làm*

việc, thời không dễ gì để ta tác ý đến lời dạy của các đức Phật. Vậy trước hết, ta bắt đầu tinh tấn, để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ". Vị ấy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Nay các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ nhất.

12. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã làm một công việc. Vị ấy suy nghĩ: *"Ta đã làm một công việc. Do ta làm công việc, ta đã không có thể tác ý đến lời dạy của các đức Phật. Vậy trước hết, ta bắt đầu tinh tấn, để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ"*. Vị ấy bắt đầu tinh tấn để đạt được... chưa chứng ngộ. Nay các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ hai.

13. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có con đường Tỷ-kheo cần phải đi. Vị ấy suy nghĩ: *"Ta sẽ cần phải đi con đường. Do ta đi con đường, không dễ gì để ta tác ý đến lời dạy của các đức Phật. Vậy trước hết, ta bắt đầu tinh tấn ... để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ"*. Vị ấy bắt đầu tinh tấn để đạt được... chưa chứng ngộ. Nay các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ ba.

14. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đi con đường. Vị ấy suy nghĩ: *"Ta đã đi con đường. Do ta đi con đường, ta đã không có thể nghĩ đến lời dạy của các đức Phật. Vậy ta hãy bắt đầu tinh tấn... để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ"*. Vị ấy bắt đầu tinh tấn để đạt được... chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ tư.

15. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đi khát thực trong làng hay trong thị trấn, không nhận được các đồ ăn loại thô và loại tế đầy đủ như ý muốn. Vị ấy suy nghĩ: *"Ta đi khát thực trong làng hay trong thị trấn, không nhận được các đồ ăn loại thô hay loại tế đầy đủ như ý muốn, thân ta (do vậy) được nhẹ nhàng, có thể chịu đựng. Vậy ta hãy bắt đầu tinh tấn... để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ"*. Vị ấy bắt đầu tinh tấn để đạt được... chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ năm.

16. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đi khát thực trong làng hay trong thị trấn, nhận được các đồ ăn loại thô và loại tế đầy đủ như ý muốn. Vị ấy suy nghĩ: *"Ta đi khát thực trong làng hay trong thị trấn, nhận được các đồ ăn loại thô hay loại tế đầy đủ như ý muốn. Thân ta có sức mạnh, có thể chịu đựng. Vậy ta hãy bắt đầu tinh tấn... để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ"*. Vị ấy bắt đầu tinh tấn ... chưa chứng

ngộ. Nay các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ sáu.

17. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo mới khỏi một bệnh nhẹ. Vị ấy suy nghĩ: *"Bệnh nhẹ này khởi lên nơi ta. Sự kiện này có xảy ra: bệnh này có thể tăng trưởng nơi ta. Vậy trước hết, ta hãy bắt đầu tinh tấn... chưa chứng ngộ"*. Nay các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ bảy.

18. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo mới khỏi bệnh, được khỏi bệnh không bao lâu, vị ấy suy nghĩ: *"Ta mới khỏi bệnh, được khỏi bệnh không bao lâu. Sự kiện này có xảy ra: bệnh này của ta có thể trở lại. Vậy trước hết, ta hãy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ"*. Vị ấy bắt đầu tinh tấn, để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Nay các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ tám.

Nay các Tỷ-kheo, có tám căn cứ siêng năng này.

168 Tinh tấn - Gương tinh tấn - Kinh GAVESÌ NGƯỜI TÂM CẦU – Tăng II, 657

GAVESÌ NGƯỜI TÂM CẦU – *Tăng* II, 657

1. Một thời, Thế Tôn đang đi du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Trong khi đang đi trên đường, Thế Tôn thấy một chỗ có khóm rừng cây sàla to lớn; thấy vậy, Ngài bước xuống đường, đi đến khóm rừng cây sàla ấy, đi sâu vào rừng sàla ấy, và tại một địa điểm, **Ngài mỉm cười**.

Rồi Tôn giả Ānanda suy nghĩ: "Do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn tỏ lộ mỉm cười? Không phải không có duyên cớ, các Như Lai tỏ lộ mỉm cười". Rồi Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn tỏ lộ mỉm cười? Không phải không có duyên cớ, các Như Lai tỏ lộ mỉm cười.

2. - Thuở xưa, này Ānanda, tại địa điểm này, có một thành phố phồn thịnh, giàu có và dân cư đông đúc. Tại thành phố ấy, này Ānanda, **Thế Tôn Kassapa**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở gần đây.

Này Ànanda, Gavesi là một nam cư sĩ của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nhưng giữ giới không được viên mãn.

Rồi này Ànanda, có khoảng 500 nam cư sĩ được cư sĩ Gavesi thuyết pháp và khích lệ, các người này giữ giới luật không được viên mãn.

Rồi này Ànanda, nam cư sĩ Gavesi suy nghĩ như sau: *"Ta giúp đỡ rất nhiều 500 vị nam cư sĩ này. Ta đi trước, ta khích lệ họ, nhưng ta giữ giới luật không được viên mãn. Như vậy là đồng đẳng giống nhau, không có gì trội hơn, nhiều hơn. Vậy ta hãy làm cái gì trội hơn, nhiều hơn"*. Rồi này Ànanda, nam cư sĩ Gavesi đi đến 500 nam cư sĩ ấy; sau khi đến, nói với 500 nam cư sĩ ấy như sau: *"Này các Tôn giả, bắt đầu từ hôm nay, ta sẽ thọ trì viên mãn trong các giới luật"*.

Rồi này Ànanda, 500 nam cư sĩ ấy suy nghĩ như sau: *"Tôn giả Gavesi đã giúp đỡ chúng ta rất nhiều, đã đi trước, đã khích lệ chúng ta. Tôn giả Gavesi sẽ gìn giữ viên mãn trong các giới luật. Tại sao chúng ta lại không như vậy?"*. Rồi này Ànanda, 500 nam cư sĩ ấy đi đến nam cư sĩ Gavesi; sau khi đến, nói với nam cư sĩ Gavesi: *"Bắt đầu từ hôm nay, thưa Tôn giả Gavesi, chúng tôi sẽ thọ trì viên mãn trong các giới luật"*.

Rồi này Ànanda, nam cư sĩ Gavesi suy nghĩ như sau: "Ta giúp đỡ rất nhiều cho 500 nam cư sĩ này, ta đi trước, ta khích lệ họ. Và năm trăm nam cư sĩ này gìn giữ viên mãn trong các giới luật, như vậy là đồng đẳng giống nhau, không có gì trội hơn, nhiều hơn. Vậy ta hãy làm cái gì trội hơn, nhiều hơn". Rồi này Ànanda, nam cư sĩ Gavesi đi đến 500 nam cư sĩ ấy; sau khi đến, nói với 500 vị nam cư sĩ ấy như sau: *"Bắt đầu từ ngày hôm nay, này các Tôn giả, ta sẽ thọ trì Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt"*.

Rồi này Ànanda, 500 nam cư sĩ ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Gavesi giúp đỡ chúng ta rất nhiều, đã đi trước và khích lệ chúng ta. Và Tôn giả Gavesi sẽ hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt. Tại sao chúng ta lại không như vậy?". Rồi này Ànanda, 500 nam cư sĩ ấy đi đến nam cư sĩ Gavesi; sau khi đến, nói với nam cư sĩ Gavesi: *"Bắt đầu từ hôm nay, thưa Tôn giả Gavesi, chúng tôi sẽ thọ trì Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ"*.

Rồi nam cư sĩ Gavesi suy nghĩ như sau: "Ta giúp đỡ rất nhiều cho 500 nam cư sĩ này, ta đi trước, ta khích lệ họ. Ta giữ gìn viên mãn trong các giới luật, 500 nam cư sĩ này giữ gìn viên mãn trong các giới luật. Và ta hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt. Và 500 nam cư sĩ này hành Phạm hạnh, sống

viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt. Như vậy là đồng đẳng giống nhau, không có gì trội hơn, nhiều hơn. Vậy ta hãy làm cái gì trội hơn, nhiều hơn". Rồi này Ànanda, nam cư sĩ Gavesi đi đến 500 nam cư sĩ ấy; sau khi đến, nói với 500 vị nam cư sĩ ấy như sau: *"Bắt đầu từ ngày hôm nay, này các Tôn giả, ta sẽ ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời"*.

Rồi này Ànanda, 500 nam cư sĩ ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Gavesi giúp đỡ chúng ta rất nhiều, đã đi trước và khích lệ chúng ta. Tôn giả Gavesi sẽ ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ phi thời. Tại sao chúng ta lại không như vậy?". Rồi này Ànanda, 500 nam cư sĩ ấy đi đến nam cư sĩ Gavesi; sau khi đến, nói với nam cư sĩ Gavesi: *"Bắt đầu từ hôm nay, thưa Tôn giả Gavesi, 500 nam cư sĩ này sẽ thọ trì ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời"*.

Rồi này Ànanda, nam cư sĩ Gavesi suy nghĩ như sau: "Ta giúp đỡ cho 500 nam cư sĩ này rất nhiều. Ta đã đi trước và khích lệ họ. Nay ta giữ gìn viên mãn trong các giới luật, 500 nam cư sĩ này giữ gìn viên mãn trong các giới luật. Ta hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ, 500 nam cư sĩ này hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Ta ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn

phi thời. 500 nam cư sĩ này cũng ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Như vậy là đồng đẳng giống nhau, không có gì trội hơn, nhiều hơn. Vậy ta hãy làm cái gì trội hơn, nhiều hơn". Rồi này Ànanda, Tôn giả Gavesi đi đến Thế Tôn Kassapa; bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi đến, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

- Bạch Thế Tôn, hãy cho con xuất gia với Thế Tôn, hãy cho con thọ đại giới".

Rồi này Ànanda, nam cư sĩ Gavesi được xuất gia với Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, được thọ đại giới. Được thọ đại giới không bao lâu này Ànanda, Tỷ-kheo Gavesi sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, vị này ngay trong hiện tại tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú. Và vị ấy xác chứng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các điều nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Và này Ànanda, 500 nam cư sĩ ấy suy nghĩ như sau: "Tỷ-kheo Gavesi giúp đỡ chúng ta rất nhiều, đã đi

trước và khích lệ chúng ta. Nay Tôn giả Gavesi đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tại sao chúng ta không như vậy?" Rồi này Ànanda, 500 nam cư sĩ ấy đi đến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sau khi đến, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

- "*Bạch Thế Tôn, hãy cho chúng con xuất gia với Thế Tôn, cho chúng con thọ đại giới*".

Và này Ànanda, năm trăm nam cư sĩ ấy được xuất gia với Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, được thọ đại giới. Rồi này Ànanda, Tỷ-kheo Gavesi suy nghĩ như sau: "Ta đã chứng được vô thượng giải thoát này không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức. Mong rằng 500 vị Tỷ-kheo ấy có thể chứng được vô thượng giải thoát này không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức".

Rồi này Ànanda, 500 vị Tỷ-kheo ấy sống an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần, không bao lâu, các vị ấy chứng được mục đích tối cao mà các thiện gia nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, các vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú. Và các vị ấy

xác chứng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc phải làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

3. Như vậy, này Ànanda, 500 vị Tỷ-kheo ấy, do Gavesi cầm đầu, trong khi tinh tấn đạt đến những gì cao hơn nữa, những gì tối thắng hơn nữa, đã chứng ngộ vô thượng giải thoát. Do vậy, này Ànanda, cần phải học tập như sau:

4. "Hãy tinh tấn để đạt đến những gì cao hơn nữa, tối thắng hơn nữa, chúng ta sẽ chứng ngộ vô thượng giải thoát".

Như vậy, này Ànanda, các Thầy cần phải học tập.

169 Tinh tấn - Tinh tấn cắt dòng nước - Kinh Tàyana – Tương I, 112

Tàyana – Tương I, 112

1) Rồi Thiên tử Tàyana, *trước kia thuộc ngoại đạo* *sur*, sau khi đem gần mãi, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Tàyana nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:

2) Ôi này Bà-la-môn,
Tinh tấn, cắt dòng nước,
Đoạn trừ và tiêu diệt,
Mọi tham đắm dục vọng.
Ấn sĩ không đoạn dục,
Không chứng được nhứt tâm.
Nếu làm việc phải làm,
Cần kiên trì, tinh tấn.
Xuất gia, nếu biếng nhác,
Càng tung vãi bụi trần.

*Không làm, hơn làm dở,
Làm dở sau khổ đau.
Đã làm nên làm tốt,
Làm tốt không khổ đau.*

*Như nắm vụng lá cỏ,
Có thể bị đứt tay.
Sa-môn hạnh vụng tu,
Kéo đến cõi địa ngục.
Mọi sở hành biếng nhác,
Mọi hạnh tu ô nhiễm,
Ác hạnh trong Phạm hạnh,
Không đưa đến quả lớn.*

3) Thiên tử Tàyana nói như vậy. Sau khi nói xong, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy.

4) Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, liền gọi các Tỷ-kheo.

5) -- Nay các Tỷ-kheo, đêm nay Thiên tử Tàyana, trước kia thuộc ngoại đạo sư, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Tàyana nói lên bài kệ này trước mặt Ta:

6) "*Ôi này Bà-la-môn*

Tinh tấn cắt dòng nước,

Đoạn trừ và tiêu diệt,

Mọi tham đắm dục vọng.

Ấn sĩ không đoạn dục,

Không chứng được nhứt tâm.

Nếu làm việc khó làm,

Cần kiên trì tinh tấn,

Xuất gia nếu biếng nhác,

Càng tung vãi bụi trần.

Không làm, hơn làm dở,

Làm dở sau khổ đau.

Đã làm nên làm tốt,

Làm tốt không khổ đau.

*Như nắm vụng lá cỏ,
Có thể bị đứt tay,
Sa-môn hạnh vụng tu,
Kéo đến cõi địa ngục.
Mọi sở hành biếng nhác,
Mọi hạnh tu ô nhiễm,
Ác hạnh trong Phạm hạnh,
Không đưa đến quả lớn."*

7) Nay các Tỷ-kheo, Thiên tử Tàyana nói như vậy. Nói vậy xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta và biến mất tại chỗ.

Này các Tỷ-kheo, hãy đọc bài kệ của Tàyana. Nay các Tỷ-kheo, hãy học thuộc lòng bài kệ của Tàyana. Nay các Tỷ-kheo, **bài kệ của Tàyana có đầy đủ nghĩa lợi và chính là căn bản của Phạm hạnh.**

170 Tinh tấn - Tinh tấn hạ liệt và Tinh tấn siêng năng - Kinh CHẾ NGỰ – Tăng I, 574

CHẾ NGỰ – Tăng I, 574

➔ Nay các Tỷ-kheo, **hãy sống đầy đủ giới**, đầy đủ giới bốn Pàtimokkha, được chế ngự với sự chế ngự của Pàtimokkha. Hãy sống đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

- *Đã sống đầy đủ giới, đầy đủ giới bốn Pàtimokkha, đã được chế ngự với sự chế ngự của Pàtimokkha, sống đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập trong các học pháp, còn có gì cần phải làm thêm nữa?*

➔ Nếu Tỷ-kheo trong khi đi, tham, sân, si được từ bỏ, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi được từ bỏ, tinh cần, tinh tấn, không có thụ động, niệm được an trú không có thất niệm, thân được khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh nhất tâm. Nay các Tỷ-kheo, nếu các Tỷ-kheo khi đang đi có sở hành như vậy; vị ấy được gọi là người có nhiệt tâm, có xấu hổ, liên tục thường hằng, tinh cần tinh tấn, siêng năng.

➔ Nếu Tỷ-kheo trong khi **đứng**, ... nếu Tỷ-kheo trong khi **ngồi** ... nếu Tỷ-kheo trong khi **nằm** thức, tham, sân, si được từ bỏ ... hôn trầm thùy miên, trạo hối, nghi được từ bỏ, tinh cần, tinh tấn, không có thụ động, niệm được an trú không có thất niệm, thân được khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh nhất tâm. Đây các Tỷ-kheo, nếu các Tỷ-kheo khi đang thức có sở hành như vậy; vị ấy được gọi là người có nhiệt tâm, có xấu hổ, liên tục thường hằng, tinh cần tinh tấn, siêng năng.

*Đi đứng biết tự chế
Ngồi nằm biết tự chế
Tỷ-kheo biết tự chế
Khi co tay, duỗi tay
Phía trên, ngang cùng khắp
Xa cho đến cùng tột
Bất cứ sanh thú nào
Ở tại thế giới này
Khéo quán sát sanh diệt
Của tất cả pháp uẩn
Tâm chỉ tịnh chánh hạnh
Thường xuyên chuyên học tập
Liên tục, hằng siêng năng
Tỷ-kheo được gọi vậy.*

171 Tiên - Có phải Ngài sẽ là vị tiên - Kinh TÙY THUỘC THẾ GIỚI – Tăng I, 620

TÙY THUỘC THẾ GIỚI – *Tăng I, 620*

1. Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Ukkatthà và Setabbya. Bà-la-môn Dona cũng đang đi trên con đường giữa Ukkatthà và Setabbya. Bà-la-môn Dona thấy trên những dấu chân của Thế Tôn có dấu bánh xe một ngàn cọng, với vành xe, trục xe và đầy đủ tất cả các tướng khác. Thấy vậy, vị ấy suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Những dấu chân này không phải là của loài Người!".

2. Rồi Thế Tôn từ trên đường bước xuống, đến ngồi dưới một gốc cây, ngồi kiết-già, thân thẳng, đặt niệm trước mặt. Bà-la-môn Dona theo dấu chân của Thế Tôn, thấy Thế Tôn đang ngồi dưới một gốc cây đẹp đẽ, khởi lên tịnh tín, các căn tịch tịnh, tâm ý tịch tịnh, đạt được tịnh chỉ do điều phục tối thượng, giống như một con voi được điều phục, được phòng hộ với căn tịch tịnh, thấy vậy Bà-la-môn Dona liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, thưa với Thế Tôn:

→ *Có phải thưa Tôn giả, Ngài sẽ là vị tiên?*

- Hỡi này Bà-la-môn, Ta sẽ không là tiên.
 - *Có phải thừa Tôn giả, Ngài sẽ là Thát-bà?*
 - Hỡi này Bà-la-môn, Ta sẽ không Thát-bà,
 - *Có phải thừa Tôn giả, Ngài sẽ là Dạ-xoa?*
 - Hỡi này Bà-la-môn, Ta sẽ không Dạ-xoa.
 - *Có phải thừa Tôn giả, Ngài sẽ là loài Người?*
 - Hỡi này Bà-la-môn, Ta sẽ không là Người.
-
- ➔ Hỏi "Ngài có phải sẽ là tiên không?", Ngài trả lời: "Này Bà-la-môn, Ta sẽ không phải là tiên".
 - ➔ Hỏi "ngài có phải sẽ là Càn-thát-bà không?", Ngài trả lời: "Này Bà-la-môn, Ta sẽ không phải là Càn-thát-bà".
 - ➔ Hỏi "Ngài có phải sẽ là Dạ-xoa không?" Ngài trả lời: "Này Bà-la-môn, Ta sẽ không phải là Dạ-xoa".
 - ➔ Hỏi "Ngài có phải sẽ là loài Người không?", Ngài trả lời: "Ta sẽ không phải loài Người". *Vậy sở hành của Ngài là gì và Tôn giả sẽ là gì?*

3. - Này Bà-la-môn, đối với những người chưa đoạn tận các lậu hoặc, Ta có thể là chư Thiên, với các lậu hoặc đã đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm thành như thân cây ta-la, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai.

Này Bà-la-môn, đối với những người chưa đoạn tận các lậu hoặc, Ta có thể là Càn-thát-bà, Ta có thể là Dạ-xoa, Ta có thể là Người, với các lậu hoặc đã đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm thành như thân cây ta-la, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai.

Ví như, này Bà-la-môn, bông sen xanh, hay bông sen hồng, hay bông sen trắng, sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước, và đứng thẳng không bị nước thấm ướt. Cũng vậy, này Bà-la-môn, sanh ra trong đời, lớn lên trong đời, Ta sống chinh phục đời, không bị đời thấm ướt. Này Bà-la-môn, Ta là Phật, hãy như vậy thọ trì.

4. Với lậu hoặc chưa đoạn,
Ta có thể là tiên,
Có thể Càn-thát-bà,
Có thể là loài chim
Hay đi đến Dạ-xoa,
hay vào trong thai người,
*Với Ta lậu hoặc tận,
Bị phá hủy, trừ khử
Như sen trắng tươi đẹp
Không bị nước thấm ướt,
Đời không thấm ướt Ta,
Do vậy Ta được gọi,*

*Ta là Phật Chánh giác,
Hỡi này Bà-la-môn.*

172 Tiến bộ - 10 pháp đưa đến tiến bộ - Kinh ÀNANDA – Tăng IV, 444

ÀNANDA – Tăng IV, 444

1. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn với Tôn giả Ànanda đang ngồi một bên:

2. - Này Ànanda:

1. Tỷ-kheo nào **không có lòng tin**, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong pháp luật này, sự kiện này không xảy ra.
2. Tỷ-kheo nào **ác giới**...
3. ...**không nghe pháp**...
4. ...**khó nói**...
5. ...**làm bạn với ác**...
6. ...**biếng nhác**...
7. ...**thất niệm**...
8. ...**không biết đủ**...
9. ...**ác dục**...
10. Tỷ-kheo nào có **tà kiến** sẽ được tăng trưởng lớn mạnh, lớn rộng trong pháp luật này, sự kiện không xảy ra.

Này Ànanda, Tỷ-kheo nào thành tựu mười pháp này, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này không có xảy ra.

3. Này Ànanda:

1. Tỷ-kheo nào **có lòng tin**, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, **sự kiện này có xảy ra**,
2. Tỷ-kheo nào **có giới**...
3. ...**nghe pháp, thọ trì điều đã nghe**...
4. ...**để nói**...
5. ...**làm bạn với thiện**...
6. ...**tinh cần, tinh tấn**...
7. ...**trú niệm**...
8. ...**biết đủ**...
9. ...**ít dục**...
10. Tỷ-kheo nào **có chánh tri kiến**, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra.

Này Ànada, Tỷ-kheo nào thành tựu mười pháp này sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra.

173 Tiến bộ - Pháp đưa đến không thể tiến bộ - Kinh NÓI LÊN CHÁNH TRÍ – Tăng IV, 447

NÓI LÊN CHÁNH TRÍ – Tăng IV, 447

1. Ở đây, Tôn giả Mahàmoggallàna gọi các Tỷ-kheo:

- Này các hiền giả Tỷ-kheo.

- Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahàmoggallàna. Tôn giả Mahàmoggallàna nói như sau:

2. - Ở đây, này các Hiền giả, Tỷ-kheo nói lên chánh trí: " Tôi rõ biết rằng: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*. Rồi Như Lai hay đệ tử Như Lai, là vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận. Vị ấy bị Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận, rơi vào trong trống rỗng (sa mạc), rơi vào trong rồi ren (rừng

rậm), rơi vào trong bế tắc, rơi vào trong bất hạnh, rơi vào trong bế tắc và bất hạnh.

Như Lai hay đệ tử Như Lai, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác tâm mình, tác ý đến tâm của người ấy như sau: "Như thế nào, Tôn giả này nói lên chánh trí: "Tôi rõ biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa."? " Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác với tâm mình, tác ý đến tâm người ấy như sau: Như thế nào, Tôn giả này nói lên chánh trí: " Tôi rõ biết rằng: « Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa »?"

Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm mình biết rõ tâm người ấy như sau:

1. "Có **phẫn nộ** là Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị phẫn nộ thấm nhuần. Với tâm bị phẫn nộ thấm nhuần, nghĩa là tồn giảm trong Pháp Luật do Như Lai thuyết giảng.

2. Có **hiềm hận** là Tôn giả này...
3. Có **giềm pha** là Tôn giả này...
4. Có **não hại** là Tôn giả này...
5. Có **tật đồ** là Tôn giả này...
6. Có **xan tham** là Tôn giả này...
7. Có **lừa đảo** là Tôn giả này...
8. Có **man trá** là Tôn giả này...
9. Có **ác dục** là Tôn giả này...
10. Có **thất niệm** là Tôn giả này...

Dầu cho còn nhiều việc (cao thượng hơn) cần phải làm thêm, tuy có chứng được thù thắng nhưng chỉ là phần nhỏ lại đứng lại giữa đường; đứng lại giữa đường này nghĩa là tôn giảm trong Pháp Luật do Như Lai thuyết giảng."

3. Tỷ-kheo ấy, chư Hiền, do không đoạn tận mười pháp này, đi đến được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra.

Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, do đoạn tận mười pháp này, đi đến được tăng trưởng lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra.

174 Tiến bộ trong tu tập - Kinh NGÀY VÀ ĐÊM – Tăng III, 247

NGÀY VÀ ĐÊM – *Tăng III*, 247

1. - Nếu Tỷ-kheo thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, thời bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là sự thoái đạo trong các thiện pháp, không có tăng trưởng.

Thế nào là sáu?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Có dục lớn,
- Có hiềm hận,
- Không bằng lòng với bất cứ những vật dụng cần thiết nào như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh,
- Không có lòng tin,
- Ác giới, biếng nhác, thất niệm,
- Ác tuệ.

Nếu Tỷ-kheo thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, thời bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là sự thoái đạo trong các thiện pháp.

3. Nếu Tỷ-kheo thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, thời bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng trong các thiện pháp, không có thời đoạ.

4. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Không có dục lớn,
- Không hiềm hận,
- Bằng lòng với bất cứ vật dụng cần thiết nào, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh,
- Có lòng tin,
- Thiện giới, tinh cần tinh tấn, có niệm, có trí tuệ.

Nếu Tỷ-kheo thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, thời bất cứ đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng trong các thiện pháp, không có thời đoạ.

175 Tiến trình hoàn thành trí tuệ - Kinh KITAGIRI – 70 Trung II, 291

KINH KITAGIRI (Kitagiri sutam)

– Bài kinh số 70 – Trung II, 291

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở Kasi cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, Ta ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Này các Tỷ-kheo, do ăn, từ bỏ ăn ban đêm Ta cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú.

- Này các Tỷ-kheo, hãy đến và ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Này các Tỷ-kheo, do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, các Ông sẽ cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn tiếp tục du hành ở Kasi và đến một thị trấn xứ Kasi

tên là Kitagiri. Rồi Thế Tôn ở tại Kitagiri, một thị trấn xứ Kasi. Lúc bảy giờ Tỷ-kheo Assaji và Punabbasuka đang ở Kitagiri. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến chỗ Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka, sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka như sau:

– Chư Hiền, Thế Tôn ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Cả chúng Tỷ-kheo cũng vậy. Do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, các vị ấy cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Chư Hiền, hãy đến và ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Chư Hiền, do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, chư Hiền sẽ cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú.

Được nói vậy, Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka, nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Chư Hiền, chúng tôi ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời. Do chúng tôi ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời, chúng tôi cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Sao chúng tôi lại bỏ hiện tại, chạy theo tương lai? Chúng tôi sẽ ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời.

Vì các Tỷ-kheo ấy không thể làm cho Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka chấp thuận, nên các vị ấy đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế

Tôn, ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con đi đến chỗ các Tỷ-kheo Assaji và Punabbasuka, sau khi đến chúng con nói với Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka như sau: "Chư hiền, Thế Tôn ăn, từ bỏ ăn ban đêm... (như trên)... có sức lực và an trú". Bạch Thế Tôn, được nói vậy. Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka nói với chúng con như sau: "Chư Hiền, chúng tôi ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời... (như trên)... chúng tôi sẽ ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời". Bạch Thế Tôn, vì chúng con không thể làm cho Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka chấp thuận, nên chúng con trình sự việc này lên Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

– Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, bảo Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka: "Bậc Đạo Sư cho gọi các Tôn giả".

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đến chỗ Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka, sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka:

– Bạc Đạo Sư cho gọi các Tôn giả.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka đang ngồi một bên:

– Có thật chăng, này các Tỷ-kheo, một số đông Tỷ-kheo đến các Ông và nói như sau: "Chư Hiền, Thế Tôn ăn, từ bỏ ăn ban đêm, cả chúng Tỷ-kheo cũng vậy. Do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, các vị ấy cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Chư Hiền, hãy đến và ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Chư Hiền, do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, chư Hiền sẽ cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú". Được nói vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông nói với các Tỷ-kheo ấy như sau: "Chư Hiền, chúng tôi ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời. Do ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời, chúng tôi cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Sao chúng tôi lại bỏ hiện tại, chạy theo tương lai? Chúng tôi sẽ ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời"?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Nay các Tỷ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta dạy như sau: "*Một cá nhân cảm thọ bất cứ cảm giác nào, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; đối với người ấy, các pháp bất thiện được đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng*"?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nay các Tỷ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta dạy như sau:

➔ "Ở đây đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt.

➔ Ở đây đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng.

➔ Ở đây, đối với một người khi cảm thọ khổ thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt.

➔ Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ khổ thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn trừ, các thiện pháp được tăng trưởng.

➔ Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn

diệt.

➔ Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng?"

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo!

❖ Này các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt", có thể chăng, này các Tỷ-kheo, không biết như vậy, Ta lại nói: "Hãy từ bỏ lạc thọ như vậy"? Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là xứng đáng đối với Ta chăng?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng này các Tỷ-kheo, vì rằng sự việc này Ta biết, Ta thấy, Ta giác, Ta chứng, Ta liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt", do vậy Ta nói: **"Hãy từ**

bỏ lạc thọ như vậy".

- ❖ Nay các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "*Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng*", có thể chẳng, nay các Tỷ-kheo, không biết như vậy, Ta lại nói: "Hãy chứng và trú lạc thọ như vậy"? Và như vậy, nay các Tỷ-kheo, là xứng đáng đối với Ta chẳng?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng nay các Tỷ-kheo, vì sự việc này Ta biết, Ta thấy, Ta giác, Ta chứng, Ta liễu giải với trí tuệ rằng: "*Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các thiện pháp được tăng trưởng, các bất thiện pháp bị đoạn diệt*", do vậy Ta nói: **"Hãy chứng và trú lạc thọ như vậy"**.

- ❖ Nay các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "*Ở đây, đối với một người khi cảm giác khổ thọ...*

... (như trên)...

❖ Nay các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt", có thể chăng, nay các Tỷ-kheo, không biết như vậy, Ta lại nói: **"Hãy từ bỏ bất khổ bất lạc thọ như vậy"**? Và như vậy, nay các Tỷ-kheo, là xứng đáng đối với Ta chăng?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng nay các Tỷ-kheo, vì rằng sự việc này Ta biết, Ta thấy, Ta giác, Ta chứng, Ta liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt", do vậy Ta nói: "Hãy từ bỏ bất khổ bất lạc thọ như vậy".

❖ Nay các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng", có thể chăng, nay các Tỷ-kheo, không biết như vậy,

Ta lại nói: "Hãy chứng và trú bất khổ bất lạc thọ như vậy"? Và như vậy, này các Tỷ-kheo là xứng đáng đối với Ta chăng?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng này các Tỷ-kheo, vì rằng sự việc này Ta biết, Ta thấy, Ta giác, Ta chứng, Ta liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các thiện pháp được tăng trưởng, các bất thiện pháp bị đoạn diệt", do vậy Ta nói: **"Hãy chứng và trú bất khổ bất lạc thọ như vậy"**.

☞ Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng đối với tất cả Tỷ-kheo, có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

☞ Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng đối với tất cả Tỷ-kheo không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Này các Tỷ-kheo, đối với những *Tỷ-kheo là bậc A-la-hán*, các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt được lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát; này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo như vậy, Ta nói rằng không có sự

việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy?
Vì sự việc ấy đã được các vị này làm, nhờ không phóng dật. Các vị này không thể trở thành phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, đối với các *Tỷ-kheo còn là các bậc hữu học*, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu sự vô thượng an ổn khỏi các triền ách; này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo như vậy, Ta nói rằng có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi các bậc Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, các vị ấy (cần phải) tự mình nhờ thượng trí chứng ngộ chứng đạt, và an trú ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này, các Thiện gia nam tử chân chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo này, *vì thấy quả này của không phóng dật nên Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.*

❖ **Này các Tỷ-kheo có bảy hạng người sống trong đời này. Thế nào là bảy?**

1. *Bậc cầu phần giải thoát,*
2. *Bậc tuệ giải thoát,*
3. *Bậc thân chứng,*
4. *Bậc kiến đạo,*

5. Bạc tín giải thoát,
6. Bạc tùy pháp hành,
7. Bạc tùy tín hành.

☞ **Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Câu Phần Giải Thoát?**

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, **sau khi thân đã chứng đắc** các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn**. Vị này, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người câu phần giải thoát.
- Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Vì sự việc ấy đã được vị này làm, nhờ không phóng dật, vị ấy không có thể trở thành phóng dật.

☞ **Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Tuệ Giải Thoát?**

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi **thân không chứng đắc** các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được**

đoạn trừ hoàn toàn. Vị này như vậy được gọi là bậc tuệ giải thoát.

- Nay các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Vì sự việc ấy đã được vị này làm, nhờ không phóng dật; vị ấy không có thể trở thành phóng dật.

☞ **Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Thân Chứng?**

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi **thân chứng đắc** các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy với trí tuệ, một số** lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này như vậy được gọi là bậc thân chứng.
- Nay các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, vị này (cần phải) tự mình với thượng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này các Thiện gia nam tử đã chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình,

sống không gia đình.

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

☞ **Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Kiến Đáo?**

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi **tự thân không chứng đắc** các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy với trí tuệ, một số** lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn; **và các pháp do Như Lai tuyên thuyết được vị này thấy một cách hoàn toàn với trí tuệ và thực hành một cách hoàn toàn.** Này các Tỷ-kheo, vị này được gọi là kiến đáo.
- Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp sống không gia đình. *Do vậy này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.*

☞ **Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người Tín giải thoát?**

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi **tự thân chứng đắc** các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy** với trí tuệ, **một số** lậu hoặc của vị này được đoạn trừ một cách hoàn toàn; **và lòng tin của vị này đối với Như Lai đã được xác định, phát sanh từ căn đề, an trú**. Này các Tỷ kheo, vị này được gọi là bậc tín giải thoát.
- Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp... ..sống không gia đình. *Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.*

☞ **Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người Tuỳ pháp hành?**

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi tu thân không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy** với trí tuệ, nhưng các lậu hoặc

không được đoạn trừ một cách hoàn toàn; và các pháp do Như Lai tuyên thuyết (chỉ) được vị này chấp nhận một cách vừa phải với trí tuệ, dầu cho vị này có những pháp như là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Nay các Tỷ-kheo, vị này được gọi là người tùy pháp hành.

- Nay các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp... .. sống không gia đình. Do vậy, nay các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

☞ **Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là người Tùy tín hành?**

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người sau khi tu thân không chứng đắc có tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy** với trí tuệ, nhưng các lậu hoặc không được đoạn trừ. Nhưng nếu vị này có đủ lòng tin và lòng thương Như Lai, thời vị này sẽ có những pháp như là tín căn, tấn căn, niệm

căn, định căn, tuệ căn. Nay các Tỷ-kheo, vị này được gọi là người tùy tín hành.

- Nay các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, nhưng vị này (cần phải) tự mình với thượng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này các Thiện gia nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Do vậy, nay các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

❖ **Nay các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng trí tuệ được hoàn thành lập tức. Nhưng nay các Tỷ-kheo, trí tuệ được hoàn thành nhờ học từ từ, hành từ từ, thực tập từ từ.**

☞ **Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là trí tuệ được hoàn thành nhờ học từ từ, hành từ từ, thực tập từ từ?**

Ở đây, nay các Tỷ-kheo:

- một vị có lòng tin đi đến gần;
- sau khi đến gần, vị ấy tỏ sự kính lễ;
- sau khi tỏ sự kính lễ, vị ấy lóng tai;
- sau khi lóng tai, vị ấy nghe pháp;
- sau khi nghe pháp, vị ấy thọ trì pháp;
- vị ấy suy tư ý nghĩa các pháp được thọ trì;
- sau khi suy tư => ý nghĩa các pháp được chấp thuận;
- sau khi các pháp được chấp thuận => ước muốn sanh khởi;
- sau khi ước muốn sanh khởi => vị ấy nỗ lực;
- sau khi nỗ lực => vị ấy cân nhắc;
- sau khi cân nhắc => vị ấy tinh cần.
- Do tinh cần, vị ấy tự thân chứng được sự thật tối thượng, và với trí tuệ thể nhập sự thật ấy, vị ấy thấy.

Nhưng này các Tỷ-kheo:

- Nếu không có lòng tin ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự đến gần ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có tỏ sự kính lễ ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự lóng tai ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự nghe pháp ấy,

thời này Tỷ-kheo, không có sự thọ trì pháp ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự suy tư ý nghĩa ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự chấp thuận pháp ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự ước muốn ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự nỗ lực ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự cân nhắc ấy, thời này các Tỷ-kheo không có sự tinh cần ấy.

- Đây các Tỷ-kheo, ở đây, các Ông đã đi vào phi đạo. Đây các Tỷ-kheo, ở đây, các Ông đã đi vào tà đạo. Thật là quá xa, này các Tỷ-kheo, **các kẻ ngu này đã đi ra ngoài pháp luật này.**

❖ Đây các Tỷ-kheo, **có sự thuyết trình gồm có bốn phần** (Catuppadam = Bốn cú) chính nhờ thuyết trình này người có trí, không bao lâu, nhờ tuệ biết được ý nghĩa. Ta sẽ đọc sự thuyết trình ấy lên cho các Ông, này các Tỷ-kheo, các Ông nhờ Ta mà sẽ hiểu thuyết trình ấy.

– Bạch Thế Tôn, chúng con là ai có thể biết được pháp?

– Đây các Tỷ-kheo, cho đến một bậc Đạo sư sống quá trọng vọng tài vật, là vị thừa tự tài vật, và sống liên hệ với tài vật, thời sự mua may bán đất này

không xảy ra: "Chúng tôi sẽ làm việc này như vậy, và như vậy chúng tôi sẽ không làm việc này như vậy", huống nữa là Như Lai, này các Tỷ-kheo, là vị sống hoàn toàn không liên hệ với các tài vật.

- Này các Tỷ-kheo, đối với một đệ tử, có lòng tin giáo pháp bậc Đạo sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, thời tùy pháp (anudhamma) được khởi lên: "Bậc Đạo sư là Thế Tôn, đệ tử là tôi. Thế Tôn biết, tôi không biết".
- Này các Tỷ-kheo, đến với một đệ tử, có lòng tin giáo pháp bậc Đạo sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, thời giáo pháp bậc Đạo sư được hưng thịnh được nhiều sinh lực.
- Này các Tỷ-kheo, đối với đệ tử có lòng tin giáo pháp bậc Đạo Sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, thời tùy pháp này được khởi lên: **"Dầu chỉ còn da, gân và xương, dầu thịt và máu trên thân bị khô héo, mong rằng sẽ có tinh tấn lực để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, nhờ trượng phu nhân nại, nhờ trượng phu tinh tấn, nhờ trượng phu cần đồng"**.
- Này các Tỷ-kheo, đối với một đệ tử có lòng tin giáo pháp bậc Đạo sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, vị ấy sẽ chứng được một trong hai quả như sau: Chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu

có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ
tín thọ lời Thế Tôn dạy.

176 Tiến trình sanh khởi 7 Giác chi - Kinh Ananda – Tương V, 491

Ananda – Tương V, 491

1-2) Sàvatthi...

Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

3) -- *Bạch Thế Tôn, có một pháp nào được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bốn pháp? Bốn pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bảy pháp? Bảy pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn hai pháp?*

-- Này Ananda, **có** một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bốn pháp. Bốn pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bảy pháp. Bảy pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn hai pháp.

4) -- *Một pháp ấy là gì, bạch Thế Tôn, được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bốn pháp? Bốn pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn bảy pháp? Bảy pháp được tu*

tập được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn hai pháp?

-- Này Ananda,

- ***Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra*** được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn ***Bốn niệm xứ***.
- *Bốn niệm xứ* được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn ***Bảy giác chi***.
- *Bảy giác chi* được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho viên mãn ***Minh và Giải thoát***.

I

5) ***Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra*** tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, làm cho viên mãn ***Bốn niệm xứ***?

6-12) Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống... "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

13-14) Lúc nào, này Ananda, Tỷ-kheo thở vô dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô dài..". Này Ananda, sống quán thân trên thân, Tỷ-kheo trong khi ấy trú nhứt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Vì sao? (xem 10, đoạn số 15-16) ...

15-16) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập... tham ưu ở đời. (xem 10, đoạn số 17-18)

17-18) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập... tham ưu ở đời. (xem 10, đoạn số 19-20)

19) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập... nhiếp phục tham ưu ở đời. (xem 10, đoạn số 21)

20) *Định niệm hơi thở vô, hơi thở ra, này Ananda, được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, làm viên mãn Bốn niệm xứ.*

II

21) *Tu tập như thế nào, này Ananda, làm cho sung mãn như thế nào, Bốn niệm xứ làm cho viên mãn Bảy giác chi?*

22) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo trú, quán **thân** trên thân, **niệm** được an trú; khi ấy, này Ananda, Tỷ-kheo có niệm, không phải thất niệm.

- Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo an trú niệm, không phải thất niệm, thời niệm giác chi, đối với Tỷ-kheo ấy được thành tựu.

- Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, niệm giác chi được Tỷ-kheo tu tập đi đến viên mãn. Vị ấy trú chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát, thành tựu quán pháp ấy.

23) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo sống chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết **trạch**, tư sát và đi đến quán sát ấy; khi ấy, này Ananda, trạch pháp giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

- Trong khi Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi; khi ấy, nhờ tu tập, trạch pháp giác chi đi đến viên mãn.
- Trong khi vị ấy với trí tuệ, quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy, thời tinh tấn, không thụ động bắt đầu phát khởi nơi vị ấy.

24) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy, thời **tinh tấn**, không thụ động phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

- Trong khi Tỷ-kheo tu tập tinh tấn giác chi; khi ấy, nhờ tu tập, tinh tấn giác chi đi đến viên mãn.
- Với vị có tinh cần, có tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên.

25) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo tinh cần, tinh tấn, **hỷ không** liên hệ đến vật chất khởi lên; khi ấy, hỷ giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

- Trong khi Tỷ-kheo tu tập hỷ giác chi; khi ấy, nhờ tu tập, hỷ giác chi đi đến viên mãn.
- Với vị có ý hoan hỷ, thân được khinh an, tâm được khinh an.

26) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo với ý hoan hỷ, thân được **khinh an**, tâm được khinh an; khi ấy, khinh an giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

- Trong khi Tỷ-kheo tu tập khinh an giác chi; khi ấy, nhờ tu tập, khinh an giác chi đi đến viên mãn.
- Với vị có thân khinh an, lạc hiện hữu.
- Với vị có lạc, tâm được định tĩnh.

27) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo có tâm khinh an, được an lạc, tâm được **định** tĩnh; khi ấy, này các Tỷ-kheo, định giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

- Trong khi, Tỷ-kheo tu tập định giác chi; khi ấy, định giác chi, nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

- Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy, khéo trú xả nhìn sự vật.

29) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo với tâm định tĩnh khéo trú **xả** nhìn sự vật như vậy; khi ấy, này Ananda, xả giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

- Trong khi Tỷ-kheo tu tập xả giác chi; khi ấy, xả giác chi, nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

29-31) Trong khi, này Ananda, Tỷ-kheo trú, quán **thọ** trên các cảm thọ... quán **tâm** trên tâm... quán **pháp** trên các pháp... (như trên, từ đoạn số 22-28)

32) *Tu tập như vậy, này Ananda, làm cho sung mãn như vậy, **Bốn niệm xứ** làm viên mãn **Bảy giác chi**.*

III.

33) *Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, **Bảy giác chi** làm viên mãn **Minh và Giải thoát**?*

34) Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo tu tập **niệm giác chi** liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập **xả giác chi** liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

35) *Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, **Bảy giác chi** làm viên mãn **Minh** và **giải thoát**.*

177 Tiến trình sanh khởi 7 Giác chi - Kinh Giới – Tương V, 106

Giới – Tương V, 106

1) ...

2) -- Đây các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào cụ túc giới, cụ túc định, cụ túc tuệ, cụ túc giải thoát, cụ túc giải thoát tri kiến, Ta nói rằng ai thấy các Tỷ-kheo ấy thì có rất nhiều lợi ích.

3) Đây các Tỷ-kheo,

- Ai nghe các Tỷ-kheo ấy, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích.
- Ai yết kiến các Tỷ-kheo ấy, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích.
- Ai thân cận các Tỷ-kheo ấy, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích.
- Ai nhớ nghĩ đến các Tỷ-kheo ấy, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích.
- Ai tùy thuận các Tỷ-kheo ấy xuất gia, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích.

4) Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, **khi nghe pháp** từ các Tỷ-kheo như vậy, vị nào sống viễn ly (vupakattho), được hai sự **viễn ly**: *Viễn ly về thân và viễn ly về tâm.*

Vị sống viễn ly như vậy thì sẽ tùy niệm (anussarati) pháp ấy, tùy tâm pháp ấy.

5) Nay các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo sống viễn ly như vậy, tùy niệm, tùy tâm pháp ấy; trong lúc ấy, **niệm giác chi** bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, niệm giác chi đi đến viên mãn.

Vị ấy trú với chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát, thành tựu quán sát pháp ấy.

6) Trong khi, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát và đi đến quán sát pháp ấy; trong khi ấy, nay các Tỷ-kheo, **trạch pháp giác chi** bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

Trong khi Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, trạch pháp giác chi đi đến viên mãn.

Trong khi *vị ấy với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy, thời tinh **tân**, không thụ động (asallinam) bắt đầu phát khởi nơi vị ấy.*

7) Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy, thời **tinh tân, không thụ động** bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

Trong khi Tỷ-kheo tu tập tinh tân giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, tinh tân giác chi đi đến viên mãn.

*Với vị tinh cần, tinh tân, **hỷ** không liên hệ đến vật chất (piti niràmisa) khởi lên.*

8) Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tinh cần, tinh tân, hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên; trong khi ấy, **hỷ giác chi** bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

Trong khi Tỷ-kheo tu tập hỷ giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, hỷ giác chi đi đến viên mãn.

*Với vị có ý hoan hỷ, thân được **khinh an**, tâm được khinh an.*

9) Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với ý hoan hỷ, thân được khinh an, tâm được khinh an; trong khi

ấy, **khinh an giác chi** bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

Trong khi Tỷ-kheo tu tập khinh an giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập, khinh an giác chi đi đến viên mãn.

*Với vị có thân khinh an, **lạc** hiện hữu. Với vị có lạc, tâm được **định** tĩnh.*

10) Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thân khinh an, được an lạc, tâm được định tĩnh; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, **định giác chi** bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

Trong khi Tỷ-kheo tu tập định giác chi; trong khi ấy, định giác chi nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

*Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy, khéo trú **xả** nhìn (sự vật) (sàdhukam ajjupekkhità).*

11) Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với tâm định tĩnh, khéo trú xả nhìn (sự vật) như vậy; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, **xả giác chi** bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy.

Trong khi Tỷ-kheo tu tập xả giác chi; trong khi ấy, xả giác chi nhờ tu tập, đi đến viên mãn.

12) Nay các Tỷ-kheo, **bảy giác chi** được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, thời **bảy quả**, **bảy lợi ích** được chờ đợi.

Thế nào là bảy quả, bảy lợi ích?

13) Ngay trong hiện tại, lập tức (patihacca) **thành tựu được chánh trí**;

Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí, thời **khi lâm chung, thành tựu được chánh trí**.

14) Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được chánh trí, thời sau khi **đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chúng được Trung gian Bát-niết-bàn** (antaràparinibbàyi).

15) Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chúng được Trung gian bát Niết-bàn, thời sau khi **đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chúng được Tồn hại (upahacca) Bát-niết-bàn**.

16) Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không chúng được chánh trí; nếu khi lâm chung, không chúng

được chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Tồn hại Bát-niết-bàn, thời sau khi **đoạn tận năm hạ phẩm kiết sử, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn** (asankhàraparinibbàyi)

17) Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu chánh trí; nếu khi lâm chung, không chứng được chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn diệt được năm hạ phần kiết sử, không chứng được Tồn hại Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Vô hành Bát-niết-bàn; thời sau khi **đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn**.

18) Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu chánh trí; nếu khi lâm chung, không chứng được chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, không chứng được Tồn hại bát Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Vô hành Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn; thời sau

khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy là bậc thượng lưu (uddhamsoto), đạt được **Sắc cứu cánh thiên**.

19) Nay các Tỷ-kheo, do tu tập bảy giác chi như vậy, do làm cho sung mãn như vậy nên được chờ đợi bảy quả này, bảy lợi ích này.

178 Tiến trình sanh khởi 7 Giác chi - Kinh NHẬP TỨC XUẤT TỨC NIỆM – 118 Trung III, 249

KINH NHẬP TỨC XUẤT TỨC NIỆM (**Anapanasati sutam**)

– Bài kinh số 118 – Trung III, 249

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, tại Đông Viên (Pubbarama), giảng đường Lộc Mầu (Migaramatupasade), cùng với rất nhiều Thượng tọa có thời danh, có danh xưng.... như Tôn giả Sariputta (Xá-lợi-phất), Tôn giả Mahamoggallana (Đại Mục-kiền-liên), Tôn giả Mahakaccayana (Đại Ca-chiên-diên), Tôn giả Mahakotthita (Đại Câu-hy-la), Tôn giả Mahakappina (Đại Kiếp-tân-na), Tôn giả Mahacunda (Đại Thuần-đà), Tôn giả Anuruddha (A-na-luật), Tôn giả Revata (Ly-bà-đa) và Tôn giả Ananda (A-nan), cùng với nhiều bậc Thượng tọa đệ tử khác có thời danh, có danh xưng.

Lúc bấy giờ, các Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy các tân Tỷ-kheo. Một số Thượng tọa

Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy mười tân Tỷ-kheo. Một số Thượng Tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy hai mươi tân Tỷ-kheo. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy ba mươi tân Tỷ-kheo. Một số Thượng Tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy bốn mươi tân Tỷ-kheo. Và các tân Tỷ-kheo được các Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy ý thức rõ ràng những quả vị cao diệu, tiêm thứ, thù thắng đã chứng đạt. Lúc bảy giờ Thế Tôn, vào ngày Bố-tát, ngày rằm, vào đêm trăng tròn sau ngày Tụ tứ, đang ngồi giữa trời với chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

Thế Tôn nhìn quanh chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, hết sức yên lặng, rồi bảo các Tỷ-kheo:

– Ta được thỏa mãn, này các Tỷ-kheo, với đạo lộ này. Tâm ta được thỏa mãn, này các Tỷ-kheo, với đạo lộ này. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy tinh tấn hơn nữa, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Ta sẽ ở đây, tại Savatthi cho đến tháng tư, lễ Komudi.

Những Tỷ-kheo địa phương được nghe: "Thế Tôn sẽ ở đây, tại Savatthi, cho đến tháng tư, lễ Komudi". Các Tỷ-kheo địa phương tụ họp tại Savatthi để yết kiến Thế Tôn. Và các Thượng tọa Tỷ-

kheo lại càng khuyến giáo, giảng dạy các tân Tỷ-kheo nhiều hơn nữa. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy mười tân Tỷ-kheo. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy hai mươi tân Tỷ-kheo, Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy ba mươi tân Tỷ-kheo. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy bốn mươi tân Tỷ-kheo. Và những tân Tỷ-kheo được các Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy ý thức rõ ràng những quả vị cao diệu, tiệm thứ, thù thắng đã chứng đạt. Lúc bấy giờ Thế Tôn vào ngày Bố-tát, ngày rằm, vào đêm trăng tròn, ngày lễ Komudi vào tháng tư, Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, chung quanh có chúng Tỷ-kheo đoàn vây.

Rồi Thế Tôn sau khi nhìn xung quanh chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, hết sức yên lặng liền bảo các Tỷ-kheo:

– Hội chúng này, này các Tỷ-kheo, không có lời thừa thải. Hội chúng này, này các Tỷ-kheo, không có lời dư thừa, đã được an trú trong lỗi cây thanh tịnh.

☞ Chúng Tỷ-kheo như thế này, này các Tỷ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỷ-kheo là một hội chúng đáng được cung kính,

đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

- ☞ Chúng Tỷ-kheo như thế này, này các Tỷ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỷ-kheo, là một hội chúng bồ thí ít, được (phước báo) nhiều, bồ thí nhiều, càng được (phước báo) nhiều; hơn nữa.
- ☞ Chúng Tỷ-kheo như thế này, này các Tỷ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỷ-kheo, là một hội chúng khó thấy ở đời.
- ☞ Chúng Tỷ-kheo như thế này, này các Tỷ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỷ-kheo, là một hội chúng xứng đáng đi nhiều do tuần (yojana) với một bao lương thực trên vai để đến yết kiến.

Chúng Tỷ-kheo này là như vậy, này các Tỷ-kheo; hội chúng này là như vậy, này các Tỷ-kheo.

- Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo là những A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn trừ, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục đích đã thành đạt, hữu kiết sử đã được đoạn tận, được giải thoát nhờ chánh trí. Này các Tỷ-kheo, có những bậc Tỷ-kheo như

vậy trong chúng Tỷ-kheo này.

- Đây các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo đã **đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh**, từ ở đây được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lại đời này nữa. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, đây các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.
- Đây các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, đây có những Tỷ-kheo đã đoạn trừ ba kiết sử, đã làm cho muội lược tham, sân, si, là **bậc Nhất lai**, sau khi sanh vào đời này một lần nữa, sẽ đoạn tận khổ đau. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, đây các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.
- Đây các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo, có những Tỷ-kheo đã đoạn trừ ba kiết sử, là **bậc Dư lưu**, không còn đọa vào ác đạo, chắc chắn sẽ được giác ngộ. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, đây các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.
- Đây các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, **tu tập bốn niệm xứ**. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, đây các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.

- Đây các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, **tu tập bốn chánh cần**. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong hội chúng này.
- Đây các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm **tu tập bốn như ý túc**. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.
- Đây các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm **tu tập năm căn**. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.
- Đây các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm **tu tập năm lực**. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.
- Đây các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm **tu tập bảy giác chi**. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.

- Đây các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này có những Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm **tu tập Thánh đạo tám ngành**. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.
- Đây các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm **tu tập từ (tâm)**. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.
- Đây các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm **tu tập bi (tâm)**. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.
- Đây các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm **tu tập hỷ (tâm)**. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.
- Đây các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm **tu tập xả (tâm)**. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.

- Đây các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm **tu tập bất tịnh**. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.
- Đây các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này có những Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm **tu tập vô thường tưởng**. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này.
- Đây các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm **tu tập nhập tức xuất tức niệm**.

Nhập tức xuất tức niệm, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, công đức lớn.

➔ *Nhập tức xuất tức niệm, được tu tập, làm cho sung mãn, khiến cho Bốn niệm xứ được viên mãn.*

➔ *Bốn niệm xứ được tu tập, làm cho sung mãn, khiến cho Bảy giác chi được viên mãn.*

➔ *Bảy giác chi được tu tập, làm cho sung mãn, khiến cho Minh Giải thoát (vijjavimutti)*

được viên mãn.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào tu tập Nhập tức xuất tức niệm? Như thế nào làm cho sung mãn? Như thế nào là quả lớn, công đức lớn?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, và ngồi kiết-già, lưng thẳng và trú niệm trước mặt.

- **Chánh niệm**, vị ấy thở vô. Chánh niệm, vị ấy thở ra.
- 1. **Thở vô dài**, vị ấy biết: "Tôi thở vô dài". Hay thở ra dài, vị ấy biết: "Tôi thở ra dài".
- 2. Hay **thở vô ngắn**, vị ấy biết: "Tôi thở vô ngắn". Hay thở ra ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở ra ngắn".
- 3. "**Cảm giác cả toàn thân**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác cả toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- 4. "**An tịnh thân hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- 5. "**Cảm giác hỷ thọ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- 6. "**Cảm giác lạc thọ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

7. "**Cảm giác tâm hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
8. "**An tịnh tâm hành**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
9. "**Cảm giác về tâm**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
10. "**Với tâm hân hoan**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
11. "**Với tâm định tĩnh**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
12. "**Với tâm giải thoát**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
13. "**Quán vô thường**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
14. "**Quán ly tham**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"Quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
15. "**Quán đoạn diệt**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra, vị ấy tập.
16. "**Quán từ bỏ**, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Nhập tức xuất tức niệm, này các Tỷ-kheo, tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, được quả lớn, được công đức lớn.

❖ *Này các Tỷ-kheo, như thế nào là Nhập tức xuất tức niệm được tu tập, như thế nào, làm cho sung mãn, khiến Bốn niệm xứ được viên mãn?*

- Khi nào, này các Tỷ-kheo,
 - Tỷ-kheo thở vô dài, vị ấy biết: "Tôi thở vô dài". Hay khi thở ra dài, vị ấy biết "Tôi thở ra dài".
 - Hay thở vô ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở vô ngắn". Hay khi thở ra ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở ra ngắn".
 - "Cảm giác cả toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác cả toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
 - "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
 - **Trong khi tùy quán thân trên thân**, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trú, **nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời**. Này các Tỷ-kheo, **đối với các thân, Ta nói đây là một, tức là thở vô thở ra**. Do vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tùy quán thân trên thân, vị Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.
- Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo nghĩ:

- "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
 - "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
 - "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
 - "An tịnh tâm hành tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
 - **Trong khi tùy quán thọ trên các thọ**, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, **đối với các cảm thọ, Ta nói đây là một, tức là thở vô thở ra**. Do vậy này các Tỷ-kheo, trong khi tùy quán thọ trên các cảm thọ, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.
- Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nghĩ:
- "Cảm giác tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"Cảm giác tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
 - "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở vô", vị ấy tu tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
 - "Với tâm Thiền định, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.

"Vói tâm Thiên định, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

- "Vói tâm giải thoát, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"Vói tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

⇒ **Trong khi tùy quán tâm trên tâm**, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, **sự tu tập nhập tức xuất tức niệm không thể đến với kẻ thất niệm, không có tỉnh giác**. Do vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tùy quán tâm trên tâm, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

▪ Khi nào này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nghĩ:

- "Quán vô thường, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- "Quán ly tham....
- "Quán đoạn diệt...
- "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.
- **Trong khi tùy quán trên các pháp**, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo an trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. **Vị ấy, do đoạn trừ tham ưu, sau khi thấy với trí**

tuệ, khéo nhìn (sự vật) với niệm xả ly. Do vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tùy quán pháp trên các pháp, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

Nhập tức xuất tức niệm, này các Tỷ-kheo, được tu tập như vậy được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn.

❖ **Và này các Tỷ-kheo, Bốn niệm xứ tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho Bảy giác chỉ được viên mãn?**

- Này các Tỷ-kheo, trong khi tùy quán thân trên thân, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời, trong khi ấy, niệm không hôn mê của vị ấy được an trú. Này các Tỷ-kheo, trong khi niệm không hôn mê của vị ấy cũng được an trú, => trong khi ấy niệm giác chỉ được bắt đầu khởi lên với Tỷ-kheo, trong khi ấy, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi. Trong khi ấy niệm giác chỉ được Tỷ-kheo tu tập đi đến viên mãn.
- Này các Tỷ-kheo, trong khi trú với chánh niệm như vậy, Tỷ-kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy. Này các Tỷ-kheo, trong khi

trú với chánh niệm như vậy, Tỷ-kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy, => trong khi ấy trạch pháp giác chi được bắt đầu khởi lên với Tỷ-kheo. Trong khi ấy, Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi. Trong khi ấy trạch pháp giác chi được Tỷ-kheo tu tập đi đến viên mãn.

- Nay các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy, sự tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên với vị Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, *trong khi Tỷ-kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy, => trong khi ấy sự tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên* với Tỷ-kheo ấy. Trong khi ấy tinh tấn giác chi được bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo. Trong khi ấy Tỷ-kheo tu tập tinh tấn giác chi. Trong khi ấy, tinh tấn giác chi được Tỷ-kheo tu tập đi đến viên mãn.
- **Hỷ không liên hệ đến vật chất được khởi lên nơi vị tinh tấn tinh cần.** Nay các Tỷ-kheo, *trong khi hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên nơi Tỷ-kheo tinh tấn tinh cần, => trong khi ấy hỷ giác chi bắt đầu khởi lên* nơi Tỷ-kheo. Trong khi ấy hỷ giác chi được vị Tỷ-kheo tu tập. Trong khi ấy hỷ giác chi được Tỷ-kheo tu tập đi đến viên mãn.
- **Thân của vị ấy được tâm hoan hỷ trở thành**

khinh an, tâm cũng được khinh an. Nay các Tỷ-kheo, *trong khi Tỷ-kheo với ý hoan hỷ được thân khinh an, được tâm cũng khinh an, => trong khi ấy, khinh an giác chi bắt đầu khởi lên* nơi Tỷ-kheo. Trong khi ấy, khinh an giác chi được Tỷ-kheo tu tập. Trong khi ấy, khinh an giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn.

- **Một vị có thân khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh.** Nay các Tỷ-kheo, *trong khi Tỷ-kheo có thân khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh, => trong khi ấy định giác chi bắt đầu khởi lên* nơi Tỷ-kheo. => Trong khi ấy định giác chi được Tỷ-kheo tu tập. => Trong khi ấy định giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn.
- **Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy, khéo nhìn (sự vật) với ý niệm xả ly.** Nay các Tỷ-kheo, *trong khi Tỷ-kheo với tâm định tĩnh như vậy, khéo nhìn (sự vật) với ý niệm xả ly => trong khi ấy xả giác chi bắt đầu khởi lên* nơi Tỷ-kheo. Trong khi ấy xả giác chi được Tỷ-kheo tu tập. Trong khi ấy xả giác chi được Tỷ-kheo làm cho đến sung mãn.

Nay các Tỷ-kheo, trong khi sống tùy **quán thọ**

trên các cảm thọ... (như trên)...

Này các Tỷ-kheo, trong khi sống tùy **quán tâm trên tâm... (như trên)...**

- Này các Tỷ-kheo, trong khi sống tùy quán pháp trên các pháp, Tỷ-kheo an trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời, trong khi ấy niệm của vị ấy được an trú, không có hôn mê. Này các Tỷ-kheo, ***trong khi niệm của Tỷ-kheo được an trú, không có hôn mê, niệm giác chi trong khi ấy được bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo.*** Niệm giác chi trong khi ấy được Tỷ-kheo tu tập. Niệm giác chi trong khi ấy, được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn. Vị ấy an trú với chánh niệm như vậy, suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy với trí tuệ.
- Này các Tỷ-kheo, ***trong khi an trú với chánh niệm như vậy, vị ấy suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy với trí tuệ. Trạch pháp giác chi trong khi ấy được bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo.*** Trạch pháp giác chi trong khi ấy được Tỷ-kheo tu tập. Trạch pháp giác chi trong khi ấy đi đến sung mãn, tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên nơi vị ấy.

- Đây các Tỷ-kheo, ***trong khi Tỷ-kheo suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy với trí tuệ, và tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên nơi vị ấy***, tinh tấn giác chi trong khi ấy bắt đầu khởi lên nơi vị Tỷ-kheo. Tinh tấn giác chi được Tỷ-kheo tu tập. Tinh tấn giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn.
- ***Đối với vị ấy tinh cần tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên. Đây các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo tinh cần tinh tấn và hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên, hỷ giác chi trong khi ấy bắt đầu được khởi lên nơi Tỷ-kheo. Hỷ giác chi trong khi ấy được Tỷ-kheo tu tập. Hỷ giác chi trong khi ấy được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn.***
- ***Thân của vị ấy được tâm hoan hỷ trở thành khinh an, tâm cũng được khinh an. Đây các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo với ý hoan hỷ được thân khinh an, được tâm cũng khinh an, trong khi ấy khinh an giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo. Trong khi ấy khinh an giác chi được Tỷ-kheo tu tập. Trong khi ấy khinh an giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn.***

- **Một vị có tâm khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh.** Nay các Tỷ-kheo, trong khi vị ấy có thân khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh, trong khi ấy định giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo. Trong khi ấy định giác chi được Tỷ-kheo tu tập. Trong khi ấy định giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn.
- **Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy khéo nhìn (sự vật) với ý niệm xả ly.** Nay các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo với tâm định tĩnh như vậy, khéo nhìn (sự vật) với ý niệm xả ly, trong khi ấy xả giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo. Trong khi ấy xả giác chi được Tỷ-kheo tu tập. Trong khi ấy xả giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn.

Này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy khiến cho bảy giác chi được sung mãn.

❖ Và này các Tỷ-kheo, Bảy Giác Chi tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho Minh Giải thoát được viên mãn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm

giác chi, **liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến diệt, hướng đến xả ly**; tu tập trạch pháp giác chi... (như trên)... tu tập tinh tấn giác chi... (như trên)... tu tập hỷ giác chi... (như trên)... tu tập khinh an giác chi... (như trên)... tu tập định giác chi... (như trên)... tu tập xả giác chi, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến diệt, hướng đến xả ly.

Này các Tỷ-kheo, bảy giác chi được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho Minh và Giải thoát được viên mãn.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

179 Tiến trình sanh khởi 7 Giác chi - Kinh Vị Tỷ Kheo – Tương V, 113

Vị Tỷ Kheo – Tương V, 113

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến...
ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- "*Giác chi, giác chi*", bạch Thế Tôn, được gọi là như
vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi
là giác chi?

-- Nay Tỷ-kheo, *chúng đưa đến giác ngộ, do vậy,
chúng được gọi là các giác chi.*

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác
chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ
đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập xả giác chi
liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến
đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

4) Do vị ấy tu tập bảy giác chi này, tâm được giải
thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu,
tâm được giải thoát khỏi yô minh lậu. Trong sự giải
thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết
rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc

nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

5) Chúng đưa đến giác ngộ, này Tỷ-kheo, nên chúng được gọi là giác chi.

180 Tiếng rống con sư tử - Kinh CHƯA ĐƯỢC NGHE – Tăng II, 317

CHƯA ĐƯỢC NGHE – *Tăng II, 317*

1. - Nay các Tỷ-kheo, Ta tự cho là đã đạt được sự cứu cánh với thắng trí đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe.

Nay các Tỷ-kheo, có **năm sức mạnh này của Như Lai**. Thành tựu các sức mạnh ấy, nay các Tỷ kheo, Như Lai tự xem đã đạt được vị trí Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng, làm vận chuyển bánh xe Phạm thiên.

2. Thế nào là năm? **Tín** lực, **tàm** lực, **quý** lực, tinh **tấn** lực, **tuệ** lực.

Có năm Như Lai lực này của Như Lai, nay các Tỷ-kheo. Thành tựu các sức mạnh ấy, Như Lai tự xem đã đạt được vị trí Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng, làm vận chuyển bánh xe Phạm thiên.

181 Tiếng rống con sư tử - Kinh CON SU TỬ – Tăng I, 611

CON SU TỬ – *Tăng I, 611*

1. - Nay các Tỷ-kheo, con sư tử, vua các loài thú, vào buổi chiều đi ra khỏi hang. Sau khi ra khỏi hang, nó duỗi thân mình và chân. Sau khi duỗi thân mình và chân, nó nhìn chung quang bốn phương. Sau khi nhìn chung quanh bốn phương nó rống lên tiếng rống con sư tử ba lần. Sau khi rống tiếng rống con sư tử ba lần, nó đi ra tìm mồi.

Này các Tỷ-kheo, các loài thú thuộc loại bàng sanh nghe tiếng rống của con sư tử, vua các loài thú, phần lớn chúng trở thành sợ hãi, run sợ, khiếp đảm. Các loài ở hang tìm vào hang. Các loài ở nước tìm xuống nước. Các loài ở rừng tìm vào rừng. Các loài chim bay lên hư không.

Này các Tỷ-kheo, các loài voi chúa ở tại làng, thị trấn hay thành phố, bị trói bởi các dây da cứng chắc, đứt đứt, giật đứt những sợi dây ấy, khiếp đảm cuồng chạy tung cả phân và nước tiểu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là đại thần thông lực của con sư tử, vua các loài thú, đối với các loài bàng sanh, như vậy là đại thể lực, như vậy là đại uy lực.

2. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, vị ấy thuyết pháp: "**Đây là thân, đây là thân tập khởi, đây là thân đoạn diệt, đây là con đường đưa đến thân diệt**". Này các Tỷ-kheo, có chư Thiên tuổi thọ dài, có dung sắc, hưởng lạc nhiều, đã sống lâu trong các lâu đài to lớn. **Các chư Thiên này, sau khi nghe Như Lai thuyết pháp, phần lớn họ trở thành sợ hãi, run sợ, khiếp đảm, họ nghĩ:**

- "*Chúng ta là vô thường, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường còn.*
- "*Chúng ta là không thường hằng, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường hằng.*
- "*Chúng ta là không thường trú, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường trú.*
- "*Này chư Tôn giả, chúng ta là vô thường, không thường hằng, không thường trú, bị thâm nhiếp trong một thân này*".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là đại thân thông lực của Như Lai đối với chư Thiên và thế giới chư Thiên, như vậy là đại thế lực, như vậy là đại uy lực.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Thuyết giảng như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*3. Khi Phật với thắng trí,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Cho Thiên giới, Nhân giới,
Bậc Đạo Sư vô tử,
Sự đoạn diệt thân uẩn,
Sự hiện hữu thân uẩn
Và đường Thánh tám ngành,
Đưa đến khổ diệt tận,
Chư Thiên được trường thọ,
Có dung sắc danh xưng,
Sanh khiếp đảm sợ hãi,
Như thú thấy sư tử,
Vì chưa thoát thân uẩn,
Nghe chúng ta vô thường,
Khi nghe lời Ứng Cúng,
Được giải thoát như vậy.*

182 Tiếng rống con sư tử - Kinh KASSAPA – 8 Trường I, 281

KINH KASSAPA
– Bài kinh số 8 – Trường I, 281

1. - Như vậy tôi nghe. Một thời đức Thế Tôn ở tại Ujunnà (Uy-nhã-quốc), tại vườn nai Kannakatthala. Lúc bấy giờ, lửa thể Kassapa (Ca-diếp) đến chỗ đức Phật, nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với đức Thế Tôn và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, lửa thể Kassapa thưa với Thế Tôn:

2. - *Tôn giả Gotama, tôi nghe như vậy: "Sa-môn Gotama chỉ trích mọi khổ hạnh, tuyệt đối phỉ báng, mạt sát mọi khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ", có phải những vị ấy nói đúng lời của Tôn giả Gotama? Có phải những vị ấy đã vu oan không xác thật cho Tôn giả Gotama? Có phải những vị ấy đã tuyên bố như pháp, thuận pháp không? Có những chủ trương nào chính và phụ gặp phải cật nạn không? Thật sự chúng tôi không muốn chỉ trích sai lạc Tôn giả Gotama.*

3. - Này Kassapa, những ai nói: "Sa-môn Gotama chỉ

trích mọi khổ hạnh, tuyệt đối phỉ báng, mặt sát mọi khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ", những vì ấy nói không đúng lời của Ta, đã vu oan không xác thật cho Ta.

- Nay Kassapa, ở đời này, với thiên nhân thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh, sống khắc khổ... Sau khi thân hoại mạng chung, phải sinh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
- Nay Kassapa, ở đời này, với thiên nhân thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh, sống khắc khổ... Sau khi thân hoại mạng chung, được sinh vào thiện chú, thiên giới, cõi đời này.
- Nay Kassapa, ở đời này, thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh nhưng sống ít khắc khổ hơn... Sau khi thân hoại mạng chung, phải sinh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
- Nay Kassapa, ở đời này, với thiên nhân thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh nhưng sống ít khắc khổ hơn... Sau khi thân hoại mạng chung, được sinh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

→ Nay Kassapa, khi đã biết đúng với sự thật sự lai, khứ, sanh, diệt của những người tu khổ hạnh như vậy, làm sao Ta lại chỉ trích mọi khổ hạnh và tuyệt đối phi báng mạt sát mọi khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ.

4. Nay Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn là những nhà bác học, tể nhị, biệt tài trong tranh luận, (nhà thiện xạ) bắn chẻ hai sợi tóc, đi chỗ này chỗ kia như đả phá mọi tà kiến với trí tuệ của mình. Giữa Ta và những vị này, có những điểm tương đồng và có những điểm không tương đồng. Có điểm những vị này công nhận là phải, chúng tôi cũng công nhận là phải. Có điểm những vị này công nhận là không phải, chúng tôi cũng công nhận là không phải. Có điểm những vị này không công nhận là phải, chúng tôi công nhận là phải. Có điểm chúng tôi công nhận là phải, các vị này cũng công nhận là phải. Có điểm chúng tôi không công nhận là phải, các vị này cũng không công nhận là phải. Có điểm chúng tôi công nhận là phải, các vị này không công nhận là phải. Có điểm chúng tôi không công nhận là phải, các vị này công nhận là phải.

5. Ta đến các vị ấy và nói: "Này các Hiền giả, những điểm bất đồng ý, hãy để chúng yên như vậy. Những điểm đồng ý, các vị có trí hãy hỏi nhau, tìm hiểu và

đàm luận với nhau, giáo sư với giáo sư, hay chúng đệ tử với chúng đệ tử: *"Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, giữa những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm, giữa quý vị hiền giả này, ai đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy, Sa-môn Gotama hay những vị Tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia?"*

6. Nay Kassapa, và sự tình này xảy ra. Khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau. Các vị này nói: *"Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm, giữa những vị hiền giả này, Sa-môn Gotama đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy, còn những vị tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia chỉ xả ly một phần thôi".* Như vậy, nay Kassapa, những vị có trí khi hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này.

7. Nay Kassapa, lại nữa các vị có trí lại hỏi nhau, tìm

hiểu và đàm luận với nhau, giữa giáo sư với giáo sư, giữa chúng đệ tử với chúng đệ tử: *"Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lầm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh, giữa quý vị hiền giả này ai đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, Sa-môn Gotama hay những vị tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia?"*

8. Nay Kassapa, và sự tình này xảy ra. Khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, các vị này nói: *"Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lầm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh, Sa-môn Gotama đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, còn những vị tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia chỉ thành tựu một phần"*. Như vậy nay Kassapa, những vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này.

9. Nay Kassapa, lại nữa, các vị có trí lại hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, giữa giáo sư với giáo

sư, giữa chúng đệ tử với chúng đệ tử: *"Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm, giữa những vị hiền giả này ai đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy, chúng đệ tử của Gotama hay chúng đệ tử của những tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia?"*.

10. Nay Kassapa, và sự tình này xảy ra khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau. Các vị này nói: *"Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm, giữa những vị hiền giả này, chúng đệ tử của Gomata đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy, còn chúng đệ tử của những vị tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia chỉ xả ly một phần thôi"*. Như vậy, nay Kassapa, những vị có trí khi hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này.

11. Nay Kassapa, lại nữa, các vị có trí lại hỏi nhau,

tìm hiểu và đàm luận với nhau, giữa giáo sư với giáo sư, giữa chúng đệ tử với chúng đệ tử: "*Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lầm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh, giữa những vị hiền giả này ai đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, chúng đệ tử của Gotama hay chúng đệ tử của những tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia?*"

12. Đây Kassapa, sự tình này xảy ra khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau. Các vị này nói: "*Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lầm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh, giữa những vị hiền giả này, chúng đệ tử của Gotama đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, còn chúng đệ tử của những vị tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia chỉ thành tựu một phần thôi*". Như vậy đây Kassapa, những vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này.

13. Nay Kassapa, có con đường, có phương pháp khiến ai tuân theo sẽ tự thấy và tự biết: "Sa-môn Gotama nói đúng thời, nói chân thật, nói lợi ích, nói hợp pháp, nói đúng luật". Nay Kassapa, con đường ấy là gì, phương pháp ấy là gì khiến ai tuân theo sẽ tự thấy và biết: "Sa-môn Gotama nói đúng thời, nói chân thật, nói lợi ích, nói hợp pháp, nói đúng luật"?

- **Chính là con đường Thánh tám ngành** tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay Kassapa, chính con đường này, chính phương pháp này khiến ai tuân theo sẽ tự thấy và tự biết: "Sa-môn Gotama nói đúng thời, nói lời chân thật, nói lợi ích, nói hợp pháp, nói đúng luật".

14. Nghe nói vậy, lửa thể Kassapa bạch đức Thế Tôn:

- Hiền giả Gotama, những pháp khổ hạnh này được những Sa-môn và Bà-la-môn công nhận là đưa đến Sa-môn quả và Bà-la-môn quả: Sống lửa thể, - Sống phóng túng, không theo lễ nghi (như đứng mà đi đại tiểu tiện, đứng ăn, không chịu ngồi theo lễ nghi), - Liếm tay cho sạch (sau khi ăn, không chịu rửa), - Đi khát thực không chịu bước tới (theo yêu cầu để thí chủ bỏ đồ ăn vào bát), - Không nhận đồ ăn

mang đến (cho mình, trước khi đi khát thực), - Không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình. - Không nhận mời đi ăn. - Không nhận đồ ăn từ nơi nồi cháo (sợ nồi cháo bị nạo, bị cạy để cúng dường đồ ăn), - Không nhận đồ ăn tại ngưỡng cửa (sợ dành riêng cho mình), - Không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy (sợ dành riêng cho mình), - Không nhận đồ ăn đặt giữa những cối giã gạo (sợ dành riêng cho mình), - Không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn (sợ đồ ăn chỉ do một người cho), - Không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai (sợ đưa con trong bụng mẹ bị thiệt thòi), - Không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú (sợ sữa đàn bà sẽ bớt đi), - Không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu (sợ làm trở ngại sự giao cấu), - Không nhận đồ ăn đi quỳên (bởi tín đồ khi có nạn đói), - Không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng (sợ chó mất phần ăn), - Không nhận đồ ăn tại chỗ ruồi bu (sợ ruồi mất phần ăn), - Không ăn cá, ăn thịt, không uống rượu nấu, rượu men. - Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miếng hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại bảy nhà, vị ấy chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy chỉ nuôi sống với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát, nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần.

Này Hiền giả Gotama, những pháp khổ hạnh này được chúng Sa-môn, Bà-la-môn công nhận là đưa đến Sa-môn quả và Bà-la-môn quả. Vị này chỉ ăn cỏ lúa để sống, lúa tặc, gạo lức, ăn hột cải nivara, ăn da vụn, ăn trấu, ăn nước bột gạo, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống.

Này Hiền giả Gotama, những pháp khổ hạnh này được công nhận bởi những Sa-môn, Bà-la-môn là đưa đến Sa-môn và Bà-la-môn quả. Vị ấy mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tấm liệm rồi quăng đi, mặc vải phẩn tảo y, mặc vỏ cây tititaka làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện bằng từng mảnh da của con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường (kusa), mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Vị ấy là người sống nhổ râu tóc, là người theo tập tục sống nhổ râu tóc, là người theo hạnh thường dùng, không dùng chỗ ngồi, là người ngồi chò hỏ, sống theo hạnh ngồi chò hỏ một cách tinh tấn, là người dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống dùng ván gỗ làm giường, sống nằm trên đất trần, thường nằm ngủ một bên hông, sống để bụi và nhóp che dính thân mình, sống và ngủ ngoài trời, theo hạnh hạ đầu nằm đáy, sống ăn các ứ

vật, theo hạnh ăn các uế vật (phân bò, nước tiểu bò, tro và đất), sống không uống nước lạnh, theo hạnh không uống nước lạnh, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi).

15. - Nay Kassapa nếu một người sống lỏa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... như vậy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần, **nhưng nếu vị này không tu và không chứng được giới cụ túc, tâm cụ túc, tuệ cụ túc, thời vị ấy cách rất xa Sa-môn vị, cách rất xa Bà-la-môn vị.** Nay Kassapa, **nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu**, nay Kassapa Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn .

Nay Kassapa, nếu một người chỉ ăn cỏ lúa để sống, nay Kassapa nếu người ấy chỉ ăn lúa tặc, gạo lức, ăn hột cải nivàra... ăn trái cây, rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống, nhưng nếu vị này không tu và không chứng được giới cụ túc, tâm cụ túc, tuệ cụ túc thời vị ấy cách rất xa Sa-môn vị, cách rất xa Bà-la-môn vị. Nay Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện

tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn .

Này Kassapa, nếu một người mặc vải gai thô, mặc vải gai thô trộn với các vải khác,... sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi), nhưng **nếu vị này không tu và không chứng** được giới cụ túc, tâm cụ túc, tuệ cụ túc, thời vị ấy cách rất xa Sa-môn vị, cách rất xa Bà-la-môn vị. Này Kassapa, **nếu Tỷ-kheo sống tu tập** từ bi tâm, không hận thù, không ác hại và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn .

16. Khi nghe nói đến đây, lửa thê Kassapa bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!

- Này Kassapa, đó là lời nói thường tình ở đời: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh! Này Kassapa, như một người sống lửa thê, sống phóng túng không theo lễ nghi, liêm tay... như vậy sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần. Này Kassapa, nếu sự khó

hành, sự rất khó hành của Sa-môn hạnh, của Bà-la-môn hạnh chỉ tùy thuộc khổ hạnh này và chỉ tùy thuộc sự thiệt hành khổ hạnh này, thời **thật không xứng mà nói**: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Một người cư sĩ, hay con một người cư sĩ cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi sống lửa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... như vậy sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng ăn một lần". Nay Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thiệt hành khổ hạnh này, Sa-môn hạnh hay Bà-la-môn hạnh vẫn khó hành trì, vẫn thật khó hành trì, do vậy thật xứng đáng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Nay Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự tận diệt các lậu hoặc tư giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, nay Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

Nay Kassapa, nếu một người chỉ ăn cỏ lúa để sống, ăn lúa tặc, gạo lức... ăn trái cây, rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống, nếu sự khó hành, sự rất khó hành của Sa-môn hạnh, của Bà-la-môn hạnh chỉ tùy thuộc khổ hạnh này, và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này thời thật **không xứng mà nói**:

"Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh". Một người cư sĩ, hay con một người cư sĩ, cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi chỉ ăn cỏ lúa để sống, ăn lúa tặc, gạo lức... ăn trái cây, rễ cây trong rừng, ăn trái cây rừng để sống". Này Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, Sa-môn hạnh hay Bà-la-môn hạnh vẫn khó hành trì, vẫn thật khó hành trì, do vậy thật xứng đáng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn!

Này Kassapa, nếu một người mặc vải gai thô, mặc vải gai thô trộn lẫn với các vải khác... sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi), nếu có sự khó hành, sự rất khó hành của Sa-môn hạnh, của Bà-la-môn hạnh chỉ tùy thuộc khổ hạnh này và chỉ tùy thuộc sự thi hành khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi chỉ mặc vải gai thô, mặc vải gai thô trộn

lẫn với các vãi khác... sống một đêm tám ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi)", này Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, Sa-môn hạnh hay Bà-la-môn hạnh vẫn khó hành trì, vẫn thật khó hành trì, do vậy thật xứng đáng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn .

17. Khi nghe nói vậy, lão thể Kassapa bạch đức Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, khó biết thay một vị Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!

- Này Kassapa, đó là lời nói thường tình ở đời: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" Này Kassapa, nếu một người sống lỏa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... như vậy sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần.

Này Kassapa, nếu trở thành một Sa-môn, nếu trở thành một Bà-la-môn chỉ tùy thuộc khổ hạnh này,

và chỉ tùy thuộc sự thi hành khổ hạnh này, thời **thật không xứng mà nói**: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" Một người cư sĩ, hay con một người cư sĩ cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi sống lỏa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liêm tay... như vậy sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần". Nay Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, vẫn khó biết vẫn thật khó biết một người Sa-môn hay một người Bà-la-môn, do vậy thật xứng đáng mà nói: "Khó biết thay, một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" **Nay Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, nay Kassapa, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn .**

Nay Kassapa, nếu một người chỉ ăn cỏ lúa đề sống, ăn lúa tặc, gạo lức... ăn trái cây, rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Nay Kassapa, nếu trở thành một Sa-môn, trở thành một Bà-la-môn chỉ tùy thuộc khổ hạnh này và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này, thời thật không xứng đáng mà nói: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" Một người cư sĩ, hay con một người cư sĩ,

cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi chỉ ăn lúa để sống, ăn lúa tẻ, gạo lức... ăn trái cây, rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống". Nay Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực khổ hạnh này, vẫn khó biết một người Sa-môn hay một người Bà-la-môn . Do vậy thật xứng đáng mà nói: "Khó biết thay, một Sa-môn! Khó biết thay, một Bà-la-môn! ". Nay Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, nay Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn .

Nay Kassapa, nếu một người mặc vải gai thô, mặc vải gai thô trộn lẫn với các vải khác... sống một đêm tám ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi). Nay Kassapa, nếu trở thành một Sa-môn, trở thành một Bà-la-môn chỉ tùy thuộc khổ hạnh này, và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này thời thật không xứng mà nói: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ, cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi mặc vải gai thô, mặc vải gai thô trộn lẫn với các vải khác ... sống một đêm tám ba lần". Nay Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này vẫn rất khó biết một người Sa-

môn hay một người Bà-la-môn . Do vậy thật xứng đáng mà nói: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn .

18. Khi nghe nói vậy, lỏa thể Kassapa bạch đức Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, thế nào là giới cụ túc? Thế là tâm cụ túc? Thế nào là tuệ cụ túc?

- Này Kassapa, nay ở đời, Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri... (xem kinh Sa-môn Quả, từ số 40-42)... thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, sanh hoạt trong sạch, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, đầy đủ chánh niệm, chánh trí và biết tri túc.

Này Kassapa, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc? Ở đây, này Kassapa, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh

của vị ấy trong giới luật. (Nư Kinh Sa-môn Quả, số 43-61,...) Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như dùng các ảo thuật để được an ổn, để khỏi làm các điều đã hứa... (nư Kinh Sa-môn Quả, số 62)... . ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên. Như vậy là giới cụ túc của vị ấy. Và như vậy, này Kassapa, vị Tỷ-kheo ấy, nhờ giới luật cụ túc nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về sự hộ trì giới luật. Này Kassapa, như một Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi chỗ nào về sự thù địch. Cũng vậy, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy nhờ giới luật cụ túc, nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về sự hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ cụ túc giới luật cao quý này, nên hưởng lạc thọ, nội tâm thanh tịnh. Như vậy, này Kassapa, Tỷ-kheo **giới luật cụ túc.**

19. Này Kassapa, thế nào là vị Tỷ-kheo bảo hộ các căn? Này Kassapa, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung... (nư Kinh Sa-môn Quả, số 64)... những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thiết hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ, nội tâm thanh

tịnh... Như vậy, này Kassapa Tỷ-kheo hộ trì các căn... (như kinh Sa-môn Quả, số 64-75)

... khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chúng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, thấm ướt làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không do hỷ lạc từ ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này Kassapa, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm. Sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, trào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này Kassapa Tỷ-kheo thấm nhuần, thấm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Như vậy là **tâm cụ túc của vị ấy.**

Lại nữa, này Kassapa, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chúng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm... (như

Kinh Sa-môn Quả số 77-79)... đệ tam thiên (như Kinh Sa-môn Quả số 79-81)... chứng và trú vào thiên thứ tư... (số 81-82)... đó là tâm cụ túc của vị ấy. Này Kassapa, **đó là tâm cụ túc**.

20. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phân toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc."

Này Kassapa, ví như một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt khéo giữa, khéo mài, sáng chói, không uế trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và một sợi dây được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy ở trên tay sẽ thấy: "Hòn ngọc lưu ly bảo châu này, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giữa, khéo mài, sáng chói, không uế trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và sợi dây này được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, hay màu vàng nhạt". Cũng vậy, này Kassapa, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ

sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phân toái, đoạn tuyệt, hoại diệt. Trong thân ấy, thức ta lại nương tựa và bị trói buộc". Đó là tuệ cụ túc của vị ấy... (như kinh Sa-môn Quả, số 85-98)... Vị ấy biết: "... không có đời sống nào khác nữa". Đó là tuệ cụ túc của vị ấy. Nay Kassapa, **đó là tuệ cụ túc.**

Nay Kassapa, và không có một giới cụ túc, tâm cụ túc, tuệ cụ túc nào khác cao thượng hơn, thù thắng hơn giới cụ túc, tâm cụ túc và tuệ cụ túc này.

21. Nay Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương giới luật. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán giới luật. Nay Kassapa, nói về giới luật tôn kính cao thượng nhất, **Ta nhận thấy không có một ai bằng giới luật của Ta**, làm sao có ai hơn được. Như vậy Ta hơn trên tất cả về giới luật, tức là tăng thượng giới.

Nay Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương khổ hạnh, yếm ly. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán khổ hạnh, yếm ly. Nay

Kassapa, nói về khổ hạnh yểm ly tôn kính cao thượng nhất, **Ta nhận thấy không có một ai bằng được khổ hạnh yểm ly của Ta**, làm sao có ai hơn được. Như vậy Ta hơn trên tất cả về khổ hạnh yểm ly, tức là tăng thượng yểm ly.

Này Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương trí tuệ. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán trí tuệ. Này Kassapa, nói về trí tuệ tôn kính cao thượng nhất, **Ta nhận thấy không có một ai bằng được trí tuệ của Ta**, làm sao có ai hơn được. Như vậy Ta hơn trên tất cả về trí tuệ, tức là tăng thượng trí tuệ.

Này Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương giải thoát. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán giải thoát. Này Kassapa, nói về giải thoát tôn kính cao thượng nhất, **Ta nhận thấy không có một ai bằng được giải thoát của Ta**, làm sao có ai hơn được. Như vậy, Ta hơn trên tất cả về giải thoát, tức là tăng thượng giải thoát.

22. Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử nhưng chỉ tại chỗ vắng người, không ở giữa đại chúng". Nên nói với chúng: "Chớ có nói như vậy. Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử

tại chỗ vắng người và cả giữa đại chúng". Nay Kassapa, nên nói với chúng như vậy.

Nay Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể hỏi: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng, nhưng rống không với tinh thần vô úy... với tinh thần vô úy... và "Không có ai hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi gì... và "có người hỏi Sa-môn Gotama"... "Khi có người hỏi, Sa-môn Gotama không thể trả lời"... và "Khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho chúng"... và "Dầu cho có trả lời, câu trả lời không làm tâm người ta thỏa mãn"... và "Câu trả lời làm tâm người ta thỏa mãn"... "Nhưng người ta không xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe"... "Người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe"... "Dầu cho có được nghe, người ta cũng không tin tưởng"... "Người ta nghe có lòng tin tưởng"... "Dầu cho người ta có lòng tin tưởng, người ta không biểu lộ lòng tin tưởng"... "Người ta có lòng tin tưởng và biểu lộ lòng tin tưởng" ... "Dầu cho có biểu lộ lòng tin tưởng, người ta không đạt đến chỗ như thực"... "Người ta đạt đến chỗ như thực"... "Dầu cho đạt đến chỗ như thực, người ta không đem ra thực hành được". Nên nói với chúng: ***"Chớ có nói như vậy. Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử, rống ở giữa đại chúng, rống với tinh thần vô úy, có người hỏi Sa-***

môn Gotama, Sa-môn Gotama trả lời khi được hỏi, câu trả lời làm tâm người ta được thỏa mãn, người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama đáng được nghe, sau khi được nghe người ta tin tưởng, khi có lòng tin tưởng người ta biểu lộ lòng tin tưởng, người ta đạt đến chỗ như thực, đạt đến chỗ như thực, người ta đem ra thực hành". Nay Kassapa, nên nói với chúng như vậy.

23. Nay Kassapa, một thời Ta ở tại Vương Xá trên núi Linh Thứu. Lúc bảy giờ, có người Phạm chí tu khổ hạnh tên là Nigrodha đến hỏi về tối thắng khổ hạnh yếm ly. Khi được hỏi về tối thắng khổ hạnh yếm ly, Ta đã trả lời. Và khi được Ta trả lời, vị ấy phát tâm hoan hỷ như với một hoan lạc tối thượng.

- Bạch Đại đức, ai có thể sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, lại không hoan hỷ như với một hoan lạc tối thượng? Thật vi diệu thay, bạch Đại đức! Thật vi diệu thay, bạch Đại đức! Bạch Đại đức, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Và nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y Tỷ-kheo Tăng. Bạch Đại đức, con xin xuất gia

với Thế Tôn, con xin thọ đại giới.

24. - Nay Kassapa, **ai trước kia là ngoại đạo**, nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này phải sống **bốn tháng biệt trú**. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, chúng Tăng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau.

- Bạch Đại đức, nếu những người xưa kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này phải sống bốn tháng biệt trú, sau khi sống bốn tháng biệt trú chúng Tăng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu chúng Tăng đồng ý, mong chúng Tăng xuất gia cho con, thọ đại giới cho con để thành vị Tỷ-kheo.

Và lỏa thể Kassapa được xuất gia với Thế Tôn và được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Đại đức Kassapa ở một mình an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, **vị này chứng được mục đích tối cao** mà con cháu các lương gia đã xuất gia từ bỏ gia đình sống không gia đình hướng đến ... Đó là vô thượng cứu cánh phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng, ngộ và an trú: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành,

những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa". Đại đức Kassapa liễu tri như vậy.

Và đại đức Kassapa trở thành một vị A-la-hán nữa.

183 Tiếng rống con sư tử - Kinh NHỮNG TUYÊN BỐ VỀ PHÁP – Tăng IV, 285

NHỮNG TUYÊN BỐ VỀ PHÁP – *Tăng IV, 285*

1. Bây giờ có Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda, đang ngồi xuống một bên:

2. - Này Ānanda, **phàm những pháp nào đưa đến sự chứng ngộ với thắng trí, các tuyên bố về giáo lý, này Ānanda, ở đây, Ta vô úy tự nhận thuyết pháp về chúng**, về chúng như thế ấy, như thế ấy khiến cho người nào như vậy, như vậy thật hành; nếu là có, sẽ biết là có; nếu là không có, sẽ biết là không có; nếu là hạ liệt, sẽ biết là hạ liệt; nếu là thù thắng sẽ biết là thù thắng; nếu là có trên, sẽ biết là có trên; nếu là vô thượng, sẽ biết là vô thượng. Vì rằng, cái gì người ấy có thể biết, có thể thấy, có thể chứng ngộ, người đó sẽ biết được, sẽ thấy được, sẽ chứng ngộ, người đó sẽ biết được, sẽ thấy được, sẽ chứng ngộ được, sự kiện này có xảy ra.

Này Ānanda, **cái này là vô thượng đối với các trí, chính là như thật trí đối với vấn đề này hay vấn đề khác**.

Và này Ànanda, **do vậy Ta tuyên bố rằng ngoài trí này, không có một trí nào khác cao thượng hơn, thù thắng hơn.**

Này Ànanda, có **mười Như Lai lực** này của Như Lai, chính nhờ thành tựu những lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là mười?

3. Ở đây, này Ananda, Như Lai như thật biết **xứ là xứ, phi xứ là phi xứ**. Như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Như vậy, chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân.

4. Lại nữa, này Ananda, Như Lai như thật rõ biết **quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại**. Này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

5. Lại nữa, này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết **con đường đưa đến tất cả sanh thú**. Này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

6. Lại nữa, này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết thế giới với nhiều giới, nhiều sai biệt. Này Ananda, Như Lai như thật rõ biết... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

7. Lại nữa, này Ananda, Như Lai thật rõ biết chí hướng sai biệt của các loài chúng sanh. Này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

8. Lại nữa, này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết những căn thương hạ của các loài chúng sanh, loài Người. Này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

9. Lại nữa, này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết sự tập nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các Thiền chúng về Thiền, về giải thoát, về định. Này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

10. Lại nữa, này Ànanda, Như Lai nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời... như vật Như lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại dương và các nét đại cương và các chi tiết. Này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

11. Lại nữa, này Ananda, Như Lai với thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ngài biết rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Này Ananda, Như Lai như thật rõ biết... (như trên)... và Phạm luân.

12. Lại nữa, này Ananda, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này Ananda, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Nguru vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân.

- Này Ananda, đây là những Như Lai lực của Như Lai, chính nhờ thành tựu những lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Nguru vương, rống tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng và chuyển Phạm luân.

184 Tiếng rống con sư tử - Kinh SARABHA – Tăng I, 331

SARABHA – Tăng I, 331

1-6

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), tại núi Gijjhakùta (Linh Thú).

Lúc bấy giờ, **du sĩ Sarabha**, từ bỏ pháp và Luật này không bao lâu, đang tuyên bố như sau với hội chúng ở Ràjagaha: "Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử, nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật ấy".

2. Rồi có nhiều Tỷ-kheo, vào buổi sáng đắp y, cầm bát y đi vào Ràjagaha để khát thực. Các vị Tỷ-kheo ấy nghe du sĩ Sarabha tuyên bố như sau với hội chúng ở Ràjagaha: "Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử, nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật ấy".

Rồi các vị Tỷ-kheo đi khát thực ở Ràjagaha xong, trên con đường khát thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, có vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Du sĩ Sarabha, bạch Thế Tôn, đã từ bỏ Pháp và Luật này không bao lâu. Vị ấy tuyên bố Như sau với hội chúng ở Ràjagaha: "Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử, nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật ấy". Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng lân mẫn, hãy đi đến du sĩ Sarabha!

Thế Tôn im lặng nhận lời.

3. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ Thiền định đứng dậy, đi đến bờ sông Sappinikàti, khu vườn của các du sĩ, đến du sĩ Sarabha; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha:

- Có thật chăng, này Sarabha, Ông đã nói như sau: "Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử, nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật này"?

Khi được nghe nói như vậy, du sĩ Sarabha giữ im lặng.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha:

- Hãy nói lên, này Sarabha, Ông đã hiểu rõ pháp các Sa-môn Thích tử như thế nào? Nếu Ông hiểu chưa được đầy đủ, thì Ta sẽ làm cho được đầy đủ. Nhưng nếu Ông hiểu được đầy đủ, thì Ta sẽ hoan hỉ tiếp nhận.

Lần thứ hai, du sĩ Sarabha giữ im lặng.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha:

- Chính do Ta, này Sarabha, pháp các Sa-môn Thích tử được trình bày lên. Hãy nói lên, này Sarabha, Ông đã hiểu rõ pháp các Sa-môn Thích tử như thế nào? Nếu Ông hiểu chưa được đầy đủ, thời Ta sẽ làm cho được đầy đủ. Nhưng nếu Ông hiểu được đầy đủ, thời Ta sẽ hoan hỷ tiếp nhận.

Lần thứ ba, du sĩ Sarabha giữ im lặng.

4. Rồi các du sĩ ở Ràjagaha nói với du sĩ Sarabha:

- Này Hiền giả, những điều gì, Hiền giả cần hỏi Sa-môn Gotama, Sa-môn Gotama đã cho Hiền giả có cơ hội được nói lên. Hãy nói lên, này Sarabha, Hiền giả đã hiểu pháp các Sa-môn Thích tử như thế nào? Nếu Hiền giả hiểu chưa được đầy đủ, Sa-môn Gotama sẽ làm cho đầy đủ. Nếu Hiền giả hiểu được đầy đủ, Sa-môn Gotama sẽ hoan hỷ tiếp nhận.

Được nói vậy, du sĩ Sarabha giữ im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sững sờ, không thể trả lời.

5. Rồi Thế Tôn biết được du sĩ Sarabha đang giữ im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sững sờ, ngồi không trả lời, liền nói với các du sĩ ấy:

- *Này các Du sĩ, ai nói với Ta như sau: "Dầu Ông tự cho là đã Chánh Đẳng Giác, nhưng Ông không có Chánh Đẳng Giác các pháp này". Ở đây, Ta sẽ khéo*

cật vấn, nạn vấn, thảo luận với người ấy. Người ấy bị Ta khéo cật vấn, nạn vấn, thảo luận như vậy, không có chỗ nào, không có trường hợp nào, ngoài cách dựa vào một trong ba thái độ như sau:

- Hoặc là tránh né về vấn đề với một vấn đề khác, sẽ hướng dẫn câu chuyện ra ngoài (đề tài chính),*
- Hay tỏ lộ phần nộ, sân hận, và bất mãn*
- Hay im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói gì, như du sĩ Sarabha.*

Này các Du sĩ, nếu có ai nói về Ta như sau: "Dầu Ông tự cho đã đoạn tận các lậu hoặc, nhưng các lậu hoặc này chưa được đoạn tận!". Ở đây, Ta sẽ cật vấn, nạn vấn, chất vấn người ấy. Người ấy bị Ta cật vấn, nạn vấn, chất vấn ... sững sờ không nói gì, như du sĩ Sarabha.

Này các Du sĩ, nếu có ai nói về Ta như sau: "Pháp Ông thuyết giảng với mục đích chơn chánh đoạn tận khổ đau, không có đưa người thực hành đến mục đích ấy". Ở đây, Ta sẽ cật vấn, nạn vấn, chất vấn người ấy. Người ấy bị Ta cật vấn, nạn vấn, chất vấn ... sững sờ không nói gì, như du sĩ Sarabha.

Rồi Thế Tôn, tại khu vườn các du sĩ, trên bờ sông Sappinnikàti, sau khi rống lên ba lần tiếng rống con sư tử, liền ra đi trên hư không.

6. Rồi các du sĩ ấy, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, liền bao vây du sĩ Sarabha, công kích du sĩ Sarabha với những dòng nước nhiệt mắng như sau:

- "Này Hiền giả Sarabha, *như con giả can già yếu trong rừng rậm nghĩ rằng: "Ta sẽ rống tiếng con Sư tử", nhưng nó chỉ thốt ra tiếng rú con dã can, chỉ thốt ra tiếng rú con thú ăn thịt.* Cũng vậy, này Hiền giả Sarabha, ngoài Sa-môn Gotama có thể rống tiếng rống con sư tử, Ông nghĩ: "Ta sẽ rống tiếng rống con sư tử", nhưng Ông chỉ thốt ra tiếng rú con giả can, chỉ thốt ra tiếng rú con thú ăn thịt.

Ví như, này Hiền giả Sarabha, con gà con nghĩ rằng: "Ta sẽ gáy lên tiếng gáy con gà trống", nhưng nó chỉ có thể thốt ra tiếng kêu con gà con. Cũng vậy, này Hiền giả Sarabha, ngoài Sa-môn Gotama có thể gáy lên tiếng con gà trống, Ông nghĩ: "Ta có thể gáy lên tiếng gáy con gà trống", nhưng Ông chỉ thốt ra tiếng kêu con gà con.

Ví như, con bò cái con, này Hiền giả Sarabha, khi chuồng bò trống không, nghĩ rằng có thể rống tiếng rống sâu đậm con bò đực. Cũng vậy, này Hiền giả Sarabha, ngoài Sa-môn Gotama ra, Ông nghĩ rằng Ông có thể rống lên tiếng rống sâu đậm con bò đực.

Như vậy, các du sĩ ấy bao quanh du sĩ Sarabha, công kích du sĩ Sarabha với những dòng nước nhiệt mắng như vậy.

185 Tiếng rống con sư tử - Kinh TIẾNG RỐNG CON SƯ TỬ – Tăng III, 221

TIẾNG RỐNG CON SƯ TỬ – Tăng III, 221

1. - *Này các Tỷ-kheo, có sáu Như Lai lực của Như Lai, do thành tựu các lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, chuyển bánh xe pháp.*

Thế nào là sáu?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai *như thật rõ biết xứ là xứ, phi xứ là phi xứ*. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết xứ là xứ, phi xứ là phi xứ, như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, chuyển bánh xe pháp.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai *như thật rõ biết quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các thọ nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại*. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại, như vậy là Như Lai lực của Như Lai.... và chuyển bánh xe pháp.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai *như thật rõ biết sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của những thành đạt về Thiên, về giải thoát, về định*. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật biết... và chuyển bánh xe pháp.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai *nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời...* Như vậy, Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển bánh xe pháp.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai với *thiên nhãn* tuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh... Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển bánh xe pháp.

7. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai nhờ *đoạn trừ các lậu hoặc*, tự mình với thắng trí, chứng ngộ thành tựu và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, thành tựu và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị ngưu vương, rống tiếng con sư tử trong các hội chúng và chuyển bánh xe pháp.

Này các Tỷ-kheo, có sáu Như Lai lực này của Như Lai, do thành tựu các lực này, Như Lai tự nhận cho

mình địa vị ngu vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, chuyển bánh xe chánh pháp.

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác đến hỏi Như Lai các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ, này các Tỷ-kheo, tùy theo, tùy theo như thật trí hiểu biết của Như Lai về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ; tùy theo như vậy, tùy theo như vậy, Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ.

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác đến hỏi Như Lai các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các thọ nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại, này các Tỷ-kheo, tùy theo, tùy theo như thật trí hiểu biết của Như Lai về quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các thọ nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại; tùy theo như vậy, tùy theo như vậy, Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về quả báo tùy thuộc sở do, tùy thuộc sở nhân của các thọ nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại.

10. Ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác đến hỏi Như Lai các câu hỏi liên hệ đến sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của những thành đạt về thiên, về giải thoát, về định, này các Tỷ-kheo; tùy theo, tùy theo như thật trí hiểu biết của Như Lai về sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của những thành tựu về Thiên, về giải thoát, về định; tùy

theo như vậy, tùy theo như vậy, Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của những thành đạt về Thiên, về giải thoát, về định.

11. Ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác đến hỏi Như lai các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về nhớ đến các đời sống quá khứ, này các Tỷ-kheo, tùy theo, tùy theo như thật trí hiểu biết của Như Lai, về nhớ đến các đời sống quá khứ; tùy theo như vậy, tùy theo như vậy, Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về nhớ đến các đời sống quá khứ.

12. Ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác đến hỏi Như Lai các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về sự sanh diệt của các chúng sanh, này các Tỷ-kheo, tùy theo, tùy theo như thật trí hiểu biết của Như Lai về sự sanh diệt của các chúng sanh; tùy theo như vậy, tùy theo như vậy, Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về sự sanh diệt của các chúng sanh.

13. Ở đây, này các Tỷ-kheo nếu có những người khác đến hỏi Như Lai các câu hỏi liên hệ đến như thật trí... về sự đoạn diệt các lậu hoặc; này các Tỷ-kheo, tùy theo, tùy theo như thật trí hiểu biết của Như Lai về sự đoạn diệt các lậu hoặc; tùy theo như vậy, tùy theo

như vậy, Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về sự đoạn diệt các lậu hoặc.

14. Ở đây, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến **như thật trí** này, về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ, *Ta tuyên bố rằng trí ấy chỉ có đối với người có Thiền định, không phải với người không Thiền định.*

Liên hệ đến **như thật trí** về quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các thọ nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại, *Ta tuyên bố rằng trí ấy chỉ có đối với người có Thiền định, không phải với người không có Thiền định.*

Liên hệ đến **như thật trí** về sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khỏi của những thành đạt về Thiền, về giải thoát, về định, *Ta tuyên bố rằng trí ấy chỉ có đối với người có Thiền định, không phải với người không có Thiền định.*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến **như thật trí**, nhớ đến các đời sống quá khứ, *Ta tuyên bố rằng trí ấy chỉ có đối với người có Thiền định, không phải với người không Thiền định.*

Liên hệ đến **như thật trí** về sự sanh diệt của chúng sanh, *Ta tuyên bố rằng trí ấy chỉ có đối với người có Thiền định, không phải với người không Thiền định.*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến **như thật trí** về sự đoạn diệt các lậu hoặc, *Ta tuyên bố rằng trí ấy chỉ*

có đối với người có Thiên định, không phải với người không Thiên định.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, định là chánh đạo, không định là tà đạo.

186 Tiểu thiên thế giới - Kinh ABHIBHÙ – Tăng I, 410

ABHIBHÙ – Tăng I, 410

1. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả bạch Thế Tôn:

- Con được nghe trước mặt Thế Tôn, con được nắm giữ trước mặt Thế Tôn: **"Abhibhù đệ tử Đức Phật Sikhi, đứng ở Phạm Thiên Giới, có thể làm cho ngàn thế giới nghe tiếng của mình".** Nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có thể làm cho nghe tiếng xa như thế nào?
- *Vị ấy chỉ là một đệ tử, này Ānanda. Các Như Lai là vô lượng.*

Lần thứ hai, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Con được nghe trước mặt Thế Tôn, ... có thể làm cho nghe tiếng xa như thế nào?
- Vị ấy chỉ là một đệ tử, này Ānanda. Các Như Lai là vô lượng.

2. Lần thứ ba, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Con được nghe trước mặt Thế Tôn, ... có thể làm cho nghe tiếng xa như thế nào?
- *Này Ànanda, Thầy có được nghe nói đến **tiền thiên thế giới** không?*
- Nay đã đến thời, bạch Thế Tôn! Nay đã đến thời, bạch Thiên Thệ, để Thế Tôn nói về vấn đề này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.
- Vậy này Ànanda, hãy nghe và khéo tác ý, ta sẽ nói.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ànanda vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

3. - *Xa cho đến mặt trăng, mặt trời chạy trong quỹ đạo của chúng và chói sáng khắp bốn phương với ánh sáng của chúng, xa như vậy là một ngàn thế giới. Trong ấy có một ngàn mặt trăng, một ngàn mặt trời, một ngàn núi Sinêru (Tu-di), một ngàn Jambudìta (Diêm phù đề), một ngàn Aparagoyanà (Tây ngưu hóa châu), một ngàn Uttarakurù (Bắc-cu-vô châu), một ngàn Pubbavidehà (Đông thắng thân châu), bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn Đại Vương, 1000 cõi trời Bốn thiên vương, 1000 cõi trời Ba mươi ba, 1000 Dạ ma thiên, 1000 Tusità (Đâu suất thiên), 1000 Hóa Lạc thiên, 1000 Tha Hóa Tự tại thiên, 1000 Phạm*

Thiên. Này Ànanda, *đây gọi là một tiểu thiên thế giới.*

- Này Ànanda, cho đến 1000 lần một tiểu thiên thế giới, được gọi là hai Trung thiên thế giới.
- Này Ànanda, cho đến một ngàn trung thiên thế giới được gọi là ba Đại thiên thế giới.
- *Này Ànanda, Như Lai có thể làm cho tiếng mình nghe xa cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới hay xa hơn nữa nếu muốn.*

4. - Làm sao, bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể làm cho tiếng mình nghe xa cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới hay xa hơn nữa nếu muốn?

- Ở đây, này Ànanda, *Như Lai chiếu ánh sáng cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới, cho đến khi các chúng sanh nhận thức được ánh sáng ấy. Rồi Thế Tôn phát âm và làm cho tiếng mình được nghe.* Như vậy, này Ànanda, Như Lai làm cho tiếng mình được nghe xa cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới, hay xa hơn nữa nếu muốn.

5. Khi được nói như vậy, Tôn giả Ànanda nói với Tôn giả Udàyi:

- Được lợi thay cho tôi, khéo được lợi thay cho tôi, có được bậc Đạo sư có thần lực như vậy, có uy lực như vậy!

Khi được nghe nói như vậy, Tôn giả Udàyi nói với Tôn giả Ānanda:

- Nay Hiền giả Ānanda, ở đây Hiền giả nghĩ có được gì, nếu bậc Đạo sư của Hiền giả có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy?

Khi được nghe nói như vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Udàyi:

- Chớ có nói như vậy, này Udàyi. Chớ nói vậy, này Udàyi. Nay Udàyi, nếu Ānanda chưa có đoạn tận tham và mệnh chung, nhưng với tâm tịnh tín của mình, vị ấy có thể bảy lần ngự trị trên thế giới chư Thiên, có thể bảy lần ngự trị trên cõi Jambudīpa này. Nhưng này Udàyi, Ānanda ngay trong hiện tại sẽ được Bát-Niết-bàn.

187 Tỉ mỉ - Kinh PANKADHÀ – Tăng I, 429

PANKADHÀ – Tăng I, 429

1. Một thời Thế Tôn đang du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến một thị trấn của dân chúng Kosala, tên là Pankadhà. Tại đây, Thế Tôn trú ở Pankadhà. Pankadhà là một thị trấn của dân chúng Kosala.

Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo *tên là Kassapogotta trú ở Pankadhà*. Tại đây, Thế Tôn với một pháp thoại liên hệ đến học giới, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Rồi Tỷ-kheo Kassapogotta, trong khi Thế Tôn với một pháp thoại liên hệ đến học pháp, giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: "Sa-môn này quá tẩn mẩn tỉ mỉ!".

2. Thế Tôn, sau khi trú ở Pankadhà cho đến khi thỏa mãn, rồi ra đi, du hành hướng đến Ràjagaha, tiếp tục du hành và đến tại Ràjagaha. Tại đây, Thế Tôn trú ở Ràjagaha, núi Gitijhakuta.

Rồi Tỷ-kheo Kassapogotta, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, cảm thấy hối hận, ăn năn, nghĩ rằng: "Thật không lợi ích cho ta, thật lợi ích không được

tốt cho ta, thật không khéo lợi ích cho ta, khi Thế Tôn với pháp thoại liên hệ đến học pháp, giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, ta lại lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: "Sa-môn này quá tăn măn, tĩ mĩ! "(quá khắt khe?). Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, trước mặt Thế Tôn, hãy tỏ lộ có phạm tội là có phạm tội".

3. Rồi Tôn giả Kassapogotta, sau khi dọn dẹp lại chỗ nằm, cầm y bát, rồi ra đi đến hướng Ràjagaha, tiếp tục đi đến Ràjagaha, núi Gijjhakùta, đến Thế Tôn, sau khi đến. Đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kassapogotta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, một thời Thế Tôn trú ở Pankadhà, Pankadhà là một thị trấn các dân tộc Kosala. Tại đây, Thế Tôn với một pháp thoại liên hệ đến học pháp, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, trong khi Thế Tôn, với một pháp thoại liên hệ đến học pháp, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, con lấy làm bất nhẫn, con cảm thấy bất mãn, nghĩ rằng: "Vị Sa-môn này quá tăn măn tĩ mĩ". Rồi Thế Tôn sau khi trú ở Pankadhà cho đến khi thỏa mãn, liền ra đi, du hành đến Ràjagaha. Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, con cảm thấy hối hận, ăn năn: "Thật không lợi ích cho ta, thật lợi

ích không được tốt cho ta, thật không khéo lợi ích cho ta, khi Thế Tôn với pháp thoại liên hệ đến học pháp, giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, ta lại lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: "Sa-môn này quá tăn măn, tỉ mỉ!". Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, trước mặt Thế Tôn, hãy tỏ lộ có phạm tội là có phạm tội!". *Phạm tội đã chinh phục con, bạch Thế Tôn, ngu si như con, đàn độn như con, bất thiện như con. Vì rằng trong khi Thế Tôn, với một pháp thoại liên hệ đến học pháp, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, con lấy làm bất nhẫn, con cảm thấy bất mãn, nghĩ rằng: "Vị Sa-môn này quá tăn măn tỉ mỉ". Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận con có phạm tội là có phạm tội, để con ngăn chặn trong tương lai.*

4. - *Thật vậy, này Kassapogotta, phạm tội đã chinh phục Thầy, ngu si đàn độn như Thầy, bất thiện như Thầy! Vì rằng trong khi Ta với một pháp thoại liên hệ đến pháp học, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, Thầy lại lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: "Vị Sa-môn này quá tăn măn tỉ mỉ". Và này Kassapogotta, khi Thầy thấy có phạm tội là có phạm tội, và như pháp phát lộ, thời Ta chấp nhận cho Thầy. Đây là sự tăng trưởng giới luật của bậc Thánh này, khi ai thấy*

*có phạm tội là có phạm tội, và như pháp phát lộ, để
ngăn chặn trong tương lai.*

5. Nếu một trưởng lão Tỷ-kheo, này Kassapa, không ưa thích học tập, không tán thán chấp hành học tập, và đối với các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này không khích lệ họ học tập. Còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này không tán thán họ chơn thực và đúng thời. Tỷ-kheo trưởng lão như vậy, này Kassapa, Ta không có tán thán. Vì có sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với trưởng lão ấy, nghĩ rằng: "Bậc Đạo sư tán thán vị ấy". Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp nhận tri kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tri kiến của vị ấy, sẽ đem lại bất hạnh, đau khổ lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta không tán thán Tỷ-kheo trưởng lão ấy.

6. Nếu một trung niên Tỷ-kheo, này Kassapa, ... nếu một tân học Tỷ-kheo, này Kassapa, không ưa thích học tập, không tán thán chấp hành học tập, và có các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này không khích lệ họ học tập. Còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này không tán thán họ chơn thực và đúng thời. Tỷ-kheo tân học như vậy, này Kassapa, Ta không có tán thán. Vì có sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với Tỷ-kheo tân học ấy, nghĩ rằng: "Bậc Đạo sư tán thán vị ấy". Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp nhận tà kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tà kiến của vị ấy, như vậy, sẽ đem lại bất hạnh,

đau khổ lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta không tán thán Tỷ-kheo tân học ấy.

7. *Nếu một trưởng lão Tỷ-kheo, này Kassapa, ưa thích học tập, tán thán chấp hành học tập, và các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này khích lệ họ học tập. Còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này tán thán họ chơn thực và đúng thời. Tỷ-kheo trưởng lão như vậy, này Kassapa, Ta tán thán. Vì có sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với trưởng lão ấy, nghĩ rằng: "Bậc Đạo sư tán thán vị ấy". Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp nhận tri kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tri kiến của vị ấy, như vậy, sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta tán thán Tỷ-kheo trưởng lão ấy.*

8. Nếu một Tỷ-kheo trung niên, này Kassapa, ... nếu một Tỷ-kheo tân học, này Kassapa, ưa thích học tập, tán thán chấp hành học tập, và có các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này khích lệ họ học tập. Còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này tán thán họ chơn thực và đúng thời. Tỷ-kheo tân học như vậy, này Kassapa, Ta tán thán. Vì có sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với Tỷ-kheo tân học ấy, nghĩ rằng: "Bậc Đạo sư tán thán vị ấy". Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp nhận tri kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tri kiến của vị ấy, sẽ đem lại

hạnh phúc, an lạc lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta tán thán Tỷ-kheo tân học ấy.

188 Tịch tịnh - Kinh Kakudha – Tương I, 124

Kakudha – Tương I, 124

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàketa, rừng Anjana, tại vườn Nai. Rồi **Thiên tử Kokudha**, sau khi đêm đã gần mãn, với nhan sắc thù thắng chói sáng toàn khu rừng Anjana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

2) Đứng một bên, Thiên tử Kakudha bạch Thế Tôn:

- *Thưa Sa-môn, Ngài có hoan hỷ không?*
- *Ta được cái gì, này Hiền giả, mà Ta hoan hỷ?*
- *Nếu vậy, thưa Sa-môn, có phải Ngài sầu muộn?*
- *Ta mòn mỏi cái gì, này Hiền giả, mà Ta sầu muộn?*
- *Vậy thời thưa Sa-môn, Ngài không hoan hỷ và không sầu muộn?*
- *Thật như vậy, này Hiền giả.*

3) *Làm sao, này Tỷ-kheo,*

*Ngài không có sầu muộn,
Tuy vậy, Ngài cũng không
Có được sự hoan hỷ?
Làm sao nay Ngài lại,
Ngồi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ,
Cũng không bị dao động?*

*4) Thật sự, này Dạ-xoa,
Ta không có sầu muộn,
Tuy vậy ở nơi Ta,
Hoan hỷ không khởi lên,
Dầu nay Ta có ngồi,
Riêng một mình cô độc,
**Ta không có hoan hỷ,
Cũng không bị dao động.***

*5) Làm sao, này Tỷ-kheo,
Ngài không có sầu muộn,
Làm sao ở nơi Ngài,*

*Hoan hỷ không khởi lên?
Làm sao nay Ngài lại,
Ngồi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ,
Cũng không bị dao động?*

*6) Hoan hỷ chỉ có đến,
Với người tâm sâu muộn,
Sâu muộn chỉ có đến,
Với người tâm hoan hỷ.
Do vậy, vị Tỷ-kheo,
Không hoan hỷ, sâu muộn.
Vậy nên, này Hiền giả,
Ông phải biết như vậy.*

*7) Đã lâu, con mới thấy,
Bà-la-môn tịch tịnh,
Vị Tỷ-kheo không sâu,
Cũng không có hoan hỷ,
Đã an toàn vượt khỏi,*

Chỗ người đời đắm say.

189 Tịch tịnh - Kinh Uttara – Tương I, 127

Uttara – Tương I, 127

1) Nhân duyên tại thành Vương Xá.

Đứng một bên, **Thiên tử Uttara** nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*2) Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến chơn an lạc.*

*3) Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,*

*Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thế lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh.*

190 Tịch tịnh - Thế nào là tịch tịnh - Kinh Vô Thường – Tương III, 88

Vô Thường – *Tương* III, 88

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) **Sắc**, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khô. Cái gì khô là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi". Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, tâm ly tham, được giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc.

4-6) **Thọ**, này các Tỷ-kheo, là vô thường... **Tưởng**, này các Tỷ-kheo... Các **hành**, này các Tỷ-kheo...

7) **Thức**, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khô. Cái gì khô là vô ngã. Cái gì là vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi". Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, tâm ly tham, được giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc.

8) Nay các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo đối với sắc giới có tâm ly tham, giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc, đối với thọ giới... đối với tướng giới... đối với hành giới... đối với thức giới, có tâm ly tham, giải thoát, không có chấp thủ các lậu hoặc.

- Do giải thoát, vị ấy an trú.
- Do an trú, vị ấy tri túc.
- Do tri túc, vị ấy không ưu não.
- Do không ưu não, vị ấy tự mình tịch tịnh. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Vô Thường – *Tương* III, 89

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

4-6) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô thường... Các hành, này các Tỷ-kheo, là vô thường...

7) Thức, này các Tỷ-kheo, là vô thường. Cái gì vô thường là khổ. Cái gì khổ là vô ngã. Cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ là: " Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi".

8) Do như thật quán với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy không có các tùy kiến về quá khứ. Do không có các tùy kiến về quá khứ nên không có các tùy kiến về tương lai. Do không có các tùy kiến về tương lai, kiên trì chấp thủ không có. Do không có kiên trì chấp thủ, đối với sắc... đối với thọ... đối với tưởng... đối với các hành... đối với thức, tâm ly tham, giải thoát, không chấp thủ các lậu hoặc.

- Do giải thoát, vị ấy an trú.
- Do an trú, vị ấy tri túc.
- Do tri túc, vị ấy không ưu não.
- Do không ưu não, vị ấy tự mình được tịch tịnh một cách viên mãn. Vị ấy biết: " Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa ".

191 Tịch tịnh - Tâm hướng cầu tịch tịnh - Kinh Đưa Đến Đoạn Tận – Tương I, 11

Đưa Đến Đoạn Tận – *Tương I, 11*

... Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

*Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến chơn an lạc.*

(Thế Tôn):

*Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem tâm quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thế lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh.*

192 Tịch tịnh - Vô thượng tịch tịnh, tối thắng đạo là... - Kinh NĂM BA – 102 Trung III, 37

KINH NĂM BA (Pancattaya sutam)

– Bài kinh số 102 – Trung III, 37

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tu viện ông Anathapindika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo"- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

➤ *Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về tương lai, thảo luận về tương lai, y cứ vào tương lai, tuyên bố nhiều quan điểm sai khác.*

- Ở đây, một số tuyên bố: "Sau khi chết, tự ngã không bệnh, có tướng".
- Ở đây, một số tuyên bố: "Sau khi chết, tự ngã

không bệnh, không tưởng".

- Ở đây một số tuyên bố: "Sau khi chết, tự ngã không bệnh, phi tưởng và phi phi tưởng".
- Hay họ chủ trương đoạn diệt hủy hoại, tiêu diệt của loài hữu tình hiện đang sanh tồn.
- Hay một số lại tuyên bố về hiện tại Niết-bàn.

⇒ Như vậy, họ chủ trương sau khi chết, tự ngã tồn tại không bệnh.

⇒ Hay họ chủ trương đoạn diệt, hủy hoại, tiêu diệt của loài hữu tình hiện đang sanh tồn.

⇒ Hay một số lại tuyên bố hiện tại Niết-bàn.

⇒ *Như vậy, những chủ thuyết này, sau khi thành năm trở lại thành ba, sau khi thành ba, trở lại thành năm. Đây là sự tổng thuyết năm ba.*

❖ Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, **tự ngã có tướng, không bệnh,**

- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy hoặc chủ trương sau khi chết tự ngã có sắc, có tướng, không bệnh;
- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương

sau khi chết, tự ngã hoặc không có sắc, có tướng, không bệnh;

- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc và không sắc, có tướng, không bệnh;
- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc và không tướng, có tướng, không bệnh;
- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương tự ngã hoặc nhất tướng, có tướng, không bệnh;
- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc dị tướng, có tướng, không bệnh;
- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương tự ngã sau khi chết hoặc thiếu tướng, có tướng, không bệnh;
- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc vô lượng tướng, có tướng, không bệnh.

Nhưng có một số tuyên bố thức biến này (vinnanakasina) khi vượt qua khỏi (upativeda-ttata?)

trở thành vô lượng, bất động.

➔ Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau: "Những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã có tướng, không bệnh, các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc, có tướng, không bệnh; các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không có sắc, có tướng, không bệnh; các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết tự ngã hoặc có sắc và không sắc, có tướng, không bệnh; các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết tự ngã hoặc không sắc và không không sắc, có tướng, không bệnh; các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc nhứt tướng, có tướng, không bệnh; các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc di tướng, có tướng, không bệnh; các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc thiếu tướng, có tướng, không bệnh; các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc vô lượng tướng, có tướng, không bệnh. Hay (Như Lai biết) loại tướng nào trong các loại tướng ấy được xưng là thanh tịnh, tối thắng, đệ nhất, vô thượng, tức là sắc tướng, tức là vô sắc tướng, tức là nhứt tướng,

tức là dị tướng. Nói rằng: "vô sở hữu", một số tuyên bố Vô sở hữu xứ là vô lượng, bất động. Biết rằng cái này thuộc hữu vi, là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có (sự đoạn diệt) này, Như Lai thấy sự giải thoát khỏi (pháp hữu vi) và đã vượt khỏi (pháp hữu vi)".

❖ Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, **tự ngã không tướng, không bệnh**;

- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc không tướng, không bệnh;
- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc, không tướng, không bệnh;
- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc không sắc, không tướng, không bệnh.
- Các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết tự ngã hoặc cũng không sắc, không không sắc, không tướng không bệnh.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn, Bà-la-

môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã có tướng, vô bệnh, một số phỉ báng các vị ấy. Vì sao vậy? Họ nói rằng: "Tướng là bệnh hoạn, tướng là mụt nhọt, tướng là mũi tên; đây là tịch tịnh, thù diệu tức là vô tướng".

➔ Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau: "Những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã là không tướng, không bệnh; các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc, không tướng, không bệnh; Các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc không tướng không bệnh; các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc và không sắc, không tướng, không bệnh; các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không có sắc, không không sắc, không tướng, không bệnh". Này các Tỷ-kheo, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: *"Ngoài sắc, ngoài thọ, ngoài tướng, ngoài hành, ngoài thức, ta sẽ chủ trương sự lai, vãng, tử, sanh, tăng trưởng, tăng thịnh, hay tăng đại"; sự tình không có như vậy. Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có (sự đoạn diệt) này, Như Lai thấy sự giải thoát (pháp hữu vi) và đã vượt*

khởi (pháp hữu vi).

❖ Ở đây, này các Tỷ-kheo những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết **tự ngã là Phi tướng phi phi tướng, không bệnh;**

- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc, phi tướng phi phi tướng, không bệnh;
- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc, phi tướng phi phi tướng, không bệnh;
- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc và không sắc, phi tướng phi phi tướng, không bệnh;
- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc, không không sắc, phi tướng phi phi tướng, không bệnh.

Ở đây này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã có tướng, không bệnh, một số phỉ báng các vị ấy; các Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã không tướng, không bệnh, một số phỉ báng các vị ấy. Vì sao

vậy? (Họ nói rằng): "*Tướng là bệnh hoạn, tướng là mùt nhọt, tướng là mũi tên, không tướng là si ám. Đây là tịch tịnh, thù diệu, tức là phi tướng phi phi tướng*".

➔ Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau: "*Những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã là phi tướng phi phi tướng, không bệnh,*

- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc, phi tướng phi phi tướng, không bệnh;
- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc, phi tướng phi phi tướng, không bệnh;
- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc và không sắc, phi tướng phi phi tướng, không bệnh;
- các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã là không có sắc, không không sắc, phi tướng phi phi tướng, không bệnh".

Này các Tỷ-kheo, **những Sa-môn, Bà-la-môn**

nào chủ trương sự thành tựu của xứ này (ayatana) chỉ nhờ những hành có thể *thấy được, nghe được, tư duy được, ý thức được*; đây được xưng, này các Tỷ-kheo, là tổn hại cho sự thành tựu xứ (ayatana) này. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, **xứ này không được xưng là có thể đạt thành nhờ sự thành tựu hữu hành (sasankhara)**, mà này các Tỷ-kheo, **xứ này được xưng là có thể đạt thành nhờ sự thành tựu không có hành nào còn lại**. Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có (sự đoạn diệt này), Như Lai thấy sự giải thoát khỏi (pháp hữu vi) và đã vượt khỏi (pháp hữu vi).

- ⇒ Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã có tướng, không bệnh, một số phi báng các vị ấy.
- ⇒ Còn những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã không tướng, không bệnh, một số phi báng các vị ấy.
- ⇒ Còn những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã phi tướng phi phi tướng, không bệnh, một số phi báng các vị ấy.
Vì sao vậy? Tất cả những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn này hướng thượng tuyên bố có chấp

trước: "Đời sau chúng ta sẽ hiện hữu, đời sau chúng ta sẽ hiện hữu". *Ví như một người lái buôn đi buôn bán nghĩ rằng: "Từ đây ta sẽ có vật này, ta sẽ được vật này từ cái này".* Cũng vậy, những vị Sa-môn, Bà-la-môn này, chúng ta nghĩ rằng, cũng giống như những người lái buôn khi các vị này nói: "Đời sau chúng ta sẽ hiện hữu, đời sau chúng ta sẽ hiện hữu".

➔ Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết được: "Những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương đoạn diệt, hủy hoại, diệt tận, loại hữu tình hiện đang sinh tồn, những vị ấy sợ hãi tự thân, yếm ly tự thân, chỉ chạy theo và chạy vòng quanh tự thân".

Ví như một con chó bị dây cột vào một cột trụ hay cây cột vững chắc, chạy theo và chạy vòng tròn cột trụ hay cây cột ấy. Cũng vậy, các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy sợ hãi tự thân, yếm ly tự thân, chỉ biết chạy theo và chạy vòng quanh tự thân. Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có (sự đoạn diệt này), Như Lai thấy sự giải thoát khỏi (pháp hữu vi), và đã vượt khỏi (pháp hữu vi).

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-

môn nào luận bàn về tương lai, thảo luận về tương lai, y cứ vào tương lai tuyên bố nhiều quan điểm sai khác, tất cả đều tuyên bố năm xứ này hay một trong chúng.

➤ *Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **luận bàn về quá khứ**, thảo luận về quá khứ, y cứ vào quá khứ, tuyên bố nhiều quan điểm sai khác:*

- "Tự ngã và thế giới là thường còn; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng". Ở đây, một số tuyên bố như vậy.
- "Tự ngã và thế giới là vô thường; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng". Ở đây, một số tuyên bố như vậy.
- "Tự ngã và thế giới là thường còn là vô thường; chỉ như vậy là chân thật, ngoài ra là hư vọng". Ở đây, một số tuyên bố như vậy.
- "Tự ngã và thế giới là không phải thường còn, không phải vô thường; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng". Ở đây, một số tuyên bố như vậy.
- "Tự ngã và thế giới là hữu biên; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng". Ở đây, một số tuyên bố như vậy.

- "Tự ngã và thế giới là vô biên; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng". Ở đây, một số tuyên bố như vậy.
- "Tự ngã và thế giới là hữu biên và vô biên; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng". Ở đây, một số tuyên bố như vậy.
- "Tự ngã và thế giới không phải hữu biên, không phải vô biên; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng". Ở đây, một số tuyên bố như vậy.
- "Tự ngã và thế giới là nhứt tướng; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng". Ở đây, một số tuyên bố như vậy.
- "Tự ngã và thế giới là dị tướng; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng". Ở đây, một số tuyên bố như vậy.
- "Tự ngã và thế giới là thiếu tướng; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng". Ở đây, một số tuyên bố như vậy.
- "Tự ngã và thế giới là vô lượng tướng; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng". Ở đây, một số tuyên bố như vậy.
- "Tự ngã và thế giới là nhứt hướng lạc; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng". Ở đây, một số tuyên bố như vậy.

- "Tự ngã và thế giới là nhứt hướng khô; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng". Ở đây, một số tuyên bố như vậy.
- "Tự ngã và thế giới là lạc và khô; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng". Ở đây, một số tuyên bố như vậy.
- "Tự ngã và thế giới là không khô, không lạc; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng". Ở đây, một số tuyên bố như vậy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có chủ thuyết như sau, có quan điểm như sau: *"Tự ngã và thế giới là thường còn, chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng"*. Ngoài tín, ngoài hỷ, ngoài tùy văn, ngoài thẩm định lý do, ngoài kham nhẫn chấp thọ (tà) kiến, trí tự mình sẽ trở thành thanh tịnh, trong sạch; sự tình như vậy không xảy ra. Này các Tỷ-kheo, nếu trí tự mình không trở thành thanh tịnh, trong sạch, thời cho đến chỉ một phần nhỏ của trí, mà những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy làm cho trong sạch chính như vậy cũng **được xưng là chấp trước** đối với những vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy. Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có (sự đoạn diệt này), Như Lai thấy sự giải thoát khỏi (pháp hữu vi) và đã vượt khỏi (pháp hữu vi).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có quan điểm như sau: "*Tự ngã và thế giới là vô thường... (như trên)... tự ngã và thế giới là thường còn và vô thường... (như trên)... tự ngã và thế giới không thường còn và không vô thường... (như trên)... tự ngã và thế giới là vô biên... (như trên)... tự ngã và thế giới là hữu biên và vô biên... (như trên)... tự ngã và thế giới là không hữu biên, không vô biên... (như trên)... tự ngã và thế giới là nhứt tướng... (như trên)... tự ngã và thế giới là dị tướng... (như trên)... tự ngã và thế giới là thiếu tướng... (như trên)... tự ngã và thế giới là vô lượng tướng... (như trên)... tự ngã và thế giới là nhứt hướng lạc... (như trên)... tự ngã và thế giới là nhứt hướng khổ... (như trên)... tự ngã và thế giới là lạc và khổ.. (như trên)... Tự ngã và thế giới là không khổ, không lạc; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng.* Ngoài lòng tin, ngoài hỷ, ngoài tùy văn, ngoài thẩm định lý do, ngoài sự kham nhẫn chấp thọ (tà) kiến, trí tự mình sẽ trở thành thanh tịnh, trong sạch, sự tình như vậy không xảy ra. Này các Tỷ-kheo, nếu trí tự mình không trở thành thanh tịnh, trong sạch, thời cho đến chỉ một phần nhỏ của trí, mà những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy làm cho trong sạch, chính như vậy cũng **được xưng là chấp trước** đối với những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy. Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các

hành, biết được có (sự đoạn diệt này), Như Lai thấy sự giải thoát khỏi (pháp hữu vi), và đã vượt khỏi (pháp hữu vi).

☞ Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn do từ bỏ những quan điểm về quá khứ, và từ bỏ những quan điểm về tương lai, do không hoàn toàn chú tâm đến những dục kiết sử, đạt được **viễn ly hỷ** và an trú. Vị ấy nghĩ: "Đây là sự thật, đây là thù diệu, tức là đạt được viễn ly hỷ, ta an trú". Nhưng nếu viễn ly hỷ ấy của vị này bị đoạn diệt, do viễn ly hỷ bị đoạn diệt, ưu tư sanh khởi. Do ưu tư được đoạn diệt, viễn ly hỷ sanh khởi. Ví như, này các Tỷ-kheo, chỗ nào bóng mát từ bỏ, chỗ ấy sức nóng (mặt trời) lan rộng, chỗ nào sức nóng (mặt trời) từ bỏ, chỗ ấy bóng mát lan rộng; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do viễn ly hỷ bị đoạn diệt, ưu tư sanh khởi. Do ưu tư được đoạn diệt nên viễn ly hỷ sanh khởi.

➔ Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau: Vị Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn này, do từ bỏ những quan điểm về quá khứ, và do từ bỏ những quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, sau khi đạt được viễn ly hỷ, liền an trú: "Đây là sự thật, đây là thù diệu, tức là

đạt được viễn ly hỷ, ta an trú". Viễn ly ấy của vị này bị đoạn diệt. Do viễn ly hỷ bị đoạn diệt, ưu tư sanh khởi; do ưu tư được đoạn diệt, viễn ly hỷ sanh khởi. Biết rằng cái này thuộc hữu vi pháp là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có (sự đoạn diệt này), Như Lai thấy sự giải thoát khỏi (pháp hữu vi) và đã vượt khỏi (pháp hữu vi).

☞ Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn, do từ bỏ các quan điểm về quá khứ, do từ bỏ các quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, do vượt qua viễn ly hỷ, sau khi đạt được **phi vật chất lạc** liền an trú: "Đây là sự thật, đây là thù diệu tức là đạt được phi vật chất lạc, ta an trú". **Phi vật chất lạc của vị ấy bị đoạn diệt; do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, viễn ly hỷ sanh khởi; do viễn ly hỷ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi.** *Ví như, này các Tỷ-kheo, chỗ nào bóng mát từ bỏ, chỗ ấy sức nóng (mặt trời) lan rộng, chỗ nào sức nóng (mặt trời) từ bỏ, chỗ ấy bóng mát lan rộng;* cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, viễn ly hỷ sanh khởi; do viễn ly hỷ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi.

➔ Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai

biết như sau: Vị Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn này, do từ bỏ các quan điểm về quá khứ, do từ bỏ các quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, do vượt qua viển ly hỷ, đạt được phi vật chất lạc và an trú: "Đây là sự thật, đây là thù diệu, tức là đạt được phi vật chất lạc, ta an trú". Phi vật chất lạc ấy của vị này bị đoạn diệt. Do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, viển ly hỷ sanh khởi; do viển ly hỷ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi. Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành; biết được có (sự đoạn diệt) này, Như Lai thấy được sự giải thoát khỏi (pháp hữu vi) và đã vượt khỏi (pháp hữu vi).

✎ Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn, do từ bỏ các quan điểm về quá khứ, do từ bỏ các quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, do vượt qua viển ly hỷ, do vượt qua phi vật chất lạc, sau khi đạt được vô khổ vô lạc thọ, liền an trú: "Đây là sự thật, đây là thù diệu, tức là đạt được vô khổ vô lạc thọ, ta an trú". Vô khổ vô lạc thọ ấy của vị này bị đoạn diệt. Do vô khổ vô lạc thọ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi; do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, vô khổ vô lạc thọ sanh khởi. Ví như này các Tỷ-

kheo, chỗ nào bóng mát từ bỏ, chỗ ấy sức nóng (mặt trời) lan rộng, chỗ nào sức nóng từ bỏ, chỗ ấy bóng mát lan rộng; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do vô khổ vô lạc thọ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi; do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, vô khổ vô lạc thọ sanh khởi.

➔ Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau: vị Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn này, do từ bỏ các quan điểm về quá khứ, do từ bỏ các quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, do vượt qua viễn ly hỷ, do vượt qua phi vật chất lạc, sau khi đạt được vô khổ vô lạc thọ, liền an trú: *"Đây là sự thật, đây là thù diệu, tức là đạt được vô khổ vô lạc thọ, ta an trú"*. Vô khổ vô lạc thọ ấy của vị này bị đoạn diệt. Do vô khổ vô lạc thọ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi; do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, vô khổ vô lạc thọ sanh khởi. Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, sau khi biết được: "Đây có sự đoạn diệt (các hành này), Như Lai thấy được sự giải thoát khỏi (hữu vi pháp)" và đã vượt khỏi (hữu vi pháp).

☞ Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị Sa-môn hay

Bà-la-môn, do từ bỏ các quan điểm về quá khứ, do từ bỏ các quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, do vượt khỏi viển ly hỷ, do vượt khỏi phi vật chất lạc, do vượt khỏi vô khổ vô lạc thọ, **vị ấy quán: "Ta là tịch tịnh, ta là tịch diệt, ta là không chấp thủ".**

- ➔ Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau: Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau: Vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn này... (như trên)... "... ta là không chấp thủ". Chắc chắn vị Đại đức này tuyên bố con đường thích hợp (đưa đến) Niết-bàn. Nhưng vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn này khởi lên chấp thủ, hoặc chấp thủ quan điểm về quá khứ, chấp thủ hoặc chấp thủ quan điểm về tương lai, chấp thủ hoặc chấp thủ dục kiết sử, chấp thủ hoặc chấp thủ viển ly hỷ, chấp thủ hoặc chấp thủ phi vật chất lạc, chấp thủ hoặc chấp thủ vô khổ vô lạc thọ. **Dầu cho vị Đại đức này quán: "Ta là tịch tịnh, ta là tịch diệt, ta không có chấp trước", nhưng vị này vẫn được xem là có chấp trước về điểm ấy.** Biết rằng cái này thuộc hữu vi pháp là thô pháp, nhưng có đoạn diệt các hành, sau khi biết được có (sự đoạn diệt các hành) này, Như Lai thấy được sự giải thoát khỏi (hữu

vi pháp) và đã vượt khỏi (hữu vi pháp).

➔ Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, **vô thượng tịch tịnh, tối thắng đạo** được Như Lai chánh đẳng giác, nghĩa là sau khi như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt và sự nguy hiểm của sáu xúc xú, có sự giải thoát không chấp thủ. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vô thượng tịch tịnh tối thắng đạo này được Như Lai chánh đẳng giác, nghĩa là sau khi như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt và sự nguy hiểm của sáu xúc xú, có sự giải thoát không chấp thủ.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

193 Tịch tịnh trú - Kinh ĐOẠN GIẢM – 8 Trung I, 97

KINH ĐOẠN GIẢM (Sallekha sutta)

– Bài kinh số 8 – Trung I, 97

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bảy giờ, Tôn giả Mahacunda, vào buổi chiều từ chỗ độc cư Thiền tịnh đứng dậy, đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahacunda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có những loại sở kiến này khởi lên trên đời, hoặc liên hệ đến ngã luận, hoặc liên hệ đến thế giới luận. Bạch Thế Tôn, đối với một Tỷ-kheo, có tác ý ngay từ ban đầu, thời có thể đoạn trừ những sở kiến ấy hay không, có thể xả ly những sở kiến ấy hay không?

– Này Cunda, những loại sở kiến này khởi lên

trên đời, hoặc liên hệ đến **ngã luận**, hoặc liên hệ đến **thế giới luận**, chỗ nào những **sở kiến** này tiềm ẩn, và chỗ nào những **sở kiến** này hiện hành, **chỉ có cách** như thật quán sát chúng với trí tuệ rằng: "**Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi**", có vậy thời có sự đoạn trừ những **sở kiến** ấy, có sự xả ly những **sở kiến** ấy.

- Đây Cunda, sự kiện này xảy ra khi ở đây một Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". **Này Cunda, các (quả chứng) ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là hiện tại lạc trú trong giới luật của bậc Thánh.**
- Đây Cunda, sự kiện này xảy ra khi ở đây, một Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". Đây Cunda, các (quả chứng) ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là **hiện tại lạc trú** trong giới luật của bậc Thánh.
- Đây Cunda, sự kiện này xảy ra khi ở đây, một

Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú **Thiền thứ ba**. Vị ấy có thể nghĩ... (như trên)... *hiện tại lạc trú* trong giới của bậc Thánh.

- Nay Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". Nay Cunda, các (quả chứng) ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là *hiện tại lạc trú* trong giới luật của bậc Thánh.

- ➔ Nay Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dục tướng. Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú **Không vô biên xứ**. Vị ấy có thể tự nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". *Nay Cunda, các (quả chứng) ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là tịch tịnh trú trong giới luật của bậc Thánh.*

- ➔ Nay Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ

rằng: "Thức là vô biên", chúng và trú **Thức vô biên xứ**. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". Nay Cunda... (như trên)... chúng được gọi là *tịch tịnh trú* trong giới luật của bậc Thánh.

- ➔ Nay Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chúng và trú **Vô sở hữu xứ**. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". Nay Cunda... (như trên)... chúng được gọi là *tịch tịnh trú* trong giới luật của bậc Thánh.
- ➔ Nay Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chúng và trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". Nay Cunda... (như trên)... chúng được gọi là *tịch tịnh trú* trong giới luật của bậc Thánh.

Này Cunda, ở đây đoạn giảm được các Người thực hiện khi các Người nghĩ:

1. *"Những kẻ khác có thể là những người làm hại, chúng ta ở đây không thể là những người làm hại", như vậy đoạn giảm được thực hiện.*

2. "Những kẻ khác có thể sát sanh, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ sát sanh", như vậy đoạn giảm được thực hiện.
3. "Những kẻ khác có thể lấy của không cho, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ lấy của không cho", như vậy đoạn giảm được thực hiện.
4. "Những kẻ khác có thể không phạm hạnh, chúng ta ở đây sẽ sống phạm hạnh", như vậy...
5. "Những kẻ khác có thể nói láo, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ nói láo
6. "Những kẻ khác có thể nói hai lưỡi, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ nói hai lưỡi",...
7. "Những kẻ khác có thể nói lời độc ác", chúng ta ở đây sẽ từ bỏ nói lời độc ác", ...
8. "Những kẻ khác có thể nói lời phù phiếm, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ nói lời phù phiếm",...
9. "Những kẻ khác có thể tham dục, chúng ta ở đây không tham dục",...
10. "Những kẻ khác có thể có sân tâm, chúng ta ở đây sẽ không có sân tâm",...
11. "Những kẻ khác có thể có tà kiến, chúng ta ở đây sẽ có chánh kiến,...

12. "Những kẻ khác có thể có tà tư duy, chúng ta ở đây sẽ có chánh tư duy",...
13. "Những kẻ khác có thể có tà ngữ, chúng ta ở đây sẽ có chánh ngữ",...
14. "Những kẻ khác có thể có tà nghiệp, chúng ta ở đây sẽ có chánh nghiệp",...
15. "Những kẻ khác có thể có tà mạng, chúng ta ở đây sẽ có chánh mạng",...
16. "Những kẻ khác có thể có tà tinh tấn, chúng ta ở đây sẽ có chánh tinh tấn",...
17. "Những kẻ khác có thể có tà niệm, chúng ta ở đây sẽ có chánh niệm",...
18. "Những kẻ khác có thể có tà định, chúng ta ở đây sẽ có chánh định",...
19. "Những kẻ khác có thể có tà trí, chúng ta ở đây sẽ có chánh trí",...
20. "Những kẻ khác có thể có tà giải thoát, chúng ta ở đây sẽ có chánh giải thoát",...
21. "Những kẻ khác có thể bị hôn trầm thụy miên chi phối, chúng ta ở đây sẽ không có hôn trầm thụy miên chi phối",...
22. "Những kẻ khác có thể có trạo hối, chúng ta ở đây sẽ không có trạo hối",...

23. "Những kẻ khác có thể nghi hoặc, chúng ta ở đây sẽ trừ diệt nghi hoặc",...
24. "Những kẻ khác có thể phần nộ, chúng ta ở đây sẽ không có phần nộ",...
25. "Những kẻ khác có thể oán hận, chúng ta ở đây sẽ không có oán hận",...
26. "Những kẻ khác có thể hư ngụy, chúng ta ở đây sẽ không hư ngụy",...
27. "Những kẻ khác có thể não hại, chúng ta ở đây sẽ không não hại",...
28. "Những kẻ khác có thể tật đổ, chúng ta ở đây sẽ không tật đổ
29. "Những kẻ khác có thể xan tham, chúng ta ở đây sẽ không xan tham",...
30. "Những kẻ khác có thể man trá, chúng ta ở đây sẽ không man trá...
31. "Những kẻ khác có thể khi cuống, chúng ta ở đây sẽ không khi cuống",...
32. "Những kẻ khác có thể ngoan cố, chúng ta ở đây không thể ngoan cố",...
(như trên)... cấp tháo... mạn...
33. "Những kẻ khác có thể quá mạn, chúng ta ở đây sẽ không quá mạn",...

34. "Những kẻ khác có thể khó nói (nan thuyết), chúng ta ở đây sẽ dễ nói",...
35. "Những kẻ khác có thể là ác hữu, chúng ta ở đây sẽ là thiện hữu
36. "Những kẻ khác có thể phóng dật, chúng ta ở đây sẽ không phóng dật",... (như trên)...
37. "Những kẻ khác có thể là bất tín, chúng ta ở đây sẽ có tín tâm",...
38. "Những kẻ khác có thể không xấu hổ, chúng ta ở đây sẽ có xấu hổ",...
39. "Những kẻ khác có thể không sợ hãi, chúng ta ở đây sẽ có sợ hãi",...
40. "Những kẻ khác có thể nghe ít, chúng ta ở đây sẽ nghe nhiều"...
41. "Những kẻ khác có thể biếng nhác, chúng ta ở đây sẽ siêng năng...
42. "Những kẻ khác có thể thất niệm, chúng ta ở đây sẽ an trú niệm
43. "Những kẻ khác có thể liệt tuệ, chúng ta ở đây thành tựu tuệ
44. "Những kẻ khác có thể nhiễm thế tục, co hấp tư kiến, tánh khó hành xả, chúng ta ở đây sẽ không nhiễm thế tục, không có

*hấp tư kiến, tánh dễ hành xả" như vậy
đoạn giảm được thực hiện.*

*Này Cunda, Ta nói rằng sự khởi tâm rất có lợi
ích cho các thiện pháp, còn nói gì thân nghiệp, khẩu
nghiệp phù hợp (với tâm ý).*

Do vậy, này Cunda:

- "Những kẻ khác có thể làm hại, chúng ta ở đây sẽ không làm hại", *cần phải khởi tâm như vậy.*
- "Những kẻ khác có thể sát sanh, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ sát sanh", cần phải khởi tâm như vậy
- ... (như trên)...
- "Những kẻ khác có thể nhiễm thế tục, co hấp tư kiến, tánh khó hành xả, chúng ta ở đây sẽ không nhiễm thế tục, không co hấp tư kiến, tánh dễ hành xả", cần phải phát tâm như vậy.

Này Cunda, giống như một con đường không bằng phẳng, có một con đường bằng phẳng khác đôi tri.

Này Cunda, giống như một bến nước không bằng phẳng, có một bến nước bằng phẳng khác đôi

Cũng vậy này Cunda:

- Đối với con người làm hại, có sự không làm hại *đối trị*.
- Đối với con người sát sanh, có từ bỏ sát sanh *đối trị*.
- Đối với con người lấy của không cho, có từ bỏ lấy của không cho *đối trị*...,
- ...không phạm hạnh, có phạm hạnh...;
- ...nói láo, có từ bỏ nói láo...;
- ...nói hai lưỡi, có từ bỏ nói hai lưỡi...;
- ...nói ác khẩu, có từ bỏ nói ác khẩu;
- ...nói phù phiếm, có từ bỏ nói phù phiếm...;
- ... tham dục, có không tham dục...;
- ... sân tâm, có không sân tâm...;
- ... tà kiến, có chánh kiến...;
- ... tà tư duy, có chánh tư duy...;
- ... tà ngữ, có chánh ngữ...;
- ... tà nghiệp, có chánh nghiệp...;
- ... tà mạng, có chánh mạng...;

- ... tà tình tấn, có chánh tình tấn...;
- ... tà niệm, có chánh niệm...;
- ... tà định, có chánh định...;
- ... tà trí, có chánh trí...;
- ... tà giải thoát, có chánh giải thoát...;
- ... bị hôn trầm thụy miên chi phối, có không bị hôn trầm thụy miên chi phối...;
- ... trạo hối, có không trạo hối...;
- ... nghi hoặc, có trừ diệt nghi hoặc...;...
phẫn nộ, có không phẫn nộ...;
- ... oán hận, có không oán hận...;
- ... hư nguy, có không hư nguy...;
- ... não hại, có không não hại...;
- ... tật đố, có không tật đố...;
- ... xan tham, có không xan tham...;
- ... mạn trá, có không mạn trá...;
- ... khi cuồng, có không khi cuồng...;
- ... ngoan cố, có không ngoan cố... cấp
tháo... mạn;
- ... quá mạn có không quá mạn...;
- ... khó thuyết, có không khó thuyết...;

- ... ác hữu, có thiện hữu...;
- ... phóng dật, có không phóng dật...;
- ... bất tín, có tín tâm...;
- ... không xấu hổ, có xấu hổ...;
- ... không sợ hãi, có sợ hãi...;
- ... nghe ít, có nghe nhiều...;
- ... biếng nhác, có siêng năng...;
- ... thất niệm, có an trú niệm...;
- ... liệt tuệ, có thành tựu tuệ...;
- đối với con người nhiễm thế tục, co hấp tư kiến, tánh khó hành xả, có không nhiễm thế tục, không co hấp tư kiến, tánh dễ hành xả đối trị.

Này Cunda, ví như các bất thiện pháp, tất cả đều hướng hạ, còn các thiện pháp, tất cả đều hướng thượng.

Cũng vậy, này Cunda:

- con người không làm hại, hướng thượng đối với người làm hại,
- con người từ bỏ sát sanh, hướng thượng đối với người sát sanh,

- con người từ bỏ lấy của không cho, hướng thượng đối với người lấy của không cho
- ... (như trên)...
- con người không nhiễm thế tục, không co hấp tư kiến, tánh dễ hành xả, hướng thượng đối với người nhiễm thế tục, co hấp tư kiến, tánh khó hành xả.

Này Cunda, con người tự mình bị rơi vào bùn lầy có thể kéo lên một người bị rơi vào bùn lầy, sự tình ấy không thể xảy ra.

Này Cunda, con người tự mình không rơi vào bùn lầy, có thể kéo lên một người bị rơi vào bùn lầy, sự tình ấy có thể xảy ra.

Này Cunda, con người tự mình không được nhiếp phục, không được huấn luyện, không được hoàn toàn giải thoát, tự mình có thể nhiếp phục, huấn luyện và hoàn toàn giải thoát người khác, sự tình ấy không xảy ra.

Một người được nhiếp phục, được huấn luyện, được hoàn toàn giải thoát, tự mình có thể nhiếp phục, huấn luyện, hoàn toàn giải thoát người khác, sự tình ấy xảy ra.

Cũng vậy, này Cunda:

- đối với người làm hại, không làm hại đưa đến hoàn toàn giải thoát;
- đối với con người sát sanh, từ bỏ sát sanh đưa đến hoàn toàn giải thoát;
- đối với con người lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho đưa đến hoàn toàn giải thoát;
- đối với con người không phạm hạnh, sống phạm hạnh...;
- đối với con người nói láo, từ bỏ nói láo...;
- đối với con người nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi...;
- đối với con người ác khẩu, từ bỏ nói ác khẩu...;
- đối với con người nói phù phiếm, từ bỏ nói phù phiếm...;
- đối với con người có tham dục, không tham dục...;
- đối với con người có sân tâm, không sân tâm...;
- đối với con người có tà kiến, chánh kiến...;
- đối với con người có tà tư duy, chánh tư duy...;

- *đối với con người có tà ngữ, chánh ngữ...;*
- *đối với con người có tà nghiệp, chánh nghiệp...;*
- *đối với con người có tà mạng, chánh mạng...;*
- *đối với con người có tà tinh tấn, chánh tinh tấn...;*
- *đối với con người có tà niệm, chánh niệm...;*
- *đối với con người có tà định, chánh định...;*
- *đối với con người có tà trí, chánh trí...;*
- *đối với con người có tà giải thoát, chánh giải thoát...;*
- *đối với con người bị hôn trầm thụy miên chi phối, không bị hôn trầm thụy miên chi phối...;*
- *đối với con người trạo hối, không trạo hối...;*
- *đối với con người nghi hoặc, không nghi hoặc...;*
- *đối với con người phẫn nộ, không phẫn nộ...;*

- đối với con người oán hận, không oán hận...;
- đối với con người hư nguy, không hư nguy...;
- đối với con người nã hại, không nã hại...;
- đối với con người tật đố, không tật đố...;
- đối với con người xan tham, không xan tham...;
- đối với con người man trá, không man trá...;
- đối với con người khi cuống, không khi cuống...;
- đối với con người ngoan cố, không ngoan cố... cấp tháo... mạn...;
- đối với con người quá mạn, không quá mạn...;
- đối với con người khó nói, dễ nói...;
- đối với con người ác hữu, thiện hữu...;
- đối với con người phóng dật, không phóng dật...;
- đối với con người bất tín, tín tâm...;
- đối với con người không xấu hổ, có xấu

hổ...;

- đối với con người không sợ hãi, có sợ hãi...;
- đối với con người nghe ít, nghe nhiều...;
- đối với con người biếng nhác, siêng năng...;
- đối với con người thất niệm, an trú niệm...;
- đối với con người liệt tuệ, thành tựu trí tuệ...;
- đối với con người nhiễm thế tục, co hấp tư kiến, tánh khó hành xả, không nhiễm thế tục, không co hấp tư kiến, tánh dễ hành xả, đưa đến hoàn toàn giải thoát.

Này Cunda, như vậy Ta đã giảng **PHÁP MÔN ĐOẠN GIẢM**, đã giảng **PHÁP MÔN KHỞI TÂM**, đã giảng **PHÁP MÔN ĐỐI TRỊ**, đã giảng **PHÁP MÔN HƯỞNG THUỘNG**, đã giảng **PHÁP MÔN GIẢI THOÁT HOÀN TOÀN**.

Này Cunda, những gì bậc Đạo Sư phải làm, vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đệ tử, những việc ấy Ta đã làm, vì lòng thương tưởng cho các Người. Này Cunda, đây là những gốc cây, đây là những nhà không tịnh. Này Cunda, hãy Thiền định, chớ có phóng dật, chớ có hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn

của Ta cho các Người.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Mahacunda hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

194 Tịnh giới - Lấy tướng thiên chứng được chứng đắc - Kinh Bảy Pháp Này – Tương II, 261

Bảy Pháp Này – Tương II, 261

1) Trú ở Sàvatthi.

2) **Này các Tỷ-kheo, có bảy giới này.**

Thế nào là bảy?

- Quang giới,
- Tịnh giới,
- Không vô biên xứ giới,
- Thức vô biên xứ giới,
- Vô sở hữu xứ giới,
- Phi tướng phi phi tướng xứ giới,
- Diệt thọ tướng giới.

Này các Tỷ-kheo, có bảy giới này.

3) Khi được nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, Quang giới này với Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tướng phi phi tướng xứ giới, và Diệt*

thọ tướng giới. Bạch Thế Tôn, **những giới này do duyên cái gì được hiển lộ?**

4) Nay các Tỷ-kheo, **Quang giới** này do duyên **u ám**, giới này được hiển lộ.

5) Nay các Tỷ-kheo, **Tịnh giới** này do duyên **bất định**, giới này được hiển lộ.

6) Nay các Tỷ-kheo, **Không vô biên xứ giới** này, do duyên **sắc**, giới này được hiển lộ.

7) Nay các Tỷ-kheo, **Thức vô biên xứ giới** này do duyên **Không vô biên xứ giới** này được hiển lộ.

8) Nay các Tỷ-kheo, **Vô sở hữu xứ giới** này do duyên **Thức vô biên xứ giới** này được hiển lộ.

9) Nay các Tỷ-kheo, **Phi tướng phi phi tướng xứ** này do duyên **Vô sở hữu xứ giới** này được hiển lộ.

10) Nay các Tỷ-kheo, **Diệt thọ tướng giới** này do duyên **diệt** này được hiển lộ.

11) - Bạch Thế Tôn, Quang giới này với Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tướng phi phi tướng xứ giới, với Diệt thọ tướng giới; bạch Thế Tôn, **bấy giới này Thiền chứng (Samàpatti) như thế nào?**

12) -Này các Tỷ-kheo, Quang giới này với Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, những giới này lấy tướng Thiền chứng (Sannàsamàpatti) được chứng đắc.

13) -Này các Tỷ-kheo, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới này lấy hành hữu dư Thiền chứng được chứng đắc.

14) -Này các Tỷ-kheo, Diệt thọ tưởng giới này lấy diệt đẳng nhập được chứng đắc (?).

195 Tịnh hạnh - 10 Tịnh hạnh - Kinh CUNDA NGƯỜI THỢ RÈN – Tăng IV, 585

CUNDA NGƯỜI THỢ RÈN – *Tăng IV, 585*

(Chánh nghiệp)

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Pàvā, trong vườn xoài của Cunda, con người thợ rèn. Rồi Cunda, con người thợ rèn đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Cunda, con người thợ rèn đang ngồi một bên:

- *Này Cunda, trong những tịnh hạnh của ai, Ông cảm thấy thích thú?*

- Bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn ở phương Tây, những người có mang theo bình nước những người có đeo vòng hoa huệ, những người thờ lửa, những người đi xuống nước tắm, những vị này có tổ chức những lễ tịnh hạnh. Con ưa thích những lễ tịnh hạnh của những người ấy.

- Này Cunda, các Bà-la-môn trú ở phương Tây, những người có mang theo bình nước, những người có đeo vòng hoa huệ, những người thờ lửa, những

người đi xuống nước tắm, như thế nào, những người này có tổ chức những lễ tịnh hạnh?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, những người Bà-la-môn trú ở phương Tây, những người có mang bình nước, những người có đeo vòng hoa huệ, những người thờ lửa, những người đi xuống nước tắm, những vị này khích lệ đệ tử như sau: "Hãy đến, này Bạn. Hãy dậy thật sớm và từ nơi giường chạm xuống đất. Nếu Bạn không chạm xuống đất thì chạm phân bò ướt; nếu Bạn không chạm phân bò ướt thì Bạn chạm cỏ xanh; nếu Bạn không chạm cỏ xanh thì Bạn hãy cúng dường lửa; nếu Bạn không cúng dường lửa, thì Bạn hãy chấp tay đánh lễ mặt trời, nếu Bạn không chấp tay đánh lễ mặt trời, thì Bạn hãy xuống nước lần thứ ba vào buổi chiều". Như vậy, bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn trú ở phương Tây, những người có mang theo bình nước, những người có đeo vòng hoa huệ, những người thờ lửa, những người đi xuống nước tắm, những vị này ấy tổ chức những lễ tịnh hạnh. Con thích thú lễ tịnh hạnh của những vị ấy.

- Sai khác này Cunda, là những lễ tịnh hạnh do những Bà-la-môn trú ở phương Tây, những người có mang bình nước, những người có đeo vòng hoa huệ, những người thờ lửa, những người đi xuống nước tắm tổ

chức. Sai khác là **lễ tịnh hạnh trong Luật của bậc Thánh.**

- Như thế nào, bạch Thế Tôn, là lễ tịnh hạnh trong Luật của bậc Thánh? Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp cho con về lễ tịnh hạnh trong Luật của bậc Thánh.

- Vậy này Cunda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói:

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Cunda con người thợ rèn vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. **Này Cunda, thân không tịnh hạnh có ba, lời không tịnh hạnh có bốn, ý không tịnh hạnh có ba.**

Và này Cunda, thế nào là **thân không tịnh hạnh có ba?**

3. Ở đây, này Cunda,:

- Có người sát sanh, hung bạo, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại, đả thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình.
- (Người này) lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại

rừng núi, không cho người ấy; người ấy lấy trộm tài vật ấy.

- Người ấy sống tà hạnh đối với các dục, tà hạnh với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa (đám cưới).

Như vậy, này Cunda, bất tịnh hạnh về thân có ba.

Và này Cunda, thế nào là **bất tịnh hạnh về lời có bốn**?

4. Ở đây, này Cunda,

- Có người nói láo, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì ông biết". Dầu cho vị ấy không biết, vị ấy nói: "Tôi biết". Dầu cho vị ấy biết, vị ấy nói: "Tôi không biết". Hay dầu cho vị ấy không thấy, vị ấy nói: "Tôi thấy". Hay dầu cho vị ấy thấy, vị ấy nói: "Tôi không thấy". Như vậy lời nói của người ấy trở thành có ý nói láo, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên

nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì.

- Và người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói, để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, đi nói với những người này để sanh chia rẽ, ở những người kia. Như vậy, vị ấy ly gián những kẻ hòa hợp, hay xúi giục những kẻ ly gián, ưa thích chia rẽ, vui thích chia rẽ, thích thú chia rẽ, nói những lời đưa đến chia rẽ.
- Và người ấy là người nói lời thô ác, bất cứ lời gì thô bạo, thô tục, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phần nộ, không đưa đến Thiền định. Người ấy nói những lời như vậy.
- Và người ấy nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi pháp, nói những lời phi luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời, nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích.

Như vậy, này Cunda, không tịnh hạnh về lời có bốn.

Và này Cunda, thế nào là **không tịnh hạnh về ý có ba**?

5. Ở đây, này Cunda,

- Có người có **tham ái**, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình! "
- Có người có **sân tâm**, khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị tai hại, hay mong chúng không còn tồn tại! "
- Lại có người có **tà kiến**, có tướng điên đảo, như: "không có bố thí, không có cúng dường, không có tế lễ, các hành vi thiện ác không có kết quả dị thực, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh, trong đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau".

Như vậy, này Cunda, không tịnh hạnh về ý có ba.

6. **Này Cunda, có mười bất thiện nghiệp đạo này. Này Cunda, với ai thành tựu mười bất thiện nghiệp đạo này, có thể dậy sớm và từ giường nếu vị ấy chạm đất, vị ấy vẫn bất tịnh.**

- Dầu cho vị ấy không chạm xuống đất, vị ấy vẫn bất tịnh.

- Nếu vị ấy chạm phân bò ướt, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy không chạm phân bò ướt, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy chạm cỏ xanh, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy không chạm cỏ xanh, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy cúng dường lửa, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy không cúng dường lửa, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy chấp tay đánh lễ mặt trời, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy không chấp tay đánh lễ mặt trời, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy vào buổi chiều xuống nước lần thứ ba, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy vào buổi chiều không xuống nước lần thứ ba, vị ấy vẫn bất tịnh

→ Vì sao? Nay Cunda, mười bất thiện nghiệp đạo này là bất tịnh, không tạo ra tịnh.

→ Nay Cunda, do nhân thành tựu mười bất thiện nghiệp đạo này, địa ngục được trình bày, bàng sanh được trình bày, ngạ quỷ được trình bày hay là ác thú khác.

7. Nay Cunda, tịnh hạnh về thân có ba, tịnh hạnh về lời có bốn, tịnh hạnh về ý có ba.

Này Cunda, thế nào là **tịnh hạnh về thân có ba**?

8. Ở đây, này Cunda,

- Có người đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh, và loài hữu tình.
- Đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho; bất cứ vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không có người ấy, người ấy không lấy với ý niệm trộm cắp.
- Đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục, với hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa (đám cưới).

Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về thân có ba.

Và này Cunda, thế nào là **tịnh hạnh về lời có bốn**?

9. Ở đây, này Cunda,

- Có người đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, đến chỗ tập hội hay đến chỗ chúng tội, hay đến giữa

các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì người biết". Nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết". Nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết". Hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy". Nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy". Như vậy lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì.

- Đoạn tận nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói, để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này, để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.
- Đoạn tận lời nói độc ác, từ bỏ lời nói độc ác, những lời nói nhu hòa, êm tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui ý nhiều người, người ấy nói những lời như vậy.
- Đoạn tận lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói Pháp, nói Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp

thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, lợi ích.

Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về lời nói có bốn.

Và này Cunda, thế nào là **tịnh hạnh về ý có ba?**

10. Ở đây, này Cunda,

- Có người không tham ái, không tham lam tài vật kẻ khác, không nghĩ rằng: "Ôi! Mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình".
- Không có sân tâm, khởi lên hại ý, hại niệm, nhưng nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống lo tự ngã, không thù hận, không sân hận, không nhiễm loạn, được an lạc".
- Có chánh kiến, không có tư tưởng điên đảo: "Có bố thí, có cúng thí, có tế lễ, các hành vi thiện ác, có kết quả dị thực, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trong đời có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau".

Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về ý có ba.

11. Nay Cunda, có **mười thiện nghiệp đạo** này. Nay Cunda, ai thành tựu mười thiện nghiệp đạo này, có thể dậy sớm và từ giường chạm đất, vị ấy vẫn trong sạch.

- Nếu vị ấy không chạm xuống đất, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy chạm phân bò ướt, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy không chạm phân bò ướt, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy chạm cỏ xanh, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy không chạm cỏ xanh, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy thờ lửa, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy không thờ lửa, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy chấp tay đánh lễ mặt trời, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy không chấp tay đánh lễ mặt, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy vào buổi chiều xuống nước lần thứ ba, vị ấy vẫn trong sạch,
- Nếu vào buổi chiều, vị ấy không xuống nước lần thứ ba, vị ấy vẫn trong sạch.

→ Vì sao? Nay Cunda, mười thiện nghiệp đạo này **là trong sạch, tác thành trong sạch.** Do nhân

thành tựu mười thiện nghiệp đạo này, chư
Thiên được tuyên bố loài Người được tuyên bố,
hay bất cứ thiện thú nào khác.

12. Được nói vậy, Cunda, con người thợ rèn thừa với
Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn...! Mong Thế Tôn
nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung,
con trọn đời quy ngưỡng.

196 Tịnh hạnh trong Luật của bậc Thánh - Kinh CUNDA NGƯỜI THỢ RÈN – Tăng IV, 585

CUNDA NGƯỜI THỢ RÈN – *Tăng IV, 585*

(Chánh nghiệp)

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Pàvā, trong vườn xoài của Cunda, con người thợ rèn. Rồi Cunda, con người thợ rèn đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Cunda, con người thợ rèn đang ngồi một bên:

- Nay Cunda, trong những tịnh hạnh của ai, Ông cảm thấy thích thú?

- Bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn ở phương Tây, những người có mang theo bình nước những người có đeo vòng hoa huệ, những người thờ lửa, những người đi xuống nước tắm, những vị này có tổ chức những lễ tịnh hạnh. Con ưa thích những lễ tịnh hạnh của những người ấy.

- Nay Cunda, các Bà-la-môn trú ở phương Tây, những người có mang theo bình nước, những người có đeo vòng hoa huệ, những người thờ lửa, những

người đi xuống nước tắm, như thế nào, những người này có tổ chức những lễ tịnh hạnh?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, những người Bà-la-môn trú ở phương Tây, những người có mang bình nước, những người có đeo vòng hoa huệ, những người thờ lửa, những người đi xuống nước tắm, những vị này khích lệ đệ tử như sau: "Hãy đến, này Bạn. Hãy dậy thật sớm và từ nơi giường chạm xuống đất. Nếu Bạn không chạm xuống đất thì chạm phân bò ướt; nếu Bạn không chạm phân bò ướt thì Bạn chạm cỏ xanh; nếu Bạn không chạm cỏ xanh thì Bạn hãy cúng dường lửa; nếu Bạn không cúng dường lửa, thì Bạn hãy chấp tay đánh lễ mặt trời, nếu Bạn không chấp tay đánh lễ mặt trời, thì Bạn hãy xuống nước lần thứ ba vào buổi chiều". Như vậy, bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn trú ở phương Tây, những người có mang theo bình nước, những người có đeo vòng hoa huệ, những người thờ lửa, những người đi xuống nước tắm, những vị này ấy tổ chức những lễ tịnh hạnh. Con thích thú lễ tịnh hạnh của những vị ấy.

- Sai khác này Cunda, là những lễ tịnh hạnh do những Bà-la-môn trú ở phương Tây, những người có mang bình nước, những người có đeo vòng hoa huệ, những người thờ lửa, những người đi xuống nước tắm tổ

chức. Sai khác là **lễ tịnh hạnh trong Luật của bậc Thánh**.

- Như thế nào, bạch Thế Tôn, là lễ tịnh hạnh trong Luật của bậc Thánh? Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp cho con về lễ tịnh hạnh trong Luật của bậc Thánh.

- Vậy này Cunda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói:

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Cunda con người thợ rèn vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. **Này Cunda, thân không tịnh hạnh có ba, lời không tịnh hạnh có bốn, ý không tịnh hạnh có ba.**

Và này Cunda, thế nào là **thân không tịnh hạnh có ba**?

3. Ở đây, này Cunda,:

- Có người sát sanh, hung bạo, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại, đả thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình.
- (Người này) lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại

rừng núi, không cho người ấy; người ấy lấy trộm tài vật ấy.

- Người ấy sống tà hạnh đối với các dục, tà hạnh với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa (đám cưới).

Như vậy, này Cunda, bất tịnh hạnh về thân có ba.

Và này Cunda, thế nào là **bất tịnh hạnh về lời có bốn**?

4. Ở đây, này Cunda,

- Có người nói láo, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì ông biết". Dầu cho vị ấy không biết, vị ấy nói: "Tôi biết". Dầu cho vị ấy biết, vị ấy nói: "Tôi không biết". Hay dầu cho vị ấy không thấy, vị ấy nói: "Tôi thấy". Hay dầu cho vị ấy thấy, vị ấy nói: "Tôi không thấy". Như vậy lời nói của người ấy trở thành có ý nói láo, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên

nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì.

- Và người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói, để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, đi nói với những người này để sanh chia rẽ, ở những người kia. Như vậy, vị ấy ly gián những kẻ hòa hợp, hay xúi giục những kẻ ly gián, ưa thích chia rẽ, vui thích chia rẽ, thích thú chia rẽ, nói những lời đưa đến chia rẽ.
- Và người ấy là người nói lời thô ác, bất cứ lời gì thô bạo, thô tục, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phần nộ, không đưa đến Thiền định. Người ấy nói những lời như vậy.
- Và người ấy nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi pháp, nói những lời phi luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời, nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích.

Như vậy, này Cunda, không tịnh hạnh về lời có bốn.

Và này Cunda, thế nào là **không tịnh hạnh về ý có ba**?

5. Ở đây, này Cunda,

- Có người có **tham ái**, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình! "
- Có người có **sân tâm**, khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị tai hại, hay mong chúng không còn tồn tại! "
- Lại có người có **tà kiến**, có tướng điên đảo, như: "không có bố thí, không có cúng dường, không có tế lễ, các hành vi thiện ác không có kết quả dị thực, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh, trong đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau".

Như vậy, này Cunda, không tịnh hạnh về ý có ba.

6. **Này Cunda, có mười bất thiện nghiệp đạo này. Này Cunda, với ai thành tựu mười bất thiện nghiệp đạo này, có thể dậy sớm và từ giường nếu vị ấy chạm đất, vị ấy vẫn bất tịnh.**

- Dầu cho vị ấy không chạm xuống đất, vị ấy vẫn bất tịnh.

- Nếu vị ấy chạm phân bò ướt, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy không chạm phân bò ướt, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy chạm cỏ xanh, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy không chạm cỏ xanh, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy cúng dường lửa, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy không cúng dường lửa, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy chấp tay đánh lễ mặt trời, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy không chấp tay đánh lễ mặt trời, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy vào buổi chiều xuống nước lần thứ ba, vị ấy vẫn bất tịnh.
- Nếu vị ấy vào buổi chiều không xuống nước lần thứ ba, vị ấy vẫn bất tịnh.

→ Vì sao? Nay Cunda, mười bất thiện nghiệp đạo này là bất tịnh, không tạo ra tịnh.

→ Nay Cunda, do nhân thành tựu mười bất thiện nghiệp đạo này, địa ngục được trình bày, bàng sanh được trình bày, ngạ quỷ được trình bày hay là ác thú khác.

7. Nay Cunda, tịnh hạnh về thân có ba, tịnh hạnh về lời có bốn, tịnh hạnh về ý có ba.

Này Cunda, thế nào là **tịnh hạnh về thân có ba**?

8. Ở đây, này Cunda,

- Có người đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh, và loài hữu tình.
- Đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho; bất cứ vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không có người ấy, người ấy không lấy với ý niệm trộm cắp.
- Đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục, với hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa (đám cưới).

Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về thân có ba.

Và này Cunda, thế nào là **tịnh hạnh về lời có bốn**?

9. Ở đây, này Cunda,

- Có người đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, đến chỗ tập hội hay đến chỗ chúng tội, hay đến giữa

các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì người biết". Nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết". Nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết". Hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy". Nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy". Như vậy lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì.

- Đoạn tận nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói, để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này, để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.
- Đoạn tận lời nói độc ác, từ bỏ lời nói độc ác, những lời nói nhu hòa, êm tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui ý nhiều người, người ấy nói những lời như vậy.
- Đoạn tận lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói Pháp, nói Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp

thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, lợi ích.

Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về lời nói có bốn.

Và này Cunda, thế nào là **tịnh hạnh về ý có ba?**

10. Ở đây, này Cunda,

- Có người không tham ái, không tham lam tài vật kẻ khác, không nghĩ rằng: "Ôi! Mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình".
- Không có sân tâm, khởi lên hại ý, hại niệm, nhưng nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống lo tự ngã, không thù hận, không sân hận, không nhiễm loạn, được an lạc".
- Có chánh kiến, không có tư tưởng điên đảo: "Có bố thí, có cúng thí, có tế lễ, các hành vi thiện ác, có kết quả dị thực, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trong đời có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau".

Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về ý có ba.

11. Nay Cunda, có **mười thiện nghiệp đạo** này. Nay Cunda, ai thành tựu mười thiện nghiệp đạo này, có thể dậy sớm và từ giường chạm đất, vị ấy vẫn trong sạch.

- Nếu vị ấy không chạm xuống đất, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy chạm phân bò ướt, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy không chạm phân bò ướt, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy chạm cỏ xanh, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy không chạm cỏ xanh, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy thờ lửa, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy không thờ lửa, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy chấp tay đánh lễ mặt trời, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy không chấp tay đánh lễ mặt, vị ấy vẫn trong sạch.
- Nếu vị ấy vào buổi chiều xuống nước lần thứ ba, vị ấy vẫn trong sạch,
- Nếu vào buổi chiều, vị ấy không xuống nước lần thứ ba, vị ấy vẫn trong sạch.

→ Vì sao? Nay Cunda, mười thiện nghiệp đạo này **là trong sạch, tác thành trong sạch**. Do nhân

thành tựu mười thiện nghiệp đạo này, chư
Thiên được tuyên bố loài Người được tuyên bố,
hay bất cứ thiện thú nào khác.

12. Được nói vậy, Cunda, con người thợ rèn thừa với
Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn...! Mong Thế Tôn
nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung,
con trọn đời quy ngưỡng.

197 Tịnh mặc - 3 tịnh mặc - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG
– Bài kinh số 33 – Trường II, 567
(Trích đoạn)

121. **Ba tịnh mặc:**

– Thân tịnh mặc, ngũ tịnh mặc, ý tịnh mặc.

198 Tịnh độ - Xem kỹ - Hộ nghi Ta là người họ cần phải đi theo - Kinh PHÁP LUỘC THUYẾT – Tăng III, 683

PHÁP LUỘC THUYẾT – *Tăng III, 683*

1. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Lành thay! bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

- Như vậy, ở đây, một số người ngu si, thỉnh cầu Ta, sau khi pháp được giảng, **hộ nghi Ta là người họ cần phải đi theo.**

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, Thiện Thệ hãy thành phổ vắn tắt. Con có thể hiểu được ý nghĩa lời của Thế Tôn thuyết giảng. Con có thể trở thành kẻ thừa tự lời Thế Tôn thuyết giảng.

2.- Vậy này Tỷ-kheo, **Thầy cần phải học tập như sau:**

"Nội tâm ta sẽ an trú, khéo vững trú. Các pháp ác, bất thiện khởi không có xâm chiếm tâm và không có chân đứng". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

3. Này Tỷ-kheo, khi nào nội tâm của Thầy được an trú, khéo vững trú, các pháp ác, bất thiện sanh khởi xâm chiếm tâm và có chân đứng, khi ấy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Từ tâm giải thoát sẽ được ta tu tập, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

4. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

8. Thầy cần phải tu tập định này với tầm với tứ.
9. Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.
10. Cần phải tu tập không tầm, không tứ.
11. Cần phải tu tập có hỷ.
12. Cần phải tu tập không hỷ.
13. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
14. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Bi tâm giải thoát sẽ được Thầy tu tập ... Hỷ tâm giải thoát sẽ được Thầy tu tập ... Xả tâm giải thoát sẽ được Thầy tu tập, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

5. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

8. Thầy cần phải tu tập định này với tâm với tứ.
9. Cần phải tu tập không tâm, chỉ với tứ.
10. Cần phải tu tập không tâm, không tứ.
11. Cần phải tu tập có hỷ.
12. Cần phải tu tập không hỷ.
13. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
14. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Ta sẽ sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

6. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

8. Thầy cần phải tu tập định này với tầm với tứ.
9. Cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ.
10. Cần phải tu tập không tầm, không tứ.
11. Cần phải tu tập có hỷ.
12. Cần phải tu tập không hỷ.
13. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
14. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập như sau:

"Ta sẽ sống quán tho trên các cảm thọ ... quán tâm trên các tâm ... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời". Như vậy, này Tỷ-kheo, Thầy cần phải học tập.

7. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo:

8. Thầy cần phải tu tập định này với tâm với tứ.
9. Cần phải tu tập không tâm, chỉ với tứ.
10. Cần phải tu tập không tâm, không tứ.
11. Cần phải tu tập có hỷ.
12. Cần phải tu tập không hỷ.
13. Cần phải tu tập câu hữu với lạc.
14. Cần phải tu tập câu hữu với xả.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của Thầy được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, chỗ nào, chỗ nào Thầy đi, chỗ ấy Thầy đi được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ đứng, chỗ ấy Thầy đứng được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ ngồi, chỗ ấy Thầy ngồi được an ổn; chỗ nào, chỗ nào Thầy sẽ nằm, chỗ ấy Thầy sẽ nằm được an ổn.

8. Tỷ-kheo ấy, được Thế Tôn giáo giới với bài giáo giới này, từ chỗ ngồi, đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Tỷ-kheo ấy sống một mình, thanh tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng đạt được mục đích mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đây là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình chứng tri với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành. Những

việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán.

199 Tịnh độ - Xem kỹ - Không có thần lực nào để ra lệnh.. - Kinh CẤP THIẾT – Tăng I, 435

CẤP THIẾT – Tăng I, 435

1. - **Này các Tỷ-kheo, có ba việc cấp thiết này, người nông phu gia chủ cần phải làm.** Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người nông phu gia chủ mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, sau khi mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, liền mau lẹ gieo hạt giống, sau khi mau lẹ gieo hạt giống, liền mau lẹ cho nước vô, cho nước ra. Này các Tỷ-kheo, đây là ba việc cấp thiết mà người nông phu gia chủ cần phải làm.

Người nông phu gia chủ ấy, này các Tỷ-kheo, không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh): "Hôm nay lúa của ta được mọc lên, ngày mai chúng sẽ trở hạt, ngày kế tiếp chúng sẽ chín".

Nhưng chính theo thời gian của người nông phu gia chủ, các cây lúa do sự hướng dẫn của thời tiết được mọc lên, được trở hạt và được chín.

2. **Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba công việc cấp thiết này Tỷ-kheo cần phải làm.** Thế nào là ba?

- *Chấp hành tăng thượng giới học,*
- *Chấp hành tăng thượng tâm học,*
- *Chấp hành tăng thượng tuệ học.*

Ba công việc cấp thiết này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải làm.

- ➔ Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, **không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh):** "Hôm nay, tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ, ngày mai cũng vậy, ngày kế tiếp cũng vậy".
- ➔ Nhưng này các Tỷ-kheo, chính do thời gian Tỷ-kheo ấy sử dụng để học tập tăng thượng **giới**, để học tập tăng thượng **tâm**, để học tập tăng thượng **tuệ**, mà tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau:

- "Sắc bén là **ước muốn** của ta để chấp hành tăng thượng giới học.
- Sắc bén là **ước muốn** của ta để chấp hành tăng thượng tâm học.
- Sắc bén là **ước muốn** của ta để chấp hành tăng thượng tuệ học".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

200 Tịnh độ - Xem kỹ - Không phải do cầu xin mà được - Kinh KHẢ LẠC – Tăng II, 379

KHẢ LẠC – Tăng II, 379

1. Rồi Gia chủ Anàthapindika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Gia chủ Anàthapindika đang ngồi một bên:

2. - Có năm pháp này, này Gia chủ, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời.

Thế nào là năm?

- **Tuổi thọ** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời;
- **Dung sắc** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời;
- **An lạc** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời;
- **Tiếng đồn tốt** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời;
- **Cõi trời** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời.

Này Gia chủ, năm pháp này, khả lạc, khả ý khó tìm được ở đời.

Này Gia chủ, năm pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời này, Ta tuyên bố không phải do nhân cầu xin, không phải do nhân ước vọng mà có được.

3. Này Gia chủ, nếu năm pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời này, do nhân cầu xin, do nhân ước vọng mà có được, **thời ai ở đời này lại héo mòn vì một lẽ gì?**

Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có thọ mạng, không có thể do cầu xin thọ mạng hay tán thán để làm nhân đem lại thọ mạng. *Vị Thánh đệ tử muốn có thọ mạng cần phải thực hành con đường dẫn đến thọ mạng.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến thọ mạng, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được thọ mạng, vị ấy nhận lãnh được thọ mạng hoặc Chư Thiên, hoặc loài Người.

4. Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có dung sắc, không có thể do cầu xin dung sắc hay tán thán để làm nhân đem lại dung sắc. *Vị Thánh đệ tử muốn có dung sắc cần phải thực hành con đường dẫn đến dung sắc.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến dung sắc, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được dung sắc, vị

ấy nhận lãnh được dung sắc hoặc Chư Thiên, hoặc loài Người.

5. Nay Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có an lạc, không có thể cầu xin an lạc hay tán thán để làm nhân đem đến an lạc. *Vị Thánh đệ tử muốn có an lạc cần phải thực hành con đường dẫn đến an lạc.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến an lạc, sự thực hành ấy đưa đến vị ấy nhận lãnh được an lạc, vị ấy nhận lãnh được an lạc hoặc chư Thiên, hoặc loài Người.

6. Nay Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có tiếng tốt, không có thể do cầu xin tiếng tốt hay tán thán để làm nhân đem đến tiếng tốt. *Vị Thánh đệ tử muốn có tiếng tốt cần phải thực hành con đường dẫn đến tiếng tốt.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến tiếng tốt, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được tiếng tốt, vị ấy nhận lãnh được tiếng tốt hoặc chư Thiên, hoặc loài Người

7. Nay Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có được Thiên giới, không có do cầu xin Thiên giới hay tán thán để làm nhân đem đến Thiên giới. *Vị thánh đệ tử muốn có Thiên giới cần phải thực hành con đường dẫn đến Thiên giới.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến Thiên giới, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được Thiên giới, vị ấy nhận lãnh được Thiên giới.

*Thọ mạng và dung sắc,
Tiếng tốt và danh vọng,
Thiên giới và quý tộc,
Được người đời ngày đêm,
Luôn luôn và rộng mở,
Cầu xin và cầu nguyện.
Còn bậc Hiền tán thán,
Không phóng dật phước hành,
Bậc Hiền không phóng dật,
Chúng được hai lợi ích,
Lợi ích ngay hiện tại,
Và lợi ích đời sau,
Vị nào thực hiện được,
Lợi ích và mục đích,
Vị ấy đáng được gọi,
Bậc Trí giả, Hiền giả.*

201 Tịnh độ - Xem kỹ - Không phải do cầu xin mà được - Kinh TEVIJJA – 13 Trường I, 401

KINH TEVIJJA
(KINH TAM MINH)
– Bài kinh số 13 – Trường I, 401

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn đang du hành ở Kosala (Câu-tát-la) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị và đi đến một làng Bà-la-môn ở Kosala tên là Manasàkata. Tại đây, ở Manasàkata, Thế Tôn trú tại một vườn xoài trên bờ sông Aciravati (A-trí-la-phạt-đề), phía Bắc làng Manasàkata.

2. Lúc bấy giờ, nhiều Bà-la-môn trú danh, đại phú hào ở tại Manasàkata như Bà-la-môn Canki (Thường-già), Bà-la-môn Tàrukka (Đa-lê-xa) Bà-la-môn Pokkharasāti (Phí-già-la-bà-la), Bà-la-môn Jānussoṇi (Sanh Lậu), Bà-la-môn Todeyya (Đạo-đề-da) và nhiều Bà-la-môn trú danh, đại phú hào khác.

3. Lúc bấy giờ, một cuộc nghị luận về chánh đạo và tà đạo khởi lên giữa Vāsettha (Bà-tát-sá) và Bhāradvāja (Bạt-la-đà-phạn-xà) trong khi đi bách bộ

để tĩnh dưỡng, vừa đi vừa suy nghĩ tư duy.

4. Thanh niên Bà-la-môn Vàsettha nói:

- Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasàti giảng dạy.

5. Thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja nói:

- Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tàrukkha giảng dạy.

6. Thanh niên Bà-la-môn Vàsettha không thể thuyết phục được thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja và thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja, cũng không thể thuyết phục được thanh niên Bà-la-môn Vàsettha.

7. Khi ấy thanh niên Bà-la-môn Vàsettha nói với thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja:

- Nay Bhàradvāja, Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay trú ở Manasākata, tại một vườn xoài trên bờ sông Aciravati, phía Bắc làng Manasākata. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền

đi về Tôn giả Gotama: "Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Nay Bhàradvāja, hãy đến Sa-môn Gotama và hỏi Sa-môn Gotama về nghĩa lý này, và Sa-môn Gotama trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

- Tôn giả, xin vâng!

Thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja trả lời với thanh niên Bà-la-môn Vāsettha.

8. Lúc bấy giờ hai thanh niên Bà-la-môn Vāsettha và Bhàradvāja đến Thế Tôn, khi đã đến liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên, khi ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Vāsettha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, một cuộc nghị luận về chánh đạo và tà đạo khởi lên giữa hai chúng tôi trong khi đi bách bộ để tĩnh dưỡng vừa đi vừa suy nghĩ, tư duy. Tôi nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasāti giảng dạy". Thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm

thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tàrukkha giảng dạy". Tôn giả Gotama, đó là sự tranh luận, sự luận chấp, đó là sự bất đồng ý kiến.

9. Này Vàsettha, Người nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasàti giảng dạy". Còn thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tàrukkha giảng dạy". Này Vàsettha, ở nơi đây tranh biện về vấn đề gì, luận chấp về vấn đề gì và bất đồng ý kiến về vấn đề gì?

10. - Tôn giả Gotama, về vấn đề chánh đạo và tà đạo. Tôn giả Gotama, nhiều Bà-la-môn thuyết dạy nhiều con đường sai khác như các vị Bà-la-môn Addhàriyà, các vị Bà-la-môn Tittiriya, và các vị Bà-la-môn Chandokà, các vị Bà-la-môn Chandavà, các vị Bà-la-môn Bràhmacariyà - tất cả con đường này hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Tôn giả Gotama, như gần làng hay gần tri trấn có nhiều con đường sai khác, nhưng tất cả con đường này đều dẫn đến làng. Cũng

vậy, Tôn giả Gotama, nhiều Bà-la-môn thuyết dạy nhiều con đường sai khác - như các Bà-la-môn Addhariyà, các vị Bà-la-môn Tittiriya, các vị Bà-la-môn Chandokà, các vị Bà-la-môn Chandavà, các vị Bà-la-môn Bràhmacariyà. Tất cả con đường này hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo.

- Nay Vasettha, có phải Ngươi nói: "Chúng dẫn đến?"

- Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến".

- Nay Vasettha, có phải Ngươi nói: "Chúng dẫn đến".

- Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến".

- Nay Vasettha, có phải Ngươi nói: "Chúng dẫn đến".

- Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến".

12. - Thế nào Vasettha? Có Bà-la-môn nào trong những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà tận mặt đã thấy Phạm thiên?

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

- Thế nào Vasettha? Có tôn sư nào của các Bà-la-

môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên?

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

- Thế nào Vàsettha? Có Bà-la-môn nào cho đến bảy đời tôn sư và đại tôn sư của những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt nhìn thấy Phạm thiên?

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

13. - Thế nào, này Vàsettha. Những vị tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, trì tụng và ngâm giảng như các vị Atthaka (A-sá-ca) Vàmaka (Bà-ma), Vàmadeva (Bà-ma-đề-bà), Angirasa (Ương-kỳ-sá), Bhàradvaja (Bạt-la-đà-phan-xà), Vàsettha (Bà-tất-sá), Kassapa (Ca-diếp), Bhagu (Bà-cửu), những vị này có nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy chỗ ở Phạm thiên, chỗ đến Phạm thiên, chỗ đi Phạm thiên?"

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

14. - Này Vàsettha, như vậy Người nói không có một

Bà-la-môn nào trong những vị tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên - không có một tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên, không có một đại tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà và đã tận mắt thấy Phạm thiên - không có một Bà-la-môn nào cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên, trong những tu sĩ thời cổ, trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy như các vị Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmita, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvàja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu". Như vậy các bà Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên, **nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy**: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo".

Này Vàsettha, Người nghĩ thế nào? **Sự kiện là như**

vậy thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý?

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý.

15. - Này Vàsettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo", thật không thể có sự kiện ấy. *Này Vàsettha, ví như một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy.* Như vậy, này Vàsettha lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, người đầu không thấy, giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy, giống như lời nói mù quáng. Lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như vậy là lời nói đáng chê cười, là lời nói suông, là lời nói không tương, là lời nói trống rỗng.

16. - Này Vàsettha, nhà Người nghĩ thế nào? Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như phần đông nhiều người khác - có thể thấy mặt trăng, mặt trời không, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung

quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn?

- Thừa vâng, Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như phần đông nhiều người khác có thể thấy mặt trăng, mặt trời, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn.

17. - Nay Vasettha, nhà Người nghĩ thế nào? Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà - như phần đông nhiều người khác thấy mặt trăng, mặt trời, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng mặt trời mọc và lặn, những vị này có thể thuyết dạy con đường đưa đến sự cộng trú với mặt trăng mặt trời không? Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với mặt trăng, mặt trời cho những ai thực hành theo?

- Tôn giả Gotama, không thể được!

18. - Nay Vasettha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như phần đông nhiều người khác, thấy mặt trăng, mặt trời trong khi các vị này cầu khẩn tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn, những vị này không có thể thuyết dạy con đường đưa đến sự cộng trú với mặt trăng mặt trời: "Đây là trực đạo,

đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với mặt trăng, mặt trời cho những ai thực hành theo".

Người cũng nói các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các tôn sư, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Người cũng nói trong những tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy - như các vị Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Anigirasa, Bhàradvāja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu". Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên, nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". **Này Vàsettha, nhà Người nghĩ thế**

nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý?"

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy, thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý.

- Lành thay, này Vàsettha! Những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". **Thật không có sự kiện ấy.**

19. Này Vàsettha, như có người nói: "Tôi yêu và ái luyến một cô gái đẹp trong nước này". Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp mà Ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết là người giai cấp nào, là Sát-đế-ly, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà?" Khi được hỏi, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp Ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết tên gì, họ gì, lớn người, thấp người hay người bậc trung? Da đen sẫm, da ngăm ngăm đen hay da hồng hào? Ở tại làng nào, ấp nào, hay thành phố nào?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải Ông đã yêu và đã ái

luyện một người Ông không biết, không thấy?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Vàsettha, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, Tôn giả Gotama. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia không chánh xác, hợp lý.

20. - Cũng vậy, này Vàsettha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Người cũng nói những tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia các thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, cũng trì tụng và giảng dạy như các vị Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvāja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu". Như vậy các Bà-la-môn tinh

thông ba tập Vedà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến sự cộng trú với Phạm thiên nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". *Này Vàsettha, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý?*

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý.

- Lành thay, Vàsettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo", thật không có sự kiện ấy.

21. Này Vàsettha, như một người muốn xây tại ngã tư đường một cái thang để leo lên lầu. Có người hỏi: "Này bạn, Ông muốn xây một cái thang để leo lên lầu, vậy Ông có biết lầu ấy là về hướng Đông, hay về hướng Tây, hay về hướng Bắc, hay về hướng Nam? Nhà lầu ấy cao hay thấp, hay trung bình?".

Được hỏi vậy, vị ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải Ông xây một cái thang để leo lên một cái lầu mà Ông không biết, không thấy?". Hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Vasettha, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói người kia không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy thời lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

22. - Cũng vậy, này Vasettha. Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Người cũng nói trong những ẩn sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được bình tán và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy - như các vị Atthaka, Vamaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvaja, Vasettha, Kassapa, Bhagu,

không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu?" Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến sự cộng trú với Phạm thiên nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". Nay Vasettha, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý?

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chính xác hợp lý.

23. - Lành thay, Vasettha. Những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". Thật không có sự kiện ấy.

24. Nay Vasettha, như sông Aciravati này, đầy tràn cho đến bờ khiến con qua có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên

*kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lợi qua bờ bên kia. Người đứng bờ bên này kêu bờ bên kia và nói: "**Bờ bên kia, hãy lại đây! Bờ bên kia, hãy lại đây**".* *Này Vàsettha, Người nghĩ thế nào? Có phải vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán mà bờ bên kia của sông Aciravati đến bờ bên này không?*

- Tôn giả Gotama, không thể vậy.

25. - Cũng vậy, này Vàsettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, những vị này đã nói: "Chúng tôi cầu khẩn Indra (Nhân-đà-la), chúng tôi cầu khẩn Soma (Tô-ma), chúng tôi cầu khẩn Vanena (Bà-lưu-va), chúng tôi cầu khẩn Isàna (Y-sa-na), chúng tôi cầu khẩn Pajàpati (Sanh chủ), chúng tôi cầu khẩn Brahmà (Phạm thiên), chúng tôi cầu khẩn Mahiddhi (Ma-hi-đề), chúng tôi cầu khẩn Yama (Dạ-ma). Này Vàsettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà ấy, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn - vì kêu gọi, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán, sau khi thân hoại mạng chung, những vị ấy sẽ cộng trú với Phạm thiên - Thật không có sự kiện ấy.

26. - *Này Vàsettha, như sông Aciravati này, đầy tràn*

cho đến bờ khiến con qua có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tiến đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia, và muốn lội qua bờ bên kia. Người này đứng bên bờ này kêu bờ bên kia và nói: "**Bờ bên kia hãy lại đây! Bờ bên kia hãy lại đây!**" *Này Vasettha, Người nghĩ thế nào? Có phải vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán mà bờ bên kia của sông Aciravati đến bờ bên này không?*

- Tôn giả Gotama, không thể vậy.

27. - Cũng vậy, này Vasettha, **có năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh**. Năm pháp này được xem là sợi dây chuyền, sợi dây thừng trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm? Những sắc pháp do mắt cảm nhận khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục, ái lạc; những tiếng do tai cảm nhận... những hương do mũi cảm nhận... những vị do lưỡi cảm nhận.. những xúc do thân cảm nhận khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục lạc. Này Vasettha, năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy, được xem là sợi dây chuyền, sợi dây thừng trong giới luật của bậc Thánh. Này Vasettha, năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà chấp trước, mê đắm, bị trôi buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự

không thoát ly của chúng, đã tận hưởng năm pháp ấy.

28. - Nay Vasettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, chấp trước, mê đắm, bị trói buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự không thoát ly của chúng, tận hưởng chúng, bị trói buộc bởi sự trói buộc của dục lạc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên, thật không có sự kiện ấy.

29. - *Này Vasettha, như sông Acivarati này, đầy tràn cho đến bờ khiến con qua có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia. **Người này ở bên bờ này trùm đầu và nằm ngủ.** Này Vasettha, nhà Người nghĩ thế nào? **Người ấy có thể từ bên này của sông Aciravati đến bờ bên kia không?***

- Tôn giả Gotama, không có thể được.

30. - Cũng vậy, này Vasettha, **có năm triền cái được gọi là chướng ngại**, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phược trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm? Dục

cái, sân cái, hôn trăm thuy miên cái, trao hoi cái, nghi cái. Nay Vasettha, năm triền cái này được gọi là chướng ngại, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phược. Này Vasettha, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, bị chướng ngại, bị triền phược, bị che đây, bị trói buộc bởi năm triền cái này. Nay Vasettha, thật vậy, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, bị chướng ngại, bị triền phược, bị che đây, bị trói buộc bởi năm triền cái, **sau khi thân hoại mạng chung, sẽ cộng trú với Phạm thiên - Thật không thể có sự kiện ấy.**

31. Nay Vasettha, Người nghĩ thế nào? Người có nghe những Bà-la-môn niên cao lập trưởng, tôn sư và đại tôn sư cùng nhau nói chuyện không? **Phạm thiên có dục ái hay không dục ái?**

- Tôn giả Gotama, không có dục ái.

- Có hận tâm hay không hận tâm?

- Tôn giả Gotama, không có hận tâm.

- Có sân tâm hay không sân tâm?

- Tôn giả Gotama, không có sân tâm.

- Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?

- Tôn giả Gotama, không có nhiễm tâm.

- Có tự tại hay không có tự tại?

- Tôn giả Gotama, có tự tại.

32. - Này Vasettha, Người nghĩ thế nào? **Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà có dục ái hay không dục ái?**

- Tôn giả Gotama, có dục ái.

- Có hận tâm hay không hận tâm?

- Tôn giả Gotama, có hận tâm.

- Có sân tâm hay không có sân tâm?

- Tôn giả Gotama, có sân tâm.

- Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?

- Tôn giả Gotama, có nhiễm tâm.

- Có tự tại hay không có tự tại?

- Tôn giả Gotama, không có tự tại.

33. - Nay Vasettha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có tham ái, Phạm thiên không có tham ái. **Giữa các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có tham ái, với Phạm thiên không có tham ái, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?**

- Tôn giả Gotama, không thể có được.

34. - Lành thay, Vasettha. Nay Vasettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà có dục ái ấy sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên - **Thật không thể có sự kiện ấy.**

35. - Nay Vasettha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà có hận tâm, Phạm thiên không có hận tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có sân tâm, Phạm thiên không có sân tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có nhiễm tâm, Phạm thiên không có nhiễm tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không có tự tại, Phạm thiên có tự tại. **Giữa các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, không có tự tại với Phạm thiên có tự tại có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?**

- Tôn giả Gotama, không thể có được.

36. - Lành thay, Vasettha. Nay Vasettha, những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên - **Thật không thể có sự kiện ấy.**

Nay Vasettha, ở đời các Bà-la-môn **đều có tinh thông ba tập Vedà, khi các vị này ngồi (với sự tư tín), thất sự đang chìm (trong bùn lầy), và khi đang chìm (trong bùn lầy) phải sống trong thất vọng, lầm tưởng rằng đã đến cảnh giới an lạc hơn.** Do vậy đối với những Bà-la-môn tinh thông Vedà **sự tinh thông ấy được gọi là bãi sa mạc không có nước, sự tinh thông ấy cũng được gọi là rừng rậm không có đường lối, sự tinh thông ấy cũng được gọi là sự bất hạnh.**

37. Khi nghe vậy, thanh niên Bà-la-môn Vasettha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, tôi có nghe nói Sa-môn Gotama biết con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

- Nay Vasettha, Người nghĩ thế nào? Ở đây có người sinh trưởng ở Manasàkata, nhưng chưa bao giờ rời khỏi chỗ này. Có người hỏi con đường đưa đến Manasàkata. Nay Vasettha, đối với người ấy đã sinh trưởng ở Manasàkata, chắc không có gì nghi ngờ hay khó khăn thì phải?

- Tôn giả Gotama, thật không có gì nghi ngờ hay khó khăn. Vì có sao? Tôn giả Gotama, người ấy sinh trưởng ở Manasàkata đều biết rõ tất cả con đường đưa đến Manasàkata.

38. - Nay Vāsettha, đối với người ấy đã sinh trưởng Manasàkata, còn có thể nghi ngờ và có khó khăn hỏi đến con đường đưa đến Manasàkata **nhưng đối với Như Lai thì không có nghi ngờ hay khó khăn gì khi hỏi đến Phạm thiên giới hay con đường đưa đến Phạm thiên giới! Nay Vāsettha, Ta biết đến Phạm thiên, Phạm thiên giới và con đường đưa đến Phạm thiên giới.**

39. Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Vāsettha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, tôi đã nghe: "Sa-môn Gotama, giảng dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên". Lành thay, nếu Sa-môn Gotama thuyết dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên! Mong Tôn giả Gotama tế độ chúng Bà-la-môn!

- Nay Vāsettha, vậy hãy lắng nghe và khéo tác ý kỹ? Ta sẽ nói:

40. Nay Vāsettha, nay ở đời đức Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc,

Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đức Như Lai sau khi tự mình chứng ngộ với thượng trí, thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đầy đủ văn nghĩa, Ngài truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

41. Người gia trưởng hay con vị gia trưởng, hay một người sinh ở giai cấp (hạ tiện) nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tin ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình". Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

42. Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi

chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, thọ lãnh và tu học trong giới pháp, thân nghiệp, ngữ nghiệp, thanh tịnh. Mạng sống trong sạch, giới hạnh đầy đủ, thủ hộ các căn, chánh niệm, tỉnh giác và biết tri túc.

43. Này Vasettha, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc?

Ở đây, này Vasettha, Tỷ-kheo từ bỏ sát sinh, tránh xa sát sinh... (như kinh Sa-môn Quả, số 43 - 75) do lạc thọ, tâm được định tĩnh... (như kinh Sa-môn Quả số 75-98).

76. **Vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ**, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

77. Này Vasettha, như người lực sĩ thoắt tù và, khiến tiếng được nghe khắp bốn phương, không có gì khó khăn. Cũng vậy này Vasettha, đối với mọi hình thức của sự sống, không có ai là vị ấy bỏ qua hay bỏ sót mà không biến mãn với tâm giải thoát, câu hữu với từ. Này Vasettha, đó là con đường đưa đến cộng trú

với Phạm thiên.

78. Lại nữa, này Vasettha, vị Tỷ-kheo an trú, **biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả**, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

79. Này Vasettha, như người lực sĩ thối tù và khiến tiếng được nghe khắp bốn phương, không có gì khó khăn, cũng vậy này Vasettha, **đối với mọi hình thức của sự sống, không có ai là vị ấy bỏ qua hay bỏ sót mà không biến mãn với tâm giải thoát, cùng khởi với xả**. Này Vasettha, đó là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

80. Này Vasettha, Người nghĩ thế nào? Tỷ-kheo an trú như vậy là có dục ái hay không dục ái?

- Tôn giả Gotama, không có dục ái.
- Có hận tâm hay không có hận tâm?
- Tôn giả Gotama, không có hận tâm.

- Có sân tâm hay không có sân tâm?
- Tôn giả Gotama, không có sân tâm.
- Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?
- Tôn giả Gotama, không có nhiễm tâm.
- Có tự tại hay không có tự tại?
- Tôn giả Gomata, có tự tại.

81. Nay Vasettha, Người nói Tỷ-kheo không có dục ái, Phạm thiên không có dục ái. Giữa Tỷ-kheo không có dục ái với Phạm thiên không có dục ái, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?

- Tôn giả Gotama, có thể có được.
- Lành thay, Vasettha. Nay Vasettha, Tỷ-kheo sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật có thể có sự kiện ấy.

Nay Vasettha, Người nói Tỷ-kheo không có hận tâm, Phạm thiên không có hận tâm... Tỷ-kheo không có nhiễm tâm, Phạm thiên không có nhiễm tâm. Tỷ-kheo có tự tại, Phạm Thiên có tự tại. Giữa Tỷ-kheo có tự tại với Phạm thiên có tự tại, có thể có một sự

cong hành, cong trú không?

- Tôn giả Gotama, có thể có được.
- Lành thay, Vàsettha. Nay Vàsettha, Tỷ-kheo sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Sự kiện ấy thật có thể có.

82. Khi nghe nói vậy, hai thanh niên Bà-la-môn Vàsettha và Bharadvàja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama,! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Và nay chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử; từ này trở đi cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

202 Tịnh độ - Xem kỹ - Kinh BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ – 85 Trung II, 565

KINH BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ (**Bodhirajakumara sutta**)

– Bài kinh số 85 – Trung II, 565

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn sống giữa dân chúng Bhagga, tại Sunsumaragira, rừng Bhesakala, vườn Lộc Uyển. Lúc bảy giờ, vương tử Bodhi có một ngôi lâu đài tên Kokanada dựng lên không bao lâu và chưa được một Sa-môn, một Bà-la-môn hay một hạng người nào ở cả. Rồi vương tử Bodhi gọi thanh niên Sanjikaputta và nói:

– Này Sanjikaputta, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy nhân danh ta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú, và thưa: "Bạch Thế Tôn, vương tử Bodhi cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm Thế Tôn có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú, và bạch như sau: Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của vương tử Bodhi, ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỷ-kheo".

– Thừa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Sanjikaputta vâng đáp vương tử Bodhi, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Thanh niên Sanjikaputta đang ngồi một bên và bạch Thế Tôn:

– Thừa Tôn giả Gotama, vương tử Bodhi cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú và thưa như sau: "Mong Tôn giả Gotama nhận lời mời của vương tử Bodhi, ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỷ-kheo".

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi thanh niên Sanjikaputta, sau khi biết được Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến vương tử Bodhi, sau khi đến, thưa với vương tử Bodhi:

– Chúng tôi đã nhân danh Tôn giả, bạch lên Thế Tôn Gotama như sau: "Thừa Tôn giả Gotama, vương tử Bodhi cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú, và thưa như sau: "Mong Tôn giả Gotama nhận lời mời của vương tử Bodhi, ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỷ-kheo". Và Sa-môn Gotama đã nhận lời.

Rồi vương tử Bodhi, sau khi đêm ấy đã mãn, tại trú xá của mình cho sửa soạn các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, và cho trải vải trắng lâu đài Kokanada cho đến tầm cấp thấp nhất (pacchima), rồi gọi thanh niên Sanjikaputta:

– Nay Thanh niên Sanjikaputta, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy báo giờ cho Thế Tôn được biết: "Bạch Thế Tôn, đã đến giờ, cơm đã sẵn sàng".

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi đến trú xá của vương tử Bodhi. Lúc bấy giờ, vương tử Bodhi chờ đón Thế Tôn đến, đang đứng ở cửa ngoài. Vương tử Bodhi thấy Thế Tôn từ xa đi đến, sau khi thấy, liền tiến đến đón, đánh lễ Thế Tôn, đi đầu hướng dẫn đến lâu đài Kokanada. Rồi Thế Tôn đứng sát vào tầm cấp thấp nhất. Vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy bước lên trên vải, Thiện Thệ hãy bước lên trên vải, để con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn im lặng. Lần thứ hai, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy bước lên trên vải, Thiện Thệ hãy bước lên trên vải, để cho con được

hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Lần thứ hai, Thế Tôn im lặng. Lần thứ ba, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ... (như trên)... an lạc lâu dài.

Rồi Thế Tôn nhìn Tôn giả Ananda. Tôn giả Ananda thưa với vương tử Bodhi:

– Thưa vương tử, hãy cho cuộn lại tấm vải, Thế Tôn không có đi bộ trên vải, Như Lai còn nghĩ đến những người thấp kém.

Rồi vương tử Bodhi cho cuộn lại tấm vải, cho sửa soạn các chỗ ngồi tại tầng trên lầu Kokanada. Rồi Thế Tôn bước lên lầu đài Kokanada, và ngồi trên ghế đã soạn sẵn với chúng Tỷ-kheo. Rồi vương tử Bodhi tự tay mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu và làm cho thỏa mãn với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Vương tử Bodhi, khí Thế Tôn ăn xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế thấp và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nghĩ như sau: "Lạc được chứng đắc không phải do lạc, lạc được chứng đắc do khô".

– Nay Vương tử, trước khi giác ngộ, thành bậc Chánh Đẳng Giác, khi còn là vị Bồ Tát, Ta nghĩ như sau: "Lạc được chứng đắc không phải do lạc, lạc được chứng đắc do khổ. Và Ta, nay Vương tử, sau một thời gian, khi còn niên thiếu, non trẻ, tóc đen nhánh..., (như Tập I, Kinh Thánh Cầu, từ trang 367 đến trang 373, thay thế "Này các Tỷ-kheo" với "Này Vương tử"... và nghĩ: "Thật là vừa đủ để tinh tấn".

Nhưng nay Vương tử, có thí dụ khởi lên nơi Ta..., (như Tập I, Đại Kinh Saccaka, từ trang 529 đến trang 543, thay thế "Này Aggivesana" với "Này Vương tử"... sống nhiệt tâm, tinh cần".

Rồi nay Vương tử, Ta suy nghĩ như sau: "Pháp này do Ta chứng được thật thâm sâu... (như Tập I, Kinh Thánh Cầu từ 374 đến trang 386, thay thế "Này các Tỷ-kheo" với "Này Vương tử"... Sáu người sống, với các đồ ăn mà hai Tỷ Kheo này khát thực đem về. Như vậy, nay Vương tử, chúng năm vị Tỷ-kheo được Ta giáo giới như vậy, giáo huấn như vậy, không bao lâu chúng được với thượng trí ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà con cháu các lương gia xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến.

Khi được nói vậy, vương tử Bodhi bạch Thế

Tôn:

– **Độ bao lâu, bạch Thế Tôn, một vị Tỷ-kheo chấp nhận Như Lai là vị lãnh đạo, chứng được mục đích tối cao... (như trên)... và an trú?**

– Nay Vương tử, ở đây, Ta sẽ hỏi Vương tử. Tùy theo Vương tử có thể kham nhẫn, Vương tử hãy trả lời. Nay vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? **Vương tử có thiện xảo trong nghề cưỡi voi và trong kỹ thuật dùng câu móc không?**

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn, con thiện xảo trong nghề cưỡi voi và kỹ thuật dùng câu móc.

❖ Nay Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Ở đây **có người đến và nói**: "Vương tử Bodhi biết kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc. Tôi sẽ học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với Vương tử".

- Nếu người ấy **không có lòng tin**, thời những gì lòng tin có thể đạt được, người ấy không thể đạt được.
- Nếu người ấy **hiều bệnh**, thời những gì ít bệnh có thể đạt được, người ấy không thể đạt được.
- Nếu người ấy **gian trá, xảo trá**, thời những gì không gian trá, không xảo trá có thể đạt được,

người ấy không đạt được.

- Nếu người ấy biếng nhác, thời những gì tinh tấn, cần mẫn có thể đạt được, người ấy không đạt được.
- Nếu người ấy có liệt tuê, thời những gì trí tuệ có thể đạt được, người ấy không đạt được.

→ *Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Người ấy có thể học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với Vương tử không?*

– Bạch Thế Tôn, người ấy, dầu thành tựu chỉ một đức tánh, người ấy cũng không có thể học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với con; huống chi (nếu người ấy thành tựu) cả năm đức tánh!

❖ *Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Ở đây, có người đến và nói: "Vương tử Bodhi biết kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc. Tôi sẽ học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với Vương tử".*

- Nếu người ấy có lòng tin, thời những gì lòng tin có thể đạt được, người ấy đạt được.
- Nếu người ấy ít bệnh, thời những gì ít bệnh có thể đạt được, người ấy đạt được.
- Nếu người ấy không gian trá, không xảo trá, thời những gì không gian trá, không xảo trá có

thể đạt được, người ấy đạt được.

- Nếu người ấy **tinh tấn, cần mẫn**, thời những gì tinh tấn, cần mẫn có thể đạt được, người ấy đạt được.
- Nếu người ấy **có trí tuệ**, thời những gì trí tuệ có thể đạt được, người ấy đạt được.

→ *Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Người ấy có thể học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với Vương tử không?*

– Bạch Thế Tôn, người ấy, dầu cho thành tựu chỉ một đức tánh, cũng có thể học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với con; huống chi (nếu người ấy thành tựu) cả năm đức tánh.

– **Cũng vậy, này Vương tử, có năm tinh tấn chi này.** Thế nào là năm?

- Ở đây, này Vương tử, vị Tỷ-kheo **có lòng tin**, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai. Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.
- Vị ấy **ít bệnh**, ít não, với bộ tiêu hóa được điều hòa, không quá lạnh, không quá nóng,

trung bình, hợp với tinh tấn.

- Vị ấy **không gian trá**, xảo trá, tự mình xử sự như chơn đối với bậc Đạo sư, đối với các vị có trí hay đối với các vị đồng Phạm hạnh.
- Vị ấy **sống tinh cần**, tinh tấn từ bỏ các bất thiện pháp, làm cho khởi lên các thiện pháp, kiên cố, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp.
- Vị ấy **có trí tuệ** thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt (của các pháp), với sự thể nhập bậc Thánh đưa đến sự chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

Này Vương Tử, như vậy là **năm tinh cần chi**. Này Vương tử, vị Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này, chấp nhận Như Lai là bậc lãnh đạo, sau khi đã tự chứng tri với thượng trí ngay trong hiện tại vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này các Thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, và vị ấy có thể chứng ngộ, chứng đạt và an trú trong bảy năm.

Này Vương tử, đừng nói chi bảy năm, một vị Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này... (như trên)... và an trú sáu năm... (như trên)... năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm, một năm. Này Vương tử, đừng nói chi một năm, một Tỷ-kheo thành tựu năm

tinh cần chi này... (như trên)... và an trú bảy tháng.

Này Vương tử, đừng nói chi bảy tháng, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này... (như trên)... và an trú ngay trong sáu tháng... (như trên)... trong năm tháng, bốn tháng, ba tháng, hai tháng, một tháng, nửa tháng.

Này Vương tử, đừng nói chi nửa tháng, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này... (như trên)... và an trú trong bảy đêm ngày. Này Vương tử, đừng nói chi bảy đêm ngày, Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này sáu đêm ngày... (như trên)... năm đêm ngày, bốn đêm ngày, ba đêm ngày, hai đêm ngày, một đêm ngày.

Này Vương tử, **đừng nói chi một đêm ngày**, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này, chấp nhận Như Lai là bậc lãnh đạo, nếu được giảng dạy buổi chiều thời chứng được sự thù thắng buổi sáng, nếu được giảng dạy buổi sáng, thời sẽ chứng được sự thù thắng buổi chiều.

Khi được nghe nói vậy, Vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Ôi, thật là Phật! Ôi, thật là Pháp! Ôi, thật là khéo thuyết pháp thay! Nếu được giảng dạy buổi

chiều thời chúng được sự thù thắng buổi sáng, nếu được giảng dạy buổi sáng thời chúng được sự thù thắng buổi chiều.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Sanjikaputta thưa với Vương tử Bodhi:

– Như vậy, Tôn giả Bodhi này đã nói: "Ôi, thật là Phật! Ôi, thật là Pháp! Ôi, thật là khéo thuyết pháp thay! " Nhưng Vương tử không nói thêm: "Tôi quy y Tôn giả Gotama này, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng".

– Này Sanjikaputta, chớ có nói như vậy! Này Sanjikaputta, chớ có nói như vậy!

Này Sanjikaputta, mặt trước mặt đối diện với mẫu thân của ta, ta tự nghe như sau: "Một thời, này Sanjikaputta, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại tu viện Ghosita. Mẫu thân ta đang mang thai, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, mẫu thân ta bạch với Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, đưa con này của con, dù là con trai hay con gái, cũng xin quy y với Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận nó làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, nó trọn đời quy ngưỡng*".

Lại một thời, này Sanjikaputta, Thế Tôn trú giữa dân chúng Bhagga, tại Sumsumaragira, rừng Bhesakala, vườn Lộc Uyển. Rồi người vú của ta, ẵm ta bên hông, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, người vú của ta bạch Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, vương tử Bodhi nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận vương tử này làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, xin trọn đời quy ngưỡng*".

Và nay, này Sanjikaputta, lần thứ ba ta quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. "*Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng*".

203 Tịnh độ - Xem kỹ - Người có thân vàng, hào quang chói sáng là ai - Kinh XÀ-NI-SA – 18 Trường II, 53

KINH XÀNISA
(*JANAVASABHA SUTTANTA*)
– Bài kinh số 18 – Trường II, 53

I

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Nàdika (bộ lạc Na-đề-ca) tại Gijjakàvasatha (nhà làm bằng gạch). Lúc bấy giờ, Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đồ đã sống, đã từ trần và đã mệnh chung trong các bộ lạc xung quanh như bộ lạc Kàsi (Ca-thi), Kosala (Câu-tát-la), Vajjì (Bạt-kỳ), Malla (Mạt-la), Ceti (Chi-đề), Vansa (Bạt-sa), Kuru (Câu-lâu), Pancàla (Ban-giá-la), Maccha (Bà-sá-la) Sùrasena (Mậu-ba-tây-na):

- Vị này sanh ra tại chỗ này! Vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ ở Nàdika đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh (thiên giới) từ đó nhập Niết-bàn

không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nàdikà, đã từ trần, đã mệnh chung, với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ tận diệt khổ đau. Hơn năm trăm vị Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung, với ba kiết sử đã được diệt trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh Giác.

2. Các vị tín đồ ở Nàdikà được nghe: " Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sinh của những tín đồ đã từ trần và đã mệnh chung trong các bộ lạc xung quanh, như bộ lạc Kàsi, Kosala, Vajjì, Malla, Ceti, Vamsa, Kuru, Pancàla, Macchà, Sùrasena: " Vị này sanh ra tại chỗ này. Vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh (Thiên giới) từ đó nhập niết-bàn không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh Giác ". Các vị tín đồ ở Nàdikà được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy, lấy làm hoan

hỷ, tín thọ, an lạc.

3. Tôn giả Ananda được nghe: " Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đồ đã từ trần, đã mệnh chung trong các bộ lạc xung quanh, như bộ lạc Kàsi, Kosala, Vajjì, mallà, Ceti, Vamsa, Kuru, Pancàla, Macchà, Sùrasena: " Vị này sanh ra tại chỗ này, vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn 50 vị tín đồ Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh (thiên giới) từ đó nhập Niết-bàn không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nādikā đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được diệt trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh Giác ". Các vị tín đồ ở Nādikā được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy lấy làm hoan hỷ, tín thọ, an lạc".

4. Rồi tôn giả Ananda suy nghĩ: " Nhưng ở tại Magadha (Ma-kiệt-đà), có nhiều tín đồ đã tu hành lâu ngày và đã từ trần, mệnh chung, nhiều đến nỗi người ta tưởng hai xứ Anga (Ương-già) và Magadha đều trống không vì số tín đồ từ trần mệnh chung. Những vị này tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp và tin

tướng Tăng, và giới luật đầy đủ. Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và sự mệnh chung của họ. Lành thay nếu gọi được một câu trả lời về họ, nhờ vậy nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên thiện giới. Lại có vua Seniya Bimbisàra (Tư-ni-du Tần-bà-sa) xứ Magadha sống như Pháp, dùng Chánh pháp trị nước, có lòng thương tưởng các vị Bà-la-môn, Gia chủ, dân chúng thị thành và dân chúng thôn quê. Vua này được dân chúng xưng tán như sau: " Vị vua sống như pháp, dùng chánh pháp trị nước, đã làm cho chúng ta sung sướng, vị này mệnh chung. Chúng ta đã sống thật hạnh phúc dưới thời vua sống như Pháp và dùng Chánh pháp trị nước này. Vị vua này cũng tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy đủ ". Và dân chúng cũng nói: " Cho đến khi mệnh chung, vua Seniya Bimbisàra xứ Magadha luôn luôn tán dương Thế Tôn ". Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của vị vua này. Lành thay, nếu gọi được câu trả lời về vị vua này, nhờ vậy nhiều người sẽ khởi lòng tin và từ đó được sanh lên thiện giới. Lại nữa Thế Tôn chứng quả Bồ-đề tại Magadha. Thế Tôn đã chứng quả Bồ-đề ở Magadha thì sao Ngài lại không nói đến về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha? Nếu Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha thì các vị này sẽ đau buồn và nếu các vị này đau buồn thì sao

Thế Tôn có thể không trả lời được? "

5. Sau khi đã suy nghĩ một mình, yên lặng, vì các tín đồ ở Magadha, tôn giả Ananda sáng hôm sau thức dậy đến tại chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn con có nghe: Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đồ đã từ trần, đã mệnh chung trong các bộ lạc xung quanh, như bộ lạc Kàsi, Kosala, Vajjì, Malla, Ceit, Vamsa, Kuru, Pancàla, Macchà, Sùrasena: " Vị này sanh ra tại chỗ này, vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ ở Nàdikà đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được nhập Niết-bàn không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất Lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh Giác ". Các vị tín đồ ở Nàdikà được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy lấy làm hoan hỷ, tín thọ, an lạc.

6. Bạch Thế Tôn, nhưng ở tại Magadha có nhiều tín

đồ này tu hành lâu ngày và đã từ trần, mệnh chung, nhiều đến nỗi người ta tưởng hai xứ Anga và magadha đều trống không vì số tín đồ từ trần mệnh chung. Những vị này tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy đủ. Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của họ. Lành thay nếu gọi được một câu trả lời về họ, và như vậy nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên Thiên giới. Bạch Thế Tôn, lại có vua Seniya Bimbisàra xứ Magadha, sống như Pháp, dùng Chánh pháp trị nước, có lòng thương tưởng các vị Bà-la-môn, Gia chủ, dân chúng thị thành và dân chúng thôn quê. Vua này được dân chúng xưng tán như sau: " Vị vua sống như Pháp, và dùng Chánh pháp cai trị nước này. Vị Vua này cũng tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy đủ ". Và dân chúng cũng nói: " Cho đến khi mệnh chung, vua Seniya Bimbisàra xứ Magadha luôn luôn tán dương Thế Tôn ". Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của vị vua này. Lành thay nếu gọi được câu trả lời về vị vua này, nhờ vậy nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên thiên giới. Bạch Thế Tôn, lại nữa Thế Tôn đã chứng quả Bò-đề ở Magadha. Thế Tôn đã chứng quả Bò-đề ở Magadha, thời sao Ngài không nói về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha. Nếu Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của các tín

đồ ở Magadha, thời các vị này sẽ đau buồn, và nếu các vị này đau buồn thời sao Thế Tôn có thể không thể trả lời được?

Tôn giả Ananda, vì các tín đồ ở Magadha, sau khi đã trình lên trước Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, từ tạ ra đi.

7. Sau khi tôn giả Ananda đi ra không bao lâu, Thế Tôn liền đắp y vào buổi sáng, tay cầm y bát, đi vào Nàdikà để khát thực. Khi khát thực ở Nàdikà xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực về và rửa chân, Ngài vào ngôi nhà bằng gạch, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, suy nghĩ, tư duy chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha: " Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ, vận mạng của họ. Các Hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng như thế nào? " Thế Tôn thấy được chỗ thọ sanh và vận mạng của các Hiền nhân tín đồ ở xứ Magadha này. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, sau khi tịnh niệm, bước ra khỏi ngôi nhà bằng gạch, rồi ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, dưới bóng ngôi nhà.

8. Rồi Tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn ở, lúc đến xong, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn ngó thật là an tịnh; diện

sắc của Thế Tôn như là sáng chói nhờ các căn thật sự thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hôm nay an trú có được hoan hỷ không?

9. - Nay Ananda, sau khi Thầy, vì các tín đồ ở Magadha đã nói trước mặt Ta như vậy và đứng dậy ra về, Ta đi khát thực ở Nādikā xong, sau bữa ăn, khi đi khát thực về và rửa chân, Ta vào ngôi nhà bằng gạch, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, suy nghĩ tư duy, chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha: " Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ, vận mạng của họ. Các vị Hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng như thế nào? " Rồi Ta thấy được chỗ thọ sanh và vận mạng của các Hiền nhân tín đồ ở xứ Magadha này. Nay Ananda, lúc bấy giờ một vị Dạ-xoa (Yakkha) ẩn mình lớn tiếng nói rằng: " Bạch Thế Tôn, con tên là Janavasabha. Bạch Thiện Thệ, con là Janavasabha ". *Nay Ananda, Ngươi từ trước đã từng được nghe ai tên là Janavasabha (Xà-ni-sa) chưa?*

- Bạch Thế Tôn, còn từ trước chưa từng được nghe ai tên Janavasabha. Bạch Thế Tôn, khi con nghe tên Janavasabha, con có cảm giác râu tóc bị dựng ngược, Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: " Vị Dạ-xoa này không phải là hạng tầm thường, vì đã mang tên Janavasabha ".

10. - Nay Ananda, khi những lời ấy được nói xong, vị Dạ-xoa ấy hiện ra trước mặt Ta, nhan sắc thật phi thường và lần thứ hai, vị ấy nói:

“ – Bạch Thế Tôn, con là Bimbisàra! Bạch Thiện Thệ, con là Bimbisàra! Bạch Thế Tôn, **nay là lần thứ bảy** con được sanh vào dòng họ vua Vessavana (Tỳ sa môn Thiên Vương). Con chết đi trong địa vị làm vua ở nhơn gian, nay được sanh trên thiên giới, làm bậc phi nhân.

*Từ đây đến bảy lần,
Từ kia đến bảy lần,
Mười bốn lần tái sanh,
Như vậy con biết được,
Đời quá khứ của con.*

Bạch Thế Tôn, từ lâu con không còn đọa lạc vào ác thú vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai.

« - Thật hy hữu thay, Hiền giả Dạ-xoa Janavasabha! Thật kỳ diệu thay, Hiền giả Dạ-xoa Janavasabha đã nói với Ta: « Bạch Thế Tôn, đã lâu con không còn đọa lạc vào ác thú, vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai ». *Do nguyên nhân gì, Hiền giả Dạ-xoa Janavasabha tự biết mình đã đạt được địa vị cao thượng, thù thắng như vậy? »*

11. « - Bạch Thế Tôn, không gì khác ngoài giáo lý của Ngài! Bạch Thiện Thệ, không gì khác ngoài giáo lý của Ngài! Từ khi con nhất hướng quy y và tín ngưỡng Thế Tôn, từ khi ấy con không còn đọa lạc vào ác thú, vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai.

Bạch Thế Tôn, con được vua Vessavana (Tỳ sa môn Thiên vương) nhờ con đi đến vua Virùlhaka (Tăng Trưởng thiên vương) có chút công việc, giữa đường con thấy Thế Tôn vào ngôi nhà bằng gạch suy nghĩ tư duy, chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha: "Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ, vận mạng của họ. Các Hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng thế nào?"

Bạch Thế Tôn! Không thể kỳ diệu sao được khi con đối mặt tự thân nghe từ miệng vua Vessavana nói với hội chúng của mình, các Hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mệnh như thế nào? Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: "Ta sẽ đến yết kiến Thế Tôn! Ta sẽ đề cập vấn đề với Thế Tôn!". Bạch Thế Tôn, đó là hai nguyên nhân khiến con đến yết kiến Thế Tôn!

12. " Bạch Thế Tôn, trong những ngày xưa, những ngày xa xưa, nhân **đêm trăng rằm Bố-tát** (Uposatha) **trong tháng nhập an cư mùa mưa**, toàn

thể chư Thiên ở cõi Tàvatimsà (Tam thập tam thiên) ngồi họp hội tại Thiện Pháp đường (Sudhamma). Xung quanh có Đại Thiên chúng ngồi khắp mọi phía, tại bốn phương hướng có bốn vị đại vương ngồi.

- Đại vương **Dhatarattha (Trì Quốc Thiên vương)** vua ở phương Đông, ngồi xây mặt hướng Tây, trước mặt Thiên chúng.
- Đại vương **Virùlhaka (Tăng Trưởng Thiên vương)**, vua ở phương Nam ngồi xây mặt hướng Bắc, trước mặt Thiên chúng.
- Đại vương **Virùpakka (Quảng Mục Thiên vương)** vua ở phương Tây, ngồi xây mặt hướng Đông, trước mặt Thiên chúng.
- Đại vương **Vessavana (Tỳ-sa-môn Thiên vương)**, vua ở phương bắc, ngồi xây mặt hướng Nam, trước mặt Thiên chúng.

Bạch Thế Tôn, khi nào toàn thể chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên ngồi họp hội tại Thiện Pháp đường xung quanh có Đại thiên chúng ngồi khắp mọi phía, và tại bốn phương hướng có bốn vị đại vương ngồi, như vậy là thứ tự chỗ ngồi của những vị này, rồi đến chỗ ngồi của chúng con.

Bạch Thế Tôn, chư Thiên nào trước sống Phạm hạnh theo Thế Tôn và nay nếu sanh lên cõi Tam thập tam thiên, những vị này thắng xa chư Thiên khác về thân sắc và danh tiếng. Bạch Thế Tôn chư Thiên ở Tam thập tam thiên hoan hỷ, tín thọ, hỷ lạc sanh: "Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn A-tu-la giới bị hoại diệt".

13. "Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ Thiên chủ Đế Thích (Sakka Inda) thấy chư thiên ở Tam thập tam thiên hoan hỷ, liền tùy hỷ nói lên bài kệ như sau:

*Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.*

*Thấy Thiên chúng tân sanh,
Quang sắc thật thù thắng,
Các vị sống Phạm hạnh,
Nay sanh tại cõi này.*

*Họ thắng về quang sắc,
Thọ mạng và danh xưng,
Đệ tử bậc Đại Tuệ,
Thù thắng sanh cõi này.*

*Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đánh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.*

" Bạch Thế Tôn, chư Thiên ở Tam thập tam thiên lại càng hoan hỷ, tín thọ, hỷ lạc sanh hơn nữa và nói: " Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn A-tu-la giới bị hoại diệt ".

14. " Bạch Thế Tôn, rồi với mục đích gì chư Thiên ở Tam thập tam thiên ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, các vị này suy tư thảo luận về mục đích ấy. Và tùy thuộc về mục đích ấy, bốn vị đại vương được thuyết giảng. Theo mục đích ấy, bốn vị đại vương được khuyến giáo, bốn vị này đều đứng một bên chỗ ngồi của mình.

*Các đại vương chấp nhận
Lời giảng dạy khuyến giáo.
Thanh thoát và an tịnh,
Đứng bên chỗ mình ngồi.*

15. " Bạch Thế Tôn, rồi từ phương Bắc, một ánh sáng vi diệu khởi lên, một hào quang hiện ra, thắng xa oai lực của chư Thiên. Bạch Thế Tôn rồi Thiên chủ Sakka nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên: " Nay

các Thiên hữu, theo các hiện tượng được thấy, ánh sáng khởi lên, hào quang hiện ra như vậy báo hiệu Phạm thiên sẽ xuất hiện. Vì hiện tượng báo hiệu Phạm thiên xuất hiện là ánh sáng khởi lên và hào quang hiện ra ".

*Theo hiện tượng được thấy,
Phạm thiên sẽ xuất hiện.
Hiện tượng đáng Phạm thiên,
Là hào quang vi diệu.*

16. " Bạch Thế Tôn, rồi chư Thiên ở Tam thập tam thiên ngồi xuống trên ghế của mình và nói: " Chúng tôi sẽ tìm hiểu hậu quả của hào quang này là thế nào sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy ".

Cũng vậy, bốn vị đại vương ngồi xuống trên ghế ngồi của mình và nói: "Chúng ta sẽ tìm hiểu hậu quả của hào quang này là thế nào sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy ". Sau khi nghe vậy, chư Thiên ở Tam thập tam thiên đều đồng một lòng một ý: " Chúng ta sẽ tìm hiểu hậu quả của hào quang này là thế nào, sau khi được biết, chúng ta sẽ đi gặp vị ấy ".

17. " Bạch Thế Tôn, khi **Phạm thiên Sanamkumāra (Thường Đồng hình Phạm thiên)** xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, ngài xuất hiện với một

hóa tướng thô xấu.

Bạch Thế Tôn, vì khi Phạm thiên tự nhiên hiện hóa, sắc tướng không đủ thù thắng để chư Thiên ở Tam thập tam thiên khâm phục.

Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, vị này thắng xa chư Thiên khác về sắc tướng và danh xưng.

Bạch Thế Tôn, **như một hình tượng bằng vàng chói sáng** hơn thân hình con người, cũng vậy bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra hiện ra trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, vị này thắng xa chư Thiên khác về sắc tướng và danh xưng.

Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, không một vị Thiên nào trong chúng này đánh lễ, đứng dậy hoặc mời vị Phạm thiên ngồi. Tất cả đều yên lặng, chấp tay, không ngồi trên chỗ ngồi của mình và nghĩ: "Nay, nếu Phạm thiên Sanamkumàra muốn gì với vị Thiên nào, thời hãy ngồi trên chỗ ngồi của vị Thiên ấy ". Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra ngồi trên chỗ ngồi của vị Thiên nào, vị Thiên ấy sẽ vô cùng sáng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, như vị vua Sát-đế-ly vừa mới làm lễ quản đánh và lên vương vị, vị ấy sẽ vô cùng sáng khoái, vô cùng

hoan hỷ. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra (Thường Đồng hình Phạm thiên) ngồi trên chỗ ngồi của vị Thiên nào, vị Thiên ấy sẽ vô cùng sáng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ.

18. " Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện với hình tượng thô xấu, **hiện thành một đồng tử tên là Pancasikha (Ngũ Ké)** trước mặt chư Thiên ở Tam thập tam thiên. Bay bổng lên trời, vị này ngồi kiết-già giữa hư không. Bạch Thế Tôn, như một vị lục sĩ ngồi kết-già trên một chỗ ngồi được trải bằng phẳng hay trên một mặt đất thẳng bằng, cũng vậy bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra bay bổng trên trời, ngồi kiết-già trên hư không, thấy được sự an tịnh của chư Thiên ở Tam thập tam thiên liền nói lên sự hoan hỷ của mình bằng bài kệ sau đây:

*Chư Tam thập tam thiên
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.*

*Thấy Thiên chúng tân sanh
Quang sắc thật thù thắng,
Các vị sống Phạm hạnh
Hay sanh tại cõi này.*

*Chúng thắng về quang sắc
Thọ mạng và danh xưng,
Đệ tử bậc Đại Tuệ,
Thù thắng sanh cõi này.*

*Chư Tam thập tam thiên
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai
Cùng Chánh pháp vi diệu.*

19. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung lời nói của Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, **tiếng nói của Phạm thiên Sanamkumàra có tám đặc điểm sau đây: lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động.** Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra giải thích cho hội chúng với tiếng nói của mình, tiếng nói không vượt ra khỏi đại chúng. Bạch Thế Tôn, một tiếng nói có tám đặc điểm như vậy gọi là **Phạm âm.**

20. " Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra, tự hiện hóa ba mươi ba hóa thân, mỗi thân ngồi kiết già trên mỗi chỗ ngồi của chư Thiên ở Tam thập tam thiên và nói với chư Thiên, này như sau:

◎ "- Nay Chư Thiên hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị nghĩ thế nào? Thế Tôn phục vụ cho hạnh phúc chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

☰ Chư Thiên hữu, những ai **quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng và giữ trọn giới luật**, những vị này khi thân hoại mệnh chung:

- Một số được sanh lên Thiên chúng Parinimiitta-Vasavati (Tha Hóa Tụ tại thiên),
- Một số được sanh lên Thiên chúng Nimmànaratì (Hóa Lạc thiên);
- Một số được sanh lên Thiên chúng Tusitā (Đâu-suất thiên),
- Một số được sanh lên Thiên chúng Yàmà (Dạ-ma-thiên),
- Một số được sanh lên Thiên chúng Tà-vatimsà (Tam thập tam thiên),
- Một số được sanh lên Thiên chúng Catumàràjikà (Tứ Thiên vương thiên),
- Những ai phải điền vào cho đủ số hạ phẩm nhất được sanh vào chúng Gandhabba (Càn-thát-bà).

21. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra. Bạch Thế Tôn, giọng nói của Phạm thiên Sanamkumàra về vấn đề này được nói một cách khiến mỗi vị Thiên nghĩ rằng: " Vị ngồi trên chỗ ngồi của ta, chỉ vị ấy nói mà thôi ".

*Chỉ một Phạm thiên nói,
Mọi hóa thân đều nói,
Chỉ một vị im lặng,
Tất cả đều im lặng.*

*Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế-thích nghĩ rằng:
Chỉ vị ngồi chỗ ta,
Chỉ vị ấy riêng nói.*

22. " Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra thâu nhiếp tất cả thân thành một thân, sau khi thâu nhiếp, liền ngồi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Sakka và nói với Thiên chúng ở Tam thập tam thiên:

◎ " - Chư Thiện hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị nghĩ thế nào? **BỐN PHÁP THẦN TÚC** đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Cháng Đăng Giác, khéo léo giải thích để thần thông được sung mãn, để thần thông được thuần thực, để thần thông được thi thiết.

Thế nào là bốn? Ở đây, vị Tỷ-kheo tu tập thần túc, câu hữu dục, thiền định tinh cần hành... tinh tấn thiền định... tâm thiền định... tu tập thần túc, câu hữu với tư duy thiền định, tinh cần hành.

Bốn pháp thần túc này đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác khéo léo giải thích để thần thông được sung mãn, để thần thông được thuần thực, để thần thông được thi thiết.

Này các Thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ đã thưởng thức thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều tu tập và phát triển thần túc này. Này các Thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai sẽ thưởng thức thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều sẽ tu tập và phát triển bốn pháp thần túc này. Này các Thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong hiện tại thưởng thức thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều tu tập và phát triển bốn pháp thần túc này.

Này chư Thiện hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị có thấy ở nơi tôi thần lực như vậy không?

" - Có như vậy, Phạm thiên!

" - Chư Thiện hữu, tôi nhờ tu tập và phát triển bốn

thần túc này mà nay thành tựu đại thần lực như vậy, đại uy đức như vậy.

23. "Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

◎ "- Chư Thiên hữu ở Tam thập tam thiên, quý vị nghĩ thế nào? **BA CON ĐƯỜNG TẮT** hướng đến an lạc đã được Thế Tôn bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ. Thế nào là ba?

→ " Chư Thiên hữu, ở đây có người thân cận dục lạc, thân cận bất thiện pháp. Sau một thời gian, vị này được nghe **Thánh pháp**, như lý tác ý, chứng đắc Chánh pháp và tùy pháp.

→ Và khi **nghe được Thánh pháp, như lý tác ý, chứng đắc Chánh pháp** và tùy pháp vị này sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp.

→ Nhờ sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp, nên an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư Thiên hữu,

như từ thoải mái, hỷ duyệt sanh, cũng vậy, Chư thiện hữu nhờ sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên.

→ Chư Thiện hữu, đó là con đường tắt thứ nhất hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

24. " Chư Thiện hữu, lại nữa:

→ Ở đây có người thân hành thô lậu, chưa được an tịnh, khẩu hành thô lậu... ý hành thô lậu chưa được an tịnh, sau một thời gian vị này được nghe Thánh pháp, như lý tác ý, chứng đắc Chánh pháp và tùy pháp.

→ Sau khi được nghe Thánh pháp, thân hành thô lậu của vị này được an tịnh, khẩu hành thô lậu của vị này... ý hành thô lậu của vị này được an tịnh.

→ Nhờ thân hành, khẩu hành, ý hành thô lậu của vị này được an tịnh, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư Thiện hữu, nhờ từ thoải mái, hỷ duyệt sanh, cũng vậy chư Thiện hữu, nhờ thân hành thô lậu của vị này được an tịnh, khẩu hành... ý hành thô lậu của vị

này được an tịnh, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên.

→ Chư Thiện hữu, đó là con đường tắt thứ hai hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác Chứng ngộ.

25. " Chư Thiện hữu, lại nữa:

→ Ở đây có người **không như thật biết**: "Đây là **thiện**", không như thật biết: "Đây là bất thiện", không như thật biết: "Đây là có tội", "Đây là không tội ", "Đây là hạ liệt ", "Đây là cao thượng ", "Đây là đen trắng đồng đều ". Sau một thời gian, vị này được nghe Thánh pháp, **như lý tác ý**, chứng đắc Chánh pháp và tùy pháp.

→ Sau khi được nghe Thánh pháp, như lý tác ý, chứng đắc Chánh pháp và tùy pháp, vị này như thật biết: "Đây là thiện", như thật biết: "Đây là bất thiện", như thật biết: "Đây là có tội", "đây là không tội", "đây cần phải thuận theo", "đây cần phải né tránh", "đây là hạ liệt", "đây là cao thượng", "đây là đen trắng đồng đều".

→ Nhờ biết như vậy, **nhờ thấy như vậy, vô minh của vị này được trừ diệt, minh được sanh**

khởi. Vị này nhờ vô minh được trừ diệt và minh sanh khởi, nên an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên.

→ Chư Thiên hữu, đó là con đường tắt ba hướng đến an lạc, đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

"Chư Thiên hữu, **đó là ba con đường tắt** hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

26. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

◎ " - Chư Thiên hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị nghĩ thế nào? **BỐN NIỆM XÚ** hướng đến chư thiên đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

Thế nào là bốn? Chư Thiên hữu, ở đây vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh

niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

→ Nhờ sống quán thân trên nội thân vị này được **chánh định và chánh an tịnh.**

→ Nhờ tâm chánh định và chánh an tịnh ở nơi đây, **tri kiến được sanh khởi đối với các thân khác ngoài tự thân.**

Vị Tỷ-kheo sống quán các cảm thọ từ nội thân... quán tâm...quán pháp đối với các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Nhờ sống quán pháp đối với các pháp, tâm được chánh định và chánh an tịnh. Nhờ tâm chánh định và chánh an tịnh ở nơi đây, tri kiến được sanh khởi, đối với các pháp khác.

" Chư Thiên hữu, **BỐN NIỆM XÚ** này hướng đến **CHƠN THIỆN** đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ ".

27. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

◎ " - Chư Thiện hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị nghĩ thế nào về **BẢY PHÁP ĐỊNH TƯ LƯƠNG** (Sa-màdhi-parikkhàra) **để tu hành chánh định, để kiện toàn thiền định**, đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ?

▶ Thế nào là bảy? Như chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm.

▶ Chư Thiện hữu, **nhứt cảnh tánh của tâm do bảy chỉ này sửa soạn, được gọi là *Thánh chánh định cùng với các y chỉ và cùng với các tư lương.***

- Chư Thiện hữu, chánh tư duy **vừa đủ** để chánh tri kiến sanh khởi,
- Chánh ngữ vừa đủ để chánh tư duy sanh khởi,
- Chánh nghiệp vừa đủ để chánh ngữ sanh khởi,
- Chánh mạng vừa đủ để chánh nghiệp sanh khởi,
- Chánh tinh tấn vừa đủ để chánh mạng sanh khởi,
- Chánh niệm vừa đủ để chánh tinh tấn sanh

khởi,

- Chánh định vừa đủ để chánh niệm sanh khởi,
- Chánh trí vừa đủ để chánh định sanh khởi,
- Chánh giải thoát vừa đủ để chánh trí sanh khởi.

" Chư Thiện hữu, nếu có người nói lời chánh ngữ sau đây: **"Chánh pháp đã được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, pháp ấy có kết quả ngay trong hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, hướng dẫn đến đích, được những người có trí tự mình giác hiểu, cửa bất tử được rộng mở "**. Nói như vậy là chánh ngữ. Chư Thiện hữu, vì chánh pháp thật sự đã được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, pháp ấy có kết quả ngay trong hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, hướng dẫn đến đích, được những người có trí tự mình giác hiểu, cửa bất tử được rộng mở.

" Chư Thiện hữu, **những ai tin tưởng Phật không có thoái chuyển, tin tưởng Pháp không có thoái chuyển, tin tưởng Tăng không có thoái chuyển, đầy đủ giới hạnh khiến bậc Thánh hoan hỷ, tất cả những vị được hóa sanh được Chánh pháp hướng dẫn.** Hơn **hai trăm bốn mươi vạn** vị cư sĩ ở Magadha đã từ trần mệnh chung, những vị này đều diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn đọa vào ác thú, chắc chắn đạt đến chánh giáo. Lại có những **vị Nhất**

lại:

Với hạng chúng sanh này
Ước lường phần công đức.
Không thể ước lượng được
Sợ phạm tội vọng ngữ.

28. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, được biết nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra, đại vương Vessavana khởi lên suy tư sau đây: ***"Chư Thiện hữu, thật là kỳ diệu! Chư Thiện hữu, thật là hy hữu, được có một Đại sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, được một con đường đặc biệt như vậy"***.

" Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra tự tâm mình biết được tâm trí của đại vương Vessavana như vậy, liền thưa với đại vương:

" - Đại vương Vessavana nghĩ như thế nào? Trong thời quá khứ đã có một Đại sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, đã được trình bày một con đường đặc biệt như vậy... Trong thời gian tương lai, sẽ có một Đại sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, sẽ được trình bày một

con đường đặc biệt như vậy ".

29. Đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên.

- Đại vương Vessavana sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên, liền nói với chúng của mình.
- Dạ-xoa Janavasabha sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của đại vương Vessavana nói với hội chúng, liền bạch lại với Thế Tôn.
- Thế Tôn sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Dạ-xoa Janavasabha, và sau khi tự mình chứng tri liền nói lại cho tôn giả Ananda.
- Tôn giả Ananda sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Thế Tôn liền nói lại cho chúng Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ và nữ cư sĩ.
- Phạm hạnh này được hưng thịnh, được quảng bá, được truyền rộng cho đại chúng càng ngày càng đông, vì được khéo léo trình bày cho loài Người.

204 Tịnh độ - Xem kỹ - Như Lai chỉ là Người chỉ đường - Kinh GANAKA MOGGALLANA – 107 Trung III, 107

KINH GANAKA MOGGALLANA (**Ganaka Moggallana suttam**)

– Bài kinh số 107 – Trung III, 107

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Pubbarama, nơi lâu đài của Migaramatu (Đông Viên Lộc Mẫu Giảng đường). Rồi Bà-la-môn Gananka Moggallana đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Ganaka Moggallana bạch Thế Tôn:

- Ví như, thưa Tôn giả Gotama, tại lâu đài Migaramatu này, có thể thấy được một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là những tầng cấp của lâu thượng cuối cùng.

- Thừa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị Bà-la-môn này, được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là sự học hỏi (các tập Veda).
- Thừa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị bán cung này, được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là nghệ thuật bán cung.
- Cũng vậy, Thừa Tôn giả Gotama, đối với chúng con là những người toán số, sống nhờ nghề toán số, cũng được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là toán số. Thừa Tôn giả Gotama, vì rằng khi có được người đệ tử, trước hết chúng con bắt người ấy đếm như sau: "Một, một lần, hai, hai lần, ba, ba lần, bốn, bốn lần, năm, năm lần, sáu, sáu lần, bảy, bảy lần, tám, tám lần, chín, chín lần, mười, mười lần". Và thừa Tôn giả Gotama, chúng con bắt đếm tới một trăm.
- *Có thể trình bày chẳng, thừa Tôn giả Gotama, trong pháp và luật này, cũng có một tuần tự học tập, một tuần tự công trình, một tuần tự đạo lộ như vậy?*

– *Có thể trình bày, này Bà-la-môn, trong pháp và luật này, có một tuần tự học tập, có một tuần tự*

công trình, có một tuần tự đạo lộ.

Ví như, này Bà-la-môn, một người huấn luyện ngựa thiện xảo, sau khi được một con ngựa hiền thiện, trước tiên luyện tập cho nó quen mang dây cương, rồi tập luyện cho nó quen các hạnh khác.

Cũng vậy, này Bà-la-môn, Như Lai khi được một người đáng được điều phục, trước tiên huấn luyện người ấy như sau: *"Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy giữ giới hạnh**, hãy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập các học giới"*.

Này Bà-la-môn, khi vị Tỷ-kheo giữ giới hạnh, chế ngự với sự chế ngự của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập các học giới, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: *"Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy hộ trì các căn**, khi mắt thấy sắc chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng.... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị.. thân cảm*

xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các pháp ác bất thiện khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn".

Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo hộ trì các căn rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau:

"Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy tiết độ trong ăn uống**, chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới; và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn".

Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: "**Hãy đến Tỷ-kheo, hãy chú tâm cảnh giác!** Ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh đầu, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác

trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chương ngại pháp".

Này, Bà-la-môn, sau khi vị Tỷ-kheo chú tâm tỉnh giác, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm nữa như sau: **"Hãy đến Tỷ-kheo, hãy thành tựu chánh niệm tỉnh giác, khi đi tới khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt, đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác"**.

Này Bà-la-môn, sau khi chánh niệm tỉnh giác rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: **"Hãy đến Tỷ-kheo, hãy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm"**. Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên và an trú chánh niệm trước mặt:

- Vị ấy *từ bỏ tham ái ở đời*, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái.
- *Từ bỏ sân hận*, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.
- *Từ bỏ hôn trầm thụy miên*, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên.
- *Từ bỏ trạo cử hối tiếc*, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng gột rửa tâm hết trạo cử hối tiếc.
- *Từ bỏ nghi ngờ*, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với các thiện pháp.

Sau khi **đoạn trừ năm triền cái ấy**, những pháp làm ô nhiễm tâm, làm trí tuệ yếu ớt:

- Vị ấy *ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất*, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ.
- Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

- Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.
- Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

☞ Nay Bà-la-môn, đối với những **Tỷ-kheo nào là bậc hữu học**, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu sự vô thượng an tịnh các triền ách, đó là sự giảng dạy của Ta như vậy đối với những vị ấy.

☞ Còn đối với những vị **Tỷ-kheo là bậc A-la-hán**, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát, những pháp ấy đưa đến sự hiện tại lạc trú và chánh niệm tỉnh giác.

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Ganaka Moggallana bạch Thế Tôn:

– Các đệ tử của Sa-môn Gotama, khi được Sa-môn Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, có phải tất cả đều chứng được cứu cánh đích Niết-bàn hay chỉ có một số chứng được?

– Nay Bà-la-môn, một số đệ tử của Ta, khi được khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, chúng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chúng được.

– *Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đưa đến Niết-bàn, trong khi có mặt Tôn giả Gotama là bậc chỉ đường, tuy vậy các đệ tử Tôn giả Gotama, được Tôn giả Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chúng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chúng được?*

– Nay Bà-la-môn, ở đây Ta sẽ hỏi Ông. Nếu Ông kham nhẫn, hãy trả lời cho Ta. Nay Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ông có giỏi về con đường đi đến Rajagaha (Vương Xá)?

– Thưa Tôn giả, con có giỏi về con đường đi đến Rajagaha.

– Nay Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có một người, muốn đi đến Rajagaha, người này đến Ông và nói như sau: "*Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Rajagaha. Hãy chỉ cho tôi con đường đi đến Rajagaha*". Ông nói với người ấy như sau: "*Được, này Bạn, đây là con đường đưa đến Rajagaha. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi*

trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy Rajagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những hồ ao mỹ diệu". Dầu cho người ấy được khuyến giáo như vậy, được giảng dạy như vậy, nhưng lại lấy con đường sai lạc, đi về hướng Tây.

Rồi một người thứ hai đến, muốn đi đến Rajagaha. Người này đến Ông và hỏi như sau: "Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Rajagaha, mong Tôn giả chỉ con đường ấy cho tôi". Rồi Ông nói với người ấy như sau: "Được, này Bạn, đây là đường đi đến Rajagaha. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy Rajagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những hồ ao mỹ diệu". Người ấy được Ông khuyến giáo như vậy, giảng như vậy, đi đến Rajagaha một cách an

toàn.

– Này Bà-la-môn, do nhân gì, do duyên gì, trong khi có mặt Rajagaha, trong khi có mặt con đường đưa đến Rajagaha, trong khi có mặt Ông là người chỉ đường, dầu cho Ông có khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một người lấy con đường sai lạc, đi về hướng Tây, còn một người có thể đi đến Rajagaha một cách an toàn?

– Thưa Tôn giả Gotama, ở đây, con làm gì được? Con chỉ là người chỉ đường, thưa Tôn giả Gotama.

– Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được. Ở đây, này Bà-la-môn, **Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường.**

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Ganaka Moggallana bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, đối với những người không phải vì lòng tin, chỉ vì sinh kế, xuất gia từ bỏ

gia đình, sống không gia đình, những người xảo trá, lường gạt, hư nguy, mất thăng bằng, cao mạn, dao động, nói phô tạp nhạp, không hộ trì các căn, ăn uống không tiết độ, không chú tâm cảnh giác, thờ ơ với Sa-môn hạnh, không tôn kính học tập, sống quá đầy đủ, uể oải, đi đầu trong thói thất, từ bỏ gánh nặng viễn ly, biếng nhác, tinh cần thấp kém, thất niệm, không tỉnh giác, không định tâm, tâm tán loạn, liệt tuệ, câm ngọng; Tôn giả Gotama không thể sống với những người như vậy.

Còn những Thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, không xảo trá, không lường gạt, không hư nguy, không mất thăng bằng, không cao mạn, không dao động, không nói phô tạp nhạp, hộ trì các căn, ăn uống có tiết độ, chú tâm tỉnh giác, không thờ ơ với Sa-môn hạnh, tôn kính học tập, sống không quá đầy đủ, không uể oải, từ bỏ thói thất, đi đầu trong viễn ly, tinh cần, tinh tấn, chánh niệm, an trú, tỉnh giác, định tĩnh, nhứt tâm, có trí tuệ, không câm ngọng; Tôn giả Gotama sống (hòa hợp) với những vị ấy.

Ví như Tôn giả Gotama, trong các loại căn hương, hắc chiên đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại lõi cây hương, xích chiên đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại hoa hương, vũ

quý hương (jasmine) được gọi là tối thượng. Cũng vậy là **lời khuyên giáo của Tôn giả Gotama được xem là cao nhất trong những lời khuyên giáo hiện nay.**

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

205 Tịnh độ - Xem kỹ - Thế giới cực lạc, hay cực khổ - Kinh CHẤT CHỨA – Tăng I, 217

CHẤT CHỨA – Tăng I, 217

❖ Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người:

- Chất chứa các **thân** hành có não hại, chất chứa các **khẩu** hành có não hại, chất chứa các **ý** hành có não hại.
- Sau khi chất chứa thân hành có não hại, chất chứa khẩu hành có não hại, chất chứa ý hành có não hại, người ấy **sinh trong thế giới có não hại**.
- Vì phải sinh trong thế giới có não hại, **người ấy cảm giác các cảm xúc có não hại**.
- Người ấy, vì cảm giác các cảm xúc có não hại, **nên cảm giác các cảm thọ có não hại, nhất hướng đau khổ, như các chúng sanh ở trong địa ngục**.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người:

- Chất chứa thân hành không có não hại ... chất chứa ý hành không có não hại.
- Sau khi chất chứa thân hành không có não hại ... chất chứa ý hành không có não hại, người ấy được sanh trong thế giới không có não hại.
- Vì được sanh trong thế giới không có não hại, người ấy cảm giác các cảm xúc không có não hại.
- Do cảm giác các cảm xúc không có não hại, người ấy cảm giác các cảm thọ không có não hại, nhất hướng lạc, như chư Thiên ở **Biển Tịnh Thiên**.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người:

- Chất chứa thân hành có não hại và không có não hại ... chất chứa ý hành có não hại và không có não hại.
- Sau khi chất chứa thân hành có não hại và không có não hại ..., sau khi chất chứa ý hành có não hại và không có não hại, người ấy được sanh vào thế giới có não hại và không có não hại.
- Vì được sanh vào thế giới có não hại và không có não hại, người ấy cảm giác các cảm xúc có não hại và không có não hại.

- Do cảm giác các cảm xúc có não hại và không có não hại, người ấy cảm giác các cảm thọ có não hại và không có não hại, xen lẫn lạc và khổ, ví như loài Người, một loại chư Thiên và một loại sanh trong đạo xứ.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

206 Tịnh độ - Xem kỹ - Thế giới cực lạc, hay cực khổ - Kinh VỚI CHI TIẾT – Tăng II, 259

VỚI CHI TIẾT – Tăng II, 259

1. Có bốn nghiệp này, này các Tỷ-kheo, đã được ta chứng ngộ với thắng trí và thuyết giảng. Thế nào là bốn?

- Này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen quả đen;
- Này các Tỷ-kheo, có nghiệp trắng quả trắng;
- Này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen trắng, quả đen trắng,
- Này các Tỷ-kheo, có nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen quả đen?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm thân hành có tổn hại, làm khẩu hành có tổn hại, làm ý hành có tổn hại.
- Người ấy, do làm thân hành có tổn hại, do làm khẩu hành có tổn hại, do làm ý hành có tổn hại, sanh ra ở thế giới có tổn hại.

- Do người ấy sanh ra ở thế giới có tổn hại, các **cảm xúc** có tổn hại được cảm xúc.
- Người ấy được cảm xúc với những cảm xúc có tổn hại, nên **cảm thọ những cảm thọ có tổn hại, thuần nhất khổ**, như những **chúng sanh trong địa ngục**. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp đen quả đen.

3. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp trắng quả trắng?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người làm **thân hành không có tổn hại**, làm khẩu hành không có tổn hại, làm ý hành không có tổn hại.
- Người ấy, do làm thân hành không có tổn hại, do làm khẩu hành không có tổn hại, do làm ý hành không có tổn hại, **sanh ra ở thế giới không có tổn hại**.
- Do người ấy sanh ra ở thế giới có không tổn hại, các **cảm xúc** không có tổn hại được cảm xúc.
- Người ấy được cảm xúc với những cảm xúc không có tổn hại, nên **cảm thọ** những cảm thọ không có tổn hại, thuần nhất lạc, như **chư Thiên ở Biến Tịnh Thiên**. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp trắng quả trắng.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen trắng quả đen trắng?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm thân hành có tổn hại và không có tổn hại, làm khẩu hành có tổn hại và không có tổn hại, làm ý hành có tổn hại và không có tổn hại.
- Người ấy, do làm thân hành có tổn hại và không có tổn hại, do làm khẩu hành có tổn hại và không có tổn hại, do làm ý hành có tổn hại và không có tổn hại, sanh ra ở thế giới có tổn hại và không có tổn hại.
- Do người ấy sanh ra ở thế giới có tổn hại và không có tổn hại, các cảm xúc có tổn hại và không tổn hại được cảm xúc.
- Người ấy được cảm xúc với những cảm xúc có tổn hại và không tổn hại, nên cảm thọ những cảm thọ có tổn hại và không tổn hại, xen lẫn, pha trộn lặc và khổ. Ví như một số người và chư Thiên, một số chúng sanh ở các đạo xứ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp đen trắng quả đen trắng.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp không đen không trắng quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt?

- Tại đây, này các Tỷ-kheo, **phàm có tâm tư sở nào để đoạn tận nghiệp đen quả đen này;** phàm có tâm tư sở nào để đoạn tận nghiệp trắng quả trắng này; phàm có tâm tư sở nào để đoạn tận nghiệp đen trắng quả đen trắng này; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là nghiệp không đen không trắng quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, có bốn nghiệp này đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và thuyết giảng.

207 Tịnh độ - Xem kỹ - Độ được cả thế giới không - Kinh UTTIYA – Tăng IV, 502

UTTIYA – Tăng IV, 502

(Thế Tôn thuyết pháp để làm gì; ngoại đạo chất vấn; con đường đưa đến khổ diệt; Thế Tôn - có bao nhiêu người được giải thoát)

1. Bấy giờ có du sĩ ngoại đạo Uttiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Uttiya nói với Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, có phải Tôn giả chủ trương thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng?

- Nay Uttiya, Ta không có nói như sau: "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng".

- Nay Tôn giả Gotama, có phải thế giới là có biên tế... thế giới là không biên tế... sinh mạng và thân thể là một... sinh mạng và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau chết... Như Lai không có tồn tại sau khi

chết... Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng?

- Nay Uttiya, Ta không có nói như sau: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng".

2- Thưa Tôn giả Gotama, có phải thế giới là vô thường, kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? Được hỏi vậy, Thế Tôn trả lời: "Nay Uttiya, Ta không có nói: "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng."

- Thưa Tôn giả Gotama, có phải thế giới là vô thường? ... có phải thế giới là có biên tế? ... có phải thế giới không có biên tế? ... có phải sinh mạng và thân thể là một? ... có phải sinh mạng và thân thể là khác? ... có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết? ... có phải Như Lai không có tồn tại sau khi chết? ... có phải Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết? ... có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? Được hỏi vậy, Thế Tôn trả lời: "Nay Uttiya, Ta không có nói: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng."

- *Vậy cái gì được Tôn giả Gotama nói lên?*

- **Với thẳng trí, này Uttiya, Ta thuyết pháp cho các đệ tử để họ được thanh tịnh, để sầu bi được vượt qua, để khổ ưu được chấm dứt, để chánh lý được chứng đạt, để Niết-bàn được chứng ngộ.**

- *"Nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho các đệ tử để họ được thanh tịnh... để Niết-bàn được chứng ngộ",*
thời do vậy, cả thế giới này sẽ đi ra khỏi, hay chỉ có một nửa, hay chỉ có một phần ba?

Được nghe nói vậy, Thế Tôn im lặng.

3. **Rồi Tôn giả Ananda suy nghĩ như sau:** "Chớ có để cho du sĩ Uttiya có ác tà kiến rằng: "Sa-môn Gotama khi được nghe ta hỏi câu hỏi tối ư quan trọng lại tránh né, không có trả lời, không dám trả lời" và như vậy là bất hạnh, là đau khổ lâu dài cho du sĩ Uttiya." Rồi Tôn giả Ananda nói với du sĩ Uttiya:

4.- Vậy này Uttiya, Ta sẽ dùng một ví dụ, chính nhờ ví dụ, ở đây một số người có trí có thể hiểu được ý nghĩa của lời nói.

Ví như, này Hiền giả Uttiya, ngôi thành biên địa của vua với những nền móng vững chắc, với các thành lũy thác canh vững chắc, và chỉ có một cửa vào. Tại

đây, người giữ cửa là người sáng suốt, thông minh, có trí, ngăn chặn những người không quen biết, cho vào những người quen biết. Khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy, người ấy có thể không thấy một kẻ hở trong thành hay lỗ trống trong thành lớn cho đến một con mèo có thể chui qua. Người ấy có thể không biết được: "Từng ấy loài hữu tình đã đi vào hay đi ra thành này, nhưng điều này nó biết: "Những loài hữu tình thô lớn nào đi vào hay đi ra thành này", tất cả chúng phải đi vào hay đi ra ngang qua cửa thành này.

Cũng vậy, này Hiền giả Uttiya, đối với Như Lai, không phải là một vấn đề quan trọng (câu hỏi này của Thầy) là có phải toàn thể giới do vậy được thoát ra khỏi hay nửa phần thể giới, hay là một phần ba? Những điều Như Lai nói là như sau: "**Những ai đã được thoát ra khỏi thể giới, hay đang được thoát ra, hay sẽ thoát ra, tất cả những vị ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm ô nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, với tâm khéo an trú trên Bốn niệm xứ; sau khi như thật tu tập Bảy giác chi, như vậy các vị ấy đã thoát khỏi, đang thoát khỏi, sẽ thoát khỏi thể giới**".

Này Hiền giả Uttiya, về câu hỏi mà Thầy đã hỏi Thế Tôn đứng trên một lập trường khác. Đó là lý do tại sao Thế Tôn không trả lời câu hỏi ấy cho Thầy.

208 Tịnh độ -- Tu đúng cách mới có kết quả - Kinh Cán Búa – Tương III, 272

Cán Búa – Hay Chiếc Thuyền – *Tương* III, 272

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) - **Do biết, do thấy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố sự đoạn tận các lậu hoặc, không phải do không biết, do không thấy.**

4) Do biết cái gì, thấy cái gì, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận?

- Đây là **sắc**, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt.
- Đây là **thọ**, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt.
- Đây là **tưởng**, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng đoạn diệt.
- Đây là **các hành**, đây là các hành tập khởi, đây là các hành đoạn diệt.
- Đây là **thức**, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt.

Do biết như vậy, do thấy như vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận.

5) Nay các Tỷ-kheo, như có Tỷ-kheo sống không chí tâm trong sự tu tập, khởi lên ước muốn như sau: "*Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu, hoặc không có chấp thủ!*". Tuy vậy, tâm của vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

6) Vì sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì?

- Không có tu tập **Bốn niệm xứ.**
- Không có tu tập **Bốn chánh cần.**
- Không có tu tập **Bốn như ý túc.**
- Không có tu tập **Năm căn.**
- Không có tu tập **Năm lực.**
- Không có tu tập **Bảy bồ đề phần.**
- Không có tu tập **Thánh đạo Tám ngành.**

7) *Ví như, nay các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà, không được con gà mái ấp nằm đúng cách, không được ấp nóng đúng cách, không được ấp dưỡng đúng cách.*

8) Dầu cho con gà mái ấy khởi lên ý muốn: "*Mong rằng những con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bẻ vỡ trứng, được xuất sanh một cách an toàn*"; tuy vậy các con gà con ấy không có thể, với chân, móng, đỉnh

đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn.

9) Vì sao? *Này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà ấy không được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.*

10) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chí tâm trong sự tu tập. Dầu cho vị ấy có khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

11) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập Bốn niệm xứ... Không có tu tập con đường Thánh đạo Tám ngành.

12) *Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tập. Dầu cho vị ấy không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ". Tuy vậy, tâm vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.*

13) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì?

- **Có** tu tập **Bốn niệm xứ.**
- Có tu tập **Bốn chánh cần.**
- Có tu tập **Bốn như ý túc.**
- Có tu tập **Năm căn.**
- Có tu tập **Năm lực.**
- Có tu tập **Bảy giác chi.**
- Có tu tập **con đường Thánh đạo Tám ngành.**

14) *Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai **trứng gà**. Các trứng ấy được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.*

Dầu cho con gà mái ấy không khởi lên ước muốn: "Mong rằng các con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn"; tuy vậy, các con gà con ấy có thể với chân, móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn.

15) *Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà được con gà mái ấy ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.*

16) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy sống chí tâm tu tập. Dầu cho vị ấy không khởi lên ước muốn:

"Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ". Tuy vậy, tâm của vị ấy vẫn được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

17) Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy có tu tập. Tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ... có tu tập con đường Thánh đạo Tám ngành.

18) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một **người thợ đá** hay đẽ từ người thợ đá, khi nhìn vào cán búa thấy dấu các ngón tay và dấu các ngón tay cái. Vị ấy không có thể biết được như sau: "Hôm nay, từng ấy cán búa của ta bị hao mòn; hôm nay từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng vị ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa.*

19) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo chí tâm trong sự tu tập **không** có biết như sau: "Hôm nay, từng ấy lậu hoặc của ta được hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng vị ấy biết được (các lậu hoặc) được hao mòn trên sự hao mòn (các lậu hoặc).

20) *Ví như, này các Tỷ-kheo, một **chiếc thuyền** đi biển có đầy đủ cột buồm và dây buồm, bị mắc cạn sáu tháng do thiếu nước trong mùa khô; các cột buồm và dây buồm bị gió và mặt trời làm hư hỏng,*

rồi bị nước mưa đổ xuống trong mùa mưa, chúng trở thành yếu và hư nát (?).

21) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chỉ tâm trong sự tu tập, các kiết sử rất dễ bị yếu dần và hư nát.

209 Tịnh độ -- Tu đúng cách mới có kết quả - Kinh PHÙ-DI – 126 Trung III, 353

KINH PHÙ-DI (Bhùmiya sutta)

– Bài kinh số 126 – Trung III, 353

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc. Rồi Tôn giả Bhumija vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của vương tử Jayasena, sau khi đến ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi vương tử Jayasena đi đến Tôn giả Bhumija, sau khi đến nói lên với Tôn giả Bhumija những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vương tử Jayasena thưa với Tôn giả Bhumija:

– Thưa Tôn giả Bhumija, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Nếu có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu không có ước nguyện hành

Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu không có và không không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị". Ở đây, bậc Đạo sư của Tôn giả Bhumija có nói gì, và có lập luận gì?

– Thưa Vương tử, tôi không tận mặt Thế Tôn được nghe như vậy, được ghi nhớ như vậy. Và sự việc này xảy ra, **Thế Tôn có giải thích như sau:**

- "Nếu có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng (ayoniso), thời không đạt được quả vị;
- Nếu không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị;
- Nếu có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị;
- Nếu không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng thời không đạt được quả vị.
- Còn nếu có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị;

- Nếu không có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị;
- Nếu có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị;
- Nếu không có và không không có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị".

Thưa Vương tử, tôi không tận mặt Thế Tôn được nghe như vậy, được ghi nhớ như vậy. Sự việc xảy ra, Thế Tôn có giải thích như vậy.

– Nếu Đạo sư của Tôn giả Bhumija thuyết lý như vậy, lập luận như vậy, thời tôi nghĩ rằng chắc chắn vị Đạo sư của Tôn giả Bhumija, đứng cao hơn trên đầu tất cả Sa-môn, Bà-la-môn tầm thường.

Rồi vương tử Jayasena mời Tôn giả Bhumija, dùng với bát ăn (thalipaka) của mình.

Rồi Tôn giả Bhumija, sau bữa ăn khát thực trở về đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Bhumija bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng con đáp

y, cầm y bát, đi đến trú xứ của vương tử Jayasena, sau khi đến con ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, bạch Thế Tôn, vương tử Jayasena đến chỗ con, sau khi đến nói lên với con những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn vương tử Jayasena nói với con như sau: "Thưa Tôn giả Bhumija, một số Sa-môn, Bà-la-môn, ... bậc Đạo sư của Tôn giả có nói gì, có lập luận gì?" Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con có nói với vương tử Jayasena, như sau: "Này Vương tử, tôi không tận mặt Thế Tôn, được nghe như sau, được ghi nhớ như sau... ". , ... Tôi nghĩ rằng chắc chắn Đạo sư của Tôn giả Bhumija, đứng cao hơn trên đầu tất cả Sa-môn, Bà-la-môn tầm thường". *Bạch Thế Tôn, không hiểu hỏi như vậy, trả lời như vậy, con có nói đúng lời Thế Tôn nói, con không xuyên tạc lời Thế Tôn với điều không đúng sự thực, nhưng con đã giải thích đúng pháp, tùy pháp, và một vị đồng Phạm hạnh nói đúng pháp, tùy pháp sẽ không có lý do để chỉ trích?*

– Thật vậy, này Bhumija, được hỏi vậy, được trả lời vậy, Ông nói đúng lời Thế Tôn nói, Ông không xuyên tạc Thế Tôn với điều không đúng sự thực, Ông đã giải thích đúng pháp, tùy pháp, và một vị đồng Phạm hạnh nói đúng pháp, tùy pháp không có lý do gì để chỉ trích.

➔ Nay Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, nếu họ có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ có và không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh thời không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp này Bhumija, để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, một người cần dầu, tìm cầu dầu, đi chỗ này chỗ kia để tìm dầu. Sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu). Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy có và không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này

Bhumija, để lấy được dầu. Cũng vậy, này Bhumija, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà tư duy... tà định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không ước nguyện... có và không có ước nguyện... không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh thời họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp này Bhumija, để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, một người cần sữa, tìm cầu sữa, đi chỗ này chỗ kia để tìm sữa, nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa. Nếu người ấy có ước nguyện, nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa, người ấy không lấy được sữa. Nếu người ấy không có ước nguyện... Nếu người ấy có và không có ước nguyện... Nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa, nó không lấy được sữa. Vì sao vậy? Này Bhumija, đây không phải là phương pháp để lấy sữa. Cũng vậy, này Bhumija, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn, có tà kiến... có tà định, nếu họ có ước nguyện hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để đạt

được quả vị.

Ví như, này Bhumija, một người cần sanh tô, tìm cầu sanh tô, đi chỗ này chỗ kia để tìm cầu sanh tô, sau khi đổ nước vào một cái ghè, rồi lấy que khuấy đánh. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ nước vào một cái ghè, lấy que khuấy đánh, người ấy không lấy được sanh tô. Nếu người ấy không có ước nguyện... nếu người ấy có và không có ước nguyện... nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, đổ nước vào một cái ghè, lấy que khuấy đánh, người ấy không lấy được sanh tô. Vì sao vậy? Này Bhumija, đây không phải là phương pháp để lấy sanh tô. Cũng vậy, này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến... (như trên)... có tà định, nếu họ có ước nguyện hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, thời họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Này Bhumija, đây không phải là phương pháp để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, một người cần lửa, tìm cầu lửa, đi chỗ này chỗ kia để tìm lửa. Người ấy đem phần phía trên đồ quay lửa, rồi cọ xát với một khúc que ướt và có nhựa, nếu người ấy có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một

khúc que uớt và có nhựa, thời người ấy không lấy được lửa; nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện, nếu người ấy không có và không không có ước nguyện đem phân trên đồ quay lửa, rồi cọ xát với một khúc que uớt và có nhựa, thời người ấy không lấy được lửa. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để lấy được lửa. Cũng vậy, này Bhumija, có những Sa-môn, hay Bà-la-môn có tà kiến... (như trên)... có tà định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, thời họ không thể đạt được quả vị. Vì có sao? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị.

➔ Này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. **Vì có sao? Đây là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị.**

Ví như, này Bhumija, một người cần dầu, cầu tìm dầu, đi chỗ này chỗ kia để tìm dầu, sau khi đổ những hột giống dầu vào cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu). Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ những giống dầu vào trong cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu), thời người ấy lấy được dầu. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, sau khi đổ những hột giống dầu vào trong cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu), thời người ấy lấy được dầu. Vì có sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để lấy được dầu. Cũng vậy, này Bhumija những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... có chánh định. Nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện, nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì có sao? Này Bhumija, đây là phương pháp có thể đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, một người cần sữa, tìm cầu sữa, đi chỗ này chỗ kia để tìm sữa. Và người ấy vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ. Nếu người ấy có ước nguyện, vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ, thời người ấy lấy được sữa. Nếu người ấy không có

ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, người ấy vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ, thời người ấy lấy được sữa. Vì có sao? Nay Bhumija, đây là phương pháp để lấy được sữa.

Cũng vậy, này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... (như trên)... có chánh định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì có sao? Nay Bhumija, đây là phương pháp để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, một người cần sanh tô, tìm cầu sanh tô, đi chỗ này chỗ kia tìm cầu sanh tô; sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy cây que khuấy, đánh. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy cây que khuấy, đánh, thời người ấy lấy được sanh tô. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, thời sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy que khuấy, đánh, người ấy lấy được sanh tô. Vì có sao? Nay Bhumija, đây là phương pháp để lấy được sanh tô.

Cũng vậy, này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-

môn nào có chánh kiến... có chánh định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì có sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, có một người cần lửa, tìm cầu lửa, đi chỗ này chỗ kia để tìm lửa, sau khi mang phần trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa. Nếu người ấy có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa, thời người ấy lấy được lửa. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa, thời người ấy lấy được lửa. Vì có sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để lấy được lửa. Cũng vậy, này Bhumija, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... chánh định. Nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; có và không có ước nguyện, nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt kết quả vị. Vì sao vậy? Này Bhumija, đây là phương pháp đưa đến

quả vị.

Nếu bốn ví dụ này, này Bhumija, khởi đến từ nơi Ông cho vương tử Jayasena, thời vương tử Jayasena tự nhiên tin tưởng Ông, và khi đã tin tưởng, sẽ hành động đúng theo cung cách một người đã tin tưởng Ông.

– Nhưng làm sao, bạch Thế Tôn, bốn ví dụ này khởi đến từ nơi con cho vương tử Jayasena, khởi lên một cách tự nhiên, từ trước chưa từng được nghe, như Thế Tôn được?

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Bhumja hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

210 Tịnh độ -- Tu đúng cách mới có kết quả - Kinh SỰ TU TẬP – Tăng III, 454

SỰ TU TẬP – Tăng III, 454

1. - *Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chí tâm trong sự tu tập khởi lên ước muốn như sau: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ!". Tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.*

*Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? - Không có tu tập **Bốn niệm xứ**, không có tu tập **Bốn chánh cần**, không có tu tập **Bốn như ý túc**, không có tu tập **Năm căn**, không có tu tập **Năm lực**, không có tu tập **Bảy Bồ-đề phần**, không có tu tập **Thánh đạo tám ngành**.*

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà, không được con gà mái ấp nằm đúng cách, không được ấp nóng đúng cách, không được ấp dưỡng đúng cách.

Dầu cho con gà mái ấy khởi lên ý muốn: "Mong rằng những con gà con của ta, với chân móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn", tuy vậy, các con gà con

ấy không có thể, với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn! Vì có sao? - Nay các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà mái ấy **không được** con gà mái nằm ấp **một cách đúng đắn**, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chú tâm trong sự tu tập, dầu cho có khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập Bốn niệm xứ... không có tu tập Thánh đạo tám ngành.

2. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chú tâm trong sự tu tập, dầu cho không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ.

Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ, có tu tập Bốn chánh cần, có tu tập Bốn như ý túc, có tu tập Năm căn, có tu tập Năm lực, có tu tập Bảy Bồ-đề phần, có tu tập Thánh đạo tám ngành.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà. Các trứng ấy được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn. Dầu cho con gà mái ấy không khởi lên ý muốn: "Mong rằng những con gà con của ta, với chân móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn!", **tuy vậy, các con gà con ấy có thể với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn.** Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà được con gà mái ấy ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chú tâm tu tập, dầu cho vị ấy không khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập. Tu tập cái gì? Có tu tập Bốn niệm xứ... có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ nề hay đệ tử người thợ nề, khi nhìn vào cán búa, thấy dấu các ngón tay và dấu ngón tay cái. Người ấy không có thể biết được như sau: "Hôm nay từng ấy cán búa của

ta bị hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng người ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chú tâm trong sự tu tập không có biết như sau: "Hôm nay từng ấy lậu hoặc của ta được đoạn tận, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy". Nhưng vị ấy biết được các lậu hoặc được đoạn tận trên sự đoạn tận các lậu hoặc.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một chiếc thuyền đi biển, có đầy đủ cột buồm và dây buồm bị mắc cạn sáu tháng do thiếu nước trong mùa đông, các cột buồm và dây buồm bị gió và mặt trời làm hư hỏng. Rồi bị nước mưa đổ xuống trong mùa mưa, chúng bị hư dần và mục nát một cách dễ dàng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo sống chú tâm trong sự tu tập, các kiết sử rất dễ bị yếu dần và mục nát.**